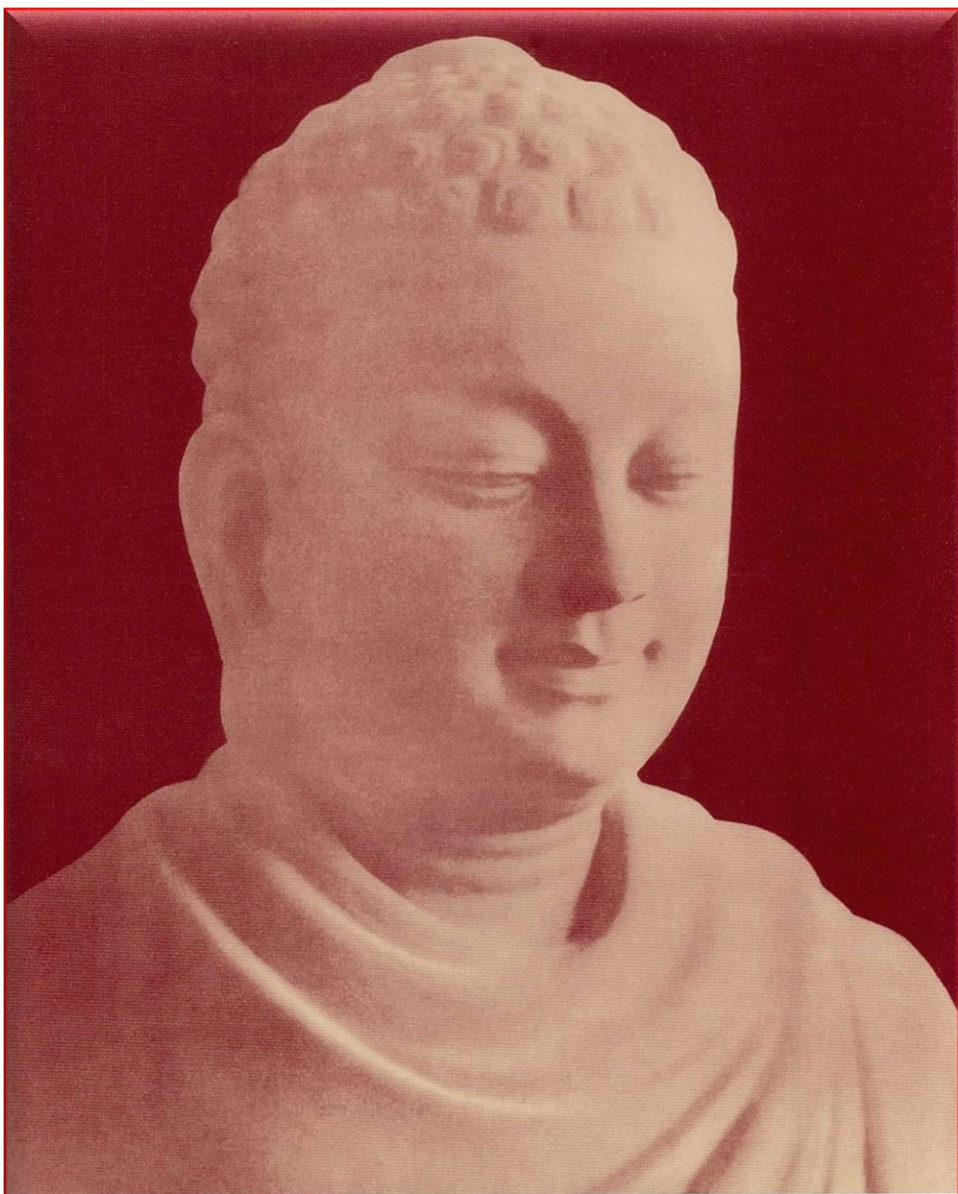


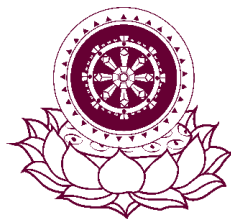


NAM - MÔ BỒN - SƯ THÍCH - CA MÂU - NI PHẬT

BỘ SỰ VỤNG 6 – T200

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
Tập 200

BỘ SỰ VỤNG
VI



HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 200

**BỘ SỰ VỤNG
VI**

SỐ 2127 → 2128

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- Viết hoa toàn bộ:

- 1. Tên người:** (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...
- 2. Tên nước:** Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...
- 3. Tôn xưng danh hiệu Phật:** Đức Như Lai, Bạc Chúng Hựu, Đẳng Tối Chánh Giác...
- 4. Tác phẩm, kinh sách:** luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

II- Viết hoa chữ đầu:

- 1. Địa danh:** thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi...
- 2. Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh:** bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế...
- 3. Phẩm bậc, quả vị tôn kính:** Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...
- 4. Chủng loại:** chư Thiên
- 5. Phương hướng:** phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

III- Viết hoa chữ đầu + gạch nối: (những từ được phiên âm từ Pāḷi)

- 1. Nhân danh:** Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...
- 2. Địa danh:** nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề...
- 3. Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh:** A-lại-da, Tam-phật-đà, Ba-la-đề-mục-xoa...
- 4. Phẩm bậc, quả vị:** Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán...
- 5. Chủng loại:** A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

IV- Gạch nối: (danh từ chung được phiên âm từ Pāḷi)

ví dụ: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

V- Số:

1. Viết thành chữ: (những số quá lớn nên chú thích thêm số)
ví dụ: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...

2. Viết thành số: số hiệu kinh, số trang dẫn
ví dụ: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

VI- Đặc biệt:

Âm “y” và “i”: dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.

ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...

梵 viết là “**Phạm**” không viết là “**Phạn**” (phát âm theo chữ Brahma).

慧 viết là “**Tuệ**” không viết là “**Huệ**”.

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

MỤC LỤC

BỘ SỰ VỤNG 6 – T200

SỐ 2127.....	3
THÍCH THỊ YẾU LÂM.....	3
QUYÊN THUỜNG	5
Biển mục	6
TÁNH THỊ.....	6
Họ Cù Đàm.....	7
Họ Cam Giá.....	8
Họ Nhật Chung.....	8
Họ Xá Di	8
Họ Thích Ca	9
Dòng họ người xuất gia	9
XUÔNG VỊ	10
Sa-môn	10
Tỳ kheo.....	11
Tăng.....	14
Trừ căn nam.....	15
Đạo sư.....	15
Tổ sư.....	15
Thiền sư.....	16
Thiện tri thức	16
Trưởng lão	17
Tông sư.....	18
Pháp chủ	18
Đại sư	18
Pháp sư	19
Luật sư.....	20
Xà-lê.....	21
Thắng sĩ.....	21
Tôn giả.....	21
Khai sĩ	21
Đại đức	21
Thượng tọa	22
Tụng viết:	22
Tòa chủ.....	23
Thượng sĩ.....	23

Thượng nhân	23
Đạo nhân	24
Bản đạo.....	24
Đầu đà	24
Truy lưu.....	25
Long tượng	26
Không môn tử.....	26
Tông chủ.....	26
Tăng lục.....	26
Phó tăng lục	27
Giảng kinh luận thủ tòa	27
Tăng chánh	27
Tăng chủ	27
Quốc sư.....	27
Ni.....	28
Thức-xoa-ma-na	28
Ưu-bà-tắc.....	28
Ưu-bà-di	29
Thất chúng.....	29
Đạo đức	29
Danh đức	29
TRÚ XỨ	30
Tăng già lam ma	30
Tự	30
Viện	31
Đạo tràng.....	31
Tịnh xá.....	31
Chiêu đề.....	31
Tăng phường	31
Lộc Uyển.....	31
Kê viên	31
Nhận tháp	32
Chi đề	32
Phạm sát	32
Nại uyển	32
Kim địa.....	32
Liên xã.....	33
Lan nhã.....	34

Am.....	35
Thảo đường	35
Phương trượng.....	35
Phòng.....	35
Nhận đường.....	36
Thiền thất.....	36
Tiêu tự	36
Hương thất.....	36
Tạo già lam pháp	36
Hộ già lam thần	37
XUẤT GIA	38
Xuất gia do.	38
Xuất gia nan.....	38
Xuất gia việt ngũ đạo.....	40
Xuất gia hỷ	40
Xuất gia tam pháp.....	40
Phát tâm tức thị xuất gia.....	40
Xuất gia chánh nhân	41
Xuất gia ngũ pháp.....	41
Tam đẳng xuất gia nhân	42
Vấn xuất gia khổ lạc	42
Phật bất định đáp	43
Xuất gia hạnh.....	43
SƯ TU	45
Sư	45
Hòa thượng.....	46
Luật bất hứa độ giả.....	47
Dĩ mạo trạch sư	47
Tư	47
Tiểu sư.....	47
Đệ tử.....	48
Độ ác đệ tử	48
Sư tư tương nhiếp.....	48
Sư niệm đệ tử.....	49
Đệ tử sự sư.....	49
Giáo ha đệ tử	50
Đồng tử.....	51
Độ tiểu nhi duyên khởi	52

Hành giả	52
THỂ PHÁT	53
Từ bộ điệp	53
Thế phát.....	53
Châu la phát.....	53
Phụ mẫu.....	54
Sa di.....	55
Tài thế phát tiện thọ thập giới.....	56
Tam phẩm sa di	57
Sa di diệc danh Tỳ-kheo	57
Sa di hạnh	57
PHÁP Y	58
Y	58
Nhi y.....	58
Tam y.....	58
Thống danh.....	60
Biệt danh	60
Đại y hữu tam phẩm cửu loại	60
Ngũ bộ y sắc.....	61
Vấn ngũ bộ y đặc thủ thứ trước phủ.....	61
Tử y	62
Nhiễm sắc.....	62
Vật thể	63
Tác pháp	63
Minh khổng	64
Mạn y.....	64
Thiếp tướng	64
Nạp y	65
Trước y công quá.....	67
Ca sa ngũ chủng công đức.....	67
Tám pháp tín trọng	67
Thọ trì y pháp	68
Bồi trước ca sa.....	68
Câu nữu	69
Phi đàn.....	69
Tác ích.....	69
Thiên sam	69
Quần	70

Tọa cụ.....	70
Lạc tử.....	71
Miệt	72
GIỚI PHÁP	72
Giới.....	72
Hai giới.....	72
Ba giới	73
Hai quy giới.....	73
Tam quy giới	73
Ngũ giới.....	74
Bát giới.....	76
Tam tỳ giới	79
Cụ túc giới.....	80
Ngũ thiên.....	80
Thất tỳ	81
Lục tỳ.....	81
Ba-la-đề-mộc-xoa.....	81
Thọ giới thứ đệ.....	82
Đắc giới.....	83
Huân giới chung tử.....	83
Giới thể.....	84
Vấn đàn chế thất chi	85
Giới quả.....	85
Thọ giới thi.....	85
Lập đàn thi.....	86
Thọ giới quỳ nghi	86
Trì giới tam tâm.....	87
Phá giới ngũ suy	87
Hộ giới sự nghiệp	87
Xả giới tứ duyên.....	88
TRUNG THỰC.....	88
Chánh thực	88
Bát chánh thực.....	89
Trai	89
Trai chánh thời	89
Buổi sáng là Trời ăn	89
Chúc	89
Chúc chánh thời.....	90

Thực thể.....	90
Thực sự.....	90
Thực nghĩa.....	91
Thực tam đức.....	91
Bát vị.....	91
Chúc thập lợi.....	92
Thực tiền xướng mật ngữ.....	92
Ngũ quán.....	92
Thực pháp.....	93
Thực lượng.....	93
Thực giới.....	94
Xuất sanh.....	94
Thí thực.....	95
Khất thực.....	95
Trường thực.....	96
Phó thực.....	97
Ngôn ngữ ty hủy.....	97
Trai bất tỉnh cường văn.....	98
Hành hương.....	98
Phạm âm.....	99
Biểu bạch.....	100
Sớ từ.....	101
Hành tịnh thủy.....	101
Sấn tiền.....	101
Chú nguyện.....	101
Thuyết pháp.....	101
Thực hậu sáu khẩu.....	102
Tước dương chi.....	103
Ché nhất thực.....	103
Tuyệt thực.....	104
Trung thực luận.....	104
QUYỀN TRUNG.....	106
LỄ SỐ.....	106
Thiên trúc cửu nghi.....	106
Hiệp chương.....	106
Vấn tấn.....	107
Trừu tọa cụ.....	107
Lễ bái thức.....	108

Tam bái.....	108
Khê thủ	109
Khê tảng	109
Đón thủ.....	109
Bái thủ	109
Áp.....	109
Cung kính	109
Trường ấu tự.....	110
Ứng biến lễ.....	111
Trai hội lễ bái	111
Hồ quy	112
Trường quy.....	112
Thiên đàn.....	112
Kiết già phu tọa	112
Đại lễ	112
Tàm quý.....	113
ĐẠO CỤ	113
Đạo cụ	113
Thập vật.....	114
Bách nhất vật.....	114
Lục vật.....	114
Bát	114
Ngõa bát	114
Thiết bát.....	114
Ngũ chuyết	115
Hàng long bát	115
Bát khí đại tiểu số.....	115
Bát chỉ	116
Bát đại	116
Bát cái.....	116
Tích trượng.....	116
Giải hồ tích	117
Phất tử.....	117
Trần vĩ	117
Như ý.....	117
Thủ lô	118
Sổ châu	118
Phiến.....	119

Quải trượng	120
Tịnh bình	120
Cái	120
Giới đao	121
Lự thủy nan	121
Chế thính	121
Họa phòng bích	122
Huyền hương	122
Xuất nhập mễ	122
Tài thọ	122
Dưỡng cầu	122
Nghiêm sức sàng nhục	123
Đái số xuyên	123
Thâu thuế	123
Khán đầu	123
Chiếu kính	123
Ca	124
Âm tửu	124
Thực nhục	125
Thực tân	126
Xả thân	126
Dục	128
ÚY THẬN	129
Úy thận	129
Hộ tích phù nan	129
Hủy phá đức bình	130
Thị mĩ họa mẫu	130
Miêu thôn thử tử	131
Miên lý thiết hoàn	131
Nhật dụng bốn xử	131
Tiểu ngư vong giáo	132
Dã can cự gián	132
Cửu hoạnh	133
Xả ngũ san	134
Trừ tam ác	134
Tức tam bạo hại	134
Chiêu khinh tiện tam pháp	134
Đắc nhân bất khả ái hữu thập pháp	135

Bát giới	135
Thành tựu oai nghi tứ pháp.....	136
Tứ thánh chủng.....	136
Cảnh giới	137
CẦN GIẢI.....	137
Cần	137
Tinh tấn	137
Giải đãi	138
Phóng dật.....	138
Ma.....	139
TAM BẢO	139
Tam bảo.....	139
Đồng thể Tam bảo	140
Tam bảo.....	140
Phật bảo	141
Nhất thân	141
Nhị thân	141
Tam thân.....	142
Tứ thân	143
Ngũ thân	143
Thập thân.....	143
Thập hiệu.....	144
Lục đức.....	144
Pháp bảo	146
Kinh.....	147
Điển	147
Giáo	147
Thập nhị phần giáo	148
Luật.....	148
Ngũ bộ luật.....	149
Luật danh thi.....	149
Luận.....	149
Đại thừa	150
Tiểu thừa.....	151
Tam tạng.....	151
Bát tạng	152
Pháp môn.....	152
Pháp luân	153

Nhị đế	154
Tứ đế	154
Chánh pháp.....	154
Phật pháp thọ mạng	154
Phật pháp tiên hậu	155
Tăng bảo	156
Bồ-tát.....	157
Thanh-văn.....	157
Độc Giác.....	157
Phước điền.....	158
Cúng dường Tam bảo	158
Cúng dường Phật.....	158
Tán Phật.....	160
Niệm Phật	160
Quán Phật	161
Lễ Phật.....	162
Thân cận Phật	163
Nhất thiết cung tín	164
Nam mô	164
Nhiều Phật	164
Tạo tượng	165
Sư tử tòa	167
Liên hoa tòa	168
Hỏa điểm	168
Điều tượng thi.....	168
Chú tượng.....	168
Họa tượng.....	168
Dục Phật	169
Tam bảo vật.....	170
Thọ dụng tự thể vật phúc.....	172
ÂN HIẾU	173
Ân	173
Hiếu	177
GIỚI THỨ	177
Tam giới	177
Dục giới.....	178
Sắc giới.....	178
Vô Sắc giới.....	178

Tam hữu	179
Nhị thập ngũ hữu	179
Tam thiên đại thiên thế giới	180
Thú	180
Thiên thú	181
Sanh thiên nhân	181
Nhân thú	182
Nhân nhân	182
Phàm phu	185
Địa ngục thú	186
Lạc Địa ngục nhân	187
Súc sanh thú	187
Súc sanh nhân	187
Tam đồ	188
Bát nạn	188
Tu-la thú	189
Tu la nhân	189
Diêm la vương	189
Chúng sanh	190
Tâm	190
CHỈ HỌC	191
Học	191
Nhị học	192
Tam học	192
Khai ngoại học	192
Học thư	192
Nhị trí	193
Thị nhục	193
Phủ khổ	193
Trí nan	193
Nghĩa long	193
Nghĩa hồ	193
Luật hồ	193
Tăng anh	194
Tăng kiệt	194
Di thiên thích	194
Học hải	194
Truyền đăng	195

Đầu chằm.....	195
Tam tuyệt.....	195
Tứ tuyệt	195
Ngũ bị.....	196
Bát bị	196
Chỉ quý như ngọc	197
Phiêu lãnh	197
Lãnh thần.....	197
Bát đạt	198
Bát năng.....	198
Biện đỉnh	198
Đảm bút.....	198
Khôi hải thượng thù.....	198
Nghĩa giải danh tri.....	199
Hàn tùng	199
Bích vân.....	199
Lập tuyết.....	199
Tản bị.....	199
Ứng trần.....	199
Nghĩ thư.....	200
Đức hương.....	200
Đạo phong	200
Biển giới	200
Học giả nhị hoạn.....	200
Vô tiền quyết hóa	201
Bình chúc.....	201
Giới.....	201
QUYỀN HẠ	203
THUYẾT THÍNH	203
Thuyết.....	203
Thính	203
Thuyết thính nhị nạn.....	203
Pháp sư thăng cao tòa	204
Pháp sư tâm	204
Ngũ hữu bát chỉ.....	204
Thuyết giả quá lỗi.....	205
Tự đại kiêu nhân.....	205
Hộ thuyết tam ích	205

Thuyết giả ngũ phúc báo	205
Giảng đường chế	206
Giảng đường trí Phật tượng	206
Giảng xứ niệm kinh	207
Tĩnh	207
Giảng trưởng	207
Long môn	208
Trù thất	208
Hàm trượng	208
Đô giảng	208
Giảng tăng thi	208
Pháp khí	209
Nhân trung sư tử	209
Pháp tượng	210
Nghĩa thiếu	210
Tử hải luận chủ	210
Thọ Quang học sĩ	210
Kinh luật nguyên tượng	210
Bồ-tát giới sư	210
Thuyết luật sơn phong lạc	211
Thông minh thích tử	211
Phiêu biểu đạo nhân	211
Ưu thưởng	211
Kim sư tử tòa	211
Học giả vì tứ sự đọa lạc	211
TÁO TÍNH	212
Tham	212
Dục	212
Xuất gia nhân tam dục	213
Ngũ dục	213
Khổ	214
Ngũ úy	215
Thất tình	216
Bát phong	216
Thiếu dục tri túc	216
Tứ hoan hỷ pháp	217
Thích tử tu tín	217
Tĩnh	217

Tam ma đề.....	218
Thiền.....	218
Tọa thiền.....	218
Thiền đái.....	218
Thiền trần	219
Ỗ bản	219
Thiền tượng.....	219
Thiền cúc.....	219
Yến tọa	219
Phật pháp nhị trụ.....	220
TRÁNH NHẪN	220
Tránh hữu tứ chủng	220
Tránh căn bản hữu lục	220
Bỉ dụ	221
Ác báo	221
Tranh hữu ngũ quá.....	222
Nhẫn	222
Dĩ nhẫn chỉ tránh	223
Diệt sân ngũ quán	223
Hành nhẫn ngũ đức.....	224
Trị nhất thiết phiền não pháp	224
Họa từng khẩu sanh	225
Giám khẩu thận tâm.....	225
NHẬP CHÚNG	225
Du hành nhân gian.....	225
Phi tích.....	226
Hải chúng	226
Nhập chúng ngũ pháp.....	226
Nhập tự vấn chế.....	226
Án tân đảo y bát.....	227
Nhập đường ngũ pháp	227
Từ tâm	227
Quải tích	227
Oai nghi.....	227
An cư	228
Hạ lạp	228
Tự tứ.....	229
Ca đề.....	229

Kinh hành	229
Tại gia an lạc hạnh pháp	230
Tảo địa	230
Đồng lực thu xả	231
Nhiên đăng	231
Lễ bái kỵ	232
Hướng hóa thất quá	232
Sí	232
Tiền thảo	232
Thế phát	233
Ngọa pháp	233
Thụy miên	233
Họa tiểu miên	235
Tại sàng kỵ thất việc	235
Tiểu hành	235
Bình xí	235
Tẩy tịnh	236
Thiện phẩm quy tắc	237
Lục hòa kính	238
Thiện ngôn	238
Tại chúng ác báo	238
TRẠCH HỮU	239
Trạch hữu	239
Tứ phẩm hữu	239
Minh hữu tam yếu	240
Đắc thiện hữu	240
Thân hữu thất pháp	240
Thị bằng hữu ngũ sự	241
Thường kính nhau	241
Dung nhân	241
Nhiễm tập	241
Sát gian mưu	242
Thiền	242
Chủ sự	243
Thiền	244
Thiền môn biệt hiệu	246
Thập phương	246
Trưởng lão tuần liêu	247

Thị giả	247
Phổ thỉnh	247
Tăng thứ	248
Luật.....	248
Hành trụ.....	249
Doanh sự Tỳ-kheo	249
Xuất lực Tỳ-kheo.....	249
Thủ tự Tỳ-kheo.....	249
Tăng sử.....	249
Thường trụ.....	250
Kì đãi tục sĩ.....	251
San tích tăng vật ác báo	251
Tần trị	251
Kiết giới.....	252
Già lam lập miếu	253
Tịnh nhân.....	253
TẬP KỶ	254
Tự viện họa bích.....	254
Ngũ thú sanh tử luân.....	254
Tu sức họa tượng.....	256
Ca tỳ la thần tượng	256
Kiền chùy	256
Tự viện kích cổ.....	256
Tự viện trường sanh tiền.....	257
Vu lan bồn	257
Giải hạ thảo	258
Tam trường nguyệt.....	259
Ký họa	259
Thanh trai	259
Pháp khúc tử.....	260
Liễu chi tịnh thủy	260
Thóa không.....	261
Chỉ tiền thái quyền	261
Tam mục trai	262
Lũy thất trai	263
Trai thất phiên tử	263
Vô thường chung nghiệm	264
Dự tu trai thất	264

Sa bà thế giới	265
Diêm phù đề	266
CHIÊM BỆNH	266
Chiêm bệnh chế	266
Chiêm bệnh nhân lục thất	267
Đắc bệnh thập duyên	267
Hoạnh tử cửu pháp	267
Bệnh tăng đắc sở sở thực	268
Đắc dĩ tửu vi dược	268
Vô thường viện	268
Đường nội trí Phật	269
Vị bệnh nhân niệm tụng	269
Xả đạo	270
Đả vô thường khánh	271
Phong đao	271
Mạng chung tâm	271
Muộn tuyệt vị	272
Tử vị	272
Vấn xả giới	272
Vô thường	272
Sa-môn bất ưng úy tử	273
Sa-môn dĩ tịch diệt vi lạc	273
Nghiệm lai quả	274
TỔNG CHUNG	274
Sơ vong	274
Kham tử	274
An khám cửu	275
Phục chế	275
Trượng	276
Đầu cân	277
Khấp	277
Tế điện	278
Hành điều	278
Thọ điều	279
Bôn táng	279
Táng pháp	280
Xà duy	280
Chi quả	280

Tổng táng.....	280
Xá lợi.....	281
Lập tháp.....	281
Chí thạch	282
Xưng cô.....	283
Xướng y.....	283
Phú mộ.....	284
Lễ sư trùng.....	284
Kỵ nhật	285
Sớ tử	285
Hàn thực thượng mộ.....	285
SỐ 2128.....	289
BÀI TỰA ÂM NGHĨA NHẤT THIẾT KINH MỚI THU NHIẾP	289
QUYỂN 1	296
BÀI TỰA ĐẠI ĐƯỜNG TAM TẠNG THÁNH GIÁO	296
SƠ PHÂN DUYÊN KHỞI PHẨM THỨ NHẤT	315
QUYỂN 2.....	358
KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 52.....	358
QUYỂN 3.....	413
KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 302	413
QUYỂN 4.....	465
QUYỂN 5.....	529
KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 410	529
QUYỂN 6.....	583
KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 461	583
QUYỂN 7.....	629
KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 521	629
QUYỂN 8.....	660
KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 563	660
QUYỂN 9.....	706
KINH ÂM PHÓNG QUANG BÁT NHÃ QUYỂN 1	706
KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT ĐA QUYỂN 1	720
KINH QUANG TÁN BÁT-NHÃ QUYỂN 1.....	737
BÁT NHÃ SAO PHẨM TRƯỜNG AN QUYỂN 1.....	741
BÁT NHÃ SAO QUYỂN 4	741
BÁT NHÃ SAO QUYỂN 5	742
KINH ĐẠO HẠNH BÁT-NHÃ QUYỂN 1	742
KINH TIỂU PHẨM BÁT-NHÃ QUYỂN 3.....	747

QUYỂN 10	749
KINH ÂM THẮNG THIÊN VƯƠNG BÁT-NHÃ QUYỂN 1	750
KINH MỤC ĐẦU B.T. VÔ THƯỢNG THANH TỊNH PHÂN VỆ Q.THG ..	757
KINH ĐẠI MINH ĐỘ VÔ CỰC QUYỂN 1.....	758
KINH ĐẠI MINH ĐỘ VÔ CỰC QUYỂN 2.....	761
KINH ĐẠI MINH ĐỘ VÔ CỰC QUYỂN 3.....	761
KINH ĐẠI MINH ĐỘ VÔ CỰC QUYỂN 4.....	761
KINH VĂN THÙ SƯ LỢI	762
THUYẾT MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT ĐA QUYỂN 1.....	762
TÂN DỊCH NHÂN VƯƠNG KINH	767
NHÂN VƯƠNG HỘ QUỐC BÁT-NHÃ B.L.M.Đ KINH Q.THƯỢNG	773
NHÂN VƯƠNG HỘ QUỐC BÁT-NHÃ B.L.M.Đ KINH Q.HẠ	774
NHÂN VƯƠNG HỘ QUỐC ĐÀ-LA-NI	778
KIM CANG BÁT NHÃ BA-LA-MẬT KINH	782
KIM CANG BÁT NHÃ BA-LA-MẬT KINH	785
KIM CANG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT KINH.....	786
NĂNG ĐOẠN KIM CANG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT KINH.....	787
THẤT TƯỚNG BÁT-NHÃ KINH	789
QUYỂN 11	791
KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 1	800
PHẨM XUẤT LY ĐÀ-LA-NI	822
PHẨM THANH TỊNH ĐÀ-LA-NI	822
QUYỂN 12	832
KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 11	832
QUYỂN 13.....	869
KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 37	869
QUYỂN 14.....	905
KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 56	905
QUYỂN 15.....	940
KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 92	940
QUYỂN 16.....	982
KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG TAM GIỚI QUYỂN THƯỢNG.....	983
KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG TAM GIỚI QUYỂN TRUNG	988
KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG TAM GIỚI QUYỂN HẠ	992
KINH VÔ LƯỢNG THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC QUYỂN THƯỢNG	997
KINH VÔ LƯỢNG THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC QUYỂN HẠ	1000
KINH A-DI-ĐÀ QUYỂN THƯỢNG.....	1004

KINH A-DI-ĐÀ QUYỀN HẠ	1007
KINH VÔ LƯỢNG THỌ QUYỀN THƯỢNG	1007
KINH A-CÁC PHẬT QUỐC QUYỀN THƯỢNG	1009
KINH A-CÁC PHẬT QUỐC QUYỀN HẠ	1012
KINH ĐẠI THỪA THẬP PHÁP	1012
KINH PHỔ MÔN PHẨM	1014
KINH PHẬT THUYẾT BẢO THAI.....	1015
KINH VĂN-THÙ-SU-LỢI PHẬT ĐỘ NGHIÊM TỊNH Q.THƯỢNG	1020
KINH VĂN-THÙ-SU-LỢI PHẬT ĐỘ NGHIÊM TỊNH QUYỀN HẠ	1021
KINH ĐẠI THÁNH VĂN THÙ PHẬT SÁT CÔNG ĐỨC Q.THƯỢNG....	1022
KINH ĐẠI THÁNH VĂN THÙ PHẬT SÁT C.ĐỨC QUYỀN TRUNG.....	1024
KINH ĐẠI THÁNH VĂN THÙ PHẬT SÁT CÔNG ĐỨC QUYỀN HẠ	1026
KINH PHÁP KÍNH QUYỀN THƯỢNG	1027
KINH PHÁP KÍNH QUYỀN HẠ	1029
KINH ÚC-CA-LA VIỆT VẤN BỎ TÁT HẠNH.....	1030
KINH HUYỀN SĨ NHÂN HIỀN.....	1031
KINH QUYẾT ĐỊNH TỶ NI.....	1032
HẬU DỊCH TAM THẬP NGŨ PHẬT DANH SÁM HỎI	1033
KINH PHÁT GIÁC ĐỊNH TÂM QUYỀN THƯỢNG	1034
KINH PHÁT GIÁC ĐỊNH TÂM QUYỀN HẠ.....	1036
KINH TU-MA-ĐỀ NỮ	1036
KINH TU-MA-ĐỀ BỎ-TÁT QUYỀN 1	1037
KINH TU-MA-ĐỀ BỎ-TÁT QUYỀN 2.....	1038
KINH A-XÀ QUÁN VƯƠNG NỮ THUẬT ĐẠT BỎ-TÁT	1039
KINH ĐẮC VÔ CẦU NỮ (KINH LY CẦU THÍ NỮ).....	1040
KINH ƯU ĐIỀN VƯƠNG	1041
KINH VĂN THÙ SƯ LỢI	1043
SỞ THUYẾT BÁT TƯ NGHỈ PHẬT CẢNH GIỚI QUYỀN THƯỢNG.....	1043
SỞ THUYẾT BÁT TƯ NGHỈ PHẬT CẢNH GIỚI QUYỀN HẠ	1047
QUYỀN 17	1048
KINH ÂM NHƯ HUYỀN TAM-MUỘI QUYỀN THƯỢNG	1049
KINH ÂM NHƯ HUYỀN TAM-MUỘI QUYỀN HẠ	1054
KINH THIỆN TRỤ Ý THIÊN TỬ QUYỀN THƯỢNG	1058
KINH THIỆN TRỤ Ý THIÊN TỬ QUYỀN TRUNG	1060
KINH THIỆN TRỤ Ý THIÊN TỬ QUYỀN HẠ	1062
KINH THÁI TỬ LOÁT HỘ.....	1064
KINH THÁI TỬ HÒA HƯU.....	1065
KINH ĐẠI THỪA HIỀN THỨC QUYỀN THƯỢNG	1066

KINH ĐẠI THỪA HIỀN THỨC QUYỀN HẠ.....	1072
KINH HUỆ THƯỢNG BỒ-TÁT VẤN ĐẠI THIỆN HUYỀN Q.THƯỢNG	1075
KINH HUỆ THƯỢNG BỒ-TÁT VẤN ĐẠI THIỆN HUYỀN Q.HẠ	1077
KINH ĐẠI THỪA PHƯƠNG ĐĂNG CHIẾU HUỆ	1077
KINH DI-LẶC BỒ-TÁT SỞ VẤN BỒN NGUYỄN	1078
KINH PHẬT DI NHẬT MA NI BẢO	1078
KINH MA DIỄN BẢO NGHIÊM.....	1079
KINH THẮNG MAN SƯ TỬ HỒNG NHẤT THỪA ĐẠI P.T.P.Q.....	1080
KINH TỶ-ĐA-SA VẤN QUYỀN THƯỢNG	1081
KINH TỶ-ĐA-SA VẤN QUYỀN HẠ	1081
KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐĂNG ĐẠI TẬP QUYỀN 1	1082
KINH ĐẠI TẬP NHỰT TẠNG PHẦN QUYỀN 1	1093
KINH ĐẠI TẬP NGUYỆT TẠNG PHẦN QUYỀN 1	1100
KINH ĐẠI TẬP NGUYỆT TẠNG PHẦN QUYỀN 2	1100
QUYỀN 18.....	1107
KINH ĐẠI THỪA TẬP ĐỊA TẠNG THẬP LUÂN QUYỀN 1	1114
HỘ QUỐC BÁT THỐI LUÂN TÂM ĐÀ-LA-NI GIẢI THÍCH KINH	1151
QUYỀN 19.....	1166
KINH ÂM ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG THẬP LUÂN QUYỀN 1	1167
KINH ĐẠI TẬP TU DI TẠNG QUYỀN THƯỢNG	1173
KINH ĐẠI TẬP TU DI TẠNG QUYỀN HẠ	1176
KINH ĐẠI TẬP ĐẠI HƯ KHÔNG TẠNG QUYỀN 1	1177
KINH HƯ KHÔNG DỤNG BỒ TÁT QUYỀN THƯỢNG	1185
KINH HƯ KHÔNG DỤNG BỒ TÁT QUYỀN HẠ	1186
KINH HƯ KHÔNG TẠNG BỒ TÁT	1186
KINH HƯ KHÔNG TẠNG BỒ-TÁT THẦN CHÚ.....	1187
KINH HƯ K.T.B.T. NĂNG MÃN CHƯ NGUYỄN CẦU VĂN TRÌ PHÁP	1187
KINH QUÁN HƯ KHÔNG TẠNG BỒ TÁT	1188
KINH HƯ KHÔNG TẠNG BỒ-TÁT VẤN THẮT PHẬT ĐÀ-LA-NI CHÚ	1188
KINH PHẬT THUYẾT BỒ-TÁT NIỆM PHẬT TAM MUỘI QUYỀN 1 ...	1190
KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐĂNG ĐẠI TẬP BỒ TÁT NIỆM PHẬT T.M. Q.1.	1193
KINH BÁT CHÚ TAM MUỘI QUYỀN THƯỢNG	1197
KINH BÁT CHU TAM MUỘI QUYỀN TRUNG.....	1199
KINH BÁT CHU TAM MUỘI QUYỀN HẠ.....	1200
KINH ĐẠI TẬP HIỀN HỘ BỒ-TÁT QUYỀN 1	1202

KINH ĐẠI TẬP HIỀN HỘ BỒ-TÁT QUYỀN 2	1202
KINH ĐẠI TẬP HIỀN HỘ BỒ-TÁT QUYỀN 3	1204
KINH ĐẠI TẬP HIỀN HỘ BỒ-TÁT QUYỀN 4	1204
KINH VÔ NGÔN ĐỒNG TỬ QUYỀN THƯỢNG	1205
KINH VÔ NGÔN ĐỒNG TỬ QUYỀN HẠ	1205
KINH ĐẠI TẬP THÍ DỤ VƯƠNG QUYỀN THƯỢNG	1205
KINH ĐẠI TẬP THÍ DỤ VƯƠNG QUYỀN HẠ	1206
KINH ĐẠI AI QUYỀN 1	1208
KINH A-SAI-MẠT QUYỀN 1	1214
KINH BẢO NỮ SỞ VẤN QUYỀN THƯỢNG	1218
KINH BẢO NỮ SỞ VẤN QUYỀN TRUNG	1218
KINH BẢO NỮ SỞ VẤN QUYỀN HẠ	1218
KINH VÔ TẬN Ý BỒ-TÁT QUYỀN 1	1219
KINH TỰ TẠI VƯƠNG BỒ-TÁT QUYỀN THƯỢNG	1220
KINH PHẢN TÂN VƯƠNG BỒ-TÁT SỞ VẤN QUYỀN THƯỢNG	1221
QUYỀN 20	1223
TỰA KINH BẢO TRINH ĐÀ-LA-NI	1223
KINH BẢO TRINH ĐÀ-LA-NI QUYỀN 1	1227
KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM QUYỀN 1	1253

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 200

THÍCH THỊ YẾU LÂM
SỐ 2127
(QUYỂN THƯỢNG - TRUNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2127

THÍCH THỊ YẾU LÃM

*Đời tiền Đường, núi Nguyệt Luân,
Sa-môn Thích Đạo Thành dịch*

Xưa kia đức Phật chúng ta đầy đủ ba thân đoạn chánh nhiệm mầu, thành tựu bốn trí, tự mình chứng đắc không vào Niết bàn, xoay vần thuyết pháp độ người, trình bày muôn pháp, chỉ chỗ chân thật, dẫn dắt quần sanh, hiểu rõ căn bản không, lập môn Tam muội, trang nghiêm tướng cụ túc, dứt sạch kiến chấp hữu vi, quay về với pháp nhãn vô sanh, lãnh hội tông chỉ biến giác, có nhiều đồ chúng thanh tịnh, mới nhập Niết bàn. Khi kết tập lời Phật dạy, tổ dùng kinh, luận diễn nói giáo pháp xa vời. Giảng nói rộng thì đạt đến chỗ tốt cùng không có giới hạn. Giảng nói lược thì vi tế mà không sai trái, nhìn mà chẳng thấy, cho đến vô số kiếp cũng không thể hoại, hoàn toàn thâm nhiếp vào sự hiểu biết không có lẫn lộn đầu mối, tuy theo kịp mà chẳng chu toàn, thông hiểu tỏ ngộ, chẳng chỗ siêu việt nào mà không đạt đến, chẳng phải do lối tắt mà đạt đến thì phải cần xem rộng vào giáo pháp này vậy, bỏ qua ngọn ngành, không dạo trong pháp tạng để hiểu tiết chế vạn hạnh, cần dứt tùy dụng mà lập quy chế, tu tập biết chỗ hướng đến mà không mê lầm, bao quát thấu triệt, tuyên nói chân đế chứng ngộ như đuốc sáng chiếu soi tất cả. Quyền thượng, quyền hạ đều

nói rộng. Như Mặt trời mọc nên vạn vật được nhờ hưởng, nghĩa là chân như chẳng ở nơi cầu nghĩa, vả lại trong tướng không ngại của các pháp mà người không học thì chẳng biết, người học mới biết. Do cách Thánh đạo quá xa nên sai biệt trái ngược. Tuy kẻ có học, có biết nhưng mà không đủ sức để hành, còn những kẻ chưa biết đến đường hướng mà xa lìa sự học được chẳng? Nhờ tâm mà đạt đến quả vị thì phần nhiều là ở công đức. Nay Thành Công học rộng, hiểu nhiều, quyết chí lưu truyền chánh pháp, nương oai lực Phật ghi chép tập hợp những điều chánh yếu. Đó là trí tuệ, ai gọi là không sáng suốt.

Mùa Thu năm thứ tư niên hiệu Thiên Hỷ đời Tống đã chép xong bài tựa.

THÍCH THỊ YẾU LÃM

Hán dịch: Sa-môn Đạo Thành

QUYỂN THƯỢNG

Đạo Thành gượng ở kinh đô, mùa Đông quay về quê cũ, ban đầu ở Thiên phủ Vạn Long Hoa, sau ở Lan nhã Nguyệt Luân, trong khoảng mười năm dứt bất việc đời, chỉ lấy việc đọc kinh làm thời khóa hàng ngày, để báo trả ân ghi chép của người xưa. Nhưng theo văn thì tối nghĩa, như khát mà uống nước thì chỉ có việc là đầy bụng, không biết được cái thâm thúy rộng lớn trong ấy. Hoặc có kẻ xuất gia biết được đôi điều liền tùy tiện sao chép.

Vào mùa Thu năm thứ ba niên hiệu Thiên Hỷ, ân của Hoàng Thượng bao la rộng lớn, độ khắp thiên hạ cùng thực hành. Do đó ai ai cũng noi theo, làm lợi ích cho mọi nhà như truyện ký, thư sớ, tiết văn, được phân làm hai mươi bảy tập, gom thành ba quyển, đề viết: “Thích Thị Yếu Lãm”. Vì xót thương cho những kẻ mới vào cửa Phật pháp đều chưa biết mà lơ là hoặc coi thường kinh này cho đó là nơi chứa các thần linh thì trọn đời chỉ biết qua loa, còn những bậc học giả uyên bác thì đâu có thể phế bỏ lời giáo huấn này. Đó cũng như lời bậc Thánh nói vậy.

Biển mục

Theo kinh Hoa nghiêm dạy: Bồ-tát có mười trí. Đó là:

1. Trí biết an lập
2. Trí biết ngôn ngữ
3. Trí biết đàm luận
4. Trí biết quy tắc
5. Trí biết xung vị
6. Trí biết chế lệnh
7. Trí biết giả danh
8. Trí biết vô tận
9. Trí biết tịch diệt
10. Trí biết nhất thiết không.

Do mười trí này được phân làm hai mươi bảy biến nhưng mà văn cú trong kinh, luật, luận, Tiểu thừa và Đại thừa đều bao gồm mười trí này.

Tánh thị – Xung vị – Cư xứ – Xuất gia – Sư tư – Thế phát – Pháp y – Giới pháp – Trung thực.

TÁNH THỊ

Tây Vực ký chép: Dòng họ là truyền thống trăm đời không thay đổi. Họ là phân biệt con cháu được sanh ra.

Gia phả họ Thích Ca: Dòng họ là nêu nguồn gốc, muốn gọi lại bản chất nên tùy theo vật loại mà đặt tên.

- Thiên Trúc có bốn dòng họ:

11. Sát-đế-lợi
12. Bà-la-môn
13. Tỳ-xá
14. Thủ-đà-la.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni của chúng ta thuộc dòng Sát-đế-lợi.

Kinh Trường A-hàm dạy: Vào hiền kiếp lúc thế gian mới hình thành chưa có Mặt trời, Mặt trăng, lúc ấy Quang Âm Thiên hạ sanh xuống trần gian, thân có ánh sáng, bay đi tự tại, không có phân biệt nam nữ, sang hèn, thân sơ, ăn vị đất tự nhiên, do ăn vật này nên ánh sáng mất, thần thông diệt, tâm tham bắt đầu nảy sinh, lại ăn vị bánh, đất, dầu mỡ từ đất nên các ác huân tập, thân nam nữ bắt đầu hình thành. Đất sanh ra lúa, sáng gặt thì chiều tối lại mọc, cũng không có mây trời. Lúc ấy, con người sanh tâm tham đều đem về cất chứa nên lúa không sanh nữa. Họ bắt đầu chiếm ruộng đất, học cách cày cấy. Từ đó gian dối, trộm cắp nổi lên, không người giải quyết. Trong đó có một người có phẩm chất cao quý, mọi người đều khâm phục nên họ lập người ấy lên làm chủ, hiệu là Ma ha Tam ma kiệt la xà. Mọi người đều nguyện nghe theo lời người ấy. Đó là người thuộc dòng họ Sát-đế-lợi.

Có năm dòng họ khác nhau, đức Phật Thích Ca trong ba a-tăng- kỳ-kiếp tu tập lục độ vạn hạnh, hoặc thật báo, hoặc thị hiện giáo hóa đều tùy theo muôn loài nên phân biệt họ vậy.

Họ Cù Đàm.

Tiếng Phạm là Cù-đáp-ma, lại gọi là Cù-di. Ở đây dịch là Địa Tồi Thắng, nghĩa là ngoài cõi Trời ra thì đối với loài người là tối thắng hơn tất cả. Cho nên kinh dạy: Xưa kia vào kiếp sơ, đức Phật làm quốc vương Thiên Vị. Tiên sư Cù-đàm tu đạo, thường dạo trong vườn, bị giặc làm hại. Vị Tiên kia mới đem thi thể cùng máu đi tắm

liêm, dùng bunn để hai bên và dùng vật đập ở trên rồi cầu nguyện đủ mười tháng thì bên trái sanh người con trai, bên phải sanh người con gái, theo mệnh ấy họ Cù Đàm mới có.

Họ Cam Giá.

Kinh dạy: Xưa kia Chuyển luân vương Đại Tự Tại có con cháu nối dõi tất cả gồm tám vạn bốn ngàn Vua. Vị Vua cuối cùng tên là Đại Mao Thảo đến già mà chẳng có con nên ông giao việc triều chánh cho Đại thần rồi cạo tóc, xuất gia, đại chúng gọi là Vương Tiên. Vì già rồi không đi lại được nên lúc các đệ tử đi khát thực, họ dùng lòng cỏ để Vương Tiên vào rồi treo trên cây, sợ hổ, lang, sư tử làm hại. Có một người thợ săn trông từ xa cho là chim trắng nên bắn chết, máu nhỏ giọt xuống đất. Các đệ tử về thấy thầy bị hại nên cùng nhau tắm liêm thì thể cùng với máu trên đất, sau đó bỗng nhiên sanh ra hai cây mía. Khi Mặt trời đốt nóng nó liền nở ra: một cây sanh ra người con trai, một cây sanh ra người con gái. Đại thần hay tin liền đến nghinh đón về cung, nuôi dưỡng đến lúc trưởng thành, do thuộc dòng dõi Vua nên chúng được lên ngôi và họ Cam Giá mới có.

Họ Nhật Chung

Kinh dạy: Do Vua Cam Giá không thọ thai mà do Mặt trời đốt nóng mới được sanh ra nên gọi là Nhật Chung.

Kinh Đại Bi dạy: Họ Nhật nghĩa là lửa sự tối tăm mà tỏa ánh sáng vậy.

Họ Xá Di

Vua Cam Giá đuổi bốn Thái tử:

1. Cự Diện
2. Kim Sắc
3. Chúng Tập
4. Ni Câu La.

Ban đầu bốn Thái tử đi về phía Bắc núi Tuyết rồi dừng xa giá ở dưới gốc cây có nhiều cành lá sum sê, cho nên gọi là Xa-di-kỳ, nay gọi là Xá-di. Tiếng Phạm là Ngoa-lược. Luật Ngũ phần dạy: Rừng Xá-di gần phía Bắc núi Tuyết dùng để xây thành, cất nhà.

Lại nữa, Vua Bình sa hỏi Phật sanh ở đâu? Phật trả lời: “Sanh ở nước Xá-di.

Pháp Uyển: Xá-di là dòng quý phái ở bốn phương.

Họ Thích Ca

Bốn Thái tử kia dùng đức hướng dẫn dân chúng, trải qua năm tháng làm cho đất nước hùng mạnh. Phụ Vương hối hận, mong nhớ con nên sai sứ gọi về. Bốn Thái tử từ chối không trở lại. Phụ Vương mới than rằng: “Con ta là Thích Ca”.

Trường A-hàm dạy: Thích Ca, Tàn gọi là Năng, lại dịch là trực, nghĩa là vì ở ngay nơi rừng vậy, nay gọi là tường. Trong bốn Thái tử đều thuộc họ Thích Ca, chỉ có Thái tử thứ tư là Ni Câu La là Phật tổ của chúng ta vậy. Theo kinh dạy: Ni Câu La có người con tên là Câu Lư. Câu Lư có người con tên là Cù Câu lư. Cù Câu lư có người con tên là Sư Tử Hiếp. Sư Tử Hiếp có bốn người con là: Tịnh Phạn, Bạch Phạn, Hộc Phạn, Cam Lô Phạn.

Dòng họ người xuất gia

Khai nguyên lục: Từ đời Tần, đời Tấn về trước thì người xuất gia đa số là tùy theo dòng họ của thầy. Về sau Di Thiên Sa-môn Đạo An dạy: Những người cạo tóc, mặc y nhuộm đều thuộc dòng họ Thích Ca, tức không có dòng họ khác, tất cả đều gọi là họ Thích như vậy.

Trong kinh Kip Dịch Xuất A-hàm, đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Nước các dòng sông lớn chảy về biển đều không có tên nào khác, đồng gọi là nước biển. Con của các dòng họ theo Phật cạo tóc, xuất gia, mặc ba pháp y thì không có dòng họ nào khác, chỉ gọi là Sa-môn dòng họ Thích.

Luật Sa-di-tắc dạy: Các Tỳ-kheo xuất gia có đủ các dòng họ thì đều bỏ dòng họ cũ, đồng gọi là dòng họ Thích.

XUNG VI

Sa-môn

Pháp sư Triệu nói: Sa-môn là tên gọi những người xuất gia. Tiếng Phạm là Sa-ca-mãn, xưa kia đời Đường dịch là Cần tức, nghĩa là người này cần tu thiện phẩm, dứt bỏ các ác. Tần dịch là Cần hành, nghĩa là cần tu thiện phẩm, hành hướng Niết bàn. Có nghĩa dịch là Sa-môn-na, hoặc gọi là Tăng-môn, đều dịch là người có khuôn phép.

Kinh Niết bàn dạy: Sa-môn, ở đây dịch là Thiện giác.

Kinh Đại Phương Quảng Bảo Khiếp dạy: Là các phiền phức nên gọi là Sa-môn.

Kinh Đại Trang Nghiêm dạy: Vượt qua các sự nhiễm trước nên gọi là Sa-môn.

Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ dạy: Tâm không đắm trước khoái lạc, tất cả không mong cầu, có thể bỏ các sự tham trước, đó gọi là Sa-môn.

Kinh Hoa Thủ dạy: Như hư không không bị ngăn ngại, khói trần không bị ô uế, Ta nói pháp Sa-môn không nhiễm trước cũng như vậy.

Kinh Bảo Tích dạy: Sa-môn nghĩa là Tịch diệt, vì có khả năng điều phục, thọ giáo, giới thân thanh tịnh, nghĩ như thật, đắc giải thoát, là ba mươi tám pháp, kiên tâm bất động như đất, hộ trì ý mình và người, không nhiễm trước các hình tướng, như hư không không có ngăn ngại, thành tựu các pháp như vậy gọi là Sa-môn.

Kinh Trường A-hàm dạy: Sa-môn nghĩa là xả bỏ ân ái, xuất gia tu đạo, chế ngự các căn, không bị nhiễm dục, từ tâm đối với muôn loài, không làm tổn hại, gặp khổ không buồn, gặp vui không mừng, nhẫn chịu như đất.

Luận Du-già dạy, có bốn loại Sa-môn:

1. Sa-môn thắng đạo tức là Phật. v.v...
2. Sa-môn thuyết đạo là những vị thuyết giảng chánh pháp
3. Sa-môn hoạt đạo là các vị tu các thiện phẩm
4. Sa-môn ô đạo là những người tà hạnh

Luật Ngũ phần dạy: Lúc Phật mới thành đạo thì người đời đều gọi là Sa-môn.

Tỳ kheo

Tiếng Phạm là Tỳ-kheo, Tần dịch là khát sĩ, nghĩa là trên xin giáo pháp của Phật để nuôi huệ mạng, dưới xin thức ăn của thí chủ để nuôi thân mạng.

Pháp sư nói: Theo kinh Nhân Quả thì có ba tên gọi:

1. Bồ ma tức từ nhân người xuất gia làm cung ma lay động. Khi đạt đến quả vị trên thì gọi là Sát tặc.
2. Trong nhân gọi là Khất sĩ, đạt đến quả gọi là Ứng cúng
3. Trong nhân gọi là Phá ác, đạt đến quả gọi là Vô sanh

Kinh Niết bàn dạy: Có khả năng phá trừ phiền não nên gọi là Tỳ-kheo. Phá Ngã v.v... các tướng, tu giới, định, tuệ, cứu độ ba cõi bốn loài, an ổn không sợ hãi, nên gọi là Tỳ-kheo.

Kinh Đại Trang nghiêm dạy: Phá trừ vô minh chông chất nên gọi là Tỳ-kheo.

Luận Du-già dạy: Tỳ-kheo là xả bỏ gia đình, đến chỗ không nhà... đầy đủ biết giải thoát luật nghi, chúng đồng phạm, theo tự tánh ấy ứng hợp với hình sắc, siêng năng tinh tấn, đánh dẹp cõi ác nên tự phòng thủ, không bị tổn hại gọi là Tỳ-kheo

Luận Tỳ-bà-sa nói kệ:

*Tay chân chớ vọng phạm
Lời nói thuận việc làm
Thường vui với thiên định
Là Tỳ-kheo chân chánh.*

Kinh Tạp A-hàm nói kệ:

*Gọi là bậc Tỳ-kheo
Chẳng chịu đi khát thực
Thọ trì pháp tại gia
Đó là Tỳ-kheo gì?*

*Là công đức, tội lỗi
 Tu tập các chánh hạnh
 Tâm không có sợ hãi
 Đó gọi là Tỳ-kheo.*

Đại Oai Đức Đà-la-ni: Có một trưởng giả tên là Soạn Trạch, theo Phật cạo tóc, xuất gia. Lúc ấy Tôn giả Sa Nan Đà gọi là trưởng giả Soạn Trạch. Trưởng giả đáp: “Nay tôi xuất gia, đã cạo tóc là Tỳ-kheo, chẳng phải trưởng giả”. Lúc ấy, Sa Nan Đà hỏi: “Không phải cạo tóc mà gọi là Tỳ-kheo, liền nói kệ:

*Nếu dứt bỏ mong cầu
 Loại bỏ sạch phiền não
 Không mong cầu các pháp
 Tất cả các pháp có
 Tùy thuận hướng Niết bàn
 Tùy thuận nơi thanh vắng
 Chánh tín đến giải thoát
 Đó mới thành Tỳ-kheo”*

- Có bốn hạng Tỳ-kheo:

1. Tỳ-kheo đạt đạo giải thoát, đó là A-la-hán
2. Tỳ-kheo thông suốt đạo, đó là ba quả Thánh
3. Tỳ-kheo thọ trì đạo, đó là Tu-đà-hoàn hướng
4. Tỳ-kheo làm ô đạo, đó là phạm phu phá giới.

Bí sô là tiếng Phạm, là tên gọi của loại cỏ ở Tây Thiên, có đủ năm đức nên dùng để dụ cho người xuất gia. Xưa các sư nói: “Bí sô không dịch bởi vì nó bao hàm năm nghĩa vậy:

Thê tánh nhu nhuyến, dụ người xuất gia có thể chế phục thân, miệng thô tháo.

Bò lan khắp nơi, dụ cho người xuất gia truyền bá chánh pháp, cứu độ chúng sanh không ngừng nghỉ.

Hương thơm bay xa, dụ cho người xuất gia giới đức bay xa mọi người đều biết

Có khả năng trị lành đau đớn, dụ cho người xuất gia hay đoạn trừ phiền não độc hại

Hướng đến Mặt trời, dụ cho người xuất gia thường hướng đến ánh sáng Phật pháp.

Căn Bản luật Bách Nhất Yết Ma dạy: Có Bí sô tám mươi tuổi, đủ sáu mươi hạ mà đối với kinh Biệt Giải Thoát chưa từng đọc tụng, không hiểu rõ nghĩa thì đó gọi là tiểu Bí sô già.

Tăng

Tiếng Phạm là Tăng già, Đường dịch là Chúng.

Kinh Trung A-hàm dạy: Chúng là gì? Đáp: “Có nhiều dòng họ khác nhau, cạo tóc, mặc y ca-sa, quyết chí bỏ nhà, theo Phật học đạo, đó gọi là chúng.

Luật Thiện kiến dạy: Chúng, giới, kiến, trí bình đẳng gọi là Tăng.

Nam Sơn sao: Bốn người trở lên, có khả năng giữ gìn Thánh pháp, giải quyết mọi việc, đó gọi là Tăng. Tăng nghĩa là hòa hợp. Hòa hợp có hai loại: 1. Lý hòa: vì đồng chứng trạch diệt. 2. Sự hòa gồm có sáu nghĩa: giới hòa đồng tu, kiến hòa đồng giải, thân hòa đồng trú, lợi hòa đồng phân, miệng hòa không tranh cãi, ý hòa đồng vui.

Tăng Sử lược: Bốn người trở lên gọi là Tăng. Nay một người cũng gọi là Tăng, bởi vì từ chúng vậy. Cũng

như ở đời hai ngàn năm trăm người là một quân, mà một người cũng gọi là quân vậy.

Trừ cần nam

Kinh Khương Tăng Hội Chú Pháp Kính: Phàm phu tham trước sáu trần như Nga quý tham ăn, không biết nhàm chán. Nay Thánh nhân đoạn trừ tham ái, dứt sáu tình đói khát nên gọi là trừ cần.

Luận Phân Biệt Công Đức: Người đời đói khát sắc dục, còn Tỳ-kheo thì trừ tướng ái đói khát này.

Đạo sư

Kinh Thập Trụ Đoạn Kết dạy: Gọi bậc Đạo sư nghĩa là làm cho chúng sanh thấy rõ con đường chân chánh.

Kinh Hoa Thủ dạy: Có khả năng giảng nói con đường không sanh tử nên gọi là Đạo sư.

Kinh Phật Bảo Ân dạy: Đại Đạo sư nghĩa là dùng con đường chân chánh để chỉ dạy.

Kinh Niết Bàn dạy: Đạo sư là làm cho mọi người đạt được vô vi, thường lạc.

Kinh Đại Pháp Cự Đà-la-ni dạy: Không thời thất đạo Bồ-đề, không đoạn tuyệt đạo Bồ-đề nên gọi là Đạo sư.

Kinh Thương Chủ Sở Vấn: Đạo sư là gì? Văn Thù đáp: “An trụ nơi đạo, làm cho chúng sanh được thuận thục nên gọi là Đạo sư.

Tổ sư

Bảo Lâm truyện: Kỳ Vực Thái thú Dương Huyền Chi hỏi Đạt Ma: “Tây Thiên truyền thừa gọi Tổ nghĩa là gì?” Đạt Ma đáp: “Rõ tâm tông Phật, hạnh giải tương

ung, gọi là Tổ sư.

Thiền sư

Kinh Thiện Trú Ý Thiên Tử Sở Vấn: Thiên tử hỏi Văn Thù: “Tỳ- kheo như thế nào thì được gọi là Thiền sư?” Văn Thù đáp: “Đối với tất cả pháp đều hành tư duy, tất cả không sanh tâm, nếu biết như vậy được gọi là Thiền sư. Ngay cả một pháp không chấp thủ, không nắm lấy pháp nào, tất cả đều không chấp đời này, đời sau, không chấp vào ba cõi cho đến tất cả các pháp đều không vướng mắc, nghĩa là tất cả pháp đều không, đối với chúng sanh cũng không chấp giữ thì được gọi là Thiền sư. Không có một chút thủ chẳng thủ, không chấp thủ các pháp, vì hết thấy đều không có chỗ đắc nên không nhớ nghĩ, nếu không nhớ nghĩ ấy là không tu, nếu không tu ấy là không chứng nên gọi là Thiền sư.

Thiện tri thức

Kinh Ma ha Nhã dạy: Có khả năng giảng nói về pháp Không, Vô tướng, Vô tác, không sanh, không diệt và Nhất thiết chủng trí làm mọi người hoan hỷ tin ưa, đó là Thiện tri thức.

Kinh Hoa Nghiêm dạy: Có bốn pháp được gọi là Thiện tri thức:

1. Có khả năng làm cho người vào trong thiện pháp.
2. Có khả năng làm chướng ngại các pháp bất thiện
3. Có khả năng làm cho người an trụ trong chánh pháp
4. Thường hay tùy thuận giáo hóa

Luận Du-già dạy: Thiện tri thức có đủ mười công đức:

1. Điều phục; 2. Tịch tịnh; 3. Hoặc trừ; 4. Đức tăng; 5. Hữu đồng;

Kinh phú; 7. Giác chân; 8. Thiện thuyết; 9. Bi thâm; 10. Ly thời.

Người mới điều phục là cùng giới tướng do căn điều phục. Tịch tịnh là Nhờ định tương ưng nên nhiếp phục bên trong. Hoặc trừ là Tín niệm dùng tuệ tương ưng nên phiền não đoạn trừ. Đức tăng là đầy đủ giới, định, tuệ. Hữu đồng là lúc làm lợi ích cho người mà không mệt mỏi. Kinh phú là nghe nhiều. Giác chân là hiểu rõ thật nghĩa. Thiện thuyết là không lẫn lộn. Bi thâm là không có mong cầu. Ly thời là đối với tất cả thời đều cung kính.

Trưởng lão

Kinh Trường A-hàm dạy: Có ba hạng trưởng lão

1. Trưởng lão nhiều hạ lạp
2. Trưởng lão đạt pháp tánh
3. Trưởng lão giả danh

Bài kệ kinh Thí Dụ:

*Gọi là bậc trưởng lão
Chẳng phải cạo râu tóc
Dù tuổi tác đã nhiều
Mà không bỏ việc ác.
Nếu thấy được chánh pháp
Không hại loài nhỏ nhiệm
Bỏ các hạnh xấu ác
Đó gọi là trưởng lão*

*Nay Ta gọi trưởng lão
 Tức là người xuất gia
 Tu tập các nghiệp thiện
 Biết rõ các chánh hạnh
 Nếu người già hoặc trẻ
 Các căn không phiền não
 Đó gọi là trưởng lão.*

Pháp sư Triệu nói: Bên trong có trí đức đáng tôn trọng nên gọi là trưởng lão.

Pháp sư Ân nói: Trưởng giả già có đức gọi là trưởng lão.

Tông sư

Truyện Phật Tâm Tông Sư lại nói: Tông là tôn quý, nghĩa là người này khai mở đạo pháp Không, được mọi người tôn quý.

Pháp chủ

Kinh A-hàm dạy: Phật là thuyết pháp chủ. Xưa nay đều cho Tăng thuyết pháp, hiểu biết pháp là Pháp chủ. Như Tăng Xán nói với Tăng Đạo: “Nếu đáng vì vạn người để làm pháp chủ thì Tống Hiếu Võ ban cho làm pháp chủ chùa Trấn và chùa Tân An.

Đại sư

Sư là mô phạm. Đại là lược giản với tiểu. Phật xưng là Đại sư của ba cõi Luận Du-già dạy: Đạo sư là người có khả năng hóa độ vô lượng chúng sanh thoát khổ đạt đến tịch diệt. Lại nói: “Đánh dẹp tà uế ngoại đạo, xuất hiện ở thế gian nên gọi là Đại sư. Hoặc Tỳ-kheo phạm phu mê muội tự ban sắc hiệu vậy”.

Tăng Sử Lược ghi: Vào tiết lễ Diên Khánh, ngày mười bốn tháng mười một năm thứ mười một niên hiệu Triệu Tự Đường Ý Tổng Hàm Thông, trong đạo tràng đàm luận, tả vệ Vân hạo phong Đại sư Tam Huệ, hữu vệ Tăng triệt phong Đại sư Tịnh Quang, khả phu phong Đại sư Pháp Trí, trọng khiêm phong Đại sư Thanh Vận, đây là bắt đầu có Đại sư vậy.

Luận Du-già dạy: Đại sư có năm đức:

1. Giữ gìn giới hạnh không có lầm lỗi
2. Khéo xây dựng chánh pháp
3. Khéo chế ra sở học
4. Trong việc khéo chế, khéo lập đó rồi tùy theo chỗ nghi hoặc đều có thể đoạn trừ.
5. Tuyên dạy pháp.

Pháp sư

Kinh Tạp A-hàm, hỏi: Thế nào là Pháp sư ?

Phật dạy: Nếu đối với sắc mà nói là sanh nhàm chán, muốn diệt tận để đạt đến pháp tịch tịnh gọi là Pháp sư. Hoặc đối với thọ, tưởng, hành, thức mà nói là sanh nhàm chán, muốn diệt tận để đạt đến pháp tịch tịnh gọi là Pháp sư.

Luận Thập Trụ Bà-sa dạy: Người hành đúng bốn pháp gọi là Pháp sư:

Học rộng hiểu nhiều, nắm vững tất cả ngôn từ, chương cú.

Quyết định rõ ràng về tướng sanh diệt của các pháp trong thế gian và xuất thế gian.

Đắc trí thiên định, tùy thuận đối với các kinh pháp.

Thực hành đúng như lời nói, không thêm, không bớt.

Luận Biện Trung Biên về mười pháp sư là: Ghi, cúng dường, bố thí cho người, lắng nghe, tuyên đọc, thọ trì, mở bày diễn thuyết, tụng, tư duy, tu tập.

Luật sư

Luật Sao Giải Đề, Phật dạy: Giải thích trọn vẹn một chữ gọi là Luật sư. Một chữ ấy là chữ luật.

Kinh Bảo Vân dạy: Đây đủ mười pháp gọi là luật sư:

1. Giải thích đầy đủ về sự sanh khởi trong luật
2. Giải thích đầy đủ về chỗ vi diệu trong luật
3. Giải thích đầy đủ về sự việc vi tế trong luật
4. Giải thích đầy đủ về sự việc này thực hành được, sự việc kia không thực hành được trong luật
5. Giải thích đầy đủ về tánh giới trọng trong luật
6. Giải thích đầy đủ về phép chế giới trọng trong luật
7. Giải thích đầy đủ về phép chế nhân duyên sanh khởi trong luật
8. Giải thích đầy đủ về luật Thanh-văn
9. Giải thích đầy đủ về luật Bích Chi
10. Giải thích đầy đủ về luật Bồ-tát

Luật Thập Tụng dạy: Người trì luật có bảy công đức:

1. Nắm vững tạng luật của Phật
2. Khéo dứt việc tranh cãi
3. Trì giới
4. Dùng luật để dẹp ngoại đạo
5. Không cần hỏi người khác, thuyết giới ở trong chúng không có sợ hãi

6. Hay dứt trừ những nghi ngờ

7. Có khả năng làm cho chánh pháp tồn tại lâu dài.

Trong luật Thiện Kiến, Phật dạy: Người trì luật là công đức căn bản. Nhờ căn bản này mà thâm nhiếp các pháp.

Xà-lê

Ký Quy truyện ghi: Tiếng Phạm là A-giá-lê-da, Đường dịch là phạm quý, nay gọi là Xà-lê, bởi lầm lẫn nơi âm Phạm vậy.

Luận Bồ-đề Tư Lương dạy: A-giá-lê-da, Tùy dịch là chánh hạnh. Nam Sơn Sao ghi: Xà-lê là hay cân nhắc chánh hạnh đệ tử.

Thắng sĩ

Kinh Nguyệt Đăng Tam muội dạy: Hay trì giới thanh tịnh gọi là thắng sĩ.

Tôn giả

Tiếng Phạm là A-lê-di, Trung Hoa dịch là Tôn giả, nghĩa là đầy đủ trí, đức, hạnh, được mọi người tôn quý.

Khai sĩ

Kinh Âm số: Khai nghĩa là đạt, sáng suốt, thông hiểu. Sĩ nghĩa là trượng phu. Trong kinh thường gọi Bồ-tát là Khai sĩ. Tiền Tàn Phù Kiên ban cho Sa-môn có đức, hiểu biết hiệu là Khai sĩ.

Đại đức

Luận Trí Độ dạy: Tiếng Phạm là Sa-đàn-đa, Tàn dịch là Đại đức.

Trong luật thường gọi Phật là Đại đức.

Luật Tỳ-nại-da, đức Phật dạy: Từ nay về sau, các Tỳ-kheo nhỏ nên gọi Tỳ-kheo trưởng bối là Đại đức.

Ở đây, Tỳ-kheo là người thông suốt.

Tăng Sử lược ghi: Ngày mồng năm tháng tư niên hiệu Đường Đại Tống Đại lịch năm thứ sáu, ban sắc lệnh cho Tăng ni ở kinh thành đều được đăng đàn Đại đức. Mỗi đàn mười vị, dùng theo thường. Do sự đăng đàn này mới có hai chữ Đại đức vậy.

Tăng Huy ký ghi: Hạnh viên mãn, đức cao dày gọi là Đại đức.

Thượng tọa

Luật Ngũ phần dạy: Tề Cơ gọi là Thượng tọa. Đức Phật dạy: “Thượng là ở trên hoàn toàn không có người nào gọi là Thượng tọa.

Tỳ-ni-mẫu dạy: Từ không hạ đến chín hạ là Hạ tọa. Từ mười hạ đến mười chín hạ là Trung tọa. Từ hai mươi hạ đến bốn mươi hạ là Thượng tọa. Năm mươi hạ trở lên thì tất cả Sa-môn đều tôn kính gọi là Kỳ túc.

Luật Tỳ-bà-sa dạy: Có ba hạng Thượng tọa:

1. Sanh niên Thượng tọa tức tôn trưởng kỳ cựu đủ giới nên gọi là chân sanh.
2. Thế tục Thượng tọa tức biết pháp phú quý, nhiều của, địa vị cao, dòng tộc lớn, thế lực lớn, quyền thuộc nhiều, dù mới hai mươi tuổi mà được thích ứng là Thượng tọa
3. Pháp tánh Thượng tọa tức A-la-hán.

Tụng viết:

Trạo cử và ý ngữ

*Ý nhiễm, tư duy loạn
 Tuy trong chùa
 Chẳng phải chân Thượng tọa.
 Đủ giới, biết chánh niệm
 Tâm tịch tịnh, giải thoát
 Năng quán các pháp ấy
 Là Thượng tọa chân chánh.*

Luật Thập tụng dạy: Đủ mười pháp gọi là Thượng tọa, nghĩa là có trú xứ, không sợ hãi, không phiền não, nghe nhiều hiểu rộng, đầy đủ biện luận, hiểu rõ nghĩa thú, người nghe tin nhận, khéo an tường vào nhà người, hay thuyết pháp cho bạch y, khiến người bỏ ác tu thiện, tự đủ pháp lạc bốn đế, không có khiếm khuyết, đó gọi là Thượng tọa.

Trong luật gọi là tăng phường Thượng tọa, Tăng Thượng tọa, trú gia Thượng tọa.

Luận Bà-sa dạy: Thượng tọa là tâm an trú, không bị thế gian lay động.

Tòa chủ

Chích ngôn viết: Có nha môn gọi là tòa chủ. Nay dòng họ Thích lấy người học hiểu thông minh gọi là tòa chủ, nghĩa là chủ một tòa. Xưa, gọi Cao tăng thuyết giảng là cao tòa, hoặc gọi là chủ cao tòa.

Thượng sĩ

Luận Du-già dạy: Hạnh không lợi mình, lợi người gọi là Hạ sĩ. Tự lợi, không lợi người gọi là Trung sĩ. Lợi mình và lợi người gọi là Thượng sĩ

Thượng nhân

Kinh Ma ha Nhã dạy: Thế nào gọi là Thượng nhân?

Đức Phật dạy: Nếu Bồ-tát nhất tâm hành A-nậu Bồ-đề, tâm không tán loạn, thì gọi là Thượng nhân.

Kinh Tăng Nhất dạy: Con người xử sự ở đời, có lỗi biết tự sửa sai gọi là Thượng nhân.

Luật Thập tụng dạy: Có bốn hạng người: người thô tháo, người độc ác, người bình thường, bậc Thượng nhân.

Trong luật Vua Bình Sa gọi đệ tử Phật là Thượng nhân.

Xưa, tổ sư nói: Trong có trí đức, ngoài có thắng hạnh, trên hết trong loài người gọi là Thượng nhân.

Đạo nhân

Luận Trí Độ dạy: Người đắc đạo gọi là đạo nhân. Ngoài ra những người xuất gia chưa đắc đạo cũng gọi là đạo nhân.

Bần đạo

Luận Trí Độ dạy: Bần có hai loại: nghèo tài sản, nghèo pháp công đức.

Luận Du-già dạy: phẩm xuất gia, trí bần, tài bần.

Chỉ Quy: Đạo là danh xưng thông vật, đạo thuộc ba thừa Thánh giáo đã chứng, nghĩa là ta có một ít đạo nên gọi là bần đạo.

Đầu đà

Tiếng Phạm là -đa. Hán dịch là đầu tẩu, nghĩa là ba độc như bụi trần làm dơ uế chơn tâm mà người này có thể trừ khử, nên nay gọi lầm là đầu đà.

Kinh Thiện Trụ Ý Thiên Tử dạy: -đa là thân tâm

tham, sân, si về ba cõi và sáu trần. Nếu không chấp, không bỏ, không tu, không đấm trước, chẳng phải không đấm trước thì Ta nói người ấy được gọi là -đà.

Đầu-đà có mười hai công đức:

1. Ở chỗ A-lan-nhã
2. Thường khát thực
3. Tuân tự khát thực
4. Ăn một lần
5. Ăn có độ lượng
6. Sau giờ Ngọ không ăn
7. Mặc áo thô xấu
8. Chỉ có ba y
9. Ở gò mả
10. Ngồi dưới gốc cây
11. Ngồi ở đất trống
12. Thường ngồi, không nằm Chi lang

Là nho nhã xưa nay, thường gọi Tăng là chi lang.

Cao Tăng truyện: Đời Ngụy có ba cao tăng: Chi Khiêm, Chi Tiêm, Chi Lượng, ở Trung Khiêm là người nhỏ, cao, đen, gầy. Mắt nhiều tròng trắng mà con ngươi màu vàng, lại thông minh. Lúc ấy Hiền Ngạn nói: “Trong mắt Chi Lang vàng, thân hình tuy nhỏ mà trí tuệ cao siêu.

Truy lưu

Đây là do màu sắc y phục mà gọi tên vậy.

Tăng Sử Lược ghi:

Hỏi: Truy y màu sắc như thế nào?

Đáp: Màu đỏ thẫm mà hơi đen.

Theo Khảo Công Ký: Ba màu nhập lại là hoe hoe đỏ. Năm màu nhập lại là đỏ thâm. Bảy màu nhập lại là đỏ thâm. Nên biết màu đỏ thâm vốn phát xuất từ màu đỏ sẫm của đầu chim sẻ, tức là màu đỏ thâm. Cho nên thấy y phục Thánh chúng thanh nhã tinh khiết như quả dâu chín. Đây là màu sắc đỏ nhạt đen đậm.

Long tượng

Trong kinh Trung A-hàm, đức Phật bảo Sa-môn Ô-đà-di ...: “Từ người đến Trời mà không dùng thân, miệng, ý hại. Ta nói đó là Long tượng”

Không môn tử

Luận Trí Độ dạy: Niết bàn có ba cửa: Không, Vô tướng, Vô tác. Cửa Không là gì? Nghĩa là quán các pháp không có Ngã, Ngã sở.

Các pháp từ nhân duyên sanh, không người tạo, không có người thọ. Đó gọi là Không. Nay người xuất gia nhờ cửa này mà vào nhà Niết bàn nên gọi là cửa Không.

Tông chủ

Tăng Sử Lược ghi: Cuối đời Đường các chùa thành lập đều do A-xà-lê. Nay triều đình chọn vị biết cả luật. Vị tối cao là Tông chủ. Bởi trong đạo hoặc đời khi có việc tranh cãi không phân xử, nên bảo người đủ thẩm quyền quyết đoán để chấm dứt việc tranh cãi.

Tăng lục

Tăng sử lược ghi: Niên hiệu Khai Thành, Đường Văn Tông lập tả hữu tăng lục, tức đoàn bộ pháp sư. Pháp sư Đức Tông được mời vào cung cấm luận nghị với đạo

Nho, phong cho áo bào đỏ, lệnh hầu Thái tử ở Đông triều, Thuận Tông coi trọng huynh đệ, Hiến Tông tiếp đãi bạn bè, chương nội điện Pháp Nghi là Lục tả vệ Tăng sự.

Phó tăng lục

Niên hiệu Càn Ninh, Chiêu Tông đổi Thủ tòa làm Phó tăng lục tức Giác huy.

Giảng kinh luận thủ tòa

Sử chép: Gọi Thủ tòa tức Thượng tọa, thái độ đoan chánh, xử đoán việc tăng, Đường Văn Tông giao coi sóc việc Tăng gọi là Tam giáo thủ tòa. Nay thì chọn người giỏi kinh, luận đảm trách thủ tòa.

Tăng chánh

Sử chép: Chánh tức là ngay thẳng, tự sửa mình ngay thẳng rồi sửa người đoan chánh để khắc chế chánh lệnh. Bởi vì Tỳ-kheo không có phép tắc thì giống như ngựa không dây cương, dần dần tiếm nhiễm theo thế tục. Vì giữ gìn phép tắc nên phải chọn người có đức lấy pháp để kiềm chế làm cho quay về nẻo chánh, do đó mà gọi là Tăng chánh. Ngụy Tần lập Tăng Khế làm Tăng chánh. Đến năm thứ sáu đời Lương sắc phong Pháp Vân làm Đại tăng chánh.

Tăng chủ

Niên hiệu Vĩnh Minh đời Nam Tề, Võ Đế sắc phong Pháp Hiến làm Tăng chủ.

Quốc sư

Tăng Sử Lược ghi: Xưa kia ở Tây Vực có Ni-kiên-tử học thông tam tạng và đặc ngũ minh, cả nước đều

nương theo mới lập ra danh hiệu ấy. Ở đây thì chọn Cao tăng thường diễn giảng Tỳ-ni, Niết bàn, thông pháp thiên, Vua Tề tôn làm Quốc sư. Đời Đường Thần Tú được Tắc Thiên triệu vào phong làm Quốc sư qua bốn triều đại. Tuệ Trung vào triều thuyết thiên, được sắc phong làm Quốc sư qua hai triều đại. Niên hiệu Trung Hòa sắc phong Tri Huyền là Quốc sư Ngô Đạt. Nếu Bá chủ thì Vua Thục hầu chủ phong là Tăng lục quan nghiệp tức là Hữu thánh Quốc sư. Ngô Việt xưng Thiên Thai Đức Thiệu là Quốc sư. Giang Nam Thự Văn Toại là Quốc đại Đạo sư.

Ni

Tiếng Phạm đầy đủ là Tỳ-kheo-ni, cũng gọi là trù căn nữ. Tây Trúc do Di Mẫu Phật Ma ha Ba-xà-ba-đề là Tỳ-kheo-ni đầu tiên vậy.

Nay gọi ni là A-di-sư. Di là do Phật gọi Đại Ái Đạo. Sư cô ni có tám kinh pháp, cách Phật đã xa, lại không tuân hành nên phiên không chép ra.

Thức-xoa-ma-na

Đây gọi là Học pháp nữ, giống như nay gọi ni là Trưởng phát. Luật Tứ phần dạy: Đồng nữ mười tám tuổi nên cho học hai pháp, nghĩa là hai năm kiểm thúc thân, dùng sáu pháp để kiểm thúc tâm.

Ưu-bà-tắc

Tần gọi là Thiện túc nam, nghĩa là giữ giới.

Tiếng Phạm là Ô-ba-sách-ca. Đường dịch là Cận sự nam, nghĩa là thân cận thừa sự Phật pháp. Thiên Trúc gọi là Thanh tín sĩ là danh xưng người đời thọ trì năm

giới, tám giới.

Luận Du-già dạy: Đầy đủ ba đức:

Ý lạc tịnh là xa lìa nghi hoặc đối với Tam bảo, giới pháp viên mãn, mong cầu xuất thế.

1. Thường phụng sự Tam bảo
2. Có khả năng hướng dẫn người đồng học

Kinh A-hàm dạy: Viên mãn tám chi: tín, giới, thí, thính pháp, thọ trì, giải nghĩa, như thuyết tu hành.

Ưu-bà-di

Di tức Nữ thanh tự. Lại gọi là Ô-ba-tư-ca.

Thất chúng

Đó là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di.

Luận Bà-sa dạy: Ở đời có bảy chúng duy trì Phật pháp làm cho đạo quả ba thừa nối tiếp không đoạn tận, dùng Ba-la-đề-mộc-xoa làm căn bản.

Luận Đại Tỳ-bà-sa dạy: Bảy chúng là Bí-sô, Bí-sô-ni, Thức-xoa-ma-na, Thất-lợi-ma-nã-lạc-ca, Thất-lợi-ma-nã-lý-ca, Ô-ba-sách-ca, Ô-ba-tư-ca.

Đạo đức

Là danh xưng biểu hiện đầy đủ giới đức trong Thất giác chi, chánh đạo.

Luật Hành ghi: Thành danh gọi là đạo, lập thân gọi là đức.

Danh đức

Người có danh là thật, thật lập nên danh theo.

Trọng Ni nói: Người có danh là quý ở thật danh.

Người có đức là đạt vậy. Bên trong thấu đạt lòng mình, bên ngoài thấu đạt lòng người thì thường không bị lỗi, do đó hợp hai chữ lại mà gọi vậy.

Kinh A-hàm dạy: Từ Xá Lợi Phất trở xuống là Tỳ-kheo danh đức.

Pháp sư Cao tăng truyện: Ít đức có danh mà không cao ngạo. Thật đức tiềm ẩn mà không danh.

TRÚ XỨ

Tăng già lam ma

Là tiếng Phạm, hoặc gọi là Tăng già la ma. Đây dịch là chúng viên.

Luật Ngũ phần dạy: Vua Bình Sa cúng dường Ca Di Lan Đà vườn trúc làm Tăng già lam vậy.

Viên là nơi sanh trưởng. Đệ tử Phật ở đây sanh trưởng gốc đạo nghĩa là quả Thánh. Hoặc gọi là Tỳ-ha-la. Ở đây dịch là Du chỉ xứ.

Tự

Là tiếng Hán, nghĩa là dinh quan. Tự là nơi xử lý sự việc nên Thái tử có đến chín dinh tự. Năm Đinh Mão thứ mười niên hiệu Vĩnh Bình đời Hậu Hán Minh Đế Phật pháp mới truyền đến nơi này, có hai vị Tăng người Ấn Độ là Ma Đằng và Trúc Pháp Lan dùng ngựa trắng, lặc đà chở kinh tượng đến Lạc Dương, Vua sắp xếp cho Ma Đằng ở dinh quan. Đến năm Mậu Thìn thứ mười một, Vua sắc lệnh kiến lập chùa ngoài cửa châu Ung, lấy tên là Bạch Mã tức ngôi chùa ở Trung Quốc do Ngô Tôn

Quyền kiến lập đầu tiên.

Viện

Tiếng Phạm là La-ma. Đường dịch là viện.

Tây Vực ký gọi là Ba-diễn-na. Đây dịch là Châu viên lang xá viện.

Đạo tràng

Triệu gọi là chỗ đóng kín tu đạo nghĩa là đạo tràng. Tùy Dương Đế sắc lệnh cải đổi chỗ Tăng ở là đạo tràng.

Tĩnh xá

Thích Ca Phổ chép: Chỗ dừng tâm gọi là tĩnh xá.

Nghệ Văn Loại Tập chép: Chẳng phải do nhà ấy tĩnh diệu mà do sự tinh luyện của hành giả cư trú.

Chiêu đề

Tăng Huy Ký phạm gọi là Thác-đấu-đề-xa, Đường dịch là vật của Tăng bốn phương, nhưng viết nhầm “thác” thành “chiêu” rồi bỏ chữ “đấu xa” mà giữ lại chữ “đề”, do đó gọi là chiêu đề, nay là tự viện mười phương.

Tăng phường

Vận lâm chép: Phường là khu đất. Uyển sư nói: Phường là khoảnh đất vậy.

Lộc Uyển

Lại gọi là vườn Nai ở nước Ba-la-nại. Là chỗ ban đầu thành đạo, đức Phật chuyển pháp luân độ năm Tỳ-kheo: Kiều Trần Như. v.v...

Kê viên

Do Vua Vô Úy tạo dựng ở nước Ma Kiệt Đà, là chỗ

xuất gia của Tiểu thừa Đại chúng bộ, Đại thiên, Tỳ-kheo.

Kinh Trung A-hàm dạy: Sau khi Phật nhập diệt, các bậc Tỳ-kheo danh đức cao tôn đều ở vườn Gà.

Nhạn tháp

Tây vực ký chép: Xưa có Tỳ-kheo thấy bầy nhạn bay liệng liền cười nói, bỗng có một con chim nhạn lao xuống chết mất. Chúng tăng nói: “Con chim nhạn này khuyên răn, biểu dương đức dày. Bây giờ, họ xây tháp chôn nhạn.

Chi đề

Tiếng Phạm là Chi-đề-phù-đô, hoặc là Ché-đề-chế-đa, đều dịch là linh miếu.

Luận Tập tâm chép: Không có xá lợi gọi là chi đề, lại gọi là nơi diệt ác sanh thiện.

Phạm sát

Phạm nghĩa là thanh tịnh.

Kinh Âm chép: Tiếng Phạm là Thích-sắc-chí. Ở đây dịch là Can, nay lược gọi là sát tức cột phướn.

Kinh Trường A-hàm dạy: Nếu Sa-môn ở trong chùa này, người nào tinh tấn tu đắc pháp thì nên lập phướn để mọi người biết. Nay có người ít muốn biết đủ ở đó.

Nại uyển

Đại Đường nội điển lục chép: Ở nước Kế Tân ban đầu Thiên sư Pháp Tú đến Đôn Hoàng lập thiên đường nơi đất trống, trồng ngàn cây nại, người đến như mây, đồ chúng đông đúc.

Kim địa

Hoặc gọi là kim điền, nghĩa là nước Xá Vệ, trưởng giả Cấp Cô Độc trải vàng mua vườn của Thái tử Kỳ Đà để kiến lập tinh xá thỉnh Phật đến ở.

Liên xã

Xưa ở chùa Hồ Khê Đông Lâm, Lô Sơn, Pháp sư Tuệ Viễn, người Nhận Môn chiêu mộ những hiền sĩ di dân: Tông Bình, Lôi Thứ, Tông Trương, Dã Trương, Thuyên Châu v.v... làm thành hội tu tịnh nghiệp bốn phương. Tự viện ấy trồng nhiều hoa sen trắng. Lại nữa, cõi Phật Di Đà dùng hoa sen phân làm chín phẩm theo thứ tự để tiếp độ người nên gọi là Liên xã.

Có người cho rằng: “Do ca ngợi người xã này không vì danh lợi, chẳng nhiễm trong bùn giống như hoa sen nên gọi tên ấy”.

Có người cho rằng: “Pháp Yếu, đệ tử Viễn Công khắc cây thành mười hai lá hoa sen, đem trồng trong nước, dùng làm thời gian, cứ ngắt bỏ một lá là một giờ, giống như tính thời giờ theo nước nhỏ giọt, nên việc lễ tụng không sai thời gian, do đó có tên này. Lại gọi là tịnh xã, tức vào đời Nam Tề niên hiệu Cảnh Lục, Văn Tuyên Vương tập hợp Tăng, tục hành tịnh trừ pháp. Xã là sau ngày lập Xuân, đến mùa Thu, ngày mồng năm là ngày của xã, mọi người làm nông tុ tập đến để cúng tế cầu mong thu hoạch ngũ cốc.

Kinh Sở chép: Bốn người cùng kết hợp làm một xã.

Bạch hồ thông chép: Vương giả sở dĩ có xã là do thiên hạ cầu phước báo ân Vua. Người chẳng học thì không xứng đáng. Vì học rộng mà không biết kính nên

phong sĩ để lập xã. Nay ngưỡng mộ dòng họ Thích, xuất gia cầu pháp, mong sanh tịnh độ. Tịnh độ bao la, cầu khắp chắc loạn tâm, xác quyết an dưỡng tịnh độ là nơi tinh thần nên gọi liên xã là tịnh xã vậy.

Lan nhã

Tiếng Phạm là A-lan-nhã, hoặc gọi là A-lan-nhược. Đường dịch là vô tránh.

Luật Tứ phần gọi là nơi không tịnh. Luận Tát-bà-đa gọi là nơi nhàn tịnh. Luận Trí Độ gọi là nơi thanh vắng.

Kinh Đại Bi gọi A-lan-nhã là lìa xa sự phẫn nộ.

Trong kinh Thập Nhị Đầu Đà, Phật dạy: A-lan-nhã là chỗ chư Phật mười phương đều tán thán, vô lượng công đức đều do đây mà phát sanh.

Triệu sư nói: Cạnh tranh thì chúng tụ. Không tranh cãi là chỗ không nhàn. Đức Phật khen ngợi người ở nơi Lan-nhã.

Kinh Bảo Vân dạy: A-lan-nhã là nơi thanh vắng không người, không bị não loạn, khát thực dễ được, chẳng gần, chẳng xa, có nhiều rừng cây, hoa, quả, nước suối trong mát, chỗ ở an ổn.

Luận Trí Độ dạy: A-lan-nhã, hoặc viễn ly xứ, gần nhất là hai dặm, thường xa lìa lợi ích, cách thôn một câu-lô-xá. Luật dạy: Cách thôn năm trăm cung. Cung tức là thước đo vậy. Theo pháp Tây Thiên bốn khuỷu tay là một cung. Một khuỷu tay dài một thước tám, tổng cộng là bảy thước hai tấc. Năm trăm cung là một câu-lô-xá, nhân lên bằng ba ngàn sáu trăm thước, thành sáu trăm bộ tức hai dặm.

Am

Giải thích tên: Cỏ làm thất là am. Am là cái nhà nhỏ, là tự che am vậy. Ở Tây Thiên, phần đông tăng, tục tu hành đều ở am.

Thảo đường

Tên này có đầu tiên là do Pháp sư La Thập, trước kia ở Trường An khi triều Hán bị sụp đổ, triều Tần hưng thịnh hơn ba trăm năm, Phật pháp ở thành thị, khoáng dã đều dứt tuyệt, chỉ có một vài chùa còn ít người quy hướng. Đời Diêu Hưng, ngài Thế Thân, Cưu Ma La Thập ở gian giữa trong chùa lớn, dùng cỏ trải ở trong để dịch kinh, do đó mà có tên này.

Phương trượng

Là phòng nghỉ chính của tự viện. Đầu tiên, Đường Hiên Khánh sắc sai Vệ úy Thừa Lý Nghĩa, Tiền Dung Châu, Hoàng Thủy sắc lệnh cho Vương Huyền Sách đến Tây Vực sung sứ. Khi đến thành Tỳ Xá Ly cách hướng Đông Bắc hơn bốn dặm, Duy ma cư sĩ Trạch vội vào trong thất, san nền chông đá làm thành. Vương Sách Cung đo ngang dọc được mười thê nên gọi là phương trượng.

Phòng

Phòng là bên cạnh, là ở hai bên điện đường.

Luật Ngũ phần dạy: Tỳ-kheo xin phép thọ nhận phòng xá của tín thí. Đức Phật liền cho phép.

Luận Thập tụng dạy: Phòng thuộc của Tăng, hoặc phòng của một người.

Luận Tát Bà Đa dạy: Nếu phòng mới làm xong mà

có một người thọ giới, giới đức thanh tịnh, vào trong phòng ấy thì thí chủ có tâm cúng dường nên cúng dường cho họ. Nếu xây dựng nhiều phòng trang nghiêm cao rộng mà có Tỳ-kheo giữ giới thanh tịnh tạm thời thọ dụng rồi thì nên cúng dường cho họ, vì giới chẳng phải pháp thế gian.

Nhạn đường

Luật Thiện Kiến dạy: Trong khu rừng lớn ở Tỳ Xá Ly làm điện đường Phật, hình giống như chim nhận.

Thiền thất

Kinh Trung A-hàm dạy: Phật vào thiền thất an tọa, lại có người gọi là thiền trai. Trai nghĩa là nghiêm tịnh. Như đạo Nho tịnh trong thất gọi là thư trai, hoặc nơi quan viên phán xử thanh trị gọi là quận trai.

Tiêu tự

Nay đa số đều gọi nơi Tăng ở là tiêu tự, do Lương Võ Đế tạo chùa dùng họ làm đề vậy. Đời Đường, Lý Ước Tự Cung Chuẩn Nam mua được tám biển chùa Lương Võ Đế. Con họ Tiêu là Vân Phi Bạch viết lớn chữ tiêu lúc muốn quay về Lạc Hạ Trạch, ở đình nhỏ hiệu Tiêu Tề, rõ biết quân tử là chánh trực.

Hương thất

Tỳ-nại-da luật nghi tịnh tam tạng chú chép: Bốn góc gọi là Phật đường là Kiện-đà-câu-chi. Ở đây dịch là hương thất, không gọi là Phật đường, Phật điện, bởi cung kính Tôn nhan vậy

Tạo già lam pháp

Đời Tề pháp sư Linh Dụ tạo chùa gồm mười thiên nhưng phương pháp tạo chùa Đời Minh chuẩn theo chánh giáo, nghĩa là tránh sự cơ hiểm, nên cách chùa ni và thành thị để sau này khỏi bị hoại.

Nam sơn chép: Người đời không hiểu pháp nên tăng chúng phải sáng suốt để chỉ dẫn.

Hộ già lam thần

Kinh Thất Phật dạy: Có mười tám vị thần hộ già lam: Mỹ Âm, Phạm Âm, Thiên Cổ, Thán Diệu, Thán Mỹ, Ma Diệu, Lô Âm, Sư Tử, Diệu Thán, Phạm Hưởng, Nhân Âm, Phật Nô, Thán Đức, Quảng Mục, Diệu Nhân, Triệt Thính, Triệt Thị, Biền Thị.

Pháp sư Đạo Thế nói: Tự viện đã có mười tám vị thần hộ vệ, người cư trú phải tự sách tấn, không được biếng nhác, làm trái, sợ mang lấy tội báo hiện tại.

Tỳ-kheo kinh doanh tinh xá

Trong luật Đại đề tử Phật đều tự xây dựng tinh xá. Như Đại Ca Diếp tự trộn bùn v.v...

Luận Tỳ-bà-sa chép: Các Đại đề tử dứt hết lậu hoặc, tại sao lại lo việc xây dựng? Đáp: “Có năm việc:

1. Vì báo ân Phật.
2. Vì nuôi dưỡng Phật pháp
3. Vì diệt tâm cao ngạo của phàm phu
4. Vì đề tử tương lai chế phục những người hung dữ
5. Vì phát sanh phước nghiệp tương lai.

Tự viện tam môn

Tất cả các tự viện đều có ba cửa. Vì sao chỉ có một

cửa mà cũng gọi là ba cửa? Theo luận Phật địa chép: Cung điện lớn, ba cửa giải thoát là chỗ đi vào. Cung điện lớn dụ như pháp Không Niết bàn. Ba cửa giải thoát là: Không, Vô tướng, Vô tác. Nay tự viện là nơi trì giới tu đạo cầu đắc Niết bàn nên người ở trong đó là do ba cửa mà vào vậy.

XUẤT GIA

Xuất gia do.

Luận Du-già dạy: Tại gia phiền nhiễu như ở trong nhà bụi, xuất gia nhàn tịnh như ở hư không, cho nên nói xả bỏ tất cả hướng đến nơi tốt đẹp. Trong Tỳ-nại-da nói: Xả nhà hướng đến chỗ không nhà. Luận Tỳ-bà-sa dạy: Tại gia là nhân duyên phiền não. xuất gia là diệt cấu uế trói buộc nên đáng gọi là viễn ly vậy.

Xuất gia nan

Kinh A-hàm dạy: Có ngoại đạo tên là Diêm Phù Xa hỏi Xá Lợi Phất:

Pháp luật Hiền Thánh có việc gì khó? Xá Lợi Phất đáp: Chỉ có xuất gia là khó. Hỏi: Khó cái gì?

Đáp: Đó là sự ưa thích. Hỏi: Ưa thích cái gì?

Đáp: Ưa thích tu thiện. Hỏi: Thiện pháp là gì?

Đáp: Đó là chánh đạo. Nếu người xuất gia tu tập pháp này thì mau diệt sạch các phiền não.

Kinh Tần Bản Tạp A-hàm dạy: Những người xuất gia gọi là nan đắc. Người khởi tâm ác thì không gọi là nan đắc.

Xuất gia dùng tín tâm làm đầu. Trong luận Trí Độ,

Phật dạy: Nếu người có lòng tin thì có thể vào trong biển pháp lớn của Ta, có thể đắc quả Sa-môn, không luống uổng việc cạo tóc, mặc áo nhuộm. Nếu người không có lòng tin thì người ấy không thể vào trong biển pháp lớn của Ta, như cây khô không ra hoa kết trái, không đắc quả Sa-môn, dù cạo tóc, mặc áo nhuộm, đọc tụng nhiều kinh điển nhưng khó thành tựu ở trong Phật pháp, không có sở đắc. Do đó ban đầu vào Phật pháp hoàn toàn là dùng tín căn.

Luận Khởi Tín dạy: Tín tâm có bốn loại:

Tín nguồn gốc là vui nghĩ đến pháp chân như

Tín Phật có vô lượng công đức, thường nghĩ được gần gũi, cung kính, cúng dường, phát sanh căn lành, nguyện cầu Nhất thiết trí.

Tín pháp có lợi ích lớn, thường nghĩ đến việc tu tập các Ba-la-mật.

Tín Tăng tu hành chân chánh, tự lợi, lợi tha, thường ưa gần gũi chúng Bồ-tát, cầu học hạnh chân như.

Duy thức luận dạy: Tín có ba loại sai khác:

1. Tín thật hữu: nghĩa là đối với các pháp thì thâm tín nhẫn trong sự lý
2. Tín hữu đức: nghĩa là đối với Tam bảo thì thâm tín lạc trong thật đức
3. Tín hữu năng: nghĩa là đối với tất cả thế gian và xuất thế gian thì tin thật có năng lực thành tựu hy vọng trong pháp thiện thâm diệu.

Luận Tỳ-bà-sa dạy: Có lòng tin thì như tay nắm giữ được thiện pháp.

Xuất gia việt ngũ đạo

Theo kinh Duy Ma, pháp sư Thập nói: Phạm phu có thể ra khỏi bốn đường nhưng không thể ra khỏi cõi Trời. Xuất gia cầu Niết bàn thì vượt qua cả năm đường.

Pháp sư Triệu nói: Năm đường chẳng phải là Niết bàn.

Xuất gia hỷ

Pháp sư Thập nói: hỷ có hai phần:

1. Hiện tại có công đức nên tự nhiên vui mừng
2. Sau đắc Niết bàn nên tâm thường vui vẻ.

Pháp sư Triệu nói: Nhiều loạn là do tâm mong cầu nhiều. Sầu khổ là do không biết đủ. Xuất gia ít mong cầu nên không bị nhiều loạn, vì trong lòng chứa đầy đạo pháp nên thường hoan hỷ.

Xuất gia tam pháp

Pháp sư Thập nói: Xuất gia có ba pháp: Trì giới, thiền định, trí tuệ. Trì giới có khả năng chế phục phiền não, khiến chúng mỏng dần. Thiền định có khả năng ngăn chặn phiền não, như núi đá ngăn dòng nước. Trí tuệ có khả năng diệt sạch phiền não, hoàn toàn không sót.

Trong bài tựa Đại giới, pháp sư Đạo An nói: Giáo pháp đức Thế Tôn thành lập gồm ba phần: giới luật, thiền định, trí tuệ. Ba pháp này là cửa đắc đạo, là cửa chính của Niết bàn. Giới là thanh kiếm báu chặt đứt ba ác. Thiền là dao bén làm tan tác các phiền não. Tuệ là thầy thuốc giỏi dùng thuốc tốt trị bệnh.

Phát tâm tức thị xuất gia

Kinh Tịnh Danh chép: Người có tâm Bồ-đề vô

thượng tức là xuất gia.

Pháp sư Thập nói: Dù là người đời mà phát tâm vô thượng thì cũng nhờ tâm ấy mà vượt qua ba cõi. Do đó hình thức tuy có ràng buộc nhưng vẫn là chơn thật xuất gia, đầy đủ giới hạnh.

Xuất gia chánh nhân

Kinh Bảo Vũ dạy: Trong giáo pháp của Như Lai, chánh tín xuất gia, chẳng bị thế lực Vua bắt buộc, không bị giặc đè ép, không vì trốn nợ, không sợ hãi, không sống bằng nghề nghiệp tà vạy mà xuất gia chính là mong cầu chánh pháp, xuất gia bằng tín tâm.

Xuất gia ngũ pháp

Kinh Ngũ Đức Phước Điền dạy:

Phát tâm xuất gia vì mến mộ đạo

Hủy bỏ hình tốt để thích ứng với pháp phục

Xả bỏ thân mạng vì tôn sùng đạo

Xa lìa thân thích vì hướng đến chỗ không thân thích

Chí cầu Đại thừa vì muốn độ người

Quốc Vương phụ mẫu bất thính hứa bất đắc xuất gia
Luật Tăng Kỳ dạy: Vua Tịnh Phạn thỉnh Phật:

Từ nay về sau nếu cha mẹ không cho phép thì không được xuất gia. Vì sao? Vì cha mẹ mong con nối dõi tông đường.

Lúc ấy, đức Phật chế giới: Cha mẹ không đồng ý thì không được xuất gia.

Ngũ Bách Vấn kinh dạy: Người xuất gia nếu cha mẹ, pháp nước không cho phép thì có đắc giới không?

Đáp: Không đắc.

Kinh Lăng Nghiêm dạy: Cha mẹ không cho phép thì không được xuất gia.

Tam đẳng xuất gia nhân

Kinh Tam Thiên Oai Nghi dạy: Hạnh xuất gia có các nghiệp thượng, trung, hạ. Bậc hạ: dùng mười giới làm căn bản, suốt đời thọ trì, là duyên xa lìa nhà, làm việc như người đời. Bậc trung: xả bỏ các việc, thọ đủ tám vạn bốn ngàn nghiệp thân, khẩu, ý là nhân duyên hướng đạo, chưa có thể thanh tịnh hoàn toàn, tâm phiền não vẫn còn, chưa có thể xuất ly, so với bậc thượng thì không bằng, nhưng hơn bậc hạ. Bậc thượng: căn tâm lợi lạc, xả bỏ phiền não trói buộc, có tuệ lực thiên

định, tâm đắc giải thoát, tịnh thân, khẩu, ý, ra khỏi nhà phiền não, ở nhà thanh lương nhàn tịnh. Đó là đệ tử xuất gia bậc thượng.

Vấn xuất gia khổ lạc

Kinh Trung A-hàm dạy: Phạm chí Sanh Văn hỏi Phật: Tại gia, xuất gia do đâu mà khổ?

Phật dạy: Tại gia do không tự tại nên khổ. Nghĩa là tiền tài, lương thực, nô tỳ không tăng thêm, do đó mà ưu sầu, không tự tại nên khổ. Xuất gia do tự tại nên khổ. Nghĩa là tùy thuận tham, sân, si, không giữ cấm giới, do đó mà ưu sầu nên tự tại là khổ.

Hỏi: Tại gia, xuất gia do đâu mà vui?

Phật dạy: Tại gia được tự tại là vui. Nghĩa là tiền tài, lương thực, nô tỳ được tăng thêm, do đó mà vui nên nói tự tại là vui. Xuất gia không tự tại là vui. Nghĩa là học

đạo, không theo tham, sân, si, hành theo cấm giới, không tranh cãi, oán ghét, ưu não nên có lợi lạc. Do không tự tại nên được vui.

Phật bất định đáp

Trong kinh Thúc Ca, Bà-la-môn Thúc Ca hỏi Phật: Cư sĩ tại gia siêng tu phước đức căn lành có hơn người xuất gia không?

Phật dạy: Trong câu hỏi này thì Ta không khẳng định hơn hay không. Nếu người xuất gia mà không tu căn lành thì không bằng tại gia. Nếu người tại gia mà siêng tu căn lành thì hơn người xuất gia.

Xuất gia hạnh

Kinh Niết bàn dạy: Người xuất gia không nên khởi tâm ác, vì thân khẩu sẽ thực hành theo. Ta bỏ cha mẹ, vợ con, bạn bè để xuất gia chính là lúc tu thiện, chẳng phải tu bất thiện.

Kinh Trang Nghiêm Pháp Môn dạy: Cô gái Kim Sắc thừa Văn Thù: Cho phép con xuất gia.

Văn Thù đáp: Bồ-tát xuất gia chẳng phải cạo tóc gọi là xuất gia mà phải phát tâm tinh tấn, vì trừ khổ não cho tất cả chúng sanh, đó mới gọi là xuất gia. Chẳng mặc y nhuộm mà tự trì giới gọi là xuất gia mà thường khiến người phá giới được an trụ trong tịnh giới, đó mới gọi là xuất gia. Chẳng phải một mình tư duy ở chỗ A lan nhã gọi là xuất gia mà phải dùng tuệ phương tiện giáo hóa khiến cho nữ sắc bị lưu chuyển trong sanh tử được giải thoát, đó mới gọi là xuất gia. Chẳng phải tự thân giữ gìn giới luật gọi là xuất gia mà phải thực hành bốn tâm vô

lượng giúp cho chúng sanh tăng thêm căn lành, đó mới gọi là xuất gia. Chẳng phải tự thân được nhập Niết bàn gọi là xuất gia mà phải an trí tất cả chúng sanh nhập vào Niết bàn đó mới gọi là xuất gia.

Kinh Đại Pháp Cự Đà-la-ni dạy: Xuất gia hành ba việc lành:

Xa lìa tật đố, tùy hỷ chỉ dạy
Giúp người đúng lúc, không cầu quả báo
Không tổn hoại người thành tựu căn lành
Xuất gia nhân sự vụ

Luật Tăng kỳ dạy: Người xuất gia nên ít sự việc, chớ để người đời chê cười mà mất phước lành của họ.

Kinh Tam Thiên Oai Nghi dạy: Ba việc cần làm của người xuất gia: tọa thiền, tụng kinh, khuyến hóa. Nếu thực hành đủ ba việc này thì đúng pháp xuất gia. Còn như không thực hành như thế thì sống chết uổng phí, chỉ là nhân thọ tội.

Kinh Quán Phật Tam muội dạy: Tỳ-kheo thường hành bốn pháp:

Đêm ngày sáu thời thường sám hối tội lỗi
Thường tu niệm Phật, không dôi gặt chúng sanh
Tu sáu tâm hòa kính, không sân nhuế, ngạo mạn
Tu tập sáu niệm, như cứu lửa cháy đầu.

Kinh Siêu nhật Minh dạy: Tỳ-kheo có bốn pháp:
Thường niệm Như Lai, tạo hình tượng Phật
Nghe kinh hiểu nghĩa, tin tưởng phụng hành
Tuy không gặp Phật, hiểu rõ các pháp vốn không
Biết mười phương Phật là một pháp thân Phật lưu

phước ẩm mật thể đệ tử.

Kinh Phật Tạng dạy: Người xuất gia phải nhất tâm hành đạo, thực hành đúng pháp, chớ nghĩ đến chuyện ăn mặc và các thứ cần dùng. Tướng sáng công đức ở chạng mảy Như Lai tỏa khắp trăm ngàn vạn ức, giữ lại một phần cho đời mật thể nên đệ tử cũng không cùng tận.

Kinh Bồ-tát Bốn Hạnh dạy: Từ nước Ma Kiệt Đà, đức Phật đi đến nước Tỳ Xá Ly, người và chư Thiên cúng dường Phật ba ngàn lọng báu. Phật nhận hai ngàn chín trăm chín mươi chín cái, còn một cái không nhận lấy. Phật dạy: “Đem để che chở cho đệ tử đời sau”. Do đó mà này được sự cúng dường.

SU TU

Sư

Là mô phạm

Châu lễ sư thị chú chép: Là danh xưng người dạy đạo.

Chỉ Sư chép là: Đầy đủ phước hạnh, giáo hóa người khác.

Châu lễ chép: Trưởng dưỡng và giáo huấn người có được khuôn phép gọi là sư trưởng.

Luận Bảo Tích dạy: Sư trưởng là bậc có khả năng trợ giúp người tăng trưởng thánh thiện.

Luật dạy: Hòa thượng đối với đệ tử nên tưởng như con. Đệ tử đối với Hòa thượng nên tưởng như cha, lại gọi là sư phụ. Sư có hai:

Thân giáo sư: là vị thầy để nương tựa xuất gia, học kinh, cạo tóc. Tỳ-nại-da cũng gọi là thân giáo.

Y chỉ sư: là vị thầy đề thọ học tam tạng kinh điển.

Ngũ Bách vấn kinh chép: Chư tăng đẳng đàn đều được gọi là sư không?

Đáp: Không được, vì không theo thọ pháp nên hoàn toàn không gọi là sư.

Hòa thượng

Chỉ Quy gọi là Úc-ba-đệ-da, ở đây dịch là thường gần gũi đề thọ học.

Phát chánh ký gọi là Ưu-bà-đà-ha, ở đây dịch là nương tựa đề tu học.

Tỳ-nại-da gọi là Ô-ba-đà-da, ở đây dịch là thân giáo, vì có khả năng dạy lìa nghiệp xuất thế nên gọi là thọ nghiệp Hòa thượng.

Pháp sư Thập nói: Tiếng Phạm là Hòa thượng, ở đây gọi là Lực sanh.

Xá Lợi phát vấn kinh nói: Người xuất gia xả bỏ nhà sanh tử, cha mẹ, vào trong pháp môn, thọ pháp vi diệu, nhờ năng lực của sư mà pháp thân tăng trưởng, công đức phát sanh, nuôi dưỡng huệ mạng, công ấy chẳng lớn sao?

Luật nhiếp Tát-bà-đa dạy: Có hai Hòa thượng: Hòa thượng ban đầu cho xuất gia và Hòa thượng cho thọ giới cụ túc.

Luận Tỳ-bà-sa dạy: Hòa thượng có bốn hạng:

Có pháp, không có ăn mặc

Có ăn mặc, không có pháp

Có pháp, có ăn mặc

Không có pháp, không có ăn mặc Sư vấn lai xuất gia giả.

Luật Tăng Kỳ dạy: Người muốn xin xuất gia thì không nên nói việc an lạc, nên nói ăn một bữa, ít ăn uống, thức nhiều, ngủ ít, phải hỏi người ấy có chịu đựng được không. Nếu người kia nói được mới cho xuất gia.

Luật bất hứa độ giả

Luật Tăng Kỳ dạy: Những người già bảy, tám, chín mươi tuổi, nằm dậy cần người giúp đỡ thì không nên cho xuất gia.

Luật Ngũ phần dạy: Tất cả những người tàn tật, hình tướng hung ác, hủy báng Phật pháp đều không được độ. Vua có sắc lệnh ngăn cấm nên làm thầy cần phải thận trọng.

Dĩ mạo trạch sư

Luật dạy: Ở trong chúng, Bạt Nan Đà là người có thân hình cao lớn. Xá Lợi Phất hình dáng thấp nhỏ. Có ngoại đạo muốn xuất gia, thâm nghĩ: “Trí tuệ của vị Tỳ-kheo nhỏ này rất cao siêu, huống chi vị Tỳ-kheo cao lớn kia”, do đó liền đến xin Bạt Nan Đà xuất gia, thọ giới. Sau hỏi thầy về kinh, luật, luận, thì thầy đều không thông hiểu, ngoại đạo liền bỏ đi mà nói Phật pháp tàn cận, chê trách Tỳ-kheo rồi quay về đạo cũ.

Tư

Chỉ Quy chép: Tư nghĩa là nắm lấy pháp, trợ giúp mình hiểu rõ và thực hành. Bá Dương nói: Giúp cho người bất thiện trở thành người thiện.

Tiểu sư

Ký Quy truyện gọi là Đạt-hạt-la, Đường dịch là tiểu sư.

Tỳ-nại-da dạy: Tỳ-kheo Nan Đà gọi chúng Tỳ-kheo mười bảy tuổi là tiểu sư, cũng là tên gọi chung các Sa-môn. Xưa cao tăng gọi Tăng Đạo là Sa-di. Pháp sư Ngạch thấy là liền hỏi: “Đối với Phật pháp ông còn muốn làm gì”. Đáp: ” Muốn làm pháp sư giảng thuyết”. Pháp sư Ngạch nói: “Ông phải vì vạn người mà làm pháp chủ, chứ đâu có thể đối với Dương tiểu sư này”

Đệ tử

Câu pháp truyện chép: Tiếng Phạm là thất sái, ở đây dịch là sở giáo, xưa gọi là đệ tử. Nam sơn sao chép: Người học sau ta gọi là đệ, hiểu biết từ ta sanh ra gọi là tử, tức là người học lấy nghĩa cha anh mà thờ thầy nên gọi là đệ tử, lại gọi là đồ đệ là chữ lược của chữ đồ đệ tử.

Độ ác đệ tử

Ưu-bà-tắc giới kinh chép: Thà thọ giới ác một ngày, đoạn vô lượng mạng căn, chứ quyết không nuôi dưỡng đệ tử hung ác, không thể điều phục. Vì sao? Vì hành vi ác làm ương lụy thân mình. Nuôi đệ tử ác, không thể dạy dỗ, còn khiến cho vô lượng người làm ác, có thể hủy báng vô lượng pháp nhiệm mầu thánh thiện. Bồ-tát Thiện Giới kinh dạy: Độ đệ tử ác tức phá hoại pháp nên gọi là đệ tử ma. Lường xét tội này sao lại không cẩn thận.

Sư tư tương nhiếp

Sư: dùng tài pháp định tuệ để chế ngự mình và chế phục người khác, an trụ không mất, do nuôi dưỡng, can ngăn nên cũng gọi là tương nhiếp. Nam sơn sao chép: Phật pháp lợi ích rộng lớn đều do tư sư tương nhiếp chuộng nhau, tài pháp đầy đủ, phước đức lợi ích ngày

một sâu dày vốn là do sự nương tựa nhau vậy.

Giáo pháp trì trệ, cửa che gió tuệ, ôm lòng chán nản, làm việc phi pháp đều do sự phụ không có tâm dạy dỗ dẫn đến đệ tử không có chí hướng thực hành. Hai thầy trò bỏ nhau rồi lừa dối, khinh bỉ mà mong được đắc đạo thì đâu có thể đạt được.

Sư niệm đệ tử

Luật Tăng Kỳ dạy: Thầy nên nghĩ: “Vì muốn cho đệ tử đắc đạo quả nên ta hóa độ khiến tu các pháp lành”.

Kinh A-hàm dạy: Sư trưởng lấy năm việc để chỉ dạy đệ tử:

1. Thuận theo pháp của Phật
2. Dạy những điều đệ tử chưa nghe
3. Tùy theo điều đã nghe mà khéo giải nghĩa
4. Chỉ dạy cho bạn đồng tu của đệ tử
5. Đem hết điều hiểu biết ra chỉ dạy mà không có hối tiếc
6. Luận Trang Nghiêm dạy:
7. Độ cho xuất gia
8. Cho đệ tử thọ giới
9. Ngăn cấm đoạn dứt việc ác
10. Bảo trì giáo pháp
11. Dùng chánh pháp để chỉ dạy

Đệ tử sự sư

Nhiếp Đại Thừa luận dạy: Suốt đời phụng sự không xa lìa gọi là sự.

Luật Tứ phần dạy: Đệ tử phải đối với Hòa thượng bằng bốn tâm: thân ái, kính thuận, lo lắng, tôn trọng, tận

tình hầu hạ như quần thần phụng sự Vua. Kính trọng chăm lo nhau như thế thì chánh pháp được tồn tại lâu dài, làm lợi ích rộng khắp.

Kinh Thi Ca Việt dạy: Đệ tử đối với thầy có năm việc:

1. Cung kính
2. Niệm ân
3. Thuận theo lời chỉ dạy
4. Nhớ nghĩ không quên
5. Nên khen ngợi thầy

Kinh Trường A-hàm dạy: Đệ tử nên lấy năm việc để phụng sự sư trưởng:

1. Cung cấp những gì cần đến
2. Lễ cúng dường
3. Tôn trọng kính ngưỡng
4. Kính thuận theo lời sư trưởng dạy
5. Theo thầy nghe pháp ghi nhớ không quên

Trong Tỳ-nại-da quyển ba mươi lăm, đức Phật dạy Tỳ-kheo Cao Thắng về việc phụng sự sư trưởng, lược nói là đệ tử phải luôn cung kính nhớ nghĩ đến sư trưởng, phải có tâm sợ hãi, không vì danh tiếng, không vì lợi dưỡng, phải dậy sớm thăm hỏi sức khỏe sư trưởng, dậy rồi nhẹ nhàng đem tiểu tiện, mỗi nửa tháng phải giặt giũ lau chùi giường, chiếu. Nếu không làm như thế thì mắc tội vượt pháp.

Trong Tỳ-nại-da dạy: Khi đệ tử vừa thấy sư trưởng thì phải lập tức đến hầu hạ. Nếu gặp thân giáo sư thì phải rời y chỉ sư để hầu thân giáo sư.

Giáo ha đệ tử

Kinh Bồ-tát Thiện Giới dạy: Làm thầy mà không có khả năng răn dạy đệ tử là phá hoại Phật pháp sẽ đọa Địa ngục.

Tỳ-nại-da dạy: Đệ tử có năm điều nên quở trách:

1. Bất tín
2. Giải đãi
3. Ác khẩu
4. Không có hổ thẹn
5. Gần bạn ác

Phật dạy: chỉ phạm một điều trong năm điều trên đều phải quở trách.

Tỳ-kheo hỏi Phật: Quở trách bằng cách nào? Phật dạy: có năm cách quở trách:

1. Không nói chuyện
2. Không chỉ dạy
3. Không cùng thọ nhận
4. Ngăn cấm các việc không cho y chỉ
5. Không cho ở cùng phòng

Đồng tử

Luận Trí Độ dạy: Tiếng Phạm là Cưu-ma-la-già. Đời Tần gọi là đồng tử.

Ký Quy truyện chép: Cư sĩ đến chỗ Tỳ-kheo chuyên tụng kinh Phật, cầu cạo tóc gọi là đồng tử. Phép xuất gia ở Tây Thiên không có ngăn cấm nhưng phải cầu sư chấp thuận và chúng tăng cạo tóc là thuộc hành giả đồng tử. Nay trong kinh gọi Văn Thù, Thiện Tài, Bảo Tích, Nguyệt Quang v.v... và các đại Bồ-tát là đồng tử, tức chẳng phải trẻ con.

Như Trí luận dạy: Giống như Văn Thù Sư Lợi có đủ mười lực, bốn Vô sở úy v.v... làm đủ Phật sự nên trụ ở Cưu-ma-la-già. Lại nói: Bồ-tát từ sơ phát tâm đoạn dâm dục cho đến Bồ-đề gọi là đồng tử. Nay thì căn cứ theo ở đây giải thích thì gọi là nhi, mười lăm tuổi gọi là đồng, từ bảy tuổi đến mười lăm tuổi đều gọi là đồng tử, nghĩa là thái hòa mặt tán.

Độ tiểu nhi duyên khởi

Luật Tăng Kỳ dạy: Đức Phật đang ở nước Xá Vệ, A Nan có một người bạn trong thành bị dịch bệnh nên dân chúng đều chết, chỉ còn một đứa trẻ. A Nan đi ngang qua, đứa trẻ theo sau gọi, A Nan không nghe nên bị người đời cơ hiềm: “Sa-môn chỉ thân gần với những kẻ có thể lực khác, do đó thấy đứa trẻ cô độc này nên không muốn nhìn”. Đứa trẻ theo vào tinh xá Kỳ Hoàn. A Nan bạch Phật: “Đứa bé này có độ được không?”. Phật hỏi: “Ông dùng tâm gì để độ?”. A Nan thưa: “Con dùng tâm từ mẫn”. Phật dạy: “Được độ”.

Hành giả

Luật Thiện Kiến dạy: Có thiện nam cầu xin xuất gia, chưa có y, bát mà muốn nương ở trong chùa nên gọi là Bạt-đầu-ba-la-sa. Nay rõ ràng ở đây gọi là hành giả. Trong kinh đa số gọi người tu hành là hành giả. Hành là tu tập hai hạnh. Giả là năm uẩn giả hợp. Nghĩa là người có khả năng tu hành vậy. Từ mười sáu tuổi trở lên nên gọi là hành giả. Nghĩa là người con trai từ tám tuổi lên mười sáu tuổi thì dương khí đã đầy đủ, do đó có sự vui thích tin nhận, tu tập phạm hạnh, từ đời Tấn đã có hạng

người này. Như đại sư Lâm Viên sau này có tên là hành giả Tịch Xà.

THẾ PHÁT

Từ bộ điệp

Điệp này phát xuất từ Thượng thơ tỉnh từ bộ nên gọi là từ bộ. Theo Tăng sử lược chép: Trong Đường hội yếu ghi: “Ngày rằm tháng năm niên hiệu Diên Tải, Tắc Thiên ra lệnh cho tất cả dân chúng, Tăng ni đều căn cứ vào từ bộ. Đây là lần đầu tiên, nghĩa là lấy việc lành để cầu giải ác, lấy việc phước để trừ tai nạn.

Tục tăng yếu chép: Tháng năm niên hiệu Thiên Bảo năm thứ sáu, chế sử độ Tăng ni vẫn lệnh cho từ bộ cấp điệp. Đây là lần đầu.

Thế phát

Trong luật dạy: hủy bỏ hình đẹp, cạo sạch râu tóc, đây là phát nguyện đầu tiên, khiến cho khác người đời nên gọi là xuất gia.

Kinh Nhân quả dạy: Chư Phật quá khứ vì muốn thành Vô thượng Bồ-đề nên bỏ vật trang phục đẹp, cạo râu tóc rồi phát nguyện: “Nay Ta cạo bỏ râu tóc vì nguyện đoạn trừ phiền não và tập chướng cho tất cả chúng sanh”.

Châu la phát

Nay là thân giáo sư, người cạo hết tóc trên đầu lần cuối cùng cho đệ tử. Tiếng Phạm là châu-la. Ở đây dịch là tiểu kiết. Vả lại trong ba cõi chín địa, phiền não, kiến tu sở đoạn có tám mươi một phẩm. Phiền não cuối cùng

ở địa thứ chín gọi là tiểu kiết, rất vi tế khó trừ. Nay dùng tóc trên đầu dụ như phiền não kia. Chín mươi sáu phái ngoại đạo đều không thể trừ hết được, chỉ có đệ tử Phật mới có khả năng đoạn trừ. Thân giáo sư là người cạo sạch tóc lần cuối, biểu hiện sự đoạn trừ phiền não còn sót lại nên làm cho đệ tử được ra khỏi ba cõi.

Phụ mẫu

Nam sơn sao, quyển thứ mười hai và Pháp uyển, quyển hai mươi hai đều chép: Người được cạo tóc rồi làm lễ và đi nhiễu Tam bảo, lễ đại chúng và hai sư xong sau đó ngồi vào chỗ ngồi sau cùng. Cha mẹ và thân quyến đều phải đến làm lễ để chúc mừng đạo tâm của người ấy. Đây cũng gọi là du lễ quán: quán là làm lễ. Hễ vào ngày lễ quán đánh của nhà Vua, nếu Vua gặp mẹ thì mẹ làm lễ, gặp anh thì anh lễ, nghĩa là vì sự trưởng thành mà lễ. Nay con mình xuất gia theo Phật được cạo tóc nên làm lễ vậy. Cha mẹ lễ vì người kia đã là bậc xuất thế nên làm lễ, lại vì pháp phục và giới thể của người ấy mà làm lễ. Đó cũng là gia phong của đức Phật chúng ta.

Luật Căn án căn bản Tỳ-nại-da ghi: Vua Tịnh Phạn-phụ thân của Phật nghe tin Thái tử đã thành Phật, hiện đang ở tại tinh xá Trúc Lâm, thành Thất La Phiệt. Vua liền thảo thư sai sứ đến đó thỉnh Phật về nước. Vua bảo các Quân thần: “Nhất Thiết Nghĩa Thành sắp về quê hương, nên tu sửa thành quách, làm sạch đường sá, dựng một tinh xá ở rừng Quật Lộ Đà”.

Bấy giờ Thế Tôn suy nghĩ: “Nếu đồ chúng của Ta vào thành thì dòng họ Thích sẽ sanh tâm kiêu mạn. Vậy Ta nên dùng thân biến để vào thành. Phật liền cùng các

Thanh-văn vọt lên hư không, hiện các pháp thần biến, đến gần thành liền thâu nhiếp thần thông rồi chỉ có Phật cách đất, nương hư không mà đi. Dân chúng tranh nhau xem, đều nói: “Cha sẽ lễ con hay là con lễ cha?”.

Bấy giờ Vua Tịnh Phạn thấy oai nghi tướng mạo của Thái tử khác với người đời liền làm lễ dưới chân Ngài. Do đó dân chúng đều không bằng lòng nên đều nói: “Tại sao cha lại làm lễ dưới chân con?”. Vua nói: “Các người chớ có nghĩ như thế. Bởi vì lúc Thái tử vừa mới sanh ra không cần người bồng ẵm, liền quay mặt về bốn phương, đi bảy bước. Chính lúc ấy Trẫm liền làm lễ dưới chân Thái tử. Sau đó lúc Thái tử ngồi dưới cây Diêm bộ, khi Mặt trời đã quá Ngọ, các bóng cây đều ngã về hướng Đông, chỉ có bóng cây Diêm bộ là đứng yên để che thân Thái tử thì lúc ấy trẫm lại làm lễ Thái tử. Nay là lần thứ ba Trẫm làm lễ vậy”.

Lúc ấy Thế Tôn liền vào chỗ ngồi. Nhà Vua lại làm lễ rồi ngồi đối diện và nói với mọi người: “Đây là lần thứ tư Trẫm làm lễ dưới chân con mình vậy”. Từ đó về sau mới có việc làm lễ vậy”.

Kinh Bốn Khởi dạy: Phụ vương lễ dưới chân Phật có hai duyên: một là cung kính, hai là thương con.

Kinh Ma Gia dạy: Bấy giờ phu nhân Ma Gia quỳ trước Phật, nắm vóc gieo sát đất, nói kệ:

Cúi đầu kính làm lễ

Đấng Pháp Vương Vô Thượng.

Sa di

Ban đầu là danh xưng sau khi được cạo tóc. Tiếng

Phạm là ngoa. Ở đây dịch là tức từ, nghĩa là an ổn trong từ bi. Lại nữa vì người này dứt tất cả vọng tình đắm nhiễm trong thế gian nên thương yêu tất cả chúng sanh. Lại nói: người mới vào Phật pháp vì còn nhiều tình cảm ở đời nên cần dứt ác hành từ.

Luận Đại Tỳ Bà Sa gọi là Thất lợi ma nã lạc ca, đời Đường dịch là cần tức nam, nghĩa là vì người này lìa bốn tánh tội, sáu giá tội, siêng năng sách tấn nên không phạm lỗi và được thanh tịnh.

Ký quy truyện gọi là Thất la mật ni la, đời Đường dịch là cầu tịch. Tịch tức là Niết bàn. Nghĩa là nói người này ra khỏi nhà phiền não, hướng đến Niết bàn.

Tài thể phát tiện thọ thập giới

Ký Quy truyện chép: Nước Tây Thiên khi xuất gia đều có phép Vua. Những người phát tâm xuất gia thì bốn sư liền hỏi các nạn sự. Nếu không có các nạn sự thì cho phép xuất gia. Hoặc trải qua bảy tháng làm cho người ấy dứt các việc đời thì bốn sư liền cho thọ năm giới, mới gọi là Ưu-bà-tắc. Đây là thêm bậc đề vào Phật pháp, thuộc vào bảy chúng. Kế đến bốn sư sấm y, bát, đũa lọc nước v.v... rồi thỉnh A-xà-lê cạo tóc. Bốn sư đích thân trao hạ y rồi cho thượng y đội lên đầu để thọ, sau đó thọ bát, thọ mười giới. Như vậy gọi là sa di, mới là đúng pháp, thuộc vào năm chúng. Nếu vọng tiêu của tín thí, hủy phá mười giới thì đại giới không thành, trái với danh xưng cầu tịch. Đã không xứng đáng để nhận của tín thí mà vẫn ở mãi để thọ nhận thì sẽ phải mắc nợ chẳng còn nghi ngờ gì nữa. Vậy cần phải nương theo giáo pháp mà tế độ.

Tam phẩm sa di

Trong luật Tăng kỳ, đức Phật chế định, chưa đủ mười lăm tuổi thì không nên cho thọ sa di. Sau đó tại nước Ca Duy Vệ, A Nan có gặp hai đứa trẻ trên đường rồi nuôi dưỡng nó. Phật hỏi: “Sao không cho xuất gia?”. A Nan thưa: “Phật chế không cho tể độ”. Phật hỏi: “Hai đứa trẻ này có thể đuổi qua được không?”. A Nan thưa: “Dạ được”. Phật dạy: “Cho phép làm khu ô sa di, ít nhất là mười bảy tuổi, ngay cả những người mới mười ba tuổi cũng đều gọi là khu ô sa di. Từ mười bốn tuổi đến mười chín tuổi gọi là ứng pháp sa di. Hai mươi tuổi trở lên gọi là danh tự sa di”.

Sa di diệt danh Tỳ-kheo

Luật Thiện Kiến dạy: Nếu có thí chủ đến thỉnh Tỳ-kheo thì sa di chưa thọ giới cụ túc cũng được nhập vào số Tỳ-kheo. Đây là danh tự Tỳ-kheo.

Kinh Niết bàn dạy: Thí như đứa trẻ, mới được xuất gia tuy chưa thọ giới nhưng cũng được tính vào tăng số.

Luật Tứ phần dạy: Chia phòng xá, ngọa cụ theo thứ tự từ đại Tỳ-kheo xuống đến sa di, nếu có lợi dưỡng cũng chia theo thứ lớp.

Sa di hạnh

Luận Tỳ-ni-mẫu dạy: Sa di phải nên biết tầm quý, khéo phụng sự thầy đúng pháp không được giải đãi, phóng túng, phải cẩn thận nơi thân, khẩu, hạ mình, kính người, thường ưa trì giới, chớ ham đùa giỡn, không nên ỷ vào tài năng của mình, lại chớ coi thường, phải biết hổ thẹn, không nói những chuyện tạp loạn, chỉ nói những

điều hợp lý, biết tịnh và bất tịnh, thường theo hai thầy đọc tụng kinh pháp. Nếu trong chúng có việc thì phải tùy thuận làm theo.

Ngũ bách vấn kinh dạy: Sa di dối nói là đại đạo sư nhận Tỳ-kheo một lạy đó chính là giặc.

Kinh Sa di thất thập nhị oai nghi quyển một: Sa di viết thư phải thỉnh thầy kiểm đọc rồi mới gởi đi.

PHÁP Y

Y

Tức là trang phục, là dựa vào, là chỗ nương tựa để che chở nóng lạnh.

Theo Tả truyện chép: Y phục là để phân biệt kẻ sang, người hèn.

Bạch Hồ Thông nói: Y là an ổn, nghĩa là làm an ổn thân hình.

Văn tử nói: Y phục đủ để che thân thể, ngăn gió rét.

Y phục của người xuất gia ở Tây Thiên căn cứ vào pháp chế trong luật, làm đúng pháp nên gọi là pháp y.

Nhị y

Nghĩa là cho phép chế hai y vậy.

Trong luận Du Già, hỏi: Tại sao trong Tỳ-nại-da đức Phật khai cho tất cả các vật thọ dụng hiện có đều không nhiễm không? Tại sao trong Tỳ-nại-da đức Phật lại ngăn cấm tất cả tự tánh tội pháp, trái với vô tội pháp.

Tam y

Pháp y có ba: Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng, An-đà-hội.

Kinh Tuệ Thượng Bồ-tát dạy: Y năm điều gọi là trung trước y. Y bảy điều gọi là thượng y. Đại y là tên gọi y khi tập chúng.

Luật Tứ phần dạy: An-đà-hội luôn mặc trên thân thể. Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng khi vào chúng mới đắp mặc.

Tăng huy ký chép: Tên ba y không thể dịch, vì đều là định rõ số lượng, nghĩa là thấy y An-đà-hội có năm bức liền gọi là y năm điều, thấy y Uất-đa-la-tăng có bảy bức liền gọi là y bảy điều, thấy Đại y điều số nhiều liền gọi là tạp toái y. Đại y là y chủ trong ba y, rất tối thượng thù thắng nên thường dùng lúc vào cung Vua, lúc vào thôn xóm. Y bảy điều gọi là y trung giá, nghĩa là không đắt như đại y, không rẻ như y năm điều, được gọi là y. Y năm điều gọi là hạ y, nghĩa là ít điều hơn y bảy điều, được dùng lúc hành đạo làm các việc chúng.

Kinh Tạp A-hàm dạy: cần tu bốn tâm vô lượng và cạo tóc mặc ba pháp y.

Luật Tăng Kỳ dạy: Ba y là biểu tượng của Sa-môn Hiền Thánh vậy.

Luật Tứ phần dạy: Ba đời Như Lai đều mặc y này.

Luận Trí Độ dạy: Đệ tử Phật trụ nơi trung đạo nên mặc ba y. Luận Tát-bà-đa dạy: Vì muốn hiện pháp chưa từng có nên chế bay này.

Chín mươi sáu phái ngoại đạo không thể có ba tên gọi này.

Vì muốn khác với ngoại đạo nên mặc ba y này.

Kinh Pháp Hoa dạy: Vì muốn xả ly tam độc.

Kinh Giới Đàn dạy: Y năm điều đoạn tham thuộc về

thân nghiệp. Y bảy điều đoạn sân thuộc về khẩu nghiệp. Đại y đoạn si thuộc về ý nghiệp.

Trong Tăng huy ký, hỏi: Sao không tăng lên bốn, hoặc giảm xuống hai mà chỉ có ba. Số ba là thuộc về dương. Dương mới có khả năng sanh ra vạn vật. Nay chế ba y là biểu hiện sanh ra muôn điều lành, là lấy nghĩa làm lợi ích vật vậy.

Thống danh

Ca sa là tên gọi màu sáng suốt. Tiếng Phạm nói đủ là ca-la-sa-duệ, ở đây dịch là bất chánh sắc.

Luật Tứ phần dạy: Tất cả màu sắc đẹp không được dùng, nên hoại đi để làm màu ca sa, nay lược nói tiếng Phạm nên gọi là ca sa.

Theo Nghiệp số nói: Xưa gọi là ca sa, đến Lương Cát Hồng lại bày thêm y gọi là đạo phục vậy.

Biệt danh

Kinh Đại Tập dạy: Ca sa là tên gọi pháp phục là nhiệm ô. Kinh Hiền Ngu gọi là y phục xuất thế. Kinh Như Huyền Tam muội gọi là y vô cấu, lại gọi là giáp nhần nhục; lại gọi là y hoa sen, nghĩa là không bị nhiễm bùn; lại gọi là tràng tướng, nghĩa là không bị tà yêu là điên đảo; lại gọi là y điện tướng, nghĩa là không làm cho người trông thấy sanh điều ác; lại gọi là y tiêu sáu, nghĩa là mặc y này thì phiền não bị tiêu mòn; lại gọi là y ly trần, y khử uế, lại gọi là chân việt.

Đại y hữu tam phẩm cửu loại

Luận Tát-bà-đa dạy: Tăng-già-lê có ba phẩm: y chín điều, mười một điều, mười ba điều gọi là y hạ phẩm, đều

do hai miếng dài, một miếng ngắn tạo thành; y mười lăm điều, mười bảy điều, mười chín điều gọi là y trung phẩm, đều do ba miếng dài, một miếng ngắn tạo thành; y hai một điều, hai ba điều, hai lăm điều gọi là y thượng phẩm, đều do bốn miếng dài, một miếng ngắn tạo thành.

Tăng huy ký, hỏi: Y bảy điều thuộc về phẩm nào?

Đáp: thuộc hạ phẩm, do hai miếng dài và một miếng ngắn tạo thành.

Ngũ bộ y sắc

Trong Xá Lợi Phất Vấn Kinh, bộ Ma ha Tăng Kỳ dạy: Người siêng học các kinh, tuyên giảng chân nghĩa, do đó trong chỗ đang ở nên mặc y màu vàng. Bộ Đàm Vô Đức dạy: Người thông đạt lý đạo, khai mở sự lợi ích, tuyên dương thù thắng thì nên mặc y màu đỏ. Bộ Tát-bà-đa dạy: Người thông suốt thấu đạt, đem pháp giáo hóa thì nên mặc y màu đen. Bộ Ca-diếp-di dạy: Người tinh cần dũng mãnh, nhiếp hộ chúng sanh thì nên mặc y màu mộc lan. Bộ Di-sa-tác dạy: Người thiên định vào chỗ vi tế, thấu suốt thâm sâu thì nên mặc y màu xanh.

Vấn ngũ bộ y đặc thủ thứ trước phủ

(Hỏi: năm bộ y có được thọ nhận để thay y đắp mặc không?)

Đáp: Trong Xá Lợi Phất Vấn Kinh dạy: Có Tỳ-kheo La Tuần vì phước mỏng nên khát thực không có gì. Sau đó nhờ năm bộ y lại thay đổi mặc nên vị ấy khát thực được nhiều thức ăn uống. Cho nên đức Phật dạy: Trong pháp xuất gia của Ta toàn mặc y phục tề tạc, do nhân duyên La Tuần nên Ta cho phép nhận nhiều y.

Tử y

Đây không phải năm bộ y nhưng vì triều đình ban cho Sa-môn nên nay còn tồn tại vậy.

Tăng sử lược chép: Theo sách đời Đường, dưới triều Tắc Thiên có chín vị Tăng: Pháp Lăng v.v... dịch xong kinh Đại Vân nên đều được Vua ban cho ca sa màu đỏ, dầy bằng bạc hình rùa. Y phục này được Vua ban lần đầu. Từ đó các triều đại sau theo đó mà thực hành. Đến đời Đại Tống niên hiệu Thái Bình Hưng lúc mới lên ngôi cho phép Tăng khắp nơi vào cung đình, trước ở chỗ tỷ thí tam học, sau ở phủ Khai Phong, sai Tăng chứng nghĩa kinh, luật, luận, do thông cả mười điều nên mới ban cho y đỏ gọi là thủ biểu tăng, dùng tay mắt để biểu hiện vậy, nhờ vào công đức tâu trình. Nay thiên hạ một nhà nên không cần thủ biểu. Vào ngày lễ giáng sinh, Hoàng đế, thân vương tể phụ, tiết độ cho đến chánh thứ sử được dâng biểu tiến cử những tăng đạo được mặc y đỏ, chỉ có lương vệ tăng lục được tiến cử vào nội cung, ngày ấy được nhận môn hạ điệp và được cấp cho y đỏ, cúng dường tứ sự, gọi là liên tiền tử là chức vinh quang nhất. Bởi y này nhờ ân Vua nên được mặc, thật không phải là chuyện dễ, hình tượng của y được phân đều.

Căn cứ vào Đông quán tâu ký chép: niên hiệu Đại Trung, tăng tu ở chùa Đại An biết pháp chế, tài năng hơn người. Một hôm Văn Đế đến xin y đỏ, nói: “Không phải đối với ông quái đản mà xem ông có được Vua ban cho chưa và ban cho trở về chùa”. Bỗng nhiên ông ta bệnh nặng rồi qua đời. Gần đây cũng có nhiều người như vậy.

Nhiễm sắc

Trong luật có ba màu để hoại sắc: xanh, đen, mộc lan. Theo Sớ sao chép: Xanh là màu xanh đồng; đen là màu bùn; mộc lan là màu vỏ cây.

Vật thể

Theo trong luật có mười loại nhưng không ngoài ba loại gai, tơ, lụa cần nó để che kín thân.

Ngũ Bách vấn kinh chép: Ba y được dùng tơ sống để làm không?

Đáp: Tất cả vật sống nhưng không thấy thân thì được dùng. Điền tướng duyên khởi luật Tăng Kỳ dạy: Đức Phật đang ở thành Vương Xá, lúc ấy Ngài đi kinh hành trước hang đá, trông thấy ruộng lúa có bờ ngăn những thửa ruộng rõ ràng liền nói với A Nan: “Chư Phật quá khứ dùng y giống như vậy. Từ nay nương theo đây mà may y.

Tăng Huy ký chép: Thửa ruộng giữ nước, sanh trưởng mầm giống để nuôi thân mạng. Thửa ruộng pháp y, có nước thấm nhuần bốn loài, tăng mầm ba thiện căn dùng để nuôi dưỡng pháp thân huệ mạng.

Tác pháp

Tỳ-nại-da dạy: Tăng-già-lê được làm hai lớp. Nếu làm đến ba lớp thì mắc tội Ác tác.

Luật Tứ Phần dạy: Đại y có bảy điều, phải cắt rọc để may. Nếu y năm điều thì được may mỏng nhẹ.

Theo luật may đại y trong năm ngày thì hoàn thành, y bảy điều được may trong bốn ngày, y năm điều được may trong hai ngày thì hoàn thành, nếu quá thời gian quy định mà không hoàn thành thì Tỳ-kheo-ni phạm tội đọa,

Tỳ-kheo phạm đột-kiết-la, vì không tự mình may y.

Luật Tăng Kỳ dạy: Nếu may y có người khác làm giúp, hoặc sợ quá thời gian quy định mà không thành thì nên may đường chỉ thừa, may xong liền thọ trì, sau đó may đường chỉ nhặt lại.

Trong chương phục nghi Đại sư Nam Sơn dạy: Theo các luật khi may thành y thì tùy theo số điều y nhiều hay ít mà giới bốn chế định. Như y tăng-già-lê muốn cắt rọc đến hai mươi lăm điều, hoặc vãi ít thì tùy theo đó mà giảm dần số điều lại, cho đến chín điều, bảy điều.

Lại nữa, Bất túc nải mạn lại chép: Nay chúng sanh đa số đều thích y tốt, đẹp, đường chỉ may dày tất phải cần đến công của người, chỉ mong sao cho đường may đẹp chứ chẳng kể tiền công cao thấp, hoặc có người đã từng phung phí trả tiền may gấp đôi làm trái phạm vậy.

Minh không

Có người nói như lỗ để cho nước vào ruộng lúa.

Trong Căn bản Bách nhất Yết ma, Tịnh tam tạng dạy: Ở Thiên Trúc thì ba y đều do cắt rọc may thành, chỉ ở Đông Hạ khai cho không may, xét kỹ trong luật thì không có phép khai này.

Mạn y

Tiếng Phạm là Bát-tra, đời Đường dịch là mạn điều tức một tấm vải, trong ba y thì y không điều tướng là mạn y vậy. Khi Phật pháp truyền đến đời nhà Hán, trải qua một trăm tám mươi bảy năm nhưng những người xuất gia chưa biết cách cắt may nên chỉ mặc y này.

Thiếp tướng

Pháp này phát sanh từ mạn điều.

Luật Thập tụng dạy: Tỳ-kheo sống ở núi rừng đồng trống, cho phép mặc mạn y, không cho phép mặc vào thôn xóm, phải mặc các y trên để thấy tướng phước điền.

Lại nữa, Tỳ-kheo nghèo thiếu y không có vải để cắt may thì nên kiếm vải tùy theo các loại y trên mà may, hoặc năm điều, bảy điều, chín điều, hoặc quá mười lăm điều.

Nạp y

Lại gọi là ngũ nạp y, nghĩa là y có năm loại vậy. Luật Thập Tụng dạy:

1. Y có thí chủ
2. Y không có thí chủ
3. Y vãn hoàn
4. Y người chết
5. Y phẩn tảo.

Ở đây lại có năm loại:

1. Y vứt bỏ trên đường
2. Y nơi chỗ phẩn tảo
3. Y vứt bỏ bên sông
4. Y do kiến cắn hư
5. Y thuộc vải vụn hư

Lại có năm loại:

1. Y bị lửa cháy
2. Y ngâm trong nước
3. Y chuột gặm
4. Y bò nhai
5. Y người sanh con vứt bỏ

Các loại vải trên do người Thiên Trúc vớt bỏ vào ngày húy kỵ không dùng đến nữa, nghĩa giống như phần tảo chấp vá thành y nên gọi là y phần tảo.

Theo luật dạy: Tất cả các loại y trên không được dùng màu sắc chính, phải nhuộm làm màu ca sa. Nay nói thuật tức là lông nhỏ làm y vậy.

Luận Trí Độ dạy: Ý của đức Phật là muốn cho các đệ tử tùy thuận hành đạo, vì bỏ sự vui ở đời vậy. Đức Phật tán thán mười hai hạnh đầu đà như lần hóa độ đầu tiên, năm Tỳ-kheo bạch Phật nên mặc loại y nào? Phật dạy, nên mặc y vá nạp.

Luật Thập Tụng dạy: Nếu y vá nạp không đủ tương phước điền thì không nên lừa dối để vào thôn xóm.

Y này có mười điều lợi:

1. Mặc y thô xấu
2. Ít sự mong cầu
3. Tùy ý mà ngồi
4. Tùy ý mà nằm
5. Tắm rửa dễ
6. Ít trùng
7. Dễ nhuộm
8. Khó hư
9. Lại không dư y
10. Không mất việc cầu đạo

lại nữa, vì là vật hèn mọn nên lìa được tâm tham, vì không bị kẻ trộm tham lấy nên thường che thân thể, vì ít muốn nên dễ giúp thân khô gầy, do đó mà bậc thượng sĩ mặc y này.

Trước y công quá

Phật bảo A Nan: Y có hai loại là khả thân, bất khả thân. Nếu mặc y đẹp thì tăng thêm đạo tâm của người. Đây gọi là khả thân. Nếu làm tổn đạo tâm của người thì gọi là bất khả thân. Cho nên có kẻ hoặc từ y đẹp mà đắc đạo, có người hoặc từ y xấu mà đắc đạo, sự chứng ngộ là do tâm mình, không nên câu nệ vào y phục.

Trong luận Trí Độ, đức Phật dạy: Từ nay nếu có Tỳ-kheo nhất tâm cầu Niết bàn, xả bỏ thế gian thì Ta cho phép mặc y giá trị mười vạn lượng vàng, ăn đủ trăm món.

Ca sa ngũ chủng công đức

Kinh Bi Hoa dạy: Đức Phật ở trước bảo tạng của Phật, khi Ngài phát nguyện thành Phật, ca sa có năm công đức:

Nhập vào trong Phật pháp: người phạm trọng tội Tà kiến nhưng chỉ trong một niệm phát tâm tôn trọng Phật pháp thì sẽ được thọ ký trong Tam thừa.

Nếu Trời, rồng, người, quỷ cung kính đối với một chút ca sa thì sẽ được quả Tam thừa không thối lui.

Nếu quỷ thần, loài người có được ca sa chỉ bốn tất thì các vật ăn uống được sung túc.

Nếu chúng sanh thường hay chống đối nhau mà biết nhớ nghĩ đến ca sa thì sẽ sanh tâm bi.

Nếu giữ một phần ca sa, cung kính tôn trọng thì thường được thù thắng hơn người.

Tám pháp tin trọng

Ca sa là biểu thức của Thánh nhân, tùy thuận hạnh Tịch diệt, tâm từ bi, người ly dục dùng để đắp mặc. Cho

nên người xuất gia thân khoác ca sa nếu chưa đắc quả Sa-môn thì nên dùng tám pháp kính trọng. Tám pháp ấy là: nên tưởng xây tháp, tưởng tịch diệt, tưởng từ bi, tưởng như Phật, tưởng tầm quý, khiến cho tôi đời sau được lìa tham, sân, si, tưởng bậc Sa-môn.

Thọ trì y pháp

Tỳ-nại-da gọi là tăng-già-quảng (đại y) là y chủ trong các y cho nên phải tùy nơi mà mặc dùng, hoặc lúc vào thôn xóm, hoặc lúc đi khát thực, lúc thọ trai, lúc, lúc làm lễ chế độ, lúc nghe pháp, lúc lễ hai sư và lễ đồng phạm hạnh, đều có thể mặc đại y. Y ốt-đa-la-tăng (y bảy điều) nên đối với nơi thanh tịnh mà đắp mặc và nơi lễ tụng. Y an-trớ-bà-sa (y năm điều) ở nơi nào cũng tùy ý đắp mặc, không phạm.

Ngũ bách vấn nói: Nếu không có y giữa (y bảy điều) thì được đắp đại y lên giảng, lễ, y năm điều cũng được mặc lúc vào chúng ăn, lễ v.v...

Luật Thập Tụng dạy: Mặc đại y thì không được ngồi trên đá, đất, cây, cỏ và quét đất; trái tọa cụ, ngoại cụ thì không được dùng chân đạp, không được kéo lê trên đất. Nếu đi đến thôn xa thì nên mang y trên vai, gần thôn có ao sâu rộng thì dùng nước rửa tay chân, không có nước thì dùng cỏ, lá cây phủ bụi rồi đắp y.

Bồi trước ca sa

Tức là dùng phía trước ra sau. Tăng ở phương Bắc đa số đều như vậy.

Trong luật Ngũ phần, đức Phật dạy: Nếu đi ra ngoài thôn, hoặc đi vào thôn bị cỏ, cây móc rách y, gió thổi bụi

đặt vào điều tương y, vì sợ dễ hư hoại y thì cho phép giữ gìn y nên khi vào thôn xóm được lật y lại để đắp mặc, hoặc y mau hư thì cho phép lộn y lại để đắp mặc, trên dưới phải khâu nút lại.

Câu nữ

Trong luật Tăng Kỳ, phần Nữ tiết tập yếu chép: Trước mặt là câu. Sau lưng là nữ. Trước không có vật này nhưng do Phật chế ni-sư-đàn che dưới cánh tay tức trên vai để trần, không chỉnh tề, lúc đi khát thực bị gió thổi bay nên đức Phật cho phép khâu nút. Phật chế tất cả vàng bạc vật báu không được làm nút khâu, chỉ cho phép các loại thuộc về ngà, xương, gỗ thơm.

Phi đản

Xá Lợi Phất vấn kinh chép: Lúc nào thì che hai vai, lúc nào thì bày vai phải? Phật dạy: “Tùy theo lúc cúng, hoặc lúc ăn nên bày vai phải để tiện làm việc. Lúc tạo phước điền nên che hai vai để hiện tướng phước điền”.

Tác ích

Tăng Kỳ dạy: Nếu người đời muốn lấy một miếng ca sa của Tăng Ni có giới đức để mong trừ khỏi tai họa thì cho phép cho họ một miếng nhỏ.

Thiên sam

Xưa Tăng y theo luật chế chỉ có tăng-kỳ-chi (áo lót) che vai trái và nách phải, do che thân bằng ba y là nghi ở Thiên Trúc vậy.

Trúc đạo đản ngụy lục chép: Người trong cùng Ngụy thấy Tăng mặc ca sa để lộ khuỷu tay bên trái nên không cho đó là điều tốt đẹp nên mới cho may áo lót để che bên

trái, do đó gọi là thiên sam.

Quần

Từ này ở đây là do Châu Văn Vương chế ra.

Tây Vức ký gọi là nê-phước-ta-na, Đường dịch là quần.

Căn bản bách nhất yết ma chép: Tiếng Phạm là nê-phạt-tán-na, Đường dịch là quần.

Các bộ luật xưa dịch là niết-bàn-hoàn-tăng, hoặc dịch là nội y, hoặc gọi là thù-y

Tọa cụ

Tiếng Phạm là ni-su-đàn, ở đây dịch là tùy tọa y.

Căn bản Tỳ-nại-da gọi là ni-su-đản-na, Đường dịch là tọa cụ. Pháp sư Tịnh nói: theo văn gọi là tọa cụ, đây chính là phu cụ, dùng để nằm, ngồi đều được. Phật chế dùng để nằm tạm, sợ có sự tổn hại nên không dám dùng đến việc khác.

Luật Ngũ phần dạy: Vì hộ thân, hộ y, hộ giường nệm tăng chúng nên chế tọa cụ.

Tăng Kỳ dạy: Nếu đi đường thì được để đại y, thất y vào trong đây, đến nơi rồi thì đem ra mà ngồi. Tùy theo hạn lượng đã chế ra ở trong luật mà làm, dài hai khuỷu tay Phật, rộng một khuỷu rưỡi. Luật gọi là cánh tăng, tức hướng về bốn góc đều có lợi ích, phù hợp với bốn duyên, tức làm phép vậy, không cho làm một lớp. Nếu may y mới thì nên dùng y cũ bọc vào trong để bảo vệ khỏi bị hoại. Nếu không có y cũ, lại không có chỗ để xin thì không mang theo cũng không có lỗi. Ký chép: Trước Phật cho phép mang y che vai trái nhưng do có ngoại

đạo hỏi một Tỳ-kheo: “Vai ông che tấm vải tên là gì, để làm gì?”. Tỳ-kheo đáp: “Là ni-sur-đàn, dùng để ngồi”. Hỏi: “Ông đã mang y tên là gì, có công đức gì?”. Đáp: “Là y nhần nhục, có đủ tướng Tam bảo, trên ngăn chặn thiên ma, dưới hàng phục ngoại đạo”. Hỏi: “Y này có công đức như thế thì đâu có thể dùng như miếng vải để ngồi lên trên. Nếu ông tự làm như vậy thì thầy ông đâu có chỉ dạy. Nếu thầy ông chỉ dạy thì pháp này không đáng để tôn trọng”. Tỳ-kheo bạch Phật, do đó Phật chế che tay trái.

Kinh Giới đàn đồ dạy: Ni-sur-đàn (tọa cụ) giống như tháp có nền móng, nay ông thọ trì thì thân là tháp ngũ phần pháp thân, bởi vì ngũ phần pháp thân do giới sanh ra vậy.

Lạc tử

Hoặc gọi là quả tử, do các vị tăng trước làm ra, các tăng sau bắt chước lại quên mất tên y. Do thấy mang ở trên thân nên lấy đó mà gọi tên vậy. Nay các thiện tăng ở phương Nam đều mặc khi làm các công việc. Do tướng không như pháp nên ở trong các luật đều không có tên gọi, nguy hại đến người lưu truyền sai.

Trong quyển thứ mười của Căn bản bách nhất yết ma dạy: Y năm điều có ba loại: Y lớn thì dài ba khuỷu tay, rộng năm khuỷu tay. Y nhỏ thì giảm bớt mỗi bề một nửa khuỷu tay. Do ở bên trong nên gọi là trung. An-đà-hội có hai loại: một là dài ba khuỷu tay, rộng năm khuỷu tay. Hai là dài hai khuỷu tay, rộng bốn khuỷu tay. Ở đây gọi là thủ trì y, hạn lượng ngắn nhất là che từ rốn đến đầu gối, do không rõ hạn lượng nên gọi là lạc tử. Nếu

may thì chỉ có năm bức: một ngắn, một dài gọi là an-đà-hội, nghĩa là tránh khỏi sự chệch lạc, được mặc không mọi lúc hợp với luật, không có lỗi.

Miệt

Sớ sao chép: Cái bí tất cũng là y.

Luật Tứ phần dạy: Trời lạnh thì cho mang bí tất.

Luật Ngũ phần dạy: Ngoại đạo hỏi y, Tỳ-kheo không biết nên bị cơ hiềm: “Sa-môn có gì đặc biệt, còn không biết tướng y thì làm sao biết tâm, do đó mà y theo văn trước để chú thích vậy.

GIỚI PHÁP

Giới

Luận Trí Độ dạy: Tiếng Phạm là thi-la, Tần dịch là tánh thiện, xưa sư gọi là thi-la, ở đây dịch là giới, nghĩa luật là dừng dứt lỗi lầm, phòng điều sai quấy.

Tăng huy ký chép: giới là cảnh tỉnh, nghĩa là sách tấn ba nghiệp là xa lỗi lầm.

Trong kinh Ưu-bà-tắc giới dạy: giới là phép chế, nghĩa là chế ngự tất cả pháp bất thiện.

Luận Bồ-tát tư lương gọi là thi-la, có các nghĩa: Thanh lương: vì lìa xa tất cả phiền não nóng bức. An ổn: vì làm nhân an lạc cho đời sau.

An tịnh: vì được xây dựng bằng chỉ, quán. Tịch tịnh: vì là nhân an lạc của Niết bàn.

Hai giới

Tỳ-ni-mẫu dạy: giới có hai: giới thế gian, giới xuất thế gian. Giới thế gian làm nhân cho giới xuất thế gian

nên gọi là tối thắng. Lại gọi là: giới thuộc thân, miệng; giới thuộc tâm. Do nương vào giới ở thân, miệng mà đạt được giới ở tâm.

Ba giới

Giới tại gia, giới xuất gia, giới chung của tại gia và xuất gia.

Hai quy giới

Luật Ngũ phần dạy: Lúc Phật mới thành đạo thì hai người buôn và nữ Tu-xà-đà cùng năm Tỳ-kheo đều thọ hai quy, chưa có Tăng.

Tam quy giới

Luật Ngũ phần dạy: Đức Phật ở vườn Nai hóa độ năm anh em Kiều Trần Như nên lúc ấy có sáu La Hán. Sau đó, cha mẹ Da xá được thọ tam quy lần đầu tiên. Quy, nghĩa là hướng về; y, nghĩa là nương tựa.

Luận Tát-bà-đa dạy: Do Tam bảo là chỗ nương tựa, vì cứu độ làm cho cõi dục không bị hư tổn.

Luận Hiển Tông gọi là cứu tế, nghĩa là nhờ quy y Tam bảo nên dứt được vô lượng nỗi sợ hãi, khổ đau và sanh tử.

Tỳ-ni-mẫu dạy: Có năm loại thuộc tam quy: 1. Chuyển tà. 2. Năm giới. 3. Tám giới. 4. Mười giới. 5. Giới Cụ túc.

Trong luận Tát-bà-đa chép:

Hỏi: Nếu người không thọ tam quy thì có được thọ năm giới không?

Đáp: Không được. Trước tiên phải thọ tam quy, sau

đó mới thọ năm giới.

Kinh A-hàm dạy: Đối với việc thọ quy giới thì trước tiên phải sám hối, sau đó mới thọ tam quy, chính là giới thể được nương tựa sau ba lần kết dạy.

Trong kinh Ưu-bà-tắc giới, trưởng giả Thiện Sanh bạch Phật: “Có người đến xin thọ giới thì tại sao trước tiên phải dạy họ về tam quy, sau đó mới cho họ thọ giới?”. Phật dạy: “Vì phá các khổ, đoạn phiền não, thọ nhận sự an lạc Vô thượng tịch tịnh, do nhân duyên đó nên trước tiên phải thọ pháp quy y vậy. Tam quy là: Đức Phật có khả năng hoại diệt phiền não để được chánh giải thoát; Chánh pháp là hoại diệt phiền não để được chân thật giải thoát; Chư tăng là người thọ nhận việc phá phiền não để được chánh giải thoát.

Kinh Hy Hữu Giáo Lượng Công Đức dạy: Nếu có người dùng tứ sự cúng dường Như Lai trong tam thiên đại thiên thế giới đầy như lúa, mè, tre, lau suốt hai vạn năm và sau khi chư Phật diệt độ lại xây tháp, dùng các thứ hương hoa v.v... cúng dường thì phước đức tuy nhiều nhưng không bằng phước đức của người dùng tâm thanh tịnh quy y Tam bảo.

Ngũ giới

Nghĩa là có năm giới: 1. Không giết hại. 2. Không trộm cắp. 3. Không tà dâm. 4. Không nói dối. 5. Không uống rượu.

Pháp Uyển Châu Lâm, quyển tám mươi tám chép: Thế gian còn chuộng nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Người trí còn bỏ sự giết hại, trộm cắp, dâm dục, nói dối, uống rượu.

Đạo, đời khác nhau nhưng sự chỉ dạy thông nhau vậy. Cho nên người có lòng nhân thì không giết hại; người có nghĩa cung phụng thì không trộm cắp; người giữ lễ thì không dâm dục; người coi trọng chữ tín thì không nói dối; người có trí thì không uống rượu. Đây là sự giáo hóa nhất thời. Sự giáo huấn trong chánh pháp lấy nhân làm đầu, nhân tức là năm lỗi trước. Đây chính là thật pháp, chỉ ra sự thật, không giả dối trau chuốt, giả danh hiện ý, theo đây mà tu thì không cầu quả mà chứng quả, không tham vui mà được vui. Nếu lấy gần để mong xa, bỏ ít để ôm nhiều thì không có chỗ quay về vậy. Nay thấy người giữ gìn không giết hại thì không cầu nhân mà có được lòng nhân; người không trộm cắp thì không mong nghĩa mà nghĩa rộng khắp; người không dâm dục thì không cúng lễ mà lễ tự có; người không nói dối thì mộ tín mà tín tự dương; người không uống rượu thì không hành trí mà trí tự sáng, có thể gọi là tam cương ngũ thường thì công đức gì mà không tăng thêm.

Phí trưởng phòng soạn tùy khai hoàn tam bảo lục, dẫn Tổng diễn chép: Vào niên hiệu Khai Hạ, Văn Đế hỏi Hòa thượng trong chùa:

Phạm Thái tạ linh, vận số v.v... đều nói: “Lục kinh vốn là cứu độ thế tục”. Nếu tánh linh chân yếu thì dùng kinh Phật để làm kim chỉ nam, như cõi nước kia đều thuần thiện theo sự giáo hóa này mới đưa đến thái bình vậy. Tại sao?

Đáp: Thần nghe khi qua sông rồi, Vua noi theo tể phụ cai quản Châu Đâu, Vương Mông tạ ơn đạo sĩ thượng nhân, Quách Siêu, Vương Mịch, Vương Thản,

Vương Cung hoặc là Tuyệt Luân, hoặc là Độc Bộ, Tạ Phu, Tả Quý, Phạm Ưông, Tôn Xước đều đề tâm giao nhau giữa Trời người, chẳng phải là không có những kẻ sĩ tài ba, thanh tịnh đều dạy bảo theo giáo lý họ Thích, không nơi nào đều không như vậy. Nếu một làng gồm trăm nhà mà có mười người giữ năm giới thì mười người được thuần hậu, trăm người tu thập thiện thì trăm người hòa kính, truyền dạy giáo hóa đến khắp trong một quận thì người có lòng nhân nhiều đến trăm vạn. Nếu thường hành một pháp thiện thì bỏ được một pháp ác, bỏ một pháp ác thì dứt được một hình phạt, một hình phạt được chấm dứt ở trong nhà thì trăm hình phạt được chấm dứt trong một nước, do đó Bộ Hạ chỉ ngồi không mà hưởng thái bình.

Luận Đại Tỳ-bà-sa dạy: Năm giới này gọi là học xứ, nghĩa là những người phật tử phải nên học; lại gọi là học tích, vì người nào đến đây thì liền được lên điện trí tuệ vô thượng; lại gọi là học lộ, vì đây là con đường tắt của tất cả luật nghi, diệu hạnh thiện pháp đều được tăng trưởng; lại gọi là học bản, vì đây là pháp căn bản nên ai cũng phải nên học.

Trong kinh Đại Trang Nghiêm thuộc ngũ đại thí Di Lặc vẫn kinh luận chép: Năm giới là người đại thí, vì dùng để nhiếp thủ vô lượng chúng sanh, vì thành tựu vô lượng sự an lạc cho chúng sanh, vì hay tăng trưởng vô lượng công đức.

Bát giới

1. Túc năm giới trước.
2. Không nằm ngồi giường cao, rộng, lớn.

3. Không đeo vòng hoa, anh lạc, không dùng hương dầu thoa thân, xông ướp y phục.

4. Không tự ca múa, không được đến xem nghe.

5. Không ăn phi thời.

Tám giới này gọi là bát quan trai giới. Nói quan nghĩa là ngăn, cấm, vì ngăn cấm tám tội nên không phạm.

Luận Tỳ-bà-sa dạy: Trai là do không ăn phi thời làm thể, do tám sự việc trợ giúp thành trai thể; cùng các chi phần giữ gìn gọi là bát chi trai pháp, do đó mà nói tám chứ không nói chín.

Văn Thù vân kinh chép: Giới Bồ-tát ở thế gian là tám giới vậy. Kinh Bồ-tát xứ thai chép: Tám giới quan trai là cha mẹ của chư Phật.

Luận Tỳ-bà-sa dạy: Tám giới gọi là cận trụ, nghĩa là gần địa vị La Hán; lại gọi là trưởng sanh, nghĩa là nuôi dưỡng căn lành mỏng manh của hữu tình làm cho căn lành ấy tăng trưởng thêm nhiều, ví như giới thứ sáu dạy: “Không được nằm ngòai giường cao, rộng, lớn”. Trong kinh A-hàm dạy: “Chân giường cao thước sáu chẳng phải là cao, rộng bốn thước chẳng phải là rộng, dài tám thước chẳng phải là lớn, chỉ quá hạn lượng gọi là cao, rộng, lớn.

Luật Tăng Kỳ dạy: Giường có hai loại: cao lớn gọi là cao; tốt quý gọi là cao; lại có tám loại giường là: giường vàng, bạc, ngà, sừng, Bích Chi, La Hán và giường Tăng.

Hỏi: Người đời thọ giới này thì mang y phục gì?

Đáp: Luận Bà-sa dạy: “Được dùng y phục thường ngày”. Hỏi: Người này thuộc chúng nào?

Đáp: Kinh Báo Ân dạy: “Do không thuộc giới giữ trọn đời nên không gọi là Ưu-bà-tắc, chỉ gọi là người trung gian (Dưới bảy chúng, trên người đời), lại gọi là cận trụ.

Thuận chánh lý luận chép: Bốn giới trước thuộc về chi giới, vì nhờ đó mà lìa được tánh tội. Chi thứ năm là không buông lung, nghĩa là nếu uống rượu thì tâm buông lung nên không hộ trì được các chi giới. Các chi giới sau là phòng tâm phóng dật theo tâm nhằm chán nên chúng được luật nghi gọi là tám chi giới.

Mười giới

Có hai loại:

Một là mười giới Sa di theo luật Tăng Kỳ là:

1. Lìa giết hại
2. Lìa trộm cắp
3. Lìa phi phạm hạnh
4. Lìa nói dối
5. Lìa uống rượu
6. Lìa chỗ giường cao, rộng, lớn
7. Lìa tràng hoa, anh lạc, hương thoa thân, ướp y phục
8. Lìa việc ca múa và đi xem nghe, cất chứa nhạc cụ.
9. Lìa cất chứa vàng, bạc, tiền của
10. Lìa ăn phi thời.

Hai là mười giới của Bồ-tát gồm năm giới trước

6. Không khen mình, chê người
7. Không nói lỗi của Bồ-tát tại gia hay xuất gia
8. Không tham

9. Không sân

10. Không phỉ báng Tam bảo

Tam tụ giới

Tức giới Bồ-tát Đại thừa:

1. Nhiếp luật nghi giới, nghĩa là lìa các việc ác, sanh khởi đạo hạnh là nhân của Đoạn đức tu thành quả Pháp thân.

2. Nhiếp thiện pháp giới, nghĩa là tích tập pháp thiện tức thân, miệng, ý đều thiện và văn, tư, tu tuệ, mười Ba-la-mật, tám vạn bốn ngàn trợ đạo hạnh là nhân của Trí đức tu thành quả Báo thân.

3. Nhiếp chúng sanh giới; lại gọi là nhiều ích hữu tình giới, nghĩa là độ tất cả chúng sanh, phát khởi đạo bất trụ là nhân của Ân đức tu thành quả Hóa thân.

Luận Trang Nghiêm dạy: Giới đầu tiên lấy sự cấm ngăn làm thể; hai giới sau lấy sự tinh cần đồng mãnh làm thể.

Thọ Bồ-tát giới hữu ngũ lợi

Kinh Phạm Võng chép kệ:

Người trí huệ đồng mãnh

Có thể giữ giới này

Dù chưa được thành Phật

Mà được năm điều lợi:

Một là Phật mười phương

Thường thương nhớ hộ trì

Hai là khi lâm chung

Chánh kiến tâm hoan hỷ

Ba là sanh nơi nào

*Đều làm bạn Bồ-tát
 Bốn là chứa công đức
 Giới pháp đều thành tựu
 Năm, đời này, đời sau
 Đủ tánh giới phước huệ*

Cụ túc giới

Tức hai chúng xuất gia đã thọ giới. Cụ túc là gì?

Theo luận Quyết định tạng chép: Giới Tỳ-kheo bao gồm bốn phần:

1. Thọ cụ túc do bạch tứ yết ma
2. Tùy cụ túc: vì từ đây về sau tùy theo từng giới nên thường được giữ gìn che chở.
3. Bảo hộ hoàn bị tâm người khác: Tỳ-kheo đầy đủ một phần oai nghi gọi là hộ tâm người khác.
4. Giữ giới cụ túc: nghĩa là đối với một lỗi nhỏ lo sợ không dám phạm. Nếu có phạm thì đều nói ra.

Giới cụ túc này gồm có sáu tụ. Tỳ-kheo có hai trăm năm mươi giới điều. Tỳ-kheo-ni có ba trăm năm mươi giới điều.

Lần lượt sẽ giải thích sau.

Ngũ thiên

1. Ba la di
2. Tăng già bà thi sa.
3. Ba dật đề
4. Đề xá ni
5. Đột kiết la
6. Bất định

7. Diệt tránh.

Thất tụ

Như ngũ thiên trên, phần sáu thêm Thâu lan giá, phần bảy thêm Ác thuyết.

Lục tụ

Tăng huy ký chép: Nếu kết đúng tội danh thì nhận lấy đúng quả, năm thiên thì quá ít, không nói đến Thâu lan giá; bảy tụ thì quá nhiều, thừa phần ác thuyết. Ác thuyết đồng với tội Đột kiết la nên thọ quả như nhau. Nay ở trong năm thiên thêm Thâu lan giá; ở trong thất tụ trừ phần ác thuyết nên chỉ còn lại sáu vậy.

Ba-la-đề-mộc-xoa

Trung Hoa dịch là Biệt giải thoát. Nói Biệt giải thoát tức là do giới cảm quả.

Ký chép: Đạo giới danh giải thoát: tức bảy chi, không biểu hiện ở tư, do đoạn hoặc mà thành tựu vậy. Sự giới danh giải thoát: tức Tăng, Ni thọ giới nên đối với việc giết hại v.v... thì không làm, do không tạo nhân, nên không thọ quả. Cho nên gọi là biệt biệt giải thoát.

Tỳ Ni mẫu chép: Ba-la-đề-mộc-xoa nghĩa là tối thắng. Gốc của các điều thiện lấy giới làm căn bản nên các điều thiện được phát sanh.

Chế giới thập ích nhị ý

Trong luật Tăng Kỳ, Xá Lợi Phất bạch Phật: Có bao nhiêu lợi ích nên vì đệ tử mà chế giới?

Phật dạy: Có mười lợi ích:

1. Vì nhiếp hộ Tăng
2. Vì hết lòng nhiếp hộ Tăng

3. Vì khiến cho chúng Tăng an ổn
4. Vì chế phục người không hổ thẹn
5. Người có hổ thẹn thì được sống an ổn
6. Người không tin thì khiến được tin
7. Người chánh tín thì tăng thêm lợi ích
8. Ngay trong pháp hiện tại phiền não được dứt sạch
9. Người chưa sanh phiền não khiến cho không sanh
10. Chánh pháp được tồn tại lâu dài, vì Trời, người mà khai mở cửa cam lồ.

Nhiếp Đại thừa luận chép: Như Lai chế giới có hai ý:

1. Vì Thanh-văn tự độ
2. Vì Bồ-tát tự độ và độ người.

Thọ giới thứ đệ

Trong kinh Báo Ân, Ưu Ba Ly hỏi Phật: Nếu không thọ năm giới, mười giới mà thọ ngay giới có được không?

Đức Phật dạy: Một lúc có thể được thọ ba giới.

Hỏi: Nếu như vậy, thì sao lại gọi là thứ tự: trước thọ năm giới, kế đến thọ mười giới, sau cùng là thọ giới cụ túc?

Đức Phật dạy: Nhiễm tạp Phật pháp nên phải theo thứ tự, nghĩa là trước tiên thọ năm giới để tự điều phục, dần dần tin ưa; kế đến thọ mười giới làm cho căn lành được thâm sâu; sau cùng là thọ giới cụ túc mới kiên cố khó thoái lui. Như vượt qua biển lớn, dần dần vào chỗ sâu; vào biển Phật pháp cũng lại như vậy.

Đắc giới

Trong luận Bà Sa, hỏi: Biệt giải thoát giới do tâm nào đạt được?

Đáp: Do tâm không tổn hại chúng sanh thuộc ý nghiệp thiện của hữu tình phát sanh.

Huân giới chủng tử

Theo tông Đại thừa và Tiểu thừa so ra thì đều chung một nghĩa.

Hơn nữa trong kinh bộ Tiểu thừa chép: Khi thọ giới có bốn loại tư:

1. Thâm lự tư
2. Quyết định tư

Hai loại tư này thuộc về ý nghiệp: bên trong tự tư duy, thâm định nên phát khởi tâm tăng thượng.

1. Cần thân tư tức là thân nghiệp
2. Phát ngữ ý tức trần từ

Hai loại tư này thường phát ra ở sắc dẫn đến hoàn thành yết ma thâm định về hai loại tư trên; huân thành tâm chủng tử đối với hai tư cần, phát trên huân thành sắc chủng tử, thông cả bốn tư trên; huân thành sắc tâm chủng tử.

Theo tông Đại thừa có ba loại tư:

1. Thâm lự tư
2. Quyết định tư
3. Phát khởi thắng tư

Ba tư này đều thuộc về ý nghiệp. Hai tư trước thuộc về gia hành; một tư sau thuộc về căn bản. Do phát khởi thắng tư này nên đầy đủ sự tăng thượng thù thắng, tức ở

trên tư này mà huân thành chủng tử. Thể của nó có công năng phòng ác, sanh thiện.

Nghĩa huân, theo luận Hiện thức chép: Giống như đốt hương xông y, thể hương mất mà mùi hương đang ở nơi y. Thể hương này không thể nói là đã mất, hay không mất, vì mùi hương vẫn còn ở tại y.

Nghĩa chủng tử, theo luận nói: Do sự biến hoại liên tục mà cảm thành quả báo vị lai. Đó là nghĩa chủng tử. Nếu tương tục mà không biến i, hoặc biến đổi mà không tương tục thì đều chẳng phải là chủng tử. Chỉ có tương tục mà biến đổi không lìa nhau mới thành chủng tử.

Giới thể

Còn gọi là tánh Tỳ-kheo. Tiếng Phạm là tam-bạt-la. Các luận Câu Xá v.v... đều dịch là hộ tức là vô biểu sắc.

Kim Cang sao nói: Xuất giới thể có ba:

1. Khắc tánh xuất thể tức một pháp vô biểu tư, thông cả chủng tử hiện hành
2. Tương ưng xuất thể tức một lúc mà hai mươi hai pháp đều có công năng phòng ác, phát thiện
3. Quyển thuộc xuất thể tức ba nghiệp thiện thuộc thân, miệng, ý.

Nhiếp luận chép: Giới Bồ-tát dùng ba nghiệp thân, miệng, ý làm thể. Giới Thanh-văn dùng hai nghiệp thiện của thân, miệng làm thể.

Tỳ-kheo xứng lương phước điền

Kinh Báo Ân dạy: Chúng tăng là phước điền ra khỏi ba giới, nghĩa là Tỳ-kheo có đủ giới thể. Giới là căn bản của vạn điều thiện cho nên người đời quy tín gieo phước

cúng dường như ruộng lúa phì nhiêu sanh nhiều lúa mạ gọi là ruộng phước tốt.

Vấn đản chế thất chi

Ưu-bà-tắc giới kinh chép: Tất cả pháp thiện, bất thiện đều do tâm làm căn bản. Bởi tâm làm căn bản, các Tỳ-kheo phạm lỗi do hai nghiệp: thân phạm và miệng phạm nên chỉ chế bảy chi (thân: ba; miệng: bốn)

Di Lặc vấn kinh luận chép: Tạo tác là nghiệp.

Luận Đối Pháp chép: Nghiệp của bảy chi thuộc thân, miệng là nghiệp tự thể; ba nghiệp thuộc về ý chỉ là tâm tương ưng.

Giới quả

Ưu-bà-tắc giới kinh chép: Quả của giới có hai:

1. Sự an lạc ở cõi Trời
2. Sự an lạc ở Niết bàn

Người trí mong cầu Niết bàn, không mong cầu sự an lạc ở cõi Trời.

Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ chép: Nếu người trì giới mà tâm niệm sự an lạc ở cõi Trời thì người ấy làm ô uế tịnh giới như nước độc tạp nhập. Do sự an lạc ở cõi Trời rất vô thường, khi chết rồi phải trở lại thọ khổ đau. Do đó mà cầu Niết bàn.

Thọ giới thi

Pháp căn bản của Đại giới từ đầu năm Nhâm Dần đời Tào Ngụy Hoàng thứ ba đã chấp thuận nhưng do việc nước bề bộn nên mãi đến năm thứ ba mươi ba khi phế truất và đăng vị Vua mới vào năm Giáp Tuất niên hiệu Nguyên Nguyên thì sửa i. Luật sư Thiên Trúc, Thượng

thư Đàm Ma Ca La mới chấn hưng lại việc thọ giới.

Lập đàn thi

Ở Kỳ Viên Tây Thiên, Tỳ-kheo Lôu Chí thỉnh Phật lập đàn cho các Tỳ-kheo thọ giới Như Lai, ở hướng Đông Nam ngoài viện lập đàn lần đầu tiên. Vào năm Canh Ngọ niên hiệu Nguyên Hạ đời Tống, tăng sĩ Cầu Na Bạt Ma đến chùa Nam Lâm-Dương Đô lập đàn trước vườn trúc cho Tỳ-kheo thọ giới lần đầu tiên. Nay gọi là phương đẳng đàn. Tăng sử lược chép: Do giới đàn vốn phát xuất từ giáo lý Tiểu thừa. Trong giáo lý Tiểu thừa, người đáng được lãnh thọ giới pháp phải nhất nhất y luật. Nếu có một chút sai quấy thì người thọ không đắc giới, còn người trên lên đàn phạm tội. Nay theo pháp phương đẳng thuộc giáo lý Đại thừa tức không chấp vào căn thiếu duyên sai, chỉ cần phát tâm đồng mãnh lãnh thọ thì đắc giới, có thể gọi là bình đẳng quảng đại rộng khắp nên có tên là bình đẳng hoặc gọi là cam lồ đàn. Cam lồ tức dụ cho Niết bàn. Giới là cửa đầu tiên vào Niết bàn, từ quả hiện rõ tên. Nay nói là đàn tràng: đàn tức ra đất làm nền, tràng tức làm cho đất bằng phẳng. Nay có người gọi lẫn lộn bởi vì hiểu nhầm vậy.

Thọ giới quý nghi

Kinh Giới Đàn dạy: Người muốn thọ giới thì trước hết phải đến chỗ người có trí phát tâm giáo hóa muôn loài, vì đã khởi tâm từ đề cứu độ.

Luận Bà Sa dạy: Do cứu độ hết thảy hữu tình nên khởi ý tốt và tâm không tổn hại thì đắc giới, hoặc khi tập tăng, làm pháp sự nên nói: phát tâm thượng phẩm, đắc

giới thượng phẩm. Sa Di chưa được nghe nên làm sao hiểu tâm thượng phẩm này. Đây do Trời nổi mây sấm, mưa vàng liên tục rơi xuống mặt đất.

Trì giới tam lạc

Bài kệ trong Tứ phần luật bốn có viết:

*Người trí khéo giữ giới
Thì được ba điều lợi
Danh dự và lợi dưỡng
Chết được sanh cõi Trời.*

Trì giới tam tâm

Luận Du Già dạy:

*Một, nhằm chán tâm hữu vi
Hai, hướng đến tâm Bồ-đề
Ba, bi mãn với hữu tình.*

Phá giới ngũ suy

Kinh Trung A-hàm dạy:

1. Cầu tài không được
2. Nếu có được thì dễ tiêu mất
3. Mọi người không yêu kính
4. Tiếng ác truyền đi
5. Chết vào Địa ngục

Hộ giới sự nghiệp

Kinh Phương Đẳng dạy: Không được té lễ quý thần, không được khinh lờn quý thần, không được hủy hoại quý thần. Nếu có người té lễ thì cũng không được khinh khi người ấy, cũng không được qua lại với người ấy.

Vấn tục nhân thọ tam quy hậu vi thất.

Hỏi: Nếu người đời sau khi thọ Tam quy mà té lễ

quỷ thần thì có mất quy giới không?

Đáp: Trong kinh Ưu-bà-tắc giới có dạy: Nếu người thọ Tam quy rồi nhưng vì muốn bảo hộ nhà cửa và thân mạng mà tế lễ quỷ thần thì không mất giới. Nếu chí tâm tế lễ quỷ thần ngoại đạo thì mất giới. Lúc tế lễ thì không nên giết hại sinh mạng.

Xả giới tứ duyên

Suốt đời giữ luật nghi, do bốn duyên sau gọi là xả:

1. Xả giới
2. Sanh hai hình
3. Đoạn căn lành
4. Khi chết

Hoặc do sáu duyên cũng đồng như vậy.

Vấn xả giới dĩ cánh đắc xuất gia phủ.

Luận Câu Xá dạy: Nếu đã xả giới không cho xuất gia lại vì đã hủy hoại công dụng, từ đó chánh pháp diệt tận vì yết ma không còn, lại không được người mới thọ giới bảo hộ.

TRUNG THỰC

Chánh thực

Luật Tứ phần dạy: Tiếng Phạm là bồ-xà-ni, ở đây gọi là chánh thực. Ký huy truyện chép: Một nửa là bồ-thiện-na, Đường dịch là ngũ đạm thực, đó là các món ăn như: bánh v.v... Nam sơn sao gọi là thời dục nghĩa là dùng bảo trì thân mạng như thuốc, nên đói khát gọi là chủ bệnh, cũng gọi là duyên bệnh do đó mà mỗi ngày thường ăn như uống thuốc vậy. Thuận chánh lý luận chép: thân mạng nương vào việc ăn uống mà tồn tại, ăn

rồi có thể làm cho thân tâm an vui. Luật Tăng kỳ gọi là thời thực, nghĩa là lúc được ăn; phi thời thì không được ăn. Nay nói trung thực là dùng lúc Mặt trời đứng ngọ thì được ăn, vì đứng giữa trưa nên gọi là trung thực.

Bát chánh thực

Luật Tứ phần gọi là khu-xà-ni, ở đây gọi là bát chánh thực. Ký huy truyện chép: Một nữa gọi là kha-đản-ni, ở đây gọi là ngũ tước thực, đó là gốc, cành, lá, hoa, quả. Nếu ăn năm món trước thì không ăn năm món sau; nếu đã ăn năm món sau thì không ăn năm món trước.

Trai

Kinh Khởi thế nhân bản gọi là ô-bô-sa-đà, Tùy dịch là tăng trưởng, nghĩa là thọ trì pháp trai nên tăng trưởng căn lành. Phật giáo lấy quá giờ ngọ không ăn gọi là trai.

Trai chánh thời

Kinh Tỳ la Tam muội dạy: đức Phật nói về bốn lúc được ăn cho Bồ-tát Pháp Tuệ nghe:

Buổi sáng là Trời ăn

Buổi trưa là thực. Lúc ấy, Phật muốn đoạn nhân sáu đường ác như các đức Phật trong ba đời nên chế thêm buổi trưa là pháp thực đúng thời.

Tăng huy ký gọi lúc đứng ngọ mà bóng Mặt trời nhích qua như sợi tóc trong nháy mắt tức là phi thời.

Chúc

Cũng thuộc vào bát chánh thực. Luật Tăng kỳ dạy: cháo ra khỏi nồi thì không thành miếng mới gọi là bát chánh thực. Tăng huy ký chép: tiểu thực là dùng cháo.

Đọc văn trong năm bộ luật thì thấy duyên khởi của cháo có ba. Luật Tăng kỳ chép: Phật ở nước Xá Vệ, mẹ của Nan Đà nấu nồi cháo ép nước để uống mà được lành bệnh, liền nghĩ “Thầy ta là người ăn một bữa, phải nên có cháo”. Bà dùng nhiều nước, ít gạo nấu còn hai phần, sau đó thêm một ít gia vị, đựng đầy trong bình đem đến chỗ Phật rồi thưa: “Xin nguyện Thế Tôn cho phép các Tỳ-kheo dùng cháo”. Đức Phật chấp thuận, Ngài liền nói kệ. Luật Tứ phần dạy: Đức Phật ở tại nước Na Tần Đầu, Nhân Liệt Sa cúng dường cháo, Phật thọ nhận. Luật Thập tụng dạy: Bà-la-môn Vương A Kỳ Đạt cúng dường tám thứ cháo: sữa, mè, đậu v.v... Đức Phật thọ nhận.

Chúc chánh thời

Luật Tứ phần dạy: Khi minh tướng bắt đầu xuất hiện thì được ăn cháo, ngoài ra đều là phi thời. Luận Bà Sa dạy: Minh tướng có ba:

Mặt trời chiếu đến thân cây Thiêm bộ là lúc Trời màu đen.

Mặt trời chiếu đến lá cây là lúc Trời màu xanh.

Mặt trời chiếu qua khỏi cây là lúc Trời màu trắng.

Trong ba màu, lấy màu trắng là chánh thời, cần dang tay để thấy rõ mới được ăn cháo.

Thực thể

Dùng ba pháp hương, vị, xúc làm thể. Thực tướng.

Dùng sự biến hoại làm tướng, nghĩa là khi vào bụng thì biến hoại, có lợi ích cho đại chúng các căn mới thành thực tướng.

Thực sự

Luận Bà Sa dạy: có hai việc để gọi là ăn:

Lúc mới ăn có thể trừ đói khát.

Lúc tiêu hóa có thể làm lợi ích cho đại chúng các căn.

Thực nghĩa

Luận Phật địa gọi bảo trì là ăn, nghĩa là có khả năng bảo trì sắc thân không bị hủy hoại, tăng trưởng pháp lành. Lại có nghĩa là lợi ích. Nếu chưa ăn mà nuốt vào bụng, chưa tiêu hóa liền bị bệnh đều không thành nghĩa ăn. Khi qua miệng vào bụng tiêu hóa, đi vào ngũ tạng, lan khắp bốn chi, bổ khí lợi da mới thành nghĩa ăn.

Thực tam đức

1. Mềm dịu
2. Tinh khiết
3. Như pháp.

Lục vị

Đắng, cay, chua, ngọt, mặn, lạt.

Bát vị

Sáu vị trên, vị rít và không rõ vị.

Thí thực ngũ thường báo.

Trong kinh Ngũ phước đức, Phật dạy: người đem thức ăn dâng cúng Tăng thì có được năm lợi ích: nhan sắc, sức lực, thọ mạng, an ổn, biện luận. Nếu Thượng tọa cúng dường thì nên tụng kệ:

*Người thí và người nhận
Đều đạt được ngũ thường
Sắc, lực, mạng, an ổn
Và biện tài vô ngại.*

Chúc thập lợi

Luật Tăng kỳ dạy: Do mẹ Nan Đà cúng dường cháo cho chúng tăng, đức Phật nói kệ:

Người trì giới thanh tịnh

Được phụng sự cung kính.

Hành giả tùy thời dùng cháo cúng dường sẽ được mười lợi ích: nhan sắc, sức lực, thọ mạng, an lạc, từ hòa, thanh tịnh, biện luận, chứa thức ăn, lành bệnh, trừ đói khát. Cháo là thuốc hay. Đức Phật đã dạy muốn được sanh làm Trời, người hưởng thọ an lạc thì phải nên dùng cháo cúng dường chúng tăng.

Thực tiền xướng mật ngữ

Đệ tử ngoại đạo Thi Lợi Chất Đa tức vợ chồng trưởng giả Thọ Đề

Ca dùng độc hòa thức ăn rồi thỉnh Phật và chúng tăng đến thọ trai. Đức Phật biết mà vẫn nhận lời. Phật bảo đại chúng đợi xướng “tăng bát” sau đó rồi ăn. Do đó mà độc không thể làm hại.

Kinh Phạm Ma Nan Quốc vương dạy: muốn cúng dường thức ăn thì phải bình đẳng, không hỏi lớn nhỏ. Lúc ấy, Phật bảo A Nan đến chỗ trai phạn xướng “tăng bát”. Tăng bát là chúng tăng ăn đều bình đẳng.

Ký huy truyện gọi là tam-bát-la-khư-đa, xưa dịch là tăng bát ngoa.

Ngũ quán

1. Kể công nhiều hay ít, suy nghĩ phẩm vật kia từ đâu đem đến

2. Xét đức hạnh của mình đầy đủ hay thiếu khuyết

để nhận của cúng dường

3. Phòng hộ tâm để xa lìa tham, sân, si là chính

4. Chính là vị thuốc hay trị bệnh khô gầy

5. Vì việc thành đạo nên thọ thức ăn này.

Thực pháp

Kinh Phạm Ma Nan Quốc vương dạy: khi muốn ăn cũng giống như người bệnh uống thuốc mong cầu lành mạnh, không được tham đắm.

Luận Ma Đức Ca dạy: Nếu khi được ăn thì mỗi miếng đều nghĩ, ăn chừng ba muống: muống thứ nhất niệm thầm “nguyện đoạn tất cả điều ác”; muống thứ hai niệm “nguyện tu tất cả điều thiện”; muống thứ ba niệm “nguyện đem căn lành đã tu tập hồi hướng cho tất cả chúng sanh đều thành Phật đạo”.

Thực lượng

Kinh Tăng Nhất A-hàm dạy: Nếu ăn quá no thì thân đầy, thở gấp, trăm mạch không đều làm cho tâm trì trệ, ngồi nằm không an. Nếu ăn ít thì thân ốm yếu, tâm lơ lửng, ý nghĩ không vững chắc. Kệ tụng:

Ăn nhiều phải khổ bệnh

Ăn ít khí lực suy

Người ăn phải vừa đủ

Như cân không cao thấp.

Kinh dạy: người ăn nhiều có năm điều khổ:

1. Đi cầu nhiều

2. Đi tiểu nhiều

3. Ngủ nhiều

4. Thân nặng nề không muốn tu tập

5. Nhiều bệnh, khó tiêu hóa.

Bài kệ trong kinh Đại Tát Giá:

Thực giới

Người ăn uống thái quá

Thân nặng, càng biếng nhác

Đời này và đời sau

Thân này mất lợi lớn

Ngủ nghỉ tự chịu khổ

Làm phiền hà người khác

Mê muội khó thức tỉnh

Phải lượng sức lúc ăn.

Kinh Tàn Tát Đề dạy: Một ngày ăn một lần, không được ăn lại, không được bỏ ăn, lúc ăn có nghi ngờ thì không nên ăn.

Xuất sanh

Luật dạy: thức ăn cho chúng sanh tức là quỷ tử mầu.

Tỳ-nại-da dạy: mẹ của Ha Lợi Đế tìm cầu người con yêu quý của mình, Phật cho thọ Tam quy, Ngũ giới rồi. Quỷ liền thưa: từ nay con ăn thức ăn gì? Phật dạy: chớ có lo buồn, ở cõi Thiệm Bộ châu có đệ tử của Ta mỗi lần ăn đều xuất sanh thí cho người làm cho người được no đủ.

Theo Sao ghi: Xuất sanh: hoặc phép cúng cô hồn trước hoặc sau thì tùy đó mà sắp đặt. Nay nói rõ nếu thức ăn do lúa gạo, lúa mì làm thành thì mới có thể xuất sanh, hoặc các thứ rau cỏ không dùng, do vật loại không ăn nên thành đồ bỏ. Như kinh Ái Đạo dạy: xuất sanh bánh chỉ lớn bằng đầu ngón tay. Lại nữa, kệ xuất sanh chép:

*Chúng quý thần các người
Nay ta đem vật thí
Bảy hạt khắp mười phương
Quý thần đều cùng hưởng.*

Thí thực

Kinh Niết bàn dạy: đức Phật giáo hóa quý thần Khoáng dã thọ năm giới rồi. Nó liền thưa Phật: Con và quyến thuộc chỉ ăn máu tanh, nay trong giới của Phật không cho giết hại thì làm sao con giữ được mạng sống.

Phật dạy: từ nay chỗ nào có đệ tử Thanh-văn tu hành thì đều bố thí thức ăn cho người. Lúc ấy, đức Phật chế giới: từ nay các Tỳ-kheo phải thường cúng thí thức ăn cho quý thần Khoáng dã. Nếu người ở trú xứ nào không cúng thí thì đó chẳng phải là đệ tử của Ta.

Khất thực

Luật Thiện kiến gọi là phân vệ, ở đây dịch là khát thực. Luật Tăng kỳ gọi là khát thực. Phân thí cho tăng ni; vệ hộ đệ tử đạo nghiệp, nên gọi là khát thực. Theo Pháp tập chép: người xuất gia vì muốn thành tựu đạo hạnh nên đi khất thực để phá tất cả kiêu mạn. Kinh Thập nhị đầu đà dạy: phép thọ thực có ba: 1. Thọ thỉnh thực; 2. Chúng tăng thực; Thường khất thực. Hoặc hai phép ăn trước sanh nhân duyên phiền não. Vì sao? Phép thọ thỉnh thực: nếu người được thỉnh mời liền nói “ta có phước đức hơn người”; người không được thỉnh mời liền giận người kia, hoặc tự khinh bạc mình là pháp ưu sầu ngăn đạo. Phép chúng tăng thực phải bỏ pháp theo chúng, phụng sự mọi người, lo liệu việc tăng thì tâm tán loạn, bỏ phước việc hành

đạo. Do có các nhân duyên phiền não như vậy nên thọ pháp khát thực. Kinh Bảo vân dạy: khát thực được phân làm bốn phần: chia cho người đồng phạm hạnh, cho người ăn xin nghèo khó, cho các quỷ thần, chia cho mình ăn.

Kinh Bảo vũ dạy: thành tựu mười pháp gọi là khát thực:

1. Vì nhiếp thọ các hữu tình
2. Vì thứ tự
3. Vì không mệt mỏi
4. Tri túc
5. Vì sự ban bố
6. Vì không ham thích
7. Vì biết độ lượng
8. Vì phẩm thiện hiện tại
9. Vì thiện căn viên mãn
10. Vì lìa chấp ngã

Pháp sư Triệu dạy: khát thực lược nói có bốn ý:

1. Vì phước lợi quần sanh
2. Vì chế phục kiêu mạn
3. Vì biết thân có khổ
4. Vì trừ bỏ sự vương mắc.

Trường thực

Ma-đắc-lặc-già dạy: nhà dân sáng sớm dậy làm thức ăn xong, không ăn trước mà đợi người xuất gia đến cúng dường, đó gọi là trường thực. Kinh Ưu-bà-tắc giới dạy: nếu có người nói muốn làm việc trọng yếu thì trước hết nên cúng dường thức ăn cho chúng tăng, sau đó mới tự ăn, làm như vậy là không lỗi lầm. Đó chính là nhân

duyên của trí tuệ vi diệu. Đó chính là thí chủ tối thượng trong những người cúng thí, cũng được gọi là thí chủ tối thượng.

Phó thực

Nghi thức phó thỉnh, việc hành hương, định chỗ ngồi đều do Pháp sư Đạo An bố trí. Trong Nam sơn sao có làm bài phó thỉnh, văn dài nên không chép ra đây. Đại khái khi đến nhà thí chủ gặp họ, nếu họ chưa an trí tượng Phật và chỗ ngồi của Thánh tăng thì nên bảo họ an trí. Các Tỳ-kheo đều phải hỏi nhau về tuổi hạ, phân biệt lớn nhỏ theo thứ tự mà ngồi. Luật Tăng kỳ dạy: ngồi xong, Thượng tọa cần thay mặt hỏi thăm cuộc sống của thí chủ. Luật Thập tụng dạy: Thượng tọa ngồi ở nhà thí chủ nên quan sát đồ chúng, chớ để các căn tán loạn, đùa giỡn, cần thanh tịnh giữ gìn oai nghi làm cho đàn việt sanh tín tâm, thọ trai xong nên tán thán phẩm vật, chú nguyện như pháp, phải cảm tạ thí chủ: việc cúng dường nông hậu như pháp, bản đạo không có đủ đức để thọ nhận. Luật Tăng kỳ dạy: có hai phép thỉnh: thỉnh tăng theo thứ tự, thỉnh riêng. Hoặc có được các phẩm vật của người cúng thí, nếu thỉnh tăng theo thứ tự thì người ấy đem về cho tăng, còn thỉnh riêng thì người ấy đem về cho mình.

Ngôn ngữ ty húy

Luật dạy: có một trưởng giả đời trước làm nghề ép dầu. Ông ta thỉnh Tỳ-kheo Thiện Pháp đến thọ trai, có một chút không vừa miệng, Tỳ-kheo liền đọc kệ:

*Món ăn thì rất ngon
Chỉ thiếu ít dầu mè*

Vì đã đụng chạm đến tên húy của trưởng giả nên ông ta không vui. Do đó Phật chế giới. Luật Tăng kỳ dạy: ở nhà thọ trai phải cẩn thận chớ nói giỡn, chum đầu nói chuyện phiếm, bàn việc thế gian. Pháp uyển dạy: nay trông thấy nhà người con hiếu đau buồn, Tỳ-kheo ngồi vào tiệc rượu, buông thả nói chuyện tiêu, bàn việc thế gian, bị người đời chê cười, ai cũng nghi kỵ.

Trai bất tỉnh cường vãn

Thời nay gọi là xuyết trai. Tỳ-nại-da dạy: đức Phật du hành đến Vương Xá, có các trưởng giả chỉ thỉnh một hoặc hai vị Tỳ-kheo thọ trai, những vị không được thỉnh mời cũng tự đến bốn năm người. Các trưởng giả chê cười. Do đó, Đức Phật chế giới: người không được thỉnh mời mà gượng đến, phạm Ba-dật-đề.

Hành hương

Nam sơn sao ghi: nghĩa này do Pháp sư Đạo an đặt ra. Kinh Hiền ngu dạy: Vì rắn đem vàng để làm bữa trai thực khiến cho các vị tăng hành hương cầm trong tay. Tăng nhất A-hàm dạy: có một thí chủ thiết lễ cúng dường, tay bung lư hương thưa “đã đến giờ”. Phật dạy: hương là sứ giả của Phật nên phải làm như vậy. Trong Kinh Phổ Đạt vương,

đức Phật dạy: xưa kia, có một người con nhà quyền quý, vì cha mà cúng dường tam bảo, khi cha mất, người con chỉ mang lư hương đi. Kinh Đại di giáo dạy: khi Tỳ-kheo muốn thọ thực thì phải đốt ba cây hương, tán dương việc bố thí. Trong luật dạy: người hành hương thì không cho phép cùng ngồi thọ trai. Kinh Tam thiên oai nghi

dạy: vì người nữ mà hành hương, sợ chạm đến tay sanh nhiễm tâm nên cho phép ngồi ăn.

Bài kệ thọ hương:

*Giới hương và định hương
Tuệ hương, giải thoát hương
Giải thoát tri kiến hương
Biến khắp mười phương cõi
Hương thơm bay phảng phất
Xin nguyện khói hương này
Cũng làm việc Phật sự
Khắp vô lượng vô biên*

Phạm âm

Tiếng Phạm là nặc, Trung Hoa dịch là chỉ đoạn. Do đó, ngoài việc dừng, đoạn rồi thì tâm mới thanh tịnh, đảm nhiệm pháp sự. Lại nói chư Thiên nghe tán tụng thì tâm hoan hỷ nên cần phải làm vậy. Luật Thập tụng dạy: Tỳ-kheo Bạt Đề là vị có âm thanh tán tụng bậc nhất. Kinh Trường A-hàm dạy: âm Phạm có năm loại:

1. Âm thanh chánh trực
2. Hòa nhã
3. Thanh thoát
4. Thâm sâu
5. Vang xa cùng khắp.

Pháp uyển chép: là âm thanh tán tụng, ngân vịnh nên thanh thoát mà không mềm yếu, hùng tráng mà không thô tháo, trôi chảy mà không vượt quá, lắng đọng mà không trì trệ, xa nghe thì mệnh mang, tao nhã, gần thì lồng lộng, oai nghiêm, âm thanh ấy là hơn hết.

Xưa kia, Ngụy Trần Tư Vương Tào du hành khắp đó

đây, bỗng nghe âm thanh của Phạm Thiên giữa không trung, trong trẻo, uyển chuyển, làm cảm động trong lòng, liền đứng nghe hồi lâu, mới mẩn mộ âm tiết nên hết lòng cung kính lễ Phạm thiên. Liệt âm là âm sau này. Phạm âm kia là âm đầu tiên.

Nay khai kinh Phạm viết: làm sao đem kinh này để rộng nói cho chúng sanh?

Ở thế giới như hoa sen hết lòng đánh lễ đấng Vô thượng.

Khai giới luật Phạm viết:

Đứng đầu, Ưu Ba Ly

.....
*Các Hiền thánh cùng nghe.
 Người ngũ thông thần biến*

.....
Cúi đầu lạy chư Phật.

Biểu bạch

Tăng sư lược cũng gọi là xướng đạo. Ban đầu là Thượng tọa ở Tây Vực khi phó thỉnh thì chú nguyện để làm vui lòng đàn việt. Xá Lợi Phất có nhiều biện tài, từng làm Thượng tọa, hết lòng xưng tán đạo nên hàng bạch y rất hoan hỷ. Đây là việc thay đổi biểu bạch.

Lương Cao Tăng truyện chép: người xướng đạo được tôn trọng cần có bốn đặc điểm: âm thanh, biện luận, tài năng, học rộng. Nếu không có âm thanh thì lấy gì để dạy chúng. Nếu không có biện luận thì không xử lý thích hợp. Nếu không có tài ăn nói thì không thể biện luận. Nếu không học rộng thì lời nói không có căn cứ.

Sớ tử

Tức văn chú của Phật, bởi sớ thông cả thần ý của thí chủ. Lời của chú sớ không dám lấy nhỏ làm lớn nên phải tu từ, tức phải xác thực, không nói viển vông, hư ngụy, tự răn dạy thân thích. Nam sơn sao chép: so với thế gian những việc lưu truyền hoàn toàn trau chuốt, nói quá sự thật, kẻ hèn mọn thì phô trương thành quý tộc, người bận tiện thì tán thán thành giàu sang; tăng bốc việc hư ngụy chỉ tăng thêm sự dối trá.

Hành tịnh thủy

Luật Tăng kỳ dạy: khi tụng kinh, ăn cơm phải rửa tay sạch.

Sấn tiền

Tiếng Phạm là đạt-sấn-nã, ở đây gọi là tài thí, nay nói lược là đạt-nã, hoặc chỉ gọi là sấn. Luật Ngũ phần dạy: thọ thực xong thì họ cúng dường y vật gọi là đạt-sấn. Kinh Chuyển Luân Ngũ Đạo dạy: chuyển kinh không được sai người, ngay cả lúc thọ trai dùng đạt-sấn làm thường pháp thì được phước.

Chú nguyện

Nay gọi là niệm tụng hồi hướng cho thí chủ. Luật Thập tụng dạy: nên vì thí chủ mà tán thán và chú nguyện. Nếu Thượng tọa không làm thì vị kế tiếp có thể làm.

Thuyết pháp

Luật Tỳ Bà Sa dạy: thọ thực xong thì Thượng tọa thuyết pháp.

Thuyết pháp có bốn việc lợi ích:

Vì tiêu vật của tín thí

Vì báo ân

Vì thuyết pháp làm cho họ hoan hỷ, thành tựu căn lành.

Tại gia thực hành tài thí, người xuất gia nên thực hành pháp thí.

Trong kinh Tăng Nhất, A Nan nói: trong một kệ có đủ ba mươi bảy phẩm và các pháp.

Ca Diếp hỏi: thế nào là một kệ? A Nan đáp:

Chớ làm các việc ác

Nên làm các việc lành

Tự thanh tịnh ý mình

Là lời chư Phật dạy.

Vì sao? Vì “chớ làm việc ác” thì đầy đủ giới cấm, hành động thanh bạch. “Làm các việc lành” thì tâm ý thanh tịnh. “Tự thanh tịnh ý mình” thì trừ sạch điên đảo tà vạy. “Đó là lời các pháp dạy”. Bỏ ngu si, bỏ vọng tưởng, giới thanh tịnh thì ý đâu có sanh khởi bất tịnh. Ý thanh tịnh thì không điên đảo. Do không điên đảo, ngu hoặc vọng tưởng mất nên thành tựu ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Do thành đạo quả chính là các pháp vậy.

Thực hậu sáu khẩu

Trong Căn Bản Bách Nhất Yết ma, đức Phật dạy: không nên làm lễ Tỳ-kheo hữu nhiễm; Tỳ-kheo hữu nhiễm cũng không nên làm lễ người khác, nếu làm trái thì mắc tội vi phạm pháp. Ưu Ba Ly bạch Phật: thế nào là hữu nhiễm?

Phật dạy: nhiễm có hai loại: bất tịnh nhiễm, âm thực

nhiễm.

Âm thực nhiễm là ăn uống mà chưa súc miệng. Hoặc súc miệng bằng bàn chải còn có nước dơ bẩn khác, đó gọi là hữu nhiễm. Nếu cùng làm lẫn nhau thì mắc tội. Cho nên việc cần làm sau khi ăn xong là đánh răng, súc miệng.

Tước dương chi

Luật Tăng kỳ gọi là tắm xỉa răng, tước một đầu nhỏ ra dùng để xỉa thức ăn còn đọng lại trong răng. Tỳ-nại-da dạy: xỉa răng có năm điều lợi ích:

1. Miệng không đắng
2. Miệng không hôi
3. Trừ phong
4. Trừ nhiệt
5. Trừ đờm

Lại có năm lợi ích khác:

1. Trừ phong
2. Trừ nhiệt
3. Làm ăn ngon nhiều chất bổ
4. Tiêu hóa thức ăn
5. Mắt sáng

Luật Tăng kỳ dạy: nếu miệng có nhiệt và sanh nhọt thì nên xỉa răng, súc miệng. Bách Nhất Yết ma dạy: xỉa răng phải ở chỗ khuất, không được ở nơi mọi người qua lại, sau đó trở về chỗ thanh tịnh. Khi vớt bỏ tằm xỉa răng phải dùng nước để rửa rồi tăng hăng hoặc khảy móng tay báo hiệu rồi mới vớt ở chỗ vắng. Nếu làm khác thì mắc tội việ pháp.

Chế nhất thực

Luật Tăng kỳ dạy: Như Lai chỉ dùng một bữa nên thân thể nhẹ nhàng, sống an lạc. Các Tỳ-kheo cũng nên ăn một bữa. Do ăn một bữa nên thân thể nhẹ nhàng, sống an lạc. Lại nữa, Phật chế ăn một bữa có bốn ý:

1. Vì phá trừ sự tham ăn của ngoại đạo.
2. Vì nuôi sống các trùng trong thân.
3. Vì thí chủ làm phước mà thọ dùng.
4. Vì nuôi dưỡng sắc thân đại chúng tiến đạo.

Trung hậu bất thực đắc ngũ đức

Trong kinh Xứ Xứ, đức Phật dạy: sau giờ ngọ không ăn có năm phước đức:

1. Ít dâm dục
 2. Ít ngủ
 3. Được nhất tâm
 4. Không đánh rấm
 5. Thân được an lạc, cũng không bị bệnh.
- Do vậy Sa-môn biết phước thì không ăn.

Tuyệt thực

Kinh Phật Bản Hạnh Tập dạy: do không ăn mà được phước lớn.

Các loại dã thú nếu không ăn cũng được phước lớn.

Trung thực luận

Trong Hoằng minh tập, Nam Tề Thẩm Ước tự Hưu Văn soạn luận viết: sở dĩ người không đắc đạo là do tâm thần hôn muội. Tâm thần hôn muội là do vật bên ngoài khuấy nhiễu quá nhiều. Việc ấy có ba:

1. Danh tiếng, thế lực, lợi dưỡng.
2. Sắc đẹp

3. Thức ăn ngon ngọt béo bổ.

Danh tiếng vẻ vang thì đối với tâm không có tội lỗi nào mà không làm. Nhan sắc tuyệt đẹp mới lấy đó mà chải chuốt thêm. Ngon ngọt béo bổ làm khổ lụy đến mọi người. Mọi việc đều do ba điều này làm cảnh nhánh. Thánh nhân biết mà không đoạn ba việc này thì cầu đạo không từ đâu mà đắc, không kiến lập pháp để đâu mà đạt được. Nếu trực nhận ba việc là gốc mê hoặc thì nên cấm tuyệt. Nhưng ba điều này đã mê hoặc thâm sâu vào lòng người, tâm trạng khó đổi, tuy có cấm ngăn nhưng việc khó thành. Thí như thuyền vừa sang sông thì mong đến bờ kia, thuyền mới sang sông không lý lại đến bờ, không thể không bị dòng nước chảy ngược, lâu lắm mới đến được bờ nên sự mong muốn nhanh chóng là khó vậy. Ngăn ba điều này tuy có phiền phức sao người lại phải tham ăn, không thể chấm dứt tánh ấy. Nếu ba điều này không thể chịu được thì dùng việc ăn tối chung vào việc ăn trước Ngọ, sau Ngọ hoàn toàn không ăn. Do vô sự nên tâm lý được nhẹ nhàng. Mới đầu chưa chuyên, lâu rồi tự tập, lúc ấy kiểm thúc được tám chi, ngăn lòng để giữ giới. Mong muốn nhan sắc thì không do danh tiếng mà đổi được. Cho nên nói: xưa kia chư Phật quá Ngọ không ăn, bởi vì đối sự khổ lụy để mong được đạo quả. Nếu kẻ mê hoặc không ăn thực hiện theo chí hướng mê làm thì là người không biết đường đi vậy.

THÍCH THỊ YẾU LÃM

QUYỀN TRUNG

Lễ số- Đạo cụ- Chế thính- Ủy thận- Cần giải
Tam bảo- Ân hiếu- Giới thú- Tập học.

LỄ SỐ

Thiên trúc cửu nghi

Tây Vức ký chép: Thiên Trúc rất coi trọng về nghi thức, gồm có chín nghi:

15. Chào hỏi
16. Cúi đầu cung kính
17. Cúi đầu vòng tay
18. Chắp tay cung kính
19. Quỳ gối
20. Quỳ dài.
21. Lạy xuống đất
22. Năm vóc sát đất

Năm chi của thân thể lạy gieo xuống đất. Chín cách lễ này cuối cùng là một lạy.

Hiệp chương

Giống như ở đây chắp tay vậy. Pháp Uyển chép: nếu các ngón tay khít vào nhau mà lòng bàn tay không khít là do tâm kiêu mạn và lòng tán loạn. Vậy ngón tay và

lòng bàn tay phải khít vào nhau, không để trống rỗng.

Vấn tẩn

Sách Nhĩ nhĩ gọi là thăm hỏi. Thiện kiến dạy: Tỳ-kheo đến chỗ Phật, thăm hỏi: “Thế Tôn! Có được ít bệnh, ít não, tu tập an lạc chăng?”. Luật Tăng kỳ dạy: lễ không được làm như người cầm, cần phải thăm hỏi nhau. Luận Địa trì nói: nên vui vẻ nhìn bằng tâm hòa nhã chánh niệm, đối diện nhau để thăm hỏi. Tăng sử lược chép: giống như Tỳ-kheo gặp nhau thì chấp tay chào hỏi là lời hỏi thăm. Theo văn trong luật người thấp hèn hỏi người tôn quý thì nói “Không biết người có được ít bệnh, ít não, đi đứng có được khinh an không?”. Nếu người trên an ủi người dưới thì nói “Không biết người có được khỏi bệnh, khỏi não, khát thực dễ được chăng, chỗ ở không có bạn ác chăng?”. Người nhỏ phải xét kỹ lời nói của mình rồi mới nói “Không biết... . những câu sau đại khái giống như trước”, cần phải hiểu rõ vái chào thăm hỏi mới thành lễ vậy.

Trừu tọa cụ

Ở phương Nam dùng việc kéo tọa cụ ra làm lễ, văn luật không có. Theo Tăng sử lược chép: gần thì trải tọa cụ là lễ vậy, được dùng theo luận bàn. Xưa Phạm tăng đến chỗ kia đều trải tọa cụ, chính là làm lễ. Đời sau than phiền, Tôn giả mới ngưng việc trải tọa cụ, liền tập hợp và hỏi thăm, lại trải tọa cụ giống như lạy lần hai. Tôn giả lại ngưng việc ấy chỉ đem tọa cụ nghĩ rằng trải ra là làm lễ nên gọi là ngồi lễ. Cung kính như thế không phải là quá đơn giản lắm sao nhưng cũng tùy theo từng địa

phương mà làm cho thanh tịnh, không được không làm.

Lễ bái thức

Thanh luận gọi là ban-na-tâm hoặc gọi là bàn-đạm, Trung Hoa dịch là lễ. Luận Địa trì gọi là năm vóc sát đất. Kinh Trường A-hàm dạy: hai khuỷu tay, hai đầu gối và đỉnh đầu gọi là ngũ luân. Luân nghĩa là vòng trong. Năm luân cũng gọi là năm thể. Phép lễ bái thì trước tiên phải đứng đoan nghiêm, chắp tay cúi đầu, dùng tay vén y. Đầu tiên quỳ gối phải xuống đất, rồi đến gối trái, để hai khuỷu tay sát đất, để hai lòng bàn tay quá trán, rồi từ từ kính lễ, để đầu sát đất một lúc mới thành một lạy. Hoặc dùng ngón cái để vào trong, hoặc dùng lòng bàn tay úp lên mặt, hoặc ấn tay xuống đất đều chẳng phải là nghi lễ. Luận Trí Độ dạy: lễ có ba phẩm:

1. Miệng chỉ xưng Nam Mô là lễ của hạ phẩm
2. Quỳ gối sát đất, đầu không sát đất là lễ của trung phẩm.
3. Năm vóc sát đất là lễ của thượng phẩm.

Lại gọi cách lễ của hạ phẩm là vòng tay, trung phẩm là quỳ gối, thượng phẩm là đầu mặt sát đất.

Tam bái

Bạch Hồ Thông chép: sở dĩ người ta vái chào nhau là để biểu thị tình cảm, ý người nhỏ chào người lớn. Lạy là phục tùng. Người đời lạy hai lạy, bởi họ quan niệm theo pháp âm dương. Nay dòng họ Thích dùng ba lạy để biểu hiện ba nghiệp quy kính. Luận Trí Độ dạy: trong phép lễ bái đại khái chỉ nói về nghiệp thân, khẩu. Phật pháp dùng tâm

làm gốc, dùng thân, miệng làm ngọn nên ba lay là số của phép lễ.

Khê thủ

Khê thủ nghĩa là cúi đầu sát đất, cũng gọi kê là đầu sát đất, lay xuống một lúc vậy. Đây là cách lay đầu tiên trong chín cách lay trong Châu lễ.

Khê tạng

Còn gọi là tạng ngạch nghĩa là cúi trán sát đất là cách lễ thứ năm trong Châu lễ.

Đôn thủ

Tức đầu cúi xuống, cong mình mà không sát đất, là cách lễ thứ hai trong Châu lễ.

Bái thủ

Tức lay nằm, là cách lễ thứ ba trong Châu lễ

Áp

Là cách lễ thứ chín trong Châu lễ, lại thuộc trong pháp lễ hạ phẩm. Sách ghi: vòng tay và nghiêng mình sát xuống. Nếu thân đứng thẳng, ngẩng đầu, chấp tay lơ đãng là biểu hiện sự kiêu mạn. Cho nên Khổng Tử nói: “Làm lễ mà không cung kính ta thì lấy tư cách gì để học hỏi ta”

Cung kính

Trong luật Tứ phần có dạy: này các Tỳ-kheo! Các ông đã xuất gia trong giáo pháp của Ta cần phải cung kính nhau thì Phật pháp có thể được lưu truyền. Trong Tỳ Ni Mũ, Phật dạy: sau khi Ta diệt độ, các ông phải hành trì theo giới luật, mọi người phải khiêm nhường

nhau để trừ bỏ kiêu mạn. Theo giới bốn dạy: Tỳ-kheo nào không cung kính, phạm tội Ba-dật-đề. Luận Địa Trì dạy: nếu gặp bậc trưởng lão phước đức thù thắng thì phải đứng dậy đón rước, lễ bái, thưa hỏi. Nếu gặp người có đức bằng mình thì trước hết phải hỏi han, khiêm nhường, nhỏ nhẹ, không được sanh tâm kiêu mạn. Nếu gặp người phước đức kém hơn mình thì nên nhỏ nhẹ, không nên khinh thường, hoặc họ có tội cũng không được chê trách.

Khiêm hạ hoạch tứ chủng công đức

Trong kinh Văn Thù Phạt Sát dạy: người khiêm nhường đạt được bốn công đức:

1. Xa lìa cõi ác, không bị sanh vào loài lừa, lạc đà, trâu, ngựa... và các loại bàng sanh.
2. Không bị người khinh chê
3. Bận ác, oán địch không thể xúc phạm
4. Thường được Trời, người cung kính

Trưởng ấu tự

Theo thứ tự lớn nhỏ trong dòng họ Thích thì không căn cứ vào già, trẻ, sang, hèn mà căn cứ tuổi hạ nhiều hay ít. Luận Tỳ Bà Sa dạy: Tỳ-kheo thọ Đại giới là được sanh trong nhà Phật. Cho nên phải lễ người thọ giới trước mình. Trong luật Thập tụng, đức Phật dạy: từ nay trở đi, người thọ giới trước dù chỉ trong khoảnh khắc thì người ấy nên ngồi ăn ở trước... Bai kệ trong kinh Nguyệt Đăng Tam muội:

*Nên hỏi tuổi hạ họ
 Nếu là bậc kỳ túc
 Phải cung kính cúng dường
 Cúi đầu lạy sát chân.*

Kinh Phạm Võng dạy: nếu là đệ tử Phật thì phải như pháp mà ngồi theo thứ tự. Người thọ giới trước thì ngồi trước, không kể già, trẻ, sang, hèn, chớ như pháp của binh nô, ngoại đạo. Nếu Bồ-tát không thực hành như pháp thì phạm tội đáng quả trách. Kinh Đại Trang Nghiêm dạy: Nan Đà-em Phật có một người hầu tên là Ưu Ba Ly theo Phật xuất gia thọ giới, sau đó y pháp của Tăng theo thứ tự ngồi. Vương tử Nan Đà đến xuất gia sau theo thứ tự làm lễ đến lúc lễ Ưu Ba Ly, Nan Đà nghĩ “Đây là người hầu của ta, ta không nên làm lễ”. Bấy giờ, đức Phật bảo Nan Đà: “Phật pháp như biển dung chứa trăm dòng, đều đồng một vị, chỉ căn cứ vào việc thọ giới trước hay sau, không căn cứ vào sang, hèn. Bốn đại giả gọi là thân, trong ấy đều không tịch, vốn không có ngã cho nên nghĩ về pháp của bậc Thánh, chớ sanh kiêu mạn. Bấy giờ Nan Đà bỏ tâm kiêu mạn, làm lễ.

Ứng biến lễ

Luật Ngũ phần dạy: có Tỳ-kheo thường trụ không lễ Tỳ-kheo khách, Tỳ-kheo khách không lễ Tỳ-kheo thường trụ. Có Tỳ-kheo đến một ngôi chùa kia, không lễ Tỳ-kheo thường trụ, Tỳ-kheo thường trụ hỏi “Ông từ đâu đến”. Nên biết hai Tỳ-kheo kia đều kiêu mạn như nhau, do đó họ bạch Phật. Đức Phật dạy: nên tùy theo đó mà ứng biến. Không làm lễ, phạm Đột-kiết-la.

Trai hội lễ bái

Theo Ký quy truyện chép: đại chúng theo thứ tự tụ tập nơi trai hội chấp tay tức là kính lễ, cũng không cần phải làm lễ nhau, làm lễ là trái pháp.

Hồ quy

Quy gối là nghi của Thiên Trúc, nghĩa là hai đầu gối đều quy xuống đất. Cho nên dòng họ Thích đều quy gối phải, hoặc nói hồ quy là âm lệch vậy.

Trường quy

Tức quy hai gối sát đất, cũng trước tiên quy gối phải làm lễ. Trong kinh Thần Túc Vô Cực dạy: Thiên tử Nguyệt từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục, quy gối chấp tay. Tỳ-nại-da dạy: ni chúng thân thể yếu đuối, quy gối phải sợ không vững nên đức Phật cho phép quy cả đầu gối sát đất.

Thiên đản

Đề trống vai trái là nghi của Thiên Trúc. Phép lễ này có từ đời Tào Ngụy cho đến ngày nay. Trong luật dạy: thiên lộ hữu kiên tức là đề trống vai phải vậy. Luật dạy: tất cả pháp cúng dường đều mặc y đề trống vai, để tiện cho việc chấp tác. Cũng như Trọng Ni nói: phép mặc áo bày vai phải để tiện làm công việc. Nếu lúc vào xóm làng, vào nhà người đều thường dùng ca-sa để mặc.

Kiệt già phu tọa

Luận Tỳ Bà Sa dạy: kiệt già phu tọa nghĩa là tướng an tọa viên mãn. Thanh luận nói: dùng hai chân ngồi kiệt già như tướng rồng nằm. Hiếp tôn giả gọi đó là đáng ngồi an lành. Kinh Niệm Tụng dạy: ngồi kiệt già là Như Lai ngồi. Ngồi bán già là Bồ-tát ngồi.

Đại lễ

Là cách lạy theo phong tục Trung Quốc truyền lại. Luật Thập tụng dạy: đệ tử đi du hành khắp nơi, Hòa

thượng biết người ấy là người có Thánh tượng danh đức. Hòa thượng muốn làm lễ người kia. Người đệ tử ấy phải đứng nghiêng mình một bên nhận Hòa thượng lễ.

Dòng họ Thích gặp nhau, lúc đi thì nói “xin giữ gìn sức khỏe”. Như người Trung Quốc nói “an trí”. Nói giữ gìn sức khỏe tức là bảo trọng. Nếu người nhỏ đến chỗ các bậc tôn quý mà tôn trưởng đang ngồi thọ trì kinh thì sau khi đi không nói sư giữ gìn sức khỏe, chỉ chấp tay, cúi đầu cung kính.

Tàm quý

Kinh Đại Vân dạy: tàm quý là y phục của mọi điều lành. Duy thức luận dạy: tàm là nương vào pháp lực của mình, tôn trọng sự hiền thiện, tánh của nó là xấu hổ với điều ác. Quý là nương vào năng lực thế gian, ngăn sự bạo ác, tánh của nó là hổ thẹn với lỗi lầm. Luận A-tỳ-đạt-ma dạy: tàm nghĩa là đối với các điều ác, thể của nó là xấu hổ với mình. Nghiệp của nó chấm dứt điều ác. Quý là đối với các điều ác thì thể của nó hổ thẹn với người. Nghiệp của nó là chấm dứt điều ác. Trong kinh Tăng Nhất A-hàm, đức Phật dạy các Tỳ-kheo: có hai pháp tốt lành ủng hộ thế gian, đó là: tàm và quý. Nay các Tỳ-kheo, nếu không có hai pháp này thì ở thế gian không biết phân biệt cha mẹ, anh em, vợ con, bạn tốt, tôn trưởng, lớn nhỏ tức đồng với loài Súc sanh vậy. Tỳ-kheo nên tu tập có tàm, có quý.

ĐẠO CỤ

Đạo cụ

Kinh Tăng Nhất A-hàm dạy: là vật che chở, nuôi

thân tấn đạo, là vật tăng trưởng pháp lành. Kinh Bồ-tát giới dạy: vật nuôi sống thuận đạo.

Thập vật

Kinh Âm Sở dạy: thập là các thứ lặt vặt, chính là tất cả đồ dùng.

Bách nhất vật

Là từ đại khái. Luận Tát-bà-đa dạy: trăm vật đều có thể chứa một vậy.

Lục vật

Đó là ba y, tọa cụ, bát, đũa lọc nước.

Bát

Tiếng Phạm là Bát-đa-la, ở đây dịch là ứng khí, nay lược nói là bát, lại gọi là bát vu tức là gọi chung cả tiếng Hoa lẫn tiếng Phạm. Bát chính là ba căn của người, là vật nuôi thân chính yếu. Đức Phật cho phép dùng hai loại bát như sẽ chú thích ở sau.

Ngõa bát

Đức Phật ở thôn Tôn Bà Bạch Thổ. Lúc ấy, Thiên thần Hộ Bà bạch Phật: Đức Phật quá khứ đều thọ dụng bát bằng gốm này. Đức Phật liền cho phép Tỳ-kheo thọ dụng bát gốm.

Thiết bát

Đức Phật trụ ở thành Vương Xá, trong lúc đi xem các phòng thì thấy một Tỳ-kheo nằm gác tay lên trán. Thế Tôn biết mà vẫn hỏi: “ông có được an lạc không?”. Đáp: “sở dĩ con gác tay lên trán là vì sợ ý làm bát rơi xuống đất bị vỡ nên không an lạc”. Đức Phật dạy: cho

phép dùng bát thiết. Theo luật có chế cho phép dùng bát đủ lượng, vẫn nhiều không phiền chép.

Ngũ chuyết

Luật Ngũ phần dạy: Tỳ-kheo chứa bát dưới năm đường hàn, không chảy mà cầu bát mới, vì muốn tốt đẹp, Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề. Theo Pháp uyển chép: sau khi Thế Tôn thành đạo ba mươi tám năm, Quốc vương

thành Vương Xá thỉnh Ngài thọ trai xong. Thế Tôn sai La Vân rửa bát. La Vân sơ ý đánh rơi bát làm vỡ thành năm mảnh. Ngày ấy cũng có nhiều Tỳ-kheo bạch Phật họ đều làm vỡ bát thành năm mảnh. Đức Phật dạy: đây là biểu thị sau khi Ta diệt độ năm trăm năm có các Tỳ-kheo ác phân tạng luật ra thành năm bộ vậy. Đức Phật đích thân dùng thiết dán lại. Bát có năm đường nứt nên gọi là ngũ chuyết.

Hàng long bát

Xưa kia Phật dạy Ca Diếp thu phục rồng trong bát nên có tên gọi này. Gần đây vào năm thứ mười một niên hiệu Kiến Nguyên, Trường An bị đại hạn, cao tăng Thiệp Công dùng bùa chú thỉnh rồng mưa xuống. Chỉ trong khoảnh khắc, rồng ở trong bát của cao tăng Thiệp phun mưa xuống. Đến năm thứ mười sáu cao tăng Thiệp viên tịch. Vào năm thứ mười bảy, từ tháng giêng đến tháng sáu Trời không mưa, nhiều lần cầu mưa mà không thành. Kiên vị trung thư Châu Sam nói: “nếu Thiệp Công còn sống thì ta đâu phải khổ tâm đối với việc cầu mưa như vậy”.

Bát khí đại tiểu số

Luật Thập Tụng dạy: Bát lớn bằng đại-kiện-tư, bát nhỏ bằng tiểu-kiện-tư. Luật Tứ phần dạy: kiện-tư thuộc bát nhỏ, bát nhỏ nằm trong bát trung, bát trung nằm trong bát lớn.

Bát chi

Luật dạy: bát đế không vững nên phải làm chân bát.

Bát đại

Luật dạy: nên làm đầy đựng bát bằng vải màu xanh.

Bát cái

Luật dạy: có bụi, nên làm khăn che bát.

Tích trượng

Tiếng Phạm là khích-khí-la, ở đây dịch là tích trượng, do khi nhắc lên thì nghe tiếng kêu của những vòng thiết. Luật Thập Tụng gọi là thanh trượng. Trong kinh Tích Trượng, đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

Các ông phải giữ gìn tích trượng. Vì sao? Vì chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai đều giữ gìn nó. Lại còn gọi là trí tích, đức tích vì đó là gốc thực hành công đức, sáng tỏ trí tuệ, là cờ biểu của Thánh nhân, là minh ký của Hiền sĩ, là tràng phan của đạo pháp.

Ca Diếp bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Vì sao gọi là tích trượng? Đức Phật dạy:

Tích là giản dị, nương dựa là trượng. Vì đoạn trừ phiền não, ra khỏi ba cõi nên gọi là tích minh. Vì được trí tuệ sáng suốt nên gọi là tịch tĩnh. Vì tĩnh ngộ khổ, không và phiền não của ba cõi nên gọi là tích sơ. Vì

người giữ gìn nó thì đoạn trừ được năm dục. Nếu ba đường sáu vòng là Phật Ca Diếp chế. Nếu bốn đường mười hai vòng là Phật Thích Ca chế. Kinh Tam Thiên Oai Nghi dạy: cầm tích trượng thì không được vào chúng, khi biết rồi thì không được cầm vào, không được mang trên vai. Ngũ Bách Vấn chép: cầm tích trượng có nhiều việc vì để báo cho thú dữ trùng độc biết.

Giải hổ tích

Ban đầu nhân các thiên sư cao tăng ở nước Tề tu thiền ở núi Vương Ốc tại Hoài Châu nghe hổ đánh nhau liền đến và dùng tích trượng để ngăn ra, các con hổ đều tự bỏ đi do đó mà có tên gọi này.

Phát tử

Trong luật dạy: Tỳ-kheo sợ cỏ sanh trùng, Phật cho phép dùng phát trần. Luật Tăng Kỳ dạy: Phật cho phép làm phát trần bằng bông gòn và cán bằng nhánh cây. Nếu phát trần làm bằng lông đuôi mèo, trâu, ngựa và cán được trang trí vàng bạc thì không được cầm.

Trần vĩ

Theo Âm Nghĩa Chỉ Quy chép: vườn lớn nuôi hươu gọi là trần, bầy hươu lấy bụi trần ấy làm chuẩn để di chuyển đến chỗ cần đến. Nay người cầm cái hình tượng ấy để chỉ huy. Ngũ Bách Vấn dạy: Tỳ-kheo cầm thì phạm tội đọa.

Như ý

Tiếng Phạm là A-na-luật, Tàn dịch là như ý. Chỉ Quy chép: xưa gọi là tay gậy được làm bằng xương, sừng, trúc, cây giống như ngón tay người, có cán dài ba thước.

Nếu ngựa lưng mà dùng tay gãi không đến thì dùng gậy để gãi đúng như ý người nên gọi là như ý. Từng nghe những vị dịch kinh tam tạng rành tiếng Phạm như đại sư Thanh Chiêu, Thông Tuệ, đại sư Vân Thắng đều nói: ché gậy như ý là biểu hiện tâm ý vậy nên Bồ-tát đều cầm nó, hình trạng như vòn mây, lại giống như chữ triện ở đây, như Bồ-tát Văn Thù cũng cầm đầu để gãi ngựa. Lại nói, nay tăng thuyết giảng thường cầm, đa số là để ghi nhớ văn từ khỏi bị quên mất. Lúc chánh yếu thì tay cầm mắt nhìn như ý của người nên gọi là như ý. Như các quan cầm bản khai để phòng khỏi quên mất gọi là cái hốt vậy. Như Tề Cao tổ ban cho các ẩn sĩ, cao tăng cầm gậy trúc, Lương Võ Đế ban cho Thái tử Chiêu Minh gậy tê giác, Vua Luân Đôn-Thạch Quý đều cầm gậy thiết, đây tức là tay gậy. Do đó mà luận bàn có hai loại như ý, tên thì đồng mà công dụng khác nhau.

Thủ lô

Pháp Uyển chép: Thiên nhân Huỳnh Quỳnh nói về lò hương của Phật Ca Diếp, lược nói trước có mười sáu sư tử, bạch tượng là hai loại thú đứng đầu dùng làm lò hương ở đài Liên Hoa, sau có sư tử ngồi xồm, trên đỉnh có chín con rồng có nhiều hoa vàng vắn quanh. Trong hoa có đài vàng đựng đầy hương báu. Khi Phật thuyết pháp thường xông lò hương này. So với đời nay chế ra bùng lư hương là có một chút bắt chước vậy.

Sổ châu

Kinh chú Mâu-lê-mạn-đà-la chép: tiếng Phạm là bát-tắc-mạc, đời Lương dịch là sổ châu. Đây chính là hướng

dẫn thời khóa cho kẻ hạ căn tu tập. Kinh Mộc Hoạn Tử chép: Xưa kia có Vua Ba Lư Lê bạch Phật:

Nước con bờ cõi nhỏ hẹp, suốt năm thường bị dịch bệnh, mất mùa, nhân dân khốn khổ nên con thường bất an. Do đó, đối với kho tàng giới pháp thâm sâu của Phật chúng con không được hành trì. Xin nguyện Thế Tôn nhũ lòng thương xót ban cho chúng con pháp yếu của Ngài.

Phật dạy: Nếu Đại Vương muốn diệt trừ phiền não thì xâu một trăm lẻ tám hạt mộc hoạn, thường mang theo bên mình, chí tâm xưng niệm “Nam mô Phật Đà! Nam mô Đạt Ma! Nam mô Tăng Già!” rồi lần qua một hạt, cứ niệm như thế cho đến ngàn vạn lần, có thể đến hai mươi vạn biến, thân tâm không loạn thì trừ được những điều uẩn khuất, sau khi qua đời được sanh lên cõi Trời Diệm Ma. Nếu niệm đến trăm vạn biến thì sẽ trừ được một trăm lẻ tám điều oán kết, thường được an lạc.

Vua thưa: Con sẽ phụng hành.

Kinh Mạn Thù Thất Lợi Giáo Lượng Sở Châu chép: thể của sở châu đủ loại so lường không cùng, ngay cả lần một biến hạt chuỗi thì được phước gấp ngàn lần, lần bằng hạt sen thì được phước gấp vạn lần, lần bằng thủy tinh thì được phước gấp ngàn ức lần, nếu hạt bồ đề đeo vào tay hoặc cầm thì được phước vô lượng.

Phiến

Ở Tây Thiên thường dùng, như trong kinh A-hàm chép: A Nan và La Vân đều cầm quạt hầu Phật. Khi Ưu Ba Ly kết tập luật tạng, Vua Ba Tư Nặc cầm quạt bằng

ngà voi đứng hầu tụng luật. Xưa kia, khi cao tăng Tuệ Vinh thuyết giảng thì thường có người hầu quạt. Tùy Dương Đế ban cho cao tăng Cảnh Thoát cây quạt trúc rộng ba thước khi ngài vào cung giảng kinh, luận.

Quải trượng

Trong luật Thập Tụng, Phật cho phép chứa gậy. Kỳ Tán dùng

thiết làm gậy bền chắc để mang hành lý. Trong Tỳ-nại-da, Phật cho phép chứa gậy quải có hai nguyên nhân:

1. Vì người già yếu, không có sức lực
2. Vì người bệnh khổ

Tùy Dương Đế cầm gậy linh thọ tiền thiên sư Pháp Tạng đến nước khác. Sách chép: mỗi khi cầm gậy là nhớ Vua ban.

Tịnh bình

Tiếng Phạm là quân-trì, ở đây dịch là bình, thường dùng chứa nước, luôn mang bên mình để rửa tay. Ký Quy truyện nói có hai loại tịnh bình. Nếu bình làm bằng đồ gốm hoặc ngói thì dùng chung. Nếu bình làm bằng đồng thiết thì dùng riêng.

Cái

Nón có hai loại: nón tre và nón lá. Ký Quy truyện chép: Tăng sĩ Ấn Độ đội nón tre hoặc che dù. Vào đời Lương cao tăng Huệ Thiệu có người thỉnh mời thì tự cầm gậy, đội nón. Đời nay tăng sĩ đội nón tre, hoặc nón cọ. Khi nón rách thì bỏ đi nhưng nay lại có thoa thêm dầu. Đời Đường Mã Châu đội nón cói để che mưa rất có công dụng.

Giới đao

Tăng Sử Lược chép: giới đao đều là đao cụ. Theo trong luật cho phép chứa dao để cắt vải. Nay Tỳ-kheo cắt dao gọi là giới. Bởi vì Phật không cho phép chặt phá tất cả cỏ cây làm hoại chỗ ở của quý thân. Đối với cỏ cây mà còn răn dạy như vậy huống chi là đối với những người khác.

Lự thủy nan

Tăng Huy Ký chép: xét về túi lọc nước tuy tầm thường nhưng công dụng thì rõ rệt. Vì bảo hộ mạng sống bằng tâm từ bi nên công dụng ở đây vậy. Tăng sĩ Trung Hoa ít có thọ trì. Nay căn cứ theo luật dạy giữ sẵn để dùng khi có người hỏi đến. Căn Bản Bách nhất Yết Ma dạy: thủy la có năm loại:

1. Phương la
2. Pháp bình
3. Quân trì
4. Chúc thủy la
5. Thủy giác la

Khuôn mẫu theo Nam Sơn Sao thì vẫn nhiều nên không chép ra đây. Đao cụ theo trong luật thì có rất nhiều khuôn mẫu, chẳng phải như ngày nay sử dụng nên không chú giải.

Chế thính

Trong luật dạy: Tỳ-kheo Bạt Nan Đà che dù lớn mà đi, cư sĩ trông thấy từ xa tưởng là quan nhân nên đều tránh đường, đến gần hóa ra là Tỳ-kheo. Họ liền cơ hiềm. Do đó mà Phật chế giới, không được che dù lớn, trừ lúc

Trời mưa.

Họa phòng bích

Luật Tăng kỳ dạy: Tỳ-kheo làm phòng ở, muốn vẽ tranh. Đức Phật cho phép vẽ tranh thuộc về núi, rừng, người, ngựa, không được vẽ hình nam nữ hòa hợp. Xưa kia, Cảnh Lục Văn Tuyên Vương-Nam Tề treo tranh vẽ về các bậc Hiền nhân ở phòng đọc sách, giữa phòng thì treo tranh vẽ về cô gái. Lúc ấy, có người khách nói: “Vua vẽ cô gái giống như háo sắc, không mền đức vậy”. Văn Tuyên liền tháo bỏ và tạ ơn. Nhà Vua ở đời mà còn như thế đây.

Huyền hương

Trong luật Tứ Phần dạy: phòng Tỳ-kheo có mùi hôi, đức Phật cho phép dùng bùn để trét. Nếu có mùi hôi, Phật dạy nên treo hương thơm ở bốn góc.

Xuất nhập mễ

Luật Tăng kỳ dạy: Tỳ-kheo chứa lúa gạo nên nghĩ: “Ta nhờ vào nó mà được tụng kinh, tọa thiền, hành đạo. Gặp lúc lúa gạo khan hiếm, nếu chứa nhiều quá thì nên xuất ra để làm công đức.

Tài thọ

Tỳ Ni Mẩu dạy: nếu Tỳ-kheo vì việc Tam bảo nên trồng ba loại cây để lấy: quả, hoa, lá mà dùng thì chỉ có phước, không có lỗi.

Dưỡng cẩu

Luật Nhiếp Tát-bà-đa dạy: trong chùa lớn vì việc phòng hộ nên cho phép nuôi chó, phải biết pháp mà làm.

Nếu chó bới đất tháp và phòng chùa thì nên san bằng lại. Nếu đá, ỉa lung tung thì không được nuôi, không làm như thế thì mắc tội ác tác.

Nghiêm sức sàng nhục

Theo trong luật thì Tỳ-kheo Nan Đà trang trí giường, nệm nên bị người cơ hiềm: “Ở đây quá lộng lẫy không phải là nơi thích hợp cho Tỳ-kheo”. Do đó, Phật chế giới, không được trang trí giường, nệm quá lộng.

Dụng ngoại thư trị Phật kinh

Trong luật Tứ Phần, Tỳ-kheo Đồng Mãnh bạch Phật: “Con muốn dùng ngôn luận thế gian để tu sửa kinh Phật”. Đức Phật dạy: “Người ngu đem ngôn luận ngoại đạo xen tạp vào kinh Phật, chính là hủy phá vậy”.

Đái số xuyên

Luật Thập Tụng dạy: Tỳ-kheo mang đồ trang sức, phạm tội Đột-cát-la.

Thâu thuế

Luật Thập Tụng dạy: Tỳ-kheo qua cửa ải thuế, vật phải đóng thuế mà không đóng thuế, hoặc đem vật để trốn thuế cho khách buôn, hoặc bảo người trốn thuế, làm mất tiền của quan thuế trị giá năm quan tiền, phạm Ba-dật-đề.

Khán đấu

Luật Tăng Kỳ dạy: Tỳ-kheo xem voi, trâu, ngựa, gà v.v... đánh nhau và xem người tranh cãi thì mắc tội Việt pháp.

Chiếu kính

Luật Tăng kỳ dạy: nếu bệnh mới lành, mới cạo tóc, hoặc trên đầu, trên mặt có mụn nhọt thì soi gương không mắc tội. Nếu vì muốn đẹp mà soi gương thì mắc tội Việt tỳ ni.

Ca

Giống như điệu hát ngày nay. Trong luật dạy: hát có năm lỗi:

Làm cho tâm tham đắm.

Khiến cho người khác đắm trước.

Nơi vắng vẻ sanh nhiều giác quán

Thường bị tham dục che tâm

Khiến cho những người trẻ tuổi nghe thì sanh khởi ái dục trái đạo.

Âm tửu

Trong luật dạy: Rượu có hai loại:

1. Do lúc làm ra

2. Do gốc, trái cây làm nên.

Trong kinh Niết bàn dạy: rượu là gốc của các pháp ác bất thiện.

Nếu dứt bỏ rượu thì xa lìa mọi tội lỗi.

Trong luận Thành Thật hỏi: Rượu là kết quả của tội lỗi chăng?

Đáp: Không phải. Vì sao? Vì uống rượu làm não loạn chúng sanh nên chính nó là nhân của tội lỗi. Người nào uống rượu là mở cửa bất thiện, làm chướng ngại định và các thiện pháp, như trồng cây không có bờ tường ngăn ngại nên việc uống rượu cũng như vậy.

Luật Tứ phần dạy: uống rượu có mười lỗi:

1. Nhan sắc xấu
2. Sức yếu
3. Mắt nhìn không rõ
4. Hiện tướng sân
5. Phá hoại sản nghiệp
6. Tăng thêm bệnh tật
7. Thêm việc tranh cãi
8. Tiếng xấu lan truyền
9. Trí tuệ giảm dần
10. Khi qua đời thì sanh vào ba đường ác.

Kinh Sa Di giới chép có ba mươi sáu lỗi về rượu: phá nhà, nguy thân, bỏ đạo, mất mạng đều do nơi rượu.

Pháp uyển chép: nay có người uống rượu mà không say, không mất thần sắc, cũng không tạo tội. Uống như vậy có tội không?

Đáp: chế giới là phòng tội lỗi để sanh sự tốt đẹp. Giới là làm cho thân, miệng đoan chánh không trái với duyên giá giới, giá tánh nên gọi giới là thiện. Nay người có khả năng uống rượu tuy không rối loạn tinh thần, chưa phá các giới khác nhưng uống rượu là nhân tội lỗi. Chính là trái với trong duyên giá giới nên phạm, mới gọi là có tội.

Thực nhục

Trong kinh Lăng Già, Bồ-tát Đại Tuệ bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn nói về lỗi ăn thịt?

Đức Phật dạy: có vô lượng nhân duyên không nên ăn thịt. Nay Ta vì ông mà lược nói. Tất cả chúng sanh từ xưa đến nay, xoay vần luân chuyển đều là bà con quyến

thuộc, đều do khí huyết bất tịnh mà sanh ra. Chúng sanh nghe ác khí đều sanh sợ hãi, còn người tu hành do có tâm từ nên không sợ hãi. Vì phạm phu tham mùi vị đắm nên gọi là bất thiện, còn chư Thiên thì xả bỏ.

Trong luật dạy: người ăn thịt thì đoạn mất hạt giống từ bi. Các loài ở dưới nước, trên đất liền hay ở không trung mà có mạng sống đều thù oán họ.

Trong Pháp Uyển hỏi: rượu là thuốc điều hòa thần khí, thịt là món ăn ngon làm thêm sung sức, xưa nay đều thích dùng, đâu chỉ riêng một mình hạng thô lậu dùng? Giống như Vua ban rượu thịt thì đâu có lỗi gì?

Đáp: rượu do gạo làm ra. Rượu có thể làm loạn tinh thần, phóng túng khi giao tiếp nên phải nghiêm cấm, tuy trái lệnh Vua nhưng thuận tâm Phật.

Thực tâm

Kinh Lăng Già dạy: tất cả hành, họ, nén, tôi đều có mùi hôi bất tịnh làm chướng ngại Thánh đạo, cũng chướng ngại nơi thanh tịnh ở thế gian, huống nữa là đất Phật thanh tịnh. Kinh Niết bàn dạy: chính việc ăn hành, họ, nén, tôi nên thường sanh nơi đau khổ. Kinh Lăng Già dạy: năm thứ cay nồng này ăn chín thì phát dâm, ăn sống thì tăng thêm sân giận. Do đó ở thế gian, những người ăn các thứ cay nồng mà tuyên đọc mười hai bộ kinh thì Trời người trong mười phương đều cơ hiềm sợ ô uế ấy, hoặc họ lánh xa, còn các Ngạ quỷ nhân đó lại ăn, liếm môi mép họ. Người ấy thường ở với quỷ, phước ngày một tiêu, suốt đời không được lợi ích.

Xả thân

Trong kinh Thập Trụ Đoạn Kết, đức Phật dạy: vô số kiếp về thời quá khứ có một nước lớn tên là Bù Phiến Xà, có cô Đề Vị goá chồng, giàu có mà không con. Lúc ấy, có Bà-la-môn nói: “Sự khốn ách của thân ngày nay là do tội lỗi đời trước của ngươi. Nếu nay ngươi không biết tu phước để diệt tội thì sau này sẽ đọa Địa ngục, dù có ăn năn cũng không kịp”. Đề Vị hỏi: “Con phải làm phước gì để diệt tội?”. Bà-la-môn nói: “Đem củi chất đống để thiêu thân”. Đề Vị nghe theo chất củi lại, đạo nhân Bát Đê (Biện Tài) hỏi: “Cô bày củi lửa muốn làm gì vậy?”. Cô ta đáp: “Muốn thiêu thân để diệt tội”. Biện Tài nói:

*“Tội nghiệp thân trước
Đọa do tình thân
Không hợp với thân
Nếu tự thiêu mình
Sao diệt tội được
Với khổ não này
Cầu quả thiện chăng?
Theo lý chẳng thông
Như bò chán xe
Mong cho xe hư
Xe trước đã hoại
Sẽ có xe sau
Giả như thiêu hoại
Trăm ngàn vạn thân
Nhân duyên tội nghiệp
Xoay vẫn không mất. ”*

Theo trong luật, khuyên người chết, phạm tội Ba-la-

di

Dục

Luật Tứ Phần dạy: cho phép thường tắm rửa để sanh pháp lành.

Tỳ Ni Mẫu dạy: Tắm rửa chỉ trừ thân bệnh nóng để được an ổn hành đạo. Tắm có năm lợi ích:

1. Trừ cái bẩn
2. Thay đổi lớp da bên ngoài
3. Diệt sự nóng bức
4. Ít bệnh
5.

Trong kinh Ôn Thất, đức Phật vì thầy thuốc Kỳ Vực nói về việc tắm rửa của tăng cần dùng bảy vật:

1. Đốt lửa
2. Nước sạch
3. Bột tắm
4. Dầu cao
5. Tro
6. Tắm xỉa răng
7. Nội y

Tắm trừ được bảy bệnh:

1. Tứ đại an ổn
2. Trừ trùng gió
3. Trừ tê liệt
4. Trừ bệnh thương hàn
5. Trừ bệnh sốt
6. Trừ cái bẩn
7. Thân thể nhẹ nhàng, mắt sáng tỏ

Tắm có được bảy phước:

1. Tứ đại không bệnh, sống an lạc
2. Sống thanh tịnh, nhan sắc đoan nghiêm
3. Thân thể thơm mát, y phục sạch sẽ
4. Da thịt mềm mại, hồng hào
5. Bụi bặm không còn
6. Răng miệng thơm tho, lời nói nghiêm nghị
7. Sanh ra tự nhiên có được y phục

Luật dạy: Tỳ-kheo vào phòng tắm phải nhất tâm, nói nhỏ, giữ gìn oai nghi, thâm nhiếp các căn.

ÚY THẬN

Úy thận

Trong kinh Tạp A-hàm, đức Phật bảo các Tỳ-kheo, thường phải cung kính, thường luôn nhiếp tâm, thường cẩn thận. Vì sao? Nếu Tỳ-kheo không cung kính, không nhiếp tâm, không cẩn thận mà mong được đầy đủ oai nghi thì việc ấy không xảy ra. Không đầy đủ oai nghi mà muốn học pháp được viên mãn thì việc ấy không thể xảy ra. Học pháp không hoàn mãn mà muốn đầy đủ năm phần pháp thân thì việc ấy không thể xảy ra, năm phần pháp chưa đầy đủ mà muốn đạt được Vô dư Niết bàn thì việc ấy không thể xảy ra. Do đó Tỳ-kheo phải siêng học, cung kính, nhiếp tâm, cẩn thận.

Hộ tích phù nan

Kinh Niết bàn dạy: Có một người qua biển vớt bỏ phao nổi, có một Bà-la-môn cũng qua biển nên xin phao nổi ấy, người kia liền cho nên không qua biển được. Đây là dụ cho người trì giới, giữ gìn giới pháp cẩn thận như

người qua biển có phao nổi, không bị một chút rỉ chảy mới qua biển sanh tử.

Hủy phá đức bình

Lại gọi là bình cát tường. Luận Trí Độ dạy: giống như có người sợ nghèo nên cúng dường chư Thiên để cầu phước. Đủ hai mươi năm, chư Thiên thương xót lòng chí thành nên ban cho người kia một cái bình và bảo: “Đây là bình công đức. Nếu có cần điều gì thì bình tự đưa ra”.

Người ấy lâu nay nghèo hèn bỗng nhiên giàu có. Mọi người đều lấy làm lạ hỏi, người ấy liền lấy bình chỉ cho mọi người thấy các vật từ trong bình xuất ra. Mọi người tranh nhau lấy bình nên đã làm vỡ, các vật đều biến mất. Đây là dụ cho người trì giới nên được sanh lên cõi Trời, được hưởng sự an lạc tự nhiên. Còn người phóng dật buông lung thì như bình bị vỡ, mất hết tất cả.

Thị mĩ họa mầu

Kinh Tạp Thí Dụ dạy: Có một nước kia lúa gạo dư dật, binh giỏi, không có tai dịch, dân chúng luôn sống an lạc, nhà Vua liền hỏi quần thần: “Trẫm nghe các nước xung quanh có tai họa như thế nào?”. Đáp: “Thần cũng chưa rõ”. Vua liền sai người đi tìm hiểu xem. Quan thần đi dò la tin tức. Lúc ấy, Thiên Thần hóa làm một vật giống con heo bán ở trong chợ. Quan thần hỏi tên? Đáp: “Mẹ của tai họa. Họa của bốn phương đều do ta sanh ra”. Quan thần hỏi ăn gì? Đáp: “Ngày ăn một thỏi kim châm”. Quan thần liền mua về dâng lên Vua. Nhà Vua liền ra lệnh nuôi dưỡng. Khi heo ăn hết kim của nhà nước,

liền lấy của dân. Dân chúng không có đủ để nộp nên phải lánh sang nước khác. Một vị thần có trí xin giết, liền đâm chặt mà nó chẳng bị tổn thương; bèn đem đốt thân cháy hực như lửa, nó liền bay lên vào thành, làm cháy rụi tất cả. Mua mẹ của tai họa phải chịu đến nỗi như vậy. Dụ cho Tỳ-kheo không hộ trì giới, bị lửa dục thiêu đốt nên thân danh đều mất.

Miêu thôn thử tử

Trong kinh dạy: xưa kia có một con mèo há miệng rình bắt con chuột. Chuột vừa ra khỏi hang, mèo liền nuốt chửng nó. Chuột vào sống trong bụng lại ăn lục phủ, ngũ tạng mèo. Mèo đau đớn, mê muội, cuồng loạn cho đến lúc chết. Đây là dụ Tỳ-kheo nương tựa xóm làng, không hộ căn môn, bị dục làm hại tâm, mê muội, cuồng loạn, không thích ở tinh xá, xả giới, hoàn tục cho đến lúc chết.

Miên lý thiết hoàn

Trong kinh, Phật hỏi: Thí như hòn sắt cháy đỏ dùng bông quấn bên ngoài thì bông ấy có mau cháy không?

Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bông cháy rất nhanh.

Đức Phật dạy: Người ngu si nương theo xóm làng ở, không biết hộ trì giới, tâm không chánh niệm, bị lửa dục thiêu đốt, xả giới hoàn tục. Cho nên, các ông phải hộ trì các căn.

Nhật dụng bốn xử

Kinh Tạp A-hàm dạy: thí như cây chày hằng ngày giã không dừng mà không biết nó bị mòn dần. Cũng vậy,

Tỳ-kheo từ xưa đến nay không giữ gìn căn môn, không siêng tu tập pháp lành, cầu giác ngộ. Nên biết hạng người ấy ngày một bị tổn giảm.

Tiểu ngư vong giáo

Kinh Đại Ngư Sự dạy: xưa kia có nhiều cá sống trong ao. Lúc ấy, cá lớn bảo đàn cá nhỏ: “Các con chớ đi đến chỗ khác sẽ bị người ta bắt mất. Bây giờ, đàn cá nhỏ quên mất lời dặn liền đến nơi khác sắp bị lưới giăng bắt vội quay trở về. Cá lớn hỏi: “Các con thấy gì?”. Cá nhỏ nói: “Chỉ thấy lưới ràng rịt dày đặc”. Cá lớn nói: “Ông cha ta đều bị chết vì lưới ấy. Các con phải cẩn thận chớ đến đó nữa”. Sau đó, cá nhỏ quên mất lời dặn lại đến nên đều bị bắt sạch. Đây là dụ Tỳ-kheo không nghe theo lời dạy tốt nên gặp phải tai họa.

Dã can cự giân

Luật Tăng Kỳ dạy: Quá khứ có một Bà-la-môn đào giếng ở đồng trống để giúp ích cho người đi đường. Đến tối có một bầy dã can đến giếng uống nước. Dã can chúa liền dùng đầu múc nước trong lọ uống xong đội nó lên cao, đập vỡ rồi bỏ đi. Bầy dã can khuyên chủ: “Như cây lá có thể dùng còn phải thương tiếc. Huống chi đây là vật giúp ích, sao lại nỡ lòng hoại đi”. Dã can chúa nói: “Ta chỉ biết vui đùa thôi. Tồn hại đã sao”.

Người cúng thí rất giận liền làm bình bằng máy, đầu vào được mà không ra được đem đặt bên giếng và cắm cây núp ở chỗ khuất. Đến tối, quả nhiên chúng lại đến vui chơi như trước, chui đầu vào bình, muốn đánh vỡ bình nhưng không thoát được. Khi ấy Bà-la-môn cầm

gậy đánh chết dã can. Trên hư không có vị thần nói kệ:

*Bạn tốt từ tâm khuyên
Ngang ngược không nghe lời
Cần bướng chuốc lấy họa
Làm mất thân mạng mình.*

Cửu hoạnh

Trong kinh Cửu hoạnh, đức Phật bảo các Tỳ-kheo: mạng sống chưa hết mà bị chết oan:

1. Vật không nên ăn mà ăn
2. Ăn không có tiết độ
3. Thức ăn không biết đến mà ăn
4. Thức ăn chưa tiêu hóa mà ngồi ăn lại
5. Nín đại tiểu tiện để ăn
6. Không trì giới
7. Gần bạn ác
8. Vào thôn xóm không đúng lúc
9. Đáng tránh mà không tránh

Nhập tục xá ngũ pháp

Trong luật dạy: có năm pháp vào nhà thế tục:

1. Vào cửa nói nhỏ
2. Nhiếp hộ thân, miệng, ý
3. Cúi mình
4. Khéo giữ gìn các căn
5. Đầy đủ oai nghi, khiến họ sanh căn lành.

Bài kệ trong kinh Hoa Thủ:

*Tỳ-kheo vào nhà người
Không ôm lòng kiêu mạn
Tâm tự đại, tự cao
Nếu có thì phải diệt*

*Nên bằng tâm từ mẫn
Không tham, không mong cầu
Rộng thuyết pháp lợi ích
Tĩnh hạnh nơi thế gian*

Xả ngũ san

1. Keo kiệt về tài vật
2. Keo kiệt về giáo pháp
3. Keo kiệt về môn đồ
4. Keo kiệt về chỗ ở
5. Keo kiệt về sự tán thán

Trừ tam ác

Trong kinh Đại Pháp Cự Đà-la-ni, đức Phật dạy: thân người khó được, tuy được thân rồi lại phải chết yếu. Lại có ba điều ác:

1. Tâm tánh tồi tệ, không nghe theo lời hay
2. Thường ganh ghét, keo kiệt, sợ người ta hơn mình
3. Nếu có người hơn mình thì hổ thẹn không hỏi

Tức tam bạo hại

Luật Tăng Kỳ gọi là thân bạo ngược. Tỳ-kheo vào nhà người dất trẻ nhỏ, đánh, đập, lôi, kéo, phá hoại đồ vật, chặt chân bò, cắt tai dê, đem lúa, gạo, đậu, mè trộn lẫn vào nhau, nếu trong ruộng cần nước liền phá bờ cho nước chảy ra. Người không cần đến lại đục tường chui vào, miệng nói lời thô bạo. Đến chỗ Vua, quan thì nịnh bợ để gièm pha người lương thiện. Thân, miệng bạo ác, núp ở chỗ khuất làm tiếng quái lạ để khùng bố mọi người.

Chiêu khinh tiện tam pháp

Bài kệ trong luật Tỳ Nai Da:

Rãnh không lại nhiều lời

Thân mặc y rách rưới

Không mời, đến nhà người

Ba việc bị người khinh

Đặc nhân bất khả ái hữu thập pháp

Luật Tăng kỳ dạy có mười điều người ta không thích ý:

Không thích hợp mà gần gũi

Khinh tiện mà gần gũi

Vì lợi mà gần gũi

Người kia thích mà mình không thích

Người kia không thích mà mình thích

Nói rõ mà không biết ghi nhận

Thích xen vào việc của người khác

Thật không có đức mà muốn người cung kính

Thích nói chuyện riêng với người ở chỗ khuất.

Nhiều sự mong cầu.

Mười pháp này làm cho người không thích.

Bát giới

Kinh Phân Biệt Thiện Ác Sở Khởi dạy: truyền bá lưu thông răn dạy cùng khắp, tin tưởng thọ trì răn dạy kẻ ủng hộ, đồng mãnh quả quyết răn dạy kẻ bạo loạn, nhân ái lương thiện răn dạy kẻ không quyết đoán, quảng đại bao dung răn dạy kẻ hồ nghi, thanh tịnh an nhàn răn dạy đời sau, nghiêm khắc chính yếu răn dạy kẻ trôi nổi, dùng lời nhiều người răn dạy kẻ không thật.

Thành tựu oai nghi tứ pháp

Kinh Thập Trụ Đoạn Kết dạy: có bốn pháp thành tựu oai nghi:

Không nhiễm ba cõi, biết đó là khổ

Ta với người khác đều có sự khổ, vui như nhau

Thường hành nhẫn nhục

Lớn thì không khinh mạn, nhỏ thì không hổ thẹn

Thọ thí tri tiết lượng

Trong luận Trí Độ đức Phật dạy: hàng cư sĩ cúng dường sự ăn mặc thì phải nên biết đủ, chớ khiến cho họ phải bần cùng thì họ mới hoan hỷ, không mất tín tâm và người nhận cũng không bị thiếu thốn.

Tứ thánh chủng

Luận Câu Xá dạy có bốn Thánh chủng:

1. Tùy theo chỗ ở mà được y phục

2. Tùy theo chỗ ở mà được thức ăn

3. Tùy theo chỗ ở mà được mền, nệm đầy đủ như ý

4. Ưu tu tập đoạn phiền não

Người xuất gia có hai nhân duyên nên gọi là Thánh chủng:

1. Tâm an lạc

2. Thọ dụng đầy đủ

Bốn loại này thường sanh ra thiện vô lậu nên gọi là Thánh chủng.

Lại nữa, đức Phật gọi là bốn Thánh bảo tạng hay khiến người an trú được mãn nguyện. Kinh Bản Sanh

Tâm Địa Quán gọi là bốn tánh không cầu nhiễm, nghĩa là Tỳ-kheo đối với y phục, thức ăn, thuốc men, đồ nằm tùy theo sự thọ dùng thích hợp với tâm ý, xa lìa sự tham cầu. Vì ba mươi bảy phẩm trợ đạo đều từ đây mà sanh ra

Cảnh giới

Trong Lục Độ Tập kinh, đức Phật nói nơi tâm địa mà dạy người nghèo: Ta thà giữ đạo nghèo mà chết, chứ không sống phú quý mà vô đạo.

Trong Tả truyện, Trịnh Tử Trương nói: Sống là ở chỗ kính giới chứ không phải ở chỗ giàu có. Quân tử nói: hãy khéo giữ giới!

CẦN GIẢI

Cần

Nghĩa Chánh cần có bốn là bốn loại tinh tấn. Hai pháp bất thiện và hai pháp thiện. Nghĩa là pháp bất thiện đã sanh thì khiến cho đoạn diệt. Pháp bất thiện chưa sanh thì làm cho không sanh. Pháp thiện chưa sanh thì khiến cho sanh khởi. Pháp thiện đã sanh thì làm cho tăng trưởng. Luận Trí Độ gọi là bốn loại tâm tinh tấn: dũng, phát, cần, úy. Vì nhầm lẫn nên chánh cần. Thuận Chánh Lý luận dạy: từ vô thủy đến nay sở dĩ không thể thấy được bốn Thánh đế đều do giải đãi nên phải siêng năng đối trị, khiến ưa nghe pháp, tư duy đúng lý về bốn Thánh đế, mau chứng Bồ-đề.

Tinh tấn

Tức pháp thứ mười một trong mười một pháp thiện

của tâm sở. Luận Duy Thức dạy: tánh của tinh tấn là đồng mãnh. Sớ chép: đồng mãnh mà không khiếp nhược, tức tự sách tấn vậy. Mạnh mẽ mà không lo sợ tức không ngại sự nhọc nhằn. Kinh Tăng Già Trá dạy: Muốn cầu Niết bàn phải nên tinh tấn. Bài tựa trong luật Thập tụng dạy: Các Đại đức vì mong cầu đạo giải thoát thì phải nên nhất tâm tinh tấn. Vì sao? Chư Phật do nhất tâm tinh tấn mà chứng đắc Bồ-đề, hướng chỉ là các pháp lành khác. Luận Trí Độ dạy: có hai sự tinh tấn:

1. Thân tinh tấn là nhỏ hẹp.

2. Tâm tinh tấn là rộng lớn.

Đức Phật dạy: ý nghiệp là rộng lớn vậy

Giải đãi

Kinh Bồ-tát Bản Hạnh dạy: giải đãi thì các hạnh đều bị lụy. Tại gia giải đãi thì ăn mặc không đủ, tài sản thiếu hụt. Xuất gia giải đãi thì không thể ra khỏi khổ sanh tử. Thích Luận chép: xuất gia lười biếng thì mất hết pháp bảo.

Phóng dật

Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ dạy: tội lỗi phóng dật là lớn nhất trong các tội lỗi. Kệ viết:

*Ngu si thích buông lung
Thường chịu các khổ não
Nếu người là buông lung
Thì thường được an lạc
Tất cả các cây khô
Buông lung là cội gốc
Cho nên muốn là khổ*

*Cần phải bỏ buông lung
Hành đúng chánh pháp
Xa lìa buông lung
Thì đóng bít hết
Các cửa đường ác.*

Ma

Luận Trí Độ dạy: tiếng Phạm là ma-la, Tàn dịch là đoạt mạng. Kinh Ma Nghịch dạy:

Phu nhân Đại Quang thưa Bồ-tát Văn Thù: Những loài ma trụ ở nơi nào?

Văn Thù nói: trụ nơi tinh tấn. Hỏi: vì sao trụ nơi tinh tấn?

Văn Thù nói: người tinh tấn mới bị ma đến quấy nhiễu, còn kẻ biếng nhác thì ma đến làm gì?

Luận Du Già dạy: Ma nghĩa là đối với lợi dưỡng, cung kính, danh tiếng thì tâm muốn thâm vào. Hoặc là phóng dật, keo kiệt, tham dục, không biết đủ, phần hận, phú nảo, kiêu mạn, dối trá v.v... đều là ma.

TAM BẢO

Tam bảo

Là Phật, Pháp, Tăng.

Luận Bảo Tánh dạy: nương vào sáu pháp tương tợ kia đối trị nên gọi Phật, Pháp, Tăng là bảo.

Thế gian nạn đắc tương tợ: do các chúng sanh không có căn lành nên trăm ngàn vạn kiếp không thể thành tựu.

Vô cầu tương tợ: vì lìa tất cả các pháp hữu lậu.

Oai đức tương tợ: do đầy đủ sáu pháp thần thông, bất

khả tư nghị, oai đức tự tại.

Trang nghiêm tương tự: do có khả năng trang nghiêm xuất thế gian.

Thắng diệu tương tự: do xuất thế gian.

Bất khả cải dị tương tự: do pháp vô lậu đối với tám pháp không động.

Kệ viết:

*Báu hy hữu ở đời
Minh tịnh và thế lực
Hay trang nghiêm thế gian
Tối thượng và bất biến*

Đồng thể Tam bảo

Nghĩa là đối với nhất chân như, gồm có ba:

1. Chân như thị giác tánh là Phật bảo.
2. Chân như hữu chấp trì nghĩa là Pháp bảo.
3. Chân như hữu hòa hợp nghĩa là Tăng bảo.

Biệt thể Tam bảo

Ở đây có hai tông:

Theo thuyết của Tiểu thừa: thân vàng trượng sáu là Phật bảo. Giáo lý về Bốn đế, Mười hai nhân duyên, Sanh, Không là Pháp bảo. Bốn quả Duyên Giác là Tăng bảo.

Theo thuyết của Đại thừa: ba thân của Như Lai là Phật bảo. Giáo lý về Nhị không là Pháp bảo. Ba Hiền, mười Thánh là Tăng bảo.

Tam bảo

Hình tượng khắc chạm là Phật bảo. Văn nghĩa ba tạng là Tăng bảo. Cạo tóc mặc áo nhuộm là Tăng bảo.

Phật bảo

Tiếng Phạm là Phật-đà, hoặc gọi là Phù-đồ, hay Bộ-đa, Mẫu-đa, Một-đa. Năm cách gọi này đều là âm tiếng Phạm ở Thiên Trúc, được dịch là giác. Nghĩa là tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn. Nay lược gọi là Phật.

Luận Bát Nhã Đăng dạy: thế nào là Phật? Vì đối với tất cả các pháp liễu ngộ chân thật không điên đảo nên gọi là Phật. Trong không thể pháp liễu ngộ tất cả các pháp bình đẳng nên gọi là Phật.

Kinh Bồ-tát Bản Hạnh dạy: Phật là đoạn sạch tất cả ác, tập hợp tất cả thiện, không có cấu nhiễm, các dục đều diệt, sáu Ba-la-mật đều được viên mãn, dùng phương tiện khéo léo tùy thời giáo hóa, có đại thần thông, thân sắc vàng tía, đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, thấu triệt lục thông, biết trước vô cùng, thấy kiếp vô cực, hiện tại không gì mà không tỏ rõ, đầy đủ các đức như vậy nên hiệu là Phật.

Nhất thân

Chỉ có Pháp thân là thể y cứ các nghĩa nên gọi là thân.

Nhiếp luận dạy: vì Ứng Hóa thân và tất cả công đức của Như Lai y cứ vào nên gọi là Pháp thân.

Nhị thân

1. Luận Phật Địa dạy có hai thân:

2. Pháp thân: tức tự thọ dụng thân của Phật

Sanh thân: tức tha thọ dụng thân và Hóa thân của Phật.

Nhiếp luận dạy: Như Lai có hai thân:

1. Tự tánh đặc thân là Pháp thân
2. Nhân công đặc thân là hai thân Ứng, Hóa.

Tam thân

1. Pháp thân thanh tịnh: theo Duy Thức luận dạy nghĩa là chư Như Lai thọ dụng pháp giới chân tịnh, lấy sự biến hóa bình đẳng làm chỗ y cứ, là tướng vắng lặng, dứt hẳn pháp hý luận, đầy đủ vô biên công đức chân thường. Thật tánh bình đẳng của tất cả các pháp này là tự tánh, cũng gọi là Pháp thân là chỗ y chỉ cho mọi công đức.
2. Báo thân viên mãn: theo trong luận gồm có hai loại:
 - Tự thọ dụng thân: nghĩa là chư Như Lai trong ba vô số kiếp tu tập vô lượng phước đức để làm tư lương, đã làm vô biên công đức chân thật và viên mãn thanh tịnh thường biến, sắc thân tương tục vắng lặng, đến tận kiếp vị lai thường tự thọ dụng pháp lạc quảng đại.
 - Tha thọ dụng thân: nghĩa là chư Như Lai nhờ trí bình đẳng nên thị hiện thân công đức thanh tịnh vi diệu, ở chỗ Tịnh độ. Bồ-tát Thập địa hiện đại thần thông, chuyển bánh xe chánh pháp dứt mọi nghi hoặc cho chúng sanh, khiến họ thọ dụng pháp lạc của Đại thừa, gọi là Báo thân.
3. Biến hóa thân: nghĩa là chư Như Lai do trí thành tựu, biến hiện vô lượng tùy loại hóa thân, ở chỗ tịnh uế. Vì Bồ-tát Đẳng địa ở vị lai và chúng sanh nhị thừa, hợp với căn cơ để hiện thân thông thuyết pháp khiến cho họ đều được lợi

lạc.

Lại nữa giác tánh tức là Pháp thân, do lấy vô tướng làm tướng. Giác tướng là Báo thân, do dùng bốn trí làm thể. Giác dụng là Hóa thân, tức tùy loại mà biến hóa, hình dáng lớn nhỏ không đồng.

Theo luận Trang Nghiêm dạy: nên biết ba thân này bao gồm tất cả thân Phật, thị hiện tất cả pháp tự lợi, lợi tha.

Tứ thân

Kinh Lăng Già dạy có bốn thân: Ứng thân Phật, Công đức thân Phật, Trí tuệ thân Phật, Như như thân Phật.

Ngũ thân

Kinh Bồ-tát Anh Lạc dạy có năm thân:

- 1.Như như trí pháp thân
- 2.Công đức pháp thân
- 3.Tự pháp thân
- 4.Biến hóa pháp thân
- 5.Hư không pháp thân.

Thập thân

Kinh Hoa Nghiêm dạy có mười thân:

- 1.Vô trước thân Phật
- 2.Nguyện thân Phật
- 3.Nghiệp báo thân Phật
- 4.thân Phật
- 5.Niết bàn thân Phật
- 6.Pháp giới thân Phật
- 7.Tâm thân Phật

8. Tam muội thân Phật

9. Tánh thân Phật

10. Như ý thân Phật

Các thân trên không đồng mà không cũng ngoài ba thân. Ba thân không đồng mà không là một thân nên thân Phật đều viên mãn.

Thập hiệu

Kinh Bồ-tát Trì Địa dạy: Như Lai có mười danh xưng về công đức, nghĩa là đúng như thuyết nên gọi Như Lai. Đắc nhất thiết nghĩa Vô thượng phước điền, đáng được cúng dường nên gọi là Ứng. Đúng như Đệ nhất nghĩa mà khai ngộ gọi là Chánh Giác. Đầy đủ pháp chỉ, quán nên gọi là Minh Hạnh Túc. Vượt lên bậc nhất, hoàn toàn không quay trở lại nên gọi là Thiện Thệ. Hiểu đúng về thế giới và chúng sanh giới, tất cả các phiền não và thanh tịnh nên gọi là Thế Gian Giải. Điều phục tâm trí thiện xảo bậc nhất, là bậc đại trượng phu của tất cả thế gian nên gọi là Vô Thượng Sĩ Điều Ngự Trượng Phu. Vì có bốn loại trí chân thật hiểu nghĩa pháp chân thật, vì hiển thị bất liễu nghĩa, vì nương vào nhất thiết nghĩa, vì đoạn tất cả nghi hoặc, hiển thị sự thanh tịnh sâu xa, vì làm bậc thầy của tất cả các pháp nên gọi là Thiên Nhân Sư. Đầy đủ ba tụ, bình đẳng khai ngộ cho tất cả chúng sanh nên gọi là Phật. Hoại tất cả quân ma nên gọi là Thế Tôn.

Lục đức

Tiếng Phạm là Bà-già-bà, hoặc gọi là Bạc-già-phạm. Ở đây thì đủ sáu nghĩa:

1. Tự tại
2. Xí thành
3. Đoan nghiêm
4. Danh xưng
5. Cát tường
6. Tôn quý.

Thân Quang Bồ-tát tạo Phật Địa luận thích dạy: vì Như Lai hoàn toàn không bị lệ thuộc vào các phiền não nên có nghĩa tự tại; vì lửa

trí đồng mãnh được tôi luyện nên có nghĩa xí thành; vì đủ ba mươi hai tướng tốt để trang nghiêm thân nên có nghĩa đoan nghiêm; vì tất cả công đức thù thắng viên mãn, thông suốt tất cả nên có nghĩa danh xưng; vì được tất cả thế gian gần gũi cúng dường, hoặc xưng tán nên có nghĩa cát tường; vì đủ phước đức thường dùng phương tiện làm lợi ích, an lạc cho tất cả chúng sanh mà không phế bỏ nên có nghĩa tôn quý.

- A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam Bồ-đề

Ở đây dịch là Vô Thượng Chánh Biến Tri

- Thích Ca Mâu ni

Luận Trí Độ dạy: Tần dịch là Năng nhân tịch mặc.

- Thiên trung thiên

Là một danh xưng của Phật.

Trong kinh Bốn Hạnh, Vua Tịnh Phạn nói: sau khi sanh Thái tử thì các việc đều thành tựu, xứng đáng với tên Tát-bà-át-tha-tất-đà (Tất Đạt Đa).

Lại nữa, những người thích danh vọng, kiêu mạn, nhiều lời mà gặp Thái tử thì đều im lặng nên Vua nói: Con Trẫm xứng đáng với tên Mâu Ni.

Lại nữa, một hôm bệ Thái tử gặp Thiên thần, Thiên thần liền làm lễ dưới chân Thái tử nên Vua nói: Đối với trong Thiên thần thì con Trẫm tôn quý nhất xứng đáng với tên Thiên Trung Thiên.

Xưa kinh có danh xưng Phật là Đại Tiên nhưng Đại Tiên đây chẳng đồng với Đại Tiên.

Luận Bát Nhã Đăng dạy: Bồ-tát Thanh-văn cũng gọi là Tiên. Trong đó Phật là Tối Thượng nhất vì đã có tất cả Ba-la-mật-đa, công đức, thiện căn, đến bờ giải thoát nên gọi là Đại Tiên.

Lại nữa, luận Đại Tỳ Bà Sa tôn xưng Phật là Chân Nhân vì Phật đã di thực nhân, chứng pháp chân thật nên gọi là Chân Nhân.

Lại nữa, Kinh Bản Hạnh Tập tôn xưng Phật là Long, nghĩa là xa lìa ái nhiễm ở thế gian, giải thoát các phiền não, các lậu đã dứt sạch nên gọi là Long, hoặc gọi là Na-già, nghĩa là ở tại định, không có lúc nào mà không ở trong định.

Pháp bảo

Tiếng Phạm là Đạt-ma, Trung Hoa dịch là pháp, nghĩa là chấp trì, tức nhậm trì tự tánh, quở sanh vật giải (tự giữ lấy tính cách của nó làm mẫu mực phát sanh sự nhận biết)

Luận Bát Nhã Đăng dạy: Pháp là gì?

Nếu người muốn được sanh vào cõi thiện như: Trời, người và được giải thoát thì Phật biết được căn tánh của chúng sanh không có điên đảo nơi dục nên Phật nói về đạo Trời, người và đạo Niết bàn. Đó gọi là pháp.

Lại nữa, mình cùng người khác có huân tập hay không huân tập phiền não, oán tặc đều bị phá hủy cả nên gọi là pháp. Nay pháp bảo được phân làm ba: kinh, luật, luận.

Kinh

Tiếng Phạm là Tổ-đất-lâm, hay Tô-đất-la, Trung Hoa dịch là tuyến, bởi vì nó xâu giữ các nghĩa vậy. Lại nữa, tiếng Phạm là Tu-đa-la, hay Tu-đổ-lộ, Tần dịch là khế, nghĩa là trên khế hợp với chân lý, dưới khế hợp với căn cơ. Nay thì gọi là kinh, có đủ ba nghĩa là cứu, thông, do. Triệu dịch nghĩa chữ kinh là thường. Tà Linh Vận dịch nghĩa chữ kinh là do, là tân, là thông. Lời là do lý sanh. Lý là do lời hiển bày. Học giả thông hiểu là từ lý dạy mà thông.

Điển

Là kinh, là thường, là pháp.

Giáo

Tiếng Phạm là A-hàm, ở đây dịch là giáo.

Luận Duy Thức dạy: A-hàm là giáo pháp chư Như Lai đã nói. Bài tựa kinh A-hàm dạy: A-hàm, Tần dịch là pháp quy, nghĩa là rừng, là vực gom chứa vạn điều thiện. Lại gọi là A-cấp-ma. Tất cả các kinh đều dùng bốn pháp: thanh, danh, cú, văn làm thể, dùng âm thanh vô lậu thật dụng của Phật làm thể nên gọi là thanh giáo.

Luận Trí Độ dạy: Như khổ hạnh đầu đà, đầu đêm, giữa đêm, cuối đêm chuyên tâm thiền quán mà đặc đạo là giáo lý của Thanh-văn. Như quán pháp tướng, không trối không mở, tâm được thanh tịnh là giáo lý của Bồ-tát.

Thập nhị phần giáo

Cũng gọi là mười hai bộ kinh:

1. Tu-đà-la (Khế kinh)
2. Kỳ-dạ (Ứng tụng)
3. Hòa-già-la (Thọ ký)
4. Già-tha (Phúng tụng)
5. Ni-đà-la (Nhân duyên)
6. Ưu-đà-na (Tự thuyết)
7. Y-đế-mục-đa (Bồn sự)
8. Xà-đà-già (Bồn sanh)
9. Tỳ-phật-lược (Phương quảng)
10. A-phù-đạt-ma (Vị tăng hữu)
11. Bà-đà (Thí dụ)
12. Ưu-ba-đề-xá (Luận nghị)

Theo Tiểu thừa chỉ có chín bộ, không có Tự thuyết, Thọ ký, Phương đẳng

Luật

Tiếng Phạm là Tỳ-ni, ở đây dịch là luật, luật pháp. Từ nơi giáo lý mà đặt tên có nghĩa là đoạn, cát, khinh, trọng, khai, giá, trì, phạm. Kinh Thanh tịnh Tỳ-ni gọi là điều phục phiền não, vì phiền não nên gọi là tỳ-ni. Phạm ngữ mới gọi là Tỳ-nại-da, Đường dịch là điều phục, nghĩa là hiển bày luật nghi để điều phục sáu căn. Luận Tát-bà-đa dạy: Tỳ-ni có bốn nghĩa:

1. Phật pháp bằng phẳng như đất nên muôn điều thiện đều do đây mà sanh trưởng.
2. Tất cả đệ tử Phật đều nương vào giới mà ở, tất cả chúng sanh đều nương vào giới mà có.
3. Là cửa ngõ đầu tiên để đến Niết bàn

4. Là pháp anh lạc trang nghiêm Phật pháp.

Ngũ bộ luật

Xuất Tam Tạng ký dạy về năm bộ luật:

1. Ba-phần-phú-la (Tăng kỳ)
2. Tát-bà-đa (Thập tụng)
3. Đàm-vô-đức (Tứ phần)
4. Di-sa-tắc (Ngũ phần)
5. Ca-diệp-ni (chưa đến ở đất Lương)

Luật danh thi

Xưa nay dịch kinh đều ghi: đầu tiên vào năm Canh Tuất niên hiệu Kiến Ninh thứ hai đời Hán Linh Đế, An Thế Cao mới dịch nghĩa được một quyển luật trước tiên. Sau đó có vị Tỳ-kheo cũng dịch một quyển luật nữa. Đến đời Tào, Ngụy ở Thiên Trúc có vị tăng Đàm-ma-ca-la (Pháp Thời) đến Lạc Dương thấy tăng sĩ ở đây hoàn toàn không có luật nghi. Do đó vào giữa niên hiệu Gia Bình vị tăng ấy cùng với Đàm-đề dịch Yết ma Tăng Kỳ, Giới Tâm Đồ ký, tức tên luật bắt đầu có vậy.

Luận

Tiếng Phạm là A-tỳ-đàm, ở đây dịch là Vô tử pháp, Phân biệt tuệ.

Luận gồm có bốn tên gọi:

1. Tiếng Phạm là Ma-đát-lý-ca, ở đây dịch là cội gốc sanh ra các nghĩa.
2. Tiếng Phạm là Xa-tát-đát-la, ở đây dịch là nghị luận, nghĩa là luận về sự có, không; bàn về sự thật, giả.
3. Tiếng Phạm là Điều-bà-nhĩ-xá, ở đây dịch là cận

thuyết, nghĩa là lược nói nghĩa quan trọng trong kinh mà không cần theo thứ tự.

4. Tiếng Phạm là A-tỳ-đạt-ma, ở đây dịch là đối pháp, nghĩa là luật về năng đối và sở đối.

Lại có hai luận cũng bao gồm hết thấy bốn luận trước:

1. Tông luận: tức tông được tạo ra ở kinh Đại, Tiểu thừa

2. Thích luận: tức giải thích kinh Đại, Tiểu thừa.

Đại thừa

Tiếng Phạm là Ma-ha-diễn, ở đây dịch là Đại thừa.

Đại: lớn đối lại với nhỏ. Thừa: nghĩa là vận chuyển. Trong Thập Nhị Môn luận, Bồ-tát Long Thọ hỏi: Ma-ha-diễn là gì?

Đáp: là tối thượng của nhị thừa. Vì đối với pháp tối thắng của chư Phật, thừa này có thể đạt đến. Vì các bậc đại nhân của chư Phật nương vào thừa này mới có thể thấu triệt đến chỗ tận cùng của các pháp. Do đó mà gọi là Đại thừa.

Kinh Bồ-tát Trì Địa dạy: có bảy điều to lớn nên gọi là đại:

1. Pháp đại: tạng Phương quảng tối thượng hơn hết.

2. Tâm đại: phát tâm Bồ-đề Vô thượng

3. Giải đại: thông suốt tạng Bồ-tát phương đẳng

4. Tịnh tâm đại: vượt qua tâm hành giải

5. Chúng cụ đại: phước đức đầy đủ

6. Thời đại: ba A-tăng-kỳ kiếp

7. Đắc đại: chứng đắc Vô thượng Bồ-đề

Tiểu thừa

Tiểu: chẳng lớn. Như Lai quán biết căn cơ của chúng sanh mà dùng phương tiện để giáo hóa. Trong kinh Văn Thù vấn, Bồ-tát Văn Thù bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Sau khi Thế Tôn nhập Niết bàn thì các đệ tử vị lai làm sao phân biệt được các bộ kinh?

Đức Phật dạy: vào thời vị lai, đệ tử của ta có mười hai bộ kinh, có thể làm cho các pháp tồn tại và được đắc bốn quả. Tam tạng giáo pháp đều như nhau không có thượng, trung, hạ. Giống như nước biển, cùng một vị mặn; như một người có hai mươi người con đồng yêu không thiên lệch. Lời của Như Lai đã nói là chân thật, căn bản là hai bộ từ Đại thừa sanh ra, từ Bát nhã Ba-la-mật sanh ra. Thanh-văn, Duyên-giác, chư Phật đều từ Bát nhã Ba-la-mật-đa sanh ra.

Tam tạng

Ba tạng là: kinh, luật, luận. Lại nữa, tạng Phật, tạng Bồ-tát, tạng Thanh-văn là ba tạng. Tạng là thâm nhiếp, nghĩa là thâm nhiếp con người, thâm nhiếp các pháp. Luận Trang nghiêm nói là bao gồm tất cả nghĩa nên biết.

Bài kệ trong kinh Nhân Vương:

Biển Phật pháp gồm ba tạng báu

Mọi công đức thâm nhiếp trong đây.

A-tỳ-đạt-ma tập luận dạy: vì sao Như Lai kiến lập ba tạng? Vì muốn đối trị phiền não si mê nên kiến lập tạng kinh; vì muốn đối trị nhị biên tùy phiền não nên kiến lập tạng luật; vì muốn đối trị tà kiến chấp thủ tùy phiền não nên kiến lập tạng luận.

Bát tạng

Kinh Bồ-tát Xứ Thai dạy có tám tạng:

1. Tạng thai hóa
2. Tạng trung ấm
3. Tạng Đại thừa
4. Tạng giới luật
5. Tạng Bồ-tát Thập trụ
6. Tập tạng
7. Tạng Kim cang
8. Tạng Phật

Đây là kinh pháp được Phật Thích Ca Văn trình bày đầy đủ. Ngày nay thì gọi là nơi cất giữ kinh, luật, luận. Tạng: tiếng Phạn là câu-xá, ở đây dịch là tạng là tên gọi chung cho chỗ cất chứa.

Pháp môn

Triệu dịch pháp là lời dạy cho thế gian; môn là chỗ Thánh hiền noi theo. Luận Trí Độ dạy: người trí thâm nhập ba pháp môn, quán biết tất cả lời Phật nói đều là thật pháp, không có sai trái.

1. Tỳ-lặc môn (khiếp tạng)
2. A-tỳ-đàm môn
3. Không môn.

Nhập Tỳ-lặc môn thì luận nghị không cùng; nhập A-tỳ-đàm môn là Phật tự thuyết danh nghĩa các pháp, các đệ tử đều tập hợp luận giải; nhập Không môn nghĩa là chúng sanh không, pháp không. Nếu theo nghĩa Đại thừa thì đối với tất cả các pháp, tự tánh thường không, không dùng trí tuệ phương tiện quán nên gọi là không. Tám vạn bốn ngàn pháp môn: theo kinh Hiền Kiếp Vương dạy:

Đầu tiên Phật tu hành các pháp Ba-la-mật cho đến cuối cùng phân bố thể Ba-la-mật của Phật gồm ba trăm năm mươi độ, mỗi độ đều đầy đủ sáu Ba-la-mật. Như vậy, cả thầy gồm hai ngàn một trăm pháp đối trị tham, sân, si v.v. ; phân ra thành tám ngàn bốn trăm pháp trừ bốn đại chủng, sáu trần đã sanh lỗi lầm nên có tám vạn bốn ngàn pháp môn để đối trị.

Pháp luân

Trong luận Đại Tỳ-bà-sa, hỏi: pháp luân là gì?

Đáp: vì là chỗ thành tựu pháp, vì là tự tánh của pháp nên gọi là pháp luân. Như thế gian gọi kim luân... là nghĩa chuyên động không dừng, bỏ đây, lia kia, hay điều phục oán địch; lại có nghĩa viên mãn tức là cầm, trục, vành xe đều đủ. Thể pháp luân là Tám thánh đạo.

Trước tiên hiểu rõ bánh xe pháp của Tiểu thừa: vì lấy giới làm đầu nên dùng Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng làm trục xe; trục xe là căn bản. Vì nương vào giới thì sanh định nên dùng Chánh định, Chánh tinh tấn, Chánh niệm làm vành xe; vành xe giữ hết cầm xe. Vì nương vào định mà phát tuệ nên dùng Chánh kiến, Chánh tư duy làm cầm xe.

Kế đến là bánh xe pháp của Đại thừa: lấy trí tuệ làm đầu nên dùng Chánh kiến, Chánh tư duy làm trục xe; vì trí tuệ là căn bản. Kế đến, dùng Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng làm vành xe; vành xe dựa vào trục xe mà đứng vững, vì giới nhờ trí mà được thanh tịnh. Sau cùng là dùng Chánh định, Chánh tinh tấn, Chánh niệm làm vành xe; vì giới nhờ định kết lại.

Nhị đế

1. Tục đế lại gọi là an lập đế
2. Chân đế lại gọi là phi an lập đế, hoặc thắng nghĩa đế.

Theo luận Bà Sa dạy: Đế nghĩa là: thật, chân, như, không điên đảo, không hư dối. Theo Khế kinh dạy, tất cả pháp Phật đã thuyết giảng đều thuộc về hai đế.

Tứ đế

Khổ đế, tập đế, diệt đế, đạo đế.

Luận Tỳ-bà-sa dạy: bức bách lưu chuyển là tướng khổ; sanh trưởng chuyển nghiệp là tướng tập; tịch tịnh dừng dứt là tướng diệt; xuất ly hoàn diệt là tướng đạo. Lại nữa, tất cả Như Lai tuyên thuyết pháp tứ đế khai thị để cứu khổ chúng sanh ra khỏi sanh tử. Nếu ai muốn ra khỏi sanh tử thì tự mình siêng năng tu tập chứ không do người khác tu thay.

Chánh pháp

Luận Bà Sa dạy: chánh pháp có hai:

1. Thế tục chánh pháp là danh, văn, cú, thân tức kinh, luật, luận.
2. Thắng nghĩa chánh pháp là Thánh đạo tức vô lậu, căn, lực, giác chi, đạo chi.

Phật pháp thọ mạng

Trong kinh Pháp Tru, đức Phật bảo A Nan: sau khi Ta Niết bàn thì thời kỳ chánh pháp là một ngàn năm nhưng vì người nữ xuất gia nên giảm mất năm trăm năm; thời kỳ tượng pháp là một ngàn năm; thời kỳ mạt pháp là một vạn năm.

Theo Sao viết: chánh pháp có hai:

1. Chứng chánh pháp: ước theo Thánh đạo nói, thời chánh pháp cũng như chứng đạo vậy.
2. Giáo chánh pháp: văn tự nội điển gọi chung là chánh giáo, được thuyết vào thời tượng pháp và mạt pháp.

Thời chánh pháp có giáo pháp, có người tu hành, có người chứng quả. Thời tượng pháp thì tương tự: có giáo pháp, có người tu hành như thời chánh pháp nhưng người chứng quả rất ít. Còn thời mạt pháp thì không có giáo pháp, không có người tu hành.

Trong luận Đại Tỳ-bà-sa, đức Phật dạy: có hai hạng người có thể giữ gìn chánh pháp: người thuyết giảng và người hành trì. Nếu có người hành trì giáo chánh pháp thì chánh pháp được truyền thừa không mất, có thể làm cho kinh, luật, luận tồn tại lâu dài. Nếu người hành trì chứng chánh pháp thì chánh pháp được tiếp nối không mất có thể khiến cho Thánh đạo vô lậu tồn tại lâu dài.

Có hai hạng người hành trì chánh pháp:

1. Người hành trì giáo pháp: đọc tụng, giảng nói kinh, luật, luận.
2. Người hành trì chánh pháp: có khả năng tu chứng thánh đạo vô lậu.

Phật pháp tiên hậu

Trong kinh Báo Ân hỏi: Phật lấy pháp làm thầy. Phật từ pháp

sanh ra. Pháp là mẹ của Phật. Phật nương vào pháp mà tồn tại. Vậy mà trong Tam bảo, tại sao không lấy

pháp làm đầu?

Đức Phật dạy: pháp tuy là thầy của Phật nhưng không có Phật thì giáo pháp không được lưu truyền, bởi vì đạo do người truyền bá, do đó mà lấy Phật làm đầu, pháp sau vậy.

Tăng bảo

Theo Pháp Uyển Châu Lâm chép: luận về Tăng bảo là giữ cấm giới, oai nghi chân chánh, ra khỏi thế tục, phát tâm tu tập, xả bỏ thế gian để đứng vững trong Phật pháp; vinh quang chẳng lay động tâm ý, quyền thuộc không phiền lụy đến tư tưởng; hoàng bá đạo pháp để đền trả bốn ân, nuôi dưỡng đạo đức để làm tư lương trong ba cõi; vượt qua Trời, người; hơn hẳn vương bá nên gọi là Tăng bảo.

Theo Thuận Chánh Lý Luận chép: tăng có năm hạng:

1. Tăng không biết hổ thẹn: hạng hủy phá cấm giới mà mặc pháp phục
2. Tăng như dê câm: đối với giáo lý tam tạng thì không hiểu biết, không nghe thuyết giảng
3. Tăng bè đảng: thích bàn tán về doanh nghiệp, đấu tranh, kết cấu xảo quyệt.

Ba hạng này đa số là làm điều phi pháp.

4. Tăng thế tục: cùng với chúng sanh tạo điều chánh pháp, phi pháp
5. Thắng nghĩa tăng: bốn quả Sa-môn, hạng này không làm điều phi pháp.

Theo kinh Thập Luân, tăng có hai hạng: Thắng nghĩa tăng tức Phật, Bồ-tát, Thanh-văn.

Luận Bát Nhã Đăng dạy: hạng tứ quả là hợp với giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến gọi là Tăng.

Bồ-tát

Bồ-tát nói đủ là Bồ-đề-tát-đỏa, Đường dịch là Giác hữu tình. Giác là quả sở cầu; hữu tình là đối tượng được độ. Ma-ha-tát: ở đây dịch là Đại hữu tình tức có khả năng cầu chứng và độ người. Luận Trì Địa dạy: Tát-đỏa nghĩa là đồng mãnh, tinh tấn; vì cầu đại Bồ-đề nên gọi là Ma-ha-tát.

Thanh-văn

Luận Du-già nói về Thánh giáo của chư Phật: Thanh là thượng thủ, được nghe từ thầy, bạn. Nhờ âm giáo này mà lần lượt tu chứng, ra khỏi thế gian đạt được hạnh, quả kém hạp nên gọi là Thanh-văn.

Độc Giác

Tiếng Phạm là Tát-lặc-chi-đề-ca, Đường dịch là Độc Hành. Ở đây lại có hai nghĩa: bộ hành, lân du. Theo luận Du-già dạy: thường ưa tịch tịnh, không muốn ở chỗ tạp nhạp, tu gia hạnh viên mãn, không nhờ thầy, bạn chỉ dạy mà tự nhiên một mình vượt ra khỏi thế gian đứng hạnh, đứng quả nên gọi là Độc Giác. Hoặc quán nhân duyên mà ngộ đạo thì gọi là Duyên Giác. Kinh Pháp Hoa dạy: vì thượng phẩm Thập thiện đạo tu tập thanh tịnh, không do người khác mà tự giác ngộ, vì đại bi phương tiện Phật đầy đủ, vì ngộ giải pháp nhân duyên sâu xa.

Hai hạng tăng, căn cứ theo Cao Tăng truyện gồm có mười khoa:

1. Dịch kinh

2. Giải nghĩa
3. Tu thiền
4. Hiểu luật
5. Hộ pháp
6. Cảm thông
7. Di thân
8. Đọc tụng
9. Tăng phước
10. Danh đức

Phước điền

Ngạn Tông pháp sư phước điền luận dạy: phước điền là gì? Là Tam bảo. Công thành diệu trí, đạo chứng viên giác là Phật. Huyền lý thâm u, chánh giáo tinh thành là Pháp. Cẩm giới thủ túc, oai nghi xuất tục là Tăng.

Tam bảo là bậc đạo sư của bốn loài, là thuyền bè của sáu đường.

Cúng dường Tam bảo

Kinh Đại Phương Quảng Cảnh Giới Bất Tư Nghì dạy: cúng dường Phật thì được phước đức lớn, mau chứng đắc Vô thượng Bồ-đề, khiến cho tất cả chúng sanh đều được an lạc. Cúng dường Pháp thì tăng trưởng trí tuệ, chứng pháp tự tại, có thể hiểu rõ thật tánh của các pháp. Cúng dường Tăng thì tăng trưởng vô lượng phước đức để làm tư lương, đạt đến Phật đạo.

Cúng dường Phật

Trong kinh Bảo Tích, Tiên nhân Quảng Bác hỏi: sau khi Phật diệt độ thì chúng con phải làm gì để được phước báo?

Đức Phật dạy: Pháp thân của Như Lai nếu còn ở đời, hoặc đã diệt độ mà những ai đến cúng dường thì sẽ đạt được phước đức không có sai khác.

Hỏi: phước là do tích tụ mà có chăng?

Đức Phật dạy: thí như cây mía khi chưa ép thì không thể được nước. Trong một đốt, hai đốt của nó tìm nước tích tụ thì hoàn toàn không thấy, nhưng nước ấy không phải từ bên ngoài mà có được. Cũng vậy, phước đức quả báo không phải ở trong tay, trong tâm, trong thân thí chủ, cũng không lìa những thứ ấy mà có, nó như bóng theo hình.

Trong kinh Đại Tập, Thiên tử Thương Chủ hỏi: Phật còn ở đời, hằng ngày cúng dường thì Thế Tôn thọ nhận nên thí chủ được phước. Vậy sau khi Thế Tôn diệt độ mà cúng dường hình tượng thì ai là người thọ nhận?

Đức Phật dạy: Pháp thân của chư Phật nếu còn ở đời, hoặc đã diệt độ mà ai cúng dường thì đạt được phước đức không có sai khác.

Trong kinh Thiện Sanh, đức Phật dạy: Như Lai tức là tạng Nhất thiết trí. Cho nên người có trí phải nên chí tâm siêng tu cúng dường sanh thân Phật, hoặc xá lợi, hình tượng, tháp miếu; cúng dường rồi thì trong tâm mình chớ có tư tưởng khinh lờn; đối với Tam bảo cũng nên như vậy. Nếu Như Lai còn ở đời hoặc đã Niết bàn đều như nhau, không có sai khác.

Trong Ưu-bà-tắc Giới kinh, đức Phật dạy: có người nói: “Cúng dường tháp, tượng không được sống lâu, sắc đẹp, sức lực, an lạc, biện tài”. Thật ra thì không phải như vậy. Nếu người tín tâm cúng dường thì thường được năm

việc phước báo. Thí như Tỳ-kheo tu tập tâm từ, thật ra không có người thọ nhận nhưng cũng đạt được vô lượng quả báo.

Tán Phậ

Trong kinh Bồ-tát Bản Hạnh, A Nan bạch Phậ: nếu có người dùng bốn câu kệ tán thán Như Lai thì được bao nhiêu phước đức?

Đức Phậ dạy: Giả sử trăm ngàn vạn ức na-do-tha chúng sanh đều đạt Bích Chi Phậ đạo mà người nào cúng dường những vị ấy đầy đủ các thứ: y phục, thức ăn, giường nệm, thuốc thang đến trăm năm thì phước đức có nhiều không?

A Nan thưa: Bạch Thế Tôn! Rất nhiều.

Đức Phậ dạy: nếu người dùng bài kệ bốn câu với tâm hoan hỷ mà tán thán Như Lai thì đạt được phước đức nhiều hơn phước đức trên đến trăm ngàn vạn lần, không thể lấy gì để thí dụ được.

Luận Trí Độ dạy: Nếu người nghe công đức chư Phậ với tâm tôn trọng, cung kính, tán thán, biết tất cả phước đức chúng sanh không ai có thể sánh bằng nên gọi là tôn. Tâm kính phục, làm lợi ích đối với Vua chúa, cha mẹ, sư trưởng nên gọi là trọng. Khiêm tốn kính phục nên gọi là cung. Nêu cao trí đức nên gọi là kính. Công đức hoàn hảo nên được khen ngợi gọi là tán. Khen ngợi không đủ lại còn xưng dương gọi là thán.

Niệm Phậ

Luận Trí Độ dạy: chỉ xưng một tiếng “Nam mô Phậ” thì người ấy cũng được hết khổ và có phước đức vô tận.

Hỏi: Tại sao chỉ xưng danh hiệu Phật mà hết khổ và được phước bất tận?

Đáp: vì người này từng nghe công đức Phật hay cứu độ người thoát khỏi già, bệnh, chết; hoặc lúc nhỏ cúng dường và xưng danh hiệu Phật nên được phước vô lượng, cũng được hết khổ.

Trong kinh Lăng Già, Bồ-tát Đại Thế Chí hỏi: Siêu Nhật Nguyệt Quang Như Lai dạy con niệm Phật Tam muội. Thí như có người chuyên nhớ nghĩ đến một người khác thì cả hai người ấy dù gặp hay không gặp, thấy hay không thấy cũng thường luôn nhớ đến nhau. Ngay cả đời này hoặc đến đời khác thì họ vẫn như hình với bóng không có trái ngược nhau. Mười phương Như Lai nghĩ đến chúng sanh như mẹ nhớ con. Nếu con bỏ đi thì có nhớ nghĩ cũng chẳng làm được gì. Khi con nhớ mẹ như mẹ nhớ con thì trải qua nhiều đời mẹ con vẫn gặp nhau không có xa lìa. Nếu tâm chúng sanh nghĩ đến Phật, niệm Phật thì hiện tại hoặc tương lai nhất định sẽ gặp Phật, cách Phật không xa, không cần đến phương tiện mà tâm tự khai mở. Như người nhuộm hương thì thân tự có mùi hương. Từ xưa con đã dùng tâm niệm Phật nên đạt đến vô sanh nhẫn. Nay ở nơi đây con lại dạy người niệm Phật để được trở về Tịnh độ.

Quán Phật

Trong kinh Hộ Quốc, đức Phật hỏi Vua Ba Tư Nặc: ông lấy tướng gì để quán Như Lai?

Nhà Vua thưa: quán thật tướng nơi thân và quán Phật như nhau, không có trước, sau, ở giữa; không trụ ba đời, không lìa ba đời, không trụ năm uẩn, không lìa năm uẩn,

không trụ bốn đại, không lìa bốn đại, không trụ sáu căn, không lìa sáu căn, không trụ ba cõi, không lìa ba cõi, cho đến không thấy, nghe, hay, biết, diệt chỗ tâm hành, dứt đường ngôn ngữ, đồng với pháp tánh chân đế v.v... Con dùng tướng ấy để quán Như Lai.

Đức Phật dạy: Này Thiện Nam! Như lời ông nói: Như Lai có đủ lực, vô úy v.v... hà sa công đức, các pháp bất cộng đều như vậy. Người tu Bát nhã Ba-la-mật-đa nên quán như vậy. Nếu người quán khác đi thì gọi là tà quán.

Lễ Phật

Trong kinh Đại Phương Quảng Bảo Khiếp, Tỳ-kheo trí Đăng hỏi Văn Thù: thế nào là lễ Phật?

Văn Thù đáp: nếu thấy pháp thanh tịnh gọi là thấy Phật thanh tịnh; hoặc thân, hoặc tâm không thấp, không cao, chánh trực mà trụ, không động, không lay, tâm luôn tịch tịnh, hành hạnh tịch tịnh, đó gọi là lễ Phật.

Theo Pháp Uyển chép: vào đời nhà Tề, có tam tạng Lạc-na người Thiên Trúc dịch ra bảy pháp lễ:

23. Ngã mạn lễ: đứng theo vị thứ, tâm không cung kính, tâm chạy theo cảnh bên ngoài, năm vóc không sát đất giống như chày giã gạo.
24. Xương hòa lễ: cử chỉ thô tháo, tâm không tịnh, thấy người thì vội vàng lễ lạy, người đi thì thân tâm mệt mỏi; bởi vì tâm tán loạn mà miệng xương lễ.
25. Thân tâm cung kính lễ: nghe xưng danh hiệu Phật liền nghĩ đến tướng Phật, thân tâm cung kính, không có giải đãi.

26. Phát trí thanh tịnh lễ: thấu suốt cảnh giới Phật, tùy tâm hiện tại, lễ một đức Phật là lễ tất cả Phật, lạy một lạy tức lạy tất cả pháp giới, bởi vì pháp thân Phật dung thông tất cả.
27. Biến nhập pháp giới lễ: tự quán thân tâm bình đẳng như pháp giới, từ xưa đến nay không lìa pháp giới; Phật và ta bình đẳng như nhau, nay lễ một đức Phật tức là lễ khắp pháp giới chư Phật.
28. Chánh quán lễ: lễ Phật nơi tâm mình, không lễ Phật khác. Vì sao? Vì tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, Chánh Giác bình đẳng.
29. Thật tướng bình đẳng lễ: trước là có lễ, có quán, tự tha khác nhau. Nay lạy một lạy, không có tự, tha, phàm Thánh nhất như, thể dụng bình đẳng.

Văn Thù nói: năng lễ sở lễ tánh đều vắng lặng.

Lễ Phật thì phải tự trải tọa cụ, không được sai người khác trải. Nếu lên điện, tháp mà phía trước có khoảng đất rộng thì lên làm lễ; bằng không thì không được đứng lâu trên chiếu, trên giường làm lễ. Lên làm lễ phải cởi bỏ giày dép, chớ để mắt oai nghi mà phải chuốc lấy tội nặng.

Thân cận Phật

Thắng Tư Duy Phạm Thiên Vấn kinh chép: Phạm Thiên hỏi Văn Thù:

Tỳ-kheo làm thế nào để thân cận Phật?

Đáp: nếu Tỳ-kheo đối với các pháp mà không thấy

có pháp hoặc gần, hoặc xa, đó gọi là thân cận Phật.

Kinh Đại Tập dạy: không thấy tướng vi tế của một pháp mới có thể biết rõ Như Lai xuất thế, thường gặp chư Phật.

Nhất thiết cung tín

Lễ Phật thì trước khi xướng lễ phải thâm nhiếp các tâm không cho nó chạy tán loạn. Nhất là lời nói phổ cập. Thiết là dùng lời tận đáy lòng.

Cung là trong lòng kính mến. Tín là tâm tâm không có sai khác.

Luận Trí Độ dạy: nhất thiết có hai loại:

1. Danh tự nhất thiết
2. Thật nhất thiết.

Nay đem danh tự để quy về thật lý vậy.

Có người hỏi: lễ bái làm sao để thâm nhiếp ba nghiệp?

Đáp: lễ bái thông cả ba nghiệp: năm vóc sát đất là thân nghiệp; xưng danh hiệu Phật là khẩu nghiệp; duyên tướng cảnh Thánh, chuyên chú không tán loạn là ý nghiệp.

Nam mô

Trong kinh Bi Hoa, đức Phật dạy: Nam mô là lời quyết định danh hiệu của chư Phật Thế Tôn. Theo Duy Thức sao dạy: tiếng Phạm là Nam mô, ở đây dịch là danh tức có nghĩa hướng về. Có người gọi là Na ma, Nã mô đều là dùng trại của tiếng Phạm.

Nhiều Phật

Lại gọi là toàn nhiều, ở đây gọi là hành đạo.

Tây Vức ký chép: Tây Thiên tùy theo tông phái, sau khi lễ đều phải đi nhiều quanh để tỏ lòng quy kính vậy. Theo của Phật là đi nhiều bên phải: Pháp Uyển gọi là thuận đường đi của Trời. Số vòng đi thì không nhất định: ba vòng là tiêu biểu cho ba nghiệp, bảy vòng là tiêu biểu cho bảy giác chi. Như trong kinh dạy trăm vòng, ngàn vòng, hoặc vô số vòng là chỉ cho số nhiều, biểu thị sự cung kính cùng cực. Theo kinh Hiền Giả Ngũ Giới dạy: đi nhiều quanh tháp ba vòng là biểu thị sự cung kính Tam bảo nên diệt được ba độc.

Trong kinh Đề Vị hỏi: rải hoa, xông hương, đốt đèn, lễ bái là để cúng dường, còn đi nhiều quanh thì được phước gì?

Đức Phật dạy: có năm phước:

1. Đời sau thân hình đẹp đẽ, đoan chánh.
2. Âm thanh tốt
3. Được sanh lên cõi Trời
4. Được sanh vào nhà Vua chúa
5. Đắc đạo giải thoát.

Kinh Tam Thiên Oai Nghi dạy đi nhiều quanh có năm việc:

1. Cúi đầu nhìn xuống đất.
2. Không được đạp trùng
3. Không được nhìn ngó hai bên
4. Không được khạc nhổ trên đất.
5. Không được nói chuyện với người khác.

Tạo tượng

Kinh Đại Thừa Tạo Tượng Công Đức dạy: Lúc tạc tượng Phật, đầu đêm Vua Ưu Đà Duyên suy nghĩ:

“Những hình tượng Phật là tượng ngồi hay tượng đứng?”.

Lúc ấy, một vị quan thần có trí tâu: Nên làm tượng ngồi. Vì sao? Vì chư Phật đắc đại Bồ-đề cho đến chuyển pháp luân, hiện thân biến đều ngồi. Do đó nên tạc tượng Phật ngồi kiết già.

Tạc tượng xong, Vua mang tượng đến chỗ Phật rồi thưa: Thân Như Lai tối thượng vi diệu không ai sánh bằng. Con đã tạc tượng không giống Như Lai, thiết nghĩ đây là một tội lỗi rất lớn.

Đức Phật dạy: chẳng có lỗi gì. Ông đã làm vô lượng lợi ích, không ai sánh bằng. Nay đối với Phật pháp ông là người đầu tiên làm khuôn phép cho đời vị lai, những người có tín tâm y theo Vua để tạc hình tượng Phật nên đạt được phước đức lớn.

Kinh Phật Tại Kim Quang Kính Phúc dạy: người tạc kinh tượng bất luận thuê người thợ nào thì người thợ ấy không được uống rượu, ăn thịt. Nếu không nường theo Thánh giáo thì dù có tạc kinh tượng mà phước cũng rất ít. Nếu người thợ tạc tượng không đủ tướng tốt thì năm trăm vạn đời các căn đều không đủ.

Kinh Ngũ Bách Vấn dạy: khi sống phá giới mà có được tài vật nên tạc tượng Phật còn không thoát khỏi Địa ngục, huống chi là mong có phước.

Kinh Tội Báo Quyết Nghi dạy: hàng xuất gia hay cư sĩ nếu tự đem tài vật hoặc khuyến được tài vật rồi nghĩ sẽ làm tượng. Sau đó họ lại đem số tiền ấy làm hình chim, thú rồi để trên bàn Phật. Tính theo giá trị năm tiền thì phạm tội nghịch, hoàn toàn không được sanh lại làm

người; một kiếp đọa vào Địa ngục A-tỳ. Nếu dùng số tiền ấy mua hương, dầu cúng dường thì không phạm.

Tuyên luật sư dạy: vào đời Tống, Tề đều tạo tượng môi dày, mũi cao, mắt dài, má đầy, tướng cao lớn như bậc trượng phu. Từ đời Đường đến đời Triệu, các thợ đều tạo tượng dung mạo đẹp dễ mềm yếu như kỹ nữ. Cho nên ngày nay người ta khen ngợi người đẹp như Bồ-tát vậy. Lại nói, người ngày nay theo tình mà tạo tượng chứ chẳng biết đến nguồn gốc chân thật, được ở chỗ tín kính mà mất đi pháp thức. Nếu luận theo thước tấc dài ngắn thì không hỏi đến toàn thân, có kẻ còn tranh nhau để được tiền lợi, xét thì cung kính mà không có hậu, thết đãi rượu thịt, thân không thanh khiết đến nỗi tôn tượng tuy được thờ lên mà chẳng có oai linh. Ngay cả việc sao chép kinh điển, tuy là việc dễ làm nhưng bút mềm, giấy thô thành ra người thợ không cung kính rồi sanh tâm kiêu mạn. Bởi sự dễ dãi này nên pháp nghi bị giảm mất. Nếu như đạo đời đều biết pháp, làm tượng chim thú còn không dám làm xấu, huống chi là tượng người.

Sư tử tòa

Trong luận Trí Độ dạy: thế nào là tòa sư tử, là vì Phật làm ra hay là vì sư tử thật, hay là do vàng, bạc, gỗ, đá mà làm thành?

Đáp: gọi là tòa sư tử chẳng phải thật. Phật là sư tử trong loài người nên chỗ Phật ngồi là giường hoặc đất đều gọi là tòa sư tử. chỉ có sư tử ở trong loài thú là vượt qua mọi sợ hãi, có thể điều phục tất cả. Cũng vậy, đức Phật đối với chín mươi sáu học phái ngoại đạo và tất cả cõi Trời, người đều điều phục tất cả, đặc vô sở úy nên

gọi là sư tử trong loài người.

Liên hoa tòa

Luận Trí Độ dạy: các loại giường đều có thể ngồi, sao phải dùng hoa sen?

Đáp: các loại giường là pháp cư sĩ ở đời ngồi, hơn nữa hoa sen thanh khiết nhu nhuyến nên muốn hiện thân lực đều ngồi trên đó mà hoa không bị hoại. Lại nữa, hoa sen dùng để trang nghiêm tòa diệu pháp.

Hỏa diễm

Kinh A-hàm dạy: lúc đức Phật ở trong núi Tỳ Đà tại nước Ma-kiệt, Ngài nhập Tam muội Hỏa diễm. Lại nữa, xưa kia lúc đức Phật ở am Bà La thuộc nước Xá Vệ, Ngài cũng nhập Tam muội Hỏa diễm. Ngày nay cũng như vậy.

Điều tượng thi

Trong kinh Tăng Nhất A-hàm, Vua Ưu Điền dùng gỗ Ngưu đầu chiên đàn để tạc hình tượng Phật, cao năm mét. Đây là lần tạc tượng đầu tiên.

Chú tượng

Kinh dạy: khi nghe tin Vua Ưu Điền tạc tượng bằng gỗ thơm, Vua Ba-tư-nặc liền dùng vàng ròng đúc tượng Phật, cũng cao năm mét. Đây là lần đúc tượng đầu tiên.

Họa tượng

Đường nội điển lục chép: năm thứ bảy niên hiệu Vĩnh Bình, Hậu Hán Minh Đế sứ giả Tàn Cảnh đến nước Nhục Chi được Vua Ưu Điền sai vẽ tượng Phật thứ tư. Khi đến Lạc Dương, Tàn Cảnh vâng lệnh vẽ cửa thành Tây Dương và được Hiền Tiết Lục dâng cúng đất này

lần đầu tiên.

Dục Phật

Trong kinh Ma-ha Sát Đầu, đức Phật bảo đại chúng: mười phương chư Phật đều chọn giờ Tý, nửa đêm ngày mồng tám tháng tư để ra đời. Vì sao? Vì đó là thời điểm giao nhau giữa mùa Xuân và mùa Hạ, tai ương đều dứt, vạn vật sanh trưởng, khí độc chưa hành hoành, không nóng, không lạnh, khí hậu ôn hòa. Nay đến ngày Phật đản sanh, mọi người đều nhớ đến công đức Phật mà tắm hình tượng Phật. Trong kinh Thí Dụ, đức Phật dùng ngày mồng tám tháng tư để hiện thần biến, điều phục phái lục sư ngoại đạo. Phái lục sư bị thua và tan rã, liền nhảy xuống nước mà chết. Những đồ đảng còn lại được Phật thuyết pháp mà khai ngộ, nên đồng bạch Phật: “Thế Tôn dùng nước chánh pháp tẩy rửa tâm dơ bẩn của con. Nay con xin Phật, Tăng tẩy rửa thân dơ bẩn của con”.

Trong kinh Dục Phật Công Đức, Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như Phật còn ở đời hoặc sau khi diệt độ, chúng sanh trong đời vị lai tắm tượng bằng cách nào?

Đức Phật dạy: không nghĩ tưởng đến có, không; đối với các phẩm thiện tâm luôn khác ngưỡng, không sanh mệt mỏi. Vì sao? Vì thành tựu Pháp thân và Báo thân Như Lai. Nay Ta sẽ vì ông mà nói pháp tắm tượng Phật là thù thắng nhất trong các pháp cúng dường; dùng nước hương thơm nóng đựng trong bình sạch, trước đó làm đàn vuông, trải sàng tòa đẹp rồi an trí Phật trên đó, dùng nước hương từ từ tắm tượng, dùng hết nước hương lại dùng đến nước sạch ngâm rửa hình tượng. Mọi người

lấy một ít nước tắm Phật để lên đầu mình. Trước khi để tượng ngâm vào trong nước nên tụng bài kệ này:

*Nay con tắm tượng đức Như Lai
Phước trí trang nghiêm đủ công đức
Nguyên cho chúng sanh là trần cấu
Pháp thân thanh tịnh đồng Như Lai.*

Kinh Ma-ha Sát Đầu dạy: tắm Phật mà được tiền thì nên phân làm ba phần: phần thuộc Phật, phần thuộc Pháp, phần thuộc Tăng. Tiền Phật thì dùng làm tượng Phật. Tiền Pháp thì dùng làm chùa, lầu, tháp, phòng, nhà, rào, tường trong ngoài. Tiền Tăng thì chia cho Tỷ-kheo.

Tam bảo vật

Vật của Tam Bảo có bốn loại:

1. Phật thọ dụng vật: điện chùa, y phục, giường, màn v.v... không được dùng lẫn lộn. Nếu biết vật dùng cho Phật thì chỉ được đem cúng dường trong tháp, không được sử dụng lẫn lộn. Ngũ Bách Ván kinh dạy: cột ở điện Phật bị hư mà có thí chủ tu sửa rồi đem cúng cho Tăng thì Tăng không được dùng.
2. Thí thuộc Phật vật: Ngũ Bách Ván kinh dạy: vật của Phật không được đem đến chùa khác, nếu làm trái thì phạm tội. Nếu tất cả chúng Tăng đều cho đem đi thì nên thưa với Tăng, Tăng cho đem đi thì không tội. Lại nữa, vật của Phật được mua, bán, lấy cúng dường. Luật Thập Tụng dạy: vì Phật mà xuất vật của tháp thì cho phép.
3. Cúng dường Phật vật: luật Tăng Kỳ dạy: hoa cúng Phật nhiều quá thì cho phép đem bán,

hương, dầu nhiều cũng cho đem bán; chứa tài vật vô tận của Phật. Ngũ Bách Vần kinh dạy: cò Phật nhiều mà muốn làm việc khác, nếu thí chủ không đồng ý thì không được

4. Hiên Phật vật: Trong luật dạy: thức ăn cúng dường nơi tháp Phật thì người giữ tháp được ăn. Luật Thiện Kiến dạy: thức ăn cúng dường trước Phật thì Tỳ-kheo hầu Phật được ăn, hoặc cư sĩ hầu Phật cũng được ăn. Kinh Trà Tỳ dạy: sau khi Phật diệt độ thì tất cả vật cúng dường Phật nên dùng làm tượng Phật và y phục, tràng phan, bảo cái, mua dầu, hương để cúng dường Phật, ngoài ra không được dùng vào các việc khác; nếu dùng thì phạm tội trộm.

Vật của Pháp như hòm, hộp, rương, tráp vốn là vật đựng kinh, không được thay đổi, dùng vào việc khác.

Vật của Tăng: nếu hai vật thường trú của trú xứ này thì không được đem đến trú xứ khác. Lại nữa, trong điện Phật lại làm phòng Tăng, kinh điển, tượng Phật để trong phòng Tăng, trở ngại việc sử dụng của Tăng, đều do việc dùng lẫn lộn. Do ngôi vị Tam bảo khác biệt nên phân ra rõ ràng. Nếu không trở ngại mà tạm an trí thì không tổn hại.

Ngũ Bách Vần kinh dạy: xưa là điện Phật nay làm thêm phòng Tăng, Tỳ-kheo cùng Phật ở trong ấy, nếu có ngăn che thì không phạm, bởi vì khi Phật còn ở đời, Ngài và đệ tử cùng ở một phòng.

Đạo Tam bảo vật kết tội xứ

Luận Đại Tỳ-bà-sa dạy: nếu trộm vật của Phật, tháp

thì kết nghiệp đạo căn bản ở đâu?

Đáp: ở chỗ Quốc vương, thí chủ và ở chỗ Trời, người giữ gìn mà kết tội.

Có thuyết nói: ở bên Phật mà kết tội, vì vật này thuộc về Phật. Nếu người trộm vật của Tăng mà đã tác pháp Yết ma thì đối với trong chúng Yết ma mắc tội. Nếu như người tác Yết ma phổ biến khắp tất cả các nơi nói pháp thì mắc nghiệp đạo căn bản.

Thọ dụng tự thể vật phúc

Luận Bát Nhã Đăng dạy: thể nào là tự thể thọ dụng? Đó là các vật đàn việt cúng dường như: phòng, nhà, vườn rừng, y phục, phẩm vật, mền nệm, thuốc thang, các vật nuôi thân.

Thể nào là phúc? Nghĩa là tìm kiếm; thấy chúng sanh chìm nổi trong sông phiền não nên khởi tâm đại bi cứu ra khỏi sanh tử, đặt lên bờ Niết bàn, đó gọi là phúc.

Linh Phật pháp tốc diệt hữu năm pháp.

Trong luật Tứ phần, trưởng lão Ba Ma Na bạch Phật: do đâu mà chánh pháp của Như Lai mau diệt, không được tồn tại lâu dài ở đời?

Đức Phật dạy: có năm nhân duyên, nếu Như Lai diệt độ rồi mà Tỷ-kheo không kính Phật, Pháp, Tăng, Giới, Định cho nên chánh pháp không được tồn tại lâu dài.

Nam Sơn sao viết: tượng Phật, kinh giáo, , linh nghi đều là việc chúng ta phải tôn trọng. Nay, đa số Tăng, Ni không có sùng phụng Phật pháp, trong lòng không chánh tín, sự hiểu biết không cao xa, mất hết khí tiết; hoặc ở trước hình tượng, lại cùng nhau đùa giỡn, nói lời phi

pháp, đảo mắt, khua tay, chỉ khắp tượng Thánh; hoặc ngồi thiền xác xược, tâm không sợ hãi, tuy thấy kinh tượng vẫn không đứng dậy cung phụng, đến nỗi làm cho người đời khinh chê, làm tổn hại chánh pháp; đã biết nhiều tội lỗi nên phải hết sức cẩn thận. Khi đến tháp, thấy hình tượng, tất phải khép nép, cung kính như đến gặp Vua, quan vậy.

ÂN HIẾU

Đệ tử Phật sớm tối đem hương hoa lễ Phật, ngay cả làm một việc thiện nhỏ như đầu sợi lông cũng đều hồi hướng bốn ân, ba cõi. Bởi vì tâm báo ân quảng đại là chí hiếu vậy.

Ân

Có bốn ân:

1. Ân cha mẹ
2. Ân sư trưởng
3. Ân đất nước
4. Ân thí chủ

Trong Đại Thừa Bản Sanh Tâm Địa Quán Kinh, đức Phật dạy: thế gian có bốn ân:

1. Ân cha mẹ
2. Ân chúng sanh
3. Ân Quốc vương
4. Ân Tam bảo

Bốn ân này tất cả chúng sanh đều như nhau.

Ân cha mẹ: cha có ân từ, mẹ có ân bi. Nếu Ta còn ở đời thì có trải qua một kiếp cũng không nói hết ân này.

1. Ân chúng sanh: vô thí đến nay, tất cả chúng

sanh luân chuyển trong năm đường, thay đổi làm cha mẹ đều có ân rất sâu nặng

2. Ân Quốc vương: Quốc vương là người phước đức tối thắng, tuy sanh trong nhân gian nhưng được tự tại. Trời ba mươi ba thường dùng thần lực hộ trì cõi nước, núi sông, đất đai của Quốc vương. Cho nên Đại thánh vương đem chánh pháp giáo hóa làm cho chúng sanh đều được an lạc. Kinh Hoa Nghiêm dạy: đất nước mà có Vua thì dân được an lạc. Vua là cội nguồn an lạc của chúng sanh. Tại gia hay xuất gia chuyên tâm hành đạo đều nhờ Quốc vương mà được tồn tại. Việc khai hóa truyền bá nếu không nhờ năng lực của Vua thì công hạnh không thành, pháp diệt không còn, huống nữa là mong cứu tế lợi ích. Cho nên, một trong sáu phần của việc tu công đức là thuộc Quốc vương. Nguyên Vua mà lớn như núi, sự tôn sùng kiên cố thì Phật pháp khó hoại diệt. Kinh Tát Giá dạy: Vua là cha mẹ của muôn dân, dùng pháp để bảo hộ chúng sanh được an lạc. Lại nữa, khi lễ Phật thường nguyện chư Thiên, Long thần ủng hộ cho mưa thuận gió hòa, văn võ bá quan thường hưởng bổng lộc. Tây Vực ký chép: Đại thần là người trấn giữ đất nước, nông dân làm ra thực phẩm nuôi sống đất nước: không trấn giữ đất nước thì nguy, không ăn thì chết. Lại nữa, Phật pháp phước chúc Quốc vương, đại thần nên thường phải buộc tâm, chú nguyện.

3. Ân Tam bảo: Phật, Pháp, Tăng bảo đầy đủ vô lượng thân thông biến hóa, lợi lạc hữu tình, không hề dừng nghỉ. Kinh Chánh Pháp Niệm dạy: Như Lai là bậc tối thắng nhất trong ba cõi, độ thoát sanh tử, ân này khó báo đáp được. Nếu đối với Phật pháp tâm sâu xa, đặc biệt hoai tín gọi là báo ân.

Bài kệ trong kinh Hoa Nghiêm:

Như Lai vô số kiếp

Cần khổ vì chúng sanh

Tại sao người thế gian

Không báo đáp ân Ngài.

Kinh Báo Ân dạy: cha mẹ là ruộng phước tối thắng nhất trong ba cõi. Luật Tỳ-nại-da dạy: cha mẹ đối với con cái có nhiều lao nhọc, bảo hộ, nuôi dưỡng, giúp cho bú mớm. Nếu như một vai công mẹ, một vai công cha trải qua trăm kiếp tự chịu nhiều khổ nhọc, hoặc đem bảy báu cúng dường để cha mẹ được giàu có, sung sướng cũng không báo đáp được ân cha mẹ. Nếu cha mẹ không có tín tâm mà khiến cho sanh khởi tín tâm, hoặc không giữ giới mà làm cho giữ giới, hoặc keo kiệt mà làm cho biết bố thí, hoặc không có trí tuệ mà làm cho có trí tuệ; con cái mà có khả năng như vậy mới gọi là báo ân. Kinh Bát Tư Nghì Quang dạy: chẳng phải đem phẩm vật ăn uống và của báu mà có thể báo đáp ân cha mẹ. Dẫn dắt hướng đến chánh pháp chính là cúng dường cha mẹ. Trong luật Sa Di Tắc, đức Phật dạy: từ nay cho phép Tỳ-kheo suốt đời tận tâm cúng dường cha mẹ, nếu không cúng dường thì phạm tội trọng. Ta cho phép năm được

miễn giữ giới để cúng dường cha mẹ, sư trưởng, thân giáo sư, quĩ phạm sư, người bệnh. Lại nữa, người xuất gia đối với cha mẹ phải nên cúng dường cung cấp, ngoài ba y ra thì các vật dư khác, hoặc xin nơi thí chủ, hoặc được Tăng chia phần, hoặc phần ăn thường có trong Tăng thì nên giảm bớt một nửa để cúng dường. Nếu vật thường khát thực thì cũng nên lấy một nửa phần của mình để nuôi dưỡng cha mẹ. Trong kinh Trung Tâm, đức Phật dạy: biết ân sư trưởng thì gặp sư trưởng liền phải hầu hạ, không gặp thì nên suy tư về lời dạy bảo như người con hiếu nghĩ đến cha mẹ, như người nghĩ đến việc ăn uống. v.v... kinh Đại Phương Quảng Bát Tư Nghì Cảnh Giới dạy: nên cúng dường cha mẹ, Hòa thượng, và những người đã giúp ích hoặc nhờ cậy ở thế gian. Đối với ân ấy nên nghĩ phải báo đáp gấp bội lần. Vì sao? Vì người biết ân tùy ở trong sanh tử cũng không mất thiện căn; người không biết báo ân thì thiện căn bị đoạn diệt. Do đó, chư Phật khen ngợi người biết báo ân. Có người hỏi: việc phụng sự bốn ân, đối với ân Quốc vương, cha mẹ thì có thể biết, còn ân sư trưởng và ân thí chủ thì sao?

Đáp: người dạy kinh, luật, nghề nghiệp, hoặc bảo tránh ác làm lành đều là sư trưởng. Sư là danh xưng của người dạy đạo. Nếu người đem tài vật cứu khổ giúp sự an lạc đều là thí chủ.

Bồ thí có ba loại:

1. Tài thí: cho người tiền của

2. Tâm thí: bằng tâm từ bi giúp người an lạc

Pháp thí: thuyết pháp làm lợi ích cho người.

Hiếu

Sách Nhĩ nhã chép: khéo phụng sự cha mẹ là hiếu. Thục Pháp chép: từ ái không biết khổ nhọc gọi là hiếu. Tạng Ký chép: dưỡng đức thuận lý, không nghịch thời thế gọi là hiếu. Trong kinh Tứ Thiên Vương, đức Phật bảo các đệ tử: các ông khéo giữ tâm niệm, không thọ năm dục, xả tình bỏ cấu, lấy sự không mong cầu làm đầu, bên trong thanh tịnh, bên ngoài phải hết lòng hiếu kính.

Kinh Phạm Võng dạy: đức Phật ban đầu ngồi ở gốc cây Bồ-đề thành Vô Thượng Chánh Giác, đầu tiên kết giới Bồ-tát lấy việc hiếu thuận cha mẹ, sư tăng Tam bảo là pháp đạt đến đạo, hiếu gọi là giới. Kinh Vu Lan Bồn, đức Phật dạy Tỳ-kheo vì bảy đời cha mẹ mà thiết lập trai đàn cúng dường Phật và chư Tăng. Pháp Uyển dạy: trì giới tức là hạnh hiếu, nghĩa là tất cả chúng sanh đều đã từng làm cha mẹ, quyến thuộc nên nay trì giới không giết hại, không trộm cắp v.v... gọi là hạnh hiếu.

GIỚI THÚ

Giới gồm ba cõi. Thú gồm sáu đường.

Hựu pháp sư tự viết: ba cõi định vị, sáu đường phân chia, thô tế khác nhau, khổ vui sai biệt, quán nguồn gốc ấy không lìa sắc tâm, xét chỗ quy tụ đều là sanh diệt, sanh diệt luân hồi, đó là vô thường. Sắc tâm huyền hóa, đó là gốc khổ nên dụ Niết bàn như biển cả, Pháp Hoa mới nói Thánh nhân siêu vượt nhà lửa, bỏ giả để trở về cội nguồn, ra khỏi ba cõi, sau đó vào đạo.

Tam giới

Giới là gì?

Luận Du Già nói nghĩa giới là chủng tánh, là nhân. Luận Bà Sa nói nghĩa giới là phân giả. Thanh luận nói nghĩa giới là thú. Luận Câu Xá nói nghĩa giới là chủng tộc. Do nhân quả không đồng nên có ba.

Dục giới

Dục có bốn loại: tình, sắc, thực, dâm dục. Vì cõi này mong cầu đầy đủ bốn dục nên gọi là dục giới. Ở đây có sáu tầng Trời: Tứ Thiên, Đạo Lợi, Dạ Ma, Đâu Suất, Hóa Lạc, Tha Hóa Tự Tại.

Sắc giới

Luận Bà Sa chép: có sắc có thể thấy, có thể trình bày nên gọi là Sắc giới. Sắc giới có mười tám tầng Trời: Sơ thiên có ba cõi Trời: Phạm Chúng, Phạm Phụ, Đại Phạm; Nhị thiên có ba cõi Trời: Thiểu Quang, Vô Lượng Quang, Quang Âm; Tam thiên có ba cõi Trời: Thiểu Tịnh, Vô Lượng Tịnh, Biến Tịnh; Tứ thiên có chín cõi Trời: Phước Sanh, Quảng Quả, Vô Tướng, Vô phiền, Vô Nhiệt, Thiện Hiện, Thiện Kiến, Sắc Cứu Cánh.

Vô Sắc giới

Luận Bà Sa viết: không sắc có thể thấy, có thể trình bày nên gọi là Vô sắc. Có bốn cõi Trời: Không Xứ, Thức Xứ, Vô Sở Hữu Xứ, Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ.

Cửu địa

1. Ngũ thú tạp cư địa
2. Ly sanh hỷ lạc địa
3. Định sanh hỷ lạc địa
4. Ly sanh diệu lạc địa
5. Xả niệm thanh tịnh địa

6. Không xứ địa

7. Thức xứ địa

8. Vô sở hữu xứ địa

9. Phi tướng phi phi tướng xứ địa. Địa có bốn nghĩa: trụ, xứ, nhiếp, trị.

Tam hữu

Dục hữu, sắc hữu và vô sắc hữu.

Hữu là gì? Nghĩa là tất cả pháp hữu lậu. Do đó đức Phật nói: nghiệp có thể khiến cho đời sau nối tiếp là hữu. Lại nói vì sanh diệt nên gọi là hữu; rơi vào trong khổ, tập đế nên gọi là hữu.

Nhị thập ngũ hữu

Theo A-tỳ-đàm dạy: cõi Dục có mười bốn: bốn đường ác, bốn châu, sáu cõi Trời dục; cõi Sắc có bảy: bốn cõi Trời ở bốn tầng thiên, trong Sơ thiên có Đại Phạm thiên, trong Tứ thiên có Ngũ Tịnh Cư thiên và Vô Tướng thiên; cõi Vô Sắc có bốn: bốn định xứ.

Pháp Uyển chép: chưa biết nghĩa hữu là gì nhưng trong Sơ thiên lập riêng làm hữu?

Đáp: người ngoại đạo chấp vào thường cho rằng Đại Phạm Thiên Vương là chủ sanh ra vạn vật. Nếu ai làm trái thì bị sanh tử, làm thuận thì được giải thoát. Lại nữa, Địa Phạm Thiên Vương cũng tự chấp vãi thân mình có thể làm chủ tạo hóa, là thường, là chân giải thoát. Đức Như Lai vì phá bỏ kiến chấp ấy nên lập ra một hữu. Lại nữa, Vô Tướng Thiên vì các chúng sanh ở cõi Trời kia mà định thọ báo không thân năm trăm kiếp. Ngoại đạo chấp Niết bàn chân thật nên đức Như Lai muốn phá kiến

chấp kia mà trình bày chẳng Niết bàn và lập riêng một hữu. Lại nữa, Ngũ Tịnh Cư Thiên làm chủ cõi Trời Ma Hê Thủ La. Ngoại đạo chấp đó là chủ tạo hóa, quay trở về tức đắc chân Niết bàn. Đức Phật vì muốn kiếp chấp kia nên lập ra một hữu. Lại nữa, cõi người ở trong bốn châu lập ra một hữu, nghĩa là chúng sanh ở trong bốn đường khổ nhiều, vui ít nên lập riêng ra một hữu. Cõi người hơn các cõi kia thì tham trước sâu dày. Do bốn châu thọ báo không đồng nên lập ra một hữu.

Tam thiên đại thiên thế giới

Là hóa cảnh của Phật Thích Ca Mâu Ni. Thế giới nghĩa là gì?

Theo kinh Lăng Nghiêm: thế là biến đổi; giới là lập theo phương. Lại nữa, Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn góc, trên, dưới gọi là giới; quá khứ, hiện tại, vị lai gọi là thế. Theo Văn Thù Vân kinh chép: có hai thế: chúng sanh thế tức tất cả chúng sanh; hành thế tức trụ xứ của chúng sanh. Kinh Trường A-hàm và kinh Khởi Thế Nhân bốn dạy: tâm địa bốn châu tức núi Tu di. Núi này có tám núi vây quanh bên ngoài. Có núi Đại Thiết Vi bao quanh và một ngày, một đêm Mặt trời, Mặt trăng xoay chuyển chiếu sáng khắp bốn châu thiên hạ gọi là một quốc độ; một ngàn quốc độ là một tiểu thiên thế giới; một ngàn tiểu thiên thế giới là một trung thiên thế giới; một ngàn trung thiên thế giới là một đại thiên thế giới; do ba ngàn đại thiên chồng chất nên gọi là ba ngàn đại thiên thế giới.

Thú

Tức năm đường: Trời, người, Địa ngục, Súc sanh,

Nga quý. Còn A-tu-la có trong bốn đường nên nay khai thêm một đường gọi là sáu đường.

Thú nghĩa là gì?

Theo luận Tỳ-bà-sa nghĩa là chỗ đến: các loài hữu tình thích hợp sanh đến đó nên gọi là thú. Theo luận Tỳ-đàm nghĩa là hướng đến: nghiệp nhân thiện ác kia có thể khiến hữu tình đến sanh xứ ấy. Lại có nghĩa là con đường nên gọi là sáu đường.

Thiên thú

Luận Tỳ-bà-sa dạy: các đường tối thắng thì ánh sáng chiếu soi lẫn nhau như cõi Trời vậy. Luận Trí Độ dạy: có bốn tầng Trời:

1. Sanh thiên: từ cõi Trời Tứ Thiên Vương trở lên
2. Danh thiên: tức Vua gọi Thái tử
3. Tịnh thiên: các Thánh nhân sanh trong loài người
4. Sanh tịnh thiên: các Thánh nhân sanh ở cõi Trời.

Sanh thiên nhân

Kinh Nghiệp Báo Sai Biệt dạy: tu tập đầy đủ Thập thiện tăng thượng thì được sanh cõi Trời Tán Địa ở Dục giới; nếu tu Thập thiện hữu lậu tương ưng với định thì được sanh cõi Trời Sắc giới; nếu tu lìa sắc, lìa thân, khẩu tương ưng với định thì được sanh ở cõi Vô sắc. Theo kinh Chánh Pháp Niệm Xứ dạy: do ba điều thiện của việc trì giới không giết hại, không trộm cắp, không dâm dục nên được sanh ở cõi Trời.

Kinh Biện Ý Trưởng Giả Tử dạy: có năm việc được sanh Thiên:

1. Không giết hại sanh mạng, khiến cho chúng sanh được an lạc.
2. Hiền lương, không trộm cắp, bố thí, không tham, cứu giúp những người nghèo, ăn xin.
3. Trinh khiết, không phạm ngoại sắc nam nữ, tinh tấn giữ giới, trì trai.
4. Thành tín không dối gạt, giữ bốn lời của miệng.
5. Không uống rượu.

Nhân thú

Luận Đại Tỳ-bà-sa dạy: tiếng Phạm là mặt-nô-sa, do có khả năng dùng ý tư duy, quán sát để thực hành, hoặc quá kiêu mạn, hoặc ý tịch tịnh nên gọi là người. Luận A-tỳ-đàm dạy: vì sao cõi người lại gọi là ma-đồ-sa. Nó có tám nghĩa:

1. Thông minh
2. Tôi thắng
3. Ý vi tế
4. Chánh giác
5. Trí huệ tăng thượng
6. Phân biệt hư thật
7. Pháp khí Thánh đạo
8. Thông minh nên làm chủ được nghiệp

Nhân nhân

Kinh Nghiệp Báo Sai Biệt dạy: do trước kia tạo nghiệp tăng thượng hạ phẩm, thân, miệng ý tạo điều hạnh nên sanh ở cõi người.

Kinh Biện Ý dạy: có năm việc được sanh ở cõi người, được người tôn quý:

1. Bô thí rộng khắp.
2. Kính lễ Tam bảo và các bậc trưởng thượng
3. Nhẫn nhục không sân
4. Nhu hòa khiêm nhượng
5. Nghe hiểu giới kinh.

Lại nữa, có năm việc được sanh ở cõi người:

1. Bô thí cho người nghèo
2. Trì giới không phạm mười điều ác
3. Nhẫn nhục không loạn động
4. Tinh tấn khuyến hóa
5. Hết lòng trung, hiếu.

Có năm việc này thì được sanh trong cõi người, có phước, sống lâu, oai đức, đoan chánh, được người kính ngưỡng.

Lại có năm việc được sanh trong loài người nhưng thuộc hạng hèn hạ:

1. Kiêu mạn
2. Đối với cha mẹ thì cứng cõi không cung kính
3. Buông lung, không kính lễ Tam bảo
4. Trộm cắp là nghề sinh sống
5. Nợ nần không trả

Lại có năm việc được sanh trong loài người có hơi miêng thơm tho, thân tâm an lạc, được người khen ngợi, không bị chê bai:

1. Chí thành không dối gạt người
2. Tụng kinh
3. Hộ giới
4. Dạy người lánh ác làm lành
5. Không tìm lỗi của người

Lại có năm việc được sanh trong loài người nhưng thường bị người chê bai, bị người oán ghét, thân hình xấu xí, tâm ý không an, thường luôn sợ hãi:

1. Thường không chí thành, dối gạt người khác
2. Thấy người thuyết pháp trong chúng hội mà chê bai họ.
3. Thấy người đồng học thì khinh khi họ
4. Không thấy việc của người khác mà chỉ muốn tạo ác
5. Tranh cãi, đâm thọc.

- Ở cõi người có ba điều tối thắng:

1. Đồng mãnh
2. Nhớ nghĩ
3. Phạm hạnh

Người có ba điều tối thắng này thì được sanh lên cõi Trời.

Nhân đạo thập khổ

Trong Bồ-tát Giới Kinh dạy: con người bị mười điều khổ bức bách:

1. Sanh
2. Già
3. Bệnh
4. Chết
5. Sầu
6. Oán
7. Thọ khổ
8. Ưu
9. Não
10. Luân chuyển

- Nhân Thai Tạng Bát Vị Du Già luận dạy:

1. Yết-la-giám: tợ như giọt sương
2. Át-bộ-đàm: như sữa
3. Bê-thi: như huyết đông
4. Kiện-nam: tượng hình
5. Bát-la-xa: chi phần hiện rõ
6. Mao-phát-trảo-vị: hiện rõ lông, tóc, móng
7. Căn-vị: các căn hiện rõ
8. Bát-la-xa-khur: hiện rõ thân hình.

Lại có mười giai đoạn:

1. Giai đoạn màng mỏng
2. Giai đoạn bọt nước
3. Giai đoạn nước đọng
4. Giai đoạn như cục thịt
5. Giai đoạn đủ năm căn
6. Giai đoạn trẻ thơ
7. Giai đoạn đồng tử
8. Giai đoạn thiếu niên
9. Giai đoạn trưởng thành
10. Giai đoạn già yếu

Phàm phu

Kinh Đại Oai Đức Đà-la-ni dạy: lưu chuyển mê hoặc trong sanh tử, trụ đạo bất chánh nên gọi là phàm phu.

Tiếng Phạm là Bà-la đọa ngôn mao đạo, nghĩa là thực hành với tâm bất định, giống như lông nhẹ bay theo hướng gió hoặc Đông, hoặc Tây.

Lại có hai hạng phàm phu:

1. Phàm phu trẻ nhỏ: không có trí tuệ
2. Phàm phu ngu ám: ngu độn không thể dạy

Luận Phật Tánh dạy: phàm phu lấy thân kiến làm tánh

Nhân hữu vi tứ tướng

Theo kinh Trường A-hàm có bốn tướng hữu vi:

1. Sanh: năm ấm cùng sanh khởi rồi có mạng căn
2. Già: mạng sống gần hết, không biết còn bao lâu.
3. Bệnh: các khổ bức bách, sự sống chết không có kỳ hạn.
4. Tử: nghĩa là chấm dứt: trước phong, sau hỏa rồi đến các căn bại hoại, sống chết khác đường.

Nhân gian tứ sự tất định biệt ly Kinh Chánh Pháp Niệm dạy:

1. Thiếu niên
2. An ổn
3. Thọ mạng
4. Giàu có

Bốn pháp này nhất định phải xa lìa mà người trí thường tu quán sát vậy.

Địa ngục thú

Luận Lập Thế chép: tiếng Phạm là nê-lê-da, ở đây dịch là không được hỷ lạc. Luận Ty-bà-sa gọi là nê-lê-ca, Tàn dịch là chỗ không nên đến. Luận Đại Tỳ-bà-sa gọi là nại-lạc-ca, ở đây dịch là không thể vui.

Trong luận hỏi: thế nào gọi là nại-lạc-ca?

Đáp: Vì trong ấy luôn bị ràng buộc nên gọi là nại-lạc-ca; vì các hữu tình không vui, không ái, không vị, không lợi, không hỷ lạc nên gọi là na-lạc-ca. nay gọi là Địa ngục. Địa là đáy, là dưới cùng, nghĩa là đối với vạn

vật thì nó ở dưới cùng hết. Ngục là co quắp, nghĩa là bị trói co quắp, không được tự tại.

Kinh Tam Pháp Độ Nhân dạy: Địa ngục có ba loại:

1. Địa ngục nóng có mười tám sở.
2. Địa ngục lạnh có mười tám sở
3. Địa ngục vây quanh, lại gọi là khinh phược, lại gọi là cô độc lại có ba chỗ khác nhau: giữa núi, trong nước, ở đồng trống.

Lạc Địa ngục nhân

Luận Bà-sa dạy: do đời trước làm việc bạo ác mạnh mẽ, thân, miệng, ý nên làm hạnh ác nên nay sanh vào Địa ngục lạnh giá.

Trong kinh Biện Ý dạy: có năm việc sau khi chết thì vào Địa ngục:

1. Không tin Tam bảo và thường phỉ báng, khinh chê Thánh đạo.
2. Phá hoại chùa Phật
3. Thường luôn phỉ báng, không kể tội phước
4. Không có kính thuận, không có đạo lý Vua tôi, cha mẹ
5. Đã được vào đạo mà không nghe lời thầy chỉ dạy, lại cống cao ngã mạn, khinh bỉ thầy tổ.

Súc sanh thú

Luận Lập Thế chép: tiếng Phạm là đê-lật-xa, ở đây dịch là Súc sanh. Theo luận Đại Tỳ-bà-sa thì gọi là Bàng sanh nghĩa là thân hình hôi hám.

Súc sanh nhân

Kinh Nghiệp Báo Sai Biệt dạy: tạo đủ mười nghiệp

thì sanh vào Súc sanh:

1. Thân làm ác
2. Miệng nói ác
3. Ý nghĩ ác
4. Từ tâm tham mà làm việc ác
5. Từ tâm sân mà làm việc ác
6. Từ tâm si mà làm việc ác
7. Hủy nhục chúng sanh
8. Náo hại chúng sanh
9. Cho vật bất tịnh
10. Tà dâm

Kinh Biện Ý dạy: có năm việc thì sanh vào Súc sanh:

1. Phạm giới ăn trộm
2. Nợ nần mà không trả
3. Giết hại
4. Không muốn nghe thọ kinh pháp
5. Thường gây khó khăn với trai hội

Tam đồ

Tây Vức ký dạy: thơ Xuân Thu có ba đường là chỗ nguy hiểm nên xưa đã dùng danh từ này vậy. Đồ nghĩa là con đường, chẳng phải nghĩa lầm than. Nếu theo tiếng Phạm là a-ba-na-già-đê, ở đây dịch là đường ác. Đạo sự thật là nhân do hành vi đã tạo ra.

Bát nạn

1. Địa ngục
2. Ngạ quỷ
3. Súc sanh
4. Châu Bắc

5. Vô Tướng thiên

6. Sanh trước Phật hoặc sau Phật

7. Thế trí biện thông

8. Mùi, điếc, câm, ngọng

Tu-la thú

Kinh Hải Long Vương gọi là a-tu-luân, ở đây gọi là vô thiện thân. Đại Tỳ-bà-sa gọi là A-tổ-lạc, ở đây gọi là phi thiên. Lại nữa Tổ-lạc nghĩa là đoạn chánh; A nghĩa là không, nghĩa là thân hình không đoạn chánh. Kinh Lăng Nghiêm dạy: hoặc ở trong loài quỷ nhờ có năng lực hộ trì chánh pháp, tự tại nhập không, được sanh ra bằng trứng thuộc vào loài quỷ; hoặc ở trong cõi Trời thiếu đức nên bị rơi vào nơi ấy, ở gần Mặt trời, Mặt trăng, được sanh ra bằng thai thuộc vào loài người; hoặc có năng lực giữ gìn thế giới, không có sợ hãi, thường cùng tranh quyền với Phạm vương và Thiên Đế Thích, Tứ thiên vương, nhân biến hóa mà sanh trong cõi Trời, có một hạng thấp kém sanh ở trong biển lớn, chìm đắm trong nước, sớm dạo hư không, tối về nước ngủ, do sanh ở chỗ ẩm thấp nên thuộc vào loài Súc sanh.

Tu la nhân

Đa số trong các kinh, luận đều nói do ba nhân: sân, mạn và nghi nên sanh trong loài Tu la.

Diêm la vương

Tiếng Phạm là Diêm-ma-la, ở đây dịch là ngăn chặn, nghĩa là ngăn chặn không cho làm các việc ác.

Trong luận Du Già, hỏi: Vua Diêm ma có khả năng làm tổn hại, có khả năng làm lợi ích nên gọi là pháp

vương?

Đáp: do làm lợi ích cho các chúng sanh nên các chúng sanh nghĩ nhớ đến Vua thì Vua liền hiện thân giống như họ và bảo: “Các người đã tự tạo nhân nào thì nhận lấy quả ấy; do cảm ứng với Địa ngục, nghiệp mới lạ không tích chứa nên khi hết nghiệp thì được thoát khỏi Địa ngục. Do đó, Diêm ma có khả năng làm lợi ích chúng sanh nên gọi là pháp vương.

Chúng sanh

Tiếng Phạm là Bộc-hô-thiên-na, ở đây dịch là chúng sanh, nghĩa là nhờ các duyên mà sanh ra. Hựu pháp sư dạy: gồm nhiều duyên mà sanh ra ở đời nên gọi là chúng sanh. Tam tạng đời Đường dịch là hữu tình, nghĩa là tất cả vật vô tình đều do các duyên giả hợp mà sanh ra, nay lược bỏ vô tình nên nói hữu tình.

Kinh Chứng Khế Đại Thừa, hỏi: chúng sanh nghĩa là gì?

Đức Phật dạy: là tình và tướng hòa hợp, đó là địa, thủy, hỏa, phong, không, thức, danh, sắc, giới, nhập duyên khởi và nhân, nghiệp, quả hợp lại mà sanh ra. Tất cả chúng sanh lấy vô minh làm căn bản, do ái nên đọa lạc luân hồi.

Tâm

Tiếng Phạm là chất-đa, hoặc gọi là tức-đa, ở đây dịch nghĩa là duyên lự. Luận Duy Thức dạy: tập khởi gọi là tâm, tức tám thức.

Bài kệ trong kinh Trung Âm dạy:

Tâm là gốc căn bản

*Thiện, ác tùy theo tâm
Hành thiện đến cõi lành
Làm ác đọa đường ác.*

Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ dạy:
*Hành làm chủ các pháp
Đích thực là tâm vậy*

Lại nói:

*Pháp thiện và bất thiện
Tâm là gốc căn bản.*

Tâm địa: Đức Phật dạy trong ba cõi đều do tâm làm chủ. Tâm của chúng sanh như đất; ngũ cốc và hoa quả đều từ đất mà sanh ra. Cũng vậy, tâm pháp sanh ra thế gian và xuất thế gian, thiện, ác, năm đường, ba thừa. Do nhân duyên đó, ba cõi đều do tâm nên gọi là tâm địa

CHÍ HỌC

Học

Nghĩa là bắt chước. Bạch Hổ Thông nói: “Học là bắt chước để hiểu biết những điều chưa biết”. Trung luận dạy: bậc quân tử ngày xưa thành tựu đức độ mới ra lập nghiệp. Dù thân bị mai một nhưng danh thì bất hủ. Vì sao? Vì những bậc học giả lấy thần để thấu đạt, lấy tình để trị tánh là nhiệm vụ quan trọng của bậc Thánh nhân. Học như vật trang sức, không có vật trang sức thì người xem không thấy đẹp. Người không học thì không có đức hoan hỷ.

Chí là học theo bậc thầy. Học giả lo chí khí mình không kiên cố. Tăng Sĩ lược chép: đối với việc học thì sự sự mênh mông, có những điều không thể biết đến

được, bởi sự thiếu khuyết vậy. Các cao tăng ở đây có thể nhiếp phục các giáo phái khác đều do sự học hỏi uyên bác vậy.

Nhị học

Trong Tỳ-nại-da, đức Phật dạy có hai hạng học nghiệp: đọc tụng và thiền tư. Theo Sao chép: năm hạ trở xuống thì phải nương theo thầy để học luật tạng. Năm hạ trở lên thì tự học pháp vô nhân ngã.

Tam học

Luật Tăng Kỳ dạy: học có ba hạng:

1. Tăng thượng giới học.
2. Tăng thượng định học
3. Tăng thượng tuệ học.

Lại nữa, học có ba hạng: kinh, luật, luận.

Khai ngoại học

Trong Tỳ-nại-da, do Xá Lợi Phất nhiếp phục hết thảy các phái ngoại đạo. Do đó đức Phật cho phép Tỳ-kheo học luận bên ngoài nhưng phải là bậc thông minh, nhớ dai thì mới có thể phân một ngày ra làm ba thời: hai thời sáng, trưa đọc tụng kinh Phật, đến chiều tối đọc sách bên ngoài. Cho nên trong Kỳ Viên có thư viện. Trong ấy an trí đủ các văn thư khác nhau của đại thiên giới. Đức Phật cho các Tỳ-kheo đọc để chế phục ngoại đạo, nhưng không cho nương theo kiến giải ấy. Luận Địa Trì dạy: nếu có người thông minh trí tuệ, thọ học mau lẹ thì trong ngày thường dùng hai thời học Phật pháp, một thời học kinh sách ngoại đạo.

Học thư

Luật Ngũ Phần dạy: Tỳ-kheo không biết thư ký, đức Phật cho phép học, không được vì muốn đẹp mà phế bỏ đạo nghiệp.

Nhị trí

Kinh Bát nhã dạy: thiên học là khai trí; giảng học là diễn trí.

Thị nhục

Trong Pháp Uyển, Trang Tử nói: người mà không học thì như cục thịt; học mà không hành thì như cái dây rách.

Phủ khổ

Cao tăng Tăng Phạm đời Tề thông hiểu các kinh sách nên hiệu là phủ khổ.

Trí nan

Ngô Chi Khiêm, tự là Cung Minh, hiệu là Trí Nan. Theo Cao Tăng truyện, ba ngàn tăng ở chùa Kỳ hoàn đều hiệu Trang pháp sư tức là túi trí.

Nghĩa long

Cao tăng Huệ Vinh đời Trần giảng giải rành rẽ ở khắp nơi nên hiệu là Nghĩa Long.

Nghĩa hồ

Cao tăng Đạo Quang ở Giang Đông nghiên cứu thấu suốt tận cùng nghĩa lý nên hiệu là Nghĩa Hồ.

Luật hồ

Cao tăng Pháp Nguyên thông suốt tạng luật, ngôn từ biện luận sáng tỏ những câu nạn vấn của đối thủ nên hiệu là Luật Hồ

Tăng anh

Cao tăng Trí Diễm cùng với pháp sư An và tam tạng Biện Tri kết giao, tuệ giải đáp ứng với đối thủ nên hiệu là Tam Anh.

Tăng kiệt

Cao tăng Tăng Tuệ cùng với pháp sư Xương thường giảng về tam tạng nên hiệu là Nhị Kiệt. Cao tăng Kính Thoát đời Đường hiệu là Tăng Kiệt.

Di thiên thích

Pháp sư Đạo An ở Tương Dương, nhân tu tập đã rành rồi gặp Xỉ đến, nói: “Bốn biển đều rạch rồi”. Xỉ đáp: “Thích Đạo An đời Trời”

Thích môn thiên lý câu

Trường An và Thường Biện là hai pháp sư tài trí nhất, thường khen pháp sư Trang: “Ông xứng đáng là bậc tài trí nhất trong dòng họ Thích”.

Nghĩa thiên

Luận Bà Sa dạy: hiểu rõ nghĩa các pháp, thấy nghĩa không của các pháp gọi là Nghĩa Thiên.

Học hải

Cao tăng Đàm Hiên ở Sơn Đông, Giang Biểu hiệu là Học Hải. Kinh tứ pháp tướng

Cùng với năm học giả ở Ấn Độ đều xứng danh là pháp sư nổi tiếng.

Thích môn hô liên

Pháp sư Hồ Khưu Tuệ Tụ đời Tùy hành hóa ở Nam châu được sự khen ngợi.

Huệ uyển lâm trịnh

Là hiệu của cao tăng Chí Niệm đời Tùy, bậc hữu học có danh tiếng thời bấy giờ.

Tả bình truyền khí

Kinh dạy: A Nan lãnh thọ Phật pháp như rót nước từ bình này sang bình khác, hoàn toàn không có đổi khác. Bình thì có nhiều loại khác nhau nhưng nước thì không khác.

Truyền đăng

Triệu pháp sư nói: tự tại hành hóa ở kia tức tăng thêm công đức và ánh sáng chánh pháp không dứt, cũng gọi là đèn sáng vô tận.

Đầu châm

Tây Vức ký chép: Ca-na-đề-bà là vị tổ thứ mười lăm ở Tây Thiên, ban đầu đến yết kiến, Long Mãnh Thủy sai đệ tử hướng dẫn. Đề-bà thấy vậy im lặng lấy cây kim ném, người đệ tử kia liền chụp lấy cây kim ném lại. Long Mãnh hỏi: “Người kia nói gì?”. Đáp: “Chỉ im lặng mà ném kim”. Long Mãnh nói: “Đó là bậc trí tuệ, người mau dẫn vào trong chúng hội”

Tam tuyệt

Cao tăng Pháp An, thân cao tám mét, có ba điều kỳ tuyệt:

Oai phong đặc biệt

Giải nghĩa cùng thâm

Tĩnh tấn thanh bạch

Tứ tuyệt

Cao tăng Hồng Yển học vấn uyên bác cả nội điển lẫn ngoại điển. Những tác phẩm mà cao tăng trước tác đều niêm phong nhập vào lầu các bí mật. Bấy giờ gọi là tứ tuyệt: mạo, nghĩa, thi, thư.

Ngũ bị

La Thập trả lời với pháp sư Viễn: tài sản có năm thứ dự sẵn: phước, giới, bác văn, biện tài, thâm trí. Nếu có đủ năm thứ ấy là bậc đạo long. Nếu chưa đủ đó là trì trệ. Nhân giả dự sẵn các thứ ấy chứ.

Bát bị

Pháp sư Ngạn Tông đời Tùy nói: tham gia vào việc phiên dịch có tám điều dự sẵn và có đủ mười điều:

1. Thành tâm thọ pháp, với chí hướng lợi người
2. Thực hành theo pháp thù thắng, giữ giới bền chặt
3. Thông suốt ba tạng, rõ nghĩa năm thừa.
4. Nương theo văn sử gắn liền với điển từ, không quá vụng về.
5. Vững tâm tha thứ, độ lượng, bao dung, không quá chuyên chấp, chìm trong đạo thuật, chẳng màng đến danh lợi, không có cao ngạo.
6. Phải biết tiếng Phạm
7. Không rơi vào việc học vấn
8. Uyên bác từng trải, giỏi về văn chương, rành âm thô nhã.

Mười điều:

1. Câu, văn
2. Hỏi đáp

3. Danh nghĩa

4. Kinh luận

5. Ca tụng

6. Chú thuật

7. Phẩm đề

8. Chuyên nghiệp

9. Bộ chữ

10. Thanh chữ

Nhân nhân hiển danh

Pháp sư Cáo Hữu đời tấn từ Vĩnh Gia đến Giang Tả gặp thừa tướng của Vua. Đạo Nhất thấy sự việc kỳ lạ, liền cho làm đồ đệ của mình. Do đó mà hiển danh.

Chỉ quý như ngọc

Cao tăng Vô Cấu Nhãn, lại gọi là luật sư Thanh Nhãn, ban đầu dịch luật Thập tụng. Tăng ni kinh thành tranh nhau ấn tống luật. Ngạn nói: “Đều phải nhờ người viết lại rõ ràng, chỉ quý như ngọc.

Phiêu lãnh

Tăng Duệ năm hai mươi hai tuổi đã uyên bác về kinh, luận, thiền quán, có khả năng giảng thuyết. Ty đồ Diêu Sùng tôn trọng ông ta. Lúc ấy, Diêu Hưng chưa biết nên hỏi Diêu Sùng: “Tăng Duệ như thế nào?”. Diêu Sùng nói: “Như cây tùng, cây bách”. Đến lúc gặp mặt hỏi han luận bàn mới biết là pháp khí biện tài. Diêu Hưng nói: “Đúng là tư hải phiêu lãnh”

Lãnh thần

Cao tăng Huệ Ước học hỏi thấu đạt tận cùng cả nội điển lẫn ngoại điển sao còn không được kính trọng? Lúc

Cánh Lục Văn Tuyên Vương đi tuần xét ở Vũ Huyệt, có tăng sĩ nổi tiếng tại tòa thuyết pháp, xem ra đang còn trẻ tuổi. Vua thấy rồi liền khiêm cung hết lễ, quần chúng thấy vậy thì không vui. Vua nói: “Bậc thượng sĩ này chính là lãnh thần dòng họ Thích”

Bát đạt

Cao tăng Chi Học Long uyên bác cả nội điển lẫn ngoại điển. Các danh sĩ như Nguyễn Đảm v.v... đều coi cao tăng như tri kỷ nên gọi là Bát Đạt.

Bát năng

Cao tăng Chân Quán có tám khả năng: đạo, thư, thi, biện, lễ mạo, thanh, kỳ(cờ tướng).

Biện đỉnh

Đạo An hiệu là Thích Di Thiên, học thông cả nội điển lẫn ngoại điển. Nơi bức phù liên ở ruộng chùa có một cái đỉnh lớn, một bên có chữ Triện. Người triều đình không biết mới hỏi Đạo An. Đạo An nói: “Lỗ Tương Công đã đúc cái đỉnh này. Kiên Sắc tam quán có nghi ngờ gì đều hỏi Đạo An.

Đảm bút

Cao Tăng Kính Duyệt lúc đi du học cầm cây bút dài bằng ba cánh tay. Có người xin thơ, chữ lớn, chữ nhỏ đều tùy theo cây bút mà có, chứ hoàn toàn không do sự tạo ra. Người ngắm không nhàm chán.

Khôi hài thượng thủ

Chi Thuần tự là Đạo Lâm. Tần Ai Đế thỉnh mời đến chùa Đông An. Khách Siêu, Tôn Xước v.v... các danh sĩ

đều giao du bên ngoài. Một hôm vào trong thất mới biết được Chi Thuần là người khôi hài bậc nhất.

Nghĩa giải danh tri

Cao tăng Pháp Khai dùng nghĩa giải biết tên thiên hạ, cùng kết giao với Tạ An Vương v.v... làm bạn văn học. Tôn Xước nói: “Thông suốt cả nội điển lẫn ngoại điển, tài hoa phong phú, tất cả những điều ấy đều có ở nơi Pháp Khai.

Hàn tùng

Huệ Long học hỏi thấu cùng nghĩa lý. Vào thời Tống đa số bạn bè là các bậc danh hiền, mà khí tiết dung mạo Huệ Long như cây tùng vào mùa rét. Lúc ấy, Chu Khoả coi pháp sư Huệ Long như sương rơi trên tùng, trúc; lá rụng giữa rừng thưa.

Bích vân

Huệ hưu họ Thang, là vị quan phong nhã, thường ngâm thơ, sớm tối hợp Bích Vân, giai nhân mãi chưa đến.

Lập tuyết

Tổ thứ hai ở Trung Quốc tên là Thần Quang, còn gọi là Huệ Khả, ban đầu đến tham yết Đạt Ma thì tổ phải đứng trong tuyết.

Tản bị

Cao tăng Huệ Thiệu học với Xước công, giữ phận nghèo ở nhà chuyên viết sách luận, chịu lạnh nghe giảng, hiểu rõ văn nghĩa.

Ủng trần

Đạo Siêu chịu khổ học hành, ở riêng một thất, dùng

kinh điển của Nho Phật xoay quanh tòa ngời, tay không rời sách, bụi đất đầy phòng. Lúc ấy, trung thư Ngô Quân hỏi: “Trùng kêu bụi đầy, sao không vui?”. Đạo Siêu đáp: “Tiếng trùng vang vọng ở khắp nơi, bụi đất đầy phòng chưa rồi quét”.

Nghĩ thư

Cao tăng Pháp Nhã thông thạo cả nội điển lẫn ngoại điển. Nhiều học sĩ đến tham học người dùng nghĩa kinh giải thích, rồi mới dùng sách ngoài để cắt nghĩa.

Đức hương

Hương vi diệu có ba loại: hương đa văn, hương giới, hương thí. Ba loại hương này dù thuận gió hay nghịch gió đều nghe mùi thơm tối thắng không gì sánh bằng.

Đạo phong

Truyện Bảo Lâm chép: Tổ sư Nan Đề đến ở nước Ma Đề. Một hôm có ngọn gió từ phương Tây thổi đến, Tổ nói: “Gió thổi đường này, chắc có đạo nhân đến”. Quả nhiên Già Da Xá Đa đến.

Biến giới

Pháp Uyển chép: năm thứ ba niên hiệu Hoằng Thủy, Diêu Hưng trồng hành trong vườn. Một hôm nó đều biến thành kiệu. Ông ta đoán: “Chắc có người trí đến”. Quả đúng là pháp sư La Thập đến.

Học giả nhị hoạn

Pháp sư Triệu nói: “Tuy hiểu nghĩa sâu xa nhưng chưa dụng tâm, tôn trọng mình, khinh mạn người thì không có ích gì. Đây là mối lo bên ngoài của học giả.

Nhờ sự hiểu biết ấy lại chấp vào tướng phân biệt, tuy nói là thông hiểu nhưng chưa hợp với sự thông hiểu chân thật. Đây là mối lo bên trong của học giả.

Vô tiền quyết hóa

Pháp Uyển chép: Luận Hành nói: “Trong tay không có tiền mà đến chợ mua hàng hóa thì chủ hàng dứt khoát không bán. Trong tâm không có học thì cũng giống như trong tay không có tiền”.

Bỉnh chúc

Trong sách Pháp Uyển, Tàn Bình Công hỏi sư Khoáng: tôi đã bảy mươi tuổi mà muốn học, e muộn quá rồi?”.

Đáp: muộn rồi sao không thấp sáng sáng ngọn nến lên. Thần nghe: “Nhỏ mà học là như ánh Mặt trời mới mọc. Đến lúc trai tráng mà học thì như ánh sáng Mặt trời giữa trưa. Già mà học thì như ánh sáng của ngọn nến. Ai mà cùng đi với người mê?

Bình Công nói: hay thay.

Giới

Pháp Uyển chép: nay có người học hành nông cạn lại tự cho mình là bậc xuất chúng, rồi khởi tâm kiêu mạn, phóng đảng, hủy diệt tất cả, tung hoành khắp Trời đất, ngồi ngông ngáo trước mặt sư trưởng, đứng quát tháo bên cạnh tôn sư. Gốc đạo là hòa hợp; cung kính thuận phục là Tăng. Tâm đã trái nghịch như thế thì đâu thành ngôi báu. Hãy cẩn thận thay!



THÍCH THỊ YẾU LÂM

QUYÊN HẠ

Thuyết thính-Táo tịnh-Tránh nhĩ--Trạch hữu--Tập kỷ-
Chiêm
bệnh-Tổng chung.

THUYẾT THÍNH

Thuyết

Luật Tỳ-nại-da dạy: thuyết nghĩa là khai hóa hướng dẫn, nay gọi là giảng. Thuyết văn nói: giảng hòa với giải, luận bàn. Quảng Nhã gọi là đọc. Vua Cố Dã nói: giải nói là đàm luận, giáo huấn vậy.

Thính

Luận Duy Thức cho rằng: nhĩ căn tiếp xúc, thức lãnh thọ gọi là thính, tức là ý suy nghĩ thuộc về nhĩ căn.

Pháp uyển nói: có ba phẩm: dùng thần nghe là thượng căn; dùng tâm nghe là trung căn; dùng tai nghe là hạ căn.

Thuyết thính nhị nạn

Luận Trung Quán dạy: chân pháp hợp với người thuyết, người nghe rất khó có được. Kinh Niết bàn dạy:
1. Ưu nói pháp là khó; 2. Ưu nghe pháp là khó.

Pháp sư thắng cao tòa

Luận Thập Trụ Bà Sa dạy: muốn thắng tòa thuyết pháp thì trước tiên phải cung kính lễ đại chúng, sau đó mới thắng tòa.

Pháp sư tâm

Kinh Đại Pháp Cự Đà-la-ni dạy: là pháp sư thì phải dụng tâm suy nghĩ: “Chỗ ngồi của ta bây giờ là tòa sư tử của Như Lai nên yên tĩnh từ mẫn, ái ngữ, khiêm hạ, bảo hộ tâm đại chúng. Nếu ôm lòng sân giận, ganh tỵ, tâm chấp hơn thua thì mắc tội nặng. Từ tâm thuyết pháp thì được công đức lớn, có thể làm cho Phật pháp tồn tại lâu dài ở đời, hễ sanh đến chỗ nào cũng thường được gặp Phật. Nếu được hưởng thọ tất cả các sự cúng dường, phải biết hổ thẹn, chớ sanh tâm tham, không được ngã mạn, không làm mất đi thiện căn của thí chủ.

Pháp sư bát chủng ngôn

Luận Du Già dạy: tám ngôn từ của pháp sư:

1. Lời hỷ lạc
2. Khéo khai sáng
3. Biết nạn vấn
4. Khéo phân biệt
5. Khéo tùy thuận
6. Biết dùng dẫn chứng
7. Biện tài thù thắng
8. Tùy theo tông phái

Ngữ hữu bát chi

Luận Hiển Dương dạy: đáp lại có tám chi:

1. Lời tốt đẹp

2. Rõ ràng
3. Dễ hiểu
4. Người muốn nghe
5. Không mong cầu
6. Lời như thật
7. Khéo dùng phương tiện
8. Lời tối thượng

Thuyết giả quá lỗi

Kinh Phật Tạng dạy: tự mình chưa chứng biết pháp mà ngồi trên tòa giảng pháp cho người nghe thì đọa Địa ngục. Luật Thập Tụng dạy: nếu tự mình chưa hiểu rõ, có chỗ nghi ngờ giáo pháp thì không được giảng nói cho người nghe, sợ có chỗ sai lầm, lưu truyền sai quấy, tất cả đều mắc tội. Kinh Pháp Hoa dạy: có người đối với pháp sâu xa thì sanh tâm bồn xển; có khả năng giáo hóa mà không thuyết giảng cho người nghe; hoặc có người khi được lợi dưỡng, cung kính, cúng dường thì dù có phi pháp mà vẫn gượng thuyết.

Tự đại kiêu nhân

Kinh Vị Tăng Hữu dạy: nếu có được chút ít phước đức mà tự đại, kiêu mạn với người thì cũng giống như người mù cầm đuốc mà tự họ không được trông thấy.

Hộ thuyết tam ích

Luận Thập Địa dạy: thuyết pháp lợi người có ba thời:

1. Lúc nghe
2. Lúc tu hành
3. Lúc chuyển sanh

Thuyết giả ngũ phúc báo

Kinh Hiền Giả Ngũ Phúc dạy: thuyết pháp được năm điều tốt lành:

1. Sống lâu, vì người nghe pháp rồi thì không giết hại
2. Giàu sang, vì người nghe pháp rồi thì không trộm cắp
3. Đoan chánh, vì người nghe pháp rồi thì luôn hòa vui
4. Danh dự, vì người nghe pháp rồi thì biết quy y Tam bảo
5. Thông minh, vì người nghe pháp rồi thì thông hiểu sáng tỏ.

Giảng đường chế

Kinh Phật Bản Hạnh dạy: lúc bấy giờ, các Tỳ-kheo tập hợp trong một giảng đường nghe hai Tỳ-kheo thuyết pháp nên chướng ngại nhau. Họ liền chia ra hai giảng đường nhưng vì gần kề nhau nên họ lần lượt đi qua lại lộn xộn làm loạn động chúng.

Do đó, đức Phật dạy: từ nay về sau không được thuyết trong cùng một giảng đường, hoặc hai giảng đường gần kề nhau; người nghe pháp bên giảng đường này cũng không được sang giảng đường kia, người nghe pháp bên giảng đường kia cũng không được sang giảng đường này; không được chê bai pháp môn nào.

Giảng đường trí Phật tượng

Kinh Đại Pháp Cự Đà-la-ni dạy: khi pháp sư thuyết pháp, có nữ La-sát tên là Ái Dục thường đến mê hoặc làm tâm pháp sư tán loạn. Cho nên, chỗ thuyết pháp

thường phải an trí tượng Như Lai, dùng hương hoa cúng dường chớ có bỏ bê. Nữ La-sát kia trông thấy rồi thì sẽ mê loạn, không thể làm chứng ngại.

Giảng xứ niệm kinh

Pháp sư Tăng Yên đời Lương giảng nói trong chúng: xưa kia Di Thiên Đạo An mỗi lần thuyết giảng, ở sau pháp tòa thường bảo Đô Giảng khiến cho các hàm linh được nghe kinh. Sự việc này lâu ngày rồi phé bỏ đi. Vì muốn giáo hóa đại chúng nên các nơi đều tụng kinh Quán Âm một quyển. Do đó, tất cả chỗ có giảng kinh đều như thế, xa gần cùng tụng tập, nay thì niệm Phật.

Học tứ

Tứ: là bày biện hàng hóa để mua bán. Do vào đời Hậu Hán, Trương Khai học trò Tục Siêu tùy tùng đến ở chợ nên nay chỗ học gọi là tứ.

Tĩnh

Giòng họ Thích gọi học viện là tĩnh. Cao tăng truyện chép: Phật Đà Da Xá lần đầu đến. Diêu Hưng lập tĩnh mới riêng biệt để tiếp đãi ở vườn Tiêu Diêu, chú âm là tĩnh thụ.

Giáng trướng

Giáng là màu đỏ. Sách Phạm, Hoa đời Hậu Hán chép: Mã Dung Đạt bình sanh tánh khí nho nhã thường ở tòa cao để viết trên bức trướng đỏ. Đồ chúng theo học trước đây, về sau đều gọi là bức trướng của họ Mã.

Lại nữa, sách đời Tấn chép: Tuyên Văn Quân Tống Thị tức là mẹ Vi Sính tạo lập giảng đường, dùng màn lụa đỏ để ngăn cách đồ chúng khinh mạn.

Long môn

Cao tăng Huệ Trì là em pháp sư Viễn tánh cách thanh tú, giải hạnh tinh cao, thâm nhận đồ chúng đến ngàn người. Phàm những lúc thăng đường thuyết pháp, hoặc nhập thất thì đều gọi là lên cửa rồng.

Trù thất

Bảo lâm truyện chép: Ưu Ba Cúc Đa là vị Tổ thứ năm ở Tây Thiên, có cái thất bằng đá, bề dài mười tám khuỷu tay, bề rộng mười hai khuỷu tay. Những người đến thọ học có một vị đặc đạo, Tổ liền ném một cái thẻ tre bốn tắc ở trong thất. Đến lúc thẻ ném đầy thất, Ưu Ba Cúc Đa diệt độ liền lấy thẻ trong thất đem đi trà tỷ.

Hàm trượng

Khúc lễ chép: khách chẳng ăn uống trong chiếu rộng mười thước.

Đô giảng

Tức pháp sư người Đới Dương. Mẹ Lương Võ Đế mỗi lần thỉnh sư đến giảng kinh ở chùa Chỉ Viên đều sai Pháp Bưu hầu Đô Giảng. Bưu trình qua Võ Đế rồi mới đánh trống lúc hùng hồn, lúc thanh thoát tùy theo từng câu hỏi đáp.

Đời Tấn, Chi Thuần đến nước Việt, nhà Vua thỉnh sư giảng kinh Duy Ma, sai Hứu Tuân hầu Đô Giảng. Tuân hỏi một câu. Đại chúng đều cho rằng sư không đáp được. Chi Thuần đáp một nghĩa, đại chúng cho rằng Tuân không thể hỏi vặn lại được. Nay đối với Đô Giảng thì chỉ có xướng kinh văn mà bỏ việc hỏi đáp công kích.

Giảng tăng thi

Giảng kinh: tức vào thời Tào Ngự, Chu Sĩ Hành giảng đạo hạnh Bát nhã đầu tiên.

Ni giảng: vào đời Đông Tấn, Đạo Hình giảng hai kinh: Pháp Hoa, Duy Ma đầu tiên.

Giảng luật: vào đời Nguyên Ngự, Thế Pháp Thông giảng luật đầu tiên. Thông chỉ xem lướt qua là đã phô dương được cả luật Tứ Phần.

Có môn nhân Đạo Phú vừa nghe, vừa chép dần dần tập hợp hành số sao.

Giảng luận: tức La Thập truyền trao cho pháp sư Tung luận Thành Thật lần đầu tiên.

Pháp khí

Luận Quảng Bách dạy: phải đủ ba đức mới gọi là pháp khí:

Bẩm tánh nhu hòa, không có thiên vị, thường tự thẩm sát, không tham lợi về mình.

Thường muốn thông hiểu, cầu pháp không chán, không bảo thủ mình mà phải hoan hỷ

Vì tánh thông tuệ, đối với lời nói thiện hay ác thì hiểu biết chánh đáng, phân biệt được mất.

Nếu không như thế thì dù có ba đức mà thầy trò đều không có lợi ích.

Nhân trung sư tử

Lời bạt của kinh Trị Thiên chép: phái Đại thừa ở Thiên Trúc có Sa-môn Phật-đà-Tư-na là bậc thiên tài kỳ đặc, là người học hiểu rộng các sách nội điển và ngoại điển của các nước, không sách nào mà Sa-môn không học đến. Người đời đều gọi là nhân trung sư tử.

Pháp tượng

Đời Tề, Cao tăng Tăng Ấn giảng rành rẽ về kinh, luận nên gọi là Pháp Tượng.

Nghĩa thiếu

Pháp An mới mười tám tuổi mà đã giảng kinh Niết bàn. Trương Vĩnh hỏi đến tuổi tác, rồi khen: xưa có Phù Phong Chu Bột mới mười hai tuổi mà đã làm thơ nên mọi người gọi là thần đồng. Nay Pháp An có thể gọi là nghĩa thiếu.

Tứ hải luận chủ

Là danh xưng của cao tăng Kính Thoát vào đời Tùy.

Tam quốc luận sư là hiệu của Tăng Xán, đời Tề Tỳ-đàm không tử

Đời Tây Tần, Huệ Tung khéo giảng luận A-tỳ-đàm, được người tôn trọng nên có hiệu Không tử Tỳ-đàm.

Thọ Quang học sĩ.

Đời Lương, Huệ Siêu học kinh, luận, hiểu rõ, thông đạt, uyên bác cả nội điển lẫn ngoại điển. Do đó, Võ Đế ban cho hiệu là Thọ quang điện học sĩ.

Kinh luật nguyên tượng

Đời Lương, Tăng Thanh giảng các kinh, luận là thời nguyên tượng, đặc tinh nên các đạo Nho đều khiếp sợ.

Bồ-tát giới sư

Huệ Xước là giới sư của Lương Võ Đế. Giảng kinh Thiên hoa đạo

Đời Lương, Pháp Vân giảng kinh thì hoa Trời rơi xuống. Lại nữa vào đời Đường, lúc Đạo Tông giảng kinh

ở chùa Thắng Quang-Tây kinh, hoa Trời liền xoay quanh giảng đường, rồi bay vào cửa nhưng không héo, một lúc sau thì biến mất.

Thuyết luật sơn phong lạc

Trí Văn giảng luật rất hay nên mới nâng lông nai thì hai ngọn núi đều sụp đổ.

Thông minh thích tử

La Thập nói với Diêu Hưng: Dung là người thông minh của dòng họ Thích.

Phiêu biểu đạo nhân

Diêu Hưng lễ trọng Đàm Ảnh vì thấy sư siêu việt nhất trong nhóm kẻ sĩ nên thường nói với La Thập: “Pháp sư Đàm Ảnh là đạo nhân phong lưu tiêu biểu trong nước này vậy”

Ưu thưởng

Tây Vực ký chép: giảng thông suốt một bộ luật mới được miễn làm tri sự; giảng hai bộ luật thì cho thêm phòng ở và đồ dùng; giảng ba bộ luật thì ban thêm sai người hầu cận, phụng sự; giảng bốn bộ luật thì ban thêm tịnh nhân; giảng năm bộ luật thì ban thêm xe cộ.

Kim sư tử tòa

Đời Tần gọi Cưu Ma La Thập là Đồng Thọ. Xưa kia, Vua Quy Tư làm tòa sư tử bằng vàng, Đại Tần trải nệm gấm bằng phẳng rồi thỉnh La Thập ngồi thuyết pháp.

Học giả vì tứ sự đọa lạc

Kinh Pháp Luật Tam muội dạy:

Học mà không biết dùng phương tiện khéo léo,

khinh mạn thầy, bạn, không có nhất tâm, ý luôn thay đổi.

Học mà không tinh tấn, không có đạo lực, chỉ tham danh dự, mong người cung kính, hầu hạ.

Học phụng thờ thầy, không nghĩ đến sự cần khổ mới được thành tựu mà lại hư dối, cống cao.

Học mà ưa phản đạo, đem pháp thuật khác để so sánh với kinh Phật thậm thâm rồi nói các đạo đều giống nhau.

Kinh Bồ-tát giới dạy: vì danh dự mà tụ hội theo đồ chúng thì gọi là đệ tử ma.

TÁO TỊNH

Tham

Luận Du Già dạy: đối với các cảnh giới mà khởi tâm đắm trước gọi là tham. Trong các phiền não thì tham là đứng đầu. Luận A-tỳ-đạt-ma dạy: tham: thể của nó trong ba cõi là ái; nghiệp của nó đối với chúng sanh là khổ. Pháp Uẩn Túc Luận, đức Phật dạy: nếu các ông đoạn dứt một pháp thì Ta bảo nhiệm chắc chắn rằng các ông sẽ đắc quả Bất hoàn. Một pháp ấy là tham. Lục Độ Tập kinh dạy: đức Phật từng làm chim chúa Bồ câu, dạy trong đàn: “Giới kinh Phật dạy, tham là đứng đầu. Tham để đạt đến vinh hiển giống như đói được món ăn độc đặc chí khoái lạc, chỉ trong khoảnh khắc các khổ đến rồi thời còn yên được không?

Dục

Nghĩa là mong cầu. Trong kinh Tạp A-hàm, đức Phật dạy: tất cả chúng sanh sanh đau khổ đều do sự mong cầu làm gốc. Luận Du Già dạy: trong các phiền não thì

tham là hơn hết; trong các sự tham muốn thì tham dục là hơn hết, vì nó sanh ra các khổ. Tập luận dạy: khi pháp này sanh khởi thì không được tịch tịnh. Do pháp này sanh nên thân tâm đều không được tịch tịnh.

Xuất gia nhân tam dục

Kinh Niết bàn dạy về ba việc tham cầu của người xuất gia:

Ác dục: Tỳ-kheo đứng đầu trong chúng muốn cho tăng chúng tùy thuận mình, để cho bốn chúng đều cúng dường, cung kính, khen ngợi, tôn trọng mình, hoặc là thuyết pháp cho họ tín thọ khiến cho mình được y phục, thức ăn, phòng xá v.v.

Đại dục: Tỳ-kheo sanh tâm mong cầu khiến cho bốn chúng biết ta đặc sơ trụ cho đến bốn trí vô ngại, vì sự lợi dưỡng.

Dục dục: Tỳ-kheo muốn sanh cõi Phạm thiên cho đến Đao Lợi thiên, vì muốn được tự tại.

Ngũ dục

Là sắc, thanh, hương, vị, xúc. Trí luận gọi năm dục là mũi tên hoa. Lại gọi là năm mũi tên, vì nó phá hoại tất cả việc lành. Hành giả nên than trách: “Than thay! Chúng sanh thường bị năm dục làm não loạn mà vẫn mong cầu không bỏ nên sẽ rơi vào hầm lớn, chịu khổ kịch liệt, như ghẻ hơ lửa. Năm dục không có lợi ích, như chó gặm xương. Năm dục tăng thêm sự tranh cãi, như chim giành giựt thịt. Năm dục thiêu cháy người, như cầm đuốc đi ngược gió. Năm dục hại người, như đạp rắn độc. Năm dục không thật, như được trong mộng. Năm dục

không bền lâu, như giả tạm trong chốc lát. Năm dục này được vui tạm thời, hết rồi thì khổ lớn”.

Trong kinh Tạp A-hàm, phạm chí Văn Đà hỏi A Nan: vì sao ông xuất gia trong Phật giáo?

A Nan đáp: vì đoạn ác, sanh thiện. Hỏi: đoạn ác gì?

Đáp: đoạn tham dục, sân giận, ngu si. Hỏi: chúng có tội lỗi gì?

Đáp: nhiễm trước dục ái thì sẽ sanh não loạn, đời hiên tại tăng trưởng pháp ác; ưu sầu, khổ não do đây mà sanh. Trong đời vị lai cũng lại như vậy.

Khổ

Tánh của nó là bức bách. Do tham dục kia mà sanh ra khổ. Luận Phật Địa dạy, việc ác có hai: chúng sanh và đất đai.

Chúng sanh có tám khổ:

1. Sanh

2. Già

3. Bệnh

4. Chết

5. Thương yêu mà xa lìa

6. Mong cầu mà không đạt được

7. Oan gia mà gặp nhau

8. Ưu sầu

Đất đai: như nói cõi nước quá nóng, quá lạnh, không được cứu hộ, quá đói, nhiều bệnh v.v.

Kinh Pháp Cú dạy: khổ trong thiên hạ chẳng qua là vì có thân nên đói, khát, nóng, lạnh, sân giận, sợ hãi. Oán họa sắc dục đều do nơi thân. Thân là gốc của các khổ, là

nguồn của họa hoạn, lao tâm khổ nhọc, ưu sầu trăm mối. Các loài ngộ nguây bị khổ tàn hại lẫn nhau. Chúng sanh bị khổ trôi buộc, sanh tử không dứt đều do thân tham dục. Là đời để cầu tịch diệt, nhiếp tâm chánh niệm, mặc nhiên vô tướng thì có thể đắc Niết bàn. Đây là sự an lạc tối thắng.

Bài kệ khổ về thân:

*Vì đi xe mệt mỏi
Nên tìm cầu chỗ đứng
Vì đứng lâu mệt quá
Nên tìm cầu chỗ ngồi
Vì ngồi lâu mệt quá
Nên tìm cầu chỗ nằm
Các khổ theo đó sanh
Trước vui sau thì khổ
Thay đổi trong nháy mắt
Ngồi nằm hoặc đứng đi
Các việc đều là khổ.*

Ngũ úy

Luận Phật Địa dạy về năm điều đáng sợ:

1. Sợ không hoạt bát
2. Sợ tiếng xấu
3. Sợ chết
4. Sợ hưng thú
5. Khiếp sợ

Diệu Sắc Tam kinh dạy:

*Do ái sanh sầu ưu
Do ái sanh sợ hãi
Ai thoát khỏi tham ái*

Không sâu, không sợ hãi.

Thất tình

hỷ, nộ, ưu, cụ, ái, tắng, dục

Bát phong

Lợi, suy, hủy, dự, xung, cơ, khổ, lạc.

Luận Phật Địa dạy: việc được như ý gọi là lợi; việc không như ý gọi là suy; nói xấu việc đã qua gọi là hủy; khen ngợi việc đã qua gọi là dự; khen ngợi việc hiện tại gọi là xung; chê bai việc hiện tại gọi là cơ; thân tâm bức bách gọi là khổ; thân tâm vui vẻ gọi là lạc.

Thiểu dục tri túc

Bồ-tát Sư Tử Hồng hỏi: ít muốn biết đủ có gì sai khác?

Đức Phật dạy: người ít muốn thì không mong cầu, không chấp thủ.

Người biết đủ thì ít muốn nên không hối hận.

Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ dạy: điều thù thắng nhất trong pháp Sa-môn là biết đủ. Luận Bà Sa dạy: Phật pháp lấy ít muốn làm căn bản; vì mong cầu lợi nơi thế tục nên lợi đạo không thành. Kinh Di Giáo dạy: Tỳ-kheo nên biết, người tham muốn nhiều thì cầu lợi nhiều nên khổ não cũng nhiều. người ít tham muốn, không cầu không thủ thì không có lo lắng; ít muốn thì sanh ra các công đức vì không nói quanh co với người khác. Người ít muốn thì tâm坦然 nhiên, không có lo sợ gặp phải các việc. Vì giải thoát các khổ đau nên Tỳ-kheo phải quán pháp biết đủ thì sẽ được vui sướng, an lạc.

Tứ hoan hỷ pháp

1. Hoan hỷ tiết chế có thể đưa đến an lạc ít muốn
 2. Hoan hỷ tích tập phạm hạnh có thể đưa đến an lạc viễn ly
 3. Hoan hỷ hối lỗi có thể đưa đến an lạc thiền định
- Hoan hỷ ưa đoạn ác, ưa tu thiện có thể đưa đến an lạc Chánh giác.

Thích tử tu tín

Tướng phần trong Duy thức ghi: phàm phú quý, bần tiện, đẹp, xấu, được, mất đều do chủng tử quá khứ đã tạo nghiệp thiện hay ác. Quả thuộc y báo hay chánh báo giống nhau hay khác nhau đều do sự biến hiện thuộc tướng phần của thức thứ tám. Cho nên nói rằng: tướng phần đã định thì quỷ thần không thể thay đổi. Ưu-bà-tắc giới kinh ghi: người trí biết rõ nghiệp quả, tại sao nói thời tiết, tinh tú đều do Trời Tự Tại tạo ra? Nếu là nhân duyên theo thời tiết, tinh tú thì thiên hạ đồng thời cùng sanh, tại sao một người chịu khổ, một người hưởng vui, một người là nam, một người là nữ?

Kinh Chánh Pháp Niệm dạy: nghiệp thiện, bất thiện là chúng sanh tự tạo, chẳng do tinh tú tạo ra.

Tĩnh

Luận Năng Đoạn Kim Cang dạy: Định gọi là tĩnh. Do đó đặc thiền gọi là tịch tĩnh. Tịch tĩnh có hai loại: thân tịch tĩnh và tâm tịch tĩnh. Nay thì phân ra thành bốn:

Thân tịch tĩnh mà tâm không tịch tĩnh: Tỳ-kheo tham dục tọa thiền trong rừng.

Tâm tịch tĩnh mà thân không tịch tĩnh: Tỳ-kheo

không tham, sân mà ở gần Vua, quan.

Thân, tâm đều tịch tĩnh: các bậc Thánh nhân.

Thân, tâm đều không tịch tĩnh: phàm phu.

Tam ma đề

Trí luận dạy: tất cả thiền định thâm nhiếp tâm đều gọi là Tam-ma-đề. Tàn dịch là chánh tâm hành xử: tâm ấy từ vô thi đến nay thường quanh co không ngay thẳng. Khi đắc chánh tâm hành xử thì tâm được ngay thẳng. Giống như con rắn nằm trong ống trúc.

Thiền

Luận A-tỳ-đàm hỏi: thiền là gì?

Đáp: chánh quán đoạn các kiết sử gọi là thiền.

Tọa thiền

Kinh Tam Thiên Oai Nghi dạy: ngồi thiền có mười việc:

1. Phải tùy thời: bốn thời
2. Được ngồi trên giường: thiền trên giường
3. Tòa mềm: tòa bằng lông mịn
4. Chỗ vắng vẻ: dưới gốc cây giữa núi rừng
5. Có được thiện tri thức: bạn tốt
6. Có đàn việt tốt: không tìm cầu bên ngoài
7. Ý hoàn hảo: năng quán
8. An lạc: điều phục tâm ý.
9. Có thuốc uống: không nghĩ đến vạn vật
10. Trợ duyên tốt: cất đồ ngồi thiền.

Thiền đái

Là đồ dùng để tọa thiền. Kinh dạy: dùng da để làm,

rộng một thước, dài tám thước, đầu có cái móc từ sau chuyển đến trước, bắt vào hai đầu gồi làm cho không lay động. Bởi vì mới ngồi thiền thì dễ mệt nên dùng nó để kiểm thân trợ lực gọi là thiện trợ; dùng xong cất vào chỗ vắng.

Thiền trấn

Là tám ván, hình giống như cái hốt, có lỗ ở giữa, dùng vòng xâu dưới lỗ tai, đội trên đầu cách trán bốn ngón tay. Nếu người ngồi thiền ngủ gật đầu xuống thì tự tỉnh dậy.

Ỗ bản

Nay gọi là thiền bản. Tỳ-nại-da nhiếp tụng ghi: ghé ngồi là trừ mệt mỏi nên cá nhân hoặc chúng đều cho phép chứa.

Cột nhân

Luận Trí Độ dạy: người ngồi thiền quán xương người tức là ngày nay dùng bức tranh xương khô vậy.

Thiền trượng

Làm bằng cây trúc, bao một đầu, sai người hạ tọa cầm đi, thấy người ngồi thiền ngủ gật thì dùng nó đánh nhẹ trên đầu.

Thiền cức

Quả bóng da dùng để ném vào người ngủ làm tỉnh giấc.

Yến tọa

Lại gọi là yên tọa. An là yên nghỉ. Kinh Minh Đăng Tam muội dạy ngồi yên tỉnh có mười lợi ích:

1. Tâm không vẩn đục
2. Không có buông lung
3. Được chư Phật nghĩ đến
4. Tin hạnh Chánh Giác
5. Không nghi ngờ về trí Phật
6. Biết ân
7. Không chê bai
8. Khéo ngăn ngừa
9. Đạt đến chỗ điều phục
10. Chứng trí vô ngại

Phật pháp nhị trụ

Luận Tỳ-bà-sa dạy: Phật pháp có hai chỗ an trụ thì có thể giữ gìn Phật pháp: học vấn và tọa thiền.

TRÁNH NHÃN

Tránh hữu tứ chủng

Luật Thập Tụng dạy có bốn loại tranh cãi:

1. Tranh cãi
2. Trợ giúp tranh cãi
3. Phạm tội tranh cãi
4. Thường muốn tranh cãi.

Tỳ-ni-mẫu dạy: hai người cùng cạnh tranh nhau gọi là đấu. Đồ đảng trợ giúp gọi là tránh. Đến trình bày cho tăng chúng rõ gọi là ngôn. Nói rõ lý lẽ gọi là tụng.

Tránh căn bản hữu lục

Tỳ-ni-mẫu dạy có sáu loại tranh cãi căn bản:

Sân giận: biến đổi sắc mặt làm cho người khác phải sợ.

Não hại: làm hại người khác để họ phải áo não.

Huyền ngục: dối trá

San tặc: tham vật đem về cho mình, không cho người khác gọi là san; thấy người thành đạt thì muốn não hại họ gọi là tặc.

Kiến thủ: những điều mình làm và thấy biết đều đúng, còn việc làm và sự thấy biết của người khác đều sai.

Biên kiến, tà kiến: thấy sự tồn tại là thường còn; thấy sự đoạn diệt là mất hẳn, đó là biên kiến. Phỉ báng không có nhân quả là tà kiến.

Bỉ dụ

Trong kinh Pháp Cú, đức Phật dạy: Sa-môn không chuyên niệm tinh tấn, giữ gìn ba độc nơi thân, miệng, ý thì cấu uế tràn ngập trong tâm, giống như nước rửa chân thì không thể dùng được. Lại nữa, dù là Sa-môn mà miệng không thành tín, tâm tánh ngông cuồng, thường nhận tiếng ác thì cũng như đồ đựng nước rửa chân thì không thể chứa thức ăn.

Ác báo

Căn bản Tỳ-nại-da dạy: có hai Tỳ-kheo cùng tranh cãi về nghĩa lý. Tỳ-kheo nhỏ mắng Tỳ-kheo lớn. Tỳ-kheo lớn không cho Tỳ-kheo nhỏ vào phòng, do bị lửa sân thiêu đốt nên liền qua đời, làm con rắn độc, muốn đến đốt Tỳ-kheo nhỏ. Lúc ấy, đức Phật dùng tâm đại bi đến trong phòng ấy bảo Tỳ-kheo nhỏ sám hối: “Ông có thể xem đó là Tỳ-kheo ngày xưa để làm lẽ”. Phật lại thuyết pháp cho rắn độc: “Này hiền thủ, người đã ở chỗ

Ta, đã tu tịnh hạnh, đáng được sanh lên cõi Trời nhưng bị lửa sân thiêu đốt nên phải làm rắn độc. Người nên biết, các hạnh vô thường, các pháp vô ngã, Niết bàn tịch tĩnh”. Rắn độc nghe pháp rồi liền qua đời, sanh lên cõi Trời.

Kinh Thụy Ứng dạy: Đua khổ thay người trong thế gian tranh cãi không dứt. Do việc cực ác này nên thân chịu khổ muôn phần để mong cầu giải thoát mà không đạt được, luống uổng sự lao nhọc của thân tâm, chết đọa vào biển khổ, tự mình phải gánh chịu, chứ không ai thay thế.

Nam Sơn sao ghi: muốn trách người thì trước tiên phải tự xem lại tâm mình đang hoan hỷ hay sân giận. Nếu có hiềm hận thì nên đè nén, nhẫn chịu, vì lửa từ trong sanh ra thì trước tiên là tự thiêu đốt mình.

Tranh hữu ngũ quá

Luật Ngũ Phần dạy có năm lỗi tranh cãi:

1. Hung ác
2. Sau hồi hận
3. Nhiều người không ưa thích
4. Tiếng ác vang xa
5. Chết rơi vào đường ác

Nhẫn

Thế nào là nhẫn? Tự mình không có giận dữ, không báo oán người khác nên gọi là nhẫn. Do hai nhân duyên những người xuất gia phải gắng sức thọ trì để mau chứng được nghĩa lợi của Sa-môn. Hai nhân duyên đó là: nhẫn nhục và nhu hòa. Nhẫn nhục là đối với người oán mà mình không trả báo lại. Nhu hòa là tâm không sân giận,

tánh không não hại người khác.

Luận Nhiếp dạy: nhẫn có thể làm cho mình và người khác được an hòa; tự thân không bị nhiễm lỗi lầm, sân giận tức là tự mình được an hòa; đã không sân giận thì không làm khổ người khác tức là người khác được an hòa. Lục Độ Tập kinh dạy: nhẫn là nguồn của vạn điều phước. Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ dạy: nhẫn là pháp thiện bậc nhất, thanh tịnh bậc nhất, được Phật khen ngợi.

Nhẫn có hai loại:

Pháp nhẫn: duyên pháp đạo hạnh đề tư duy về bách pháp thiện đạo thù thắng nên có khả năng nhẫn.

Sanh nhẫn: muốn khởi sân giận thì nhẫn nhục làm cho không sanh khởi vì biết sân giận là tội lỗi.

Dĩ nhẫn chỉ tránh

Trong kinh Trung A-hàm, đức Phật bảo các Tỷ-kheo: nếu dùng sự tranh cãi để chấm dứt tranh cãi thì rốt cuộc không thể ngăn chặn được, chỉ có dùng nhẫn nhục mới ngăn chặn được sự tranh cãi. Nhẫn nhục là pháp tôn quý nhất. Trong kinh Trường A-hàm, Trì Đế Thích nói: Ta thường nghe nói: “Người trí không nên tranh cãi với người ngu. Người ngu mắng nhiếc mà người trí im lặng thì đó chính là người ngu bị thất bại”.

Diệt sân ngũ quán

Luận Nhiếp dạy nhờ quán năm nghĩa mà diệt được sân:

1. Quán tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay có ân huệ đối với ta.
2. Quán tất cả chúng sanh thường diệt trong mỗi

niệm.

3. Quán chỉ có pháp mà không có chúng sanh thì tại sao lại có người làm tổn hại và người bị tổn hại?
4. Quán tất cả chúng sanh đều phải chịu khổ, tại sao lại làm cho họ thêm khổ?
5. Quán tất cả chúng sanh đều là con của ta, tại sao ta lại muốn làm hại?

Hành nhẫn ngũ đức

Kinh Tạp Bảo Tạng dạy: người thực hành nhẫn nhục thì có năm đức:

1. Không hận
2. Không trách mắng
3. Mọi người đều yêu mến
4. Có được tiếng tốt
5. Sanh vào đường lành.

Trị nhất thiết phiền não pháp

Kinh Hiền Ngu dạy: Tỳ-kheo đối với mười hai nhập tư duy về vô lượng sanh tử vô thường, lại tư duy về sự khổ ở Địa ngục và sự tàn hại lẫn nhau của loài Súc sanh, các khổ bức bách, đói khát ở loài Ngạ quỷ; tư duy về sự rong ruổi tìm cầu khắp bốn phương thuộc loài người, sự bại hoại ở cõi Trời. Những sự khổ về thân tâm trong năm đường như thế, không có chỗ nào được an vui. Quán về năm ấm thì vô thường, khổ, không, vô ngã, không thật, giống như thôn xóm trống không không có người ở. Như vậy, năm ấm đều không, không có ngã, bị lửa vô thường thiêu đốt thế gian. Đệ tử chư Phật thường quán như vậy

thì làm sao mà các phiền não có thể sanh khởi.

Họa tùng khẩu sanh

Kinh Báo Ân dạy: tai họa của người đời là từ miệng sanh ra nên phải bảo vệ như con đỏ, vì nó còn hơn cả lửa lớn. Lửa lớn có thể thiêu cháy một đời, còn miệng nói ác thì thiêu cháy nhiều đời. Lửa lớn thiêu cháy tài vật ở thế gian, còn miệng nói lời ác thì thiêu cháy bảy thứ tài vật của bậc Thánh. Do đó họa của tất cả chúng sanh từ miệng sanh ra. Miệng lưỡi như búa bổ thân.

Giam khẩu thận tâm

Pháp Uyển ghi: hận thì sanh ra phỉ báng nên tự mình thêm bị lầm than. Môi như cái cung, tâm suy nghĩ như dây cung, âm thanh là mũi tên, suốt đời không thể nói lời vô ích để luống nhiễm thân miệng. Cần phải tự dè dặt: ngậm miệng, giữ tâm.

NHẬP CHÚNG

Du hành nhân gian

Nay gọi là hành khước. Trong luật Tỳ-nại-da, đức Phật dạy: thành tựu năm pháp, đủ năm hạ thì được lìa y chỉ đi lại các nơi.

Năm pháp đó là:

1. Biết phạm
2. Biết không phạm
3. Biết tội nhẹ
4. Biết tội nặng
5. Đối với kinh, luật biết được phép khai, ngăn, có thể trì tụng.

Ưu Ba Ly hỏi Phật: có người đủ bốn hạ, rành về năm pháp thì có được đi khắp nơi không?

Đức Phật dạy: không được. Vì năm hạ là quy định.

Hỏi: người đủ năm hạ, chưa rõ năm pháp thì có được đi khắp nơi không?

Đức Phật dạy: không được. Vì thành tựu năm pháp là quy định.

Phi tích

Nay tăng du hành thì khen là phi tích. Cao tăng ở đây ẩn cư trong núi, du hành ở Ngũ đài. Theo Tây Vực thì cao tăng bỏ tích trượng, bay trên không mà đi. Hoặc cao tăng đắc đạo ở Tây Thiên đi lại đa số là không cần tích trượng.

Hải chúng

Kinh Tăng Nhất dạy: chúng tăng như nước biển lớn. Nước tất cả các dòng chảy về biển đều bỏ tên gốc mà cùng gọi là nước biển.

Nhập chúng ngũ pháp

Trong luật Ngũ Phần, đức Phật dạy: nhập chúng phải biết năm pháp:

1. Khiêm nhường
2. Từ tâm
3. Cung kính
4. Biết thứ tự
5. Không nói việc ngoài

Nhập tự vấn chế

Chế tức là quy chế của tông lâm. Tỳ-nại-da dạy: Tỳ-

kheo khách vào chùa nên hỏi Tỳ-kheo cũ trong chùa xem trong tăng chúng có quy chế gì không. Nếu không hỏi thì mắc tội Đột-kiết-la. Tỳ-kheo cũ trong chùa không trả lời thì cũng đồng tội.

Án tân đao y bát

Luật Thập Tụng dạy: Tỳ-kheo khách đến thì nên làm lễ rồi mang y bát vào chùa.

Nhập đường ngũ pháp

Nam Sơn sao ghi: trước tiên đứng ở ngoài cửa, giữ tâm an tịnh. Luật dạy có năm pháp:

Từ tâm

Phải tự khiêm hạ như vải lau bụi

Biết chỗ nên đứng, ngồi. Nếu gặp Thượng tọa thì không được ngồi. Nếu gặp hạ tọa thì không cần đứng dậy.

Ở trong tăng thì không nên nói chuyện tạp loạn của thế tục, phải tự mình nói pháp hoặc thỉnh người nói pháp.

Thấy trong tăng có việc không vừa ý, tâm không an thì nên im lặng.

Quải tích

Nay tăng dừng ở nơi nào thì gọi là quải tích. Ở Tây Thiên, Tỳ-kheo đi du hành là phải cầm tích trượng. Cầm tích trượng có hai mươi lăm oai nghi. Vào phòng thì không được đặt tích trượng xuống đất, phải móc trên móc tường nên gọi là quải tích.

Oai nghi

Trong kinh luật đều lấy bốn việc đi, đứng, nằm, ngồi

gọi là oai nghi. Tất cả các cử động khác đều thuộc trong bốn việc này.

An cư

Nam Sơn sao ghi: thân tâm thanh tịnh gọi là an. Ở trong một thời gian gọi là cư. Theo quy ước ba thời luật chế trong tháng Hạ:

Không việc mà đi du hành thì như tu nghiệp xuất thế
Tổn vật hại mạng trái với tâm từ

Việc làm đã sai trái nên bị người đời chê bai.

Trong pháp Yết ma của luật Tứ Phần, luật sư Tuyên dạy: Ba tháng an cư đó là tháng trước, tháng giữa và tháng sau. Trong luật có Tỳ-kheo muốn an cư mà ngày mười sáu tháng tư không đến, ngày mười bảy mới đến. Đức Phật cho phép hậu an cư tức là vào ngày mười sáu tháng năm.

Luận Minh Liễu dạy, không có năm lỗi thì được an cư:

1. Quá xa thôn xóm, mong cầu khó được
 2. Quá gần thành thị, ngại việc tu đạo xuất thế.
 3. Nhiều trùng, kiến thì mình và chúng đều bị thương tổn.
 4. Không có người y chỉ.
 5. Không có thí chủ cung cấp y phục, thuốc men
- Tất cả các chỗ trên đều không được an cư.

Hạ lạp

Là pháp tính năm hạ của dòng họ Thích. Người lớn hoặc nhỏ đều căn cứ vào hạ lạp, nhiều hạ là lớn hơn. Cho nên Thiên Trúc xét theo tuổi hạ vậy. Kinh Âm Sớ Tăng

Huy Ký đều căn cứ vào hạ lập vậy. Tiền an cư được chế đến ngày rằm tháng bảy là ngày thọ tuổi hạ giống như tuổi đời tính đến ngày hết năm cũ vậy. Đến ngày mười sáu là ngày năm phàn pháp thân sanh dưỡng gọi là năm mới. Chín tuần của mùa hạ gọi là tuổi pháp.

Tự tứ

Luật Thập Tụng dạy: tốt, xấu chỉ bảo nhau bằng ba cách gọi là tự tứ: thấy, nghe, nghi. Sao ghi: trong ba tháng, vì người mê muội nhiều, không tự thấy lỗi của mình nên cầu mong đại chúng từ bi chỉ bảo. Nếu nói ra tội của mình rồi thì chúng tăng nêu lỗi mà trong lòng không có trắc ẩn, bên ngoài có lầm lỗi ở thân miệng nên cầu người khác chỉ cho gọi là tự tứ.

Ca đề

Tiếng Phạm nói đủ là Ca-lặc-đề-ca tức tháng chín được ngủ lại đêm: Ở Tây Vực an cư ba tháng, đến mười sáu tháng chín thì giải hạ. Sau an cư Tỳ-kheo đi hành hóa nên mong được ở lại đêm.

Kinh hành

Ở Tây Vực đất ẩm thấp, đường được lót nhiều lớp gạch để đi qua lại trong đó giống như đường vải bố nên gọi là kinh hành. Luật Thập Tụng dạy kinh hành có năm lợi ích:

1. Khỏe mạnh
2. Có sức lực
3. Không bệnh
4. Tiêu thức ăn
5. Ý kiên cố.

Tam Thiên Oai Nghi dạy: Có năm chỗ để kinh hành:

1. Nơi thanh vắng
2. Trước cửa
3. Trước giảng đường
4. Dưới tháp
5. Dưới gác

Tại gia an lạc hạnh pháp

Luận Du Già dạy: tại gia suốt đời không được cười giỡn quát tháo, khinh thường lộng hành đối với người khác làm cho người khác không hồ thẹn, không sống an ổn; suốt đời không được hủy nhục những người đáng yêu, khen ngợi những người đáng ghét; làm bạn với người không có tình nghĩa, không nói lời thành thật, không có hy vọng, biết đủ mà nhận, hoặc trước đã hứa cho người khác thức ăn v.v... nhưng rốt cuộc không cho.

Kinh Long Vương dạy: có ba việc thường được an ổn: không ương ngạnh; không dè siểm, nịnh hót, trừ bỏ tham lam, tật đố; thấy người được cúng dường thì mình hoan hỷ.

Tảo địa

Đức Phật ở rừng Thệ Đa thấy đất không sạch, muốn cho chúng sanh được phước lạc, gieo trồng tịnh nghiệp thù thắng nên Phật liền cầm chổi muốn quét. Lúc ấy, các đại Thanh-văn trông thấy đều cầm chổi cùng quét. Đức Phật dạy: “Quét đất có năm lợi ích:

1. Tự tâm thanh tịnh
2. Làm cho tâm người khác thanh tịnh
3. Chư Thiên hoan hỷ

4. Gieo trồng nghiệp đoan chánh
5. Sau khi qua đời được sanh lên cõi Trời.

Trong kinh A-hàm, đức Phật dạy Châu-lợi-bàn-đặc đọc chữ “quét bụi” và dạy cầm chổi quét. Phật dạy: “Ông tụng chữ này vì mục đích gì? Chữ quét bụi này lại có nghĩa là trừ dơ”. Bàn-đặc suy nghĩ: “Dơ là tro, ngói, đá; trừ là thanh tịnh. Đức Phật dùng chữ này dạy ta tư duy: phiền não là dơ, trí tuệ là trừ. Nay ta có thể dùng trí tuệ để tẩy trừ phiền não dơ ứ”. Do đó Bàn-đặc liền chứng quả A-la-hán. Kinh Tăng Nhất dạy: quét bụi có năm việc không được phước: không biết ngược gió, không biết thuận gió, không nhóm lại một chỗ, không hốt phân, không thanh khiết. Luật Tứ Phần dạy: ngược gió mà quét thì không biết chỗ đã quét; không hốt dọn phân dơ thì không nên quét chỗ ấy. Kinh Chánh Pháp Niệm dạy: nếu quét tháp Như Lai thì sau khi qua đời sẽ được làm thân Ý Táo thiên có mùi hương lan đến trăm dặm.

Đồng lực thu xả

Luật Tăng Kỳ dạy: lúc đại hội đem ra nhiều tràng phan, bảo cái mà gặp Trời mưa, gió thì cùng nhau thu cất, không được lơ là cho mình là bậc phạm hạnh, đức lớn v.v... mà phải nên tùy theo phòng nào gần đó rồi đem để vào; không được đóng cửa phòng, nên nhiệt tình thu xếp.

Nhiên đăng

Không được đột ngột đem đèn vào phòng, phải đứng bên ngoài nói: “Các đại đức, tôi mang đèn vào”. Khi tắt đèn cùng không được tắt thành linh, trước tiên dùng tay

che đèn rồi nói: “Xin tắt đèn”. Nếu mọi người im lặng mới tắt; không được dùng miệng thổi, phải dùng chiếc đũa để tắt.

Lễ bái kỵ

Luật Tăng Kỳ dạy: khi người khác lễ Phật, tụng kinh, chép kinh, thọ trì kinh đều không được làm lễ. Lại nữa, làm lễ người khác thì không được đứng đối diện với Phật; đêm tối hoặc chỗ khuất thì không được làm lễ, vì sợ người đi qua cơ hiềm. Luật Ngũ Phần dạy: hai người sân giận nhau thì không được lễ bái ở chỗ khuất. Luật Tứ Phần dạy: lúc ăn uống, thuyết pháp, súc miệng, xỉa răng, cạo tóc, lộ hình, đại tiểu tiện đều không được làm lễ.

Hướng hỏa thất quá

Luật Tăng Kỳ dạy, đến chỗ lửa có bảy lỗi:

1. Tồn hại mắt
2. Hủy hoại nhan sắc
3. Thân thể gây
4. Dơ y phục
5. Hư ngọa cụ
6. Sanh duyên phạm giới
7. Tăng thêm chuyện thế gian

Sí

Luật Tăng Kỳ dạy: nếu ở trong tăng mà hắc hơi thì không được lớn tiếng, phải dùng tay che miệng, chớ để nước miếng làm dơ người ngồi bên cạnh.

Tiến trảo

Kinh Niết bàn dạy: móng tay dài là tướng phá giới. Văn Thù Vấn kinh ghi: cho phép để móng tay dài một

hạt thóc để gãi ngựa.

Thế phát

Kinh Niết bàn dạy: tóc dài là tướng phá giới. Văn Thù Vấn kinh ghi: tóc dài hai ngón tay phải cạo.

Cạo tóc theo thứ lớp có bốn:

1. Thượng tọa
2. Người tóc dài
3. Nếu tóc đều dài thì cho người đi tắm cạo trước.
4. Người có công việc.

Ngoài bốn hạng người trên thì nên theo thứ tự mà cạo tóc, nhường cho người đến trước.

Ngọa pháp

Kinh Bảo Vân dạy: muốn nằm thì thân hướng về bên phải, chồng chân lên nhau, dùng pháp y che thân, chánh niệm chánh tri, khởi tướng sáng suốt, chỉ vì trường dưỡng đại chủng các căn.

Luận Du Già hỏi: tại sao lại nằm nghiêng bên phải?

Đáp: giống như pháp nằm của chúa sư tử trong loài thú: đồng mãnh, bền chắc, tối thượng bậc nhất. Cũng vậy, Tỳ-kheo phát tâm tinh tấn, đồng mãnh, bền chắc, tối thượng bậc nhất. Do nhân duyên đó nên nằm giống cách sư tử nằm. Cho nên, khi nằm thân không nghiêng qua lại, không mất chánh niệm, ngủ không mệt mỏi, không thấy mộng ác.

Thụy miên

Nằm ngủ. Tâm sở này là một pháp trong bốn pháp bất định, làm cho người không được tự tại, tánh của nó mê muội, nghiệp của nó là chương ngại. Kinh Phát Giác

Tâm dạy ngủ có hai mươi lỗi:

1. Uể oải
2. Thân thể nặng nề
3. Ngoài da không sạch
4. Trong da thô nhám
5. Nhiều sự dơ dáy, oai đức giảm bớt
6. Ăn uống không tiêu
7. Thân thể sanh mụn nhọt
8. Lười biếng
9. Thêm si mê
10. Trí tuệ kém
11. Mệt mỏi
12. Thường nghĩ đến việc đen tối
13. Mọi người không cung kính
14. Bẩm tánh ngu si
15. Nhiều phiền não
16. Đối với việc thiện thì không vui
17. Giảm pháp lành
18. Nhiều lo sợ
19. Thấy người tinh tấn thì hủi nhục
20. Bị mọi người khinh rẻ.

Luật Thập Tụng dạy: nếu buồn ngủ thì đi kinh hành. Nếu không hết buồn ngủ thì nên ngủ ở chỗ khuất, không được làm phiền đại chúng. Luật Tăng Kỳ dạy: nếu Tỳ-kheo ban đêm ngủ say làm động chúng, khi tỉnh dậy nói không có ý làm phiền hà thì không có tội.

Phát thùỳ duyên.

Luận Tập Tập ghi duyên sanh buồn ngủ là: ốm yếu, mệt mỏi, thân tâm nặng nề, tư duy mờ mịt, bỏ hết mọi

việc, hoặc theo thói quen, hoặc bị chú thuật dẫn dắt, hoặc giò thối, quạt mát v.v.

Họa tiểu tiện

Luận Trí Độ dạy: cuối mùa Xuân, đầu mùa Hạ, thời tiết nóng bức nên ít ngủ, bỏ ăn.

Tại sàng kỵ thất việc

Kinh Tam Thiên Oai Nghi dạy: không được cười nói, lớn tiếng quát tháo, bàn việc thế gian, không được dựa vách, muốn đứng dậy tức khắc, nếu ý không định thì phải tự trách mình, lập tức dậy đi kinh hành.

Tiểu hành

Đi tiểu tiện gọi là đi việc riêng. Tỳ-ni-mẫu dạy: không được tiểu tiện trong chùa, phải tiểu ở chỗ vắng, hoặc trong lu, trong thùng, trong lỗ đất dùng đồ đập lên trên, chớ để bay mùi hôi. Luật Ngũ Phần dạy:

cho phép đem đồ đi tiểu vào trong phòng, để kín một chỗ trong phòng và có chứa nước. Kinh Ưu Bát Kỳ Vương dạy: trong chùa đây nước đại tiểu tiện thì năm trăm đời đọa vào Địa ngục bát bà, hai mươi kiếp sau thường không có khuỷu tay, cầm đất dơ dáy.

Bình xí

Là chỗ vắng vẻ, dịch là xí tạp tức là các thứ tạp nhạp ở trên đó, hoặc gọi là chỗ dơ dáy, hoặc gọi là chuồng xí, là chỗ ô uest. Vì muốn cho được sạch sẽ.

Kinh Tam Thiên Oai Nghi dạy lên nhà xí có hai mươi lăm pháp:

Muốn lên nhà xí thì phải đi ngay, không được ở giữa

đường làm lễ người.

Không được nhận lễ người

Nhìn thẳng xuống đất mà đi

Đến ngoài cửa thì gõ ba cái

Có người bên trong thì không được hồi thúc.

Đã lên nhà xí rồi phải khảy móng tay

.....

Không được dùng cỏ vẽ trên đất.

Không được dùng cỏ vẽ trên tường, hoặc viết chữ
Từ số 19 về sau là pháp tẩy tịnh.

Lại nữa, nếu thấy cỏ, đất hết thì nên nói với người
chủ về việc ấy, hoặc tự mình đi lấy thêm thì tốt.

Kinh Hư Không Tạng dạy: nếu người có tội sám hối
mà làm nhà xí tám trăm ngày thì hết tội.

Tẩy tịnh

Luật Tứ Phần gọi là tẩy uế. Bách Nhất Yết Ma ghi:
như Thế Tôn nói về nghĩa thù thắng tẩy tịnh có ba loại:
tẩy thân, tẩy miệng, tẩy tâm. Tại sao trong đây chỉ nói
về bất tịnh nhiễm ô, dạy phải rửa sạch?

Đức Phật dạy: vì muốn trừ bỏ ô uế để sống an lạc.

Đức Phật lại dạy: Tỳ-kheo nhiễm ô thì không được
lễ bái người, không được nhận người lễ bái. Nếu làm trái
là mắc tội vi phạm pháp.

Nhiễm có hai loại: âm thực nhiễm và bất tịnh nhiễm.

Bất tịnh nhiễm là phân, đất, nước dãi ô uế và đại tiểu
tiện chưa rửa sạch mà đi lại.

Phật dạy: các Tỳ-kheo phải nên rửa sạch.

Kinh Tam Thiên Oai Nghi dạy: Tỳ-kheo đại tiểu tiện mà không rửa thì phạm tội Đột-kiết-la, và cũng không được ngồi trên giường, tòa của tăng, không được lễ Tam bảo, cũng không được nhận người lễ bái.

Trong luật dạy: khi tẩy tịnh mà dùng nước thì tay phải cầm bình, tay trái rửa; ra bên ngoài thì trước tiên dùng tro xoa vào tay rồi dùng nước rửa, lại dùng đất sét. Rửa ba lần rồi dùng bột xà phòng đều rửa khuỷu tay trước.

Trong luật Tỳ-nại-da, Phật dạy Tỳ-kheo: các ông nên biết đây là pháp thường hành, thường phải giữ ý. Như thế, tẩy tịnh có lợi ích lớn, làm cho thân thanh tịnh, được chư Thiên kính phụng. Cho nên, các ông nếu nương vào Ta làm thầy thì đều phải tẩy tịnh. Nếu không tẩy tịnh thì không nên lễ tháp, lễ Phật, tụng kinh, không được lễ bái người, không được nhận người lễ bái, không nên ăn cơm, ngồi giường tăng, không được vào trong chúng, vì thân bất tịnh nên làm cho chư Thiên trông thấy thì không hoan hỷ; có trì chú thì cũng không linh nghiệm. Nếu làm sai trái thì mắc tội ác tác.

Thiện phẩm quy tắc

Luận Hiền Dương Thánh Giáo dạy: đọc tụng kinh điển, hòa kính sư trưởng, tu nghiệp thừa sự, chăm sóc bệnh hoạn, luôn khởi từ tâm, thưa hỏi nghe pháp, tinh cần không lười biếng, đồng phạm hạnh với các bậc thông tuệ, đích thân cung phụng, khuyến khích người khác tu hành phẩm thiện và tuyên thuyết pháp thâm diệu, vào nơi thanh tịnh ngồi thiền.

Kinh Địa Bát nhã dạy thường tu bảy việc:

1. Vui vẻ hài hòa như nước với sữa.
2. Thường cùng tập hợp giảng nói kinh, luận.
3. Hộ trì giới cấm, không có ý tưởng phạm.
4. Cung kính đối với sư trưởng hoặc các bậc thượng tọa.
5. Kính yêu chăm lo các Tỳ-kheo ở chỗ vắng vẻ.
6. Khuyến hóa đàn việt lo cho trụ xứ Tam bảo.
7. Cần phải tinh tấn giữ gìn Phật pháp.

Nếu Tỳ-kheo hành trì theo bảy pháp này thì công đức và trí tuệ ngày một tăng thêm.

Lục hòa kính

Pháp sư Triệu nói: dùng từ tâm khởi nơi thân nghiệp, dùng từ tâm khởi nơi khẩu nghiệp, dùng từ tâm khởi nơi ý nghiệp. Nếu được lợi dưỡng thì hưởng chung với người khác. Trì giới thanh tịnh, tu trí lậu tận mà hành sáu pháp này thì mọi người hòa thuận, không có tranh cãi.

Thiện ngôn

Kinh Pháp Cú dạy: nếu dùng lời ác mắng nhiếc mạ nhục người thì sự ganh ghét luôn đeo theo bên mình. Nếu dùng lời khiêm nhường hòa nhã, tôn kính mọi người, bỏ phiền não, nhẫn nhục thì sự ganh ghét, thù oán tự nó tiêu diệt. Do đó dùng ngôn ngữ để cho mình không bị tai họa, cũng không ép chế người thì cần phải nói lời tốt đẹp.

Tại chúng ác báo

Kinh Tạp A-hàm dạy: đức Phật ở tại nước Xá Vệ, tôn giả Mục Liên thấy một chúng sanh thân hình to lớn, giống như Tỳ-kheo, mặc áo bằng lá sắt, lửa cháy toàn

thân, dùng bát sắt đựng hòn sắt đỏ để ăn nên tôn giả liền hỏi Phật.

Đức Phật dạy: vào thời Phật Ca Diếp, chúng sanh này đã làm Tỳ-kheo nhưng lại thích tranh cãi, làm loạn chúng tăng, dùng miệng lưỡi làm mất sự hòa hợp. Do đó những người đến trước nhầm chán mà bỏ đi, còn những người chưa đến thì không muốn đến. Vì tội nghiệp nhân duyên ấy nên sau khi qua đời liền đọa vào Địa ngục, chịu vô lượng khổ đau. Khi hết tội mới thọ thân này.

TRẠCH HỮU

Trạch hữu

Luận Thuận Chánh ghi: bạn tốt là gốc của muôn hạnh. Kinh Hoan Dữ dạy: bạn hiền là nền tảng căn bản của vạn phúc: hiện tại khỏi vào lao ngục của Vua, khi chết thì không vào cửa ba đường ác. Được lên cõi Trời hay đắc đạo đều là do sự trợ giúp của bạn hiền. Luận Đại Trang Nghiêm dạy: nếu người thân gần bạn tốt thì có thể khiến cho thân tâm trong ngoài đều được thanh tịnh. Đây gọi là trượng phu chân thiện.

Trong Tỳ-nại-da, A Nan bạch Phật: thiện hữu tri thức là nữa phần phạm hạnh mà các hành giả tu tập nhờ năng lực của bạn lành mới có thể thành tựu?

Đức Phật dạy: thiện hữu tri thức là toàn phần phạm hạnh. Nếu ở cùng bạn tốt thì có thể đạt đến Niết bàn, không có việc gì mà không thành tựu. Cho nên gọi là toàn phần phạm hạnh.

Tứ phẩm hữu

Trong kinh Bột, Phật bảo nhà Vua: bạn có bốn hạng:

Bạn như hoa: hoa đẹp thì tranh giành, hoa xấu thì vứt bỏ ở đất; thấy giàu sang thì kẻ cận, nghèo khó thì làm lơ.

Bạn như cân: vật nặng thì đầu chúc xuống, vật nhẹ thì đồng lên; có của để cho thì cung kính, không có của để cho thì khinh mạn.

Bạn như núi: thí như núi vàng thì chim thú tụ tập lại, lông cánh sáng chói; sáng thì nhiều người doanh vẫy, giàu có đồng vui.

Bạn như đất: trăm thứ tài vật đều nhờ cậy, cung cấp nuôi dưỡng, thân hậu không dứt.

Minh hữu tam yếu

Kinh Nhân Quả ghi: Bà-la-môn Ưu-đà-di thông minh, trí tuệ nên Vua Tịnh Phạn sắc phong làm bạn Thái tử, nói với Thái tử: bạn bè có ba pháp cần yếu:

1. Thấy bạn có lỗi lầm thì liền can ngăn.
2. Thấy bạn có việc tốt thì sanh tâm vui mừng theo.
3. Lúc gặp nguy khốn thì không bỏ nhau.

Đắc thiện hữu

Thường hành bốn pháp theo kinh Long Vương dạy:

1. Không ngạo mạn, không siểm nịnh, thường cung kính
2. Nhu hòa, cẩn thận nơi lời nói
3. Không tự đại
4. Thường nghe lời chỉ dạy.

Thân hữu thất pháp

Luật Tứ Phần dạy: đủ bảy pháp mới thành bạn thân:

1. Việc khó làm mà làm
2. Của khó cho mà cho
3. Điều khó nhẫn mà nhẫn
4. Nói điều bí mật cho nhau
5. Giữ bí mật lẫn nhau
6. Gặp khổ không bỏ
7. Nghèo hèn không khinh

Thị bằng hữu ngũ sự

Kinh Thi Ca Việt ghi:

Biết làm việc ác thì đến chỗ khuất để can ngăn

Có việc gấp thì phải vội vàng giúp đỡ

Có nói việc riêng tư thì không nói lại với người khác.

Thường kính nhau

Có làm việc tốt lành thì nên tham dự vào nhiều hay ít

Dung nhân

Sách Âm Nghĩa ghi: thường ngu hèn, tâm không cẩn trọng, miệng nói không đúng pháp, làm bạn với người ác. Đây là người ngu hèn.

Nhiễm tập

Trong kinh Phật Bản Hạnh ghi: đức Phật và Nan Đà đi đến nơi bán cá. Đức Phật bảo Nan Đà bắt lấy cá, một lúc sau thì tay bị hôi.

Đức Phật liền hỏi Nan Đà.

Nan Đà thưa: chỉ có mùi tanh hôi.

Đức Phật và Nan Đà lại đi đến tiệm hương có đầy giấy thơm.

Đức Phật bảo cầm lấy giấy thơm một lúc, rồi hỏi Nan Đà.

Nan Đà thưa: chỉ nghe hương thơm.

Đức Phật dạy: bạn lành, bạn ác tập nhiễm cũng như vậy.

Nếu thân bạn lành thì nhất định sẽ được tiếng tốt vang xa.

Sát gian muru

Căn Bản Tỳ-nại-da dạy: là bạn thân thì không nên vì lời nói của người khác mà phải xa nhau. Nếu khi nghe lời nói của người khác thì phải xét lại.

Thiền

Phục đồ thánh triều ban tứ đại Tổng truyền đăng lục ghi: quy định trong cửa thiền là do thiền sư Đại Trí Hoài Hải ở núi Bách Trượng, Hồng Châu sáng lập. Lược nói như sau: do thiền tông từ Thiếu Thất-Tào Khê đến nay đa số là sống theo luật trong chùa, tuy ở các tự viện khác nhau nhưng đối với việc nói về pháp thì chưa có quy định. Do đó Giới Hoài lập ra quy chế để làm khuôn phép vậy. Sư liền sáng lập chỗ tông thiền. Những bậc đầy đủ đạo nhãn, có đức độ, đáng tôn kính là trưởng lão. Vị hóa chủ ở phương trượng nhà tịnh hạnh, chẳng phải là chỗ ngủ riêng tư. Viện không chỉ là chỗ tôn trí điện Phật mà còn là nơi giảng pháp. Tất cả học chúng không kể lớn nhỏ, sang hèn đều được vào trong tăng, được sắp đặt theo hạ lập, giao giường, giá móc áo, mền nệm, gối kê, dùng để ngồi thiền lâu thì nằm nghỉ phải đủ bốn oai nghi. vào phòng xem những ai siêng năng, lười biếng. Sáng

tham thiền, chiều tập chúng, trưởng lão lên tòa thuyết pháp, chủ trì đồ chúng nghe hiểu. Khách chủ hỏi đáp, xiển dương tông yếu an trụ vào pháp. Hai thời cơm cháo cần ở chỗ thực hành tiết kiệm mà biểu hiện pháp thực của thiền tông. Làm pháp thỉnh là phân theo năng lực cao thấp, gồm có mười việc. Về phòng xá, mỗi liêu có một người trưởng liêu lãnh đạo tất cả những người trong liêu, hoặc có người gọi là những việc hỗn loạn để chúng được thanh tịnh; hoặc là những người làm ồn ào, náo loạn thì thường là vị Duy na kiểm điểm đưa ra khỏi chỗ ngồi, ghi tên đuổi ra khỏi viện để chúng được thanh tịnh; hoặc những người phạm tội nặng thì dùng gậy đánh, đốt y, bát, tọa cụ cho ra khỏi thiền môn để sỉ nhục.

Rõ ràng một điều chế này có bốn lợi ích:

1. Không làm ô nhiễm chúng thanh tịnh vì muốn người khác sanh tâm kính tín
2. Không hủy báng tăng vì tuân theo quy chế của Phật
3. Không nhiễu loạn thiền môn vì tránh khỏi Địa ngục
4. Không chạy theo ngoại đạo vì hộ trì tông môn

Chủ sự

Có bốn tên gọi:

1. Theo Lam Tự Cổ Yếu ghi: già lam là tên gọi chung. Do đó không gọi là chủ tự viện nên chỉ tôn xưng là trưởng lão
2. Duy na: ở đây gọi là Duyệt chúng, Tỳ-nại-da gọi là Thọ sự
3. Điện tòa: theo luật Tăng Kỳ ghi: tùy theo thứ tự

mà giao giường tòa. Đây là một việc trong chín việc của tăng.

4. Trục tuệ: theo kinh Tam Thiên Oai nghi ghi: đủ mười đức...

Thiền

Luận Trí Độ ghi: đời Tần gọi là tư duy tu. Theo luận A-tỳ-đàm ghi: vì đoạn phiền não nên gọi là thiền. Thiền Yếu Tụ ghi: không thiền thì không trí, không trí thì không thiền, nhưng mà thiền không nhờ trí thì không sáng tỏ, sáng tỏ mà không nhờ thiền thì không thành. Lớn thay, thiền và trí không thể tách rời nhau. Luận Bà-sa ghi: thiền, ở đây gọi là phổ trí, nghĩa là có thể đắc đạo, cũng có thể trừ bỏ phiền não. Đây là dụng của thiền. Hoặc có thiền mà không có thiền dụng như đại sư Tuệ Viễn đời Lương. Thiền Tu Hành Phương Tiện Kinh tự ghi: hễ ba nghiệp hưng khởi thì dùng thiền trí làm tông, tuy tinh thô khác nhau nhưng có thứ tự vậy. Cho nên, cái xe đi ra đường cái thì vô số vết xe lẫn lộn. Đòi đời thành có ích thì không cần đợi sự tích lũy. Thanh tịnh là nguyên nhân thì đầu mối sâu kín cũng thành vi tế, chỗ thâm sâu khó xét nhưng lý không mờ tối. Theo tông chỉ có thể lược nói: thiền mà không trí thì không thể đạt đến chỗ tịch tịnh; trí mà không thiền thì không thể quán chiếu đến chỗ thâm sâu. Cho nên, cốt yếu của thiền trí là chiếu soi tịch tịnh, chúng cùng hỗ trợ nhau. Chiếu không lìa tịch, tịch không lìa chiếu, cảm ứng qua lại đồng hướng đến một mục đích trường dưỡng vạn pháp vi diệu, cân nhắc mọi người mà không có khuếch đại, không không mà chẳng phải rỗng không, không suy nghĩ, không làm

mà chẳng phải không làm, tìm xét thấu triệt đến chỗ vi tế cùng tận. Tăng Sử Lục ghi: thiên là tên gọi thông cả định tuệ, là chỗ rõ tâm đạt lý. Xưa kia Bồ-đề Đạt Ma xét thấy cơ duyên ở vùng đất này có thời rồi rắm nên mới nói: “Không lập văn tự” để bỏ sự chấp chặt vào văn tự, “Chỉ thẳng tâm người thấy tánh thành Phật” tức liền thấy rõ lý vô sanh, tùy theo căn cơ mà nói về lý sâu xa. Người tiếm tu thì tăng thêm sự chệch lạc.

Thiên tăng hành giải

Tổng Giám Lục ghi: thiên tăng hành giải có mười hạng:

1. Thấu rõ kiến tánh: như người họa sĩ thấy sắc
2. Gặp duyên đối cảnh: thấy sắc, nghe âm thanh, dõ chân, hạ chân, mở mắt, nhắm mắt... đều thấy rõ tông chỉ tương ứng với đạo
3. Biết rõ giáo lý và lời nói của tổ sư, hiểu sâu, không lo sợ, không có ngăn ngại.
4. Giải các loại cật vấn sai biệt, có thể đoạn trừ sự nghi ngờ cho người khác
5. Đối với tất cả thời gian, tất cả nơi chốn đều sáng suốt không bị vướng mắc, không bị một pháp nào làm chướng ngại.
6. Đối với cảnh thuận hay nghịch đều quyết định được.
7. Khi tâm cảnh khởi thì biết rõ chỗ khởi, không bị sanh tử, căn trần làm mê hoặc.
8. Trong bốn oai nghi: đi, đứng, nằm, ngồi luôn lễ kính; mặc áo, ăn cơm tương ứng với đạo.
9. Nghe nói có Phật hay không có Phật, có chúng

sanh hay không có chúng sanh, hoặc khen hoặc chê thì cũng nhất tâm bất động.

10. Đối với trí sai biệt đều có thể thấu suốt, tánh tướng đều thông, lý sự không vướng mắc, không có một pháp nào mà không rõ đến nguồn gốc.

Thiền môn biệt hiệu

Thiền môn có nhiều tên gọi khác nhau như: tông lâm, tào Khê, thiền tứ, thanh lâm, thiền quật, thiếu lâm thiếu thất, nại viên.

Thập phương

Trong luật có nói: tứ phương tăng vật. Sao ghi: thập phương thường trú. Có sự giải thích: bốn tức bao gồm cả phương, góc. Mười tức bao quát cả phạm lãn Thánh. Tất cả các vật ở trụ xứ này tuy thuộc về một cõi này nhưng thể thuộc tất cả tăng già mười phương. Tất cả các vật ấy đối với bất luận phạm hay Thánh, thân hay sơ, hễ đến thì không ngăn cản, hễ đi thì không chướng ngại. Vị tri sự trưởng lão đều không được đem dùng cho đệ tử bốn xứ. Đối với biển chúng mười phương chọn những vị có đạo nhãn, đức hạnh, thỉnh làm trưởng lão để thuyết pháp dạy chúng, hoặc chọn người có tài năng, sợ nhân quả có đạo tâm có khả năng làm tri sự thì nên đánh kiên chùy tập chúng làm pháp thỉnh mời lên địa vị ấy. Nếu người đạo đức không có, tài năng cũng không, cử chỉ tệ ác thì nên bạch chúng xin chối bỏ, chỉ nên thỉnh vị có khả năng độ đệ tử. Trưởng lão chỉ có một vị duy nhất, còn chư tăng thì vô số phân ra làm mọi việc. Nếu là việc

của tăng thì tất cả đồng làm, mỗi người một tay. Nếu có lợi dưỡng thì phân chia cho tất cả. Do đó mà gọi là thập phương thường trụ.

Trưởng lão tuần liêu

Nay là pháp thức của thiền môn. Theo luật Tăng Kỳ ghi: Thế Tôn vì năm việc nên cứ năm ngày thì đến xem xét phòng tăng một lần:

1. Sợ đệ tử đả trước việc hữu vi
2. Sợ tham trước luận bàn việc thế tục
3. Sợ tham ngủ
4. Vì muốn thăm bệnh tăng

Khiến cho Tỳ-kheo nhỏ thấy được oai nghi của Phật mà sanh tâm hoan hỷ.

Thị giả

Là người hầu cận trưởng lão. Pháp sư Triệu gọi là: cung kính thuận mệnh hầu hạ.

Kinh Bồ-tát Tùng Đâu Suất Hạ Sanh ghi: thị giả đủ tám pháp:

1. Tín căn kiên cố
2. Tâm siêng học hỏi
3. Thân không bệnh
4. Tinh tấn
5. Đầy đủ tâm niệm
6. Tâm không kiêu mạn
7. Có khả năng thiền định
8. Đầy đủ sự nghe, hiểu

Phổ thỉnh

Luật ghi: do Phật dạy việc quét bụi là tối thắng nên

lúc ấy các Tỳ-kheo trưởng lão kỳ túc bỏ việc thiền định mà quét bụi. Đức Phật liền ngăn và nói: “Ta vì người tri sự mà nói việc tri sự, chứ không lấy việc quét bụi để phổ biến”. Đức Phật liền ra lệnh đánh kiền chùy tập tăng. Đây là phổ thỉnh lần đầu.

Tăng thứ

Trong chùa sai tăng đi phó trai mà bỏ qua khách tăng gọi là vượt thứ tự. Trụ xứ kia không có danh tăng nên do việc bỏ qua này mà khách chủ không hòa hợp.

Luật

Hoặc đồng pháp đồng lợi dưỡng, hoặc đồng pháp lợi dưỡng riêng. Cho nên, chủ sự tam viên gọi là tam cương giống như giường lưới to lớn thì các dây chắc chắn:

Thượng tọa

Tự chủ

Yết ma

Bồ tát

Là pháp thức trong luật. Ở đây dịch là cộng trụ, lại gọi là tịnh trụ. Tỳ-nại-da gọi là bầu tửu đà, đời Đường dịch là trưởng dưỡng tịnh, nghĩa là trừ bỏ sự phá giới và trưởng dưỡng thanh tịnh. Như vậy cứ nửa tháng thì phải nhớ đã phạm tội gì để đối trước người không phạm tội mà trình bày để sửa đổi. Một là ngăn lỗi làm hiện tại; hai là ngăn lỗi làm vị lai.

Luận Tỳ-ni-mẫu ghi: thế nào là Bồ-tát?

Đáp: đoạn trừ gọi là Bồ-tát, nghĩa là đoạn trừ phiền não và các pháp bất thiện. Do đó lại nói: thanh tịnh là Bồ-tát.

Hành trù

Tiếng Phạm là xá-la, ở đây dịch là trù. Có Bà-la-môn hỏi Tỳ-kheo ở rừng Thệ Đa hiện trú bao nhiêu người. Tỳ-kheo không biết. Phật dạy: nên phát thệ đêm.

Doanh sự Tỳ-kheo

Trong kinh Bảo Tích, đức Phật dạy: Ta cho phép hai hạng Tỳ-kheo được nuôi chúng:

1. Hạng trì giới
2. Hạng biết nghĩ đến đời sau.

Lại có hai hạng:

1. Biết nghiệp báo
2. Có tâm quý và tâm hối hận.

Những hạng người như thế thì được phép nuôi chúng, không có lỗi lầm, vì ủng hộ người khác là việc khó.

Xuất lực Tỳ-kheo

Luật Thập Tụng dạy: xuất lực nghĩa là nếu cư sĩ muốn làm việc ác ở chùa hoặc quấy rối Tỳ-kheo thì vị ấy nên chịu khó chế phục họ, hoặc đến chỗ Vua quan trình bày sự việc để họ dừng làm việc ác.

Thủ tự Tỳ-kheo

Trong luật Thiện Kiến, đức Phật dạy: Tỳ-kheo phải giữ chùa.

Tăng sử

Nếu hai chùa sai hành pháp sự thì chủ, khách, thị giả đều là tăng sử.

Luật Tứ Phần dạy: đầy đủ tám pháp mới sai việc:

1. Biết lắng nghe

2. Biết giảng nói
3. Tự mình thông hiểu
4. Khiến cho người khác hiểu biết
5. Có khả năng lãnh thọ
6. Có khả năng ghi nhớ và giữ gìn
7. Không lẫn lộn
8. Phân biệt được lời thiện ác.

Tụng viết:

*Nếu ở trong đại chúng
 Tâm không có khiếp nhược
 Lời nói không tăng thêm
 Thọ nhận không giảm bớt
 Nói năng không nhằm lẫn
 Hỏi đến không bối rối
 Tỳ-kheo được như vậy
 Có thể làm tăng sĩ.*

Thường trụ

Theo Sao ghi: vật của tăng có bốn loại:

1. Thường trụ thường trụ: nghĩa là trong tăng xá giữ mười vật: cây cối, ruộng vườn, nô bộc, lúa gạo v.v... Thẻ thuộc bốn xứ không thông các chỗ khác mà được thọ dùng nhưng không được đem phân chia hoặc bán nên gọi là thường trụ.
2. Thập phương thường trụ: là tất cả các phẩm vật ăn uống v.v... cúng dường trong một chùa. Thẻ thông mười phương mà chỉ thuộc bốn xứ sử dụng. Luật Thiện Kiến ghi: không đánh chuông mà thọ thực thì phạm tội ăn trộm.
3. Hiện tiền thường trụ: có hai loại: một là vật hiện

tiền, hai là người hiện tiền. Vì vật này chỉ cúng dường cho tăng hiện tiền ở trú xứ này.

4. Thập phương hiện tiền thường trú: vị tăng qua đời, thể của vật thí thông mười phương nhưng chỉ phân chia thuộc tăng hiện tiền ở bốn xứ.

Kì đãi tục sĩ

Luật Tăng Kỳ dạy: Quốc vương, Đại thần đến chùa thì cho phép đem vật của tăng ra tiếp đãi. Ngay cả những người thợ thầy, giặc ác có ích hoặc không có ích đối với tăng Phật cũng cho phép đem vật của tăng tiếp đãi, không có tội. Tuy là người cũng thọ nhận cũng được tiêu nhưng vì tri sự không tiếp đãi, sợ làm hao tổn của Phật pháp. Theo luật Ngũ Phần dạy: người đời vào chùa gặp tăng thọ thực mà không cho họ ăn nên họ phỉ báng. Phật cho phép cho họ ăn nhưng phải dùng vật tốt để đựng thức ăn.

San tích tăng vật ác báo

Phó Pháp Tạng ghi: tăng già Da Xá du hành ven biển đến một trụ xứ có nhiều lầu đài tráng lệ, các Tỳ-kheo đánh chuông tập chúng thọ thực. Ăn xong thì tất cả thức ăn đều biến thành máu mủ nên họ dùng bát đánh nhau làm cho máu chảy khắp đầu thân và họ đều nói: “Tại tiếc vật của chúng nên nay phải chịu khổ này”. Da Xá liền hỏi thì có người đáp: “Vào thời Phật Ca Diếp, tất cả chúng tôi cùng ở một chùa. Lúc có khách Tỳ-kheo đến thì chúng tôi đều sân giận, đem cất tất cả thức ăn, không cho khách. Do nhân duyên đó nên nay chịu khổ này”.

Tẩn trị

Trong luật Ngũ Phần gọi là Phạm-đàn-trị. Theo Sa Di Tắc gọi là Phạm-phạt. Ở đây có hai pháp:

1. Mặc tẩn: tất cả mọi người không được lui tới, nói chuyện v.v.
2. Diệt tẩn: theo luật dạy: người phạm tội nặng, tâm không hổ thẹn thì chúng không chứa họ, không thể cùng ở nên đem đến trong tăng chỉ tội rồi đuổi đi.

Đa luận ghi: thật phạm tội mà đại chúng biết, không cần người ấy tự nói ra mà phải đuổi đi gọi là quý an thiện nhân.

Luận Du Già ghi: khu tẩn do ba nhân duyên:

1. Vì họ người khác
2. Vì họ không phải là pháp khí cao thượng.
3. Vì họ không có oai đức trong tăng.

Hỏi: nay trong tăng có người mới bị đuổi ra khỏi chúng, sau đó lại xin vào chúng nên chưa biết thế nào?

Đáp: cũng có như thế. Vì sao? Theo luận Du Già dạy: phạm lỗi thuộc hạ phẩm, trung phẩm nhưng vì giáo giới cho người khác nên phương tiện đuổi đi, sau đó cho trở lại. Nếu phạm lỗi thuộc thượng phẩm, tội đáng đuổi đi thì suốt đời không cho tu trở lại.

Kiệt giới

Theo luật Tăng Kỳ dạy: không Yết ma thì không được làm các tăng sự. Nếu làm thì mắc tội Việ pháp.

Theo Tứ Phần San Bồ Yết Ma dạy: giới có ba:

Nhiếp tăng giới: bao gồm những người đồng ở, khiến không mắc tội biệt chúng.

Nhiếp y giới: giữ y của mình, khiến không mắc tội lìa y.

Nhiếp thực: ngăn tăng khiến không mắc tội tàng trữ thức ăn.

Lại nữa, đại giới có ba loại:

1. Người và pháp cùng chung
2. Pháp và lợi dưỡng cùng chung
3. Pháp chung, lợi dưỡng riêng: ban đầu tuy đồng chế nhưng sau tùy duyên khai riêng ra.

Già lam lập miếu

Luật Tứ Phần ghi: trong chùa có lập miếu thờ thần.

Theo truyện ghi: trước tiên lập miếu quý, kế đến lập miếu thổ địa, rồi lập miếu Thánh tăng.

Tịnh nhân

Tỳ-nại-da dạy: vì tạo nghiệp tịnh nên gọi là tịnh nhân, hoặc bảo vệ trụ xứ gọi là thủ viên dân, hoặc gọi là sử nhân. Nay chùa ở Bắc Kinh gọi là gia nhân.

Duyên khởi: luật Thập Tụng ghi: Vua Bình Sa thấy Đại Ái Đạo tự trộn bùn sửa phòng. Về sau, Vua bắt được năm trăm giặc cướp, Vua hỏi: “Các người có thể giúp Tỳ-kheo thì Trẫm sẽ ân xá cho”. Họ đều chấp thuận. Vua liền sai họ đến Kỳ Hoàn làm tịnh nhân, nghĩa là làm việc thanh tịnh cho tăng, nhờ tăng mà thoát khỏi tội lỗi nên gọi là tịnh nhân.

Lại nữa, tiếng Phạm là cật-lật-đa, đời Đường dịch là tặc nhân.

TẠP KỶ

Tự viện họa bích

Tỳ-nại-da ghi: trưởng giả Cấp Cô Độc tạo dựng chùa xong rồi suy nghĩ: “Nếu không có tranh ảnh thì không trang nghiêm”. Do đó ông ta liền đến bạch Phật.

Phật dạy: tùy ý

Thưa: con chưa biết vẽ tranh gì?

Phật dạy: Hai bên cửa nên vẽ tranh được-xoa cầm gậy. Kế đến một bên vẽ đại thần biến, một bên cảnh sanh tử luân hồi trong năm đường, dưới nên vẽ chuyện bốn sanh. Hai bên điện Phật vẽ được-xoa tóc dài. Giảng đường vẽ tranh thuyết pháp. Nhà ăn vẽ tranh được-xoa cầm bánh. Cửa nhà kho vẽ tranh được-xoa cầm châu báu. Nhà chứa nước vẽ tranh Long vương cầm bình nước tắm. Nhà bếp vẽ tranh thiên sứ (sanh, già, bệnh, chết và lao ngục hiện tại). Nhà đọc kinh pháp vẽ tranh Bồ-tát và Địa ngục đối nhau. Nhà bệnh vẽ tranh Phật đích thân chăm sóc Tỳ-kheo bệnh. Nhà xí vẽ tranh tử thi. Nhà tắm vẽ tranh xương trắng.

Ngũ thú sanh tử luân

Căn Bản Tỳ-nại-da, quyền ba mươi bốn ghi: đức Phật ở trong vườn trúc Yết-lan-đặc-ca-trì tại thành Xá Vệ. Lúc ấy, Đại Mục Kiền Liên đi vào trong năm đường, từ mẫn quán sát, đến Địa ngục thấy các chúng sanh chịu vô lượng khổ. Bốn chúng đều hỏi A Nan Đà: “Trong tất cả mọi nơi thường có Mục Liên sách tấn các Tỳ-kheo. Đối với bức tranh ở cửa chùa vẽ sự sinh tử luân hồi thì phải tùy theo lớn nhỏ, vẽ hình luân hồi thành vòng tròn.

Ở giữa là trục xe, rồi đến năm vành xe, biểu hiện năm đường. Dưới trục xe vẽ Địa ngục, hai bên vẽ Bảng sanh và Ngạ quỷ, phía trên vẽ Trời, người. Trong cõi người chỉ vẽ bốn châu. Trên trục xe tô màu trắng, ở giữa vẽ đức Phật; trước đức Phật vẽ ba loài vật: đầu tiên vẽ con bò cạp, biểu thị sự tham muốn nhiều; thứ đến vẽ con rắn, biểu hiện sự sân giận nhiều; sau cùng vẽ con heo, biểu hiện sự ngu si. Ở vòng lưới nên vẽ nước, bình nước, trong vẽ tượng hữu tình sanh tử: sanh thì nước ra ở đầu, chết thì nước ra ở chân. Trong năm đường ấy đều có hình tượng nên vẽ mười hai chi sanh diệt: vô minh, vẽ hình La sát; hành, vẽ thợ đồ gốm; thức, vẽ hình con khỉ; danh sắc, vẽ hình người chèo thuyền; lục xứ, vẽ sáu căn; xúc, vẽ hình nam nữ vỗ về nhau; thọ, vẽ hình nam nữ thọ khổ, vui; ái, vẽ hình nữ ôm nam; thủ, vẽ hình trượng phu mức nước; hữu, vẽ hình Đại Phạm thiên; sanh, vẽ hình người nữ mang thai; lão, vẽ hình nam nữ già yếu; bệnh, vẽ hình người bệnh; tử, vẽ hình người chết; ưu, vẽ hình nam nữ ưu sầu; bi, vẽ hình khóc lóc; khổ, vẽ hình nam nữ chịu khổ; não, vẽ hình trượng phu kéo lạc đà. Trên đỉnh bánh xe, vẽ quỷ vô thường to lớn, tóc dài, miệng rộng, duỗi hai tay kéo vòng lưới. Hai bên đầu quỷ, vẽ hai già-tha: một là người đang cầu xuất ly, siêng năng tu tập giáo pháp của Phật, hàng phục quân sanh tử như voi đạp nhà tranh; hai là thường luôn thực hành pháp luật, không buông lung, có thể tát cạn biển phiền não, qua khỏi bờ khổ. Kế đến, trên đầu quỷ, vẽ khoảng trắng, biểu hiện Niết bàn thanh tịnh. Do đó mà có tên bánh xe sanh tử trong năm đường.

Tu sức họa tượng

Trong luận Căn Bản Mục-đắc-ca, đức Phật dạy: nếu hình tượng Phật bằng đất bị hư hoại, Tỳ-kheo do dự không dám tu sửa. Phật dạy: hoặc có thể làm lớn hơn, hoặc có thể làm tương tợ, tùy ý mà làm. Các màu sắc vẽ bị mờ thì có thể quét bỏ để vẽ mới lại.

Ca tỳ la thần tượng

Vào niên hiệu Nguyên Gia, thiền sư Pháp Tú bắt đầu đến Kiến Nguyệt, nghỉ ở chùa Kỳ Hoàn vẽ tượng thần này, ngày nay họ bắt chước theo.

Kiên chùy

Xuất Yếu Luật Nghi ghi: càn là phiên thiết của chữ cự hàn; chùy: âm địa. Xuất Yếu Luật Nghi dịch là tiếng khánh. Luật Ngũ Phần ghi: ngói, gỗ, đồng, thiết có tiếng kêu đều gọi là kiên chùy. Kinh Âm Sớ ghi: kiên: âm xứ; trĩ là phiên thiết của chữ trực lợi, ở đây dịch là âm thanh của đánh gỗ. Trong luật Ngũ Phần, Tỳ-kheo hỏi: lấy gỗ gì để làm kiên chùy?

Đức Phật dạy: trừ cây gỗ sơn ra, các loại gỗ còn lại có âm thanh đều cho phép làm.

Trí Luận ghi: Ca Diếp ở trên đỉnh núi Tu Di dùng đồng làm kiên chùy. Kinh Tăng Nhất ghi: A Nan lên giảng đường đánh kiên chùy là tín hiệu của Như Lai.

Tự viện kích cổ

Luật Ngũ Phần ghi: khi các Tỳ-kheo Bô-tát mà chúng không tập hợp một lúc. Đức Phật dạy: “đánh kiên chùy, hoặc đánh trống, thổi sừng ốc; hoặc đánh lúc ăn cơm”.

Kinh Lăng Nghiêm ghi: lúc ăn, lúc làm việc đánh trống, lúc tập chúng đánh chuông; hoặc đánh lúc thuyết pháp. Luật Tăng Kỳ ghi: Đệ Thích có ba hồi trống, lúc lên pháp đường thuyết pháp đánh trống ba lần.

Tự viện trưởng sanh tiền

Luật gọi là tài vật vô tận, bởi vì mẹ con sanh trưởng nên gọi là vô tận. Luồng Kinh Ký ghi: trong chùa có chứa tài vật vô tận. Lại nữa, trong Kinh Tắc Thiên ghi: đem tài vật dành chứa của song thân cúng dường nhị sư, chớ đem vào của chiêu đề tăng, hoặc đem sung vào của vô tận. Luật Thập Tụng dạy: dùng vật của tháp Phật xuất ra để có lợi tức, Phật cho phép. Luật Tăng Kỳ dạy: hoa cúng dường Phật nhiều quá thì cho phép bán đổi; hương, dầu nhiều quá thì cho phép bán để vào tài sản vô tận của Phật.

Vu lan bồn

Hàng Thích tử hiệu kính, báo ân, mục đích là cứu khổ, do Mục Liên cứu mẹ lần đầu tiên. Tiếng phàm là Vu-lan, ở đây dịch là cứu đảo huyền. Bồn thì ở đây gọi là phương khí. Đề mục của kinh này thì Hoa, Phạm đều như nhau. Hoặc từ Phạm ngữ, chữ vu không có bộ huyết là viết sai lầm vậy. Theo Nghĩa Tịnh nói: Vu lan là âm của Tây Vực, ở đây dịch là cứu đảo huyền. Khởi sự cơ căn khôn khổ gọi là cứu đảo huyền. Bồn là âm Đông Hạ, ở đây dịch là vật cứu khổ. Vì nhờ ân đại chúng cứu khỏi sự treo ngược quần bách. Từ nghĩa này mà lập ra tên gọi. Các sư xưa dịch bồn là bát. Nhưng nay tùy theo thể tục mà dịch là chậu. Chậu và bát đều là vật đựng. Trong kinh

dạy: đệ tử Phật tu hạnh hiếu thuận nên trong tâm niệm thường nhớ nghĩ đến cha mẹ, nghĩ đến cả cha mẹ bảy đời. Vào rằm tháng bảy mỗi năm đều làm lễ Vu lan bồn, cúng Phật và tăng để báo ân sanh thành dưỡng dục của cha mẹ. Vào đời Tấn, Sa-môn Huệ Đạt, họ Lưu, tên Tát Hà, đến năm hai mươi một tuổi thì chết đột ngột. Do tim còn nóng nên mọi người chưa liệm ngay, qua bảy ngày thì sống lại. Ông ta nói: “Trong chỗ tôi tắm thấy một người cao hơn hai trượng, tướng tốt trang nghiêm, thân sắc vàng ròng, sư giả nói đó là Bồ-tát Quan Thế Âm. Huệ Đạt làm lễ xong thì Bồ-tát thuyết pháp. Lại nói, vì người chết mà làm phước thì làm ở chùa hoặc trong nhà. Vào ngày rằm tháng bảy là ngày Sa-môn thọ tuổi hạ thì làm lúc này là tốt nhất, hoặc đem vật dụng để cúng dường. Phiêu Đề ghi: Mỗ, giáp cúng dường để làm phước cho người chết của Mỗ. Trong kinh lại ghi: ngày rằm tháng bảy là ngày chúng tăng tự tứ nên vì cha mẹ bảy đời và cha mẹ hiện tiền đang chịu nguy khốn mà sắm đủ trăm vị thức ăn, năm món hoa quả, chậu nước hương, dầu, đèn, giường, tọa cụ, ngọa cụ, các thức ăn thơm ngon để trong bồn để cúng dường mười phương đại đức tăng. Lại nữa, khi vừa nhận thức ăn thì trước tiên phải dâng lên Phật, chúng tăng chú nguyện rồi mới thọ thực.

Giải hạ thảo

Nay ngày giải hạ chúng tăng ngồi kiết già trên đá. Do dùng tơ năm màu sai đàn viết kết lại nên gọi là cỏ giải hạ. Nay cỏ này dùng để làm toà cho năm phần pháp thân nên có tên là cỏ kiết tường. Căn Bản Bách Nhất Yết

ma ghi: Bí-sô thọ tự tứ nên dùng cỏ này để làm tòa cho chúng tăng. Các Bí-sô đều ngồi trên tòa cỏ này.

Tam trưởng nguyệt

Kinh Bất Không Cốt Sách ghi: là tháng thần thông của chư Phật. Trí Luận ghi: Thiên Đế Thích dùng gương báu lớn, từ tháng giêng chiếu Nam Diêm bộ châu. Tháng hai chiếu Tây châu. Tháng năm đến tháng chín đều chiếu Nam châu để soi xét người làm ác. Nhiều người trong Nam châu vào tháng này đều tìm thức ăn nên tu thiện. Trong kinh dạy: mỗi năm có ba lần trưởng trai. Lại có một chủ thuyết nói: ở phương Bắc, Thiên vương Tỳ-sa-môn đi tuần sát việc thiện ác trong bốn châu. Tháng giêng đến Nam châu, cũng như gương chiếu ... đến tháng năm, tháng chín đều thị sát Nam châu.

Ký họa

Người đời nay thương yêu con trẻ liền dùng vải tăng mang cho nó để tránh họa. Đời Đại Đường, niên hiệu Khai Nguyên, Thích Giáo Lục ghi: ban đầu Nhân Trung Tông Hiếu và Hoàng Đế mới sanh có điềm kỳ lạ, ánh sáng chiếu khắp, trước sân có đuốc Trời, do đó mà đặt tên là Phật Quang Vương, liền thọ Tam quy, mặc y ca-sa. Đến ngày mồng năm tháng mười hai thì đầy tháng, sắc lệnh vì Phật Quang Vương mà độ bảy tăng, thỉnh pháp sư Huyền Trang cạo xuống tóc cho Vua.

Thanh trai

Nay người ở thế gian từ sáng uống một chén nước, suốt ngày không ăn gọi là thanh trai. Luận Trí Độ dạy: vào thời kiếp sơ, có Thánh nhân dạy người trì trai, tu

thiện tránh ác, trọn một ngày không ăn gọi là trai. Sau khi Phật xuất hiện ở đời, dạy người quá giờ Ngọ không ăn gọi là trai. Đây là chánh pháp.

Pháp khúc tử

Trong Tỳ-nại-da ghi: ở phía Nam thành Vương Xá, có một nhạc sĩ là Lạp Bà Thủ dùng tám trống Bô-tát để đánh lên ca khúc làm cho người chánh tín nghe thì sanh tâm hoan hỷ. Nay kinh sư Tăng Niệm ở Lương châu nói về tám trống thường dẫn ba quy y. Lại nữa, ở phương Nam thiền sư làm ngư phủ đánh đàn bằng mái chèo, xướng đạo ca đều làm cho gió lay động.

Liễu chi tịnh thủy

Theo phong tục ở đây thì mỗi khi đến trọng Ngọ, có nhiều khí độc của Mặt trời cho nên phải dùng bồn đựng đầy nước và đặt nhánh dương vào trong rồi để ở trước cửa trừ điềm xấu. Theo kinh Quán Đảnh ghi: xưa, dân chúng ở thành Duy-na-lê bị dịch bệnh, có một Tỳ-kheo niên thiếu tên là Thiên Đề vâng theo lời Phật dạy trì thần chú Ma-ha Bát-nhã đem đến để trừ dịch bệnh, mọi người đều lành. Lúc ấy, Thiên Đề ở nước kia suốt hai mươi chín năm và nhân dân đều được an lạc. Đến khi Thiên Đề đi giáo hóa ở nơi khác thì nơi này lại gặp dịch bệnh. Dân chúng đều nhớ đến Thiên Đề liền đi đến trú xứ kia trông thấy cây tầm xia răng ném dưới đất thành đồng, ở dưới có nước. Dân chúng múc nước ấy, bẻ nhánh dương vẩy nước làm cho những người bệnh đều được lành mạnh, khí độc tiêu mất, dứt trừ mọi tai ác nên mọi việc đều được an lành.

Thóa không

Người đời đi trong đêm tối thì tay lạnh, tâm run, vì nghi có quỷ nên khạc nhổ khắp nơi. Theo Pháp Uyển ghi trong truyện Liệt Dị kể: Nam Dương Tổng Định Bá lúc nhỏ đi một mình trong đêm tối, gặp một con quỷ. Quỷ hỏi, Định Bá nói dối rằng: “Ta là quỷ”. Quỷ lại hỏi: “Đi đâu?”. Đáp: “Đi Uyển Thị”. Quỷ hỏi: “Chúng ta có thể đổi nhau công đi”. Định Bá nói: “Tốt quá”. Quỷ công Định Bá trước và than quá nặng.

Định Bá nói: “Ta mới chết nên nặng”. Đến lượt Định Bá công quỷ quả nhiên rất nhẹ. Định Bá hỏi quỷ: “Ta mới chết không biết phải sợ vật gì?” Quỷ nói: “Chỉ sợ người ta nhổ nước miếng”. Khi đến gần chợ, Định Bá vôi vàng nhổ nước miếng. Quỷ liền hóa thành con dê. Định Bá dắt vào chợ bán được năm trăm đồng. Lúc ấy, Thạch Sùng nghe, đến thăm nói: “Định Bá bán quỷ được năm ngàn đồng tiền”.

Chỉ tiền thải quyền

Đường Sử Bộ thượng thư Đường Lâm soạn Minh Báo Ký ghi: Đường Mục Nhân Thiên là người nước Triệu, thuở nhỏ học kinh, không tin quỷ thần. Một hôm trên đường ông ta đi thấy một người y, mào, xe ngựa và hơn năm mươi người hầu liếc nhìn ông ta. Mười năm luôn gặp như thế. Bỗng một hôm gặp nhau, người ấy liền dừng xe, mời Mục Nhân: “Ta đã từng gặp ông, trong lòng rất cảm mến nên muốn dạo chơi cùng ông”. Mục Nhân hỏi: “Ông là người nào?”. Đáp: “Ta là quỷ, họ Thành, tên Cảnh Bồn là người Hoàng Nông, làm quan biệt giá ở Tây Tấn, nay là thái sử nước Hồ”. Mục nhân

nói: “Nước Hồ ở đâu?” Đáp: “Từ Hoàng Hà phía Bắc là thủ đô chánh, có nhiều lâu đài ở trong đùn cát phía Tây Bắc. Vua là Triệu Linh Vương. Mỗi tháng sai ta lên núi triều tâu”. Do đó, trên đường đi, Mục nhận lời. Quý bày tiệc rượu, rồi đem tiền, lụa tặng để tỏ bày lòng tốt. Lúc tạ từ lại nói: “Tiền quý sử dụng là tiền giấy, hoặc tơ lụa cũng làm bằng giấy, bạc là giấy bạc, vàng là giấy vàng”.

Tam mục trai

Người phương Bắc mất đến ngày thứ ba là làm trai tăng, nghĩa là kiến vương trai. Trong Pháp Uyển, Lang Nguyên Hưu ở núi Đường Trung soạn Minh Báo Xả Di Ký ghi: Quan Bắc Tề, họ Lương, lúc sắp chết, ông ta bảo vợ mình: “Người hầu và con ngựa được ta yêu mến đều đem chôn theo ta”. Khi quan chết, trong nhà liền dùng đất ép chôn người hầu. Đến ngày thứ tư, người hầu sống lại, nói: “Địa phủ thấy Lương chủ bị xiềng xích, có người canh giữ. Ông liền bảo tôi: “Ta bảo người đồng chết để ta sai sử nên dẫn chôn người theo ta. Nhưng nay mỗi người tự thọ nhận nghiệp của mình nên bảo thả tôi trở về. Nói xong liền đuổi vào trong phủ”. Người hầu núp bên ngoài nghe ngóng. Quan hỏi thị vệ: “Hôm qua đè ép bao nhiêu chi”. Đáp: “Tám đầu”. Quan nói: “Hôm nay đè đá sáu thước rồi khiên ra”. Đến sáng ngày thấy sắc tươi nhuận liền bảo người hầu: “Ngày nay phải bảo thả ông vào phủ”. Người hầu lại nghe ngóng. Thị vệ nói: “Người này chết đã ba ngày, nhờ vợ con thiết trai cúng dường, chúng tăng chuyển đọc tôn kinh nên xiềng xích họ Lương liền gãy, đè ép không được”. Quan bảo khéo tìm cách để phóng thích. Do đó, ông liền dẫn vợ con, vì

ông mà thiết trai, cúng vong linh để thoát khỏi khổ lớn. Nếu như chưa được thoát hẳn thì lại bảo thiết trai, làm phước cứu giúp, cẩn thận chớ sát sanh để cúng tế, lại không được ăn, chỉ tăng thêm tội lỗi cho ta.

Lũy thất trai

Người chết cứ đến bảy ngày thì phải làm trai cúng vong linh, nghĩa là bảy lần như thế; lại nói: thiết trai bảy lần. Theo luận Du Già ghi: người chết đang ở thân Trung hữu, chưa có duyên được thác sanh thì cứ trải qua bảy ngày, nếu có duyên được thác sanh tức bất định. Nếu đến bảy ngày chết rồi lại sanh. Như vậy sanh tử cứ xoay vần cho đến bốn mươi chín ngày. Từ đây về sau mới quyết định được sanh. Lại nữa, thân Trung hữu qua bảy ngày chết rồi sanh. Nếu đối với loại này nhờ nghiệp khác có thể chuyển chủng tử thân Trung hữu liên sanh Trung hữu loại khác. Nay xét ở trong kinh quá thiện, ác thì không có Trung hữu. Đã thọ thân Trung hữu tức thuộc về nghiệp thiện, ác của trung phẩm và hạ phẩm. Vì thế, trong luận ghi: có thể chuyển nghiệp vậy. Như ở đời mỗi tuần(bảy ngày) thiết trai làm phước, vì thân Trung hữu sanh tử liên tục nên làm việc thiện để trợ giúp cho chủng tử Trung hữu không chuyển sanh vào cõi ác. Do đó, những ngày làm phước này không thể bỏ thiếu.

Trai thất phiên tử

Theo phong tục phương Bắc thì người chết cứ mỗi tuần làm trai một lần đều sai người chủ trai tăng, cắt giấy từng đoạn rồi tùy theo giấy mà làm cờ hiệu. Theo kinh Chánh Pháp Niệm Xứ dạy: có một trăm mười bảy thân

Trung hữu, nghĩa là khi chết, nếu sanh ở cõi Trời thì thấy thân Trung hữu như lông tơ hạ xuống. Thần thức người ấy thấy rồi đưa tay quơ lấy liền thọ thân Trung hữu ở cõi Trời, người. Cho nên, nay bốn mươi chín ngày là ngày thân Trung hữu sanh tử, dùng chỉ trắng làm tràng phan để giúp họ nhìn thấy vậy. Như thế, người này dùng tơ lụa gọi hồn rất hợp với ý chỉ trong kinh.

Vô thường chung nghiệm

Cao Tăng truyện đời Đường ghi: ở chùa Đại Trang Nghiêm, Thích Trí Hưng thường đánh chuông. Trong chùa ấy vị tăng có anh là Tùy Dương Đế đến Dương châu, bị chết trên đường đi. Một hôm người vợ nằm mộng thấy ông ta về nói với vợ con: “Ta đến Bành Thành bị bệnh mà chết, đầu tháng nay nhờ tiếng đánh chuông của thầy Trí Hưng ở chùa Thiên Định mà được cứu tế nên những người thọ khổ ở Địa ngục đều được thoát ra. Ta cũng nằm trong số đó. Vậy các người có thể đem mười xấp vải lụa đến dâng cúng thầy Trí Hưng và nói lại ý ta”. Bà ta y theo lời chỉ dẫn đến dâng cúng. Thầy Trí Hưng không nhận mà đem bố thí khắp. Chủ chùa cung kính hỏi thiền sư: “Sư dựa vào pháp gì mà biết có linh nghiệm như thế?”. Thầy Trí Hưng đáp: “Ta thấy truyền Phó Pháp Tạng, Vua nước Kế Tân thọ khổ, nghe tiếng chuông thì dứt nghiệp liền y theo pháp đánh chuông trong kinh Tăng Nhất A-hàm”.

Dự tu trai thất

Trong kinh Quán Đảnh, Bồ-tát Phổ Quảng bạch Phật: Nếu thiện nam, tín nữ hiểu rõ giới pháp, biết thân

như huyễn, khi đang còn sống, tu bảy việc: đốt đèn, treo tràng phan, bảo cái, thỉnh tụng chuyên đọc tôn kinh thì phước đức có được nhiều không?

Đức Phật dạy: phước đức vô lượng. Thành môn thượng thiên vương

Tăng Sư Lược ghi: vào năm Nhâm Tý, đầu niên hiệu Thiên Bảo, đời Đường, năm nước Tây Phồn đến cướp bóc ở An Tây. Ngày mười một tháng hai, Tần dẫn binh viện trợ trải qua vạn dặm suốt mấy tháng liền mới đến nơi. Cận thần đem chiếu Vua Tần thỉnh tam tạng Bất Không vào nội thành trì niệm Huyền tông và xông hương. Tam tạng Bất Không tụng Nhân Vương Hộ Quốc Đà-la-ni. Mới tụng mười bốn biến, Vua bỗng thấy vị Thần và năm trăm viên quan mặc áo giáp, cầm binh khí đứng trước điện đường. Vua nói: “Bất Không”. Đáp: “Đó là con thứ hai của thiên vương Tỳ Sa Môn rất dũng mãnh, đến giúp Bệ hạ cứu An Tây. Tháng tư năm ấy, ở An Tây qua ngày mười một tháng hai, Tần cách thành Đông Bắc ba mươi dặm, mây che mù mịt, trung hữu thần đều đánh chiếm đến Giáp Dậu, trống loa vang lên inh ỏi, lay núi, động đất. Trải qua hai ngày, giặc Phồn thua trận chạy tán loạn. Khi tu sửa thành có ánh sáng Thiên vương hiện hình nên Tiết trấn sở châu phủ thuộc thành Tây Bắc đều đặt tượng Thiên Vương. Ngay cả các chùa cũng sắc lệnh an trí.

Sa bà thế giới

Chính là sắc-ha. Lại nữa, trong kinh Tự Thệ Tam muội gọi là sa-ha. Hán dịch là nhần, hoặc gọi là kham nhần, nghĩa là chúng sanh ở quốc độ này cứng cỏi khó

nhẫn, tức là do sự mà đặt tên.

Diêm phù đề

Lại gọi là Diêm bộ. Vì châu này ở phía Nam núi Di lô nên gọi Nam Diêm phù đề. Theo kinh Trường A-hàm ghi: do cây Diêm phù đề nên đặt tên vậy.

CHIÊM BỆNH

Chiêm bệnh chế

Trong luật Tăng Kỳ ghi: có vị Tỳ-kheo bị bệnh lâu ngày, nhân đức Phật đi xem xét chúng thấy vậy, Ngài cùng A Nan tắm rửa và giặt giũ y phục, ngọa cụ xong, thuyết pháp cho người bệnh nghe. Đức Phật hỏi: “Ông có từng chăm sóc bệnh không?” Đáp: “Dạ chưa”. Đức Phật dạy: “Ông không chăm sóc ai thì ai sẽ chăm sóc ông?”.

Do đó, đức Phật chế giới: từ nay về sau nên chăm sóc Tỳ-kheo bệnh. Nếu muốn cúng dường Ta thì nên cúng dường người bệnh.

Chiêm bệnh nhân ngũ đức

Luật Ngũ Phần dạy: người chăm sóc bệnh có đủ năm đức:

1. Biết thức ăn người bệnh có thể ăn hay không ăn được.
2. Không chê người bệnh dơ mà khạc nhổ
3. Có từ tâm, không vì việc ăn, mặc.
4. Biết sử dụng thuốc
5. Có khả năng thuyết pháp cho người bệnh làm cho họ hoan hỷ, tăng trưởng pháp lành.

Chiêm bệnh nhân lục thất.

Trong kinh Tăng Nhất A-hàm ghi: sáu lỗi của người chăm sóc bệnh:

1. Không rành thuốc men.
2. Lười biếng
3. Ưa ngủ, hay sân.
4. Chỉ tham việc ăn, mặc
5. Không vì pháp cúng dường
6. Không cùng người bệnh nói chuyện, vui đùa.

Đắc bệnh thập duyên

Trong Phật Thuyết Y kinh ghi: có mười duyên sanh bệnh:

1. Ngồi lâu
2. Ăn không có liều lượng
3. Nhiều ưu sầu
4. Mệt mỏi
5. Dâm dục
6. Sân giận
7. Nín đại tiện
8. Nín tiểu tiện
9. Ngăn hắc hơi
10. Ngăn đánh rắm.

Hoạnh tử cứu pháp

Luật tăng Kỳ dạy có chín pháp bị chết bất ngờ:

1. Biết thức ăn không lợi ích mà ăn
2. Ăn không có độ lượng
3. Ăn chưa tiêu mà ăn lại
4. Ngăn ói mửa

5. Thức ăn đã tiêu muốn đi ngoài mà ngăn lại
6. Ăn không tùy bệnh
7. Tùy bệnh mà không trừ lượng
8. Lười uống thuốc
9. Không có trí tuệ không biết điều chế tâm.

Bệnh tăng đặc sỗ sỗ thực

Trong luật Tăng Kỳ, Phật hỏi bệnh Tỳ-kheo. Tỳ-kheo thưa: “bệnh của con không tổn hại lắm, chỉ việc ăn nhiều lần thì thân được an lạc”. Đức Thế Tôn vì người bệnh không tổn hại mà chế giới. Đức Phật dạy: cho phép Tỳ-kheo bệnh được ăn nhiều lần.

Đắc dĩ tửu vi được

Trong luận Phân Biệt Công Đức ghi: tại Kỳ Viên có Tỳ-kheo bệnh đã sáu năm, Ưu Ba Lê đến hỏi cần những thứ gì? Đáp: “Chỉ cần rượu”. Ba Lê nói: “Đợi tôi đến thỉnh ý Phật”. Ưu Ba lê liền đến Kỳ Viên thưa Phật: “Có Tỳ-kheo bệnh muốn dùng rượu làm thuốc không biết có được không?” Đức Phật dạy: “Pháp của Ta chế ra là để trừ bệnh khổ”. Ưu Ba Lê lại đi tìm rượu cho người bệnh uống lành mạnh, rồi lại thuyết pháp làm cho người bệnh đắc quả A-la-hán. Đức Phật khen ngợi Ưu Ba lê: “Ông thưa hỏi việc này không những làm cho Tỳ-kheo bệnh được lành mạnh mà còn được đắc đạo quả.

Vô thường viện

Truyện Tây Vực chép: phía Tây Bắc Kỳ hoàn chỗ Mặt trời lặn là viện Vô thường. Người nào có bệnh thì được an lành. Trong ấy vì những người phạm với lòng tham đắm phòng nhà, y, bát, đạo cụ, sanh tâm quyến

luyện không biết nhàm chán mà chế giảng đường này khiến người nghe đến tên gọi thì liền tỉnh ngộ: tất cả các pháp đều vô thường.

Đường nội trí Phật

Theo Nam Sơn Sao ghi: trong nhà vô thường an trí một tượng tô màu vàng nhạt, mặt hướng về phía Tây. Trong ngón tay trái quần cò năm màu nối đến cẳng chân kéo dài xuống đất. Người chăm sóc bệnh nên lau rửa, thay y cho Tỳ-kheo bệnh và an trí sau tượng, tay trái cầm cò hiệu làm theo Phật, ý là mong vãng sanh. Người chăm sóc bệnh nên đốt hương, rải hoa, thỉnh tụng niệm cho đến tùy theo căn cơ mà thuyết pháp. Hoặc người bệnh thì không được di động chỉ ở sau tượng để đợi qua đời. Nếu có khạc nhổ, đại ỉa thì người chăm sóc bệnh tùy lúc mà dọn bỏ đi thì không có tội.

Vị bệnh nhân niệm tụng

Bài kệ về phẩm Bồ-tát Hiền Thủ thứ mười lăm trong kinh Hoa Nghiêm ghi:

Lại phóng ánh sáng

Gọi là thấy Phật

Khi ánh sáng này

Bị ẩn mất đi

Tùy sự nhớ nghĩ

Được thấy Như Lai

Sau khi mạng chung

Được sanh Tịnh độ

Vậy người sắp chết

Cần phải niệm Phật

*An trí tôn tượng
 Cung kính lễ bái
 Nương theo đức Phật
 Thâm tín quy ngưỡng
 Cho nên được thành
 Như ánh sáng này
 Gọi là thập niệm
 Tức là mười hiệu
 Đức Phật Di Đà
 Thuyết pháp thi đạo*

Luật Thập Tụng dạy: nên đến thăm bệnh đúng lúc, vì họ mà nói pháp đây là đạo, đây là phi đạo để họ phát sanh trí huệ, hoặc tùy theo đó mà tán thán sự tu tập của người khác khiến cho người bệnh hoan hỷ. Đến lúc sắp qua đời người bệnh bị vọng nghiệp lấn áp, không có chí khí. Đó là một thời thiện ác chìm nổi cách biệt thì nên đem quyển kinh nói rõ đề mục, lại dùng tượng Phật để đối diện để họ chiêm ngưỡng, thường luôn nói pháp, niệm Phật, cẩn thận chớ bàn chuyện thế gian.

Xả đạo

Nay có Tỳ-kheo bệnh đem y, bát bán cho tăng, gọi là xả đạo. Đây chỉ dùng trên danh nghĩa mà không được dùng thật. Theo Xuất Yếu Nghĩa ghi: tiếng Phạm là Ni-tát-kỳ, xưa dịch là xả đạo, tức là một tội trong sáu tụ, do chứa nhiều tài vật mà sanh tâm kiêu mạn, tham đắm nên tạm chế xả bỏ vào tăng. Theo Thanh Luật dịch là tận xả, nghĩa là xả tài, xả tâm, xả tội. Nếu không xả bỏ hết thì lại sẽ bị đắm nhiễm.

Đả vô thường khánh

Tăng Huy Ký ghi: khi chưa mạng chung thì nên đánh khánh liên tục khiến cho họ nghe tiếng mà sanh thiện tâm, được sanh cõi lành. Đại sư Trí Giả khi lâm chung nói với Duy na: “Khi mạng người sắp mất được nghe tiếng khánh sẽ tăng thêm chánh niệm, tiếng khánh phải liên tục và dài chớ để dứt mất cho đến lúc người tắt hơi thở.

Phong đao

Kinh Chánh Pháp Niệm ghi: khi mạng chung, gió đao đều thổi như ngàn mũi dao nhọn đâm vào thân. Nếu có nghiệp thiện thì không bị khổ não. Theo luận Hiên Tông ghi: vì người mà thích nói: “đâm chết người kia”, dù thật hay không thật cũng làm thương tổn tâm người. Do đó thường phải chịu khổ gió đao.

Mạng chung tâm

Duy Thức Sao ghi: khi tâm mạng chung thì khởi lên bốn sự thương tiếc tức là căn bản để thọ thân chúng sanh thiện ác:

30. Đối với tự thân thì hiện khởi có ái.
31. Đối với quyến thuộc thì khởi tâm tham đắm, thương yêu cùng hoạt động
32. Đối với ruộng vườn, tài sản thì khởi tâm yêu tiếc.
33. Đối với đời tương lai thì hậu khí có ái.

Vả lại trong bốn ái, ba ái trước là trợ duyên để thác sanh, ái sau là quyết định thác sanh, nghĩa là đối với tâm sanh tương lai cũng gọi là tâm thọ sanh. Khi tâm này có

được người khéo léo sách tấn, nghe danh hiệu Phật, nghe tiếng khánh thì sẽ chuyển từ sự trói buộc đến cảnh giới bậc Thánh, vì không bị điên đảo nên tùy nguyện mà vắng sanh đến cõi lành.

Muộn tuyệt vị

Tiếng Phạm là mặt-ma, ở đây dịch là tử huyết, hoặc tử tiết, do bệnh cảm ứng đến nơi này nên tâm muộn tuyệt sanh. Vì thế dù đã chết mà tim, đầu còn nóng, do thức thứ tám chưa xả.

Tử vị

Luận Du Già gọi là thọ mạng chấm dứt. Kinh Tạp A-hàm ghi: ba pháp: thọ mạng, hơi ấm, thức đều xả gọi là chết. Theo Duy Thức Sớ ghi: thân hoại mạng hết, đi vào tướng diệt mới gọi là chết. Theo tông Đại thừa thì tướng diệt thuộc về quá khứ. Theo kệ kinh Chánh Pháp Niệm xứ dạy: bất luận giàu hay nghèo, trai trẻ hay già nua, tại gia hay xuất gia đều bị chết.

Vấn xả giới

Hỏi: trong ba vị thì giới xả ở đâu?

Đáp: luận Đại Tỳ-bà-sa dạy: khi sắp chết thân lực suy yếu, hoặc dứt mặt-ma nên khổ não liền mất chỗ thọ thân, ngữ. Luật nghi là nơi trọng yếu, đến sát na mạng chung sau cùng thì tâm và luật nghi cùng mất, tâm duyên, tâm dẫn khởi, tâm phát sanh đều xả nên giới theo đó mà xả.

Vô thường

Luận Nhiếp Đại Thừa dạy, vô thường có ba loại:

34. Niệm niệm hoại diệt vô thường

35. Hòa hợp ly tán vô thường

36. Tất cánh như thị vô thường

- Duy Thức Sớ Thích ghi: vô thường có hai nghĩa:

1. Có thể sanh diệt là vô thường

2. Không khác thường nên gọi vô thường

Sa-môn bất ưng úy tử

Luận Bà Sa dạy: tiếp nhận sự chết như gởi khách đi, như đến đại hội. Vì tích tập nhiều phước đức nên khi xả bỏ thân mạng thì không sợ hãi. Lại nữa, nên nghĩ: “Niệm tùy theo chỗ mà thọ thân, tâm cuối cùng diệt là chết. Nếu như mỗi tâm niệm diệt đều sợ hãi thì chẳng phải tâm cuối cùng diệt mà sợ hãi.

Sa-môn dĩ tịch diệt vi lạc

Luật Tăng Kỳ dạy: muốn cầu vui tịch diệt nên học pháp Sa-môn. Kinh Niết bàn dạy:

Các hành vô thường

Là pháp sanh diệt

Sanh diệt diệt rồi

Tịch diệt là vui.

Trong luận dạy: tịch diệt là vui. Có người nói: “diệt pháp là vui”, nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì có pháp hiện tại diệt là pháp quá khứ đã diệt. Vì pháp tàn hại lẫn nhau nên có sự hủy diệt thì chẳng vui. Hoặc có người nói: “diệt pháp đang sanh hiện tại là vui”, nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì có pháp vị lai sanh là pháp hiện tại sanh. Vì pháp tàn hại lẫn nhau nên có sự hủy diệt thì chẳng vui. Có người nói: “pháp vị lai sanh là thường”, nghĩa này không đúng. Vì sanh là có diệt nên chẳng vui.

Nếu muốn cho pháp vị lai sanh diệt mà nó không sanh mới có thể gọi là vui vậy. Đây chính là nghĩa đúng.

Nghiệm lai quả

Luận Du Già dạy: hữu tình này chẳng phải sắc, chẳng phải tâm, giả gọi là mạng. Các luận sư tương truyền: “người tạo nghiệp thiện: lạnh từ dưới lên trên rón còn ấm, rồi tắt hơi thở thì sanh trong loài người; nếu lạnh lên đến đầu, mặt, sau đó trên đỉnh đầu còn ấm rồi tắt hơi thở thì sanh ở cõi Trời. Người tạo nghiệp ác: từ trên lạnh xuống đến eo lưng còn ấm rồi tắt hơi thở thì sanh vào Ngạ quỷ; từ eo lưng trở xuống từ đầu gối trở lên còn ấm rồi tắt hơi thở thì sanh vào loài Bàng sanh, từ đầu gối trở xuống đến chân còn ấm rồi tắt hơi thở thì sanh vào Địa ngục. Thánh nhân vô học nhập Niết bàn thì tim hoặc đỉnh đầu đều ấm.

TỔNG CHUNG

Sơ vong

Dòng họ Thích chết gọi là Niết bàn, viên tịch, quy chơn, quy tịch, diệt độ, thiên hóa, thuận thế, đều cùng một nghĩa nhưng tùy trường hợp mà gọi tên, bởi khác với thế tục.

Kham tử

Là chỗ để dòng họ Thích điều phục tâm, hình dáng giống như cái tháp nên gọi là khám. Theo Nam Sơn Sao gọi lựa quan tài che người chết, đây vì không có cái khám cho nên chế thuyền, dùng trúc làm người chết, lấy lựa trắng căng ra bốn góc. Theo Châu Lễ ghi: thầy chết gọi là quan. Quan là nhà rộng, giải thích chữ quan là

đóng. Bạch Hồ Thông nói: “Bởi vì có quan tài để đóng kín thân người chết”

An khám cửu

Bạch Hồ Thông nói: “Quan là quan tài, hoặc gọi là cửu cứu, cửu, bất phục chương. Thích Danh gọi cửu cứu, được tạo ra để đưa người chết, đều chuẩn bị sẵn. Dòng họ Thích gọi là thiết-lợi-la, ở đây dịch là cốt thân, tức toàn thân xá lợi. Dòng họ Thích an trí trong quan tài không giống tập tục thế gian. Hoặc như nghi lễ đại sư tập hợp ở Ngũ Sam, nếu giảng đường có ba gian thì đặt quan tài ở phía Tây gian giữa, mặt hướng về phía Nam, phía trước đặt một cây đèn, một bình hoa mà thôi. Trong gian đó dùng màn trắng treo từ phía Nam đến phía Bắc, cột màu vàng. Ba mặt từ phía Đông đến phía Nam đều che trướng, trong đó thiết trí giường dây treo chân ảnh, cúng dường hương hoa, thức ăn, dùng chỉ trắng làm hoa Sa-la. Để tám cây quanh giường dây biểu hiện giường ở song lâm. Phía Tây thiết riêng một giường để đồ, an trí đạo cụ lúc bình sanh đặt sau giường dây. Trong màn phía Bắc gọi là tử lập, tức là chỗ đệ tử thọ lễ tang. Pháp thỉnh của đệ tử phổ thông nhất đúng với nghi lễ tang của đại sư Viên theo tang lễ của Ngũ Sam. Một là tránh những người biết lễ cười chê. Hai là sanh thiện tâm cho thế gian.

Phục chế

Tang phục dòng họ Thích: theo kinh Niết bàn và các luật đều không chế định. Nay căn cứ theo Tăng Huy Ký, Dẫn Lễ ghi: tang phục có ba loại: chánh phục, nghi phục và giáng phục. Bạch Hồ Thông nói: đệ tử đối với Thầy

giống như đạo Vua tôi, cha con, bạn bè: sống thì tôn trọng, thân cận; chết thì đau buồn, thương tiếc. Vì ân thâm nghĩa trọng nên chịu tang. Thích Thị Táng Nghi chép: nếu Hòa thượng bốn sư thì giống như cha mẹ, ân sâu dưỡng dục thì ba năm chịu tang. Nếu Thầy y chỉ dùng pháp giáo huấn thì tùy theo tang phục. Ngũ Sam ghi: tang phục của nhà sư đồng với pháp phục, bằng vải thô sơ nhuộm vàng. Tăng Huy ký ghi: chỉ nhuộm màu xanh loang lổ, hơi khác thường lệ, có người gọi mặc y phục màu đen là áo tang, bởi sự mờ tối. Áo tang, theo Tục Lễ Tang Phục truyền ghi: trên tay áo lại có thêm tay áo như đuôi chim yến. Đai áo một thước, phụ bản v.v... đồng gọi là tang phục. May áo tang thì dùng vải bố dài sáu tấc biểu tượng cho lục phủ, giềng bốn tấc biểu tượng cho bốn thời. Cổ áo rộng đến tim ý nói người chịu tang rất đau thương, giống như người con hiếu đau thương nhớ nghĩ đến người thân, còn gọi là áo tang sỏ gấu. Áo vốn không có tên là áo tang nhưng do từ vải bố mà đặt tên. Mặc áo tang này đến tiểu tường mới thôi. Màu đen thì trong phân pháp y có giải thích.

Trượng

Gậy có hai loại:

Tang cha gọi là trăm suy, tư trượng, tư ố, dùng tre làm vậy. Như Yêu kinh ghi dài bảy tấc hai phân. Tinh Nghĩa chép: tư trượng dùng tre làm, bởi vì hình dáng nó tròn, thẳng là muốn nói rõ tấm lòng người con hiếu rất đau thương, tự nhiên tròn đầy, có chết trong buồn đau mà có dùng tâm giết hại. Người cho nên hiếu trường trai, tâm tự thành phục đến ngày đại tường mới xả tang.

Trai suy: đoạn gậy, đoạn tức là giết, nói mẹ hoặc cha bị chết đều dùng cây gậy vông.

Tĩnh Nghĩa ghi: vót gậy bằng cây vông bởi vót để khỏi bỏ gai vạy, chỉ vót bên ngoài thôi. Đau xót trong tâm là tự thành phục, đúng mười ba tháng làm, tiêu tường thì hết chịu tang phục. Bạch Hồ Thông nói: sở dĩ có cây gậy là vì người con hiếu bị mất cha, mẹ nên đau buồn,

khóc than ba ngày không ăn, thân thể đau ốm. Do đó dùng gậy chống đỡ để không đến nỗi vì đau thương mà chết ngất. Trong sách Lễ ghi: phụ nữ, trẻ con không dùng gậy, do họ không thể bệnh. Nay người xuất gia, tâm hình khác người đời, hiểu rõ vô thường, tuy chịu tang cha, mẹ, sư trưởng nhưng đâu có bỏ ăn uống mà thành bệnh thì cần gì phải dùng gậy, chẳng phải là bất hiếu cũng như phụ nữ và trẻ con vậy. Vì luật lễ tông môn không đồng nên không dùng gậy không có lỗi.

Đầu cân

Tăng Huy Ký ghi: theo Tăng Vô Quan thì dùng khăn bịt trên đầu là dùng vải thô màu vàng, họ Đỗ gọi là mũ vải, làm bằng vải năm thước ba tấc: sau lưng dài hai thước năm tấc, trước mặt dài hai thước tám tấc, gấp hai mép phía sau may làm đôi may hai góc, trên tròn, mặt trước ước lượng từ trán, mở ra thẳng xuống mắt, mũi, miệng, không được may dính vào, lại không được chừa quá nhỏ, phải may thắt lưng.

Kháp

Kinh Niết bàn ghi: khi đức Phật diệt độ, các đệ tử

Thanh-văn đều khóc, những vị chưa ly dục đều lăn lộn trên đất, đầm ngực khóc la. Mọi người đều rất đau khổ, không kiểm soát được thân mình. Luật Tứ Phần dạy: Ni đầm ngực khóc la, mỗi lần phạm một Ni-tát-kỳ; Tỳ-kheo phạm Đột-cát-la. Ngũ Bách Vấn ghi: Thầy mất, Tỳ-kheo không được lớn tiếng khóc la, nên khóc nhỏ thôi. Người xuất gia bị mất Thầy, hoặc cha mẹ thì lòng rất đau xót, sao lại không khóc nhưng không được gào thét, lăn lộn, kêu Trời là thuộc về tội nghịch, dù chỉ một lần cất tiếng kêu than.

Tế điện

Thượng Thư Đại truyện ghi: tế là sát, sát chí, ý nói người nhà đối với thân. Thích Danh ghi: điện đình, nói đình là lâu vậy. Tang lễ của người xuất gia không giống thế tục, có thể dùng thức ăn, hương hoa để cúng dường.

Hành điều

Điều là chí vậy. Theo Kinh Thi gọi là thần điều. Trong Ngũ Thái Tập thì nghi điều rất rõ có thể làm theo. Nam Sơn Sao ghi: người nhỏ đi điều người mất thì phải đến cửa để làm lễ, sau đó cầm tay người đệ tử mà an ủi, rồi đến chỗ sư, theo pháp phúng điều mà làm. Khúc Lễ ghi: biết an ủi đối với người sống, biết đau xót đối với người chết. Kinh Niết bàn ghi: khi đức Phật diệt độ, Trời, người, đại chúng đều than: “Sao đau khổ thế này! Sao đau khổ thế này!” Đây là sự thương tiếc vậy. Nếu nhà người đời mà phụ nữ, cô quả mất, chẳng phải là họ hàng thân thích thì không thể đau thương nhưng họ đến dự lễ tang để khỏi bị hiềm nghi.

Thọ điều

Nam Sơn Sao ghi: Hòa thượng, A-xà-lê soạn giường ngồi bên ngoài để khách đến viếng thăm. Đồng học còn nhỏ thì mặc áo cỏ mà đứng, còn người lớn thì ngồi tòa cỏ. Táng Nghi chép: đệ tử đích thân độ đứng trong màn khóc, đệ tử thọ học khóc ngoài màn. Khách tăng đến viếng thì khóc mà làm lễ phúng điệu. Người đến thăm viếng thì chỉ khóc mà không làm lễ. Nếu Tỳ-kheo mất thì cha mẹ đến để thọ lễ phúng điệu. Nghi này thì không thể bỏ. Đối với bạn bè thì mặc áo cỏ đứng bên ngoài màn, hoặc tiến cúng rồi ngồi mặt hướng về hướng Đông. Nếu có người đến viếng thì cung thủ, cúi đầu, buồn thương mà khóc, không làm là tội nghịch. Nếu không có người đến viếng thì tụng kinh, niệm Phật.

Bôn táng

Dòng họ Thích bồn tẩu lễ táng là Đại Ca Diếp làm đầu. Đức Phật vào Niết bàn bảy ngày rồi, Ca Diếp dẫn đồ chúng mới đến Song lâm. Trong kim quan, Phật thò hai chân ra để cho biết. Theo Sao ghi: nếu bồn tẩu lễ táng thì đặt thi thể để lễ bái, khóc than rồi theo thứ tự mà ngồi. Tăng Huy Ký ghi: bồn táng là ở bên ngoài mà sư viên tịch thì những người chí tín, bạn bè sắp xếp chỗ để an trí linh vị, sau đó đem về chỗ ở để cử lễ táng rồi nhanh chóng đem xá lợi về bồn viện. Nếu kim quan đã đưa về tháp thì trước tiên đến tháp lễ bái, hết lòng đau buồn, đi nhiều bên phải mấy vòng rồi trở về viện cùng với pháp quyến làm lễ điệu. Theo Sao ghi: bậc cao hạnh, siêu quần, trác tuyệt khác với người đời thì với tình hỷ nộ tùy theo sự chìm nổi của thế tục. Hoặc cha mẹ, hại thầy mất mà

giữ Hạ không đến, tuy có đến mà không đau buồn thì đạo cũng giống tục vậy.

Táng pháp

Thiên Trúc có bốn pháp:

37. Thủy táng: ném thi thể xuống sông làm thức ăn cho cá, ba-ba

38. Hỏa táng: chất củi đốt thi thể

39. Thổ táng: chôn thi thể bên bờ để mau thối nát.

40. Lâm táng: bỏ thi thể giữa rừng tuyết làm thức ăn cho các loài cầm thú.

Xà duy

Hoặc gọi là trà tỳ, da duy trà tỳ. Tiếng Phạm là xà-tỷ-đa, ở đây dịch là phồn thiêu. Theo luật Thập Tụng ghi: Tỳ-kheo nghi hỏa táng giết chết tám vạn bốn ngàn vi trùng trong thân. Đức Phật dạy: người chết thì trùng cũng chết.

Chỉ quả

Nguyệt Thượng hỏi Xá Lợi Phất: đệ tử Phật sẽ trụ chỗ nào? Đáp: sẽ trụ ở Niết bàn, vì Tỳ-kheo đã cạo tóc, mặc pháp phục.

Tiếng Phạm là thất-la-mạt-ni, đời Đường dịch là cầu tịch diệt, tự thọ giới. Lại gọi là ô-ba-tam-bát-na, đời Đường dịch là cận viên, viên tịch đều là Niết bàn. Chỗ trở về của hàng Thích tử khi viên tịch là quả Niết bàn.

Tổng táng

Tỳ-na-mẫu ghi: Hạp Tự Tịnh Tổng Táng nói rằng do quán vô thường mà sanh nhàm chán. Tỳ-nại-da ghi: tổng

táng Bí-sô thì sai người có năng lực tụng kinh Vô thường và Già tha rồi chú nguyện cho vị ấy. Kinh Tịnh Phạn Vương Niết bàn ghi: Vua Tịnh Phạn băng hà, liệm bằng kim quan bảy báu. Đức Phật cùng Nan Đà cung kính đứng khiêng ở trước, A Nan và La Hầu La khiêng ở phía sau. Đức Phật nghĩ: “Đời tương lai những kẻ hung bạo, không biết báo đáp thâm ân của cha mẹ” nên Ngài đích thân khiêng kim quan. Lúc ấy, đại thiên thể gian chấn động sáu cách, Tứ Thiên Vương thay Phật để khiêng kim quan. Đức Phật liền bùng lư hương, đi trước kim quan để dẫn đường.

Xá lợi

Vật này chính là giới, định, tuệ do công đức tu hành nhân nhục huân tập thành. Tiếng Phạm là thiết-lợi-la. Nay lược nói nhằm thành xá lợi. Trung hoa dịch là cốt thân. Sở dĩ không dịch là sợ lẫn lộn với hài cốt phàm phu. Lại gọi là đà-đổ, nghĩa là vật này không hoại. Có hai loại xá lợi: toàn thân và toái thân. Toái thân có ba: 1. Xá lợi của xương màu trắng; 2. Xá lợi của thịt màu hồng; 3. Xá lợi của tóc màu đen. Chỉ có xá lợi của đức Phật là có đủ năm màu thân biến, không gì làm hoại được.

Lập tháp

Tiếng Phạm là tháp-bà, ở đây dịch là cao hiển. Nay lược gọi là tháp. Lại nữa, tiếng Phạm là tô-thâu-bà, ở đây dịch là bảo tháp. Tiếng Phạm là tốt-đổ-ba, ở đây dịch là phần mộ. Tiếng Phạm là đầu-tâu-bà, ở đây dịch là tán hộ. Tiếng Phạm là phù-đồ, ở đây dịch là tụ tướng. Theo Tây Vực ký ghi: Lập Biểu Ý Quy truyện gọi là tát-câu-la đều

là dùng gạch, đá làm nên, hình như tháp nhỏ, trên không có bảo cái tròn. Vả lại việc xây tháp có ba ý nghĩa: 1. Tiêu biểu hơn người; 2. Khiến người khác sanh tín tâm; 3. Vì việc báo ân. Tuy nhiên, tháp có nhiều thêm bậc: chứng quả thứ nhất là một bậc, chứng quả thứ hai là hai bậc, chứng quả thứ ba là ba bậc, chứng quả thứ tư là bốn bậc (biểu hiện vượt hơn quả thứ ba), tháp Phật Bích Chi mười một bậc là biểu hiện chưa vượt qua một chi vô minh, tháp Phật mười ba bậc là biểu hiện vượt qua mười hai nhân duyên. Nếu Tỳ-kheo, phạm phu có đức hạnh cũng được xây tháp mà không có bậc cấp.

Luật Tăng Kỳ dạy: Tỳ-kheo trì luật, pháp sư, Tỳ-kheo có đức nuôi chúng đều nên xây tháp. Trong Ngũ Bách Vấn, hỏi: “được dùng vật của mình để xây tháp cho sư viên tịch, còn vật của sư thì dùng được hay không?” Có minh ký thì không xây tháp. Đời nay, căn cứ theo kinh Phật Bản Hạnh Tập dạy: “Sau khi Phật Ca Diếp diệt độ, Vua nước Ba-la-nại là Cát-lợi-thi thâu lấy xá lợi, dùng bảy báu xây tháp, rồi làm bài minh ký tên là đạt xá bà lăng ca tùy nói về mười tướng”.

Chí thạch

Trong Đồ Thị, Tinh Nghĩa chép: căn cứ theo lễ thì không có văn bia, từ đời Ngụy, ty đồ Sam Tập cải táng cha mẹ bèn khắc lên đá để ghi nhớ. Lại nữa, vào đời Tống, năm thứ mười một niên hiệu Nguyên Gia, Vương Cầu mất mới dựng đá để ghi nhớ, Nhân Duyên làm vì ông ta mà làm văn. Do đó, những kẻ sĩ bắt chước theo đó. Lại nữa, Bằng Giám Tục Sự Thi ghi: căn cứ vào Tây Kinh Tập Ký đời Tiền Hán, Đồ Tử lâm chung làm văn

khắc lên đá rồi chôn vào phần mộ, trước quyết định sau e ngại vậy. Theo Bạch Thị Lục Chiêm ghi: Khổng Tử làm văn mai táng Tử Xích, Tử Trương làm văn mai táng Minh Nghi. Lại nữa, mình là các vị tổ xưa có đủ đức hạnh làm ra. Bậc quân tử xem bài minh thì không những thấy cái hay của bài minh mà còn khen ngợi người đã làm ra bài minh. Minh là nói về cái đẹp, không nói về cái xấu. Các vị tổ xưa đối với việc không tốt đẹp mà khen ngợi là sai lầm, có đẹp mà không sáng suốt, biết mà không truyền trao là bất nhân. Ba việc này, bậc quân tử đều lấy làm hổ thẹn. Nay, hai sư của dòng họ Thích thật có đức hạnh, tiếng tốt thì cũng nên biết để làm, vì tăng mà lưu truyền nguồn gốc.

Xưng cô

Theo Khúc Lễ ghi: cô tử đang ở nhà cha mẹ nghĩa là chưa đầy ba mươi tuổi. Trai tráng có gia đình, có thể làm thay cha mẹ thì không gọi là cô. Nay thấy dòng họ Thích gọi là cô thì đệ tử không vừa ý. Theo Ngũ Sam gọi là hiệu viện tiểu sư là thích hợp vậy. Hiệu là người con hiệu để tang ở chùa. Hoặc thế tục gọi là hiệu đường thì chẳng phải là tự thay ngôn ngữ. Nếu ở chùa viện lớn cũng có thể gọi như vậy.

Xướng y

Trong luật dạy: vật tâm thường của tăng thì sai một vị có đủ năm đức phân chia cho tăng hiện tiền. Vì phân không cân bằng nên đức Phật cho phép tập chúng, trước tiên bạch chúng, hòa hợp thì có thể bán rồi cùng phân. Theo luật Thập Tụng ghi: y đem bán chưa xướng đến ba

lần, Tỳ-kheo thêm giá, sau đó thì tâm hối tiếc, do dự đoạt lấy y kia. Đức Phật dạy: chưa xướng ba lần mà thêm giá, không phạm. Theo Mục-đắc-ca ghi: khi mới đem y ra thì có thể nói đúng giá, chớ nói quá mất hoặc quá rẻ, không nên đợi giá y quá cao rồi mới bán. Hoặc không muốn người mua nên tăng giá, phạm tội ác tác.

Theo luật Đại Tỳ-bà-sa, hỏi: vì sao được phân chia y, bát v.v... của Tỳ-kheo đã mạng chung?

Đáp: những vật ấy trước đây tăng từng phân chia cho họ. Như vậy, đối với tài vật ấy, ngày nay họ đã mạng chung thì phải phân chia trở lại.

Theo Tăng huy Ký ghi: đức Phật chế: nguyên nhân phân y là ở ý vì khiến cho người còn sống thấy vật người chết phân cho chúng tăng nên suy nghĩ: “Người kia đã như thế thì ta cũng như thế”. Do việc đối trị sự tham cầu của họ. Nay không biết xét về việc này, dịch là xướng bán rồi tranh giá cao thấp, tranh giành ồn náo lấy làm khoái chí. Thật là sai lầm quá đáng! Nhân giả nghi kỵ.

Phú mộ

Chôn ba ngày sau lại đến chỗ mộ gọi là phú mộ. Đồ Thị ghi: không cần làm lễ tụng kinh, chỉ bảo người con hiếu đem vật đến dâng, làm đường trước mộ, trong lòng nghĩ đến việc mồ mả chưa xong lại đến xem xét. Nay dòng họ Thích đến cũng không có lỗi, bởi vì đến xem xét vậy.

Lễ sư trùng

Ngũ Bách Ván ghi: được làm lễ ở mộ sư vì để báo ân đức vậy.

Kỵ nhật

Ngày rằm tháng hai là ngày đức Phật nhập Niết bàn, tăng tục trong thiên hạ đều đem vật đi cúng dường là việc của ngày kỵ vậy. Lễ thế tục là hiếu của bậc quân tử nuôi dưỡng trọn đời tức ngày kỵ, lại gọi là ngày không vui, vì không uống rượu. Hoặc gọi là húy nhật, viễn nhật. Dòng họ Thích, sư mất thì gọi là ngày sư tịch, bởi vì dòng họ Thích không kỵ húy.

Sớ tử

Là lời bạch với Phật. Bởi ý nghĩa của sớ là cứu tế vậy. Tuy tôn trọng sư tịch nhưng đối với Phật cũng phải đọc tên. Sách Lễ ghi: ở trước Vua thì không được gọi tên húy, trước cha mẹ thì gọi tên con, không dám gọi tên húy trước bậc tôn trưởng. Như trong luật khi Xá Lợi Phất diệt độ, sa di đệ tử Quân Đề đến bạch Phật: “Hòa thượng Xá Lợi Phất của con đã diệt độ”. Theo Ngũ Sam ghi: tiêu sư ... vì hòa thượng ... trai tăng hiện tiền v.v... dùng những hư từ để trang sức nên tự chuốc lấy tội vọng ngữ.

Hàn thực thượng mộ

Đỗ Thị ghi: vào năm thứ hai mươi niên hiệu Khai Nguyên, đời Đường, nhà Vua sắc lệnh nhà Sĩ Thử ăn cơm lạnh trên mộ cùng lễ bái, quét dọn. Nay dòng họ Thích không theo người đời là muốn tránh khỏi tiệc rượu nam nữ xen tạp, để lại sự cơ hiềm. Nếu mộ của cha mẹ phải dời đi thì đốt hương, hoặc chú nguyện thổ thần để giải mộ, hoặc lớn tiếng niệm Phật ... khiến cho âm hồn được lợi ích tức không cho ngồi cùng cốt nhục để vui cười, ăn uống.

Vấn phần trũng gian tinh thần hữu vô.

Trong kinh Quán Đảnh, A Nan bạch Phật: nếu người qua đời, tạo lập phần mộ thì tinh phách của người ấy có ở trong đó không?

Đức Phật dạy: cũng có, cũng không. Vì sao? Nếu người lúc sống không tạo căn lành, không biết Tam bảo, không thích nhận phước, không ghét nhận tai ương, không gặp thiện tri thức để tu phước thì tinh phách của người ấy ở trong mộ, vì chưa có chỗ sanh. Nếu người lúc sống tu tạo nhiều phước thiện, tinh cần hành đạo, hoặc sanh cõi trời, người, do đó Ta nói là không ở trong phần mộ. Nếu người lúc còn sống không tin Phật, lừa dối mọi người, tạo các nghiệp ác thì đọa vào Súc sanh, Ngạ quỷ, Địa ngục, chịu khổ não, do đó Ta nói không ở trong phần mộ.

Hỏi: nay con tập hợp những điều quan trọng, chỉ muốn lợi người và cũng muốn lợi mình nên sao lược chân giáo, thêm bớt lời của bậc Thánh thì có lỗi không?

Đáp: lời bậc Thánh nhân nói ra là vì những ai chứng biết.

Theo kinh Phật Bản Hạnh ghi: có các Tỳ-kheo nắm lấy yếu nghĩa trong kinh rồi thuyết pháp cho người khác mà không cần thứ tự, vì sợ nên bạch Phật. Đức Phật dạy: “Đối với các kinh, Ta cho phép tùy ý chọn lấy nghĩa chính yếu lựa lấy văn cú để giảng nói cho người khác nhưng nghĩa được lấy trong kinh chớ hoại căn bản của kinh.

Kinh Tạp Thí Dụ ghi: có người phàm giải nghĩa một câu kinh sâu xa, miệng tụng, tâm niệm nên ba đọc, bốn

ma, tám vạn cửa ô nhiễm trong thân không thể an ổn.
Huống chi hiểu rõ các pháp, làm cầu đưa người sang
sông ư?

Tỳ-kheo Hạnh Diệu kính cẩn ghi



LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 200

**NHẤT THIẾT ÂM
NGHĨA KINH**

SỐ 2128

(QUYỂN 1 → 20)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2128

**BÀI TỰA ÂM NGHĨA NHẤT THIẾT
KINH MỚI THU NHIỆP**

Xử Sĩ Cố Tề Chi

Pháp Sư Tuệ Lâm, họ Bài, người nước Sơ-lặc, xưa vốn theo Nho thuật, tuổi đôi mươi đã xuất gia, thờ Tam Tạng Bất Không làm thầy, học thông kinh, luận; cũng rất tinh thông thế học. Cuối niên hiệu Kiến Trung, Sư soạn Âm Nghĩa Kinh, một trăm quyển, khoảng sáu muôn vạn lời, đầu tiên là bộ kinh Đại Bát-nhã, sau cùng là bộ Tiểu Thừa ký truyện. Ban đầu trong nước có Sa-môn Huyền Ứng và Sa-môn Thái Nguyên Quách Xứ Sĩ, đều viết âm giải thích, xem ra có rất nhiều thiếu sót và sơ lược. Có thượng nhân Huyền Sướng chùa Tây Minh, là người thừa kế các bậc tiền nhân, ngày đêm không biết mỏi mệt, chí tịnh trong sạch như sương thu, tâm đượm nhuần trong suốt như dòng nước lắng đọng. Ngài dốc lòng tìm kiếm di vật của người xưa để lại, vì trong kinh tạng chứa nhóm ý nghĩa sâu xa, khi tìm ra rồi, Ngài bèn đốt gỗ chiên đàn xông hương, dùng lụa đẹp thêu hoa lấy làm trang sức cho bộ kinh tạng. Ánh sáng phía trước có một không hai, tâm mắt kinh hải phước đức sinh ra làm lợi ích rộng lớn, truyền bá rộng rãi lợi ích muôn đời.

Tề Chi không sáng suốt, ý muốn xem vào kinh tạng,

bền thừa hỏi với Hòa-thượng Sưông Công và được Hòa-thượng chỉ dạy âm nghĩa. Tề Chi cho rằng văn chữ có Âm, Nghĩa. Giống như người đi lạc đường tìm được đường. Thắp đèn trí tuệ mà xưa tan bóng tối. Thế nhưng trí hiểu biết còn tiềm ẩn mặc nhiên chưa sáng tỏ. Bởi thế xem xét lại nơi thanh loại của tạng kinh, mà nói về âm. Có những âm như là Âm phát ra từ cổ họng, âm hàm ếch, âm răng, âm môi, âm bậc môi, v.v... đều phải xem xét kỹ nơi thanh loại, âm có cung thương, có âm cứng, có âm nhẹ, đưa lên và thanh bằng, thanh trắc, v.v... Khi hiểu ra được rồi thì từng lớp từng lớp nhẹ nhàng, khinh an. Ngoài ra còn phải xem xét thanh trong và thanh đục, mà bốn thanh chuyển đổi phát ra thành năm âm thanh, thay đổi nhau mà dùng. Giữa hai âm thanh trùng điệp với nhau, vận âm tuần tự ngược lại và che lấp lên, như khinh thanh (thanh nhẹ) cùng nhau mà đầu và cuối tham dự vào có kém đối chút nhưng không mất, mà nghĩa lý vẫn hiển nhiên sáng tỏ. Hiểu được âm như vậy thì nghĩa mới thông suốt, nghĩa thông suốt thì lý mới viên dung, lý viên dung thì văn không chấp mắc, văn không chấp mắc ngàn kinh muôn luận cũng giống như đầu các ngón tay nắm lại mà thôi. Sớm là phạm phu chiều là bậc thánh. Khởi đầu là giả sau là chân kết thúc trong một ngày, cho nên không lìa văn tự mà được giải thoát. Mà trí vô sư dồi dào nơi nguồn tâm, tháo bỏ áo giáp nghi ngờ chấp mắc trong lòng, thì bỗng nhiên ánh sáng trí tuệ chột đèn, trừ bỏ đi tối tăm mê mờ. Đây là chân giải thích tục đế, bởi vậy phải từng phần phân ra. Tiếng Phạm đời Đường nói từ từ tự suy nghĩ mà được sáng tỏ. Lại nữa âm điệu tuy

có Nam, có Bắc, nhưng nghĩa lý không khác nhau. Người nước Tần phát âm khứ thanh cũng giống như thượng thanh. Người nước Ngô phát âm, thượng thanh cũng giống như khứ thanh, cho nên giữa âm mất là phát ra nhẹ, giật lại nơi thượng điệu thành ra nặng mà đục; phần ít là sai lầm như cá lội trong nước, phần nhiều sai lầm truyền ra giống như giọng khàn khàn ồm ồm như con lợn. Những đến như bốn mươi hai chữ cái và mười hai chữ âm, đều sanh ra ra từ tâm của Đức Phật Tỳ-lô-giá-na; như vậy những dấu vết của chim bay không thể nào đuổi theo kịp. Tuy nhiên, từ nguồn lưu xuất có khác, nhưng âm nghĩa không khác. Mở ra cho thấy rằng: nhỏ như hạt cát ở trong sa mạc, hoặc được tôi luyện từ kinh loại mà thành vật dụng; thì cũng từ lý mà chứng tánh, khi đắc được lý tánh rồi, nói rằng có thể trừ bỏ đi, cho rằng có thể trừ bỏ đi mà vẫn tự cũng quên luôn, đồng trở về với nhất chân, thì tất cả dấu vết đều trừ bỏ. Thượng tọa Minh Tú trụ trì chùa Khế Nguyên, Tỳ-kheo Huyền Trắc làm Đô-đuy-na đều tinh thông chân thừa hộ trì thánh điển, văn hoa trau dồi như ngọc sáng lấp lánh, kinh luận dồi dào hoằng khắp đầy đủ, hoặc đạo tình sâu xa, duy trì được hạt châu quý báu, hoặc kinh luật hạnh trí thanh cao, nêu cao giữ giới sáng như mặt trăng. Trên là ý hài lòng của các bậc hiền Thánh, dưới là nêu lên tâm cần khắc ghi thành khẩn, cho nên xin mạn phép trộm kính đề lời tựa.

Ngày 10, tháng 9, niên hiệu Khai Thành năm thứ 5

BÀI TỰA ÂM NGHĨA NHẤT THIẾT KINH.

(Thức Thái Thường tự, phụng Lễ Lang Cảnh phiên thuật).

Người xưa nói: Đức Khổng Tử lập giáo soạn mười Dục mà thông cả âm dương, Ngài Huyền Đế bàn luận kinh, giảng nói hai thiên mà sáng tỏ đạo đức. Nhưng đâu bằng bậc Năng Nhân ra đời một mình đến ở Ca Duy (Ca-tỳ-la-vệ), hội Ba thừa ở núi Linh Thứu, bốn lần xoay bánh xe pháp nơi vườn Nai, do đó có bán tự, mãn tự, bày hoa xâu, hoa rải (Kinh). Vì hàng xuất gia mà từ phương Tây đến, giục ngựa trắng từ phương Đông qua. Thế mới biết, chẳng không, chẳng có, che lấp nẻo tà, tức sắc tức không, sáng rõ đường chánh. Bởi thế, mây chứa đầy nước tuệ, mờ mịt phủ khắp cõi đời ngu; mưa tuôn đều giọt pháp, trải mênh mông thấm đến từng ngọn cỏ. Công ích như đây, không thể nói hết. Lớn lao thay! Giáo pháp của Đấng Giác Hoàng Điều Ngự Sư. Như thế, viết trên lá bối biên tập thành các biển tạng. Sự kết tập bắt đầu từ tâm mong muốn của Âm Quang (Ca Diếp), văn nghĩa được trùng tuyên từ miệng Khánh Hỉ (A Nan) lưu truyền ở xứ này (Ấn Độ) hơn bảy trăm năm. Thậm chí văn tự hoặc khó học, ngoài ra còn có sai lầm, tìm trong sách vở không có ghi chép, chỗ thanh vận chưa nghe, hoặc là văn thể thể tục hóa không y cứ, hoặc còn tồn tại trong bốn tiếng Phạm. Cho nên không có âm nghĩa thật khó mà nghiên cứu. Bởi vậy muốn khiến được Minh sư mà chẳng mệt tìm, vừa mới nghe mà hiểu sâu tinh túy, thành tựu việc học mà chẳng mệt ở xách cặp, xin được lợi thêm

mà chẳng dựa kẻ vén tay. Cho nên mười hai âm tuyên nói ở Niết-bàn áo điện, bốn mươi hai chữ ghi chép nơi Hoa Nghiêm chân kinh (mười hai âm là dịch từ thanh vận của chữ Phạm, xưa gọi là mười bốn âm là sai. Lại có ba mươi bốn chữ, gọi là tự mẫu (chữ cái) mỗi chữ dùng mười hai âm để dịch, bèn thành ra bốn trăm lẻ tám chữ, lại cùng nối nhau mà chuyển thành mười tám chương gọi là “Tất-đàm”. Như trong Tân Niết-bàn kinh Âm Nghĩa có nói rộng và rõ). Cho nên nói, không lìa văn tự mà được giải thoát.

Đến khi triều đình trong nước, đầu tiên có Sa-môn Huyền Ứng trí tuệ bẩm sinh, một mình hiểu biết Tiên Hiền, hiểu rõ ngôn ngữ khác biệt của Đường-Phạm, biết được chữ viết kỳ lạ xưa nay, nên soạn bộ Âm Nghĩa Nhất Thiết Kinh, gồm hai mươi lăm quyển có thể để lại cho đời sau, hiểu thật rõ ràng ý của Tiên Hiền kia, làm chiếc cầu nối đến bờ giác ngộ, là chìa khóa mở bước vào cửa pháp. Kế tiếp có Sa-môn Tuệ Uyên soạn Tân Dịch Hoa Nghiêm Âm Nghĩa, hai quyển, đều có ghi ở Khai Nguyên Thích Giáo Lục. Tuy nhiên, về sau người dịch kinh luận đối với những chỗ trước đây chưa có âm, đến khi mang đọc giảng giải thì vẫn sai nghĩa trái chỗ có, chỗ không, mắc mứu khó khăn, lại còn ít học, hiểu hẹp, chẳng có chút thông suốt, phần nhiều nhận thức gượng gạo ít ai hiểu biết tận tường. Nếu kẻ sau mình vì sĩ diện biết cạn mà không hỏi, còn hạng ỉn giấu mình giỏi hiểu sâu lại không giải đáp, thì lời Thánh có trở ngại, há có thể nào không khởi tâm từ bi sao? Do đó, có Tuệ Lâm Pháp sư ở chùa Đại Hưng Thiện họ Bài, người nước Sơ

Lặc, là đệ tử của Ngài Bất Không Tam Tạng, có trí tuệ rộng lớn; bên trong tinh thông mật giáo, vào cửa tông trì, bên ngoài tham cứu các nhà, viết sách, soạn thảo, nghiên cứu văn tự tinh túy. Ngài rất tinh thông Thanh minh xứ Ấn-độ, cũng rất tinh thông Kỳ-Na âm vận, thâm nhận nơi Tiên Sư truyền dạy như rót nước vào bình, đây cũng là dòng suối mát để lại cho người hậu học. Xét kỹ lại, phiên dịch, viết văn, hồi ký, tham cứu của Ngài Tuệ Lâm là Thượng thủ (đứng đầu). Ngài chọn lựa kỹ các âm vận, văn tự của tiền bối để lại, rồi than thở rằng, người có bệnh mê hoặc (say sưa thích thú). Xem xét các kinh biên chép văn cổ, cho nên xưa nay phiên âm, phần nhiều dùng thanh loại gần giống mà nối liền giữa hai âm, ban đầu tự khắc phục, các nguyên âm, không có ý chỉ nhất định, cũng như cách phát âm của người nước Ngô và người nước Tần thì không nói. Vận trong và vận đục thật khó phát cho rõ ràng, cho đến như âm 武 vũ và âm 綿 miên là hai thanh, như âm 企 xí và âm 智 là hai vận âm trùng điệp, cho nên xét rõ thanh loại mà có chỗ không dùng. Gần đây có Nguyên Đình Kiên, Vận Anh và Trương Tấn khảo thanh thiết lập vận. Nay chỗ lấy dùng âm thì từ nơi này, đại lược là dùng Tự Thư của bảy nhà (Thất gia tự thư) để giải thích. “Thất thư 七書 là bảy loại sách: Ngọc Biên, Thuyết Văn, Tự Lâm, Tự Thống, Cổ Kim Chánh Tự, Văn Tự Điển Thuyết và Khai Nguyên Văn Tự Âm Nghĩa. Thất thư(七書) không bao gồm sách Bách Thị Hàm Thảo. Về sau các sách giải

thích nói gồm cả Lục thư, ngũ hầu nhân đây mà biết được âm nghĩa kia, nghe một mà biết mười.

Hơn hai mươi năm, Sư luôn tìm kiếm điển tịch, dự thảo kinh luận, chăm chỉ không biết mỗi mệ, chỉnh sửa biên tập đến năm cuối niên hiệu Kiến Trung thì chế tác bản in, đến năm thứ hai niên hiệu Nguyên Hòa mới xong; gồm một trăm bộ, đủ để giải thích các kinh. Bắt đầu ở Đại Bát-nhã, cuối cùng ở Hộ Mạng Pháp, tổng cộng một ngàn ba trăm bộ, hơn năm ngàn bảy trăm quyển. Lấy âm nghĩa của hai nhà xưa hợp lại theo thứ tự. Nêu tên có khác (hai nhà xưa là Ngài Huyền Ứng và Ngài Tuệ Uyển, v.v...) rộng lớn như biển nuốt tất cả các dòng chảy nên thành ra thâm sâu, sáng tỏ như gương chiếu soi các vật không biết mỗi mệ.

Ngày ba mươi tháng hai năm thứ mười hai niên hiệu Nguyên Hòa, ngừng bút tại chùa Tây Minh, xem xét lại văn chữ rất trôi chảy trau chuốt, chọn lựa từ rất khéo léo nét sắc sảo của bài văn, cho phép không thỉnh cầu sự chỉ giáo, tự hổ thẹn chưa thành vật dụng. Do đây xin khai bạch với các bậc tiền bối, trong các tạng quyển còn có rất nhiều thiếu sót, sai lầm, tài mọn còn hèn, công chưa đầy đủ. Phụng vâng kính đề, cầu được các bậc thâm uyên chỉ giáo.

NHẤT THIẾT ÂM NGHĨA KINH

QUYỂN 1

*Nhà phiên dịch kinh: Sa môn Tuệ Lâm soạn âm “Bài tựa
Tam Tạng Thánh giáo và kinh Đại Bát-nhã năm mươi
mốt quyển”.*

BÀI TỰA ĐẠI ĐƯỜNG TAM TẠNG THÁNH GIÁO

(Thái Tông Văn Hoàng Đế sáng tác, Tuệ Lâm soạn âm).

Nhị nghi 二儀 ngược lại âm 魚羈 ngư ky. Kinh Dịch phân Hệ Từ thiên thượng nói: Dịch có thái cực sanh lưỡng nghi. Cố Dĩ Vương cho rằng: Nhị nghi là thiên địa, pháp tượng. Mao Thi Truyện cho rằng: Nghi 儀 tức là chánh; Thuyết Văn nói gọi là Độ Chữ viết từ bộ 人 nhân thanh 義 nghĩa. Lại Thuyết Văn nói giải chữ Nghĩa từ bộ 羊 dương đến bộ 我 ngã. Chữ ngã 我 từ bộ 扌 thủ đến bộ 戈 qua. Dưới từ chữ hòa là sai. Âm 羈 ky. Ngược lại là âm phiên thiết cư nghi 居宜.

Phủ tải 覆載. Ngược lại âm trên là phiên thiết phủ vụ 敷務. Lại thấy trong Vận anh Tần âm 秦. Các Tự Thư âm là phiên thiết phủ cứu 敷救, âm của Ngô, Sở. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: Phúc 覆 là che đậy, có bóng mát. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ 西 tây thanh, phúc. Âm 西. Ngược lại âm 牙賈 nha giả. Chữ viết từ

bộ 冫 quynh, âm 冫 quynh. Trên là 覓 mịch dưới là 覆 phúc, chữ hội ý. Ngược lại âm dưới là 哉 ái tai ái. Không An Quốc chú giải sách thượng thư rằng: 載 tải là thành. Theo sách Lễ Ký cho rằng: Trời là không riêng tư nên che, đất cũng không có riêng tư nên chở. Thuyết Văn cho rằng: Phúc 覆 là chuyên chở vận chuyển. Chữ viết từ bộ 車 xa, âm tai từ bộ 戈 thanh 才 tài. Trong kinh viết 載隸 tải lệ, sách lược bớt. Chữ 才 là văn cổ chữ 才 tài chẳng phải bộ 水 thủy.

Tiềm hàn thử 潛寒暑, ở trên phiên thiết là 漸閤 tiêm hãm.

Quảng Nhã giải thích rằng: tiềm là chìm xuống nước, ản giấu. Sách Nhĩ Nhã giải thích rằng: Tiềm cũng là chìm dưới nước, sâu xa. Thuyết Văn cho rằng: lội qua nước. Chữ viết từ bộ thủy 冰 thanh 潛 tiềm. Âm 潛 tiềm. Ngược lại âm 參 tham. Ngược lại âm 七敢 thất cảm. Cũng có chỗ viết từ hai bộ 天 thiên. Hoặc là viết từ bộ 伏 phụ đều là sai là viết lược. Dưới. Ngược lại âm là 罕 hãn an. Thương Hiệt giải thích rằng: là lạnh, Thuyết Văn nói là Đóng băng lại, chữ viết từ bộ miên đến bộ 人 nhân, đến bộ nhập dưới từ bộ (冰) băng. Âm mãng (莽) là âm 綿 miên. Âm mãng, là âm 莽 mãng, âm bằng, là âm 冰 băng. Chữ 莽 mang là văn cổ trên dưới hai bộ 草 thảo.

Khuy thiên (窺天). Ngược lại âm 犬現 khuyển hiện. Khảo Thanh cho rằng: Khuy là nhìn trộm. Vận Thiên Tập cho rằng: Khuy là nhìn thấy, Thuyết Văn cho là Nhìn lén. Chữ viết từ bộ 穴 huyệt thanh (規) quy, hoặc là viết (闕) khuy âm, khuy. Ngược lại là âm 青預 thanh

dự.

Giám địa (鑑地). Ngược lại âm 賈陷 giả hãm. Quảng Nhã cho rằng: Giám là chiếu soi, sáng suốt, rõ ràng. Ngọc Thiên giải thích rằng: Giám là cái gương soi, Thuyết Văn cho là Bồn lớn, lấy nước trong để bồn dùng gương soi có các mặt trăng chiếu vào. Chữ viết từ bộ (金) Kim thanh lam, hoặc viết là 鑒 này cũng đồng nghĩa.

Khả trung 可徵. Ngược lại âm (陟陵) trắc lãng. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Trung là gọi đến, cũng gọi là chứng minh. Theo thanh loại cho rằng: Gọi đến trách phạt, cũng gọi là cầu, trung cầu. Đỗ Dự chú giải trong Tả Truyện rằng: Khảo xét, xem xét, bằng chứng, chứng cứ. Thuyết Văn nói cho rằng là tượng trung. Theo việc có tượng trung có thể khảo xét gọi là (徵) Trung. Chữ viết từ bộ 任 nhậm đến bộ 徵 trung, thanh âm 任 nhậm. Ngược lại âm (體郢) Thê dĩnh.

Khổng tịch 控寂. Ngược lại âm trên là 苦貢 Khô công, Khảo Thanh giải thích rằng: Khổng là giữ lại, Thuyết Văn cho là Khổng là kéo ra, dẫn ra, cũng gọi là cáo trạng. Chữ viết từ bộ 手 Thủ thanh (空) không. Ngược lại âm dưới là (情亦) tình diệc. Văn thường hay dùng và Thuyết Văn nói viết chữ 宋 Tống là chữ chánh thể Hào ly 毫釐. Ngược lại âm trên là 胡高 hồ cao. Âm dưới là 力馳 lực trì. Theo Kinh Cửu Chương Toán giải thích rằng: Phàm là pháp độ qua khởi đầu là Nhẫn. Mười nhẫn là một sợi tơ, mười sợi tơ là một hào 毫, mười hào là một 釐 ly. Thuyết Văn giải thích rằng: Hai chữ 毫釐 hào ly đều từ bộ 毛 Mao. Chữ hào từ 毫 hào từ 豪 hào thanh 省 tỉnh. Chữ 釐 ly từ chữ 釐 ly này thanh 省 tỉnh

đều là chữ hình thanh. Nay viết 毫聲 hào ly này là chẳng phải bốn chữ giả tá dùng.

Ngưng huyền 凝玄. Ngược lại âm (魚競) ngư cạnh. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Ngưng là thành tựu. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Ngưng là đông cứng lại. Quảng Nhã cho rằng: Ngưng là dừng lại. Vận Anh cho rằng: Ngưng là bất động, không động đậy. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ 冰 băng, là nước đông cứng lại. Từ bộ 冫 băng thanh ghi 疑 nghi, âm 冫 là âm 冰 là nước.

Xuân Xuân 蠢蠢. Ngược lại âm 春尹 xuân doãn. Theo Mao Thi truyện cho rằng: Xuân xuân là loài côn trùng sâu bọ ngo ngo, nhúc nhích. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Xuân là cựa quậy ngo ngo giao động. Chữ viết từ hai bộ 虫 Trùng thanh 春 xuân, hoặc viết là 椿 xuân, hoặc viết là 蠢 xuân, cũng viết 脊 tích đều là chữ xưa. trùng là âm 昆 côn.

Dung bỉ 庸鄙. Ngược lại âm trên là 勇從 dũng tùng. Khảo Thanh cho rằng: Dung là ngu. Trịnh Chung chú giải sách Đại Kỷ Lễ Khổng Tử rằng: Cái gọi là dung 庸 là người mà cái miệng không có thiện đạo, nói rằng: lại không thể chọn lựa người hiền tài thiện sĩ mà gởi gắm tâm thân mình vào đó. Cho rằng: đã thắng từ một vật mà trôi chảy, không biết quay về nên gọi người này là người ngu. Sách Sở Từ cũng cho rằng: Đó là người, thấp hèn. Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ 庚 canh thanh 用 dụng. Ngược lại âm dưới là 悲美 bi mỹ. Khảo Thanh cho rằng: 鄙 bỉ là người thấp hèn, là người ác, cũng là thuộc hạng người man dã, không có trí tuệ, cũng gọi là

bỉ phu, tức là kẻ thất phu. Thuyết Văn cho rằng: Năm nhà làm một bỉ chữ viết từ bộ (邑) áp thanh, bỉ âm bỉ Âm 鄙 vân. Ngược lại âm (子) tử toàn. Gọi là một trăm nhà, cũng gọi năm trăm nhà là một bỉ 鄙.

Đông vực 東域. Ngược lại âm 為逼 vi bức. Khảo Thanh cho rằng: Vực 域 là nước. Lưu Hy chú giải Mạnh Tử rằng: Là chỗ ở. Thuyết Văn chép gọi là nước, quốc gia. Chữ viết từ bộ 土 thổ thanh 或 hoặc.

Chung hàm 拯含, âm 拯 chủng là không có trùng điệp. Âm vận lấy chữ 蒸 thanh thượng. Đỗ Dự chú giải Tả truyện rằng: Chủng là giúp đỡ. Vận Thuyên cho: là cứu giúp. Tiếng địa phương cho rằng: Bị chìm trong nước phải kéo nâng lên, đưa lên. Chữ chánh xưa nay chủng 拯 là đưa lên cao, viết từ bộ 手 thủ thanh 丞 chung, âm Thăng là 升 thăng.

Phân củ 紛糾. Ngược lại âm 拂文 phát văn. Quảng Nhã cho rằng: 紛 phân là lộn xộn, rối loạn. Sở Từ cho rằng: Phân là đông đúc nhón nháo. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ 糸 mịch thanh 分 phân. Ngược lại âm dưới là 經西 kinh dậu. Đỗ Dự chú giải Tả truyện rằng: Củ 糾 là nâng lên, nhắc lên. Thuyết Văn chữ viết từ bộ 糸 mịch thanh củ Sách Lê Thư Tỉnh viết âm 糾 củ, âm 糸 mịch là âm 覓 mịch.

Duyên thời 沿時 âm trên là 緣 duyên. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: duyên là thuận theo dòng nước chảy xuống gọi là 沿 duyên. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Duyên là men theo, lần theo. Thuyết Văn cho là Duyên theo dòng nước mà chảy xuống. Chữ viết từ bộ thanh duyên chữ hình thanh.

Long thế 隆替. Ngược lại âm 六中 lục trung. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Long 隆 là ở giữa nổi lên cao. Thuyết Văn cho là Nhiều đầy, dồi dào, thịnh Vương. Chữ viết từ bộ 阜 phụ chữ hình thanh. Âm dưới là 天計 thiên kế. Văn thường hay dùng và sách Nhĩ Nhã cho rằng: đối đãi nhau, Giả chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Thế là trừ bỏ. Thuyết Văn nói viết là 普廢 phổ phế, nghĩa là bỏ đi, phế bỏ, đều viết lại hai bộ một bên dưới gọi là 替 thế chữ hội ý. Nay viết chữ 替 thế này cũng là văn thường hay dùng.

Huyền Trang 玄奘. Ngược lại âm 臙浪 tạng lãng. Cũng gọi là giải thích âm thượng thanh. Phương Ngôn cho rằng: Trang là to lớn, có sức mạnh. Khảo Thanh cho rằng: Trang là có nhiều sức mạnh, may mắn, nhanh nhẹn. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ 大 đại thanh 妝 trang.

Cự năng 詎能. Ngược lại âm 詎禦 cự ngự. Vận Anh Tập chép: 詎 cự là thuộc nghi vấn từ Trang Tử cho rằng: Cự 詎 là từ chưa khẳng định, hỏi, sao, vì sao Dưới là khẳng định, chữ chuyên chú.

Hồi xuất 廻出. Ngược lại âm 螢穎 huỳnh đĩnh, chữ thượng thanh. Văn cổ viết 回 hồi là chữ tượng hình, nghĩa là quốc ấp. Chữ viết từ bộ 阝 quynh. Thuyết Văn nói gọi là Ngoài ấp gọi là 郊 giao (cùng quanh ở một ấp). Ngoài giao gọi là dã 野 (hoang dã). Ngoài dã gọi là lâm 林. Ngoài lâm gọi là 囧 quynh. Âm 囧 quynh. Ngược lại âm 癸 quý dinh. Giống như ở vùng biên giới xa xôi. Chữ viết từ bộ 辵 xước. Nay văn thường hay dùng viết 向 hướng là sai.

Chích Thiên Cổ 隻天古. Ngược lại âm 征亦 chinh

diệc. Theo văn Thuyết giải thích rằng: chích 隻 là một tấm, một con, một cái. Trong sách Khuê uyển chu tự đơn và các chữ trong giải thích rằng: Chơi đùa, bốn cột với một con chim. Chữ viết từ bộ 隹 chung, chung là con chim. Từ bộ 叉 xoa, xoa là cánh tay, tay nắm giữ một con chim là 隻 chích chữ tượng hình. Trong văn kinh viết từ bộ 叉 hựu là sai.

Thê lự 栖慮. Ngược lại âm 先奚 tiên hề. Chữ thường hay dùng viết đúng là 棲 thê. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Thê là dừng lại nghỉ ngơi. Chữ viết từ bộ 木 mộc thanh 妻 thê, âm dưới là 呂御 lữ ngự Khảo Thanh cho rằng: dừng lại suy nghĩ. Thuyết Văn là chữ viết từ bộ 思 tư thanh 庀 hồ, âm 乎 hồ Khái thâm 概深. Ngược lại âm 康愛 khang ái. Cố Dã Vương cho rằng: 慨 Khảng khái, chí không được toại nguyện, phần nộ tức giận.

Tráng sĩ vì chí không được toại nguyện nên than thở quá tức giận; hoặc viết là 愾 khái. Thuyết Văn cho rằng: Chữ 深 thâm là từ bộ Thủy đến bộ huyết, chữ viết lược.

Ngoa mậu 訛謬. Ngược lại âm trên là 五戈 ngũ qua. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi truyện rằng: Ngoa là sai lầm, giả dối không chân thật. Ngược lại âm dưới là 眉救 mi cứu. Vận Anh Tập cho rằng: Mậu cũng là sai lầm. Vận Thuyên cho rằng: Dối trá, lừa gạt. Thuyết Văn nói viết từ bộ 言 Ngôn thanh 瞞 mậu, âm mậu. Ngược lại âm 六幼 lục ấu.

Điều tích 條析. Ngược lại âm trên là 亭姚 đình diêu. Quảng Nhã cho rằng: Điều là dạy bảo. Mao Thi Truyện cho rằng: Điều là khoa từng phần, từng phần, lớp có thứ lớp. Thuyết Văn gọi là cành cây nhỏ chữ viết từ bộ 木

mộc thanh liêu. Ngược lại âm dưới là 皇亦 hoàng diệc. Quảng Nhã cho rằng: Tích 析 là phân ra, chẻ ra. Thuyết Văn cho rằng: Tích là chặt, đốn cây. Chữ viết từ bộ 木 đến bộ phiến, hoặc viết 析 Hai chữ tích đều là chữ cổ Kiều Tâm 翹心. Ngược lại âm 祇姚 kỳ diêu. Quảng Nhã cho rằng: Kiều là vênh lên, đưa cao lên. Chí Đồ chú giải Tả truyện rằng: Tài năng vượt hơn người, cũng gọi là bay xa. Thuyết Văn chữ viết từ bộ 羽 vũ thanh 蕘 nghiên.

Viễn mại 遠邁. Ngược lại âm 理拜 lý bá. Quảng Nhã cho rằng:邁 mại là đi xa. Chữ viết từ bộ 萬 vạn đến bộ 辵 xước âm xước. Ngược lại âm 丑略 sữu lược.

Bát yên hà 撥煙霞. Ngược lại âm trên là 莆莫 bồ mạc. Quảng Nhã cho rằng: Bác 撥 là trừ bỏ Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng:

Bát là lau chùi. Thuyết Văn rằng: Bát là trị nghĩa là sửa đổi. Chữ viết từ bộ 手 Thủ thanh 發 phát. Âm. Ngược lại là âm 宴賢 yên hiền.

Theo Thuyết Thuyết Văn cho là lửa cháy bốc khói lên. Chữ viết từ bộ thanh 湮 yên, hoặc viết là yên. Khảo Thanh cho rằng: Là nguyên khí tức là khói âm 湮 yên, dưới là 因 nhân. Ngược lại âm 夏 hạ da. Vận Anh Tập cho rằng: Hơi nóng của mặt trời bốc lên. Vương Dật chú giải Sở Từ rằng: Mặt trời bắt đầu mọc có những đám mây màu đỏ màu vàng. Khảo Thanh cho rằng: Một ngày sắp hết có những ráng mây đỏ Chữ chánh xưa nay viết từ bộ vũ 雨 thanh 瑕 hà, hoặc là viết (瑕) này cũng đồng.

Niếp Sương 躡霜. Ngược lại âm 女輒 nữ triếp, theo tiếng địa phương cho rằng: Niếp là đi lên. Quảng Nhã cho rằng: Niếp là chân mang dép. Thuyết Văn cho rằng:

Nhiếp là đạp lên. Chữ viết từ bộ 足 túc thanh 聶 nhiếp âm nhiếp đồng với âm trên.

Tiền tung 前蹤. Ngược lại âm trên là 俗前 tục tiền. Theo Thuyết Thuyết Văn nói rằng: Tiền là trước. chữ đúng thể từ bộ 止 chỉ đến bộ 舟 chu viết thành chữ 嵩 tung. Theo Thuyết Thuyết Văn cho là không đi mà tiến vào, gọi là dừng lại phía trước, ở trên thuyền, khảo sát, ngăn cấm chữ viết cộng thêm bộ 刂 đao, bộ đao bộ thủy. Quảng Nhã cho rằng: Hai lần tìm kiếm là thâm sâu, hai lần nhẩn 仞 là 刂 đao âm 刂 đao. Ngược lại âm 古外 cổ ngoại. Văn thường hay dùng viết từ bộ 刀 đao là chẳng đúng. Ngược lại âm dưới là 足庸 túc dung. Hoài Nam tử cho rằng: Đi thì có người theo, đuổi theo chân. Sách Nhĩ Nhã cho: là dấu chân. Thuyết Văn cho rằng: là dấu của bánh xe. Chữ viết từ bộ 足 thanh 從 tung.

Tuần cầu 殉求. Ngược lại âm 筭 duẩn tôn. Trong Tả Truyện cho rằng: Hỏi thăm thân mật, gọi là 殉 tuần. Vận Thuyên Tập cho rằng:

Tuần là xét hỏi các việc. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tuần là tin cậy. Chữ chánh xưa viết từ bộ 言 ngôn thanh 旬 tuần.

San Phong 飡風. Ngược lại âm 倉 sang đơn. Văn thường hay dùng và Thuyết Văn cho rằng: San là nuốt vào, cũng gọi là ăn. Chữ chánh thì viết bộ san cho đến bộ 食 thực viết thành chữ 餐 san âm san. Ngược lại chữ san âm 殘 tàn.

Lộc Uyển 鹿苑. Ngược lại âm trên là 勒木 lặc mộc. Ngược lại âm dưới là 怨遠 oán viễn. Tây Vực ký chép: Tên vườn của nước Bà La-Ni-Tur cũng gọi là vườn Lộc

Dã, cũng gọi là Thí Lộc Lâm. Xưa dịch là nước Ba-la-nại. Tức là nơi mà Đức Như lai đầu tiên xoay bánh xe pháp.

Thứu phong 鷲峯 Âm trên là 就 tựu, núi ở Tây quốc, núi này rất cao, chỗ chim Thứu ở hoặc tên là núi Linh Thứu, hoặc gọi là Lãnh Thứu, đều là tên một núi, mà khác tên. Đức Như lai ở trong núi này mà xoay bánh xe pháp, có rất nhiều thánh tích ở trên cõi trời.

Thám trách 探蹟. Ngược lại âm trên 他含 tha hàm. Chữ thường hay dùng biến thể văn cổ viết từ bộ huyệt, lại viết thành chữ 琛 thám. Âm thám. Ngược lại âm 徒感 đồ cảm. Không An Quốc chú giải sách Thượng Thu rằng: Thám do xem lấy tin tức. Lại Thuyết Thuyết Văn nói rằng: Lấy tin tức từ xa. Chữ viết từ bộ thanh 探 thám. Ngược lại âm dưới là 柴革 sai cách. Vận Thuyên Tập cho rằng: Là nơi sâu tối. Trong sách Khuê Oán Chu Tòng cho rằng: Là huyền vi. Chữ chánh xưa nay viết từ bộ 夷 di, âm di. Ngược lại là âm 夷 di. Chữ 責 trách viết đúng từ bộ 束 thúc, âm thúc kê đến viết 嘖 sách.

Trì Sậu 馳驟. Ngược lại âm trên là 直隴 trực ly. Văn thường hay dùng vốn viết là 駝 đà, chữ hình thanh. Âm 陀 đà. Ngược lại là âm 夷 di.

Khảo Thanh cho rằng: Trì 馳 là chạy. Quảng Nhã cho rằng: chạy nhanh. Thuyết Văn cho là Ngựa phi nước đại, tức ngựa chạy nhanh. Chữ viết từ bộ 馬 mã thành 它 tha. Ngược lại âm dưới là 愁庾 sầu dữu. Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Sậu 驟 là chạy nhanh. Quảng Nhã cho cũng là chạy nhanh. Theo Thuyết Thuyết Văn cho là Ngựa đi nhanh. Chữ viết từ bộ thanh 褻 tụ.

Tam Khiếp 三篋. Ngược lại âm 縑頰 kiêm giáp. Theo sách Lễ Ký cho rằng: 篋 khiếp là cái rương để đựng đồ vật. Khiếp cũng gọi là nhiều.

Trong kinh sách cho: là rương đựng đựng đồ đặc y phục. Chữ chánh xưa nay cho rằng: Là cái lò bắt cá. Chữ viết từ bộ thanh 愜 khiếp. Theo Thuyết Thuyết Văn nói chữ khiếp từ bộ 方 phương thành 夾 giáp.

Ba đào 疤濤. Ngược lại âm 唐勞 đường lao. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Thủy triều dâng cao. Còn chữ 濤 tào Thương Hiệt giải thích rằng: Là sóng lớn. Chữ chánh xưa nay viết từ bộ 冰 thủy đến chữ 濤 đào thanh 省 tỉnh.

Viên Tự 爰自. Ngược lại âm 遠權 viễn quyền. Khảo Thanh cho rằng: 爰 viên là đối với. Theo sách Nhĩ Nhã và Mao Thi Truyện cho rằng: Viên là 為 vi, là, bèn là, rồi, thì. Theo Thuyết Thuyết Văn cho là Viên là dẫn tới. Chữ viết từ bộ 員 viên thanh 于 vu. Âm 員 viên. Ngược lại âm 披表 phi biểu. T. 313

Đông Thùy 東曄. Ngược lại âm 述危 thuật thúy. Vận Thuyên Tập cho rằng: Thùy 曄 là biên giới nguy hiểm. Quảng Nhã cho: là biên giới. Trên văn bia trong chùa Hoàng phước viết là thùy 華 là viết lược. Chữ viết từ bộ 阜 phụ thanh thùy.

Khuyết nhi 缺而. Ngược lại âm 犬悅 khuyển duyệt. Thiên Thượng Hiệt giải thích rằng: Khuyết là hao tổn, giảm. Thuyết Văn cho là dụng cụ chứa bị bể. Chữ viết từ bộ Thùy 華 đến bộ 夬 quyết, hoặc là viết tự bộ 正 phủ viết thành chữ 缺 khuyết này cũng đồng nghĩa.

Đồng trần 同臻. Ngược lại âm 側巾 trắc cân. Văn

chữ cổ viết là 𠂔. Chữ trong sách viết là 臻 𠂔. Nghĩa là đến, đi. Thanh Tụ và Thuyết Thuyết Văn nói rằng: Chữ viết từ bộ 至 chí thanh 秦 Tần.

Nghệp trụy 業隕. Ngược lại âm trên là 嚴劫 nghiêm kiếp. Nhĩ Nhã cho rằng: Sự nghiệp. Theo sách Quốc Ngữ cho rằng: Thứ lớp to lớn. Thuyết Văn nói cho rằng chữ viết từ bộ 業 nghiệp đến bộ 巾 cân. Nay theo lệ viết từ bộ 木 mộc là chữ biến thể âm 業 nghiệp. Ngược lại âm 學 sư học. Ngược lại âm dưới 除類 trừ loại. Sách Nhĩ Nhã cho là rớt

xuống, rơi xuống. Quảng Nhã cho rằng: Là mất đi. Theo Thuyết Thuyết Văn cho là Chữ viết từ bộ 隕 đời là từ cao mà rớt xuống. Từ bộ 阜 phụ thanh rơi xuống. hoặc viết từ bộ 石 Thạch, viết thành chữ đọa.

Quế sanh 桂生. Ngược lại âm 圭慧 khuê tuệ Trong Sơn Hải kinh cho rằng: Thừa nhận đây là cây quế, phần nhiều mọc trên núi. Quách Phác cho rằng: Cây quế lá giống như cây tỳ-bà, dài hơn một thước, có mùi vị cay, hoa trắng, vốn là loại cỏ thuốc nên gọi là Quế. Có hai loại cây măng đều mọc ra giao nhau, ở chân núi Quảng Châu và Quế Lâm, ở Giang Nam. Thuyết Văn gọi là cây Mộc Hương, là một trong trăm thứ cỏ thuốc, sống rất lâu. Chữ viết từ bộ 木 mộc thanh 圭 khuê. Chữ 菌 khuẩn âm 郡 quận. Chữ 牡 mẫu là âm 母 mẫu.

Huyền kỳ 玄其. Ngược lại âm 玄絹 huyền quyền. Vận Thuyên Tập cho rằng: Những giọt sương đọng trên cỏ sáng lấp lánh. Khảo Thanh cho rằng: Vực sâu sóng nước lẫn lẫn. Thuyết Văn nói giải thích rằng:

Nước chảy. Chữ viết từ bộ thanh 玄 huyền, lại cũng

là âm 玄 huyền, chữ uyên 淵 lại âm 淵 uyên.

Hủy mộc 卉木. Ngược lại âm 暉 quý huy quý. Theo Thuyết Văn cho là Hủy là từ gọi chung các loại cỏ Chữ viết từ bộ 屮 triệt đến bộ 艸 thảo. Từ ba mươi năm này viết chữ hủy⁺⁺ này là sai, âm triệt 屮. Ngược lại âm 丑 列 sửu liệt.

Khuê Chương 珪璋. Ngược lại âm 桂畦 quế huê. Thuyết Văn nói cho rằng viên ngọc tốt quý giá, trên là tròn dưới là vuông. Các bậc Công, Hầu, Bá nắm giữ. Từ chữ 重土 trọng thổ, nghĩa là, lễ được ân tuệ vua ban, phong đất đai cho các chư Hầu, có ba bậc: Công, Hầu và Bá. Đều có Trọng thổ. Cho nên giữ ngọc 珪 khuê. Còn Tử Nam vì không có ban cho Trọng thổ nên không có giữ ngọc quế (桂) quế là chữ cổ. Ngược lại âm dưới là 止陽 chỉ dương. Nghĩa là chỉ bằng phân nửa viên ngọc. Khuê gọi là (璋) chương. Chữ viết từ bộ (玉) ngọc thanh 章 chương. Âm tuệ ngược lại âm 慧圭 tuệ khuê.

Hàn mặc 翰墨. Ngược lại âm 寒岸 hàn ngạn. Sách Thượng Thư Đại Truyện cho rằng: Hàn 翰 là lông chim dài mà mịn, dùng làm bút, cho nên có thể gọi viết sách bằng cây bút lông. Theo Thuyết Văn nói rằng: Lông con vịt trời. Chữ viết từ bộ 羽 vũ thanh 翰 hàn âm hàn. Ngược lại âm 干岸 can ngạn. Ngược lại âm dưới là 母北 mẫu bắc. Khảo Thanh cho rằng: Mặc 墨 là mực đen. Chữ viết từ bộ 土 thổ thanh 黑 hắc.

Phiêu ngõa lịch 飄礫. Ngược lại âm trên là 必遙 tất diêu. Khảo Thanh loại cho rằng: Phiêu 飄 là người nêu lên, Thuyết Văn cho rằng: Là đánh gỗ. Chữ viết từ bộ 手 thủ thanh 漂 phiêu, hoặc là viết 影 phiêu này. Ngược lại

âm dưới là 力的 lực đích. Khảo Thanh cho rằng: Lịch礫 là đá vụn, cát sỏi. Thuyết Văn nói cho rằng chữ viết từ bộ 石 thạch thanh 樂省 lạc tỉnh.

Mậu thừa 謬丞. Ngược lại âm trên 時仍 thời nhưng. Thuyết Văn nói là Thọ nhận. Chữ viết từ bộ 手 thủ thanh 承 thừa.

Bao tán 褒讚. Ngược lại âm 補毛 bổ mao. Cố Dã Vương cho rằng: Chữ 褒 bao cũng giống như chữ 揚 dương, nghĩa là khen ngợi việc làm tốt đẹp của người. Thuyết Văn cho rằng: Vạt áo trước rộng, chữ viết từ bộ 衣 y thanh bao, âm bao là âm 裸 bảo. Ngược lại âm dưới là 藏散 tàng tán. Giải thích tên gọi là Khen ngợi việc tốt đẹp của người gọi là Tán. Chữ chánh xưa nay gọi là 讚 頌 tán tụng. Các gọi là giải thích vật lý. Chữ viết từ bộ thanh 贊 tán.

Tuần cung 循躬. Ngược lại âm trên là 勻 tùy quân. Nhĩ Nhã cho rằng: Tuần là thứ lớp. Khảo Thanh cho rằng: Tuần là thuật lại, là nói theo, thuận theo. Thuyết Văn cho là Tuần hành, là đi vòng quanh.

Chữ viết từ bộ 彳 xích thanh 盾 thuẫn. Trong văn kinh viết (循) tuần là sai. Ngược lại âm dưới là 姜隆 khương long. Thuyết Văn cho rằng: Cung 躬 là thân khum xuống, khom lưng. Viết đúng chữ từ bộ 呂 lữ viết thành 鋁 lữ. Nay viết từ bộ 身 thân, thanh 弓 cung.

-Cao Tông Hoàng Đế tại Xuân cung thuật Tam Tạng Ký-tức là Đại Đế Sùng Xiển 崇闡. Ngược lại là âm (味隆) vị long. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: 崇 sùng là tựa. Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Sùng là kính. Trịnh Tiễn chú giải sách Lễ Ký rằng: sùng

là tôn trọng. Thuyết Văn nói sùng là cao. Chữ viết từ bộ 山 sơn thanh 宗 tông, hoặc viết là bí 密. Ngược lại âm dưới là 昌演 xương diễn. Hàn Khang Bá chú giải sách Phồn Từ rằng: Xiển là, sáng sủa. Quảng Nhã cho rằng: Xiển là mở ra, theo Thanh loại: gọi là mở lớn ra. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ 門 môn, thanh 單 đơn.

Quý trục 軌躅. Ngược lại âm trên là 居洧 cư hựu. Giả Quỷ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Quý 軌 là phép tắc. Quảng Nhã cho rằng: Là tích xưa để lại. Thuyết Văn cho rằng từ bộ 車轍 xa triệt. Từ bộ 車 xa đến bộ 宄 cứu thanh 省 tỉnh. Âm cứu 宄. Ngược lại âm 鬼 quỷ. Ngược lại âm dưới là 重祿 trọng lộc. Hán Thư cho rằng: Âm nghĩa gọi là trục tức là dấu vết. Văn cho rằng: Trục là đi quanh quẩn, giẫm lên đạp lên. Chữ viết từ bộ 足 túc thanh 屬 thuộc, hoặc viết 躅 trục là lược.

Tổng quát 綜括. Ngược lại âm 宗宋 tông tổng. Trong Quế Uyển Châu Tụ giải thích rằng: Bộ phận trên dẹt đủ, gộp lại giữa các sợi chỉ để không rối loạn nhau nên gọi là tổng. Thuyết Văn cho rằng: Máy dẹt vải lụa. Chữ viết từ bộ 糸 mịch thanh 宗 tông. Ngược lại âm dưới là 活 di hoạt. Hàn Khang Bá chú giải kinh Dịch rằng: 括 Quát là kết lại. Theo Hàn Thi Thúc và Khảo Thanh cho rằng: Gôm lại. Thuyết Văn cho rằng: Sạch thanh khiết. Chữ viết từ bộ 舌, thanh 舌 thiết.

Hoảng viễn 𡗗遠. Ngược lại âm 獲萌 hoạch mạnh. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Hoảng là lớn. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Hoảng là rộng lớn. Thuyết Văn cho là Nhà sâu rộng nên có tiếng vang. Chữ viết từ bộ miên âm 𡗗 hoảng là âm 國弘 Quốc hoảng.

Bí quynh 祕局. Ngược lại âm 悲媚 bi mị Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện: Là thần bí. Quảng Nhã cho: là lao nhọc. Vận Anh Tập giải thích rằng: Là kín đáo, không lộ ra ngoài. Thuyết Văn nói cho rằng chữ viết từ bộ 示 thị thanh 必 tất, chữ 示 thị lại là âm 柿 thị. Ngược lại âm dưới là 癸榮 quý vinh. Cố Dã Vương giải thích rằng: Thanh kiếm treo trên cánh cửa, chỗ dùng nói ngoài lấy đóng cánh cửa lại. Theo văn nói là đóng cửa ngoài lại. Chữ viết từ bộ 戶 hộ thanh 冂 quynh. Trong văn kinh viết từ bộ 向 hướng viết thành chữ 局 quynh là sai.

Toại Cỗ 遂古. Ngược lại âm tùy loại. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: Toại là lâu bền. Sách Quốc Ngữ ghi rằng: Toại là tin theo. Quảng Nhã cho rằng: Toại là đến. Thuyết Văn cho là Toại là mất, chữ hội ý. Từ bộ 辵 xước thanh toại, âm toại đồng với âm trên.

Bài không 排空. Ngược lại âm 敗埋 bại mai. Cố Dã Vương cho rằng: Bài 排 là chống cự. Quảng Nhã cho rằng: Bài là đẩy tới. Thuyết Văn cho là Chèn ép. Chữ viết từ bộ 手 thủ thanh 非 phi.

Kiểm Lê 黔黎. Ngược lại âm 獫廉 kiễm liêm. Trịnh Tiễn chú giải sách Lễ Ký rằng: 黔首 Kiễm thủ là dân đen. Đời nhà Tần dùng từ này để chỉ cho dân chúng. Sách Sử Ký ghi rằng: Tần Thủy Hoàng trong hai mươi sáu năm cai trị lại đổi tên muôn dân là Kiễm Thủ Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ 黑 hắc thanh 今 kim. Ngược lại âm dưới là 禮提 lễ đề. Không an quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Lê黎 là dân chúng.

Liễm nhậm 斂任. Ngược lại âm trên là 廉獫 liêm kiễm. Sách Nhĩ Nhã ghi rằng: Liễm tụ 斂褻 là thu góp.

Khảo Thanh cho rằng: Sao chép. Thuyết Văn cho là góp nhặt, gom góp lại. Chữ viết từ bộ 文 thanh liêm. Ngược lại âm dưới là 任枕 nhậm chằm. Thuyết Văn cho là Vuốt áo sửa áo. Chữ viết từ bộ 衣 y thanh 任 nhậm.

Côn trùng 昆蟲. Ngược lại âm trên là 古魂 cô hồn. Chữ giã tá. Chữ chánh thể viết là 虫虫. Theo Thanh loại lại viết 琨 côn. Trịnh Tiễn chú giải sách Lễ Ký rằng: Gọi Côn Minh, là thủ phủ của tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Cũng gọi là 明虫 Minh Trùng, đó là dương mà sinh ra âm, thanh sa tạng phủ. Trong mùa hè sinh ra các côn trùng nhỏ, gọi là tiểu trùng. Thuyết Văn cho rằng là tên chung của côn trùng. Chữ viết từ hai bộ 虫 trùng. Ngược lại âm dưới là 逐融 trực dung. Sách Nhĩ Nhã ghi rằng: Có chân gọi là trùng 蟲, không chân gọi là 多 trĩ, là loại côn trùng không có chân. Thuyết Văn nói chữ viết từ ba bộ 虫 trùng. Văn chữ thường hay dùng viết 虫 trùng, 多 trĩ, âm 持 trì 里 lý.

A Nậu Đạt 阿耨達. Ngược lại âm 奴祿 nô lộc, tiếng Phạm đúng gọi là A-Na-Bà-Đạt-Đa 阿那婆達多. Đời Đường dịch là Ao Vô nhiệt nào. Ao này ở Ngũ Ấn-độ phía Bắc có núi tuyết lớn, Nam có núi Bắc Hương, ở giữa hai núi chính có ao tên là Long Trì. Xét thấy trong kinh Khởi Thế Nhân Bản và Luận Lập Thế A-Tỳ Đàm đều nói là Núi Tuyết lớn ở phía Bắc có ao lớn này, rộng mỗi bề năm mươi du-thiện-na, vuông một ngàn năm trăm dặm, bốn bên mặt ao chảy ra bốn con sông lớn, đều chảy quanh ao một vòng, rồi chảy ra bốn biển Đông. Trên mặt ao chảy ra gọi là bốn sông lớn, tức là sông Tư-đa, xưa dịch tên là Tư-đà Hà, tức sông Tư-đà. Ở mặt phía

Nam gọi là sông Căng-già, tức sông Căng-già, xưa gọi là sông Hằng. Bên mặt phía Tây đó xuất ra gọi là sông Tín-Độ, xưa gọi là sông Tân-Đầu. Phía Bắc chảy ra gọi là sông Phước-Sô, xưa dịch là sông Bác-Xoa. Hán dịch là sông Quốc Hoàng. Tức là mặt phía Đông gọi là sông Tư-đa, cuối con sông Tư-đa này tiếng địa phương gọi là Vô Nhiệt Nảo, tức là không nóng bức. Đây là tên gọi phúc đức của Long Vương. Tất cả loài Rồng đều chịu các khổ nóng bức, mà Long Vương ở trong ao này đều không chịu các khổ nóng bức trên, do đó mà gọi tên.

Thần điền 神甸. Ngược lại âm 亭現 đình hiện. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Chữ 甸 điền cũng giống như chữ 田 điền này, tức là ruộng. Nghĩa là ruộng của vua Phục trị. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Quy định vuông là một ngàn dặm, bên trong gọi là 甸 điền, Vua Phục mới dùng bốn mặt thành, mỗi bên là năm trăm dặm. Nay gọi là 畿 Kỳ, tức là đất của nhà vua cai trị. Âm 畿 kỳ là âm 祈 kỳ, Kỳ-xà-quật sơn 耆闍崛山. Âm trên là 祇 kỳ, âm dưới 達律 đạt luật. Chánh âm tiếng âm Phạm là Hột ly 紇哩 (nhị hợp). Đà-La 駄囉 (nhị hợp). Gọi là Khuất Tóa. Đời Đường dịch là núi Thức Phong. Tức là văn trước đã nói xong rồi.

Tung Hoa 嵩華. Ngược lại âm trên là 相融 tương dung. Ngược lại âm dưới là 獲罵 hoạch mạ. Tức là núi này cao mà to lớn, cùng với núi Thái Hoa, hai núi. Chữ 華 Hoa chánh thể viết từ bộ 山 Sơn đến bộ 華 Hoa. chữ giã tá, hay dùng.

Khẩn Thành 懇誠. Ngược lại âm trên là 康良 kang lương. Quảng Nhã cho rằng: Khẩn là tin thành thật. Theo

sách Tập Huấn cho là tốt lành. Chữ viết từ bộ 心 tâm thanh 懇 khân. Âm khân đồng với âm trên.

Điều sán 齣. Ngược lại âm trên là 亨遙 đình diêu. Văn thường hay dùng và chữ chánh thể viết từ bộ 髟 tiêu, viết thành chữ 髹 Thiêu.

Bì Thương giải thích rằng: Thiêu là tóc dài. Khảo Thanh cho rằng: Đứa trẻ cắt tóc còn để lại hai bên mảng tóc gọi là Thiêu. Nghĩa là trẻ em để hai mảng tóc hai bên đầu (tóc trái đào). Chữ viết từ bộ 髟 tiêu thanh 召 triệu. Trái với âm dưới là 初櫬 sơ sán. Thuyết Văn nói giải thích rằng: 齣 Sán là hủy bỏ cái răng. Đứa bé trai tám tháng mọc răng đến tám tuổi bỏ răng gọi là thay răng, gọi là sán 齣. Bé gái bảy tháng mọc răng đến bảy tuổi thay răng, gọi là hiệt. chữ viết từ bộ 齒 xỉ thanh chủy. Trong văn kinh viết từ bộ 乙 ất là sai. Âm 髦 mao là âm 毛 mao. Âm 髟 tiêu là âm 必姚 tất diêu. Âm 剃 thể. Ngược lại âm 天計 Thiên kế Ca-duy 迦 là Tiếng Phạm. Xưa dịch sai, lược. Chánh âm Phạm là 劫毘羅伐罕赭 kiếp-tỳ-la Phật-tốt-đồ. Là nơi Phật Đản sanh.

Cửu thực 久植. Ngược lại âm 時力 thời lực. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Thực là lâu dài. Thiên Thương Hiệt cho: Thực là nghỉ ngơi. Khảo Thanh cho rằng: Dựng, cắm xuống. Chữ viết từ bộ 木 mộc thanh 埴 thực.

Túc nhạc 足岳. Ngược lại âm trên là 將俗 tương tục. Văn thường hay dùng và chữ chánh viết từ bộ 止 Chỉ đến bộ 止, Chỉ viết là 足 túc. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Túc 足 là thành. Vận Anh Tập giải thích rằng: Tăng trưởng và lợi ích, cũng là chữ giã tá. Ngược lại âm dưới là 五角 ngũ giác. Quảng Nhã cho rằng: Núi Nhạc

rất cao. Bạch Hồ Thông cho rằng: Giác đồng với công đức, hoặc viết là nhạc 鸞 trong kinh viết 岳 nhạc chữ cổ. Âm 桺 giác ngược lại âm 苦桺 khô giác.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 1

Pháp Sư Huyền Trang vãng chiến dịch.

SƠ PHẦN DUYÊN KHỞI PHẨM THỨ NHẤT

(Giải thích đề Kinh bốn tiếng Phạm).

Bát 般 âm bát, Bốn âm Phạm là bát-la 鉢囉 (nhị hợp). Chữ La-Thủ-La (囉取囉) Thượng thanh. Lại bao gồm chuyển lưỡi đọc, tức là hai chữ hợp lại, hai chữ mỗi chữ lấy một nửa âm hợp làm một thanh. Xưa gọi là bát đó là sai là lược.

Nhã 若. Ngược lại âm 而者 nhi giả. Chánh âm Phạm là 枳𢶏 chỉ nhương (nhị hợp). Âm 枳 chỉ. Ngược lại âm 雞以 kê dĩ. Chữ 𢶏 nhương lấy Thượng thanh, hai chữ hợp lại thành một thanh. Xưa dịch là nhã, cũng là lược.

Ba 波 Chánh âm Phạm nên gọi là Bá 播. Ngược lại âm 波 ba có đây là dẫn thanh.

La 羅. Chánh âm Phạm lẽ ra gọi là囉 la. Lấy chuẩn Thanh thượng 羅 la là thượng thanh, chuyển lưỡi đọc gọi là囉 la.

Mật Đa 密多. Chánh âm Phạm là 弭多弭 nhị đa nhị. Ngược lại nên nói đầy đủ là 迷以 mê dĩ Ma hạ 麼賀 dẫn, tới âm 𢶏囉 bát la (nhị hợp), 枳𢶏 chỉ nhương (nhị hợp)

播 Bá dẫn tới âm 囉 La chuyển lưỡi đọc 弭多 nhị đa. âm Phạm là 麼賀 ma hạ. Đại Đường âm là 鉢囉 bát La, cũng là hai âm hợp. 枳攘 chỉ nương, hai âm hợp lại. Đời Đường gọi là Tuệ 慧, cũng gọi là Trí Tuệ hoặc đọc âm 播 bá dẫn đến âm gọi đúng là rõ biết nghĩa tịnh (hiểu biết nghĩa trong sạch). Đây gọi là giải.

La-Nhị Đa 囉弭多. Đời Đường dịch là bỉ ngạn đảo. Nay hồi văn lại gọi là Đảo bỉ ngạn. Như trên, chỗ nói tuy là bốn chánh Tiếng phạm, lược âm, chỗ hành trì đã khó là cải chánh lại đọc là Bát-nhã Ba-La-Mật-Đa. Như thế truyền lâu rồi ở đời, người trí tuệ ngu muội cùng chỗ nghe ngày nay, soạn ra luận, chỗ giải trong kinh âm, văn chữ và giải thích Tiếng phạm không thể không nói đầy đủ. Nhưng muốn học hỏi kinh hiểu biết cho rộng là tri kiến nghe nhận biết phải là chân thật, chẳng phải sửa đổi bản dịch trong văn kinh. Như dưới đây các kinh, trong có chánh Tiếng phạm và văn luận, chữ chẳng phải đều đồng. Đây là nêu lấy hay bỏ, xưa nay đều nhận cho rằng tùy theo bốn chí.

Bạc-già-phạm 薄伽梵. Tiếng phạm Ngũ Ấn-độ và Đại Trí Độ cho rằng: Hiệu tôn xưng của Đức Như lai, có vô lượng danh hiệu, nay chỉ lược mà nói, có sáu danh hiệu: Bạc-già-phạm, là tên gọi chung, nghĩa là rất tôn kính tôn xưng mỹ đức của Chư Phật. Xưa dịch là Thế Tôn, thế xuất thế gian, hàm nghĩa tôn trọng. Cho nên trong Luận Phật Địa có kệ tụng rằng:

Tự tạ xí thanh và đản nghiêm

Danh xưng cát tường và tôn quý

Sáu thứ như thế nghĩ sai khác

Nên biết hiệp chung Bạ-già-phạ.

Đây là bài văn ca tụng chứa đựng nhiều nghĩa, người dịch kinh còn giữ lại tiếng Phạm. Sau này có bốn tiếng phạm và Đà-la-ni cú chuẩn đây nên biết.

Trọng Đảm 重擔. Ngược lại âm trên là 柱勇 trụ dũng, chữ Thương thanh. Ngược lại âm dưới là 耽濫 đam lạm. Quảng Nhã cho rằng: Đảm là gánh vác, dùng cây mà gánh vật gì đó. Thuyết Văn nghĩa là đưa lên, nhắc lên. Chữ viết từ bộ 手 thủ, thanh 擔 đảm. Trong văn kinh có viết từ bộ 木 mộc viết thanh chữ 擔 đảm này là sai.

Đẳng vi 等為. Thuyết Văn viết chữ Đẳng từ bộ 竹 đến bộ 寺 tự. Ngược lại âm dưới là vinh nguy. Chữ vi trên viết từ bộ 爪 trảo. Trong văn kinh viết 為 vi này là sai lược.

Thôi diệt 摧滅. Ngược lại âm trên là 藏雷 tàng lôi. Cổ Dã Vương giải thích rằng: Thôi 摧 là bề gãy. Khảo Thanh cho là Chém bị thương. Thuyết Văn cho rằng: Dùng sức mà ép xuống, gạt đẩy ra. Âm 濟 tế, ngược lại âm 精禮 tinh lễ. Chữ thôi viết từ bộ 手 thủ thanh 追 truy. Ngược lại âm dưới là 彌結 di kết. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Là tiêu diệt. Ngọc Thiên giải thích rằng: Là chết mất, chìm mất. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thanh 威 uy, chữ viết 威 uy từ bộ 戌 tuất đến hỏa.

Hi di 熙怡. Ngược lại âm trên 虛飢 hư cơ. Chữ tóm lại gọi là Hi là vui vẻ hòa hợp. Khảo Thanh cho rằng: Hi là tốt đẹp, chữ viết từ bộ hy. Ngược lại âm 必遙 tất diêu. Ngược lại âm dưới là 以之 dĩ chi. Khảo Thanh cho là vui vẻ hòa duyệt. Thuyết Văn giải thích rằng: Hòa hợp. Chữ viết từ bộ 心 tâm thanh 台 đài. Chữ đài vốn là chữ

cổ, văn lấy từ nơi chữ Tần xúc 𪔐蹴. Ngược lại âm trên là 毘寅 tỳ dân. Ngược lại âm dưới là 酒育 tử dục. Văn chữ nhóm lược cho rằng: Tần 𪔐 là cau mày.

Cổ Dã Vương cho rằng: Tần xúc là lo lắng ưu sầu không vui. Khảo Thanh cho rằng: Xúc tư, là hồ then, then thùng. Thuyết Văn cho rằng: Lội qua nước thì gọi là Tần xúc. Văn cổ viết là 𪔐 tần. Nay viết tĩnh lược. Dưới là âm xúc hoặc là viết 蹙 xúc cũng đồng. Văn cổ viết xúc. Trong văn kinh viết 蹙 xúc chẳng phải bốn chữ giải thích. Chữ 蹙 xúc này nghĩa là cùng cực, ép ngặt, là tội ác, là cấp bách thôi thúc. Chẳng phải nghĩa trong kinh.

Quái ngại 罣礙. Ngược lại âm trên là 華寡 hoa quả. Ngược lại âm dưới là 我蓋 ngã cái. Thuyết Văn cho rằng: Vương phải mảnh lưới giăng nên làm trở ngại. Chữ viết từ bộ 网 võng đến bộ 圭 khuê thanh 省 tỉnh. Ngại 礙 là dừng lại. Chữ viết từ bộ 石 thạch thanh 疑 nghi.

Xả ách 捨輓. Ngược lại âm ư cách. Văn thường hay dùng viết đúng là 輓 ách. Từ bộ 車 xa cho đến bộ 戶 hộ bộ 乙 ất. Trịnh Chúng chú giải Khảo Công Ký rằng: Cái càng lớn thẳng là ách bằng gỗ đè xuống cổ con trâu.

Ni-Sư Đàn 尼師壇 là tiếng phạn nói lược. Nói đúng đầy đủ âm Phạm nên nói rằng: 寧史娜曩 Ninh Sử-Na-Năng. Đờ Đờng dịch là Phu cụ 苴具. Nay dịch là tọa cụ 具. Âm ninh. Ngược lại âm 寧頂, ninh đỉnh.

Lưỡng Phu 兩趺. Ngược lại âm 甫無 phủ vô. Văn thường hay dùng viết cho đúng là phu. Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ rằng: Là mu bàn chân. Trong văn kinh viết bắt chưa rõ nghĩa chữ này.

Lưỡng cân 兩跟. Ngược lại âm 罔恩 võng ân. Chữ

thống nhất lại gọi là gót chân sau gọi là 跟 cân. Thuyết Văn cho là Gót chân. Chữ viết từ bộ túc đến chữ 根 căn, thanh 省 tỉnh. Âm 踵 chủng. Ngược lại âm 腫 thũng.

Tứ quả 四螺. Ngược lại âm 華 hoa ngôa. Thiên Thương Hiệt giải thích rằng: Mắt cá chân. Theo Thanh Loại cho rằng: Ngoài bàn chân phụ thêm cục xương, bên trong, bên ngoài là bốn cục mắt cá. Thuyết Văn cho là Mắt cá chân. Chữ viết từ bộ 足 túc, thanh khỏa, thanh 省 tỉnh. Âm khỏa đồng với âm trên.

Lưỡng hĩnh 兩脛. Ngược lại âm 形定 hình định. Văn Ngọc Thiên giải thích rằng: Bắp chân nhỏ từ mắt cá lên đến đầu gối. Thuyết Văn giải thích rằng: Chân đi. Âm hành. Ngược lại âm 幸 hạnh. Chữ viết từ bộ 肉 nhục, thanh khinh thanh 省 tỉnh. Âm 腓 phi. Ngược lại âm 肥 phì, nghĩa là cổ chân, bắp chân.

Lưỡng thuyền 兩. Ngược lại âm 湍奕 thuyền nhuyễn. Theo văn Tự Tập lược giải thích là bắp chân. Thuyết Văn cho rằng: Bắp chân to chỗ cục xương, hoặc là viết Chuyên đoán chuyên (塹蹠). Bốn chữ tượng hình cũng đồng. Nay viết từ bộ 肉 nhục âm 湍 thuyền âm 船 thuyền.

Lưỡng tất 兩膝. Ngược lại âm cốt dật (骨逸). Ngọc Thiên chú thích rằng: Tất là từ đầu gối trở lên. Thuyết Văn cho rằng: Là lóng xương đầu cổ chân. Chữ chánh thể viết từ bộ 冫 tiết viết thành chữ tiết, âm 冫 tiết (節) tiết. Âm 𦵏 tất là âm 七 thất. Trong văn kinh viết từ bộ 月 nhục viết thành chữ 膝 tất, có lúc cũng dùng chữ này.

Lưỡng bễ 兩髀. Ngược lại âm 𪔐米 bễ mẽ Khảo Thanh cho rằng: Bễ là xương đùi. Thuyết Văn nói chữ

chánh thể viết 脾 từ nghĩa là cổ chân. Thanh 萆 từ, hoặc viết là 埤 bì. Văn cổ chữ cổ. Nay trong kinh viết từ bộ 月 nhục viết thành chữ bê là chẳng đúng. Vốn không có chữ này.

Yêu hiệp 萆脅. Ngược lại âm 香業 hương nghiệp, hoặc viết chữ 脅 hiệp này cũng đồng nghĩa. Thuyết Văn nói cho: là hai bên sườn. Chữ viết từ bộ 肉 thanh hiệp 𠂔 là âm diệp. chữ viết từ ba bộ 力 lực. Trong văn kinh viết ba bộ đao 刀 viết thành hiệp 脅 này là chẳng đúng.

Tề trung 臍中. Ngược lại âm tình hề 情奚. Chữ trong sách giải thích rằng: Cái rốn ở giữa bụng gọi là tề 臍. Thuyết Văn cho: Cái cuống rốn. Chữ viết từ bộ 肉 nhục thanh 齎 tề hoặc âm dưới viết từ bộ 肉 cũng đồng chữ từ là âm 毘 từ.

Hung ức 臆. Ngược lại âm trên là 香邕 hương ung. Thuyết Văn cho rằng: Hung tùy. Theo chữ tùy tức là cái ngực, hoặc viết là 匈 hung, cũng thông dụng. Ngược lại âm dưới là 應力 ứng lực. Thuyết Văn cho rằng ức cũng là ngực. Chữ viết từ bộ 肉 nhục đến ức 億 thanh tỉnh 省. Trong kinh viết 月 nhục là sai.

Lưỡng dịch 兩腋. Ngược lại âm 盈益 doanh ích. Âm dưới là vuu diệp 尤亦. Đều là chữ thông dụng. Bì Thương cho rằng: Ở phía sau khuỷu tay, tức là dưới nách. Chữ đúng xưa nay viết là dịch cách 腋胳. Chữ viết từ bộ 肉 nhục cho đến chữ dịch 液 thanh tỉnh 省. Âm 胳 là âm các 各.

Lưỡng bác 兩膊. Ngược lại âm 膀莫 bàng mạc. Tự tâm lại là Cái bã vai. Thuyết Văn cho là Cái vai. Chữ viết từ bộ cốt 骨 đến bộ bác 博 thanh tỉnh 省. Trong kinh

phần nhiều viết từ bộ nhục 月 viết thành chữ bác 膊 này là sai. Ngược lại. Quách Phác cho rằng: Cắt xé ngũ tạng con bò con dê gọi là bác 膊, chẳng phải nghĩa kinh. Âm 膊 là âm tỳ 卑. Âm từ bộ phủ 甫 đến bộ thốn 寸.

Luống trửu 兩肘. Ngược lại âm 張柳 trương liễu. Thuyết Văn cho là Khuỷu tay. Chữ viết từ bộ nhục 肉 đến bộ thốn 寸, hoặc viết 𠂔𠂔 nữ nữ đều là chữ cổ.

Luống tý 兩臂. Ngược lại âm 碑寐 bi mi. Thuyết Văn cho là cánh tay, tức là phía sau tay, phía trước khuỷu tay gọi là cánh tay. Chữ viết từ bộ nhục 肉 thanh tích 辟.

Luống oản 兩腕. Ngược lại âm 烏灌 ô quán, hoặc viết 挽 oản, đều là vặn thường hay dùng. Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ cho là sau Bàn tay. Dương Hùng giải thích rằng: Oản là cổ tay. Theo chữ oản viết từ bộ thốn 寸 khẩu 𠂔. Trước và sau nắm tay gọi là 腕 oản.

Hang yêu 頤頤. Ngược lại âm trên là 項講 hạng giảng. Thuyết Văn cho là Phía trước gọi là cổ phía sau gọi là gáy. Âm dưới là yến kiên 宴堅. Theo thanh loại cho rằng: Yên 頤 là cổ họng. Thiên thương Hiệt cho rằng: Yên là yết hầu (cổ họng). Chữ đúng xưa nay viết từ bộ nhục 肉 thanh nhân 因. Theo chữ 頤 yên cho rằng: tức là cuống họng, gọi tên khác, hoặc viết là 頤 đều là chữ cổ Trong kinh viết từ bộ khẩu 𠂔 yên là chẳng đúng. Âm 頤 cảnh. Ngược lại âm kinh trình 經醒. Âm 暗 yên. Ngược lại âm 宴 yến. Âm ngõa 頤. Ngược lại âm 頤江 (hạng giang).

Di hàm 頤頤. Ngược lại âm 以伊 dĩ y. Ngược lại âm dưới là 含朦 cảm hàm cảm. Tiếng địa phương cho là cái gò má, cái hàm hô tương nhau. Theo Văn Tự tập lược

cho là cái cằm. Thuyết Văn cho là Xương gò má, xương má và xương hàm nương tựa nhau. Chữ viết từ bộ hiệt 頁, hiệt là cái đầu, đều là thanh di hàm 含. Trong kinh viết từ bộ 目 mục là chẳng phải. Âm di là âm 夷 di. Âm hài 頰 là âm hài 孩.

Giáp ngạch (頰額). Ngược lại âm trên là 兼葉 kiêm điệp. Quảng Nhã cho rằng: Giáp (頰) là xương má. Thiên Văn Ngọc cho rằng: con mắt dưới lỗ tai phía trước gọi là giáp 頰 là gò má, hoặc viết từ bộ 肉 viết thành giáp 𩚑 cũng là thông dụng. Ngược lại âm dưới là nha cách 牙格. Tiếng địa phương cho: ngạch (額) là cái trán. Thuyết Văn cho là Chữ viết từ bộ hiệt 頁 đến chữ cách 格 thanh 省 tỉnh. Trong văn kinh viết từ bộ khách 客 viết thành ngạch 額, cũng là văn thông dụng thường dùng.

Hào tướng 毫相. Ngược lại âm trên là hồ cao 胡高. Theo Tập Huân cho là lông nhỏ đẹp dài nhọn. Ngược lại âm dưới là 息亮 tức lượng. Nghĩa là lông nhỏ dài ở giữa hai đầu chân mày của Đức Như lai. Trong kinh Quán Phật Tam-muội nói rằng: sợi lông trắng ở giữa hai đầu chân mày của Phật, dài một trượng ba thước năm tác duỗi thẳng ra uốn vòng theo phía phải thành con ốc. Trong văn giải thích rằng: Đây là ba mươi hai tướng, là tướng tối thượng (trên hết).

Câu chi 俱胝. Âm 知 tri. Ở nước Thiên-trúc gọi là pháp số. Theo phẩm A-tăng-kỳ kinh Hoa Nghiêm chép: Mười vạn là một lạc-xoa.

Nước này lấy số một ức, một trăm lạc-xoa làm một câu-chi. Trong ba cấp pháp số, đây là tên giữa trong pháp số.

Na-dữu-đa (那庾多). Âm dữu 庾. Ngược lại là âm Dương chủ 羊主. Cũng là tên pháp số Xưa gọi là na-do-tha (那由他). Trong kinh Hoa Nghiêm nói rằng: Câu chi là A dữu đa, lại trong pháp số là tên của đại số cao nhất, đều là tốt cùng đến tận nơi vốn biến hóa không thể nghĩ bàn. Của tánh xung đồng pháp số này.

Căng-già 兢伽. Là tên con sông ở Tây Thiên-trúc. Ngược lại âm trên là kỳ nghi 其疑. Âm dưới là ngữ khứ 語祛. Đây là do âm Phạm viết ra. Tên dịch xưa là sông Hằng, tức là như trước đã nói là một trong bốn con sông lớn, sông ở phía Nam.

Ỗ sức (綺飾). Ngược lại âm trên là khi kỷ 欺紀. Theo sách Phạm Tử Kế Nhiên nói rằng: Lua hoa đẹp này xuất xứ ở nước Tề. Dùng theo hai màu sắc tơ lụa, dệt thành hoa văn, kể là dùng bông dày cuộn lại. Thuyết Văn nói rằng: Có vân có sọc đường viền. Chữ viết từ bộ mịch 糸 thanh kỳ 奇. Ngược lại âm dưới là thương chức 商織. Theo Tập Huấn Truyện cho rằng: Dùng để trang sức y phục thật lộng lẫy. Khảo Thanh cho rằng: Trang điểm, dọn dẹp rất sạch sẽ Thuyết Văn nói rằng: Là chà rửa quét dọn. Chữ viết từ bộ cân 巾 thanh thực 食.

Tín hoạt 信滑. Ngược lại âm trên tư kế 思計. Không An Quốc chú giải sách Thượng Thư cho là Sợi dây rất nhỏ mịn. Thuyết Văn cho là Rất bé nhỏ. Chữ viết từ bộ mịch 糸 thanh tín 𠂔, âm mịch 糸 là âm 覓 mịch, âm tín 𠂔 là âm 信 tín. Ngược lại âm dưới là hoạn bát 患八. Quảng Nhã cho rằng: Hoạt (滑) là rất đẹp. Ngọc Thiên cho rằng: Không trơn tru, rít như sáp. Thuyết Văn nói rằng: Có lợi ích. Chữ viết từ bộ mộc 木 thanh cốt 骨. Âm mỹ

嫩 là âm mỹ 美. Chữ mỹ là chữ cổ âm sắc 濇 là âm sắc 色.

Khinh nhuyển 輕𦉰. Ngược lại âm 乳 𦉰 nhũ xung. Khảo Thanh cho rằng: 𦉰 nhuyển là yếu ớt. Vận Anh Tập cho là Mềm mại. Thuyết Văn thì chữ viết từ bộ nhi 而 đến bộ đại 大. Lại chữ cổ viết nhuyển. Thuyết Văn cho là Mềm mại như da thú. Chữ viết từ bộ bắc 北 đến bộ cổ 古 hoặc là viết hai chữ nhuyển. Trong văn kinh viết nhuyển 軟, là chẳng đúng, đều không phải chữ này.

Cực bạo (極爆). Ngược lại âm dưới là bao mạo 包貌. Quảng Nhã cho rằng: Bao là nóng bức. Khảo Thanh cho rằng: Thiêu đốt củi lửa cháy dữ dội phát ra tiếng nổ. Vận Anh Tập cho rằng: Đốt pháo gây ra tiếng nổ gọi là bạo 爆. Thuyết Văn cho là hun đốt. Chữ viết từ bộ hỏa, thanh bao. Âm trái với âm trai giá. Âm chước 灼. Ngược lại âm chương dược 章藥.

Manh giả 盲者. Ngược lại âm 陌 彭 mạch bành. Thuyết Văn rằng: Có con mắt mà không có con người gọi là manh (tức là mù). Chữ viết từ bộ mục 目, thanh vong 亡. Trong văn kinh viết manh 盲, hoặc viết manh 盲, đều là văn chữ thường dùng.

Lung giả 聾者. Ngược lại âm 祿 東 lộc đông. Theo Tả truyện cho rằng: Có tai mà không nghe được hòa với năm âm gọi là lung 聾.

Đỗ Dự giải thích rằng: Lung là tối tăm, Thuyết Văn cho là Lung là không nghe được.

Á giả 啞者. Ngược lại âm á giả 亞賈. Khảo Thanh cho rằng: Á là không thể nói được. Theo chữ Á là người tuy có nghe mà không dùng lời nói ra được. Thuyết Văn

nói cho: Là người khiếm khuyết, khuyết tật.

Chữ chánh xưa nay viết á âm 啞暗. Từ bộ tật 疒 thanh á 亞. Trong kinh văn viết từ bộ khẩu 口 viết thành á 啞 là chẳng đứng, âm ách 厄 thanh 笑 tiếu. Chẳng phải nghĩa trong kinh. Âm á. Ngược lại âm ô da 烏耶, âm tật. Ngược lại âm nữ ách 女厄.

Tỉnh ngộ (醒悟). Ngược lại âm trên là tỉnh tịnh 星淨. Lại âm 星 tỉnh, Giả Quỳ cho rằng: Giải trừ say mê gọi là tỉnh, chữ hình thanh.

Bì đôn (疲頓). Ngược lại âm trên là 皮 bì. Văn Ngọc Thiên cho rằng: “Bì” là mỗi một. Giải thích tên gọi là lao nhọc, chữ chuyển chú. Ngược lại âm dưới là 敦循 đôn tuần. Khảo Thanh cho rằng: Rất là khôn khổ Thuyết Văn cho rằng: dưới cái đầu từ bộ hiệt 頁 thanh là Hiệt thuần.

Lạc tĩnh 樂靜. Ngược lại âm trên là ngũ giáo 五教. Âm dưới là tĩnh 靜. Theo Văn Ngọc Thiên cho rằng: Tĩnh là suy nghĩ, cũng gọi là nghỉ ngơi, cũng gọi là an ổn. Theo Văn Chứng Pháp cho rằng: Tĩnh là xa lìa nơi ồn ào vọng huyễn gọi là tĩnh. Đây là chữ chuyển chú.

Xả huyên 捨誼. Ngược lại âm trên là vu viễn 圩遠. Theo Thanh loại cho rằng: Huyên hoa là ồn ào náo nhiệt. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: cũng gọi là ồn ào náo nhiệt, hoặc viết từ chữ quyền viết thành chữ huyên 誼, chữ hình thanh. Âm quyền là âm quán 灌 có từ bộ khẩu 口 viết thành chữ là văn thường hay dùng chẳng phải chữ chánh.

Diễm nhĩ 剡爾. Ngược lại âm 暉律 huy luật. Thiên Thương Hiệt giải thích rằng: Huất là bỗng nhiên nổi lên. Âm thốt 猝. Ngược lại âm thôn nột 村訥. Từ tổng hợp

lại gọi là Bồng nhiên. Thuyết Văn cho là Bồng nhiên có gió nổi lên. Chữ viết từ bộ Khiếm 欠 thanh điểm 炎.

Nhiều loạn 撓亂. Ngược lại âm trên là nũa giao. Quảng Nhã cho là nói: Loạn lộn xộn. Thuyết Văn cho là quấy rối. Chữ viết từ bộ Thủ 手 thanh nhiều 莠.

Anh tể 瑛蔽. Ngược lại âm trên là anh kính 英勁. Khảo Thanh cho là Ánh sáng chói chang. Vận Anh Tập cho rằng: Ánh sáng chiếu một bên. Chữ viết từ bộ Nhật 日 thanh anh 英. Trong văn kinh viết từ bộ Ương 央 ương viết thành chữ là ương chẳng đúng. Ngược lại âm ô lãng 食烏, không rõ ràng, chẳng phải nghĩa của kinh. Ngược lại âm dưới là tỷ (卑) kế 計. Quảng Nhã cho rằng: Ẩn dấu, đè nén xuống. Sách Sử Ký cho rằng: Bị ngăn trở chướng ngại. Thuyết Văn nói cho là Cọng cỏ nhỏ. Chữ viết từ bộ Thảo 艸 thanh tể 蔽.

Tô mê lô sơn 蘇迷廬山. Tiếng Phạm tên là Bảo Sơn, hoặc gọi là Tu-di sơn 須彌山. Hoặc nói là Di Lâu Sơn 彌樓山. Đều là âm Phạm chuyển thanh không đúng. Đúng âm Phạm là Tô-Mê-Hư-Hư (蘇迷嚧嚧), chuyển lưỡi đọc. Đồi Đường dịch là núi Diệu Cao. Trong luận Câu-xá gọi là Tứ Bảo. Chỗ thành là phía Đông bạch ngân, phía bắc là Hoàng Kim, phía Tây là Pha Lê, phía Nam là lưu ly xanh. Trong Đại Luận gọi là Tứ Bảo sở thành, gọi là diệu, là vì vượt hơn các núi, nên gọi là Cao, hoặc là núi Diệu quang, lấy bốn màu sắc là Bảo, Quang, minh và các màu khác chiếu sáng, nên gọi là “Diệu Quang”

Kỹ nhạc (伎樂). Ngược lại âm kỳ 綺. Ngược lại âm dưới là ngũ giác 五角. Theo văn cho là năm thanh, tám âm. Đó là tổng gọi chung các tên, giống như tiếng

trống dùng trong triều đại nhà Ngô, để lễ tế người chết có tiếng chuông hòa theo nên gọi là Ngô. Chữ viết từ bộ hổ 虍 đến bộ dị 異 viết thành chữ 彙 vị. Ngược lại âm cừ ngữ.

Bảo Đạc 寶. Trên là chữ Bảo. Thuyết Văn nói chữ bảo 寶 là từ bộ miên bảo. Bôi 貝, âm bảo, đồng với âm trên. Ngược lại âm dưới là Đường Lạc 唐洛. Trình Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Đạc là cái linh lớn bằng đồng, dùng làm hiệu linh.

Nam Thiệm Bộ Châu (南瞻部洲). Ngược lại âm thời lương 時梁. Chữ khứ thanh, tiếng Phạm, đây là gọi chung quả đất. Xưa dịch là Diêm-Phù, hoặc nói là Diêm-Phù, hoặc gọi là Diêm Phù Đề đều là tiếng Phạm. Chuyện độc sai, đúng âm Phạm gọi là Tiêm-Mô-lập-thế. Trong Luận A-Tỳ Đàm cho rằng: Có cây Thiệm-bộ mọc ở phía Bắc Châu này, ở chánh phía Nam ngạn sông Đà-La, ở trung tâm Châu này là phía Bắc nước chảy từ trên xuống, nước dưới gốc cây, phía Nam ngạn chảy xuống nữa có cội Thiệm-bộ Hoàng Kim. Xưa gọi là Diêm Phù Đàn Kim Thọ. Vì màu vàng mà được tên Châu” Vì tên cây mà đặt danh hiệu. Tên âm là thiệm-bộ của như Âm chiêm (譚). Ngược lại âm chi diệp 之葉. Âm chiêm 蠶. Ngược lại âm tầm lăm. Chữ Lăm lấy từ Thượng thanh nên gọi là Lăm.

Đông Thắng Thân Châu 東勝身洲. Xưa gọi là Phát-Vu-Đãi, hoặc gọi là Phát-Bà-Đề hoặc gọi là Tỳ Đề Ha, đều là tiếng Phạm, đọc có nặng có nhẹ không đồng. Đọc đúng âm Phạm là Bồ-la-Phược-vĩ-nễ hạ (補羅縛尾賀), dịch nghĩa là thân thắng 身勝. Luận Tỳ Đàm cho rằng:

Vì cỡi ấy hình thù của con người vượt hơn, nên thân thể không có tật bệnh, cao đến tám thước, nên gọi tên ấy.

Tây Ngưu Hóa Châu 西牛 () 洲. Xưa dịch là Cự-Già-Ni (瞿伽尼) hoặc là Câu-Da-Ni (俱耶尼), hoặc nói là Cù Đà Ni 瞿陀尼, đều là âm Phạm. Tiếng nước Sở, Hạ nói không đồng, đúng âm Phạm là Quá-La-Ni 過囉坭. Hán dịch nghĩa là Ngưu hóa 牛 (). Trong Tỳ Đàm Luận nói rằng: Vì cỡi kia rất nhiều trâu bò, nên dùng chữ 牛 Ngưu Hóa làm tên. Âm cụ (瞿). Ngược lại âm cụ ngu 具愚. Âm La 囉. Ngược lại là âm vô khả 無可. Âm ni. Ngược lại là âm 尼 ni táp.

Bắc Câu Lô Châu (北俱盧洲). Xưa gọi là Uất-Đơn-Việt 鬱單越, hoặc gọi là Uất Đát La 鬱怛囉, hoặc gọi là Uất Đa La Câu Lô 鬱多囉拘樓, hoặc gọi là Úc Đa La Cưu Lưu 郁多羅鳩留 đều là tiếng Phạm đọc có nặng có nhẹ không đồng. Đúng âm Phạm là Ôn-Đát-La-Cự-Lỗ 塢怛羅矩嚕. Đây dịch là Cao Thắng 高勝. Trong Luận A-Tỳ Đàm gọi là nơi này con người rất cao lớn sống thọ đến một ngàn năm, không có các khổ thường hưởng thọ sự vui sướng hơn các cõi khác, nên gọi là Cao Thắng. Âm ôn. Ngược lại âm ô cốt 烏骨. Âm Lỗ 嚕 là chữ chuyển đọc. T. 315

Thiệu Tôn (紹尊). Ngược lại âm thời nhiều 時遶. Sách Nhĩ Nhã giải thích rằng: Thiệu 紹 là thừa kế Giải thích tên gọi là từ xa. Sách Thụy Pháp giải thích rằng: Xa là thừa kế tiên vị gọi là thiệu. Chữ viết từ bộ mịch 糸 thanh triệu 召, âm mịch 糸 là âm mịch 覓.

Thiên Hành (千莖). Ngược lại âm thanh canh 幸庚. Khảo Thanh cho rằng: Hành 莖 là thân cây, thân cây cỏ

gọi là hành. Chữ viết từ bộ thảo, thanh tịnh.

Thính Vãng 聽往. Ngược lại âm thể doanh 體盈. Khảo Thanh giải thích rằng: lấy lỗ tai mà nghe cho kỹ, nghe theo, tin. Thuyết Văn cho là Lắng tai nghe. Chữ viết từ bộ đức 德 âm nhĩ 耳 thanh nhậm 任. Âm linh, là âm linh 靈, âm đức là âm đức 德. Âm nhậm. Ngược lại âm thể trình 體埕.

Phát dẫn (發弓|). Ngược lại âm trên là phan bát 番八. Thuyết Văn nói rằng: Bắn mũi tên ra. Chữ viết từ bộ cung 弓 đến bộ thù 殳, bát 𠂔. Nghĩa là tiếng của mũi tên bắn ra. Âm phan 番. Ngược lại âm phát ban 發班. Âm xa 賒. Ngược lại là âm xà giá 蛇蔗. Âm thù 殳 là âm thù 殊. Âm bát 𠂔. Ngược lại âm phổ mạt 普末. Dưới là âm dẫn 弓|. Ngược lại âm dân ấn 寅印. Chữ viết từ bộ cung 弓 đến bộ nhân (人). hoặc từ bộ 仁 (nhân) viết thành dẫn 弓|. Thuyết Văn nói cho rằng mở cây cung ra, lắp mũi tên vào.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 2 và 3

Ban trưởng (脹幢). Ngược lại âm trên là phổ bang 普邦. Ngược lại âm dưới là trương lượng 張亮. Bì Thương cho rằng: Bụng đầy hơi. Chữ viết đều từ bộ nhục 肉, hoặc là viết ban trưởng này cũng đồng, đều là chữ cổ Nùng lạn (膿爛). Ngược lại âm trên là nô hồng 奴紅. Chữ đúng xưa nay gọi là Ung thư, mụt ung phún máu ra. Thuyết Văn cho là Cái mụt sưng lên, phù lên tụ máu đỏ

Chữ viết từ bộ nhục 肉 thanh nung. Ngược lại âm dưới là lan đản 蘭袒. Tiếng địa phương cho là Lửa cháy nóng. Thuyết Văn cho rằng chữ viết từ bộ hỏa thanh lan 蘭.

Thanh ứ (青瘀). Ngược lại âm trên là thích doanh 戚盈. là văn thường dùng, Thuyết Văn cho rằng: Chữ chánh thể viết từ bộ sanh 生 đến bộ đan 丹, viết thành chữ thanh 青, là theo lệ sách thường hay viết lược. Ngược lại âm dưới là ư cứ 於據. Quảng Nhã cho rằng: Bệnh máu bị ứ không thể lưu thông. Thuyết Văn cho rằng: Bệnh ứ tụ máu. Chữ viết từ bộ tật 疒 thanh ứ Âm tật 疒. Ngược lại âm 女厄 nữ ách. Âm cứ 據. Ngược lại âm cư ngự 居御. Trong văn kinh viết 淤 ứ này là chẳng đúng. Chữ ứ (淤) này nghĩa là nước ở trong bùn. Chẳng phải nghĩa trong kinh.

Trác cảm (啄). Âm trên trác 卓. Quảng Nhã cho rằng: Trác (啄) là cắn. Thuyết Văn nói là Chim mỏ thức ăn. Chữ viết từ bộ khẩu 口 thanh trác 啄. Âm. Ngược lại âm sủng duyên 寵緣. Trong văn kinh viết từ bộ trúc 筑 viết thành tráo 啄 là chẳng phải. Âm tráo 啄. Ngược lại âm 圩穢 vu uế. Ngược lại âm dưới là đường lã 唐. Quảng Nhã cho rằng: Cảm là ăn. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết yên 咽 hoặc viết đạm 啖 nghĩa cho ăn, đều là chữ thông dụng. Trong văn kinh viết đạm 淡 này là chẳng đúng. Chữ 淡 đạm này nghĩa là không có mùi vị nghĩa là nhạt nhẽo, chẳng phải ý nghĩa trong kinh.

Ly tán (離散). Ngược lại âm tang tán 桑贊. Quảng Nhã cho rằng: Tán 散 là hư hoại. Thuyết Văn cho là Phân tán. Chữ viết từ bộ nhục 肉 thanh tán. Âm tán đồng với âm trên. Hoặc viết từ bộ duy 隹 viết thành chữ tán.

Trong văn kinh viết từ bộ cộng 共 đến bộ nguyệt 月 nhục đến bộ thủ 𠂇 viết thành chữ tán 散 này là chẳng đúng.

Hải cốt (骸骨). Ngược lại âm hà giai 遐皆. Văn Ngọc Thiên cho là tên gọi chung các bộ phận thân thể là hải 骸. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ cốt 骨 thanh hải.

Yêm Thực 魘食. Ngược lại âm trên là 伊 y diêm. Khảo Thanh cho rằng: Yêm là no, mỗi một. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ nhục 肉 đến bộ viết 𠂇. Chữ có là cam 甘, chữ đúng viết từ bộ khuyển 犬. Bộ khuyển cam 犬甘 đến bộ nhục 肉 hoặc viết là yêm này cũng đồng.

Xa-Ma-Tha (奢摩他). Là Tiếng Phạm, Hán dịch là chỉ tâm vắng lặng.

Tỳ-bát-xá-na (毘鉢舍那). Cũng là tiếng Phạm, Hán dịch là Quán, là quán pháp trí tuệ

Tiếp tốc (捷速). Ngược lại âm tiềm diệp 潛葉. Đồ Dụ chú giải Tả Truyện rằng: Tiếp 捷 là nhanh chóng. Vận Anh Tập cho rằng: Là mạnh mẽ nhanh nhẹn. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thủ 手 thanh kiến 建, hoặc là viết tiếp kiến 𢇛建 đều thông dụng.

Giải Phế 解廢. Ngược lại âm giai ích 皆噬. Giả Quỷ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: 解 Giải là mỗi một. Quảng Nhã cho là Biếng nhác, làm biếng. Thuyết Văn nói: Đãi 怠 là lười biếng, uể oải. Âm viết từ giá 嫁 là chẳng đúng.

Sàng Tháp (床榻). Ngược lại âm trên là trạng trang 狀莊. Theo văn Bát-nhã cho rằng: Chỗ nghỉ ngơi của người, dư tự an ổn. Thuyết Văn thì chữ viết từ bộ mộc 木 thanh tường 𡩺, âm tường 𡩺 là âm 牆 tường. Trong

văn kinh viết sàng 床 là chẳng đúng. Ngược lại âm dưới là thực đáp 食答. Trong văn Khuê Uyên Chu Tụ ghi là Cái giường dài. Giải thích tên gọi là Cái giường hẹp mà dài gọi là tháp 榻. Quảng Nhã cho rằng: tháp bình 榻枰 là cái bàn cờ Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ mộc 木 thanh tháp. Âm tháp đồng với âm trên. Âm bình 枰 là âm bình 平.

Trì chiêu (池沼). Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Nước đứng yên không chảy gọi là trì 池 tức là cái ao. Ngược lại âm dưới là chi nhiều 之繞. Đỗ Dự giải thích Tả Truyện rằng: Chiêu 沼 cũng giống như trì 池, nghĩa là cái ao mà lại uốn cong. Trì là cái ao tròn.

Bi hồ (陂湖). Âm trên là bi 悲, âm dưới là hồ 胡. Thuyết Văn cho rằng: Cái đầm nước lớn gọi là hồ 湖.

Tích nhất mao (析一毛). Ngược lại âm tinh diệc 星亦. Quảng Nhã cho rằng: tích (析) là phân ra. Thuyết Văn cho rằng: tích là phá bỏ, chặt cây. Chữ viết từ bộ mộc 木 thanh tường 𣎵, hoặc viết từ bộ cân 斤 viết thành tích 析.

Khang thô 糠. Ngược lại âm trên là khẩu tức 口即. Quách Phác cho rằng: Là vỏ của hạt gạo, tức là cám. Thuyết Văn cho rằng: vỏ của hạt ngũ cốc. Chữ viết từ bộ hòa thanh khang 康. Chữ khang 康, viết từ bộ mễ 米 đến bộ canh 庚. Trong văn kinh viết dưới bộ thủy viết thành chữ khang 康 này là chẳng đúng. Ngược lại âm dưới là khô ngoại 枯外.

Thiên Thương Hiệt giải thích rằng: Chữ thô cũng giống như chữ khang 糠. Tóm lại cho rằng: Hạt gạo chưa

có chà ra cám còn thô, còn gọi là gạo lúc. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ hòa thanh hội 會 âm thô 粗, là âm thô.

Quyên Thủ 絹取. Ngược lại âm 決忡 quyết xung, Khảo Thanh cho rằng: Dùng sợi dây bắt loài cầm thú. Chữ viết từ bộ võng 网 thanh quyên 絹, hoặc viết từ võng quyên, đều đồng nghĩa.

Nhiều não (擾惱). Ngược lại âm trên là nhi mịch 而汨. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Nhiều là gây rối loạn, quấy phá. Thuyết Văn cho rằng: Phiền não. Chữ viết từ bộ thủ 手 thanh ưu 憂憂 Âm ưu. Ngược lại âm nô cao 奴高. Tập Huấn Truyện cho rằng: Trong lòng buồn phiền uất kết, mà sanh ra phiền não buồn rầu. Thuyết Văn cho là. Có chỗ đau khổ, oán hận. Chữ viết từ bộ tâm 心 thanh não. Âm não đồng với âm trên, viết từ chữ 𠂔 tín, âm tín là âm 信 tín, giống như bộ xuyên 川, phát 髮 là tóc. Trong kinh viết chữ sơn 山 là chẳng đúng. Hung Đảng (兇黨). Ngược lại âm trên là 𠂔 恭 húc cung. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Hung (兇) là tội lỗi. Vận Thuyên Tập cho: là người thô ác. Thuyết Văn cho: là người ác, sợ hãi. Theo người xưa cho rằng: Ở trong điềm không tốt lành, điềm không may là chữ hội ý. Nay trong kinh viết từ chữ ngột 兀 là sai. Ngược lại âm dưới là đương lãng 當朗. Chữ viết đúng là đặng, hoặc là viết từ bộ nhân 人 viết thành chữ đặng.

Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Giúp nhau làm điều chẳng phải gọi là Đảng. Thuyết Văn cho rằng: Là bạn bè đông đảo, chữ viết từ bộ thủ 手 thanh đảng 黨.

Khôi quái (魁膾). Ngược lại âm trên là khổ hoàn 苦

環. Không An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Khôi 魁 là thầy. Quảng Nhã cho rằng: Là người chủ Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký: là người đứng đầu. Theo sách Sử Ký cho rằng: Là người mạnh mẽ cao lớn. Chữ viết từ bộ 鬥 đầu đến bộ quỷ 鬼. Ngược lại âm dưới là hoài ngoại 懷外. Quảng Nhã cho rằng: Quái (膾) là thịt cắt ra, băm nát. Theo chữ Khôi quái (魁膾) nghĩa là người giết mổ hung ác. Chữ viết từ bộ Nhục 肉 thanh hội 會.

Oán địch (怨敵). Ngược lại âm trên là ư viễn 於遠. Không An Quốc giải thích sách Thượng Thư cho là Oán cừ với nhau. Khảo Thanh cho là ghét. Cố Dã Vương cho là Hận, oán trách. Thương Hiệt giải thích rằng: Hận thù lâu đời. Thuyết Văn cho là Sân hận. Chữ viết từ bộ 心 thanh oán, hoặc viết là oán. Ngược âm dưới là đình lịch 亭曆. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Chữ địch 敵 cũng giống như chữ đối 對, nghĩa là đối địch nhau. Thuyết Văn nói là cừ địch. Chữ viết từ bộ Truy 攷 thanh địch âm địch là âm đích 臈.

Tứ cầu (伺求). Ngược lại âm trên là 司恣 tư tứ Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Tứ là theo dõi, xem xét, nhìn ngó. Cố Dã Vương cho rằng: Hầu hạ, phục dịch. Chữ trong sách cho rằng: Chú ý, theo dõi, nhìn theo. Ngược lại âm thanh dự 青預. Thiên Thương Hiệt viết chữ tứ 伺, Quảng Nhã viết chữ tư. Nghĩa là ba người cùng nhau hầu hạ phục dịch. Thuyết Văn cho là Chữ viết từ bộ Nhị 二 đến bộ Khuyến 犬 đến bộ Thần 臣 viết thành chữ thứ cũng giải thích đồng với âm trên.

Chiên-Trà-La (旃荼羅), Là Tiếng Phạm. Ngược lại

âm trên là chi nhiên 之然. Ngược âm kê là trạch da 宅耶. Chánh âm Phạm là nô nhã 奴雅. Ngược lại trong văn kinh viết âm trà 茶, âm này không cần thiết. Xưa gọi là Chiên-Đà-La 旃陀羅 đều sai. Tây vực ký chép: Đồ quái chủ sát 屠膾主殺, là người giữ ngục. Vì nước kia thường chế ra pháp luật dùng roi da để đánh, loại hình phạt này khi người đi đường bên trái thì bắt giữ lại chặt cây trúc, hay là lắc cái linh cho nghe tiếng, tự thân run sợ mà tránh đường, vì cho rằng người không sạch sẽ là hạng người thấp kém. Nếu không làm như vậy thì nước này không có hình luật nghiêm, Vua thị phạt người này rất rõ ràng để nói lên dơ uế sạch sẽ có khác.

Trúc vi 竹葦. Thuyết Văn cho rằng: Trúc 竹 là chữ tượng hình. Ngược lại âm dưới là vi quỷ 為鬼. Thuyết Văn cho rằng: Cây lau lớn, chữ viết từ bộ Thảo 草 thanh vi 葦. Theo chữ tức là cây mía lớn.

Ô-Ba-Ni-Sát-Đàm Phần (嗚波尼殺曇分). Tiếng Phạm gọi là số cực lớn trong Pháp số. Người xưa dịch là “Nhân quả không tương tự, lực có thể vượt qua. Trong Đại luận dịch là Nói phân tích rất nhỏ cũng giống như phân tích sợi lông, cho rằng trăm phần lại phân chia ra một phần trăm ngàn muôn phần, lại nơi chỗ phân tích nhỏ nhất đó trong phần trước chỗ phân tích cực nhỏ cho đến chỗ không còn phân tích được nữa, thì gọi là Ô-Ba-Ni-Sát-Đàm-Phần.

Pha năng 頗能. Ngược lại âm ba khả 波可, hoặc viết là khu 區.

Khảo Thanh cho là không thể. Trong Văn Tự Tập Lược cho rằng: Chữ 頗 cũng giống như chữ 可 khả, đều

là từ ngữ.

Huỳnh hỏa (螢). Ngược lại âm huyết dinh 穴羸, hoặc là viết huỳnh 熒. Nguyệt Linh cho rằng: Cỏ mục hóa thành con đom đóm.

Xí thịnh 熾盛. Ngược lại âm trên là xương chí 昌志. Mao Thi Truyện cho rằng: Xí 熾 cũng giống như Thịnh. Nghĩa là lửa hùng hực. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ hỏa đến bộ thức thanh tỉnh 省. Ngược lại âm dưới là thành chánh 成正. Khảo Thanh cho rằng: là cường thịnh, nhiều đầy, thịnh vượng. Thuyết Văn nói cho rằng chữ viết từ bộ mãnh 𤔓 thanh thành 成.

- Quyển 4, 5, 6, 7 ba quyển này không giải thích.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 8

Manh minh (盲冥). Ngược lại âm mạc bình 莫瓶. Khảo Thanh cho là tối tăm, cũng gọi là đêm tối. Thuyết Văn cho rằng: Âm u theo ngày, số ngày mười sáu mỗi tháng mười sáu ngày tháng bắt đầu thiếu một ngày cho nên dần dần u tối. Chữ viết từ bộ miên thanh diệc 亦. Âm mịch 一 là âm mịch 覓. Trong kinh viết từ bộ miên, đến bộ cụ 具 viết minh 冥 này là chẳng đúng.

Du Thiện Na (踰繕那). Ngược lại âm trên là dương chu 羊朱. 繕 Thiện là âm thiện 善. Xưa gọi là do-tuần 由旬, hoặc do diên 由延, hoặc踰碑那 du-xà-na, đều là tiếng Phạm chuyển đọc sai, lược. Gọi đúng là踰繕那 Du thiện na, như trên. Ngày xưa, Thánh Vương đi hành

quân lộ trình một ngày. Trong các Kinh luận phiên dịch trước và sau lẫn nhau nói không đồng, văn cú sinh ra nhiều, có lược bớt mà không nói rõ. Nay lại xét Tây vực ký rằng: Du-thiện-na, đó là từ xưa Thánh Vương lộ trình đi hành quân. Xưa truyền lại rằng: Một du thiện na có bốn mươi dặm, mà nước Ấn-độ thường dùng ba mươi dặm. Trong Thánh Giáo ghi chỉ có mười sáu dặm. Như trên trong các kinh luận chỗ nói có sai khác nhau không đồng. Xét kỹ các kinh luận thì có khác mà cũng có chỗ y cứ dựa theo, hoặc là lấy theo Thánh Vương, hoặc là lấy thước tay, hoặc là lấy theo thước xưa, lấy hay bỏ đều tùy theo nơi chỗ mà có khác, nhưng cuối cùng là lấy theo ngày lộ trình hành quân của Thánh Vương. Trích lấy trong đó là thật. Nay theo Tây Vực ký thì ba mươi dặm là nhất định. Pháp Sư Huyền Trang, đích thân khảo sát chọn lựa xa gần. Đây là viết theo phụng đối của vua Thái Tông, giữa chỗ khảo sát là thật, chân thật, cho nên dựa theo chỗ khác đều theo.

Tát Ca Tà Kiến (薩迦邪見). Ngược lại âm cương khư, là Tiếng Phạm Hán dịch là Thân kiếm ngoại đạo, nghĩa là bất chánh kiến.

Điều cử (掉舉). Ngược lại âm trên là 亭弔 đình điều. Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Điều (掉) là lắc lư, đong đưa. Vận Anh Tập cho rằng: Động, lay động, không đứng yên. Quảng Nhã cho là Hăng hái. Thuyết Văn nói viết từ bộ 手 đến bộ điều thanh tỉnh 省. Ngược lại âm dưới là cư ngữ 居圉. Chữ trong sách giải thích rằng: Nhô lên, nổi lên, khiến cho cao hơn. Thuyết Văn giải thích: Nêu lên, nâng lên. Chữ viết từ bộ Thủ 手

thanh dữ 與.

Lai nhiêu 來嬌. Ngược lại âm nê điều 泥鳥. Thuyết Văn giải thích rằng: Làm trò vui đùa. Chữ hình Thanh. Trong văn kinh viết nhiều, nghĩa là chọc ghẹo nhau, cũng là văn thường dùng.

Tổng nhiếp (摠攝). Ngược lại âm tổ đồng 祖董. Khảo Thanh cho rằng: điều bằng nhau, nắm giã lấy. Ngọc Thiên cho rằng: Tương lĩnh, đều ban ra. Thuyết Văn nói gom nhiếp chung, nghĩa gồm nắm lấy tất cả cột lại. Chữ viết từ bộ Mịch 糸 thanh hốt 忽. Trong văn kinh viết từ bộ thủ 手 viết thành chữ nhiếp là văn tự thường dùng. Ngược lại âm dưới là khổ điệp 苦葉. Khảo Thanh cho rằng: Chữ viết từ bộ 手 nhiếp chung, âm nhiếp. Ngược lại âm thất điệp 失葉.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 9

Sơn nhai (山崖). Ngược lại âm nhã giai 雅皆. Vận Anh Tập giải thích rằng: Vách núi, đường biên cao. Tập Huân Truyện giải thích rằng: Núi ở chỗ biên giới. Thuyết Văn giải thích rằng: Nơi biên giới cao. Chữ viết từ bộ Nhai đến bộ Khuê 圭 thanh tỉnh 省, Âm 岸 ngạn. Ngược lại âm ngũ hại 五割.

Lăng hư 陵虛. Ngược lại âm lực矜 lực căng. Chữ chánh thể viết từ bộ Lực 力 viết thành chữ lăng. Ngọc Thiên giải thích rằng: Lăng là xâm phạm. Thuyết Văn viết chữ 凌 lăng này. Lăng là vượt qua, tiến lên, siêu việt. Trong văn kinh viết từ bộ 阜 Phụ viết thành chữ lăng 陵,

là chữ mượn dùng chẳng phải chánh thể.

Như Liệu (如燎). Ngược lại âm liệu 鳥 điều liệu điều 遠鋤, hai âm. Khảo Thanh cho là lửa cháy nhẹ. Tự Thư giải thích rằng: Cây đèn cây trước sân gọi là liệu 燎. Thuyết Văn cho rằng: Cây đuốc lớn. Chữ viết từ bộ hỏa, thanh liệu, âm liệu.

Văn Ma 摩. Ngược lại âm vũ phần 武粉. Quảng Nhã cho là Lau chùi. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ Thủ 手 thanh văn 文.

Hân Tâm (懽心). Ngược lại âm hân cần 欣艱. Khảo Thanh cho rằng: Hân là tội lỗi. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Hân là hiềm khích.

Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Hân-động nghĩa lấy máu con vật cúng tế Thuyết Văn nói viết từ bộ dậu 酉 đến bộ phân 分, đến hưng thanh tỉnh 省. Trong văn kinh viết hân 豐 là văn thường dùng là sai.

Kịch Khổ (劇苦). Ngược lại âm kỳ nghịch 奇逆. Tiếng địa phương cho rằng: Bệnh ít từ từ thuyên giảm, mà cộng thêm chữ kịch 劇 nữa.

Cổ Dã Vương cho rằng: Kịch là rất nặng, gọi là càng ngày càng thêm nặng như trước. Chữ chánh xưa nay viết từ bộ đao 刀 thanh kịch. Trong kinh viết 劇 là văn thường dùng là sai.

Bất Khứu 不嗅. Ngược lại âm hứa cứu 許救. Vận Anh Tập cho rằng: Dùng mũi mà lấy hơi. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ Tỵ 鼻 thanh xú 臭.

Duy nhiên (唯然). Ngược lại âm duy quý 惟癸. Người xưa nói rằng: Duy là giữ gồm duy trì. Nay nói

rằng: Tóm lại các nghĩa. Trịnh Huyền cho rằng: Ứng từ là giữ lại sự cung kính các nơi.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

10

Đại Âm Quang (大飲光). Tức là danh xưng tốt đẹp của Ngài Đại Ca-diếp-ba. Trong Luận Đại Tỳ-Bà-Sa giải thích rằng: Thời thượng cổ có một vị Tiên, thân có ánh sáng rực rỡ, có thể nhiếp hết tất cả các ánh sáng khác, làm cho không thể hiện ra được, cho nên hiệu là Âm Quang Ma ha Ca-Diếp Ba là. Đây là chủng loại của vị Tiên kia, thân có màu vàng ròng rực rỡ. Thế cho nên người đời mới lấy hiệu là Đại Âm Quang.

Loa bồi 貝. Ngược lại âm hư hòa 虛. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Con ốc sên, con tò vò, các loại côn trùng. Trong văn kinh viết loa là con ốc. Văn thường dùng. Dưới là chữ bồi 貝. Thuyết Văn nói cho rằng dùng chữ tượng hình.

San hô 珊瑚. Ngược lại âm trên là tang an 桑安. Âm dưới là hộ cổ 戶牯. Hán Thư cho rằng: Ở nước Kê-tân, sản xuất loại San hô quý báu, màu sắc này đỏ hồng mà chiếu ánh sáng nhỏ ly ti, loại San hô thường mọc dưới biển lớn, hoặc là xuất ra tên của núi giống như loại cây, có nhánh mà không có lá, lớn có thể cao hơn một thước.

Thính Hứa (聽許). Ngược lại âm thể doanh 體盈. Trước đã giải thích rồi.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

11

Đầu cảnh (頭頸). Ngược lại âm kinh tỉnh 經井. Đã thấy trước giải thích không trùng lặp.

Huyễn Sự (幻事). Ngược lại âm hoàn quán 還慣. Cổ Dã Vương giải thích rằng: Huyền gọi là tướng lừa dối người mắt bị bệnh loạn. Thuyết Văn cho là tướng dối trá, huyền hoặc. Chữ viết từ bộ yêu 么. Ngược lại âm u điều 於條, cũng viết từ chữ huyền 幻.

Mộng cảnh (夢境). Ngược lại âm 蒙洞 mộng động. Thiên Thượng Hiệt giải thích là mộng tưởng. Thuyết Văn cho là Ngủ say không tỉnh giấc. Chữ viết đúng là mộng, nay viết lược. Ngược lại âm dưới cư ảnh 居影. Văn thường dùng. Gọi là cảnh giới. Chữ viết từ bộ thổ thanh cánh 竟.

Tầm Hương Thành (尋香城). Xưa gọi là Càn-Thát-Bà-Thành 乾闥婆城. Đời Đường tiếng Phạm tuy có đặt biệt khác nhau nhưng thật ra chỉ có một. Luận Du-già giải thích rằng: Lạc âm, là âm thanh vui, ở phía Đông Địa thuộc, Trì Quốc Thiên Vương, ở phía Đông thường cùng với các vị trời tấu nhạc, ở cõi trên vui chơi. Vì năng lực nghiệp cảm, cho nên các cõi trời nhớ nghĩ lúc vui mà tìm thần hương, tức là khi cảm đến lòng lay động, nghe mùi hương cõi trời kia mà tìm đến các Thiên nữ tấu nhạc để tìm thú vui, hoặc gọi là thần Thực hương. Theo đây cõi trời chỗ ở thành quách hoặc ở tầng cao nhất núi Tu-

di, hoặc ở bảy lớp núi vàng, hoặc ở trên hư không, hoặc ở trong nhân gian. Thành quách của cõi trời này phần nhiều là ở trên đất bằng, hoặc là ao hồ, biển lớn, hoặc ở nơi sa mạc hư không khoáng dã chỗ không có người. Cảnh giới hóa, hiện giống như ngôi thành xa, gần phân ra rõ ràng. Khi xem xét thì liền diệt mất. Giới như ngọn sóng, màu sắc của mây, loại khí dương.

- Quyển 12 đến quyển 35 này không giải thích.

(Kinh từ quyển thứ 12 trở xuống đến hết quyển 35 gồm 24 quyển không cần phải giải thích âm dịch ra văn.)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

36

Tứ Hệ (四繫). Âm dưới là 計. Tứ hệ nghĩa là mong muốn, vì có vô minh nên thấy là có bốn.

Phân Tấn (奮迅). Ngược lại âm trên là phân vấn 分問. Quảng Nhã cho rằng: Phấn chấn. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Là động, chấn-động. Thuyết Văn cho là bay vút lên. Quách Phác chú giải rằng: Huy 翬 là con chim trĩ cũng gọi là dáng mao bay vút lên cao. Chữ viết từ bộ đại 大 đến bộ chuy 隹, đến bộ 田. Tự Thư giải thích rằng: Con chim lớn ở cánh đồng muốn bay gọi là phân 奮. Văn kinh viết từ bộ cửu 臼 là chẳng đúng. Ngược lại âm dưới là câu tuần 俊苟. Quảng Nhã cho rằng: Phấn tấn, tâm hồn bay bổng lên mây, như cánh chim. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tấn 迅 là mau, nhanh như

chóp. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ xước thanh tán 𠂔. Âm huy 翬 là âm huy 暉. Âm truy là âm tuy 雖. Âm xước. Ngược lại âm sửu lược 丑略. Âm tán 𠂔 là âm tín 信.

Khiếm Khứ (欠去) Âm khứ 去. Trong Khuê Uyên Chu Tòng cho rằng: Vì muốn dẫn hơi mà căng cái miệng ra gọi là khiếm khứ 欠去.

Giải thích văn gọi phùng cái miệng để hơi thổi ra, cũng giống như hơi đi lên của người mà phát ra. Chữ tượng hình từ bộ 欠 khiếm thanh khứ 去. Âm ngộ 悟 là âm ngộ 悟. Trong văn kinh viết từ bộ khẩu 口 mà phát ra tiếng chẳng phải nghĩa này.

Đẳng dũng (等涌). Trên là chữ 等 đẳng. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ trúc 竹 từ chữ tự 寺, trái qua từ bộ thảo 艸 chữ tục. Ngược lại âm dưới là 容腫 dung thũng. Có Dã Vương giải thích rằng: Nước suối trong suốt trào lên. Thuyết Văn cho là Nước dâng lên. Chữ viết từ bộ Thủy, thanh dũng 涌, hoặc viết chữ dũng 湧.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

37

Triền nhiễu (纏擾). Ngược lại âm trên là triệt liên 徹連. Khảo Thanh cho rằng: Triền là buộc lại. Theo Khuê Uyên Chu Tòng cho rằng: Thiên phược (纏縛) là bị vợ con thân ái ràng buộc, không dứt ra được. Thuyết Văn gọi là buộc chặt. Chữ viết từ bộ Mịch 糸 thanh triền 塵, triền ở đây đồng với âm trên. Trái qua chữ triền 纏 là

viết lược. Ngược lại âm dưới là nhi chiêu 而沼. Như trước quyển ba đã giải thích đầy đủ.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

38

Siểm cuồng (諂誑). Ngược lại âm trên là sửu nhiễm 丑染. Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: Siểm (諂) là nịnh bợ Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ Ngôn 言 thanh siểm, âm siểm là âm hãm 陷. Trong văn kinh viết từ bộ cửu 臼 là sai âm hiểu. Ngược lại âm dương tiểu 羊小. Ngược lại âm dưới là quỷ trầm 鬼沉. Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Cuồng (誑) là lừa dối hoặc loạn, mê hoặc. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện cho: là khinh khi. Thuyết Văn cho rằng chữ viết từ bộ Ngôn 言 thanh cuồng 狂, hoặc viết từ bộ cuồng (誑).

(Quyển 39, 40 không có âm để giải thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

41

Kiến hành (健行). Ngược lại âm cừ sản. Khảo Thanh cho rằng: Kiến là có sức mạnh. Theo Tập Huấn Truyện cho là Có sức mạnh chống lại kẻ địch. Theo thuyết giải thích là kháng cự lại, chữ viết từ bộ nhân 人 thanh kiến 建. Âm kinh 剋 là âm kính 涇. Âm tiệp 健 là âm tiêm

diệp 潛葉. Âm kháng 抗. Ngược lại là âm khẩu lãng 口浪.

Bất Huyền 不眩. Ngược lại âm huyền quyên 玄絹. Ngọc Thiên cho là đưa mắt ra hiệu, chuyển động. Vương Dật chú giải Sở Từ rằng:

Huyền là nhìn. Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ Mục 目 thanh tuần 旬, chữ tuần 旬 từ bộ mục 目. Trong văn kinh viết chữ tuần 旬 là âm thuận là chẳng đúng, âm tuần 旬 là âm huyền.

Hà Khích (瑕隙). Ngược lại âm trên là hồ da 胡耶. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký là: Vết nứt của ngọc, ngọc có dấu vết. Quảng Nhã cho là Vết nứt. Ngọc Thiên giải thích: là uế dơ xấu. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ 主 đến bộ hà thanh tỉnh 省. Ngược lại âm dưới là hương nghịch 逆. Thuyết Văn cho rằng: Vách tường nứt ra có khe hở lỗ hổng. Chữ viết từ bộ phụ 阜 đến bộ bạch 白. Trên dưới bộ tiểu 小.

Trong văn kinh viết từ bộ tả viết thành khích là chẳng đúng.

Huyền Trách (諠諍). Ngược lại âm hương viên 香袁. Trước quyền nhất đã giải thích rồi. Ngược lại âm dưới trách cánh 責更. Quảng Nhã giải thích rằng: Trách (諍) là khuyên can, can ngăn. Thương Hiệt giải thích là Tranh cãi. Thuyết Văn cho là Dừng lại, ngăn lại. Chữ viết từ bộ Ngôn 言 thanh tranh 爭.

Phiêu tán 飄散. Ngược lại âm trên là匹遙 thất diêu. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Gió cuốn bốc lên, giống như thổi. Thuyết Văn cho là Gió đàn hồi lại cuốn xoáy tròn. Chữ viết từ bộ 風 Phong thanh phiêu. Âm phiêu

đồng với âm trên. Ngược lại âm dưới là tảng tán 𦵑贊. Trước quyền thứ ba giải thích đầy đủ.

Ế Âm (翳闇). Ngược lại âm y kế 伊計. Vận Anh Tập cho rằng: Ế là bị ngăn che. Quảng Nhã cho rằng: Bị chướng ngại. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ Vũ 羽 thanh y, âm y đồng với âm trên.

Cự Xí (炬熾). Ngược lại âm cừ lữ 渠呂. Sách Quế Uyển Chu Tòng cho là Bó trúc cháy rực, chiếu sáng. Ngược lại âm dưới là xương chí 昌至

Thuyết Văn cho là Lửa cháy dữ dội, chữ viết đều từ bộ hỏa, đều là chữ hình thanh.

Bất Hỷ (不喜). Ngược lại âm 希記 hy kỷ. Theo sách Toán Vận cho rằng: Hỷ là tốt đẹp, Thuyết Văn cho là Ý vui vẻ.

Chữ hình thanh. Sào huyết (巢穴). Ngược lại âm sàng hào 床爻. Theo Mao Thi Truyện cho là Có ổ chim Khách. Trịnh Huyền, Trịnh Tiễn chú giải rằng: Con chim Khách làm tổ vào mùa đông đến gần mùa xuân mới xong. Thuyết Văn cho là Con chim ở trên cây, là chữ tượng hình.

Trong văn kinh viết từ bộ quả 果, là chẳng đúng. Ngược lại âm dưới là huyền quyết 玄決. Thuyết Văn cho rằng: Có đất trong nhà, chữ viết từ bộ miên âm miên 綿 thanh bát 八.

Phiêu Xí (慄熾). Ngược lại âm trên là tất diêu 必遙. Sách Quế Uyển Chu Tòng cho là loại cờ phướn. Thuyết Văn cho là 慄 tức là phướn. Chữ viết từ bộ thanh, Âm phiêu, phiêu. Ngược lại âm thất diêu 匹遙. Trong văn kinh viết từ bộ mộc 木 đến bộ thủ 扌 là chẳng phải nghĩa

ở đây dùng. Ngược lại âm dưới là xỉ chí 齒志. Quảng Nhã cho rằng: Xí (幟) là phươn, phan. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ cân 巾 thanh tỉnh 省.

Số Thủ Thú (數取趣). Ngược lại âm sương thúc 霜叔. Tả Truyện cho: là số mà số không có bắt đầu và kết thúc.

(Quyển 42, không có âm giải thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA UYỂN 43

Đốt Nam (咄男). Ngược lại âm đô cốt 都骨. Thuyết Văn cho rằng: Đốt (咄) là cùng nhau ca hát. Chữ Nam 男 Thuyết Văn viết từ bộ điền 田 đến bộ lực 力.

Hủy Tý 幘皆. Ngược lại âm 暉鬼 huy quý. Nhĩ Nhã cho là Hủy hoại, phá hư. Quảng Nhã cho rằng: Hủy là hao tổn. Thuyết Văn cho là thiếu. Người xưa cho rằng: Đào đất làm cái cối, hủy hạt lúa ra làm hạt gạo, lấy gạo giã thành cám trong cối đất. Chữ viết từ bộ Thổ 土 đến Hủy thanh tỉnh 省. Ngược lại âm dưới là tư thử 兹此. Vận Anh Tập cho rằng: Mắng nhiếc, chỉ trích, chê bai. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ Khẩu 口 thanh thử 此, hoặc viết từ đều đồng nghĩa.

Quý Phạm (軌範). Ngược lại âm câu vĩ 俱偉. Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Quý (軌) là phép tắc. Thuyết Văn cho rằng: Quý là cang xe. Chữ viết từ bộ Xa 車 bộ phạm 範 thanh tỉnh 省. Ngược lại âm dưới là phò 持黯. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Phạm (範) cũng là phép tắc, thường dùng. Ngọc Thiên cho rằng: Phương

pháp đúc kim khí. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ Phạm 范 thanh tỉnh 省. Âm cứu 兪 là âm quỷ 鬼.

(Quyển 44, 45 hai quyển này không có âm giải thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

46

Ly Ly gián ngữ (離離間語). Trên là chữ ly 離 âm lợi 利, dưới là chữ ly 離 âm lê 梨. Âm gian 間 khứ thanh.

Hàng Trướng (澤脹). Ngược lại âm trên là phổ giang 普江. Ngược lại âm dưới là trương lượng 張亮. Quyển trước âm nghĩa đã giải thích đầy đủ Thanh ứ (青瘀). Ngược lại âm ư cứ 於據. Trong kinh viết 瘀 ứ này là chẳng đúng.

Trác cảm (啄敢). Ngược lại âm trên là trác 卓. Dưới là lẫm 談. Hải cốt (骸骨). Ngược lại âm hộ giai 戶皆.

Kiều hại (矯害). Ngược lại âm trên là cư yếu 居夭. Khảo Thanh cho rằng: Kiêu 矯 là dối trá, giả dối. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Kiêu cũng là dối trá lừa gạt. Thuyết Văn chữ viết từ bộ Thủ 手 thành chữ kiêu 矯. Nghĩa là kiêu căng. Ngược lại âm dưới là hải cái 駭蓋. Thuyết Văn cho là Bị tổn thương. Chữ viết từ bộ miên 一 âm miên 綿, từ bộ khẩu 口 thanh phong 丰, âm phong 丰 là âm giới 介.

Tật Khan (嫉慳). Âm trên là tật 疾, Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Hại người hiền gọi là tật 嫉. Ngược lại âm dưới là khanh nhàn 坑閑. Vận Anh Tập giải thích rằng: Tiết kiệm, tằn tiện, bủn xỉn, keo bần. Theo Tập

Huân Truyện cho rằng: Khan gọi là hà tiện. Tự Điền giải thích: là tham, chữ viết từ bộ Tâm 心 thanh kiên 堅.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

47

Hoàn Khải (懷鎧). Âm trên là hoạn 患. Quế Uyển Chu Tòng giải thích rằng: Dùng thân mặc áo giáp gọi là hoàn 懷. Nay tương truyền rằng: Là theo thói quen. Ngược lại âm dưới là khai cái 開蓋. Thuyết Văn cho rằng: Khải là có áo giáp. Theo văn Tự Tập Lược cho rằng: Lấy da màu vàng mà che thân gọi là khải 鎧. Nay văn thông dụng là lấy làm âm thanh. Ngược lại âm khổ cải 苦改. Tức giáp trụ (áo giáp mặc đi đánh giặc thời xưa).

Khoáng dã (壙野). Ngược lại âm khổ hoảng 苦晃. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Ngoài hoang dã là khoảng không mênh mông, bãi tha ma. Khảo Thanh cho: là nơi hoang vắng, mênh mông không người. Quảng Nhã cho là to lớn. Thuyết Văn cho rằng: Nơi một huyết, nơi an nghỉ của người quá cố. Chữ viết từ bộ Thổ 土 thanh quảng 廣. Trong văn kinh viết khoáng 曠 có bộ nhật 日 là chẳng đúng. 垠 Âm lượng là âm lãng 浪. Âm 塹 tiệm. Ngược lại âm thiếp hãm 妾陷. Ngược lại âm dưới là dĩ giả 以者. Văn Nhĩ Nhã cho rằng: Ngoài áp gọi là giao 郊, ngoài giao gọi là mẫu, ngoài mẫu gọi là dã 野. Văn cổ viết là âm mộc 木.

Tự Thi (自侍). Ngược lại âm trên là thời chỉ 時止.

Khảo Thanh cho rằng: Thị (侍) là chỗ nương dựa. Thuyết Văn cho rằng: thị là ỷ lại. Chữ viết từ bộ 心 thanh tự 寺.

Kiều Cử (僑舉). Ngược lại âm cư yếu 居妖. Thương Hiệt giải thích là Kiêu căng, buông lung. Quảng Nhã cho là tự cao. Cố Dã Vương cho rằng: Tự khoe khoang, buông lung, phách lối, khinh nhờn ngạo mạn. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ tâm 心 thanh kiêu 喬.

Tự Thực (自殖). Ngược lại âm thời lực 時力. Theo Toán Vận Tập cho rằng: 殖 thực là trồng cây. Phương Ngôn cho rằng: Dựng thẳng lên, cắm thẳng. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ võng 网 viết thành chữ 植 thực. Nay theo lệ sách lược đi bộ võng 𦉰, hoặc viết từ bộ mộc 木, viết thành chữ thực 植 cũng đồng nghĩa với âm trên.

Kiều Thuyền (橋船). Ngược lại âm tâm kiêu 心驕. Thiên Thương Hiệt giải thích rằng: Kiêu là cây cầu bắt ngang qua. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ mộc 木 thanh kiêu 喬. Trong văn kinh viết chữ kiêu 橋 cũng là văn thường hay dùng.

Châu chữ (洲渚). Ngược lại âm trên là chi do 之由. Âm dưới là chi dữ 之與. Nhĩ Nhã cho rằng: Hể trong nước có thể ở được gọi là châu 洲, châu nhỏ thì gọi là chữ 渚. Quảng Nhã cho rằng: “Châu” chỗ ở “chữ” là dừng lại, hoặc là viết từ bộ Phụ 阜 viết thành chữ chư 諸 cũng đồng nghĩa.

Hữu Giảm (有減). Ngược lại là âm canh trảm 耕斬. Theo Hàn Thi Truyện cho rằng: Giảm (減) là ít. Thuyết Văn cho rằng: Giảm là hao tổn. Chữ viết từ bộ thủy thanh hàm 咸.

Tề hạn (劑限). Ngược lại âm tình tế 情細. Khảo Thanh cho rằng: Tề (劑) là phân đoạn. Vận Thuyên Tập cho rằng: Phân ra từng tề thuốc. Vận Anh Tập cho rằng: Cũng là tề thuốc. Văn kinh viết tề 齊, văn cổ viết tề 齊 đều là một nghĩa, hoặc. Ngược lại âm tình hề 情奚.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 48

Sở lận (所吝). Ngược lại âm lân trấn 鄰鎮. Quảng Nhã cho rằng: Lận 吝 là vùng đất ở xa xôi hẻo lánh, ở vùng biên giới, cũng gọi là

thấp hèn. Vận Anh Tập cho rằng: Tiếc của, bủn xỉn. Khảo Thanh gọi là Tham. Chữ viết đúng là lận (吝).

Sung dật (充溢). Ngược lại âm xương long 昌隆. Thuyết Văn cho rằng: Sung (充) là đầy đủ Chữ viết từ bộ nhân (人) đến bộ dục 育 thanh tỉnh 省. Ngược lại âm dân nhất 寅一. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Dật (溢) là tràn ra ngoài. Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ cho là dư thừa. Thuyết Văn cho rằng: dụng cụ đựng đồ đã đầy tràn. Chữ viết từ bộ thủy thanh ích 益.

Chung Tế 濟. Chữ chung là lấy chữ chung 蒸 này. Chữ thượng thanh. Trước quyển nhất đã giải thích đầy đủ. Ngược lại âm dưới là tề kế 齊計. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Tế (濟) là Vượt qua sông. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Có lợi ích. Tiếng địa phương cho rằng: Mãi buồn lo. Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng:

Hoàn thành, tốt đẹp. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ thủy thanh 濟 té.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

49

Sở giả 所遮. Ngược lại âm giả xà 者蛇. Giả Quỷ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Chờ đợi, hỏi thăm. Thuyết Văn cho là Ngăn chặn, ngăn che. Chữ viết từ bộ xước 辵, đến giá 遮 thanh tỉnh 省.

Yết-Lộ-Trà (揭路茶). Tiếng Phạm là Lỗ-chất-bất-diệu 虜質不妙. Đúng âm Phạm là Nghiệt-lỗ-nã 藥嚕. Xưa dịch là Ca-Lâu-La 迦婁羅. Tức là kim sí điều 金翅鳥, (chim cánh vàng), hoặc gọi là diệu sí điều 妙翅鳥. Theo kinh Khởi Thế Nhân Bản gọi là Kim sí điều, loài chim này cùng các loài rồng, gọi là “Bốn sanh” tức là Noãn, Thai, Thấp, Hóa sanh. (Noãn tức là loài sanh ra trứng, Thai tức là thọ thai sanh ra bằng bào thai. Thấp là sanh ra nơi ẩm ướt. Hóa sanh tức là loài bướm sanh ra). Nhưng loài sanh ra bằng trứng sức mạnh yếu ớt, chỉ ăn loài trứng sinh ra mà thôi. Rồng là loài hóa sanh ra có uy lực rất lớn, có thể ăn cả bốn loài. Loài chim cánh vàng này khi muốn ăn loài rồng, thì dùng hai cánh quạt nước biển cho cạn đi, nó mới mở cái mỏ ra ngậm các con rồng ở cổ nhưng chưa nuốt, khi rồng chưa chết, các con chim lớn vây quanh, rồi bay đến cây Trá-Xà-Ma-Lợi đậu trên cây đó rồi nhả ra, dùng mỏ mà ăn. Khi mỏ nó mổ ăn thịt,

tiếng kêu sợ hãi vang khắp, nghe rất khổ sở Loài chim này cũng tên là Long Oán, (là loài rồng oán hận chim này). Loài chim này trên lưng có hai cánh đều màu vàng, nên gọi là chim cánh vàng.

Khẩn-Nại-Lạc (緊捺洛). Tiếng Phạm cũng tên là Lạc Thiên 樂天. Đúng âm Phạm gọi là Khẩn-na-la-ca-thần 緊娜囉歌神. Âm này có ý nghĩa nói thân người con gái sạch đẹp. Tên là Thiên Nữ Chu Lệ, có tài múa hát, thường làm chồng vợ với cỡi trời Càn-Thất-Bà.

Mạc-Hô-Lạc-Già (莫呼洛伽). Không đúng âm tiếng Phạm. Đúng âm tiếng Phạm gọi là Ma Hộ La Nga 摩護囉我. Hình người mà đầu rắn, cũng gọi là Mãng Thần 蟒神 (là Thần rắn).

Phụng Cận 奉覲. Ngược lại âm phùng phụng 逢俸. Quảng Nhã cho rằng: Phụng là hiến dâng. Khảo Thanh cho là Tôn kính. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện cho là Nuôi dưỡng. Thuyết Văn cho rằng: Thừa hành.

Chữ viết từ bộ Thủ 手 đến bộ Cung 供, thanh phong diệc 丰亦. Ngược lại âm dưới là 勤斬 cần cận. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ cho rằng: Cận (覲) là nhìn thấy. Theo Mao Thi Truyện cũng cho là nhìn thấy. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ Kiến 見 thanh cần 堇. Âm phụng 俸 ngược lại âm phong củng 豐拱. Âm phong. Ngược lại âm phong cận 豐斬. Ngược lại âm cần cận 斤近.

Bẩm Chánh (稟正). Ngược lại âm 彼品 bỉ phẩm. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: ban tặng ngũ cốc cho người. Thuyết Văn chữ viết từ bộ hòa thanh bẩm. Bẩm. Ngược lại âm lực ẩm 力飲.

Tiên Thát (鞭撻). Ngược lại âm trên là tất miên 必綿. Cổ Dã Vương cho rằng: Dùng roi da đánh quất người tội gọi là 鞭. Tự Thư giải thích rằng: Dùng roi da quất ngựa. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ Cách 革 thanh tiện 便. Ngược lại âm dưới là tha yết 他惕. Thuyết Văn cho là Thát (韋) cũng là dùng roi da đánh. Chữ hình thanh.

Khu Bức (驅逼). Ngược lại âm trên là khương vu 羌于. Thiên Thương Hiệt giải thích rằng: Chạy theo sau gọi là khu 驅. Thuyết Văn nói là Ngựa chạy nhanh. Chữ viết từ bộ Mã 馬 thanh khu 區. Ngược lại âm dưới là bi lực (悲力). Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Bức (逼) là bức bách khó chịu. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện cho: Là gần gũi. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ xước 𨔵 thanh bức âm bức. Ngược lại âm phi bức 丕逼.

Tiêu Nảo (焦惱). Ngược lại âm trên tức diêu 即姚. Thuyết Văn cho rằng: Chỗ lửa thiêu đốt. Trong văn kinh viết tiêu 焦 này là chẳng phải bốn chữ. Ngược lại âm dưới nô lão 奴老. Trước quyển ba đã giải thích đầy đủ.

Phệ Lưu Ly (吠溜璃). Ngược lại âm trên là phù phế 扶廢. Ngược lại âm kế là lực cư 力鳩. Âm dưới là ly 离. Tiếng Phạm, tên Bảo quý, hoặc gọi là Tỳ-Lưu-Ly 瓷溜璃, hoặc có thể gọi là 溜璃, đều là sai, lược chuyên thanh. Ở núi Tu-di phía Nam có vật báu này. Vật báu này màu sắc xanh óng ánh trong suốt, có ánh sáng, hề có vật khác đem đến gần thì đều đồng có màu sắc như Trời Đế-thích dùng để làm tràng hoa trang sức lên đầu. Gọi là vật báu này là ở cõi trời sanh ra gọi là Thần vật là chẳng đúng, là do người thế gian luyện đá tạo ra, làm nấu trong lửa, mới thành lưu ly.

Hoa Mạn (華曼) Âm trên là chữ hoa 花, âm vô hoa 無花. Âm đúng là dưới âm mạn ban 慢班. Chữ giả tá. Âm gốc. Ngược là âm di nhiên 彌然. Nay không lấy âm theo chữ hoa 花 đó. Người ở xưa Tây Vực làm dụng cụ để trang nghiêm thân, tiếng Phạm gọi là Ma La 麼羅. Âm ma 麼. Ngược lại âm mạc khả 莫可, Hán dịch là hoa mạn 花曼.

Là người ở xứ Thiên-trúc thường dùng phương pháp lấy loại cây cỏ mà lúc sáng tinh sương chỗ hoa có màu sắc đẹp, dùng sợi chỉ xỏ xuyên lại kết thành tràng gọi là Hoa mạn. Bất luận sang hèn, dùng để trang nghiêm thân. Họ đội lên đầu làm trang sức đẹp nên gọi là “Ma La” Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ tiêu 𦰩 thanh mạn 曼. Âm tiêu 𦰩. Ngược lại âm tất diêu 必姚. Âm mạn 曼. Ngược lại âm miên 綿.

Y Dược (醫藥). Ngược lại âm ư cơ 於基. Thuyết Văn cho rằng: Người thầy thuốc trị bệnh. Chữ viết từ bộ dậu 酉 thanh Y. Ngược lại âm y hề 伊奚. Văn kinh viết chữ Y này cũng là văn thường dùng thông dụng.

Bích Ngọc (璧玉). Ngược lại âm bi diệc 悲亦. Nhĩ Nhã cho rằng: Bên trong đẹp gấp đôi gọi là bích 璧. Quách Phác cho rằng: Nhục biên lớn đẹp gấp đôi. Theo chữ bích 璧 là hình tròn có lỗ là viên ngọc rất đẹp, tròn đầy, khác hơn các viên ngọc khác. Thuyết Văn nói gọi là viên ngọc dùng để làm tin. Chữ viết từ bộ ngọc 玉 thanh tích 辟.

Câu Chi (俱胝) âm tri 知. Tiếng Phạm là pháp số người nước này lấy con số giữa thời gian, con số nhỏ nhất là mười triệu gọi là một kinh. Nếu lấy theo lịch toán,

trong số tới một ngàn muôn.

Na-du-đa (那庾多). Cũng là pháp số Tiếng Phạm ở phương Tây.

Theo Luận Câu Xá gọi là hai mươi muôn biến. Người nước này lấy con số nhỏ nhất giao nhau là hai mươi triệu gọi là một câu. Nếu lấy theo lịch toán, thì trong số là hai mươi muôn biến gọi là na du đa 那庾多, xứ này gọi là Thiên ức.

Trượng Khôi (杖塊). Ngược lại âm trường lưỡng 長兩. Ngược lại âm dưới là khôi hội 魁潰. Văn cổ viết là giới 界. Chữ tượng hình. Thuyết Văn cho là Đông đất. Âm bức. Ngược lại âm phổ lực 普力. Chữ viết từ bộ Thổ 土 thanh khôi 魁 tỉnh 省.

Cù đạo 衢道. Ngược lại âm cụ vu 具于. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Một con đường thông suốt gọi là lộ 路, bốn con đường thông suốt gọi là cù 衢. Quách Phác cho rằng: bốn con đường giao nhau (gọi là ngã tư). Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ hành 行 thanh cù 瞿.

Cao ác (睪惡). Ngược lại âm trên là bồ mao 蒲冒. Quảng Nhã cho là Vội vàng, gấp gáp. Khảo Thanh cho là Mạnh mẽ. Vận Anh Tập cho rằng: Xâm chiếm. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ 日 nhật, đến bộ viết 日 đến chữ cung 拱 đến bộ phong 丰 thanh cao 皋 tỉnh 省. Âm phong 丰 là âm thao 滔. Ngược lại âm dưới là ô các 烏各. Thuyết Văn cho rằng: ác 惡 là không tốt, có lỗi. Chữ viết từ bộ á 亞 đến bộ tâm 心 là chữ viết đúng. Trong kinh viết từ bộ tây 西 đến bộ 心 tâm viết thành chữ ác 惡, văn thường dùng là sai.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

50

Vô phược vô giải (無縛無解). Ngược lại âm phòng bác 房博. Khảo Thanh cho rằng: Ràng buộc, cột chặt. Thuyết Văn nói bó lại. Chữ viết từ bộ mịch 糸 đến bộ bác 博, thanh tỉnh 省. Ngược lại âm dưới là giai mại 皆賣. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký: Giải thích. Thuyết Văn cho rằng: Phán đoán. Chữ viết từ bộ lực 力, ngu 牛, giác 角. Văn thường dùng âm đó là chẳng đúng.

(Quyển 51, không có âm để giải thích)



NHẤT THIẾT ÂM NGHĨA KINH

Sa-môn phiên dịch kinh Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN 2

(Âm kinh Đại Bát-nhã từ quyển 52 đến 301)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 52

Năng biện (能辦). Ngược lại âm bồ mạn 蒲慢. Vận Anh Tập cho rằng: Sắp đặt đầy đủ. Thuyết Văn cho rằng chữ viết từ bộ lực (力) âm mới là bì miễn (疲免).

Thống nhiếp (統攝). Ngược lại âm trên là thông đồng 通棟. Khảo Thanh cho là thông lãnh. Ngược lại âm dưới là thương diệp 商葉. Bao

Hàm chú giải sách Luận Ngữ rằng: Nhiếp là gồm tất cả. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký cho: là thay thế. Thuyết Văn cho nắm giữ. Chữ viết từ bộ thủ 手 thanh nhiếp 聶, âm nhiếp ngược lại âm ni triếp 尼輒.

Túng nhậm (縱任). Ngược lại âm trên là tướng dụng 將用. Ngược lại âm dưới là nhậm chằm. Chữ viết từ bộ nhậm đến bộ nhân 人.

Quyên Trừ (蠲除). Ngược lại âm quyết duyên 決緣. Quách Phác chú giải Phương Ngôn rằng: Quyên là trừ bỏ. Chữ viết từ bộ ích 益 đến bộ độc.

Khuy Tồn (虧損). Ngược lại âm khu vi 驅為. Thuyết Văn cho là hao tổn khí. Chữ viết từ bộ hê, thanh khuy, hoặc viết từ bộ khuy 虧, âm khuy là âm hồ.

Vô biên biện (無邊辯). Ngược lại âm bì miễn 皮免. Quảng Nhã cho: là tranh cãi, trí tuệ. Tự Thư giải thích rằng: Biện là rất nhanh.

Thuyết Văn cho rằng: Biện là trừ, bào chữa, biện hộ. Chữ viết từ bộ ngôn 言 thanh biện 辯.

Thanh lệnh 清令. Ngược lại âm lịch đình 歷丁. Thuyết Văn chữ viết đều từ bộ thủy. Chữ hình thanh.

Di tẩn 遺燼, ngược lại âm tịch dận 夕胤. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện nói là Lửa cháy hết còn lại tro tàn. Thuyết Văn cho rằng: Cây đuốc dư. Chữ viết từ bộ hỏa, thanh tẩn, âm tẩn đồng với âm trên.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

53

Bàn-Tăng-Già-Tri (般僧伽胝). Âm dưới là 知 tri, tiếng Phạm. là chiếc y lớn, hoặc gọi là Tăng Già Lê 僧伽梨, là Đức Phật khoát lên chiếc Ca-sa 袈娑. Y hạ chín điều, y thượng đến hai mươi lăm điều.

Trong giữa số có từng điều đều gọi là Thời đại y khoát làm pháp phục. Có thể giảng nói giáo pháp, đầy đủ tướng ruộng phước. Là trên hết trong ba Y.

Thường thực 嘗食. Âm trên là thường 常. Thuyết Văn gọi là thường 嘗. Chữ viết từ bộ cam 甘 thanh

thượng 尚.

Xuyết âm (𩚑飲). Ngược lại âm trên là san chuyết 珊拙. Thuyết Văn cho là Xuyết (𩚑) là uống. Chữ (𩚑) xuyết này là viết lược. Thanh xuyết. Trong văn kinh viết là xuyết này hoặc là viết (啜) xuyết này đều là văn chữ thường dùng. Ngược lại âm dưới là áp cầm 邑錦. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ dậu 酉 viết là xuyết, bộ dậu 酉 là văn cổ. Chữ tửu 酒 cũng từ bộ dậu 酉, nghĩa là uống. Nay viết tỉnh lược đi bộ dậu viết thành chữ 飲 âm, văn cổ từ bộ thủy đến bộ âm.

Ngộ Tầm (悟寢). Ngược lại âm trên là ngộ 悟. Thiên Thương Hiệt giải thích rằng: Tầm là ngủ mà cũng nói ngộ, cũng là ngủ. Chữ giác 覺 là âm giáo. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ tầm 寢 thanh tỉnh 省, ngộ 吾. Ngược lại âm dưới là xâm thăm 侵審. Quảng Nhã cho rằng: Tầm 寢 làu tới. Thuyết Văn nói tầm là nằm. Văn chữ Triện viết từ bộ Đới. Nay lại cũng thuận thông dụng lược bớt đi từ bộ miên thanh thanh 侵, xâm 侵. Âm tầm 寢 là âm mộng 夢.

Xảo đồ 巧屠. Ngược lại âm đường hồ 唐胡. Khảo Thanh cho là tàn sát. Thuyết Văn cho rằng: Phan ra, khoét ra. Chữ viết từ bộ thi 尸, giả 者 thanh tỉnh 省.

Phẫu Vi 剖為. Ngược lại âm phổ khẩu 普 口. Thương Hiệt giải thích rằng: Phẫu 剖 là cắt ra, chẻ ra. Thuyết Văn cho rằng: 剖 Phẫu là phanh ra. Chữ viết từ bộ đao 刀 âm bộ, thanh bộ. Âm bộ ngược lại âm sĩ khẩu 士口.

Triền Khoả 纏裹. Ngược lại âm trên là trực liên 直連. Âm dưới là cổ hỏa. Thiên Ngọc giải thích rằng: Khoả

là gói, bao lại, bọc lại. Thuyết Văn cho rằng: Khoả cũng giống như chữ triền, nghĩa là quấn, bó quanh. Chữ trên dưới đều là bộ y thanh qua.

Phát mao 髮毛. Ngược lại âm phương miệt 方蟻. Cố Dã Vương cho rằng: Trên đầu có lông, tóc. Thuyết Văn rằng: Chữ viết từ bộ tiêu (髟) thanh phát. Âm tiêu 髟, ngược lại âm tất diêu 必姚. Âm phát ngược lại âm bồ mạt 蒲末.

Trảo xỉ 爪齒. Ngược lại âm trên là trắc giáo 側狡. Thuyết Văn cho là Trảo (爪) là móng tay và móng chân, là Chữ tượng hình. Ngược lại âm dưới là xương chỉ 昌止. Thuyết Văn nói rằng: Xương lợi trong miệng, giống như răng trong miệng, là Chữ tượng hình. Thanh chỉ 止. Âm ngân 斷 là âm ngân 銀.

Cân mạch 筋脈. Ngược lại âm trên là cần hân 謹欣. Theo sách Chu Lễ cho rằng: Người thầy thuốc lấy can tân 辛 nuôi dưỡng gân. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ của 肉 bộ lực 力, từ bộ nhục 肉, từ bộ trúc 竹. Trúc đó 竹 là phần nhiều của vật, từ bộ lực 力, lực giống như sức mạnh của cân 筋, gân. Trong kinh viết từ bộ thảo 草 viết cân 筋 là gân là sai. Ngược lại âm dưới là dục bá 育伯. Văn thường hay dùng và sách Chu Lễ cho rằng: Lấy chất mặn nuôi dưỡng mạch. Thuyết Văn cho rằng: Phần huyết lý đi trong cơ thể gọi là Mạch. Chữ viết từ bộ huyết 血 đến bộ 脈 mai, viết là mạch, 脈 hoặc viết là 脈 đều là chữ chánh thể.

Cốt tủy 骨. Ngược lại âm tuy thúc 綏凍. Chữ thông nhất lại gọi là Chất mỡ ở trong xương. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ 骨 đến bộ tùy thanh tỉnh 省. Âm

trên từ bộ cốt 骨 đến bộ nhục 肉.

Tâm can 心肝. Bạch Hổ Thông cho rằng: Tâm (心) đó là thể, ở phương Nam gọi là tinh của hỏa, giống như màu của lửa đỏ, nhạy bén mà có mùi, nhánh, nhưng chữ có phơi bày ra được. Như hoa sen chưa nở, Hình Vương Thúc và Mạch Kinh cho rằng: Tâm (心) cùng với Tiểu trường, Đại trường hợp lại làm phủ. Tim này chứa thần, tim cũng từ cổ họng phát ra. Cho nên khi tim (tâm) bị bệnh thì mất đi âm thanh, không thể nói ra lời được. Thuyết Văn cho rằng: Chữ tượng hình. Ngược lại âm dưới là cổ an 古安. Bạch Hổ Thông nói rằng: Can (肝) là lòng nhân. Ở phương Đông cho rằng: tinh của mộc 木. Lòng nhân khéo sanh ra giống như mộc 木, mà có lá màu xanh. Vương Thúc Hòa cho rằng: Can và Đả (mật) hợp lại thành phủ, can, thần, hồn. Can ở trong mắt, cho nên can nóng thì mắt đỏ mờ không thấy vật. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ nhục 肉 thanh can 干. Âm nhuệ 銳. Ngược lại âm duật tuệ 聿惠. Âm biện 辨. Ngược lại âm bạch mạn 白慢.

Phế Thận 肺腎. Âm trên là phương phế 芳廢. Bạch Hổ Thông cho rằng: Nghĩa của 肺 phế là tinh của kim thuộc phương Tây, giống như màu vàng. Bạch Vương Thúc và Mạch Kinh cho rằng: Phế và bàng quang hợp lại thành phủ tạng. Phế này thuộc thần phách, thông với mũi, cho nên phế bị bệnh thì mũi không ngửi được mùi thơm, hôi. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ nhục 肉 thanh di 夷. Âm di 夷. Ngược lại âm phì vị 肥味. Ngược lại âm dưới là thần nhẫn 臣忍. Bạch Hổ Thông cho rằng: Thận là trí tuệ. Tinh của thủy, thuộc phương Bắc, màu

đen, phé thuộc âm. Ngẫu Mạch Kinh cho rằng: Thận và tam tiêu hợp lại thành phủ tạng, thuộc “chí thần” thông ở tai cho nên thận hư thì tai không nghe được (tai điếc). Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ nhục 肉 thanh thần, Âm thần. Ngược lại âm khai huyền 啟絃. Âm ngẫu 偶. Ngược lại âm ngũ câu 五苟.

Tì Đả 脾膽. Ngược lại âm trên là. Bạch Hồ Thông cho rằng: Tì (脾) là tin niềm tin. Tinh của thổ 土 thuộc Trung ương, giống như màu của thổ (đất). Huỳnh Mạch Kinh cho rằng: Tì (脾) và vị (胃) hợp lại thành phủ tạng, thuộc về? Thần ý”. Thông nơi lưỡi, cho nên tì bị nhiệt nóng thì lưỡi sẽ bị bệnh, môi cũng không thể nhận các vật được. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ nhục 肉 thanh tì. Ngược lại âm dưới là đáp cảm 答敢. Bạch Hồ Thông cho rằng: Đả là phủ của can, là chủ nhân, dùng nhân đó làm sức mạnh. Vương Thúc và Mạch Kinh cho rằng: Đả bị bệnh thì tinh thần không thể giữ được. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ nhục 肉 thanh đả. Âm đả. Ngược lại âm chỉ kiêm 止兼.

Phao vị 浮胃 Âm trên là phổ bao 普包. Khảo Thanh cho rằng:

Vùng bọng đại khí niệu tiêu tiện thạch quang, thọ nhận chín thăng ba hợp bàng quang chuyển, tức là tiểu tiện không thông. Thuyết Văn nói dụng cụ chứa nước trong bàng quang. Chữ viết từ bộ 肉 nhục thanh nhũ 省 tỉnh. Trong văn kinh viết 咆 bao này là chẳng đúng. Ngược lại âm dưới là vi úy 韋喂. Bạch Hồ Thông cho rằng: Vị (胃) là bao tử chỗ ủy thác chứa các loại ngũ cốc. Vận Anh Tập cho rằng: Vị là cái bụng chứa. Thuyết Văn

cho rằng: Vị là phủ chứa ngũ cốc. Chữ viết từ bộ nhục 肉 là chữ tượng hình.

Thỉ Niệu 屎尿. Âm trên là thỉ 始. Chữ chỉ ý nghĩa là phân cứt. Trong kinh văn viết từ bộ mễ 米 cùng là văn thông dụng. Thuyết Văn chữ viết từ bộ vĩ 尾, thanh thỉ 矢. Ngược lại âm dưới là nê điều 泥弔. Khảo Thanh cho rằng: Nước trong bụng. Thuyết Văn nói viết từ bộ vĩ 尾 đến bộ thủy. Trong văn kinh viết từ bộ 尸 thì là sai, viết lược bớt. Đều là chữ hình thanh.

Thê Thóa 涕唾. Ngược lại âm trên là 拷清 Khảo Thanh cho là nước mắt, mắt khóc chảy nước ra. Mao Thi Truyện cũng cho rằng: Từ trong mắt xuất nước chảy ra. Ngược lại âm dưới là thổ chư 土諸. Thuyết Văn cho là Nước dãi trong miệng. Chữ viết từ bộ 口 đến bộ thóa thanh tỉnh 省, hoặc viết từ thóa này cũng đồng nghĩa.

Tiên lệ (涎淚). Ngược lại âm trên là dĩ tiên 以仙. Thuyết Văn cho là nước dãi trong miệng. Ngược lại âm dưới luật đoạ 律... Quảng Nhã cho rằng: Khóc ra nước mắt. Thuyết Văn cho rằng: Cũng là khóc chảy nước mắt. Chữ viết từ bộ thủy thanh lệ 戾, âm lệ 戾 ngược với âm lịch đệ 歷弟.

Cầu Hãn (垢汗). Ngược lại âm trên là cổ hậu 古后. Ngược lại âm dưới hàn đán 寒旦.

Đàm nùng (痰膿). Ngược lại âm trên cảm cam 敢甘. Khảo Thanh cho rằng: Bệnh trong phổi có nước. Trong Thuyết Văn nói là chẳng đúng: Đàm trong phổi. Ngược lại âm dưới là nô công 奴公. Gọi là máu mũi đỏ chảy ra.

Phương San (肪嫻). Ngược lại âm trên là phương 方. Âm dưới là tạng an 搯安. Vận Anh Tập cho rằng: Ngưng

động thành mỡ Văn thông dụng cho rằng: mỡ ngang eo lưng bụng gọi là phương 肪. Mỡ trong bao tử gọi là san. Đều là chữ tượng hình.

Não mạc (腦膜). Ngược lại âm trên là nãi đáo 乃到. Thuyết Văn cho rằng: Não (腦) là tủy trong đầu. Chữ viết từ bộ nhục 肉, thanh não. Cũng có chỗ viết não 腦, hoặc là viết 腦 này đều chẳng đúng. Âm não 腦 đồng với âm trên. Ngược lại âm dưới là mạc 莫, tóm lại cho rằng: Da ở bên trong huyết não, ngoài gọi là mạc 膜 (tức là màng não). Thuyết Văn nói rằng: Xương ở giữa thịt ngoài là màng. Âm hài 骸. Ngược lại âm cổ ai 古哀.

Si ninh (眇寧). Ngược lại âm trên là si chi 眇支. Vận Anh Tập cho rằng: Ghèn trong khóe mắt. Trong văn kinh viết si này là chẳng đúng. Kiểm lại các chữ trong sách đều không có chữ si này. Thuyết Văn cho là Mắt bị thương tích, bị khoét mắt. Chữ viết từ bộ mục thanh tỉnh di 省移. Âm tí 眇. Ngược lại âm tỳ tứ 疵賜. Ngược lại âm dưới ninh đình (寧亭) là chữ tượng thanh. Theo Văn Tự Tập Lược cho rằng: Lỗ tai bị bệnh, trong lỗ tai dơ Chữ chánh xưa nay cho rằng: Từ bộ 耳, thanh ninh 寧.

Xú vật (殞物). Ngược lại âm xướng huynh (唱兄). Khảo Thanh cho rằng: Mùi rất hôi thối. Thuyết Văn nói rằng: Loại cầm thú chạy mà biết dấu chân của nó. Nói rằng con chó tự biết mùi của nó. Xưa viết ty 畀 là mũi ngửi. Chữ viết từ bộ tự 自 đến bộ khuyển 犬, hoặc. Ngược lại viết xú 殞. Trong văn kinh viết từ chữ tử 死 viết chữ này đều chẳng đúng, vì không có chữ này.

Bảo ngoạn 寶玩. Ngược lại âm ngũ quán 五灌. Không An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Ngoạn

(玩) là vật làm trò bốn cột vui đùa. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ Vương 王 đến bộ nguyên 元 thanh tỉnh 省.

Đam trước (耽著). Ngược lại âm trên là (答南) đáp nam. Vận Anh Tập cho rằng: Đam (耽) là tốt đẹp. Khảo Thanh cho rằng: Trêu đùa, quen nhờn. Chữ viết từ bộ thân 身 đến chữ đam 耽, thanh tỉnh 省. Âm đam 耽 đồng với âm trên.

Đảm Phạ 擔怕. Ngược lại âm trên là đảm lam 啖藍. Âm dưới là phổ bá 普百. Hoài Nam Tử cho rằng: Đảm 擔 là đầy đủ. Phạ 怕 là yên tĩnh. Trong văn kinh viết từ bộ thủy viết thành chữ đảm phạ 淡怕 đều chẳng phải, giải thích nghĩa khác đi. chữ chánh xưa nay cho rằng:

Viết 擔怕 đảm phạ hai chữ đều từ bộ tâm 心, là chữ hình thanh. Bì Xuyên;. Ngược lại là hương duyên, Khảo Thanh nói là huyết Thuyết Văn giải thích xuyên qua ở trong lỗ.

Điều Thứ (鷗鷺). Ngược lại âm trên là đình điều 丁遙. Mục Thiên Tử Truyện cho rằng: Ở trên núi Xuân có loài bạch điều, loại chim này lông màu xanh gọi là chim điều tức là con điều hâu, nó có thể ăn thịt dê chó, giống như con nai. Quách Phác cho rằng: Nay điều hâu cũng có thể ăn thịt nai. Thuyết Văn cho là Chim điều tức chim Đại bàng. Chữ viết từ bộ điều 鳥 thanh điều 彫. Ngược lại âm dưới là 就 tựu.

Theo kinh Sơn Hải cho rằng: Ở trên núi cao có rất nhiều chim Thứ. Chữ trong sách viết từ bộ điều 鳥 thanh 就 tựu âm bàng. Ngược lại âm đồ quan 徒官.

Ô Thước (烏鵲). Ngược lại âm trên là ô cô 鳴姑. Thuyết Văn cho rằng: Con chim Hiếu. Ngược lại âm

dưới là thất tước 七雀. Biết chỗ ở của Thái Tuế, Bác Vật Chí gọi là ổ của chim sẻ. Khi mở cửa ra thường thấy trên lưng hai chữ Thái Tuế. Đây chẳng phải tài trí nhậm vận mà là tự nhiên. Thuyết Văn cho rằng: Hai chữ tượng hình.

Xi Kiêu 鷗梟. Ngược lại âm trên là xỉ chi 齒之. Trụ văn viết chữ xi 鷗. Thuyết Văn nói hoặc viết từ bộ chuy 隹 đến bộ si 鷗. 鷗 si thùy, đều là chim điều hâu. Sách Lễ Ký cho rằng: Trước có bụi trần vì con chim điều hâu mang đến thì có gió nổi lên. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ thị 氏 viết thành xi âm khai nguyên 開元. Nghĩa theo thiên 千 viết là thiên, đều là âm duyên 緣. Ngược lại âm dưới là hiêu diêu 曉姚. Trịnh Tiễn chú giải trong Mao Thi Truyện rằng: Con chim có tiếng kêu ác. Thuyết Văn cho là Kiêu 梟 là con chim bắt hiếu. Theo chữ viết từ bộ điều 鳥, ở trên đầu lại viết bộ mộc 木, là Chữ tượng hình. Văn thường dùng gọi là con chim ăn thịt mẹ, nên gọi là con chim bắt hiếu.

Hồ Báo (虎豹). Ngược lại âm trên là hô cổ 呼古. Nhĩ Nhã cho rằng: Con Hồ có đốm trắng và đốm đen. Tiếng địa phương ở đời Trần, Tống gọi là con Lý giao; Giang Nam gọi là Lý Nhĩ. Thuyết Văn gọi là Hồ, là đầu đàn của loài cầm thú trên núi, chân giống như chân người.

Cho nên người ta cho rằng chữ tượng hình mà cũng là chữ hình thanh. Âm cam là âm hàm 含. Âm điều. Ngược lại âm hồ 虎. Ngược lại âm dưới là bao giáo 包教. Thuyết Văn cho rằng: Giống như con Hồ mà tròn có hoa văn đốm đen mà nhỏ hơn con Hồ. Chữ viết từ bộ trĩ 豸 đến bộ bao 包 thanh tỉnh 省. Trĩ (豸) là âm truy.

Hồ Lang (狐狼). Ngược lại âm trên là (何姑) hà cô.

Thuyết Văn nói rằng: Con yêu thú. Có chỗ thừa nhận là con quỷ mà có ba đức. Trong màu của nó trước nhỏ và sau lớn, khi chết cái đầu rất lớn. Chữ viết từ bộ khuyển 犬 đến cô 孤 thanh tỉnh 省. Chữ cô 孤 từ bộ qua 瓜. Ngược lại âm dưới là lãng đương 朗當. Thuyết Văn nói là tên của con thú, giống như con chó, thường gọi là chó sói, rất lạnh lợi nhạy bén, đầu màu trắng, trán cao. Trước sau đều to lớn. Chữ viết từ bộ khuyển 犬 thanh lương 良, là loài chó ở trong rừng.

Hoặc trác (或啄) âm trác 卓. Thuyết Văn cho rằng: Con chim mổ thức ăn. Chữ viết từ bộ khẩu 口 thanh thị 豕. Âm 豕 thị. Ngược lại âm sửu lục 丑錄. Chữ thị 豕 tức là chữ thi, cộng thêm một nét.

Hoặc quặc (或攖). Ngược lại âm quy lâu 歸簍. Lại âm quy bích 歸碧, cũng thông. Hoài Nam Tử cho rằng: Bắt lấy con chim thì gọi là bác 搏. Bắt con mãnh thú thì gọi là quặc 攖 (vồ lấy, tóm lấy). Thương Hiệt cho rằng: Quặc (攖) là bắt lấy. Thuyết Văn nói rằng: Nắm lấy, bấu vào. Chữ viết từ bộ thủ 手 thanh quặc. Trong văn kinh viết quặc âm đồng với âm trên. Chữ trong sách đều không có chữ này, chữ này xuất xứ từ sách nào. Âm quặc 攖. Ngược lại âm Vương hoạch 王鑊. Âm bác 搏 là âm bác 博, âm tán. Ngược lại âm sở cân 所巾. Âm. Ngược lại âm lung hoạch.

Đảm Xé 擔掣. Ngược lại âm trên là đản da 但耶. Quảng Nhã cho rằng: Đảm là nắm lấy. Giải thích tên gọi: Đảm là nắm tay lại, là nắm ngón tay đủ đưa ra nắm lại giữ lấy, hoặc viết là đảm 擔 này. Thuyết Văn cũng viết chữ đảm này. Từ bộ thủ 手 thanh đảm. Âm đảm. Ngược

lại âm tác hà 奈何. Ngược lại âm dưới là xương chế 昌制. Vận Anh Tập cho rằng: 掣 xé là níu, kéo lại, níu tay lại. Giải thích tên gọi là Xé tức là chế ra, lập ra, định ra, ngăn cấm. Pháp lệnh đã được chế ra.

Chữ viết từ bộ thủ 手 thanh 制 chế

Hội lan (潰爛). Ngược lại âm hà ngoại 何外. Thương Hiệt giải thích rằng: Hội (潰) là vỡ hết phần đê. Vận Anh Tập nói là Tán ra.

Thuyết Văn nói là Nước lọt vào chảy vào. Chữ viết từ bộ thủy thanh quý 貴.

Trùng Thư (蟲蛆). Ngược lại âm 逐融 trực dung. Nhĩ Nhã cho rằng: Có chân gọi là trùng 蟲, không chân gọi là thỉ 豕. Trong văn kinh viết trùng 虫 này là sai, viết lược. Ngược lại âm dưới là thất dư 七余.

Nghĩa là con ruồi đậu vào thịt trong có vi trùng (giống như con dòi). Chữ viết từ bộ nhục 肉 đến bộ thư, thanh tỉnh 省. Trong văn kinh viết thư 蛆 là văn thường dùng.

Hủ Nhục (腐肉). Ngược lại âm trên là phù phủ (扶甫). Quảng

Nhã cho rằng: Hủ là hôi thối. Vận Anh Tập cho rằng: Hủ là mục nát. Thuyết Văn nói rằng: Thối nát, như vụng. Chữ viết từ bộ nhục 肉 thanh phủ 府.

Cốt Tỏa (骨). Ngược lại âm 蘇果 tô quả Quảng Nhã cho rằng: Tỏa là liên kết lại. Chữ trong sách giải thích rằng: Liên hoàn, là vòng tròn. Thuyết Văn nói rằng Cốt Tỏa (骨) là cốt thân của Bò Tát. Kinh Phật Bản Hành Tập cho rằng: Lóng xương của phàm phu được nối kết

lại với nhau là sức mạnh chống đỡ. Lóng xương của Bồ-tát đều câu móc lại với nhau, tiếp nối với nhau giống như dây cương con ngựa, tương tự như cây trúc mà thành trụ, rộng lớn, bền chắc. Thuyết Văn cho rằng: Chữ tỏa từ bộ ngọc 玉 thanh tỏa. Âm tỏa đồng với âm trên. Từ bộ 小 tiểu đến bộ 貝 bối. Trong kinh viết tỏa này là chẳng đúng.

Hạo Bạch (皓白). Ngược lại âm hào cáo 毫告. Vận Anh Tập cho rằng: Hạo là nguyên tố trắng, lụa trắng. Nhĩ Nhã cho là Màu trắng. Thuyết Văn cho là Chữ hạo từ bộ bạch 白 đến bộ hạo 浩 thanh tỉnh 省.

Trong kinh cho là chữ thường dùng.

Kha Bối (珂貝). Ngược lại âm khả hà 可何, là loại khoáng thạch, loại ngọc hạng kém. Tỳ Thương cho rằng: Kha (珂) là loại Mã não, hoặc gọi là Khuyết bạch, trắng như tuyết. Cho nên dùng dây da đeo vào cổ con ngựa. Chữ bối 貝 nghĩa là con ốc sên. Một tên gọi khác nữa là châu của răng. Nay lấy màu trắng làm ví dụ: Linh Lạc (零落). Ngược lại âm lịch đinh 歷丁. Ngược lại âm dưới là lang các 郎各. Bồn văn viết từ bộ thảo 草. Trong văn kinh viết từ hai điểm trở xuống. Ngược lại âm dưới viết lạc 落 là chẳng đúng, chữ trong nghĩa của kinh dùng.

Nhuyễn Cốt (𩑦骨). Ngược lại âm thời nhuyễn 時𩑦, hoặc là trác 琢.

Trước quyển thứ nhất đã giải thích rồi.

Tiết Cốt (𩑦骨). Ngược lại âm khảng dật 肯逸. Trong văn 膝 tất kinh viết, cũng là văn thông dụng. Nghĩa là đầu gối. Chữ chánh thể từ bộ tiết 𩑦 âm tiết 𩑦 là âm tiết 節.

Bễ Cốt (𩑦骨). Ngược lại âm tỳ mễ 毘米. Trong văn

kinh viết bề này, văn thường dùng là chẳng đúng (nghĩa xương đùi).

Khoan Cốt (髌骨). Ngược lại âm khổ quan 苦官. Bì Thương giải thích rằng: Xương sống ở mông dít (xương khu). Thuyết Văn cho rằng: Xương đùi trên. Chữ viết từ bộ cốt 骨 thanh khoan 寬.

Tích Cốt 脊骨. Ngược lại âm trên 精亦 tinh diệp. Khảo Thanh cho là Xương sống. Sách Tập Huân cũng giải thích là xương sống. Tự Thư cho rằng: Xương sau lưng. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ tích 暫 là chữ tượng hình.

Hiệp Cốt (肋骨). Ngược lại âm hương diệp 香葉. Hoặc là viết hiệp 脅. Từ ba bộ lực 力 đến bộ nhục 肉. Chữ viết từ ba bộ lực 力 là sai.

Bác Cốt (膊骨). Âm bác 博.

Hàm Cốt (頤骨). Ngược lại âm hồ cảm 胡感. Xương gò má. Giáp Cốt (頰骨). Ngược lại âm kiêm nghiệp 兼業 (xương gò má).

Hài Cốt (骸骨). Ngược lại âm hà giai 遐皆.

Sương Phong (霜封). Ngược lại âm phong công 風貢. Vận Anh Tập cho rằng: Đóng kín lại, cũng gọi là cố chấp, cũng gọi là đóng băng lại.

Cáp Sắc (鵠色). Ngược lại âm cam ma 甘麼. Cái xương màu xanh ngọc bích.

Toái mạt (碎末). Ngược lại âm trên là tô đối (蘇對). Khảo Thanh cho rằng: Đập nát, vỡ vụn tán mạt ra. Quảng Nhã cho rằng: Cái kho chứa thóc. Vận Anh Tập cho rằng: Nhỏ nhất, vụn vặt. Chữ trong sách viết là toái 碎. Thuyết

Văn cho rằng: Túy là thuần nhất tinh túy. Chữ viết từ bộ thạch 石 đến bộ toái thanh tỉnh 省. Âm túy là âm mi 眉, âm toái. Ngược lại âm thôi đối 崔對.

Sách Lệ (策勵). Ngược lại âm lực chế 力制. Vận Anh Tập cho rằng: Lệ 勵 là gắng sức. Chữ chánh xưa nay viết từ bộ lực 力 thanh lệ 厲.

Duy Tứ (唯伺). Ngược lại âm ty tự 司字. nghĩa là hầu hạ Thứ Âm Phạm Văn (次音梵文). Kinh này có ba mươi hai chữ âm Phạm đọc có nặng có nhẹ mà khác nhau, không đồng. Vì văn chữ của nước này khó đọc, là đối địch nhau. Chỗ thông đạt giữa tiếng Phạm và tiếng Hán hai nước, văn tự phải vận thanh âm cho khéo mới có thể xem xét ở tai nghe. Nay vì hai thanh vận trùng lặp trái ngược với nhau, tức là cùng âm Phạm trái, mất, không phải âm phiên thiết, nên nói là sai, rốt cuộc là không đúng với âm Phạm.

Ai (哀). Ngược lại âm a khả 阿可.

Lạc (洛) chữ 洛 ở đây cùng với âm Phạm không có tương đương nên trong sách viết chữ La 囉, thượng thanh. Nay chuyển lưỡi đọc là như Bá 簸. Ngược lại âm ba khả 波可. Nghĩa là đúng như Giả 者. Ở nước Thiên-trúc tiếng Phạm gọi là Trung biên 中邊, có khác hơn gọi là trung thiên 中天. Âm tả 左 đọc nhẹ một chút là đúng ở bắc Thiên-trúc. Âm giả 者, Lỗ Chất cho rằng không đúng. Nay lấy âm ở trung Thiên-trúc, nên chữ trong sách là Tả 左. Ngược lại âm tác khả 則可.

Nã 娜 Chữ này âm Phạm có thanh mũi, nên trong sách viết nặng 曩. Lấy thượng thanh, bao gồm âm mũi, tức là đã như trên. Năm chữ đúng, nghĩa là năm cái búi

tóc. Năm chữ này là chân ngôn của ngài Văn-thù.

Khả 可. Ngược lại âm lạc khả 勒可.

Đà (陀). Chữ này xa với âm Phạm, nên trong sách viết na 娜. Ngược lại âm na khả 那可.

Bà 婆 Chữ này cùng với âm không tương đương, nên trong sách viết ma 麼. Ngược lại âm mạc khả 莫可.

Trà (茶) chữ này cùng trái mất âm nên trong sách viết chữ nã 拿.

. Ngược lại âm nã nhã 拿雅. Chữ nã thì đúng âm.

Kiều 𪛗 (橋穢). Hai chữ này chẳng phải là chữ Phạm. Ngược lại chữ trên là âm cư yêu 居夭. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Kiêu 橋 là dôi trá. Thuyết Văn nói là dôi trá, lừa gạt. Trong văn kinh chữ 矢 thành chữ kiêu là văn thông dụng.

Sa (沙) thượng thanh, tức là Phược (縛). Ngược lại âm vô khả 無可, hoặc có cộng thêm bộ 冫 viết là phược là đúng âm Phạm.

Đa 多. Ngược lại âm đa khả 多可.

Dã Tự (也字) Chữ này là đúng, tương đương với chữ Phạm.

Sất Trá (瑟吒). Nhị hợp, âm dưới là trá 吒 lấy thượng thanh. Gọi hai chữ là hợp là thanh dưới tên là nhị hợp. Ca (迦). Ngược lại âm cư khứ 居去.

Sa (娑). Ngược lại âm tăng khả 桑可.

Ma (磨). Ngược lại âm mạc khả 莫可. Bao gồm có âm mũi. Già (伽). Ngược lại âm cường hà 強何, âm này là khứ thanh. Tha (他). Ngược lại âm tha khả 他可.

Xà (𪛗). Ngược lại âm thị giá 是遮. Cũng là âm ở

Bắc Thiên-trúc. Âm 旨 chỉ nếu lấy âm ở Trung Thiên-trúc, thì âm Phạm có thể gọi là giả 者. Ngược lại âm từ khả 慈可, Âm khả. Ngược lại âm lạc khả 勒可.

Thấp Phược (溼縛). Ngược lại âm trên là thi nhập 尸入. Ngược lại âm dưới là vô khả 無可, hai chữ này hiệp lại thành một thanh.

Đạt (達). Chữ này cùng với âm Phạm lạ hợp dùng chữ đà 駄.

. Ngược lại âm 唐賀 đường hạ.

Xả (捨) cũng tương đương với âm Phạm.

Khur (𠂔) Lấy thượng thanh, gọi tức là phải như Sản (𠂔). Ngược lại âm sách giản 策簡. Là chữ nhị hợp. Trong sách cũng có thể viết ngật sản, hai chữ hợp lại thành một thanh.

Tát-Đa (薩多) Hai chữ hợp lại. Ngược lại âm dưới là đa khả 多可. Hai chữ hợp lại thành một thanh.

Nhã. Ngược lại âm nhi giả 而者. Chữ Phạm là nhị hợp, cũng có thể trong sách viết chỉ nương 枳娘, là hai chữ hợp lại, lấy chữ nương là thượng thanh.

Lạt Tha (辣他). Ngược lại âm trên là lang cát 郎葛. Nhị hợp âm Phạm, có chuyên lưỡi đọc, cũng có thể trong sách viết la tha 囉他. Là hai chữ hợp lại thành một thanh.

Kha (呵). Ngược lại âm hô a 呼阿. là chuẩn xứ số Bốn tiếng Phạm không có chữ kha 呵 này.

Bạc (薄). Ngược lại âm bàng mạc 傍莫. Rất lạ, chữ Phạm là chữ 婆 bà thanh khứ. Ngược lại âm bà hạ 婆賀. Hoặc trong sách viết chữ Bà cũng là thông dụng.

Xước (綽). Ngược lại âm xương ước 昌約, cũng rất

trái ngược. Âm Phạm đúng ra tương đương với chữ sa. Ngược lại âm thác khả 錯可. Tức là chữ tha 蹉, thượng thanh, nghĩa là ngã, vấp té.

Táp Ma 颯磨. Ngược lại âm trên là tô hợp 蘇合. Âm dưới lấy chữ ma 磨, thượng thanh. Bao gồm có âm mũi, âm Phạm cũng là nhị hợp.

Hạp phục (嗑縛). Âm trên là hợp 合. Ngược lại âm dưới là vô khả 無可, cũng là hai âm hợp thành một thanh.

Tha (蹉). Ngược lại âm thương khả 倉可. Lấy thượng thanh.

Kiến (鍵). Ngược lại âm cừ sản 渠產, hoặc trong sách viết chữ kiện 健 này cũng thông dụng.

Sĩ Trong truyện viết sai không thành chữ âm Phạm, chữ đúng phải là chữ xá 佉, thượng thanh. Ngược lại âm sách giả 坼賈. Âm 佉 xá. Ngược lại âm lạc già 勒伽. Âm sách 坼. Ngược lại âm lạc cách 勒革.

Nã (拿). Ngược lại âm ninh nha 寧佉. Không phiên thiết nên lấy thượng thanh, hoặc trong sách viết chữ () bao gồm âm mũi. Ngược lại âm nô nhã 奴雅.

Pha (頗). Ngược lại âm phổ ngã 普我, đúng âm tương đương.

Tắc-Ca (塞迦). Âm dưới là 迦 ca. Ngược lại âm khương khu lấy âm khu dùng thượng thanh.

Dật Bà 逸婆. Chữ 婆 bà lấy âm thượng thanh, nhị hợp, hoặc là trong sách viết là dã bà 野婆.

Chước (酌). Ngược lại âm chi dược 之藥, rất trái với âm Phạm. Chữ đúng âm Phạm là thất giả 室者. Âm nhị hợp, hai chữ hợp lại thành một thanh.

Trá (吒). Ngược lại âm trích da 摘 (加. Nay lấy thượng thanh. Cũng có thể trong sách viết mâu 繆. Ngược lại âm trích giả 摘賈 là đúng âm.

Trạch 擇. Âm宅 trạch. Chữ này cùng với âm Phạm cũng quái lạ, nên trong sách viết trà 搽, lấy thượng thanh. Âm宅 trạch. Ngược lại âm trạch giả 宅賈, là đúng âm. Từ đây về sau không phải chữ Phạm nữa.

Sở Thuyên (所詮). Ngược lại âm 取全 thủ toàn. Khảo Thanh cho là thứ lớp rõ ràng. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Có thứ lớp, kế tiếp theo. Tự Thư giải thích rằng: Bình bằng, ngang bằng, cũng gọi là chứng có, bằng có, có bằng chứng rõ ràng. Thuyết Văn cho là Cân nhắc đẩn đo. Chữ viết từ bộ ngôn 言 thanh toàn 全.

Tu Trị (修治) Âm dưới là lý 里. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Là sửa đổi pháp luật, điều chỉnh. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Là chính trị Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ thủy thanh đài 台. Ngược lại âm trì 持 cũng là thông dụng.

Ý Lạc (意樂). Ngược lại âm ngũ giáo 五教. Hiến Túc (獻足). Ngược lại âm y hãm 伊餒. Yêm quyen 厭倦. Ngược lại âm y lan 伊爛.

A-Luyện-Nhã 阿練菩 Tiếng Phạm, cũng gọi là A-Lan-nhã 阿蘭菩.

Hán dịch là nơi vắng lặng.

Đỗ Đa (杜多) là tiếng Phạm. Xưa gọi là 頭陀. Nghĩa là mười hai hạnh khổ, đầy đủ như trong bốn kinh đã nói.

Cô Luyến (顧戀). Ngược lại âm lực quyen 力卷. Ngược lại âm công ngộ 公悟.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

54

Mạn Ngạo (慢傲). Ngược lại âm ngũ cáo 五告. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Ngạo là không cung kính. Quảng Nhã cho rằng: khuấy động, buông trôi. Thuyết Văn nói rằng: Ngạo mạn. Chữ viết từ bộ nhân 人 thanh ngạo. Âm cứ 倨 là âm 據 cứ âm ngạo. Ngược lại âm ngũ cao 五高.

Yếm thích (厭戚). Ngược lại âm thanh diệc 青亦. Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: Thích (戚) là đau khổ. Trịnh Huyền chú giải sách Luận Ngữ rằng: Lo buồn sợ hãi. Thuyết Văn cho rằng: Lo buồn. Chữ viết từ bộ tâm 心 thanh thích 戚, âm thích đồng với âm trên, từ bộ mậu 戊 thanh thúc, âm mậu 戊. Ngược lại âm vu nguyệt 于月. Âm thúc là âm thúc 叔.

Dược-Xoa (藥叉). Tiếng Phạm, là nơi ở của chúng Quỷ Thần.

Thuộc bộ phương Bắc gọi là Thiên Vương Tỳ-Sa-môn, ủng hộ cõi chúng sanh. Thiện thần, hoặc là ở các chỗ núi non.

Kiên Đạt Phược (健達縛). Là Tiếng Phạm, tên của vị trời. Hán dịch là tầm hương. Âm nghĩa quyển trước đã giải thích đầy đủ Đúng âm Phạm gọi là Hiên-Đạt-La-Phược 璫達囉縛. Ngược lại âm vô khả 無可. Âm 璫 hiên. Ngược lại âm ngư kiển 魚.

A-Tổ-Lạc (阿素洛). Hán dịch là Phi Thiên. Xưa dịch là Thần không uống rượu, thường tranh hơn về sức

manh với cỡi trời ba mươi ba, phụ trách gánh vát một cách khác nhau, nên gọi là Phi Thiên. Lại có vị Thần lớn là Thông Huyền, năng lực to lớn, hiện thân cao to, tự tại vô ngại.

Biện Thuyết (辯說). Ngược lại âm trên là bì miễn 皮免. Quảng Nhã cho rằng: Biện là trí tuệ. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ ngôn 言.

Biện (辦). Ngược lại âm trên là bạch mạn 白慢. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Sắp xếp, điều hành công việc. Thuyết Văn nói cho là Phán đoán, chia cắt. Chữ viết từ bộ lực 力, thanh biện 辯, âm biện đồng với âm trên.

Vong Báo 忘報. Ngược lại âm trên là vông phương 网方. Âm dưới là bảo mạo 保冒. Thuyết Văn cho rằng: Chữ báo 報 từ chữ phục vông 伏𠂔. Đến chữ 𠂔 tiết đến bộ 又 hựu, âm phục 伏 là âm 伏 phục, âm tiết là âm tiết 節.

Bất Thù (不酬). Ngược lại âm thời chu 時周, là văn thường dùng. Sách Nhĩ Nhã cho: là báo thù. Thuyết Văn nói viết chữ thù 酬 từ bộ dậu 酉 thanh thọ 壽.

Cơ hiềm (譏嫌). Ngược lại âm trên là cư y 居衣, Quảng Nhã cho rằng: Cơ là khuyên can, dùng lời nói để sửa cho người đứng đắn. Khảo Thanh cho rằng: Khiển trách, quở trách, chỉ trích, giễu cợt. Thuyết Văn nói cho là chê bai. Chữ viết từ bộ ngôn 言 thanh cơ 幾. Ngược lại âm dưới là hình kiêm 形兼. Khảo Thanh cho rằng: tâm Ác. Thuyết Văn cho rằng: 疑 nghi ngờ tâm không bình đẳng. Chữ viết từ bộ nữ 女 thanh kiêm 兼. Âm khiên 譏. Ngược lại âm xí kiến 企見.

Thường Dự 常預. Ngược lại âm 羊據 dương cứ. Bì Thương cho rằng: Dự là an ôn, vui vẻ.

(Quyển 55, 56 hai quyển này đều không có âm giải thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 57

Đoạn Dĩ (斷已). Âm trên là đoạn 段, âm dưới là dĩ 以.

Tử Phiêu (紫縹). Ngược lại âm tư thử 茲此. Thuyết Văn cho rằng: Mảnh lụa màu trắng xanh, màu tím đỏ. Chữ viết từ bộ mịch 糸 thanh thử 此.

. Ngược lại âm dưới là phiêu miểu 漂眇. Thuyết Văn nói rằng: Tấm vải lụa màu trắng xanh. Chữ viết từ bộ mịch 糸 thanh phiêu. Âm mịch 糸 là âm mịch 覓. Âm phiêu là âm tất điều 必遙.

(Kinh từ quyển 58 đến quyển 74 gồm trăm mười bảy văn kinh để hiểu không có âm, nghỉ giải thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 75

Vấn Cật (問詰). Ngược lại âm xí dật 企逸. Thượng Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Vấn (問) là hỏi tội. Quảng Nhã cho là Trách phạt. Thuyết Văn nói rằng: Vấn là hỏi. Chữ viết từ bộ ngôn 言, thanh cát tỉnh (吉省).

Tha ác 他惡. Ngược lại âm ô các 烏各. Không An

Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Xấu ác, hẹp hòi, ích kỷ. Thuyết Văn cho là Ác tâm, tội lỗi. Chữ viết từ bộ tâm 心 thanh á 亞. Trong văn kinh viết từ bộ tây 西 viết thành chữ ác 惡 là sai. Âm á 亞. Ngược lại âm ô giá 烏嫁.

Quyết Trạch (決擇). Ngược lại âm trên là tế duyệt 祭悅. Khảo Thanh cho rằng: Quyết đoán thẳng, ngay lập tức. Thuyết Văn nói cho là Nước đang chảy. Chữ viết từ bộ thủy thanh quyết 决. Ngược lại âm trên là trì cách 持格. Thuyết Văn nói là Tuyển chọn. Chữ viết từ bộ thủ 手.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

76

Cực Dũng (極踴). Ngược lại âm cực ức 汴億. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Cực (極) là hết, là tận cùng. Trong Mao Thi Truyện cho là đến hết rồi. Quách Phác chú giải Nhĩ Nhã rằng: Rất xa. Quảng Nhã cho là rất cao. Thuyết Văn nói là Từ bộ thủy thanh cực. Trong văn kinh viết từ bộ thủ 手 là chẳng đúng. Âm cực. Ngược lại âm căng lực 矜力. Ngược lại âm dưới là dung thũng 容腫. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Dũng (踴) là nhảy lên, vượt lên. Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: Là ở trên cao. Thuyết Văn nói viết chữ dũng 蛹 này, chữ trong sách viết dũng (勇) từ bộ túc 足 thanh dũng 勇.

Cực Kích (極擊). Ngược lại âm kinh lịch 經歷. Giai

Quế Uyển Tông giải thích rằng: Kích (擊) là đánh. Khảo Thanh cho là công kích, đánh phá. Thuyết Văn nói cho là đánh. Chữ viết từ bộ thủ 手 thanh kích, âm kích đồng với âm trên. Âm phộc 卜 lại viết âm phộc này. Ngược lại âm phổ bốc 普卜.

Cực Bạo (極爆). Ngược lại âm bao mạo 苞貌. Sách Nhĩ Nhã cho là lá rụng nhiều. Thuyết Văn nói cho là hun đốt. Chữ viết từ bộ hỏa thanh bạo 暴, Chữ bạo 暴 từ bộ xuất 出 đến chữ cung 升 đến bộ bao, âm bao. Ngược lại là âm thao 滔.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

77

Hy Hách (曦赫). Ngược lại âm hỷ ỷ 喜倚. Vận Thuyên Tập giải thích rằng: Ánh mặt trời vừa mọc lúc sáng sớm. Trong Tự Thư là Ánh sáng tròn đầy. Thuyết Văn cho là Ánh nắng ban mai, sắc khí trong lành. Chữ viết từ bộ hề 兮 nhật 日 thanh nghĩa 義. Trong văn kinh viết từ bộ hỏa là chẳng đúng, hoặc viết hy 晞 này cũng đồng nghĩa.

Tế Chư (蔽諸). Ngược lại âm trên ty duệ 卑袂. Quảng Nhã cho rằng: Tế (蔽) là ẩn giấu, che đậy. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Tế là bị chướng ngại. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ thảo 草 thanh tế 蔽. Âm tế. Ngược lại âm ty duệ 毘袂.

Kiều Thi Ca (僑尸迦) khương yêu 薑妖. Ngược lại âm dưới là cương khư. Tiếng Phạm, tức tên khác của

Thiên Chủ

Hạn Cách (限隔). Ngược lại âm canh ngạch 耕額. Quảng Nhã cho là giới hạn. Thuyết Văn nói là Ngăn cách, chướng ngại. Chữ viết từ bộ phụ 阜 thanh cách 鬲.

Như Ung (如雍). Ngược lại âm trên là ung hung 癰 凶. Thuyết Văn nói rằng: Viết chữ ung nghĩa là thủng sưng lên. Chữ viết từ bộ tật thanh ung 甬. Ngược lại âm nữ ách 女厄.

Như Sang (如瘡). Ngược lại âm sở trang 楚莊. Văn thường dùng và Văn Ngọc Thiên cho rằng: Từ bộ qua 戈 đến chữ thương 倉 viết thành chữ sang. Thuyết Văn nói viết chữ sáng 創 viết từ bộ đao 刀, hoặc viết từ bộ chữ sang 倉. Văn cổ viết sang. Vận Thuyên cho rằng:

Nổi mụn nhọt gọi là sang. Vận Anh Tập cho rằng: Sang là nổi đau khổ, là vết thương. Thuyết Văn nói là bị tổn thương. Chữ viết từ bộ đao 刀 thanh sang 倉.

Bức Thiết (逼切). Ngược lại âm bỉ cước 彼噓. Vận Anh Tập nói: là bức bách khó chịu. Thuyết Văn nói là gần. Chữ viết từ bộ xước 𢇛 thanh, bức, hoặc là viết từ phúc 福 xước 𢇛 âm sửu. Ngược lại âm sửu lược 丑略

Âm bức. Ngược lại âm披億 phi ức. Âm dưới là thiết 切 từ bộ thất 七.

Suy Hủ (衰朽). Ngược lại âm suất truy 率追. Khảo Thanh cho rằng: Suy là yếu ớt, suy nhược, gầy yếu. Vận Anh Tập cho rằng: Tồn thất, giảm bớt, gầy yếu. Thuyết Văn nói rằng: lấy cỏ kết làm áo mưa, là chữ tượng hình. Ngược lại âm dưới là hưu cửu 休九. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Hủ (朽) là mục nát, thối rữa, nhừ ra. Chữ đúng xưa nay viết từ bộ mộc 木 thanh

hủ 朽. Ngược lại âm khảo chi 考之.

Hữu Hoành (有橫). Ngược lại âm hoạch mãnh 獲猛. Khảo Thanh cho rằng: Không thuận lý. Tự Thư cho rằng: Phi lý mà đến, gọi là hoành 橫. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ mộc 木 thanh hoàng 黃.

Hữu Dịch (有疫). Ngược lại âm doanh bích 營壁. Thuyết Văn nói rằng: Người dân đều bị tật bệnh. Chữ viết từ bộ nạch 疒 đến bộ dịch 役 thanh tỉnh 省.

Hữu Lệ (有癘). Ngược lại âm liệt trệ lực đại nhị 列滯力大二.

Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Bệnh tật khí dịch không ôn hòa. Thuyết Văn nói là loại bệnh ác nghiệt. Chữ viết từ bộ tật 疾 vạn 萬 thanh tỉnh 省.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

78

Tư Nhuận (滋潤). Ngược lại âm trên là tử tư 子思. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Tư (滋) là lâu dài. Thiên Thượng Hiệt cho là nước tinh dịch. Thuyết Văn nói là Có lợi ích. Chữ viết từ bộ thủy, thanh tư 茲. Ngược lại âm dưới là như thuận 如順. Quảng Nhã cho rằng: Nhuận là ẩm ướt. Thiên Văn Ngọc cho rằng: trang sức bóng láng. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ thủy viết thành nhuận 潤 thanh nhuận 閏.

Sung Dật (充溢). Ngược lại âm dư nhất 餘一. Văn Nhĩ Nhã cho rằng: Dật (溢) là tràn ra ngoài, đầy đủ, dư

thừa.

An Phủ (安撫). Ngược lại âm phù vũ 孚武. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Phủ (撫) là vỗ về an ủi cũng giống như chữ an 安. Đễ

Dự chú giải Tả Truyện rằng: Giữ gìn, giúp đỡ, vỗ về giúp đỡ. Thuyết Văn nói là Dựa theo. Chữ viết từ bộ thủ 手 thanh vô 無.

(Quyển 79, 80 không có âm nghĩ giải thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

81

Thiệt Tác (竊作). Ngược lại âm thất kiết 七愜. Khảo Thanh cho rằng: Lấy riêng. Thuyết Văn nói là tự lấy trộm ở trong đưa ra. Chữ viết từ bộ huyết 穴 đến hai bộ thập 十 đến bộ mễ 米 thanh dữu. Nay thuận theo văn thường dùng lược bớt hai bộ thập 十. Âm nhị thập 二十 là âm tật 疾. Âm dữu là âm tiết 薛.

Giải da (解耶). Ngược lại âm trên hài giới 諧介. Ngược lại âm dưới là dĩ già 以遮.

Bí Sô 毘芻. Ngược lại âm trên là tỳ-dật 毘逸. Ngược lại âm dưới là trắc ngu 測虞. Tiếng Phạm, tên một loại cỏ Pháp sư Tăng Triệu giải thích: Bí sô có bốn nghĩa: Một là thắng đức. Hai là tịnh khát thực. Ba là phá phiền não. Bốn là năng trừ giới. Cũng gọi là Bồ ma. Nghĩa là làm cho Ma Vương sợ hãi. Trong văn Phạm gọi là khéo léo, một lời nói bao gồm bốn ý nghĩa, đến nay vẫn còn

trong Phạm Thuyết Văn nói đầy đủ ý nghĩa.

Bí-Sô-Ni 毖芻尼. Nghĩa là đồng như trên, là tên gọi chung người nữ xuất gia. Nêu ra có ba thanh rõ ràng. Tức là người Thanh nữ.

Ô-Ba-sách-Ca (烏波索迦). Ngược lại âm trên là ô cổ 烏古. Âm dưới là tán khư 贊祛. là tiếng Phạm, đời Đường dịch là Cận sự nam, có thể phát tâm Bồ Đề thọ giữ năm giới cấm của người tại gia v.v gần gũi thân cận với các bậc Tỳ-kheo Tăng, vì vậy mà gọi tên.

Ô-Ba-Tư-Ca (鳴波斯迦. Cũng là đệ tử Phật, có thể phát tâm Bồ

Đề, nghĩa giải ở trước trong có ba loại thanh, trước nói thanh Nam, đây nói là Nữ, tức là người con gái lành.

Hưởng Thanh (響聲). Ngược lại âm hư lưỡng 虛兩. Khảo Thanh cho rằng: Trong hang núi, tiếng vang vọng lại là ứng thanh, hoặc viết từ chữ âm 音 đến bộ khẩu 口, đến hướng 向 viết thành chữ hướng đều đồng nghĩa với âm trên.

Dị giải (易解). Ngược lại âm trên là dĩ trí 以智. Ngược lại âm dưới hài giới 諧介. Âm dưới là chẳng đúng.

Trắc độ (測度). Ngược lại âm sở lực 楚力. Theo sách Chu Lễ giải thích rằng: Trắc là đơn vị trọng lượng trong đo đạc, trắc nghiệm dưới lòng đất. Trịnh Huyền cho là đo lường, đánh giá, phán đoán. Âm dưới ngược lại âm đường lạc 唐洛.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

82

Duy cực (唯極). Ngược lại âm cực thùỵ 翼睢. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: Duy (唯) là độc nhất, duy nhất. Cố Dĩ Vương cho rằng: Duy là do, là từ ngữ Thực Chúng (植眾). Ngược lại âm thừa chức 承職. Tiếng địa phương cho rằng: Thực là đứng thẳng. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư là sắp bày. Thuyết Văn nói: là cây cột trước cửa nhà. Chữ viết từ bộ mộc 木 thanh trực 直.

(Quyển 83, không có âm giải thích).

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

84

Thủy lục 冰陸. Ngược lại âm lưu trúc 流竹. Theo Hàn Thi Truyện cho rằng: Chỗ đất cao bằng chẳng không có nước gọi là lục 陸. Theo Nhĩ Nhã Thuyết Văn nói rằng: Cũng gọi là nơi đất cao, bằng phẳng. Chữ viết từ bộ phục 阜 thanh lục, âm lục đồng với âm trên.

(Từ quyển 85 đến quyển 98 gồm 14 quyển không có âm giải thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

99

Tiên Bối (仙輩). Ngược lại âm bác muội 博妹. Văn Ngọc Thiên cho rằng: Bối là thứ lớp, lớp người đi trước, cũng gọi là bộ số nhiều. Trong kinh Thái Huyền cho rằng: Bối là loại, chủng loại. Thuyết Văn nói rằng: Trong quân trận phát ra một trăm chiếc xe chõ đi gọi là một bối 輩. Chữ viết đúng chẳng phải từ bộ xa 車. Văn thường dùng viết từ bộ bắc 北 viết thành bối.

Nhữ Tào (汝曹). Trong Hán Thư cho rằng: Bối (輩) là một bọn, một nhóm, một lũ Hư không (虛空). Ngược lại âm hứa cư 許居. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ hổ 虍 đến bộ khuru 邱, hoặc viết là đều 虛 là văn cổ chữ khuru là âm 虍 hổ Trong kinh viết chữ khuru này là không thành chữ Yểm Nê (掩泥). Ngược lại âm ư kiểm 於檢. Trịnh Tiễn chú giải trong Mao Thi Truyện rằng: Yểm (掩) là che đậy. Tự Thư giải thích rằng: Yểm là đóng kín lại. Tiếng địa phương cho là che giấu, ẩn giấu. Thuyết Văn nói viết từ bộ yểm, cũng có nghĩa là che lấp. Trong Quế Uyển Châu Tông cho rằng: Kiểm duyệt. Chữ viết từ bộ thủ 手 thanh yểm 奄.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

100

Liêu tá (僚佐). Ngược lại âm lực điều 力彫. Sách Nhĩ Nhã cho là Quan liêu. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Đồng làm quan với nhau gọi là liêu

僚. Trong Tả Thị Truyện gọi là “Liêu” Ngọc Thiên gọi là người làm quan tới phẩm thứ chín. Vận Anh Tập cho là bạn làm quan với nhau, cũng gọi là trợ giúp. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ nhân 人 thanh liễu, hoặc từ bộ miên viết thành chữ liễu 寮 cũng đồng nghĩa.

Lô Vi (蘆葦). Ngược lại âm trên là lỗ đô 魯都. Âm dưới là ủy.

Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Gia lô nghĩa là loại cỏ lau dùng để làm màn. Quách Cảnh Thuần cho rằng: Lô tức là vi, là bệnh gây ốm ác nghiệt. Cố Dã Vương cho rằng: Vi (葦) là cây lau lớn, loại cỏ lau dùng để lợp nhà. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ thảo 草 đến bộ mãnh 𦰩 thanh lô 盧. Chữ vi 葦 cũng là thanh vi 韋. Âm 盧 lô. Ngược lại âm lỗ đô 魯都. Từ bộ hổ 虍 đến bộ khối, âm khối. Ngược lại âm khổ ngoại 苦外.

Không Khích (空隙). Ngược lại âm hướng nghịch 鄉逆. Quảng

Nhã cho rằng: Khích là lằn nứt hở ra. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ cho là hiềm khích, tranh chấp. Thuyết Văn nói rằng: Vách tường nứt có lỗ hở nhỏ. Chữ viết từ bộ phụ 阜 đến bộ bạch 白 đến bộ tiểu 小. Trong kinh viết từ bộ khòa (窠) viết thành chữ khích là chẳng đúng.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

101

Duy Nhiên (唯然). Ngược lại âm duy quý 唯癸. Sách Chu Lễ cho rằng: Duy (唯) là ứng từ Thiên Thương Hiệt cho rằng: Duy (唯) là cung kính, cũng gọi là vâng, thừa vâng, ừ, là từ để đáp lại. Theo chữ duy tức ngày nay viết là nặc 諾, tức là bằng lòng, chịu.

Thù Khích (讎隙). Ngược lại âm thọ lưu 壽流. Theo Thanh loại cho rằng: Thù là cừ địch. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Thù là đối địch nhau. Theo Tập Huân Truyện cho rằng: Thù là oán hận, một mối thù ngẫu nhiên. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ ngôn 言 thanh thù.

Âm thù đồng với âm trên.

Diễn diệt (殄滅). Ngược lại âm trên là đình điển 亭典. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Diễn (殄) là hết. Sách Nhĩ Nhã cho là tận diệt. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ ngạt 歹 thanh điển. Trong văn kinh viết từ bộ nhĩ 爾 là sai. Chữ 滅 quyền trước đã giải thích rồi. Âm ngạt 歹 là âm tàn 殘, âm điển. Ngược lại âm chi nhẫn 之忍.

Giải đãi (懈怠). Ngược lại âm trên là giới 戒. Âm dưới là đại 代.

Giải đãi nghĩa là biếng nhác.

Nhiều loạn (擾亂). Ngược lại âm trên là như chiêu 如招. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ thủ 手 thanh ưu 憂. Âm ưu. Ngược lại âm nô cao 奴高. Trong kinh viết ưu 憂 là chẳng đúng. Ngược lại âm dưới là lạc đoạn 樂段. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Loạn là trị Khảo Thanh cho là

phiên nào, sai lầm, có lỗi. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ 乙 thanh loạn. Âm loạn đồng với âm trên. Từ bộ 爪 đến bộ yêu 𠂇 bộ quynh hựu. Lý Tư cho rằng: Từ bộ viết 寸 thành chữ loạn. Tóm lại từ bộ phộc viết thành chữ loạn. Văn thường hay dùng viết loạn. Văn cổ viết là loạn. Âm yêu 𠂇 là âm yêu 腰. Âm quynh 垠. Ngược lại âm quý 季.

Cật Sách (詰責). Ngược lại âm trên là xí cát (企吉). Âm dưới là tranh cách 爭革. Thuyết Văn cho là Cầu sự quả trách, cũng gọi là hỏi tội. Chữ viết từ bộ bối 貝 đến bộ sách thanh tỉnh 省. Trong văn kinh viết trách 責 là chữ biến thể, của văn thường dùng.

Vi Cự (違拒). Ngược lại âm trên là chữ vi 韋. Bồn đơn viết vi 韋. Thuyết Văn cho là làm trái. Ngược lại. Chữ viết từ bộ suyễn 舛 thanh khẩu 口. Trong Thạch Kinh viết cộng thêm 辵 bộ xước viết thành chữ vi 違. Âm suyễn 舛 là âm suyễn 喘, âm khẩu 口 là âm vi 韋. Âm xước 辵. Ngược lại âm sửu lược 丑略. Chữ cự 拒 viết từ bộ thủ 手.

Thích Cầm (螫敢). Ngược lại âm trên là 舒亦 thu diệc. Âm dưới là 各 khả các, đều thông dụng. Thuyết Văn nói là loài côn trùng độc hại. Chữ viết từ bộ trùng 虫 thanh thích, âm thích. Ngược lại âm xa-dạ 賒夜.

Đôi trị (對治). Ngược lại âm trên là đô nội 都內. Quảng Nhã cho rằng: Đôi (對) là đương thời, cũng là hướng đến. Thuyết Văn nói và văn Hán Thư cho rằng: Vua lấy lời nói nhiều mà chẳng thành thật, tin chắc, cho nên rằng là nói đi nói lại nên vua viết là đôi 對. Trong văn kinh viết chí 至 là đến, là chẳng đúng, âm nghiệp 業

là sàng học 床學. Ngược lại âm dưới là trực sử 直史. Lại cũng là âm trực lê 直梨.

Cũng là thông dụng.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 102

Tiện Tuệ (便慧). Ngược lại âm trên là tỳ miên 毘綿. Trịnh Huyền chú giải sách Luận Ngữ rằng: Sắp xếp thứ lớp. Theo Thanh loại cho là thói quen. Thuyết Văn nói là an ổn, người làm việc có bất tiện lại càng có sự sắp xếp. Chữ viết từ bộ nhân 人, cánh 更. Trong văn kinh viết chữ tiện 便 cũng là văn thông dụng thường dùng. Ngược lại âm dưới là huỳnh giai 熒佳. Vận Anh Tập cho rằng: Tuệ (慧) là giác ngộ. Tiếng địa phương cho rằng: Tuệ là sáng suốt. Khảo Thanh cho là Xác thật, chính xác. Sách Quốc Ngữ cho rằng: Trí thông minh hiểu biết. Chữ viết từ bộ tâm 心 thanh tuệ 慧. Âm tuệ 慧. Ngược lại âm tùy nhuệ 銳.

Vong Mạng 忘命. Ngược lại âm tang hoǎng 桑薨. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Vong là mất. Thuyết Văn nói là chết mất. Chữ viết từ chữ khóc 哭 thanh vong 亡. Văn thường dùng là viết từ bộ vong này là chẳng đúng.

Cổ Đạo (蠱道). Ngược lại âm trên là cô ngũ 姑五. Vận Anh Tập cho là Chất độc làm mê hoặc con người. Vận Thuyên Tập cho là loại côn trùng có chất độc gây bệnh cho người và vật khác. Chất độc đó sách Tục Thư

cho rằng: con Thần một đục khoét. Thuyết Văn nói rằng: Trong bụng có loài côn trùng. Chữ viết từ bộ trùng 蟲 thanh mãnh 𧈧, hoặc viết là cổ, hoặc có âm 野 道 dã đạo. Tiếng địa phương gọi không đồng. Âm 蟲 trùng. Ngược lại âm trực dung 逐融. Âm đồ 蠹. Ngược lại âm đô có 都固. Âm 𧈧 mãnh. Ngược lại là âm minh bình 明秉.

Quý mị 鬼魅. Ngược lại âm trên là quy vi 歸葦. Thuyết Văn nói rằng: Con người có chỗ để quay về, mà người chết gọi là ma, hồn ma. Chữ viết từ bộ quỷ 鬼 đến bộ nhân 人 đến bộ tư, âm 厶 tư. Ngược lại là âm gian 姦 dối không thật. Theo Truyện Xuân Thu cho rằng: Hễ là hồn ma thì có chỗ để quay về. Không phải là quỷ ác mà đến. Văn cổ viết quỷ, âm quỷ 鬼. Giống như đầu quỷ. Âm tư (厶) là âm tư 私. Ngược lại âm dưới là mi bí 眉祕. Trong Kinh Sơn Hải cho rằng: Mị 魅 là vật mà thân người, đầu đen, mắt láo liên. Theo Thanh loại cho rằng: Mị là loại quỷ Thần quái lạ. Thuyết Văn cho là Trinh vật lão luyện. Chữ viết từ bộ quỷ 鬼 thanh vị 未, hoặc viết quỷ 鬼 thanh mị. Theo Thanh loại cho rằng: Chữ viết từ bộ mị đều là chữ cổ Yểm Đảo (厭禱). Ngược lại âm trên là y diễm (伊琰). Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Yểm là đầy đủ. Giả Quỷ chú giải sách Quốc Ngữ cho: là hợp lại. Thuyết Văn nói rằng: Yểm là dối trá. Chữ viết từ bộ hán 𠩺 thanh yểm. Chữ viết đúng là yểm. Nay lược bớt. Ngược lại âm dưới là đao lão 刀老. Bao Hàm chú giải sách Luận Ngữ rằng: Đảo (禱) là mời gọi đến. Quảng Nhã cho rằng: Cảm tạ cũng gọi là mời gọi phúc đến từ nơi quỷ thần gọi là Đảo. Thuyết Văn nói rằng: Báo cáo việc cầu phúc gọi là Đảo. Chữ viết từ bộ thị 示 thanh đao.

Âm trách 𢦏 là âm trách 責. Âm hán 𢦏 là âm hân 罕.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 103

Chế Đa (制多). Xưa dịch là chế đề 制底, hoặc dịch là chi đề 支提, đều là tiếng Phạm, chuyển thanh qua tai nghe thật là một. Đây dịch là miếu 廟, tức là chùa, Già-lam, Tháp, Miếu, v.v...

Tốt Đồ Ba (𢦏堵波). Ngược lại âm trên là tô cốt 蘇骨. Âm dưới là 都古 đô cổ. Tiếng Phạm gọi là Tháp, xưa dịch là Tô-Thâu-Bà 蘇偷婆, xưa dịch cũng không đúng, tức là Tháp thờ những viên Xá-Lợi thân Phật.

Xưa dịch hoặc gọi là Phù-đồ Bảo Hàm (寶函). Ngược lại âm hà giam 遐緘. Văn thường dùng theo tương truyền dùng sai. Hàm (函) là cái hang núi, đời Tần gọi là quan 關, tức là cửa ải. Thuyết Văn nói viết đúng là từ bộ mộc 木 viết thành chữ giam 械. Giam nghĩa là cái rương nhỏ Quảng Nhã cho là Cái rương nhỏ gọi là 械 giam. Vận Thuyên Tập nói là Cát chứa rất nhiều kinh sách đồ vật. Trong kinh gọi là cái tráp, cái hộp chứa đồ quý báu là Xá-Lợi Phật.

Thanh Trữ (盛貯). Ngược lại âm trên là thành 成. Âm dưới 知 tri 呂 lữ Thuyết Văn nói rằng: Trữ là chứa, chữ viết từ bộ bối 貝 thanh trữ 宁. Ngược lại âm trực lữ 直呂.

Thiết-Lợi-La (設利羅). Là tiếng Phạm, xưa dịch sai,

hoặc dịch là Xá-lợi. Tức là linh cốt hạt nhỏ của thân Đức Như lai.

(Quyển 104 không có âm giải thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 105

Hung Bội (兇悖). Ngược lại âm trên là húc cung 勗恭. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Hung (兇) là tội lỗi, nói chung gọi là sợ hãi. Thuyết Văn nói là tội ác. Chữ viết từ bộ nhân 人 ở trong chữ hung 兇. Chữ dưới là hội ý, cũng gọi là chữ hình thanh. Ngược lại âm dưới là bò một 蒲沒. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Bội (悖) là phản nghịch. Thuyết Văn nói là làm loạn. Hoặc viết là bội 諄 cũng đồng. Từ bộ tâm 心 thanh bột 悖.

Yêu Một (妖殞). Ngược lại âm trên là yêu kiều 妖橋. Khảo Thanh cho rằng: Còn thiếu niên mà chết gọi là yêu 妖. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Bẻ gãy ra gọi là yêu. Chữ chánh xưa nay từ bộ ngạt 歹 thanh yêu 夭. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Một (殞) tức là chết. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Một là bị cứng đờ. Mao Thi Truyện cho rằng: Một là hết tận. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ ngạt 歹 thanh một, âm một đồng với âm trên.

Khiển Phạt (譴罰). Ngược lại âm trên là xí kiến 企見. Quảng Nhã cho rằng: Khiển là quả trách. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Mắng nhiếc. Quế Uyển Châu

Tòng cho rằng: Giận được 𠂔. Thuyết Văn nói rằng: Khiển là tra hỏi. Chữ viết từ bộ ngôn 言 thanh khiển 遣. Ngược lại âm dưới là phiền miệt 煩蟻. Khảo Thanh cho rằng: Cộng thêm cái tội cho người gọi là phạt 罰. Thuyết Văn nói là tội nhỏ Chữ viết từ bộ đao 刀 đến chữ phạt đồng với chữ trên, hoặc là viết từ bộ võng 𠂔 bộ thạch 石. Trong kinh viết từ bộ thốn 寸. Trong kinh hoặc viết chữ phạt 罰 này cùng là chữ thường dùng.

Thính Văn (聽聞). Ngược lại âm thể kinh 體涇. Âm dưới là văn 文 cũng đồng với âm trên.

Bổ Yết Sa (補羯娑). Là tiếng Phạm, Hán dịch là đục dơ nước dơ Nghĩa là loại người ở vùng biên địa thấp kém, vùng xa xôi hẻo lánh, nghiệp của họ xấu ác, không tin nhân quả, hoặc gọi là thích làm ác.

Đồ Quái (屠膾). Ngược lại âm trên là đồ 徒. Khảo Thanh cho là tàn sát, giết hại. Thuyết Văn nói rằng: Đồ là mổ moi ra, phanh ra, cắt đứt lìa ra, phân ra từng mảnh thịt, gọi là đồ (屠). Ngược lại âm đô 都 thanh tỉnh 省. Ngược lại âm dưới là cổ ngoại 古外. Quảng Nhã cho rằng: Quái (膾) là cắt ra phân ra. Thuyết Văn nói là xắt thịt nhỏ ra, từ bộ nhục 肉 thanh hội 會. Hoặc là viết quái 膾 dùng nghĩa cũng đồng âm khô 𦵏. Ngược lại là âm khô 枯.

Ngư Liệp (漁獵). Âm trên là ngư 魚. Trong kinh viết từ bộ thủy viết thành chữ ngư 漁, gọi là nước, ở Ngư Vương. Chẳng phải chữ ngư liệp 漁獵. Ngược lại âm dưới là liêm diệp 廉葉. Khảo Thanh cho rằng: Đuổi bắt con chó. Nhĩ Nhã cho là Đi săn hổ bắt lấy con thú. Nay thông dụng gọi là đi săn thú ở ngoài đồng ruộng, gọi là

liệp 獵. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ khuyển 犬 thanh liệt. Âm liệt đồng với âm trên.

Thủ Đạt La (戍達羅). Là tiếng Phạm. Xưa gọi là Thủ Đà-la 首陀羅, hoặc gọi là Thủ đà 首陀, tức là người nông phu cày ruộng, khai khẩn đất đai.

Ma-Yết-Đà (摩揭陀). Là tiếng Phạm, tên của nước Trung Thiên-trúc, hoặc là Ma-kiệt-Đề 摩竭提, đều là chuyên thanh gọi. Nước này ở giữa có tòa Bồ Đề bằng Kim cương ở dưới gốc cây, nay thấy ở đây cũng giống.

(Từ quyển 106 đến quyển 126 gồm 21 quyển không có âm giải thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 127

Phân Phức (芬馥). Ngược lại âm phương văn 方文. Tiếng địa Phương gọi là Hòa với hương thơm. Khảo Thanh cho rằng: Phân khí thơm bủa khắp. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ thảo 艸 viết thành chữ phân 芬. Trong thạch kinh viết từ bộ thảo 草 dưới. Ngược lại âm bằng biến 馮遍. Theo Hàn Thi Truyện cho rằng: Phức (馥) cũng là mùi thơm bát ngát, khí thơm lam tỏa. Chữ viết từ bộ hòa. Ngược lại âm sĩ liệt 恥列.

Tảo Thức (掃拭). Ngược lại âm trên là tảo lão 噪老. Quảng Nhã cho rằng: Tảo (掃) là trừ hoặc từ bộ thổ 土 viết thành tảo 埽 này. Ngược lại âm dưới là cửu thương lực 傷力. Quách Phát chú giải sách Nhĩ Nhã rằng:

dọn dẹp sạch sẽ. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ thủ 手 thanh thức 式, hoặc viết từ bộ cân 巾 viết thành thức 拭, cũng thuận dùng đồng nghĩa âm trên.

Hiên Cái (憲蓋). Ngược lại âm 筭偃 can yễn. Chữ chánh xưa nay gọi là tấm vải bạt che trên mui xe, để ngăn sức nóng của mặt trời, cũng gọi là màng che phủ lên trên xe, nên gọi là hiên, hoặc viết là can 玕. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Viết chữ này từ bộ 巾 thanh hiên 憲. Ngược lại âm dưới là ca ngải 哥艾. Văn thường dùng và Quảng Nhã cho rằng: Cái (蓋) là che đậy. Thuyết Văn cho là Lấy cỏ lợp lên. Chữ viết từ bộ thảo 草 đến chữ hạp 盍. Âm hạp là âm hợp 合. Chữ cái 蓋 từ bộ thảo 草 đến bộ đại 大 đến bộ mãnh 𠂔 viết thành chữ 蓋 cái. Nay trong văn kinh viết từ bộ dương 羊 đến bộ mãnh 𠂔 viết thành chữ cái, cũng là văn thông dụng thường dùng.

Miệt Lê Xa (蔑戾車). Ngược lại âm miên di 眠彌. Âm kê là lê kiết 黎愜. Âm dưới là xỉ-da 齒耶. Là tiếng Phạm, là sai. Đứng âm Phạm đọc là Tát-lật-sa 畢俛磋, Hán dịch là hà tiện, là hạng người làm nghề dơ uế, không biết lễ nghĩa, dâm dật, phóng đảng, cúng tế quỷ thần, tàn hại lẫn nhau. Âm di 彌. Ngược lại âm miệt nghi 邊蔑. Âm sa 磋. Ngược lại âm thương hà 倉何.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

128

Du U (踰於). Ngược lại âm du chu 庾朱. Quảng Nhã

cho rằng: Du (踰) là vượt qua. Thuyết Văn nói là vượt qua. Chữ viết từ bộ túc 足 thanh du 俞. Chữ du 俞 từ bộ nhập nhất đến bộ chu 舟 đến bộ xuyên, xuyên là dòng nước chảy, âm du đồng với âm trên. Âm nhập. Ngược lại âm tinh nhập 精入. Âm xuyên. Ngược lại âm cổ ngoại 古外. Dưới là chữ ư 於. Thuyết Văn nói viết chữ điền 殄 từ văn cổ. Ngược lại âm ô 烏. Chữ viết lược.

Xà Yết (蛇蠍). Ngược lại âm lại âm trên là xã già 社遮. Trong văn kinh viết xà 蛇 này là văn thông dụng thường dùng. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ trùng 虫 đến bộ tha 它, âm tha 它. Ngược lại âm đồ hà 徒何. Tha (它) là chữ cổ, nghĩa là nơi ở của loài hoang dã, cũng gọi là cái hang. Cũng gọi là văn nghi vấn để hỏi, gọi là vô tha (không có nó). Ngược lại âm dưới là hương yết 香謁. Theo Tập Huấn truyện cho là loài côn trùng cắn đốt người. Thuyết Văn nói viết đồ 蠹 là con mọt, sâu mọt, chữ tượng hình. Nghĩa là loại côn trùng độc hại. Theo Lê Sách viết từ bộ trùng 虫 thanh yết 歇. Nay văn kinh viết hạt 蜎 là con mọt trong gỗ, là con ấu trùng, con bọ hung, chẳng phải con bò cạp.

Âm đồ 蠹. Ngược lại âm sửu giới 丑介. Âm tù 蝻 là âm dậu 酉, âm tè 蟻 là âm tè 齊.

Thân Anh (身嬰). Ngược lại âm ích doanh 益盈. Khảo Thanh cho rằng: Anh (嬰) là bị trời buộc. Vận Thuyên Tập cho rằng: Gặp gỡ cũng gọi là bao vây, xung quanh. Thuyết Văn cho là Chữ viết từ bộ nữ 女 thanh anh, từ hai bộ bồi 貝. Trong văn kinh viết tè hai bộ mục 目 đến chữ an 安 là chẳng đúng. Âm chấp 繫. Ngược lại âm tri lập 知立. Âm anh đồng với âm trên.

Lại Tật (癩疾). Ngược lại âm lai đại 來大. Văn thường dùng và Quảng Nhã cho rằng: Là bệnh hủi, bị thương tổn. Thiên Thương Hiệt cho là Đau đớn, bệnh tật. Thuyết Văn nói chữ viết đúng là chữ lệ 癩 là bệnh nhọt độc. Chữ viết từ bộ tật lệ thanh tỉnh 省. Thuyết Văn nói rằng chữ lại 賴 từ bộ phụ 負 thanh lại 賴. Chữ lệ 癩. Ngược lại âm lai đại 來大. Âm lại 賴. Ngược lại âm lạc hạt 勒嗜. Âm tật 疾. Ngược lại âm nữ ách 女厄.

Thũng Pháo (腫疱). Ngược lại âm trên là chi dũng 之勇. Thuyết Văn nói rằng: Thũng là sưng lên mụn nhọt u lên, chữ viết từ bộ nhục 肉. Ngược lại âm dưới là bao mao 庖貌. Thuyết Văn nói cho rằng trên mặt mọc mụn đỏ Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ bì 皮 viết thành chữ pháo 庖 cũng viết chữ pháo 庖 đều đồng, văn thường dùng cũng viết từ trên mặt nên viết là pháo.

Huyền Y (眩醫). Ngược lại âm trên là huyền quyền 玄絹. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: Huyền hoặc, mê hoặc lẫn lộn. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Nhìn không thấy rõ. Thuyết Văn nói rằng: Mắt không thường làm chủ. Chữ viết từ bộ mục 目 thanh huyền 玄. Ngược lại âm dưới là ư kế 於計. Quách Phác cho rằng: Y (醫) là bị che khuất.

Khảo Thanh cho rằng: Trong mắt bị bệnh. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ mục 目 thanh y. Âm y. Ngược lại âm nhất hề 一奚.

Khô hạc (枯涸). Ngược lại âm trên là kang hồ 康胡. Khảo Thanh cho là Cây chết khô. Hoặc từ chữ liệt làm chữ khô là chữ cổ. Ngược lại âm dưới là hà các 何各. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: Hạc(涸) là

kiệt quệ hết. Quảng Nhã cho là hết. Thuyết Văn nói là cạn kiệt, khô ráo. Chữ viết từ bộ thủy thanh cố 固.

Sương Khiếp (箱篋). Ngược lại âm trên là tương dương 想羊. Chữ tóm tắt lại là sương 箱 là từ bộ trúc 竹. Là dụng cụ để chứa đồ đạc, cũng gọi là cái thùng. Khảo Thanh cho rằng: Khiếp (篋) là cái rương nhỏ kín. Thuyết Văn nói là Cái rương bằng tre. Chữ viết từ bộ trúc 竹 thanh khiếp 篋, hoặc viết từ bộ mộc 木 viết thành khiếp 愜. Theo âm loại. Ngược lại là kiêm diệp 兼葉.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 129

Chi Điều (枝條). Ngược lại âm trên là chỉ di 紙移, âm dưới định điều 定彫. Chữ viết đều từ bộ mộc 木.

Hành Cản (莖稈). Ngược lại âm trên là hạnh canh 幸耕. Thuyết Văn nói là nhánh cây. Chữ viết từ bộ thảo 草 thanh hành. Ngược lại âm dưới là ca lại 哥懶. Theo Tập Huấn Truyện gọi là Cây lúa. Quảng Nhã cho là Cọng lúa mềm của thân cây lúa gọi là cản 稈. Thuyết Văn nói là thân cây lúa. Chữ viết từ bộ hòa thanh căn, hoặc viết là cán. Trong văn kinh viết cán 幹. Âm cán 幹 đều chẳng phải bốn chữ ở đây dùng.

(Từ quyển 130 đến quyển 167 gồm 38 quyển không có âm giải thích).

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYÊN 168

Giả Tạ (假藉). Ngược lại âm tình dạ 情夜. Dịch là dùng chiếu bằng cỏ tranh thì không có lỗi. Thuyết Văn nói rằng: dùng chiếu cỏ để cúng tế Chữ viết từ bộ thảo 草 thanh tích 積. Âm tích. Ngược lại âm tình diệc 情亦

Khuyến Lệ (勸勵). Ngược lại âm trên là khuông nguyện (匡願).

Quảng Nhã cho rằng: khuyến là trợ giúp. Khảo Thanh cho là Khuyên bảo, khen thưởng. Thuyết Văn nói là khích lệ Chữ viết từ bộ lực 力 thanh quyền. Âm quyền là âm hoan 歡. Ngược lại âm dưới là lực đối 力對.

Trong Truyện Quế Uyển Châu Tòng cho rằng: Lệ (勵) là khuyến khích, khích lệ Đỗ Dự chú giải trong Tả Truyện rằng: khuyến khích nhau. Chữ viết từ bộ lực 力 thanh lệ 厲.

Điên Đảo (顛倒). Ngược lại âm trên là đinh kiên 丁堅. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Diên là bị che đậy, nói trái. Ngược lại. Quảng Nhã cho rằng: Đảo ngược, lộn lại. Mã Dung chú giải sách Luận Ngữ rằng: Té nhào lật ngửa dưới đất. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ diên. Lại cũng từ bộ tẩu 走 viết thành chữ diên 延, hoặc là viết diên 僣 này đều thông dụng. Trong văn kinh viết thông thường chữ diên 顛 văn thường hay dùng là chẳng phải bốn chữ. Ngược lại âm dưới là đương lão 當老. Khảo Thanh cho rằng: Té nhào lộn.

Túc Thực (宿殖). Ngược lại âm trên là tương dục 相

育. Khảo Thanh cho rằng: Túc (宿) là lâu bền. Thuyết Văn nói rằng: Dừng lại. Chữ viết từ bộ miên 綿 thanh túc đồng với âm trên. Ngược lại âm dưới là thời lực 時力. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Thực (殖) là mọc lên. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện là Lâu dài. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Nghỉ ngơi. Hoặc là từ bộ mộc 木 viết thành chữ thực 植 này cũng đồng nghĩa.

Khủng Nhiếp (恐懼). Ngược lại âm trên là khúc cung 曲拱. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Khủng 恐 là sợ hãi. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ tâm 心 thanh khủng. Văn cổ viết khủng 恐 khủng là âm拱 cung. Từ bộ công 工 đến bộ phong 丰 đến bộ át 乙, âm át 乙 là âm ẩn 隱. Trong văn kinh viết từ bộ thảo 草, trong sách từ biến thể viết thành khủng 恐 là sai. Ngược lại âm dưới là chi nghiệp 之業. Nhĩ Nhã cho: là sợ hãi. Chữ trong sách viết là phạ 怕 cũng là sợ sệt. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ tâm 心 thanh nhiếp 聶

Trong văn kinh viết chiêm cũng là sợ hãi. Chữ này chẳng phải bốn chữ. Âm nhiếp 聶. Ngược lại âm nữ liệt 女獵.

Giới uân (戒蘊). Ngược lại âm giai 隘 皆隘. Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ rằng: Giới là sợ, giạt mình. Khảo Thanh cho là Phòng bị. Tự Thư cho là Cẩn thận. Thuyết Văn cho là Bái lạy giữ gìn. Chữ viết từ bộ qua 戈 viết thành chữ giới 戒 là không trái ngược. Ngược lại âm dưới là uy vẫn 威殞. Tiếng địa phương cho rằng: Uân (蘊) là chứa nhóm. Mã Hưu chú giải Luận Ngữ rằng: Gói lại cất chứa. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ thảo 草 thanh uân 緼.

Quyển 170, 171 hai quyển này đều không có âm giải thích.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 172

Tề Hà 齊何. Ngược lại âm trên là tịch tế 寂細. Tự Thư giải thích là hạn chế. Khảo Thanh cho là phân đoạn ra, dùng chữ giả tá.

Bất miệt (不蔑). Ngược lại âm miên kiết 眠愜. Thuyết Văn nói là Khinh thường. Chữ viết từ bộ tâm 心 thanh miệt 蔑. Trong kinh viết chữ 蔑 này là sai, chẳng phải bốn chữ Âm miệt 蔑 đồng với âm 剔 ở trên là âm 易 dị.

(Kinh từ quyển 173 đến quyển 180 gồm tám quyển
không
có âm giải thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 181

Bất giảm (不減). Ngược lại âm canh trảm 耕斬. Khảo Thanh cho là Tồn giảm, khiến cho mặt trời nhỏ lại, giảm bớt. Thuyết Văn nói là Tồn giảm, từ bộ thủy thanh hàm 咸. Lại viết từ bộ 冫 viết thành chữ giảm 減 này là chẳng phải. Âm 冫 băng là âm 冰 băng.

Bào Thai (胞胎). Ngược lại âm trên là bổ giao 補交. Văn cổ viết là 包 bao. Chữ tượng hình chữ 胎 là dựa theo

Thạch kinh của Thái Ung cộng thêm bộ nhục 肉 viết thành chữ bào 胞. Thuyết Văn cho là Đứa trẻ mới sinh ra. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Gói trong bao. Trang Tử cho rằng: Bào (胞) là cục thịt ở trong bụng, vẫn thường hay dùng. Ngược lại là âm phổ bao 普包. Ngược lại âm dưới là tha lai 他來. Quảng Nhã cho rằng: Người phụ nữ có thai hai tháng gọi là thai (胎). Thuyết Văn nói là người đàn bà mang thai hai tháng. Thiên Thương Hiệt cho là người nữ mang thai sanh ra yêu mị. Chữ viết từ bộ nhục 肉 thanh đài 台. Âm quả 寡 là âm quả 果.

Quý Chánh Pháp (匱正法). Ngược lại âm trên là cuồng vị 狂位. Quý (匱) là cái tráp, cái hộp. Chữ viết từ bộ phương 匚 thanh quý 貴. Hoặc là viết quý 櫃. Trong kinh cho rằng: Quý (匱) là pháp tắc, quý đó cũng gọi là xén pháp, keo bản pháp, ngăn không vào được thân tâm bí mật không nói, gọi là keo bản, tiếc rẻ thánh giáo, không chịu lưu truyền, giấu kín bí mật, giống như cái rương, cái tráp nên gọi là quý pháp (匱法). Cái rương cất giấu Phật pháp. Đức Phật nói đây là người đắc tội rất nặng, thà rằng tạo tội Vô gián chứ không làm cái rương cất giấu pháp.

Sảo vi (稍微). Ngược lại âm trên là sương giáo 霜教. Vận Thuyên Tập cho rằng: Từ từ chút ít. Quảng Nhã cho rằng: Hối một chút, trừ bỏ dần dần khiến cho nhỏ lại. Thuyết Văn nói là Vứt vật ra từ từ. Chữ viết từ bộ hòa thanh tiêu 尙. Ngược lại âm dưới là vĩ phi 尾非. Tả Thị Truyện cho rằng: Vi (微) là không. Sách Tự Thư cho rằng: Vi là nhỏ, vi tế. Thuyết Văn nói là Ân hạnh. Chữ

viết từ bộ xước 𠂔 thanh vi. Âm xước 𠂔 ngược lại âm sủu xích 丑尺. Âm vi đồng với âm trên. Trong kinh viết từ bộ sơn 山 đến bộ ngạt 歹 viết thành chữ vi 微. Văn thường dùng là sai.

Hiểm Ác (險惡). Ngược lại âm trên là hương kiễm 香檢. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Hiểm cũng gọi là ác. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ cho là Nguy hiểm. Thuyết Văn cho là hiểm trở, ngăn cách, khó khăn. Chữ viết từ bộ phụ 阜 thanh kiễm. Ngược lại âm dưới là ô các 烏各. Thuyết Văn nói rằng: Bất thiện, là ác. Chữ viết từ bộ á 亞 đến bộ tây 西 là chẳng đúng.

Tam Tai (三災). Ngược lại âm tể lai 宰來. Thuyết Văn cho là lửa cháy thiêu rụi gọi là tai 災. Văn cổ viết xuyên 川 cũng viết tai 災 đều là chữ cổ. Tam tai có hai loại: Lớn và nhỏ. Mỗi thứ đều khác nhau, đều ở trong kiếp giảm. Tiểu tam tai là Đói khát, dịch bệnh, đao binh. Đại tam tai đó là Lửa cháy, gió bão, nước cuốn trôi. Đều gọi là tai. Ở trong thời mạt kiếp, cũng gọi là kiếp tai.

Tuần hoàn (循環). Ngược lại âm tùy luân 倫. Ba Thương gọi là đi tuần khắp. Nhĩ Nhã cho là theo, là tốt lành. Thuyết Văn nói là đi. Chữ viết từ bộ xước thanh tuần. Âm tuần là thuận. Âm dưới là hoàn 還. Trịnh Tiễn chú giải sách Chu Lễ rằng: Hoàn là đi một vòng. Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: Thống nhất lại, tóm lại. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ ngọc, thanh hoàn.

Hư luy (虛羸). Ngược lại âm lực truy 力追. Thuyết Văn nói thân thể bệnh tật, gầy yếu. Chữ viết từ bộ dương 羊, thanh luy. Âm luy đồng với âm trên.

Ồi tạp (猥雜). Ngược lại âm trên là ô mỗi 烏每.

Quảng Nhã cho rằng: Ổi là tạp loạn. Khảo Thanh cho rằng: bất chánh mà vượt quá mức. Luận Ngữ nói: Người quân tử lúc cùng khôn thì giữ vững hành động, kẻ tiểu nhân lúc cùng khôn thì làm bừa bãi. Nên gọi là ổi 猥. Tự Thư cho rằng: Ổi là dơ uest. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Ổi là tạp loạn. Thuyết Văn nói là bày chó sửa. Chữ viết từ bộ khuyển 犬 thanh ổi. Ngược lại âm dưới là tài hợp 才合. Tự Thư cho rằng: Tạp loạn hòa lẫn với nhau. Khảo Thanh cho rằng: so le không thẳng hàng. Thuyết Văn cho rằng: Năm món ăn trộn lẫn với nhau. Chữ viết từ bộ y 衣 thanh tập 集. Theo chữ tạp 雜 đúng thể từ bộ y 衣, thanh tập 集. Theo Lệ Sách cho rằng: Lấy cho tiện lợi nên dời đổi thành bộ mộc 木. Trong bộ y 衣 dưới viết tạp 雜. Lại nhân bộ 草 thảo sách viết đổi thành bộ 衣 y là đúng thẳng. Tương truyền rằng viết chữ 雜 tạp này là mất, là xa.

Ung Thư (雍疽). Ngược lại âm trên là ức cung 億恭. Trang Tử gọi là ung thư đó tức là bệnh ghẻ lở u nhọt. Tư Mã Bưu chú thích rằng: Trong thân thể con người nhiệt nóng nổi lên mụn nhọt, hoặc là khí huyết không thông là ung là ứ lại. Thuyết Văn nói là sưng lên. Chữ viết từ bộ tật thanh ung 雍, hoặc viết là ung 癰. Âm dưới. Ngược lại là âm thất dư 七余. Thuyết Văn cho là Nổi mụn ung lâu ngày thành ra thư Chữ viết từ bộ tật thanh thư 莖. Âm thư 莖. Ngược lại âm tử dư 子余. Âm thư 莖 Thuyết Văn cho rằng: theo hai cách đọc, một là trong kinh viết theo chữ thư 莖 bày là sai.

Giới Ung (疥雍). Ngược lại âm lại âm trên là 介 giới. Khảo Thanh cho rằng: Giới ung là cái mụn ghẻ lở hoặc

viết chữ giới 玠 này. Thuyết Văn nói cho rằng bệnh ghẻ lở. Quảng Nhã cho rằng: Cái mụn nhọt.

Phong cuồng (風狂). Ngược lại âm phong dương thừa khánh 封楊承慶 hai âm. Tóm lại cho rằng: Vì loài côn trùng sinh ra gió, cho nên chữ phong 風 có bộ trùng 虫. Thuyết Văn nói rằng: Gió lay động, loài côn trùng sinh ra, cho nên loài côn trùng sinh ra tám ngày, mà hóa sanh ra. Chữ viết từ bộ trùng 虫 thanh phàm 凡. Ngược lại âm dưới là cù Vương 衢王. Cố Dã Vương cho là ngu xuẩn, làm cho kinh sợ lo buồn hải hùng tim đập mạnh. Khổng An Quốc chú giải sách Luận Ngữ rằng: Cuồng là người bị xúc phạm thần kinh sinh ra cuồng, cũng gọi là người mất bốn tâm. Thuyết Văn nói cuồng là cuồng chế, gọi là con chó điên.

Chữ viết từ bộ khuyển 犬 thanh cuồng. Âm tuần 駿 ngược lại âm nhai giải 崖解. Âm quý 悸. Ngược lại âm quỳ quý 葵季. Âm là âm cuồng. Đều là âm quỳ Vương 逵王. Âm chiết là âm chế 制.

Điên giản (癲癲). Ngược lại âm đinh kiên 丁堅. Quảng Nhã cho là điên rồ Theo Thanh loại cho rằng: gió lớn, gió mạnh. Thuyết Văn nói lại viết ngu 虞. Ngược lại âm dưới là hạn gian 限姦. Theo Thanh loại cho là bệnh của đứa trẻ động kinh. Thuyết Văn cho rằng: Giản là bệnh phong. Chữ viết từ bộ tật thanh gian 間. Âm gian 姦 là âm giang 間.

Đông Tàn (疼殘). Ngược lại âm trên là lực trung 力中. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử là Mụn nhọt độc. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Bệnh lâu ngày. Thuyết Văn cho là Bệnh phong kiết. Chữ viết từ bộ long

thanh tỉnh 省. Ngược lại âm dưới là tàng an 藏安.

Bồi Lũ (背僂). Ngược lại âm lực cự 力炬. Khảo Thanh cho rằng: Ấu lũ là thân cúi xuống. Quảng Nhã cho là Xương sống cong lại. Thuyết Văn nói rằng: Gây yếu bệnh hoạn, từ chữ lũ 縷 thanh tỉnh 省. Âm uông 尙. Ngược lại âm vu Vương 紆王.

Tọa Lậu 𡗗陋. Ngược lại âm trên là tọa tri 𡗗知. Quảng Nhã cho rằng: Tọa 𡗗 là lùn thấp. Ngược lại âm dưới là lô đậu 盧豆. Vương Dật chú giải Sở Từ rằng: Lậu là nhỏ chật hẹp. Nhĩ Nhã cho rằng: Nơi vùng đất xa xôi hẻo lánh, nơi biên giới. Hiếu Thanh cho rằng: Lậu là xấu xa, thấp hèn. Thuyết Văn nói rằng: Chật hẹp, thô sơ, nông cạn, thấp hèn. Chữ viết từ bộ phụ 阜 thanh lậu, âm lậu đồng với âm trên.

Luyện Tích (攣𡗗). Ngược lại âm trên là lực truyền 力傳. Khảo Thanh cho là bệnh tay chân gây yếu, co lại. Ngược lại âm dưới là tinh diệc 并亦.

Cổ Dã Vương cho là cái chân bị khô, teo lại không thể đi được. Hoặc viết chữ tích 癖 này. Thuyết Văn cho rằng: Chữ luyện viết từ bộ thủ 手. Chữ tích viết từ bộ chỉ 止, đều là chữ hình thanh, hoặc là viết từ bộ túc 足.

Khô Tụy (枯). Ngược lại âm khổ ngô 苦吾. Âm dưới là tình toại 情遂. Sách Tự Thư cho rằng: Khô tụy là dáng vẻ ốm gầy xấu xí, hoặc là viết chữ tụy này cũng đồng nghĩa.

Ngoan Ngân (頑嚚). Ngược lại âm trên là 五. Quảng Nhã cho rằng: Ngoan (頑) là ngu độn. Thuyết Văn nói rằng: Đánh tát cái đầu. Chữ viết từ bộ hiệt 頁 thanh ngoan. Ngược lại âm dưới là ngữ cân 語斤.

Theo Tả Thị Truyện cho rằng: Lòng không có nghi tắc nghĩa đức. Trong kinh gọi là ngoan khẩu 頑口. Nghĩa là miệng nói không có đạo trung tín, nên gọi là Ngân. Thiên Thương Hiệt rằng: Ngân (𧯂) là xấu ác, lão khoét, ngu xuẩn. Thuyết Văn nói rằng: Chữ viết từ bộ ngân thanh thân 臣. Âm quặc 𧯂. Ngược lại âm hồ bản 胡本. Âm ngân. Ngược lại âm trạch lập 澤立.

Phỉ Báng (誹謗). Ngược lại âm trên là phi vị 非味. Âm dưới là bổ lãng 補浪. Sách Đại Đái Lễ cho rằng: chê bai mà nói toạc ra, khuyên can, tranh luận với nhau tốt xấu đều phơi bày ra, trơ trọi ra. Cổ Ứng Thiệu chú giải Hán Thư rằng: Là miếng ván bắt cầu ngang qua. Cho nên sách chính trị nói chê bai là mất đi tất cả. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Chê bai, nguyên rửa, dùng lời nói độc ác mà nguyên rửa người. Thuyết Văn nói rằng: Hai chữ hồ tương với nhau là chê bai, hủy nhục người, nói đều là chữ hình thanh.

Tự Hãm (自陷). Ngược lại âm hàm lam 咸藍. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Hãm (陷) là bị lấp vùi, chìm xuống. Thuyết Văn nói là rớt xuống. Chữ viết từ bộ phụ 阜 thanh hãm. Âm hãm. Ngược lại âm huynh tinh 阱兄. Từ bộ nhân 人 ở trong bộ cửu 臼. Trong kinh viết từ bộ trảo 爪 là chẳng đúng. Âm phụ 阜 là âm phụ 負, âm cửu 臼 là âm cựu 舊 là Chữ tượng hình.

Trầm Nịch (沉溺). Ngược lại âm trên là trì lâm 池林. Cố Dã Vương cho rằng: Trầm (沉) là chìm xuống. Thuyết Văn nói rằng: Chữ viết từ bộ thủy thanh trầm. Âm trầm 沉 là âm dâm 淫. Ngược lại âm dưới là nê lịch 泥歷. Theo sách Lễ Ký, Khổng Tử cho rằng: Người

quân tử chìm trong miệng, kẻ tiểu nhân chìm trong nước. Thuyết Văn nói rằng: Chìm trong nước là từ con người, cũng viết là nịch. Nay thông dụng cũng viết nịch 溺, từ bộ thủy viết thành chữ nịch 溺. Thuyết Văn nói gọi là tên nước. Trong sách viết rằng: Đạo yếu mà nước chảy về phía Tây đến là hợp với lòng dân chúng.

Oa Loa (蝸螺). Ngược lại âm trên là quả hoa 寡華. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã là con ốc sên. Thuyết Văn nói rằng: Loa là con tò vò. Quế Uyển Châu Tòng cho rằng: Ở trong nước sanh ra loại côn trùng.

. Ngược lại âm dưới là lỗ hòa 魯. Nhĩ Nhã cho rằng: Con phù du, con ốc sên. Các loại này đều không phải con tò vò, mà tức là con ốc sên, loại lớn ở dưới biển. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ trùng 虫 thanh loa. Trong kinh viết loa 螺 này cùng là văn thường dùng, là chẳng đúng.

Lan Phấn (爛糞). Ngược lại âm phân vấn 分問. Thuyết Văn cho là Lan Phấn là trừ bỏ. Chữ viết từ bộ hoa đến bộ cung 升, âm cung 升 là âm cung 供, là âm hoa. nghĩa là lấy cái sàng sảy bỏ đi. Là chữ tượng hình. Giống như hạt gạo mà chẳng phải hạt gạo, tức là cám. Dùng chày giã đập ra, bỏ đi, là chữ hội ý. Hoặc viết là phân đều đúng. Trong văn kinh viết từ bộ hắc 黑 hoặc viết từ dị 異, đều là văn thường dùng chẳng phải chữ đúng. Âm thôi 推. Ngược lại âm tha lôi 他雷.

Hình mạo (形貌). Ngược lại âm mao báo 茅豹 là chữ cổ Thuyết Văn nói nhi 兒 giống như mặt người, hoặc viết từ bộ hiệt 頁 viết thành chữ mạo. Chữ mạo 貌 thanh tỉnh 省.

Quán Tập (攢習). Ngược lại âm cổ hoạn 古患. Thuyết Văn nói hoặc là viết từ bộ xước 𠂔 viết thành chữ quán 貫, đều gọi là tập 習 nghĩa là thói quen. Nhĩ Nhã cùng đồng cho rằng chữ viết từ bộ thủ 手 thanh quán 貫, hoặc là viết xuyên 串, chữ cổ Trong văn kinh viết từ bộ tâm 心 viết thành chữ quán 慣 là chẳng đúng, đều không có chữ này.

(Từ quyển 182 đến 290 gồm 119 quyển không có âm giải thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 291

Cam giá 甘蔗. Ngược lại âm chi dạ 之夜. Tục Thư cho rằng: Cây mỗ quạ Cù lao (劬勞). Ngược lại âm cụ ngu 具愚. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Cù lao là bệnh. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Chữ cù 劬 cũng giống như chữ lao 勞. Nghĩa là vất vả, nhọc nhằn.

(Từ quyển 292 đến 299 gồm 8 quyển đều không có âm để giải thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 300

Thiệt Khoáng (涉壑). Ngược lại âm trên là thời diệt 時葉. Theo Hàn Thi Truyện giải thích rằng: Thiệt (涉) là vượt qua sông. Hán Thư cho là trải qua. Thuyết Văn cho là đi bộ, lội dưới nước. Chữ viết từ bộ 步 đến chữ

lâm 林. Chữ hội ý. Nay lược bớt gọi là thiệp 涉. Ngược lại âm dưới là khổ báng 苦謗. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Khoáng (壙) là chỗ đất trống. Quảng Nhã cho là Rộng lớn. Hiếu Thanh cho là cánh đồng hoang dã thật xa. Hoặc viết chữ khoáng 曠, cũng lại viết chữ khoáng 壙 cũng thông dụng, thường dùng.

Phóng mục (放牧). Ngược lại âm mạc bốc 莫. Cổ Dã Vương cho rằng: Mục (牧) là tên gọi chung những người chăn nuôi gia súc. Thuyết Văn cho rằng: Người nuôi bò, ngựa. Chữ viết từ bộ ngưu 牛 thanh chi 支.

Hoài dục (懷孕). Ngược lại âm trên là hồ quai 胡乖. Khổng An Quốc chú giải sách Luận Ngữ rằng: Hoài là an ổn. Thuyết Văn cho rằng: Hoài là nhớ nghĩ Chữ viết từ bộ tâm 心 thanh hoài 懷. Hoặc là viết từ bộ nữ 女 viết thành hoài. Ngược lại âm dưới là dục chứng 翼證.

Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Mang đưa con. Quảng Nhã cho là mang thai. Thuyết Văn cho là Ôm đưa con trong lòng. Chữ viết từ bộ tử 子 thanh tử 子. Văn cổ viết hoài.

(Quyển 301 không có âm để giải thích)



NHẤT THIẾT ÂM NGHĨA KINH

Sa-môn phiên dịch kinh Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN 3

(Âm kinh Đại Bát-nhã từ quyển 302-349)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 302

Nhiều nảo (嬌惱). Ngược lại âm trên là nê ô 泥烏. Thuyết Văn nói rằng: Nhiều là khát khe, tàn ác. Một gọi là quấy nhiễu, làm trò. Chữ viết từ bộ nữ 女 thanh nhiều 麤. Ngược lại âm dưới là nô lão 奴老.

Trước trong quyển hai đã giải thích.

Năng Trở (能阻). Ngược lại âm trang sở 莊所. Nhĩ Nhã cho rằng:

Trở là ngăn cản khó khăn. Theo Tả Truyện cho là nghi ngờ Thuyết Văn nói là hiểm trở Chữ viết từ bộ phụ 阜, thanh thư Âm thư. Ngược lại âm tử dư 子余.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

303

Khiếm Khứ (欠去) Âm khứ 去. Bì Thương cho rằng: Khiếm khứ là há to miệng ra. Theo chữ khiếm khứ là há to miệng ra để dẫn hơi vào, hoặc viết khứ 𠂔 này.

Phan chi (攀枝). Ngược lại âm phổ ban 普班. Thuyết Văn cho là Dẫn dắt, níu kéo. Chữ viết từ bộ thủ 手 thanh phan. Âm phan là âm phiền 煩. Ngược lại âm dưới là chỉ di 止移. Theo Tập Huấn Truyện cho rằng: Chi (枝) là nhánh cây. Chữ viết từ bộ mộc 木. Thuyết Văn cho là Tay nắm lấy nửa cành trúc gọi là chi 支. Văn cổ viết chi 𣎵 này cũng đồng.

Quý mô (揆摸). Ngược lại âm quỳ quý 葵癸. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Quý (揆) là đánh giá, phán đoán. Gia Uyên Chu Tòng cho rằng: Thương lượng, trắc nghiệm, đánh giá các việc gọi là quỳ 揆. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ thủ 手 thanh quý 葵. Ngược lại âm dưới là mạc hồ 莫胡

Tóm tắt lại cho rằng: Mô là học theo phương pháp. Thuyết Văn là Qui tắc. Chữ viết từ bộ thủ 手 thanh mạc 莫.

Hiệt Tuệ (黠慧). Ngược lại âm trên là nhân ưu 閑憂. Tiếng địa phương cho rằng: Tuệ kiệt là thông minh, nhanh nhẹn. Thuyết Văn cho là Chát xám cứng rắn. Chữ viết từ bộ hắc 黑 thanh kiệt. Ngược lại âm dưới là huê giai 攜佳. Quách Phác chú giải tiếng địa phương rằng: Tuệ (慧) là tình ý sáng suốt. Giả Quỳnh chú giải sách Quốc ngữ rằng: Sáng suốt, xác thật, hiểu biết tường tận. Thuyết Văn cho rằng: Khinh bạc, lạnh lợi. Chữ viết từ bộ tâm 心 thanh tuệ 慧. Âm huyền 僂. Ngược lại âm

huyết duyên 血緣. Huyền cũng gọi là tuệ. Âm tuệ 慧. Ngược lại âm tùy tuệ 惠.

Ca Già Mạc ni (迦 遮末尼). Ngược lại âm trên là cương già 薑伽. Âm kế là giả xà 者蛇. Âm cuối là mạc bát 莫鉢, là tiếng Phạm tên loại châu báu, loại quý như là Ngọc, Đá, ngọc Tỳ Diêu Miên.

Báo oán (報怨). Ngược lại âm trên là bảo mạo 保冒. Trịnh Tiên chú giải sách Lễ Ký rằng: Báo (報) là đáp lại. Quảng Nhã cho là phục hồi. Cố Dã Vương cho là Báo đáp, đền đáp. Thuyết Văn cho là Người đương làm tội. Chữ viết từ bộ hạnh 幸 thanh phục âm phục 服 là âm tội 罪. Ngược lại âm dưới là uyển viên 苑袁. Khảo Thanh cho là Oán ghét, hiềm thù, cừ hận. Khảo Thanh cho rằng: Tự đào lấy gốc cỏ mà che đậy lại. Chữ viết từ bộ miên thanh oán 怨. Âm miên ㄣ là âm miến 綿, âm phục 服 là âm phục 服.

Đỗ Đa (杜多). Âm trên là độ 度, là tiếng Phạm. Xưa dịch là đầu đà 頭陀, hoặc gọi là Đầu-tâu. Nghĩa là tu hạnh ít muốn biết vừa đủ Có mười hai hạnh:

- Một là thường đi khát thực.
- Hai là khát thực theo thứ lớp.
- Ba là ngồi một chỗ mà ăn.
- Bốn là theo thứ lớp mà ăn.
- Năm là khi ăn xong không uống nước trái cây ép.
- Sáu là thương ở chỗ vắng vẻ.
- Bảy là thương ngồi không nằm.
- Tám là hễ được tọa cụ nào thì sử dụng tọa cụ ấy.

- Chín là ngồi ngoài trời.
- Mười là ngồi dưới gốc cây.
- Mười một là chỉ chứa ba y.
- Mười hai là mặc y phân tảo.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 304

Hôn Trầm (昏沉). Ngược lại âm trên là hồ côn 乎昆. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Hôn là loạn. Quảng Nhã cho: Hôn là ngu si, ngớ ngẩn, đần độn. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ dân 民. Sau các Miếu, Chùa tránh phạm Húy nên đổi lại chữ dân 民 là chữ thị 氏, hoặc là viết từ bộ tâm 心 viết thành chữ hôn 婚, chữ miên 眠 ở dưới y cứ theo đây.

Thùy Miên. Ngược lại âm trên là thùy nguy. Theo Tập Huấn Truyện cho là ngồi mà ngủ. Sách Tự Thư cho rằng: Ngủ mê, say. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ mục 目 thanh thùy. Ngược lại âm dưới là mạc biên 莫邊. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Miên (眠) là nằm mà ngủ. Thuyết Văn nói chữ viết huyền âm miên 眠 thanh miên 眠. Chữ mục 目 thanh huyền. Chữ đúng xưa nay viết miên 眠 mục 目 huyền từ bộ mục 目 thanh miên.

Khê Lưu (稽留). Ngược lại âm trên là kinh nghe 經霓. Khảo Thanh cho rằng: Khê là ngừng lại, chậm lại. Thuyết Văn cho rằng: là Dừng lại, lưu lại, giữ lại. Chữ viết từ bộ chỉ 旨, thanh kê. Âm kê là âm kê 雞. Văn

cổ viết là khê 𠂔, hoặc viết là bốc 卜. Ngược lại âm dưới là lực cứu 力救. Giải thích trước cũng đồng. Khảo Thanh cho là lâu dài. Thuyết Văn cho là dừng lại, lưu lại. Chữ viết từ bộ điền 田 thanh lưu. Nay trong văn kinh viết chữ biến thể thành chữ lưu 留 này, hoặc là viết lưu 留 này, hoặc là viết lưu 留 như vậy lần lần chuyển nên sai đi âm lưu cũng là âm dậu 酉, âm liễu 柳

Tạ Pháp (榭法). Ngược lại âm trên là 夕夜 tịch dạ. Khảo Thanh cho rằng: Lạ tạ ân nghĩa. Thuyết Văn cho là từ biệt. Chữ viết từ bộ ngôn 言 thanh xạ 射. Dưới là chữ pháp 法. chữ đúng thể là chữ pháp 𠂔 này, hoặc là viết pháp 𠂔. Nay theo lệ sách viết lược bớt đi, chữ pháp 𠂔 viết thành chữ pháp 法 này. Âm pháp 𠂔. Ngược lại âm trạch 宅 độc. Gọi là Thần thú ngày xưa cũng gọi là giải pháp độc. Không thẳng tới mà từ từ bỏ đi, phẳng lặng như nước. Cho nên từ bộ thủy 冰 mà viết pháp 𠂔 lược đi. Nay lược lại và viết chữ pháp 法 này. Quảng Nhã cho là Pháp lệnh. Nhĩ Nhã cho là Thường. Thuyết Văn nói là hình luật. Cổ Dã Vương cho rằng: Pháp là lau chùi, là nghi tắc, phép tắc.

Vô lự (无鏐) Chữ trên là vô 无. Văn cổ viết kỳ 奇 trong chữ vô 无. Thuyết Văn nói là Hư vô, là sức mạnh. Ngược lại âm dưới là ngục.

Theo Tả Truyện cho rằng: Con người về sau không có mệt mỏi. Vận Thuyên cho là tội tướng, Tục Thư cho là Liên lự đến nhà, văn cổ lại viết lự đều là chữ tượng hình.

Hệ Phược (繫縛). Ngược lại âm trên là kế 計. Sách Tập Huấn Truyện cho rằng: Nói kết lại, tiếp theo. Ngọc

Thiên cho rằng: Buộc chặt lại, câu thúc. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ mịch 糸 thanh hệ. Ngược lại âm dưới là phòng bác 房博. Tập Huấn Truyện cho Phước hệ là ràng buộc, trói buộc. Thuyết Văn nói cho là bó lại. Chữ viết từ bộ mịch 糸 bác 博 thanh tỉnh 省.

Gian Tân (艱辛). Ngược lại âm thảo nhàn 草閑. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Khó khăn, gian nan. Thuyết Văn cho là Đất khó trị. Chữ viết từ bộ thổ 土 thanh cán 艮. Âm cần là âm cần 謹. Chữ theo đây là đúng. Nay văn thường dùng loại viết cần 勤 là sai. Chữ tân 辛 trên theo hai cách viết tân 辛.

Vô hạ (無暇). Ngược lại âm trên hà nha 遐佞. Giả Quì chú giải sách Quốc ngữ rằng: Hạ (暇) là sự rảnh rỗi, nhàn rỗi. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ nhật 日 thanh hà.

Da hồ (祛祛). Ngược lại âm 胡古 hồ cổ Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: Hồ祛 là may mắn, phước lành. Sách Nhĩ Nhã cho là nguồn phước. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ thị 示 thanh cổ 古. Trong kinh hoặc là viết hữu 祐 âm hữu 右. Thuyết Văn cho là Hồ đỡ, giúp sức. Nơi nghĩa cũng thông chữ trên dịch là có liên hệ với nhau. Không Tử cho rằng: Từ nơi Trời trợ giúp, là thuận theo con người để trợ giúp, là người có lòng tin. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ thị 示 thanh hữu 右. Âm thị 示 là âm kỳ 祇.

Văn manh (蚊瞢). Ngược lại âm trên là vật phân 勿汾. Trong kinh viết văn 文, thường dùng sai. Thuyết Văn nói viết văn 文 là loại côn trùng biết bay cắn đốt chích người. Ngược lại âm dưới là mạc canh 莫耕. Theo Thanh

loại cho rằng: con muỗi mắt, muỗi kim, giống như con muỗi mà lớn hơn. Thuyết Văn cho là ở trên núi, hồ ao nước đọng, trong cỏ hoa hóa sanh con muỗi này, cũng từ trong thân con nai sanh ra. Thân nó lớn gọi là manh 𧈧 tức là con ruồi trâu mà sống từng đàn.

Theo văn gọi là loài ký sinh trùng sống trên người và thú vật, hút máu để sống.

Vô giáp (無𧈧). Ngược lại âm hồ giáp 胡甲. Thuyết Văn cho rằng: Nơi quan ải nhỏ hẹp. Chữ viết từ bộ phụ 阜 thanh giáp. Trong văn kinh viết từ bộ đại 大 viết thành giáp 𧈧 này là chẳng đúng. Âm giáp. Ngược lại âm hiềm diệp 嫌葉.

(Kinh từ quyển 305 đến quyển 310 đều không có âm giải thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 311

Thông duệ (聰叡). Ngược lại âm trên là thông 聰. Theo Hàn Thi Truyện cho là thông minh. Mao Thi Truyện cho là nghe. Thuyết Văn cho là chính xác thật tế. Chữ viết từ bộ nhĩ 耳 thanh thông. Ngược lại âm dưới là nhuệ 銳. Văn Bát-nhã cho rằng: Là trí tuệ Sách Thượng Thư cho là Thánh. Tập Huấn Truyện cho là thông tận nơi vi tế nhỏ bé nhất. Thuyết Văn cho là Sâu, trí sáng thâm sâu. Chữ viết từ bộ thông đến mục 目 thanh tỉnh cốc 省谷. Âm thông là âm tàn 殘.

Chúng dụ (眾喻). Ngược lại âm trên là 菸虫 Thuyết Văn cho là chúng là số đông nhiều, từ bộ thỉ 豕, lập là chúng đông. Từ bộ mục 目 viết chữ chúng. Chữ chỉ ý. Âm chúng là âm ngâm 吟. Ngược lại âm dưới là dục chú 翼注 là chữ thường hay dùng. Viết đúng từ bộ ngôn 言 viết thành dụ 諭. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký cho là nói lái nhai bên tai. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Khuyên can, dùng thí dụ khuyên can.

Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ ngôn 言 thanh dụ Bất Khiếp (不怯). Ngược lại âm khiếm khiếp 欠怯. Cổ Dã Vương cho là khiếp sợ nhát gan. Thuyết Văn cho là Chữ viết từ bộ khuyển 犬 viết thành chữ khiếp 怯. Cho rằng nhiều chó nên phải sợ hãi là chữ hội ý.

Bất đạn (不憚). Ngược lại âm trên đường lan 唐蘭. Trịnh Huyền chú giải Mao Thi Truyện cho rằng: Đạn (憚) là khó khăn kiêng sợ Theo Tập Huấn Truyện cho là từ chối, kinh sợ. Thuyết Văn cho là Kiêng kỵ. Chữ viết từ bộ tâm 心 thanh đơn 單.

Giải Quyện (懈倦). Ngược lại âm trên là giới 戒. Âm dưới là cuồng viện 狂院, hoặc là viết quyện 倦. Quảng Nhã cho rằng: quyện là rất. Vận Anh Tập cho rằng: Rất mỗi mệt, hoặc là viết là.

Do dự (猶豫). Ngược lại âm trên là Dục châu 翼州. Âm dưới là dư cứ 餘據. Hiếu Thanh cho rằng: Do dự là không nhất định. Từ Tập Huấn Truyện cho là trong lòng nghi ngờ. Sách Lễ Ký cho là Đoán, dự đoán. Cho nên chỗ quyết còn hiềm nghi, nhất định do dự Tiếng địa phương cho rằng: Ở Lũng Tây gọi con chó là do 猶. Cho nên chữ Do từ bộ khuyển 犬 thanh do. Giả Quỳ chú giải

sách Quốc ngữ rằng: Dự (豫) là tên một con thú hình dáng giống như con voi. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ tượng 象 thanh dữ 与.

Đỗ La miên (堵羅綿). Âm trên là đỗ 堵. Âm dưới là di nhiên 彌然. Tiếng Phạm, gọi là loại bông tơ nhẹ mịn. Sa-môn Đạo Tuyên chú giải trong Tứ Phần Luật giới kinh rằng: Loại cây cỏ trở bông mịn nhẹ. Hoa Bồ Đào, hoa Liễu, hoa trắng, hoa trắng dương, hoa Diệp v.v... Là loại bông nhẹ bay lên, lấy nghĩa nhuyển mịn làm ví dụ Phiêu dương (飄颻). Âm trên là thất diêu 匹遙. Trong Mao Thi Truyện cho là gió mạnh. Ngược lại âm dưới là dương lượng 揚亮.

Thuyết Văn cho là gió bay phát phối, thanh bình.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 312

Phiêm Đại Hải (泛大海). Ngược lại âm phương phạm 芳梵. Thuyết Văn cho: Phiêm (泛) là nổi. Chữ viết từ bộ thủy thanh phạt. Ngược lại âm phạt tức 伐即, là chữ đúng. Ngược lại âm dưới là ha cải 訶改. Cố Dã Vương cho là nước lớn nhiều, nhận nước từ muôn con sông chảy ra. Lão Tử cho rằng: Sông biển cả mênh mông. Cho nên có thể làm vua cả trăm hang nhỏ ngõ ngách trăm muôn con sông lão Tử nói: Sở dĩ sông biển có khả năng đương đầu trăm hang là vì dụ cho Pháp lành, cho nên Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ thủy thanh mỗi 每.

Phù nang (浮囊). Âm trên là phù 符. Lại âm phù vu 符尤. Không An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Trôi nổi gọi là 浮 phù.

Giả Quỷ chú giải sách Quốc ngữ cho là nhẹ Thuyết Văn cho là nổi lên trên mặt nước. Chữ viết từ bộ thủy thanh phù 孚. Ngược lại âm dưới là nặc đường 諾唐. Tập Huấn Truyện cho rằng: Cái túi có đáy gọi là nang 囊, không đáy gọi là thác 託. Nay trong kinh nói “Phù nang” đó là cái túi chứa hơi, muốn vượt qua biển lớn phải nương vào cái túi này, cái túi chứa hơi đó là nhẹ nổi lên mặt nước, có sức đưa người qua sông biển lớn.

Bản Phiến (板片). Ngược lại âm trên là ban giản 班簡. Theo Tập Huấn Truyện cho rằng: dùng cây cưa chẻ gỗ ra làm ván. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ phiến 片 viết thành bản 板 là cắt gỗ ra thành miếng ván.

Trong văn kinh viết từ bộ mộc 木, văn thường dùng thông dụng. Ngược lại âm dưới là thiên biến 篇遍. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Phiến (片) là gỗ được chẻ ra thành miếng ván. Thuyết Văn nói là phân nửa khúc gỗ Tử Thi (死屍). Âm thi 尸. Theo Tập Huấn Truyện cho rằng: Người chết gọi là thi 屍. Theo sách Lễ Ký cho rằng: Người chết ở trên giường gọi là thi (屍) xác chết. Bỏ vào quan tài gọi là cử 柩. Tức là linh cửu, cái hòm liệm xác người chết. Âm tức cử 柩 là âm cựu 舊. Chữ viết từ bộ phương 匚 đến bộ cử 久.

Khoáng dã (壙野). Ngược lại âm trên là廓廣 khuếch quảng. Trước đã giải thích rồi.

Tư lương 資糧. Thuyết Văn nói: Tư (資) là hàng hóa. Chữ viết từ bộ bối 貝 thanh tư. Ngược lại âm dưới là lực

khương 力姜, hoặc viết là lương 糧. Tập Huấn Truyện cho là Các thứ lương thực, thức ăn. Thuyết Văn nói là Ngũ cốc. Chữ viết từ bộ mễ 米 thanh lương 量. Trong kinh Lục Độ Vạn Hạnh gọi là “Tur lương”

Tao khô (遭苦). Ngược lại âm tổ lao 祖勞. Thuyết Văn cho là gặp gỡ Phôi bình (坯瓶). Ngược lại âm trên là phổ bôi 普盃. Thuyết Văn cho là Ngói chưa nung nên gọi là phôi. Chữ viết từ bộ thổ 土 thanh bất 不. Ngược lại âm dưới là mãn huyên 滿喧. Theo Tập Huấn Truyện cho rằng: dụng cụ chứa nước. Hiếu Thanh cho rằng: Giống như cái bình mà miệng nhỏ gọi là bình 瓶, cái lọ, cái chai. Âm anh. Ngược lại là âm ô canh 烏耕.

Kham thịnh (堪盛). Ngược lại âm trên là khang cam 康甘.

Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Kham là có thể có khả năng. Âm thịnh 盛 là thành 成. Hiếu Thanh cho là bền chắc. Thuyết Văn cho là nhiều, đầy đủ. Chữ viết từ bộ mãnh 𠂔 thanh thành 成.

Trang trị (裝治). Âm trên là trang 莊. Hiếu Thanh cho là Trang sức đẹp. Âm dưới là trì 持. Tự Thư cho là Sửa trị pháp lệnh, sửa, tu sửa.

Thôi trước (推著). Ngược lại âm trên là tha lôi 他雷. Thuyết Văn cho là Thôi (推) là sắp bày, âm bài 排. Ngược lại âm bại 敗 mai 埋. Ngược lại âm dưới là trương lược 張略. Chữ viết đúng là từ bộ thảo 草 đến chữ giả 者, hoặc từ bộ thủ 手 thổ viết thành chữ trước 著. Nay trong kinh viết hai chữ điểm 點 dưới viết thành chữ trước 著, vì có bộ thảo 草 là sai.

Tảng thất (噪失). Ngược lại âm tảng táng 噪葬. Hiếu

Thanh cho rằng: Tảng thất là lạc mất, rời rạt. Thuyết Văn nói cho là chết mất.

Viết chữ từ khóc 哭. Âm khóc 哭. Ngược lại âm khô 苦 cốc thanh vong. Trong văn kinh viết táng 喪 hoặc là viết táng đều sai. Âm dưới là thất 失. Thuyết Văn cho rằng: Thất (失) là tung hoành ngang dọc. Chữ viết từ bộ thủ 手 thanh ất 乙. Theo Lệ sách viết chữ thất 失 này là sai.

Phương khiên (方牽). Ngược lại âm xí kiên 企堅. Quảng Nhã cho là liên kết, dẫn dắt. Kéo lôi. Thuyết Văn cho là Dẫn đi trước. Chữ viết từ bộ mịch 冫 giống như ngưu 牛. Âm 麋 quân nghĩa là tụ hợp lại. Lại viết từ bộ ngưu 牛 thanh huyền 玄. Âm miên. Ngược lại âm quý dinh 癸羸. Văn thường dùng viết từ bộ thủ 手 đến bộ khứ 去 viết khiên 牽 này là chẳng đúng. Văn cổ viết từ bộ thủ 手 viết thành chữ khiên.

Xuyên huyết (穿穴). Ngược lại âm trên là xương chuyên 昌專.

Vận Anh Tập giải thích rằng: xuyên là cai hang. Thuyết Văn cho là thông suốt. Chữ viết từ bộ thân 身 đến bộ huyết 穴. Âm dưới là huyền quyết 玄決. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện cho rằng: Đường dưới đất gọi là cái hang. Thuyết Văn nói cho là Đất ở nhà. Chữ viết từ bộ miên 冫 thanh bát.

Lão mao (老耄). Ngược lại âm trên là lạc não 勒惱. Nhĩ Nhã giải thích rằng: Lão là thọ tuổi thọ Hiếu Thanh cho rằng: Sống lâu, cừ. Khúc Lễ Kinh cho rằng: Bảy mươi tuổi gọi là lão 老. Thuyết Văn cho là Mao lão là người cao tuổi. Chữ viết từ bộ mao 毛 đến bộ nhân 人,

đến bộ chủ. Âm chủ là âm hóa. Nói rằng người có râu tóc hóa bạc trắng gọi là lão 老. Ngược lại âm dưới là mao bạo 毛暴. Sách Chu Lễ cho rằng: Tám mươi, chín mươi tuổi gọi là mao 耄. Trịnh Huyền cho: Là người mê muội hay quên. Thuyết Văn nói chữ viết là mao niên 耄年 là chín mươi tuổi. Chữ viết từ bộ lão 老 đến bộ cao 高 thanh tỉnh 省.

Câu Lô xá (俱盧舍). Là tiếng Phạm. Trong Luận Đại Bà-sa cho

là Một Câu-Lô-Xá, tức là bằng tiếng con bò rống vang ra, tức là nơi rất xa ngoài thành. Vùng A-lan-nhã. Tức là nơi tịch tịnh yên tĩnh.

(Quyển 313 không có âm giải thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 314

Hộc noãn (𪔐卵). Ngược lại âm trên là khổ giác 苦角. Theo Tập

Huấn Truyện cho rằng: Cái trứng của con chim, da ngoài trong rỗng. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ hộc 𪔐 thanh giác 角. Âm giác 角. Ngược lại âm khẩu giang 江. Ngược lại âm dưới là quản 管. Thuyết Văn cho là Phàm vật gì không có vú đều từ trứng sinh ra. Văn cổ viết chữ noãn 卵 này, hoặc là viết noãn 卵. Chữ tượng hình.

Ế mục (瞋目). Ngược lại âm ư kế 於計. Vận Lược Tập cho rằng: Con mắt bị che. Chữ viết từ bộ mục 目

thanh y. Ngược lại âm ư kế 於計. Trong văn kinh viết 瞋 này là chẳng đúng. Chữ mục 目 Thuyết Văn cho là con mắt của người. Chữ tượng hình có hai « đồng tử ».

Tướng Soái (將帥). Ngược lại âm tinh dạng 旌樣. Từ Thư cho: là quân chủ. Thuyết Văn cho là Thống lĩnh. Chữ viết từ bộ thốn 寸 đến chữ thanh tỉnh 省. Ngược lại âm dưới là suất loại 率類. Khảo Thanh cho là Thống lĩnh. Tập Huấn Truyện cho rằng: Tướng quân. Hoặc là viết hoặc âm là suất (率) đây cũng thông dụng.

(Quyển 315, không có âm giải thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 316

Thuần thực (淳熟). Ngược lại âm trên là thời luân 時倫. Văn thường hay dùng viết là thuần 淳, hoặc là viết thuần 淳. Quảng Nhã cho rằng: Thuần là trong sạch. Hiếu Thanh cho rằng: thuần là sạch trong.

Thuyết Văn cho là Chữ viết từ bộ thủy viết thành chữ tức là trong suốt màu xanh. Âm lục là âm 淥 lộc. Ngược lại âm dưới là thường lục 常陸

Theo Hiếu Thanh cho rằng: Trở thành chín mùi. Tiếng địa phương cho rằng: Đã chín như Thuyết Văn nói rằng: Thức ăn đã nấu chín.

Chữ viết từ bộ kích thanh âm cao 高 nhâm 飪. Ngược lại âm nhi chằm 而枕. Âm kích là âm kích 戟. Âm cao 高. Ngược lại âm thời luân 時倫. Nay văn thông

lớn.

Bôn-Trà-Lợi-Ca-Hoa 奔茶利迦花. Xưa gọi là phân-đà-lợi 芬陀利. Đứng âm Phạm là Bôn-nỗ-li-ca-hoa 本弩哩迦花. Đại Đường gọi là hoa sen trắng, hoa sen này trắng như tuyết, như màu vàng bạc tỏa sáng, người ta ngửi rất thơm, cũng có nhiều hoa, lớn mọc trong ao rộng kia, người thế gian không có. Âm nô 奴 là âm nô nhã 奴雅.

Tỷ Độ (比度). Ngược lại âm tỷ nhị 卑弭. Theo Tập Huấn Truyện cho rằng: So sánh các loại. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ là So sánh giống như là trao đổi. Ngược lại âm dưới là đường lạc 唐洛. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: Độ là đánh giá. Chữ giả tá.

(Quyển 319, 320, 321 ba quyển trên đều không có âm để giải thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 322

Đông dũng (蛹東). Ngược lại âm dung thũng 容腫. Thấy trước năm mươi hai ở quyển đã giải thích rồi.

Chiên Đàn Hương (栴檀香). Tiếng Phạm là Bạch đàn hương 白檀香. Ngược lại âm trên là chi nhiên 之然. Ngược lại âm dưới là đường lan 唐蘭. Đây gọi là mùi thơm phát ra từ biển Nam Hải, có hai loại, đỏ và trắng. Hoa màu đỏ như trên đã giải thích. Dưới đây trong kinh nói có tên của loài hoa thơm. Như quyển trước đã giải thích đầy đủ rồi.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 323

Hữu sí (有翅). Ngược lại âm trên là thí chí, Thuyết Văn nói là cánh chim từ tiếng của chi vũ, hoặc đồng với chữ thiên Đẳng: Âm trên là thiên 篇. Âm dưới là đương lãng 當朗. Hà Yển giải thích rằng: Đẳng là tộc loại. Khổng An Quốc chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Tương trợ. Nặc (匿) chẳng phải gọi là đẳng. Lục Thao cho rằng: Bàn bè, gọi là bằng hữu, gọi bằng tức là đẳng. Sách Chu Lễ cho rằng: Năm trăm nhà là một đẳng.

Tỷ muội (姊妹). Ngược lại âm trên là tư thử 咨此. Âm dưới là mỗi bối 每背. Bạch Hổ Thông cho rằng: Tỷ là phóng túng, thoải mái. Muội (妹) là mạt (末) là ngọn. Nghĩa là lấy cái trước sau tôn ty thứ lớp. Theo Hàn Thi Truyện cho rằng: Người con trai gọi người con gái là muội, tức anh gọi em gái là muội. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ nữ 女 thanh tỷ. Âm 市 thị là âm tư tử 兹死. Chữ muội 妹 là chữ mạt 末.

Quỷ Phạm (軌範). Ngược lại âm câu vi 俱羣. Ngược lại âm dưới là phạm ảm 凡黯. Xem quyển bốn mươi ba ở trước đã giải thích rồi.

Tà hạnh (邪行). Ngược lại âm trên là tịch sa 夕磋. Âm dưới là hạnh 幸. Trong Đại Luận cho rằng: Làm trái với Chánh giáo, tin theo tà ngụy, gọi là năm thứ lửa thiêu đốt, thân giữ giới gà chó, không có lợi ích, không cần khổ gọi là tà hạnh. Lại nữa làm việc sai quấy, đối với

dâm dục lấy vợ người khác làm vợ mình đó là chẳng phải thời lấy chẳng phải đạo làm đạo để theo gọi là tà hạnh.

Ly gián (離間). Ngược lại âm trên là lực tri (力知). Âm dưới là cách hạn 革限.

(Quyển 324 không có âm để giải thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 325

Phiến-đệ-bán-trạch-ca (扇隸半擇迦. Âm đệ. Ngược lại âm lặc gia 勒加. Trong kinh viết bố là chẳng thành chữ Âm ca 迦. Ngược lại âm cương khư 薑祛. Là tiếng Phạm, đời Đường dịch là huỳnh môn 黃門.

Loại người này có năm thứ Như trong Tỳ Nại Da Đại Luật có nói rộng. Nay Ký lược tụng cho rằng: chính là thiên, kiên, đồ, biến, bán.

Ám á 唼啞. Ngược lại âm trên là âm kim 飲今. Thuyết Văn cho là Không có thể nói được. Chữ âm giống như là không có tiếng. Ngược lại âm dưới là ô giả 烏賈. Trước quyển thứ nhất đã giải thích chữ viết đều từ bộ tật. Ngược lại âm nữ ách 女厄. Từ bộ viết 口 chữ 啞 á này là chẳng đúng.

Luyện tích điều giản đoản lậu do dự (攣躄癲癩短陋猶豫) quyển một trăm tám mươi ở trước đã giải thích rồi.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

326

Xú Uế (臭穢). Ngược lại âm trên là xương chú 昌咒. Thuyết Văn cho là loài thú chạy ngửi mùi mà biết dấu vết đường về đó là loài chó.

Chữ viết từ bộ khuyển 犬 đến bộ tự 自, âm tự 自 là cổ viết tự 鼻 là lỗ mũi, là chữ tượng hình. Nay văn thông dụng viết từ bộ tử 死 viết thành chữ tự 𣦵 này là chẳng đúng. Ngược lại âm dưới là uy vệ 威衛. Văn Ngọc Thiên cho rằng: Uế là không sạch sẽ, trong sạch. Vận Anh Tập cho rằng: Uế là xấu ác, hoặc từ bộ thực 食 viết thành chữ uế nghĩa là uống nước dơ. Thuyết Văn cho là Chữ viết từ bộ hòa thanh tuế 歲.

Cầu ni (垢膩). Ngược lại âm trên là cổ khẩu 古口. Cô Dã Vương cho rằng: Cầu (垢) là không sạch sẽ. Thuyết Văn cho là nước đục dơ. Ngược lại âm dưới là ni trĩ 尼稚. Thuyết Văn cho: Nị (膩) là béo ngậy. Chữ viết đúng xưa nay từ bộ nhục 肉 thanh nị 貳.

Kỹ sát (蟣蝨). Ngược lại âm trên là cơ nghi 機擬. Vận Anh Tập cho rằng: sát 蝨 là trứng của loại ký sinh trùng. Ngược lại âm lỗ quản 魯管, là chữ tượng hình. Ngược lại âm dưới là sở ất 所乙. Thuyết Văn nói chữ 蝨 sát là viết từ bộ sát 九 đến bộ trùng 虫虫. Văn thông dụng viết chữ 虱 sắc là chẳng phải âm sắc, là âm 信 tín. Âm trùng 虫虫 là âm côn 昆.

Ma huỳnh (磨螢). Ngược lại âm vinh hồi 榮迴. Vận Anh Tập cho rằng: Là lau chùi. Tự Thư cho là Ngọc mài nhỏ gọi là huỳnh 螢, là sáng óng ánh, hoặc viết chữ huỳnh 榮 này.

Bất tuần (不徇). Ngược lại âm trên là tuần tuần 旬俊. Tập Huân Truyện cho rằng: Lấy vật từ hân gọi là tuần 徇. Theo Hiếu Thanh cho là quay về Sách Thượng Thư cho là Chạy theo. Thuyết Văn cho là Rất mau. Chữ viết từ bộ nhân 人 thanh tuần 旬, hoặc viết tuần 徇 cũng thông dụng.

Giao triệt (交徹). Ngược lại âm triền liệt 纏列. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Triệt là thấu suốt. Trịnh Huyền chú giải sách Luận Ngữ: Cũng cho là thông suốt. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Là đạt tới nơi. Thuyết Văn rằng: Chữ viết từ bộ xước thanh phộc dục (支谷). Theo văn thông dụng viết từ bộ khứ 去 là chẳng đúng. Âm xước. Ngược lại âm sữ xích 丑尺. Âm phộc phổ 卜.

Tân toan (辛酸). Ngược lại âm trên là tín tân 信津. Khảo Thanh cho rằng: Tân (辛) là mùi vị ớt cay. Thuyết Văn cho là Chữ viết từ bộ nhị 二 đến bộ tân là âm tội 罪. Ngược lại âm thừa canh 丞庚. Giống người cúi xuống. Ngược lại âm lộng quan 哢官. Thuyết Văn cho: Toan (酸) là rót rượu mời. Chữ viết từ bộ 酉 dậu thanh toan. Âm toan là âm tuần, hoặc viết toan 酸 nghĩa là đau khổ.

Chiết phục (折伏). Ngược lại âm trên là chương phục 章熟. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: chiết (折) là bẻ gãy, đứt lìa ra, gọi là đoạn ngục. Quảng Nhã cho là Bẻ cong lại. Chữ chánh xưa nay từ bộ thủ 手 thanh cân 斤. Ngược lại âm dưới là bằng phúc 馮福. Hiếu Thanh cho rằng: Khuất phục, chịu theo. Thuyết Văn cho: Phục (伏) là hầu hạ là con chó theo hầu hạ người, tức là phục 伏. Cho nên gọi là theo người. Chữ

viết từ bộ khuyển 犬, là chữ hội ý.

Dẫn đoạt (弓|奪). Ngược lại âm dĩ nhẫn 以忍. Chí Đồ chú giải Tả Truyện cho là người dẫn đường. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: Duỗi thẳng ra. Thuyết Văn cho là Mở dây cung. Văn cổ viết từ bộ nhân 人 viết dẫn 弓|, hoặc viết từ bộ thủ 手 viết thành dẫn, là chữ hội ý. Ngược lại âm dưới là đồ hoạt 徒活. Hiếu Thanh cho rằng: Đoạt là cướp mất. Theo Tự Thư cho rằng: Tay giữ lấy một con chim, sợ bay mất gọi là đoạt 奪. Chữ viết từ bộ đại 大 bộ 隹 truy, bộ hựu 又. Theo Thạch Kinh từ bộ thốn 寸 viết thành chữ đoạt 奪. Văn cổ viết là đoạt 𠂔. Hai chữ tượng hình. Trong kinh viết từ bộ lục 六 viết thành đoạt 奪 này là chẳng đúng.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 327

Đường thọ (唐壽). Ngược lại âm đồ tức 徒即. Cổ Dã Vương cho rằng: Chữ đường 唐 viết từ bộ canh 庚. Theo Tự Thư cho là hư tự. Thuyết Văn cho rằng: Từ bộ canh 庚 đến bộ khâu 𠂔. Ngược lại âm dưới là thù trữ 酬帚. Tiếng địa phương cho rằng: Thọ là nhiều, đầy đủ chứa nhận. Thuyết Văn cho rằng: Giao cho, đưa cho. Chữ viết từ chữ thọ đến chữ chu 舟 văn tỉnh 省. Chữ giải thích theo đùa nghịch là rằng: Là trên dưới giao phó cho nhau, chữ 𠂔 là chỗ nhận lấy vật. Hoặc gọi là từ bộ cân 巾, tỉnh 省. Âm thọ. Ngược lại âm phi biểu 披表.

Kịch khô (劇苦). Ngược lại âm cừ nghịch 渠逆. Ngược lại âm dưới là khô cổ 枯古. Trong quyển thứ chín trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Kiều trá (僑詐). Ngược lại âm kiêu yêu 僑夭. Cố Dã Vương cho rằng: Giả dạng gọi là kiêu 僑. Tự Thư cho rằng: Lừa dối. Thuyết Văn cho là Chữ viết từ bộ thủ 手 thanh kiêu 喬. Trong văn kinh viết từ bộ thi 矢 viết thành 矯 kiêu này văn thường dùng là chẳng đúng chánh thể.

Tạm xả (暫捨). Ngược lại âm tạm lạm 暫濫. Văn thường dùng, chữ chánh thể viết từ bộ nhật 日 viết là tạm 暫. Quảng Nhã cho là tạm thời trong chốc lát. Vận Anh Tập cho là Chọn thời gian ngắn nhất. Thuyết Văn cho là Không lâu. Chữ viết từ thanh trảm 斬.

Kỹ nghệ (技藝). Ngược lại âm cừ ỷ 渠綺. Thuyết Văn cho là Khéo tay. Chữ viết từ bộ thủ 手. Trong văn kinh viết từ bộ nhân 人 là sai. Ngược lại âm dưới là nghệ kế 霓計. Sách Chu Lễ cho rằng: Sáu nghề: Lễ, nhạc, thư, số, xạ, ngự.

- Lễ là nghi hành lễ
- Nhạc là tấu nhạc
- Thư là viết, họa
- Số là tướng số
- Xạ là bắn cung, tên, bắn súng.
- Ngự Đê khiển xe ngựa, cỡi ngựa.

Cố Dã Vương cho rằng: Nghệ giống như tài. Đỗ Dự cho rằng: Nghệ là phương pháp chế ngự. Tự Thư cho rằng: Nghệ là tài năng, năng lực. Chữ viết từ bộ vân 云 thanh nghệ 執. Âm nghệ đồng với âm trên.

Tà mạng (命邪). Ngược lại âm trên là tịch sa 夕磋, chữ mượn dùng. Thuyết Văn cho là Chữ đúng thể viết là tà 斜 từ bộ 依 thanh nha 牙. Trong sách viết lược bớt đi chữ tà 斜. Nghĩa là đừng có nghi. Cố Dã Vương cho rằng:

Tà giống như người đàn bà ác. Trong kinh cho rằng: Tà mạng là làm việc không đúng, là siểm nịnh, nịnh hót, để cầu danh lợi, làm nghề bằng tứ khẩu, lấy tự cầu để sinh sống, gọi là. Ngược lên trời xem tinh tú, giống như cày ruộng, trồng trọt. Xem bốn hướng khiến cho mạng chú phục quỷ thần, đây là bốn nghề nghiệp gọi là tà mạng.

(Quyển 328 không có âm để giải thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 329

Đam dục (耽慾). Ngược lại âm đáp cam 答甘. Quyển 53 trước đã giải thích đầy đủ Kỳ khế (期契). Âm trên là kỳ 其. Tự Thư cho rằng: Lộ trình có kỳ hạn. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: Kỳ là tụ hội. Thuyết Văn nói giải thích cũng đồng. Chữ viết từ bộ nguyệt thanh kỳ 其.

Hệ niệm (繫念). Ngược lại âm câu nghệ 俱詣. Quyển ba trăm lẻ bốn ở trước đã giải thích đầy đủ rồi.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 330

Thôi trung (推徵). Âm trên là xuy 吹. Âm dưới là trắc lã 陟陵. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Trung là đưa ra bằng chứng. Thuyết Văn cho rằng: Phàm kẻ sĩ ngày xưa đi đến trung cầu mà nghe triều đình lệnh vua

phán quyết, tức là trung 徵, là đi đến. Cho nên chữ viết từ bộ nhậm 壬 đến bộ vi 微 thanh tỉnh 省. Âm nhậm 壬. Ngược lại âm thể đỉnh 體郢.

Tiêu chú (焦炷). Ngược lại âm chu dụ (朱喻) Xưa viết là chú 澍, hoặc viết là chú 注. Các chữ trong sách đều không có chữ này. Chữ chú 炷 này trong kinh dịch sửa đổi lại viết có bộ thủy. Thành ra bộ hỏa, viết là chú 炷, là chữ tượng thanh.

Toan đáp (酸答). Ngược lại âm dưới là đương nạp 當納. Vận Anh Tập cho là Đối đáp. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thảo 草 thanh hợp 合. Văn cổ viết từ bộ viết 曰 đến chữ hợp 合, viết thành chữ đáp 答.

Nay không theo cách viết bộ thảo 草 trong sách mà biến thể đi bộ 草 ở trên mà viết đáp 答. Nghĩa là rơi rụng, khiến cho mỏng đi v.v...

Tê hoại (敝壞). Ngược lại âm trên là tỳ duệ 毘袂. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Tê là lâm vào hoàn cảnh khó khăn khốn đốn, cũng là kém cỏi, thiếu thốn, rách nát. Thiên Thương Hiệt giải thích rằng: Cực kỳ khổ sở Tự Thư cho là Thua, thất bại, bỏ chạy. Thuyết Văn cho rằng tê, nghĩa là áo rách. Chữ viết từ bộ cân 巾. Giống như cái áo rách tê hại. Ngược lại âm dưới là hoài hội 懷贖. Hiếu Thanh cho rằng: Hủy hoại phá bỏ, phá diệt. Thuyết Văn cho rằng: Là thua. Chữ viết từ bộ thổ 土 thanh hoài 懷, hoặc là viết là hoại 壞. Chữ cổ. Âm hội 贖. Ngược lại âm ngô quái 吾怪.

Tiêu tụy (憔). Ngược lại âm trên là tình diêu 情遙. Âm dưới là tường toại 牆遂. Vận Anh Tập cho rằng: Tiêu tụy là đáng gầy ốm, xấu xí, hoặc là viết từ bộ tâm

心 viết thành chữ tiêu tụy 憔 này cũng đồng nghĩa.

Phạp tiên (乏僊). Ngược lại âm trên là phàm pháp 凡法. Theo văn Tả Truyện nói rằng: Làm trái với cái đúng gọi là phạp. Ngược lại âm dưới là tức thiển 息淺, hoặc là viết ? tiên này. Theo Tập Huấn Truyện cho là Hiếm, ít. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ 是 thị viết thành chữ tiêu 尠 thanh thiếu 少, hoặc là viết chữ tiên 鮮 này cũng đồng nghĩa.

Thô khoáng (牝獷). Ngược lại âm trên là thương tô 倉蘇. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Thô là sơ sai. Quảng Nhã cho là ác, xấu ác. Thuyết Văn nói chữ viết từ ba bộ lộc 鹿. Ngược lại âm dưới là hồ mãnh 琥猛. Theo Tập Huấn Truyện cho rằng: Giống như con chó hung tợn, hung ác, không thể gần gũi. Cho nên chữ viết từ bộ khuyển 犬 là đúng. Trong kinh viết khoáng 礦 bộ thạch 石 là sai vậy, chẳng phải nghĩa này.

Bỉ lý (鄙里). Ngược lại âm trên là bi mỹ 悲美. Xem bài tựa ở trước đã giải thích rồi. Âm dưới là 里 lý. Thiên Thương Hiệt cho là Ấp ở ngoài Thành vùng xa của Kinh đô quốc gia. Thuyết Văn cho rằng: là Tên Đình Nam Dương. Chữ viết từ bộ 邑 áp thanh 里 lý. Trong văn kinh viết 俚 lý này. Thuyết Văn cho là tạm thời. Quách Phác chú giải tiếng địa phương rằng: Cầu thả, chẳng phải nghĩa ở đây dùng.

Khôi đẳng (塊等). Ngược lại âm khô ngoại 枯外. Nghĩa đóng đất, hoặc là viết khôi cũng đồng.

Giải đãi (懈怠). Âm trên là giới 戒, giải là mỗi một. Âm dưới là 待 đãi. Đãi là rơi rớt xuống.

Lại đọa (懶). Ngược lại âm trên là lạc 勒 勒. Hiếu

Thanh cho là không chuyên cần. Thuyết Văn cho là giải đãi, biếng nhác. Chữ viết từ bộ nữ 女 thanh lại 賴. Chữ lại 賴 từ bộ phụ 負 thanh lạc. Trong văn kinh viết từ bộ tâm 心 viết lại 懶, tuy cũng dùng nhưng sai, không có thông dụng. Ngược lại âm dưới là đồ ngoa 徒. Quảng Nhã cho rằng: Đọa lại là biếng nhác, rơi sót, hời hợt. Thuyết Văn cho là không có cung kính. Chữ viết từ bộ tâm 心 thanh đọa. Xưa viết là đọa.

Phụ phụ (埠阜). Ngược lại âm trên là đô hồi 都迴. Hiếu Thanh cho là Nơi vùng đất cao, chỗ tụ tập đông đảo, gọi là bến tàu. Tập Huấn Truyện cho là nơi gò đất cao. Thuyết Văn cho là gò đất nhỏ Thuyết Văn cho là Vùng đất ở kinh thành tụ hội đông đúc. Chữ viết từ bộ phụ 阜 đến bộ thanh truy 隹. Hoặc viết từ bộ thổ 土 viết thành đồi 堆, cũng đồng nghĩa. Trong văn kinh viết đồi 堆 này cũng là văn thông dụng thường dùng. Âm ngôi 隗. Ngược lại âm ngũ 猓 五猓. Âm dưới là phụ 阜 là âm phụ 負. Nhĩ Nhã cho rằng: Nơi cao mà bằng phẳng, gọi là đại lục 大陸, mà lục gọi là phụ 阜. Quảng Nhã cho rằng: Đại lục. Thuyết Văn nói cũng gọi là Đại lục, là nơi vùng đất cao mà không có đá. Chữ tượng hình viết phụ 阜, giải thích tên gọi là vùng đất cao dày.

Cầu khanh (溝坑). Ngược lại âm trên là cổ hậu 古候. Sách Chu Lễ cho rằng: Nước chảy thông suốt gọi là溝 溝. Theo Giai Uyển Chu Tòng cho rằng: Cống rãnh trong thành áp để thông nước chảy ra. Thuyết Văn cho rằng: Nước chảy theo đường cống rãnh, rộng mà sâu, mỗi ống cống bốn thước. Chữ viết từ bộ thủy thanh 菑 溝. Âm 菑. Ngược lại âm cổ hậu 古候. Âm dưới là khô

canh 苦耕. Nhĩ Nhã cho rằng: Chợ trong thôn làng. Quách Phác chú giải rằng: Cái ao bao quanh thành. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Cái hang sâu, biển lớn, vực sâu. Thuyết Văn cho là Cửa ải. Giải thích chữ cổ, nay giải thích đúng viết từ bộ thổ 土 thanh khanh. Âm khanh là âm cương 岡.

Chu ngọt (侏玃). Ngược lại âm trên là tri du 知榆. Theo Hiếu Thanh cho rằng: Chặt bỏ cây dư Thuyết Văn cho là Rễ cây. Chữ viết từ bộ mộc 木 thanh chu 朱. Ngược lại âm dưới là ngũ cốt 五骨. Vận Anh Tập cho rằng: Cây không có cành gọi là ngọt 板. Chữ trong sách viết là chu 株, hoặc viết là ngọt 兀 cũng đồng.

Kinh cức (荆棘). Ngược lại âm trên là cảnh ngưỡng 景仰. Quảng Nhã cho rằng: bụi cây có gai, có hai loại trang kinh và mạn kinh. Trang kinh là cây có gai mọc dài, có gai. Mạn kinh là loại dây leo, hai loại khác nhau. Có loại thân lớn màu đỏ, thật chỉ có cây trang kinh mà thôi, và cây có gai này chỉ mọc ở trên núi. Quảng Châu ký chép: Là cây mai, nạp huyền, xuất xứ từ cây gai kim. Thuyết Văn cho là bụi cây gai. Chữ viết từ bộ thảo 草 thanh hình 刑. Ngược lại âm dưới là cạnh lực 競力. Tiếng địa phương cho rằng: Giữa sông giang, Hoài phạm loài cây cỏ có gai làm người ta bị thương đều gọi là cức. Thuyết Văn nói là bó cây gai, mọc um tùm, có gai góc. Chữ viết từ hai bộ cức 棘 đều nhau. Trong văn kinh viết hai bộ thái 采 là chẳng đúng.

Bình thảo (平坦). Ngược lại âm tha đản 他但. Quảng Nhã cho rằng: Bình thảo là bằng phẳng. Vương Bật chú giải sách Chu Dịch rằng: Thảo (坦) là bằng

phẳng, không có biên ải nguy hiểm. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ thổ 土 thanh đán 旦.

Luyện trước (戀著). Ngược lại âm lực tích 力脊. Hiếu Thanh cho rằng: luyện là suy nghĩ. Theo sách Sử Ký cho là nhớ. Thuyết Văn cho rằng: Đứng tựa cửa trông ra xa. Chữ chánh xưa nay cho rằng: quan hệ Chữ viết từ bộ tâm 心 thanh luyện. Âm luyện. Ngược lại là âm lực duyên 力緣. Trong văn kinh viết từ bộ nữ 女 viết thành chữ luyện 變 cũng thông dụng.

Sát Đế Lợi (刹帝利). Trên là chữ sát 刹. Theo tương truyền rằng: trong sát vận vốn, không có chữ này. 刹 là chữ thanh đọc sai, sách viết lầm. Người xưa dịch kinh dùng chữ 刹 sát này, âm sát 刹. Ngược lại âm sơ tiết 初櫛. Lấy âm Phạm. Sau này người phiên dịch kinh đem âm sát 刹 này làm âm 察 sát, nó cũng tương cận, từ đó lần lần biến thể. Trong sách sắp xếp có sai lầm. Đây là câu văn của tiếng Phạm. Không đối dịch nhau. Ngũ nghĩa phiên dịch rằng: Trải qua nhiều triều đại Vua, trong các triều đại đó cũng tùy theo phúc đức và trí tuệ vượt xa hơn của các bậc tiền bối. Tức là gây dựng nên nghiệp đế Vương, vì vậy mà cho rằng nhân dân phải phục tùng theo.

Bà La Môn (婆羅門). Là tiếng Phạm, là tên cõi Phạm Thiên.

Đời Đường gọi là Tịnh hạnh, hoặc gọi là Phạm hạnh. Loại người này tự xưng rằng Bốn ngã, là vị Tổ đầu tiên từ miêng Phạm Thiên sanh ra, bèn lấy Phạm làm họ đời đời tương truyền cho nhau, phải học bốn kinh luận Vệ Đà, đều là bác thức đa tài, thông suốt nhàn nhã. Trong

Luận chúng phần nhiều làm Vua, hoặc làm thầy truyền Cao đạo, không có những kẻ học sĩ nào, hoặc là cầu Tiên Trường Thọ nuôi dưỡng, có khi cũng chứng được năm pháp Thần thông của vị Tiên đó.

Phệ xá (吠舍). Xưa dịch tỳ-xá 毘舍 là sai. Đây là gọi những người giàu có đa tài, thông suốt. Ở những nơi cao quý, hoặc gọi là những nhà thương buôn, chuyên buôn bán các loại hàng hóa, trải qua nhiều nước khác, chứa nhiều tài vật của báu, trong chứa châu báu, hoặc xưng là Trưởng giả, hoặc gọi là được Vua ban cho đất đai.

Thú Đạt La (戍達羅). Xưa gọi là Thủ Đà-Lược 首陀略 là không đúng. Đây gọi là họ của những người làm nghề cày ruộng, khai khẩn đất đai, chọn lựa nơi trồng trọt, những người này phải nộp thuế cho Vua, Quan. Phần nhiều là thường dân, đều là nông phu, cô quả. Đối với bốn học có học thức, thuộc về hạ đẳng.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

331

Noãn sanh (卵生). Ngược lại âm trên là loan quản 樂管. Thuyết Văn cho là Phàm loài vật không có vú mà sinh ra gọi là Noãn sanh (卵生). Tức là sinh ra trứng, là chữ tượng hình. Văn cổ viết là noãn 卵, trong Tiểu Triện viết noãn 卵. Theo lệ sách viết noãn 卵 này.

Bất cố (不顧). Âm 固 cố Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: Cố (顧) là nhìn xem. Quảng Nhã cho

là hướng đến. Từ Thư cho là Nhớ nghĩ. Thuyết Văn cho là Nhìn lại. Chữ viết từ bộ hiệt 頁 thanh cô 雇. Âm hiệt (頁) là âm hiệt 頤 này. Âm cô 雇 là âm cô 固.

Biến dịch (變易). Ngược lại âm bình biện 兵汴. Giả Quì chú giải sách Quốc ngữ là thay đổi. Trong Luận Duy Thức cho rằng: Lúc thay đổi hình chất gọi là biến 變. Trong Thuyết Văn nói đồng Quốc Ngữ chữ viết từ bộ phộc thanh biến. Âm dưới cũng Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư là sửa đổi. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ cho rằng: Biến dịch là khác đi. Thuyết Văn cho là con rắn mỗi lột da, ở trong nhà gọi là Thủ cung, ở ngoài ao gọi là tích dịch, tức là con rắn mỗi, là chữ tượng hình. Một gọi là ngày và tháng là khác nhau. Phàm là chữ có chín nghĩa mới hết. Đây là chữ hội ý.

Đoản xúc (短促). Ngược lại âm trên là đô quản 都管. Âm dưới là thủ dục 取欲. Quảng Nhã cho: Xúc (促) là đẩy tới gần. Trịnh Tiễn chú giải sách Chu Lễ cho là Mau chóng. Thuyết Văn cho là cấp bách, gấp rút.

Đàm bệnh (痰病). Ngược lại âm trên là Đường Nam 唐男. Theo Tập Huấn Truyện cho rằng: Cái màng ngăn trong ngực có nước gọi là bệnh. Trong văn kinh ghi chữ đàm 淡 này là chẳng đúng. Chữ này là khứ thanh không có nghĩa gì hết, người viết lầm.

Khắc già (克伽) là tiếng Phạm. Ngược lại âm trên là ngưng đẳng 凝等. Ngược lại âm dưới là ngư khứ 魚祛, là tên một vị sông thần ở Tây Thiên-trúc. Trong kinh Niết-bàn cho là Nữ thần sông Hằng.

Thiên phú (偏富). Âm trên là thiên 篇. Âm dưới là phương vụ 芳務. Nghĩa là che đậy.

Nhất song (一雙). Chữ viết từ hai bộ chuy 隹 đến bộ hựu 又. Trong kinh viết từ bộ văn 文 là đúng.

Thực chủng (植眾). Ngược lại âm thừa chức 承職. Trong Toán Vận Tập cho rằng: Thực (植) là trồng trọt. Tiếng địa phương cho là đứng, thẳng, cây đứng thẳng. Thuyết Văn cho là Hộ thực, (nhà trồng cây). Chữ viết từ bộ mộc 木, thanh trực 直, hoặc viết là thực 植 này cũng đồng.

Hồng bích (紅碧). Ngược lại âm trên là (湖公) Thuyết Văn cho là màu trắng hồng. Ngược lại âm dưới là binh kích 兵戟. Thuyết Văn cho là Loại đá đẹp. Chữ viết từ bộ ngọc 玉 đến bộ thạch 石 thanh bạch 白.

Quảng Nhã cho là Viên ngọc màu trắng xanh.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

332

Kỹ thuật (技術). Ngược lại âm thuần luật 純律. Theo Hàn Thi Truyện cho rằng: Thuật là phương pháp. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Là nghệ thuật, nghề nghiệp. Thuyết Văn cho là Thuật là con đường, chữ viết từ bộ hành 行, thanh thực. Âm thực. Ngược lại âm trì luật 馳律.

Hiểm nan (險難). Ngược lại âm hương kiễm 香檢. Thuyết Văn cho là Cản trở khó khăn. Chữ viết từ bộ phụ 阜, thanh kiễm. Trong văn kinh viết từ bộ sơn 山 viết thành chữ kiễm này là chẳng đúng.

Tiềm phục (潛伏). Chữ 潛 hãy xem trong bài tựa đã

giải thích rồi. Ngược lại âm dưới là phụ phúc 輔腹. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: Phục 伏 là ẩn bên trong. Quảng Nhã cho là giấu kín. Thuyết Văn cho là Hầu hạ là con chó hầu của người chủ Chữ viết từ bộ nhân 人 đến khuyển 犬 là chữ hội ý.

Kinh hoàng (驚惶). Ngược lại âm trên cảnh anh 景英. Nhĩ Nhã cho rằng kinh là sợ hãi. Quảng Nhã cho rằng: Kinh là nhảy chồm lên. Thuyết Văn cho là con ngựa sợ hãi. Chữ viết từ bộ mã 馬 thanh kính 敬. Âm dưới là hoàng 黃. Theo Tập Huấn Truyện cho lo sợ. Thuyết Văn cho là hoảng sợ. Chữ viết từ bộ tâm 心 thanh hoàng 皇.

Oan gia (怨家). Ngược lại âm trên là uyển viên 苑袁. Khảo Thanh cho là ghét, hiềm khích. Tự Thư cho rằng: Cừ thù với nhau.

Thuyết Văn cho: Chữ viết từ bộ miên 㐁 thanh oán 怨, hoặc viết là oán 冤. Trong kinh viết chữ oán 怨 này là chẳng đúng.

Kiến sí (堅翅). Ngược lại âm thí chí 施至. Khảo Thanh cho là cánh của con chim. Cũng viết là thị sí (是翅).

Cao tường (翱翔). Ngược lại âm trên là nga cao 俄高. Âm dưới là tương dương 象羊. Trịnh Tiễn chú thích là tường do. Trịnh Tiễn chú

giải Mao Thi Truyện cho rằng: Cao cũng giống như tiêu diêu, bay lượn, liêng. Theo Hàn Thi Truyện cho là du ngoạn. Nhĩ Nhã cho là Chim bay cao. Thuyết Văn cho là Bay đảo vòng. Đều là chữ tượng hình.

Câu ngại (拘礙). Âm trên là câu 俱. Vận Anh Tập

cho rằng: Nắm giữ chặt. Khảo Thanh cho là hạn cục vo cục lại. Thuyết Văn cho là Dừng lại. Chữ viết từ bộ thủ 手 thanh cú 句.

Xạ thuật (射術). Ngược lại âm trên là thời dạ 時夜. Thuyết Văn cho là Ở trong thật xa. Chữ viết từ bộ thân 身 đến bộ thủ 矢. Theo Tiểu Triệu viết từ bộ thốn 寸 viết thành xạ 射. Thuyết Văn cho rằng: Vượt qua được một tác pháp. Thốn (寸) cũng là tay.

Tiền hoạt (箭活). Ngược lại âm tiên duyên 煎緣. Văn thường hay dùng, chữ chánh thể viết tiên từ bộ trúc 竹 đến bộ chỉ 止 đến bộ chu 舟. Tể Ung viết cộng thêm bộ đao 刂. Ngược lại âm cổ ngoại 古外. Nghĩa là cây đao dưới nước có thể đi thuyền mà lấy. Về sau vì viết bộ thảo 草 biến thành bộ chỉ 止, bộ chỉ 止 biến thành bộ chu 舟, bộ chu 舟 lại thành bộ nguyệt 月, từ bộ nguyệt 月 biến thành bộ đao 刂 là bộ đao 刀 này, dần dần là sai lầm. Khảo Thanh cho là Chữ tiền vốn từ bộ trúc 竹. Theo chữ trúc này là lá của nó giống như lá thông mọc cao, năm sáu thước, thân nhỏ có sức rất mạnh, vả lại thật sự có thể làm mũi tên. Âm khả 可. Ngược lại âm thiên tả 千且. Bởi tên là thủ 矢 tức là mũi tên. Cho nên Thuyết Văn cho rằng: Tiền là mũi tên. Chữ viết từ bộ trúc 竹 thanh tiền 箭. Ngược lại âm dưới là khang hoạt 康活. Khảo Thanh cho là mũi tên. Theo chữ tiền hoạt 箭活 đó, nghĩa là nhận từ cái miệng của dây căng cây cung. Theo văn kinh chữ viết từ bộ thủy đến bộ hoạt cũng thông dụng. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ trúc 竹 đến chữ hoạt thanh tỉnh 省. Âm hoạt đồng âm khang hoạt 糠活. Âm kinh 剗 là âm kính 經.

Ngưỡng thĩ (仰矢). Ngược lại âm 食亦 thực diệc. Tự Thư cho rằng: Phát mũi tên ra trước, là bắn mũi tên ra phía trước. Âm thĩ là âm thỉ 矢, văn thường hay dùng viết thỉ 矢 này.

Hy hữu (希有). Ngược lại âm hư y 虛依. Nhĩ Nhã cho rằng: Hy là ít, hiếm có. Dương Tử Pháp cho rằng: Gắn sát, nghiên cứu. Trong văn kinh viết rằng: Thường làm lau chùi sạch sẽ. Hy 希 là chữ cổ Tứ đảo (四倒). Âm đảo 到. Vận Thuyên Tập cho rằng: Diên đảo. Tứ đảo (四倒) Kinh Niết-bàn chép: Vô thường chấp là thường, vô lạc chấp là lạc, vô ngã chấp là ngã, vô tịnh chấp là tịnh, tên là bốn đảo.

Cuồng tặc (狂賊). Ngược lại âm cù Vương 劬王. Ngọc Thiên cho rằng: Cuồng (狂) là ngu xuẩn. Theo Hiếu Thanh cho là Vội vàng, nôn nóng, rò dại, không có luân lý. Thuyết Văn cho là Chữ viết cuồng 狂, hoặc viết từ bộ tâm 心 viết cuồng tích 狂惜, từ bộ 犬 khuyên thanh cuồng 狂. Ngược lại âm dưới là tàng tắc 藏則. Theo Hàn Thi Truyện cho rằng: Nghĩa là tàn hại, giết hại, làm hại gọi là tặc (賊). Thuyết Văn cho là kẻ trộm, phá hoại, làm hỏng nát, tan nát. Chữ viết từ bộ qua 戈, đến bộ đao 刀, đến bộ bối 貝. Nay văn thông dụng viết chữ nhưng 戎 tặc này là sai, chẳng phải chánh của thể chữ Nhất hạng (一巷). Ngược lại âm hành giáng 行降. Theo Mao Thi Truyện cho là Ở giữa con đường. Sách Sử Ký cho rằng: Con đường lâu dài đó ở trong thôn ấp, và ở trong nội cung, là đường nhỏ. Thuyết cho rằng: Chữ viết từ hai bộ đến bộ ấp (邑) cộng 共 viết thành chữ 街 hạng.

Theo Lê sách viết lược bớt đi. Dư ương (餘殃).

Ngược lại âm ư cương 於薑. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Ương (殃) là tai họa. Quảng Nhã cho là tội lỗi. Thuyết Văn cho là Hung tợn. Chữ viết từ bộ ngạt 歹, thanh ương 央. Âm ngạt 歹 là âm tàn 殘.

Mị trước (魅著). Ngược lại âm mị bí 眉秘. Hiếu Thanh cho là quỷ thần, là yêu quái. Thuyết Văn cho là Vật tinh quái lão luyện, hoặc viết là mị 魅. Theo Thanh loại viết mị 魅, văn thường viết mị 魅. Ngược lại âm dưới là trì lược 持略. Chữ viết từ bộ thảo 艸 đến bộ giả 者.

Độ lượng (度量). Ngược lại âm đường lạc 唐洛. Ngược lại âm dưới là lược khương 略薑. Theo Hiếu Thanh cho rằng: Chữ lượng 量 cũng giống như chữ độ 度, nghĩa là cân lường. Chữ chánh xưa nay viết từ bộ tâm 心, viết thành chữ độ 度, từ bộ viết 日 viết thành chữ lượng 量. Trong văn kinh viết chữ lượng 量 này, cũng là văn thường dùng. Theo sách Quế Uyển Châu Tòng cho rằng: phân ra xem bao nhiêu, dài, ngắn, gọi là lượng 量.

Cuồng hoặc (誑惑). Ngược lại âm trên là câu huồng 俱況.

Xem quyển ba mươi chín trước đã giải thích.

Hủy tử. Ngược lại âm trên là huy quỷ 暉鬼. Âm dưới là 茲此 tư thử. Xem quyển bốn hai trước đã giải thích đầy đủ.

Khinh miệt 輕蔑. Ngược lại âm眠鰲 miên miệt. Xem quyển một trăm bảy mươi hai trước đã giải thích đầy đủ.

Trì độn 遲鈍. Ngược lại âm 長尼 trường ni. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Trì 遲 là hoãn lại, thông thả chậm rãi, lâu xa. Theo Hiếu Thanh cho rằng: Từ từ Chữ viết từ bộ 辵 xước thanh trì. Âm 辵 xước. Ngược lại âm 丑略 sủi lược. Âm trì là âm 西 tây, từ bộ 尾 vĩ đến bộ 牛 ngư. Trong văn kinh viết từ bộ 尸 thi đến bộ 羊 dương, viết thành chữ 遲 trì, là văn thường hay dùng. Trụ văn viết từ bộ 辛 tân viết thành 遲 trì, hoặc là viết trì là chữ cổ. Ngược lại âm dưới là 豚頓 đồn đồn. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Độn 鈍 là ngu. Vận Anh Tập cho rằng: Loại binh đao không bén, là loại đao binh khí để đánh trận nó lụt, không bén. Thuyết Văn nói chữ từ thanh độn. Âm đồn. Ngược lại âm 徒論 đồ luận. Liêm 廉. Ngược lại âm trên là 力兼 lực kiêm. Quảng Nhã cho rằng: Liêm là trong sạch không ham của cải. Theo Hiếu Thanh cho rằng: Không tham lam. Tập Huấn Truyện cho rằng: Liêm là gốc nhà, là gốc vương. Chữ viết từ bộ 广 nghiêm thanh 兼 kiêm. Ngược lại âm dưới là cự nghiêm. Cố Dã Vương cho rằng: Kiệm là tiết kiệm, đơn giản. Quảng Nhã cho rằng: thiếu thốn. Chữ viết từ bộ 人 nhân thanh 兼.

Lăng miệt. Ngược lại âm trên là 力矜 lực căng. Trong văn kinh viết 陵 lăng này là chẳng phải bốn chữ. Quyền chín trước đã giải thích rồi. Ngược lại âm dưới là 眠鰲 miên miệt. Trong văn kinh viết 蔑 miệt này là sai viết lược. Chữ viết từ bộ 心 tâm.

Hoặc kiều 或橋. Ngược lại âm 夭 cương yêu. Quyền hai mươi sáu trước đã nói rồi và quyền này ban đầu lại nói. Trong kinh viết từ bộ 矢 thi chẳng phải bốn chữ Su

phạm 師範. Ngược lại âm trên là 史緇 sử truy. Không An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Dựng nên vị thầy là để giáo huấn, dạy bảo người khác. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Dạy bảo người là lấy đạo đức để dạy, thế mới gọi là thầy. Mà vị thầy phải chứng được cái pháp gọi là tôn nghiêm, kiêng sợ mới có thể gọi là thầy. Vị thầy là phải ôn hòa biết những điều mới lại gọi là thầy. Theo Hiếu Thanh cho rằng: Thầy truyền Pháp, lấy Pháp để giáo huấn người khác. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ 阜 phụ đến bộ 市 thị bốn bộ 市 là chúng đồng ý của sư là. Ngược lại âm dưới là 凡黯 phàm ám. Trong quyển bốn mươi ba trước đã giải thích đầy đủ rồi.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

333

Ngạo mạn 傲慢. Ngược lại âm trên là 吾告 ngô cáo. Không An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Mạn là lạnh nhạt, thờ ơ Quảng Nhã cho rằng: Mạn là buông xuôi. Thuyết Văn cho là Dựa vào. Chữ viết từ thanh 敖 ngao chữ 敖 ao. Thuyết Văn cho là Viết từ bộ 出 xuất đến bộ 放 phóng nay vẫn thường hay dùng từ bộ 土 thổ viết thành chữ 敖 ao là sai. Ngược lại âm dưới là 麻辦 ma biện. Quảng Nhã cho rằng: Mạn là trì hoãn. Theo Thanh loại cho rằng: Dựa vào. Thuyết Văn cho là Lười biếng. Chữ viết từ bộ 心 tâm thanh 曼 mạn. Chữ mạn từ bộ 又 hựu, chữ thường hay dùng là sai vạn lần. Âm 辦 biện là âm 白慢 bạch mạn. Âm vạn là âm 慢 mạn là âm 萬 vạn.

Huyền tạp 誼雜. Ngược lại âm 兄袁 huynh viên. Âm dưới là 才合 tài hợp. Xem trước đã giải thích rồi.

Hội nao 憤. Ngược lại âm trên là 公外 công noại. Theo Tập Huấn Truyện cho rằng: Hội là tâm phiền loạn. Thuyết Văn cho là Cũng là loạn. Chữ viết từ bộ 心 tâm đến bộ 潰 thanh hội 省 tỉnh. Ngược lại âm dưới là 饒效 nao hiệu. Theo Tập Huấn Truyện cho rằng: Nhiều người gây nhiều loạn, quấy nhiễu. Vận Anh Tập cho là quấy nhiễu, tạp loạn. Văn nói chữ viết từ bộ thị 市 đến bộ nhân 人. Chữ hội ý. Hoặc là viết náo 鬧, cũng là văn chữ thường dùng. Trong văn kinh viết này là sai, không thành chữ. Âm 饒 là âm ngõa giao 孃交.

Phi báng (誹謗). Ngược lại âm trên là phi vị 非味. Âm dưới là bàng lãng 膀浪. Xem quyển một trăm tám mươi một trước đã nói đầy đủ.

La Sát Sa (囉刹娑) là tiếng Phạm, đây là Thần ác quỷ. Chữ trên là 逆 nghịch lại phải chuyển lưỡi đọc gọi là dẫn thanh. Ké là sát 刹 âm sát 察. Ngược lại âm dưới là tô hà 蘇何. Đây gọi là nhiều loại quỷ ở trong đảo này, hoặc ở vùng sa mạc đều có, thần thông đạo lực bay đi trong nhân gian. Có thể biến hóa ra cô gái đẹp, dung nghi yêu kiều để mê hoặc, lừa dối người. Thân cận với những vùng địa phương gần đó, để làm hại lừa dối. Chúng ăn những thứ đầm dãi hoặc bắt những loại chim công để ăn. Trong kinh Phật Bốn Hạnh Tập, v.v. . có nói.

(Quyển 334 không có âm để giải thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

335

Vô yễm (無俺). Ngược lại âm y hãm 伊飫. Văn nói chữ viết từ bộ khuyển 犬, bộ cam 甘, bộ nhục 肉, bộ tâm 心 là không đủ. Từ bộ cam 甘 đến bộ nhục 肉, bộ khuyển 犬, bộ tâm 心, hoặc viết là yễm 俺. Âm yễm là sai, chữ viết từ bộ tâm 心 là đúng.

Huất nhĩ (? 爾). Ngược lại âm huân luật 熏律. Theo Tập Huấn Truyện cho rằng: Bổng nhiên. Nghiệt Tông cho là nhanh chóng như thần. Thuyết Văn là có chỗ thổi tới nổi dậy. Chữ viết từ bộ khiếm 欠 thanh đạm 淡. Hoặc từ bộ phong 風 đến chữ hốt 忽 viết thành chữ huất.

Khái thán (慨歎). Ngược lại âm khổ ái 苦愛, hoặc viết khái 愜 thán 歎, tức là than thở. Bát-nhã cho là Buồn khổ thở than.

Tích tai 惜哉 âm. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: Tích (惜) là đau khổ. Quảng Nhã cho là Yêu tiếc. Ngược lại âm dưới là tử lai 子來. Khảo Thanh cho là thanh để trợ ngữ

(Quyển 336, không có âm để giải thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

337

Năng thiệu (能紹). Ngược lại âm trên là nãi đăng 乃登. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Có nhiều tài nghệ. Quảng Nhã cho là chủ nhiệm. Sách Lễ Ký cho là

Khéo léo, hay. Thuyết Văn cho là con thú, thuộc con gấu, chân giống như con nai. Chữ viết từ bộ chủ trong chữ kiên 堅, cho nên xưng là hiền 賢, nghĩa là có tài năng mà có sức mạnh, cho nên xưng là năng kiệt 能傑. Chữ viết từ bộ nhục 肉 thanh dĩ. Nay theo Lệ sách viết là năng 能 lần lần sai đi. Chữ dĩ là căn cổ, nay viết chữ dĩ 以 này. Ngược lại âm dưới là thiêu nhiều 韶遒. Thuyết Văn cho là Thừa kế, hoặc viết thiệu 劬 này. Xem quyền thứ nhất ở trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Bạt hữu (拔有). Ngược lại âm bạch bát 白八. Ngọc Thiên cho là Dẫn mà xuất ra, kéo ra. Quảng Nhã cho là Xuất ra. Hiếu Thanh cho là kéo ra, nhổ ra. Thuyết Văn cho rằng: Nhỏ, cất lên, cất nhắc. Chữ viết từ bộ thủ 手 thanh bạt 友, âm bạt 友 ngược lại âm bàn mạt 盤末.

Hiếp thông 𢇛痛. Ngược lại âm hư nghiệp 虛業. Hoặc viết chữ hiếp 𢇛 này từ ba bộ lực 力. Xem quyền thứ nhất đã giải thích rồi.

Thiệt (竊) ngược lại âm thiên kiết 千絜. Đã giải thích đầy đủ rồi.

Chiến lật (戰慄). Ngược lại âm chí thiện 之善. Âm dưới là lân nhất 隣一. Theo Tập Huấn Truyện cho rằng: Chiến lật là nguy hiểm sợ hãi. Quách Phác cho là lo buồn, cảm thán. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ qua 戈 thanh đơn 單, hoặc viết từ bộ tâm 心 viết thành chiến 戰. Văn cổ viết cũng từ bộ tâm 心 thanh lật 栗.

Trúng độc (中毒). Ngược lại âm trên là trương trung 張中. Vận Anh Tập cho rằng: Trung (中) là đương thời là chữ giả tá. Ngược lại âm dưới là đồng đốc 同篤. Thuyết Văn cho là hại người, ở trong cỏ thường sanh ra

những côn trùng độc hại. Âm độc 毒 ngược lại âm viên cải 袁改. Âm triệt 卮 ngược lại âm sừ liệt 丑列.

Thị kỹ (恃己). Ngược lại âm thời chỉ 時止. Hiếu Thanh cho rằng: Thị (侍) là y theo. Vận Anh Tập cho là ỷ lại. Thuyết Văn cho là ỷ lại. Chữ viết từ bộ tâm 心 viết thành chữ thị 恃 thanh tỉnh 省. Âm dưới là kỷ 己, nghĩa là mấy cái trở lên không hợp.

Nhiều loạn (擾亂). Ngược lại âm như chiêu 如沼. Thuyết Văn cho là Phiên não. Chữ viết từ bộ thủ 手 thanh ưu 憂. Âm ưu 憂 ngược lại âm nô cao 奴高. Trong văn kinh viết từ bộ 憂 ưu là chẳng đúng. Ngược lại âm dưới là loạn đoạn 樂段. Thuyết Văn nói từ bộ 乙 (乙) thanh loạn.

Tàm quý (慚媿). Ngược lại âm tàng xá 藏舍. Ngược lại âm dưới là cư vị 居位, đều là chữ hình thanh, hoặc viết từ bộ tâm 心 viết thành 愧 quý.

Như bộc (如僕). Ngược lại âm mãn ốc 滿沃. Theo Tả Thị Truyện cho rằng: người làm quan xưng với Vua là bộc, theo Mao Thi Truyện cho rằng: Bộc là phụ giúp. Sách Lễ Ký cho rằng: Người học trò ở chốn công đường gọi là thần 臣, ở nơi nhà xưng là bộc. Theo Tập Huấn Truyện cho rằng: Vị quan coi ngựa, đánh xe ngựa, cũng gọi là người phục dịch thấp hèn, Thuyết Văn cho là Cấp cho làm việc. Chữ viết từ bộ nhân 人 thanh bộc. Âm bộc là âm bốc 卜.

Chùy đã (打). Ngược lại âm trên là giai nhụy. Thuyết Văn cho là Lấy cây gậy đánh gõ. Chữ viết từ bộ thủ 手 thanh thù, hoặc viết từ bộ trúc 竹 viết thành chùy này. Nghĩa là cây roi quất ngựa, hoặc viết từ bộ mộc viết 木

thành chùy. Nghĩa chùy là cái dùi dùng để đánh. Ngược lại âm dưới là đức biên 德姘. Quảng Nhã cho là đánh gõ. Bì Thương cho rằng: Đánh bằng gậy. Chữ chánh xưa nay viết từ bộ thủ 手 thanh đinh 丁, ngược lại âm giang ngoại 江外. Âm đinh 丁 ngược lại âm đình 挺.

Thuyết Văn cho là làm lỗi.

Lý tiên (履踐). Ngược lại âm trên là lực kỷ 力几. Hiếu Thanh cho rằng: Lý là thuộc giày dép. Trịnh Tiên chú giải sách Lễ Ký rằng: Đạp lên. Thuyết Văn cho là chỗ để cái chân nương theo. Thi 尸 đến bộ xước 𠂔, đến bộ chu 舟, đến bộ văn chu 文舟, giống như chữ lý 履, là chữ tượng hình. Âm xước 𠂔 ngược lại âm sừu xích 丑尺, âm văn 文. Nhưng trong kinh viết từ chữ phúc 復 là sai. Ngược lại âm tiền diễn 錢演. Không An Quốc chú giải sách Luận Ngữ rằng: Theo thứ tự giẫm đạp lên. Theo Mao Thi Truyện cho là dánh đi. sách Lễ Ký cho rằng: Đạp lên địa vị, bước lên địa vị, đi hành lễ. Thuyết Văn cho là giày dép. Chữ viết từ bộ túc 足 thanh tiên 𠂔 cũng là thanh tiên 𠂔, hoặc viết tiên này, âm tiên đều đồng với âm tiên 𠂔. Ngược lại âm sát 察 hạn 限.

Như si (如癡). Ngược lại âm sĩ tri 恥知. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Si là ngây ngô đần độn. Tự Thư cho là Ngu đần. Thuyết Văn cho là không có trí tuệ. Chữ viết từ bộ tật thanh nghi 疑. Âm tật là âm nữ ách 女厄.

Như á (如啞). Ngược lại âm á giả 啞賈. Trong kinh viết từ bộ khẩu 口 viết thành á 啞 là chẳng đúng.

Như lung (如聾). Ngược lại âm lỗ đông 魯東. Thuyết Văn cho là Lỗ tai không thông. Chữ viết từ bộ nhĩ 耳 thanh long 龍. Trong kinh viết chữ long này là

chẳng đúng.

Như manh (如盲). Ngược lại âm trên là bá bành 百彭. Ba chữ trên trong quyển nhất đã giải thích rồi.

Đoạn tiết (斷截). Ngược lại âm trên là đoàn tiết 團匱. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư là đoạn tuyệt. Thuyết Văn cho là cắt đứt, chữ đoạn cũng giống như chữ tiết, là cắt đứt. Chữ viết từ bộ cân 斤 đến chữ kế 繼 kế là chữ tuyệt 絕 cổ. Nay trong văn kinh đảo lại 斷 lấy dùng chữ kế này tiện và ổn định, hoặc viết đoạn tuyệt là chữ cổ. Có viết chữ 斷 là văn thường hay dùng. Ngược lại âm dưới là tiện tiết 賤節.

Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện cho rằng: Cắt xén đều nhau, bằng nhau. Thuyết Văn cho là Dùng tay sửa lại. Chữ viết từ bộ thổ 土 viết từ chữ tiết 截. Là văn thông dụng.

Giao thiệp 交涉. Ngược lại âm thời diệp 時葉. Đốt lên gọi là thiệp 涉, gọi là nhập vào. Theo Hán Thư cho rằng: Thiệp là giẫm đạp lên. Thuyết Văn cho rằng chữ viết từ hai bộ thủy, viết chữ thiệp, là chữ cổ. Theo Lê Sách cho rằng: Viết lược bớt đi một bộ thủy, viết thiệp 涉.

(Quyển 338, 339, 340 đều không có âm giải thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

341

Miệt Lệ Xa (蔑隸車). Ngược lại âm trên là miên miết 眠瞥. Kế là âm lệ 麗, hoặc gọi là Miệt lệ xa 蔑戾

車. Tiếng Phạm, đều sai, lược, không đúng. Gọi là tất lật 畢栗 (hai âm hợp) sa. Hán dịch là hạ tiện, chủng loại hèn hạ, là nơi biên giới xa xôi, là người không biết lễ nghĩa.

Chiên Trà La (旃荼羅). Ngược lại âm trên là chi nhiên 之然.

Quyển 4 ở trước đã giải thích.

Bổ Yết Sa (補羯娑) là tiếng Phạm, đồng với hai chủng loại trên.

Luyên tích (孌蹠). Ngược lại âm lực duyên 力緣. Ngược lại âm dưới là bi diệc 卑亦. Quyển 181 ở trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Bối lữ (背儻). Ngược lại âm lực vũ 力禹. Nghĩa là thân cúi xuống.

Điên giản (顛癲). Ngược lại âm trên là đinh kiên 丁堅, âm dưới là nhàn 閑. Hai câu trên, trong quyển một trăm tám mươi một đã giải thích đầy đủ rồi.

Đam lạc (耽樂). Ngược lại âm đáp nam 答南. Nhĩ Nhã cho rằng: Lây cái vui quá độ. Vận Anh Tập cho là tốt đẹp. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ hỏa. Trong văn kinh viết từ bộ thân 身 cũng thông dụng, hoặc viết chữ đam, cũng thông với chữ耽 耽. Dưới là âm lạc 洛.

Ngõa lịch (礫). Ngược lại âm linh đích 零的. Thuyết Văn cho là Đá vụn, cũng gọi là đá nhỏ. Vẫn một (殞歿). Ngược lại âm trên là vân mẫn 雲敏. Âm dưới là môn cốt 門骨. Hiếu Thanh cho rằng: Vẫn một điều là chết. Sách Lễ Ký cho rằng: Đông cứng lại. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Là hết.

Theo văn cổ viết là vẫn, lại viết vẫn một là chữ tượng

hình. Chữ chánh xưa nay gọi là vẫn một 殞歿 là chết, đều từ bộ ngạt 歹, đều từ thanh viên thù 員殳.

Dục khấu (欲扣). Ngược lại âm khổ hậu 苦 ê 厚. Không Tử cho rằng: Lấy cây gậy mà đánh trên cẳng của Nguyên Nhưỡng. Không An Quốc chú giải rằng: Khấu là đánh. Quảng Nhã cho rằng: Đưa lên, nâng lên, dơ cao lên. Thuyết Văn nói viết khấu nghĩa là đánh, gõ, cũng viết chữ khấu 扣 này.

Pháp Loa (法螺). Ngược lại âm lô hòa 魯. Thuyết Văn cho là Loại ốc sên thêm lớn. Theo chữ loa 螺†, đó là loại nhạc khí, dùng để thổi tiếng nghe rất hay, dùng để hòa theo các âm nhạc, cho nên trong kinh dẫn ra làm ví dụ, cũng viết chữ loa 螺† này, vẫn thường hay dùng.

Tích vi (析為). Ngược lại âm tinh diệc 星亦. Quảng Nhã cho rằng: tích 析 là phân ra. Thuyết Văn cho là Phá bỏ chặt bỏ cây. Chữ viết từ bộ mộc 木 thanh cân 斤, hoặc viết từ phiên 片 viết thành chữ tích. Trong văn kinh viết từ bộ thủ 手 là chẳng đúng. Ngược lại âm chương liệt 章列, chẳng phải nghĩa này. Dưới là chữ vi 為 viết từ bộ trảo 爪 là đúng. Ngược lại âm vi nguy 葦危. Vương Tiêu chú giải sách Luận Ngữ rằng: Vi là làm.

Triêm bỉ (霑彼). Ngược lại âm Triếp liêm 輒廉. Hàn Thi Truyện cho rằng: Triêm (霑) là thấm ướt. Hiếu Thanh cho là Âm chút ít. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ vũ 雨 thanh triêm 沾. Văn Tự Tập Lược viết triêm 沾 này là viết lược bớt.

Trích số (滴數). Ngược lại âm đinh 丁歷 lịch. Hiếu Thanh cho rằng: Giọt nước rơi xuống. Thuyết Văn cho là Giọt nước chú nguyện. Chữ viết từ bộ thủy thí 壼

thanh tỉnh 省. Chữ thí 𠂔 viết từ bộ đế 帝 đến bộ khẩu 口. Trong văn kinh viết lược đi bộ khẩu 口 viết là thí, văn thường hay dùng. Âm thí 𠂔 là âm sí 翅. Ngược lại âm dưới là sương cú 霜句.

Mị trước (魅著). Ngược lại âm mi bí 眉秘. Theo kinh Sơn Hải cho là tinh vật lão luyện. Thuyết Văn nói viết mị từ bộ quỷ 鬼. Nghĩa là quỷ mọc lông, cho nên viết từ bộ sam 彡, giống như lông. Ngược lại âm dưới là trì lược 池略. Chữ viết từ bộ thảo 草 đến chữ giả 者. Trong kinh viết từ bộ thảo 草 viết trước chữ 著 này là chẳng đúng.

Bất khứu (不糗). Ngược lại âm hưu hữu 休右. Thuyết Văn cho là dùng mũi để ngửi, gọi là khứu. Chữ viết từ bộ ty 鼻 thanh xú 臭.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 342

Ái Tắng (愛憎). Ngược lại âm tắc đăng 則登. Theo Hàn Thi Truyện cho rằng: Chữ Tắng 憎 cũng giống như chữ ác 惡. Thuyết Văn nói cũng gọi là ác 惡. Chữ viết từ bộ tâm 心 đến bộ bát 八 đến bộ tiểu 小, gọi là tiểu nhân.

Cơ quan (機關). Ngược lại âm trên là ký nghi 記宜. Theo Tập Huán Truyện cho là bộ phận làm việc, là bộ phận then chốt để phát động, gọi là cơ 機. Thuyết Văn cho rằng là chủ phát động máy nên gọi là cơ. Chữ viết từ bộ mộc 木 thanh cơ 幾. Ngược lại âm dưới là cổ ngoan

古頑. Theo sách Đại Đái Lễ cho rằng: Người quân tử tình gần mà vui thú ở nơi xa, xác thật có một mà quan hệ rất nhiều. Thuyết Văn cho rằng: Lấy cái cây gài ngang giữ cái cửa lại gọi là quan 關. Chữ viết từ bộ môn 門, thanh 清. Âm quan đồng với âm trên. Trong văn kinh viết chữ khai 開, chẳng phải nghĩa của kinh.

(Quyển 343, 344, 345 ba quyển này đều không có âm giải thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 346

Trở hoại (阻壞). Ngược lại âm trên là trang sở 莊所. Ngược lại âm dưới là hoài quái 懷怪. Quyển ba trăm lẻ hai ở trước đã giải thích đầy đủ chữ trở 阻. Quyển ba trăm ba mươi đã giải thích đầy đủ chữ hoại 壞.

Y hộ (依怙). Ngược lại âm hồ cổ 胡古. Quyển một trăm bảy mươi hai ở trước đã giải thích rồi.

Đầu thú (投趣). Ngược lại âm trên là đồ hậu 徒候. Theo Tả Truyện cho rằng: Khiêu ra, ném, quăng. Vương Dật chú giải sách Sở Từ cho là hợp, đè xuống. Thuyết Văn viết chữ đầu 頭. Xưa viết chữ 投 đầu này. Nghĩa là dùng tay lắc làm vật lay động. Chữ viết từ bộ thủ 手 thanh thù 殳.

Châu chữ (洲渚). Âm trên là châu 州. Ngược lại âm dưới là chư dũ 諸與. Quyển bốn mươi bảy ở trước đã giải thích đầy đủ Âm minh (闇冥) Âm trên là ám 暗. Quyển một trăm lẻ sáu trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Ngược lại âm dưới là mễ bình 米瓶. Nghĩa là tối tăm, mê muội. Quyền tám ở trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Manh cô (盲瞽). Chữ trên là manh 盲. Quyền nhất ở trước đã giải thích rồi. Âm dưới là cổ 古. Giải thích tên gọi cổ 瞽 là ngủ thường ngủ hai mắt bằng phẳng như mặt trống, vì giống như vậy mà gọi tên. Thuyết Văn cho rằng: Có mắt mà không có con người, trông mắt. Chữ viết từ bộ mục 目 đến chữ cổ 鼓, là chữ hội ý.

Phỉ báng (誹謗). Ngược lại âm trên là phi vị 非味. Âm dưới là bổ lãng 補浪. Xem quyền một trăm tám mươi một đã giải thích đầy đủ.

Chúc lụy (囑). Ngược lại âm trên là chi dục 之欲. Vận Thuyên Tập cho là phó chúc, là giao phó đối với vật gì. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện là gởi gắm. Sách Sở Từ chú giải là Kế tục, tiếp nối. Văn Ngọc Thiên cho rằng: Gởi gắm cho nhau, phó thác cho nhau, ủy thác giao phó cho nhau. Chữ viết từ bộ vĩ 尾 thanh chúc. Âm vĩ 尾. Ngược lại âm dưới lực nguy 力. Vương Dật chú giải sách Sở Từ cho là Từng lớp. Theo Tả Truyện cho rằng: Tương thời động không liên lụy đến người sau. Lưu triệu chú giải Công Dương Truyện rằng: Chứa nhóm theo thứ lớp. Quảng Nhã cho rằng: Ủy thác chúc lụy cho nhau. Thuyết Văn cho rằng: Lụy là tăng thêm. Truyện Bạt Độ Vi Tương cho rằng: Văn cổ viết lụy 𠂔 lụy đều là chữ tượng hình, hoặc viết ba bộ điền 田 viết thành chữ lụy, hoặc viết 𠂔 lụy đều đồng.

Hồng phiêu (紅縹). Ngược lại âm phiêu tiêu 漂小.

Xem trong quyền năm mươi sáu ở trước đã giải thích.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

347

Thực khoảnh (食頃). Ngược lại âm khuynh đỉnh 傾穎. Khảo Thanh cho rằng: Ít lựa chọn, nghĩa là ăn trong khoảng thời gian rất ngắn. Thuyết Văn nói rằng: Chữ viết từ bộ chủ. Âm đỉnh 穎. Ngược lại âm dinh đỉnh 贏頂.

Tu du (須臾). Ngược lại âm trên là tương du 相逾. Ngược lại âm dưới là du chu 俞朱. Ở nước Tây Vực chia ra tên, xưa dịch sai, lược. Chính âm Phạm là Mô hộ lật đa 謨護栗多, tức là câu-xá 俱舍, tức trong giây phút. Theo Luận cho rằng: Người xuất gia ràng buộc nơi lập, người dịch là khắc, hai khắc là một tu du, ba mươi tu du là một ngày một đêm. Thường chia thành sáu mươi khắc, khi mùa Đông và mùa Hạ đến, hai là cực dài và cực ngắn cùng nhau xâm chiếm. Tám khắc tức là ba mươi tám khắc, hai mươi hai khắc, cũng như nước này trải qua ngày đêm, một trăm khắc cùng nhau xâm chiếm. Tức là theo lệ, mười trong sáu mươi bốn. Nếu lấy theo giờ Tý, Sửu, v.v... thì chừng khoảng mười hai tiếng đồng hồ. Mỗi giờ thì năm khắc, hai giờ thì mười khắc, cộng chung là năm tu du.

Nga nhĩ (俄爾). Ngược lại âm ngũ ca 五哥. Tức là sự lựa chọn còn thiếu. Nga (俄) tức là bỗng nhiên, tiền gần giống như tu-du.

Thuần tức (瞬息). Ngược lại âm thức nhuận 式閏. Vận Anh Tập cho rằng: Con mắt chuyển động. Trong văn kinh viết là thuần 瞬, cũng là thông dụng, nghĩa là

mở mắt ra nháy. Chữ viết từ bộ mục 目 dần 寅. Theo chữ thuần mục 瞬目 là một nháy mắt, tức là hơi thở nói là rất mau chóng. Theo Lữ Thị Xuân Thu Truyện cho rằng: Muôn đời cũng giống như là một nháy mắt.

Tán Lệ (讚勵). Ngược lại âm uy ngạn 威岸. Vận Anh Tập cho là Khen ngợi, cũng gọi là giải thích. Quách Phác cho rằng: Tán tụng, cho nên phải giải thích vật lý. Giải thích tên gọi là Khen ngợi sự tốt đẹp của người gọi là tán (讚). Ngược lại âm dưới là lực chế 力制. Xem quyển bảy mươi ở trước có giải thích đầy đủ Trọng đảm (重擔). Ngược lại âm đam lã 耽濫. Quảng Nhã cho rằng: Đảm là gánh vác, phụ trách. Khảo Thanh cho rằng: Dùng khúc gỗ mà gánh vác vật gọi là đảm 擔. Thuyết Văn là Nhắc cao lên. Chữ viết từ bộ thủ 手 thanh đảm 詹. Chữ viết từ bộ mộc 木 chẳng phải âm chiêm 詹 là âm chiêm 占.

Đãi đắc (逮得). Ngược lại âm trên là đồ nại 徒奈. Nhĩ Nhã cho rằng: Đãi (逮) là đến kịp. Phương ngôn cho rằng: Tự mình đóng cửa phía đông, phía Tây gọi là kịp đến. Trong văn kinh viết lộc 祿 này là chẳng đúng. Âm lộc 逮 là đi, chẳng phải nghĩa ở đây dùng.

Hoặc trích (或擲). Ngược lại âm trình trích 呈摘. Vận Anh Tập cho rằng: Bỏ đi. Thuyết Văn cho là Ném. Từ bộ thủ 手, thanh trích. Văn cổ viết trích 擲.

(Quyển 348, không có âm để giải thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

349

Khan lận (刊慳). Ngược lại âm trên là khẩu gian 間. Quảng Nhã cho là Yêu tiếc tài vật. Ngược lại âm dưới là lân tín 隣信. Quảng Nhã cho rằng: Lận là thấp hèn. Tự Thư cho là Tham tiếc. Vận Anh Tập cho rằng: Khan lận là keo bản, hà tiện, bủn xỉn, hoặc là viết lận là âm lận phán 吝判. Âm khan 慳. Ngược lại âm hạt 瞎.

Cố tích (顧惜). Âm trên là cố 固. Trịnh Tiễn cho rằng: Quay đầu lại gọi là Cố Thuyết Văn cho là nhìn trở lại. Chữ viết từ bộ hiệt 頁, thanh cố 雇. Âm cố 雇 đồng với âm trên. Trong văn kinh viết Cố 顧 này cũng là văn thường dùng. Ngược lại âm dưới là tinh diệc 星亦. Quảng Nhã cho rằng: Tích là yêu tiếc. Sở Từ cho là Tham. Khảo Thanh cho là Keo bản, bủn xỉn. Chữ viết từ bộ tâm 心 thanh tích 昔. Xưa viết tích 脊 này.

Tu thừa (須乘). Ngược lại âm trên là tương du 相瑜. Tu (須) là văn thường dùng. Chữ chánh thể viết tu 須 nghĩa là chờ đợi. Thuyết Văn nói đồng với Tự Thư là chữ viết từ bộ lập 立 thanh tu 須. Trong văn kinh viết từ bộ thủy văn thường dùng là chẳng đúng bốn chữ. Ngược lại âm dưới là thừa chứng 承證. Hiếu Thanh cho rằng: chiếc xe bốn ngựa.

Tên thông dụng là chiếc xe. Thuyết Văn cho là Che phủ Xưa viết thừa 乘 từ bộ nhập 入 thanh thừa.

Cạnh lai (競來). Ngược lại âm kinh kính 擎敬. Vận Anh Tập cho rằng: Cạnh tranh về biên giới, Hiếu Thanh cho rằng: Theo đuổi, đưa đến, hoặc viết cạnh 競 nghĩa là rộng lớn, hoặc viết cạnh 競 là chữ cổ. Trong văn kinh viết cạnh 競 là văn chữ thường hay dùng.

Nguy thúy. Ngược lại âm dưới là thuyên tuế 詮歲. Quảng Nhã cho rằng: Giòn, dễ gãy. Ngọc Thiên cho là Khinh bạc. Thuyết Văn cho là thịt nhuyển dễ bằm. Chữ viết từ bộ nhục 肉 đến thanh tuyệt 絕 lại thanh tỉnh 省. Hoặc là viết thúy từ bộ nguy 危 đến viết thúy là chẳng đúng.

Lân mẫn (憐愍). Ngược lại âm trên là luyện niên 練年. Nhĩ Nhã cho là lòng yêu thương. Hiếu Thanh cho là Đau xót. Trong văn kinh viết lân là văn thường dùng. Ngược lại âm dưới là văn vãn 文殯. Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: Mẫn là thương tâm. Thục Pháp cho rằng: Khiến cho người ta đau lòng thương cảm gọi là mẫn 愍. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ tâm 心, âm mẫn đồng với âm trên.

Loa bồi (攞貝). Ngược lại âm lô hòa. Xem quyển một trăm tám mươi một ở trước đã giải thích đầy đủ.



NHẤT THIẾT ÂM NGHĨA KINH

Sa-môn phiên dịch kinh Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN 4

(Âm kinh Đại Bát-nhã, từ quyển 350 đến quyển 409)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 350

Tụ mạt (聚沫). Ngược lại âm trên là tình dụ 情喻.
Khảo Thanh

cho rằng: Nhóm hợp lại. Vận Anh Tập cho là hội hợp lại đông đảo. Thuyết Văn nói rằng: Nhóm hợp. Chữ viết từ bộ phái 派 thanh thủ 取. Âm phái 派 là âm ngâm 吟. Ngược lại âm dưới là ma bát 摩鉢. Văn Ngọc Thiên cho là Vật nổi trên mặt nước. Trang Tử cho rằng: Nước sôi tuôn vọt ra nổi lên mặt. Chữ viết từ bộ thủy thanh mạt 末.

Phù bào (浮泡). Ngược lại âm trên phụ vô 輔無. Quảng Nhã cho là trôi nổi. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Vật ở trên gọi là phù 浮(nổi). Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: Nhẹ nổi lên trên.

Thuyết Văn cho là trôi theo dòng nước. Chữ viết từ bộ thủy thanh phù 浮. Âm ngô 吳. Ngược lại âm bạc mưu 薄謀. Nay không lấy âm dưới. Ngược lại âm phổ bao 普包. Khảo Thanh cho là Bọt nước nổi lên trên mặt

nước. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ thủy thanh bao 包.

Ba tiêu (芭蕉). Ngược lại âm trên là bổ da 補耶. Âm dưới là tử diêu 子姚. Tiêu (蕉) là loại cây mọc giao nhau như ngón chân, là lớn như chiếc chiếu, có thể nấu thức ăn và dệt đàn mền mại vông đưa, làm tấm bố trải ngồi. Cũng có thể nổi bọt nước lên, lá rất rộng, khoảng hai ba thước, dài bảy tám thước. Thuyết Văn nói rằng: Cây mọc rất tươi tốt um tùm, cũng nghĩa là tiêu tụy, gầy gò, khốn khổ. Chữ viết từ bộ thảo 草 đến bộ ba 巴 đều thanh thúc. Chữ đúng thể viết tiêu. Nay văn thường dùng viết theo tương truyền tiêu 蕉, là bốn chữ chẳng phải.

Tấn tốc (迅速). Ngược lại âm duẩn tuấn 尹俊. Theo sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tấn (迅) là rất mau. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ xước 辵 thanh tấn 𠂔, âm tấn 𠂔 là âm tín 信. Ngược lại âm dưới là tố lộc 素祿. Nhĩ Nhã cho là cũng rất mau chóng. Khảo Thanh cho là Kêu gọi đến. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ xước 辵 thanh tốc 𠂔. Ngược lại âm sửu lược 丑略.

Tường bích (牆壁). Ngược lại âm trên là tịnh dương 淨陽, hoặc là viết là tường 墻. Cố Dã Vương cho là bức tường phẳng. Theo Tự Thư cho rằng: Xây đất gọi là tường, bên cây gỗ trúc làm vách tường gọi là bích 壁. Thuyết Văn cho là Chữ viết từ bộ tường 牆 thanh tường 𠂔, âm tường 𠂔 là âm sắc tường 色𠂔. Ngược lại âm tương dương 將羊. Trong văn kinh viết từ bộ thổ 土 viết tường 墻 là chẳng đúng. Ngược lại âm dưới là ly mịch 離覓. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Xây một bức tường. Tự Thư cho rằng: lộ ra ngoài gọi là tường, ở trong nhà gọi là bích cũng gọi là tường. Thuyết Văn nói rằng:

Chữ viết từ bộ bích từ nghiêm 𡗗 thanh tích 辟, âm nghiêm 儼.

Như liệu (如燎). Ngược lại âm liệu điều liệu điều 遼 𪔐遼鳥, hai âm, đều thông dụng. Theo sách Chu Lễ cho rằng: Cây nến trước phần một đã cháy lan ra trước thêm. Trịnh Chúng cho rằng: lấy cỏ gai làm cây đuốc. Trịnh Huyền cho rằng: do phần mộ lớn, nên cây nến lớn, ở bên ngoài cửa nên gọi là cây nến lớn, bên trong cửa gọi là cây nến trong sân, đều làm cho chiếu sáng qua các phần mộ khác rõ ràng hơn. theo Tập Huấn Truyện cho rằng: Thiêu đốt củi cúng tế trời. Thuyết Văn nói là Phóng hỏa. Chữ viết từ bộ hỏa thanh liệu 寮.

Chữ liệu 寮 là từ bộ hỏa đến bộ thận, âm thận là âm thận 慎 là chữ cổ Tiêu tuyết (銷雪). Âm trên là 消 tiêu. Vương Dật chú giải sách.

Sở Từ cho là Tiêu diệt. Ngọc Thiên cho là tán thất. Thuyết Văn cho là Nung kim loại cho chảy ra. Chữ viết từ bộ kim 金 thanh tiêu 𠂔, hoặc viết triều 𠂔 này cũng thông dụng đồng nghĩa.

Môn ma (捫摩). Âm trên là môn 門. Theo Thanh Loại cho rằng: Môn (捫) là sờ mó. Tập Huấn Truyện cho rằng: Lấy tay sờ mó lau chùi, chà sát. Thuyết Văn cho là An ủi, vỗ về, gửi lại. Chữ viết từ bộ thủ 手 thanh môn 門.

Ẩn tế (隱蔽). Ngược lại âm trên là ư cần 於謹. Quảng Nhã cho rằng: Ẩn là bị che ngăn. Hiếu Thanh cho là Giấu kín, che kín, sâu xa. Theo sách Luận Ngữ cho là ẩn giấu, chứng pháp gọi là chứa trong lòng không dứt gọi là ẩn bên trong. Thuyết Văn cho là Che đậy. Chữ viết

từ bộ phụ 阜 thanh ân. Trong văn kinh viết từ bộ viết thành chữ ân 隱 là sai lầm. Ngược lại âm dưới là ti duệ 卑袂. Cố Dã Vương cho rằng: Tế (蔽) là tối tăm không sáng suốt. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: bị ngăn che. Quảng Nhã cho là Ân kín. Khảo Thanh cho là Che đây. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ thảo 草 thanh tế. Âm tế. Ngược lại âm tỳ duệ 毘袂.

Yêm ác (厭惡). Ngược lại âm trên là y diễm 伊焰. Âm dưới là ô cố 烏固.

Hân lạc (欣樂). Âm trên là hương ân 香殷. Âm dưới là ngũ giáo 五教.

Phúng tụng (諷頌). Ngược lại âm trên là phong mộng 風夢. Ngược lại âm dưới là từ dụng 徐用. Sách Chu Lễ cho rằng: Dạy học trò học thuộc, đọc tụng sách Quốc ngữ Trịnh Huyền cho rằng: đọc thuộc là văn, gọi là phúng 諷, lấy âm thanh tiết tấu gọi là 頌 tụng, hoặc là viết tụng 誦 này. Thanh Loại cho rằng: Tụng (誦) đó là ca ngâm những bài thơ khen ngợi thanh đức tốt đẹp, ca ngợi, khen ngợi hình dung Đức Phật. Thuyết Văn nói viết chữ tụng 頌 này.

Trạng mao (狀貌). Trên là chữ trạng 狀, từ bộ khuyển 犬 thanh phiếm 片. Vận Anh Tập cho rằng: Hình trạng tướng mao. Thuyết Văn nói cũng viết từ bộ khuyển 犬 thanh phiếm 片. Ngược lại âm dưới là mao báo 茅豹. Sách Thượng Thư cho rằng: Có năm việc: 1 Mạo. Khổng An Quốc chú giải rằng: Mạo là dung nghi. Quảng Nhã cho rằng: Thấy xem thấy rõ ràng. Thuyết Văn nói chữ mao giống khuôn mặt của người, dưới từ bộ nhân 人. Chữ tượng hình. Theo Tru Văn chữ viết từ bộ thỉ 豕

viết mạo hoặc là viết mạo 貌, từ bộ hiệt 頁. Âm báo 豹 thanh tỉnh 省. Âm trụ là âm trụ 宙. Âm豕 là âm truy 騅. Năng thích (能刺). Ngược lại âm trên là nô đăng 奴登. Quảng Nhã cho rằng: Năng là người phụ trách. Bát-nhã cho rằng: Có thể kham nhận trách nhiệm làm các việc. Thuyết Văn cho là Năng thuộc loài gấu, chân giống như chân nai, cho nên chữ viết từ hai bộ chủy đến bộ nhục 肉 thanh dĩ. Dĩ 苡 là chữ cỏ. Nay theo Lệ Sách viết theo bộ thảo 草 lược bớt đi, là bộ đao, chẳng những sai lầm lược đi mà còn chẳng phải thể chữ Trong văn kinh viết năng 能 có bộ thảo 草 theo sách là sai, cũng chẳng phải chữ. Ngược lại âm dưới là thanh diệp 青亦. Thuyết Văn nói rằng: Đâm thẳng vào bị thương. Chữ viết từ bộ đao 刀 thanh lạc. Trong văn kinh viết giáp viết thành giáp, văn thường hay dùng là chẳng đúng, là sai lầm. Âm hùng 熊 là âm hùng 雄.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 351

Xâm lăng (侵凌). Ngược lại âm trên là thất lâm 七林. Lưu Triệu chú giải Công Dương truyện rằng: Xâm (侵) là làm hại. Thuyết Văn cho là Lăn lăn tiến vào. Chữ viết từ bộ nhân 人, tay người cầm giữ cây chổi. Ngược lại âm dưới là chương liễu 章柳. Như cầm cây chổi tiến vào quét sạch. Theo Lệ sách viết tỉnh lược, nên viết là xâm lược 侵略. Ngược lại âm dưới là lực cạnh 力競. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Xâm là làm nhục, khinh lòn. Quảng Nhã cho là Phạm, xâm phạm, chiếm lấy.

Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ lǎng 菱 âm lǎng 菱.

Tự hoại (沮壞). Ngược lại âm trên là từ dữ 慈與. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Tự (沮) cũng giống như chữ hoại 壞. Quảng Nhã cho là Âm ướt. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ thủy thanh thả tự âm thả. Ngược lại âm tử dư 子余. Ngược lại âm dưới là hoài quái 懷怪. Quyển ba trăm ba mươi ở trước đã giải thích hoại 壞 đầy đủ

Đăng giáp (鐙 甲). Ngược lại âm khai hạp 開盍. Thuyết Văn cho rằng: Chữ giáp 甲, trong quyển bốn mươi bảy ở trước đã giải thích đầy đủ

Hàm vị (喊味). Ngược lại âm trên là hãm nghiêm 陷嚴, có khi cũng thường hay dùng. Quảng Nhã cho rằng: Mùi vị nước ở phương Bắc. Nhĩ Nhã cho Là khô Thuyết Văn nói chữ chánh thể từ bộ lỗ 囟 viết thành chữ hàm 鹹 là chữ hình thanh.

Tướng bảo (將寶). Ngược lại âm tinh dạng 精樣. Khảo Thanh cho là Tướng soái. Theo Văn Tự Tập Lược Cho là Quân chủ. Thuyết Văn nói là Thống lĩnh. Chữ viết từ bộ thốn 寸 đến bộ tướng 醬 thanh tỉnh 省. Âm soái 帥 là âm suy 衰 loại 類. Trong kinh Thuyết Văn nói Tướng bảo tức là Vua chuyên luân Thánh Vương, là tương Thần chủ binh.

Giai độn (皆鈍). Âm trên là chữ giai 皆, dưới từ bộ bạch 白. Âm dưới là chữ đôn 鈍. Ngược lại âm đồ côn 徒焜. Thiên Thương Hiệt cho Độn (鈍) là ngu. Thuyết Văn nói rằng chữ viết từ bộ kim 金 thanh độn, âm độn. Ngược lại âm độ luân 度論.

Tâm tủy 心. Ngược lại âm tuy thử 雖論. Thuyết Văn nói rằng: chất mỡ trong xương. Chữ viết từ bộ cốt 骨

viết tùy thanh tỉnh 省.

Trượng khối (杖塊). Ngược lại âm trên là trường lưỡng 長兩. Thuyết Văn nói rằng: Tay cầm cây gậy. Chữ viết từ bộ mộc 木 thanh trượng 丈, chữ trượng 丈 từ bộ thập 十 đến bộ hựu 又. Ngược lại âm dưới là kháng ngoại 康外. Theo văn kinh, trong quyển ba mươi chín trước đã giải thích. Văn cổ viết khối 塊 chữ viết từ bộ thổ 土 là chữ tượng hình.

(Từ quyển 352 đến quyển 355, đều không có âm giải thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 356

Ăn một la quả bán na sa quả 宴沒羅果半娜娑果. Đều là tiếng Phạm. Là tên của một loại trái ở Tây Vực, ở Trung quốc không có tên

loại quả Bán-na-sa 半娜娑. Hình như là tên một loại dưa trồng vào mùa đông, mà mùi vị của nó rất ngon, hoặc tên là Ma-na-sa 麼那娑.

Chủng thực (種植). Ngược lại âm thừa lực 承力. Theo sách Toán Vận Tập cho rằng: Thực (植) là nhiều. Khảo Thanh cho rằng: thực là dài, lâu dài, chứa nhóm nhiều. Thuyết Văn cho rằng: Thực là trồng trọt. Chữ viết từ bộ mộc 木 thanh trực 直, hoặc viết từ bộ đãi 歹, viết thực 殖 này cũng đồng nghĩa.

Khái quán (溉灌). Ngược lại âm trên là cư khí 居氣. Vận Anh Tập cho là tưới nước. Khảo Thanh cho rằng:

Ngâm vào nước. Thuyết Văn cho là tưới nước xuống ruộng. Chữ viết từ bộ thủy, thanh khái.

. Ngược lại âm dưới là quan hoán 官換. Quảng Nhã cho là rót nước ra, ngâm vào thắm vằm, cũng gọi là rót nước. Vận Anh Tập cho là Dẫn nước vào tưới ruộng. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ thủy thanh quán. Âm quán đồng với âm trên.

Bất tịch (不藉). Ngược lại âm tình dạ 情夜. Vận Anh Tập cho là phủ cỏ lên đất là chữ giã tá.

Nha hành (牙莖). Ngược lại âm trên nhã gia 雅家. Âm dưới là hạnh canh 幸耕. Thuyết Văn nói rằng: gốc của cọng cỏ gọi là hành 莖. Chữ viết từ bộ thảo 草, thanh hành 莖.

Thiện xạ (善射). Ngược lại âm thời dạ 時夜. Theo sách Chu Lễ chép rằng: Lục nghệ tam gọi là Ngũ xạ. Thuyết Văn cho là Chữ viết từ bộ thủ 矢 viết thành xạ. Giải thích tên gọi là giương cây cung ra bắn,

từ thân của mình mà trúng nơi xa, gọi là xạ. Trong sách Lý Tư Tiểu Triện cho chữ viết từ bộ thốn 寸 viết thành chữ xạ 射. Thốn (寸) cũng là phương pháp để vượt qua, thốn cũng là tác tay.

Oán địch (怨敵). Ngược lại âm trên là uyển viên 苑袁. Trong quyển ba trăm lẻ ba ở trước đã giải thích chữ oán rồi. Ngược lại âm dưới là đình lịch 亭歷. Theo Văn Tự Điển nói rằng: Địch là cừ thù. Theo Tả Truyện nói là đối địch. Theo Cốc Lương Truyện cho rằng: Gấp đôi, giận nhân lên gấp đôi thì dừng, địch thì chiến đấu, thiếu thì giữ, giữ lại phòng hộ. Chữ viết từ bộ phộc thanh thương âm thương. Ngược lại âm đình lịch 丁歷.

(Kinh từ quyển 357 đến 362, sáu quyển đều không có âm để giải thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 363

Mậu thanh (茂盛). Ngược lại âm trên là mạc hậu 莫候. Âm của nước Ngô và nước Sở. Vận Anh Tập âm là mạc bố 摸布. Nghĩa là loài thảo mộc, câu cỏ mọc um tùm, xum xuê. Sách Nhĩ Nhã cho là Rất tươi tốt. Mao Thi Truyện cho là Rất đẹp. Vận Thuyên Tập cho rằng: Thấm ướt tươi tốt. Thuyết Văn cho rằng chữ viết từ bộ 艸 thảo thanh 茂 mậu. Ngược lại âm dưới là thường chánh 常正. Quảng Nhã cho rằng: Thanh là nhiều. Khảo Thanh cho rằng: Thanh là hưng thịnh, mạnh mẽ Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ mãnh 𠂔, thanh thành 成.

Vô hạ (无暇). Âm trên là vô 無, xuất ra từ văn cổ chữ rất lạ Chữ vô 無 là chữ cổ. Ngược lại âm dưới là hà giá 遐駕. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: Hạ (暇) là an ổn. Thuyết Văn cho là Rảnh rồi nhàn hạ. Chữ viết từ bộ nhật 日 đến chữ hà thanh tỉnh 省.

(Quyển 364, 365 vẫn không khác, không có âm để giải thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 366

Uông sanh (枉生). Ngược lại âm uy vãng 威往.

Phương Ngôn cho rằng: Âm giữa nước Tề, nước Lỗ gọi là quang cảnh là uổng 枉, là mất đi. Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mộc 木, thanh Vương 王. Văn cổ viết từ bộ văn 文 là uổng.

Hân cầu (忼求). Ngược lại âm ngật ân 迄殷. Khảo Thanh cho rằng: Vui vẻ Thuyết Văn cho là tốt lành, lòng người hân hoan, đón nhận sự tốt lành. Chữ chánh thể viết hân 欣, hoặc viết là hân 訢 đều là thông dụng.

Trào tiếu (嘲諷). Ngược lại âm trên là liệu giao 嘹交. Âm dưới là thương giảo 啗狡. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tào (嘲) là làm trò hài hước, bốn cột, chọc ghẹo, hoặc viết từ bộ 言 ngôn viết trào 嘲. Thuyết Văn nói cho rằng từ chữ điệu, âm điệu. Ngược lại âm trúc bao 竹包. Ngược lại âm dưới là tiêu diệu 樵曜. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Tiếu (諷) là cười lớn, cũng là trách phạt. Khảo Thanh cho là trò cười đùa bốn cột. Vận Anh Tập cho là Trách. Thuyết Văn cho là Gây rối, tàn ác, tác hại, hoặc viết là tiếu 譏, đều là chữ tượng hình, âm hước 譏. Ngược lại âm hương ước 香約.

Vô khiếp (無怯). Ngược lại âm khiếm nghiệp 欠業. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Khiếp (怯) là sợ hãi, là kém. Theo Tập Huấn Truyện cho là Sợ sệt. Vận Thuyên Tập cho rằng: Yếu ớt. Thuyết Văn cho là Chữ viết từ bộ khuyển 犬 viết thành chữ khiếp. Dùng chữ khiếp này nghĩa là nhiều chó nên sợ hãi. Chữ viết từ bộ khuyển 犬 thanh khứ 去, là chữ hình thanh.

Tam ma hý đa 三摩咥多. Âm tứ. Ngược lại âm thanh dĩ 聲以.

Tiếng Phạm, Hán dịch là dừng lại, nói là tâm dừng

lại nghỉ ngơi, hoặc gọi là định, có rất nhiều tên, v.v... cũng gọi là đẳng trì 等持 đẳng dẫn 等引|. Đây cũng là một nghĩa.

Thao thiết (饒饒). Ngược lại âm trên là thang cao 湯高. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Tham tài gọi là thao (饒), hoặc viết là thao 叨 văn thường dùng. Ngược lại âm dưới là thiên kiết 天愒. Thuyết Văn cho rằng: tham ăn gọi là thiết (饒). Bát-nhã viết thiết, hai chữ trên đều là chữ tượng hình, thanh thượng.

Huyên tạp (諠雜). Ngược lại âm trên là huynh viên 兄圓. Quyển thứ nhất ở trước đã giải thích đầy đủ. Ngược lại âm dưới là tài lệnh 才令. Quyển một trăm tám mươi một đã giải thích đầy đủ rồi.

Phân nhiễu (紛擾). Ngược lại âm trên là phát văn 拂文. Quyển thứ nhất ở trước trong bài tựa đã giải thích chữ phân (紛). Ngược lại âm dưới là nhi chiêu 而沼. Trong quyển ba ở trước đã giải thích chữ nhiễu 擾 rồi.

Bất đạn (不憚). Ngược lại âm đàn thả 彈且. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện cho rằng: Đạn (憚) là khó khăn. Theo Hàn Thi Truyện cho là sợ hãi. Tập Huân Truyện cho là từ chối. Thiên Thương Hiệt cho là kinh sợ giết mình. Thuyết Văn cho là mau chóng. Chữ viết từ bộ tâm 心 thanh đạn 單.

Cứ ngạo (據傲). Ngược lại âm cư ngự 居御. Mao Thi Truyện cho rằng: Cứ là dựa theo. Khảo Thanh cho là Dựa vào. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện cho là An ổn. Thuyết Văn cho là Phò trì, ủng hộ Chữ viết từ bộ thủ 手 thanh cứ 遽, hoặc là viết cứ 倨, âm cứ là âm 渠 cự. Ngược lại âm dưới là ngô cáo 吾告. Khổng An Quốc

chú giải sách Thượng Thư cho là Ngạo mạn. Quảng Nhã cho là Buông trôi, quấy động. Thuyết Văn cho là Dựa vào. Chữ viết từ bộ tâm 心 thanh ngạo, hoặc viết từ bộ nhân 人 viết ngạo 傲. Thuyết Văn cho là Chữ viết từ bộ xuất đến chữ phóng 放. Nay trong văn kinh viết từ bộ thổ 土 viết ngạo 傲 như vậy lần lần sai, viết lược bỏ bớt.

Ư ky (於譏). Trên là chữ ư 於. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ phương, âm phương là âm yển 偃. Trong văn kinh viết từ bộ thủ 手 là chẳng đúng. Ngược lại âm dưới là cư y 居依. Quảng Nhã cho rằng: Ky là khuyên can. Thuyết Văn cho là Chê bai. Chữ viết từ bộ ngôn 言 thanh cơ 幾.

(Quyển 367, 368 hai quyển đều không có âm để giải thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 369

Cốc hưởng (谷響). Ngược lại âm hương vũ 香雨. Khảo Thanh cho rằng: Hưởng là tiếng vang. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Giống như âm thanh vang ngược trở lại. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ âm 音 thanh hưởng 鄉, hoặc viết là chữ hưởng 響. Hoặc viết từ bộ ngôn 言 viết thành chữ hưởng. Trong văn kinh viết chữ 向 hưởng viết thành chữ hưởng này là chẳng đúng.

(Quyển 370 đến 375, sáu quyển đều không có âm để giải thích).

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

376

Xa thừa (車乘). Ngược lại âm trên là xướng giá 昌遮. Chữ xa 車. Thuyết Văn cho là chữ tượng hình, 車 viết xa là hoành 橫 tức là ngang dọc. Trong sách viết chữ xa 車 là văn cổ Chữ 車 xa là chiếc xe chạy ngang. Ngược lại âm dưới là thực chứng 食證. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Thừa (乘) là thắng hơn, vượt hơn. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Thừa là thắng lên. Trịnh Chúng chú giải sách Chu Lễ rằng: Bốn chiếc xe gọi là Thừa. Thuyết Văn cho là Thừa là che đậy.

Chữ viết từ bộ nhập 入 đến chữ suyễn 舛, âm suyễn 舛 là kiệt 竭. Kiệt hiệt 桀黠 là người có tài, thông minh, sáng suốt. Quân Pháp cũng gọi là thừa, nghĩa là chuyên chở cỡi lên. Theo Lệ Sách viết chữ thừa 乘 này là chữ biến thể.

Tủy não. 髓腦. Ngược lại âm trên là ủy thử Thuyết Văn cho là Chất mỡ trong xương. Chữ viết từ bộ cốt 骨 đến chữ tùy thanh tỉnh 省. Ngược lại âm dưới là năng lão 能老. Theo Văn Tự Tập Lược cho rằng: Não tủy trong đầu. Chữ này là sai lầm rất nhiều, hoặc là viết từ ba bộ chỉ 止, hoặc viết từ bộ nhục 月, hoặc viết từ bộ □ khẩu, hoặc viết từ chữ hốt 忽, hoặc viết từ bộ sơn 山 đều chẳng đúng. Thuyết Văn nói chữ chánh thể từ bộ chủy đến chữ tín 𠂔, âm tín 𠂔 là âm tín 信. Tín 𠂔 này tức là não trong đầu. Từ bộ xuyên 川, âm xuyên 川 giống như là tóc trên đầu. Chữ chủy đó là tương đương như chữ

trước 著, thanh não. Âm não. Ngược lại âm năng lão 能老, vốn là chữ cổ.

(Kinh từ quyển 377 đến 380 bốn quyển đều không có chữ khó,
không có âm để giải thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 381

Liễm đế 斂底. Ngược lại âm lực diêm 力鹽. Thiên Thương Hiệt cho là tên vật dụng để đựng đồ Thuyết Văn cho là Cái hộp đựng gương soi. Theo chữ liễm đó là vật đựng đồ trang sức, hương thơm, son phấn, v.v... nó giống như cái hộp dưới đáy bằng phẳng, trên có góc cạnh.

Trong kinh viết từ bộ đại 大 đến bộ phẩm 品 liễm 奩 này là không thành chữ. Trong kinh nói chữ liễm có đáy bằng phẳng là để ví dụ chữ liễm từ bộ phương 方 đến chữ liễm, âm liễm cùng là thanh. Âm 方 là âm phương 方.

Sở đạo (所蹈). Ngược lại âm đồ đáo 徒到. Lưu Triệu chú giải Cốc Lương Truyện rằng: Đạo (蹈) là mang giày giẫm đạp lên. Quảng Nhã cho là Đạo là đi. Thuyết Văn cho rằng: Đạo là đạp lên, giẫm lên. Chữ viết từ bộ túc 足 thanh đạo. Âm đạo. Ngược lại âm dương tiểu 羊小.

Thản nhiên (坦然). Ngược lại âm tha lại 他懶. Thiên Thương Hiệt cho rằng: 坦 là bằng phẳng, thẳng thản. Quảng Nhã cho rằng: thản là bằng phẳng. Thuyết Văn

cho là An ổn. Chữ viết từ bộ thổ 土 thanh đán 旦, chữ đán 旦 từ bộ nhật 日, dưới là chữ 一 nhất.

Võng cóc (輞轂). Ngược lại âm vọng phong 忘逢. Khảo Thanh cho là Cái đòn ngang trước xe. Âm thức 軾 là âm cự. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Đòn ngang của xe tròn mà dài, hai trượng bảy thước, cho nên thời nay gọi là vành lớp xe, vành xe này đường kính chín thước, đều là thời xưa chế ra, xe thời nay dùng lớp lưới bao xung quanh một trượng tám thước, đường kính sáu thước tức là xe kéo. Ngược lại âm dưới là công ốc 公屋. Thuyết Văn cho là chỗ chụm lại của cãm xe. Lão Tử cho rằng: Ba mươi cãm xe cộng thêm một bầu gỗ tròn giữa bánh xe. Chữ viết từ bộ xa 車 đến chữ cóc 穀 thanh tỉnh 省.

Đô la miên (堵羅棉) Tiếng Phạm, ở Tây Vực gọi là bông mịn, xưa dịch là Đâu-la-miên 兜羅綿. Trong kinh quyền ba trăm mười trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Miễn võng 免網. Ngược lại âm trên là mạc bàn 莫盤. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Cỏ bên đường gọi là miễn. Quảng Nhã cho là Cái áo vá. Ngược lại âm dưới là vũ phảng 武舫, ở đây nói là giữa mười ngón tay của Đức Như lai, giống như màng lưới, gọi khác nữa là Bào Hy Thị cho rằng: Kết lại bằng sợi dây làm võng. Thuyết Văn nói viết chữ la 羅, chữ cỏ, cũng đơn viết là võng 𦉰, chữ tượng hình.

Ỗ họa (綺). Ngược lại âm khi kỷ 欺紀. Phạm Tử Kế Nhiên cho rằng: Tám lụa thêu hoa xuất xứ từ nước Tề, nay xuất xứ là nước Ngô Việt. Ngược lại âm dưới là hoa mạ 華罵. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Họa là chữ tượng hình.

Quách Phác cho rằng: Đồ họa, là người họa sĩ Cho nên viết chữ tượng hình. Trong Tự Thư cho rằng: Vốn không có chữ này, là chữ giả tá, như mượn chữ họa mà dùng.

Tiêm trượng (纖長). Ngược lại âm tương diêm 相鹽. Quảng Nhã cho rằng: tiêm là nhỏ bé. Phương Ngôn cho rằng: Tiêm là nhỏ Thuyết Văn cho rằng: Cũng rất nhỏ mịn. Chữ viết từ bộ mịch 糸 thanh tiêm 籤. Lại nói rằng chữ Tiêm đó là dưới bộ phi 非 thành tiện 箋 âm tiền 箋. Ngược lại âm tiếp diêm 接閭. Hai bộ đến bộ ? đến bộ qua 戈. Trong văn kinh viết từ bộ thổ 土 đến bộ phi 非 viết thành chữ tiêm này là chẳng thành chữ. Ngược lại âm dưới là trượng lương 丈良. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện cho rằng: Trường (長) là dài xa. Quảng Nhã cho rằng là thường. Thuyết Văn cho là lâu xa. Chữ viết từ bộ ngột 兀 âm ngột 兀, nghĩa là chỗ cao xa, từ bộ chủy âm hóa. Lâu ngày hóa thành biến đổi chữ viết từ thượng 上 đến thanh sảnh vong. Chữ trong sách đảo. Ngược lại là chữ vong. Trong sách chữ Triện cho rằng thể chữ cổ viết trường. Nay theo Lệ sách viết là trường 長, trên văn thường hay dùng gọi là chữ ngột 兀 hóa ra, trong chữ dưới đều là biến thể, không thể nói được.

Y nê da Lộc Vương suyễn (依泥耶漉王喘). Ngược lại âm trên là y hê 伊奚 là tiếng Phạm, Hán dịch là con nai chúa, lông trên mình nó nhiều loại khác nhau, màu sắc óng ánh chói sáng, rất mịn và mượt, đầu gối của nó tròn nhỏ rất thẳng, cho nên lấy làm dụ Âm suyễn. Ngược lại âm thuyên nhuyển 湍奕.

Dung viên (傭圓). Ngược lại âm si long 癡龍. Khảo Thanh cho rằng: Trên dưới quân bình gọi là dung (傭),

cũng gọi là lớn. Vận Anh Tập cho rằng: Dung là thẳng. Trong văn kinh viết từ bộ nhục 肉 viết thành chữ dung cũng là văn thường dùng. Thuyết Văn cho là Quân bình, thẳng thắn. Chữ viết từ bộ nhân 人 thành dung 庸.

Cam thanh (紺青). Ngược lại âm trên là cam ám 甘暗. Âm dưới là thích doanh 戚盈. Thuyết Văn cho rằng: Mảnh lụa màu trắng nhuộm thành màu xanh mà đưa lên lại màu đỏ thắm, hoặc viết là thuyên lưu, âm đều đồng với âm trên, đó đều là chỗ của Mã, Trịnh dùng chữ cổ. Dưới là chữ thanh 青. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ sanh 生 đến bộ đan 丹. Theo Lê sách cho rằng sai lầm, viết lược bớt.

Nhuận hoạt (潤滑). Ngược lại âm trên là như thuận 如順. Theo sách Thương Thư cho rằng: Nước ướt gọi là nhuận, tức là nhuận dưới nhuận dưới viết là hàm 𩇛, âm hàm 𩇛 là âm hàm 咸. Quảng Nhã cho rằng: Nhuận là ướt. Ngược lại âm dưới là hoàn quát 還刮. Thuyết Văn cho là Hoạt là lợi. Khảo Thanh cho rằng: Nhân cái lợi, Âm quát 刮. Ngược lại âm khai hoạt 開滑, đều viết từ bộ thủy, chữ hình thanh.

Hoảng diệu (晃耀). Ngược lại âm trên là hoàng quang 黃廣.

Quảng Nhã cho là Chói sáng. Khảo Thanh cho rằng: Ánh mặt trời, cũng viết là hoảng. Thuyết Văn cho là Sáng. Chữ viết từ bộ nhật 日, thanh quang 光. Ngược lại âm dưới là diêu chiếu 姚照. Quảng Nhã cho rằng: Ánh lửa chiếu sáng rực rỡ Vận Anh Tập cho rằng: Sáng suốt, thấu suốt, hoặc là viết từ bộ diệu 曜 này cũng thông dụng. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ hỏa viết diệu 耀, cũng viết

từ bộ quang 光 viết diêu 耀. Văn thường dùng, chẳng phải chữ đúng thể.

Bác dịch 膊腋. Âm trên là bác 博. Âm dưới là diệc thử 亦此, hai chữ này đều từ bộ nhục 肉. Quyền nhất ở trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Nặc cụ Đà (諾瞿陀). Ngược lại âm na-các 那各. Tiếng Phạm, tên một loại cây, hoặc viết là Ni-Câu-Đà 尼俱陀. Dịch là cây thẳng đứng, ung dung, tròn đầy, rất dễ thương. Trung quốc không có gọi cây Liễu là sai.

Hàm ức (頤臆). Ngược lại âm trên là hà cảm 何感. Âm dưới là ư lực 於力. Quyền nhất đều đã giải thích đầy đủ.

Du khả tuyết (逾珂雪). Ngược lại âm trên là dữu câu 莠俱. Vận Thuyên Tập cho rằng: Du là vượt qua, hoặc viết du 踰 này cũng đồng. Ngược lại âm dưới là khả hà 可何. Vận Thuyên Tập cho là Viên ngọc màu trắng, màu trắng như tuyết.

Phong lợi (鋒利). Ngược lại âm trên là phương không 芳空. Khảo Thanh cho rằng: Mũi dao nhọn, hoặc viết là phong 鋒. Thuyết Văn cho là Loại binh khí cây đao ngày xưa, mũi nhọn. Chữ viết từ bộ kim 金 thanh phong 省.

Ung khúc (擁曲). Ngược lại âm dưới là ung cũng 邕拱. Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ rằng: Ung là ôm trong lòng, Khảo Thanh cho rằng: Nắm giữ lấy, bảo hộ che chở Tự Thư cho là Che chở Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ thủ 手, thanh ung 雍, chữ chánh thể viết ung 壅 này, chữ cổ Uyển ước (婉約). Ngược lại âm trên là oán viễn 怨遠. Theo Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Uyển

ước là lời nói hoa mỹ. Vận Thuyền Tập cho rằng: Uyển là nịnh hót lấy lòng. Thuyết Văn cho rằng: Uyển là hòa thuận. Chữ viết từ bộ nữ 女 thanh uyển 宛, đều là chữ hình thanh.

Tần-gia-âm (頻伽音), là tiếng Phạm, ở Tây Vực là tên gọi một loài chim. Theo sách Cụ Túc Ứng cho rằng: Ca Lăng Tần Già 迦陵頻伽. Chim này ở trong hang núi, tiếng hót rất hay, khiến cho người nghe cảm thấy vui mừng.

Nhãn tinh (眼睛). Ngược lại âm tích doanh 積盈. Chữ giả tá, vốn không có chữ này. Chữ tinh 睛 nghĩa là hạt châu. Theo sách Toán Vận cho là trông đen con mắt. Người xưa gọi là con người. Văn thường dùng gọi là 瞳子 (đồng tử), cũng là con người, cũng gọi là con người của mắt.

Văn Luận gọi là nhãn căn, do bốn đại tạo ra tịnh sắc căn làm thể Ô-Sắc-Nhị-Sa (烏瑟膩沙) là tiếng Phạm, Hiệu Đảnh tướng của Đức Như lai. Trong kinh Quán Phật Tam-muội nói rằng: Nhục kế trên đảnh đầu của Đức Như lai, nổi lên cục thịt tròn, nhô cao lộ ra trang nghiêm, giống như chiếc lọng ở cõi Trời, lại dịch là “Vô kiến đảnh tướng”, có các nghĩa rất sâu xa.

Giáp trường (岬長). Ngược lại âm hàm giáp 咸甲. Trong quyển ba trăm lẻ bốn ở trước đã giải thích. Chữ viết từ bộ khuyển 犬 là chẳng đúng.

Cân mạch (筋脈). Ngược lại âm trên là cư ngân 居銀. Chữ viết từ bộ 竹 đến bộ nhục 肉, đến bộ lực 力. Ngược lại âm dưới là ma bách 麻佰. Chữ viết từ bộ huyết 血, bộ mạch, hoặc viết từ bộ nhục 肉. Trong văn

kinh viết từ bộ 肉 nhục đến bộ mạch viết thành chữ mạch 脈, văn thường dùng cũng thông dụng. Trong quyển năm mươi ba trước đã giải thích đầy đủ hai chữ Đôn túc (惇肅). Ngược lại âm trên là đô côn 都昆. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: Đôn (惇) là thành thực chất phác, cũng gọi là to lớn. Phương Ngôn cho là Tin tưởng. Sách Nhĩ Nhã và Thuyết Văn đều cho là Sâu dày. Chữ viết từ bộ tâm 心 thanh đài 臺, âm đài 臺 là âm thuần 純. Chữ đài 臺 Thuyết Văn nói cho rằng từ bộ bức 倮, âm 音 bức là âm đôn, dưới là chữ dương 羊. Nay văn kinh từ văn viết chữ đôn 敦, giống như bức bách hồi thúc, là chẳng phải nghĩa của kinh. Chữ viết từ bộ tâm 心 viết thành chữ đôn 惇 là đúng. Ngược lại âm dưới là tung dục 嵩育. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Túc (肅) là cung kính, nghiêm túc. Văn Nhĩ Nhã cho là lặng lẽ, bình yên, thư thái. Văn Chứng Pháp cho rằng: Đức rất mạnh mẽ Văn Khắc Nghĩa cho rằng: Túc là nắm giữ cái tâm. Sách Quyết Đoán cho rằng: Rất nghiêm túc. Thuyết Văn cho là Nắm giữ các việc rất cẩn thận, rất cung kính. Chữ viết từ bộ duật 聿, âm duật 聿 là âm nhiếp 躡 đến túc 肅 là âm uyên 淵, chữ duật ở trong âm uyên 淵 trên là chữ chiến 戰. Âm chiến 戰 là âm cạnh, âm cạnh là âm túc 肅, tuy nhiên vì chỗ sợ hãi mà nghiêm túc, cung kính là chữ hội ý. Văn sau trong quyển bốn trăm bảy mươi cũng đồng với giải thích.

Khiếp nhược (怯弱). Ngược lại âm trên là khi nhiếp 欺業. Vận Anh Tập cho rằng: Khiếp (怯) là sợ hãi. Khảo Thanh cho là Yếu đuối, áy náy lo sợ Cố Dã Vương cho là hèn mọn, sợ hãi. Thuyết Văn nói chữ viết

từ bộ khuyển 犬 viết thành chữ khiếp 怯 nghĩa là nhiều sợ hãi, vì nhiều chó mà sợ hãi. Cho nên chữ viết từ bộ khuyển 犬 thành khứ 去, hoặc là viết từ bộ tâm 心 viết thành chữ khiếp 怯 đều thông dụng. Ngược lại âm dưới là nương chước 穰灼. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư cho là gây yếu, bệnh hoạn. Khảo Thanh cho rằng: Không có sức mạnh. Thuyết Văn cho là Yếu ớt, khuất phục, cong lại, co lại. Chữ trên giống như uốn cong lại, nhược (弱) tức là co lại, khúm núm, hễ vật gì co ro, khúm núm là không có sức mạnh, cho nên chữ viết từ hai bộ cung 弓 và bộ sam 彡 giống như là cái lông nhỏ yếu mềm.

Trù mật (稠密). Ngược lại âm trường lưu 長流. Thiên Thượng Hiệt cho rằng: Trù là đặc, nhiều, dày. Quảng Nhã cho là rất khít khao, dày đặc, đông đúc. Thuyết Văn cho là nhiều. Chữ viết từ bộ hòa thanh trù. Ngược lại âm dưới là mân duật 岷聿.

Ly ế (離翳). Âm trên là lợi 利. Ngược lại âm dưới là doãn kế 尹計. Vận Anh Tập cho rằng: Ế là bị ngăn che. Quảng Nhã cho là chướng ngại. Thuyết Văn cho là bị hoa mắt, nên che lại.

Bất oa (不窠). Ngược lại âm ô trảo 烏爪. Vận Thuyên Tập cho rằng: Đất nơi thấp, ẩm ướt, hoặc viết từ bộ giai 佳 viết thành chữ oa 窪. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ huyệt 穴 thanh qua 瓜, chữ tượng hình.

Bất diệt (不埤). Ngược lại âm điền niết 田涅. Vận Thuyên Tập cho là Cái gò đất nổi cao lên. Thuyết Văn cho là Chữ tượng hình, hoặc viết là chữ diệt 埤, nghĩa là cái ỏ kiến nổi lên.

Giới tiên (疥先). Ngược lại âm trên là giai 𦵏 皆隘. Sách Chu Lễ cho rằng: Khi mùa hạ cỏ sanh bệnh ghê ngứa. Theo Tập Huấn Truyện cho là bệnh phong hủi. Văn Tự Tập Lược cho là Chữ viết từ bộ 虫 trùng viết thành chữ giới 𧈧. Thuyết Văn cho là Ngứa gãi. Chữ viết từ bộ tật thanh giới 介. Ngược lại âm dưới là tiên tiên 先剪. Theo Tập Huấn Truyện cho rằng: Di chuyển, dời đi, xâm chiếm, nổi lan ra dời đi, di chuyển, Thuyết Văn cho là Vết thương khô mặt, loại bệnh nấm trên da dần dần lan ra to rất ngứa. Chữ viết từ bộ tật 疾 thanh tiên 鮮. Âm tao 搔 là âm tảo 掃 đao 刀. Âm 𦵏 隘. Ngược lại là âm anh giới 櫻介.

Yêm điểm (𦵏點). Ngược lại âm trên là y diễm 伊琰. Khảo Thanh cho là nốt ruồi đen. Thuyết Văn cho là Ở trong thịt nó đen. Chữ viết từ bộ hắc 黑 thanh yêm. Ngược lại âm dưới là 丁琰 đình diễm. Khảo Thanh cho rằng: Diệt mắt. Vương Chú Sở Từ cho là dơ bẩn. Thuyết Văn cho là Đốm đen nhỏ. Chữ viết từ bộ hắc 黑 thanh chiêm 占.

Vưu chuế (疣贅). Ngược lại âm trên là hữu ưu 有憂. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Vưu chuế là bệnh, hoặc viết từ bộ nhục 肉 viết thành chữ vưu 疣 này, văn cổ viết vưu 疣 này. Ngược lại âm dưới là giai nhuế 佳芮. Văn Bát-nhã cho rằng: Chuế (贅) cũng giống như chữ vưu 疣, nghĩa là bệnh. Tự Thư cho rằng: Phong kết lại bệnh. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ chuế 綴 đến bộ bồi 貝.

Trí nhi (綴而). Ngược lại âm trên là trì lợi 池利. Khảo Thanh cho rằng: Vải lụa rất tinh tế Theo Tập Huấn Truyện cho là may áo nạp. Quảng Nhã cho là Vá tay áo,

đến, chữ viết từ bộ mịch 糸 thanh trí 致.

Luân đoá (輪). Ngược lại âm dưới đương quả 當果. Văn thông dụng viết đoá cũng thông dụng.

Ngạch quảng (額廣). Ngược lại âm nhã cách 雅格. Từ chữ 客 khách viết thành chữ ngạch 額, văn thường dùng. Tiếng địa phương cho rằng: Ngạch (額) là cái trán. Giải thích tên gọi là Người U Châu gọi ngạch là vùng biên giới, nay thuộc tỉnh Hồ Bắc, ở giang ngoại thành. Âm người nước Ngô gọi ngạch 額 là lấy làm ngạc nhiên, lấy làm lạ, đều là vùng biên giới là sai. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ hiệt 頁 đến bộ cách 格 thanh tỉnh 省.

Si lạc 刺落. Ngược lại âm trên là trì lý 池里. Khảo Thanh cho rằng: Sĩ (褫) cũng giống như chữ lạc 落, âm sĩ. Ngược lại âm thổ loát 土掬. Thuyết Văn cho là Sĩ nghĩa là bị cướp đoạt cái áo. Trong văn kinh viết loát là không thành chữ Chư khiêu (諸覈). Ngược lại âm khinh kiêu 輕徼. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Khiêu là huyết lỗ, dương khiêu, thất âm, hai lỗ tai, hai mắt, hai mũi, miệng, và đại tiêu tiện. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Khiêu là cái lỗ Thuyết Văn cho là không. Chữ viết từ bộ huyết 穴 thanh khiêu tỉnh 省. Âm khiêu徼 là âm kiêu 徼.

Yễm túc (俺足). Ngược lại âm y diêm 伊閭. Thuyết Văn cho là Từ bộ khuyển 犬, đến bộ cam 甘, bộ nhục 肉 viết thành vô yễm túc 無俺足. Nghĩa là mong cầu không nhàm chán, cho nên từ bộ cam 甘 cam đến bộ nhục 肉 đến bộ khuyển 犬. Trong văn kinh viết nhiều khi từ bộ nhật 日 nguyệt 月 viết thành chữ yễm, hoặc viết từ bộ hán 厂, âm hán 厂 là âm hân 罕, viết thành chữ yễm đều

chẳng đúng.

Uy di (逶迤). Ngược lại âm trên là úy vi 喂韋. Âm dưới là âm dĩ y 以伊. Trong sách Túc Cai Hán Thư âm nghĩa cho rằng: uy di 逶迤 là dòng nước chảy quanh co, ngoằn ngoèo. Chánh chữ xưa nay cho rằng: Uy di là đi đường tà không ngay thật. Hai chữ đều từ bộ 辵 xước, đều từ thanh ủy dĩ.

(Quyển 382, 383 hai quyển không có âm có để giải thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 384

Tích trừ (析除). Ngược lại âm tinh diệc 星亦. Vận Anh Tập cho rằng: tích 析 là phân ra. Thuyết Văn cho là Chặt bỏ cây, hoặc từ bộ cân viết thành chữ thác 柝. Trong Thạch kinh cho rằng: Chữ viết từ bộ cân 斤 viết thành chữ tích 析 này là chữ tượng hình.

Bức bách (逼迫). Ngược lại âm trên là binh cực 兵棘. Nhĩ Nhã cho rằng: Chữ 逼 bức cũng giống như chữ bách 迫. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Bức 逼 nghĩa là đến gần. Ngược lại âm dưới là bổ cách 補格. Thiên Thương Hiệt cho rằng: bách 迫 cũng là đến gần. Quảng Nhã cho rằng: Chặt hẹp, cấp bách, vội vàng.

Nhậm trì (任持). Ngược lại âm nhập châm 入針. Trịnh Tiễn chú giải sách Lễ Ký rằng: Nhậm (任) là người phụ trách. Âm nhậm là âm nhập thậm 入甚, nghĩa là dùng để sai khiến kẻ khác. Khảo Thanh cho rằng: Nhậm

là kham nhận lãnh. Quảng Nhã cho rằng: Nhậm là sai khiến. Thuyết Văn cho là giữ gìn, bảo hộ Chữ viết từ bộ nhân 人 thanh nhậm 壬.

(Quyển 385 không có âm để giải thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 386

Bài ưu (俳優). Ngược lại âm trên là bại mai 稗埋. Thuyết Văn cho là Bài trò cười vui vẻ Chữ viết từ bộ nhân 人 thanh bài, tỉnh 俳省. Ngược lại âm dưới là ức cư 億鳩. Thiên Thương Hiệt giải thích rằng: Bài ưu là người làm trò trình diễn hài hước vui vẻ. Cố Dã Vương cho rằng: Người diễn viên làm văn nghệ pha trò cười, lấy sự vui vẻ cho người và tự mình cũng vui. Thuyết Văn cho là Bài trò cười. Thuyết Văn cho rằng: Ưu là sung túc đầy đủ. Chữ viết đều từ bộ nhân 人, chữ hình thanh. Trong văn kinh viết từ bộ thủ 手 hoặc viết từ bộ xước viết thành chữ bài ưu đều chẳng phải.

(Quyển 387 đến quyển 391, năm quyển này đều không có âm để giải thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 392

Phê Lưu Ly (吠琉璃). Âm trên là lưu 流, âm dưới là ly 离, tiếng Phạm, tên của một viên ngọc màu xanh. Âm nghĩa quyển hai ở trước đến quyển ba mươi chín trong

kinh đã giải thích đầy đủ Phả chi ca (頗抵迦) là tiếng Phạm, tên vật báu, đúng Phạn âm là Táp-phá-trí-ca (颯破置迦). Xưa dịch là Thủy tinh, ở đây nói là chẳng đúng, tuy là loại thủy tinh nhưng có pha bốn màu sai khác là màu tím, trắng, hồng, xanh, óng ánh, sạch sẽ, sáng chói trong các vật báu, màu hồng rất đậm, màu xanh thẫm, màu tím rất trân quý, màu trắng trong suốt. Kế là giống như tia sáng mặt trời, trong suốt không có một vết bẩn gọi là tảng băng ngàn năm hóa thành, nói vậy là sai.

Loa bối (螺貝). Ngược lại âm lô hòa. Nhĩ Nhã cho rằng: loài côn trùng này ở trong biển. Quách Phác cho là Loài ốc sên, lớn mà trắng. Trong kinh Thuyết Văn nói viết loa 螺† này cũng là văn thường dùng.

Trong kinh quyền một trăm tám mươi một ở trước đã giải thích đầy đủ Y dược (醫藥). Ngược lại âm trên là ư cơ 於飢. Thuyết Văn cho là người thầy thuốc trị bệnh. Chữ viết từ bộ dậu 酉 thanh y. Ngược lại âm dưới là ư kế 於計. Trong văn kinh hoặc viết từ bộ vu 巫 viết thành chữ y, văn thường dùng. Trong quyền hai trước âm nghĩa đã giải thích đầy đủ.

Nha khởi (牙起). Ngược lại âm hồ cố 胡固. Tự Thư cho rằng: nha 牙 là cái răng. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ trúc 竹 viết thành chữ nha, nghĩa là có thể nhận lấy sợi dây để buộc. Theo Lê sách viết lược đi bộ trúc 竹 viết thành chữ nha 牙, văn thường dùng là sai, cùng với chữ nha 牙 tham cứu là chẳng đúng.

Quý phạp (匱乏). Ngược lại âm quỳ vị 達位. Theo Tự Thư cho rằng: quỹ 匱 là nghèo cùng, phạp 乏 là thiếu thốn. Thuyết Văn nói chữ quỹ viết từ bộ phương 匚

thanh quý 貴, âm phương 方 là phương 方.

Phân nhuế (憤桡). Ngược lại âm trên là phân vãn 紛 吻. Khảo Thanh cho là tức giận giữ dội, tâm khí phát lên cùng cực. Trịnh Huyền cho là khí tức giận tràn đầy. Thiên Thương Hiệt cho là Cầm giận uất ức. Thuyết Văn cho là Hận. Chữ hình thanh, âm muộn 懣. Ngược lại âm một bốn 沒本.

Tầm tứ (尋伺). Ngược lại âm trên là tường âm 祥 淫. Khảo Thanh cho rằng: Tầm là dò xét danh giá, theo đuôi, tìm kiếm. Thuyết Văn nói viết chữ tầm 尋, giải thích chữ tầm nghĩa là tầm chân lý. Chữ viết từ bộ khẩu 口 đến bộ sam 彡 đến bộ công 工. Chữ khẩu 口 công 工, thành ra loạn, là từ trên, lại dưới là bộ thốn 寸. Nay theo lệ sách tỉnh lược đi bộ sam 彡, âm sam 彡 là âm sam 衫. Viết chữ tầm 尋 là chữ hội ý, văn cổ viết từ bộ trửu 肘 viết thành chữ tầm (財).

Phan duyên (攀緣). Ngược lại âm phổ ban 普班. Chữ chánh xưa nay cho rằng: Phan là dẫn dắt. Văn cổ viết. Ngược lại, từ chữ phản cung 反供 bộ bát là đến bộ thủ 手 thanh phan 攀.

Nhu nhuyễn (柔㒼). Ngược lại âm trên là nhi chu 而 周. Thuyết Văn cho là Cây cong uốn cho thẳng gọi là nhu 柔. Chữ viết từ bộ mộc 木 thanh mảo. Ngược lại âm dưới là nhi xung 而忪. Thuyết Văn cho rằng: nhuyễn 㒼 là mềm yếu. Chữ viết từ bộ đại 大 thanh nhi 而. Trong văn kinh viết nhuyễn 軟 này là chẳng đúng.

(Quyển 393 không có âm để giải thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

394

Đạt nô 達

奴. Ngược lại âm nô nhã 奴雅. Tiếng Phạm, nghĩa là loại người hạ tiện, sanh ở vùng biên địa hiểm ác, cùng với văn sau là miệt lệ xa 蔑戾車 v.v... cũng đồng loại.

Miệt lệ xa (蔑戾車). Ngược lại âm trên là miên miết 眠贅. Xưa dịch hoặc gọi là mật liệt xa 密列車, đều sai. Đúng âm Phạm là tất lậtnghâm sa 畢慄吟磋, dịch là loại nước đục dơ câu uế thích làm việc các, nghiệp hạ tiện, chủng loại ở vùng biên địa, không tin chánh pháp, là loại người câu uế, dơ bẩn.

Vô sí (無翅). Ngược lại âm thi dị 詩異. Hai cánh con chim gọi là sí 翅, hoặc là viết hai chữ sí đều là chữ cổ.

(Quyển 395, 396, 397 ba quyển này đều không có âm để giải thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

398

Thường đệ (常弟). Ngược lại âm đệ nê 弟泥. Khảo Thanh và Tập Huân Truyện cho rằng: Khóc cho sự vô thường gọi đệ 睇. Thuyết Văn cho rằng: Đệ là rống lên. Chữ viết từ bộ khẩu 口 thanh đệ, âm đệ đồng với âm trên. Thuyết Văn cho rằng chữ đệ 弟 từ bộ hổ 虎 thanh hán 厂, âm hán 厂. Duệ kinh viết từ bộ đế 帝 viết đề 啼, nghĩa là đau khổ bị thương.

Huất nhiên (? 然. Ngược lại âm huy luật 暉律. Theo Tập Huấn Truyện cho rằng: Bồng nhiên. Thuyết Văn cho là Gió thổi nổi lên. Chữ hội ý.

Bì quỵện (疲倦). Âm trên là bì 皮. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: Bì (疲) là lao nhọc. Quảng Nhã cho là Chữ bì 疲 cũng giống như chữ quỵện 倦, nghĩa là rất mỏi mệt. Ngược lại âm dưới là quì nguyện 逵願. Quảng Nhã cho rằng: Quỵện cũng là rất mỏi mệt. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Quỵện là biếng nhác. Văn Ngọc Thiên cho rằng: Quỵện là dừng lại nghỉ ngơi, hoặc từ bộ tâm 心 viết thành chữ quỵện 倦, hoặc từ bộ lực 力 viết thành chữ quỵện 眷.

Tán lệ (讚勵). Ngược lại âm trên là uy đán 威旦. Phương Ngôn cho rằng: Tán là khen ngợi sự tốt đẹp. Quách Phác cho là Ca tụng đức tánh tốt đẹp. Giải thích tên gọi rằng: Tán là khen ngợi, đây là giải thích theo vật lý. Ngược lại âm dưới lực trệ 力滯. Trong Quế Uyển Châu Tòng Truyện giải thích rằng: chữ lệ 勵 là gắng sức. Trong Tả Truyện giải thích rằng: Chữ lệ là gắng hết sức mình, là chữ hình thanh.

Thực chúng (植眾). Ngược lại là âm thừa lực 承力. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Chữ thực 植 là cây mọc lên. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Thực là mọc dài ra, hoặc viết từ bộ ngạt 歹 viết thành chữ thực 殖 cũng là văn thông dụng thường dùng.

Trùy hung. Ngược lại âm đoạ truy 追父. Văn thường hay dùng viết đúng là chùy này là cái chày. Chữ viết từ bộ mộc 木. Ngược lại âm dưới là húc cung 勗恭. Theo Tự Thư cho là Trùy hung nghĩa là trong lòng ôm đau khổ

oán hận, tự mình đau khổ, hủy hoại thân thể mình.

Hiệt tuệ (黠慧). Ngược lại âm trên là nhàn kiết 閑戔. Phương Ngôn cho là Chủ quan, mà âm giữa Đông Triệu và Ngụy cho rằng: Tuệ (慧) là hiệt 黠, âm dưới là tuệ 惠. Giả Quỳ cho là Sát, Quách Phác cho rằng: Tinh ý. Âm nghĩa kinh quyền ba trăm lẻ ba đã giải thích đầy đủ. Viên tường (垣牆). Ngược lại âm trên là viễn nguyên 遠元. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Viên (垣) cũng giống như chữ tường 牆. Ngược lại âm dưới là tương dương 匠羊. Theo Thanh Loại cho rằng: Tường (牆) cũng giống như chữ 垣. Sách Thượng Thư cho rằng: Không dám vượt qua bức tường cao là. Thuyết Văn cho là viên tương 垣牆 là che lại. Chữ viết từ bộ tương thành tường 𡵓. Chữ tường là chữ lại 來, đến bộ. Trong văn kinh viết tương 牆 là tường 牆, tường 牆 này đều là văn thường dùng.

Lan thuần (欄楯). Ngược lại âm trên là lạc đơn 勒單. Âm dưới là thùy nhuận. Thuyết Văn cho rằng: lan can là chuồng nuôi thú. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Chiều dọc gọi là lan can, chiều ngang gọi thành gác ngang, giữa thành gác ngang gọi là hạm 檻, là chuồng nuôi gia súc.

Bảo tiệm (寶塹). Ngược lại âm thất diễm 七艷. Thuyết Văn cho là Tiệm (塹) tiệm là cái ao bao quanh thành. Chữ viết từ bộ thổ 土 thanh trảm 斬. Khảo Thanh cho là cái hầm dài. Vận Anh Tập cho rằng: Cái hầm nhỏ Văn Ngọc Thiên cho rằng: Cái ao bao quanh thành gọi là tiệm 塹, hoặc viết là tiệm 漸 cũng thông dụng.

Nhai hạng (街巷). Âm trên là giai 皆. Khảo Thanh

cho là con đường lớn ở trong thành ấp. Ngược lại âm dưới là học giáng 學降. Theo Mao Thi Truyện cho là con đường giữa ở trong, tức là đường hẻm. Vận Anh Tập cho là con đường nhỏ Hoặc là viết hạng 衡, đều là chữ cổ. Nay lược đi nên viết là hạng 巷.

Thị triền (市廛). Ngược lại âm trường liên 長連. Trịnh Chúng chú giải sách Chu Lễ rằng: Triền là nơi ở. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Triền là cái chợ, nơi buôn bán, là thị xá, hàng quán. Ngọc Thiên cho là trong thành thị khoảng nửa mẫu đất trống, nơi tụ tập đông đúc, gọi là 廛 triền. Trong văn kinh viết triền này cũng là văn thường dùng, chữ viết lược bớt đi.

Cảng dĩ (𨿮以). Ngược lại âm khả đăng 可鐙. Vận Anh Tập cho rằng: Cảng 𨿮 là thông suốt. Khảo Thanh cho là rất xa. Mao Thi Truyện cho là trùm khắp. Phương Ngôn cho là đến cùng tột. Hoặc viết cánh là chữ cổ Bảo phảng (寶舫). Ngược lại âm phúc vọng 福望. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Phảng là chiếc thuyền. Quách Phác cho là hai chiếc thuyền hai bên gọi là phảng 舫.

Kiếp địch (劫敵). Ngược lại âm đề đích 提的. Khảo Thanh cho rằng: Địch (敵) là đối đầu. Theo chữ địch 敵 cũng giống như là oán thù với nhau. Kiếp địch, nghĩa là ở trên thành phục binh phòng ngự chờ kẻ thù địch tới để đối địch nhau.

Trĩ điệp (雉堞). Ngược lại âm trên là trì lý 池履. Tự Thư cho rằng: Trĩ (雉) là sắp bày ra. Công Dương Truyện cho rằng: Năm miếng ván gọi là bức tường, năm Bức tường gọi là trĩ (雉) (Bức tường cao), một trăm Bức tường cao gọi là thành. Hà Hưu cho là Dài hai mươi ngàn

thước. Khảo Thanh cho là Thành dài ba trượng, cao một trượng, gọi là trĩ 雉, sách Lễ Ký cho rằng: Thành của vua là một trĩ che khắp một trại là thành, một ngàn thành, thành của Công và Hầu là một trăm bức tường, thành của Bá là bảy mươi bức tường, thành của Tử, Nam là năm mươi bức tường. Nhưng thành của các Chư Hầu đều thiếu bề mặt thành, nên thọ nhận cho qua, nhưng chỗ ở mà không vững chắc. Ngược lại âm dưới là đồ giáp 徒賴. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Điệp (堞) cũng là thành. Trên tường rất an ổn, yên tĩnh. Thuyết Văn cho là Bức tường cao của các cung nữ ở Chử viết từ bộ thổ 土 đến bộ điệp thanh tỉnh 省.

Huỳnh dĩ (榮以). Ngược lại âm 羸平 dinh bình, âm dinh 羸. Ngược lại âm nhuế tịnh 衲并. Vận Thuyên Tập cho là Mài hạt châu, lau chùi gương cho sáng. Vận Anh Tập cho là Huỳnh 榮 cũng giống như mài ngọc, hoặc là viết huỳnh.

Xuyết dĩ 綴以. Ngược lại âm truy vệ 追衛. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: Xuyết là nối kết lại. Vương Dật chú giải sách Sở Từ là Bó buộc lại. Thuyết Văn cho là Kết hợp lại, hoặc viết là trệ 𣪠 đều là chữ cổ Bảo đặc (寶鐸). Ngược lại âm đồ các 徒各. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Đặc 鐸 là cái linh lớn bằng đồng dùng để hiệu lệnh.

Khổng An Quốc chú giải sách Luận Ngữ rằng: Cái mở cái linh bằng vàng, cũng nghĩa là lưỡi cứng như gỗ dùng lời văn mà khuyên bảo. Trong văn kinh nói Bảo đặc là “giảng nói pháp âm” Trong quyển nhất ở trước đã giải thích.

Lãnh noãn (冷煖). Ngược lại âm trên là lỗ canh 魯粳. Quảng Nhã cho rằng: Tiểu hàn. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ băng 冫 âm băng 冰 thanh lĩnh 令. Ngược lại âm dưới là nô quản 奴管. Theo sách Quân Thư Tục yếu cho rằng: Noãn là ấm. Chữ viết từ bộ hỏa thanh nhuyễn 𤇗. Cũng có viết từ bộ noãn 暖 hai chữ noãn đều là văn chữ thường dùng.

Phiếm dạng (泛漾). Ngược lại âm trên là phương phạm 芳梵, theo Tục Thư cho rằng: Phiếm là nổi trên mặt nước. Trong văn kinh viết phiếm 汎 này, văn thường dùng, chữ phiếm 汎 này đều chẳng phải nghĩa trong kinh dùng. Ngược lại âm dưới là dương lượng 陽亮, hoặc là viết dạng, nghĩa đều khác nhau, chữ chánh thể hợp nên viết là dương 颺. Theo chữ phiếm dạng 泛漾 đó, nghĩa là tự bơi lội trong nước, mà chữ dưỡng là sóng nước. Nghĩa tuy cũng đồng nhưng hơi lạ. Bồn ý của kinh đổi lại là viết chữ dương 颺, nghĩa là gió cuốn tung lên.

(𦵏𦵏羅花, 特摩花. 拘陀花, 奔茶利花). Bốn câu Liên Hoa trên, quyển ba trăm mười tám trước đã giải thích đầy đủ rồi. (Ót bát la hoa, Đặc ma hoa-Câu mưu đà hoa-Bôn-trà-lợi-hoa).

Tiên úc (鮮郁). Ngược lại âm trên là tương diên 相延. Quảng Nhã cho rằng: Tiên (鮮) là rất tươi tốt. Thanh Loại cho là rất mới. Theo chữ tiên, là rất sáng sủa. Ngược lại âm dưới là ư lục 於六. Theo chữ tiên úc 鮮郁 đó nghĩa là loài hoa tươi rất thơm, rất đẹp sáng sủa, rực rỡ, rất tròn đầy. Theo sách Luận Ngữ cho rằng: Úc là văn chương bóng bẩy, súc tích.

Chu hoàn (周寰). Âm hoàn 還. Cốc Lương Truyện

cho rằng: Hoàn là các chư hầu bên trong. Lưu Triệu cho rằng: Hoàn là đất nghìn dặm. Quê Uyển Châu Tông cho rằng: Đất ngàn dặm đó là vua ban cho các nước chư hầu.

Tung quảng (縱廣). Ngược lại âm túc dung 足容. Tự Thư cho rằng: Đường thẳng là tung 縱, đường ngang gọi là quảng 廣, lại gọi là Nam Bắc là dọc, Đông Tây là ngang.

Câu Lô Xá (俱盧舍). Dịch nghĩa là tiếng rống của con bò lớn.

Chỗ gọi là rất xa. Dựa theo Luận Câu-Xá cho rằng: Một khuỷu tay vươn dây cung bắn ra tính ra là một câu-lô-xá, gồm có hai dặm, đây là dựa theo giữa đất bằng. Nếu nơi cao thì cũng có thể trong vòng năm dặm, đều được nghe thấy thì gọi là Câu-lô-xá.

Ánh tể (映蔽). Ngược lại âm trên là ư kính 於敬. Khảo Thanh cho rằng: Ánh sáng chói chang, cũng gọi là bị che ản mát. Vận Anh Tập cho rằng: Chiếu sáng một bên, hoặc là viết ánh 映 là chữ cổ cũng rất thông dụng. Ngược lại âm dưới là bị duệ 裨袂. Vận Anh Tập cho là Bị ngăn che. Khảo Thanh cho là Bị ngăn che. Trong kinh quyền thứ nhất trước đã giải thích đầy đủ hai chữ rồi.

Không tước (孔雀). Ngược lại âm tức được 即藥.

Trong truyện Xuân Thu Nguyên Mạng Bao gọi là Xa lia hổ lửa gọi là không tước 孔雀.

Lại cho rằng: Nước Kế-Tâm có rất nhiều chim Không tước, chẳng những một con mà hợp lại thành một bầy, chính là lấy âm ảnh tương, kế là nghe tiếng sấm sét mà mang thai.

Anh vũ (鸚鵡). Ngược lại âm trên là điều canh 鳥耕. Âm dưới là vũ 武, hoặc là viết cốt 鶻, hai thể cũng đồng. Trong kinh Sơn Hải cho rằng: Ở núi Hoàng Sơn có loại chim này, lông màu xanh, mỏ đỏ có thể nói tiếng người, nên gọi là Anh Vũ Theo kinh Khúc Lễ cho rằng: Chim Anh Vũ có thể nói được tiếng người nhưng không thể bay xa được.

Phù ê (鳬鷖). Ngược lại âm trên là bồ vu 哺于. Nhĩ Nhã cho là các loài chim, âm mộc (木) Quách Phác chú giải cho là con vịt. Khảo Thanh cho là con le le nhỏ Tự Thư cho rằng: Chữ viết từ bộ điều 鳥 đến bộ kỷ 几, âm kỷ 几. Có loài chim tên là thù kỷ 殊几, lông ngắn, bay chỉ mấy dặm. Chữ trên là hình, chữ dưới là thanh. Ngược lại âm dậu hề 脰兮.

Khảo Thanh cho rằng: 鷖 là loài chim phụng, lông màu xanh đen, là loài chim sống dưới nước. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Phù ê là loài chim phụng. Trong Kinh Truyện cho là thuộc loài le le. Thuyết Văn nói cũng đồng. Chữ viết từ bộ điều 鳥, thanh ê. Chữ dưới tượng hình, chữ trên hình thanh.

Hồng nhạn (鴻鴈). Ngược lại âm trên là hồ công 胡公. Vận Anh Tập cho là Thuộc loài thủy điều. Khảo Thanh cho rằng: Chim hồng, loài chim thuộc giống nhạn, nhưng rất lớn, cánh dài, đầu cổ đều có màu vàng sẫm, cánh màu đen, thuộc loại chim lớn. Quách Phác cho rằng:

Loại chim hồng biết vận chuyển, thay thế người để đưa tin, hoặc viết là hồng (鴻) hồng (鴻) đều là chữ cổ. Ngược lại âm dưới là nhan gián 顏諫), hoặc là viết nhạn 鴈 này cũng đồng. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Lớn

gọi là hồng 鴻, nhỏ gọi là nhạn 鴈. Theo chữ Hồng nhạn đó, là loài chim hướng theo mặt trời. Sách Lễ Ký cho rằng: Theo mặt trăng gọi là mùa thu, Hồng nhạn theo mùa thu tới gọi là Khách, Khách tức là nhạn. Mỗi mùa thu tới, loài chim này dẫn con bay về hướng Nam để tránh giá lạnh, đầu mùa xuân lần lần bay về hướng Bắc để tránh ánh nắng thiêu đốt của mặt trời. Thuyết Văn cho là loài Nhạn thuộc loài ngỗng, cũng tên là lợi da, nghĩa là con chim đem đến điều vui mừng. Phương Ngôn cho rằng: Tự đóng cửa mà hướng về phía Bắc gọi là Nhạn, là hải âu, ngoài hướng Nam Sở gọi là Thương Âu. Nay người ở Giang Đông gọi Nhạn là chim Hải âu, hoặc viết ca 歌 là chữ cổ hoặc viết Giá tử hư phú 駕子虛賦. Gọi là con chim bồ câu liên lạc với chỗ đóng quân, cũng gọi là con ngỗng trời.

Hoàng mục (黃目). Ngược lại âm thất dư 七餘. Hoặc là viết mục 目 này cũng đồng. Tên là loài chim Tu hú. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Đứng trong cửa mà nhìn con chim Tu hú là vậy, cũng tên con chim Chú. Nhĩ Nhã cho rằng: Con chim Tu hú đầu đèn. Ở Quảng Đông gọi là con chim hỷ, là con chim mang điềm lành, nó thường ở cồn bãi.

Thương canh (鶇鶇). Âm trên là thương 倉, âm dưới là 庚 canh. Sách Nhĩ Nhã cho là chim Thương quát 鶇鶇. Loại chim này giống như nhạn mà màu đen, cũng giống như chim hạc. Âm quát 鶇. Ngược lại âm cổ hoạt 古活. Quách Phác cho rằng: Nay gọi loài chim này là Thương Quát (tức là chim Hạc). Lại cũng gọi là Thương Canh (鶇鶇). Nghĩa là nó mở đường đến, dẫn đến đồng

ruộng, thì nơi đó rất dồi dào, giàu có.

Cũng gọi là con chim đầu đàn có cánh to bằng cái trống, chim Thương canh tiếng kêu rất buồn áo não, cổ nó giống như con chim Tu hú. Âm cư 鳩. Ngược lại âm hồ lãng 胡浪, tiếng kêu oang oang, quát quát là. Bạch Hạc (白鶴). Ngược lại âm hà các (何各). Trong văn kinh viết học 鵠 là sai. Âm học 鵠. Ngược lại âm hồ mộc 胡木. Loại chim này có màu vàng xanh, mà mỏ nó lại ngắn. Chỗ nào cũng đều có loại chim này. Thuyết Văn cho là chim Hồng hạc. Ngọc Thiên cho rằng: Chim 鵠 học là loại ngỗng trời, mỏ màu vàng, cũng giống như chim hạc 鶴, lông màu xanh vàng, cho nên biết chẳng phải chim hạc. Chim hạc màu trắng mà mỏ nó lại dài, sống lâu một ngàn năm, trên đầu nó có chấm đỏ. Tự Thư cho rằng: Chim Hạc cũng giống như con ngỗng trời mà mỏ dài, là loại chim Thần Tiên. Thấy được chim này là điều tốt lành may mắn. Bao Phác Tử cho rằng: Tiếng kêu của con chim vang đến chín tầng mây, các cõi trời đều nghe tới. Hoài Nam Tử cho rằng: Con gà biết gáy sáng, con chim Hạc biết trời sắp tối tới nửa đêm. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ 鳥 điều thanh hạc. Ngược lại âm 何各 hà các. Thuyết Văn nói lại giải thích chữ hạc, chữ viết từ bộ quynh 𠂔. Ngược lại âm quý dinh 癸羸, từ chữ chuy 隹, chuy 隹 là con chim, là con chim bay cao vượt lên trên, ý muốn nói ra khỏi (quynh 𠂔).

Xuân oanh (春鶯). Ngược lại âm ư canh 於耕. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Ở ngoài cửa có tiếng hót trong trẻo, yếu điệu, uyển chuyển là con chim Oanh, lông nó màu vàng. Theo truyện cho rằng: Chim Oanh là

loại chim văn, nghĩa là uyển chuyển văn tháu nhẹ nhàng, rất êm tai. Khảo Thanh cho rằng: Lông Chim Oanh có chòm văn. Trong kinh viết anh 嚶 này là sai. Tỳ Thương cho rằng: Thê anh, âm thê 妻.

Đông Di cho là loài chim. Quảng Nhã cho rằng: Con chim quái lạ chẳng phải chim Xuân oanh.

Thu lộ (鶯鷺). Âm trên là thu 秋, âm dưới là lộ 路. Hoặc viết là thúc lô 菽鷗 đều là chữ cổ. Cố Dã Vương cho là loại chim to lớn, lông nó rất đẹp màu trắng, dùng làm tấm thảm. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Có loài chim Thu ở là có lương thực. Theo Truyện cho rằng: ngốc thu 禿鶯, là chim Phò lão, giống Thủy điều như chim Hạc mà lớn, lông màu xanh, cánh dang rộng, cổ cao. Đầu và cổ đều không có lông, da đầu đỏ mỗ đẹp, dưới túi đựng như Bò nông, chân móng như gà, tính tham ăn, ăn các loài cá, chim con, rắn v.v... Lại cũng gọi là chim Chân lộ bay tới. Nhĩ Nhã cho rằng: Chim Lộ tức là con cò, nó thường đến chỗ giã gạo, chỗ cuốc đất để tìm thức ăn. Quách Phác cho là con cò trắng, trên đầu cánh trên lưng đều có lông dài. Nay người ở Giang Đông lấy làm lông mi, gọi tên là lông con cò trắng làm sợi tơ, âm tô 穌. Ngược lại âm tô ôi 穌隈, này gọi con chim Phò lão là con cò trắng, đều là một loại chim.

Uyên ương (鴛). Ngược lại âm trên là 於袁, Âm dưới là 於僵. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Chim uyên ương bay tới, nói loài chim này khi dừng nghỉ đậu lại thì con khác thành ngẫu bay tới thì là một đôi song bay. Giáo tinh: trên là âm giao, dưới là âm tinh. Kinh sơn Hải chép: núi mạn Liên có loài chim tên Giao

tin, giống như con vịt mà bay thành bầy.

Phi thúy (鵙). Ngược lại âm trên là phì vị 肥味. Nam Châu Chí cho rằng: Con chim Trạ lớn bằng con cú mèo, loài nhỏ giống con quạ, màu đỏ. Người dân ở Quảng Châu bắt ăn thịt, không biết quý lông của loài chim này. Khảo Thanh cho rằng: Lông nó màu đỏ giống như lông con gà trống, nên gọi là chim Phi. Thuyết Văn cho là Lông màu đỏ là chim sẻ. Chữ viết từ bộ vũ 羽 thanh phi 非. Ngược lại âm dưới là sanh tụy. Theo Nam Châu Ký cho rằng: Chim thúy sáu cọng lông dài một tấc hơn, màu xanh lục, khi bay ra khỏi rừng rậm, thì màu xanh biến thành màu hồng, nên gọi là Thúy. Thuyết Văn cho rằng: Con sẻ lông xanh. Chữ viết từ bộ vũ 羽 thanh tốt 卒

Tinh vệ (精衛). Trong kinh Sơn Hải cho là tên cô gái vợ của Vua Diêm Đế, gọi là Nữ Oa. Phương Ngôn thì gọi. Ngược lại, là tên của cô gái đẹp, gọi là Nữ Oa. Đạo chơi trên biển Đông Hải bị chìm xuống nước nên không trở về được, nên hóa thành con chim tên là Tinh vệ Vua bèn bắt đem về ở trên núi Tây, dùng gỗ đá mà lấp biển Đông Hải để báo oán cho con gái. Một gọi là tự kê lên, tức là tự gọi là Tinh vệ Côn kê. Ngược lại âm trên là côn 昆. Cổ Dã Vương giải thích rằng: Chim Côn giống như chim Hạc màu vàng nhạt, thân to lớn. Tự Thu hoặc là viết quân cũng đồng. Sở Từ cho rằng: chim Côn kê biết hót vào lúc sáng sớm, tiếng hót của nó rất buồn. Âm dưới hoặc là viết kê 雞 cũng thông với chữ trên.

Xúc lục (歎碌). Ngược lại âm trên là chi dục 之欲. Ngược lại âm dưới là. Ngược lộc 虐祿. Trong kinh Sơn Hải nói rằng: Ở trong vùng hoang dã rộng lớn có loại

chim này, đầu vàng chân đỏ chân có sáu ngón, tên gọi “Xúc lục” Nhĩ Nhã cho rằng: Là con quạ trên núi. Quách Phác cho rằng: Giống như con quạ mà nhỏ hơn, mỏ nó màu đỏ, ở vùng Lục Như Tây Trúc. Quách Phác cho rằng: Con chim “Xúc lục” giống như con vịt mà lớn hơn, dài hơn, chim lục mắt màu đỏ mỏ đều màu vàng cam.

Viện cư (媛居). Âm trên là viên 袁. Ngược lại âm dưới là cư 居.

Sách Quốc Ngữ cho rằng: Con Hải Điều. Thời Hán Nguyên Đế Trịnh Lang có loại chim lớn, giống như con ngựa khỏe mạnh chạy ngàn dặm. Thời đó người ta gọi là chim “Viện cư”. Nhĩ Nhã cho rằng: “Viện cư” là hỗn loạn, tạp loạn. Trang Tử cho rằng: Viện cư là chim biển, thường dừng ở nước Lỗ Côn phụng (崑俸). Ngược lại âm dưới là phòng phụng 房諷.

Truyện Mao Thi, Nghĩa Lưu cho rằng: Con gà trống gọi là Phụng, con gà mái gọi là Hoàng là chẳng đúng. Chim Phụng hoàng đậu trên cây ngô đồng, chẳng phải đậu trên cành trúc, chẳng thật thức ăn là không ăn. Trong kinh Sơn Hải chép: Ở núi Đan Huyệt, có loài chim hình dạng giống như chim Hạc có lông ngũ sắc, lại có hoa văn nữa, tên là Phụng hoàng. Quảng Nhã cho là Phụng hoàng, đều giống con gà, hàm én, cổ rắn, thân chim hồng, đuôi cá. Giống chim mà con trống gọi là Phụng, là tinh của hỏa, con cái là Hoàng, sinh ở Đan Huyệt, không phải cây ngô đồng thì không đậu, không phải trái trúc thì không ăn, không phải nước suối ngọt thì không uống. Thân có năm màu, kêu đúng năm âm. Không phải người đạt đạo thì không thể thấy được, khi bay thì các loài chim khác

bay theo. Theo sách Nhĩ Nhã ghi rằng: Loài chim này là chỗ sinh ra người tài, như đầu vãn gọi là đức, cánh vãn gọi là thuận, lưng vãn gọi là nghĩa, bụng vãn gọi là tin, ức vãn gọi là hùng, tiếng kêu gọi là tiết tấu. Con mái hót gọi là túc, túc túc buổi tối, thường hót vào buổi trưa, buổi tối và buổi sáng. Khi phát hiện ra ban ngày nó cũng hót, để bảo đảm lâu dài, tiếng đưa cao lên, gọi là trên cánh tập trung lại hót gọi là quay về, khi thấy được chim Phụng hoàng thì trong thiên hạ thái bình.

Thuyết Văn cho là loài Chim Thần, thường ở phương Đông, là nước có người quân tử. Chữ viết từ bộ điều 鳥 thanh phạm 凡.

Diệu sí (妙翅). Ngược lại âm thi chí 尸至. Tức là chim cánh vàng, hoặc gọi là Ca-lâu-la 迦婁羅, hoặc tên là Át-lộ-trà 桒路茶, đều là tiếng Phạm, gọi là sai. Đúng âm Phạm là nghiệt lỗ nã 孽嚕拿. Trong kinh gọi là Diệu sí, chính là hình trạng của nó, mà tên là chẳng đúng chẳng dịch là đối dịch.

Đê hồ (諦胡). Ngược lại âm trên là đồ kê 徒雞. Âm dưới là hồ 胡, hoặc là viết thế di 荊夷. Nhĩ Nhã ghi rằng: Nay gọi là thế hồ 荊胡 là một bầy chim bay tới vào uống nước bắt cá ăn gọi là ở ao hồ Văn thường dùng gọi là ở sông hồ hồ ao của chim. Mao Thi Truyện cho rằng: Chỉ có chim di ở Lương Cốc Lương Truyện cho rằng: Chim ao hồ Yết La Tần Ca (羯羅頻迦), là tiếng Phạm, tên một loài chim,

cũng gọi là Ca-lăng-tần-già. Hán dịch là (tiếng hót mỹ miều thanh hay. Khi tuyết rơi nhiều loài chim này ở trong hang núi đẻ trứng, cũng có thể hót tiếng hay thanh

tao, hòa nhã, người nghe rất vui mừng.

Mạng mạng điều 命命鳥. Âm Phạm gọi là Bà kỳ bà điều 婆耆婆鳥. Hán dịch là 命命據 mạng mạng cứ Đây tức là theo tiếng mà lập tên, khi nó hót tức là tự nó kêu lên, kỳ bà, kỳ bà.

Pháp dũng 法涌. Ngược lại âm 羊腫 dương thũng. Thuyết Văn cho là Dũng là vượt hơn, sức mạnh thắng hơn, hoặc viết chữ 勇 dũng này cũng đồng.

Yết Kê Đô Bảo 羯雞都寶. Tiếng Phạm, tên một loại châu báu, đây là thủy tinh, tên khác của loại thủy tinh này quý báu nhỏ màu trắng giống như trứng ngỗng, rất nhiều.

Kỳ đăng (其蹬). Ngược lại âm đăng đăng 登鄧. Quảng Nhã ghi rằng: Đăng 蹬 là giày dép, tức là mang dép, giày, giẫm đạp lên thêm bậc trên đường.

Phô ỷ ba (鋪綺粃). Phô. Ngược lại âm phổ hồ 普胡. Quảng Nhã cho rằng: Phô là bày ra, giăng ra, nghĩa là khoe khoang. Vận Thuyên Tập cho rằng: Sắp bày giường nệm. Khảo Thanh cho rằng: Trải khắp lụa thêu hoa. Âm ỷ. Ngược lại âm hư ỷ 墟倚. Nghĩa là lấy hai màu sắc tơ mà dệt thành hoa văn, xuất xứ từ nước Ngô Việt, kẻ là gấm thêu. Âm ba 粃. Ngược lại âm phổ bá 普霸. Khảo Thanh cho rằng: Ba là cái chần lớn, hoặc viết từ bộ y 衣 viết thành chữ ba 粃.

Bạch điệp (白疊). Ngược lại âm đồ giáp 徒賴. Ở Tây Vực là tên một loại cỏ, loại cỏ này hoa của nó rất mịn có thể dệt làm vải.

Đan chậm (丹枕). Ngược lại âm chậm nhậm 針荏. Phong tục ở nước Thiên-trúc, không dùng gỗ đá làm gối,

đều dùng da hoặc vải màu đỏ, mà làm gối kê hai bên chỗ dựa. Lấy bông Đồ La Miên và lấy loại lông mịn mà làm gối, hoặc dùng làm gối kê đầu, hoặc là gối dựa, pha màu sắc đỏ, hồng, tím hòa trộn mà dùng.

Vi đai (幃帶). Ngược lại âm tự uy 字威. Theo Tự Thư cho rằng: Vi là màn che, bức trướng, hoặc làm lụa vải viết lời chúc tốt đẹp gọi là vi. Hoặc là viết từ bộ cân 巾 viết thành chữ duy 帷. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ cân 巾 thanh vi 韋.

Uyên diên (玕宛). Ngược lại âm trên là uyên viễn 鴛遠. Ngược lại âm dưới là 餘旃 dư chiên. Trong kinh nói “Uyên diên” đó tức là loại lụa quý giá rất đẹp, loại cầm thêu, chăn nệm thêu, cũng là loại áo thêu sắc sỡ của cung nữ ca múa trong cung vua.

Ỗ mạn (綺幔). Ngược lại âm trên là khứ ỷ 祛倚. Âm dưới là mưu bạn 謀伴. Khảo Thanh cho rằng: Mạn là loại rèm che. Chữ chánh thể viết từ bộ cân 巾 dưới từ bộ hựu 又 viết thành chữ mạn 幔. Trong văn kinh viết từ bộ tâm 心 viết thành chữ mạn 慢, là văn thường dùng là chẳng đúng.

Trung độc (中毒). Ngược lại âm trương trung 張忠. Khảo Thanh cho là Đang ngộ độc.

Phân tán (奮迅). Ngược lại âm trên là phủ vấn 府問. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Phân là động. Vận Anh Tập chép là Chấn vũ. Quảng Nhã cho là Chấn. Khảo Thanh cho là Mở ra. Ngược lại âm dưới là tuần 詢俊. Âm nghĩa kinh quyển hai ở trước và quyển ba mươi sáu đã giải thích đầy đủ.

Sở bầm (所稟). Ngược lại âm 彼錦 bĩ cảm. Thuyết

Văn là chữ viết từ bộ bầm 稟 đến bộ hòa. Trong văn kinh viết bầm 稟 này là sai.

Thủ lượng (取量). Ngược lại âm lực cường 力強: hai thanh bình khứ đều thông dụng.

Trù trưởng (惆悵). Ngược lại âm trên là sắc chu 敕周. Âm dưới là sắc lượng 敕亮. Quảng Nhã cho rằng: Trù (惆) là đau khổ Thuyết Văn cho rằng: Trưởng là buồn bã, thất vọng. Sở Từ cho rằng: Trù trưởng là đau khổ, buồn rầu. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Trù trưởng là thất chí. Quách Phác cho rằng: Trù trưởng giống như ảo não, hai chữ đều từ bộ tâm 心.

Tuần hoàn (巡環). Ngược lại âm trên là tùy tuân. Theo Khảo Thanh cho rằng: tuần 巡 là trải qua. Theo Tả Truyện cho rằng: Tuần là biến khắp. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ cho là Chỗ nắm giữ. Lý Tư cho là theo xe làm tuần tra. Âm dưới là hoàn 還. Công Dương Truyện cho rằng: Hoàn 環 là đi nhiều quanh.

Bất thụ (不售). Ngược lại âm thời chú 時咒. Khảo Thanh cho là Vật bán ra. Chữ chánh xưa nay cho rằng: Thụ 售 là đi khắp nơi. Cố Dã Vương cho là Bán vật ra được người mua lấy giữ lại hoặc đem đi gọi là «Thụ». Trong văn kinh viết từ bộ khứ 𠂔 viết thành chữ thụ 售 là chẳng đúng. Chữ chánh xưa nay viết từ bộ chuy 隹 đến bộ khẩu 口.

Trữ lập (佇立). Ngược lại âm trừ lữ 除呂. Nhĩ Nhã cho rằng: Trữ (佇) là đứng lâu. Khảo Thanh cho rằng: Trữ là nắm giữ. Chữ viết từ bộ nhân 人 thanh trừ 宁, âm trừ 宁 đồng với âm trên, hoặc là viết trừ 佇 này cũng đồng nghĩa.

Nhân tủy (人). Ngược lại âm ủy chủy. Chữ thống nhất cho rằng: Chất mỡ trong xương. Thuyết Văn nói chữ Tủy viết từ bộ cốt 骨 đến chữ tủy thanh tỉnh 省 là chữ hình thanh.

Hữu bễ (右髀). Ngược lại âm bộ mễ 步米. Thuyết Văn cho là Xương đùi, bắp vế ngoài. Chữ viết từ bộ cốt 骨 thành ty 卑 thanh tỉnh 省. Chữ cổ viết bễ 𠂔, hoặc là viết bễ 髀 cũng thông dụng. Trong kinh viết chữ bễ 髀 cũng là văn thường hay dùng.

Dục phẫu (欲剖). Ngược lại âm phổ khẩu 普口. Khảo Thanh cho rằng: Phẫu là mổ moi ra phá ra. Vận Thuyên Tập cho rằng: Phẫu là mổ phanh ra. Chữ viết từ bộ đao 刀 thanh bộ. Ngược lại âm tha khẩu 他口.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 399

Chi khiên (之愆). Ngược lại âm át yên 攣焉. Khảo Thanh cho rằng: khiên 愆 là mất đi. Thuyết Văn cho là tội lỗi. Chữ viết từ bộ tâm 心 thanh diễn 衍, hoặc là viết khiên 𠂔 này đều đồng nghĩa. Trong văn kinh phần nhiều viết từ hai bộ thiên 天 viết thành chữ khiên 𠂔, cũng là văn thường dùng, hoặc là viết khiên 𠂔, khiên 𠂔 đều là chữ cổ.

Nãn nhiên (? 然.). Ngược lại âm trên là nã giản 拿簡. Phương Ngôn cho rằng: Nãn là hổ thẹn. Tiểu Nhã cho rằng: Vì hổ thẹn gọi là Nãn Thanh cho là Mắc cỡ xấu hổ đỏ mặt. Theo Tự Thư cho rằng: Chữ nãn, viết từ

bộ xích 赤 đến bộ phục, âm phục thanh diệc 亦. Âm phục. Ngược lại âm ni triển 尼展, cũng viết từ bộ bì 皮 viết thành chữ năn, văn thường dùng.

Hữu quý sanh tàm (有愧生慚). Ngược lại âm trên là quỹ vị 軌位. Ngược lại âm dưới là tồ hàm 徂含. Thuyết Văn ghi rằng: Chữ quý 愧 cũng giống như chữ tàm 慚. Sách Lễ Ký ghi rằng: Người quân tử không lấy làm hổ thẹn chỗ là có thể giúp đỡ cho người bệnh. Ở nơi người không hổ thẹn khi giúp người, đáng hổ thẹn chẳng là không giúp gì được cho người. Quảng Nhã cho rằng: Tàm là bị sỉ nhục xấu hổ. Nhĩ Nhã cho rằng: Quý cũng giống như tàm, hổ thẹn, xấu hổ. Thuyết Văn nói viết chữ quý 愧, hoặc là viết quý 瞋, quý 瞋, hai thể chữ trên đều là chữ cổ Sang ngân (瘡痕). Ngược lại âm trắc sương 惻霜. Vận Anh Tập cho rằng: Sang là vết thương lở loét ra, hoặc là viết chữ sang 創 này cũng thông dụng, cũng viết chữ sang 倉 này cũng đồng. Ngược lại âm dưới là hồ căn 胡根. Tự Thư cho rằng: Vết thương lành rồi để lại sẹo gọi là ngân 痕. Thuyết Văn cho rằng: Ngân 痕 là vết thương sưng lên thành cái sẹo. Chữ viết từ bộ tật thanh căn 艮. Âm tật. Ngược lại âm nữ ách 女厄.

Kinh hãi (驚駭). Ngược lại âm trên là cư anh 居英. Quảng Nhã cho rằng: Kinh là nổi lên. Thuyết Văn cho rằng: Con ngựa sợ hãi nhảy chồm lên. Ngược lại âm dưới là hài biên 諧駢. Thiên Thương Hiệt cho là con ngựa sợ hãi giựt mình. Quảng Nhã cho là nhảy chồm lên. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ mã 馬 thành hợi.

Nhất hàm (一函). Ngược lại âm (霞緘) hà giam. Tự Thư cho rằng: Sách vở quá nhiều, vật dụng quá nhiều.

Này người ta gọi là Hàm thư, biểu thị hàm là bao gồm v.v...

Nhằm nhiễm (荏苒). Ngược lại âm nhi chằm 而枕. Khảo Thanh cho là loại cỏ tương tốt sum suê, mềm mại, cũng chỉ cho thời gian dần dần trôi qua. Bởi vậy trong kinh cho rằng: Thời gian trải qua gọi là nhằm nhiễm. Trong kinh viết chữ nhiễm 苒 là văn thường dùng.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 400

Không hầu (箜篌). Âm trên là không 空, âm dưới là hầu 侯, là một loại đàn cổ gồm hai mươi lăm dây. Giải thích tên gọi là Người nhạc sĩ vui theo tiếng đàn ủy mị lã lướt theo, rồi mới bày ra trò sông bộc nương dâu, trên trời dưới đất mà che đậy, các hầu thiếp của vua cũng giữ tồn tại như. Cho nên người thầy đánh đàn cuốn theo điệu nhạc, phổ ra âm: Bình, công, cổ hòa theo tiếng trống. Trịnh Vệ cho rằng: Phân ra kim, mộc, thủy, hỏa, thổ mà có, lần lần theo hiệu âm của Trịnh Vệ gọi là dâm lạc. Nghĩa là vui theo dâm dục, truy lạc.

Tao cảnh (槽頸). Ngược lại âm trên là tạo lao 造勞. Ngược lại âm dưới là kinh tỉnh 經井. Tức là tạo cảnh của đàn Không hầu và hạng mục của điệu đàn.

Thằng ảo (繩媼). Ngược lại âm thường nhưng 常仍. Khảo Thanh cho rằng: Sợi dây to vốn là sợi dây để làm nẩy mực làm chuẩn của nghề thợ mộc. Tống Trung cho là Các phép tắc chuẩn mực của các quan đại thần thời

vua Thuấn. Thằng là sợi dây, cho nên lấy sợi dây thẳng. Quảng Nhã cho là Sợi dây thẳng. Thuyết Văn cho là Sợi dây to.

Chữ viết từ bộ mịch 糸 âm mịch 覓, đến chữ thẳng 繩 thanh tỉnh 省. Ngược âm dưới là biện kết 忞結. Khảo Thanh cho rằng: Âm ảo. Ngược lại âm ách giao 厄絞. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Tay cầm vật. Trong văn kinh viết bề 𢶏, cũng thông dụng. Trịnh Huyền chú giải sách Thượng Thư Đại Truyện rằng: Bề 𢶏 là đẩy vật ra, âm thôi 推. Ngược lại âm tha lôi 他雷. Quảng Nhã cho rằng: Bề lệ tức là khóc, chuyển từ từ hoặc viết từ bộ cân 巾 viết bề cũng thông. Thuyết Văn nói từ bộ thủ 手 thanh bí 祕.

Phụng chúc (奉屬). Ngược lại âm trên là bằng dũng 馮勇. Thuyết Văn cho là Phụng thừa, vâng làm. Chữ viết từ bộ 升 cũng âm cũng 拱, từ bộ phong 丰 thanh phong 丰, âm phong 丰 là âm phong. Ngược lại âm dưới là chung dục 鍾欲. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Chúc (屬) là phó thác. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Chúc là buộc vào. Thuyết Văn cho là Liên hệ. Chữ viết từ bộ vĩ 尾 thanh thực 蜀. Trong văn kinh viết chữ chúc 屬 này văn thường hay dùng là sai.

Ẩn tế (隱蔽). Ngược lại âm trên là ân cần 殷謹. Quảng Nhã cho rằng: Ẩn là che lấp. Ích Pháp cho rằng: Trong lòng mong nhớ không dứt gọi là ẩn. Bao Hàm chú giải sách Luận Ngữ cho là Trốn tránh. Khảo Thanh cho là Ẩn giấu. Thuyết Văn cho là Ẩn, cũng giống như chữ tế.

Theo chữ 𦵏 thanh phụ 𦵏, 𦵏 là che khuất, chìm

xuống. Quảng Nhã cho là Che đây, ẩn giấu bên trong. Nhĩ Nhã cho là Bỏ trốn, ẩn náu.

Quách Phác cho rằng: Tê là che giấu bên ngoài. Thuyết Văn cho là loài cỏ nhỏ nhút. Chữ viết từ bộ thảo 艸 thanh tê 蔽. Âm tê. Ngược lại âm tỳ duệ 毳袂.

Luy liệt (羸劣). Ngược lại âm trên là lực truy 力追. Khảo Thanh cho rằng: luy là rất ốm yếu. Thuyết Văn cho rằng: Bị liệt gân thịt mềm nhũn không thể cử động được. Chữ viết từ bộ dương 羊 thanh luy 羸. Âm luy. Ngược lại âm lực ngoa. Ngược lại âm dưới là lực xuyết 力輟. Gọi là liệt tức là mềm yếu. Chữ viết từ bộ thiếu 少 thanh lực 力, là chữ hội ý. Âm nghĩa kinh quyển thứ ba ở trước, quyển một trăm tám mươi một đã giải thích đầy đủ.

Sái đưa (灑地). Ngược lại âm sa giả 沙賈. Thiên ghi Văn Ngọc rằng: Chỗ mua và. Ngược lại. Vương Dật chú giải Sở Từ rằng: Giống như rưới nước dưới đất. Thuyết Văn nói: . Ngược lại âm sơn ỷ 山綺. Chữ sái nghĩa là nổi trên mặt nước, chữ viết từ bộ thủy thanh lệ 麗.

Bộn ngã (仝我). Ngược lại âm bồn muộn 盆悶. Vận Anh Tập cho rằng: bộn 仝 là bụi trần dơ bẩn. Khảo Thanh cho là Bụi bặm tạp loạn. Thuyết Văn cho là chữ viết từ bộ thổ 土 viết thành buộn, là bụi trần, cũng từ bộ 土 thổ viết 仝 buộn thanh phân 分. Ngược lại âm dưới là ngã 我. Thuyết Văn cho là Từ nơi thân mình gọi là ngã 我. Chữ viết từ bộ thủ 手 đến bộ qua 戈. Trong văn kinh viết từ bộ hòa viết thành chữ ngã 我 là chẳng đúng.

Thuần tịnh (淳淨). Ngược lại âm trên là thường luân 常倫. Trong văn kinh viết chữ thuần 淳 này là văn thường hay dùng. Khảo Thanh cho rằng: Thuần sạch.

Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ rằng: Thuần là tưới nước. Quảng Nhã cho là Sạch sẽ. Ngược lại âm tư tứ 茲四. Thuyết Văn nói cho rằng âm lục là âm lục 录, từ bộ thủy thanh tất, âm tất là âm thuần 純.

Quỹ phạm (軌範). Ngược lại âm qui vi 龜葦. Khảo Thanh cho là Dấu vết của chiếc xe. Thuyết Văn cho là Vết bánh xe. Chữ viết từ bộ xa 車 đến bộ quỷ 兕 thanh tỉnh 省. Âm quỷ 兕 là âm quỷ 鬼. Ngược lại âm dưới là kỷ ám 几黯. Nhĩ Nhã cho rằng: Phạm 範 là phép tắc, thường dùng. Khảo Thanh cho là mô phạm, qui tắc. Thuyết Văn cho là gương soi. Ngược lại âm bàn mặt 盤末. Chữ viết từ bộ 車 xa đến bộ phạm 范 thanh tỉnh 省, hoặc là viết phạm 范 này cũng thông dụng. Âm nghĩa kinh quyền thứ bốn mươi sáu ở trước đã giải thích đầy đủ.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYÊN 401

Thứ Phong Sơn (鷲峯山). Ngược lại âm tê tụ 齊袖. Trong bài tựa kinh Thánh Giáo ở trước đã giải thích đầy đủ

Trọng đảm (重擔). Ngược lại âm trực dũng 直勇. Ngược lại âm 除用 trừ dụng, hai âm đều thông dụng. Ngược lại âm dưới là đảm lạm 扰濫. Quảng Nhã cho rằng: Đảm là gánh vác. Khảo Thanh cho rằng: Dùng cây gánh vật gọi là đảm 擔. Thuyết Văn cho là Dùng tay mà nhấc vật lên gọi là đảm. Chữ viết từ bộ thủ 扌 thanh đảm.

Trong văn kinh viết từ bộ mộc 木 viết thành đảm, âm擔. Ngược lại âm hãm xá 陷舍. Chữ đảm này dùng đồng nghĩa.

Đãi đắc (逮得). Ngược lại âm đài nại 臺耐. Nhĩ Nhã cho rằng: Đãi là đến kịp. Vận Anh Tập cho rằng: Đến kịp lúc. Khảo Thanh cho rằng: Viết chữ đãi 逮 cũng giống như chữ đắc 得. Nghĩa là đồng đến kịp lúc, đến trước. Âm nghĩa trong Tự Điển nói rằng: Đến đời Đường. Thuyết Văn cho là Đứng là viết chữ đãi là đến kịp. Theo Văn Tự Tập Lược cho rằng: Âm là đồ nại 徒耐, cũng là kịp thời. Trong kinh viết lục 逮 là chẳng đứng. Âm 逮 lục là âm lục 綠. Ngược lại âm dưới là đăng lặc 登勒. Khảo Thanh cho rằng: Đắc 得 là đạt được, cũng viết là đắc 得, đắc 得 này nghĩa là lấy được. Thuyết Văn cho là Có đi mới có được.

Chữ viết từ bộ xước thanh đắc. Văn cổ viết ba ? chữ thể chữ đắc đều đồng âm đắc 得. Đây văn thường hay dùng viết chữ đắc này viết thành chữ đắc 得 này là sai.

Kiều cần (翹勤). Ngược lại âm trên là kỳ diêu 祇遙. Nhĩ Nhã cho rằng: 翹 kiêu là nguy hiểm. Khảo Thanh cho rằng: Kiêu là vênh lên, đưa cao lên. Thuyết Văn cho rằng: Lông dài trên đuôi chim. Chữ viết từ bộ vũ 羽 thanh nhiều. Ngược lại âm dưới là cận ngân 近銀. Theo Mao Trường Thi Truyện cho rằng: Cần 勤 là lao nhọc. Khảo Thanh cho rằng: Làm việc không biết mỏi mệt. Thuyết Văn cho là Lao nhọc, vất vả. Chữ viết từ bộ lực 力 thanh cần 堇 âm cần 謹. Trong bài tựa kinh Thánh Giáo trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Xung cơ (稱機). Ngược lại âm trên là xướng chứng

昌證. Trịnh Tiễn chú giải sách Lễ Ký rằng: Xưng (稱) là bằng nhau, bình đẳng. Vận Anh Tập cho rằng: Xung là mức độ. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ cho là Mức độ hạn lượng, giới hạn. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã cho là người có ý tốt. Theo Văn Tự Tập Lược cho rằng: Xung là biết nhẹ hay nặng. Thuyết Văn cho là Xét rõ kỹ càng. Chữ viết từ bộ hòa thanh xung. Âm xung. Ngược lại âm xướng chửng 昌拯. Ngược lại âm dưới là cư y 居依. gọi khác đi là xu cơ (樞機) nghĩa là chủ chốt, then khóa cửa, cũng nghĩa là chủ chốt của vịnh nhục. Khổng Thị chú giải sách Thượng Thư cho rằng: Cơ là cái răng của dây cung bắn ra phát ra. Trang Tử giải thích là cây được đục đẽo bào gọt, làm chốt cửa, cũng dùng làm hàng rào ngăn cấm, phải có trung tâm phát ra, cũng gọi là bộ máy phát ra, động cơ đề phát ra. Thuyết Văn cho là chủ động cơ phát ra gọi là cơ 機, chữ viết từ bộ mộc 木 thanh cơ 幾.

Xả ách (捨輓). Ngược lại là âm ư cách 於革. Trong văn kinh viết là ách 輓, cũng là văn thường dùng. Trong kinh quyền nhất trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Kham thiệu di duyệt đẳng tự (堪紹怡悅等字). Từ chữ xả ách 捨輓 về sau và chỉ các tướng tốt của Đức Như lai. Chữ đẳng 等 là bằng đến. Chữ Nguyên, hàm, giáp, ngách, xem trước kinh hơn ba mươi chữ, quyền đầu thứ nhất đã giải thích đầy đủ ở đây không thuật lại nữa.

Thân phân (身分). Ngược lại âm phù gian 扶間. Ngọc Thiên giải thích rằng: Phân (分) là chia hạn quả Thuyết Văn cho là Phân biệt. Chữ viết từ bộ bát 八 đến bộ đao 刀 là Chữ hội ý.

Hy di (熙怡). Ngược lại âm trên là hư cơ 虛飢. Ngược lại âm dưới là dĩ chi 以之. Quyển nhất ở trước đã giải thích đầy đủ.

Cực bộc (極爆). Âm dưới là bổ giao 補交. Quảng Nhã cho rằng: Cực nóng. Nhĩ Nhã cho rằng: Rơi rụng. Khảo Thanh cho là Thiêu đốt củi lửa cháy dữ dội. Vận Anh Tập cho là Nổ tung ra lửa gọi là bộc 爆, âm thác. Ngược lại âm trích giá 摘稼. Thuyết Văn cho là Bộc là hung đốt. Chữ viết từ bộ hỏa thanh bộc 暴. Nay lại nói rằng: Âm bạo 暴. Ngược lại âm bồ mao 蒲冒. Quyển nhất ở trước đã giải thích.

Tín nhuyển (信𦣻). Ngược lại âm trên là tây tế 西祭. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư cho là Nhỏ bé. Thuyết Văn cho là rất nhỏ bé, suy yếu. Chữ viết từ bộ mạch 糸 thanh tín 𦣻. Âm mạch 糸 là âm mạch 覓, âm tín 𦣻 là âm tín 信. Ngược lại âm dưới là nhi xung 而充. Các sách viết chữ 要 yếu là chữ nhuyển 𦣻 là yếu mềm, nhu nhược. Chữ viết từ bộ 而 nhi đến bộ hỏa, viết 𦣻 nhuyển. Trong văn kinh viết từ bộ 車 xa viết 軟 nhuyển này là chẳng đúng. Trong quyển thứ nhất trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Manh giả 盲者. Ngược lại âm mạc canh 莫庚. Trịnh Chúng giải thích rằng: Không có mắt, gọi là mù lòa, cũng gọi là manh. Âm giao 交. Ngược lại âm tô tâu 蘇走. Nghĩa là mù lòa. Thuyết Văn cho rằng: Nghĩa là có con mắt mà không có con người gọi là mù. Chữ viết từ bộ mục 目 thanh vong 亡. Lại giải thích chữ vong 亡, vong 亡 giống như là chạy trốn. Chữ viết từ bộ nhân 人 đến bộ 乙 là 𦣻 隱, 𦣻 giống như trốn tránh. Người ở

ân gọi là vong 亡. Trong văn kinh viết chữ vong 亡 này là chẳng đúng. Trong kinh quyền thứ nhất trước đã giải thích đầy đủ.

Lung giả (聾者). Ngược lại âm lộc đông 祿東. Tả Truyện cho rằng: Tai không nghe được, hòa điệu của năm âm thanh gọi là lung, tức là điếc. Đỗ Dự cho rằng: Lung là tối tăm, hoặc viết chữ lung 聾.

Thiên Thương Hiệt cho là Có tai mà không nghe được.

Thuyết Văn cho là Không nghe thấy gì gọi là lung.
Chữ viết từ bộ nhĩ 耳 thanh long 龍.

Trong kinh quyền thứ nhất đã giải thích đầy đủ rồi.

Năng thính (能聽). Ngược lại âm trên là nãi đăng 乃登. Quảng Nhã cho rằng: Năng là người có chức vụ Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ cho là người có nhiều tài nghệ. Thuyết Văn cho rằng: Năng là loài thú dữ thuộc loài gấu. Theo Tả Truyện cho rằng: Hoàng năng, âm năng. Ngược lại âm nãi lai 乃來. Tức là loài cầm thú thuộc loại gấu.

Loài thú này bên trong có nhiều năng lực vững chắc, cho nên người có nhiều tài nghệ được gọi là Hiền năng (賢能). Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ nhục 肉 đến hai bộ chủ, thanh đài 台. Ngược lại âm dưới là thể kính 體勁. Sách Thượng Thư cho rằng: Nghe bốn năm việc gọi là “thính” Khổng Thị cho rằng xét là chẳng đúng. Sách Chu Lễ cho rằng: Lấy năm âm thanh để nghe, trong ngực tụng cầu tình dân, tức là khí, sắc, hình, tai, mắt là năm cái nghe. Thuyết Văn cho rằng: Tai lắng nghe từ âm trực tiếp, đức là từ tai để nhận biết, mà nhận biết là âm thanh.

Trong văn kinh viết chữ thính 聽 là văn thường dùng.

Á giả (亞者). Ngược lại âm lưu giả 流賈. Khảo Thanh cho là miệng không thể nói được. Theo chữ á 亞 đó, người tuy nghe được mà không thể nói nên lời. Thuyết Văn cho rằng thiếu cái lưỡi. Xưa nay chữ đúng cho rằng: Á là câm. Chữ viết từ bộ tật 疾, âm 疒 tật. Ngược lại âm nữ ách 女厄 thanh á 亞. Trong văn kinh viết từ bộ khẩu 口 viết thành chữ á 啞 này là chẳng đúng, âm á 啞 là âm ách 厄. Sách Chu Dịch cho rằng: Nói cười á á, đây chẳng phải nghĩa kinh. Quyển thứ nhất trước đã giải thích đầy đủ.

Tỉnh ngộ (醒悟). Ngược lại âm tinh tịnh 星淨. Sách Quốc Ngữ ghi rằng: Say mà sức tỉnh lấy làm vui mừng. Giả Quỳ ghi rằng: Bỏ đi cái say gọi là tỉnh. Chữ viết từ bộ dậu 酉 thanh tinh 星.

Hảo tịnh (好淨). Ngược lại âm cao báo 蒿報.

Huất nhĩ. Ngược lại âm Thiên Thương Hiệt cho rằng: Huất là thốt nhiên nổi lên. Nghiệt Tông cho rằng: Bỗng nhiên. Thuyết Văn cho rằng: Có chỗ thối nổi lên. Quyển nhất ở trước đã giải thích đầy đủ.

Nhiều não (擾惱). Ngược lại âm trên là nhi chiếu 而沼. Khảo Thanh cho rằng: Nhiều là khuấy phá gây rối loạn. Không Thị chú giải sách Thượng Thư là nhiều loạn làm rối tung lên. Thuyết Văn cho là phiền não. Chữ viết từ bộ thủ 手 đến bộ ưu 憂, âm ưu 憂. Ngược lại âm nô cao 奴高. Trong văn kinh viết từ chữ ưu 憂 viết thành chữ擾 nhiều là chẳng đúng. Trong quyển 2 trước đã giải thích đầy đủ.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 402

Phong trưởng nùng lan thanh ứ trác cảm hài cốt (膿脹蜂爛青瘀啄敢骸骨). Mười chữ trên xem quyển kinh thứ ba. Trong quyển âm nghĩa thứ nhất trước đã giải thích đầy đủ, không phiên nói lại.

Yêm thực (厭食). Ngược lại âm y diêm 伊焰. Cô Dã Vương ghi rằng: Yêm là no đủ Thuyết Văn cho là Yêm là no đầy. Sách Lễ Ký cho rằng: Riêng mình chí vui không nhàm chán đối với đạo Pháp. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ cam 甘 đến bộ nhục 肉 đến bộ khuyển 犬. Chữ hội ý. Âm hán 厂 là âm hãn 罕. Trong quyển 3 trước đã giải thích rồi.

Sàng tháp (床榻). Ngược lại âm trên là sài trang 柴莊. Quảng Nhã cho là dụng cụ nghỉ ngơi tự an ổn. Thuyết Văn nói chỗ thân an ổn. Chữ viết từ bộ mộc 木 đến bộ tường 𡩺 âm tường 牆. Cũng có chỗ viết sàng 床 này, văn thường dùng. Ngược âm dưới là thổ đáp 土答. Tháp (榻) cũng là sàng. Giải thích tên gọi là sàng, là hẹp mà dài gọi là tháp 榻. Kinh quyển thứ nhất trước đã giải thích đầy đủ.

Dục thiệu (欲紹). Ngược lại âm thời nhiều 時遼. Nhĩ Nhã cho rằng: Thiệu là nối tiếp theo. Ích Pháp Lưu cho rằng: Từ xa nối tiếp theo sự nghiệp của các vị Tiên Vương gọi là thiệu 紹. Trong kinh quyển thứ nhất ở trước đã giải thích đầy đủ.

Phiêu kích (擣擊). Ngược lại âm trên là thất diêu 匹

遙. Mao Thi Truyện cho rằng: Phiếu là rơi rụng, Tập Huân Truyện cho rằng: Phiếu là tổn thất. Hoặc là viết từ bộ phộc viết thành chữ phiếu nghĩa trừ bỏ đi.

Âm phộc. Ngược lại âm phổ bốc 普卜. Thuyết Văn cho là Phiếu là đánh gõ. Chữ viết từ bộ thủ 手 thanh phiêu 票. Âm phiêu 票. Ngược lại âm 必消 tất tiêu. Trong văn kinh viết chữ phiêu này là chẳng phải nghĩa của kinh. Theo Quách Phác cho rằng: Chữ phiêu này là gió xoáy vòng. Thuyết Văn cho là gió đàn hồi. Tự Thư cho rằng: Gió thổi đong đưa.

Khang quái (糠餽). Ngược lại âm trên khẩu tức 口 卽. Quách Phác giải thích rằng: Khang là vỏ trấu. Theo Thanh Loại chữ viết từ bộ hòa đến bộ mễ 米 đến chữ khang 康 thanh tỉnh 省. Ngược lại âm dưới là khô ngoại 枯外. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Cái sàng bằng tre. Trong kinh quyển 3 trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Quyển thủ (冑取). Ngược lại âm quý quyền 癸娟. Quế Uyên Châu Tòng cho rằng: Lấy sợi dây quán lấy vật cột lại giăng bắt lấy vật gọi là quyển, hoặc viết quyển 冑 này cũng đồng nghĩa. Trong quyển 3 ở trước đã giải thích đầy đủ ở đây không nói lại nữa.

Giải đãi (懈怠). Ngược lại âm trên là cách mại 革賣, âm dưới là tùng nại 從奈. Quảng Nhã cho là biếng nhác. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: sớm tối nhác nhóm, giải đãi, uể oải. Theo Tự Thư cho rằng: Giải cũng như chữ Đãi. Trong quyển 3 ở trước đã giải thích chữ Giải rồi.

Cực tác (亟作). Ngược lại âm cơ lực 飢力.

Hung đảng (兇黨). Ngược lại âm 許邕 hứa ung. Khảo Thanh cho rằng: 兇 hung là ác. Thuyết Văn nói

chữ viết từ bộ nhân 人 ở trong chữ hung 凶. Ngược lại âm dưới là đương lã 當朗. Khảo Thanh cho rằng: Đẳng là loại. Trong kinh quyền 4 trước đã giải thích rồi hai chữ Khôi quái (魁膾). Ngược lại âm khổ khôi 苦魁. Khổng Thị cho rằng: Khôi (魁) là tướng soái. Quảng Nhã cho rằng: Là chủ Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký cho là đứng đầu. Vương Dật chú giải sách Sở Từ cho là người lớn. Ngược lại âm dưới là khổ ngoại 苦外. Quảng Nhã cho rằng: Quái (膾) là cắt ra. Theo chữ quái là người chuyên giết mổ, các con vật, cắt lấy thịt thì gọi là “khôi quái”. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ quỷ 鬼 thanh đấu 斗. Trong kinh quyền 4 ở trước đã giải thích hai chữ đầy đủ.

Thuyên trừ (痊除). Ngược lại âm trên là thất toàn 七全. Khảo Thanh cho rằng: Bệnh dần dần khỏi gọi là thuyên 痊. Quách Tượng chú giải sách Trang Tử cho rằng: hết bệnh gọi là thuyên.

(Quyển 403 không có âm để giải thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 404

Vô khuyết (無缺). Ngược lại âm khuyển duyệt 犬悅. Thiên Thương Hiệt giải thích rằng: khuyết 缺 là thiếu, lỗ vón. Thuyết Văn cho là Dụng cụ chứa bị phá vỡ Chữ viết từ bộ phữu 缶 đến bộ quyết 決 thanh tỉnh 省.

Chu lãm (周覽). Ngược lại âm lai cảm 來敢. Khảo Thanh cho rằng: Đã trải qua xem xét kỹ lưỡng khắp hết

gọi là lẫm.

Manh minh 盲冥. Ngược lại âm mạc tinh 莫并. Khảo Thanh cho là Tối tăm u ám. Thuyết Văn cho là Chữ minh viết từ bộ nhật 日 đến bộ mịch 一 đến bộ lục 六. Âm mịch 一 là âm mịch 覓. Phạm số mười ngày trong tháng, đến ngày mười sáu là mặt trăng bắt đầu khuyết dần dần, nên trở thành u tối. Cho nên chữ viết từ bộ nhật 日 đến bộ lục 六. Theo Quách Cảnh Thuần cho rằng: minh 明 là tối. Trong kinh phần nhiều viết từ chữ cụ 具 đến bộ miên viết thành chữ minh là chẳng đúng. Trong kinh quyển tám trước đã giải thích chữ 俱 đầy đủ rồi.

Trạo cử (棹舉). Ngược lại âm trên là đình điều 亭吊. Vận Anh Tập cho rằng: Trạo (棹) là lay động. Quảng Nhã cho là Chấn động. Khảo Thanh cho là Lay động. Hoặc viết chữ tiêu 杓. Ngược lại âm dưới là khương ngữ 薑語. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ thủ 手 thanh dữ 與. Trong kinh quyển tám ở trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Sơn nhai (山崖). Ngược lại âm nha giai 牙皆. Thuyết Văn cho là Núi cao có vách. Trong quyển chín ở trước đã giải thích.

Như liệu (如燎). Ngược lại âm lực điều 力吊. Theo sách Lễ Ký cho là Cây nến trước sân gọi là liệu.

Văn ma (按摩). Ngược lại âm vũ phân 舞紛. Quảng Nhã cho rằng: Văn (按) là lau chùi. Sở Từ cho rằng: Trong đoạn văn Cô Tử ngâm, mà lau lệ Xưa nay chữ đúng viết là chữ văn 按, từ bộ thủ 手 thanh văn 文. Hoặc viết là hôn 昏 xem trong Khảo Thanh.

Hán tâm (懣心). Ngược lại âm hương cân 香斬. Theo Tả Truyện cho rằng: quán sát mà hành động. Đỗ Dự chú giải rằng: Hán là tội ác. Khảo Thanh cho là Hiềm khích tranh chấp, hoặc viết là hán 懣 chữ cổ. Trong văn kinh cho chữ hán 懣 này là văn thường dùng. Trong kinh quyền chín ở trước đã giải thích đầy đủ.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 405

Tâm khoảnh (心頃). Ngược lại âm khuy lệ 窺隸. Khảo Thanh cho rằng: Khoảnh tức là chọn lựa khoảng thời gian ít nhất.

Bất khứu (不嗅). Ngược lại âm hứa cứu 許救. Thuyết Văn cho là Dùng mũi mà ngửi hơi gọi là khứu. Quyền chín ở trước đã giải thích đầy đủ.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 406

Giả danh (假名). Ngược lại âm canh nhã 耕雅. Tự Thư cho là Không chân thật. Khảo Thanh cho là nguy tạo, là giả Đầu cảnh (頭頸). Ngược lại âm kinh đĩnh 經郢. Vận Thuyên Tập cho là Phần của cái đầu. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Phía trước gọi là cổ, phía sau gọi là hạng (là gáy). Âm nghĩa kinh quyền 2 ở trước và quyền 11 Kinh Đại bát nhã có giải thích đầy đủ

(Quyển 407 không có âm để giải thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 408

Ách thủ (輓取). Ngược lại âm ô cách 烏革. Tự Thư cho rằng: Ách là ngăn lại, là lấy dây buộc ách.

Bảo khiếp (寶篋). Ngược lại âm khinh giáp 輕賴. Văn Tự Tập Lược cho là Loại rương chứa đồ đặc. Xưa nay chữ đúng gọi là cái rương, cái hòm làm bằng tre. Vận Anh Tập cho rằng: Cái rương, thùng chứa trong xe, vốn viết là hạo 昊, nghĩa là cái hộp, nay cộng thêm bộ trúc 竹.

Sách Chu Lễ cho rằng: Chứa nhiều đồ đặc mà kín đáo. Âm giam 械 là âm hàm 咸. Âm nghĩa quyển thứ ba trước và quyển một trăm tám mươi hai đã giải thích đầy đủ chữ khiếp 篋.

Nhược giảm (若減). Ngược lại âm canh trảm 耕斬. Theo Hàn Thi Truyện cho rằng: Giảm thiểu là ít nhất. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Giảm là hao tổn. Lại là âm hành lam 行籃, cũng thông dụng.

Cật ngôn (詰言). Ngược lại âm xí cát 企吉. Trịnh Chúng chú giải sách Lễ Ký rằng: 詰 là hỏi, xét hỏi, hỏi cho rõ, tra hỏi người có tội.

Quảng Nhã cho là Trách phạt, chỉ trích.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

409

Trung cật (徵詰). Ngược lại âm trên là trắc lãng 陟陵. Ngược lại âm dưới là xí cát 企吉.

Hành tướng (行相). Ngược lại âm trên là hạ mãnh 下孟. Ngược lại âm dưới là tức lượng 息亮.

Kiến hành (健行). Ngược lại âm trên là cự kiến 渠建. Sách Chu Dịch cho rằng: Rất cứng rắn. Thuyết Văn cho là Rất cứng cỏi. Âm khân 侃. Ngược lại âm khô lãng 苦浪. Vương Bật cho là Sức mạnh không ngừng nghỉ thường khỏe mạnh. Trong kinh quyền 41 ở trước đã giải thích đầy đủ.

Bất huyển (不眩). Ngược lại âm huyền quyền 玄絹. Vương Dật chú giải sách Sở Từ cho là đưa mắt nhìn. Khảo Thanh cho là mắt chuyển động. Thuyết Văn cho rằng: Mắt liếc qua liếc lại. Chữ viết từ bộ mục 目, thành huyển 幻. Trong kinh viết chữ 幻 này là sai. Ngọc Thiên giải thích rằng: Giống như ngày nay người ta ra dấu hiệu bằng mắt, mà thành lời gọi là huyển, vốn viết chữ huyển 幻. Vi Hoảng viết chữ đều thông dụng. Âm nghĩa kinh quyền 2 ở trước và quyền 41 Đại bát nhã đã giải thích đầy đủ rồi.

Hà khích (瑕隙). Ngược lại âm trên là ? 加 Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Hà (瑕) là viên ngọc có tỳ vết. Quảng Nhã cho rằng:

Hà là viên ngọc bị nứt. Ngọc Thiên cho rằng: Hà là viên ngọc nhóp, dơ bẩn. Ngược lại âm dưới là hương nghịch 鄉逆. Thuyết Văn cho rằng: Bức tường che có lỗ hở. Chữ viết từ bộ phụ 阝, bộ hựu 又, đến bộ bạch 白

trên dưới bộ tiêu 小. Âm phụ 𠂔 là âm phụ 負. Trong kinh viết chữ sào 巢 là sai. Trong quyển kinh bốn mươi ở trước đã giải thích đầy đủ.

Ê ám (翳暗). Ngược lại âm anh kế 纓計. Phương Ngôn cho là mắt bị bệnh. Vận Anh Tập cho là Bị ngăn che. Theo Quảng Nhã cho là Bị chướng ngại. Thuyết Văn cho rằng: Bị hoa mắt, ngăn che.

Sào huyết (巢穴). Ngược lại âm sai diêu 柴遙. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Chỉ có ổ chim khách. Thuyết Văn cho rằng: Con chim đang đậu trên cây. Trịnh Chú chú giải sách Lễ Ký rằng: Cái ổ chim ở trên cao là chữ tượng hình. Trong kinh từ bộ quả 果 viết thành sào 巢 là sai. Ngược lại âm dưới là huyền huyết 玄血. Thuyết Văn cho là Thổ thất (土室) dịch là Thời thượng cổ chỗ ở là trong hang, mà ở ngoài hoang dã. Âm nghĩa kinh quyển 2 ở trước và quyển 41 Đại bát nhã có giải thích đầy đủ.

Phiêu xí (飄幟). Ngược lại âm trên là tất diêu 必遙. Ngọc Thiên cho rằng: Phiêu là đưa lên cao, cũng gọi là tám biên vẽ bảng hiệu, biểu hiện cho người ta biết. Vận Thuyên Tập cho là Dựng đứng lên làm ký hiệu, cũng gọi là nơi chỗ. Khảo Thanh cho là Cờ treo trên đầu.

Thuyết Văn cho là trên ngọn cây. Chữ viết từ bộ mộc 木 thanh phiêu 票, âm phiêu 票. Ngược lại âm tất tiêu 必消. Hoặc viết từ bộ cân 巾 viết thành chữ phiêu cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm dưới là xỉ chí 齒至. Theo

Mao Thi Truyện cho rằng: Xí thanh nghĩa là rất đầy đủ tràn đầy. Đúng là viết chữ 幟 này là thuộc loại cờ xí treo trên để biểu thị trang sức.

Bát-Nhã giải thích là phước, cái phước. Thuyết Văn

cho là chữ viết từ bộ cân 𠂔 thành xí.



NHẤT THIẾT ÂM NGHĨA KINH

Sa-môn phiên dịch kinh Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN 5

(Âm kinh Đại Bát-nhã, từ quyển 410 đến 460)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 410

Hân lạc (忻樂). Ngược lại âm trên là hứa cân 許—斤. Tư Mã Pháp giải thích rằng: Sự hân hoan tốt đẹp đến với người, tốt càng thêm tốt đẹp hơn lên. Hoặc viết là 欣, 訢 ba thể chữ hân đều đồng. Tỳ Thương cho rằng: Hân là xem sát.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 411

Hài cốt (骸骨). Ngược lại âm trên là hành giai 行皆. Theo Công Dương Truyện cho rằng: Hài cốt là tên gọi tổng thể xương thân thể của mình. Chữ hài 骸, trong quyển thứ nhất ở trước đã giải thích đầy đủ Công đức khải (功德鎧). Ngược lại âm dưới là khổ đại 苦代. Thuyết Văn cho rằng: Khải là cái áo giáp. Chữ viết từ bộ kim 金 đến chữ khải 愷 thanh tỉnh 省. Âm khải. Ngược lại âm khổ cải 苦改.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 412

Chung tế (拯濟). Ngược lại âm vô bề 無髀. Lấy chữ chưng 蒸 này làm thanh thượng, chưng 拯 nghĩa là cứu giúp người bị chìm đắm.

(Quyển 413, văn đề không giải thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 414

Quyên trừ (蠲除). Ngược lại âm trên là quyết duyên 決緣. Khảo Thanh cho rằng: quyên 蠲 là sạch. Phương Ngôn cho rằng: Người của nam nước Sở cho rằng: Bệnh lần lần giảm gọi là quyên. Quách Phác cho rằng: Quyên là trừ bỏ Tuần thân quán (循身觀). Ngược lại âm trên là tịch tuân 夕遵.

Quảng Nhã cho rằng: Tuần là theo, tuân theo. Tự Thư cho rằng: Tuần là đi quanh. Khảo Thanh cho rằng: Tuần là thuật lại điều hay, khéo léo, thuận theo. Trong kinh có viết tuần thân 循身 là sai. Dưới là chữ quán 觀, thanh khứ Ngô mị (悟寐). Ngược lại âm trên là ngô cố 吾故. Khảo Thanh cho rằng: Trong lúc ngủ mà có chỗ thấy biết âm giáo nên sanh lòng tin. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Trong khi ngủ mà nói biết gọi là ngô, tức là tỉnh dậy. Thuyết Văn nói chữ viết từ ngô nay lược bớt đi. Từ chữ tường 𠂔 âm tương 牆 thanh ngô 吾. Ngược lại

âm dưới là di tí 彌底.

Khảo Thanh cho rằng: Mị là ngủ say. Cố Dĩ Vương cho rằng: Mị là ngủ mê. Thuyết Văn cho là Nằm ngủ. Chữ viết từ bộ miên, âm là âm miên 綿, đến chữ ngộ nay lược bớt đi, thanh vị 未. Trong văn kinh có viết từ bộ huyết 穴 dưới viết ngộ mị 悟寐. Hoặc viết từ bộ tiểu 小 âm tâm 心. Viết ngộ mị 悟寐 từ bộ kiêu 徼. Ngược lại âm kinh do 經由. Viết chữ ngộ mị 悟寐 đều chẳng đúng, chữ chánh thể Phẫu vi (剖為). Ngược lại âm phổ khẩu 普口. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Phẫu 剖 là chẻ ra. Âm tích 析 là âm tích 昔. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Ở trong phân ra gọi là phẫu 剖. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ đao 刀, thanh phẫu, âm bộ. Ngược lại âm thổ khẩu 土口.

Triền quả (纏寡). Ngược lại âm trên là triệt liên 徹連. Khảo Thanh cho rằng: Triền là sợi dây quấn lại, bó lại. Thuyết Văn cho là Triền là ràng buộc. Chữ viết từ bộ mịch 糸 thanh triền 塵. Ngược lại âm dưới là quang hỏa. Khảo Thanh cho rằng: quả 寡 là bao gói lại. Thuyết Văn cho là gói lại. Chữ viết từ bộ y 衣 thanh quả 果, hoặc viết là quả 果 văn thường dùng viết lược bớt.

Cân mạch (筋脈). Ngược lại âm trên là (居銀) cư ngân. Sách Chu Lễ cho là thầy thuốc lấy Can chi tân (辛) mà nuôi dưỡng gân. Thuyết Văn cho là sức mạnh của cơ bắp. Chữ viết từ bộ nhục 肉 đến bộ trúc 竹, mà trúc có nghĩa là nhiều vật tượng trưng cho sức mạnh, bụi trúc có nhiều cây, nên cân 筋 là gân cốt để tạo cho con người có sức mạnh. Từ bộ lực 力 mà lực là sức mạnh giống như voi, cũng có viết từ bộ thảo 草, viết thành chữ cân, hoặc

viết từ bộ giác 角 viết thành chữ cân, những chữ này đều chẳng đúng. Theo sách Lễ Ký cho rằng: Người già không lấy gân làm sức mạnh hay năng lực là. Ngược lại âm dưới là ma bách 麻佰. Theo sách Chu Lễ cho rằng: Lấy chất muối để nuôi dưỡng mạch. Thuyết Văn cho là Phần huyết lý đi trong cơ thể gọi là mạch. Chữ viết từ bộ huyết 血 đến bộ 衣 (phái). Ngược lại âm phổ mại 普賣, viết chữ mạch 脈, hoặc viết là 脈 (mạch), cũng viết mạch 脈 đều đúng. Nay trong văn viết từ bộ nhục 月 đến bộ 永 vĩnh, viết thành chữ mạch 脈 đều chẳng phải chánh thể của chữ văn thường dùng.

Tâm can (心肝). Là chủ của trái tim, thuộc về hướng Nam là hỏa, màu đỏ, nên có biện luận. Ngược lại âm bạch mạn 白慢. Thuyết Văn cho rằng là Thổ tạng là chủ nơi lưỡi. Ngược lại âm dưới là cổ an 古安. Theo Quế Uyển Châu Tòng cho rằng: Can 肝 là chủ ở phương Đông thuộc về mộc 木. Can này hình sắc màu xanh, mà có lá. Thuyết Văn cho là thuộc kim tạng. Chữ viết từ bộ nhục 肉 thanh can 干. Vương Thúc cho rằng: Mạch hòa với kinh gọi là can 肝, là chủ ở mắt, cho nên khi căn bệnh là con mắt thấy không rõ.

Phế thận (肺腎). Ngược lại âm trên là phương phệ 芳吠, thuộc tính của tim, màu trắng. Thuyết Văn cho là Thuộc hỏa tạng. Chữ viết từ bộ nhục 肉 đến bộ thị 市. Ngược lại âm phi vị 非未. Vương Thúc Hòa cho rằng: Mạch kinh gọi là phế 肺, chủ nơi mũi, nên phối bị bệnh thì mũi ngửi không thông. Ngược lại âm dưới là thần nhần 辰忍. Thuộc về thủy tạng, màu đen, tạng này thuộc âm, hình sắc phối ngẫu. Ngược lại âm ngũ câu 五苟, nên

nói là hai trái thận. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ nhục 肉 đến thân. Ngược lại âm khẩu thiên 口千 thanh tỉnh 省. Vương Thúc Hòa cho rằng: Mạch kinh gọi là thận, chủ về tai, cho nên thận hư thì tai sẽ điếc. Lấy chỗ làm chủ sau này.

Tỳ đởm (脾膽). Âm trên là tỳ 毘. Là tinh của thổ màu vàng. Thuyết Văn cho rằng: Thuộc tạng mộc. Chữ viết từ bộ nhục 肉 thanh tỳ 卑. Không Vương Thị chú giải rằng: Mạch kinh gọi là tỳ 脾, là chủ của thần (腎) tức môi. Ngược lại âm dưới là đô cảm 都敢. Bạch Hổ Thông cho rằng: Đốm đỏ thuộc phủ của can, can này chủ của lòng nhân từ là lấy lòng nhân đó, thì phải có sức mạnh, cho nên biết phủ của can, mạch quyết gọi là đốm, nên khi đốm (mật) có bệnh, thì tinh thần không giữ được.

Phù vị (喎脬). Ngược lại âm trên là phổ bao 普包. Thuyết Văn cho là Phao (脬) là bàng quang, là cái túi chứa nước. Khảo Thanh cho rằng: Là niệu phao (tức là bong đái), là túi chứa chất đại tiểu tiện. Vương Thúc Hòa cho rằng: Phao là cái túi không có đáy, thọ nhận năm thăng ba hợp, khi phao bệnh thì tiểu tiện không thông. Trong văn kinh viết chữ bào 胞 này là chẳng đúng. Chữ bào 胞 đó là bào thai, thai nhi, dựa theo đây là chẳng phải ý nghĩa của kinh. Ngược lại âm dưới là vi úy 韋喂. Vận Anh Tập cho: Là trường vị (tức bao tử). Bạch Hổ Thông cho rằng: Vị đó là phủ của tỳ tức là lá lách. Thuyết Văn cho là Phủ cốc (tức cái hang) chứa thức ăn. Chữ viết từ bộ nhục 肉 thanh vị 胃 là chữ tượng hình.

Đại trường (大腸). Ngược lại âm trừ lương 除良. Bạch Hổ Thông cho rằng: Có đại trường, có tiểu trường

đó là phủ của tâm. Đại trường là phủ của phế. Giải thích tên gọi là trường tức là phủ của chứa khí trong bụng. Xưa nay chữ đúng viết là trường 腸. Chữ viết từ bộ nhục 肉 đến thanh dương 易. Trong lục phủ, ngũ tạng có chỗ để quay về Thỉ niệu 屎尿. Âm trên là thỉ 始. Tự Thư cho là phân cứt. Xưa nay chữ đúng viết là thỉ 屎 này, là văn thường dùng. Xưa viết thỉ 矢 này là khác thể, từ chữ vĩ 尾 tỉnh lược thanh 矢 thỉ. Ngược lại âm dưới là nê điều 泥俛. Thuyết Văn cho: Là chữ chánh thể Từ chữ vĩ 尾 từ bộ thủy.

Lại cho rằng: Là bộ phận tiểu tiện của con người. Khảo Thanh cho là Nước chìm trong bụng. Trong văn kinh viết niệu 尿 là văn thường dùng tỉnh lược bớt đi. Văn thông dụng cho là Xuất ra ở đường ruột gọi là thỉ, tức là phân cứt, xuất ra bọt đái gọi là nước tiểu.

Thế thóa 涕. Ngược lại âm trên là thiên lê 天麗. Thuyết Văn cho là nước mũi. Âm dịch 液 là âm diệc 亦. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Nước từ trong mũi chảy ra gọi là thế 涕, hoặc là viết 涕洟 Thế di, duệ, ty, bốn chữ tượng hình đều đồng nghĩa. Ngược lại âm dưới là thổ khóa. Thuyết Văn cho là Nước dãi trong miệng. Chữ viết từ bộ khẩu 口 đến chữ thóa thanh tỉnh 省. Hoặc là viết từ bộ thủy viết thành chữ thóa này cũng thông dụng.

Diên lệ 涎淚. Ngược lại âm trên là 仙 tộ tiên. Thuyết Văn cho là Cũng là nước dãi trong miệng. Ngược lại âm dưới là lữ trụy 呂. Quảng Nhã cho rằng: Khóc ra nước mắt. Thuyết Văn cho là Nước mắt, nước mũi.

Đàm nùng 痰膿. Ngược lại âm đồ nam 徒南. Theo Tự Thư cho là Bệnh nên trong ngực có đàm. Trong văn

kinh viết từ bộ thủy, viết chữ đàm 淡 này, chữ này nghĩa là không có mùi vị gì, lạt lẻo, lại là thanh khứ. Ngược lại âm dưới là nô công 奴工. Thuyết Văn cho là Bệnh ung thư nên máu mủ chảy ra. Chữ viết từ bộ nhục 肉 thanh nông 農. Trong kinh viết chữ đàm 淡 này là chẳng phải nghĩa của kinh.

Phương san 肪𦵏. Âm trên là phương 方, âm dưới là tạng 桑 an 安. Thuyết Văn cho rằng: Phương 肪 là chất mỡ béo phì. Vận Anh Tập cho rằng: Mỡ tụ lại. Quảng Nhã, Thương Hiệt cho rằng: Chất mỡ đông lại. Tự Ngự cho rằng: Chữ viết từ bộ nhục 肉 thanh san. Văn thông dụng cho rằng: Ở trong eo bụng có mỡ gọi là phương 肪, ở trong bao tử có mỡ gọi là san.

Não mạc (腦膜). Ngược lại âm trên là nãi đảo 乃倒. Thuyết Văn cho là Tủy trong đầu. Văn cổ viết não, hoặc là viết não 𦵏, lại viết não, não 惱 đều sai. Thuyết Văn cho là Chữ viết từ bộ 肉 nhục thanh não. Ngược lại âm dưới là 忙博 mang bác. Thuyết Văn cho là cái màng giữa cái đầu. Chữ tóm lại cho rằng: Da ngoài trong thịt gọi là mạc 膜. Chữ viết từ bộ nhục 肉 thanh mạc 莫.

Si ninh (眇寧). Ngược lại âm trên xích chi 尺支. Vận Thuyên Tập cho rằng: Nước ngưng đọng trong mắt. Trong văn kinh viết tuy. Kiểm lại tất cả các chữ trong sách đều không có chữ này, chữ tuy này chưa biết xuất xứ từ đâu không rõ. Bởi vậy người sau này xuất ỷ mà quên đi viết bộ nhĩ 耳. Thuyết Văn cho là Chữ 眇 si viết từ bộ 目 mục đến chữ di thanh tỉnh 省. Ngược lại âm dưới là ninh đánh 寧頂. Vận Anh Tập cho rằng: Cũng viết ba chữ ninh tượng hình, đều có nghĩa là tai bị dơ

Đạm phách 膽珀. Ngược lại âm trên là đồ lã 徒濫. Âm dưới là 魄 phách. Vận Anh Tập cho rằng: Đạm phách là yên tịnh. Trong văn kinh cho rằng: Đạm phách là lộ ra chỗ nhàn tĩnh, đều từ bộ tâm 心 âm Đạm. Âm chiêm 占 đến thanh bạch 白.

Điều thú 鷗鷺. Ngược lại âm trên là đình điều 丁遙, âm dưới là 就 tựu. Thuyết Văn cho là giống điều hâu, giống như con ó, cánh dài hơn hai thước, lưng nâu đen, bụng trắng, chân dài, đầu có mào, bay lượn trên biển bắt cá ăn. Âm ngạc. Là loại chim ó. Quảng Nhã cho rằng: Con điều hâu. Trong kinh Sơn Hải nói rằng: Cảnh sắc trên núi phần nhiều là có loài chim điều hâu này. Tỳ Thương cho rằng: Chim Thú giống như chim điều hâu mà thân nó lớn hơn, thường ăn thịt thây chết, người ta cho là con chim quái lạ.

Si kiều 鷗梟. Ngược lại âm trên là xướng chi 昌之 âm duyên 緣 là loại chim điều hâu. Ngược lại âm dưới là 擊姚 kích diêu. Trịnh Huyền, chú giải Mao Thi Truyện cho rằng: Kiều (梟) là giống chim hung ác. Văn cho là loài chim bất hiếu, là ăn thịt mẹ Hổ báo 虎豹. Ngược lại âm trên là hô cổ 呼古. Thuyết Văn cho là Hô là loài cầm thú ở trên núi sống có bầy. Ngược lại âm dưới là bổ giáo 補教. Con báo giống như con hổ mà nhỏ hơn, thân tròn, có đốm đen, có vằn, giống như hổ.

Hồ lang (狐狼). Âm trên là hồ 胡. Thuyết Văn cho là con yêu thú, giống như con quỷ Chỗ thừa nhận là có ba đức dưới đây, âm tức 卽. Thuyết Văn cho rằng: Đầu giống như đầu chó, trên trán có đốm trắng, thân màu trắng, nên nói là điềm lạnh.

Hoặc trác (或啄). Ngược lại âm đinh giác 丁角. Thuyết Văn cho là Chim đang ăn. Quảng Nhã cho rằng: Cái mỏ chim. niết. Ngược lại âm nghệ kiết 霓絜.

Hoặc quốc 或國. Ngược lại âm câu bề 俱篋, âm dưới là 五約 ngũ ước. Theo Tự Thư cho rằng: Âm quặc bác 攢搏 là âm bác 博. Theo Văn Tự Âm Nghĩa cho rằng: Là chim cùng, mỏ nó giống con cùng thú vồ bắt mồi. Âm quặc 攢. Ngược lại âm 俱篋 câu lâu. Cái móng vuốt nắm giữ gọi là bác. Lại âm cư bích 居碧 cũng thông dụng.

Tra xiết 楂掣. Ngược lại âm trên là trác da 側耶. Quảng Nhã cho rằng: Tra là nắm giữ lấy. Lại cho rằng: Tra đâm vào, hoặc là viết tra. Ngược lại âm dưới là xích chế 尺制. Vận Anh Tập cho là Đánh, lôi kéo.

Hội lan (潰爛). Ngược lại âm hoàng ngoại 黃外. Thuyết Văn cho rằng: Hội là rỉ nước. Vận Anh Tập cho là Tan vỡ, quân thua trận chạy tán loạn. Ngược lại âm dưới là lặc đản 勒旦. Phương Ngôn cho rằng: Nấu thức ăn chín như gọi là lan 爛.

Trùng thư 蟲咀. Ngược lại âm trên trực dung 逐融. Nhĩ Nhã cho rằng: Có chân gọi là trùng. Nay trong văn kinh viết chữ trùng 虫 là lược bớt. Ngược lại âm dưới là thất dư 七余. Tự Thư cho là Con ruồi, con nhặng. Âm dăng 蠅. Ngược lại âm dĩ chung 以烝. Loài sâu có vú. Thuyết Văn cho là Chũr thư, từ bộ nhục 肉 thanh thư.

Hủ nhục 腐肉. Ngược lại âm phò phủ 扶甫. Khảo Thanh cho là Thịt đã rửa ra, thối rửa. Văn nói chữ viết từ bộ nhục 肉 thanh phủ 府. Cốt tảo 骨瑣. Ngược lại âm tô quả 蘇果. Quảng Nhã cho rằng: Tảo là liên kết với

nhau, nghĩa là các lóng xương câu móc liên kết lại với nhau. Tóm lại cho rằng: Tỏa là liên kết thành vòng tròn.

Thuyết Văn nói cho là Chữ viết từ bộ Vương 王 thanh tỏa. Ngược lại âm tô quả 蘇果. Trong kinh có viết từ bộ tỏa 瑣 viết chữ tỏa 噴, hoặc là chữ tỏa đều chẳng phải.

Khoan cốt 髑骨, âm khoan 寬. Bì Thương cho rằng: Khoan là cái mông dít. Ngược lại âm khổ cao 苦高. Thuyết Văn cho là Xương bấp đùi trên. Chữ viết từ bộ cốt 骨 thanh khoan 寬.

Hiếp cốt 脅骨. Ngược lại âm trên là 虛業 hư nghiệp, hoặc là viết 脅 hiếp này cũng đồng nghĩa. Thuyết Văn cho là xương hai bên bụng, là xương sườn. Chữ viết từ ba bộ 力 lực.

Bác cốt 膊骨. Ngược lại âm 補各 bổ các. Thuyết Văn cho là Xương bả vai. Chữ viết từ bộ cốt 骨 thanh bác. Ngược lại âm phương vô 芳無. Trong văn kinh có viết từ bộ 肉 nhục, viết thành chữ 膊 bác. Ngược lại âm 普各 phổ các, đều là chẳng phải chữ.

Hàm cốt 頤骨. Ngược lại âm 胡感 hồ cảm. Tiếng địa phương cho rằng: Hàm là xương gò má. Quách Phác cho rằng: Hàm là đòn áp hai bên xe.

Độc lâu 獨髑. Âm trên là 獨 độc, âm dưới là 婁 lâu. Thuyết Văn cho là Độc lâu là xương đánh đầu. Tỳ Thương cho rằng: Xương đầu. Tự Thư cho rằng: Nảo che đây, hoặc là viết 獨髑 độc lâu, hoặc gọi là 頭顱 đầu lô, hoặc gọi là thác 飢. Ngược lại âm 徒各 đồ các. Âm 顱 lô là âm 盧 lô, đều là một nghĩa, cũng do nơi nước Sở, nước Hạ mà đọc âm riêng biệt có nặng có nhẹ, mà

sai đi lần lần.

Nhật bạo 日暴. Ngược lại âm 蒲胃 bồ vị Vận Anh Tập cho rằng: Phơi, hong cho khô ráo dưới nắng mặt trời, Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ 日 nhật đến bộ 出 xuất, đến bộ 大 đại, âm 代 đại, từ chữ 米 mẽ Chữ hội ý. Trong văn kinh viết từ bộ 田 điền đến bộ 恭 cung là chẳng đúng.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 415

Kế đây lại là âm bốn mươi ba chữ Phạm. Trong kinh trước, quyển năm mươi ba, tuy rằng đã lược, nói là không sửa đổi thể chữ trong kinh. Nay sửa đổi văn xưa, lấy theo văn phiên dịch mới đúng. Trong kinh vốn có chú giải đầy đủ, người trí khéo xem xét mà hiểu rõ. Trong kinh sau này người viết theo bốn mới.

Nhập suy tự 入衰字. Ngược lại âm 烏可 ô khả La tự 囉字. Chữ 羅 la, thượng thanh, bao gồm đọc là đàn cái lưỡi lên, nên tức là như. Trong kinh ghi sót lại nên chữ không tương đương, là chẳng đúng.

Bá tự 跋字. Ngược lại âm 波可 ba khả, âm đúng tương đương.

Tả tự 左字. Ngược lại âm 咸可 hàm khả Chữ trong kinh sách người viết không đúng âm chữ.

Năng tự 曩字. Ngược lại âm 褒朗 bao lãng. Đọc bao gồm âm mũi. Trong kinh đọc là 娜 nã không tương đương.

Khả tự 𠵿字. Ngược lại âm 勒可 lặc khả, âm đúng là như Nã tự 娜字. Ngược lại âm 那可. Chữ trong kinh là 陀 đà, không tương xứng với chữ 娜 là đúng.

Ma tự 麼字. Ngược lại âm 莫可 mạc khả. Chữ trong kinh là chữ bà 婆, không tương đương nên sửa lại.

Như tự 𠵿字. Ngược lại âm 奴雅 nô nhã. Trong kinh là 茶 trà, là chẳng đúng.

Kiêu uế 矯穢. Hai chữ này chẳng phải chữ Phạm. Ngược lại âm trên là 居夭 cư yêu, viết đúng là chữ 矯 kiều này. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Kiều 矯 là dối trá lừa gạt. Chữ trong sách viết 矯 kiều này, nghĩa là đùa nghịch, chơi đùa, trêu chọc. Trong văn kinh lại viết chữ 矯 kiều này là văn thường dùng. Ngược lại âm dưới là 洿衛 ô vệ. Âm ô. Ngược lại âm ư vũ 於雨. Vận Anh Tập cho rằng: Uế 穢 là xấu ác, dơ uế. Khảo Thanh cho rằng: Hoang đường.

Sa tự 沙字. Lấy thượng thanh là đúng. Chữ trong sách là 灑 sái, cũng được, âm tương đương.

Phược tự 縛字. Ngược lại âm 無可 vô khả Chữ sau này là chuẩn.

Đa tự 哆字. Ngược lại âm 多可 đa khả. Chữ đúng âm Phạm là 著 trước.

Dã tự 野字. Chữ dã này là đúng, tương đương với âm Phạm.

Sắc lẳng tự 瑟綾字. Hai âm hiệp một, âm trên là 所 乙 sở ất. Ngược lại âm dưới là 摘賈 trích giả Hai chữ hiệp lại làm một tranh đọc. Trong kinh viết 瑟吒 sắt trá, hai âm hiệp một, xưa dùng cũng thông.

Ca tự 迦字. Ngược lại âm cư khư 居厶. Thượng thanh, và các chữ trong sách đều không có âm chữ này, lấy đây nên xem xét lại là đúng.

Sa tự 娑字. Lấy thượng thanh đọc âm là đúng. Ngược lại âm 桑可 tăng khả.

Ma tự 麼字. Ngược lại âm mạc khả 莫 gồm có âm mũi, có hơi khác với chữ trước.

Nga tự 字. Ngược lại âm ngư khư 魚厶. Độc thượng thanh, và chữ trong kinh sách là da, đọc rất nặng.

Tha tự 他字. Đọc lấy thượng thanh. Ngược lại âm 他可 tha khả Nhạ tự 惹字. Ngược lại âm 慈訶勒可 từ khả lạc khả. Chữ trong kinh viết là xà, âm xa, không liên quan.

Thấp phục 溼縛 hai âm hiệp lại làm một 字 tự. Ngược lại âm 尸入 thi nhập, âm dưới là 無可 vô khả, hai chữ hợp lại làm một thanh đọc.

Đà tự 馱字. Ngược lại âm 徒駕 đồ giá. Trong kinh viết là 達 đạt, cũng hơi đúng, mà khác.

Xả tự 捨字. Ngược lại âm 尸也 thi dã. Đồng với Phạm âm. Khư tự 厶字, lấy đọc thượng thanh, tức là đúng.

Khất sai tự 乞灑字, hai âm hiệp một, hai chữ này hiệp làm một thanh. Trong kinh sách các chữ thanh chuyển đọc lần lần ra.

Tát đa tự 薩哆字, hai chữ hiệp một 字 tự. Ngược lại âm dưới là 可 đa khả, hai chữ hiệp lại thành một thanh đọc.

Cát nương tự 吉娘字, hai âm hiệp một, hai chữ hiệp

lại thành một thanh đọc. Trong kinh sách chữ 若 nhược là sai lược không đúng.

La tha tự 囉他字, hai chữ hiệp một 字 thanh. Trong kinh sách viết chữ 若 nhược là sai, lược, không đúng.

La tha tự 囉他字, hai âm hiệp một, chữ trên là 羅 thượng thanh, bao gồm chuyển lưỡi đọc, cùng với chữ 他 tha, hợp thành một thanh, tức là đúng. Trong văn kinh viết là la. Ngược lại âm 盧割 lô cát. Chữ 刺他 lạt tha, thanh này lớn nhưng cũng đồng.

Hạ tự 賀字. Ngược lại âm 胡固 hồ cố Trong kinh viết 呵 ha, quá nhẹ, bốn tiếng Phạm không có chữ này.

Bà tự 婆字. Ngược lại âm 婆賀 bà hạ Trong văn kinh viết chữ 薄 bạc, thật rất là không đúng.

Sa tự 字. Ngược lại âm 磋可 sa khả Tức là chữ 磋 sa thượng thanh. Trong kinh viết chữ xước 綽. Ngược lại âm 處 藥 xứ dược, không đúng. Táp ma tự 颯麼字, hai âm hiệp 字. Hai chữ hợp lại làm một thanh, bao gồm âm mũi. Trong kinh viết táp ma 颯摩. Truyền nhau viết sai.

Hạp phục tự 嗑, hai âm hiệp lại 字, âm trên là 合 hợp. Ngược lại âm dưới là 無可 vô khả, hai chữ hiệp lại thành một thanh đọc.

Đa sa tự 哆娑字, hai âm hiệp lại đọc là 字. Ngược lại âm trên 多可 đa khả. Âm dưới 娑可 sa khả, hai chữ hiệp lại thành một thanh.

Trong kinh viết sa, thanh này không đủ.

Già tự 伽字. Lấy khứ thanh, đúng âm Phạm tương đương.

Thác tự 𪛗字. Lấy thượng thanh. Ngược lại âm 勒賈 lặc giá. Trong văn kinh viết sủy. Ngược lại âm 勒皆 lặc giai, rất quái lạ chữ không tương đương.

Nã tự 𪛗字. Ngược lại âm 奴雅 nô nhã, bao gồm âm mũi, có khác với chữ 絮 như trước. Trong kinh viết chữ 絮 như, nên lấy thượng thanh.

Pha tự 頗字. Ngược lại âm trên là 普我 phổ ngã. Âm đúng tương đương bốn âm Phạm.

Tắc ca 塞迦, hai âm hợp, tự 字. Âm dưới là 迦 ca. Ngược lại âm 居厶 cư khư. Lấy thượng thanh, hai âm hợp lại đọc một thanh.

Duệ sa 拽娑, hai âm hợp, tự 字. Ngược lại âm trên là 延惹 diên kiết, âm dưới là chữ 娑 sa, lấy thượng thanh, hai chữ hợp lại đọc thành một thanh.

Thất giả 室者, hai âm hợp, tự 字. Hai chữ hợp thành một thanh.

Trong kinh viết là 酌 chước.

Lăng tự 綾字. Ngược lại âm 竹賈 trúc giả. Trong kinh viết chữ thác, nên lấy thượng thanh.

Trà tự 搽字. Lấy thượng thanh. Ngược lại âm 宅賈 thác giả Trong kinh viết là 擇 trạch, sai không tương đương.

Như trên các chữ sửa đổi trong sách, rất đích đáng, tuy đã xem qua, nhưng xét lại cho rõ âm chú thích nơi bốn thanh lấy rất nhỏ và hãy xem lại, tức là đọc. Ngược là bốn tiếng Phạm. Về sau, trong quyển một trăm chín mươi, lại nói về bốn mươi ba chữ Phạm, không khác với đây.

Bất tuần 不徇. Ngược lại âm 旬後 tuần hậu. Khảo Thanh cho rằng: Tuần 徇 là cầu. Vận Anh Tập cho là Lấy thân theo vật gọi là 徇 tuần. Thuyết Văn cho là Chữ viết từ bộ xước. Ngược lại là âm 丑尺 sửu xích. Đến chữ quân 勻. Ngược lại âm 聿均 duật quân. Trong văn kinh viết từ bộ 人 nhân đến bộ 旬 tuần là chẳng phải.

A luyện nhã 阿練雅. Hoặc gọi là 阿蘭雅 A lan nhã. Hoặc gọi là 阿蘭那 A lan na, hoặc cũng gọi là 蘭雅 Lan nhã, đều là âm Phạm chuyển đọc sai. Đúng Tiếng phạm nên gọi là 阿蘭 A-lan, chuyển cong lưỡi lên lấy thượng thanh, tùy theo địa phương này, dịch nghĩa là Chỗ vắng lặng, hoặc gọi là chỗ vô tranh, nhưng chỗ ở chẳng phải một nơi, hoặc trụ ở, vùng sa mạc, núi, rừng, nơi hoang dã, hoặc ở giữa đất trũng thấp, nơi rừng vắng lạnh lẽo, hoặc là ở bãi tha ma, là rất xa nơi tụ hội đông đúc, xóm làng, nhà cửa, chỗ huyên náo, chỗ nuôi gia súc, bò, chim, chó. Phải ở chỗ thanh vắng yên tĩnh cái tâm, để tu tập thiền định.

Ngạo mạn 傲慢. Ngược lại âm trên là 我告 ngã cáo. Khảo Thanh cho là Kiêu cử Đồ Dụ chú giải Tả Truyện cho là Không cung kính. Quảng Nhã cho là Mạn, lơ đãng, phóng đảng. Hoặc là viết 嫚 bề nghĩa là làm trò bốn cợt.

Thu thích 秋慙. Ngược lại âm dưới là 青幘 thanh trách. Đúng viết là 慙 thích. Luận Ngữ cho rằng: Kẻ tiểu nhân buồn lo lâu dài, gọi là 慙 thích. Trịnh Huyền cho rằng: Thích là lo buồn nhiều ưu tư sợ hãi. Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: Thích là đau khổ Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Thích là buồn bã. Thuyết Văn cho rằng: Chữ thích viết từ bộ 戊 viết (âm 越 viết), đến

bộ 心 tâm, đến bộ 宋 tổng thanh 省 tỉnh. Âm 宋 là âm 寂 tịch.

Kiên cuồng 矯誑. Ngược lại âm trên là 居夭 cư yêu. Kiên nghĩa là dối trá không chân thật. Chữ đúng viết từ bộ 夭 yêu viết thành chữ 矯 kiên. Trong kinh viết từ bộ 右 hữu viết thành chữ 矯 kiên, văn thường hay dùng. Ngược lại âm dưới là 俱況 câu hướng. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: Chữ 誑 cuồng cũng giống như chữ 惑 hoặc, nịnh hót, mê hoặc. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Cuồng là khinh khi. Theo Thanh Loại: Hoặc là viết chữ cuồng này là chữ cổ Huyền tạp 誼雜. Ngược lại âm 虛袁 hư viên. Theo Thanh Loại cho rằng: Ôn ào, âm ỉ lừa dối, quên. Chữ viết đúng là 誼 huyền. Trong văn kinh viết 喧 huyền, cũng là văn thường hay dùng.

Bách trách 迫迮. Ngược lại âm trên là 伯補格 bá bộ cách. Ngọc Thiên cho rằng: Bách cũng giống như chữ 逼 bức, nghĩa là bức bách.

Vương Dật chú giải Sở Từ rằng: Bách là gần sát bên cạnh. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Bách là gần. Quảng Nhã cho rằng: Bách là chật hẹp, cấp bách. Hoặc là viết bách 佰 chữ cổ. Xem lại Thanh Loại. Ngược lại âm dưới là 阻格 trở cách. Theo Thanh Loại cho rằng: 迮 trách là bách mau chóng ép bức. Thuyết Văn cho là Thiếu, khuyết. Hoặc là viết 窄 trách, nghĩa là chật hẹp, nhà nhỏ chật hẹp. Tỳ Thương cho rằng: 窄 trách, hoặc là viết hai chữ trách tượng hình này nghĩa là rượu đã đủ rồi, đều chẳng phải nghĩa đây dùng.

Tài nhất 纔一. Ngược lại âm 在裁 tại tài. Khảo Thanh cho rằng: Tài là đi qua đi lại, hoặc là viết 裁 tài.

Trong kinh viết chữ 纔 tài, cũng là văn thường dùng. Thuyết Văn cho là Viết chữ 才 tài.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

416

Đồ đa 杜多. Tiếng Phạm, cũng gọi là 頭陀 đầu đà. Hán dịch là 斗藪 đầu tẩu, nghĩa là tu hạnh viễn ly, có mười hai thứ Âm nghĩa quyển 53 đã giải thích đầy đủ.

Tu phát 鬚髮. Ngược lại âm trên là 相瑜 tương du. Vốn viết chữ 須 tu này. Nay văn thường dùng viết từ bộ thủy viết 須 tu này là chẳng đúng. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ cho rằng: 須 Tu đó là phần đầu dưới là râu tóc. Thuyết Văn cho rằng: Trên mặt có lông. Xưa nay chữ đúng viết từ bộ 髟 tiêu viết thành chữ 鬚 tu là chánh thể. Ngược lại âm dưới là 番襪 phan miệt. Tục Thư cho rằng: Phát 髮 là lông tóc trên đánh đầu. Vận Anh Tập cho rằng: Âm phát là lông tóc, hoặc là viết hai chữ 髮髮 phát này đều là chữ cổ. Chữ 髮 phát Thuyết Văn cho là Phát là lông tóc trên đầu, chữ viết từ bộ 髟 tiêu thanh phát.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

417

Vô biến vô dị 無變無易. Ngược lại âm trên là 無 vô, âm dưới là 亦 diệc. Văn sau đây có biến đổi, có khác, y cứ âm này.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 418

Bích lục 碧綠. Ngược lại âm 兵戟 binh kích. Quảng Nhã cho rằng: Viên ngọc màu trắng xanh. Thuyết Văn cho là Viên đá đẹp. Cho nên chữ viết từ bộ 玉 ngọc đến bộ 石 thạch thanh 白 bạch. Ngược lại âm dưới là 力足 lực túc. Thuyết Văn cho là Màu trắng xanh, hoặc là viết 碌 lục, là loại đá màu xanh lục. Lại viết lục này là chữ cổ.

Phiêu đẳng 縹等. Ngược lại âm 失僂 thất nhiêu. Thuyết Văn cho rằng: Phiêu 縹 là lục màu trắng, nhuộm thành màu xanh, màu vàng.

Vận Tập Đời Đường cũng gọi là vải lụa màu xanh, vàng.

(Quyển 419 đến quyển 423, gồm năm quyển, đều không có âm để giải thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 424

Cực bộc 極爆. Ngược lại âm bố giáo. Thuyết Văn cho rằng: Bộc là hun đốt. Quảng Nhã cho rằng: Hơi nóng dữ dội. Nhĩ Nhã cho là Bộc là rơi xuống. Khảo Thanh cho là Thiêu đốt củi phát ra tiếng nổ dữ dội.

Vận Anh Tập cho rằng: Tiếng nổ Âm trác. Ngược

lại âm 陟嫁 trắc giá.

Vận Thuyên Tập cho rằng: Tiếng nổ làm nứt ra. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ hỏa thanh 暴 bộc.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 425

Như ung 如癰. Ngược lại âm 擁恭 ung cung. Trang Tử cho là Ung thư bệnh ghẻ lở vết thương đã loét ra. Từ Mã Bru cho là Nóng nổi lên đỏ làm ung thư, không thông làm ung thư. Thuyết Văn cho rằng: Ung làm sưng lên. Chữ viết từ bộ tật, âm tật. Ngược lại âm 女厄 nữ ách, thanh ung.

Thiết tác 竊作. Ngược lại âm 千慙 thiên kiết. Trịnh Huyền cho rằng: Chữ 竊 thiết cũng giống như chữ thâm, nghĩa là ăn trộm. Khảo Thanh cho là lấy làm của riêng, trộm chút ít.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 426

Ca đa diên na 迦多衍那. Tiếng Phạm là 阿羅漢 A-la-hán. Xưa dịch là 迦旃延 Ca chiên diên.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

427

Yểm nê 掩泥. Ngược lại âm 於檢 ư kiểm, hoặc viết là yểm. Tự Thư cho rằng: Yểm là che giấu, ẩn giấu, che đây. Thuyết Văn cho rằng: Yểm là thu lại, co rút lại. Vận Anh Tập cho rằng: Yểm là che đây.

Cố mạng 顧命. Ngược lại âm 光戶 quang hộ Theo Mao Thi Truyện cho là Cố là xem xét chung quanh cho chu đáo. Trịnh Huyền cho rằng: Nhĩn mãi. Quảng Nhã cho rằng: Cố là hướng theo. Thuyết Văn cho là Quan tâm, chiếu cố Thiên Thương Hiệt cho rằng: Cố là nhìn quay lại, quay lại nhìn, quay lại nhìn xem xét thân mình. Chữ 顧 cố sách Thượng Thư chú giải rằng: Khi trở thành vua, là phải xem xét thân mạng mình cũng viết chữ 顧 cố là văn thường hay dùng.

Bình qua 兵戈. Ngược lại âm cổ hòa. Thuyết Văn cho là Cây kích đầu bằng. Vận Anh Tập cho rằng: Cây kích mâu đầu cong móc câu.

Liêu tá 僚佐. Ngược lại âm trên là 力磗 lực điều. Khổng An Quốc chú giải rằng: Liêu là làm quan. Nhĩ Nhã cho rằng cũng đồng trong Tả Truyện: Làm quan là một người đầy tớ, lại gọi là đồng làm quan gọi là 僚 liêu. Lại viết 𠂔寮寮 ba chữ liêu, âm 采 thái. Ngược lại âm dưới là 子固 tử cố Theo sách Chu Lễ cho rằng: Các nước đều dùng người phò tá vua. Trịnh Huyền cho rằng: Tá 佐 là trợ giúp. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Khi vua xuất chinh, dùng người phò tá vua là.

Cam giá 甘蔗. Ngược lại âm 支夜 chi dạ, âm sau y cứ theo đây. Lô vi 蘆葦. Ngược lại âm trên là 盧 lô, âm dưới là 于鬼 vu quỷ Lô vi là một loại mía, cũng là loại

lau sậy, giống như trúc, tre, mọc trong rừng, loại mía ma v.v... Trong kinh lấy làm ví dụ số nhiều, đều là ví như lau, sậy, lúa ma v.v...

Vi cự 韋拒. Ngược lại âm trên là 羽危 vũ nguy. Trong văn kinh viết 違 vi là văn thường dùng. Người sau vốn viết chữ 韋 vi này cộng thêm ba bộ 辵 xước. Ngược lại âm 丑略 sủ lược. Nghĩa là làm trái lại trên dưới, trong ngoài, làm cho xáo trộn khổ sở. Âm 困 khốn thanh 韋 vi. Ngược lại âm dưới là 渠吾 cự ngô. Thuyết Văn cho rằng: Cự 拒 là chống lại. Ngược lại âm 麼浪 ma lãng. Quảng Nhã cho rằng: Cự là chống giữ âm 捍 hãn. Ngược lại âm 何旦 hà đán. Vận Anh Tập cho rằng: Tìm cách chống cự lại trên. Vận Anh Tập cho rằng: Cự là trái lại, làm. Ngược lại.

Mạc kỳ 莫耆. Là tiếng Phạm, nghĩa là có thể trừ bỏ đi thần thuốc độc dược, cũng gọi là công lực thần thuốc độc. Như trong kinh tự nói rằng: Như trong nước này Lãnh Nam Trần Gia giải độc, loại bạch dược, hoàng dược, hắc dược.

Độc trùng 毒蟲. Ngược lại âm 逐融 trực dung. Chữ đúng thể. Trong văn kinh viết 虫 trùng này là văn thường hay dùng, tỉnh lược bớt đi.

Thích cảm 螫澈. Ngược lại âm trên là 舒亦 thư diệt, âm dưới là 訶各 ha các, hai âm đều thông dụng.

Uy túc 威肅. Ngược lại âm. Theo sách Lễ Ký cho rằng: Túc là hàng rào ngăn cấm. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Túc là cung kính. Vận Anh Tập cho rằng: Túc là cung. Khảo Thanh cho rằng: Túc là sợ hãi, kinh sợ. Ngược lại âm 息勇 túc dũng, kinh sợ

cung kính. Theo Tự Thư cho là Nghiêm chỉnh. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ 聿 duật. Ngược lại âm 女輒 nữ triếp, viết ở trong tường phiếu, âm uyên, âm là chiến chiến, cạnh cạnh, âm uyên là âm 淵 uyên.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 428

Cổ đạo 蠱道. Ngược lại âm trên là 古 cổ. Lại âm 野或 dã hoặc, gọi là dã đạo. Trong quyển một trăm lẻ hai trước đã giải thích đầy đủ.

Quỷ mi 鬼魅. Âm dưới 眉秘 mi bí. Quyển một trăm lẻ hai ở trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Yêm đảo 俺禱. Ngược lại âm trên là 伊琰 y diễm. Âm dưới là 當者 đương giả. Quyển một trăm lẻ hai trước đã giải thích đầy đủ.

Hương nang 香尙 Âm trên là 香 hương, là chữ chánh thể Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ 𣎵 𣎵, đến bộ 甘 cam. Ngược lại âm dưới là 諾當 nặc đương: dụng cụ đốt hương. Chữ chánh xưa nay cho rằng: Có đáy gọi là cái túi, không đáy gọi là 囊 nang. Chữ viết từ chữ nang thanh 省 tỉnh.

Thiệm bộ châu 瞻部洲. Ngược lại âm 常焰 thường diễm. Tiếng Phạm, là tên gọi chung đại địa (quả địa cầu). Bởi vì nhân kim, nhân thọ mà đặt tên này.

Tốt đồ ba 窣堵波. Là Tiếng Phạm. Ngược lại âm trên là 蘇骨 tô cốt, âm dưới là 睹睹. Đây gọi là cao hiển bày ra, tức là ngôi tháp Phù Đồ v.v...

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

429

Phiêu nịch 漂溺. Ngược lại âm 匹遙 thất diêu. Thuyết Văn cho rằng: 漂 Phiêu là nổi lên. Quảng Nhã cho là Phiêu là bọt nước. Ngược lại âm 篇蔑 thiên miệt. Ngược lại âm dưới là 泥的 nê đích. Thuyết Văn cho là Nịch là chìm xuống, hoặc là viết nịch, là chữ cổ.

Khiển phạt 譴罰. Ngược lại âm trên là 企見 xí kiến. Quảng Nhã cho rằng: Khiển là trách. Thuyết Văn cho rằng: Khiển là chỉ trích, tra hỏi. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Khiển là la rầy. Quế Uyển Châu.

Tòng cho rằng: Khiển là phần nộ, giận dữ. Ngược lại âm dưới là 煩罰 phiên phạt. Phạt nghĩa là quở trách.

Đồ quái 屠膾. Ngược lại âm trên là 唐胡 đường hồ. Thuyết Văn cho là Đồ 屠 là mổ banh ra. Ngược lại âm 枯 khô, nghĩa là cắt ra, phanh ra. Khảo Thanh cho rằng: Phân ra cắt ra, dùng dao cắt thịt con vật hy sinh gọi là đồ 屠. Ngược lại âm dưới là 古外 cổ ngoại. Quảng Nhã cho rằng: Quái là cắt lìa ra. Tục Thư cho rằng: Là xắt thịt mỏng ra.

Bổ yết sa 補羯娑. Ngược lại âm trên là 博母 bác mẫu. Kê là âm 居謁 cư yết, âm dưới là 桑何 tằng hà. Tiếng Phạm, đây dịch là biên địa, là vùng xa xôi hẻo lánh, là hạ tiện loại người không tin nhân quả, sát sanh, trộm cướp, ái lại, tà kiến.

Thú Đạt La 戍達羅. Là tiếng Phạm, hoặc gọi là 首

陀羅 Thủ-đà-la, hoặc là gọi 首陀 Thủ Đà. Đều là âm Phạm chuyển đọc sai, lược.

Gọi đúng là người cày ruộng, trồng trọt, là nghề trong bốn họ của Bà La Môn, là nghề thấp hèn nhất.

Mậu dịch 貿易. Trong kinh viết 貿 mậu, là văn thường dùng. Ngược lại âm 莫候 mạc hậu. Khảo Thanh cho rằng: Đổi tài vật gọi là 貿 mậu, nghĩa là mua bán đổi chác.

Tự cầu 伺求. Ngược lại âm trên là 司恣 ty tứ. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Tự 伺 là chính xác. Vận Anh Tập cho rằng: Tự là hầu hạ, cũng gọi là chính xác được hay mất.

Bột ác 勃惡. Ngược lại âm 蒲沒 bồ một. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Bột 勃 là nghịch lại. Thuyết Văn cho rằng: Bột là loạn, làm loạn lên. Ngược lại âm dưới là 阿各 a các. Thuyết Văn cho rằng: Quá ác. Chữ viết từ bộ 心 tâm thanh 亞 á. Trong văn kinh nhiều khi viết từ bộ 西 tây viết thành chữ 惡 ác này, cũng là văn thường dùng.

Lật niếp tử chủng 栗聶𡗗種. Ngược lại âm trên là 齒葉 xỉ diệp, âm dưới là 婢夷 tỳ di. Xưa tên là chủng loại thuộc tên là Lợi xa tỳ đồng tử, Sát đế lợi Vương, là quyền thuộc Đào tộc, chủng đệ tử của Phật.

Khiếp bố 怯佈. Ngược lại âm trên là 匡業 khuông nghiệp, hoặc viết chữ khiếp này. Thuyết Văn cho rằng: Lo sợ nhiều. Sách Lễ Ký cho rằng: Người đồng mãnh lo sợ khổ Ngọc Thiên cho là Lo sợ thua kém, lo sợ mất đi. Ngược lại âm dưới là 普布 phổ bố, hoặc viết bố này. Quảng Nhã cho rằng: 怖 bố cũng là sợ hãi, lo sợ. Khảo

Thanh cho rằng: Bố cứ là sợ theo. Ngược lại âm cự ngư, nghĩa là quá khiếp sợ. Chữ viết đúng là chữ 遽 cứ này. Thuyết Văn cho rằng: Lo sợ giống như bị khủng hoảng tinh thần. Chữ viết từ bộ 心 tâm thanh 布 bố.

Phước hữu 福祐. Ngược lại âm 尤救 vuu cứu. Theo sách Chu dịch cho rằng: Phước từ trời ban cho. Khổng Tử cho rằng: Hậu 祐 là giúp đỡ. Khảo Thanh cho rằng: Phước được giúp đỡ hoặc viết 佑 hữu này, xưa viết hữu 佑 đều đồng nghĩa.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 430

Phân phức 芬馥. Ngược lại âm 芳文 phương văn. Trịnh Huyền chú giải Mao Thi Truyện cho rằng: Phân 芬 là hương thơm. Phương Ngôn cho rằng: Phân là hương hòa theo. Quách Phác cho rằng: Hương thơm mà hòa điệu theo gọi là 芬 phân. Thuyết Văn cho là Chữ viết từ bộ 中 triệt thanh 分 phân. Ngược lại âm dưới là 為目 vi mục. Theo Hàn Thi Truyện cho rằng: Phức 馥 là khí thơm.

Đồ trị 塗治. Ngược lại âm trì ly. Nghĩa là sửa đổi, tu sửa.

Phan đạt 幡鐸. Ngược lại âm 唐洛 đường lạc, giống như là cái chuông, mà bên trong có lưỡi. Theo chữ đạt nghĩa là cái linh lớn gọi là 鐸 đạt.

Kỹ nhạc 妓樂. Ngược lại âm 渠綺 cừ ỷ, hoặc là viết 技 kỹ này, nghĩa là người thợ khéo léo, hoặc là viết chữ

伎 kỹ này, tức là kỹ nghệ. Theo Tự Thư cho rằng: Người con gái biết đàn hát. Chữ viết từ bộ 女 nữ viết thành chữ 妓 kỹ Trong văn kinh viết từ bộ 人 nhân, hoặc viết từ bộ 扌 thủ, đều chẳng đúng. Ngược lại âm dưới là 五角 ngũ giác.

Biên鄙 邊鄙. Ngược lại âm 悲美 bi mỹ Theo sách Sử Ký cho rằng: Bỉ lậu, xấu ác. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Bỉ là nơi biên giới gọi là biên ấp đó là ngoài hoang dã xa nơi kinh đô của nước, gọi là bỉ lậu, nghĩa là người hèn hạ thấp kém, không thông đạt thi, thơ lễ nhạc, gọi là bỉ phu. Thuyết Văn cho rằng: Năm tổ làm một bỉ, nghĩa là năm trăm nhà làm một làng. Chữ viết từ bộ 邑 ấp thanh bỉ Âm tổ. Ngược lại âm 祖短 tổ đoản.

Đạt như 達絮. Ngược lại âm 奴雅 nô nhã. Trong văn kinh có viết 絮 như. Ngược lại âm 思預 tư dự Trong sách người ta viết sai. Đây là tiếng Phạm, cũng gọi là 邊夷戎羯 biên di nhưng yết. Nghĩa là loại người hạ tiện, không biết lễ nghĩa, giống như loài cầm thú.

Miệt lệ xa 蔑戾車. Âm trên là 眠鰲 miên miết, âm ké là 蓮結 liên kết, âm dưới là 齒遮 xỉ giá. Đây gọi là biên địa, tiếng Phạm đọc sai, lược, không đúng. Đúng âm Phạm nên gọi là Tốt lật, hai âm hiệp sa, dịch là tham vui dơ uest, vật nơi địa phương hạ tiện, là người không tin chánh pháp.

Hoặc đàm 或痰. Ngược lại âm 徒含 đồ hàm. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ 疒 tật thanh đàm, âm 疒 là âm 搦 nạch.

Thũng bao 腫刨. Ngược lại âm là 之勇 chi dũng. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Mụn ghẻ mọc

lâu ngày thành ung. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Sưng lên thành mụn u, âm quý là âm 會 hội. Thuyết Văn cho là Mụn ung sưng lên. Ngược lại âm 於恭 ư cung. Chữ viết từ bộ 肉 nhục đến bộ 疒 tật thanh 重雍 trùng ung.

Mục huyền y 目眩依. Ngược lại âm 慧絹 tuệ quyền. Giả Quỳ cho rằng: Huyền hoặc là bị hoa mắt. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Nhìn không thấy rõ. Ngược lại âm dưới là 嬰曳 anh duệ Trong văn kinh viết y này là không thành chữ.

Khô cố 枯固. Ngược lại âm 康姑 kang cô. Khảo Thanh cho rằng: Cây khô chết, hoặc là viết khô 枯, là chữ cổ.

Tương khiếp 箱篋. Ngược lại âm trên là 息羊 tức dương. Vận Anh Tập cho rằng: Tương đó hoặc gọi là dụng cụ đựng sách, y phục gọi là rương. Khảo Thanh cho rằng: Tương khiếp là cái rương, cái hòm.

. Ngược lại âm 輕頰 khinh giáp. Thuyết Văn cho rằng: Khiếp là cái rương bằng tre. Âm 筥 tứ là âm 四 tứ Tự Thư cho rằng: Khiếp tương đều nghĩa là loại rương chứa sách, hoặc y phục.

Hành cấn 莖稈. Ngược lại âm trên là 幸耕 hạnh canh. Khảo Thanh cho rằng: Hành 莖 là cái gốc, gốc cỏ gọi là 莖 hành. Theo Tập Huân Truyện cho rằng: Cọng cuống của cây cỏ Thuyết Văn cho là Chủ của cành. Chữ viết từ bộ thảo thanh hành. Ngược lại âm dưới là 干瀨 can lại. Theo Tả Truyện giải thích rằng: Thân cây lúa. Quảng Nhã cho rằng: Nhánh cây lúa gọi là 稈 cấn. Khảo Thanh cho rằng: Cọng mềm của cây lúa. Thuyết Văn cho rằng:

Cũng là cọng cây lúa. Chữ viết từ bộ hòa thanh 旱 hãn, hoặc là viết cảm 稈 cũng đồng nghĩa. Trong văn kinh viết cảm 稈, lại viết cảm 稈, tuy cũng thông, nhưng chẳng phải nghĩa của kinh.

Toái kim 碎金. Ngược lại âm 蘇對 tô đối. Nghĩa là đập phá vỡ vụn. Khảo Thanh cho rằng: Toái 碎 là vỡ vụn vật, hư hoại, hoặc là viết toái 碎, là loại bình chai, do bộ ngỗ. Toái đây chẳng phải nghĩa đây dùng.

(Quyển 431, 432 không có âm giải thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 433

Giả tịch 假藉. Ngược lại âm 情夜 tình dạ văn ở dưới đây là y cứ Khảo Thanh cho rằng: Tịch là loại cỏ cho thú vật ăn.

(Quyển 434 không có âm giải thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 435

Ồi tạp 猥雜. Ngược lại âm 烏賄 ô hối, âm dưới là 呼每 hô mỗi. Quảng Nhã cho rằng: Đông đúc. Theo Tự Thư cho rằng: Cũng là tạp loạn, dơ uest, hỗn tạp.

Lê thậm 黧甚. Ngược lại âm trên là 力遲 lực trì. Theo văn thông tục cho rằng: Đóm đen gọi là 黧 lê. Khảo Thanh cho rằng: Chấm đen trên gò má. Ngược lại âm 青旬 thanh tuần. Màu đen đỏ cũng gọi là già cõi, mà vàng

đó nghĩa là gọi cho một thời kỳ mở đầu cho văn tự âm nghĩa. Ngược lại âm 力奚 lực hề Nay không lấy âm dưới. Ngược lại là âm 他感 tha cảm. Sở Từ chú giải rằng: Y theo ngày tháng kia sẽ biết rõ vết nhơ, điều xấu xa đó mà có. Vương Dật chú giải rằng: Viên ngọc không có sáng sạch. Thuyết Văn cho rằng: Chấm đen đó khắc trên trán. Khảo Thanh cho rằng: Loại sơn.

Cùng tụy 窮. Ngược lại âm tường tụy. Quyển thứ một trăm tám mươi đã giải thích rồi. Lại gọi là tiêu. Ngược lại là âm 淨遙 tịnh diêu, nghĩa là ốm o tiêu tụy, hốc hác, xơ xác, khốn khổ. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Tụy là lo buồn, hoặc là viết tụy, là tụy, tụy, ba thể chữ cổ Sau này chỉ dùng hai chữ trên.

Ngoan ngan 頑嚚. Ngược lại âm trên 關 ngōa quan. Âm dưới là 語斤 ngữ căn. Quyển một trăm lẻ tám trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Khinh tiêu 輕詔. Ngược lại âm 情笑 tình tiêu. Khảo Thanh cho rằng: Trách phạt, chỉ trích, chê cười. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Quả mắng, trách. Thuyết Văn cho rằng: Phiền nhiễu, rắc rối. Hoặc là viết 譙 tiêu, nghĩa là chê trách. Văn cổ viết tiêu 瞧.

Oa loa 蝸螺. Ngược lại âm trên là 果華 quả hoa. Nhĩ Nhã cho là Con ốc sên nhỏ. Ngược lại âm dưới là hư hòa. Trong kinh viết 螺 loa này là văn thường dùng.

(Quyển 436, không có âm giải thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

437

Hoạn khái 環鎧. Âm trên là 患 hoạn. Theo Quế Uyên Châu Tòng cho rằng: Lấy áo giáp mặc vào người gọi là 環 hoạn. Ngược lại âm dưới là 苦代 khổ đại. Thuyết Văn cho rằng: Khái là cái áo giáp. Theo Văn Tự Tập Lược cho rằng: Lấy kim loại làm da, che thân gọi là 鎧 khái.

Cù lao 劬勞. Ngược lại âm 其驅 kỳ khu. Theo Mao Thi Truyện cho là Vất vả, nhọc nhằn ngoài đồng, cũng gọi là bệnh.

Suy mạo 衰耄. Ngược lại âm trên là 率追 suất truy. Vận Anh Tập cho rằng: Suy là nhỏ bé, yếu mềm. Ngược lại âm dưới là 莫報 mạc báo.

Vận Anh Tập cho rằng: Mạo là già. Theo sách Lễ Ký cho rằng: Tám mươi, chín mươi tuổi gọi là 旄 mạo (là âm 耄 mạo này). Trịnh Huyền chú giải rằng: Mạo lão đó là mê muội hay quên, hoặc là viết chữ 耄 mạo này, mao đều là chữ cổ.

Khu khiển 驅遣. Ngược lại âm 去于 khứ vu. Thuyết Văn cho rằng: Đánh cho ngựa chạy đi. Theo Văn Tự Tập Lược viết chữ cận 僅, là văn thường hay dùng. Lại cũng viết 毆 khu là chữ cổ lại là thanh khứ.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

438

Hủy tử. Ngược lại âm dưới là 子爾 tử nhĩ. Lại cũng là âm 子移 tử di, lại cũng là âm 茲此 tư thử, ba âm, đều

thông dụng, hoặc là viết chữ bốn chữ tượng hình này đều là chữ cổ. Vận Anh Tập cho rằng: Tử là lời nói trách móc. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Tử là lời hủy nhục, thô ác, mắng nhiếc.

Phú tế 富蔽. Ngược lại âm 芳務 phương vụ, cũng là âm 卑袂 ti duệ, cũng gọi là che giấu.

Quán tập 慣習. Ngược lại âm 開患 khai hoạn. Khảo Thanh cho rằng: Gọi là thói quen. Tả Truyện viết chữ 貫 quán là chữ giả tá. Thuyết Văn viết chữ quán 串 này là cũng thông dụng. Trong văn kinh viết 串 xuyên, chữ cổ cũng thông dụng.

Mục nhân 牧人. Ngược lại âm 蒙卜 mông bốc. Ngọc Thiên cho rằng: Mục là tên gọi chung của người nuôi gia súc, chẳng phải chỉ riêng chữ mục là chỉ nuôi trâu bò, ngựa mà thôi. Nhĩ Nhã cho rằng: Ở ấp ngoài là nơi biên giới chỗ xa xôi hẻo lánh cũng gọi là 牧 mục.

Hoài dục 懷孕. Ngược lại âm 胡乖 hồ quái. Khổng An Quốc chú giải sách Luận Ngữ rằng: Hoài là an ổn. Ngược lại âm dưới là 𧈧證 dư chứng. Trịnh Huyền chú giải rằng: Người con gái mang thai gọi là 孕 dục. Thuyết Văn cho rằng: Ôm đứa con trong lòng. Quảng Nhã cho rằng: Ôm trên người. Âm thân, là âm 身 thân.

(Quyển 439, không có âm để giải thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

440

Khiếm khứ 欠祛 âm dưới là 去 khứ. Tỳ Thương cho

rằng: Khiếm khứ là há miệng ra. Trong văn kinh viết từ bộ khẩu viết? khứ Theo Quế Uyển Châu Tòng cho rằng: khứ 𪔐 là ngọa thanh (thanh ngang). Vận Thuyền Tập cho là vòng biên giới, giáp với nước khác, chẳng phải nghĩa này, nên đổi lại từ bộ 欠 khiếm viết thành khứ 𪔐. Theo hai chữ này đều hắc hơi ra, văn dùng rất thông dụng.

Táo nhiễu 躁擾. Ngược lại âm 歲告 tuế cáo. Khảo Thanh cho rằng: Táo là tính nóng nảy, giao động, mau chóng, hoặc viết là chữ táo 躁 này cũng thông dụng. Ngược lại âm dưới là 如沼 như chiếu. Thuyết Văn cho là Nhiễu là phiền. Khổng An Quốc chú giải rằng: Nhiễu loạn. Thuyết Văn cho rằng: Chữ nhiễu từ bộ 手 thủ viết thành chữ 憂 ưu. Ngược lại âm 奴刀 nô đao, thanh nhiễu. Treo trong văn kinh viết từ bộ 卜 tâm, âm 心 tâm viết thành chữ nhiễu này là chẳng đúng.

Huất nhiên. Ngược lại âm 輝筆 huy duật. Nghiệt Tông cho rằng: Huất là cấp bách, vội vàng. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Huất là thốt nhiên, bỗng nhiên nổi dậy. Thuyết Văn cho rằng: Gió thổi nổi dậy.

Vi âm 為黯. Ngược lại âm 遐輒 hà yết. Phương Ngôn cho rằng; Từ cửa nhìn ra mà giữa Đông nước Triệu, Ngụy gọi là trí tuệ, là thông minh. Khảo Thanh cho là Thông minh, lanh lợi, gian dối. Âm 姦 gian là âm gian. Vận Anh Tập cho là gian trá không thật thà. Âm 輒 yết. Ngược lại âm 烏八 ô bát.

Quý mô 揆模. Ngược lại âm trên là 葵癸 quý quý. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: quý là đánh giá, đoán, phán đoán, âm 度 độ. Ngược lại âm 徒各 đồ các. Theo

Quế Uyển Châu Tòng cho rằng: Thương lượng, đánh giá đối với việc gọi là 揆 quĩ. Ngược lại âm dưới là 莫胡 mạc hồ. Tóm tắt cho rằng: Mô là khuôn mẫu phép tắc. Chữ viết từ bộ 木 mộc thanh 莫 mạc. Khảo Thanh cho rằng: Là mô hình, qui tắc. Tự Thư cho là Khuôn mẫu, gương mẫu. Cũng có viết từ bộ 扌 thủ âm 手 thủ, viết chữ 摸 mô. Chữ 摸 mô này là chẳng phải nghĩa ở đây dùng, hoặc là viết 撫 vũ, chữ 撫 vũ này đều là chữ cổ.

Đề bại 稊稗. Ngược lại âm trên là 徒奚 đồ hề. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Giống như loại lúa ma, mọc hoang. Nhĩ Nhã cho rằng: Đồng với Khảo Thanh cho là tên của một loại cỏ Vi Hoàng lại viết theo chữ đề 莢 này, hoặc là viết 秩 trật 種 chủng, đều là chữ cổ. Ngược lại âm dưới là 蒲賣 bồ mại. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Nó giống như loại ngũ cốc mà khác. Thuyết Văn cho rằng: Giống lúa khác, hoặc là viết 稊 bại, là loại hạt gạo nhỏ.

Quĩ phạm 軌範. Ngược lại âm trên là 俱葦 câu vi.

Vận Anh Tập cho rằng: Vết bánh xe. Khảo Thanh cho rằng: Dấu vết của chiếc xe. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ 車 xa đến bộ 兗 quĩ, âm 鬼 quĩ, thanh 省 tỉnh. Ngược lại âm dưới là 凡黯 phàm âm. Nhĩ Nhã cho rằng: Là khuôn pháp thường. Tự Thư cho phạm là mô phỏng bắt chước. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ 車 xa đến bộ 範 phạm thanh 省 tỉnh.

Phân tảo 糞掃. Ngược lại âm trên là 分問 phân vấn. Vận Anh Tập cho là Đồ bỏ đi, vứt đi, hoặc viết là bốn chữ phân tượng hình này đều đồng. Ngược lại âm dưới là 蘇到 tô đáo. Vận Anh Tập cho là Tảo trừ, hoặc là viết

chữ 掃 tảo. Theo chữ phân tảo đó là khác của áo nạp.

Khan lậ 慳吝. Ngược lại âm 𠂔閑 khẩu nhàn. Vận Thuyên Tập cho rằng: Khan là bền chắc. Quế Uyển Châu Tông cho rằng: Yêu tiếc tài vật, không muốn xả bỏ gọi là 慳 khan, hoặc là viết chữ, hai chữ khan này đều là chữ cổ. Ngược lại âm dưới là 隣信 lân tín. Quảng Nhã cho rằng: Lậ là thô bỉ hèn hạ. Vận Anh Tập cho rằng: Lậ là tiếc là keo kiệt, hoặc viết chữ cổ.

Điều cử 掉舉. Ngược lại âm trên là 庭曜 đình diệu. Trong quyển thứ tám trước đã giải thích rồi. Ngược lại âm dưới là 居圖 cư đồ Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ 手 thủ thanh 與 dữ Trong văn kinh viết 舉 cử này là văn thường dùng.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 441

Khiêm hận 慊恨. Ngược lại âm trên là 刑兼 hình kiêm. Vận Anh Tập cho là hiềm nghi. Vương Bật chú giải sách Chu Dịch rằng: Tâm không bình lặng, không vừa lòng, bất mãn. Khảo Thanh cho rằng: Tâm xấu ác. Thuyết Văn cho là Chữ viết từ bộ 女 nữ đến bộ 兼 kiêm, thanh 兼 kiêm, cũng viết 慊 khiêm này đều đồng nghĩa.

(Quyển 442, 443 đều không có âm để giải thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

444

Phù nang 浮囊. Ngược lại âm trên là 附無 phụ vô. Không An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Trôi nổi gọi là 浮 phù. Chữ phù. Ngược lại âm 芳劍 phương kiếm. Giả Quỷ chú giải sách Quốc ngữ rằng: Phù đó là nhẹ. Ngược lại âm dưới là 奴即 nô tức. Thuyết Văn cho là cái túi. Âm 託 thác, theo nghĩa là cái túi da chứa hơi, dựa theo chữ phù nang là cái túi chứa hơi để qua sông lớn. Trong kinh lấy chữ 浮 phù là nổi lên nhẹ nhàng để làm ví dụ.

Phôi ngổa 坯. Ngược lại âm trên là 普抔 phổ bôi. Vận Anh Tập cho rằng: Gạch ngói chưa nung gọi là phôi. Ngược lại âm dưới là 五寡 ngũ quả. Đất đem đi nung làm gạch xây nhà, hoặc là làm bình, dụng cụ đựng đồ.

Lan hoại 爛壞. Ngược lại âm 郎旦 lang đán. Phương Ngôn cho rằng: Hầm lửa chín như gọi là 爛 lan. Ngược lại âm dưới là 胡怪 hồ quái. Hoại nghĩa là phá hư, hư hoại.

Suy hao 衰. Ngược lại âm trên là 霜歸 sương quy. Vận Anh Tập cho rằng: Suy là yếu đi, nhỏ nhắn, mềm mại. Chữ suy cũng giống như chữ nghĩa là tổn giảm. Ngược lại âm dưới là 高奧 cao áo. Thiên thượng Hiệt cho rằng: Hao là tiêu mất. Vận Anh Tập cho rằng: Hao là giảm bớt, hao hụt.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

445

Tướng soái 將帥. Ngược lại âm trên là 精漾 tinh dạng. Ngược là âm 半匠 bán tương. Khảo Thanh cho rằng: Quân, vua, là thầy. Ngược lại âm dưới là 衰類~ suy loại. Tự Thư cho rằng: Lãnh, hoặc là viết 衛 vệ, âm này cũng đồng.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

446

Thuần thực 淳熟. Ngược lại âm 乘倫 thùy luân. Vận Anh Tập cho rằng: Thuần là tưới nước. Khảo Thanh cho rằng: Thuần sạch, lại cũng gọi là thuần phác, nghĩa là thật thà chất phác. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Tưới nước đều hòa gọi là 淳 thuần.

Hà mạo 何藐. Ngược lại âm 茅豹 mao báo. Vận Anh Tập cho rằng: Dung nghi, hoặc viết chữ 兒 nhi. Theo sách Thượng Thư Hồng Phạm cho rằng: Gọi là một dáng mạo. Khổng An Quốc cho rằng: Dung nghi, hoặc viết mạo 藐, chữ cô.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

447

Ốt-Bát-Ba-Hoa 唵鉢羅花. Ngược lại âm 烏骨 ô cốt. Là tiếng Phạm, tên một loài hoa, Sen màu xanh lá nhỏ. Xưa gọi là 漚鉢羅 Âu bát la, hoặc tên là 優羅 Ưu Bát La, đều sai. Đây là loài hoa rất thơm, rất lớn, ở nhân gian

không hề có, hoa này có trong ao Vô Nhiệt Nảo, ở núi Tuyết.

Bát-đắc-Ma Hoa 鉢特摩花. Cũng là Tiếng Phạm, tên một loài hoa, hoặc gọi là 鉢頭摩 Bát Đầu Ma, hoặc gọi là 鉢弩摩 Bát Nỗ Ma. Đúng gọi là 納摩 Bát Nạp Ma, tức là hoa Sen hồng, cũng gọi tên là hoa sen vàng.

Câu-Muru-Đà-Hoa 拘牟陀花. Tiếng Phạm, tên là hoa Sen đỏ, hoặc gọi là 拘勿頭 Câu Vật Đầu. Gọi đúng là 拘牟那 Câu Mâu Na, tức là hoa Sen đỏ đậm. Ở nhân gian cũng ít có, phần nhiều là ở ao Vô Nhiệt Nảo.

Bôn trà lợi hoa 奔茶利花. Cũng là tiếng Phạm, tên là Bạch Liên Hoa, hoa Sen trắng. Xưa gọi là 芬陀利 Phân Đà Lợi. Gọi cho đúng là 奔拏 Bôn Nô, thanh khứ Âm là âm 奴雅 nô nhã. Cũng gọi là 嘿迦 Hắc ca. Đây gọi là hoa Sen trắng, ở nhân gian cũng ít có, chỉ có trong ao Vô Nhiệt Nảo.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

448

Phiến đệ 娑扇. Ngược lại âm lặc da. Tiếng Phạm. Đây gọi là người Huỳnh môn, có năm loại. Âm nghĩa quyển thứ tư trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Manh lung ám á 盲聾暗亞 v.v... đều như trước âm trong quyển thứ năm đã giải thích đầy đủ.

Vô hà 無暇. Ngược lại âm 行駕 hành giá. Giả Quỷ chú giải sách Quốc ngữ rằng: Hà 暇 là an nhàn rảnh rỗi. Vận Anh Tập cho rằng: Hà là nhàn nhã, thông dong.

Không An Quốc cho rằng: Hà là rộng rãi.

Du 𡗗 踰於. Ngược lại âm 庾朱 du chu. Quảng Nhã cho rằng: Du là xa. Lại gọi du là vượt qua sông. Thuyết Văn cho rằng: Du là vượt qua. Chữ viết từ bộ 足 túc âm túc thanh 俞 du.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 449

Vi Đản 為但. Ngược lại âm trên là 葦危 vi nguy. Văn dưới là đều đồng. Ngược lại âm dưới là đường đán 唐旦. Khảo Thanh cho rằng: Đản 但 là loại từ ngữ

Yểm bối 背. Ngược lại âm trên là 伊焰 y diêm. Khảo Thanh cho rằng: No đủ rồi. Vận Anh Tập cho rằng: Yểm là mỗi một. Tự Thư cho rằng: Yểm là khô Thuyết Văn cho là Chữ viết từ bộ 厂 hán âm 罕 hãn, đến bộ 犬 khuyển, đến bộ 甘 cam, đến bộ 肉 nhục, hoặc viết là 俺 食 yểm thực cũng thông dụng, là chữ cổ Đường thọ 唐壽. Ngọc Thiên cho là Đường đồ. Tự Thư cho rằng:

Đường hư. Thuyết Văn cho rằng: Nên nói là Đường Đại ngôn.

Hoan đối 攢對. Trên vốn là âm 患 hoạn. Theo Tả Truyện cho rằng: Hoạn là xuyên qua. Quế Uyển Châu Tông cho rằng: áo giáp mặc vào thân, gọi là 攢 hoan. Khảo Thanh cho rằng: Mặc áo thanh giáp. Ngược lại âm dưới là 當蓋 đương cái. Tự Thư cho rằng: Đối là buộc vào. Theo chữ “Hoạn đối” là trang nghiêm, mặc áo giáp, buộc thắt dây sửa cho trang nghiêm, oai vệ Thuyết Văn

cho rằng: Đối là dây thắt lưng. Y phục của người nam đó thắt lưng bằng dây da, y phục của người nữ thắt lưng bằng dây tơ lụa. Giống như đồ trang sức đeo trên mình vậy, mà cũng giống như cái khăn. Cho nên chữ đối 對 viết từ bộ 巾 cân. Nay trong văn kinh viết chữ đối này là chẳng đúng.

Giáp trụ 甲冑. Ngược lại là âm 稠又 trù hựu. Khảo Thanh cho rằng: 冑鎧 trụ khải, là áo giáp. Ngày xưa dùng da làm áo giáp nên gọi là 甲 giáp. Ngày nay dùng kim loại làm áo giáp nên gọi là 鎧 khải. Ngược lại âm 口代 khải đại. Khải cung là áo giáp, trụ cũng là áo giáp. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ 日 viết. Ngược lại âm 莫保 mạc bảo. Viết chữ 冑, trong văn kinh viết từ bộ 月 nguyệt là chẳng đúng.

Khuyết giảm 缺減. Ngược lại âm trên là 犬悅 khuyến duyệt.

Thiên Thương Hiệt cho rằng: Khuyết là hao tổn. Thuyết Văn cho rằng: Dụng cụ chứa đã bể Chữ viết từ bộ 缶 phũu đến 決 quyết thanh 省 tỉnh. Ngược lại âm dưới là 咸黯 hàm ảm. Ngược lại âm 甲咸 giáp hàm. Tự Điển giải thích: Tự hao tổn, thiếu thốn. Âm dưới gọi là 減 giảm. Theo Tập Huấn Truyện cho rằng: Giảm là hao hụt bớt đi. Chữ viết từ bộ thủy thanh 咸 hàm.

Kỹ nghệ 技藝. Ngược lại âm trên là 渠綺 cừ ỷ. Thuyết Văn cho rằng: Kỹ 技 là khéo léo. Cố Dã Vương cho rằng: Chữ kỹ giống như chữ nghệ. Trong văn kinh viết từ bộ 人 nhân, viết thành chữ 伎 kỹ là chẳng đúng. Vận Thuyên Tập cho rằng: Chữ 伎 kỹ này giống như là chữ 傷 thương, nghĩa là tổn hại. Cùng với chữ 全 toàn

có phần trái. Nên trong văn kinh đổi ý viết từ bộ 扌 thủ âm 手 thủ viết thành chữ 技 kỹ này nghĩa là tài năng khéo léo.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 450

Tiêu chú 焦炷. Ngược lại âm trên là 即姚 tức diêu. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Tiêu 焦 là mùi hôi. Quảng Nhã cho rằng:

Tiêu là màu đen. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ truy, chuy đến bộ hỏa. Trong văn kinh phần nhiều viết chữ 焦 tiêu này. Ngược lại âm 即藥 tức dược. Theo chữ 焦 tiêu này là nghĩa cây nến trên lưng con rùa gỗ, chẳng phải nghĩa trong kinh. Ngược lại âm dưới là 炷 chú là âm 注 chú. Theo chữ 炷 chú đó là cái tim đèn. Văn dưới viết 焦炷 tiêu chú, thời gần đây rút ra. Trong kinh Thuyết Văn nói: Trong văn kinh không có, cũng là chữ hình thanh.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 451

Tệ hoại 弊壞. Ngược lại âm trên là 毘袂 tỷ duệ Vận Thuyên Tập cho là tệ ác. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện cho rằng: Tệ là suy giảm hư hoại. Thiên Thương Hiệt cho là Rất tệ Khảo Thanh cho rằng: Tệ liệt quá kém. Xưa nay chữ đúng viết từ bộ 卩 cung, âm 卩 cung là âm 供 cung

thanh 敝 tệ, âm 敝 tệ. Ngược lại âm 婢世 tỳ thế. Ngược lại âm dưới là 胡怪 hồ quái. Vận Thuyên Tập cho rằng: Tự phá hư hoại gọi là 壞 hoại. Khảo Thanh cho rằng: Hủy hoại 壞 phá bỏ, bại hoại. Lại viết hoại là chữ cổ Cố luyến 顧戀. Ngược lại âm 光戶 quang hộ. Trịnh Huyền, chú giải Mao Thi Truyện cho rằng: Quay đầu lại gọi là 顧 cố. Lại gọi là cố nghĩa là nhìn, nhớ nghĩ. Thiên Thương Hiệt chép: Cố bao quanh vòng tròn. Quảng Nhã cho rằng: Cố là hướng theo, hoặc viết là cố là văn thông dụng thường dùng. Thuyết Văn cho rằng: Cố là còn nhìn mãi. Chữ viết từ bộ 頁 hiệt thanh 故 cố. Ngược lại âm dưới là 力眷 lực quyến. Khảo Thanh cho là luyến là nhớ. Sách Sử Ký cho là luyến mến nhớ nghĩ Chữ viết từ bộ 心 tâm âm luyến, thanh luyến. Trong văn kinh cũng có viết 變 luyến này là sai, chẳng phải nghĩa của kinh.

Cánh tương 哽相. Ngược lại âm trên là 古莖 cổ hành. Nay thông dụng viết 更 cánh. Theo văn thông dụng nghĩa là đã lâu rồi. Ngược lại âm dưới là 相羊 tương dương.

Tiêu tụy. Ngược lại âm trên là 情遙 tình diêu, âm dưới là 情 tình truy. Vận Anh Tập cho rằng: Tiêu tụy là ốm yếu, hộc hác, xấu xí, hoặc là viết 焦 tiêu tụy này. Khảo Thanh cho rằng: Lo âu, buồn rầu. Ngược lại âm 體 亦 thể diệc. Trong Ban Cố Hán Thư viết là tiêu tụy này, nghĩa là cây chuối mềm. Theo Mao Thi Truyện viết chữ 譙 tiêu. Trong Hán Thư Vua Vũ viết tiêu tụy, đều là đại đồng lớn nhỏ khác nhau, chẳng phải chánh thể Bĩ uế 鄙穢. Ngược lại âm trên là 悲美 bi mỹ. Theo Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Bĩ đó là biên giới thuộc vùng đất

ấp xa đô thành. Theo sách Sử Ký cho rằng: Gọi là biên giới, ngoài hoang dã, vùng đất hẻo lánh, cũng gọi là “bỉ lậu” nghĩa là xấu ác tồi tệ cũng gọi là “Bỉ phu” là hèn hạ. Ngược lại âm dưới là 於衛 ư vệ Vận Anh Tập cho rằng: Uế là ác, dơ uế xấu ác. Tự Thư cho là không sạch sẽ là Chử tượng hình.

Mâu tán 矛撒. Ngược lại âm trên là 莫候 mạc hậu. Xưa nay chữ viết đúng là 矛撒 đậu mâu, nghĩa là đến kịp với binh xa, loại vũ khí ngày xưa, dài hai trượng năm thước. Chữ tượng hình. Hoặc viết là 撒 mâu, chữ cổ, hoặc là viết 撒 mâu này cũng thông dụng. Ngược lại âm dưới là 倉亂 thương loạn. Khảo Thanh cho là dùng cây mâu đâm thẳng vào, ném thẳng. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ 矛 mâu thanh 贊 tán.

Xú lậu 醜陋. Ngược lại âm trên là 昌首 xướng thủ Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Xú 醜 là đáng ghét, ghét cay, ghét đắng. Chữ viết từ bộ 鬼 quỷ thanh 酉 đậu. Ngược lại âm dưới là 郎豆 lang đậu. Vương Dật chú giải Sở Từ rằng: Lậu là nhỏ chật hẹp, nói rằng cái nhà nhỏ chật hẹp đáng ghét. Thuyết Văn cho là Nơi vùng biên cương, hiểm hóc, chật hẹp. Chữ viết từ bộ 阜 phụ thanh lậu. Ngược lại âm 勒豆 lặc đậu.

Thống nhiếp 統攝. Ngược lại âm trên là 他貢 tha công. Ngược lại âm dưới là 商業 thương nghiệp.

Đoản xúc 短促. Ngược lại âm thanh 青欲 thanh dục.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

452

Cao tường 翱翔. Ngược lại âm trên là 吾高 ngô cao, âm dưới là 夕羊 tịch dương. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Mặc áo da cừ thật quý phái, cao quý. Trịnh Tiễn cho rằng: 翔 cao tương cũng giống như tiêu điều tự tại. Nhĩ Nhã cho là Con diều hâu đáng ghét nó bay lượn trên không gọi là 翔 tường. Quách Phác cho rằng: Cánh chim bay lượn.

Tóm tắt cho rằng: Bay mà cánh không động gọi là tường. Thuyết Văn cho rằng: Bay lượn vòng quanh. Hai chữ này đều từ bộ 羽 vũ âm 皋 cao. Chữ 高 cao, chữ 羊 dương thanh đều bằng nhau, chữ đều tả hình hữu thanh.

Câu ngại 拘礙. Ngược lại âm trên là 俱 câu, âm dưới là 五蓋 ngũ cái.

Dẫn đoạt 奪. Ngược lại âm 徒活 đồ hoạt. Tự Thư cho rằng: Đoạt mất. Khảo Thanh và Mao Thi Truyện cho rằng: Mất một con chim gọi là 奪 đoạt, vốn viết chữ đoạt 奪 này. Trong Thạch kinh lại viết đoạt 奪, hoặc viết chữ 稅 thuế đều là chữ cổ Có khi viết từ bộ 六 lục viết thành chữ 奪 đoạt đó là chẳng đúng, nên đổi lại chữ này.

Đằng dững 騰踴. Ngược lại âm trên là 徒登 đồ đăng. Trang Tử cho rằng: Đằng là nhảy vượt qua, âm 躍 được là âm 藥 dược. Mà âm trên Ngọc Thiên cho rằng: Chữ đằng cũng giống như chữ diêu dược 佻躍 nghĩa là vượt lên. Vương Dật chú giải Sở Từ rằng: Là con ngựa chạy nhanh. Quảng Nhã cho là đuổi theo phía trước, vượt qua. Thuyết Văn cho rằng: Đằng là duyên. Chữ viết từ bộ 舟 chu, đến bộ 馬 mã, âm quyền là âm 卷 quyền, thanh 卷

quyển. Ngược lại âm dưới là 羊種 dương chủng. Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: Dũng là nhảy lên. Theo Hán Thư cho rằng: Vật ngoài chợ như là gạo, đường, các thứ

tăng vọt lên, một muôn đồng tiền. Thuyết Văn cho rằng: Dũng là nhảy lên. Chữ viết từ bộ 足 « túc thanh 勇 dũng, hoặc là viết 踴避踴 dũng ty dũng, đều là chữ cỏ Bàng sanh 傍生. Ngược lại âm 蒲忙 bồ mang. Chữ bàng sanh nghĩa là, trên từ rồng, loài cầm thú gia súc dưới đến như loài thủy lục côn trùng, âm 昆 côn 蟲 trùng. Ngược lại là âm 涿融 trực dung. Nghĩa là theo nghiệp mà luân hồi trong vòng đường ác chẳng phải chánh đạo của con đường của trời người, gọi là Bàng sanh.

Tý hủy. Ngược lại âm trên là 茲此 tư thử Âm của nước Ngô là 子耳 tử nhĩ. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Miệng hủy nhục gọi là tử Thuyết Văn cho rằng: tử 訾 là mắng nhiếc. Chữ viết từ bộ 訾 khẩu thanh 此 thử. Trong kinh văn có khi viết 訾 tử cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm dưới là 暉鬼 huy quỷ Theo Nhĩ Nhã cho là hủy hoại.

Thiên Thương Hiệt cho rằng: Phá hủy. Cồ Dã Vương cho rằng: Hủy cũng giống như tổn hại, bên trong tổn hại gọi là hủy, bên ngoài tổn hại gọi là 傷 thương. Thuyết Văn cho là Hủy là thiếu. Chữ viết từ bộ 土 thổ đến 殺 sát, thanh 省 tỉnh, hoặc viết từ bộ 王 Vương. Ngược lại âm 體鄭 thể trịnh. Viết chữ hủy này là chữ cổ.

Khinh miệt 輕蔑. Ngược lại âm 眠鰲 miên miệt. Thuyết Văn cho rằng: Miệt khinh xem thường. Nên chữ viết từ bộ 心 tâm âm 心 tâm, viết thanh chữ miệt. Trong

văn kinh đơn viết 蔑 miệt này, nghĩa là con mắt lao nhọc không tinh tường sáng suốt mỗi một muốn đi ngủ đây chẳng phải nghĩa trong kinh. Âm dị 易. Ngược lại âm 移 智 di trí. Trong đây giữa nguyên bốn, thoát ra một nghĩa nhân và duyên, vốn ở trên núi, đều đồng.

Đam nhiễm 耽染. Ngược lại âm 答南 đáp nam. Khảo Thanh cho rằng: Đam là sở thích mê say, chơi đùa, nhàn nhã. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ 身 thân, đến bộ 冫 thanh 省 tỉnh. Ngược lại âm dưới là 而琰 nhi diễm. Khảo Thanh cho là Nhiễm ô, mê đắm. Thuyết Văn nói là chữ viết từ bộ thủy thanh nhiễm.

Vi Sư vi đạo 為師為導. Ngược lại âm 葦危 vi nguy, trở lên trong văn kinh đều đồng trên.

Châu chữ 洲渚. Ngược lại âm trên là 章由 chương do. Trong nước có thể chữ gọi là 洲 châu. Ngược lại âm dưới là 章暑 chương thử. Bền nước gọi là 渚 chữ.

(Quyển 453 không có âm giải thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYÊN 454

Thông mẫn 聰敏. Ngược lại âm trên là 倉公 thương công. Hàn Thi Truyện cho là thông minh. Khảo Thanh cho rằng: Tai nghe phán xét rõ ràng. Thuyết Văn cho rằng: Thông suốt chính xác. Chữ viết từ bộ 耳 nhĩ thanh thông. Ngược lại âm dưới là 眉殞 mi vẫn.

Khảo Thanh cho rằng: Tai nghe ồn ào, inh ỏi. Không An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Mẫn là được

sáng suốt đối với sự việc. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Mẫn đạt, lại cũng gọi là xác thật. Theo Thanh Loại cho rằng: Mẫn là cung kính. Thuyết Văn cho rằng: Mẫn là rất mau. Chữ viết từ bộ phộc, đến bộ 每 mỗi thanh 母 mẫu. Ngược lại là âm 母改 mẫu cải. Chữ mỗi 每 cũng là thanh.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 455

Nguyên đế 源底. Ngược lại âm 愚素 ngu tố Quảng Nhã cho rằng: Nguồn gốc của vạn vật gọi là 源 nguyên. Ngọc Thiên cho rằng: Gốc của vật. Sách Lễ Ký cho rằng: Là nguồn gốc đạt tới nơi “Lễ Nhạc”. Trịnh Huyền chú giải rằng: Nguyên là nguồn gốc. Thuyết Văn cho rằng: Viết chữ 原 nguyên là chữ tượng hình. Từ chữ 泉 tuyền, hoặc viết 源 nguyên, chữ này cũng đồng nghĩa.

Giáp trụ 甲冑. Ngược lại âm 持右 trì hữu. Quyển thứ bốn mươi chín trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Chùy đả 打. Ngược lại âm 章纘 chương lữ. Khảo Thanh cho rằng: Chùy là đánh, hoặc là viết chùy, chữ cổ, hoặc viết là chùy cũng thông dụng.

Thiên nhãn 挑眼. Ngược lại âm 體遙 thể diêu. Khảo Thanh cho rằng: Thiên 挑 là chọn lựa ra. Ngược lại âm là 悅 dinh duyệt. Chữ 淵 uyên, thanh 入 nhập, từ bộ 扌 thủ âm 手 thủ thanh thiên. Cũng có khi viết từ bộ 木 là chẳng đúng.

Nghị tị 劓鼻. Ngược lại âm 魚器 ngư khí. Không

Thị chú giải rằng: Nghi là bị cắt mũi. Người bị thương là bị dùng hình phạt cắt mũi.

Trịnh Chúng chú giải sách Chu Lễ rằng: Hình phạt cắt mũi. Thuyết Văn cho rằng: Nghi là quyết định cắt bỏ đi mũi, hoặc là viết 劓 nghị này cũng thông dụng.

Diêm ma quỷ giới 熒魔, 鬼界. Ngược lại âm trên là 閻漸 diêm tiêm. 爛魔, Lan ma là tiếng Phạm. Tên là quỷ thú. Trong văn kinh viết 剋魔, Diêm ma, âm 剋 diêm. Ngược lại âm 揚染 dương nhiễm, là sai lược, không đúng. Trong âm Phạm gọi là 熒魔, diêm ma, dịch nghĩa là bình đẳng. Nghĩa là vị Vua này là chủ quản trong coi về chỗ thất sanh đối với tội phước mà quyết định đoạt số phận, giữ nơi Địa Ngục, tám chỗ nóng, tám chỗ lạnh và lấy làm quyến thuộc với các địa ngục nhỏ khác, và ném các quỷ tốt vào nơi trong năm đường. Năm lấy người có tội đánh đập khảo tra, trị tội. Quyết đoán thiện ác, lại không có ngừng nghĩ Cho nên trong Tam Thụ Kinh nói rằng: giao phó người tội cho Diêm Vương, rộng mà phán xét tùy theo nghiệp mà thọ quả báo, nhân tốt thì sanh vào con đường thiện, nghiệp ác thì theo con đường bần lây mà đọa vào Địa ngục, tức là làm việc ấy.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

456

Tát ca da kiến 薩迦耶見. Âm 迦 là âm 僵 厶 cương khư, âm 耶 da là lấy âm 遮 giá. Là tiếng Phạm. Hán dịch là 身見迦耶 Thân kiến ca da, tên là 身薩 Thân tát, gọi

là di chuyển, không thật nghĩa. Đây gọi là nơi thân của ngoại đạo, khởi nên chỗ thấy thân không thật, thấy không đúng. Nên gọi 薩迦耶見 Tát ca da kiến.

Dục khấu 欲扣, âm □ khấu. Không An Quốc cho rằng: 扣 khấu là đánh gõ. Quảng Nhã cho rằng: Khấu là nắm giữ. Khảo Thanh cho rằng: Cây roi da quất ngựa. Câu 拘 chữ viết từ bộ 扌 thủ.

Tích vi 析為. Ngược lại âm 星亦 tinh diệc. Vận Anh Tập cho rằng: tích là phân ra. Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ 扌 Thủ âm 手 thủ, đến bộ 片 phiên âm 片 phiên là 破 phá, nghĩa là chặt cây, hoặc là viết từ bộ 木 mộc, đến bộ 斤 cân viết thành chữ 析 tích, cũng thông dụng.

Trích số 滴數. Ngược lại âm 丁歷 đình lịch, âm dưới là 霜句 sương cú. Thuyết Văn cho rằng: Giọt nước nhỏ xuống. Trong văn kinh viết từ bộ 帝 đế viết thành chữ 𡗗, âm đế. Ngược lại âm 丁計 đình kế cũng có nghĩa là giọt nước chảy xuống, chẳng phải nghĩa trong kinh, người viết sách viết sai ý.

Bất khứ 不𤝵. Ngược lại âm 休右 hưu hữu. Vận Anh Tập cho là Lây mũi ngửi hơi. Thuyết Văn cho rằng: Mũi chính là ngửi, nên gọi là khứ 𤝵, âm 咒 chú. Ngược lại âm 昌咒 xương chú.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

457

Y hộ 依𡵚. Ngược lại âm 胡故 hô cố. Khảo Thanh

cho rằng: Hộ nghĩa là chỗ nương tựa.

Đầu thú 投趣. Ngược lại âm 徒侯 đồ hầu. Khảo Thanh cho rằng: 投 đầu là ném, cũng gọi là đi đến, hợp thời, kịp lúc. Thuyết Văn cho là Đánh gỗ lắc lư, đong đưa, hoặc là viết là đầu 頭, là chữ cổ.

Châu chữ 洲渚. Trong nước có chỗ có thể ở được gọi là 洲 châu.

. Ngược lại âm dưới là 之與 chi dĩ, nghĩa là bên nước.

Căng Già 殭伽. Ngược lại âm Ngư Cảnh 漁景, là tên một con sông ở Ấn độ. Sông này bắt nguồn từ ao Vô Nhiệt Nảo. Vì cát nhỏ rất nhiều nên lấy làm thí dụ Kháng Đối 抗對. Ngược lại là Khổ Lãng 苦浪. Khảo Thanh nói là Kháng Già. Vận Anh nói là Kháng Hãn nghĩa là cát nhấc. Văn Kinh viết theo bộ nhân là Kháng Lệ nghĩa là đôi lứa chứ không phải Kháng là chống đỡ.

Lượng Thuận 諒順. Ngược lại là Lực Trượng 力仗. Mao Thi Truyện nói là Lượng Tín. Phương Ngôn nói Chúng tín là Lượng, nghĩa là xét biết. Khảo Thanh nói tự mình giữ lấy điều Tín gọi là Lượng. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ Ngôn 言 và chữ Lượng 涼 được lược bớt.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

458

Năng Biện 能辦. Ngược lại là Bạch Mạn 白慢

Trở Hoại 阻壞. Ngược lại là Trang Sở 莊所. Khảo Thanh nói là Trở Nạn nghĩa là nghi ngờ Quảng Nhã nói

là Trở Hiểm.

Chữ Hoại ngược lại là Xan. Vận Thuyên nói tự mình phá là Hoại.

Thực Đa 殖多. Ngược lại là Thời Đa. Không Chú Thượng Thư nói Thực là sinh ra. Đỗ Chú Tả Truyện nói Thực là lớn lên. Thương Hiệt thiên nói Thực là dứt là nhiều. Khảo Thanh nói Thực là trồng. Quảng Nhã cũng nói nghĩa là trồng.

Yếm Quyện 厭倦. Ngược lại là Y Diệm 伊焰 Dũng Lệ 勇勵. Ngược lại là Lực Trệ 力滯 Đỗ Chú Tả truyện nói cùng siêng năng là Lệ Ngọc Thiên nói Lệ như là Miễn 勉 nghĩa là gắng sức vậy.

Tu Du 須臾 là tiếng Phạm. Xưa dịch sai do lược. Đúng tiếng Phạm âm là Mô 謨. Hộ Luật Đa Câu xá Luận nói một ngày một đêm có 30 Tu du cộng phân thành 60 khắc Nga Nhĩ 俄爾. Ngược lại là Ngũ Ca 五哥 nghĩa là một ít thời gian tròn lảnh.

Thuần Tức 瞬息. Ngược lại là Thức Nhuận 式. Thuyết Văn nói mở mắt nhắm mắt thường dao động. Chữ Tức 息 là không ngừng hơi thở(liên tục).

Trọng Đảm 重擔. Ngược lại là Đương Lạm 當濫, nghĩa là gánh vác.

Phiền Oan 煩冤. Ngược lại là Ư Viên 於袁. Hoặc làm chữ Oán 慝 cũng đồng. Quảng Nhã nói Oan Uổng, Khảo Thanh nói Oan Khuất, Oan Khổ. Kinh văn nói Oán là sai.

Trà Độc 荼毒. Ngược lại là Đỗ Hồ 杜胡. Mao Thi nói, thà làm ác như Trà độc, chứ ai nói Trà độc ngọt như

rau má. Nhĩ Nhã nói là loại rau đắng. Xưa nay Chánh tự nói từ âm Thảo và Dư 草余 hợp thành.

Tư Cầu 伺求. Ngược lại là Tư Tứ 思忒. Vận Anh nói là Tư Hâu nghĩa là tra xét.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 459

Tôn Tạ 遜謝. Ngược lại là Tô Đôn 蘇頓. Vận Anh nói Tôn là nghĩa cung kính, tuân phục. Khảo Thanh nói là nghĩa thuận, cũng có nghĩa tránh.

Nguy Thúy 危脆. Ngược lại là Thuyên Tuế 筮歲. Khảo Thanh nói Nguy là nghĩa yếu ớt.

Nhục Phì 肉肥 hoặc từ chữ Thuế 毳 mà làm thành chữ Thuế 臙 cũng dùng chung được.

Trầm Nịch 沈溺. Ngược lại chữ Trầm là Trục Lâm 直林. Chữ dưới là Nê Lịch 泥歷

Giải Tức 懈怠. Ngược lại là Gia 隘 家隘 là Giải 戴 nghĩa là lười biếng. Tương truyền âm Giá 嫁 là sai.

Khôi Đẳng 塊等. Ngược lại là Khô Hối 苦悔. Thư Âm Nghĩa nói là Thổ Khôi 打擲. Ngược lại là Trụ Thạch 住石. Thuyết Văn nói là Đầu (gieo xuống). Thê đúng là Đả Trích 打擲.

Phân Giải 分解. Ngược lại là Giai Mại 皆買. Đọc Cỗ 賈 là sai Kịch Khô 劇苦. Ngược lại là Kỳ Nghịch 其逆. Thương Hiệt Thiên nói Kịch là độc sức. Khảo Thanh nói Kịch là nghĩa rất. Xưa nay Chánh tự nói phàm có bệnh chữa trị ít, ắt bệnh nặng hơn trước là nghĩa Kịch.

Phân Tấn 奮迅. Ngược lại là Phân Vấn 分問. Khảo Thanh nói Phân Tiến 奮進 là nghĩa động. Trịnh Huyền chưa sách Mao Thi nói là Phấn chân, nghĩa khởi dậy. Từ Mã chú thích sách Trang Tử nói Phấn là dáng mạo võ, nghĩa như là loài chim lớn ở giữa ruộng muốn vỗ cánh bay.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 460

Kỷ Sự 已事 đồng với âm Ky 幾 ở sau.

Dị Vi 易為. Ngược lại Dị là Di Trí 移智. Ngược lại Vi là Vi Nguy 葦危.

Khởi Trọng 鎧仗. Ngược lại là Khẩu Đại 口代. Thuyết Văn nói Khởi là áo giáp. Từ nghĩa vàng, niềm vui chiến thắng mà tỉnh lược phiên âm.

Oan Địch 窓敵. Ngược lại là Ư Viên 於袁. Kinh văn làm chữ Oán 怨 là sai.

Giai Độn 皆鈍. Ngược lại là Đồ Thấu 徒, Nô Tôn 奴巽. Vận Anh nói nghĩa là dao không sắc.

Tâm Tủy 心髓. Ngược lại là Tuy Tủy 雖觜. Thuyết Văn nói là chất mỡ trong xương cốt.

Năng Biện 能辦. Ngược lại là Bạch Mạn 白慢.

Am Một La Quả 菴沒羅果 (Tên tiếng Phạm của một loại quả hoặc nói Am Bà La, đây tức quả Am la).

Bán Na Sa Quả 半娜娑果 (cũng là tên tiếng Phạm của một loại quả ở Ấn độ, hình dạng như quả dưa. Trung Hoa đều không có).



NHẤT THIẾT ÂM NGHĨA KINH

Sa-môn phiên dịch kinh Tuệ Lâm soạn

QUYỂN 6

(Âm kinh Đại Bát Nhã từ quyển 461 đến 519)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 461

Điều lạc (凋落) trái với Đinh điều 丁遙 Đỗ Chú Tả Truyện nói là Điều thương 凋傷. Cổ chú quốc ngữ nói là Tệ弊 Thuyết Văn nói là Bán thương. Chữ thanh chu (周) âm băng 冰. Văn kinh viết chữ 彫 là sai. Lạc tức trái với Các. Thuyết Văn nói là Thảo mộc điều nhượng thuộc chữ âm thảo thanh lạc. Kinh từ hai điểm viết thành lạc thảo đây là lược sai.

Hư ngụy 虛偽 là giả dối. Chữ Hư, Thuyết Văn nói thuộc chữ 虍 虍 âm hô 呼 thuộc khâu 丘 Kinh nói từ bộ vũ 雨 viết thành chữ Linh 靈 thì không thành chữ. Chữ Ngụy ngược lại là Nguy Vị 危位 Quảng Nhã nói là nghĩa giả dối. Trịnh Chú Lễ Ký cho là giả. Thuyết Văn nói là trá; thuộc bộ nhân thanh vi.

Vu vông 誣罔 nói là lừa dối, trái với Võ phù 武扶. Đỗ Chú Tả Truyện nói là vu khi. Trịnh Chú Lễ Ký nói là vọng. Thục pháp nói, đối với việc không tin gọi là vu.

Khảo thanh nói là uông. Thuyết Văn nói là gia, thuộc chữ ngôn, thanh vu. Vô phương phiên thiết là chữ, tượng hình thường viết là vông.

Bất đạn 不憚 nói là không sợ, trái với Đường lạn 唐爛 Trịnh Huyền chú thích Mao Thi viết nói là úy nạn 畏難 Hàn Thi là nói là ố. Quảng nhĩ là kinh. Văn xưa viết nói là Nghĩa giải thích giống như Thuyết Văn nói là đạn vong tật, thuộc chữ tâm thanh đạn.

Tỷ khứu 鼻嗅 mũi ngửi mùi trái với Hưu cứu 休救 Vận Anh nói là

Tỷ thủ khí. Thuyết Văn nói là Dĩ tử tựu xú viết, thuộc chữ tỷ, thanh xu, người xưa chỉ dùng chữ xú.

(Quyển 462, 463, 464, 465, không có âm giải thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHĨ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 466

Tứ song 四雙 Trái với Sóc song 朔雙 Cổ Dã vương nói song cũng như lưỡng. Phương ngôn nói là chim hai cánh.

Bát chích 八隻 trái với chinh dịch 征懌. Giải nghĩa như chữ song, tay cầm một con chim gọi là chích. Kinh viết khác với chữ 隻 là không đúng.

Hành tiệm thứ hành 行漸次行: chữ Hành ở trên, trái với hạnh canh 幸耕; chữ Hành dưới trái với hành mãnh 行孟; chữ Thứ, Thuyết Văn chép nói là Bất tiên bất tinh từ thanh Nhị, Khiếm 欠二. Chữ Thứ từ Nhị.

(Quyển 467-468, hai quyển này không có âm giải)

thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 469

Văn kinh trong quyển này thường đồng với văn trong quyển 381 ở trước.

Giao lạc 交絡 nói là trái với Lang các 郎各. Quách Chú Sơn Hải

Kinh nói là lạc nhiều. Giữa phương ngôn và Hàn Ngụy nói là nhiều lạc. Nhĩ Nhã nói là lạc luân. Quách Bộc nói là Luân Thẳng hoặc viết là đây là chữ xưa.

Ý họa 綺畫 là Tranh lụa, trái với hoạch ma 獲罵. Thuyết Văn nói là Họa giới, tượng điền tứ giới duật cho nên là chữ họa. Sở gọi là duật. Ngô gọi là luật. Yên, Triệu gọi là phát, Tần gọi là bút, Chữ thư thanh nhất âm nhiếp.

Tiêm trường 纖長: Tiêm trái với Tương diệm 相閼 đã giải thích quyển trước; Trọng trái với Trọng lương 丈良. Thuyết Văn chép nói là Lâu xa còn mang ý nghĩa cao xa.

Dữ phu 與趺: Dữ trái với Dư chữ 餘渚. Thuyết Văn nói là chữ thanh dữ hoặc viết đây là chữ xưa. Phu trái với Phủ vô 府無 Xưa nay Chánh tự nói là trên chữ túc 足 Thuyết Văn nói chánh thể từ chữ phó 付; Kinh viết từ chữ phu 夫

Nhãn tiệp 眼睫 là Long mi mắt; trái với Tinh diệp 精葉. Thuyết Văn chánh thể viết lai mục bàng mao,

thuộc chữ mục thanh giáp. Giáp âm giáp, án nhãn tiếp nhãn kiểm mao giải thích tên, đây chữ thường viết. Giải thích nói là tiếp tráp cũng là tiếp, mọc liền nhau bên vành mắt, văn thông tục thuộc chữ tiếp nên viết giải thích mục mao mục tiếp. Sử ký nói là Mục kiến hào mao nhưng không thấy lai, âm sở.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

470

Đôn túc 惇肅: Túc trái với Tung dục 嵩育. Không chú thượng thư nói là Túc kính là nghiêm. Nhĩ Nhã nói là Túc túc kính. Thụy pháp nói là cường đức; Khắc nghĩa nói là túc. Cháp tâm quyết đoán nói là túc. Thuyết Văn là trì sự cẩn, thuộc chữ duật nằm trong hai chữ chiến, cẩn thận cung kính nhưng sợ mà cung kính, cũng là chữ hội ý.

Na-la-diên 那羅延 là tiếng Phạm tên một vị trời trong cõi dục còn gọi là Tỳ-nữ Thiên. Người muốn cầu có nhiều năng lực thì thờ phụng cúng dường hoặc chí thành cầu khẩn sẽ được nhiều thần lực bảo hộ.

(Quyển 471 không có âm giải thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

472

Tứ cù 四衢 là ngã tư đường, trái với Cụ ngu 具隅

Nhĩ Nhã nói Tứ đạt gọi là Cù. Quách chú nói là giao đạo tứ xuất. Thuyết Văn cho là thuộc chữ hành thanh cù.

Biến dịch 變易 là thay đổi, Biến trái với Binh quyền 兵眷. Bạch Hồ Thông gọi là Biến cải thường, là hóa. Thuyết Văn cho là thuộc chữ văn thanh biến. Dịch trái với Doanh ích. Thuyết Văn chữ tượng hình; như Tích Dịch thuyết nói là trên bộ Nhật dưới bộ Nguyệt ghép lại thành chữ Dịch 易 tổng cộng chín nét số dương, là chữ hội ý.

Tương vô 將無 trái với Túc dương 即羊. Mao Thi truyện nói là Tương thả, là từ ngữ nghi lễ. Quảng Nhã nói là dục. Thuyết Văn nói thuộc chữ nhục, hai chữ thôn thôn khuôn phép, thanh tường, âm tường không phải chữ ngu.

Quái pháp giới 怪法界 nói là chữ quái âm thượng từ chữ văn 文 viết thành.

Đại tộc 大族 là họ hàng, trái với Tùng đầu 叢斛. Lễ ký nói là Ngũ gia cũng là tỷ tỷ lân, , Ngũ tỷ, lữ lữ lý, Tây lữ là những tộc sứ giúp đỡ nhau. Nhĩ Nhã nói là từ cha, tổ tiên, con em gọi là Tộc. Trịnh chú cho là Tộc tụ. Tập huấn nói là Thân cũng là chung họ. Thuyết Văn nói là Thỉ phong, trái với Tử lục là chữ giả tá, từ âm ngoạ, trái với Yên dưỡng.

Đà-lư 駝驢 là lừa chạy nhanh. Đà trái với Đường na 唐那 đây là thường viết. Chánh thể viết là đà. Ngọc Thiên nói, trên lưng có yên có thể chở nặng, đi xa đến phương Bắc, loài súc vật này có nhiều lợi ích. Quách chú Sơn Hải kinh nói: một ngày đi ba trăm dặm, chở nặng một ngàn cân, biết được suối nước. Xưa nay chánh tự là

hai chữ thác đà 託駝 đều thuộc chữ mã thanh hình, cũng âm thác là âm thác đà âm đà, trái với Lư chữ Nghi lễ nói là vua đi săn ngoại ô dùng lừa trúng tên. Thuyết Văn nói là giống ngựa nhưng tai dài nhỏ, đuôi trâu, thuộc chữ mã thanh lư.

(Quyển 473, 474, 475, 476 bốn quyển này không có âm giải thích)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

477

Đạt-nô 達奴 trái với Nô-nhã 奴雅, là tiếng Phạm. Hán không có chánh thể, là người thấp hèn, giết mổ, hót phân.

Vô sí 無翅 trái với Thi chí 施至. Khảo thanh nói là Điều dực 鳥翼. Thuyết Văn nói thuộc bộ vũ thanh chi, hoặc viết hoàn toàn là chữ cổ.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

478

Thái Thúc Thị: xưa dịch từ tiếng Phạm nói là Đại Mục-kiền-liên là lược sai. Không đúng với chánh bản Phạm nói là Ma-ha-mộc-đặt-ca-la. Đường là họ Thái Thúc. Thế tục nói là Lục Đậu Tử là tên vị tiên. Mục-kiền-liên là họ tiên cũng tên Câu-lợi-ca, hoặc là Câu-lệ-đa, hoặc là Câu-luật-đa đều là tên một người.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 479

Tuần mạng 殉命 là liều chết, trái với Tuần tuần 逡巡. Tả Truyện Tân Văn Công nói là tốt hậu. Bồ Thỉ dùng tuần. Đỗ dự nói là người đưa người chết đi chôn sống gọi là "tuần", xưa nay chánh tự gọi là thuộc vật gọi là tuần. Thuyết Văn nói là chữ ngạt thanh tuần, trái với Ngũ hạt, trái với Minh bính. Khảo Thanh có chín lỗi giải thích nói là Bẩm, sanh, cáo. Thuyết Văn nói là Sử, đạo, đô, tín, thanh tịnh, cáo. Thuyết Văn nói là Sử, thuộc bộ khẩu thanh lệnh.

Kiêu cuồng là trái với khương yêu. Cổ chú Quốc ngữ nói là không đúng phép tắc của tiên vương, gọi là kiêu. Tập huấn nói là kiêu trá. Thuyết Văn nói là kiêu đàn. Khảo Thanh nói là vọng. Cổ Dã Ngọc nói là giả dối gọi là kiêu, thuộc bộ thủ thanh kiêu. Văn kinh thuộc chữ tử bộ viết thường dùng chẳng phải chữ xưa.

Túc mục nói là cung kính. Chữ túc quyển 470 đã giải thích. Trái với mạc. Nhĩ Nhã nói là Mục kính. Mao Thi Truyện nói là mỹ. Ích pháp nói là bố. Đức chấp nghĩa nói là Mục là trong tình thấy được tướng mạo gọi là mục. Thuyết Văn nói là mục hòa, thuộc chữ hòa, thanh mục cũng âm mục giống như chữ mục trên. Thuyết Văn nói là chữ bạch, chữ tiêu, chữ soạn "âm sam".

Viên lâm nói là vườn rừng. Thuyết Văn nói chữ thảo hoặc hai điền đều là chữ thường viết không đúng. Thuyết Văn nói chữ khẩu thanh viên, chữ này hình bên ngoài thanh bên trong, âm khẩu sai. Hồ vô. hồ cố. Thuyết Văn

chép nói là trái với hồ giao. Kinh viết là sai, khác với chữ thông thường. Chữ vô văn xưa là chữ kỳ trong chữ vô. Ngày xưa dịch kinh phần nhiều dùng chữ vô này, Đồng nhiên nói là sáng rực. Trái với Động đông. Bia thương nói là đồng đồng nhiệt mao. Vị thủ nói là Hạn nhiệt. Âm động không đúng. Tiêu kích nói là đánh, ném, trái với Thất phiêu. Mao Thi truyện nói là Tiên lạc. Thuyết Văn nói là kích, thuộc chữ thủ, thanh tiêu, hoặc là tác diêu, hoặc từ chữ. Chữ kích giải thích này giống như trên, chữ cũng là. Còn văn kinh thuộc chữ phong viết phiêu sai dùng phiêu hồi phong cũng là toàn phong, không đúng với nghĩa kinh. Kinh ở dưới cũng trái, Cổ Dã Vương nói kích chùy đả. Thuyết Văn chữ chi thuộc chữ thủ thanh vật âm thông giống như trên, phổ bối.

Phúng tụng nói là phong tụng trái với. Từ phụng. Trịnh chú chu lễ gọi là nói là bội, văn gọi phúng dùng thanh hết gọi là tụng. Tựa Mao Thi nói là trên dùng phong hóa dưới, dưới dùng phóng thích lên. Trong Thuyết Văn hai chữ này giải thích lẫn nhau, phong tức là tụng cũng là phong, đều là hình tả thanh hữu. Văn kinh thuộc chữ công viết tụng dù là thường dùng nhưng không phải chữ gốc và âm gốc, cho nên hôm nay không chấp nhận. U minh nói là trái với u liêu. Trịnh chú lễ ký nói là u ám. Thuyết Văn nói là Ân, thuộc chữ son âm yêu giống như chữ trên. Chữ minh trước đã giải thích âm mục, trái với Kinh du.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

480

Hung đảng nói là trái với hạn cung. Nhĩ Nhã nói là hung cửu. Quyển 50 và 323 đã giải thích. Thuyết Văn thuộc chữ nhân trong chữ hung. Chữ sau là chữ hội ý.

Khôi khoái nói là trái với khô hoàn trái với hoàn ngoại quyển 105 đã giải thích.

Bất tương vi nói là không trái nhau. Theo nghĩa kinh, hợp, phải, chữ văn kinh thuộc chữ viết, không thành chữ, không được dùng.

Tài xuất nói là trái với Tàng lai. Khảo Thanh nói là tài đầu. Cổ Dã Vương nói là tài du cận. Trịnh chú lễ ký là chữ tài. Hán thư và Đông Quán hán ký chư sử thư và cổ Quy chú quốc ngữ đều là chữ tài. Thuyết Văn âm là sàm nay không chấp nhận chữ này, thuộc chữ mịch âm mịch, chữ sửu lược. Chữ tức là giảo thổ nói là trái với Tha cổ. Kinh nói hai chữ thổ là không đúng.

Ứng vệ nói là bảo vệ, giữ gìn. trái với Ung cung nói Thiên Thương Hiệt nói là Ứng trì. Khảo Thanh nói là hộ. Chữ thủ nói là giá. Thuyết Văn nói là ứng bảo, thuộc chữ thủ thanh ứng, hiện nay viết thành chữ ứng. trái với Vinh uế. Vương Chúc chú dị nói là vệ hộ. Thuyết Văn nói là túc vệ, thuộc hai chữ hành chữ vi, chữ táp thủ ngữ, nay trái với Lệ thư lược.

Thuyên trừ, trái với thất toàn. Tựa Trang Tử bệnh giảm. Tư Mã Suu nói là thuyên cũng là trừ. Tập huấn nói là bệnh suu. Khảo Thanh nói là bệnh sai. Thuyết Văn thuộc chữ nạch, trái với nữ ách viết thành, thanh toàn.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 481

Số số đều trái với sương xúc.

Lai nhiều nói là đến quấy rối, trái với Minh điều.
Thuyết Văn nói là nhiều lộng, thuộc chữ nữ thanh nhiều.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 482

Sơn nhai nói là trái với Nha giai. Quế uyển châu tùng nói là Sơn biên cao hiểm. Khảo Thanh nói là Sơn giản hiểm ngạn. Thuyết Văn nói cao biên xứ, thuộc chữ ngạn nói là trái với Ngũ hạt viết thành, chữ giai thanh tĩnh.

Lăng hư nói là vượt lên hư không. trái với Lực trung viết thành chữ. Ngọc Thiên chép nói là Lăng xâm vũ hoặc viết đơn giản thành. Thuyết Văn nói là lăng việt, thuộc chữ lực, thanh lăng. Văn kinh phần nhiều viết chữ phụ thành chữ, hoặc thuộc bộ băng, đều không đúng với bản tự.

Như liệu nói là như lửa đốt. Liêu điều. Chu Lễ nói là phần chúc đình liêu. Trịnh Huyền nói là phần đại cũng là địa chúc. Cây ở ngoài cửa gọi là "phần chúc" ở trong cửa gọi là "đình liêu", cho nên làm sáng các thứ. Thuyết Văn nói là phóng hỏa, thuộc chữ hỏa, thanh liêu âm liêu, đây là ba chữ trên. Kinh quyển chín Âm nghĩa, quyển một chưa giải thích.

Vãn ma nói là trái với vãn phần.

Hân tâm nói là mỗi hiềm kích trong lòng. Trái với

Hân cận. Tả truyện nói là Hân tội, hà khích. Thuyết Văn nói là tượng sát táo, chữ đậu, đậu là tửu, chữ phân, thanh phân. Kinh nói chữ tả viết trí thường dùng không thành chữ.

Cốc hưởng nói là tiếng vang trong hang. Trái với Hương lương viết thành chữ. Khổng chú thượng thư nói là vang theo tiếng. Thuyết Văn nói thanh, hương chữ âm, thanh hưởng. Chữ hương thuộc chữ âm hạng, từ đạo âm tạo ham chữ là chữ hương xưa.

Nhược thuộc. Thù dục nói là trái với Thuyết Văn nói là thuộc liên, chữ vĩ thanh thực. Văn kinh viết không thành chữ. Văn cổ viết cũng như chữ thuộc.

- Quyển 483 (không có âm).

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 484

Tràng tướng nói là trái với Trục giang. Quảng Nhã nói là tràng nghĩa là cờ múa. Tàu đao. Phương ngôn nói là tràng ế. Quách Bộc chú nói là cho nên người vũ tự dùng quạt che thân. Nan sở gọi Ế nghĩa là tức là tràng. Thuyết Văn chữ căn, âm đồng, âm cân tức là cân.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 485

Khai xiển nói là trái với Khang nhậm. Văn tự điển nói là thuyết khai thông. Quảng Nhã nói là minh. Thuyết

Văn nói là trương. Chữ môn thanh tịnh, trái với Xương diễn. Hàn Khang Bách chú hệ từ nói là khai minh. Thương Hiệt Thiên nói là xiển cũng là khai. Thuyết Văn nói thuộc chữ môn thanh đan. Chế tạo nói là phiên thiết chinh lệ. Khảo Thanh nói là chế đoạn. Vận anh nói là tài tác y thường. Thiên Thương Hiệt nói là chánh. Thuyết Văn nói là chế tài y, thuộc chữ y thanh hà.

Truy cứu nói là tìm nghiên cứu, trái với Xuất giai. Khảo Thanh nói là cùng cật. Thuyết Văn nói là Suy cứu, thuộc chữ thủ thanh giai cũng là chữ giả tá. Phiên thiết Cưu Hựu. Mao Thi truyện nói là Cứu thâm. Thuyết Văn nói là cùng. Thuộc chữ huyết thanh cửu, hoặc viết cứu cửu nhấn thủ đều là chữ xưa.

Tầm tứ nói là (tìm quan sát). Phiên thiết tường âm. Khảo Thanh nói là tầm độ, trực. Thuyết Văn nói là dịch, lý. Chữ hựu chữ thủ, chữ ký, theo lý phân chia hai thốn, độ người có hai cánh tay gọi tầm. Chữ xưa viết, chữ hội ý, phiên thiết Tư tứ. Khảo Thanh nói là sát. Thuyết Văn nói là Hậu, thuộc chữ nhân, thanh tư. Kinh viết là từ mượn âm.

- Quyển 486 không có âm.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

487

Sung dật nói là thêm nhiều phiên thiết Dẫn nhất. Nhĩ Nhã nói là ích danh. Quảng Nhã nói là thịnh. Cổ chú quốc ngữ nói là dư. Thuyết Văn nói là khí mẫn. Thuộc

chữ thủy, thanh ích.

Tế tuất nói là cứu tế, thương xót phiên thiết Duẩn duật. Thượng thư nói chỉ cho những hình phạt đáng thương. Phạm Mật tập nói là giải là tuất ưu. Quách chú chu lễ nói là chân tuất ưu bản. Thuyết Văn nói là tuất tuất ưu, thuộc chữ huyết thanh tiết. Kinh thuộc chữ tuất này cũng thông dụng.

- Quyển 488 không có chữ âm.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 489

Trong quyển này từ tuần thân gân mạch đến si ninh V.V...

Quyển 53 đã giải thích và quyển 414 giải thích lại.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 490

Hiển hột nói là (chợt hiện ra), phiên thiết Thôn nột. Châu Thư nói là tốt nang cấp. Khảo Thanh nói là thương mang, hoặc viết ? lược bớt viết. Vận anh nói là hốt. Thuyết Văn nói là chữ khuyến, ở trong cỏ ra đuổi theo người gọi là tốt, thuộc chữ khuyến, thanh tốt. Chữ trước đã giải thích.

Bất tuần nói là không tuân theo. Phiên thiết Tuân tuất. Thượng thư nói là tuần vu hóa sắc. Khổng An Quốc nói là tuần tân. Bằng điều võ nói là Tham phu tuần tài. Liệt

sĩ nói là tuần danh. Quảng Nhã nói là thuật. Vận Anh nói tự huyền danh hành gọi là "tuần". Thuyết Văn chánh thể viết, thuộc chữ sách, thanh quân, hoặc viết cũng được. Phiên thiết Suru xích, duật quân.

Bách tác nói là bức bách. Phiên thiết Bồ cách cô Dã vương nói bách giống như bức, thiên Thương Hiệt nói là gần, gấp, từ bộ xước, thanh bạch, phiên thiết chữ trở cách, viết. Quyền bốn trăm chín mươi mốt.

Sở bầm nói là Phiên thiết bỉ cảm, Khổng chú thượng thư nói là bầm thọ. Châm uyển chu từng nói là đem lúa gạo ban cho người gọi là "bầm". Thuyết Văn nói là thuộc chữ hòa thanh lâm, lực chằm. Chữ thị viết thành không đúng.

Cơ hiềm nói là xem xét nghi ngờ. Cơ y. Quảng Nhã nói là cơ gián, vắn. Trịnh chú lễ ký nói là hạ sát. Khảo Thanh nói là oán thích. Thuyết Văn nói là hiềm. Chữ ngôn thanh cơ. Hình kiem. Xưa nay chánh tự nói là hiềm nghi. Khảo Thanh nói là tâm ác. Thuyết Văn nói là Bất bình trong lòng. Chữ nữ thanh kiem, hoặc chữ tâm viết. Thế trừ nói là cắt bỏ. Thệ đế. Khảo Thanh nói là Thế tiêu phát. Thuyết Văn nói là lợi phát. Chữ tiêu thanh đệ. Người lớn gọi là khôn, trẻ con gọi là thế, chữ đao viết thành chữ thế đây là chữ thường viết. Thễ hê viết thành, âm lợi, âm dịch khôn, chữ kỷ. Tác diêu.

Tề thứ nói là tề tế viết thành ? Hoặc bộ. Khảo Thanh nói là phân đoạn. Vận Thuyên nói là Phân tế, hoặc viết, âm tế giống như trên.

-Quyển 491, 492 không âm.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 493

Vô dị nói là không thay đổi nói là Doanh ích. Cổ chú quốc ngữ nói là Biến dị. Dị. Khổng chú thượng thư nói là cải. Tự thư nói là dị. Quảng Nhã nói là chuyển. Cổ văn tượng hình, như là hình thần lẫn. Thuyết Văn cổ bí thư nói là chữ dị do chữ + thành, ở đây lược bớt chữ nguyệt thì không đúng.

Biến động nói là Thiên tiên. Mao thi truyện nói là Thiên khứ. Cổ chú quốc ngữ nói là dị. Trịnh chú lễ ký nói là biến cải. Thuyết Văn nói là đẳng chữ xước âm thiên. Cổ văn nói là chữ thủ viết. Văn kinh viết nói là thiên chữ này thường viết. Âm thiên như chữ thiên, chữ động. Lý Kỳ Thư dịch Sơn bia nói là chữ động viết. Cổ văn thuộc chữ viết. Thuyết Văn nói là chữ viết đều giống nhau.

Lục phiêu nói là xanh và màu xanh trắng. Lục yên. Thuyết Văn nói là lụa xanh vàng. Cổ văn viết chữ mịch thanh lục. Phiêu tiêu. Thuyết

Văn nói là lụa mà xanh và trắng cũng là hai màu xanh và xanh pha trắng, giống như hai màu ở Đại Thanh, đều là chữ tả hình hữu thanh, phiên thiết Trung Duyệt.

- Từ quyển 494, 495-496, 497 không có âm giải thích.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

498

Thập nhị kinh nói là phiên thiết cảnh nghinh. Thuyết Văn nói từ nói là chữ. Nay thường viết không đúng. Thập nhị kinh là tên pháp số. Cận Ấn Lưu Hồng nói là Cửu kinh toán. Nhất chí chép trong pháp số có mười lăm kinh sẽ có tam muôn ức triệu kinh.

Bại hoại nói là (Suy đồi mất hết phẩm chất). Phiên thiết Bài mại. Thuyết Văn nói là nói bại hủy, thuộc chữ phộc thanh bồi. Nay theo văn lược bớt chữ phộc. Văn cổ viết. Phiên thiết Hoài quái. Thuyết Văn nói là tự phá là hoại, thuộc chữ thổ, thanh hoài. Âm hoài thuộc chữ y. Phiên thiết Đại hợp.

Suy hủ nói là Suy tàn. Phiên thiết Suất quy. Khảo Thanh nói là Suy nhược. Vận Anh nói là vi, Mao. Thuyết Văn nói là nói tháo vũ y, là chữ tượng hình. Phiên thiết Hưu liêu. Khổng chú thượng thư nói là hư hư. Thuyết Văn nói chữ ngạt viết giống với chữ. văn kinh viết chữ mộc là chữ thường dụng cũng được.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

499

Tư nhuận nói là làm tươi tốt. Phiên thiết Tử tư viết thành, phiên thiết như thuận. Quyển 78 đã giải thích.

Nhân uân nói là mịt mờ dày đặc. Uy uân viết thành uân. Nói khác hơn trời đất đều lẫn lộn với muôn vật. Quảng Nhã nói là nguyên khí ùn ùn đầy rẫy, y cứ theo khí biết được điềm, giống như mây nhưng chẳng phải

mây. Uyên chuyển như khói xanh, thuộc âm khí nhân uân đều là thanh, hoặc viết thành âm nhân uân ôn, từ bộ viết mà thành mãnh là chữ hội ý.

Phân thức nói là thơm ngào ngạt. Phiên thiết Phương văn. Khảo Thanh nói là phân phân hương khí mạo. Thuyết Văn nói là cỏ cây mới mọc lan tỏa mùi hương. Chữ gốc. Phiên thiết Sữu liệt. Nay thuộc chữ thanh phân. Văn kinh thuộc bộ khí viết thành chữ khí, phần tường khí, không đúng nghĩa kinh thuộc chữ hương viết không thành chữ, không đáng. Phiên thiết Phùng phúc. Vi Hàn nói là phương phúc, hương khí mạo, thuộc chữ hương thanh phúc.

Suy trung nói là Suy xét ký bổ nhiệm, âm Suy nói là Khảo Thanh nói là cật vấn. Tập huấn nói là thẩm, vấn. Thuyết Văn nói là bài, thuộc chữ thủ thanh chuy, có thuyết chữ chuẩn. Phiên thiết Trắc lãng. Quảng Nhã nói là trung triệu. Khảo Thanh nói là trách. Tập huấn nói là tâm. Thuyết Văn thuộc chữ vi lược thanh, chữ vương. Văn tự hưng thuyết nói là dụ cho người có đức ở giữa người hèn hạ cho nên được triều đình bổ nhiệm, thuộc chữ nhậm chữ vi.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

500

Tốt-đồ-ba nói là phiên thiết tôn cốt viết thành đây là tiếng Phạm. Đồi Đường nói là cao hiển xứ cũng gọi là phương hiển tức là nơi an trí xá-lợi của Như Lai. Xưa

dịch là Tô-thâu-bà hoặc dịch là Tháp-bà đều là tiếng Phạm chuyển sai.

Yêm nê nói là che đây. Phiên thiết Yêm liền viết thành, viết đúng. Khảo Thanh nói là yêm tạng. Vận Anh nói là tập. Thuyết Văn nói là phú. Chữ thủ thanh yêm âm giống nhau.

Binh qua nói là Binh lính. Phiên thiết Bính minh. Thiên Hiệt Thiên nói là Binh nạp. Quảng Nhã nói là phòng. Thế bản nói xi vu. Tống trung chú nói là xi vu là quân thần của Nhị Đế. Lữ Thi Xuân Thu nói là xi vu là khí giới bén. Ân binh là uy, uy là đao, thuộc chữ cung, cung trì cận đao. Trứu văn thuộc chữ nhân chữ can, thường viết thành chữ xưa Quả hòa phiên thiết. Trịnh chú câu mâu lễ nói là Câu mâu chiến. Phương ngôn giữa Ngô và Dương viết thành chiến là qua. Thuyết Văn nói bình đầu chiến, thuộc thanh dục, cánh nằm ngang chữ tượng hình.

Liêu tả nói là phụ tả. Lịch điệu phiên thiết. Cam giá nói là mía ngọt. Chi dạ phiên thiết.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

501

Bạo ác nói là Bồ mạo phiên thiết. Trịnh chú lễ ký nói là xâm lăng. Nhĩ Nhã nói là cường. Quảng Nhã nói là hiển. Khảo Thanh nói là phạm, tốc. Tự thư nói là mãnh, hại vô thiện. Thuyết Văn nói là tật có chỗ hướng đến. Chữ phong chữ bạo lược thanh âm thao. A cách phiên

thiết. Khảo Thanh nói là bất thiện. Tập huấn nói là lậu. Thuyết Văn nói là quá, thuộc á á xấu thuộc chữ tâm. Văn kinh chữ á viết chữ tư chữ nhân thảo lệ thư sai.

Điền diệt nói là tiêu hết. Đình điền phiên thiết. Không chú thượng thư nói là điền tuyệt. Trịnh chú chu lễ nói là Bệnh. Nhĩ nhĩ. Thuyết Văn nói là đều là tân, thuộc chữ ngạt thanh chân. Âm tàn, âm chân thuộc chữ nhĩ không đúng. Miên kết phiên thiết. Khảo Thanh nói là diệt vong. Vận Thuyên nói là tiêu. Thuyết Văn nói là tận, thuộc chữ thủy, tuất, hỏa, hoặc viết chữ hội ý.

Huyền động nói là ồn ào. Hương yêu phiên thiết. Trịnh chú chu lễ nói là Huyền thuyên. Thuyết Văn nói là Huyền động không được an ổn, khí xuất đầu, chữ gọi là, chữ lược thang, nên gọi "khí xuất đầu" âm hiệt.

Triền nhiều nói là Triệt liên phiên thiết, phiên thiết như thiệu, giải thích trong quyển 37.

Thiện quyền Đạt viên phiên thiết. Cổ chú quốc ngữ nói: Quyền bính, nắm thế lực gọi là quyền. Khảo Thanh nói là biến. Hà chú công dương truyện nói là xung, cho nên nặng nhẹ có khác. Nhĩ Nhĩ nói là thử. Xưa nay chánh tự nói là xung chùy, thuộc chữ thủ, thanh quán, âm quán, trực truy phiên thiết, xương chứng phiên thiết.

Vi cự đã giải thích trong quyển 101.

Mạc kỳ tiếng Phạm là thuốc. Quyển 427 đã giải thích.

Uy túc: uy đáng cung kính. Tương dục phiên thiết. Không chú thượng thư nói là túc lạc kính còn gọi nghiêm chỉnh. Quách chú lễ ký nói là giới. Nhĩ Nhĩ nói là túc túc kính, ích pháp nói là cường. Đức Khắc nghĩa nói là túc. Chấp tâm quyết đoán nói là túc. Thuyết Văn nói là

trì sự cần kính. Thuộc chữ duật ở trong hai chữ luôn cần thận, cung kính nhưng sợ và nghiêm kính, chữ hội ý, nhuế duyên phiên thiết.

Quân lữ: quân đội. Lực cử phiên thiết. Không chú thượng thư nói là lữ chúng. Chu lễ nói là năm người gọi là một ngũ, một ngũ là lưỡng, bốn lưỡng là tốt, năm tốt là một lữ. Thuyết Văn nói là quân là năm trăm người, thuộc chữ ư, tòng, tât dung phiên thiết, xưa thuộc chữ, chữ quân, thuộc âm bao.

Cổ đạo: mê hoặc. Cổ ngo phiên thiết. Vương bách chú chu dị nói là cổ sự. Tự thư nói là cổ là thần hư hỏng. Thuyết Văn nói là phức tương trùng nói là trùng trong bụng, bệnh hại đến con người nghĩa là mê hoặc. Âm Dã cũng gọi là Dã đạo.

Võng lượng yêu quái gỗ đá. Cổ chú quốc ngữ nói là Thủy quái yêu quỷ. Hoài Nam Tử nói là võng lượng đáng giống trẻ con ba tuổi đỏ chói, mắt đỏ, móng đỏ, tai nhỏ, tóc đẹp, hoặc chữ trùng viết võng lượng cũng viết vọng lượng.

Tài hoành nói là tai ương hoành hành. Tổ lai phiên thiết. Tập huân nói là trời làm trái mùa màng gọi là "tai". Tự thư nói là thiên tai. Luận Câu-xá nói là cơ cần tât ôn đạo, bình. Thuyết Văn thuộc chữ hỏa, thanh xuyên. Xưa nay chánh tự nói là chữ hội ý hữu vật ứng lưu. Hoài mãnh phiên thiết. Vận Thuyên nói là phi lý lại gọi là hoành phi, họa đến gọi là hoành. Thuyết Văn chữ mộc, thanh hoàng.

Hương nang nói là túi hương. Nãi đang phiên thiết. Khảo Thanh nói là hương tai cũng án hương tai là đốt hương bằng bình tròn cũng là cơ quan tài trí, không đảo

lệnh bên trong thường bình yên. Tập huấn nói là hữu đề tai. Thuyết Văn nói là chữ tương, ược tương cũng là thanh, âm ninh, hôn muối phiên thiết.

Bằng đảng: bè bạn. Bức năng phiên thiết. Khảo Thanh nói là đông sư môn cũng là đồng loại. Thái công lục thao nói là bạn của bạn nghĩa là bằng, bằng của bằng là đảng. Trịnh chú lễ ký nói là Đảng thân. Khổng chú thượng thư nói là trợ còn gọi là tương trợ. Mặc phi nói là Đảng. Thuyết Văn nói là chữ hắc, thanh thượng.

Phân uy ra oai. Phấn vãn phiên thiết. Quảng Nhã nói là phấn chấn. Lễ ký nói là động. Vận Anh nói là phấn vũ. Khảo Thanh nói là Điều dục phấn tiến, thuộc chữ đại, chuy giống như chim muông đang cánh bay.

Dung nhuệ nói là hùng mạnh, nhanh nhẹn. Dục thũng phiên thiết. Thuyết Văn nói là dũng khí, chữ lực, thanh dũng. Âm dũng giống như trên, chữ góc viết, truyền đến nay viết, văn xưa thuộc chữ tâm viết, hoặc chữ, chữ viết đều là chữ hội ý. Duệ huệ. Bát-nhã nói là Duệ tiên, tức diệm phiên thiết. Tiểu Nhĩ Nhã nói là Duyệt lợi phiên thiết. Khảo Thanh nói là truy lực phong. Thuyết Văn nói là man thuộc chữ kim, thanh đoái.

Ma-kiệt-đà quốc: cư yết phiên thiết. Tiếng Phạm là Trung Thiên Trúc.

Đức Như Lai ở nước này thị hiện tám tướng thành đạo có tòa kim cương cây Bồ-đề và nhiều thánh tích du hóa các nước).

Kiều-tát-la quốc: Trung Thiên-trúc gần Nam Thùy có nhiều thánh tích hoằng hóa của ngài Long Thọ và dẫn Chánh vương xây chùa và các tịnh xá, đúc nhiều tượng

Phật bằng vàng cho Bồ-tát Long Thọ hiện nay vẫn còn.

Nước Kiếp-tỳ-la nói là đúng âm tiếng Phạm nước Kiếp-tỳ-la-phật-tốt-đẻ, tên trước kia là nước Ca-tỳ-la-vệ, hoặc là Ca-la đều là tiếng Phạm lược sai, tức là nơi trị nước của vua Tịnh Phạn và Đức Thích-ca Như Lai giảng sanh. Trong nước này có hang động Ty-bát-la ở núi Câu-túc-tỳ-phú-la là nơi Đại Ca-diếp-ba và một ngàn vị La-hán kết tập kinh điển.

Nước Phệ-xá-ly nói là ly lâm ân, khi xưa gọi là Tỳ-xá-ly cũng là Tỳ-da-ly đều sai. Nước này có nhà cư sĩ Duy-ma-cật và phương trượng nói pháp và nhiều thánh tích lộc nữ thiên tử cũng là nơi kết tập của bảy trăm vị A-la-hán.

Lật-xiêm-tỳ-xương nói là lăng nhất viết thành, xương diệp. Tiếng Phạm nước ấy thuộc hào tộc. Kinh Niết-bàn và Duy-ma xưa kia gọi Ly-xà-tỳ đồng tử là chủng hệ Sát-đế-lợi.

Kiệt tường mâu quốc nói là khi xưa gọi Vương-xá thành tức là trung tâm chính của nước Ma-kiệt-đà. Khi xưa là nơi đóng đô của tiên quốc vương, nhiều lần du thuyền đánh thắng ở Kiến tường hương mao, từ đây đặt tên Mao thành. xung quanh Sùng Sơn ngoài Quách Thây thông với Thiêm Kinh nhiều cây yết-ni-ca xanh tốt, ở đó về dương xuân nở hoa vàng rực rỡ. Vườn trúc Lan-đà ở bên Phủ Lâm phía Bắc Sơn thành môn, núi Kỳ-xà-quật ở ngoài thành Vương và trong thành Sơn.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

503

Phân úc nói là khí ngào ngạt. Phương văn. Thuyết Văn nói là tường khí, hương khí, thụy khí, hoặc viết. U lục viết thành, úc cũng là mùi hương lan tỏa khắp, thuộc chữ thành hữu.

Phiên đặc nói là Cờ, mỗ. Phan lượng. Vận Anh nói là tên của tất cả loại cờ xí, nay dùng năm lựa sắc sớ là sai, hoặc họa hoa quả chim muông treo lên là sai. Thuyết Văn nói là phiên hồ, thuộc chữ thanh phiên. Phiên vận viết thành, vô phiên. Đường lạc. Khi xưa quân pháp Nai-ty-mã cầm "đặc". Văn sự đưa mỗ gỗ chuông vàng lên và lưỡi gỗ, võ sự đưa chuông vàng linh vàng lưỡi sắc lên. Thuyết Văn nói là linh lớn, thuộc chữ kim, thanh cao.

Phụ trái nói là mắc nợ. Phụ vũ. Trịnh chú lễ ký nói là phụ thị. Thuyết văn, người giữ của tài có chỗ ý lại, còn gọi cho vay không thuộc họ hàng cho nên người dưới còn nợ, đây là chữ hội ý, thuộc chữ lực hoặc chữ đao, đều không phải ý nghĩa của chữ, trắc giới. Vận Anh nói là bồi tài.

Xăng hoán nói là sáng sửa. Hoan quán. Hà chú luận ngữ nói là hoán minh. Thuộc chữ hỏa, thanh hoán giống âm trên.

Thũng pháo nói là sừng mực nước. Chung dũng viết thành, Thiên mạo. Khảo Thanh nói là trên mặt có tí sọc. Thuyết Văn nói là mặt nổi giận. Thương Hiệt nói là chữ bì thanh bao. Kinh chữ viết, hoặc chữ viết đều là chữ thường viết. Nữ Ách Huyền mục khô cá sương khắp kinh cán. Quyển 3 và 128 đã giải thích. Âm ảnh nói là bóng.

Ấm kim viết thành, anh ánh.

Nhất lap nói là một hạt. Lâm ấp viết thành, hồ lap đều đếm thành hạt.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

504

Mê mậu nói là sai lầm. Mi cứu. Trịnh chú lễ ký nói là mậu ngộ. Phương ngôn nói là trá. Quảng Nhã nói là khi. Ích pháp nói là danh dự. Thật quai nói là mậu. Thuyết Văn nói là cuồng là vọng ngôn. Chử ngôn, chử lục, lục cũng là thanh. Lục âu. Kinh thuộc chữ nhĩ không đúng.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

505

Hô-đồ-sử-đa nói là tang an viết thành đây là tiếng Phạm cũng là phương trên Cõi dục Trung Thiên. Xưa gọi là Đâu-suất-đa hoặc là Đâu-thuật đều sai. Đường nói là tri túc trở xuống Thiên đa phóng dật lên trời nhiều ám độh hưởng lạc không được tiến bộ, cho nên nói tri túc nhất sanh bổ xứ là thân sau cùng của Bồ-tát, phần nhiều làm vua cõi trời này, tương lai gặp Bồ-tát Di-lặc làm vua cõi trời đó.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

506

Địa ngục. Ngược lục. Cấp cự chương nói là cao đào thả tạo ngục điều thần. Ngọc Thiên nói là trời buộc tù nhân vì vậy nên gọi. Đồ dự chú chu lễ nói là tranh tài gọi là tụng, tranh tội gọi là tụng. phong tục thông nói là Tam vương là ngục, Hạ gọi là hạ đài, Ân gọi là khương lý, Chu gọi là linh ngô, từ Hán Tần đến Hoàng Thông gọi là ngục. Thuyết Văn nói là ngục xác. Khổ giác. Chữ ngư cận viết thành, hai con chó cắn nhau chữ ngôn ở giữa là tụng, hai chữ khuyên là chữ hội ý, cho nên gọi là thủ. Kinh nói địa ngục là âm ty u tối, ở dưới thế giới cho nên gọi là địa ngục. Câu-xá luận tụng nói là xuống dưới sâu rộng qua hai vạn thăm thăm, lên đến bảy nại lạc ca, tám tầng đều là mười sáu. Nghĩa là đường ôi thì phẩn phong đào ao nước sôi, mỗi chỗ ở bốn phương ấy còn có Bát hàm địa ngục, đều là tên đại địa ngục.

Tác quảng tác hiệp nói là tạo rộng tạo hẹp. Hà giáp. Lễ ký nói là rộng thì dung gian hẹp thì tư dục. Khảo Thanh nói là hiệp ải (hẹp hòi). Ngọc Thiên nói là Bách ải không rộng lớn. Văn kinh thuộc chữ viết sai. Chính là học viết chữ. Hễ có thói quen hẹp hòi. Chữ lại là khinh thương. Thật trái với ý kinh, hoặc chữ âm viết không đúng. Thúc nhiễm viết thành thiểm châu. Thuyết Văn viết âm, chữ âm thanh giáp.

Bào thai nói là dĩ giao. Cổ văn chữ tượng hình. Kinh khắc trên đá viết tương truyền là phổ bao viết thành thì không đúng. Thuyết Văn nói là phụ nhân hoài nhân, nhi thân viết thành, áo của trẻ sơ sinh. Thuộc chữ âm bao, như trẻ con chưa thành hình ở trong bao. Không chú

thượng thư là nói là bao lý. Tha lai. Thuyết Văn nói là người nữ mang thai chưa sanh, thuộc chữ nhục, thanh đài.

Quý pháp. Viễn vị. Khảo Thanh nói là di cùng. Quyển 391 đã giải thích.

Khủng bách nói là sợ hãi. Khúc hồng. Nhĩ Nhã nói là khủng cụ.

Văn kinh chữ thường viết. Thuyết Văn nói là chánh thể thuộc chữ I, chữ, chữ, chữ tâm viết. Nay Lê thư nhân thảo viết sai. Viết chữ khủng dần sai mất đi chánh thể. Cổ văn viết. Ban bách. Thương Hiệt Thiên nói là Bách cận. Quảng Nhã nói là bạc hiệp. Khảo Thanh nói là bách bức, ải.

Bị tào được gặp. Bình mi. Cổ Dã Vương nói là bị phòng. Tinh huyền nói là bị cứu. Cổ chú quốc ngữ nói là bị cụ. Thuyết Văn nói là bị thận. Thuộc chữ nhân, chữ dụng, chữ tuần lược thanh, hoặc viết bị. Văn kinh viết chữ thường viết. Tổ Cao. Khảo Thanh nói là Tào phùng cũng là hoành cập. Thuyết Văn nói là tao ngộ. Thuộc chữ suốt, thanh tao, hoặc viết cũng giống nhau, cũng viết.

Tuần hoàn. Tịch tuân. Vận Anh nói là án hành. Khảo Thanh nói là thuận. Thuyết Văn nói là tuần hoàn. Nữu xích viết thành, âm thuận, than thuận. Kinh văn chữ viết ngang, thuộc chữ viết không đúng. Hoa quan. Trịnh chúng chú chu lễ nói là hoàn toàn. Trịnh huyền nói là hoàn vi. Hà hưu chú công dương truyện nói là hoàn nhiều. Thuyết Văn nói là thuộc chữ, thanh hoàn.

Bạc liệt. Bàng mạc. Tự thư nói là bất hậu. Thuyết Văn nói là thuộc chữ, am mạc. Lực xuyết. Quảng Nhã

nói là liệt thiếu. Thuyết Văn nói là liệt nhược, hoặc thuộc âm tâm viết đây là chữ xưa.

Cơ suy đối ồm. Có nghi. Khảo Thanh nói là phúc trung không nói là bụng đối. Vận Anh nói là pháp thực. Thương Hiệt Thiên nói là cơ ủy. Thuyết Văn nói là cơ nga, thuộc chữ thực, thanh ky, hoặc chữ xưa viết. Lực truy viết. Khảo Thanh nói là luy là người quá ồm yếu. Thuộc chữ thanh luy. Chữ , thuộc chữ phương, chữ khẩu, chữ nhục, chữ dương âm loạn, âm ản viết, lực truy.

Công tượng. Tình dạng. Thuyết Văn nói là mộc công. Khảo Thanh nói là xảo nhân. Thuộc chữ là cần phụ, chữ âm phượng, viết thành khí. Văn kinh viết không đúng.

Ôi tạp nói là tạp nạp. Ô hồi viết thành, tài hợp viết thành quyển đã giải thích.

Manh hạt nói là đuôi mù. Mạc canh. Thuyết Văn nói là mắt không có con ngươi gọi là manh. Hô bát. Tụ thư nói là mắt không thấy vật, hoặc gọi là mắt không có nhãn cầu, hoặc theo chữ xưa viết.

Lê thảm nói là đen sạm. Lực trệ viết thành, văn thông thường viết nói là đen loang lổ gọi là "lê". Khảo Thanh nói là diện thuần. Thất tuần viết thành là đen vậy, lại nói là đen mà có màu vàng. Quyển 430 đã giải thích. tha cảm. Sớ từ nói là ô cảm viết thành nói là không được trong sáng. Thuyết Văn viết màu đen. Thanh loại nói là như màu sơn. quyển 435 đã giải thích.

Cùng tụy nói là tiêu tụy. Tình toại. Quyển 181 đã giải thích.

Ngoan ngôn nói là ngu đàn. Ngõa quan. Quảng nghĩa nói là ngoan độn. Quyển 181 đã giải thích.

Khinh tiểu nói là chê trách, coi thường. Tình diêu. Khảo Thanh nói là trách nhượng, tiểu. Thương Hiệt Thiên nói là ha. Thuyết Văn nói là nhiều, hoặc viết, thuộc chữ ngôn, thanh tiêu.

Hiểm trở. Hương yểm. Ngọc Thiên nói là hiểm nạn. Đồ dữ chú tả truyện nói là hiểm ác. Cổ quỳ chú quốc ngữ nói là hiểm nguy. Phương ngôn nói là hiểm cao. Nhĩ Nhã nói là hiểm tà. Thuyết Văn nói là hiểm, chữ phụ thanh thất liên. Trang sớ. Vương Trúc trở nạn. Hàn Thi nói là Trở ưu còn gọi trở hiểm. Đồ dự chú tả truyện nói là trở nghi. Thuyết Văn nói là thuộc chữ phụ, chữ tư lược thanh.

Cự nghịch nói là chống cự, phản đối. Cự ngộ. Vận Anh nói là cự cách. Quảng Nhã nói là cự hãm, âm hạn. Thuyết Văn nói là cự kháng. Khổ lãng. Vận Thuyên nói là cự vi.

Oa loa nói là ốc sên và tò vò. Cổ hoa viết thành, tiểu loa. Lỗ hòa. Lỗ hòa. Trong kinh chữ thường viết thành không đúng với chánh thể. Nhĩ Nhã nói là phụ loa, âm di dữ. Quách Bộc nói là loa ngư. Thuyết Văn nói là loa oa ngư loài có thêm hình lớn khi ra biển có nhiều hình dạng khác nhau.

Lan phần. Ca đán. Phương ngôn nói là hỏa thực gọi là lan. Phu vân. Vận Anh nói là phần vân hoặc viết. Văn kinh viết đây là chữ thường viết.

Quán tập nói là thói quen. Quái hoán. Quyển 438 đã giải thích. Nhĩ Nhã nói là quán tập, nghĩa là đối với việc lâu thành thói quen gọi là "quán". Thuyết Văn nói là viết. Sưu lược viết thành, thanh quán. Văn kinh viết đây là

chữ thường viết, không đúng với chánh thể.

Đam trước nói là đam mê. Đa cam. Quyển 311 đã giải thích. khinh miệt nói là xem thường. Miên miệt. Thuyết Văn nói là miệt kinh thương, thuộc chữ tâm, thanh miệt. Văn kinh viết tắt, mắt nhọc không còn tỏ muốn ngủ, không đúng với nghĩa kinh.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 507

Tương trước nói là trì lược.

Cam giá nói là mía. Chi dạ. Văn tự thích huân nói là cam giá mỹ thảo, chất nước có thể nấu thành đường cát. Thuyết Văn nói là thự, thuộc chữ thảo, chữ giá lược thanh.

Cù lao nói là cần cù, nhọc nhằn. Cường vu. Khảo Thanh nói là cù cần, cù cũng là cao, lặc đao. Cổ quý nói là lao nhọc. Nhĩ Nhã nói là lao cần. Thuyết Văn nói là lao kịch. Chữ lực người dùng sức mệt nhọc.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 508

Thiệt khoáng nói là lội qua đồng trống. Thời diệt. Vận Anh nói là thiệp lịch. Khảo Thanh nói là Thiệp độ thủy. Xưa viết. Thuyết Văn nói là đồ hành lệ thủy nói là lội qua nước. Thuộc chữ bộ, chữ thủy. Khổ hoảng viết thành khoáng. Mao thi truyện nói là khoáng không viết

sai, hoặc viết bộ tâm hoặc viết. Chữ khoáng mất hết ý cũng giống.

Hiềm đạo nói là đường hiềm, hương yểm. Quốc ngữ quyển 506 đã giải thích.

Phóng mục nói là chăn thả. Mạc bốc. Quách Bộc chú phương ngôn nói là mục nghĩa là nuôi dưỡng bò, ngựa. Cồ Dã Vương nói là mục là nuôi dưỡng tất cả không chỉ nuôi dưỡng trâu, ngựa. Thuyết Văn nói là người nuôi trâu ngựa. Phổ bốc viết thành phộc, chữ ngư, chữ nay viết. Hoài dụng nói là mang thai. Hồ quai viết thành, dương chứng.

Quyển 438 đã giải thích.

Nhiều nảo. Minh điều. Thuyết Văn nói là nữ làm mê nam giới.

Chữ xưa viết.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 509

Năng trở nói là hay làm cản trở. Trang sở. Trở nạn vậy.

Tán lệ nói là kích lệ. Lực hạ viết thành cô gắng. Biện cửu. Bĩ miễn. Biện vẫn là huệ.

Thốt sanh. Thương nốt. Chủ lễ nói là bạo cấp. Khảo Thanh nói là Thương man. Âm cứ cũng là cự. Chánh thể viết hoặc viết đều giống nhau. Văn kinh viết và không được đầy đủ. Viết cùng với bình, tốt, tướng tham gia cho nên gọi là tốt sanh.

Khiển khứ. Hư cứ. Quyển 480 đã giải thích. Bi thương nói là há miệng hà hơi. Văn kinh nói là thuộc chữ khẩu viết đều sai.

Táo nhiều nói là xáo động, không yên. Tai cao viết thành, nhưng thiếu. Quyển 460 đã giải thích.

Kiểu dật nói là kiêu căng phóng đảng. Cư bạt. Quảng Nhã nói là kiêu là tự cao. Ngọc Thiên nói là kiêu mạn. Văn kinh nói là chữ hữu viết thường viết không đúng.

Bộc lệ nói là đầy tớ. Yểm mộc. Mao thi truyện nói là Bộc phụ. Khảo Thanh nói là Bộc Sử cũng là bộc đồng. Cổ Dã Vương nói là người đánh xe. Thuyết Văn nói là người cấp sự. Thuộc chữ nhân, chữ bộc cũng là thanh. Bốc cổ viết thành, văn cổ viết. Lực kế. Khảo Thanh nói là thuộc nô lệ hèn hạ. Bộc cũng căn cứ theo lệ là tàn thân. Thuyết Văn nói là phụ trước. Chánh thể nói là chữ đãi âm đệ thanh nại. Văn kinh thuộc chữ nhập chữ viết sai cũng thường viết.

Hiệt bắt, hà sát. Quyển 440 đã giải thích.

Quy mô. Câu duy. Cổ Dã Vương nói là quy viên là thước vẽ vuông. Mạnh tư nói là không có quy cũ thì không được vuông tròn. Trịnh huyên nói là Quy chánh viên khí. Khảo Thanh nói là Quy viên chánh, cũng là độ. Đồ các. Thuyết Văn nói là Quy hữu. Thuộc chữ phụ, thanh kiến. Kỳ hồ. Quyển 430 đã giải thích.

Ca-giá-mạt-ni nói là tiếng Phạm gọi báu. Báu này không phải loại thạch ngọc thù thắng chỉ là tên khác của "châu".

Thâm áo nói là sâu xa huyền diệu. Khảo Thanh nói là sâu xa không sao lường được. Thuyết Văn nói là thuộc

chữ thủy thanh thâm. Ô các. Nhĩ Nhã nói là Tây nam ngu nghĩa là áo. Thuyết Văn nói là cũng là. Thuộc chữ biện, chữ đại.

Tiệm túc nói là y diệm. Đản súc nói là hứa lục.

Khan lãn nói là bôn xễn, keo kiệt. Khẩu nhàn viết thành, ly trản. Vô hà nói là không rảnh rồi. Hà giá. Tự thư nói là Hà nhàm.

Hiêm hận. Hình kim. Vận Anh nói là thiên hận. Kinh nói là quyền 441 đã giải thích.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 510

Y liệu nói là chữa trị. Ư cơ viết thành, lục triệu viết thành, có khi dùng chữ biến thể. Thuyết Văn nói là chánh thể chữ được viết giải thích giống như chữ dưới. Trịnh huyền chú chu lễ nói là dùng bệnh gọi là liệu. Đồ chú tả truyện là liệu trị. Xưa nay viết đúng là trị liệu. Nữ ách viết thành, lục triệu viết thành cũng là thanh liêu.

Bệnh dư; dư thứ. Vận Anh nói là hòa duyệt. Khảo Thanh nói là thứ an. Vận Anh nói là Thiên tử bệnh gọi là bất thư. Thượng thư nói là Hữu tạt bất dư. Không gọi là bất duyệt dư. Thuyết Văn nói là thư dự. Thuộc chữ tâm, thanh dư ?. Văn kinh nói là hoặc là bệnh lành cũng được. Tập huân nói là dụ tạt sai, ích. Không an quốc chú luận ngữ nói là dữ thắng. Ngọc Thiên nói là bệnh lành là dữ. Thuyết Văn nói là chữ dữ, thuộc chữ chu, cổ ngoại viết thành đây là chữ hội ý.

Văn mạnh nói là muỗi và nhặng. Văn phân. Thuyết Văn nói là viết. Cổ văn viết chữ lý. Thuộc chữ hôn viết vì trách miếu húy của Thái Tông nên viết chữ thành chữ. Trong kinh thường viết. Thuyết Văn nói là nghệ kết viết cũng là nhân phi trùng tử. Nhĩ Nhã âm, điền mạnh mẫu. Quách Bộc nói là giống như chữ nên viết âm ngãi nhưng lớn màu vàng trắng. Táp văn nói là tiếng kêu của nó như bồ câu, nay Giang Đông gọi là văn mẫu. Theo truyền thuyết loài chim này thường nở ra muỗi con cho nên gọi là văn mẫu. Dị uyển nói là gọi côn trùng hóa sanh trong nước là "văn tử". Mỗ canh. Thỉnh loại nói là côn trùng cắn người giống như nhặng. Dĩ tăng viết thành, nhưng lớn hơn, căn cứ theo nhặng thì kỳ thực giống như ong, nhưng khi lớn và nhỏ đều giống như nhặng. Thuyết Văn nói là côn trùng có cánh cắn người, và sống ở núi, sông, hang và hóa sanh trong hoa cỏ, hoặc hóa sanh trong đầu con hươu (chữ dịch là hươu) từ trong mũi con hươu hỉ ra. Thân hình to lớn gọi là mạnh, còn gọi là "mộc mạnh", còn gọi là con gián, không phải mạnh, con nhặng, thân hình nhỏ vẫn vênh gọi là tầm (âm) hoa tầm giống con nhặng.

Xà mai nói là bò cạp độc. Thời giá. Mao thi nói là duy hủ, âm đôi thành duy tha, gọi là long tha, là loại vật ngủ về mùa đông. Trì lập. Cổ văn chữ tượng hình viết. Tiểu triệt viết. Thuyết Văn nói là viết. Lệ triện viết vì tướng thay đổi dần. Sát áp thạch kinh thêm chữ nên viết. Chữ thư nói là tha hủ độc trùng. Văn kinh biến chuyển thường viết. Cối sắc. Khảo Thanh nói là bò cạp, âm hiết hoặc viết. Thuyết Văn nói là mại trùng độc.

Thuộc chữ trùng chữ miêu là chữ tượng hình. Triệt thư nói là giống hình chữ hiết.

Phi giáp không hẹp, hồ giáp viết thành đã giải thích trong quyển 511.

Phiêu chuyên nói là bay phát phối. Thất diêu. Quách Bộc chí Nhĩ Nhã nói là phiêu toàn phong. Mao thì truyện nói là gió bay phát phối.

Như phiếm; lênh đênh, rộng. Phu yểm. Xưa nay chánh tự nói là phiếm sắc cũng là phổ. Thuyết Văn cũng như vậy. Thuộc chữ thủy, chữ phiếm, lược thanh, hoặc viết, hoặc viết đại đồng nhưng tiểu dị, cũng đều là nước chảy menh mông.

Sắc nang nói là khí cầu, túi hơi. Phụ vô. Vận Anh nói là Sắc phiếm. Quảng Nhã nói là Sắc phiêu. Trịnh huyền chú lễ nói là ở trên gọi là "sắc". Cổ quý chú quốc ngữ nói là Sắc khinh. Thuyết Văn nói là Sắc phiếm. Thuộc chữ, thanh phù. Mặc tức. Vận Anh gọi là Nang thác cũng là âm thác. Tập huân nói là có đáy gọi là nang không đáy gọi là thác, còn gọi lớn nang, nhỏ là thác đều là đựng đầy vật. Tiểu triện nói là chữ thác, âm con. Nữ canh viết thành chữ y. Theo kinh nói là sắc nang là khí nang, cũng là muốn qua biển cả bằng sắc khí cầu này.

Hoại bình nói là Bình hư. Phổ mai. Quyển 444 đã giải thích. am minh. Tập huân nói là đồ để mức và chứa nước. Khảo Thanh nói là giống như lọ dài cổ (ô canh viết thành) nhưng mọng nhỏ.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 512

相囀 Tướng soái. Tinh tương. Khảo Thanh nói là tướng quân. Tự thư nói là quân chủ cũng là binh soái, còn lục quân cảnh gọi phu là “tướng” phải có sáu hàng ngũ, mới có đủ “Tam thao nhất thủ?”. Đầy đủ hàng gọi là “lương tướng” Thuyết Văn nói là tướng suất. Thuộc chữ thủ chữ y lược thanh. Tương loại. Vận Anh nói là tướng suất. Khảo Thanh nói là thống lãnh. Tập huấn nói là quân tướng, hoặc viết. Thuyết Văn nói là Sơn duật viết thành cũng giống.

卵慤 Noãn xác nói là vỏ trứng. Lạc quản. Thuyết Văn nói là Hễ con vật gì không có sữa đều sinh bằng trứng. Chữ tượng hình văn cổ viết. Tiểu triện viết. Triệt thư viết. Khổ giác. Tập huấn nói là vỏ trứng chim gọi là xác. Khảo Thanh nói là noãn không (vỏ không) âm noãn, khổ giác viết thành lược thanh.

淳孰 Thuần thực. Thời luân. Quyển 146 đã giải thích. Thời lục. Khảo Thanh nói là thực thành lan. Phương Ngôn văn tự tập lục nói là hợp thực, cũng giống chữ Thuyết Văn nói là chữ ... Âm phiêu thanh thực.

滄貌 Vi mao. Mạc bao. Quyển 446 đã giải thích.

牽弓| Khiên dẫn nói là lôi kéo. Liên luy. Khải hiên. Khảo Thanh nói là khiên liên. Quảng Nhã nói là khiên vãng. Thuyết Văn nói là khiên dẫn, thuộc chữ ngư, chữ miên âm huyền thanh huyền. Đỗ dự chú tả truyện nói là dẫn đạo. Cổ quý chú quốc ngữ nói là dẫn thân. Nhĩ Nhã nói là dẫn trần. Thuyết Văn nói là dẫn khai cung. Thuộc chữ cung, âm hán, thanh duệ. Văn cổ chữ thủ, chữ cung

viết.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 513

Có cánh hữu xí. Thi chí. Thuyết Văn nói là điều dực hoặc chữ xưa viết. Nay trong kinh thường viết cũng được.

猶豫 Do dự nói là không quyết định. Dự độ. Lễ ký nói là bói vu do đó quyết giải được Thiên nghi và ổn định không còn do dự. Tự thư nói là người do dự không dứt khoát quyết định, giải thích như quyển 325.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 514

扇搥半擇迦 Phiên tri bán trạch ca là tiếng Phạm. Trung Hoa dịch là nói là Huỳnh môn. Sắc ca viết thành, như âm trạch, cư khứ Người huỳnh môn là nam căn không đủ Giả sử có đủ cũng không thể sanh con. Loại này có năm như âm nghĩa quyển ba đã giải thích.

癲癩 Diên gian nói là bệnh động kinh. Đinh kiên. Quảng Nhã nói là điên cuồng. Mao thi giải thích nói là bệnh điên. Thỉnh loại nói là bệnh phong điên, hoặc viết cũng viết. Cũng như chữ. Tập huân nói là Tiểu nhi điên. Thuyết Văn nói là bệnh phong. Nữ Ách viết thành, thanh gian, hoặc viết cũng được.

𨾏𨾏 Cơ sắt nói là con rắn. Cư nghi. Thuyết Văn nói là sắt tử Vận Anh nói là trứng rắn, tức đoản. Sở sắt. Tự

yếu nói là con vật trong áo cấn người. Thuyết Văn nói là chữ rận, chữ hoàn, âm tín, âm côn. Nay văn kinh truyền nhau nửa chữ phong viết không đúng.

不徇 Bất tuân nói là không theo. Tuân nhuận. Tập huân nói là thân theo vật gọi là tuân. Khảo Thanh nói là tuân viễn. Văn nói là tuân tậ, chữ nhân, thanh tuân, hoặc viết.

恃虎 Thị hồ nói là nương tựa. Thời chủ Khảo Thanh nói là thị nương. Tập huân nói là thị phụ, cũng là thừa phụ ỷ bằng. Thuyết Văn nói là thị lại. Chữ tâm thanh tự hồ cô viết thành chữ Thuyết Văn nói là hồ thị. Chữ tâm, thanh tâm. Hồ cô viết thành lược thanh.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 515

呵諫 Ha gián nói là can ngăn quở trách. Ca nhận. Trịnh huyền chú chu lễ nói là gián chánh cũng là người dùng chánh đạo. Thượng Thư nói là hậu, gián thì Thách Bách Hổ Thông nói là gián là gian, làm đổi mới giữa phải trái, người thực hiện phải nhớ Ngũ thường. Thế nên gián có năm nói là phúng gián, tụng gián, gián chỉ, gián nhượng, gián đẳng. Thuyết Văn nói là cũng gián chánh. Chữ ngôn âm gián, thanh gian.

Bị đại. Đương nại. Quyển 449 đã giải thích.

刹那 Sát-na nói là tiếng Phạm gọi là giờ. Câu-xá luận nói là một trăm hai mươi lăm sát-na là hằng sát-na lượng lập phược sáu mươi nay và ba mươi tu du nay,

cộng lại thành một ngày, một đêm. Theo bài tụng này một ngày một đêm có ba mươi tu du, mỗi một tu du tính ra ba mươi lập phước. Trong một lập phước tính ra sáu mươi hằng sát-na, trong một hằng sát-na chia thành một trăm hai mươi sát-na, trong một gồm nút ngắn không bằng một sát-na. Nay theo lịch phép nước này hễ một ngày một đêm có mười hai giờ cộng lại chia ra thành một trăm khắc. Mỗi một giờ chia được tám khắc. Khoảng mạnh hay yếu phần lớn phân chia ra từ dần đến, trong một giờ tính ra có năm mươi bốn vạn sát-na. Ngoài ra một giờ chuẩn theo đây tính một giờ một đêm tổng cộng có sáu trăm bốn mươi tám vạn sát-na. Nếu mỗi một khắc phân chia thì trong một khắc ước chừng bảy vạn sát-na giờ, nếu nói thật nhanh nữa thì chỉ trong nháy mắt.

筹量 Trù lượng nói là tính toán. Trường lực. Trịnh huyền chú nghi lễ nói là trừ toán. Thuyết Văn nói là trừ đài thí. Chữ trúc thanh trừ.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYÊN 516

測度 Trắc độ nói là đo lường. Sở lực. Trịnh huyền chú chu lễ nói là trắc du độ Bát tri quảng thâm nói là trắc. Thuyết Văn nói là chữ thủy, thanh trắc. Đồ lạc.

焦炷 Tiêu chú nói là tiêu hết. Tình diêu. Quyên 490 đã giải thích.

顛雖 Tiều tuy nói là tình diêu viết thành, tình toại.

- Quyên 451 đã giải thích.

矛盾 Mâu toán. Mạc hầu viết thành, thương loạn.

- Quyển 451 đã giải thích.

Lại đoạ nói là lười biếng, lật đoán viết thành, đồ ngoạ.

Khảo Thanh nói là bất cần, không siêng năng.

Thuyết Văn nói là bất kính.

Chữ tâm, thanh tùy.

潑無 Bát vô nói là bát không có. Bồ mật. Quảng Nhã nói là bát trừ Trịnh huyền nói là bát phát. Thuyết Văn nói là chữ thủ âm thủ, thanh phát.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 517

堆阜 Đồi phụ nói là đồi nhỏ, gò. Đô lô. Vương dật chú sở trừ nói là đồi cao. Khảo Thanh nói là đáng đất cao còn gọi đồi tụ Tập huấn nói là khâu phụ cao trạng. Thuyết Văn viết nói là bá bá khô, ngu đôi viết thành, kinh cũng là chữ phụ chữ chuy, lược thanh. Văn kinh viết đây là chữ thường viết, âm phụ như chữ. Nhĩ Nhã nói là cao bằng gọi là lục, đại lục gọi là phụ Quảng Nhã nói là gò không đá gọi là phụ Thuyết Văn nói là núi không đá gọi là non. Cổ văn chữ tượng hình viết.

溝坑 Câu khanh nói là hàm hố, rãnh cống. Cổ hậu. Chu lễ thông nước gọi là câu. Quế châu châu tùng nói là trong áp nước chảy thông hết. Thuyết Văn nói là thủy cũng là rộng bốn thước, sâu bốn thước, chữ thủy, thành câu, câu hậu. Khổ canh. Nhĩ Nhã nói là khanh hư Khảo

Thanh nói là khanh khảm. Xưa nay chánh tự nói là khanh tiệm thanh hảm viết thành, hoặc viết, chữ thổ, thanh khanh.

株杭 Chu hàng, tri du. Khảo Thanh nói là cây chát gọi là chu.

Thuyết Văn nói là mộc căn. Chữ mộc, thanh chu. Ngũ cốt. Vận Anh nói là cây không cành gọi là tiếp, hoặc viết.

平坦 Bình thản. Tha đán. Quảng Nhã nói là Thản bình, còn gọi thản minh. Vương chúc chú chu dị nói là bình an không gặp nguy hiểm khó khăn, ô giới. Thương Hiệt Thiên nói là thản trước. Thuyết Văn nói là thản an, chữ thổ, thanh đán.

治沼 Trì chiêu nói là đầm ao. Trục ly. Không an quốc chú thượng thư nói là nước không chảy gọi là trì. Thuyết Văn nói là trì pha, chữ thủy, chữ trì, lược thanh. Chi nhiều. Tả truyện nói là chiêu cũng là trì. Tự thư nói là ao hồ gọi là chiêu. Thuyết Văn nói là chiêu trì, chữ thủy, thanh triệu, chữ đao, chữ khẩu. Trong kinh viết sai.

瓦礫 Ngõa lịch nói là gạch vụn. Ngũ ngõa. Thuyết Văn nói là ngõa thổ khí, tượng hình dùng cột cứng để che nhà, tỳ dân viết thành còn gọi là, âm bản đồ là âm mẫu gọi là giống âm trên. Lục đích. Thuyết Văn nói là lịch tiêu thạch cũng là đá nhuyển, cũng là đá vụn. Nay trong kinh viết “ngõa lịch” dụ cho hạng người bỏ đi như đá gạch bị đập nát không dùng được.

統攝 Thống nhiếp nói là thâm tất cả. Tha công. Khảo Thanh nói là thống lãnh cũng là tự. Xưa nay chánh tự nói là thông ký, thuộc chữ mịch, âm mịch. Mịch là loại

tơ nhuyễn, thanh thông. Thí diệp. Khảo Thanh nói là kiêm thông cũng là liễm. Thuyết Văn nói là dẫn trì. Chữ thủ, âm thủ, thanh nhiếp, nê thiệp.

熱痰 Nhiệt đàm nói là nhiệt triết. Khảo Thanh nói là nhiệt thủ. Thích danh nói là nhiệt, như lửa cháy rực. Thuyết Văn nói là nhiệt ôn. Chữ hỏa, âm nghệ thanh nhiệt. Đường lam viết thành chữ Khảo Thanh nói là bệnh nước trong màng ngực. Tập huân cũng là bệnh nước trong màng ngực. Xưa nay chánh tự nói là nạch ách viết thành, chữ đàn lược thanh.

前伏 Tiền phục nói là mai phục. Tịch diệm. Nhĩ Nhã nói là tiền trầm. Quảng Nhã nói là tiềm một. Thuyết Văn nói là thiệp thủy, chữ thủy, chữ tâm. Kinh nói là hai chữ thiên viết sai. Phụng phúc. Tập huân nói là phục ản. Quảng Nhã nói là phục tùng. Thuyết Văn nói là phục tứ nghĩa là người mai phục, chữ nhân, chữ khuyến đều là chữ hội ý.

翱翔 Cao tường nói là bay liệng. Ngã cao. Trịnh huyên giải thích và Mao thi nói là bay liệng ung dung. Hàn thi nói là bay liệng tự do. Nhĩ Nhã nói là chim bay liệng. Khảo Thanh nói là chim bay qua lại thông thả Văn cổ viết. Thuyết Văn nói là cao tường hồi phi, đều là chữ vũ âm cao thanh dương.

箭鵠 Tiễn quát nói là đuôi mũi tên. tương tuyền. Khảo Thanh nói là trú danh, giống như âm tiểu, nhưng lá nhỏ có thể làm mũi tên (âm thủ), vì âm thủ là tiễn. Thuyết Văn nói là tiễn thi. Chữ trúc thanh tiền. Quát. Khảo Thanh nói là tiễn khẩu, theo tiễn quát là chịu dây nỏ Văn kinh nói là viết chữ mộc cũng được. Chánh thể

chữ trúc chữ quát lược thanh.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 518

一巷 Nhất hạng nói là hẻm. Học giảng. Mao thi nói là Lý gian đạo. Sử ký nói là vĩnh hạng là đường nhỏ trong cung. Thuyết Văn nói là đường nhỏ trong ấp. Nghĩa là ở trong ấp cho nên hai chữ ấy viết đây là chữ hội ý. Tự triện văn viết. Nhĩ Nhã viết. Cổ văn viết nói là đường quyen nói là hoang đường. Đồ tức. Tự thư nói là đường hư Ngọc Thiên nói là đường đồ Khảo Thanh nói là nói mà không làm. Thuyết Văn nói là đường đại ngôn. Chữ khẩu, thanh canh. Duyệt uyên.

稟性 Bẩm tánh. Bĩ cảm. Khổng chú Thượng Thư nói là bẩm thọ Thuyết Văn nói là tứ cốc, chữ hòa thanh cảm.

昧鈍 Muội độn nói là dần độn. Mạc bôi. Tập huấn nói là muội minh. Quảng Nhã nói là muội ám. Hàn Khang Bách nói là mặt trời lặn là muội. Vận Anh nói là đen tối không sáng. Thuyết Văn nói là chữ nhật, chur chu, lược thanh. Đồ độn. Thiên Hiệt Thiên nói là độn ngoan. Theo chữ ngoan sự hiểu biết mờ ám. Vận Anh nói là binh đao không bén. Thuyết Văn nói là độn đao, đao ngoan độn. Chữ kim, âm đồn, thanh đồn.

塚間 Trùng gian nói là giữa đỉnh. Tri lũng. Quyển 453 đã giải thích.

廉儉 Liêm kiểm, lực diệm viết thành, cự nghiệm. Quyển 513 đã giải thích.

睡相 Thụy tướng nói là tướng tốt. Thời nguy. Chu lễ điển nói là thủy chương ngọc thủy. Trịnh huyền nói là thủy phù tín. Theo điển thủy hoặc là ấn phù bảo của ngày nay. Thương Hiệt nói là thủy ứng. Cổ Dã Vương nói là vua có đức cảm cảm khôn cho nên trời đất hiện tin lành. Đức cảm đến núi sông non nước thì trồng được cỏ thơm. Hà lễ viết nhạc gió lành đến đều là điềm lành. Thuyết Văn nói là thủy tín ngọc, chữ ngọc, chữ chuyên không thanh.

礪現 Kiền biện nói là cư yêu. Quyển 415 đã giải thích. tiếng Phạm La-sát-bà tên một loài quý. Biển lười dài, tiếng hô to. Khi xưa dịch chỉ là La-sát. Loài quý này có thần thông bay đi tự do, ăn thịt máu của chúng sanh, nó rất lớn và hung dữ. La-sát nữ này có một quốc độ riêng ở biển cả châu đảo, dùng thần biến ra hình tướng ủy mị làm mê hoặc và dụ người lương thiện, như trong kinh Bản Hạnh đã nói.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 519

能紹 Năng thiệu nói là có khả năng tiếp nối. Thị nhiều.

Thuyết Văn nói là khăn cư. Quyển 454 đã giải thích.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

520

戰慄 Chiến lật nói là run sợ Chiên thiện. Cổ Dã Vương nói là chiến cụ. Mao thi nói là chiến chiến căng căng, theo chiến chiến căng căng là sợ hãi. Nhĩ Nhã nói là chiến động. Quách Bộc nói là khủng động vu bộ sợ hãi động bước vội. Hoặc viết. Cổ văn viết. Hạ lãng nhất. Tập huấn nói là chiến lật cụ. Tự thư nói là ưa thích. Khảo Thanh nói là cần kính. Chữ tâm thanh lật, âm tâm.

源底 Nguyên đề nói là tận nguồn. Ngu viên. Lễ ký nói là đạt được nguồn cội trong lễ nhạc. Trịnh huyền nói là nguyên bản. Quảng Nhã nói là gốc của vạn vật gọi là “nguyên”. Thuyết Văn nói là viết, hoặc chữ xưa viết.

伴侶 Bạn lữ nói là bạn trăm năm. Bạn mạn. Vương dật chú sở trừ nói là bạn lữ Vận Anh nói là bạn thị lữ Thuyết Văn viết nói là Đại nhi. Chữ nhân, thanh bạn. Chữ bạn chữ bát chữ ngư viết thành bạn là sai. Trường lưu. Lục cử Quảng Nhã nói là Lữ bạn, hoặc viết chữ lữ Xưa nay chánh tự viết nói là lữ lệ. Chữ nhân, thanh lữ, hình nó giống như xương sống. Chữ lệ là âm lệ

勃惡 Bật ác nói là hùng hùng hung dữ. Yểm một. Quyển 429 đã giải thích.

鯉跣 Lý tiễn nói là giẫm đạp. Lệ chi viết thành, tiền diễn. Quyển 455 đã giải thích.

挑目 Thiên mục nói là khâu chọc. Thễ diêu. Vận Thuyên nói là Thiêu bát. Khảo Thanh nói là Thiêu quyết. Tự thư nói là âm thủ thanh triệu. Trong kinh chữ mộc viết đào không đúng, hoặc chữ đao cũng viết cũng được.

Nghiết tử. Ngư khí. Quyển 455 đã giải thích.

Cứ giải nói là cưa xẻ Cự ngữ Quốc ngữ nói là trong hình phạt dùng dao cưa. Cỗ quỳ nói là dùng dao có chỗ dùng cưa để cắt, nghĩa là một án tử hình trong cung. Âm nghĩa là chặt chân, âm nguyệt đều là hình phạt. Thương Hiệt Thiên nói là Tiết vật cứ. Thuyết Văn nói là thương đường, cũng là âm đường. Chữ kim, thanh cư Khảo Thanh nói là thương đường là cứ. Phương Ngôn nói là tên khác của chữ cứ. Giai mại. Khảo Thanh nói là giải thích, phán, phân.

交涉 Giao thiệp. Thường nghiệp. Thương Hiệt Thiên nói là lợi trong nước là thiệp lịch, lợi qua nước gọi là thiệp.

琰磨王 Diêm ma Vương nói là tiếng Phạm minh ty quý Vương.

Xưa là Diêm ma Vương. Văn kinh nói là kiếp. Ma người xưa dịch là bình đẳng.

黧黑 Lê hắc nói là đen sạm. Lục tri. Văn thông tục viết nói là đen lóm đóm là lê. Khảo Thanh nói là diện tuần, hắc. Chữ hắc, chữ lược thanh.

繆誤 Mậu ngộ nói là sai lầm. Mai cứu. Vận Anh nói là mậu ngộ Vận thuyên nói là trá vọng. Quảng Nhã nói là mậu khi. Ích pháp nói là danh dự. Thật sáng gọi là mậu. Thuyết Văn nói là cuồng là người nói dối. Chữ ngôn, thanh lục. Hoặc viết. Ngũ cổ Tự thư nói là quái ngộ. Hán thư nói là những điều sai lầm đều tha thứ Tả thi truyện nói là người mắc tội đều gọi là lầm. Thuyết Văn nói là ngộ mậu, chữ ngôn, thanh ngộ 欲扣 Dục khấu nói là khổ hậu. Quyển 456 đã giải thích.



NHẤT THIẾT ÂM NGHĨA KINH

Sa-môn phiên dịch kinh Tuệ Lâm soạn

QUYỂN 7

(Âm kinh Đại Bát Nhã từ quyển 521 đến 562)

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 521

浙滂 T ích vi nói là Trinh tích. Quyển 456 đã giải thích.

Triêm bỉ tiếp liêm. Hàn hồi xả nói là nhược. Khảo Thanh nói là tiểu thấp. Thi ký Không Tử nói là Mưa ướt y phục mất hết hình dung. Cố Dã Vương nói là triêm lục. Văn tự tập lược viết. Thuyết Văn nói là triêm nhiễm, âm nhiễm, chữ vũ, thanh triêm.

滴數 Trích số nói là định lịch. Khảo Thanh nói là thủy lạc, hoặc viết. Thuyết Văn nói là thủy biến chú. Nước chảy. Tự thư nói là thủy đích. Văn kinh viết. Sương câu.

不磳 Bất xa. Hưu cứu. Quyển 456 đã giải thích.

- Quyển 522-523 không có chữ giải thích.

嫌害 Hiềm hại nói là hình diệm. Khảo Thanh nói là tâm ác.

Thuyết Văn nói là bất bình trong lòng, còn gọi là hiềm nghi. Chử nữ thanh hiềm. Hà lại. Thương Hiệt Thiên nói là hại tặc. Quảng Nhã nói là hại hại. Khảo Thanh nói là hại phương, hoặc viết ngăn cản xâm hại phải là bình phong, tên phòng đình. Thuyết Văn nói là hại thương, chử âm miên, chử khẩu lược thanh.

遜謝 Tôn tạ nói là khiêm tôn, cảm tạ. Tôn thốn. Vận Anh nói là tôn kính. Khảo Thanh nói là tôn thanh tịnh. Tập huân nói là thanh tịnh vị, trốn khỏi chỗ ra đi. Thuyết Văn nói là tôn độn. Thuộc chử sướt, thanh tôn, hoặc chử tâm viết cũng giống. Tịch dạ. Khảo Thanh nói là tạ ân, tai, cáo. Thuộc chử ngôn, thanh tạ.

危遂 Nguy thúy nói là giòn tan, dễ vỡ. Thanh tuế. Quảng Nhã nói là thúy nhược. Cố Dã Vương nói là nguy noa, hoặc viết. Khảo Thanh nói là phục phì, nhuyễn, duyên. Thuyết Văn nói là thịt mềm dễ cắt. Thuộc chử nhục, chử tuyết, lược thanh. Kinh chử nguy viết thành chử không đứng.

Khôi đẳng nói là khoảnh đất. Khôi đôi. Nghi lễ nói là tằm chiêm chằm khô. Vận Anh nói là thổ khô. Thuyết Văn nói là thổ thực. Thuộc chử thổ, chử quý, lược thanh. Ngũ khôi viết thành, hoặc viết chử tượng hình, hoặc nói húc. Bức là tên khác của khôi.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

524

Trở hoại nói là bại hoại. Tường cung. Quảng Nhã

nói là trở đồ. Mao thư truyện nói là trở cũng là hoại. Còn viết trở chỉ. Thuộc chữ thủy thanh thả. Hoại hội. Tập huấn nói là hội bại. Vận thuyên nói là tự phá gọi là hoại. Thuộc chữ thổ, chữ hoại, lược thanh. Am-một-la quả là trên trái cây viết bằng tiếng Phạm. Cũng gọi là Am-bà-la tức trái am-la.

牟娜娑果 Mâu-na-sa quả là tên gọi của tiếng Phạm.

Trái này hình thù giống như dưa mùa đông, nước này không có.

漑攏 Khái quán nói là tưới. Kỵ ý. Vận Anh nói là nhiều quanh. Thuyết Văn nói là chữ khái cũng là chữ quán. Cố Dã Vương nói là khái vẫn là quán chú. Thuộc chữ thủy, thanh ký.

- *Quyển 525-528 không có âm giải thích.*

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 529

酥片多 Tô phiên đa nói là tên Phật phiên âm theo tiếng Phạm.

Đời đường nói là Diệu tức tai.

撞繫 Chàng kích nói là đánh, đôm. Cố Dã Vương nói là chàng là kích. Quảng Nhã nói là chàng thích thê. Thuyết Văn nói là chàng chú. Chữ âm thủ thanh đồng.

诃責 Ha trách nói là quở mắng. Hồ kha. Khảo Thanh nói là Ha niết, âm hủy nộ. Tập huấn nói là ba trách, Vận Anh nói là Sát nộ. Kinh viết cũng được. Trang cách. Thuyết Văn nói là trách tâm. Thuộc chữ, chữ thúc, âm

thích, lược thanh. Thuyết Văn nói là chữ cổ viết.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

530

慚愧 Tàm quý nói là hổ thẹn. Tàng hàm. Quy úy. Hai chữ này giải thích hổ tương nhau.

酖著 Đam trước nói là đam mê. Đô cam. Vận Anh nói là đam hảo.

Khảo Thanh nói là đam ngoan, trước. Thuộc chữ thân, chữ đam, lược thanh.

芭蕉 Ba tiêu nói là chuối. Bồ ba viết thành, tức tiêu. Tên một loại thảo thọ đã có từ lâu, xuất xứ tại giao chỉ chữ chỉ loài cỏ này có thể ăn được, là như chiếu có thể làm vải. Quyển 530-532 nói về ba mươi hai tướng của bậc đại nhân. Quyển 401 của quyển thứ nhất và 479 đã giải thích.

- Quyển 531-535 không có chữ giải thích.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

536

獵者 Liệp giả nói là người đi săn. Lược điệp. Cổ quý chú quốc ngữ nói là Liệp thủ. Nhĩ Nhã nói là liệp ngược. Quách Bộc nói là lãng liệp bạo ngược. Theo chữ điền, âm điền thủ là liệp. Chữ khuyến, thanh liệp. Âm là âm điền liệp.

劇苦 Kịch khổ nói là đau nặng. Ký nghịch. Thương

Hiệt Thiên nói là kịch bệnh độc. Tập huấn nói là bệnh trầm trọng sắp từ giã. Phương Ngôn nói là bệnh giảm ít gọi là “kịch” Xưa nay viết đúng nói là chur đao thanh cứ. Văn kinh thường viết, không đúng với chánh thể, chữ âm cư. 懶稹 Lại nọa nói là lười biếng. Lặt cán. Khảo Thanh nói là bất cần. Thuyết Văn nói là giải đãi. Thuộc chữ tâm, thanh lại, hoặc chữ viết. Có thuyết nằm ăn gọi là “lại” Đồ nọa. Quảng Nhã nói là nọa lại. Thuyết Văn nói là nọa bát kinh. Thuộc chữ tâm, thanh nọc. Vận Anh nói là đọa giải, hoặc viết đọa ngộ, hoặc viết đây là chữ xưa.

無翼 Vô dục nói là không cánh. Dương thức. Không chú thượng thư nói là dục phủ. Thuyết Văn nói là dục xi. Thuộc chữ vũ, thanh dị 胥糧 Tư lương nói là tiền của, lương thực. Lực cường. Tập huấn nói là lương trữ thực. Thuyết Văn nói là lương cốc. Thuộc chữ mẽ, thanh lương. Văn kinh nói là tư lương Bồ đề. Bồ đề là Vô thượng đạo tư lương, là lực độ vạn hạnh.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

537

瞻部洲 Thiệm bộ châu. Thương diệm viết thành, Nam châu, xưa dịch là Diệm sắc đề không đúng.

瞢身洲 Thắng thân châu là Đông châu. 牛噉洲 Ngưu hóa châu là Tây châu. 俱盧洲 Câu lô châu là Bắc châu.

毘奈耶 Tỳ-nại-da nói là tiếng Phạm là tạng giới, luật

cũng gọi là Tạng điều phục. Chữ hưởng. Hư lường viết thành hưởng, chiến van trong hang rỗng. Dương diễm nói là khi nóng từ xa mong có khí dương trên nhà và đất, giống như lửa cháy nhưng không phải lửa cháy, cho nên gọi là “dương diễm” như huyền như hóa.

尋香城 Tầm hương thành nói là khi xưa tiếng Phạm là thành Càn-thát-bà. Quyền thứ nhất đã giải thích.

惓怕 Đàm-phạ nói là lo buồn. Đường lâm. Phổ bá. Hoài Nam Tử nói là đảm mẫn cũng là phạ tỉnh. Quế uyên châu trụ nói là đảm phạ là tâm chí đầy đủ. Tự thư nói là vô hý luận. Vận Anh nói là an tỉnh. Văn kinh viết nói là ngôn bạc, hoặc viết nói là đạm bạc hoàn toàn không đúng. Xưa nay viết đúng chữ đảm, thuộc chữ tâm thanh đảm. Chữ pa cũng là chữ tâm, thanh bạch.

- *Quyển 538 không có chữ giải thích.*

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 539

問詰 Vấn cật nói là gạn hỏi. Khinh dật. Trịnh huyền chú lễ ký nói là cật tức là hạch tội. Quảng Nhã nói là hội trách. Thuyết Văn nói là cật vấn. Thuộc chữ ngôn, thanh kiết.

訓荅 Thù đáp nói là báo thù. Thời lưu. Mao thi truyện nói là thù báo. Trịnh huyền nói là thù hận. Thuyết Văn nói là thù khuyến. Thuộc chữ dậu, thanh châu. Dương nạp. Vận Anh nói là đáp đối. Khảo Thanh nói là đáp nhiên. Xưa nay chữ chân phương viết nói là chữ.

Thuộc chữ thảo, thanh lập. Chánh thể viết. Chữ hợp, thiên nguyệt viết thành đây là chữ xưa. Nay thường viết mất đi bản thể.

滯礙 Trệ ngại nói là ứ đọng cản ngăn. Trục lệ. Vương dật chú sở từ nói là trệ lưu. Cổ quý chú quốc ngữ nói là trệ cứu. Thuyết Văn nói là trệ ngại. Thuộc chữ thủy, thanh đai. Ngã cái. Quảng Nhã nói là ngại cự. Thuyết Văn nói là ngại chỉ. Thuộc chữ thạch, thanh nghi.

四衢 Tứ cù nói là ngã tư đường. Cự vu viết thành nói là thông một đường gọi là lộ, bốn đường đều thông gọi là cù. Quách Bộc nói là giao thông nhau bốn đường. Thuyết Văn cũng giống như vậy, chữ hành thanh cù.

俺泥 Yêm nê nói là ỉn giấu, hoặc viết cũng giống chữ yêm. Tập huân nói là yêm tàng. Vận Anh nói là yêm phú. Thuyết Văn nói là yêm liễm, chữ âm thủ, thanh yêm cũng viết.

翠堵波 Tót-đổ-ba là tiếng Phạm. Theo Trung Hoa tức là xá-lợi và linh cốt của Đức Phật. xưa gọi là Sắc đồ.

剪滅 Tiễn diệt nói là mất hết. Điền hiên. Không an quốc ngữ nói là điền tuyệt. Nhĩ Nhã nói là điền tận. Thuyết Văn cũng như vậy, thuộc chữ ngạt, tham sam. miên kết. Khảo Thanh nói là diệt vong. Vận Anh nói là diệt một. Tập huân nói là diệt tuyệt. Vận Anh nói là diệt tiêu. Thuyết Văn nói là diệt tân. Thuộc chữ thủy, chữ mậu, chữ hỏa mậu là hỏa nằm trong mậu có tướng tức là nước diệt lửa, cho nên thuộc chữ thủy chữ mậu hoặc viết cũng được.

莫耆 Mạc-kỳ là tiếng Phạm tức là tên của một loại thuốc giải độc.

Loại thuốc này phần lớn đều xuất phát từ núi Đại sơn, có thể giải hết tất cả loại độc, nước này không có.

螫噉 Thích đạm nói là bò cạp cắn. Thơ chích viết thành và ha cạp hai thanh nay đều được. Thuyết Văn nói là loài côn trùng có chất độc lan khắp nên gọi là bò cạp, cũng viết. Thuộc chữ trùng thanh xá. Đạm cảm. Khảo Thanh nói là khiết. Nhĩ Nhã nói là Đạm thôn. Xưa nay chân phương nói là đạm thực. Thuộc chữ khẩu thanh cảm. Thuyết Văn nói là đạm tiêu. Hoặc viết đều được.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

540

蠱道 Cổ đạo nói là làm mê hoặc. Công ngũ Tự thư nói là mục cổ thần cũng là âm cô. Xuân thu truyện nói là mãnh trùng là nơi tối tăm mê mờ Sanh dị nói là mất đi tài năng. Vương Bách Chi nói là mê du sự, còn có âm là dã, cũng gọi là, đều thuộc loại hiểm chú.

魍魎 Vong lương nói là một giống yêu quái. Vong phương viết thành, lực hưởng. Khảo Thanh nói là vông lưỡng là một loại thần dưới nước, cũng là tà quỷ Hoài Nam Tử nói là hình thù quỷ giống như trẻ ba tuổi đỏ hỏm, mắt đỏ, móng đỏ, lỗ tai dài tóc đẹp. Quốc ngữ nói là loài yêu quái dưới nước, hoặc viết đều thông dụng.

香囊 Hương nang nói là túi đựng hương. Nãi đường. Khảo Thanh nói là túi hương miệng bị lệch. Theo “hương mang” tức là vật đốt hương cũng dùng sắt, đồng, vàng, bạc, linh, long làm thành hình tròn, bên trong có

túi hương cơ quan khéo léo, mặc dù bên ngoài hình dọc, ngang tròn tùy theo uyển chuyển. Nhưng bên trong luôn bằng để cho không bị ngã, đó là đồ dùng của phái quý của hoàng hậu, cung phi.

盛貯 Thanh trữ nói là dự trữ, chứa đựng. Âm thanh là chữ thanh bằng. Trương lữ Khảo Thanh nói là tích tài. Thuyết Văn nói là trữ tích. Thuộc chữ bồi, thanh đình, hoặc viết là vật chứa được một mét.

寶函 Bảo hàm hộp chứa của báu. Hà nam viết thành chữ. Văn xưa viết. Khảo Thanh nói là mộc hiệp. Thuyết Văn viết là hàm hiệp. Mục uyển châu trụ nói là thanh. Kinh thị nói là thanh là vật đựng trên báu. Văn kinh viết nói là hàm cũng thông dụng.

竭诚 Kiệt thành nói là chí thành. cự triệt. Tập huấn nói là kiệt thủy tận. Nhĩ Nhã nói là kiệt tận. Không an quốc chú luận ngữ nói là dốc lòng trung tiết không đoái hoài đến thân này. Thuyết Văn nói là chữ thanh yết. Chữ thành. Nhĩ Nhã nói là thành tín. Bát-nhã nói là thành kính cũng là thành thật.

夭歿 Yếu một nói là chết yếu. Kiêu yếu. Khảo Thanh nói là chết nhỏ tuổi gọi là yếu. Đỗ dự chú tả truyện. Đoản triết nói là gọi là yếu. Xưa nay chữ chân phương thanh yếu. Mộ cốt. Không an quốc chú Thượng Thư nói là một tử Trịnh huyền chú lễ ký nói là một điện. Mao thi truyện nói là một tận. Thuyết Văn nói là chữ thành.

譴罰 Khiển phạt. Xí kiến. Quảng Nhã nói là khiển trách. Thương Hiệt Thiên nói là khiển ha. Mục uyển chu tung nói là khiển trích vấn. Thuộc chữ ngôn, thanh khiển.

Phiền cách. Thượng Thư nói là hình phạt bôi mực lên mặt là thuộc một ngàn, năm trăm thuộc hình phạt chặt chân. Khảo Thanh nói là thêm tội cho người là phạt Thuyết Văn nói là tiêu tội. Thuộc chữ đạo, chữ lý, âm lợi, chữ, chữ, chữ ngôn, chánh kinh chữ tứ sai. Sát áp thạch kinh nói là chủ thần viết sai.

鶻惡 Bột ác nói là bỗng nhiên giận dữ. Yểm một. Quảng Nhã nói là bột thanh. Ngọc Thiên nói là bột bực thanh. Vận Anh nói là bột khởi. Thuyết Văn nói là bột bài. Chữ lực, thanh bột.

冀威 Phấn uy nói là ra oai. Phân vấn. Quảng Nhã nói là phân khởi, tiến. Chữ đại chữ chuy, là đuôi chim, chữ điền. Tự thư nói là loài chim lớn ở ruộng đang cánh muốn bay gọi là phân.

勇銳 Dũng nhuệ nói là hùng mạnh. Doanh huệ. Bát-nhã nói là duệ chiếm lợi. Khảo Thanh nói là chùy nói là mũi nhọn. Thuyết Văn nói là phong nam. Thuộc chữ kim, chữ nhuệ, lược thanh.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

541

缺減 Khuyết giám nói là thiếu kém. Khuyển duyệt. Thịnh loại chữ nói là chữ thù viết. Thuyết Văn nói là vật đựng bằng sành, đất bình bụng to miệng nhỏ Thuyết Văn viết. Tự chánh nói là chữ viết. Quách Bộc chú Nhĩ Nhã nói là phũu mãnh nói là chậu sành. Thương Hiệt Thiên nói là khuyết khuy. Cố Dĩ Vương nói là khuyết

vẫn là điểm. Thuyết Văn nói là khí pháp. Chữ phữu chữ quyết, lược thanh. Chữ giảm có hai âm đều là thượng thanh. Thuộc chữ thủy, chữ hàm, gạch một gạch, âm giải thích đã dùng, về ý nghĩa khác với âm gốc. Khảo Thanh nói là tồn một ít gọi là giảm. Thuyết Văn nói là giảm tồn, nay không được, lại âm hàm ám. Tự điển nói là tự hao thiếu, giảm. Tập huấn nói là cũng giảm hao. Tự thư nói là khiếm thiếu, hiện nay chấp nhận, sau này hàm ám viết thành cũng ổn thỏa.

瘠極 Sáu cực nói là quá gầy ốm. Sắc sàu. Nhĩ Nhã nói là sáu tích mượn âm văn Tự Tập Lược nói là cơ thịt giảm thiếu. Thuyết Văn nói là sáu cù. Chánh thể viết, nay viết. Nhĩ Nhã nói là cù tích. Thuyết Văn nói là gầy ốm ít thịt. Chữ nạch, thanh.

氛郁 Phân úc nói là mùi thơm lan tỏa ngào ngạt. Phân văn. Thuyết Văn nói là tường khí, hoặc viết mùi lan tỏa khắp nơi, hoặc viết phân. Ư lược viết. Khảo Thanh nói là hương khí úc úc nói là mùi thơm ngào ngạt.

鮮淨 Tiên tịnh nói là tươi sạch. Tinh tiền viết thành hoặc Khảo Thanh nói là tiên hảo. Tự thư nói là tiên tôn. Thuyết Văn nói là tiên thiện, lại viết. Thuyết Văn nói là tiên trinh.

幬蓋 Hiên cái nói là phướn lọng che. Hương yên. Thích danh nói là phướn và màn trên xe che lại chống nắng nóng. Thỉnh loại nói là lọng trên xe. Ngọc Thiên nói là vải căng trên xe gọi là hiên. Thuyết Văn nói là khuyết.

幡鐸 Phiên đặc nói là cờ phước, chuông lắc. Phương phiên. Thuyết Văn nói là tên của tất cả cờ xí, nay là cờ

nghi vệ và cò xí, ở giữa năm màu treo trên đầu cò nên có tên là phan kỳ Đường lạc. Thuyết Văn nói là đại linh, chữ kim, thanh dịch. Quân pháp năm người gọi là một ngũ, một ngũ là một lưỡng, hai ty mã cầm chuông và linh vàng.

腫泡 Thũng pháo nói là mụn nước sừng phù. Chúc dũng. Khảo Thanh nói là thũng bệnh. Thuyết Văn nói là thũng ung. Thuộc chữ nhục thanh trọng. Bạch nhi. Quế uyên châu trụ nói là khí hậu nóng trên mặt người nổi mụn gọi là pháo. Thuyết Văn nói là khí hậu có gió mặt nổi mụn. Chữ nạch, thanh bao, hoặc chữ diện viết đều giống nhau, còn gọi trên mặt có mụn nhỏ.

枯涸 Khô hạc nói là khô hết nước. Khang cô viết. Cỗ quý chú

quốc ngữ nói là khô cảo. Thuyết Văn nói là mộc cảo cảo, mộc khô (cây tàn úa cây khô), chữ mộc, thanh cỗ. Hà đặc. Cỗ quý chú quốc ngữ nói là cá kiệt. Quảng Nhã nói là cá tận. Thuyết Văn nói là cá kiệt. Theo chữ tức là nước khô hết. Chữ thủy thanh cá.

依裏 Y lý nói là áo lót. Qua hỏa. Khảo Thanh nói là lý bao.

箱篋 Tương khiếp nói là rương tre. Tước tương. tự lâm nói là tương trúc khí (vật bằng tre). Vận Anh nói là rương đựng sách đựng vở. Khảo Thanh nói là khiếp. Theo nghĩa cạn là tương, nghĩa sâu gọi là khiếp. khiêm hiệp. Khảo Thanh nói là hiệp giam, âm. Tự thư nói là tương. Thuyết Văn nói là hiệp tứ. Thanh hiệp, chữ viết đều được.

拔濟 Bạt tế nói là cứu giúp. Biện bát. Khảo Thanh

nói là bạt trực, cứu. Mục uyển châu trụ nói là dẫn xuất (dẫn ra). Thuyết Văn nói là bạt trạc. Chữ thủ, thanh. Tinh duệ. Không chú Thượng Thư nói là tế độ Đồ chú tả truyện nói là tế ích. Chữ thủy, thanh tế.

迷謬 Mê mậu nói là sai lầm. Mi hữu viết. Trịnh huyền nói là mậu ngộ. Quảng Nhã nói là mậu khi. Phương Ngôn nói là mậu trá. Ích pháp nói là danh dự trái với sự thật gọi là “mậu” Lưu hy nói là mậu sai. Thuyết Văn nói là mậu, thuộc chữ ngôn thanh lục. Văn kinh nói là viết thường viết, không đúng với chánh thể.

陝劣 Hiệp liệt nói là hẹp nhỏ nói là hàm giáo. Lễ ký nói là rộng thì dung chứa gian tà, hẹp thì tư dục. Thuyết Văn nói là hiệp ải. Ngọc Thiên nói là hẹp không được rộng lớn. Văn kinh nói là chữ viết, hoặc thuộc chữ viết đều không đúng. Thuyết Văn nói là chánh thể nói là chữ thanh hiệp cũng là ngoài biên ải bị quấy rầy. Lục xuyết viết. Quảng Nhã nói là sức yếu kém. Thuyết Văn nói là liệt nhược đây là chữ hội ý, hoặc thuộc chữ viết, thời chữ cổ thông dùng.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 542 - 543

秉法炬 Bình pháp bát nói là nắm được tám phép. Bỉ mãnh. Khảo Thanh nói là thủ chấp hòa. Tập huấn nói là bỏ hòa thúc. Vưn tự thích yếu nói là tay cầm một bó lúa. Chữ thủ, chữ hòa. Thuyết Văn nói là bó tre lại đốt gọi là bát. Xưa viết.

法贏 Pháp hỏa nói là cách hàm tổ tò vò. Lỗ hòa. Nhĩ Nhã nói là phó hỏa đệ thâu. Quách Bộc chú nói là đệ thâu oa ngư, theo chữ hỏa đây là nhạc khí của Sắc Bạch Thái Thường, khi thổi lên âm thanh hay tiếng vang đến mấy dặm, giống như nhan Thị tự Chánh thể viết, thanh. Văn kinh phần nhiều thường viết. Chữ hỏa này có ba âm nói là bình, thượng, khứ, ngày nay không chấp nhận.

雙足 Song túc nói là đủ đôi. Sóc song. Cổ Dã Vương nói là song là hai con. Thuyết Văn nói là song là hai cạnh. Phương Ngôn nói là hai con chim bay gọi là “song quần”. Thư tự yếu nói là chữ thuộc chữ chuy là đuôi chim. Chữ thủ, tay cầm hai con chim gọi là song. Kinh văn nói là chữ viết thành không đúng.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

544

地獄 Địa ngục. Ngục cục. Ngọc Thiên nói là nơi trói người trong tù đều gọi là ngục. Trịnh chú chu lễ nói là tranh tài gọi là tụng, tranh tội gọi là ngục. Thuyết Văn nói là ngục xác. Chữ, âm ngôn. Chữ nói là hai con chó cắn nhau. Chữ nói là kiện tụng. Địa ngục nói là nơi âm ty đen tối.

昏翳 Hôn ế nói là tối tăm. Hô côn. Không an quốc chú Thượng Thư nói là hôn ám. Khảo Thanh nói là hôn loạn. Thuyết Văn nói là hôn đán minh. Chữ nhật chữ thị Tự thư nói là chữ ở dưới chữ thành nhật hôn. Anh kế. Vận Anh nói là ế tế. Quảng Nhã nói là ế chương. Thuyết

Văn nói là hoa cái. Chữ vũ, nhế 涉晦 Thiệp ám nói là đi vào nơi tối tăm. Vận Anh nói là thiệp lịch. Khảo Thanh nói là thiệp độ thủy. Thuyết Văn nói là đồ hành thủy. Thuộc chữ thủy chữ bộ đây là chữ hội ý. Ô cam. Cổ quý chú quốc ngữ nói là mặt trời không có ánh sáng là nhật ám.

薩婆若 Tát-bà-nhã nói là sai với tiếng Phạm. Đúng với tiếng Phạm nói là Tát kiết nương nhị hợp. Đường ngôn nói là Nhất thiết trí, trí tức là tên khác của Bát-nhã Ba-la-mật.

輕梢 Kinh tiêu nói là coi thường trách mắng. Tình diêu. Khảo Thanh nói là trách nhường, tiều. Thương Hiệt Thiên nói là ha. Thuyết Văn nói là nhiều, hoặc viết. Thuộc chữ ngôn, chữ tiêu.

柜逆 Cự nghịch nói là chống cự Cự ngộ Vận Anh nói là cự cách. Quảng Nhã nói là cự hãn, âm hạn. Thuyết Văn nói là kháng. Vận thuyên nói là cự vi.

他溺 Tha nịch nói là chết đuối. Ninh đích. Tự thư nói là một thủy, không còn sắc khí gọi là “nịch”. Khảo Thanh nói là trầm, hoặc viết ưu. Thuyết Văn viết.

形貌 Hình mạo. Nai pháo viết thành đây là lỗi chữ trứ ngày xưa.

Thuyết Văn viết dung nghi. Thuộc chữ nhân voi trắng mặt người. Tự thư nói là mạo hình. Hoặc chữ hiệt viết. là đầu, chữ bao, lương thanh. Hiệt là âm hiệt.

Khô tụy nói là tiều tụy. Khổ hồ. Cổ quý chú quốc ngữ nói là khô cảo. Khảo Thanh nói là mộc càn tử Thuyết Văn nói là mộc cảo. Chánh thể viết xương thịt đều khô. Tình toại. Thuyết Văn nói là tiều tụy. Vận Anh

nói là tiêu tụy xấu ác, hoặc viết. Xưa nay chánh tự nói là chữ hiệt chữ tốt.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

545

暗鈍 Âm độn nói là ngu đần. Đồ hận. Thương Hiệt Thiên nói là độn ngoan. Theo âm độn là sự hiểu biết đen tối không được tỏ Thuyết Văn nói là độn đao, đao ngoan độn. Thuộc chữ kim thanh độn. âm độn.

怯喂 Khiếp ủy sợ hãi. Khương kiếp viết thành, hoặc viết. Thuyết Văn nói là Đa ủy lễ ký nói là dừng là khô khiếp. Khiếp là ủy liệt. Ủy vi viết thành ủy. Khảo Thanh nói là tâm đã phục. Nhĩ Nhã nói là ủy cụ cũng là ủy kính. Luận ngữ nói là có bao điều phải sợ nói là ủy thiên mệnh, ủy đại nhân, ủy Thánh nhân. Trịnh chú lễ ký nói là phụ gọi là ủy. Tự thư nói là ủy nạn. Thuyết Văn nói là ủy ác. Chữ là nanh vuốt của cọp đáng sợ. Thuộc chữ nhân âm quỹ 懷孕 Hoài dộng nói là mang thai. Hoành quai. Không chú luận ngữ nói là hoài an còn gọi là hoài quy. Trịnh chú lễ ký nói là hoài lai. Cổ văn chánh thể chữ nữ viết. Dĩ chứng viết thành dộng. Trịnh huyền lễ ký nói là: , âm nhân, mang thai gọi là dộng. Quảng Nhã nói là dộng hoài thân. Thuyết Văn nói là hoài tử. Chữ nãi, thanh tử, âm thân.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

546

欠砧 Khiếm khứ nói là khâu khứ Bi thương nói là Há miệng rộng hơi ra hết. Văn kinh chữ viết, không đúng chính là thanh thù.

嗤笑 Xuy tiếu nói là cười chê. Xích chi. Hàn thi nói là ý chí hòa duyệt. Khảo Thanh nói là xuy tiếu. Tự thư nói là xuy hý tiếu. Thuyết Văn viết lại viết hý tiếu. Chữ khiếm thanh, âm. Táo nhiều nói là xao động. Tảo đảo viết thành, Cổ quý chú quốc ngữ nói là táo cũng là nhiều. Trịnh chú lễ ký nói là không được an tĩnh. Cố Dĩ Vương nói là táo động. Tự thư nói là nóng tính. Thuyết Văn nói là thuộc chữ túc, thanh cỏ, âm táo. Nhi thiếu. Khảo Thanh nói là nhiều loạn. Thuyết Văn nói là nhiều phiền. Chữ âm thủ thanh nhiều. Trong kinh viết viết không đúng.

咖枷茱那 Ca-giá-mạt-na nói là phiên âm tiếng Phạm tên một loại báu. Loại thạch báu này không phải loại báu thù thắng. Nước này không có, cũng như loại ngọc thạch.

憑郢 Bằng lữ nói là bạn trăm năm. Am hoằng. Thái công lục thao nói là bằng của hữu gọi là bằng, hữu của bằng gọi là đảng. Khảo Thanh nói là đồng sư môn. Tự thư nói là bằng loại. Người xưa gọi là số pháp. Người xưa dùng hàng hóa quý đem trao đổi, năm quý là một “bằng”. Ở đây cũng tạm mượn chữ phụng xưa. Mượn chữ phụng gọi là bằng. Phụng bay thì bày chim hàng vạn con, cho nên mượn chữ phụng xưa viết thành chữ “bằng đảng”. Thuyết Văn viết, thuộc chữ nhân, thanh bằng. Lục cử. Thương Hiệt Thiên nói là lữ lệ. Quảng Nhã,

Ngọc thiên nói là lũ bạn. Xưa nay chánh tự viết nói là chữ nhân, thanh lũ, âm lệ.

深笑 Thâm áo nói là sâu xa nhiệm màu. Ô cáo viết thành, ư lục viết thành hai chữ giải thích đều giống. Quảng Nhã nói là áo tạng. Phương Ngôn nói là chỗ sâu kín trong nhà. Thuyết Văn nói là cứu, ở phía Tây, Nam ngung của nhà. Thuộc chữ viết, âm. Ở dưới âm cung ở trên xưa là chữ lục, âm miên, chữ mẽ viết thành không đúng.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

547

𤝵恨 Hiềm hận nói là Hiếp thiểm. Vận Anh nói là hiềm nghi Vương chúc chú dị nói là tâm không được bình an. Khảo Thanh nói là tâm ô Thuyết Văn nói là chữ tâm, thanh hiềm. Kinh thuộc chữ nữ viết, cũng giống như âm ố.

𤝵𤝵 Không khuyết. Khổ công viết thành, khuynh duyệt. Ngọc Thiên viết nói là khuyết điểm. Mao thi nói là nai kêu và tiếng hòa với nhạc tiếng nghe văng vẳng. Thuyết Văn nói là khí phá. Thương Hiệt Thiên nói là khuyết khuy. Chữ phữ thanh quyết, hoặc viết chữ thù viết dùng như là âm điểm. Phữ, âm quyết.

除𤝵 Trừ du nói là trừ hết bệnh. dĩ chủ Tập huán nói là du tặc sai nói là trừ lành bệnh, thắng ích. Thuộc chữ tâm thanh du. Chữ du thuộc chữ chu.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 548

端供 Đoan cung nói là chấp tay. Đồ quan. Khảo Thanh nói là đoan chánh. Chu lễ nói là y phục chỉnh tề có huyền đoan, tổ đoan. Trịnh chú nói là đoan bản. Phương Ngôn nói là đoan tự. Thuyết Văn nói là đoan trực. Thuộc chữ lập thanh đoan. Khương ủng. Đồ dự chú tả truyện nói là chấp tay là cung. Lễ ký nói là chấp tay thẳng ngay ngắn. Thượng Thư nói là cong xuống chí thành. Mao thi truyện nói là cung pháp. Thuyết Văn nói là liềm thủ, thuộc chữ thanh cộng.

善輓 Thiện ách nói là ư cách. Khảo công ký nói là người xe làm đường xe sáu thước. Trịnh chú nói là Ách xe ngay áp vào cổ trâu để kéo ách xe. Thuyết Văn nói là viên tiền. Thuộc chữ xa chữ ách nói là âm ách. Văn kinh viết đây là lỗi chữ thường viết.

卵慤 Noãn xác nói là vỏ trứng. Lang quản. Thuyết Văn nói là phạm loài động vật nào không có sữa thì sanh bằng trứng, người đi sanh bằng thai. Có người hỏi nói là “Cá há là loài vật bay, sao lại sanh bằng trứng” Đáp nói là “Chim ở trên mây, cá ở dưới nước cũng là một loại”. Văn cổ viết. Triện thư thuộc chữ tượng hình viết. Khổ nhục. Tập huấn nói là vỏ trứng chim gọi là xác. Khảo Thanh nói là noãn không bì. Chữ noãn thanh xác.

敵對 Địch đối. Đồ lịch. Đồ dự chú tả truyện nói là địch đối còn gọi là địch đương. Nhĩ Nhã nói là địch thất. Thuyết Văn nói là địch cứu. Thuộc chữ phộc, chữ trích lược thanh. Đương nội. Khảo Thanh nói là đối đáp, thất.

Thuyết Văn nói là biện đối vô phương. Sô học. Chữ khẩu, chữ thốn. Văn kinh nói là chữ âm thảo, chữ chí viết thành là sai.

蹊徑 Hê kính nói là đường đi. Hình câu. Đồ dự chú tả truyện nói là hê kính. Trịnh huyền chú lễ ký nói là hê kính là đường của cầm thú. Thuộc chữ túc, thanh hê cũng viết. Kinh định. Chu di lương nói là kính lộ Cố Dã Vương nói là kính tiểu lộ Quảng Nhã nói là kính là đường tà. Thuộc chữ sách thành hành. Theo kinh âm sách âm hành.

咨作 Tác nói là bỗng nhiên. Huân luật. Tiết công chú tây kinh phú nói là húc hốt. Thiên Hiệt Thiên nói là húc hiển, khởi. Thuyết Văn nói là hữu sở xuy khởi. Thuộc chữ khiếm thanh nhĩ

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 549

柔戾 Nhu nhuyển nói là mềm mại, dịu dàng. Nhi chuyển. Trịnh chúng chu lễ nói là nhi hậu chỉ vi hì. Thuyết Văn nói là hơi mỏng, nhuyển nhược. Thuộc chữ đại thanh nhĩ, hoặc viết cũng được.

迷繆 Mê mậu nói là sai lầm. Mi thạch. Trịnh huyền chú lễ ký nói là mậu ngộ Phương Ngôn nói là mậu trá. Quảng Nhã nói là mậu khí. Ích pháp nói là danh dự. Thật quai nói là mậu. Lưu hý nói là mậu sai. Thuyết Văn nói là mậu. Thuộc chữ ngôn, thanh lục. Văn kinh nói là thuộc chữ viết không đúng với chánh thể. Lục ấu.

宪 Hiến nói là bất ngờ hiện. Thôn nạp viết thành, đúng là chữ viết. Thịnh loại nói là thương hiển bạo tặc. Khảo Thanh nói là thượng man, cứ hoặc viết. Am mạo. Khảo Thanh nói là bạo mãnh, tốc, vô thiện. Thuyết Văn nói là chữ bạo. Thuộc chữ phong đây là chữ hội ý. Chữ âm cùng, âm thao. Kinh bản viết đây là chữ thường viết.

桥逛 Kiều cuống nói là lừa dối, lật lọng, cư yêu. Tập huân nói là kiêu trá. Tự thư nói là kiêu vọng. Văn kinh truyền nhau thuộc chữ viết không đúng cách dùng này. Câu nhục. Cổ quý chú quốc ngữ nói là cuống hoặc. Đồ dự chú xuân thu nói là cưỡng khi. Khảo Thanh nói là tương khi dùng chữ ngôn. Thuyết Văn nói là thuộc chữ ngôn, thanh cuống, hoặc viết, lại viết đều là chữ cổ nay không dùng nữa.

愆失 Khiến thất nói là tội lỗi. Kiệt yên. Khảo Thanh nói là khiên quá. Tự thư nói là khiên. Thuộc chữ nhân, chữ tâm, thanh khiên. âm khiên. Trong kinh phần nhiều chữ nhân hai chữ thiên viết đây là chữ thường viết. Hoặc viết cũng như chữ đều là chữ cổ, âm khiết.

惶懼 Hoàng cụ nói là sợ hãi. Tập huân nói là hoàng tung. Khảo Thanh nói là hoàng khủng. Bát-nhã nói là hoàng cứ Tự thư nói là thuộc chữ tâm, thanh hoàng, âm cứ ?. Chữ là âm. Cù ngụ Tự thư nói là úy. Phương Ngôn nói là cụ kính. Thuyết Văn nói là cụ khủng, thuộc chữ tâm, thanh cụ. Văn cổ viết.

親昵 Thân nặc nói là rất thân mật. Ni lật. Chánh thể viết nói là nặc. Mao thi nói là ni cận. Đồ dự nói là nặc thân. Thuyết Văn nói là thuộc chữ nhật chữ nặc lược thanh.

沌質 Thuần chất nói là không lẫn lộn. Thừa luân. Chánh hợp viết.

Khảo Thanh viết nói là thuần thanh. Thuyết Văn viết. Thuộc chữ thủy thanh. Chân nhật. Trịnh chú nghi lễ nói là chất chánh. Đỗ dự chú tả truyện nói là chất tín. Cố Dã Vương nói là chất thuần phác. Quảng Nhã nói là chất cận khu, chất định. Ích pháp nói là thực danh không sai gọi là “chất” chánh trực không mất gọi là “chất” Thuyết Văn nói là dĩ vật tương chuế. Thuộc chữ bồi, chữ sở, âm chuế.

技藝 Kỹ nghệ nói là tài nghệ. Cự nghi. Khảo Thanh nói là công xảo. Tập huấn nói là kỹ cũng như nghệ Thuyết Văn nói là kỹ xảo. Thuộc chữ thủ thanh chi, chữ âm thủ Nghệ kế Chu lễ nói là có sáu nghệ, lễ, nhạc, xạ, ngự, thư số. Cố Dã Vương nói là nghệ cũng như tài. Đỗ dự nói là nghệ là cách nhân hạ Cổ chú quốc ngữ nói là nghệ cực. Tự thư nói là nghệ năng. Thuộc chữ vân, thanh nghệ âm giống như trên.

Tiếng Phạm là Sa-sát-bà, xưa là La-sát-ngoa. Chữ la là thượng thanh, khi kêu lên dùng lưỡi dẫn tiếng, đây là tên một loài quỷ bạo ác. Nam thì cực xấu nhưng nữ thì rất đẹp. Chúng hay ăn thịt người khác. Nước của La-sát nữ ở hải đảo. Như trong kinh Phật Bản Hạnh đã giải thích.

滄賈 Thương cổ nói là buôn bán. Thi chương viết thành, cổ khổ.

Chu lễ cửu chức lục nói là thương mại. Trịnh huyền nói là hành mại gọi là thương, bán ngồi gọi là cổ. Khảo công ký nói là trân bảo được thông bốn phương dùng

làm tài của gọi là "thương lữ". Trịnh huyền gọi là khách lái buôn. Thuyết Văn nói là hành cỗ. Thuộc chữ bồi, chữ thương lược thanh. Trong kinh thường viết là sai. Phải thân chữ mới đúng. Trịnh huyền nói là vật thông phương gọi là "thương", bán tại chỗ gọi là cỗ. Đỗ dự nói là cỗ mại. Khảo Thanh nói là ngồi bán cũng là cỗ giá. Nói là cỗ thị, hoặc gọi âm giả không đúng.

戲謔 Hý hước nói là hài hước. Hư ký. Hương hước. Mao thi nói là vô cảm hý dự. Truyện nói là hý dự miễn dự. Thuyết Văn nói là thiên của Tam Quân. Thuộc chữ hư thanh qua. Kinh thuộc chữ viết không đúng. Mao thi truyện nói là hước hước hý lạc còn gọi là thiện hý hước hước hề. Thuyết Văn nói là hý cũng là hước. Thuộc chữ ngôn, thanh ngược.

船撥 Thuyền bát nói là quay đầu thuyền. Thuật chuyên. Thế Bản cộng cỗ hóa nhưng nói là chu thuyền. Tống Trung nói là tên của hai vị thần hoàng đế. Phương ngôn nói là từ quan Quan tây gọi ghe là thuyền. Thuyết Văn nói là thuyền chu. Thuộc chữ chu chữ công, lược thanh. Phiên miệt. Khảo Thanh nói là cột cây tre dưới nước gọi là "bát" âm đại. Tập huân nói là mộc bát. Thuyết Văn nói là thuyền lớn trong biển. Thuộc chữ mộc, thanh phát, hoặc thường viết chữ phiệt. Quảng Nhã viết. Văn kinh viết sai. Tát đề nhã tâm nói là tiếng Phạm lược sai không đúng. Đúng tiếng Phạm nói là Tát phục kết nương nhị hiệp. Đồi Đường nói là Nhất thiết trí tâm tức là tên khác của "Bát-nhã"

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

550

顧客 Cố lận nói là quan tâm tiếc rẻ. Cố khó. Trịnh chú tiên ma thi nói là hồi đầu gọi là "cố", còn gọi là cố cũng như thị, còn gọi cố niệm, thuộc chữ hiệt, thanh cố. Hiệt âm hiệt, âm cố. Lục trận. Khổng an quốc chú thượng thư nói là hào tiết. Phương ngôn nói là tham không cho gọi là hào. Thuyết Văn nói là chánh thể viết nói là lận lận hận. Thuộc chữ khẩu thanh văn. Hoặc thường viết, hoặc viết đều thuộc chữ cố.

繽紛 Tân phân nói là sặc sỡ. Thất tâm viết thành, phương phân.

Khảo Thanh nói là Tân phân loạn đều thuộc chữ, xưa là mịch tân phân đều là thanh. Trong kinh chữ tâm, thuộc chữ viết không đúng.

勇捍 Dũng hãm nói là chống cự. Dũng thũng. Cố Dã Vương nói là hùng còn gọi quả quyết. Ích pháp nói là treo mạng vì nhân gọi là “dũng”. Bỏ mình vì nghĩa gọi là “dũng”. Giữ nghĩa không cúi lòn gọi là “dũng” biết chết không tránh gọi là “dũng” Thuyết Văn nói là hiệu là giữa bản nguyên này thoát được Tứ Diệp Tử, tình gần nhưng thông với xa, quán sát một nhưng thuộc về nhiều. Thuyết Văn nói là cây nằm ngang cửa, thanh. Hộ quan viết thành, âm giống như trên. Trữ thư viết nói là quan. Trong kinh viết quan không đúng, âm biến.

- *Quyển 551 - 554 không âm.*

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 555

宜澍 Nghi chú nói là mưa đúng mùa. Chi thụ. Hoài Nam Tử nói là mưa xuân tưới muôn vật, khắp nơi đều thấm nhuần muôn vật đều sinh sôi nảy nở. Thuyết Văn nói là mưa đúng mùa cho nên tưới mát vạn vật sinh trưởng. Thuộc chữ thủy, chữ chú. Chánh thể viết nói là chú. Trừu văn viết nói là chú.

- *Quyển 556 không có chữ*

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 557

殄滅 Diên diệt nói là không còn. Diên tiền. Quyển 539 đã giải thích.

譴罰 Khiển phạt nói là chịu hình phạt. Khinh kiến viết thành, phiên miệt. Quyển 540 đã giải thích.

疲極 Bì cực nói là mệt lã người, âm bỉ. Cổ quý chú quốc ngữ nói là lao cũng là bệnh. Quảng Nhã nói là bì quyen. Kỳ nghi. Khảo Thanh nói là cực cùng, cánh. Thuộc chữ mộc, thanh cực.

怯怖 Khiếp bố nói là sợ hãi. Khi nghiệp. Cổ Dã Vương nói là khiếp úy liệt. Thuyết Văn nói là chữ viết. Thuộc chữ thanh khứ

- *Quyển 558 không âm.*

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

559

梢散 Sao tán nói là dần phân ly. Sở giao. Ngọc Thiên nói là sao sao xâm tiệp. Quảng Nhã nói là sao sao tiêu. Khảo Thanh nói là sao tận. Thuyết Văn nói là vật ra từ từ. Tang tán. Thuyết Văn nói là phân ly, hoặc chữ viết đuôi chim. Thuyết Văn nói là phi tán. Quảng Nhã nói là phi hoại còn gọi phi bố. Thuyết Văn nói là chữ tán, chữ nhục thanh tán âm cũng như vậy.

拒逆 Cự nghịch nói là chống cự. Cự trử. Quảng Nhã nói là cự hăng.

Thuyết Văn nói là cự kháng. Vận Anh nói là cự vi. Thuộc chữ thủ thanh cự. chữ âm hãn. Ngư chiến. Nhĩ Nhã nói là nghinh. Phương ngôn nói là từ quan đến đông gọi nghinh là nghịch. Thương Hiệt Thiên nói là nghịch là không theo. Khổng an quốc nói là khóc chống đối lại. Tả truyện nói là nghịch có sáu nói là triện phương, quý tiểu toa, giữa tướng viễn, giữa thân tân, cự tiểu thêm đại dân, phá nghĩa gọi là lục "nghịch". Trịnh chú khảo công ký nói là nghịch cũng là bất thuận. Quan đông gọi "nghịch". Quan tây gọi "nghinh". Thuyết Văn nói là nghịch nghinh đều thuộc chữ sườn thanh nghịch. Kinh viết theo chữ thường viết. Phu vật viết thành, sưu lược viết thành âm nghịch âu nhiệt huyết. Âu khẩu. Tả truyện nói là phục trao âu huyết, thao cung đá. Thuyết Văn nói là âu thổ. Thuộc chữ khiếm, chữ âu lược thanh. Như thiết. Khảo Thanh nói là nhiệt thử. Quế uyển châu tự nói là nắng ấm gọi là "nhiệt". Thuyết Văn nói là nhiệt ôn. Thuộc chữ hóa, thanh chấp. Ô câu viết thành, tha lao viết thành, chữ âm nhiệt.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

560

規模 Quy mô nói là khuôn mẫu, quy định. Quý duy. Cô Dã Vương nói là khuôn tròn thì là khuôn vuông. Mạnh Tử nói là không có không có khuôn phép thì không thể được đến đoạn chính hoàn mỹ Khảo Thanh nói là quy viên, chánh, độ Trịnh huyền nói là quy chánh viên khí. Thuyết Văn nói là quy có mực đo. Thuộc chữ phu chữ kiến, có khi thuộc chữ đều sai. Đồ lạc. Mẫu am. Trịnh huyền tiên mao thì nói là mô pháp còn gọi mô phạm. Khảo Thanh nói là mô hình, mô dạng. Văn cổ viết, âm cũng giống như trên.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

561

稱量 Xứng lượng nói là đo lường đúng. Xích chững. Vận Anh nói là xứng trình. Khảo Thanh nói là định kỳ nặng nhẹ, bình. Quảng Nhã nói là xứng độ. Thuyết Văn nói là xứng thuyên. Thuộc chữ hòa thanh xung. lực khương. Khảo Thanh nói là lượng độ, xứng. Thuộc chữ viết, thanh đồng. Cổ văn viết.

數量 Số lượng. Sương lâu viết thành, lực trượng viết thành, giải thích như chữ lượng trên, thường viết lượng.

數量 Số lượng. Tương lâu viết thành, lực trượng viết thành, giải thích giống như chữ lượng trên, thường viết

chữ lượng.

堵羅綿 Đỗ-la-mịch nói là tiếng Phạm là loại bông mềm nhẹ. Sa-môn Đạo Tuyên chú giới nói là bông hoa liễu, bông hoa am đài, bông hoa dương trắng, bông hoa bạch điệp v.v... lấy loại bông mềm nhẹ này làm ví dụ.

飄轉 Phiêu chuyển nói là gió thổi mạnh. Thất diêu. Quách Bộc chú Nhĩ Nhã nói là phiêu là hồi phong. Mao thi truyện gió thổi mạnh. Kinh Điền Mục Đức Minh nói là tỳ diêu. Lão Tử nói là gió không cùng chiều, hoặc viết, thuộc chữ viết đây là chữ xưa.

遊泛 Du phiếm nói là du thuyền nói là phương hiểm. Cổ chú quốc ngữ nói là phiếm sắc. Thi truyện nói là phiếm lưu nhi.

卒破 Thốt phá nói là binh lính rối loạn. Vật nạp viết thành thường viết như vậy. Ngọc Thiên nói là chữ này cùng với binh tốt lộn xộn, nhưng dùng khác. Khảo Thanh nói là hiển thương man, cứ. Kỳ ngữ Sắc nang nói là phụ vô. Ngọc Thiên nói là phù vu. Lục pháp nói là bạc mưu. Hai âm nay đều là âm Ngô và Sở, nay không chấp nhận. Quảng Nhã nói là phù phiêu. Ở trên Trịnh chú lễ ký gọi là Sắc. Cổ quỳ nói là sắc khinh. Thuyết Văn nói là sắc phiếm, thuộc chữ thủy thanh phù. Nải lang. Tập huấn nói là có đáy gọi là “nang”, không đáy gọi là thác đều là đồ đựng vật. Tự thư nói là lớn gọi là nang, nhỏ gọi là thác, thuyết này không đúng. Tiểu truyện chữ nang bỏ chữ thác. Thuộc chữ thanh. Nay văn kinh viết sắc nang là khí nang. Muốn qua nước lớn mượn sức khí cầu này qua, cho nên lấy làm ví dụ Chữ âm thác, chữ âm hỗn, nữ canh.

善輒 Thiện ách. Anh cách. Quyển 548 đã giải thích.

Sàng tà. Trạng trang. Quảng Nhã nói là dụng cụ an thân nghĩ ngợi của người. Thuyết Văn nói là thân sở an, chữ mộc thanh tường. Văn kinh viết không đúng, kiểm. Tự thư đều không phải chữ này. Tình dương.

一腋 Nhất dịch nói là nách. Dương ích viết thành còn gọi là chương diệu. Hai âm này đều được. Bi thương nói là dịch cách là ở phía sau khuỷu tay và dưới vai, xưa nay viết đúng. Thuộc chữ nhục chữ dịch. Chữ là âm các dịch.

洲諸 Châu chư nói là cù lao. Âm châu, chương dữ Nhĩ Nhã nói là giữa nước ở được gọi là châu. Mao thi truyện nói là chữ là cù lao nhỏ. Vương dật chú sớ từ nói là bờ nước gọi là chữ, hoặc viết chữ, hoặc có thuyết nói là lớn gọi là châu nhỏ gọi là chữ

翺羽 Xí vũ nói là cánh chim. Thi dị Chánh thể viết. Vận Anh nói là điều vũ. Thuyết Văn nói là xí dục. Thuộc chữ vũ, chữ phộc lược thanh.

欸作 Huát tác nói là bổng nhiên. Huân luật. Triết tông nói là huát bổng. Thiên Hiệt Thiên nói là Hốt tốt khởi. Thuyết Văn nói là hữu sở suy khởi. Thuộc chữ khiếm.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 562

侮傲 Vũ ngạo nói là tự cao tự đại. Ngũ cáo. Thượng Thư nói là ngạo mạn. Thuyết Văn nói là ngạo cứ Thuộc

chữ nhân thanh ngao. Chữ viết đúng. Thuộc chữ xuất chữ phương chữ phộc.

親暱 Thân mặc nói là thân thiết. Mi lật. Văn kinh nói là thuộc chữ viết đây là chữ thường viết.

羅刹娑 La-sát bà nói là thuộc tiếng Phạm, đây là tên một loài quỷ dữ uống máu, ăn thịt chúng sanh, khi xưa dịch là La-sát.

商賈 Thương cổ nói là lái buôn. Thi dương viết thành, cô hô viết thành, đã giải thích đầy đủ ở trước.

俳優 Bài ưu nói là đào kép kịch. Am mai viết thành, ức cừ.

Thương Hiệt Thiên nói là bài ưu nhạc nhân, văn trước đã giải thích. ma hoài.

戲謔 Hý hước nói là đùa. Hư khí viết thành, hương ngược viết thành đã giải thích văn trước.

邀挈 Yêu khế nói là cầu mong. Y nhiều. Khảo Thanh nói là yêu giá. Đỗ dự chú tả truyện nói là yêu yêu. Tự thư nói là yêu tuần, thuộc chữ tâm, hoặc chữ sách viết, giải thích cũng như trên. Khinh khế Vận Anh nói là khế ước, yêu. Trịnh chúng nói là yêu phù thư. Trịnh huyền từ là khoán ngày nay, chữ lục. Khảo Thanh nói là lớn gọi là khoán, nhỏ gọi là khiết. Đỗ dự nói là danh từ của yêu khiết. Người xưa hợp hai lẽ dựa theo đây để phê bình mỗi bên tin theo quan điểm của mình. Thuộc chữ khát chữ củng đây là chữ hội ý và chuyên chú. Khuôn nguyện viết thành, khẩu bát viết thành, chữ làm âm củng.



NHẤT THIẾT ÂM NGHĨA KINH

QUYỂN 8

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 563

根栽 Căn tài nói là trồng cây. Tể sai. Trịnh huyền chú lễ ký nói là tài thực. Theo tài chủng là trồng các thứ cây cỏ gọi là tài, thuộc chữ mộc chữ tai lược thanh. Chữ âm tại.

- *Quyển 564 - 565 không có âm để giải thích.*

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 566

呵難拖 A-nan-đà nói là đời Đường nói là Khánh Hỷ. Khi xưa tiếng Phạm nói là A-nan.

橋陳那 Kiều-trần-na nói là Khi xưa là Kiều-trần-như. Khi buổi đầu Phật thành đạo độ năm câu luân một trong năm người này.

笈防鉢底 Cáp-phòng-bát-đề nói là bản xưa nói là Kiều-phạm-ba-đề.

揭厲筏多 Yết-lệ-phiệt-đa nói là xưa lược nói là Ly-bà-đa.

Họ Đại Thái Thúc nói là bản phản ngữ xưa vẫn còn nói là Đại Mục-kiền-liên, hoặc gọi nói là Câu-luật-đa, Câu-lệ-đa, Câu-lợi-ca đều lược thuật sai. Đúng Phạm âm là Ma-giá-đa-mạo (dẫn). Long nghiệt (nhị hợp) La (dẫn thượng thanh) là vị thần tiên xa xưa ở trong rừng ăn rau và đậu xanh cho nên họ nắc, âm.

大迦 Đại-ca nói là cương khư

多衍 Đa-diễn nói là diên điển.

那 Na nói là xưa tiếng Phạm lược là Ca-chiên-diên.

畢蘭 Tất lạn.

佗筏蹉 Đà-phiệt-la nói là thương kha. Khi xưa gọi Tất-lăng-già-bà-la.

隄波離 Đồ-ba-ly nói là xưa gọi nói là Thương Ba Ly, khác là nhẹ và nặng.

羅怛羅 La-hổ-la nói là xưa gọi là La-hầu-la.

珊覩史多 San-đồ-sử đa. Tô an. tiếng Phạm là một trong những tên Cõi dục Trung Lục Thiên. Đời Đường nói là Tri Trúc Thiên là nơi Bồ-tát Nhất Sanh bổ xứ làm vua.

礫石 Lịch thạch nói là đá vụn. Lục đích.

谿谷 Khê cốc nói là khe nước trong hang. Khải câu. Nhĩ Nhã nói là nước chảy ra sông. Thuyết Văn nói là hang núi không thông. Thuộc chữ viết, chữ viết là chữ bàn Khê thấy trong toán vận không đúng với nghĩa này. Công khóc. Thuyết Văn nói là suối chảy thông thương là cốc, nước thấy chảy ra ở miếng đây là chữ hội ý.

三愆 Tam khiên nói là kiết yên. Khảo Thanh nói là khiên ngộ Vận thuyên nói là khiên tội. Thuộc chữ tâm,

chữ nhân thanh nghiên. Khải liên viết thành âm. Kinh thuộc hai chữ thiện viết sai. Văn cổ viết vân viết. Thuyết Văn nói là viết khiên lại viết đều là chữ xưa.

慙𡗗 Tầm sĩ nói là hồ thẹn. Tàng nam. Thượng Thư nói là chỉ có Đức hồ thẹn. Thuyết Văn nói là tầm quý. Thuộc chữ tâm, thanh trăm. Sĩ lý. Khảo Thanh nói là sĩ nhục. Tự thư nói là tu sĩ cũng là vệ hoàng. Thuộc chữ ngôn viết đây là chữ xưa. Sữu chi viết thành âm.

𡗗打 Tra đả nói là tra đánh. Trót qua. Thỉnh loại viết nói là sách chùy. Khảo Thanh nói là tra kích, giục ngựa. Thuộc chữ mộc thanh quá. Đức cảnh. Quảng Nhã nói là đả cũng là kích. Bi thương nói là bội. Thuyết Văn nói là chữ thủ thanh định. Lục pháp nói là âm ngộ nay không chấp nhận.

盲瞽 Manh ế nói là mắt mù. Mạc bành. Ngọc Thiên nói là manh minh. Thuyết Văn nói là mắt không có con người gọi là “manh”. Khảo Thanh nói là mắt không thấy. Thuộc chữ mục thanh vong. Ư kế Khảo Thanh nói là mục trung ế Tự thư nói là mắt bị màng che. Thuộc chữ mục thanh nam giống như trên. Chữ viết không đúng.

瑩飾 Oánh sức nói là trang sức rực rỡ. Oanh oánh. Khảo Thanh nói là phát khí tam vật quang. Thuộc chữ kim chữ oanh lược thanh. Kinh chữ viết chữ thường viết. Thặng lục. Khảo Thanh nói là sức khắc, tu. Tập huấn nói là phục trước, thanh khiết. Thuyết Văn nói là loát. Thuộc chữ thực chữ nhân thanh căn.

如稍 Như số Sơn trác. Quảng Nhã nói là sảo mâu. Bi thương” mâu dài tám trượng. Thuộc chữ thanh mâu.

如衝 Như xung nói là xông ra. Xương cung. Quảng

Nhã nói là xung đương xung đột. Chu dịch nói là xung hành. Khảo Thanh nói là kích. Thuyết Văn nói là bốn con đường giao thông nhau. Thuộc chữ hành, thanh đồng.

龔名 Tuấn danh. Tuân tuấn.

憤𧈧 Phần nhuế nói là sân giận. Phù vẫn. Khảo Thanh nói là chứa đầy tâm giận phát sanh. Trịnh huyên nói là tăng thêm giận dữ. Thương Hiệt Thiên nói là phần muội. Thuyết Văn nói là phần nhuế hận, hoặc viết đây là chữ xưa.

嫌恨 Hiềm hận nói là căm thù. Hiệp diệm. Vận Thuyên nói là hiềm hận, nghi. Khảo Thanh nói là tâm ác. Thuyết Văn nói là tâm bất bình. Thuộc chữ nữ thanh kiêm. Kinh chữ viết cũng được. Hà lương. Thương Hiệt Thiên nói là hận oán, thuộc chữ tâm thanh lương.

賦罩 Phú tráo nói là che phủ. Phương vụ viết thành đã giải thích văn trước. Trác giao. Mao thi truyện nói là báo khuếch. Quách Bộc chú Nhĩ Nhã nói là cái nơm đánh cá. Thuyết Văn nói là đồ đánh cá bằng tre. Thuộc chữ vông thanh trác, hoặc viết đều thuộc chữ cổ.

儵𧈧 Du hốt nói là thoáng qua. thức chúc. Vương dật chú sở từ nói là thấy thoáng qua, còn gọi thoáng qua như điện chớp. Quảng Nhã nói là du hốt quang. Thuộc chữ hắc thanh du, hoặc chữ viết những chữ này đều thuộc chữ xưa.

胖脹 Bang trương nói là bụng sưng to. Phổ giang viết thành, trương lượng.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

567

坑坎 Khanh khảm nói là hầm hố. Khách canh viết thành, khang cảm.

鬱熱 Uất nhiệt nói là ủy luật viết thành, nhiệt thiết.

飄颺 Phiêu dương nói là tung bay. Thất điều viết thành, dương lượng.

淤泥 Ư nề nói là phù sa. Ư cứ Vô thường. Tụ thư nói là bùn xanh trong nước. Thuyết Văn nói là ứ tế Ngọc Thiên nói là cỏ bùn trong nước ứ đọng là thành bùn hôi. Nê khô. Ngọc Thiên nói là đất nhừ trong nước gọi là nê.

始浙 Thủy đích nói là giọt nước. Đình lịch. Kinh.

芬馥 Phân phúc nói là thơm ngào ngạt. Khảo Thanh nói là hương khí. Cổ văn nói là chữ viết âm triệt. Thuyết Văn nói là cỏ mới mọc mùi hương lan tỏa. Thuộc chữ triệt thanh phân. Nay Lê Thư nói là chữ viết. Kinh chữ viết không đúng. Phùng mục. Hàn Thi nói là hương thơm ngào ngạt.

噸蹙 Tồn súc nói là nhăn mày. Tỳ dân viết thành, tử dục viết thành vi nguy nói là hành vi dối trá. Nguy vị. Vận Anh nói là trá vọng cũng là không thật. Khảo Thanh nói là kiêu trá, khi, hoặc chữ viết.

鬼言 Quỷ ngôn nói là lời gian trá. Cư ủy. Tụ thư nói là nguy trá.

Quảng Nhã nói là nguy tùy ác. Thuyết Văn nói là nguy trách, hoặc chữ viết quái.

懷感 Hoài cảm nói là nhớ lại ăn năn. Hộ quai. Mao thi truyện nói là hoài tư. Không thị nói là hoài an. Ích

pháp nói là nhân từ bị đứt đoạn gọi là "hoài". Cháp nghĩa dương thiện là "hoài". Thuyết Văn nói là niệm tư, chữ tâm thanh hoài. Văn cổ viết hoặc viết. Kinh nói là hiệp tàng viết thành không đúng với nghĩa này. Hướng đạ. Khổng thị chú luận ngữ nói là hàm hận, chữ tâm thanh cảm.

鰾喝辯 Kỳ hát biện nói là luận bàn sôi nổi. Tiên táng.

Khảo Thanh nói là nói nhưng tiếng đau thương. Thuyết Văn nói là bi thính. Thuộc chữ ngôn thanh. Kinh nói là chữ viết chữ này thường viết. Bi thương nói là tê là âm thanh tản mác. Ất giới. Khảo Thanh nói là thanh ế. Quảng Nhã nói là tiếng ở vùng sâu. Tự thư nói là viết, hoặc viết đều là chữ cổ 拙澀 Chuyết sáp nói là kém cỏi. Chuyên nhiệt. Khảo Thanh nói là không nghệ thuật. Sương tập. Khảo Thanh nói là không trơn. Kinh ba chữ thường viết chữ không được.

降澍 Giáng chú nói là mưa rơi. Giang hăng. Nhĩ Nhã nói là giáng hạ Tập huân nói là lạc. Thương Hiệt Thiên viết, có thuyết giải thích giống như nhĩ nhã, thuộc chữ phụ thanh giáng. Chú thú. Hoài Nam Tử nói là mưa xuân thấm nhuận, khắp nơi đều sinh sôi nảy nở Thuyết Văn cũng nói là mưa đúng mùa sanh sa vạn vật. Thuộc chữ thủy thanh chú.

霑濡 Triêm nhu nói là thấm ướt trên đất. Triếp liêm. Hàn Thi nói là triêm nịch. Khảo Thanh nói là tiểu thấp. Lễ ký Khổng Tử nói là mưa ướt y phục mất dụng nghi. Thuyết Văn nói là triêm nhiễm. Tự thư nói là thấm ướt nhẹ. Thuộc chữ vũ thanh chiêm. Nhi thù. Tập huân nói là triêm trách. Tự thống nói là thấm ướt ít, còn gọi chữ

cũng là. Thuộc chữ thủy thanh âm tu.

赫弈 Hách dịch nói là Hưởng cách. Nhĩ Nhã nói là hách hách tấn. Quách Bộc nói là thanh tặc nhi. Phương ngôn nói là phát. Quảng Nhã nói là hách hách minh. Thuyết Văn nói là đại xích nhi, hai chữ xích. Dương ích viết thành, hoặc chữ viết. Mao thi truyện nói là nhi. Thuyết Văn nói là cũng giống. Thuộc chữ hỏa thanh xích.

晴燥 Tinh tao nói là khai và tanh. Tánh tinh viết thành hoặc viết. Khổng chú Thượng Thư nói là thắng xú. Đỗ Tử Xuân nói là nhĩ xao xú. Thuyết Văn nói là thái cao xú. Thuộc chữ nhục thanh tao, hoặc viết. Chu lễ nói là thiên cao hội. Kinh viết đây là chữ thường viết.

臭穢 Xú uế nói là như uế Xương thú. Vương thiên nói là xú là tên chung của vật khí. Thuyết Văn nói là cầm thú đi qua thì biết được dấu vết của nó đó là khuyến. Thuộc chữ khuyến chữ tự đó cổ văn là chữ tử. Kinh nói là chữ tử viết, dấu tích không đúng. ʼ chuế Cổ Dã Vương nói là uế không được trong sạch. Vận Anh nói là uế ác. Khảo Thanh nói là hoang vu, hoặc viết uế. Thuyết Văn nói là thuộc chữ hòa thanh tuế.

盥洗 Quán tẩy nói là thau rửa mặt. Cổ đoán. Thuyết Văn nói là tháo thủ Chữ cự chữ thủy chữ mãnh, mãnh là đồ vật. Xuân thu truyện nói là phụng di ốc mãnh, có khi viết thành khứ thanh cũng được. tiến lễ. Thuyết Văn nói là trạc túc nói là rửa chân.

巖穴 Nham huyết nói là hang đá. Nhã hàm. Khảo Thanh nói là nham ngạn, sơn ngạn. Huyền quyết. Tự thư nói là huyết Khổng Tử nói là không.

罕人 Hãn nhân nói là ít người. Ha đàn mao thi truyện

nói là hãn ly.

Thuyết Văn nói là võng. Thuộc chữ võng thanh can.

罨惡 Yêm ác nói là y diện viết thành, ô cố 無𩇑 Vô câu nói là không móc câu. Cầu hậu. Khảo Thanh nói là câu thủ, dẫn. Thuyết Văn nói là khúc thiết. Thuộc chữ kim thanh câu.

轡勒 Bí lạc nói là ghìm dây cương. Bí bỉ. Thuyết Văn nói là mã bí, chữ âm chuyên có liên quan và cùng một ý, chữ ty. Thuyết Văn nói là đầu ngựa buột hàm thiết. Thuộc chữ cách thanh lực.

嫉妬 Tật đồ nói là tình dật viết thành, đương cố. Vương dật chú Sớ từ nói là hại hiền đức gọi là “tật” hại nhan sắc gọi là « đồ ». Trịnh chú mao thi tựa nói là dùng sắc gọi là “đồ” dùng hành vi gọi là “ky”. Thuyết Văn nói là thuộc chữ tùy thanh hộ 誘 Dụ nói là dạy dỗ Dụ thủ Thuyết Văn viết nói là dữu dữu đạo, giáo, dẫn, tấn, cùng nhau khuyến khích, chữ ngôn, thanh tự 鬣落 Thế lạc nói là cạo tóc. Thiên đế Thuyết Văn nói là tu tỳ tu. Phiên miệt. Khảo Thanh nói là đánh mao. Thuyết Văn nói là phát căn. Thuộc chữ tiêu thanh bật, hoặc viết đều là chữ cổ 糙浴 Tháo dục nói là tắm gội. Tử lão. Quảng Nhã nói là tảo trị Thương Hiệt Thiên nói là tảo quán. Cố Dĩ Vương nói là tảo cũng là tẩy cho sạch, âm dục. Thuyết Văn nói là tắm rửa thân. Thuộc chữ thủy chữ cốc lược thanh.

Quyển 568 không có âm để giải thích.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

569

Sánh trị nói là sửa lại cho sáng. Oanh oánh. Vận Anh nói là ma thức, hoặc thuộc chữ viết. Trừ ly viết. Khảo Thanh nói là trị lý, tu cố. Thuộc chữ thủy thanh đài.

皎𨾏 Kiều khiết nói là trong sáng. Kinh hiều. Mao thi truyện nói là kiều quang. Phương Ngôn nói là minh. Thuyết Văn nói là chữ viết. Khiên khiết. Khảo Thanh nói là thanh, tỉnh. Thuộc chữ thanh khiết.

塊擲 Khôi trịch nói là ném đá. Khang hội. Tụ thư nói là thổ khô.

Nghi lễ nói là gói cỏ ngổ. Thuyết Văn nói là thổ thác, chữ thổ chữ ngôn, lược thanh. Âm khô hoặc viết đây là chữ xưa tượng hình. Trình thạch. Quảng Nhã nói là trịch thượng. Thuyết Văn nói là tróc. Chánh thể viết. Kinh thường viết trịnh.

𡵓𡵓 Sầm độc. Sương bầm. Khảo Thanh nói là Sa thổ ô. Thuộc chữ thạch thanh sam, hoặc chữ viết. Đồ đầu. Khổng chú thượng thư nói là độc hại. Khảo Thanh nói là ác, thống. Căn cứ theo tham độc là đồ hại, nhân nhân. Thuyết Văn nói là cỏ hại người. Thuộc chữ thanh độc, âm ái. Kinh viết nói là độc. Lệ thư nói là sai.

不憚 Bát đan nói là không e ngại. Đương hãn. Trịnh tiên mao thi nói là đan nan, úy. Tập huấn nói là từ còn gọi là kinh. Thuyết Văn nói là đan thật thuộc chữ tâm thanh đan.

𠂔𠂔 Cù lao nói là cực nhọc cần cù. Câu vu. Cổ mục nói là bì lao. Nhĩ Nhã nói là cần. Thuyết Văn nói là cứ

chữ lực, căn cứ theo dùng sức thì rất nhọc.

親狎 Thân hiệp nói là thân mật xem thường. Luận ngữ nói là người nhỏ xem thường người lớn. Khổng thị nói là hiệp cận. Đỗ chú tả truyện nói là hiệp tập, hoặc viết đều giống. Thuộc chữ khuyên chữ giáp lược thanh.

Bá phụ. Đô hồi viết thành, phù vụ.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 570

根株 Căn chu nói là gốc cây. cương âm. Vương Bá Chu Lão Tử nói là căn thí. Khảo Thanh nói là căn bản. Trắc thù. Khảo Thanh nói là cây trụi lá gọi là "chu". Thuyết Văn nói là mộc căn. Thuộc chữ mộc thanh chu.

Ức tỏa nói là dìm xuống. Ứ lực. Cổ quỳ chú quốc ngữ nói là ức chỉ. Đỗ chú tả truyện nói là ức tồn cũng như Thuần chú sử ký nói là ức khuất. Sớ từ nói là trái ý nhưng vẫn có ý chí chịu đựng. Thuyết Văn viết, chữ ấn. nhất lực. Kinh khắc trên đá thêm chữ thủ chữ ấn viết là chữ biến thể. Tổ quá. Cổ quỳ chú quốc ngữ nói là triết phong nói là bề gãy ngọn gọi là "tỏa". Thuyết Văn nói là tỏa tòi. Thuộc chữ thủ thanh tỏa.

先折 Tiên triết. tinh diên. Thuyết Văn nói là tiên tiến, chữ cổ viết thuộc chữ nhân. Chương nhiệt. Khảo Thanh nói là chiết tỏa cũng là ảo thủ. Thuyết Văn chánh thể nói là chữ trùng chữ nhị chữ triết chữ viết. Giải thích hai chữ là chữ thảo, lấy rìu cắt cỏ gọi là triết. Tiểu triện vì hai chữ có liên quan nhau là sai. Xưa là chữ thì chữ viết thành, chữ âm thủ.

稟性 Bẩm tánh nói là bản tánh sẵn có. Bỉ cảm. Khổng chú thượng thư nói là bẩm thọ. Thuyết Văn nói là trứ cốc. Thuộc chữ lẫm thanh hòa. Kinh nói là chữ viết sai.

亡衣 Vong y nói là áo bằng cỏ Vở phòng. Khảo Thanh nói là ngọn cỏ nhưng khác lá cỏ Như kiếm đao chạm vào thì hại người. Ngoại đạo muốn ra khỏi ràng buộc làm cho y phục rách chỉ còn da, cho là khổ hạnh.

茅衣 Mao y nói là áo cỏ. Chu dị nói là dùng đệm bằng cỏ trắng.

Thuyết Văn nói là cỏ tranh tức là cỏ mây. Thuộc chữ thảo thanh mâu. Cỏ ngoan viết thành, mạc hầu viết thành, âm bại. Cỏ chú tà truyện nói là giống như cỏ Chử ? Như Thuần gọi là gạo nhỏ là chữ hoặc viết cũng được.

或芋 Hoặc vu nói là hoặc là khoai sọ Vu ngụ Vận Anh nói là vu tồn châm thảo, tô kích vốn là cỏ, thuốc tỳ đồng có sáu thứ sai khác nói là thanh vu, tử tử vu, chân vu, bạch vu, liên thiên vu, dã vu đều có chất độc, trong đó chỉ có dã vu nấu ăn rất ngon, nhưng lấy lục thủy nấu ăn được. Sử ký nói là ở dưới dân sơn, tồn châm đến già cũng không đói. Thuyết Văn nói là trồng cây lá lớn đến kinh người cho nên gọi là vu, chữ thảo thanh vu.

Hoặc ngâu nói là có khi gọi là củ sen. Ngũ câu. Khảo Thanh nói là liên căn. Nhĩ Nhã nói là liên, hà, phu, cự gốc của nó gọi là ngâu. Ngọc Thiên viết là tên của một loài cỏ và thủy chi đơn, củ sen ngọt có thể ăn được. Thuyết Văn nói là chữ viết du cự căn, thuộc chữ thảo chữ thủy thanh quả.

牧牛女 Mục ngư nữ nói là cô gái chăn bò. Mạc bốc.

Đỗ chú tả truyện nói là nuôi bò gọi là “mục”. Nhĩ Nhã nói là chăn ở ngoài thành. quách Bộc chú phương Ngôn nói là mục sát. Thuyết Văn cũng nuôi trâu ngựa. Thuộc chữ ngư thanh phộc.

籌百 Câu bách nói là câu ngâu viết thành, thường dùng chữ giả tá. Chánh thể viết. Khảo Thanh nói là lấy sữa trâu dê. Thuộc chữ cổ thanh thủ, hoặc chữ dương viết. Kinh viết nói là câu là câu giá tài chữ mộc không đúng với nghĩa kinh.

軍敵 Quân địch. thượng quân viết thành, đình đích.

迦履迦 Ca-lý-ca. Khương khu viết thành, âm này giả tá dùng âm hưởng của tiếng Phạm. Trong tiếng Phạm có chữ đồng với âm này.

隣持 Táng trì. Tê tây viết thành đây là chữ thường viết. Khảo Thanh nói là giữ của cho người. Thuyết Văn nói là Tê trì di. Thuộc chữ bối thanh tê. Kinh viết nhân thảo là sai. nói là Anh kính viết thành, tỳ quyết.

疵鉢羅壽 Tỳ-bát-la-thọ nói là cây tỳ-bát-la. Tỳ mị viết thành, tiếng Phạm là tên cây, hoặc là tên tét-bà-ca là một loài cây Bồ-đề có thuyết cây Bồ đề.

重疊 Trùng điệp nói là chồng chất tiếp nhau. Trường long viết thành, đình hiệp. Thương Hiệt Thiên nói là trùng điệp. Quảng Nhã nói là hậu. Tống trung chú thái huyền kinh nói là điệp tích. Cố Dã Vương nói là điệp minh. Thuyết Văn nói là khi xưa quan lý ngục quyết tội Tam viết đúng với điều này mới thi hành, cho nên viết thành ba chữ nghi. Vương Mãn lấy ba chữ Thái Thạch đổi thành chữ nên viết. Kinh viết nói là chữ điệp biến thể.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

571

護瑠陀羅尼 Hộ pháp đà-la-ni nói là trong này các chữ vẫn lấy âm Phạm, chữ không đúng với nghĩa chữ tâm.

顫 Đản hiệp nói là đau đón nói là nhị hợp. Tha nói là khứ dẫn một câu. A nói là thượng thanh đồng với dưới đây. Hộ là nói chữ la là thượng thanh, đọc uống lưỡi giống như hai dưới. Cự nói là câu vu. là theo chuẩn trước. Vô hại viết thành giống như dưới đây. Đỉnh dĩ. Hộ nói là dẫn là như là dùng âm mũi. Sa là khứ thanh, hô dẫn. những chữ lõ uốn lưỡi giống như dưới. Như là chuẩn theo trên. Tắc khả viết thành giống như dưới. Tà tá tả tả ni nói là ni chỉnh viết thành theo chuẩn dưới đây. A là thượng. Ngu vu. Nô nhã viết thành đây là âm mũi. Ngật sái là nhị hợp, sư giả viết thành, đa ngật sái là nhị hợp, ngật sái là nhị hợp, diển đa ngật sái là nhị hợp. Dã-sa-va là nhị hợp dẫn. Giá là dẫn. Xá-ma nói là man kha viết thành là âm mũi. Ni theo âm trước. Ca chuẩn theo trước. La uống lưỡi. Ô dẫn. Lỗ dẫn, uống lưỡi, chư lỗ. Vô khả. Đỉnh dĩ. Cự khứ viết thành giống như dưới. Va-la-đề-ca nói là chuẩn theo trước. A nói là thượng, giai xả. Đề ninh, Sa là khứ dẫn. La-ni nói là ni chỉnh. Từ la. Dã-ma nói là mục kha viết thành âm mũi. Va đề. Va thí ninh nói là chuẩn theo trước. Va thí. Vô khả viết thành giống như trước đa và đa. Nổ là âm mũi. Sa là khứ thanh. Ly ni. Bộ nói là dẫn. Đa nổ là âm mũi. Sa một lật nói là tam hợp và uốn lưỡi. Đỉnh dĩ viết thành giống như 15 dưới. Nô lễ. Va đa nô là âm mũi. Sa một lật là tam hợp, đề là chuẩn

theo trên. Sa va là nhị hợp, giá là dẫn câu 16.

標灭 Tiêu diệt nói là tiêu triệt viết thành cũng.

量財 Lượng tài nói là lượng vừa. Tạng tai. Khảo Thanh nói là tài trăm. Tập huân nói là cân nặng. Thuyết Văn nói là thiên. Thuộc mạch hai âm suốt. Chữ kinh thuộc hai chữ viết.

鸛友陟华 Chiên-bạt-la hoa nói là tiếng Phạm tên cây hoa, xưa gọi chiêm-bật là sai. Hoa này có mùi hương thơm ngào ngạt tỏa khắp mấy dặm, lớn như hoa thu màu vàng rực rỡ cũng tên hương.

門蜚 Môn điệp nói là điềm hiệp. Tả truyện nói là hoàn thành xây thêm tường ngăn. Đỗ chú nói là trên thành tường nữ Xưa nay chánh tự. Thành thượng nữ viên. Thuộc chữ thổ thanh điệp, người thời nay âm thông là tế sai.

夫雁 Phù nhạn nói là vịt trời. Phu vô. Quách chú Nhĩ Nhã nói là phù áp. Khảo Thanh nói là nhỏ là giả áp. Tự thư nói là chữ điều thanh thù cánh chim ngắn, nhưng là tượng hình. Nhan hiện viết thành, hoặc viết. Mao thi nói là lớn gọi là ngỗng trời, nhỏ là nhạn, chim theo hướng mặt trời. Thuyết Văn nói là nhạn thuộc ngỗng trời.

白坛 Bạch đàn. Đường lan viết thành tên của cây thơm, bạch xích đều là hương xích. Tiếng Phạm nói là tán nước nang xưa dịch nói là chiêm-đàn hương, xuất xứ ở hải đảo nước ngoài.

鬄利 Thi-lợi-sa đây là tên tiếng Phạm. Trung Hoa dịch là kiết tường tức là cây hợp hôn, thường gọi là cây dạ hợp.

鸚鵡 Anh vũ nói là ô canh viết thành, vô phụ viết thành hoặc viết.

Sơn hải kinh nói là hoàng sơn có chim cánh xanh, mỏ đỏ, lưỡi người thường kêu là anh vũ. Khúc lễ nói là anh vũ hay nói, không bay rời khỏi chim.

Tiếng Phạm nói là hoa ưu-đàm, xưa lược dịch sai. Đúng với tiếng Phạm nói là ô-đàm-bát-la. Trung Hoa dịch mây báo điềm lành, hoa trời lạ. Ở đời không có hoa này, nhưng Như Lai hạ sanh, kim luân vương xuất hiện ở đời dùng sức phước đức lớn cảm đến hoa này xuất hiện.

梅檀 Chiên-đàn nói là chương yết viết thành, đường hàn viết thành tức là hương chiên-đàn trắng đỏ ở trước.

頗钁伽 Phả-mục-ca nói là đây là tiếng Phạm tên của báu. Ở đây không phiên đúng thuộc loại thủy tinh sáng ngời trong suốt không một dấu vết, hơi lẫn màu trắng xanh hoặc khác biệt với hồng tía cũng thuộc loại báu thần linh.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 572

掩遏 Yêm át nói là ngăn che. Ư liên. Khảo Thanh nói là tàng. An át. Khảo Thanh nói là át giá.

辜負 Cô phụ nói là phụ lòng. Cô khô. Chu lễ nói là cô lục chi chức, phạm sát Vương chi thân là cô. Trịnh gọi cô là ngôn khô. Thuyết Văn nói là cô tội. Chử tân

thanh khô. Kinh chữ viết sai. Sắc vũ. Cố Dĩ Vương nói là trái ân quên đức gọi là phụ Thuyết Văn nói là phụ thị. Trên thuộc chữ dưới thuộc chữ là người giữ của báu có chỗ nương tựa, còn gọi là cho vay không bù lại, cho nên chữ dưới thành chữ có khi thuộc chữ viết đây là chữ thường viết.

怯箒 Khiếp nhược nói là khương nghiệp viết thành, cuồng viện.

砑阱 Tạc tỉnh nói là đào giếng. Thịnh loại nói là tạc tạm. Từ hãm. Thuyết Văn nói là xuyên mộc. Chữ kim chữ tạc lược thanh.

莖幹 Hành cán nói là gốc cây cỏ. Hạnh canh. Thuyết Văn nói là chi chủ Bát-nhã gốc cỏ gọi là “hành” Cương lại. Thuyết Văn nói là thọ chi. Chữ mộc thanh cán.

竹荻 Trúc dịch nói là lau sậy, nứa. Đô lịch. Hứa thừa chú trọng hoài Nam Tử nói là dịch hoắc.

蘆葦 Lô vi nói là lau sậy. Lãng đô viết thành, vu quý Nhĩ Nhã nói là gia vi. Quách Bộc nói là nay gọi là lô còn gọi là gia lô tức là vi. Theo đây hai chữ thảo thuộc chủng loại giống nhau, lớn gọi là lô, nhỏ là vi. Ngọc Thiên nói là vi lớn là gia. Thuyết Văn nói là chữ lô. Thuộc chữ thảo, chữ mãnh thanh lư, hoặc viết. Kinh thường viết.

甘蔗 Cam giá, chi dạ viết thành là loài cỏ đẹp.

馱都 Đà-đô là tiếng Phạm, Trung Hoa dịch nói là pháp giới, giới tức thể. Dưới này từ liêm đề sở thao về sau đến uy thi hung ức về trước đều là nói về ba mươi hai tướng của Phật. Âm nghĩa quyển 5 thì quyển 381 đã giải thích, ở đây chỉ nói đến âm không chú trọng nghĩa.

檢訛 Liễm để nói là lực diễm viết thành, kinh viết không đúng.

所噪 Sở thao nói là đường hào viết thành hoặc chữ.

坦然 Thản nhiên nói là tha lại.

福輪 Phước luân.

輞轂 Vông cốc nói là nhữ chữ, như chữ.

柔戛 Nhu nhuyễn nói là mềm mại. Nhi sung viết thành, kinh viết không đúng.

纖長 Tiêm trường nói là nhọn và dài. Tương diễm.

漫網 Mạn cương nói là giềng mạn giầy. Mạc an.

交絡 Giao lạc nói là kết giao rộng lớn. Chữ như chữ.

綺書. Kỹ họa nói là tranh lụa. Hư kỹ viết thành, hoa quai.

足根 Túc căn nói là gót chân, chữ âm.

嶼夫 Dữ phu nói là mu gót chân, chữ âm.

雙詮 Song thuyển nói là sở giang viết thành, thời nhuyễn. Ế nê nói là ngọc vùi trong bùn, anh hề.

瑬圓 Dung viên nói là tròn đầy. Sắc long.

甘清 Cam thanh nói là đỏ tía. Cao am viết thành, chữ thuộc chữ sanh chữ đơn.

潤滑 Nhuận hoạt nói là ướt trơn. Nhi thuận viết thành, hoàn bát.

晃曜 Quan diệu nói là sáng rõ. Hồ quảng viết thành, dương yêu.

頸及 Cảnh cập nói là cổ, câu trình.

肩倅 Kiên hăng nói là vai ót, chữ âm kiên, hà giảng.

膊腋 Bác dịch nói là cánh tay, nách. Bỏ các viết

thành, dương ích.

鍬矐阢 Nặc-cù-đà nói là nang các viết thành, cường vu. Trước dịch nói là Ni-câu-lâu-đà.

頤臆 Hàm ức nói là ngực mã não. Dương chu viết thành, khô hà.

烽利 Phong lợi nói là mũi nhọn bén. Phòng phong.

婉雀 Uyển tước nói là uyển chuyển hàm súc. Ư viễn.

眼睫 Nhãn tiệp nói là mắt. Tinh diệp.

白女 Bạch nữ nói là hồ cao.

烏髭二紗 Ô-tỳ-nhi-sa là từ tiếng Phạm, Trung Hoa dịch nói là Đỉnh tướng Phật đánh.

筋脉 Cân mạch nói là gân mạch. Cư thỉnh viết thành, mạc bách.

两髀 Lưỡng khóa nói là hai gót chân. Hồ ngỏa.

膝掄 Tát luân nói là đầu gối. Cốt dật.

炖肅 Đốn túc nói là thành kính. Đô ôn.

怯弱 Khiếp nhược nói là như nhược sợ hãi. Khương nghiệp.

籥翳 Ly ế nói là ư kế.

臍深 Tề thâm nói là rốn sâu. Tường hê.

不凹 Bất ao nói là không lõm. Ô qua.

不凸 Bất đọt nói là không lồi. Điền hiệt.

皮膚 Bì phu nói là da bỏ vô.

疥𪔐 Giới tiến nói là ghẻ lở. Tiên tiến.

靨黠 Yêm điễm nói là nốt ruồi. Y điễm viết thành, đình diễm.

疣贅 Vưu chuế nói là bướu ngoài da. Hữu tâm viết

thành, chuyên thuế.

清辙 Thanh triệt nói là trong suốt. Triền liệt.

侑宓 Chu mật nói là đông đúc. Trường lưu.

弃縻 Khí mi nói là lựa đẹp.

輪 Luân đoả nói là đất rắn. Đô quả.

癌藐 Nham mạo nói là vẻ mặt. Miêu bao.

臭穢 Xú uế nói là nhơ. Xương chú viết thành, ương vệ tiếng Phạm là Đạt-ma tức là nhục kế của Như Lai.

透宦 Uy di nói là nghèo ngoèo.

兴臆 Hưng ức nói là ngực. Hứa cung viết thành, ư lực.

踴鑰 Dũng dục nói là reo mừng. Dương thủng. Đồ dự nói là đào Dục. Dục ước. Quảng Nhã nói là đào, tiền giải thích qua lại. Chi trừ nói là loại, bậc. Trì lực.

Sở sanh nói là đã Vương vắn. Nhuế oánh. Khảo Thanh nói là triền nhiều.

Hà đảm nói là gánh vác. Đa cam viết thành, phu, trợ cũng viết.

Trọng đảm nói là gánh nặng. Đương cam. Khảo Thanh nói là dùng cây gánh vác.

持髻 Trì kế nói là tên của Phạm Thiên Vương.

Quyển 573 không có âm để giải thích.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

574

善餘 Thiện ách nói là ách tốt. Ư cách. Quế uyên châu từng nói là cang xe có cây ngang. Thuyết Văn nói là xa ách. Chữ xa thanh ách. Tục thư nói là chữ ách thuộc chữ hộ chữ ất. Kinh thường viết cũng là tên của Bồ-tát Bất Xả Thiện Ách. Thiện Ách dụ cho đại bi.

迦多衍那 Ca-đa-diễn-na nói là tiếng Phạm tên của Đại A-la-hán, xưa gọi là Ca-chiên-diên là sai. Khương khư viết thành, chữ diễn là âm diễn.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 575

善射 Thiện xạ nói là bắn giỏi. Thường dạ Thuyết Văn nói là bắn cung từ xa cũng trúng. Thuộc chữ thân chữ thi. tiểu triện chữ viết. Thuyết Văn nói là thốn pháp độ, còn gọi chữ thốn cũng là thủ, hai thể chữ đều đúng.

麤的 Thô đích nói là thô sơ. Thương cô. Trịnh chú lễ ký nói là thô cũng như sơ. Quảng Nhã nói là thô đại. Chánh thể viết nói là thô. Thuyết Văn nói là ba chữ lộc, nay đơn giản lại viết. Cố Dã Vương nói là thô không khéo. Đinh lịch. Mao thi truyện nói là đích xạ chất, hoặc chữ cung viết. Thuyết Văn nói là chữ viết là đích minh. Chữ bạch thanh.

鍛金 Đoán kim nói là luyện vàng. Đô quán. Thương Hiệt Thiên nói là đoán chùy. Trịnh chú lễ ký nói là đoán chùy đả. Thuyết Văn nói là tiểu trị

然鍊 Nhiên luyện nói là đúc. Lịch điện. Thuyết Văn

nói là trị kim, hoặc viết. Kinh viết không đúng.

金璞 Kim phác nói là vàng ngọc trong đá. Phổ bộc. Vương bá chú Khổng Tử nói là phát trực. Y văn tử gọi người của trịnh nhân là ngọc chưa tôi luyện là phác.

稱量 Xứng lượng nói là đúng với đo lường. Xứ chung. Khảo Thanh nói là định kỳ nặng nhẹ Quảng Nhã nói là độ Tự thư nói là lượng bình. Vận Anh nói là trình. Thuyết Văn nói là thuyên. Chữ hòa thanh xung. Cổ văn viết. Kim thường viết.

胞初生 Bào sơ sanh nói là thai mới sanh. Bao nhi viết thành nói là màng bọc thai của hoa cây. hoa cây Ba-chất-đa trên trời Đao-lợi khi muốn nở trước tiên mọc sa bào. Thuyết Văn nói là phụ nữ mang thai. Tự thư chánh thể viết hoặc có khi viết nghĩa này cũng được.

氛雲 Phen vân nói là mịt mù. Phu vân. Vạn vân. Văn tự tập lược nói là khí mịt mù. Tự thống nói là khí âm dương mịt mù lẫn lộn, thuộc chữ thương hình hạ thanh.

𦣻見 Sáng kiến nói là sơ tắng. Vận Anh nói là sáng sơ Khảo Thanh nói là sáng thỉ. Kinh thường viết.

分薺 Phen tê nói là chia đều. Phòng văn viết thành, tịch lệ viết thành, hoặc viết.

治寶 Trị bảo nói là tái tạo của báu. Trừ ly. Khảo Thanh nói là trị lý cũng là tái tạo đồ cũ lại.

磨瑩 Ma oánh nói là mài cho sáng. Ô oanh viết thành tức là chùi cho bóng, hoặc viết.

映轍 Ánh triệt nói là sáng trong suốt. Ánh kính viết thành, trì chiết. Kinh viết.

Hủy mộc nói là hoa cỏ. Huân quý. Thuyết Văn nói

là tên chung của cỏ. Tiểu truyện viết, thuộc ba chữ triệt.

叢林 Tùng lâm nói là rừng rậm, nhà chùa. Tổ hồng viết thành, cỏ cây mọc nhiều. Thuộc chữ nghiệp thanh thủ. Kinh viết.

Năng đãi nói là đến kịp. Đường nại viết thành là đến kịp.

Như huyền nói là hàn biện. Xưa viết chữ cũng viết đều là chữ xưa.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 576

眷綱 Quyển cương nói là giăng lưới. Quyết thái. Chánh thể viết cũng viết. Khảo Thanh nói là dùng dây bắt. Vận Anh nói là hệ thủ. Theo chữ quyển nghĩa là quyển sách. Vô phóng. Cố Dã Vương nói là võng là lưới thả sớ. Chu dịch nói là khi xưa là họ Bao Hy kết dây làm lưới để bắt cá dùng nghề này nuôi vạn dân. Thế bản la võng. Chu Trung nói là họ Phục Hy, hoặc viết la võng hoặc viết là chữ tượng hình của văn xưa.

Tiếng Phạm nói là Vô-ni-diên-đề nói là đời Đường nói là Bạch Tịnh thức.

帝特 Đế-dặc nói là dư tức viết thành, đại quyết. Nhĩ Nhã nói là thức nghĩa là dặc. Quách Cảnh Thuần nói là dặc mi còn gọi là bắn cá trên đất.

行有所得 Hành hữu sở đắc nói là thực hành thì có sở đắc nói là hành mãnh viết thành, giống văn dưới.

悟時 Ngô thời nói là lúc trước. Ngô khó. Khảo

Thanh nói là trong lúc ngủ thấy tỉnh nhưng tin được. Thương Hiệt Thiên nói là寐 giác nói là ngủ mà nói gọi là "ngộ". Thuyết Văn nói là cũng giống như vậy. Thuộc chữ miên chữ tường chữ mộng thanh ngộ. Tự thư nói là mộng thùy giác.

踴禴 Dũng được nói là reo mừng. Dũng thũng. Công dương thiện nói là dũng thượng. Ngọc Thiên nói là dũng đẳng. Đổ dự nói là đào được. Thuộc chữ túc thanh dũng dực ước. Nhĩ Nhã nói là được tấn. Quảng Nhã nói là được đào, tấn. Thuộc chữ túc thanh trực.

戶牖 Hộ dũ nói là cửa sổ Dư cự. Thuyết Văn nói là dùng cây xuyên qua tường làm cửa sổ Thuộc chữ phiến chữ hộ thanh bổ Quảng Nhã nói là dũ đạo. Tự thư nói là minh.

傾搖 Khuynh diêu nói là nghiêng ngửa đồ Khoảng vinh. Khảo Thanh nói là khuynh trắc. Thuyết Văn viết. Dương kiều. Tập huấn nói là dao động, chữ thủ thanh diêu.

綦壤 Phân nhượng nói là quét sạch đất. Phân vản. Khảo Thanh nói là khuynh tẩy trừ, hoặc viết. Kinh thường viết. Thuyết Văn nói là phân tẩy trừ, thuộc chữ thổ thanh biện. Nhi chương. Khổng thị nói là không thành khối gọi là "nhưỡng". Trịnh gọi là nhượng thổ cũng biến ngôn. Quảng Nhã nói là hoại trần cũng là phì nhu. Thuyết Văn nói là nhu thổ, chữ thổ thanh nhượng.

滄久 Yêm cửu nói là Ở lại lâu. Ư nhị Đỗ chú tả truyện nói là yêm cửu còn gọi là yêm lưu. Quách Bộc chú sơn hải kinh nói là yêm trệ khê cửu. Thuyết Văn nói là chữ thủy thanh yêm.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

577

伽趺 Giá phu nói là ngồi xếp bằng. Chánh thể viết nói là già phụ. Trịnh chú nghi lễ nói là phụ túc thượng. Cổ Dã Vương nói là trên mặt chân. Theo Kim cang nói là đến đỉnh Tỳ-lô-giá-na. Cách ngồi trong kinh có sai khác không đúng nhau. Nay đưa ra hai ba cách nói lên bốn oai nghi có ý sâu xa. Ngồi kiết-già có hai thứ nói là một là kiết tường, hai là hàng ma. Nếu ngồi trước hết lấy chân phải áp lên đùi trái, sau đó lấy chân trái áp lên đùi phải, ở đây tức là phải đặt lên tay phải cũng ở bên rái gọi là hàng ma. Chư Thiên tông phần nhiều truyền kiểu ngồi này. Nếu theo pháp môn Minh Tạng giáo Du-già thì truyền kiết-già là kiểu ngồi hàng ma, có khi dùng kiểu ngồi kiết tường này. Trước hết chân trái đặt lên đùi phải, sau đó chân phải đặt lên đùi trái làm chi hai lòng bàn chân ngửa lên ở trên hai đùi, tay cũng đặt lên chân trái và phải nằm ngửa trên hai chân kiết-già, gọi là kiết tường. Khi xưa Như Lai khi thành Chánh giác ngồi dưới cội Bồ-đề thân an lạc ngồi kiết tường, tay bắt ấn hàng ma. Thế nên Như Lai thường an lạc ngồi kiểu này chuyển pháp luân. Hoặc theo bí mật Du-già thân, ngữ, ý nghiệp cử động oai nghi đều là phương pháp ngồi mật ấn sai khác, hoàn toàn phải do thầy truyền hoặc gọi là bán già hoặc là hiền tọa, thực hành Luân vương, ở điều phục và cách này tương ứng với sự truyền dạy ngồi này đều là mật ý chỉ dạy của Phật. Ma-nạp-bà đây là tiếng Phạm. Dịch chỉ

đại Đường Tam Tạng nói là nhu đồng án thiện vô úy Tam Tạng dịch đại Tỳ-lô-giá-na kinh và cùng với hạnh Sa-môn là một xuất phát nghi ký nói là Ma-nạp-sa. Chánh phiên ứng nói là thắng xứ ta và người, tông ngoại đạo tự nói có thần, ngã ở trong thân, tâm, họ là tối thắng vi diệu nhất thường ở trong tự thân, quán ngã hoặc cao một tác rất to. Luận Đại Trí Độ cũng nói là suy ra có thần ngã hoặc như hạt cải, hạt đậu, mè là tính sắc, hoặc giải thích là nho đồng. Tiếng Phạm đáp nói là Ma-noa-bà hai bên dịch khác nhau chưa biết ai đúng, xin trắc nghiệm lại bản Phạm.

撥誘 Bát di phiên miệt. Khảo Thanh nói là cột tre nổi trên nước gọi là “bát”. Thuyết Văn nói là chữ mộc thanh phát. Quảng Nhã nói là chữ viết đều đúng. Kinh viết có khi viết đều là chữ cổ không đúng. Du chú. Quảng Nhã nói là du gián. Trịnh chú chu lễ nói là cáo hiểu. Thương Hiệt Thiên nói là dụ thí. Luận ngữ nói là chỉ dụ của quân tử là đối với nghĩa. Chỉ dụ của tiểu nhân là đối với lợi. Thuyết Văn nói là dụ cáo, chữ ngôn thanh dụ, chữ tập chữ đao. Kinh chữ viết.

免𢇛 Miễn cường nói là cúi ngược. Minh biện. Đồ chú tả truyện nói là miễn phụ. Thuyết Văn nói là đê đầu. Chánh thể nói là chữ biệt chữ viết, âm ngưỡng. Dịch nói là ngược xem thiên văn. Thuyết Văn nói là ngẩng đầu, thuộc chữ nhân thanh ngưỡng.

捫候 Môn lệ nói là mạc bôn. Mao thi truyện nói là môn trì. Vận thuyên nói là môn tôn hoặc mạc sách. Thuyết Văn nói là môn mạc, chữ thủ thanh môn. Lượng trụ. Vận thuyên nói là nhục khắp lệ. Thuyết Văn nói là

nhục khắp, chữ một thanh phê.

曾爲羯利王 Tăng-vi-yết Lợi Vương nói là từng làm Yết Lợi Vương.

Tàng năng. Vinh nguy. tiếng Phạm Yết Lợi Vương. Trung Hoa nói là đấu tranh cũng gọi là vô đạo ác Vương, xưa dịch là Ca Lợi Vương sai, khi xưa làm vua nước Ba-la-nại.

希氣 Hy khí nói là hy vọng. Hương y. Vận thuyết nói là hy mộ.

Khảo Thanh nói là hãn. Pháp ngôn nói là hy ký. Kinh thường viết, cổ văn viết. Âm ký. Vận thuyên nói là ký vọng. Kinh viết. Thuyết Văn nói là châu phương Bắc, chữ bắc thanh dị.

荷擔 Hà đảm nói là gánh vác. Hằng ngã. Tự thư nói là Hà phụ Đương tham viết thành, hoặc chữ nhân viết. Quảng Nhã nói là đảm trợ. Khảo Thanh nói là đảm phụ. Tự thư nói là đảm hà, chữ thủ thanh đậm. Trong kinh nói là có khi chữ viết không đúng. Vì âm là diêm xá đảm không đúng với nghĩa này.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

578

交映 Giao hóa nói là tiếp xúc với ánh sáng. Vận Anh nói là huân. Khảo Thanh nói là bàng chiếu. Ấn trong văn tự âm nghĩa, chữ nhật thanh anh.

氣蓋 Khỉ cái nói là lựa làng tê cái, hư khi. Thuyết Văn nói là lựa có hoa văn. Theo lựa này khi xưa xuất

phát ở quận Tề, nay xuất phát ở Giang Đông, dùng hai màu tơ sắc sỡ dệt thành gấm.

Kỹ trích nói là tha thướt. Khảo Thanh nói là độc mỹ, gia. Nhĩ Nhã nói là từ khen đẹp.

Đại lạc nói là rất vui. Lang các. Khảo Thanh nói là hỷ dương thậm, chữ giả tá, âm gốc nhạc. Ba cõi tự do luôn vững bền lợi ích cho hữu tình. Bây giờ Như Lai kiền nói thần chú nói là:

Năng mô bà nói là khứ. Nga nói là lấy thượng thanh. Va nói là đồng với văn sau. Đới nói là dẫn một. Bát la nói là nhị hợp uôn lưỡi.

Chỉ nương nói là nhị hợp dẫn, nhưng lấy thượng thanh. Ba nói là dẫn. La nói là thượng thanh và uôn lưỡi. Nhĩ đa nói là dẫn thượng thanh. Dĩ uest viết thành dẫn cũng đồng với sau này nhị. Bác ngật đề nói là nhị hợp. Va sát. Lặc hạ viết thành dẫn. Duệ nói là suy ra âm trước bình thanh tam. A nói là thượng. Ba lý nói là uôn lưỡi. Nhĩ đa ngự. Mã nói là dẫn âm mũi. Dĩ hê viết thành dẫn tứ. Tát va đát tha nói là khứ dẫn. Tiết đa nói là ngũ. Bô nói là dẫn. Tề dĩ viết thành giống văn sau. Đa nói là dẫn thượng thanh. Duệ nói là dẫn thượng khứ lục. Tát va đát ha nói là khứ dẫn. Tiết nói là chuẩn theo âm trước thượng thanh. Đa nói là thượng thanh dẫn thất. Nổ nói là thanh mũi. Chỉ nương nói là nhị hợp đều là thượng thanh dẫn giống như phía dưới. Nổ nói là thanh mũi. Chỉ nương nói là nhị hợp dâm. Đa nói là thượng thanh bát. Tích chỉ nương nói là nhị hợp dẫn. Đa nói là thượng thanh dẫn. Duệ nói là dẫn cửu. Đát hiếp dã nói là nhị hợp. Tha nói là khứ tranh dẫn 10. bát la nói là nhị hợp. Chỉ ninh nói

là nhị hợp dẫn 12. Bát la nói là nhị hợp. Chỉ nương nói là dẫn, nhị hợp. Va sa nói là khứ dẫn. Sách ca nói là thủ thượng thanh. Lệ nói là uốn lưỡi dẫn 13. Bát la nói là nhị hợp. Chỉ nương nói là nhị hợp dẫn. Lệ nói là dẫn. Ca ca lệ nói là uốn lưỡi dẫn 14. Án nói là thượng. Đà ca nói là dẫn. La nói là uốn lưỡi 15. Vĩ đà ma nói là thanh mũi. Ninh nói là 16. Tất để nói là dẫn. Tổ tất để nói là dẫn 17. Tất điền đô mạn nói là dẫn 18. Ba nói là khứ nga va để 19. Tất vông nga tôn na lệ nói là uốn lưỡi dẫn 20. Bạc ngật để nói là nhị hợp. Vô hại viết thành, thương át. Lê nói là dẫn 21. Bát la nói là nhị hợp. Sa nói là khứ dẫn. Ly nói là uốn lưỡi. Đa át sa để nói là nhị hợp dẫn 22. Tang cam. Ma nói là thanh mũi dẫn. Thập va nói là nhị hợp thượng dẫn. Sách yết lê nói là uốn lưỡi 23. Một để nói là dẫn. Một để nói là dẫn 24. Tất để nói là dẫn. Tất để nói là dẫn 25. Kiểm ba kiểm ba nói là 26. Ta la tả la nói là 27. Đường nga viết thành nói là dẫn giống nhau dưới. Vô kha. Đà nói là dẫn. Va nói là 28. A nói là khứ dẫn. Tiết sa. A nói là khứ dẫn. Tiết sa nói là 29. Bà nói là khứ thanh dẫn. Nga va để nói là câu 30. Ma nói là dẫn theo âm trước vĩ lăm. Ma nói là âm mũi dẫn. Duệ ba hạ nói là nhị hợp dẫn. Hạ nói là dẫn 31.

Bấy giờ Đức Như Lai lại nói thần chú nói là:

Năng mô nói là dẫn. Bà nói là khứ dẫn. Nga va đời nói là dẫn

1. Bát la nói là nhị hợp. Chỉ nương nói là nhị hợp. Ba nói là dẫn. La nói là thượng thanh và uốn lưỡi. Nhĩ đa nói là thượng thanh dẫn. Duệ nói là dẫn như trên nhị. Đát hiếp dã nói là nhị hợp. Tha nói là khứ dẫn tam. Mầu

nói là tử thính. Ninh đình. Đạt nói là uốn lưỡi, mẽ nói là dẫn tứ. Tăng nói là khứ thanh. Ngật la nói là nhị hợp uốn lưỡi. Hạ đạt nói là uốn lưỡi. Mẽ nói là giống như trước. A nói là thượng. Nổ nói là âm mũi. Ngật la nói là nhị hợp. Hạ đạt nói là uốn lưỡi. Mẽ nói là dẫn, bát. Ví về viết thành nói là dẫn. Thất la nói là nhị hợp. Ma nói là thanh mũi. Nô nhã viết thành âm mũi. Đạt nói là uốn lưỡi. Mê nói là dẫn cửu. Tô cam. Mãn đa noa nói là âm mũi. Ba lý nói là uốn lưỡi. Đa nói là thượng thanh. Nặng đạt nói là uốn lưỡi. Mê nói là dẫn 10. Ngự cự. Mã nói là thanh mũi. Tăng nói là khứ. Ngật la nói là nhị hợp, uốn lưỡi. Hạ đạt nói là uốn lưỡi. Mê nói là dẫn 11. Tát phục ca nói là dẫn. La nói là thập nhị. Ba lý nói là uốn lưỡi. Ba nói là dẫn. Sa va nói là nhị hợp dẫn. Hạ nói là dẫn 13.

Bảy giờ Như Lai lại nói thần chú nói là: Nặng mỗ nói là dẫn. Sa nói là khứ dẫn. Nga va. Đại nói là dẫn 1. Bát la nói là nhị hợp. Chỉ nhường nói là nhị hợp. Ba nói là dẫn. La nói là uốn lưỡi. Nhĩ đa nói là thượng thanh dẫn. Duệ nói là dẫn nhị. Đạt hiệp dã nói là nhị hợp. Tha nói là khứ dẫn 3. Thất lý nói là nhị hợp, uốn lưỡi. Duệ nói là bình. Thất lý nói là nhị hợp. Duệ nói là bình tứ. Thất lý nói là nhị hợp. Dã vương nói là dẫn. Sa va nói là nhị hợp. Hạ nói là dẫn ngũ. Thực chúng nói là trồng nhiều. Thừa lục. Toán vận nói là thực chủng. Khảo Thanh nói là thực đa. Phương ngôn nói là thực lập, thọ. Tự thư nói là thức bá. Chỉ cao cửu thức, không đúng với nghĩa này. Chung trung. Nhĩ Nhã nói là chúng đa. Quốc ngữ nói là ba con thú là một bày ba người là một chúng. Thuyết Văn nói là cũng chúng đa, âm ngâm, ba chữ

thành chữ, chữ viết ngang thành nhiều ý.

Kê lưu nói là ngừng lại. Kính khô. Khảo Thanh nói là kê trệ, cổ văn viết lại viết, vốn là chữ viết. Thuyết Văn nói là kê lưu chỉ, chữ chỉ thanh tựu nói là cây cỏ mới mọc đầu cong chưa thể thẳng được, còn có âm ngại giải thích cũng giống. Lực trừ. Khảo Thanh nói là lưu chỉ. Thuyết Văn nói là chỉ điền, chữ điền, thanh liễu. Kinh viết hoặc viết còn viết những chữ này đều sai.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

579

鑄鍊 Dung luyện. Nấu đúc. Khảo Thanh nói là cách đúc vàng. Hán thư nói là vàng còn phải nấu đúc lại. Thuyết Văn nói là trị kim khí pháp. Thuộc chữ thanh dung. Lực điền. Cổ văn viết cũng viết. Khảo Thanh nói là tinh trạch. Vân tập nói là thước kim. Thuyết Văn nói là trị kim, chữ kim thanh luyện. Kinh nói là chữ viết không đúng với chữ.

Ma oánh nói là mài cho sáng. Mục là. Tập huân nói là trị thạch. Khảo Thanh nói là nghiêng thạch, hoặc viết. Thuyết Văn viết. Oanh oánh viết thành phát ra khí sáng, hoặc chữ kim viết. Vận Anh nói là ma thức, chữ ngọc chữ lược thanh.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

580

Phi duy nói là không chỉ. Phi vĩ. Trịnh tiên mao thi nói là phi phi, cũng viết, văn cổ viết. Thuyết Văn nói là chữ phương thanh phi.

Đa tê nói là nhiều của cái. Tinh tê. chánh thể viết. Khảo Thanh nói là giữ của cho người. Quảng Nhã nói là tè tông. Thuyết Văn nói là giữ vật ở đường đi, chữ bồi thanh tê.

Phóng quát nói là sưu tầm. Quan quát. Khảo Thanh nói là quát kiểm. Chu dị nói là bao quát hết không có lỗi với Bá Vương gọi là quát kết. Quách Bộc chú sơn hải kinh nói là vẫn còn kiết phục, chữ thiết, chữ khổ. Thuyết Văn nói là chữ lấp chữ viết.

Thị triển nói là cửa hành. Trục liên. Khảo Thanh nói là thành phố giữa đất trống còn gọi cư, hoặc viết.

Cầm tráp nói là bắt trói lại. Cập lâm. Khảo Thanh nói là cầm tróc, hoặc viết. Thuyết Văn viết cấp trì, chữ thủ thanh kim. Trương áp. Mao thi truyện nói là tráp bạn. Đỗ chú tả truyện nói là câu chấp, chữ mệnh thanh chấp.

Trư câu nói là suy nghĩ liên lụy. Trức tư viết thành, câu ngâu. Khảo Thanh nói là câu thành. tự thư nói là câu giá. Văn tự âm nghĩa nói là cấu hợp. Thuyết Văn viết hình tượng qua lại, chữ mộc thanh câu.

Hân nhạo nói là vui mừng. Ngũ giáo.

Cốc vồng trục nói là trục xe đạp. Công hóc. Ngọc Thiên nói là cầm xe tập trung lại gọi là "cốc". Chữ vồng. Thuyết Văn nói là xa lô. Trung lục. Mao thi truyện nói là trục tiến.

Ngoa duệ nói là sai lầm và nhanh nhẹn. Ngô hòa viết thành, cũng viết. Khổng chú thượng thư nói là ngoa hóa. Doanh tuệ. Đỗ chú tả truyện nói là mũi nhọn nhỏ. Quảng Nhã nói là duệ lợi. Kinh nói là ngoa duệ, xe chạy đường xa, vành lệch trục nhanh.

Quyển 581 không chữ đề giải thích.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 582

二泉 Nhị tỹ nói là hình phạt cắt mũi. Ngu ký viết thành đây là tên hình phạt ngày xưa. Trịnh chú chu lễ nói là nhị tiết tỹ. Khổng chú Thượng Thư nói là nhị cát. Thuyết Văn nói là chữ đao thanh tỹ hoặc chữ viết.

月足 Nguyệt túc nói là cắt chân. Ngụy quyết viết thành cũng tên hình phạt thời xưa. Kinh sử nói là không giống nhau, hoặc gọi là phỉ hình, hoặc gọi hình đều là một. Người dân vượt quan ải vào thành quách lương trộm cướp thì chặt chân họ. Khảo Thanh nói là đoạn túc, hoặc viết hình phạt này đều thuộc ngũ bách.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 583

Lục liệt nói là ôm yếu. Lục thù viết thành, rất ôm. Lục tuyết viết thành, nhược.

Câu chấp nói là giữ chặt. Cự tử viết thành, châm lập.

Tập huấn nói là câu chấp, mã cạm cũng là người bị trói trong tù, chữ mệnh thanh chấp.

牽掣 Khiên xé nói là lôi kéo. Khải kiên. Khảo Thanh nói là khiên liên. Quảng Nhã nói là khiên vông. Thuyết Văn nói là dẫn trước, chữ ngu âm miên, hoặc viết. Xích nhiệt. Khảo Thanh nói là đồn duệ, súc cũng viết.

Tỏa nhục nói là khuất nhục. Thô ngọa. Trịnh chú khảo công ký nói là tỏa chiết. Cổ quý nói là bề gãy ngọt gọi là tỏa. Khảo Thanh nói là tỏa ngưỡng. Thuyết Văn nói là tỏa tội, chữ thủ thanh tọa. Tiểu truyện nói là chữ tọa, chữ thổ chữ lưu lược thanh. Cổ văn hai chữ viết. Nhi chúc. Cổ quý chú quốc ngữ nói là nhục sĩ. Khảo Thanh nói là nhục ác cùng tu. Thuyết Văn nói là chữ, chữ dưới chữ. Khi mất cày ruộng ở phong điền thì giờ thìn trắng lạng thì làm nông, cho nên phong tinh là thìn là điền hầu.

螺蛳 Lỏa oa nói là ốc sên. Lư hòa viết thành, viết đúng. Nhĩ Nhã nói là phu nay hồ, trâu. Quả hoa. Quách Bộc chú nói là sò nhỏ gọi là oa ngư.

出礦 Xuất khoáng nói là ra khỏi quặng. Quảng Nhã nói là thiết phát. Thuyết Văn nói là đồng thạch phác. Tự thư nói là chưa từng nấu gọi là khoáng, hoặc viết hoặc viết đều giống nhau.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

584

弓弩 Cung nỏ nói là cung nỏ Cúc cung. Chu lễ ty nói là phép sáu cung bốn nỏ tám tên trong tay cung tên.

Thế bản nói là huy làm cung mâu di làm tên, Tông trung đều là thần của hoàng đế. Thuyết Văn nói là từ gần đến xa cùng tốt cho nên gọi là cung. Nô cổ. Quách phác chú và phương Ngôn nói là nô cũng như nộ Thuyết Văn nói là cung có cánh tay gọi là nỏ, chữ cung thanh nô.

𣎵𣎵 Bài tán nói là am mai. Khảo Thanh nói là tên binh khí gọi là "mâu". Thuyết Văn nói là chữ bài, chữ mộc chữ phi lược thanh hoặc viết. Tổng toán. Quảng Nhã nói là tán diên, thương đi nhanh là tiêu mâu. Khảo Thanh nói là điều đầu mâu. Xưa nay chánh tự nói là tán đoan mâu, chữ mâu thanh tán.

刃標 Nhận tiêu nói là nhân thận. Khảo công ký nói là nấu vàng làm đao cho Thánh nhân. Quốc ngữ nói là yên ngữ nhần. Cổ quý nói là có năm thứ nói là đao kiếm, mâu, kích, tên, giả mạo mũi nhọn đao binh. Thuyết Văn nói là nhận kiên, hình tượng đao có đao. Quảng Nhã nói là tiêu mâu, đao mâu trượng tán, hoặc viết.

𨔵𨔵 Đào trịch nói là nhảy tự do. Đình lưu. Vận Anh nói là đào dục. Vận Thuyên nói là dục hận. Thương Hiệt nói là dừng. Quảng Nhã nói là thượng. Thuyết Văn nói là quyết, chữ túc thanh triệu, hoặc viết. Trình kích. Cổ Dã Vương nói là trị cụ trực, sâu, cắt bước nhưng chưa đi. Sử ký nói là ngựa hay chạy không biết ngựa xấu chạy nhanh. Thuyết Văn nói là trịch trực chủ túc, hoặc viết ly, chữ túc chữ trịch.

Ngô bình nói là bình đất. Am nghi. Thuyết Văn nói là đồ mức nước, hoặc chữ phữ, hoặc viết nói là bình nhỏ là phữ, chữ ngô thanh tịnh. Tân nhị nói là nước bọt trơn. Nữ trí. Vương dật xương số từ nói là nhị hoạt.

Khảo Thanh nói là phì cũng là chỉ cầu. Thuyết Văn nói là cũng phì, chữ nhục thanh nhị. Kinh văn nói là chữ viết sai.

Trữ tô nói là chứa tia tô. Trương lữ. Đồ chú tả truyện nói là trữ sắc. Tự thủ nói là chứa trong kho để chuẩn bị. Khảo Thanh nói là trữ tài. Thuyết Văn nói là trữ tích, chữ bồi thanh trữ.

Số số nói là liên tiếp. Song tróc viết thành nói là số số tầng phồn nói là liên tiếp dồn dập.

Nhiều luyện nói là nấu đúc. Lịch điện. Vận Anh nói là thước kim, thương chước. Thuyết Văn nói là chữ viết trị kim, chữ kim thanh luyện. Cổ văn nói là chữ luyện là chữ viết thành có khi viết thì không đúng.

Tượng oánh thức nói là thợ chùi bóng. Tường dạng. Khảo công ký nói là người thợ mộc. Khảo Thanh nói là công xảo nhân. Phạm hễ việc thuộc tượng đều gọi là "tượng". Thuyết Văn nói là mộc công, âm phương, chữ cán chữ phương là đã tạo ra đồ vật. Oánh oánh. Quảng Nhã nói là oánh ma, nghĩa là chùi ngọc châu phát sáng. Vận Anh nói là ma thức, chữ ngọc chữ lược thanh. Thăng chức. Quách phác chú Nhĩ Nhã nói là chùi nhiều cho nên trong sáng. Trịnh chú lễ ký nói là thức tịnh, xưa nay là một chữ, chữ thủ thanh thức, hoặc viết thức oánh.

Tác mô nói là làm thành khuôn. Mạc am. Trịnh tuyển mao thi nói là mô dạng, hoặc viết nói là mô mô quy hình cũng là yên thủ tượng. Thuyết Văn nói là mô pháp. Chữ mộc chữ mạc lược thanh.

填布 Trán bố nói là lấp khắp nơi. Chưởng niên. Quảng Nhã nói là trán tắc. Trịnh chú lễ ký nói là mãn.

Thuyết Văn nói là chữ thổ thanh chân.

Hỏa lịch nói là tảo lao viết thành Thương Hiệt Thiên nói là lửa đốt cây. Quảng Nhã nói là lịch thiên, lịch âm là tao. Thuyết Văn nói là lịch tiêu, chữ hỏa thanh tao.

標鑛 Tiêu khoáng nói là nấu quặng. Tinh diêu. Cổ Dã Vương nói là tiêu cũng như tán. Thuyết Văn nói là thước, kim. Thuộc chữ kim thanh tiêu, hoặc viết tiêu. Bát-nhã nói là tiêu càn. Qua mãnh. Quảng Nhã nói là thiết phác. Thuyết Văn nói là đồng sắt còn nguyên trong quặng. Tự thư nói là chưa từng nung nấu gọi là khoáng hoặc viết đều được.

Quyển 585 không có âm giải thích.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 586

徵詰 Trung cật nói là hỏi. Trắc lằng. Trịnh chú lễ ký nói là trung triệu còn gọi là minh. Đỗ chú tả truyện nói là kiểm còn gọi là thâm. Ích pháp nói là oai nhưng không dữ gọi là trung. Khảo Thanh nói là trách, tâm. Thuyết Văn nói là tượng, theo việc có hình tượng kiểm nghiệm được gọi là trung. Chữ nhâm chữ vi lược thanh. Cổ văn viết. Khinh kết. Trịnh chú chu lễ nói là cật là (vấn) hỏi tội. Quảng Nhã nói là trách. Thuyết Văn nói là cật vấn, chữ ngôn chữ kết lược thanh.

高梯 Cao thê nói là thang cao. Thiên đề. Cổ quỳ chú quốc ngữ nói là thê giai. Khảo Thanh nói là thê đẳng, đẳng hằng là khứ thanh có thể đẳng trắc. Thuyết Văn nói

là mộc giai, chữ mộc chữ đệ lược thanh.

儻忽 Thúc hốt nói là bỗng chợt. Thương nhục. Sớ từ nói là qua lại thoáng chốc. Vương dật chú nói là hình bóng quá mau còn gọi là thoáng như điện chớp, hoặc viết, hoặc chữ viết cũng viết đều giống nhau.

中的 Trung đích. Đinh lịch. Mao thi truyện nói là đích xạ chất.

Khảo Thanh nói là minh mạo, định. Thuyết Văn nói là chữ viết. Kinh chữ viết không đúng.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

587

難敵 Nan địch nói là khó chống lại với địch. Đồ đích. Đỗ mục tả truyện nói là đích đối còn gọi là đương. Nhĩ Nhã nói là thất. Quảng Nhã nói là bối, địch thuật. Chữ văn chữ trích lược thanh.

俯峻 Kiêu trúc nói là cất chân. Thị diêu. Quảng Nhã nói là kiêu cử. Quách phác chú Nhĩ Nhã nói là kiêu huyền nguy. Mao thi nói là giống. Thuyết Văn nói là kiêu trường vũ, vũ. Chữ vũ thanh nhiều. Xưa viết nói là phủ tuần nói là trên cao nhìn xuống. Phường vũ. Trịnh huyền chú lễ ký nói là phủ miễn. Cố Dã Vương nói là phủ nghĩa là hạ đầu xuống. Nói khác hơn nghĩa là cúi xuống quan sát địa lý. Khảo Thanh nói là phủ tiểu yên, miễn thủ. Chữ tuần. Khảo Thanh nói là đứng trên núi cao. Khổng thị nói là tuần cao đại hoặc đều là chỗ nguy hiểm chót vót còn gọi là cao nguy.

峯巖 Phong nham nói là vách núi cao. Phụng phong. Khảo Thanh nói là núi cao nhưng nhọn. Vận Anh nói là đỉnh núi, hoặc viết phong. Thuộc chữ sơn chữ phong. Ngô hàm. Đồ chú tả truyện nói là nham hiểm. Mao thi truyện nói là nham nham tích thạch. Thuyết Văn nói là bờ đá, hoặc chữ viết đây là chữ xưa.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

588

莖榦 Hành cán nói là gốc cỏ. Hạnh canh. Quảng Nhã nói là gốc cỏ gọi là hành. Thuyết Văn nói là cánh chính. Thuộc chữ thảo âm hành thanh kinh. Cán hãn. Thuyết Văn nói là cành cây, chữ mộc chữ càn. Khảo Thanh nói là cọc cây, còn gọi là khứ thanh không đúng với ý văn không chấp nhận. Trong kinh có khi chữ viết, hoặc chữ thảo viết.

採摘 Thái trích nói là hái. Thương tể. Quảng Nhã nói là thu còn gọi là thái. Thuyết Văn nói là thái thủ. Chữ thủ chữ biện. Trương cách. Khảo Thanh nói là thác thủ. Đường vận nói là thủ thủ. Thuyết Văn nói là hái trái cây thật. Thuộc chữ thủ chữ trích lược thanh.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

589

鑊鐵 Hoa thiết nói là họa hoa. Giữa phương ngôn và Tống ngữ nói là sáp nghĩa là hoa. Thuyết Văn nói là

lượng nhận sấp, chữ kim chur hoa lược thanh, hoặc viết. Thiện niết. Sơn hải kinh viết, chữ kim thanh tiệt, nay xuất phát thiết này từ núi Thái nguyên.

虛費 Hư phí nói là hao tổn. Phi vị. Vận Anh nói là hao tài. Quảng Nhã nói là phí tổn. Thuyết Văn nói là phí tán tài, dụng. Chữ bối thanh phốt.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

590

營構 Doanh cấu nói là xây dựng. Cổ hậu. Ngọc Thiên nói là hợp. Thuyết Văn nói là kết giá, nguyên liệu kết hợp lại, chê. Thuyết Văn nói là chứa tài vật, hình tượng kết hợp nhau. Chữ mộc thanh nhiễm, hoặc cũng được.

怯懼 Khiếp cụ nói là sợ hãi. Khương khiếp. Cố Dã Vương nói là khiếp úy liệt. Phương ngôn nói là khiếp khừ. Thuyết Văn viết. Đỗ lâm nói là chữ khiếp, chữ viết cũng viết đều giống nhau. Cù ngộ. Khảo Thanh nói là cự ưu, úy. Thuyết Văn nói là cự khủng. Chữ tâm thanh cù.

萎歇 Nuy hiết nói là chết mất. Nhị mao. Khảo Thanh nói là nuy oán. Tụ thư nói là bệnh vàng da, nhược. Hiên yết. Khảo Thanh nói là Suyễn tức, đình chỉ.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

591

杭米 Canh mễ nói là gạo tẻ. Tập huẩn nói là tiên đạo.

Thinh loại nói là không nhạ. Thuyết Văn nói là đạo cũng viết. Thuộc chữ mộc thanh cương. Kinh viết.

耽染 Đam nhiễm nói là suy đắm. Đương cam. Khảo Thanh nói là đam thị, vui chơi. Thuyết Văn nói là chữ trầm lược thanh. Nhi diễm. Khảo Thanh nói là nhiễm ô, trước.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 592

被帶 Bị đai nói là áo khoác. Bì mi. Quảng Nhã nói là bỉ gia. Hán thư nói là cụ Đồ gọi là bào. Thuyết Văn nói là áo ngủ dài một thân có khi nửa. Chữ y thanh bì. Đức nại. Quảng Nhã nói là đai thúc. Tự thư nói là hệ. Thuyết Văn nói là đai áo châu. Áo giáp của người nam, dáng tơ của người phụ nữ cột.

齊何 Tề hà nói là bào chế thuốc gì. Tinh duệ viết thành là chữ giả tá. Tự thư nói là phân đều thuốc, hoặc viết chuẩn theo đây.

慣習 Quán tập nói là thói quen. Quan hoạn. Nhĩ Nhã nói là quán tập, huân tập việc lâu gọi là quán. Chữ tâm thanh quán. Tả truyện viết. Thuyết Văn nói là chữ viết. Kinh thường viết.

荏苒 Nhẫn nhiễm nói là thấm thoát trôi qua. Nhi chảm. Khảo Thanh nói là có mềm yếu. Nhi diễm. Quận tự thư yếu nói là cỏ mơn mớn. Căn cứ theo nhẫn nhiễm là thứ lớp làm nhân cho nhau, trải qua ngày giờ gọi là nhẫn nhiễm. Kinh viết.

欸然 Huất nhiên nói là đột nhiên. Động uất. Thương Hiệt Thiên nói là huất hiển khởi. Tiết tông nói là hốt. Thuyết Văn nói là vụt lên. Thuộc chữ khiếm thỉnh nhị.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 593

白鷺 Bạch lộ nói là con cò trắng. Chử lộ nói là Mao thi truyện nói là chim trắng. Nhĩ Nhã nói là bạch lộ thung nì. Phương ngôn nói giữa Tề và Lỗ gọi là Thung sừ, Ngô địa dương châu rõ ràng bạch lộ lục cơ. Mao thi nói là chim, thú, trùng, cá. Sớ nói là bạch lộ lớn như chân câu thanh, chân dài một thước bảy, tám đuôi như đuôi nhạn, miệng dài hơn tám tấc. Đỉnh và trên lưng có lông dài hơn một thước. Nghiên cứu rõ trong Quách phác nói là ngày nay người Giang châu cho rằng tên Tiệp ly là phát tang bạch lộ bên sông Bạch lộ. Kinh nói là trong sông có nhiều chim này, cho nên gọi tên sông ở phía Bắc thành Vương-xá, yết-lang-dịch-ca trong vườn Trúc lâm.

磨罽 Ma quyển nói là Sự chướng ngại của ma. Quyết huyện viết thành, cũng viết và viết. Không thể dùng dây bắt chim muông. Vận Anh nói là hệ thủ. Căn cứ theo chữ quyển tức là quyển sách. Xưa nay chánh tự viết nói là hệ thủ. Chử vông âm quyền, thanh.

所繫 Sở trập nói là đã Vương vấn. Chiếm áp. Mao thi truyện nói là Vương vấn. Đỗ chú tả truyện nói là câu trập. Thuộc thanh mịch thanh chấp.

綺貿 Ý mậu nói là nói thêu dệt. Kỳ kỷ viết thành,

minh cứu.

積磨 Tích na nói là viết. Kinh diệc. Khảo Thanh nói là nước chảy nhanh chiết nói là hao một góc. Thần nhiệt. Tả thị truyện nói là triết tồn. Khảo Thanh nói là tồi triết. Chữ thủ thanh cân. Hồng nhạc. Thú hạc, ngưng. Chánh thể nói là chữ đao chữ nhục. Kinh viết sai.

Đại đảm nói là gánh nhiều. Đảm cam.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 594

睬疑 Thái nghi nói là ngờ vực. Thái tai. Đồ chú tả truyện nói là thái nghi. Phương ngôn nói là thái hận. Thuyết Văn nói là nghi ngờ hận giặc. Chữ khuyên thanh thanh. Ngư kỳ. Khảo Thanh nói là chỉ, nhị, chưa nhất định. Xưa viết cũng viết, ngô số thanh.

𩇛𩇛 Hàm lỗ nói là muối mặn. Hà nham. thượng thư nói là hồng phạm gọi là nhuận hạ viết hàm. Nhĩ Nhã nói là hàm khô. Thuyết Văn nói là vị của phương Bắc. Thuộc âm lỗ chữ hàm. Kinh chữ đậu viết không đúng, hàm diệm địa. Lư cổ. Đồ chú tả truyện nói là tưới bằng muối đất căn côi. Thuyết Văn nói là muối phương Tây. Chữ lỗ lược thanh, chữ xưa là chữ tây.

衒賣 Huyền nại nói là khoe khoang. Huyền quyền. Vận Anh nói là đi bán, tự kiêu căng, hoặc viết và viết nghĩa đều giống với tự làm mới. Thuyết Văn nói là hành thả mại. Chữ hành thanh huyền. Mô giải. Tập huấn nói là đưa hàng hóa ra để giao dịch. Chánh thể nói là chữ

viết, nay viết.

- Quyển 595 không có âm giải thích.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 596

蕤 蕤 Hồng nghệ nói là cầu vòng. Hồ đồng. Nhĩ Nhã nói là đế đồng hồng. Nguyệt lệnh quý xuân mới thấy được cầu vòng, mạnh đông cầu vòng lặng không thấy. Hán thư viết âm phùng. Thuyết Văn nói là giống cho nên thuộc chữ âm hủ thanh công. Cổ văn viết. Triện văn, chữ. ngũ kê. Quách phác chú Nhĩ Nhã nói là nhận nghệ, thấy rực rỡ rồi ren, hoặc viết. Nhĩ Nhã nói là cầu vòng nghĩa là tể cầu mưa, còn gọi là nghệ là khiết nhị. Quách Bộc nói là tên khác của khiết nhị là thấy thi tử.

Hộ tàng nói là tạc lang.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN 597

凳 凳 Đẳng nói là lên thang. Thiên đệ. Cổ quỳ chú quốc ngữ nói là thê giai. Thuyết Văn nói là mộc giai. Chữ mộc thanh đệ Đẳng lang. Khảo Thanh nói là đẳng lý. Vận Anh nói là tiền. Thuyết Văn nói là chữ viết, đẳng cung, chữ túc thanh đẳng.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN

598

撮磨 Toát ma nói là nắm lấy. Lang quát viết. Khảo Thanh nói là thủ toát thủ là chữ giả tá. Mục ba. Khảo Thanh nói là tôi luyện, nghiền. Thuyết Văn viết.

空拳 Không quyền nói là nắm tay không. Quỳ viên. Khảo Thanh nói là thủ quyền.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYỂN**599**

六苾 Lục tần nói là nạn binh lửa. Hô ôi. Thuyết Văn nói là chết vì lửa. Chữ hỏa thanh hựu. Tịch dẫn. Chánh thể viết. Đồ chú tả truyện nói là lửa cháy còn sót lại gốc cây. Thuyết Văn nói là tàn lửa, thuộc chữ hỏa thanh luật.

𤇗 Yê diêm nói là khói lửa. Yê hiên. Quảng thát nói là yê xú. Khảo Thanh nói là khói lửa. Thuyết Văn nói là hỏa khí, chữ hỏa thanh yê, hoặc viết. Cổ văn viết. Triện văn viết. Dục niệm. Thuyết Văn nói là hỏa vi hành. Chánh thể viết, nay lược hết viết hỏa quang. Hán thư viết hai chữ giả tá.

作癩 Tác lữ nói là áo rách nát. Tang lạc. Khảo Thanh nói là tác thẳng, chữ thị chữ mịch viết không đúng. Lương chí viết thành, người Nam sở nghèo mặc áo rách xấu gọi là lam lữ. Thuyết Văn nói là lữ tuyến. Chữ mịch chữ lữ lược thanh.

Tiếng Phạm nói là A-la-trà-ca-la-ma-tử là tên của tiên nhân ngoại đạo, Trung Hoa không dịch đúng.

KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA QUYÊN 600

原隰 Nguyên thấp nói là đồng bằng. Âm tập. Nhĩ Nhã nói là cao bằng gọi là nguyên âm ướt gọi là thấp. Thượng thư đại truyện nói là chữ là chữ, hoặc viết. Thuyết Văn nói là sườn núi ở dưới thấp, chữ phụ thanh thấp.

兇𪔐 Hung bột nói là sắc mặt hung dữ Hứa cung. Vận nói là người thô ác. Khảo Thanh nói là hung ác, khùng, còn gọi là thượng thanh. Thuyết Văn nói là ưu khùng, chữ nhân thanh hung. Xuân thu tả truyện nói là người mũ sắt hung đáng sợ Yêm một. Lễ ký nói là bột nghịch. Thuyết Văn nói là bột loạn, chữ tâm thanh bột. Kinh nói là chữ viết là hùng tráng, kiện cũng được.

啄長 Trác trường nói là hu vệ. Thuyết Văn nói là trác khẩu.

堰遣 Yển khiên nói là kiêu mạn. Ư khiên viết thành, kiện hiến.

Theo nghĩa chữ yển tức là kiêu mãn, cứ ngạo.

拘𡗗 Câu chấp nói là bắt trói, âm câu, tri lập viết thành, là người bị trói trong tù.

Cương giới nói là cự cường. Mao thi truyện nói là cương giới. Thuyết Văn viết nói là cương cương giới. Hai chữ ở giữa nó, giống như họa ba cõi này, hoặc viết cũng được.

愛羅閼 Ái-la-phiệt, Noa long vương nói là tiếng Phạm chuyển sai, đúng với tiếng Phạm" Ái-la uôn lưỡ

thượng thanh, va-noa nói là thanh mũi là tên đại long
vương ở đây không dịch đúng.



NHẤT THIẾT ÂM NGHĨA KINH

QUYỂN 9

- Kinh Âm Phóng Quang Bát-nhã ba mươi quyển.
- Kinh Ma-ha Bát-nhã bốn mươi quyển.
- Kinh Quang Tán Bát-nhã mười lăm quyển.
- Bát-nhã Sao năm quyển.
- Kinh Đạo Hành Bát-nhã mười quyển.
- Kinh Tiểu Phẩm Bát-nhã mười quyển.
- Thạch lục bộ kinh cộng lại một trăm mười quyển (quyển này âm do Huyền Ứng soạn).

KINH ÂM PHÓNG QUANG BÁT NHÃ QUYỂN 1

Huyền Ứng soạn.

羅悅 La duyệt nói là dĩ chuyết. Căn cứ theo kinh A-xà-thế vương nói là La-duyet chỉ tán gọi là thành Vương-xá, ở đây đáp sai. Chánh ngôn nói là La-duyet-yết-lê-hê là duyệt, nghĩa là đoạn lý dùng vương đại, nghĩa là đoạn lý nhân dân. Yết-lê-hê ở đây gọi tên chung trong nhà, thành Vương-xá là tên thành trong nước Ma-già-đa.

磨鉢 Ma thuật nói là kinh viết này. Thực duật viết thành, hoặc gọi là na-do-tha. Chánh ngôn nói là ma-dữu-đa tương đương với mười vạn Trung Quốc. Quang Tán

kinh nói là ức na-thuật kiếp. Theo Bản Hạnh kinh nói là một trăm vạn là danh câu-chí, ở đây tương đương với ngàn ức trăm câu-chí. A-do-đa ở tương đương với ngàn ức trăm a-do-đa. Na-do-tha ở đây tương đương với vạn ức, ở đây là tính như trên vậy.

颇我 Phả ngã nói là nghiêng về ngã. Phổ ngã viết thành, nghĩa là nghiêng dao động bất an. Kinh văn nói là viết hai hình thức, hoặc viết đều chưa thấy chỗ xuất xứ.

髡然 Đạm nhiên nói là lạng lẽ. Đồ lạm. Quảng Nhã nói là đạm an.

Kinh văn nói là viết nói hai dạng nhưng viết thì giống nhau.

爸呵 Bà-ha nói là còn gọi là Bà-ha-lâu-đa, hoặc gọi là Sa-bà đều không đúng. Chánh ngôn nói là tổ ha, đây gọi là hay nhẫn, hoặc gọi là kham nhẫn, một lời phức tạp trong thế giới.

褫寺 Tập tự nói là thói quen còn sót lại. Từ cung viết thanh. Nhĩ Nhã nói là tự dư, nghiệp. Đại Tập kinh nói là dứt những tập khí cũ.

咖羅钺 Ca-la-việt nói là trong kinh đại phẩm nói là đây là tên cư sĩ.

甫當 Phủ đương nói là vừa mới. Phu vũ viết thành, phủ thi, đương chung nghĩa là buổi đầu mới phát tâm cuối cùng đạt được Nhất chủng trí.

我句 Ngã câu nói là ta hướng dẫn, còn viết. Mao thi truyện nói là câu quần. Như thuần chú sử ký nói là bồi.

呵修綸 A-tu-luân nói là lại viết A-tu-la hoặc viết A-tu-la đều sai.

Chánh ngôn nói là A-tổ-lạc. Tổ lạc gọi là tửu, ở đây dịch là A, vô cũng gọi là phi cũng gọi là thiên, tên một vị thần Vô Tửu cũng tên Phi Thiên, trong kinh cũng gọi vị thần Vô Thiên.

呵咍置佛 A-duy-tan-phật nói là ở đây nói sai. Chánh ngôn nói là A-tỳ-tam-phật. A-tỳ đây gọi là hiện, tam đây là đẳng, Phật-đà gọi là giác danh hiệu Đẳng giác. Trường An phẩm kinh nói là chí thành. Phật Đại phẩm kinh nói là Nhất thiết pháp, Nhất thiết chủng đồng một nghĩa.

Lục tài nói là tác tài. Trong kinh cũng gọi là xúc. Theo xúc thì có thể nuôi lớn tâm số pháp. Tài có khả năng nuôi lớn hoa lá cành nhỏ, nghĩa này giống như nhân dùng danh. Thất thống nói là bảy sự đau khổ, còn viết thống dương. Trong kinh nói là danh thọ, nghĩa là có thể lãnh chịu những khổ vui cho nên gọi là danh thọ.

Ỗ pháp nói là nương pháp. Ư nghị viết thành, trụ. Thuyết Văn nói là ỷ cũng là y ỷ. Quảng thất nói là nương nhân. Kinh văn chữ viết không đúng thể.

Tát-vân-nhã nói là còn gọi là Tát-vân-nhiên, hoặc Tát-bà-nhã đều sai. Chánh ngôn nói là Tát-đại-nhã, ở đây dịch Nhất thiết trí.

Du-tuần nói là dữu chu viết thành còn gọi do-tuần, hoặc do-diên, du-xà-na đều là một và không đúng. Chánh ngôn nói là Du-thiện-na, ở đây dịch là hợp, ứng, kế hợp ứng nhĩ hứa độ lượng giống với phương này là dịch là. Căn cứ theo năm trăm cung là một câu-lô-xá, tám câu-lô-xá là một du-thiện-na, thì phương này là ba mươi dặm. Người xưa nói Thánh vương một ngày đi

mấy dặm.

Châu-ky nói là ngọc trai. Cư y. Thuyết Văn nói là ngọc chưa được tròn. Tục thư nói là tiểu châu.

Dũ hương nói là hương ra cửa sổ. Hứa lượng. Thi nói là trát lấp tu cửa. Truyện nói là trở cửa sổ hương tây. Quảng thất nói là hương cửa sổ. Thương Hiệt giải cột nói là chữ vũ chính là chữ, vũ bàng vũ do đó giúp sáng thêm.

- *Quyển 2 nói là không âm giải thích.*

KINH ÂM PHÓNG QUANG BÁT NHÃ QUYỂN 3

Bất oan nói là không ân hận, hối tiết. Ô hoán. Tục lược nói là than oán đáng sợ.

KINH ÂM PHÓNG QUANG BÁT NHÃ QUYỂN 4

Kỷ tha nói là ở lại nơi khác nói là cư kỳ viết thành, giải thích bắt được, cho nên ở lại rảnh rỗi.

Đát-tát-a-kiệt-a-la tam gia tam Phật. Đại phẩm kinh viết nói là Đa-tha-a-già-độ-a-la-ha Tam-miệu Tam-phật-đà giống nhau. Trung Hoa nói là tức là ba danh hiệu trong mười hiệu, nhưng cũng là Phạm âm nghe nặng hoặc nhẹ A-đà-a-già-độ. Trung Hoa dịch nói là Như Lai. A-la-ha, Trung Hoa dịch nói là Ứng Cúng, Tam-miệu Tam-phật-đà dịch nói là Chánh Biến Tri.

Tiết lệ nói là yêm kế viết thành, lục kế viết thành, hoặc gọi là Tỳ-đế-lê, hoặc là Tỳ-đế-lê-đa, Bế-lê-đa.

Trung Hoa dịch nói là Tô phụ quý, xưa dịch nói là nga quý, trong nga quý là tôi liệt.

Phân mậu vân đà ni tử nói là bút phần viết thành, còn viết phần nậu, hoặc viết phần nậu. Vân đà phát nói là phú ma mạn đà, Phát đa la, Trung Hoa dịch nói là Mãn nghiêm sức nữ tử. Minh độ kinh nói là Mãn kiến tử.

Tăng na tăng niết nói là đáp nói là Ma Ha Tăng Na Tăng Niết Đà, xưa dịch Ma Ha gọi là Đại Tăng Na, Khải Tăng Niết, trước tác gọi là trang sức, cho nên những tác phẩm nổi tiếng là Đại Khải. Đại phẩm

kinh nói là Đại Thệ Trang Nghiêm. Có thuyết nói là Tăng Na Đại Thệ Tăng Niết Tự Thệ đều sai. Chánh ngôn nói là Phu Na Ha, dịch nói là giáp Phu Na Đà, hoặc viết bỉ, hoặc y gọi là bỉ giáp y bỉ.

KINH ÂM PHÓNG QUANG BÁT NHÃ QUYỂN 5

Duyệt xoa nói là dĩ xuyết viết thành, hoặc viết dạ-xoa đều sai. Chánh ngôn nói là dục-xoa, Trung Hoa dịch nói là quý hay ăn thịt người, còn viết thương nghĩa là làm tổn hại người.

Giá-ca-việt-la nói là gọi đúng nói là Thước-ca-la-phiệt-lạt-đồ-yết-la-xà, Trung Hoa dịch nói là chuyên luân vương.

Đích mạc nói là đồ dịch viết thành, mộ các viết thành nghĩa là không nhân không tướng. Đích cũng như chữ địch, địch thất, chữ mạc cũng như chữ, còn gọi mộ dục.

Vô thái nói là tên tha phục Tam-muội.

Khoa quật nói là hang động, hoặc khổ hòa. Tiểu Nhĩ Nhã nói là gà chim trĩ còn sữa nghĩa là khoa, chỗ nghỉ của thỏ, gọi là quật, có khi không ở hang nhưng nghỉ ngơi. Chiến quốc sách nói là thỏ khôn xây ba chỗ, cũng viết niết Tam-muội.

Yêm cai nói là thỏa mãn. Cổ lai viết thành, đầy đủ. Phương ngôn nói là cai hàm. Quách phác nói là cai hàm bị, cũng là Tam-muội.

Chủng kê nói là giống hạt kê. Cổ văn nói là tử lực viết thành, kê túc, anh trưởng ngũ cốc.

Kiên tán nói là tướng vẩy ướt, chữ còn viết. Thuyết Văn nói là dẫn nước để tưới. Chữ có hai kiểu viết. Thuyết Văn nói là tám tượng hu lệ. Sử ký nói là nội trong năm bước dùng máu vẩy ướt cả áo Đại vương, tung tóc cả vật dương tuyền. Lý luận nói là e không biết ném vào nhỏ tung tóe. Giang nam hành, âm này là Sơn đông.

KINH ÂM PHÓNG QUANG BÁT NHÃ QUYỂN 6

Bạc hà viết thành đây là họ người. Thô hà viết thành sai lầm.

Ngũ ca viết thành tên núi

Sĩ hà viết thành cao chót vót.

Lỗ hồ nói là ương ngạnh ngạo mạn. Lực tổ viết thành, bờ cỏ. Lỗ hồ tự tại nghĩa là tha hồ tung hoành ngang dọc. Hán thư âm nghĩa. Hồ bạt hồ nghĩa là tự do buông lung. Kinh văn viết nói là khô thị, chữ không đúng với nghĩa này. Trong kinh nói là kiêu mạn hoặc viết cống cao.

Kiền-đà-la nói là cự yên. Trung Hoa dịch nói là tìm hương thần tức là Càn-đạt-bà.

Giai ngẫu nói là hòa hợp. Hồ giai. Quảng Nhã nói là giai hóa, ngẫu hợp. Văn kinh viết sai. Thương thư nói là xứng đôi cho là hiếu, chú là giai hòa, ngẫu hợp.

KINH ÂM PHÓNG QUANG BÁT NHÃ QUYỂN 7

Vô ngẫu nói là không xứng đôi nói là Ngô khẩu viết thành, ngẫu xứng đôi. Đại phẩm viết nói là đẳng bất đẳng là đúng. Kinh văn viết sai.

Tu nhị nói là hai chữ tu, hoặc viết nói là Tu-ma-xoa thiên, Trung Hoa dịch nói là Diệu Thiện Thiên còn gọi là nhị ma, đây dịch nói là thời phân Tu-nhị-ma, Thiện thời phân tức là Thiên chủ.

Câu dục nói là lược sai, họ Kiều-thi-ca tức là Thích-đề-hoàn cùng với Thiên Đế-thích là một tên.

Đạo kiểm nói là cứ nghiêm viết thành, nghĩa là dùng đạo để buộc tâm cho nên gọi là đạo kiểm. Đại phẩm kinh nói là hoặc nhập thất văn chánh vị. Thương Hiệt Thiên nói là nắm được luật phép cũng như nhiếp.

Tứ kiêu nói là khắp nơi biên giới. Cổ điều viết thành, bốn phố nhỏ, trong lịch tứ kiêu là việc này.

Át tuyệt nói là ngăn chặn. Ư át. Nhĩ Nhã nói là át chỉ, nay dùng những điều nghịch nhau để ngăn chặn là át. Thương Hiệt Thiên nói là át giá.

- *Quyển 8 nói là không âm giải thích.*

KINH ÂM PHÓNG QUANG BÁT NHÃ QUYỂN 9

Đề-hòa-kiệt nói là hoặc gọi là Đề-hòa-kiệt-la, dịch nói là Định Quang cũng gọi là Nhiên Đăng Phật.

Ni-ma-la thiên nói là hoặc viết Phần-mật-đa thiên, dịch nói là Tha hóa tự tại thiên.

A-ba-hội thiên nói là dịch nói là Quang Âm thiên, còn gọi Cực Quang Tịnh thiên, tức là đệ Nhị thiên và Tam thiên. Văn kinh nói là chữ viết hội.

Thủ-ha-ký-ma thiên nói là dịch nói là Thiên Tịnh thiên là đệ Nhị thiên trong đệ Tam thiên, dùng an lạc thanh tịnh chan rải khắp gọi là Biến Tịnh.

Duy-vu-phả-la thiên nói là dịch nói là Quảng Quả thiên tức là đệ Tam thiên. Trong phàm phu quả đây là quả tối thắng nhất, cho nên gọi là Quảng quả.

Hạng hận nói là bướng bỉnh. Hồ giảng viết thành, nghĩa là người cang cường, bướng bỉnh khó hồi đầu vì bị danh lợi. Út-già-la viết văn kinh nói là người cang cường. Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác kinh nói là bướng bỉnh ngu si. Trong kinh nói là viết Tăng thượng mạn. Văn kinh chữ viết, ngoan độn, chữ ngoan không đúng bản tự.

Bạt trắc nói là đề bạt. Tràng trắc. Thương Hiệt Thiên nói là trắc du bạt dẫn, cũng là trắc xuất nói là đưa ra.

Ma nhị nói là Trường An phẩm viết nói là Ma-đa. Tiêu phẩm kinh nói là Ma-hê đều là âm tiếng Phạm sai. Minh Độ kinh nói là Thần Đan.

KINH ÂM PHÓNG QUANG BÁT NHÃ QUYỂN 10

Mâu tiên nói là cổ văn nói là ba kiểu chữ nói là đều là âm mâu phương ngôn số nói là kích là mâu. Thuyết Văn nói là mâu dài hai trượng đặt ở Bình xa.

Bát duy vô nói là hoặc viết Bát duy vu tức là Bát bối xã.

Bình sa nói là yêm kinh viết thành đáp sai. Đúng nói là Tần-bà-sa-la vương hoặc viết Tần-tỳ, dịch nói là hình lao, một thuyết nói là Tần-tỳ, dịch nói là Tần-sắc-ba-la, dịch nói là đoan chánh, hoặc gọi Sắc tượng thù diệu.

Tùy-da-lê, hoặc viết nói là đọa-xá-lê, luật sa, lê xướng đều là chuyển tiếng Phạm sai. Chánh ngôn nói là lật xiêm bà, dịch nói là Tiên Tộc vương chủng. Trong kinh, luận viết nói là ly xa, hoặc luật xa đều giống nhau.

Chi triệu nói là điềm báo trước. Trừ kiều viết thành, triệu cũng như cơ, thấy được việc trước cũng là hình triệu. Đại phẩm kinh nói là pháp mật.

Kiên-đạp-hòa nói là còn gọi Kiền-đạt-la, hoặc gọi Càn-đạp-bà, Kiền-đạt-bà, Càn-thát-bà tên xưa, gọi đúng nói là Kiền-đạt-va đều là âm khác nhau của một nước, dịch nói là xú hương, cũng gọi là lạc thần, còn gọi thực hương xưa gọi là hương thần cũng là cận. Trong kinh cũng viết hương âm thần, dịch nghĩa nói là tìm hương thần, đây dịch đúng.

Chân-đà-la nói là chi nhân viết thành, còn viết chân-đà-la, hoặc viết Phôn-na-la đều sai, gọi đúng nói là Phôn-nại-lạc, dịch là người, còn gọi là phi nhân.

Ma-hầu-lặc nói là còn gọi là Ma-hưu-lặc, hoặc viết Ma-hầu-la-già đều sai, gọi đúng nói là Mâu-hô-lặc-ca, dịch nói là Đại Hữu hành long.

Chân việt nói là chữ viết chân việt, đây đáp nói là ngoạ cụ.

- *Quyển 11 không âm để giải thích.*

KINH ÂM PHÓNG QUANG BÁT NHÃ QUYỂN 12

Phạn-ca-di thiên nói là đây gọi là Tịnh Thân thiên, Phạn Tịnh, tức là Sơ thiên Phạn thiên.

- *Quyển 13 - 14 không có âm để giải thích.*

KINH ÂM PHÓNG QUANG BÁT NHÃ QUYỂN 15

Canh sáp nói là trở ngại. Canh hạnh. Vương dật chú sở từ nói là canh cường cũng là hại, bệnh, sáp còn viết, nghĩa là không trơn. Chữ tứ chỉ tứ chỉ tức là không thông.

Phi lũy nói là sảy mụn, còn viết bộc, lực tội viết thành, sảy mụn hơi sưng, nay lấy nghĩa này.

Dĩ thự nói là đã bố trí. Thời khứ. Thự vị thự nghĩa là sắp đặt vị trí cung kính. Quốc ngữ nói là xây dựng vị trí chính phủ. Biểu nghĩa là biểu thức.

- *Quyển 16 không âm.*

KINH ÂM PHÓNG QUANG BÁT NHÃ QUYỂN 17

Tương giả nói là còn viết là tường, tự lân cột buồn, đi Giang Nam, âm này quan trung phần nhiều gọi là can.

Sưởng lập nói là mở cửa tù. Cô đao viết thành, kiên lao, chữ viết hai kiểu đồng với trưởng tiên trưởng hành. Tam thương nói là sưởng chàng, văn thường viết nói là xông ra gọi là đình, nay dùng gỗ hoặc thiếc đâm vào trúng vá thêm gọi là sưởng. Văn kinh viết không đúng với thể chữ. Trang toán nói là thừa nhận trang nghiêm. Thô dương. Thỉnh loại nói là trang nghiêm. Chữ cổ văn viết. Nhĩ Nhã nói là toán số, tính được dài sáu tấc. Thuộc chữ chữ, thường nói không sai.

KINH ÂM PHÓNG QUANG BÁT NHÃ QUYỂN 18

Giảo hý nói là giễu cợt xảo trá. Cổ xảo. Phương ngôn nói là con nít phần đông là xảo trá nhưng quỷ quyết cũng gọi là xảo trá.

KINH ÂM PHÓNG QUANG BÁT NHÃ QUYỂN 19

Hòa di là hoàn duyệt xoa nói là tức là thần Kim cang nghĩa là tay cầm chày Kim cang, nhân đây đặt tên.

- *Quyển 20 không âm giải thích.*

KINH ÂM PHÓNG QUANG BÁT NHÃ QUYỂN 21

Tạp nhẫu nói là lẫn lộn. Cổ văn viết hai kiểu. Thuyết Văn nói là tạp phạn nay những vật khác màu tạp hợp lại gọi là nhữu.

Chiên-đà-la nói là hoặc gọi là chiêm-trà-la, đây dịch nói là Nghiêm Xí nghĩa là Đồ sát tên của chủng loại, gọi nói là ngục tốt là chủ sát nhân. Theo Tây Vực ký nói là người này nếu đi thì lắc chuông tự nêu hoặc cây tre đập vào đầu, nếu không làm như vậy thì vua bắt tội người này.

Ba khiên nói là khắp khiêng, còn viết. Cư miễn. Tự lâm nói là đi khắp khiêng không được trang nghiêm.

Dục trang nói là muốn đàm nói là trọc giang. Quảng Nhã nói là tràng thích, tràng độc kích.

KINH ÂM PHÓNG QUANG BÁT NHÃ QUYỂN 22

A duy nhan nói là Đại Phẩm kinh nói là Nhất sanh bồ xứ, thập trụ kinh, gọi đệ thập a duy nhan Bồ-tát pháp trụ.

Minh thệ nói là thề. Mi cảnh. Lễ ký nói là chư hầu đem súc vật đến gọi là thề. Chu lễ ty nói là pháp của minh chiến. Trịnh huyền nói là viết lời này trên mắt, giết súc vật lấy máu uống viết thêm trên súc vật rồi chôn, ghi vào đây để làm tin. Việc lớn gọi là “minh” việc nhỏ gọi là thệ.

KINH ÂM PHÓNG QUANG BÁT NHÃ QUYỂN 23

Khinh dị nói là tùy tiện. Tự thể viết hoặc viết nay viết. Thương Hiệt Thiên nói là dị mạn, gọi là dị cũng là khinh. Văn kinh viết nói là hiệp. Thuyết Văn nói là đồng lực, cũng là cấp, hiệp không đúng với nghĩa này.

Dã mã nói là du dương nhị. Theo Trang Tử nói là trần ai, chỗ dừng nghỉ của sinh vật. Chú nói là chỗ tựa của chim bằng để bay, chính là du khí. Đại luận nói là đói khát oai bức thấy hơi nóng nghĩa là nước.

Ngũ binh nói là Chu lễ chu nói là Binh chương lễ binh. Trịnh chú nói là ngũ binh nói là qua, giáo, mâu, kích, vô di. Bộ tốt ngũ binh nói là không có vô di nhưng có cung tên.

- *Quyển 24 - 25 không âm giải thích.*

KINH ÂM PHÓNG QUANG BÁT NHÃ QUYỂN 26

Tu-diên-đầu-phật nói là hoặc gọi Tu-phiến-đa-phật. Tần nói là rất thanh tịnh.

Đồng nhiên nói là rỗng rang. Đồ cống. Thuyết Văn nói là đồng tạt lưu cũng là cảnh thâm thúy. Văn kinh viết, cảnh nóng cũng là cảnh hạn hán.

- *Quyển 27 không âm giải thích.*

KINH ÂM PHÓNG QUANG BÁT NHÃ QUYỂN 28

Khuyết thuật nói là khuyến dụ. Tư duật. Thuyết Văn

nói là thuật dụ. Quảng Nhã nói là vị sựu. Văn kinh viết, còn viết tư duật viết thành, còn viết tuất ưu, không đúng với cách dùng này.

KINH ÂM PHÓNG QUANG BÁT NHÃ QUYỂN 29

Ba luân nói là còn viết ba luận. Đây gọi là Thường đế minh. Độ kinh nói là chan rải lòng từ đều là một nghĩa.

Phê nghệ nói là có hai kiểu viết. Tục lâm nói là phổ mê viết thành, ngũ lễ. Quảng Nhã nói là phê nghệ điệp nữ tường, giải thích tuần bội kinh tiểu hoàn, trong lỗ hồng làm cho nhỏ là việc phi thường.

Ba đàm nói là còn viết nói là Ba mộ, hoặc Ba đầu ma, Bát đàm ma. gọi đúng nói là Bát trì ma. Trung Hoa dịch nói là Sen đỏ.

Câu văn là nói là còn viết Câu vật la, Câu mâu đầu, Câu vật đầu.

Dịch nói là Câu là địa vật đà, tên Thiện hỷ, hoa hỷ.

Ưu bát chiêu nói là còn viết nói là Âu bát la, dịch nói là hoa đen.

Giao tinh nói là tên chim tinh, một tên với giao lự, loài chim này khi ra khỏi núi Man liền bay từng bầy như nhận kê giống như vịt trời chân cao là loài súc vật ở giang hồ có thể dập tắt lửa.

KINH ÂM PHÓNG QUANG BÁT NHÃ QUYỂN 30

Khiêm khác nói là cung kính. Cổ văn nói là khỗ các.

Tự lâm nói là khác cung, cũng là kính, cung kính nhún nhường.

Khốc độc nói là cực kỳ độc nói là viết hai cách. Thuyết Văn nói là khốc cấp thậm, bạo ngược.

Bảo anh nói là bình báu dài cổ. Ư canh. Phương ngôn nói là phễu lâu cương anh. Từ cửa đông giữa Triệu Ngụy, nghĩa là anh cũng là Thông ngữ.

KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT ĐA QUYỂN 1

Huyền Ưng soạn.

Bà-già-bà nói là xưa dịch nói là có công đức lớn tên của chí thánh. Già nói là Bạt-già-phạm, Bạt-già đây dịch nói là Đức phạm, đây gọi tên Thành Tựu nghĩa chúng đức thành mãn. Bạt-già-phạm nói là còn một tên Tổng nghiệp chúng đức. không như vậy cho nên các đầu kinh đều đề tên này.

Na-già nói là Trung Hoa dịch nói là Long, Tượng gọi là đại lực, cho nên dụ vậy.

Tam-muội nói là hoặc Tam-ma-đề, Tam-ma-đế đều sai. Đúng nói là Tam-ma-địa. Trung Hoa dịch nói là Đăng trì đăng, chánh, chánh trì tâm nghĩa là giữ gìn các công đức, chánh định nghĩa là mặc tình là một cảnh và các tà loạn.

Hy vọng nói là Thuyết Văn nói là hư y viết thành,

hy vọng, giữa biển núi nghĩa là hy. Quảng Nhã nói là hiếm thấy. Vô phương. Thuyết Văn nói là đi ra ngoài nhìn lại. Chử lược thanh. Thuyết Văn nói là trắng tròn vọng nhìn mặt trời. Chử nguyệt chữ thần, nhậm; nhưng chữ này âm thể phần đông không biết được, cho nên chữ không thể giải thích được hai điều này.

Tâm hành nói là tâm vọng đi lên lút. Hạ canh viết thành nghĩa là ngao du. Kinh phóng quang nói là chỗ ý hướng đến. Kinh Quang Tán nói là sở thú sở hành. Đại luận hỏi nói là làm sao biết được tâm hành của chúng sanh Bồ-tát biết được chúng sanh đi khắp nơi trong chủng chủng ngũ báo. Kinh Duy-ma nói là khen biết được tâm qua lại của chúng sanh và tâm sở hành là một nghĩa này. Nay có người đọc hạ mãnh viết thành là sai.

Quái ngại nói là ngăn ngại nói là hoặc hồ quái. Tự thư nói là vãng ngại, ngại chỉ, giới hạn quá mức gọi là ngại.

Thích na nói là kinh Quang Tán nói là Bồ-tát La-lăng-ma-kiệt, Trung Hoa dịch nói là Bảo Tích. Kinh Duy-ma nói là khen đây là việc quý hóa. Kinh Phóng Quang Bảo Lai. Theo bản Phạm nói là Át Thích Đát Na Yết Bà, Trung Hoa nói là Bảo Đài hoặc Bảo Tạng đều là một nghĩa. Văn kinh viết không đúng.

Mãn tử nói là Tam thương nói là giải đồ, đây là chữ dư. Trong kinh nói là mãn lục, hoặc Văn Thù Sư Lợi, Mạn Thù Thi Lợi, dịch nói là Diệu Đức, Kinh Thủ. Xưa kinh Duy-ma Hán nói là Lục Thủ. Kinh Phóng Quang nói là ai nhã hàm đều sai. Chánh ngôn nói là Mạn Thù Thất Lợi, đây nói là Diệu Cát Tường. Trong kinh viết

nói là Bạc thủ, chữ cổ văn chữ nghi là sai. Đáp nói là nhi chu viết thành, nhưng kiểu chữ lẫn lộn nhiều người nghi ngờ.

Hệ niệm nói là buộc niệm nói là cổ văn nói là hai cách viết, nay cổ đế. Thuyết Văn nói là hệ kết thúc cũng là liên tiếp không ngừng lưỡng đoán nói là giậm hai chân nói là còn viết. Thuyết Văn nói là khinh đoán trường. Tam thương nói là bắt chân. Kinh văn nói là đỉnh quán viết, điệp túc, đoán không đúng.

Lưỡng bề nói là hai bắt đùi. Cổ văn viết. Thuyết Văn nói là cổ ngoại, người phương Bắc đi. Phương nhĩ viết thành, âm này đi Giang nam. Văn kinh chữ thường viết lục.

Nhục kế nói là cổ đế. Âm Phạm nói là Ôn-tâm-ni-la, đây nói là Kế tức là Vô thượng y. Kinh viết tai-sa đỉnh nổi lên xương tự nhiên thành búi tóc. Văn kinh nói là chữ viết không đúng.

Hy di nói là hớn hở vui hòa. Hy chi viết thành, dư chi. Thuyết Văn nói là hy di hòa duyệt. Phương ngôn nói là di hỷ, giữa Tương Đàm gọi là phân di hoặc hy di. Văn kinh nói là hư chi. Thuyết Văn nói là hỷ lạc. Thương Hiệt Thiên nói là tiểu, hỷ không đúng, nay sử dụng chữ hỷ.

Đắc dũ nói là được tốt. Cổ văn nói là giữ nhũ viết. Phương ngôn nói là sai gian dũ. Thuyết Văn nói là lành bệnh.

Điềm nhiên nói là thản nhiên. Đồ kiêm. Phương ngôn nói là điềm tĩnh, an ổn. Đại luận nói là đồ lẫm viết thành, cũng gọi là “an”, giải thích giống nhau. Văn kinh

nói là dư chi viết thành sai.

Bất nhiều nói là không quấy rầy. Tự lâm nói là nãi liễu. Tam thương nói là nhiều lộng. Thuyết Văn nói là nhiều hà, hà phiền, nghĩa là đùa giỡn làm phiền. Nhiều cũng là nảo, hà khả. Tân phân nói là rục rờ. Thất viết thành, phu vân. Quảng Nhã nói là tân phân thanh nhi.

A bề nói là Tự thư nói là bề hề. Trung Hoa dịch nói là Bất thời trụ thập trụ. Kinh nói là đệ thất trụ.

Cưu ma nói là gọi đúng là Cưu ma la sắc cứu ma la đây là tên chung của họ tám tuổi trở lên đến khi chưa kết hôn. Xưa gọi là Đồng tử Sắc Đa, xưa dịch là chân ngôn giống như chân địa, hoặc gọi là thật cũng là một nghĩa. Nay đáp là tướng gọi đồng tướng, thuận theo thế tục đồng phiêu bất địa trở lên Bồ-tát, hoặc hiệu khác là Pháp vương tử.

Số tri nói là sơn lâu viết thành, số kế, xem xét số này gọi là số.

Thieu thời nói là thiêu đúng lúc. Thị chiêu viết. Theo thiêu cũng là đốt, thiên nhiên là lửa thiêu đốt cho người.

KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT ĐA QUYỂN 2

Đạo mao nói là lúa và cỏ tranh. Đồ lão viết thành, mao bao. Đạo nghĩa là lúa có sâu. Kinh văn nói là vu giá nói là mía. Văn thường viết mía này xuất phát tại Kinh châu, hoặc viết nói là cam chá nhất vật.

Tắng ô nói là căm ghét. Ô cố. Lễ ký nói là ta xấu mà

dùng ta biết được tình hình. Ổ cũng như tắng. Thi nói là ổ vô lễ đều đúng.

KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT ĐA QUYỂN 3

Ma môn nói là sờ mó. Mạc bôn. Thinh loại nói là Môn mạc. Tự lâm nói là môn vô trì. Theo môn trì nghĩa là tay cầm vật, thế nên trong các kinh tay sờ mặt trời, mặt trăng.

- Quyển 4 - 6 không có âm để giải thích.

KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT ĐA QUYỂN 7

Mông muội nói là ngu muội. Tự thư nói là mạc công viết thành, mạc đối. Dịch nói là chữ nghĩa là che mờ không sáng. Quảng Nhã nói là muội là ám nghĩa là che mờ không biết. Nói khác hơn nghĩa là còn nhỏ mê mờ không có ngã và tâm.

KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT ĐA QUYỂN 8

Tuần thân nói là tuân theo thân. Tam thương cổ văn nói là tợ tuân. Nhĩ Nhã nói là tuần tự. Quách phác nói là tuần hành, cũng là biến, tuần lịch.

Thị chiêm nói là xem coi, đoán. Chi diệm. Phương ngôn nói là chiêm thị, chiêm cũng là hậu. Hễ vật gì có tướng sau đều gọi là chiêm cũng là chữ.

Tuyền sư nói là thợ con lặn. Tụ quyển. Thuyết Văn nói là tuyên viên lư. Thu Thanh Nan Tụ nói là hoàn nghĩa là dùng dây quay trục để xẻ gỗ làm đồ vật. Kinh văn viết chữ không đúng thể.

Vị phù nói là bông dạ dày. Phổ giao. Thương Hiệt giải thích nói là bông đá. Thuyết Văn nói là phù bàng. Văn kinh viết nói là bào, bào lý. Chữ không thể dùng vào đây.

Lệ nhục nói là cổ văn nói là lặc kè. Tam thương nói là nước mũi. Chu dị tê tư nói là nhục thể từ mắt gọi là nhục, từ mũi gọi là thể. Văn kinh nói là chữ đệ chữ nhục, nhục lệ chẳng phải nay chấp nhận.

Ngôn âm nói là nói về uống. Ư cảm viết thành, nghĩa là nước trong ngực. Kinh văn nói là viết âm.

Phương tan nói là mở. Phủ phàng. Quảng Nhã nói là phương tan chỉ. Văn thường viết yêu gọi là, vị gọi là tan.

Phù trưởng nói là sừng phù, phổ giang. Tỷ thương nói là bán trương phúc mãn. Chữ hoặc viết.

Thanh ứ nói là lông trong. Ư dự. Thuyết Văn nói là chứng ứ máu.

Thuyết Văn nói là nước đọng trong bùn cũng là lông cho trong.

Sài lang nói là kẻ xấu. Sĩ giai. Nhĩ Nhã nói là sài câu túc. Thương Hiệt Thiên huân cật nói là sói giống chó nhưng nanh vuốt màu trắng, có tài vồ cắn người.

Quắc liệt nói là quắp xé nát. Chữ viết đúng. Thuyết Văn nói là quắc trảo trì, quắc. Thương Hiệt Thiên nói là quắc bác. Hoài Nam Tử nói là chim cùng đường thì bắt cầm thú, thì vô lấy.

Lặc cốt nói là xương sườn. Lang đặc. Thuyết Văn nói là hiệp cốt cũng là xương sườn, thuộc chữ. Văn kinh nói là chữ viết là hàm sắt buộc ngựa.

Nhật bộc nói là phơi nắng. Yêm quyền. Tiểu Nhĩ Nhã nói là bộc sái còn gọi là phơi khô sương. Thuộc chữ nhật chữ xuáy chữ mễ chữ nô. Chữ viết thành nghĩa là hai tay dang lên.

Như bồi nói là sò hến quý. Bỏ cái. Thuyết Văn nói là sò ở biển, nghĩa là loài ốc quý, giới giáp.

La tự nói là lực giá.

Chữ khư nói là khâu thứ. Chữ nói là tài hà.

Ngoại dị nói là dĩ kích viết thành, gọi là không khó.

- *Quyển 9 - 11 không có âm để giải thích.*

KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT ĐA QUYỂN 12

Tan đầu nói là tiên an viết thành, tức là Thiên chủ, đây gọi là Chánh hỷ, có thuyết chánh tri tức Đầu-suất, đây gọi là Diệt trúc.

Vô ương nói là ư lương. tiếng Phạm nói là A-tăng-kỳ, Trung Hoa nói là vô ương số, ương tận. Văn kinh viết. Thuyết Văn nói là cảnh đất. Chữ không đúng với nghĩa này.

KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT ĐA
QUYỂN 13

Tỳ-đa-giá-la-ma nói là Trung Hoa dịch nói là Minh Hạnh Túc.

Ca bị nói là còn hai cách viết. Kinh vua A-xà-thế, Trung Hoa gọi nói là Thế Gian Giải. Thích sanh nói là mới sống. Tam thương cổ văn có hai cách viết. Quảng Nhã nói là thị thích, nghĩa là mới, cũng là thủ.

Khất hung nói là cổ lại. Thương Hiệt Thiên nói là hung khát hành thỉnh tâm. Văn thường viết nói là tâm nguyện gọi là hung, thể chữ nghĩa là người mất khuôn phép trong lòng.

KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT ĐA
QUYỂN 14

Cổ đạo nói là mê hoặc. Công hộ. Thỉnh loại nói là dục. Thuyết Văn nói là cồn trung trong bụng, nghĩa là vi trùng độc phát triển.

Khiển trách nói là khiên chiến. Thương Hiệt Thiên nói là khiên ha. Quảng Nhã nói là khiên nộ. Kinh văn nói là cật trách. Quảng Nhã nói là cật vắn. Mạnh cổ nói là mù. Cổ hộ. Không mất nghĩa là cổ. Giải thích tên nói là mất mù tự nhiên nhắm bình thường như xa trông.

KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT ĐA QUYỂN 15

Độc thích nói là bồ cập độc. Thức diệt. Tự lâm nói là sinh vật có nọc độc lan khắp, quan tây hành âm này hô cách viết thành, âm này Sơn đông hành nói là tri liệt. Nam bắc gọi chung, âm sai.

Hồng phiêu nói là lụa hồng. Thất thiêu viết thành nghĩa là trời xanh, như lụa, màu trắng, xanh, ngọc, xanh biếc. Còn trời xanh, xanh biếc đều dùng màu này giống nhau.

- Từ quyển 16 - 18, ba quyển này không âm giải thích.

KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT ĐA QUYỂN 19

Bất ô nói là không như. Ô cố. Tự lâm nói là ô ướ. Tự thư nói là ô đồ.

Thích danh nói là ô ô, như nước bản không lưu thông.

Suy mao nói là già yếu. Tự thể viết. Thuyết Văn nói là suy giảm.

Lễ ký nói là tuổi 50 mới gọi suy suy. Chữ có hai kiểu, nay cổ văn.

Lễ ký nói là 80 là mao, chú nói là mao nghĩa là lẫn, quên, cũng là loạn.

KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT ĐA

QUYỂN 20

Phóng mục nói là thả trâu. Mạc lục. Tam thương nói là mục dưỡng. Phương ngôn nói là mục. Quách phác nói là nghĩa là chăn nuôi trâu ngựa. Hán thư Công Tôn Hoảng nói là nuôi heo thì gọi là “mục” đó là gọi chung nuôi dưỡng súc vật, chẳng phải chỉ nuôi trâu ngựa.

Trợ hoại nói là bại hoại. Tài dữ. Thương Hiệt Thiên nói là trợ tiệm bại hoại. Thi nói là ngày nào bại hoại. Truyện nói là bại hoại. Văn kinh sử nói là trắc lữ viết thành, phi, nhục cơ, cũng là đồ để đựng rượu. Chữ không đúng với nghĩa.

Yên khiên nói là cư miễn, kỷ yên, cự yên. Tả truyện nói là hiên ngang ngạo mạn. Quảng Nhã nói là yên khiên yêu kiều, nghĩa là còn nhỏ tự cao tự đại. Thích danh nói là yển nghỉ nhưng nằm không làm việc, yển ba khiên, bệnh không thể làm việc, nay mượn giống như đây. Cơ tiểu. Văn kinh chữ viết sai.

Ngạo mạn nói là ngũ đảo viết thành nghĩa là không cung kính.

Quảng Nhã nói là ngạo dị, nghĩa là khinh dị, mạn, chữ nhân.

Tự vị nói là mùi vị, vị ngon. Cổ văn hai cách viết, tư ích, nhuận.

Văn kinh chữ viết. Thuyết Văn nói là tư tha.

Quỹ tắc nói là tiêu chuẩn. Tập quý. Thi nói là Quỹ còn gọi là truyền, là quỹ độ, nghĩa là độ lường đúng.

KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT ĐA QUYỂN 21

Đản tam nói là đồ đàn. Thỉnh loại nói là đản, luống suông.

Hựu trợ nói là giúp đỡ. Cổ văn hai cách viết. Chu Dịch nói là Sự giúp đỡ của trời. Khổng Tử nói là hựu cũng là trợ, trời giúp đỡ.

- *Quyển 22 - 23 không có âm giải thích.*

KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT ĐA QUYỂN 24

Hữu sĩ nói là có cánh. Cổ văn viết hai cách. Thuyết Văn nói là cánh chim.

Bị phục nói là bì kỳ viết thành, nghĩa là bao chắn màn, nghĩa là quần áo sử dụng.

KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT ĐA QUYỂN 25

Đường thọ nói là chịu sự hoang đường. Đồ lang viết thành, đường đồ là rỗng không.

Lăng dịch nói là xâm phạm. Lực tăng. Tam thương nói là lăng là xâm lăng, thuộc chữ băng. Chữ hoặc viết, nay viết. Thuyết Văn nói là dị khinh. Thương Hiệt Thiên nói là dị mạn.

Lỗ lược nói là bắt tù binh. Cổ văn nói là lỗ cổ viết,

lực trước. Lỗ hoạch, phục, chiến thắng và bắt được tù binh, nghĩa là cướp đoạt. Phương vu viết thành, nghĩa là quân bắt được.

KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT ĐA QUYỂN 26

Kinh phu nói là người hùng mạnh. Kinh thịnh. Thuyết Văn nói là kinh cường. Tự thể nói là chữ lực thanh kinh.

Khổng cứ nói là sợ hãi. Cự thứ viết thành, cự úy cự cũng là cấp.

KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT ĐA QUYỂN 27

Cấp kỳ nói là thủ cấp của giặc. Lý lập. Lễ ký nói là cấp là thứ bậc. Tả truyện nói là cực nhọc được ban thưởng, tăng thêm cấp bậc, còn gọi chặt hai mươi ba thủ cấp. Theo Sư Lữ chặt đầu một người thì được ban thưởng tăng thêm một cấp, nhân đây gọi đầu giặc là cấp.

Giác dĩ nói là đã tỉnh thức, nghĩa là giác ngộ, sau khi ngủ dậy. Thương Hiệt Thiên nói là giác có khi gọi là ngộ. Thuyết Văn viết cách hai, gần với chữ thường viết.

Thị thị nói là nương tựa. Hàn thi nói là không có mẹ biết nương vào đâu. Thị cũng là lại.

Hội thị nói là ồn náo. Công đôi viết thành, nữ hào. Thuyết Văn nói là hội loạn. Vận tập nói là náo ôi, nhiều

người quấy nhiễu. Chữ náo thuộc chữ nhân. Văn kinh chữ thường viết.

- *Quyển 28 không âm giải thích.*

KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT ĐA QUYỂN 29

Oán thù nói là thị du viết thành, thù đối. Nhĩ Nhã nói là cừu thù thất. Xuân thu nói là oán hận gặp nhau là thù.

KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT ĐA QUYỂN 30

Giá tứ nói là xe ngựa. Tương nhị. Thuyết Văn nói là tứ nhất thừa. Mục thiên từ truyện nói là dâng một con ngựa hay bằng mười ngựa. Quách phác nói là bốn con mã tứ nghĩa là bốn mươi con.

- *Quyển 31 - 33 không âm giải thích.*

KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT ĐA QUYỂN 34

Bào thai nói là bỏ giao. Thuyết Văn nói là em bé sống trong bọc gọi là bào.

KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT ĐA

QUYỂN 35

Liễm đề nói là đáp hộp. Nay lực chiêm. Thương Hiệt Thiên nói là đồ đựng kiến gọi là “liễm” nghĩa là đáp vuông.

Văn nhuế nói là muỗi và ve. Nhi thuế. Muỗi nhỏ gọi là nhuế. Thuyết Văn nói là người nước Tần gọi là nhuế, người nước Sở gọi là văn. Văn thường viết nói là con ngọ nguậy hóa thành muỗi. Muỗi nhỏ gọi là nhuế quyen.

Cám lưu nói là lưu ly màu tím. Cổ am viết thành, màu xanh, đỏ. Thích danh nói là cám hàm, nghĩa là màu xanh bao hàm cả màu đỏ. Luân đoá nói là đỉnh quả. Nay chịu nghĩa này. Văn kinh chữ, viết không đúng.

Kiên trước nói là vững chắc. Trì lược. Tự thư nói là kiên nghĩa là kiên lao, trước là tướng phụ trước.

Ủy đà nói là uốn khúc, còn viết nói là ủy di. Đồ hà. Quảng Nhã nói là ủy tha ảo tà. Thi truyện nói là bình dị. Hàn thi nói là đẹp của đức gọi là ủy mị. Ô qua.

Bất náo nói là không làm cản trở. Nảo bao. Thuyết Văn nói là náo nhiễu. Quảng Nhã nói là náo loạn, chữ mộc.

KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT ĐA QUYỂN 36

Hào lý nói là mảy tơ. Hồ cao. Cổ văn viết hai kiểu, nay lực chi. Hán thư nói là không để lỗ một li. Mạnh khang chú nói là hào thố hào, mười cái 110 gọi là một

ly. Nay đều viết cũng thông dụng như chữ xưa, nhưng không thông dụng, chẳng phải tự thể.

Lư quán nói là quán trọ. Lục cư viết thành, tên khác của xá. Thích danh nói là ở trọ gọi là lư. Căn cứ theo hoàng đế “lư” là để tránh mưa, nắng, xuân, thu, đến đông hạ, cho nên gọi là ký chỉ. Cổ ngoan viết thành, nhà khách. Chu lễ nói là năm mươi dặm có một quán, quán phải dự trữ để đãi triều sính. Tự thể nói là chữ thực thanh quan. Nay thường viết quán. Kinh văn viết nói là quán thành môn song quyết. Chữ không phải nghĩa.

Dĩ lạc nói là vui vẻ. Lục các viết thành nghĩa là hoan duyệt. Văn dưới niềm vui Phật và chúng tăng vui với nhiều người, âm đọc đều giống nhau.

- *Quyển 37 - 38 không âm giải thích.*

KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT ĐA QUYỂN 39

Túng quảng nói là dọc và ngang. Túc dung. Tiểu Nhĩ Nhã nói là cầu túng trường, quảng khoáng. Thi nói là ngang dọc là một mẫu. Hàn thi truyện nói là Nam bắc gọi là túng, đông tây gọi là ngang. Chu lễ nói là khu vực chín châu là số của Quảng luân. Trịnh huyền nói là luân túng. Quảng là rộng.

Giải hạng nói là đường làng. Cổ giai. Thuyết Văn nói là đường thông nhau ngã tư. Hồ giáng. Tam thương nói là giai giao đạo, đường trong làng.

Liên miên nói là cổ văn nói là lục tiền. Quảng Nhã

nói là liên tục, hợp, miên cũng là liên, nghĩa là liên tục không ngừng. Hai lỗ tai ngay bên má, nhiều dây tơ nối nhau không ngừng.

Tương họa nói là cùng nhau họa. Hồ ngọa viết thành, tương ung. Thi nói là ông Mâu Hòa xướng. Chu dịch nói là nhận kêu dưới bóng râm.

Đích vô nói là không phải chính. Đô lịch viết thành, nghĩa là chủ đích mai cô nói là ngọc đỏ. Tụ lâm nói là mạc hồi viết thành, hồ khô viết thành, ngọc đá, tròn đẹp là ngọc thứ. Thuyết Văn nói là hỏa tề châu. Thuyết Văn nói là đá đẹp gọi là mai, đẹp tròn gọi là cô. Văn kinh viết không đúng.

Uyển diên nói là vành treo mũ. Nhất viên. Chữ Tam thương nói là dĩ diên viết thành, tương truyền là đệm trái giường, chưa biết nói ở đâu.

Nhàn nhục nói là đệm xe. Ư nhân. Thuyết Văn nói là chiều dày trong xe. Thích danh nói là nệm ngồi trong xe, làm bằng da ép có hoa văn ở dưới liên kết nhau. Nhi dục. Tam thương nói là nhục tiên vi đại nói là mang túi thơm. Âm vi. Thương Hiệt Thiên nói là vi khiêm, cũng là khăn. Văn kinh viết. Tụ lâm nói là ở bên cạnh gọi là duy, nghĩa là màn lụa che một bên. Thích danh nói là màn bao quanh, nghĩa là tụ che xung quanh.

Trù trưởng nói là Buồn rầu. Sắc chu viết thành, sắc lượng. Thuyết Văn nói là buồn rầu mất ý chí, cũng là bi sầu.

KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT ĐA QUYỂN 40

Từ thiên nói là cúng tế trời. Tợ tư viết thành, từ tế. Nhĩ Nhã nói là mùa xuân cũng gọi là “từ”. Tôn nhị nói là từ thực.

Bách thừa nói là trăm xe. Cổ văn viết hai cách. Quảng Nhã nói là thừa giá. Tam thương nói là thừa tải. Chu lễ nói là tứ mã làm xe, kiểu này gọi là một xe, số này gọi là “thừa”.

Kiều tân nói là cầu. Tử lân. Luận ngữ tử lộ vấn tân trịnh huyền nói là tân nghĩa là nơi cứu qua sông.

Kim điệp nói là công văn khắc trên đồng. Đồ hiệp viết thành, giản điệp. Thuyết Văn nói là điệp loan. Tiêu phẩm kinh chữ viết.

Ngu lạc nói là giải trí, vui chơi. Tự cổ cổ văn nói là ngu nay ngu câu. lực các. Tự lâm nói là ngu cũng là lạc. Bạch Hổ Thông nói là ngu lạc gọi là thiên hạ, dân đều có niềm vui. Thích danh nói là ngu lạc là nhạc của thần hoàn.

Hữu côn nói là que, gậy. Cô bản viết thành, nghĩa là uốn dây đàn. Nay gọi khai là côn tử.

Kê lưu nói là dừng lại. Cô khô. Thuyết Văn nói là kê lưu chỉ. Nhĩ thất nói là lưu cửu.

Lai bộn nói là tro bụi. Am độ. Văn thường viết nói là đất bột gọi là bộn. Thuyết Văn nói là bộn trần.

Di trất nói là di trất da ni tử, hoặc viết nói là Phú lâu na di đa la ni tử, gọi đúng nói là La noa mai đề lê dạ, Trung Hoa nói là từ là họ của mẹ Ngải, Phú đa là là tử

đều là họ mẹ là tên, cho nên Trung Hoa nói là Mãn Từ Tử, hoặc dịch nói là Mãn Nguyên tử đều là một nghĩa, cùng ngày sanh với Phật.

KINH QUANG TÁN BÁT-NHÃ QUYỂN 1

Huyền Ứng soạn.

Độ vô cực nói là hoặc gọi là Đáo bỉ ngạn đều một nghĩa. tiếng Phạm nói là Ba-la-mật-đa.

Bất kiêu nói là không gặp may. Cổ nhiều viết. Hán thư Tấn ước nói là kiêu ngộ, kiêu cũng là ký tâm.

Cai kiếp nói là vạn vạn kiếp. Cổ văn viết hai cách. Nay cổ tài viết thành nói là tên số. Theo phong tục mười ức là triệu, mười triệu gọi là kinh, mười kinh gọi là cai, cai cũng là số lớn.

Phó sức nói là trang điểm. Vạn vụ viết thành, phó cũng là đồ phụ.

Bôi thuốc bôi trắng đều đúng.

Phù dung nói là phụ câu viết thành, du trung. Thuyết Văn nói là hoa phù cự, khi chưa nở hoa là hoa hàm đàm.

Phân ba nói là hoa nhiều. Phổ ba viết thành, nhiều đẹp, hoa văn rực rỡ.

Phiêu dương nói là thổi phát phối. Dư thượng viết thành, nghĩa là gió bay.

Hoảng dục nói là chiếu sáng nói là du cúc. Thuyết Văn nói là hoảng minh, dục diệu. Bia thương nói là chói sáng rực rỡ.

Bát du hành nói là còn viết du hành, đạo hành, hoặc

trực hành, bát trực hành cũng gọi là Bát chánh đạo, chánh đạo nghĩa này là một.

Tiệm tiệm nói là dần dần. Tài nhận viết thành, tiệm tiệm cũng như sảo sảo. Văn kinh nói là tiệm tiệm sai.

Lý miệt nói là giày vớ. Cổ văn nói là hoặc viết, tức y. Văn kinh chữ viết, đan bị, ba, không đúng với nghĩa chữ.

Nghiên tận nói là một loại cỏ. Tài hằng. Tự lâm nói là tên cỏ, gốc cỏ gọi là cỏ tận có thể nhuộm lưu huỳnh thành màu vàng chói, sống ở đất Thục.

Chi nghị nói là Tự cô cổ văn nói là nghị. Nay nghị kỳ. Lễ ký nói là nghị là, lúc nhàn rồi làm bạn nhau, nghị cũng là thiện.

KINH QUANG TÁN BÁT-NHÃ QUYÊN 2

Bần quỹ nói là nghèo thiếu thốn. Cự quỹ. Trịnh huyền chú lễ nói là quỹ cũng là pháp. Mao thi truyện nói là quỹ kiệt.

Tung cao nói là núi cao. Tư lung. Nhĩ Nhã nói là núi lớn nhưng cao gọi là tung, nay Trung Nhạc Tung Cao đều nương vào tên này.

Kỳ hành nói là bò ngoằn ngoèo. Cự chi viết thành, nghĩa là côn trùng bò. Chu thư nói là kỳ hanh suyền tức.

Quyên phi nói là sâu ăn lúa. Nhất tuyền. Tự lâm nói là trùng nhi, động, hoặc viết huyền. Cổ văn nói là hô tuyền viết thành, phi nhi. Chữ nói là cổ thư nói là phi đều viết. Phi nghĩa là phi dương. Theo Hán thư chú nói là

tháng giêng Đại tước với chim gáy bay về năm màu, sau tháng hai bay qua trì dương.

Hoảng hốt nói là hô hoảng viết thành, hư vãng viết thành nghĩa là thấy hư vọng, chỉ mơ hồ mập mờ dường như có mà không. Hàn thư âm nghĩa nói là mắt thấy lơ mờ.

Lưỡng tần nói là hai xương bánh chè. Tần nhĩn. Thuyết Văn nói là tần tất cốt. Thương Hiệt Thiên nói là tất cái.

KINH QUANG TÁN BÁT-NHÃ QUYỂN 3

Tứ hung nói là bốn điều xấu. Hứa cung. Kinh Phóng Quang nói là Tứ kết cũng là tứ phục, nghĩa là muốn ăn sân giận bị giới kiến thủ bó buộc thân. Hán Thư Vương Mãn truyện nói là vì xưa hành đều là. Hoàng hoảng nói là hô quang viết thành nghĩa là thấy lơ mờ, hoang đường. Quảng Nhã nói là hoàng cụ, cứ. Thương Hiệt Thiên nói là hoàng khủng cũng là trong tâm lo sợ.

KINH QUANG TÁN BÁT-NHÃ QUYỂN 4

Môn khỗn nói là cổng thành ngoài. Khỗn bồn. Trịnh huyền chú lễ nói là khỗn môn hạn. Thuyết Văn nói là môn khuyết.

Bất thuấn nói là không nháy. Liệt tử viết. Văn thường viết thi nhuận viết. Phục kiến nói là động. Thuyết Văn nói là mắt luôn nhắm mở dao động.

Ác sư nói là thầy xấu. Ư lặc viết thành lỗi xấu, đã làm điều không lành. Văn kinh chữ viết, chữ viết đều không đúng.

KINH QUANG TÁN BÁT-NHÃ QUYỂN 5

Lê uế nói là cây lê, cỏ đại. Lực di. Phương ngôn nói là màu giống đông lê. Đại phẩm kinh nói là thanh tượng hoai tượng.

Khôi đại nói là rộng lớn. Hoặc khổ hồi viết. Thương Hiệt giải cô nói là khôi cũng là đại.

Tam bát chí nói là hoặc am mặc. Tiên gọi là phát thú.

- *Quyển 6 không âm*

KINH QUANG TÁN BÁT-NHÃ QUYỂN 7

Đầu cô nói là đầu sọ, hoặc lực hồ viết thành, não cái. Văn kinh nói là lư cư viết thành, phúc lư, bì, lư không đúng với nghĩa này.

Tra chi nói là trúc gia. Trung kinh chữ viết thành không đúng, đình tá viết thành, thả hà viết thành không đúng.

Yên tọa nói là ngồi nghỉ. Còn viết. kinh khắc trên đá bằng văn cổ nói là nhất kiến. Thuyết Văn nói là yên an, nghĩa là nghỉ ngơi.

- *Quyển 8 - 9 trước không âm.*

KINH QUANG TÁN BÁT-NHÃ QUYỂN 10

Trù thất nói là trừ lưu. Sớ từ nói là ai có thể cùng ta chừ. Thất trừ vương dật nói là hai người là “thất”, bốn người là trừ, trừ cũng là loại. Nay viết.

Ngũ tuần nói là hoặc viết Bát giá tuần tức là ngũ thần thông. Theo A-lan-nhã Thế Vương Nữ A Thuật Đạt kinh nói là đều được ngũ tuần. Ngũ thần Đại Phẩm Đăng kinh nói là Ngũ thần thông đều giống nhau.

Phước thị nói là Nhất đẳng thư chân dư kinh nói là gia Tu-đà-hoàn mạng chung.

- Từ quyển 11 - 15 không có chữ để đoán âm nghĩa giải thích.

BÁT NHÃ SAO PHẨM TRƯỜNG AN QUYỂN 1

Dĩ sách nói là dứt hết. Sở cách. Thương Hiệt giải cô nói là sách tận. Kinh viết sai.

- Quyển 2 - 3 không âm giải thích.

BÁT NHÃ SAO QUYỂN 4

Vô tảo nói là không sớm. Âm nghĩa giống như tảo của sớm muộn.

Chữ cổ thông dụng như lễ ký nói là Không Tử làm sớm.

Ba ma viết nói là đề tử thiên.

Hàng già nói là cổ nha viết thành, hoặc viết hàng viết đề. tiếng Phạm chuyển sai.

BÁT NHÃ SAO QUYỀN 5

Khiếp khổ nói là thỏa mãn. Khổ đàm viết thành, khiếp yêm túc, khoái.

Bất xí nói là không chỉ. Thí cổ. Thương Hiệt Thiên nói là không chỉ nhiều.

KINH ĐẠO HẠNH BÁT-NHÃ QUYỀN 1

Hô dự nói là chao ôi. Hứa vu. Thuyết Văn nói là kinh ngữ. Quảng Nhã nói là tiếng kêu. Hu cũng là từ nghi ngờ, ngạc nhiên. Văn kinh nói là thuyết dự.

Bân kỳ văn đà phát nói là Bì bân viết thành, hoặc gọi Phú lâu na di đà ni tử.

Biên bức nói là biên giới. Bồ cú. Bức cũng là biên tế, nghĩa là biên bạn.

Vô đề nói là không đáy. Đô lễ viết thành cũng là vô biên, vô biên cũng là vô hạn. Văn kinh viết lẫn lộn không đúng.

KINH ĐẠO HẠNH BÁT-NHÃ QUYỂN 2

Nhân đề nói là trực thi viết thành, hoặc gọi nhân đề, hoặc là nhân-đà-la. Dịch đúng là Thiên chủ dùng thay tên “đề”, cho nên trong kinh gọi Thiên chủ hoặc Thiên đế đều là địa vị gọi tên Ngài.

Ba-la-na-đề thiên nói là kinh Tân Đạo hạnh nói là Tự tại thiên cũng là Phạm thiên.

Y-sa thiên nói là đây gọi chúng sanh chủ Na-đề-càn thiên, đây gọi nói là Thiên nữ.

A-hội-nghi-tu thiên. Trường An phẩm nói là A-ba hằng-sa thiên tức là Quang Âm. Trong kinh chữ thuộc chữ nên viết không đúng.

Tích ôi nói là khúc quanh vắng vẻ. Thất diệc viết thành, tích tà tích, cũng là tỉ. Trong kinh viết nói là tỉ tí khứ. Ô khôi viết thành, nghĩa là nơi ẩn khuất. Trong kinh viết. Khóc còn tiếng. Chữ không đúng nghĩa này.

Phạm ma tam bát thiên nói là đây gọi là Thiên chủ. Kinh Tân Đạo Hạnh nói là Phạm Thiên vương.

Tát Hòa Tát nói là đây gọi là hữu tình cũng là chúng sanh, cũng là Tát Bà Tát Đỏa Tát Giá Tuân nói là Bát giá đây gọi ngũ cũng là Ngũ thần thông. Trong kinh viết nói là Ngũ tuân.

Hạp thiên nói là Ô hợp. Tấn nói là Hữu quang thiên là Sơ thiên trong đệ Nhị thiên, cũng gọi Thiểu quang thiên dùng ít ánh sáng. Hạp Ba Ma Na Tấn gọi vô lượng quang thiên tức là đệ Nhị thiên trong Nhị thiên, từ trước

ánh sáng chuyển thăng chuyển diệu. Trong các kinh nói là A Ba Ma Ba Ma Na Thiên, cũng là A Bát La Ma Na Ba Bát Lê Đà Bà.

Tu đài thiên nói là Tam thương nói là đế. Quách huân cổ văn nói là chữ kỳ, cổ văn chữ thệ. Hán thư nói là vi chiêu. Theo Trung Ấm kinh nói là tu đới thiên, hoặc viết Tu đài thiên cũng là Thiện kiến thiên, có sức định chướng thừa dần, thấy thật thông suốt cho nên gọi là Thiên quan. Lâu Bách kinh nói là Tư đề thiên. Tu đạt lợi xá ma đây gọi là Thiện quan thiên. Đinh kế viết thành, đế y. Theo phong tục họ cũng là họ hàng. Văn kinh thuộc chữ, viết nói là âm đọc vũ không đúng.

Chi dịch nói là dĩ thạch viết thành tương tự. Dịch cũng là điệp, đây là tiếng nước ngoài sai. Trường An phẩm viết chi dịch Bát-nhã.

KINH ĐẠO HẠNH BÁT-NHÃ QUYỂN 3

Hiệp tập nói là quen lời. Cổ văn nói là hiệp thư, hoặc hồ giáp. Khổng chú thượng thư nói là hiệp cận, hiệp dị nghĩa là dễ. Văn kinh chữ viết không đúng.

- *Quyển 4 không âm giải thích.*

KINH ĐẠO HẠNH BÁT-NHÃ QUYỂN 5

Chí tầu nói là tầu lên. Tử lậu. Tầu tiến, làm. Minh độ kinh nói là tam nhất kiếp nói là một kiếp. tiếng Phạm kiếp ba, Trung Hoa dịch thời tiết khác. Văn kinh Tử điệp

viết thành, ở đây gọi sai.

Nhược tường nói là tài dương viết thành, trụ. Quan trung nói là tường can.

Mẫn niệm nói là nhớ thương. Chữ giải thích văn cổ nói là mẫn, nay mi vẫn viết thành, mẫn lân.

KINH ĐẠO HẠNH BÁT-NHÃ QUYỂN 6

Bùi phục nói là Am lai viết thành đây gọi sai, cũng là bị phục nói là áo khoác, đai áo ca-sa. Văn kinh chữ viết.

Quý nam nói là dối trá. Cư hủy viết. Thuyết Văn nói là nguy biến trá, nghĩa là biến dị, trá vọng. Văn kinh chữ viết không đúng. Chữ còn viết. Tam thương nói là nặc tử, nữ lộng, nảo.

KINH ĐẠO HẠNH BÁT-NHÃ QUYỂN 7

Dũng hạn nói là bà đàn. Thương Hiệt Thiên nói là hạn kiệt. Thuyết Văn nói là hạn dũng, có sức, thuộc chữ. Vi xá đa là nói là Đại phẩm kinh là cha mẹ.

- *Quyển 8 không âm giải thích.*

KINH ĐẠO HẠNH BÁT-NHÃ QUYỂN 9

Kiên đà ha trú Bồ-tát nói là Tân Đạo Hạnh Bồ-tát Hương Tượng.

Đề man nói là lụa trơn màu vàng hơi đỏ. Đà lễ. Thuyết Văn nói là lụa màu vàng đỏ tức là màu nguyên. Nhĩ thất nói là nhộn lại nghĩa là nguyên. Thuyên quyền.

Tự huyển nói là tự khoe khoang khoác lác. Cổ văn hai cách viết.

Quảng Nhã nói là huyển tư.

Kiên-đà-việt quốc nói là hoặc viết kiên. Đáp nói là Kiên-đà-bà-na, đây dịch là Hương lâm. Minh độ kinh nói là Hương tịnh quốc. A-xà-thế nữ kinh nói là Hương khiết, có thuyết Hương phong đều được.

KINH ĐẠO HẠNH BÁT-NHÃ QUYỂN 10

Hoàn kiện nói là khỏe mạnh. Hồ quan. Thuyết Văn nói là hoàng kim, hoàn cũng như bảo thủ.

Trữ thủy nói là chứa nước. Trục ư viết thành, trữ trữ. Thuyết Văn nói là trữ đãi. Đãi cũng là bị, nghĩa là chứa vật dùng đầy đủ. Bị gọi là trữ.

Mạn thù nhan hoa nói là còn gọi là Mạn-thù-sa, đây dịch nói là hoa lam.

Cưu hoàn nói là các kinh viết cưu hoàn, cưu hoàn đều sai với tiếng Phạm, đây dịch là đại thân.

Võ chúc nói là vũ cân viết thành, chi dục viết thành không hình, việc của quỷ thần là vu tế. Chủ tán từ nói là chúc. Thuyết Văn nói là ở người nữ gọi là vu, đối với người nam là hung.

Phản dị nói là còn sót lại, dư quý. Nhĩ thất nói là di di. Di cũng là tặng, thêm.

Hữu viên nói là cổ văn quan thư có hai chữ đồng với thể phù cưu, nghĩa là dùi trống. Thuyết Văn nói là viên kích cổ bính.

Phu phu nói là vô về. Phương chủ viết thành, phu vũ. Phủ cũng là phách. Phu trì, án, còn tức. Thích danh nói là phủ phu, xoa tay để đánh.

KINH TIỂU PHẨM BÁT-NHÃ QUYỂN 3

Huyền Cơ soạn.

- *Quyển 1, 2 không có chữ để đoán âm nghĩa giải thích*

Tao phách nói là bã rượu, cặn bã. Lưu văn viết, không có rượu đục. Phổ các. Hoài Nam Tử nói là cặn bã của người xưa. Hứa Thúc Trọng nói là bã rượu có cặn, rượu đục. Cặn bã gọi là phách. Tứ lễ.

Viên lâm nói là tường rừng. Vu phiên viết thành, viên là xung quanh bốn vách tường. Thích danh nói là viên viên. Người đã có chỗ nương tựa cho là viên vệ.

Quyển 4, 5 không âm giải thích.

KINH TIỂU PHẨM BÁT NHÃ QUYỂN 6-7

Giám sát ngại nói là bị giám sát. Cổ văn nói là công sam. Phương ngôn nói là giám sát, nói phụ nữ có Tam giám ngũ ngại.

Chí đôn nói là thất bại tại chỗ. Trắc lợi viết thành,

nghĩa là bị trắ¹ trở. Quảng Nhã nói là bị chà đạ², đạ³ chân giã⁴ tay.

Tướng trụ nói là trương chủ viết thành, nghĩa là cảnh chính.

KINH TIỂU PHẨM BÁT NHÃ QUYỂN 8

Ca thi nói là còn viết ca thi. Đây dịch là quang có nghĩa là quan trạ⁵ch.

Sang ban nói là vết sẹo. Bạc hàng. Thương Hiệt Thiên nói là ban sang. Văn kinh viết ban không đúng thể.

Kim điệ⁶p nói là đồng vàng. Dư nhiế⁷p viết thành nói là vàng mỗ⁸ng. Đại phẩm kinh viết nói là kim điệ⁹p đúng không sai.

- *Quyển 9, 10 không có chữ để đoá¹⁰n âm nghĩa giải thích*

* *Sáu bộ kinh trên tổng cộng 110 quyển. Quyển này âm do ngài Huyền Ư¹¹ng soạn.*



NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Sa-môn Huệ Lâm soạn.

QUYỀN 10

Kinh Âm Thắng Thiên Vương Bát-nhã bảy quyền.

Kinh Lục Thủ Bồ-tát Phân Vệ hai quyền.

Kinh Đại Minh Độ Vô Cực bốn quyền.

Kinh Văn Thù Sở thuyết Bát-nhã hai quyền.

Kinh Văn Thù Bát-nhã một quyền - dịch quyền hai.

Kinh Nhân Vương Bát-nhã hai quyền.

Kinh Tân Dịch Nhân Vương hai quyền - Đại Quảng Trí.

Kinh Nhân Vương Hộ Quốc Kết Đàn một quyền.

Kinh Kim Cang Bát-nhã một quyền - La-thập.

Kinh Kim Cang Bát-nhã một quyền - Lưu-chi.

Kinh Kim Cang Bát-nhã một quyền - Chân Đế.

Kinh Năng Kim Cang một quyền - Nghĩa Tịnh.

Kinh Thật Tướng Bát-nhã một quyền.

Kinh Lý Thú Bát-nhã một quyền - Kim Cang trí dịch.

Kinh Đại Lạc Lý Thú một quyền - Đại Quảng Trí dịch.

Kinh Đại Minh Chú một quyền - Dịch trước Bát-nhã tâm.

Kinh Bát-nhã Tâm một quyển - La-thập.

Kinh Bát-nhã Tâm một quyển - Khắc Tân Tân dịch.

Kinh Hữu Thập Cửu ba mươi hai quyển giống nhau âm quyển này.

KINH ÂM THẮNG THIÊN VƯƠNG BÁT-NHÃ QUYỂN 1

Huyền Ứng soạn âm.

Mi đề nói là còn viết hai cách.

Trị tập nói là chữa, tu bổ lại. Xâm lập. Che lợp lại gọi là “tập”.

Tập cũng là bổ trị, luy, thêm. Thuộc chữ thảo thanh tập.

Huyền não nói là Âm ỉ. Nãi bao, nãi giáo. Thuyết Văn nói là não nhiễu. Quảng Nhã nói là não loạn.

Tam khiên nói là văn cổ viết hai kiểu. Triện viết nay viết. Thuyết Văn nói là khiến quá, thất.

Như sao nói là Sơn trảo. Bì thương nói là sao cũng như mâu. Văn kinh thường viết sóc.

Như xung nói là sung dung. Quảng thương nói là giáo ngắn, hoặc viết thích.

Phần nhuế nói là sân giận. Phu nhân. Thuyết Văn nói là phần muộn, muộn phiền, khí đầy giận dữ, tình cảm xáo động.

Phú trảo nói là cái ụp cá. Trắc giáo viết, lòng bắt cá gọi trảo, nay lấy nghĩa này.

Thúc hốt nói là thoáng chốc. Còn viết hai cách, thoáng qua thật nhanh.

Viên khảm nói là hăm hồ. Khổ cảm viết. Bi thương nói là khảm cũng như viên.

Phu khái nói là mở rộng. Còn viết. Không chú thượng thư cho rằng văn cổ nói là Khổ lễ. Thuyết Văn nói là khái khai.

Hoài cảm nói là hồi hận. Hồ cảm. Luận ngữ nói là cùng chịu khó khăn nhưng không hồi hận. Không An Quốc nói là Cảm hận.

Tê hát nói là gào hét. Tiên kê còn viết, ất giới viết. Phương ngôn nói là tê cái đài. Sở gọi tê. Tăng tán nói là cái. Bi thương nói là tiếng hét vang. Thuyết Văn nói là than đau khổ. Quảng Nhã nói là tiếng u buồn.

Khi vũ nói là khinh lờn. Cổ văn nói là vong bỏ. Vũ cũng như khinh mạn.

KINH ÂM THẮNG THIÊN VƯƠNG BÁT-NHÃ QUYỂN 2

Triêm lục nói là thâm ướt đất. Trí liên. Quảng Nhã nói là triêm ti, lục thấp.

Tư tài nói là tiền chuộc. Tử di. Thuyết Văn nói là tư hóa tư tài. Văn kinh nói là tư kỳ. Thuyết Văn nói là tiểu phạt đem tiền chuộc gọi là “ti” văn thường viết nói là bình thường đem tiền hối lộ gọi là “ti”. Căn cứ theo ty cũng đồng với nghĩa tư.

Tinh tao nói là khai và tanh. Tiên đình viết thành, tang đao viết thành, mùi hôi và tanh. Văn thông thường nói là cá hôi gọi là tinh thú hôi gọi là tao.

Cô tửu nói là mua rượu. Công hồ. Thuyết Văn nói là nại tửu. Văn kinh nói là cô thủy.

Bác dịch nói là đánh cờ vây. Cổ văn nói là bỏ mạc. Phương ngôn nói là bác, hoặc gọi là kỳ. Dư thạch. Tề lỗ đánh cờ vây gọi là dịch.

Lê ách nói là ách cày nói là ư cách còn viết thành, nghĩa là cang xe đặt ngay cổ trâu.

Quán tửu nói là chậu rượu. Công mẫn. Thuyết Văn nói là chậu rửa tay. Bể vật rửa bằng rượu đều gọi là quán.

Hãn nói là ít. Hô hạn viết thành, hiếm có nghĩa là ít thừa. Thuộc chữ võng thanh can.

Bí lạc nói là ghìm dây cương ngựa. Bi quý. Tụ thư nói là mã mi, do đó lúc nhàn rồi đánh xe ngựa, thuộc chữ ti chữ huệ. Thịnh loại nói là ghìm hàm thiết đầu ngựa.

KINH ÂM THẮNG THIÊN VƯƠNG BÁT-NHÃ QUYỂN 3

Khôi trịch nói là ném đất. Văn nói là khẩu đôi viết thành, tức là đóng đất.

Thảm độc nói là độc ác. Sơ miên còn viết. Thuyết Văn nói là tham độc, thống.

Nhĩ Nhã nói là tham ưu.

Túng đàn nói là phóng đảng. Đồ đàn viết thành, đàn mạn cũng là khi, không thật.

Bất đạn nói là không sợ. Đồ đản viết thành nói là đạn nan cũng là úy. Quảng Nhã nói là đạn khinh.

Thu hoạch nói là gặt lúa. Hồ quách. Thuyết Văn nói là cắt lúa. Cỏ gọi là (cắt) ngải, lúa gọi là hoạch.

KINH ÂM THẮNG THIÊN VƯƠNG BÁT-NHÃ QUYỂN 4

Ngận lệ nói là ngang ngược. Hồ khản viết thành, lực kê. Rận vi, lệ khúc. Thuộc chữ khuyên chữ hộ.

Ức tỏa nói là dim xuống. Tổ ngoạ. Thuyết Văn nói là tỏa rồi cũng là ức.

Vong y nói là Áo bằng cỏ, cỏ tranh. Nhĩ Nhã nói là vong đồ. Vinh chú nói là giống như da cỏ tranh có thể bện dây đan giày.

Thực vu nói là ăn khoai sọ. Vu phụ. Thỉnh loại nói là lá nói là lớn gốc rau thấy kinh người cho nên gọi là “vu” gọt để chung ăn.

Vạn cốc nói là nấu lúa. Cổ văn nói là Sơ giao. Phương ngôn nói là nấu đến khô nước. Thuyết Văn nói là sao.

Sông Ni-liên-thiên nói là Ni liên thiên na, hoặc gọi Hi liên thiên, đây dịch là Ni, bất. Ni liên thiên na là lục trước. Sông danh bất lạc trước.

Ca lê ca long nói là còn gọi ca la ca long, đây dịch là Hắc long.

Đảo phó nói là ngã gục. Cổ văn nói là Am bắc. Thuyết Văn nói là thập đôn, nghĩa là đổ xuống trước.

KINH ÂM THẮNG THIÊN VƯƠNG BÁT-NHÃ QUYỂN 5

Chân đế nói là trúc thi. Phần chân nói là đây dịch nói là Thiện tư duy.

Thiếu bực nói là đầy tứ bán lúa. Cổ văn nói là Am mộc. Quảng Nhã nói là đầy tứ sai việc nhà, bực phụ.

Sưu đa nói là sơ cứu. Nhu sa nói là nô cầu.

Bâu đa nói là tu tập. Am câu.

Tu ma na nói là hoặc gọi Tô ma na hoa, màu này trắng và vàng cũng rất thơm. Không phải đại thọ. Vừa cao khoảng ba, bốn thước rủ xuống như dù và lộng.

Chiêm bặc già nói là hoặc gọi Chiên ba ca thọ, gọi đúng Chiêm bặc ca thọ, thân hình cao, to, hoa màu đỏ, rất thơm, mùi hương này bay rất xa. Nhĩ Nhã nói là đa. Môn điệp nói là công trường. Đồ hiệp. Quảng Nhã nói là điệp nữ tường.

Tinh tinh nói là đười ươi nói là sở kinh viết thành, biết tên người, như heo, mặt người còn sữa như chó vàng. Đầu như gà trống, xuất xứ ở Giao Chỉ phong khô. Tiếng như trẻ con khóc, biết đi không biết lại, chó sữa thì đi.

Thi lợi sa nói là đây gọi là cây gian hợp thôn, loại cây này có hai tên nói là Thi lợi sa lá và trái lớn, Thi lợi sử lá và trái nhỏ. Khi cây này mọc ở đời ở làng Quan đông là sai. Tên Ba la là đúng.

- *Quyển thứ sáu, không âm.*

KINH ÂM THẮNG THIÊN VƯƠNG BÁT-NHÃ QUYỂN 7

Dịch lâm nói là rừng lau sậy nói là Đồ lịch viết thành, cỏ lau cũng là lau trúc. A tát xà bệnh nói là nghĩa là không trị được.

Ca lâu na ma ha nói là đây gọi là Đại Ca câu na. Đây gọi là bi, gọi là công đức của Như Lai dùng Na hoặc đại bi nhị pháp làm thể.

Yên ni nói là ư kiên hay ư kiến viết thành, đây dịch là lộc vương.

Na câu đà nói là đáp nói là ni câu lâu đà, đây dịch là vô tiếc cũng là cây Túng quảng.

Ma na đà quả nói là đây dịch nói là tủy quả. Quả tần-bà nói là đây dịch là tương tư.

Sở oánh nói là đã vương vẩn. Nhất oanh viết thành, oánh toàn, triền. Văn thường viết đánh sơi gọi là oánh.

Bất khiếp nói là không hài lòng. Khổ hiệp. Quảng Nhã nói là thật vừa lòng. Tự lâm nói là thật khoái.

Kịp nói là vừa đến kịp. Cự khí. Hán thư nói là kịp tiền. Thất quận tần ước nói là kịp chí.

Trí hoài nói là đề trong lòng. Chi thị. thi nói là trí bỉ. Chu hành truyện tri trí.

Kỳ thỉnh nói là cầu xin. Cự y. thi nói là dĩ kỳ. Nhĩ tước truyện nói là kỳ tâm phủ nhĩ nói là vừa mới. Phương vũ. Thích danh nói là phủ thi. Quảng Nhã nói là phủ chúng.

Tập mục nói là thân thiện. Thứ nhập. Nhĩ Nhã nói là

tập hòa. Mạc đầu viết thành, mục kính, mỹ hỷ.

Phụ cấp nói là kỳ cấp. Phong thổ ký nói là cấp nghĩa là học sĩ, cho nên có rương đựng sách như rương mũ nhưng người thấp hơn. Tạ thừa Hậu Hán thư nói là phụ cấp tùy sự.

Khu truyền nói là truyền tin. Tri huyện viết thành nghĩa là chuyển đi theo thứ tự. Nhĩ Nhã nói là truyền thư bằng xe ngựa. Quách Bộc nói là đều truyền thư bằng xe ngựa.

Tích khuê nói là ban ngọc khuê. Tư lịch. Khổ huê. Nhĩ Nhã nói là tích nghĩa là ban cho. Thư vẽ nói là tích là ngọc màu đen huyền.

Phân thiêm nói là hoặc nhiễm. Công dương truyện nói là từ Thiêm đến Đông chu công chủ, từ Thiêm đến Tây triệu công chủ. Thuyết Văn nói là nay là huyện Hoàng Nông thiêm, xưa là chi hiệu quốc điều này đúng.

Thạc nan nói là quá khó. Thị diệc viết. Thi nói là Thạc nhân.

Truyện nói là thạc đại. Tiểu Nhĩ Nhã nói là thạc viễn.

Trí tích nói là trí sáng. Hư ân. Tiểu nhã nói là hân minh. Nhĩ Nhã nói là tích sát.

Bành hội nói là hồ tội. Thượng thư nói là Đông hội trạch là bành.

Khổng an quốc nói là hội hội. Tam thương nói là nước chảy về.

Vạn nhân nói là ư thân viết thành nói là tên người.

Thai yên nói là nghi ngờ. Văn cổ viết hai cách. nay lộc lai viết. Căn cứ theo thai cũng gọi là nghi. Quảng

Nhã nói là thai cụ.

**KINH MỤC ĐẦU BỒ-TÁT VÔ THƯỢNG
THANH TỊNH PHÂN VỆ
QUYỂN THƯỢNG**

Huệ Y soạn

Đề hoằng nói là rộng sâu nhất hoằng. Thuyết Văn nói là chữ sâu rộng. Quảng Nhã nói là hoằng thâm.

Xuy khiêu nói là kêu hét. Viết hai cách. Kiêu hoán, hô, minh.

Thích trùng nói là loài bò cạp độc. Thuyết Văn nói là loài sinh vật có nọc độc lang khắp thân. Văn kinh viết không đặc thể.

Trừ bộ nói là bước chân chừ. Tràng ư. Thuyết Văn nói là trừ trừ do dự, trịch trức.

Đĩnh chúc nói là có hai âm nói là điện định. Thỉnh loại nói là có chân gọi là đĩnh, không chân gọi là đẳng.

Lộc tụ nói là họ lộc hội tụ. Cổ văn viết. Nay tài câu. Quảng Nhã nói là tụ cư, nghĩa là mọi người tụ về ở trong thôn ấp.

Hưu sừ nói là nhỏ và cuốc nói là còn viết hai cách. Triện văn viết, hoặc hô hào. Thuyết Văn nói là nhỏ cỏ gọi là hưu. Văn kinh viết không đúng.

KINH MỤC ĐẦU BỒ-TÁT VÔ THƯƠNG THANH TỊNH PHÂN VỆ QUYỀN HẠ

Khảng khái nói là hăng hái. Viết đúng khẩu bồ. Không đại viết thành, hoảng khái đại tức cũng là kẻ bất đắc chí.

Vị nhiên nói là thờ dài. Khẩu quý. Tam thương nói là vị than tức. Thuyết Văn nói là đại tức. Luận ngữ nói là than thờ gọi là hà yên, vị thán thính.

Hoa phu nói là hoặc viết. Thuyết Văn nói là phương câu. Phương ngôn nói là hoa phu thanh. Giữa Tề và Sở nói là hoặc gọi là hoa, hay gọi là phu.

Đích lịch nói là Ánh ngọc. Đinh lịch. Tự thư viết. Thuyết Văn nói là đích trước minh châu nói là màu ánh của minh châu. Kinh viết chữ không đắc thể. Cảo nhiên nói là sáng chói nói là cổ đảo. Bì thương nói là bạch nhi nói là cũng là minh, sáng chói lợi. Văn kinh nói là cổ cánh viết không đúng.

Kỳ nghi nói là cự nghi viết thành, ngữ. Thi truyện nói là ý biết khác, nghi là hiểu khác. Nói là đi lại khúm núm, ý khác nhưng đã biết, cảnh này là hiểu khác, cũng gọi là sáu bảy tuổi. Thuyết Văn nói là không đắc thể.

KINH ĐẠI MINH ĐỘ VÔ CỰC QUYỀN 1

Huyền Cơ soạn

Thiện nghiệp nói là nghiệp lành. tiếng Phạm nói là Tu-bồ-đề hoặc gọi là Lâu sắc đế, Tô bộ đế, đây dịch là

Thiện thật, hoặc Thiện nghiệp, Thiện kết đều là một nghĩa. Không sanh. Đời Tấn kinh tạp thí dụ của Sa-môn Khang pháp thúy. Xá-vệ quốc có ông trưởng giả tên Cưu-lưu sanh được người con tự Tu-bồ-đề. Có phước báo tự nhiên, bát đưng thức ăn đều không, nhân đây gọi tên Ngài, Ngài muốn gì thì có đầy đủ, về sau xuất gia đắc quả A-la-hán.

Thu lộ tử nói là tiếng Phạm nói là Xá-lợi-phát, xưa là Xá-lợi-tử, hoặc gọi Xá-lợi-phú-đa-la nói là con chim bồ câu. Mâu là tên, vì mắt của mẹ giống như chim bồ câu, hoặc như mắt chim Thu tử, nhân đây gọi tên Ngài. Khi xưa gọi là Thân tử là sai. Thân là xá lê cùng với âm xá-lợi này có dài ngắn cho nên có sự ngộ nhận như thế, hoặc gọi Ưu-ba-đề-xá thuộc tên cha.

Bất đạn nói là không sợ. Đô hạt. Văn thường viết bên cạnh kinh sợ gọi là “đạn”. Văn kinh viết nói là thăm đất, chữ đất không đúng.

Tị hóa nói là dứt lốt tiền của. Tử di. Thương Hiệt Thiên nói là ti tài. Quảng Nhã nói là tư hóa. Chu lễ thông nói là của hồi lộ. Trịnh huyền nói là vàng ngọc gọi là hóa, vải lụa gọi là hồi cũng là do của cải. Văn kinh viết nói là ti là tính toán không đúng.

Hoảng dục nói là giàu có, sung túc. Cổ văn nói là dụ câu. Quảng Nhã nói là dụ khoản hoãn.

Côn đệ nói là anh em. Cổ hồn viết. Nhĩ Nhã nói là côn hậu. Quách chú nói là nghĩa là huynh hậu, theo phong tục từng địa phương nên tên gọi có sai khác.

Câu hăng nói là cổ hạng. Tự lược nói là hạng thủy phân lưu. Nay tiếng Phạm nói là Tu-đa-hoàn, đây gọi là

chí lưu hoặc gọi là nhập lưu. Trong kinh nói là Đạo tích, phân bố, nay nói là câu hạng. Hạng không đúng với nghĩa này. Văn kinh viết.

Khai sĩ nói là nghĩa là người đem pháp giáo hóa. tiếng Phạm phu tốt, hoặc viết phu tát, âm tát đúng với việc này.

Tần lai nói là Từ-đà-hàm, đây gọi là một lần đến, đáp sai. Viết đúng nói là đồn.

Duyên nhất giác nói là Độc giác, Duyên giác. Xưa văn kinh nói là cổ Phật, còn gọi Bích chi Phật đều là tiếng Phạm chuyển sai. Đây gọi là

Bích-chi-ca, hoặc gọi Câu-chi-ca, đây là Độc giác đúng.

Ứng nghĩa đạo nói là còn gọi là Ứng chân, hoặc là Chân chân. Xưa Vô Trước quả cũng gọi là A-la-ha, nay A-la-hán đều là một người.

Mãn chúc tử nói là chi dục viết thành tức là Phú-lâu-na.

Trừ cơ nói là trừ được đói. Cự trần. Xưa trong kinh viết nói là trừ sĩ trừ nữ hoặc là đẳng sĩ đẳng nữ. Nay Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni. Theo phân biệt công đức luận nói là người đời nghèo túng đối với sắc dục mong cầu, Tỳ-kheo trừ được sự đói khát này, cho nên gọi là “trừ căn”. Theo tiếng Phạm là Tỳ-kheo, đây gọi là Khất sĩ tức là trừ bỏ được sự đói khát. Khang tăng hội chú pháp kính kinh nói là phạm phu tham nhiễm sáu trần cũng gọi kẻ đói mộng được ăn cơm không biết chán. Thánh nhân dứt bỏ tham nhiễm, trừ lục tình đói, cho nên hiệu là xuất gia là bỏ được đói khát.

KINH ĐẠI MINH ĐỘ VÔ CỰC QUYỀN 2

Nịnh chúng nói là nô định viết thành, siểm mị, nguy thiện. Thuyết Văn nói là khẩu tài, cũng gọi là đức, chữ nữ. Nhân luận ngữ nói là Ác phu nịnh tức là nghĩa của người nữ. Ngu kiệt. Thuyết Văn nói là những loài cầm thú côn trùng lạ nghĩa là chúng. Văn kinh nói là lộc tử, còn viết cận xuất.

KINH ĐẠI MINH ĐỘ VÔ CỰC QUYỀN 3

Dật phu nói là kẻ phóng đảng. Cổ văn viết. Nay dữ nhất. Thương Hiệt Thiên nói là dật thương. Dật cũng là dâm.

Tương tục nói là lật dật. Tứ lục viết thành, cũng kính không yên, nghĩa là trẻ con cung kính.

Thô thô nói là thừa sơ. Hán thư nói là ban. Cổ tự truyện nói là thô cử. Thức liêu mạnh khanh chú nói là thô. Cổ văn nói là tài chiêm. Vi thiện nói là thô lược.

KINH ĐẠI MINH ĐỘ VÔ CỰC QUYỀN 4

A bao nói là theo văn tự bao là vô tương thừa, những kinh khác viết vô nộ cũng gọi là vô động, hoặc vô nộ giác cũng là tên gọi này.

Kiểu hãnh nói là may mắn nói là có hai kiểu viết.

Chữ âm hạnh, thường gọi hạnh là may mắn không phải làm mà được. Tiểu Nhĩ Nhã nói là không có phần mà được may mắn là do cầu mong mà được. Kiêu ngộ, ngộ hạnh đắc. Sở từ nói là cầu mong đợi thời được may mắn nghĩa là quy tâm thân, tâm thân ngộ. Tiểu ký Khổng tử nói là tiểu nhân làm việc tiết kiệm để cầu may.

Ai động nói là tham thiết nói là đồ công. Luận ngữ nhan hồi Khổng Tử nói là cổ quan gọi là động. Mã dung nói là động ai quá.

Duy man nói là màn che. Mạc đán. Ở hai bên gọi là Duy, ở trên gọi là mạc. Thuyết Văn nói là man mạc.

Lục hoàng nói là sáng sủa. Hồ diện. Chữ còn viết. Sáng khắp nơi.

Thuyết Văn nói là lục huy, hoàng quang.

Pháp lai nói là tiếng Phạm Đàm vô kiệt, hoặc dịch nói là Pháp thượng, cũng gọi Pháp cảnh đều là một nghĩa.

Tháp bích nói là tha đáp viết thành nói là chiếu lông, để ở vách cho nên gọi tên này. Thuyết Văn nói là viết không đặc thể.

KINH VĂN THÙ SỰ LỢI THUYẾT MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT ĐA QUYỂN 1

Âm của Sa-môn Huệ Lâm.

Kim hoàng nói là quặng vàng. Cổ mãnh. Quảng Nhã nói là hoành cường, thiết bộc nghĩa là chì trong quặng là

chì chưa nấu. Thiết văn nói là đồng thiết, bộc, chữ thạch, thanh huỳnh, hoặc viết cũng viết đều là chữ thường viết.

Trùy đả nói là cái vỗ đánh. Trụy trụy. Vận Anh nói là phễu kích. Thái công lục thao nói là đầu vuông bằng sắt cân nặng tám cân, cán dài năm thước cho nên Cổ Dã Vương nói là gọi là vật để đánh. Thuyết Văn nói là kích, chữ mộc thanh giai. Kinh viết, gọi là kích vật. Chữ thường viết.

Pháo sơ sanh nói là đây gọi là Hao lợi thiên ba lợi chất đa la thọ.

Khi hoa muốn nở, giữa lá mọc lên các hoa pháo, chư Thiên thấy rất vui.

THUYẾT MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT ĐA QUYỂN 2

Tề diệu nói là tế tế viết thành nói là đem vật cho người, hoặc thường viết.

Triệt quá nói là thấu suốt. Triền liệt. Khảo Thanh nói là triệt thông. Tích nói là đạo duệ. Thường viết, xưa viết, là chữ viết không đúng với nghĩa này.

Sanh pháo thời nói là cũng viết nói là pháo thọ cây mới mọc hoa.

Quán kiến nói là thấy quen. Quan hoạn. Nhĩ Nhã nói là quán tập, hoặc viết. Tả truyện viết dùng mượn.

KINH NHÂN VƯƠNG BÁT NHÃ QUYỀN THƯỢNG

*Hậu Tần Cưu-ma-la-thập dịch
Sa-môn Huệ Lâm soạn.*

Cửu cấp nói là kim cấp. Khảo Thanh nói là giai đẳng. Cổ chú quốc ngữ nói là đẳng sai. Trịnh chú lễ ký nói là thứ. Thuyết Văn nói là chữ mịch, thanh cấp.

Thôn nói là nhiên nói là đều như vậy. thiếp liêm. Tiểu Nhĩ Nhã nói là thêm đồng. Quảng Nhã nói là đa. Thuyết Văn nói là giai, chữ tưng, âm thuyên đều là hai chữ tức là chữ xưa, chữ hội ý.

Ba-tư-nặc vương nói là tiếng Phạm, Đường nói là Nguyệt Quang vương, đây là vương. Theo kinh đã chứng vô sanh pháp nhẫn, giúp Phật hoằng hóa, thừa hỏi Hộ Thân Hộ Quốc Bồ-tát thực hành cho đến hộ Phật quả là pháp yếu thậm thâm.

Tiếng Phạm nói là Ma-ha-diễn. Đường nói là Đại thừa. Nhĩ Nhã nói là Dĩ Hỷ đại.

Hồng âm nói là hộ công. Không chú thượng thư nói là hồng đại, chữ hình thanh.

Thành tiệm nói là hào thành nói là thôn diệm nói là hào thành nghĩa là thành trì, là tiệm. Cố Dĩ Vương nói là thành ngoài hầm hào. Tự thư nói là thành hoàng. Thuyết Văn nói là khâm chữ sĩ chữ trảm, hoặc chữ viết.

Tường tích nói là tượng dương. Như trong tựa Hậu Hộ Quốc Đạo tràng đã giải thích. Bính mịch. Quảng Nhã nói là bích viên. Ngọc Thiên nói là tường trong nhà. Thuyết Văn nói là chữ thổ thanh tích.

Mâu thuẫn nói là mạc hầu. Trịnh chú ký nói là từ

mâu. Thuyết Văn nói là hài hai trượng xây dựng ở bình xa. Tự thư nói là tịnh vô. Thuật duẩn. Trịnh chú chu lễ nói là Ngũ thuần cam lỗ thuộc tên này. Vị tận văn phương ngôn nói là từ cửa ải sang đông hoặc gọi là can quan, tây gọi là thuần. Thuyết Văn nói là thuộc chữ tượng hình chữ. Chữ nay kinh thay chữ viết không đúng, lan lam không đúng với hai chữ đều sai và không đúng chữ.

KINH NHÂN VƯƠNG BÁT NHÃ QUYỂN HẠ

Thập vật nói là Âm xưa dịch và giải thích là thập chúng, tạp, tên số hội. Vật tư sanh nghĩa là thập vật. Tự cảnh nói là vật tức là vạn vật. Trâu là vật lớn nhất của trời đất đem đến, cho nên chữ, thuộc chữ ngư thanh vật. Vong táng nói là mất không còn. Mao thi truyện nói là vong cô. Cổ Dã Vương nói là thất. Thuyết Văn nói là: . Chữ, âm ản, ản nghĩa là nặc tàng. Kinh thường viết vong, tang lãng. Thượng thư nói là bá tánh như táng. Khảo tỳ lễ ký nói là người xem thường mất đức, xem thường vật mất chí. Trích chú nói là vong thất vị. Thuyết Văn nói là: . Chữ khóc thanh vong. Chữ chữ khuyển chữ, chữ âm thuyên chữ hội ý.

Nữ giới gù tỏa sang vuu nói là sáu chữ trên trong kinh Hậu Tân dịch Nhân vương đã nói đủ.

Cần khôn nói là tinh Tùy của vũ trụ. Cường yên viết thành, khổ còn viết thành gọi là nhị nghi, thiên địa.

Cự hải nói là biển cả. Cự ngữ. Phương ngôn nói là

cự du đại.

Thượng vân nói là còn vận mạng. Tự thư nói là thượng du. Vân mẫn. Khảo Thanh nói là vận tử, hoặc viết. Khổng chú thượng thư nói là trụ. Nhĩ Nhã nói là lạc. Thuyết Văn nói là từ trời rơi xuống. Dịch nói là vận tự thiên. Chữ phụ thanh vân.

Xuân xuân nói là lúc nhúc nói là xuân duẩn. Mao thi truyện nói là động vật lúc nhúc. Quách chú Nhĩ Nhã nói là dao động. Chữ côn thanh xuân. Chữ viết.

Ba tha ưu ba tha nói là tiếng Phạm nói là cực lỗ chất bất thiết đương, đúng âm Phạm nói là Đồ ba sách ca đồ ba tư ca. Đường nói là cận sự nam cận sự nữ, thọ trì năm giới, thập giới, gần gũi việc lành sư trưởng và Thiện tri thức.

Ngôn bạc nói là lời vô vị. Am mặc. Theo ngôn là vô vị nói là tịch diệt, vô vi.

Tuệ tinh nói là Sao chổi. Tùy duệ viết thành, tuệ yêu tinh. Tả truyện nói là tuệ, do đó trừ cũ có hiện tượng mới. Ất kỷ chiêm nói là tia sáng giống như sao chổi, nhưng hình như bông phấn đều là khí nghịch loạn hung dữ. Khảo Thanh nói là tiền thảo, thủ trì sâm sâm, hoặc chữ viết sao này giống như sao chổi, cho nên gọi tên như vậy cũng là chữ hội ý.

Phiêu một nói là chìm nổi. Thất điều. Khảo Thanh nói là phiêu sắc, một trăm. Thuyết Văn nói là chữ thủy thanh phiêu. Trong kinh thêm chữ viết kẻ ngu vọng thêm không thành chữ. Tất cả tự thư đều không có chữ.

Khảng dương nói là chân dương thái quá. Khảng lãng. Khảo Thanh nói là khảng cực. Sức nóng của hai

mặt trời, khảng hạn. Thuyết Văn nói là chữ khảng là cô người, chữ đại lược chữ khảng. Mạch hình. Thuyết Văn viết nói là khảng cổ.

TÂN DỊCH NHÂN VƯƠNG KINH

*Huệ Lâm soạn âm Đường
Đại Tổng Hoàng đế chế.*

Hoàng hỷ nói là Mao thi truyện nói là hoàng đại, khuông, mỹ. Nhĩ Nhã nói là hoàng quân vương. Thuyết Văn nói là hỷ, ngữ, từ. Chữ hỷ thanh thượng để chữ thi ở dưới.

Tiền trụ nói là trừ hết. Tinh diễn. Khảo Thanh nói là tiền tiết, chữ đao thanh tiền. Trường lưu. Tự thư nói là chữ viết, đa, chữ hòa chữ chu lược thanh.

Miên lạc nói là cuốn tơ. Mi biến. Chữ âm lạc vọng tạp.

La tráo nói là lưới đánh cá. Trào giáo. Thuyết Văn nói là đồ bắt cá. Chữ vọng thanh trắc. hai chữ “la tráo” đều thuộc chữ vọng.

Quyền dự nói là Quỳ viện. Khảo Thanh nói là thường hợp đạo. Cổ chú quốc ngữ nói là quyền bính, chữ thủ thanh quán. Dự chư viết thành, ở trong chữ xa. Nhĩ Nhã nói là Quyền dự thi. Chữ âm quán là biết vĩnh mạc nói là lặn. Chữ âm vịnh Nhĩ Nhã nói là vịnh du. Quách Bộc nói là lặn xuống đáy nước. Mãn bát. Khảo Thanh nói là mạc chỉ. Bọt trên nước, chung, sao là chữ hình thanh.

Du viễn nói là càng xa. Du chu. Quảng Nhã nói là du cũng là viễn. Không chú thượng thư nói là việt. Thuyết Văn nói là tiến, hoặc viết du.

Tịch thích nói là đêm tối, tịch dạ. Thê diệc. Không chú thượng thư nói là thích cụ nói là cần thận. Mao thi nói là tâm yêu thích thích. Truyện nói là thích thích cũng là thiết thiết.

Triệt châm nói là bỏ gôi. Triền liệt. Tự thư nói là triệt khứ, trừ. Khảo Thanh nói là triệt trừu. Thuyết Văn nói là thông. Thuộc chữ sách chữ chi thanh dục. chi nhận. Vận thuyên nói là gôi kê đầu, chữ mộc thanh âm.

Giả mị nói là ngu giả vờ. Mi tỳ. Mao thi truyện nói là mi tâm. Cố Dĩ Vương nói là giả mị nghĩa là áo mào sẵn sàng nhưng chưa ngu thật mùi. Thuyết Văn nói là chữ mị thuộc bộ nên viết.

Át khẩu nói là ngăn chặn giặc. An cát. Thương Hiệt Thiên nói là át giá. Mao thi truyện nói là chỉ. Không chú thượng thư nói là át tuyệt. Khẩu cấu. Khảo Thanh nói là khẩu tặc. Vận thuyên nói là thanh đa. Thuyết Văn nói là bạo. Văn tự thích yêu nói là khẩu thuộc chữ chi chữ hoàn.

Trứ tinh thìn nói là giờ thìn sao sáng. Trương lự. Dịch nói là hiện tượng nhiệm màu sáng lớn giống như mặt trời, mặt trăng. Trịnh chú lễ ký nói là sáng nhưng không ngừng đó là trời, sáng nhưng bất động đó là đất. Còn gọi trứ cũng là minh bạch, lập thành. Thuyết Văn nói là khuyết tỏ, nay viết đúng chữ thảo chữ giả. Thường táo nói là từng tấm. Tao lão. Tự chỉ nói là thao tấm, tẩy. Thuyết Văn nói là rửa tay, chữ thủy thanh tao.

Miễn tâm nói là tưởng nhớ. Miên điển. Cổ chú quốc

ngữ nói là miễn tư. Thuyết Văn nói là vi ti, chữ mịch thanh diện. Thấy trước là chữ tâm, thuộc chữ dùng để nói.

Ý phụ nói là người tốt. Ư ký. Khảo Thanh nói là tiếng đau đớn bị ai, chữ chữ khiến viết. Nay trong văn chữ viết thường dùng không đúng. Giải thích nghĩa không giống với bản tự.

Triết cảnh hành nói là thiên kết. Khảo Thanh nói là tư thủ. Trích huyền chú lễ ký nói là đạo. Vi Anh nói là Tiểu nhân trộm từ trong ra. Thuộc chữ chữ thanh ly. Nay ệ thư lược đi chữ âm ly, chữ âm tộc.

Ba-tư-nặc nói là Phạn ngữ tức nước phía Tây Ba-tư-nặc vương. Thỉnh Phật nói pháp ở nước hộ quốc và thỉnh thuyết kinh chú. Đồi đường nói là Nhật Nguyệt.

Vĩnh khư nói là luôn lay, khứ ngư. Khảo Thanh nói là trứu. Tập huân nói là cử. Vi hàn nói là khư khứ. Thuyết Văn nói là chữ y thanh khứ.

Thật duy nói là chỉ có sự thật. Thời chức. Mao thi truyện nói là thật thị. Thuyết Văn nói là chỉ, âm miên. Chữ thuộc chữ viết chữ thất.

Nãi tân nói là: . Nô cải viết thành, cũng như chữ nãi của cổ văn, cũng là từ ngữ. Canh dân. Trịnh chú lễ ký nói là tân nhuận. Quách chú Nhĩ Nhã nói là tân lương. Quảng Nhã nói là đồng.

Cộng trần nói là cùng nhau tới. Tiết tiên. Nhĩ Nhã nói là trần chí. Khảo Thanh nói là tự. Tập huân nói là đảo, trương tập giải thích chữ viết. Thuộc hai chữ cho rằng cổ văn chữ, chữ tượng hình.

Đề du nói là lụa trơn màu vàng hơi đỏ. Đề hề. Trịnh chú chu lễ nói là màu xanh, màu hồng nhạt. Thuyết Văn nói là lụa màu đỏ vàng. Du là lụa trơn. Người xưa dùng vào việc ghi chép.

Sâm sai nói là không đều. Sâm sâm. Xí sư viết thành, chữ giả tá. Vận thuyên nói là sâm sai là không đều. Chữ cổ văn viết. Kinh thường viết.

Đại lộ nói là xe ngựa lớn. Lỗ cổ. Bạch Hồ Thông nói là xe ngựa của Thiên tử. Tục thư nói là xưa là xe ngựa lớn có trục tròn nay thêm vào xe để trang trí cho đẹp.

Tam phú nói là phú mục. Khảo Thanh nói là phú thâm. Tập huấn nói là trọng tế. Ngôn ngữ nói là phú.

Khái nhiên nói là bụi ngùi. Khang ái. Khảo Thanh nói là thương thán.

Đảm lự nói là trầm ngâm suy nghĩ. Đường lâm. Hứa Thúc Trùng chú Hoài Nam Tử nói là mãn nguyện tâm chí. Cố Dĩ Vương nói là điềm tĩnh. Thuyết Văn nói là An. Chữ tâm, thanh đạm. Lự trữ. Nhĩ Nhã nói là lự tư. Thuyết Văn nói là tư, chữ tư thanh hồ, xuyết nói là nối liền.

Sắc trâu. Khảo Thanh nói là tâm sách, truy vệ. Cổ mục quốc ngữ nói là xuyết liên, tục, chữ mệnh, chữ triệt thanh chi.

Khiếm thường nói là vén quần áo. Khương ngôn. Khảo Thanh nói là khu y, chữ y chữ kinh lược thanh.

Ốc trầm nói là ô cốc. Thượng thư nói là lạc nãi tâm ốc trầm tâm. Cổ chú quốc ngữ nói là ốc mỹ. Quảng Nhã nói là thanh. Thuyết Văn nói là khái quán, trầm ngã.

Tập dư nói là ta nên đánh úp. Tầm tập. Quảng Nhã nói là tập cập. Ty mã sưu chú Trang Tử nói là tập nhập. Quách chú Nhĩ Nhã nói là trọng. Thuyết Văn nói là chữ y chữ cong.

Viễn tế nói là tặng cho người đi xa. Tinh hê. Ngọc Thiên nói là lại trì. Quảng Nhã nói là tổng. Thuyết Văn nói là trì di, chữ bồi thanh tê. trong văn thường viết.

Đãi khẩu nói là bắt giữ lại. Chữ âm khẩu. Quảng Nhã nói là khẩu đả. Không chú luận ngữ nói là khẩu kích. Thuyết Văn nói là chữ thủ thanh khẩu.

Đình diên nói là đứng lên. Trừ lữ. Quảng Nhã nói là trử lập. Mao thi truyện nói là giữa cửa có bức bình phong gọi là trứ. Quách chú Nhĩ Nhã nói là nhân quân nhìn chỗ đứng lâu, chữ nhân thanh trứ.

Chi lại nói là ống tiêu. Lang đại. Quảng Nhã nói là nghĩa là tiêu, lớn hai mươi ống, nhỏ mười sáu ống có hai đáy. Thuyết Văn nói là Tam khổng thược, chữ trúc thanh lại.

Loan táo nói là cây loan, cây táo. Lư hoàn. lễ ký nói là mộ thiên tử là mộ Thọ tùng, chư hầu bá, đại phu cây loan, kẻ sĩ cây dương. Thuyết Văn nói là cây loan giống cây lan, chữ mộc chữ loan lược thanh. Căng lực. Mao thi truyện nói là táo là táo chua. Quách chú Nhĩ Nhã nói là đầu lá táo nhỏ có gai, có người bán táo, mã táo, ngư táo. Thuyết Văn nói là giống như táo mọc thành lùm, hai chữ thuê. Quảng Nhã nói là táo táo châm.

Bạc ngã nói là chinh cho ngay. Bần mật. Không chú thượng thư nói là bạc bồ. Nhĩ Nhã nói là trọng. Thượng thư đại truyện nói là thiên tử có thiên hạ tả chuyển hữu

bạc, trước nghi hậu thừa. Quảng Nhã nói là bạc bị. Nhĩ Nhã nói là trọng. Đại tải lễ nói là liêm minh nhưng ngay thẳng can gián tà đó là bạc. Thuyết Văn nói là chữ bạc thuộc hai chữ. Thiên niệm. Cổ văn hoặc chữ viết, còn viết.

Viên lệnh nói là liền ra lệnh. Chữ viên. Mao thi truyện nói là viên vi, vu. Nhĩ Nhã nói là viên viết. Thuyết Văn nói là dẫn, chữ phiếu thanh vu.

Cồn thường nói là nắm bản in. tài cảm. Thích danh nói là tạm bản dài sáu thước. Vận thuyên nói là dùng bảng để viết. Thuyết Văn nói là độc phát, chữ mộc thanh trầm, còn gọi là thêm. Tập huấn nói là chữa bản in và ký sự.

Thúy trách nói là sâu xa. Tuy thúy. Vương dật chủ sở từ nói là thúy thâm. Sài cách. lưu hiên chú chu dịch nói là trách là u thâm. Thuyết Văn nói là chữ thần thanh trách. Xem định nói là đỉnh chính. Khâu can. Trịnh chú lễ ký nói là xan tước. Đỗ chú tả truyện nói là trừ. Quảng Nhã nói là san định. Thuyết Văn nói là xuyệt, chuyết cũng là tước, cụ túc.

Giảo nhiên nói là rõ ràng. Âm giảo. Khảo Thanh nói là giảo lược. Quảng Nhã nói là minh. Nhĩ Nhã nói là nghi. Thượng thư đại truyện nói là rõ được chí mình thì thấy được việc. Thái huyền kinh nói là nói về đạo quân tử và tiểu nhân thấy được rõ ràng. Hán thư nói là cũng là rõ ràng dễ biết, hoặc viết cũng được.

Điều sách nói là tìm tòi. Sở cách. Thuyết Văn nói là vào nhà tìm kiếm, chữ miên thanh sách. Khảo Thanh nói là tâm, thủ, chữ thi, mịch, không viết không đúng.

Huýnh xuất nói là vượt ra. Nhĩ Nhã nói là huýnh viển, chữ sụt thanh và đồng với kinh chữ viết không đúng.

Nhiếp kim nói là lẫn với vàng. Niêm thiếp. Phương ngôn nói là niếp đặng. Quảng Nhã nói là lý. Thuyết Văn nói là đồng trao, chữ túc thanh nhiếp.

Oan phủ nói là sợ hãi vô về. Ô quán. Khảo Thanh nói là oán hận. Quế uyển châu tụ nói là sợ hãi nhưng vẫn còn giấu kín trong lòng. Phương vũ viết thành, chữ thủ thanh vô.

Liêu kỷ nói là tạm ghi. Liễu điều. Mao thi truyện nói là liên thả.

Thuyết Văn nói là chữ nhĩ thanh mao. Âm mao chữ sai.

Chiên môn tuế nói là chi nhiên. Nhĩ Nhã nói là tại ất là chiêm môn, tại kỷ là đại chiêm mang lạc thời Vĩnh Thái Nguyên niên ất kỷ tiết đầu hạ tháng tư.

Mộc cần vinh nguyệt nói là cần ôn viết thành, tên của cây hoa, lúc đầu kiến đã tháng tư hạ tuần.

NHÂN VƯƠNG HỘ QUỐC BÁT-NHÃ BA-LA MẬT ĐA KINH QUYỂN THƯỢNG

*Tam Tạng Đại Quảng Trí Bát
Không Phụng chiếu dịch.*

Di biện nói là đã rõ ràng. Âm, bạch man. Trịnh chú lễ nói là biện cụ. Thuyết Văn nói là phán, chữ lực thanh biện.

Kỹ nghệ nói là kỳ nghi. Vận Anh nói là kỹ nghệ tài năng. Thuyết Văn nói là xảo chữ thủ thanh chi.

Nhất đích nói là một giọt. Khảo Thanh nói là nước rơi. Thuyết Văn nói là nước biến chú, chữ thanh đích.

Noãn tánh nói là ôn hòa. Nô quán. Cổ quý quốc ngữ nói là noãn ôn, hoặc thường viết không đúng.

NHÂN VƯƠNG HỘ QUỐC BÁT-NHÃ BA-LA MẬT ĐA KINH QUYỂN HẠ

Nữ giới nói là gông cùm. Du liễu. Khảo Thanh nói là nữ trất, cùm tay gọi là nứ, chữ mộc thanh sửu. Giả giới. Khảo Thanh nói là cốc. Vận thuyên nói là đeo gông bằng gỗ vào chân gọi là giới, chữ mộc thanh giới. Già tủa nói là gông cùm, xiền xích. Âm già. Khảo Thanh nói là cốc. Già đục gỗ thành lỗ làm gông đeo vào cổ tội nhân. Tang quả viết thành, hoặc thường viết. tiếng Phạm nói là Ma-ha-ca-la. Đời Đường nói là đại hắc thiên thần. Có thần lực lớn tuổi thọ vô lượng ngàn tuổi, tám tay, thân màu mây xanh, đen. Hai tay ôm một hoặc hai cái kích xoa. Tay thứ hai bên phải nắm một con dê đen xanh, hai tay bên trái nắm một đầu lâu của ngựa quỷ, tay thứ ba bên phải cầm kiếm, tay thứ ba bên trái cầm yết tra túc ca, tức là một cò đầu lâu, hai tay sau mỗi vai một con bạch tượng đều há, da có hình dạng như nứt ra dùng chất độc của nó xỏ sâu đầu lâu để làm anh lạc. Trên răng hổ phát ra luồng khí giận dữ sấm chớp khói lửa để tạo thành uy quang. Thân hình to lớn, dưới chân có địa thần nữ thiên

đỡ chân bằng hai tay.

Sang vuu nói là vết thương. Trắc trang. Vận Anh nói là sang đi, hoặc viết. Cỏ văn viết. Hữu ưu viết thành, sang. Thương Hiệt Thiên nói là bệnh bướu, hoặc viết cũng được, chữ cỏ viết.

Nghiệp phiêu nói là nghề lang thang. Nghiêm kiếp. Cỏ chú quốc ngữ nói là nghiệp thứ, thủ. Nhĩ Nhã nói là sự. Quách chú nói là nghiệp thứ sá, đoan chữ. Thuyết Văn nói là chữ hoa chữ căn. Thát diêu. Quảng Nhã nói là phiêu tế. Cỏ Dã Vương nói là lưu. Thuyết Văn nói là sắc, chữ thủy thanh phiêu.

Tuệ tinh nói là sao chổi. Tùu duệ. Khảo Thanh nói là yêu tinh. Tia sáng giống như chổi, chổi hình dáng như cỏ tiến. Sách xem bói nói là Quan trung gọi là cỏ kỹ nữ. Sao yêu này tia sáng như cỏ kỹ nữ. Sách xem bói chỉ như vậy có phần tai họa, hoặc viết, xưa viết.

Sao lịch nói là ngôi vụn. Linh đích viết thành, đá vụn, thô sao, chữ thạch chữ lạc lược thanh.

Phiếm trưởng nói là nước dâng cao. Phương phạn. Cỏ quỳ quốc ngữ nói là phiếm phiếm. Mao thi truyện nói là cảnh trôi nổi bồng bềnh. Thuyết Văn nói là chữ viết. Xưa nay đều đúng thuộc chữ thanh phạt trương lượng. Khảo Thanh nói là nước dâng cao lở bờ sụp đất nước tràn vào gọi là “trưởng” thuộc chữ thủy thanh trương, gọi là thượng thanh không đúng.

Khảng dương nói là chân dương thái quá. Khang lã. Khảo Thanh nói là khang cực.

Kiệt hạc nói là khô cạn hà các. Cỏ chú quốc ngữ nói là hạc, kiệt cùng là hạc. Quảng Nhã nói là hạc tận.

Thương Hiệt Thiên nói là viết theo chữ xưa.

Giáng chú nói là mưa đúng mùa. Chu mâu. Tập huấn nói là mưa đúng mùa đã thấm ướt vạn vật nảy sinh. Văn kinh chữ viết sai, phần nhiều theo vọng tình tiết không thành chữ. Kiểm tra lại tất cả đều không có chữ này, không đúng.

Hàm thạch nói là chứa đầy. Hà nghiêm. Khảo Thanh nói là tráp bằng gỗ. Vận thuyền nói là sách đựng đầy hộp gỗ, hoặc viết cũng viết. Kinh thường viết. Vốn là tên của Hàm Cốc Quan. Khiêm điệp viết thành, chữ âm thành. Trịnh chú chu lễ nói là đồ đựng ở trong gọi là “thanh”. Thuyết Văn nói là hạt kê đựng ở trong, thuộc chữ mãnh thanh thành.

Đa la ni trung tự nói là nhưng lấy thanh này thì không phải thanh của chữ tâm.

Lộ nói là gọi uốn lưỡi.

Na nói là thanh mũi.

Nghiệt nói là ngôn kiệt.

Nại la nói là nhị hợp. Nhị hợp hai chữ trước và sau, mỗi chữ đều nhận là bán thanh hợp thành một chữ. Nổ át. Chữ trước nhận chữ. Thượng thanh uốn lưỡi thì đúng. Văn dưới mỗi mỗi đều có nhị hợp đều giống với chữ này cũng chuẩn theo đây.

Chỉ nương nói là nhị hợp. Câu dĩ. Nương thượng thanh. Kinh viết chữ là sai, văn chuẩn theo đây.

Bà nói là khứ thanh bình dẫn.

Nói là vô khả. Mặc nói là tự la. Sái nói là sở giới.

Ninh nói là ni chỉnh viết thành cũng viết. Niết nói là

ninh miễn viết thành uốn lười.

Mười sáu nước lớn nói là khi Phật còn tại thế, mỗi nước đều rất cường thịnh nên gọi là đại quốc. Từ đó về sau tùy theo phước của vua mỗi nước thôn tính lẫn nhau, nay thành nước nhỏ, hoặc phục hưng rồi diệt không còn tên nước này, vương đúng.

Nước Tỳ-xá-ly nói là khi xưa gọi là Tỳ-da-ly tức là chỗ ở của Duy-ma Đại Sĩ và bảy trăm vị La-hán kết tập kinh điển ở nước này.

Nước Kiền-tát-la nói là đời Đường nói là vô cầu chiến là nơi ngài Long Mã giáo hóa.

Nước Thát-la-phiệt nói là tức là nơi khi Phật còn tại thế nói kinh cũng là chỗ vua Ba-tư-nặc trị vì thiên hạ.

Ba-na-sở nói là noa hiệt.

Kỳ quốc nói là xưa gọi là Ba la nai thi lộc lâm ở nước này.

Nước Ca-tỳ-la-vệ nói là tức là nơi đản sanh Đức Như Lai, là cảnh giới của vua Tịnh Phạn thống trị.

Nước Câu-thi-na nói là nơi song thọ Phật thị hiện nhập Niết-bàn. Kiền thiệm nói là thi nhiễm.

Di quốc nói là hoặc gọi Kiền thượng di, khi xưa là nơi thống trị của vua Ưu Điền. Buổi đầu khắc tượng Phật bằng gỗ chiên-đàn thấy ở nước này, tức là nơi Bồ-tát Hộ Pháp hàng phục ngoại đạo, hình ảnh này rất rõ.

Ba-sát-la quốc nói là cung là Ba-sát-ly, hoặc là Thượng Mâu thành, hoặc là Vương-xá thành núi Thấu phong ở nước này.

NHÂN VƯƠNG HỘ QUỐC ĐÀ-LA-NI

(Tam Tạng Đại Quảng Trí Không phụng chiếu dịch. Sa-môn Huệ Lâm âm)

Toán lịch nói là lịch tính. tổ quản. Khảo Thanh nói là toán tổ. Quế uyên châu nói là tụ tụ. Thuyết Văn nói là chữ mệnh thanh toán. Lực đích. Không chú thượng thư nói là tính khí hậu thời tiết. Đại tái lễ nói là Thánh nhân giữ cẩn thận tính ngày tháng để quan sát sự vận hành của sao. phân theo thứ tự bốn mùa, ngược lại cho nên gọi là lịch trị, chữ viết thanh ma.

Pháp loa nói là lô hào. Nhĩ Nhã nói là ốc sên, tò vò. Quách phác nói là giống như ốc sên nhưng lớn hơn. Căn cứ theo chữ đây là một nhạc khí, thổi lên tiếng rất hay để hòa nhạc, chữ trùng thanh loa. Kinh viết đây là dùng sai, không đúng với bản tự. Gọi tên pháp loa đó nghĩa là tiếng thuyết pháp như trống ốc nhân đây đặt tên là “pháp loa”.

Khan pháp ngôn nói là khẩu can. Đỗ chú tả truyện nói là khan trừ. Quách chú đồ ký; khan tước. Quảng Nhã nói là khan định. Thuyết Văn nói là xuyết. Chữ đao thanh can, xuyết cũng là can.

Vĩ hỷ nói là vi quý viết thành, Khảo Thanh nói là vĩ đại, trọng.

Thuyết Văn nói là vĩ kỳ. Chữ nhân thanh vi.

Nãi tích nói là âm nãi là từ ngữ. Tỷ diệt. Khảo Thanh nói là tích chiêm. Tự thư nói là vấn. Thuyết Văn nói là pháp. Cách viết chữ thi, tân “”, khẩu âm tiết.

Tường đồ nói là tường ngăn chặn. Tượng dương.

Thuyết Văn nói là tường viên tế. Chữ tường thanh tường. Kinh chữ viết không đúng.

Kê tung y nói là nghiên cứu áo đen. Kê hê. Không chú thượng thư nói là kê khảo. Quảng Nhã nói là kê vắn. Thuyết Văn nói là chữ chỉ thanh kê. Chữ chữ vựu thanh hòa khúc đầu. Tê sư. Mao thi truyện nói là màu đen. Chữ mệnh thanh truy. Chữ. Thuyết Văn nói là âm tai, khô ngoại. Thường viết chữ là không đúng.

Kinh giả nói là gò cao do người đắp. Cảnh anh. Quảng Nhã nói là cánh đại. Khảo Thanh nói là khâu là gò thật cao. Thuyết Văn nói là người đã đắp gò thật cao, cao tỉnh tượng cao bình. Kinh chữ nhật chữ viết.

Tâu trạch nói là đầm. Chữ đầm không nước có cỏ gọi là lậu. Nhĩ Nhã nói là mười đầm. Thuyết Văn nói là đại trạch, chữ thảo thanh lâu. Chữ, Không chú thượng thư nói là thấm nhuận đức. Trịnh chú chu lễ; nước trũng là “trạch”. Thương Hiệt Thiên nói là trạch ân. Thuyết Văn nói là quang nhuận, chữ thủy chữ trạch lược thanh.

Tích nhĩ nói là khiến cho mảy. Tỷ tích. Không chú thượng thư nói là tỷ sử. Nhĩ Nhã nói là từng. Vận thuyên nói là dữ. Xưa nay viết đúng tích ích, chữ tỷ thanh nhân.

Bối đa nói là tên cây của Tây quốc. Lá này có thể cắt ra làm sách Phạm hiệp, viết sổ sách. Lá này thô dày cứng khó dùng, nếu viết thì phần đông khắc bằng dao. Về sau dùng mực viết vì là dày không giống như lá cây đa-la to, mềm, trơn trắng bóng, mịn và tốt hơn lá bối đa. Cây đa-la-ny cao hơn các loại cây khác, nếu chặt cây non của nó thì không thể mọc lại, cho nên các kinh phần nhiều dẫn ra làm ví dụ. Hình dáng hơi giống cây tuấn cũng của Ngũ

thiên đều có, nhưng chưa đến ở Nam Ấn Độ. Trong Tây Vực ký có nói đầy đủ. Những loại lá Phạm điệp này khác nhau, tùy theo lãnh thổ của từng địa phương, hoặc dùng da cây của cây hoa đỏ để làm giấy, hoặc da cầm thú, hoặc lá vàng đồng bạc để làm vì các nước không có giấy.

Mộng yên nói là hồ đồ. Mục băng. Vận Anh nói là mộng muội, tiệm. Chữ tâm thanh mộng.

Giải viết nói là giải thích. Giai ải viết thành, gọi là giả thì không đúng.

Ma-hê nói là tiếng Phạm nói là tên của thượng giới Thiên vương.

Đời Đường nói là Đại tự tại thiên.

Tiết-lệ-đa nói là tiếng Phạm nói là nga quỷ chúng. Quỷ mị nói là mi bị viết thành, hoặc viết lão vật tinh.

Mạn-trà-la đây là tiếng Phạm. Thuyết Văn nói là chỗ thánh chúng tụ họp, tức là đàn tràng tụng niệm.

Nham khuất nói là hang núi. Nhã hàm viết thành, vách núi. Khổ cốt viết thành, hang đá, chữ huyết thanh quật.

Quật địa nói là đào đất. Quỳ duật viết thành, xuyên qua mây khói.

Ngõa thạch nói là ngôi vụn. Lực đích viết thành đá vụn.

Khước điền nói là chữ. Thuyết Văn nói là chữ huyết chữ chân.

Trong kinh chữ ? viết không đúng. Kinh trước đã giải thích.

Thừa tôi nói là quá dư. Thừa chứng. Khảo Thanh nói là thừa dư. Thuyết Văn nói là vật tướng tăng thêm, chữ bồi thanh trâm. Kinh viết hai chữ sai. Viết nhầm là. Vận thuyên nói là thậm. Thuyết Văn nói là chữ nhật thanh thủ chữ viết.

Trúc bình nói là đắp bằng, dùng đầm để xây đắp. Tất ly nói là hai chữ đều uốn lưỡi đọc thành một âm. Thể nói là thế dĩ. Âm mượn dùng theo âm chữ Phạm.

Cù-ma-di nói là tiếng Phạm. Nguu phẩn. Gián đoạn nói là không được liên tục.

Đảo dĩ nói là đương lão. Khảo Thanh nói là tay già gạo. Chữ đảo lược thanh. Kinh văn chữ viết không đúng với chánh thể.

Tam trùng nói là nhiều lớp. Trục lọng. Nói Tam trọng cao thấp đúng sai bện vào thành ba tầng mới là trung tâm của đàn, bên ngoài có vòng ba lớp là địa vị của Thánh nhân. Đàn này cao bốn ngón tay, trên mặt bằng như bàn vuông tất cả đều tụng niệm trong đàn tràng đều như thế mà làm.

Bì giao nói là nấu giao chảy ra thành nước đóng cứng lại thành keo.

Nho mễ nói là gạo tẻ. No qua. Tam cổ nói là ba bộ phận.

Không hầu nói là sáo thổi. Sáo của ứng hoạch Bà-la-môn không phải người thương dùng.

Sáp chi nói là trồng cây. sơ hợp. Đinh nói là khứ thanh. Định kính.

Mộc quyết nói là que củi. Quyền nguyệt. Một đồng

nhọn đóng vào trên đàn, hoặc gọi là dặc.

Tiếng Phạm ư già nói là tức là đồ đựng nước thơm, hoặc dùng đồ bằng vàng bạc. Hoặc dùng ly bằng vỏ ốc để đựng nước thơm.

Tiền đập nói là giã đập. Tiền diễn. Trịnh chú lễ ký nói là tiền lý. Thuyết Văn nói là chữ túc thanh tàn, chữ, chữ túc thanh đáp. Kinh viết. Hồ đập. Thuyết Văn nói là đập cũng là tiền.

Già phu nói là trong Đại Bát-nhã trước đã giải thích. Thâu nói là chuyên chở. Thi duật viết thành, âm mượn. Đạc nói là cái mõ, quả chuông lắc.

Mô hàm.

Kháp số nói là bấm tay. Khẩu giáp viết thành, bấm ngón tay để tính.

Sử lưu nói là chảy nhanh. Am sứ là nước chảy từ trên cao xuống, chữ mã thanh sử. Ninh đình.

Thập lúc phúc nói là mười sáu cãm xe. Phong mục. Trung tâm đàn tràng họa trang trí văn Đà-la-ni, vẽ một bánh xe dùng cãm bằng Kim cang, giữa cãm viết chữ Phạm.

KIM CANG BÁT NHÃ BA-LA-MẬT KINH

Hậu Tần La-thập dịch. Huệ Lâm âm

Kim cang nói là Kim cang bảo là dụ cho trí tuệ của người cứng chắc nhất. Chữ. Thuyết Văn nói là vàng năm màu. Màu vàng lâu bền chôn không đổi thành màu trắng, tôi luyện không dễ gì biến đổi. Chẳng bao lâu sang Tây

phương, sống chung quanh đất chảy ra thành hai chấm vàng trong đất, đất nay vẫn còn nghe tiếng. Chữ Thuyết Văn nói là cứng, chữ đao thanh cương.

Xá-vệ quốc nói là tiếng Phạm sai. Theo Thập nhị du kinh dịch nghĩa nói là Vô vật bất hữu quốc, hoặc gọi là Xá-bà-đề thành, Xá-la-ba-tất-đề-dạ thành đều sai. Đúng âm Phạm Thất-la-phạt-tất-đề quốc đây dịch nói là văn. Thành pháp kính kinh dịch nói là văn vật quốc còn gọi là Thiện kiến luật vân Xá-vệ đó là tên người. Ông Xá-vệ ở đất này, bấy giờ có vị vua thấy đất này đẹp trong lòng yêu mến, Xá-vệ liền mời vua ở lại đây, vua bằng lòng, về sau lấy tên Xá-vệ đặt quốc hiệu. Còn gọi tên nước là Đa hữu quốc. Các nước thấy nước này có nhiều trân bảo lạ, cho nên về nước này lấy tên.

Tiếng Phạm nói là kỳ thọ, hoặc gọi là kỳ đà, kỳ hoàn, kỳ viên đều là một tên. đúng với tiếng Phạm là Thệ đa, đây dịch là thành vua Ba-tư-nặc cai trị. Thái tử cũng tên Thắng. Trưởng giả Cấp Cô Độc đến ép thái tử Thắng mua vườn đất xây ngôi tinh xá cho Phật. Thái tử phát tâm cúng dường cây cho Phật và tặng, cho nên gọi tắt là “kỳ thọ”.

Cấp Cô Độc cũng là dịch nghĩa. Tiếng Phạm nói là A-na-đà, đây dịch nói là không thân thuộc nhưng rất giàu. Ông nguyện đem của cải ra giúp người mồ côi nghèo khó, bấy giờ lấy biệt hiệu này đặt tên cho ông. Kinh xưa nói là A-na-phần-đề, hoặc gọi A-lam đều là một hiệu.

Duy nhiên nói là đúng như vậy. duy quỹ. Theo “duy” nghĩa là một từ trả lời tôn xưng. Lễ ký nói là cha gọi không vâng dạ, tiên sinh không vâng dạ nhưng đứng dậy.

Trịnh huyền nói là chỉ trả lời một cách cung kính. Thuyết Văn nói là duy tức là nặc, chữ khẩu thanh chuy.

Tứ duy nói là bốn góc. Dực chuy. Quảng Nhã nói là duy ngưng.

Hoài Nam nói là giờ tý mặt trời có bốn góc.

Phả hữu nói là hơi có. Phở ngã viết thành, hoặc viết là từ ngữ, phả.

Phiệt du nói là dụ cho chiếc bè. Phu miệt. Chánh thể chữ viết. Tập huân nói là buộc gỗ tre lại nổi trên nước, hoặc tên là vận tải. Phát người Ngô ở Nam Thổ gọi cũng là phiệt. Trong kinh chữ viết hoặc chữ viết đều không đúng. Chữ chữ viết.

A-lan-na hạnh nói là tiếng Phạm. Chánh tự nói là A-lan-noa, đây dịch là vô tránh tức là không tranh cãi. Hoặc gọi lan nhã cũng là hạnh vô tranh. Hoặc gọi là A-lan-nhã.

Số như thị sa đẳng hằng cập kinh vị nói là tính theo thể giới của Phật nói là hai chữ số này đều thuộc câu dưới. Kinh gọi thượng đa vô số thứ vân nhĩ sở hằng hà sa số nói là hai chữ này đều là sương cú viết thành, đều là khứ thanh, thuộc chữ số câu trên. Thuyết Văn nói là chữ âm phộc.

Ca lợi vương nói là cũng là tiếng Phạm, hoặc gọi là Ca lợi vương, trong luận viết Ca la sắc vương đều sai. Viết đúng nói là Yết lợi vương, đây dịch là Đấu tranh vương.

Tây Vực ký nói là ở nước Ô Trượng Na, thành Mộng yết ly về phía Đông bốn, năm dặm là xứ này. Xưa dịch là Ác Thế Vô Đạo Vương tức là vua nước Ba-la-nại.

KIM CANG BÁT NHÃ BA-LA-MẬT KINH

Hậu Ngụy Bồ-đề Lưu-chi dịch Huệ Lâm soạn.

Tu-già-đa nói là hoặc gọi Tu-già độ đều là chuyển âm từ tiếng Phạm. Chánh Phạm nói là Tô-tát-đa, đây gọi là Thiện Thệ tức là một trong mười hiệu của Như Lai.

Môn lệ nói là lau nước mắt. Mạc bồn. Thịnh loại nói là môn mô. Mao thi truyện nói là môn trì. Kinh văn nói là vũ phân. Tự lâm thông nói là vân thức. Khảo Thanh nói là nhục khắp.

Hà đảm nói là gánh vác. Hồ ca viết thành, âm giá. Quảng Nhã nói là hà đản yết. Cổ văn viết. Đương lẫm. Tự thư nói là đàm phụ. Thuyết Văn nói là chữ thủ thanh chiêm.

Ma-na-ba đây là tiếng Phạm nói là hoặc gọi Ma-nạp-bà, Ma-nạp đều là tiếng Phạm chuyển sai, đây dịch là Niên thiếu tịnh hạnh.

Ca-la phân nói là tiếng Phạm danh số. Phan vấn. Văn sau chuẩn theo âm này tự luận giải nói là ví như chia chẻ một sợi lông thành trăm phần, một phần. Ca-la phân luận dùng nghĩa này phiên tên là lực Thắng ngôn vô lậu vô lượng thiện pháp. Nhất ca là phần thắng ngàn hữu lậu. Số phần nói là sương là viết thành cũng là số nhỏ nhiệm nhất, cho

đến ít nhất cũng thắng được kia, hoặc gọi bất tương tợ thắng.

Ưu-ba-ni-sa-đà phần nói là trong luận giải thích danh nói là nhỏ đến như lãg hư thì gọi là Ưu-ba-ni-sa-đà phần.

Mao đạo nói là đây dịch sai. Theo tiếng Phạm nói là Sa-la, đây gọi là Mao-bà-la, đây gọi Ngu dĩ mao dự ngu, âm Phạm lẫn lộn nên sai. Đây mao phiên theo nghĩa là mao đạo hoặc gọi là mao đầu đều không đúng. Đây dịch là thất chí. Chánh Phạm nói là Bà-la-tát-ly-tha-át-na-la, đây gọi là Ngu tất cật tra, đây gọi dị Át na đây gọi là Sanh. Đời Đường nói là Ngu Sanh là đúng. Mao đạo phạm phu là nghĩa không được rõ ràng.

KIM CANG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT KINH

*Trần Triều Chân Đề Tam Tạng dịch
Huệ Lâm soạn.*

Thiên đản nói là che một bên vai. Đàn lan viết thành, thuận theo thời đây là chữ vay mượn. Thuyết Văn nói là hở áo. Theo văn kinh nói là thiên đản là để hở vai phải. Ở phương ấy là nghi lễ chào nhau rất cung kính, chữ y thanh đán. Thuyết Văn nói là chữ viết. Thi viết nói là đản tích bọc hồ, chữ thanh dàn.

Hữu khiên nói là vai phải. Âm khiên. Thuyết Văn nói là khiên khiên phụ, chữ thuộc chữ tượng hình.

Thấp sanh nói là sanh chỗ ẩm ướt. Thi nhập. Khảo Thanh nói là thấp lục. Thuyết Văn nói là u thấp, mỗi mỗi đều che phủ. Che đất nhưng có nước gọi thấp. Hai chữ chữ thổ. Kinh văn phần nhiều viết không đúng. Tha trấp

viết thành, tên là thấp thủy. Ở Đông quận đông vũ dương trần bình nguyên chảy đến ngàn xe vào biển.

Hư không khả số lượng nói là chữ hư âm hồ chữ khâu. Chữ hoặc viết. Văn kinh viết không đúng. Chữ thượng thanh. Lực trường. Thuyết Văn nói là bằng bao nhiêu cân nặng nhẹ gọi là lượng đúng. Chữ chữ viết. Nay Lệ Thư lược bỏ.

Sa số nói là sương cú.

tiếng Phạm chi đề nói là hoặc gọi là chi đế sắc đô, hoặc sắc đồ đều sai. Đúng âm Phạm nói là tế đa, hoặc giả đa. Đây gọi là tụ tướng nghĩa là nhiều lớp báo và gạch đá bằng cao chồng lên nhau.

Ca-lăng-già vương nói là tiếng Phạm đây là tên một vị vua ngày xưa. Đây gọi là đấu tranh tức là trong kinh trước giải thích là Vô vương đạo nước Ba-la-nại.

Hà phụ nói là gánh vác nói là âm hà còn gọi âm giá. Tụ thư nói là hà đảm phụ. Chữ. Thuyết Văn nói là trên chữ dưới chữ bối, trên là chữ nhân xưa. Không phải chữ lực cũng không phải đao?. Phần nhiều viết chữ lực chữ đao đều không đúng.

NĂNG ĐOẠN KIM CANG BÁT-NHÃ BÀ-LA-MẬT KINH

Tam Tạng Huyền Trang dịch - Huệ Lâm âm

Năng đoạn nói là đoạn cắt được. Đoàn mao viết thành, là chữ thượng thanh, hoặc khứ thanh cũng được

để chặt cây làm chày. Không chú thượng thư nói là đoạn tuyệt. Thuyết Văn nói là tiết. Chữ chữ tuyệt. Cổ văn nói là chữ tuyệt. Nay văn kinh viết đều là Lệ thư lược bỏ. Hoặc lấy bỏ và viết không đúng chánh thể. Đúng với chánh thể chữ tiết. Hoặc kinh Kim Cang này tức là đại Ba nhã. Trong quyển 577 là năng đoạn Kim cang phần. Nhập vào mục lục của tạng gọi là cùng với danh mục sau kinh lẫn lộn đầu thể liệt kê ra lại. Âm nghĩa này đã có trong bản đại kinh trước, cho nên không đưa ra nữa, xin xem văn trước.

NĂNG ĐOẠN KIM CANG BÁT-NHÃ BA-LA MẬT ĐA KINH

*Đại Châu Nghĩa Tạng Tam Tạng dịch
- Huệ Lâm âm*

Nan lượng nói là khó lường, lực trường.

Tri lượng nói là lường biết được. lượng trượng viết thành, thường viết.

Tiếng Phạm kinh già nói là Tây Vực tên sông. Đây là đời Đường mượn âm Phạm cũng chưa hoàn toàn chuẩn. Âm Phạm ngưng là, thượng thanh. Ngư ca viết thành là đúng. Xưa kinh viết nói là sông Hằng-già, hoặc sông Hà biên, hoặc Căng-già đều là một, không nhất thiết là đúng.

Tâm Đà-la-ni nói là tiếng Phạm Đà-la-ni, đây gọi là

Tổng trì tức là tâm giữ gìn pháp.

Tiếng Phạm Bạt-già bạn nói là hoặc gọi Bạt-già Phạm, Bà-già-bà, Bạt-già-phạt-đề đều là mười hiệu của Phật.

Kinh Kim Cang này có nơi dịch trong luận Kim Cang Bát-nhã nói là Bồ-tát Vô Trước tạo luận vào triều Tùy-cấp-đa dịch kinh văn có đủ trong văn luận.

THẬT TƯỚNG BÁT-NHÃ KINH

Huê Lâm soạn.

Giao ánh nói là Anh kính. Vận Anh nói là bàng chiếu. Khảo Thanh nói là huy. Thuyết Văn nói là chữ nhật thanh anh. Văn kinh chữ viết không đúng âm của ý kinh.

Du tiền nói là tiên tiền. Không chú luận ngữ nói là tiền tuần.

Trịnh chú lễ ký nói là lý. Chữ túc thanh tàn.

Hà cảm viết thành, đoản thanh tự hạ, chỉ viết một chữ đều đúng. Chân ngôn chỉ chấp nhận thanh này, dùng âm Phạm không đúng nghĩa với chữ tâm.

Ô cô viết thành, dẫn thanh liền hợp khẩu.

Hàm cảm. Dẫn thanh ba chữ này đều là chân ngôn.

Ư nê nói là bần non. Ư cứ. Tự thư nói là đáy nước có bần xanh.

Vận Anh nói là điện tể, chữ thủy thanh ư.

Cát lợi nói là nhị hợp. Hiền kiết viết thành, chữ hai chữ đều uốn lưỡi, hợp thành một tiếng. Dưới đây hai chữ

nhị hợp đều chuẩn theo nghĩa này.

Đát lăm nói là nhị hợp. Lăm đạm viết thành uốn lưỡỉ
dẫn thanh.



NHẤT THIẾT ÂM NGHĨA KINH

*Sa-môn Tuệ Lâm tu hạnh dịch kinh thời Đại Đường
soạn.*

QUYỂN 11

Tựa kinh và kinh Đại Bảo Tích pho thứ nhất gồm mười quyển (đồng âm với quyển này) Hoàng đế Duệ Tông chế.

Tung hoành: Chữ trước là túc dung phiên thiết, chữ sau là hoạch manh phiên thiết. Thuyết Văn gọi là tung, Khảo Thanh Nhĩ Nhã gọi tung là chiều dài, hoành là chiều ngang, là bên trái bên phải vậy.

Hàn thi nói: Nam Bắc là tung, Đông Tây là hoành. Thuyết Văn gọi hoành là lan mộc, thuộc bộ mộc âm hoành.

Chi số: Sương cú phiên thiết

Chứng: chi cảnh phiên thiết, âm thủ, chữ chứng thuộc thượng thanh. Vận Anh nói chử tức là tế bạt (cứu giúp). Đỗ Dự Chú Tả truyện nói: chử nghĩa là cứu trợ. Thanh Loại nói: chử là vớt lên. Quảng Nhã nói chử là cứu.

Trầm luân: Tập Huấn nói trầm là chìm, Trang Tử nói là người chìm nổi (người dẫu họ tên). Cổ Dã Vương nói: con người ẩn giấu tên mình không muốn nổi tiếng trong

chỗn triều đình gọi là trầm lục. Chữ luân ở dưới Khảo Thanh nói là luận trích, tư tứ phiên thiết, Thuyết Văn gọi là chìm thuộc bộ thủy âm luận.

Phản chúc: Thuyết Văn gọi là lửa đồng, thuộc bộ hỏa âm phiên. Chúc, Thiên Thương Hiệt nói chúc là đốt, Thuyết Văn gọi là nướng, thuộc bộ hỏa âm ước thành chữ chúc.

Đạn kỳ: họ Quách chú thích Thi nói đạn là khó. Thuyết Văn gọi là sợ. Quảng Nhả gọi là kinh thuộc bộ tâm âm đan.

Hào mao: Chữ trên là hồ cao phiên thiết, mượn dùng chứ không phải chữ chính, thể chính là từ bộ mao và chữ cao viết thành hào. Toán kinh nói: mười ti là một hào. Hào mao là đồng sợi lông, nhỏ bé vậy.

Đào Quân: Chữ trước là Đường lao phiên thiết Tập Huấn gọi là ngói nung, Quảng Nhã gọi là sự giác hóa, Thế Bản nói anh em ta làm Đào Tống trung nhật hạ lượt thần. Thuyết Văn nói từ bộ phụ âm

đào. Huấn, Khảo Thanh gọi là đều, đều đặn không hơn kém. Hứa Thúc Trọng chú Nam Tử nói là phép đong tính. Thuyết Văn cho là thuộc bộ kim âm quan. Theo chữ đào quân nghĩa là hun đúc, giáo hóa, tạo hóa.

Hán nhật: Nhi nhất phiên thiết Hán pháp bản nội truyện nói: “Vua Hán Minh ban đêm nằm mộng thấy người vàng bay đến sân điện, sáng hôm sau ông hỏi người đoán mộng, người ấy bảo: ở phương Tây có bậc Đại Thánh, do đó ông cho người tìm giáo Phật pháp bắt đầu nghe thuyết giáo”.

Thứ đầu: Tình tự phiên thiết nghĩa là chim thứu: là

tên núi Thửu đầu, ở bên cạnh thành Vương xá cũng gọi là núi Thửu phong, cũng gọi là Linh thửu sơn. Tiếng Phạn gọi là Kỳ-xà-quật cũng là một ngọn núi này.

Ngọc hào: Hồ cao phiên thiết là chữ giả tá, chánh thể là bộ mao mà viết thành chữ hào. Ngọc hào là giữa hai hàng chân mày của Đức Như Lai có sợi lông trắng, chiếu ánh sáng trắng giống như bạch ngọc Phật phát ra ánh sáng từ tướng lông trắng chiếu khắp các thế giới ở mười phương cho nên gọi là ngọc mao đan sắc.

Can qua: Chữ trên là cương an phiên thiết, Thi truyện nói can là chiếc cán, âm hạn cái côn. Thuyết Văn viết là chữ can nghĩa là can phạm.

Qua: Chu Lễ Ty nói qua là cái mác, là thứ đồ binh khí. Trịnh Huyền nói: như cái mâu, thuận bây giờ vậy. Thi truyện nói qua dài sáu thước sáu tấc. Phương ngôn nói giữa vùng Ngô Dương gọi kích là qua. Thuyết Văn nói vật đầu bằng là kích.

Tôi phong: Chữ trên là tạng lôi phiên thiết, Thuyết Văn gọi chữ tôi là bẻ gãy, thuộc bộ thủ âm thôi, chữ dưới là phương phong phiên thiết. Khảo Thanh gọi là mũi nhọn, Thuyết Văn nói là mũi nhọn của binh khí, thuộc bộ kim âm phong.

Hội lỗ: Chữ trên là Hội ngoại phiên thiết, Mao Thi truyện nói: hội là loạn. Công Dương truyện nói: là vỡ bờ. Cốc Lương truyện nói: trên dưới không hợp nhau gọi là hội. Tả truyện nói: dân trốn người cai trị cũng gọi là hội, ở trên gọi là hội, ở dưới gọi là đào. Thuyết Văn gọi là rơi lọt, chữ dưới là lỗ, Không chú Thượng thư nói: lỗ là số đông. Chu Lễ nói năm trăm người là một lỗ. Trịnh

Huyền nói: hễ Sư đi ra gọi là trị binh sư vào gọi là an trần lữ.

Tịch Viên: Tàn Thuyết Văn nói tịch là mở, thuộc bộ môn âm ty.

Chu Lễ Phồn Từ nói: tịch bộ nghĩa là mở cửa.

Tuệ quỹ: Quy lụy phiên thiết, Thuyết Văn gọi là bóng mặt trời, bộ nhật âm cửu.

Triệu xiển: Nhĩ Nhã gọi là bắt đầu, chữ dưới gọi là xiển. Thanh Loại gọi là mở toang. Hàn Khang Bá Chú Phồn Từ nói: xiển là làm tỏ rõ.

Quỳnh biên: Quý doang phiên thiết, Thi truyện nói: là vẻ đẹp của ngọc có thuyết gọi là cây ngọc. Thuyết Văn gọi là ngọc đỏ, bộ vương âm quỳnh, chữ dưới là tất niên phiên thiết. Lưu Triệu chú Công Dương truyện nói: đan xen. Thương Hiệt nói biên là lẽ sách, Thuyết Văn gọi là biên thứ giản. Từ chữ nịch âm mịch, bí niên phiên thiết.

Cự tức: Cường ngữ phiên thiết, khứ thanh, chữ thường dùng Dĩ Quý chú Quốc ngữ nói: cự là mau chóng. Cố Dĩ Vương, cự là vội vã. Trịnh Huyền chú Chu Lễ nói: đưa tin (chuyên). Thuyết Văn cũng giải thích giống Chu Lễ, bộ xước, âm cự.

Dụ thánh: Doanh nhuệ phiên thiết, Quảng Nhã nói dụ là thông minh, sáng suốt. Tập Huấn nói: dụ là thánh là thông triết. Thuyết Văn gọi rất tỏ rõ.

Tĩnh nghịet: Ngự yết phiên thiết, tả truyện nói: khi trái trời gọi là tai đất loạn gọi là nghịet. Khảo Thanh nói: nghịet là tai họa. Loài trùng quái dị gọi là nghịet. Y phục thảo mộc kỳ lạ gọi là trật. Nay tục dùng chung nghịet là

lữ tịnh. Vận Tập cho rằng từ bộ trùng âm hủ viết thành chữ nghiệt chánh thể từ bộ thị viết thành chữ nghiệt, thanh phiệt. Thuyết Văn nói chữ Nghiệt từ chữ cũng âm thảo, từ bộ trung, sữ liệt phiên thiết, từ bộ thảo âm hiệt, từ bộ dương viết, nay tương truyền chữ sơn viết chữ là lần lượt không đầy đủ.

Sào toại: Bào Phó Tử nói: Hoàng đế thời Thượng cổ có tộc là Sào Thị. Thời ấy cầm thú phần nhiều ở chung với người, vì lạnh nạn nên gọi là sào thị. Phồn Tử nói: thời Thượng cổ ở trong hang và chỗ hoang dã. Các thánh nhân đời sau đổi lại làm phòng thất. Bào Phác Tử nói: vào thời xưa con người ăn thịt sống uống máu tươi của các loài chim thú và các loại rau quả để trừ bệnh đói. Vì thế các Thánh nhân tìm cách lấy lửa để nấu chín thức ăn, vì thế nên gọi là người họ Toại.

Ứng Tuệ: Thiên Thương Hiệt nói: ứng là nắm giữ. Thuyết Văn gọi là ôm ấp, thuộc bộ tộc âm ứng. Chữ dưới là tùy nhuệ phiên thiết, tức chỗi tre. Phương ngôn nói từ cửa đến phía tây hoặc cho là chỗi quét, tùy túy phiên thiết cũng gọi là chỗi quét, chỉ tây phiên thiết hoặc từ bộ thảo viết chữ tuệ.

Chánh sóc: Chữ trên là chương doanh phiên thiết, khảo Thanh gọi là đầu tiên, là mới là ngày mồng một của tháng.

Bàn đào: Bàn an phiên thiết, sơn Hải kinh nói: ở biên Đông có ngọn núi Đào độ, trên núi có một cây đào rất lớn gọi là đào đô. Gốc của nó lan tỏa cả ba trăm dặm, cành bủa xa khoảng ba ngàn dặm. Trên ấy có gà trời sắc vàng, khi mặt trời mới mọc chiếu lên ánh nắng lên cây

này thì thiên kê liền kêu lên. Lúc đó các con gà trong cả nước đều kêu theo. Kinh Sơn Hải cũng nói: có cây hoa đào lớn gốc nó tỏa kết ba trăm dặm, cành tỏa hơn ba ngàn dặm. Trong Bảo Suy Thần Ký và phong tục thông nghĩa đều dẫn sách của Hoàng đế rằng: thời Thượng cổ có hai vị thần, một là Đồ, hai là Tước Lũy. Lại một vị là Tước Luật lên núi Sốc, trên núi có hai cây đào lớn, hai người nương ở dưới gốc cây, phía đông bắc của cây có cái hang lớn, các loại quỷ thường ra vào hang này: hai vị thần này làm chủ thống lĩnh loài quỷ này, trong bọn chúng có kẻ làm hại người, chúng dùng dây trắng buộc lại đem dâng cho hổ. Cho nên Hoàng đế bèn làm lễ thì con hổ ỏi ra chỗ gốc đào. Người kia ở chỗ cửa vẽ tượng hai vị thần và chú hổ để tượng trưng. Ngày nay theo phong tục mỗi lần cuối tháng chạp trong đêm giao thừa thì vẽ một người đào rũ xuống rơi dây trắng, vẽ tranh hổ ở hai bên cổng, đặt hai bóng đèn tượng trưng cho mắt hổ, để loại trừ điềm bất tường.

Hồn xa thư: Chữ trước là hồn ản, phiên thiết Thuyết Văn gọi là phong lưu, theo từ phong lưu là hồn, hồn giống như lưu không khác. Xa, nghĩa là vết bánh xe. Thư gọi là dấu ấn của chữ nghĩa. Hồn xa thư nghĩa là dấu vết của thiên hạ cũng giống ký hiệu của văn tự cũng như một vua cai trị, giáo hóa thiên hạ đồng một nhà.

Tế liễu: Kinh Sơn Hải nói: ở biên Tây gần chữ mặt trời lặn tên của một tiểu châu, có một ngọn Thường thương, chỗ lặn của mặt trời mặt trăng chính là châu này, có tên là Tế liễu cũng gọi là Dương liễu đảo.

Ca-diếp: là tiếng Phạn, âm chính của Phạn là Ca,

khương khứ phiên thiết, Nhiếp-ba là một dòng họ lớn ở Ấn Độ.

Niên du: Dương chu phiên thiết, Quảng Nhã nói du là vượt qua. Mao Thi truyện nói du là vượt lên, Thuyết Văn giải thích là từ bộ túc âm du.

Áp ký: Thiên Thương Hiệt nói ấy là tồn (bớt đi). Mao Thi truyện nói áp là châm (rót). Thuyết Văn gọi là trì (nắm giữ), chữ này thuộc bộ thủ âm áp.

Vĩnh thuận: Thời luân phiên thiết, đây là niên hiệu của Đại đế Thiên Hoàng đời Đường thuộc năm Quý mùi.

Đương trử: Trục lữ phiên thiết, Nhĩ Nhã nói: trử là giữa khoảng cái bình phong với cửa. Quế Uyển Châu Tự nói: là chỗ vua nhận sự triều bái.

Tuần cơ: Nhĩ Nhã gọi là tự mình, Quách Phác cho rằng tự mình noi theo, Khảo Thanh nói tuần là thuận theo, Thuyết Văn cho rằng tuần là tuần hành, Cơ Không chú Thượng thư nói: ký là cái nổ, cái máy phát động. Thuyết Văn nói máy móc là ký.

Đẳng xu: Xương châu phiên thiết, tập Huấn nói chỗ phát động gọi là xu cơ, Khảo Thanh nói: xu cơ là ngôn từ, Thuyết Văn cho đó là chốt cửa từ bộ mộc âm phu.

Khuy trung: Khu truy phiên thiết, khảo Thanh nói: Khuy là rơi rụng là tổn thương. Trịnh huyên chú thích Mao Thi nói: Khuy là hủy hoại, Vương Dật chú sở từ nói khuy là thuyết. Quảng Nhã nói khuy là thiếu. Thuyết Văn thì giải thích là khí tổn. Trưng, Đỗ Dự chú tả truyện nói trưng là nghiệm. Thuyết Văn gọi là tượng, từ chữ Nhậm, thiên đánh phiên thiết, từ chữ thanh tĩnh.

Miên khu: Chữ trên là di nhiên phiên thiết, chữ dưới là Khương Vu phiên thiết.

Phi câu: Thuyết Văn nói phi là lớn thuộc bộ nhất và âm bắt vần kinh cho rằng từ bộ thập viết thành chữ phi. Chữ dưới là câu, Cố Dĩ Vương nói: câu là hợp lại. Mao Thi truyện nói: câu là tạo thành. Thuyết Văn nói câu là xây đắp, bộ mộc âm câu, cổ hầu phiên thiết.

Tầm dịch: Phương ngôn nói dịch là diễn giải sự lý, là nói liền không dứt, Quảng Nhã nói dịch là làm rõ sự. Thuyết Văn nói là gỡ mối tơ, thuộc bộ mịch âm mịch.

Bất giải: Cách nại phiên thiết là lười biếng.

Vọng bì: Quốc ngữ nói bì sĩ không chức vị, bì nữ không gia thất, Giả Quỳ nói bì là bệnh. Quảng Nhã nói bì là mệt mỏi. Thuyết Văn cho đó là lao nhọc.

Bộ trật: Trần lật phiên thiết Thuyết Văn gọi là thư y, thuộc bộ cân âm thất.

Tại ác: Nhĩ Nhã nói ác là đầy đủ, Thuyết Văn nói là âm ải nguy trí.

Chi tộc: Dã Quỳ chú Quốc ngữ nói: Tộc là ngôi lộc, xưa nay đều dùng chữ chính như tộc phước, từ ngữ diệt.

Chi manh: Sử ký nói: Manh là người đất Dĩnh. Quảng Nhã nói manh là dân không nghề nghiệp là ngu si, Thiên Thương Hiệt nói là người dân dã, Thuyết Văn gọi là dân làm ruộng.

Hàng dật: Dân nhất phiên thiết Khảo Thanh nói đó là ý thích đủ, vui vẻ. Khổng An Quốc chú Thượng thư nói dật là trốn, Thiên Thương Hiệt dật là thảnh thơi từ bộ nhơn âm thất vậy.

Minh mật: Di tất phiên thiết Nhĩ Nhã nói mật là yên tĩnh, Khảo Thanh nói mật là không có tiếng động, Tập Huấn nói mật là an ổn.

Kiêu tục: Khảo Thanh nói kiều là mỏng manh, là tươi ướm. Theo nghĩa kiều ốc tức là vị nhạt.

Thuần nguyên: Khảo Thanh nói thuần là trong trẻo. Trịnh Huyền chú nghi lễ nói thuần là bón tưới. Quảng Nhã nói thuần là rót vào. Thuyết Văn nói thuần là tốt đẹp.

Trịnh Huyền chú lễ ký nói nguyên là nguồn gốc. Cố Dã Vương nói đầu nguồn nước gọi là nguyên.

Tạm thừa: Khảo Thanh nói: tạm là không lâu.

Liêu đề: Lục điều phiên thiết Tập Huấn gọi là thả, tạm.

Tương trật: Tự thư nói kiêm là tương (lựa nhũn ngày xưa dùng để viết nên gọi là kiêm tương), chữ dưới là trần lật phiên thiết. Tập Huấn nói, túi đựng sách gọi là thư trật, thuộc bộ cân đọc tất âm thất.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 1

*Đại Đường Tam tạng Bồ-đề Lưu, Chí Tập dịch Tam luật
nghi, hội thứ nhất ba quyển.*

Cao Tuấn: chữ thông dụng, Thuyết Văn giải thích chính thể có bộ sơn, Khảo Thanh gọi là núi cao, Khổng An Quốc chú Thượng thư nói: tuần là cao lớn, Thuyết Văn gọi là cao.

Hủy mộc: Thuyết Văn nói đó là tên chung của loại cỏ, nay lệ thư tóm lược từ ba mươi thành hủy, lại âm là huy quĩ phiên thiết cũng được.

Kỳ lân: Thiên Thương Hiệt nói: con cái gọi là kỳ, con đực gọi là lân. Mao Thi điều thú trùng ngư sớ nói: kỳ lân là giống thú mang điềm lành. Vương là chí nhân cho nên xuất hiện con vật khôn ngoan, có âm là quân. Đuôi trâu chân ngựa móng màu vàng một sừng thẳng có thịt nhưng không làm hại vật. Nó sống rất có khuôn pháp, khi ngao du thì chọn đất lành, chỗ nó ở không làm tổn hại trùng sống, không phá cỏ cây, không ở theo đàn, không đi từng bầy, không rớt hăm, không vương

lưới. Thuyết Văn cũng gọi là thú nhân từ. Chữ mi, con này đuôi giống đuôi trâu một sừng từ bộ lộc âm hy, văn kinh có khi từ bộ

Hùng bi: Chữ trên là thư cùng phiên thiết, chữ dưới là bỉ mi phiên thiết Mao Thi nói: duy bị duy hùng. Thuyết Văn gọi là tên của loài cầm thú nó giống như con heo nhưng to và màu đen, nó ở trên núi, tay nó giống tay người. Nhĩ Nhã nói: beo giống như gấu nhưng da nó trắng vàng. Quách Phác nói: loài beo cũng giống như loài gấu nhưng to hơn, đầu dài, cao và rất mạnh, sức nó có thể quật gãy cây cối. Tiếng địa phương ở Quan tây gọi là giả.

Anh vũ: hoặc gọi là điều, hai cách đó dùng chung, kinh Sơn Hải nói: Hoàng sơn có loài chim, dáng nó giống chim ưng biển cánh xanh mỏ đỏ, có thể bắt chước nói tiếng người nên gọi là anh vũ. Quách Phác nói: anh vũ bây giờ lưỡi nó giống trẻ con, ngón chân trước sau của nó đều có hai dấu nổi ra ngoài lộ năm sắc. Cũng có loại toàn màu trắng, con lớn giống như nhạn, Khúc Lễ nói: anh vũ có thể nói không rời các loài chim. Thuyết Văn nói hai chữ anh vũ đều thuộc bộ điều âm vũ anh. Thuyết Văn lại nói chữ anh là từ bộ nữ, âm anh có hai bộ bối. Nay theo văn kinh là hai bộ mục dưới thuộc chữ an viết thành anh, chẳng đúng vậy. Chữ vũ là bộ chỉ, bộ qua.

Cù-chỉ-la-điều: là tiếng Phạn, một giống chim ở Ấn Độ, hoặc gọi là Cù-xí-la, hoặc gọi là Cù-xá-la đều là âm nặng nhẹ của tiếng Phạn, kinh Niết-bàn nói là loài chim này hát rất hay, đặt tên theo âm thanh của nó, tánh nó rất thích sang trọng không chịu ở trên những cây khô héo.

Phù nhạn: Chữ trước là phụ vô phiên thiết Nhĩ Nhã nói đã phù có âm vụ. Mộc Quách Phác chú thích rằng:

thuộc giống vịt. Ô áp phiên thiết, Khảo Thanh nói: vịt hoang dã, văn tự giải thích yếu nói: nó thuộc bộ điều âm kỷ. Kỷ là con chim cánh ngắn bay mấy bận, trên là bình dưới là thanh. Chữ dưới là nhận, Mao Hứa truyện nói loại lớn là hồng, nhỏ là nhận. Thuyết Văn nói nó thuộc loài ngỗng, thuộc bộ điều âm nhận. Theo chữ phù nhận tức là loài chim bay theo ánh dương. Lễ ký Nguyệt Linh nói vào những tháng thuộc mùa thu chim phù chim nhận bay đến.

Nhự thực: Như thử phiên thiết Khảo Thanh nói: như là ăn, chữ dưới là thực. Chánh thể của nó là bộ tập, nay văn kinh viết bộ nhơn và chữ lương mà viết thành chữ thực, đó là chữ thông dụng, chẳng phải chánh thể.

Ông-uất: Chữ trước là ộc không phiên thiết chữ xưa nay gọi ông là lớn, anh tài uyển châu nói là cỏ rậm, từ bộ thảo âm ông, chữ dưới là uất là chữ thông dụng. Khảo Thanh nói uất là hơi không thoát ra. Nhĩ Nhã nói uất là khí tụ. Quế Uyển Châu Lâm nói uất nhiên là hơi thoát ra. Quảng Nhã nói uất là u uất nghĩa là cây cối rậm rạp. Thuyết Văn nói đó là cây nghệ. Theo Thuyết Văn uất thuộc lâm và phữ...

An-ma-la-thọ: là tên của giống cây ăn quả. Trung Hoa không có giống này. Cổ dịch là Am-bà-la hoặc Am-la-thọ đều là một kinh Niết-bàn nó thí như cây am-ma-la một năm thay đổi ba lần. Có khi ra hoa ánh sáng lóng lánh, có héo ra lá xanh um, có khi lá rụng trụi sạch như cây khô. Lại nói thí như cây am-la hoa nhiều quả ít.

Chân-thúc-ca-thọ: chữ trên là kinh diên phiên thiết, chữ dưới là khương như phiên thiết, vì là tiếng phạm nên

không truy tìm tự nghĩa. Nó là giống hoa của Ấn Độ, Trung Quốc không có giống hoa này, Đại Đường Tây vực ký nói ở Ấn Độ có rất nhiều cây kiên-thúc-ca cũng gọi là cây vô ưu, hoa của nó màu đỏ, thuyết này chính xác nhất.

Do-đề-ca-hoa: là chữ vay mượn, nó thuộc Phạn ngữ, đọc trại là chữ đa-chấp-bồn là âm ca. Ngay đến Đức Bôn sư Thích-ca cũng gọi là ca, thì thật ngu hoặc. Trong văn này đoạn trước có hoa bà-sư-ca sau có hoa ca-la-bà đều đồng với âm này.

Phổ hợp: nghĩa là thấm, hòa, nhuần vậy.

Tuy mỹ: Vận Thuyên nói tuy mỹ là cỏ lan tỏa. Vương Dật chú Sở Từ nói: lan ra theo gió.

Huy anh: Chữ trước là hủy vì phiên thiết, chữ dưới là anh kính, phiên thiết là màu xanh lục cùng nhau phát tỏa.

Như không tước yên: Khảo Thanh gọi là yết hầu là cần cổ. Văn kinh viết thuộc bộ khẩu, chữ yết, chữ khứ thanh là sai, chánh thể của nó là bộ nhục.

Đâu-la-môn: là tiếng Phạn là sợi tơ mềm mại hoặc gọi là bông liễu, bông lau vậy.

Chỉ bộ: Đỗ Dự chú tả truyện nói: chỉ là bàn chân, Nhĩ Nhã cũng giải thích như vậy. Chữ bộ Thuyết Văn gọi là đi, bộ chỉ tha mặt phiên thiết tương bối trùng thư tức là chữ bộ, nay thông dụng, dưới chữ chánh theo chữ thiếu là lần lượt.

Bỉ tuyên: Trịnh Huyền chú lễ ký nói: vũng chứa nước gọi là bỉ, đào đất để giữ nước gọi là ao.

Thanh linh: hai chữ thanh linh đều từ bộ thủy, hai chữ này nghĩa là trong suốt, thuộc chữ hình thanh.

Du-thiện-na: Du-thiện-na là tiếng Phạn, các bậc Thánh vương ngày xưa hành quân một ngày. Trong các kinh luận phiên dịch trước sau, xa gần khác nhau, hoặc gọi là bốn mươi dặm. Câu-xá luận nói mười sáu dặm. Đường Tây vực ký nói: theo thói quen ở Ấn Độ một chi, thiện na là ba mươi dặm. Thuyết này đúng nhất, nay văn căn cứ theo thuyết này.

Kỳ hành: hạnh canh phiên thiết thiên Thương Hiệt nói: gốc của cây cỏ gọi là hanh Thuyết Văn cho là nhánh chính.

Phệ-lưu-ly: Tên vật báu (tiếng Phạn) tự thể của chữ không nhất định, là loại thần bảo thời sinh, màu xanh ngọc ánh sáng lấp lánh, chẳng phải loại đá nhơn tạo tôi luyện lưu ly.

Bảo đạc: chữ bảo, chánh thể là bộ mạch, bộ vương bộ phữ, bộ bối kết hợp lại. Nay văn kinh nói từ chữ thân viết thành bảo, chữ thông dụng, nhưng chẳng phải thể chính. Chữ dưới là đạc, Trịnh huyên chú thích Chu Lễ nói đó là cái linh lớn. Không An Quốc nói thứ chuông lưỡi bằng gỗ, dùng để tuyên lời dạy.

Thiên-bộ-đàn kim: là tên của một loại kim bảo vô cùng thù thắng (tiếng Phạn), là loài thần bảo thiên sanh, chẳng phải loại khoáng sản của thế gian tôi thành.

Kỳ an: Tương du phiên thiết tua bông sen, chánh thể là bộ triệt, là cái đầu kèm theo bộ sam, chữ tượng hình nay lệ thư lại thêm bộ mười ty, nên viết thành chữ này cũng thông dụng.

Khẩu hàm: Áp giám phiên thiết, khảo thịnh nói miệng giữ mà ăn, Thuyết Văn nói dây vằm trong miệng ngựa.

Xí điền: Khảo Thanh gọi xí là chỗ tạp uế, Thiên Thương Hiệt nói xí là thứ lớp, Quảng Nhã gọi là khoảng. Chữ dưới là điền, Giả Quỳ chú Quốc ngữ nói điền là lấp vào, Quảng Nhã nói điền là tắc, Trịnh Chú lễ ký nói điền là đầy.

A-thấp-bà-nhị-đa: là tiếng Phạn, Đường dịch là mã thắng.

Ly-ê: Phương ngôn nói ê là vương vít, Vận Anh nói ê là che lấp, Quảng Nhã nói chướng ngại, Thuyết Văn nói ê là lộng hoa.

Trừu lâm: Thiên Thương Hiệt nói trừu là vỏ lúa, Thuyết Văn nói trừu là nhiều, bộ hóa đọc tắc âm chu.

Trừu sính: là chữ thông dụng, chữ này tuy là chánh thể nhưng có hai âm, có âm đà, nay chữ thường dùng là tù. Cố Dã Vương nói tù là đi, Quảng Nhã nói tù là chạy. Chữ sính: Đỗ Dự chú tả truyện nói: sính là tù, đi, Quảng Nhã nhớ sính là chạy, Thuyết Văn gọi là chạy thẳng một mạch, bộ mã âm sinh.

Lưu chú: Thuyết Văn nói: mưa thuận thời nên cây cỏ sinh trưởng tươi tốt, bộ thủy âm thụ.

Khuyết giảm: thanh loại nói thuộc bộ thù, Thuyết Văn gọi là đồ sành, cái vô miệng nhỏ, Thuyết Văn nói chữ thuyết chánh thể bộ phữ, Quách Phác chú Nhĩ Nhã nói đó là bình bị mẻ. Bộ phữ đọc là quyết, chữ giảm có hai âm, đều là thượng thanh, bộ thủy chữ giảm thể một nhưng cách dùng ấy nghĩa khác biệt, âm chính là giam,

Khảo Thanh nói sự tổn hại làm cho bớt đi gọi là giảm, Thuyết Văn nói giảm là tổn.

Điền liệp: Thuyết Văn nói là làm ruộng, Khảo Thanh nói điền cũng như lập. Chữ dưới là lực nghiệp phiên thiết Khảo Thanh nói đó là giống hao chó, nay dùng chung điền thành hiệp.

Khôi hội: Chữ trước là khô hoàn phiên thiết Khổng An Quốc chú Thượng thư nói: khôi là thầy, Quảng Nhã nói khôi là chủ vậy. Trịnh Huyền chú lễ ký nói khôi là đứng đầu, Vương Dật chú sở từ nói: khôi là lớn. Chữ dưới là hội, Quảng Nhã nói hội là cắt, người làm nghề đồ tể gọi là khôi hội.

Miêu thố: âm ngô là giang ngoại cho là chữ miêu nay không lấy chữ mà nói chung là tên của loài thú. Cố Dã Vương nói: nó giống như hổ nhưng nhỏ hơn, là loài gia cầm dùng để bắt chuột. Thuyết Văn thiếu chữ này. Chữ thố: Cố Dã Vương nói: lông của nó có thể làm bút để viết. Thuyết Văn gọi là tên của loài thú, chân của voi có chấm đen giống đuôi voi, đầu thỏ đầu voi giống nhau cho nên chữ thố đọc từ âm tượng mà tỉnh lược.

- Yểm ác: Chữ trước là y diễm phiên thiết, chữ dưới là ô cổ phiên thiết.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 2

Bất khả trị: Trĩ ly phiên thiết. Sớ dĩ: sương tróc phiên thiết.

Hy vọng. Vũ phòng phiên thiết.

Phân tảo y: y này của các vị Tỳ-kheo này vì chế tiết lòng tham, không thọ của tín thí cúng dường, xả bỏ và xem thường những loại y tốt đẹp thượng hạng, thường lượm nhặt những mảnh vải mà người đời vứt bỏ rồi đem ra sông suối giặt sạch, sau đó đem về vá lại hết thành y nên gọi là y phân tảo. Nay dùng chung với từ nạp y, luật gọi là y vô úy, không bị giặt cướp và kẻ xấu cướp đoạt. Trong kinh cũng gọi là y công đức, được tất cả Như Lai khen ngợi. Người đắp y này các vị trời thường đến lễ bái cúng dường, cho nên Như Lai tán thán Ngài Đại Ca diếp và bảo ông ngồi chung tòa rồi cởi y đắp cho ông, nên gọi là công đức y.

Khê giản: Quảng Nhã nói Khê là cái hang, Thuyết Văn gọi là cái khe suối. Bộ cốc âm Khê. Giản: Mao Thi truyện nói đó là dòng nước chảy trong khe núi. Thượng thư nói: y lại triền giản đã vào sông, Khổng An Quốc nói: khe chảy ra ao thẳng ở núi Bắc, nước chảy giữa hai khe núi gọi là giản, Thuyết Văn cũng gọi là nước trong núi, bộ thủy âm gian.

Chùy đả: Chữ trước là giai nhị phiên thiết Hứa Thúc chú Hoài Nam Tử nói: chùy là lửa ra (đoán), Khảo Thanh gọi là chọn lấy (trích), Thuyết Văn nói chùy là lấy gậy đánh, bộ thủ âm thùy, hoặc bộ mộc. Chữ dưới là đức lãnh phiên thiết, Quảng Nhã nói đả là đánh, Tỳ Thương nói đả là đập vỡ.

Quyên võng: chánh thể là chữ cốt, Khảo Thanh nói dùng lưới bắt chim muông, Vận Anh nói là trói buộc, chữ la là dây tơ, chữ dưới là võng. Cố Dã Vương nói: võng là tên chung của các loại lưới. Dịch nói: thuở xưa

Bào Hy Thị kết dây làm lưới để bắt cá nuôi sống muôn dân. Thế Bản nói chữ vông là lưới. Tống Trung nói: đại thần phục hy có khi viết chữ vông có khi viết chữ vọng đều là chữ cổ.

Tạng cử: Chữ trước là tạc lang phiên thiết, chữ dưới là khương ngô phiên thiết, có bản kinh hoặc viết là lộng, hư ngô phiên thiết, cũng âm cử.

- Trì sính, Chữ trên là trương ly phiên thiết, Thuyết Văn viết là đà, Quảng Nhã nói là trì bôn, cổ Dã vương nói trì tẩu, Thuyết Văn nói đại đà, từ chữ mã âm Đà, thanh tha. Văn kinh nói từ chữ tha, là chữ thường dùng. Chữ sau là sắc lãnh phiên thiết, Quảng Nhã nói sính bôn. Đỗ Dự chú Tả truyện nói là trì đầu, Thuyết Văn nói là trực xa, từ chữ mã, thanh thất hạ phiên thiết.

Thô khoáng: Chữ trên là thương hồ phiên thiết thô là chữ tỉnh lược, đã truyền dụng từ lâu. Trong Thuyết Văn viết chữ chính thể là ba bộ lộc. Tự Thư nói vật không tinh tế. Quảng Nhã nói thô là to vậy. Trịnh Huyền chú lễ ký nói: thô là thô sơ, chữ dưới là hoành. Tập Huấn nói loài chó hung dữ không thể gần gũi. Văn kinh có chỗ viết chữ khoáng bộ thạch là sai vậy. Vì nó là đồng thiết, than đá chứ không phải chữ này vậy.

Kế hà mô: Chữ mô là mạch ba phiên thiết, Khảo Thanh nói: đó là loài vật dưới nước. Nhĩ Nhã nói: âm thẳng, bỏ âm thẳng thành thiềm. Quách Phác chú Nhĩ Nhã nói nó giống như con cóc trên đất liền. Hoài Nam gọi nó là ếch, Nhĩ Nhã lại nói nó ở dưới nước gọi là mẫn, Quách Phác chú gọi là canh, giống con ếch ương mà bụng nó lớn. Bồn thảo nói: Hà mô một tên là thiềm dư,

một tên là quy thắng, một tên khứ văn, một tên là điền phụ, một tên là hồ mạnh, một tên là thanh oa, một tên là cảnh mãnh, một tên là trường cổ, đều là tên khác của các địa phương nói về Hà mô.

Di hâu thủ: Thuyết Văn gọi là con khỉ lớn hoặc là khỉ cái. Dị lục phiên thiết, Hán Thư nói: đó là mộc hâu. Nay gọi nó là hâu tôn, Vương Diên Thọ làm bài phú gọi nó là Vương tôn, nay tục gọi là hồ tôn. Căn cứ theo loại thú này có rất nhiều loại. Nói tóm lược chừng mười loại. Nay tạm đơn cử tên của nó chứ không thể kể tường tận tường loại một, tức là di hâu, bạch viên.

Huyền tạp: chánh thể của nó viết như chữ hoan. Thanh Loại giải thích huyền là hoa vậy. Trịnh Huyền chú lễ ký nói: huyền là tiếng ồn, chữ tạp ở dưới là chữ thông dụng. Chánh thể của nó bộ y Thuyết Văn gọi là y năm màu, bộ y âm tập. Nay viết chữ tạp này là biến thể.

Trung gian: Trương dừng phiên thiết, Thuyết Văn gọi cái mô cao là trũng chữ trung thuộc bộ bao âm bào, bộ thi trong kinh viết bộ môn âm mịch, bộ thi chẳng đúng vậy.

Như xu: bao hàm chú luận ngữ nói: xu là đi nhanh, Nhĩ Nhã môn ngoại cũng gọi đó là xu, Thuyết Văn gọi là địa y, chánh thể là bộ tẩu âm sô. Văn kinh từ bộ đa viết thành chữ xu.

Thương lâm: Thất dương phiên thiết trên đầu hai thanh gồ bọc sắc nhọn, nay chữ thương là một thứ binh trượng. Trượng là hai đầu bọc sắc nhọn, Thuyết Văn gọi là cự, bộ mộc âm thương.

Hiêm khoáng: Hư nghiệm phiên thiết, Quảng Nhã

nói hiểm là trở ngại, Phương ngôn nói hiểm là cao giá, Quỳ chú Quốc ngữ nói: hiểm là nguy, Vương Bật chú Chu Dịch nói: hiểm là hiểm nạn, Thuyết Văn gọi là trở nạn, bộ phụ âm thiểm. Văn kinh nói nó là bộ sơn viết thành hiểm là sai. Vì chữ hiểm này là chỉ đất đai nhỏ hẹp không bằng phẳng là chữ khiếm, chữ nghĩa và âm đều trái với ý kinh, phải sửa lại thành bộ phụ. Chữ dưới là khoáng, Khảo Thanh nói khoáng là mệnh mông vô bờ. Thiên Thương Hiệt nói: khoáng là xa xôi (thưa thớt). Quảng Nhã nói khoáng là rộng lớn, Thuyết Văn gọi là cái hào. Bộ thổ âm quảng, văn kinh viết bộ nhật là nhâm, vì chữ này là chỉ cho sự sáng suốt, khoáng đảng chứ không phải ý kinh.

Ti tài: Chữ trước là tử tư phiên thiết, Quảng Nhã nói tư là vốn liếng, Cố Dã Vương gọi là tài sản. Viết đúng là chữ tự, còn chữ này không đúng nghĩa. Thuyết Văn nói người bị phạt nhẹ, đem tài sản để chuộc tội gọi là ti, chữ này bộ bồi âm thử.

Sở nhị: Tha đắc phiên thiết, Trịnh Huyền chú Chu lễ nói: từ chữ quan tạm mượn dùng như chữ giá. Tập Huấn nói đó là người thừa tả, Thuyết Văn nói là theo người cầu vật. Bộ bồi âm dục, trong kinh bộ đại viết thành chữ thái là rất lắm, cần phải bỏ bộ nhơn.

Tiêu diệt: Chữ trên là tức tập phiên thiết Trịnh Huyền chú lễ ký nói tiêu tán, Thuyết Văn gọi là nung kim loại bộ kim âm tiêu. Chữ dưới là di diệt phiên thiết Thuyết Văn gọi là diệt tận, bộ thủy, chữ nhung, nước diệt hỏa là chữ hội ý.

Đệ hồ: chữ đệ này cũng giống chữ đệ bộ xước. Khảo

Thanh nói: đệ là thay thế. Quách Phác chú Nhĩ Nhã nói là biến đổi. Sở từ nói: bốn mùa lần lượt trôi qua dần đến tuổi già chết. Vượng Dật nói: thay đổi cho nhau, sách gọi là trao cho bộ xước âm đệ văn kinh viết chữ đệ này, chữ dưới theo vận thuyên nói: hồ là đắp đổi.

Du xiêm: Thiên Thương Hiệt nói: xiêm là nịnh hót. Trang Tử nói: không phân biệt phải trái mà nói thì gọi đó là du, Thuyết Văn gọi là xiêm nịnh. Bộ ngôn âm du: chữ dưới là sữ nhiễm phiên thiết, dịch viết: bậc quân tử trên giao tiếp, không xiêm, dưới giao du không nịnh hót. Hà, Hà Hưu chú Công Dương truyện nói xiêm cũng như nịnh, Trang tử gọi lời nói có ý nhả cợt là xiêm, Thuyết Văn gọi là nịnh bợ.

Dững dục: Chữ trước là dương chủng phiên thiết. Thục Pháp nói: coi thường mạng sống để làm việc nhân gọi là dưng. Biết sự việc dẫn đến cái chết mà không sợ gọi là dưng, Thuyết Văn gọi là dưng khí, bộ lực âm dưng hoặc bộ qua, hoặc viết thêm bộ túc chữ dưới là dục, dương ước phiên thiết, Quảng Nhã nói dục là nhảy lên là lên, tiến, Thuyết Văn gọi là chạy, bộ túc âm tước.

Ánh tế: Chữ trước là anh kính phiên thiết, Vận Anh nói: ánh là chiếu khắp một liên. Sách gọi là cùng che nhau. Chấn thể là bộ anh, văn kinh viết bộ ương là sai vậy. Ngọc Thiên nói anh là mờ mịt không sáng, chẳng phải nghĩa trong kinh, chữ tế Đỗ Dự chú tả truyện nói: tế là chướng, Quảng Nhã nói tế là âm, Khảo Thanh nói: tế là yêm, bộ thảo âm tử duệ phiên thiết.

Tham lệ: Tập Huấn nói tham là nảo hận. Vận Anh nói: buồn bực, lại còn âm là sân, Khảo Thanh nói tham

là rất, Thuyết Văn gọi là hại, bộ tâm âm tham, chữ tham thuộc chữ luy, chữ chân nay viết là chữ tham() này là biến thể. Chữ dưới là lệ, Vân Anh nói là mao thi truyện gọi là ác, Trịnh Huyền chú lễ ký nói lệ là nghiêm ngặt. Khảo Thanh gọi là khí không hòa. Đỗ dự chú tả truyện nói: lệ là mạnh mẽ, bộ Hán âm vạn văn kinh viết bộ lực thành chữ lệ là sai, vì chữ lệ ấy là cố gắng, chẳng phải nghĩa kinh, hoặc bộ rất viết thành chữ lệ, chữ này nghĩa là bệnh nặng càng sai xa ý kinh.

Tàn thích: Khảo Thanh nói tàn là muộn, buồn phiền. Sách gọi là nhãn mảy. Thuyết Văn nói người lợi qua nước là tàn thích. Cố Dã Vương nói: tàn thích là tâm tư áo não lo buồn không vui. Thuyết Văn nói chánh thể là bộ ty âm tàn, nay lệ thư từ bộ lịch lại bỏ bộ ti và bộ khẩu viết thành chữ tàn. Khảo Thanh gọi chữ thích là tàn sách gọi là vẻ then thùng. Văn kinh viết bộ xúc chẳng phải chữ này.

Phiến dịch: Chữ trước là khiêm giáp phiên thiết Vận Anh nói: mua rẻ bán đắt, chữ dưới là dịch, Khảo Thanh gọi là thay đổi, hoán đổi, biến đổi là chữ tượng hình.

Khiếp từ: Khảo Thanh nói khiếp là loại giỏ. Thuyết Văn gọi là cái rương nhỏ, bộ túc bộ uông âm hiệp chữ dưới âm tứ, Khảo Thanh gọi tứ cũng là khiếp bộ trúc âm dư.

Khổ đảm: Bạch Hồ Thông nói là tạng phủ của gan, gan là chủ nhân, nhân mà không nhân được khổ thì gan vỡ. Vì thế nhân nhất định phải có dũng khí vương phúc và mạch kinh nói: mật là chủ thần mật, nếu mật bình thì tinh thần không yên được.

Khiếp liết: Chữ trên là khương nghiệp phiên thiết, Khảo Thanh nói khiếp là sợ. Ngọc Thiên nói khiếp là rất sợ, Vận Anh nói khiếp là hoảng sợ, bộ tâm âm khứ, chữ dưới là liệt, nghĩa là sức yếu là chữ hội ý.

Trữ tụ: Chữ trên là Trương lữ phiên thiết, Đỗ Dự chú tả truyện nói: trữ là chứa đựng, cất giữ. Thuyết Văn gọi là tích lũy tài sản, bộ bồi âm trữ, chữ dưới là tụ, lại có âm là tị thương thanh cũng giải thích, như Vận Anh vậy, nghĩa là tập hội, Khảo Thanh nói: tán, tụ. Hà Hưu chú Công Dương truyện nói: Đồng bát: Bàn mặt phiên thiết, Khảo Thanh nói là tên của một loại nhạc cụ, đúc thành hai thê giống như lọ nhỏ có miệng, tay cầm hai cái miệng cọ xát nhau tạo ra âm thanh để tấu nhạc. Thuyết Văn từ bộ kim âm bát văn kinh viết bộ túc thành chữ bát, chữ này không đúng.

Hội náo: Chữ trên là công ngoại phiên thiết, là hội ngoại phiên thiết hội là tâm phiên loạn. Thuyết Văn nói hội là loạn Thuyết Văn nói từ bộ tâm, âm hội, chữ dưới là náo, Tập Huân nói là nhiều, văn kinh viết chữ náo bộ môn, đây là chữ thông dụng.

Chỉ trọc: Khảo Thanh nói chỉ là dơ uest, Thuyết Văn nói chỉ là đồn (cặn đục) bộ thủy âm tể.

Loa bồi: loa là chữ thông dụng, chánh thể viết là chữ luy. Quách Phác chú Nhĩ Nhã nói luy tức là con sên. Thuyết Văn cũng nói là thuộc loài ốc sên, hình nó to nhưng ra khỏi biển thì hình dáng nó bình thường.

Giác ngộ: Khảo Thanh nói: thù là giác, Tập Huân nói: miên là ngộ, Thuyết Văn nói giác là ngộ. Văn kinh là từ bộ huyết, chữ tung và các mà viết thành ngộ là sai

lâm. Khảo tra tất cả sách vở và giáo tự vận đều không có chữ này, phần nhiều là từ bút thọ hoặc truyền tả, con người theo vọng tinh mà viết sai vậy. Ngụ là ngộ, Thiên Thương Hiệt nói my là giác mà có chỗ gọi là ngụ, Khảo Thanh nói trong mộng thấy điều gì tỉnh dậy liền trôi theo.

Tản cứ: Ngọc Thiên nói tản cũng chính là cái theo từ thông dụng dùng tám lụa che mưa gọi là tản, thuộc bộ mịch âm mịch. Lại nữa chữ tản vốn là chữ có bộ lâm, rừng chia thành từng tán. Nay Lê thư viết chữ tán là sai vậy. Trong kinh viết chữ tản bộ nhưn đó là chữ thông dụng. Chữ dưới là cái, cái cũng là cái dù, tán cái là một vật. Thuyết Văn nói chữ này thuộc bộ thảo, âm cái hợp lại, văn kinh viết bộ dương thành thảo là sai.

Xú uế: Ngọc Thiên nói, xú là tên chung của vật hôi thúi. Thuyết Văn nói con vật đi ngửi thấy mùi hôi thì biết là chó, cho nên chữ xú là bộ khuyển và chữ tự, chữ dưới là uế. Cố Dã Vương nói: là uế nhiễm, Vận Anh gọi là ác, Khảo Thanh gọi là hoang vô, Thuyết Văn nói nó thuộc bộ hòa âm tuế.

Tiền lỗa: Tiểu trùng:

Suy đạt: đạt là đo lường.

Diên thoa: là chữ thông dụng, chánh thể viết bộ khiếm, nghĩa là nước dãi, bộ thủy, bộ khiếm, Khảo Thanh nói đó là nước miếng, chữ thoa cũng là nước miếng.

Lưu dật: chánh thể viết bộ dật hoặc chữ tứ cũng đều là chữ cổ, Nhĩ Nhã nói dật là đầy, Quảng Nhã nói dật là tràn ra, Thuyết Văn gọi là đầy bình, bộ thủy âm ích.

Phê niết: chữ thệ nghĩa là cắn, Thuyết Văn nói phê

cũng là nghiệt, thanh khẩu bát phiên thiết, phán thích khéo léo.

Trách phạt: là chữ thông dụng. Mao Thi truyện nói: trích là trách, Đỗ Dự chú tả truyện nói là trách phạt, phương ngôn nói là phần nộ, Quách Phác nói giận trách lẫn nhau. Thuyết Văn gọi trách là phạt. Chánh thể viết chữ đề, bộ ngôn khẩu âm đề. Nay văn kinh viết bộ thích thành chữ trích, là chữ thông dụng, chữ dưới là phạt. Thượng thư nói là hình phạt tội nhân, người tội nhỏ thì chỉ cầm dao mắng.

Quan la: Quách Huyền chú Chu Lễ nói: quan là cửa ải, Thanh loại nói quan là đóng, Thuyết Văn nói cho nước vào để chắn ngang cửa nhà, bộ môn âm quan, chữ dưới là la. Khảo Thanh nói là ngăn lại, Tập Huấn gọi là lính đi tuần canh.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 3

Thanh ứ: ứ Thuyết Văn gọi là máu ứ, bộ tốt âm ư. Người đời ấy gọi tốt là chân bịnh, đó là cách nói bình thường chẳng phải sách vở. Văn kinh viết bộ thủy là sai ứ là bùn xanh vậy.

Trạo nùng: Khảo Thanh nói trạo là lay động.

Cơ hiềm: Trịnh Huyền chú lễ ký nói: cơ là mắng.

Phân nhiều: Quảng Nhã nói phân là náo loạn, Thuyết Văn viết bộ mịch âm phân, chữ dưới là nhiều, Khảo Thanh nói nhân việc này mà phiên chuyện khác gọi là

nhiều, là buông thả, Thuyết Văn nói nhiều là phiền, bộ thủ âm ưu.

Kiểu loạn: Tập Huấn nói kiêu là giả bộ, Cố Dĩ Vương nói giả xưng gọi là kiêu, Thuyết Văn gọi là chiếm cứ, bộ thủy âm kiêu. Chữ dưới là loạn, Khảo Thanh gọi là lẫn lộn.

Thảm nhiên: Mao Thi truyện nói tham là buồn, Nhĩ Nhã gọi là lo lắng.

Thất-phiệt-đề thành: là tiếng Phạn tức là cung điện của Đa Văn Thiên vương hoặc gọi là thành A-noa-vân-đa.

Hậu đào: Đỗ chú tả truyện nói hào là than khóc, Nhĩ Nhã giải là gọi, Thuyết Văn gọi là gào khóc. Chữ dưới là đào, theo nghĩa hai chữ này nghĩa là khóc lớn, dịch nói: trước gào, khóc rồi sau đó cười vậy.

Đầu thoan: Huyền Tiên Thi nói: đầu là ném, Khảo Thanh nói đầu là đến, Thuyết Văn ghi bộ đậu, chữ dưới là thoan. Cố Dĩ Vương nói thoán là chạy trốn, giả chú Quốc ngữ nói thoán là ẩn, Đỗ chú tả truyện nói thoán là dấu giếm. Chữ thông dụng xưa nay viết nghĩa chữ thoán là

tạng, bộ huyết, bộ thủ (chuột trong hang).

Yêu xúc: Đỗ chú tả truyện nói chết non gọi là yêu, Khảo Thanh nói tuổi nhỏ mà chết. Chữ dưới là xúc, Quảng Nhã nói xúc là gần, Thuyết Văn nói xúc là vội, Đỗ chú tả truyện nói xúc là nhanh chóng.

Hoàng trùng: Nhĩ Nhã nói đó là thứ sâu ăn nhằm lúa gọi là minh, ăn lá lúa gọi là đặc, ăn thóc lúa gọi là mâu,

ăn thân lúa gọi là tặc. Bốn loại này đều gọi là hoàng trùng.

Bất á: Khảo Thanh nói: không nói được (câm). Chữ chánh xưa nay viết thành âm câm. Thanh á, kinh viết bộ khẩu là sai vậy.

Bất ngật: Khảo Thanh nói: ngật là nói cà lăm, vận thuyên gọi là trọng, Thuyết Văn gọi là nan, bộ khẩu âm khát.

Phụ sô: Tập Huấn nói sô là tên chung của loại cỏ.

Đảm phụ: Tập Huấn nói: đảm cũng như phụ nghĩa là gánh vác đồ vật, bộ thủ âm đảm. Văn tự thích yếu nói: chữ đảm là bộ nghiễn, thêm bộ huyết bộ ngôn. Văn kinh viết bộ mộc viết thành đảm là sai, vì không đúng nghĩa kinh, chữ dưới là phụ, Cố Dĩ Vương nói: phụ ơn ác tức gọi là phụ. Vận thuyên nói: vay mà không trả gọi là phụ. Thuyết Văn nói phụ là nương nhờ. Trên từ cổ nhân dưới đến bồi nhơn giữ của báu để nương nhờ, văn kinh viết bộ đao là sai.

Độc tha: Tập Huấn nói: tha là loài sâu nép dưới đất, loài sâu độc, dịch nói: Tặng di: Tập Huấn nói: tặng là nghịch, đem vật gởi theo người chết, Vận Anh nói lấy vật tặng nhau. Chữ dưới là di, Vận Anh nói di là cho vậy, lấy vật cho người đó cũng như tặng.

Manh khu: mắt không có đồng tử gọi là manh, chữ dưới là khu. Tập Huấn nói xu là không ngay thẳng, Quảng Nhã nói xu là cong vậy, lưng cong gọi là ử lủ.

Biên phục: Nhĩ Nhã nói biên phục là hai cách. Quách Phác nói: người Tề gọi là tiết mặt cũng là tên một vị tiên đầu như đầu chuột, cánh như cánh chim. Phương ngôn nói: từ cửa ải đến giữa vùng tần lũng gọi là dơi chuột,

mùa đông lẫn trốn, mùa hạ bay ra, ban ngày lánh, ban đêm bay ra kiếm ăn.

Mô câu: Trịnh Huyền nói mô là lời mai mối làm cho hai họ thành vợ chồng. Chữ dưới là câu, Quốc ngữ nói kim cương gọi là môi câu, giá quỳ nói tái hôn gọi là môi.

Mãnh lệ: Khảo Thanh nói: rất ác, chữ lệ theo Khảo Thanh nói phạm chánh mà ác, hiểm nguy, nghiêm ngặt.

Cộng trử: tả truyện nói trử là tích chứa, Thuyết Văn nói trử là gom góp, bộ bồi âm trử.

Thạc nang: Khảo Thanh nói: túi không đáy. Theo nghĩa này là thác được là cái bể thợ rèn. Lão Tử nói khoảng giữa trời đất nó giống như bể thợ hàn, tục gọi là bị là cái túi vậy, dùng ống gió để thổi lửa.

Đao châm: Quảng Nhã nói châm là thứ. Thuyết Văn gọi là cây kim để may đồ. Sách nói vật để xỏ chỉ gọi là kim. Văn kinh viết chữ hàm, bộ kim, có khi viết thành ().

Trường chùy: nghĩa là đầu bọc sắt nặng tám cân, cái chuôi dài ba bốn thước dùng để rèn sắt, bộ mộc âm chuy. Văn kinh viết bộ thủ là sai vậy.

Trâm tiền: Khảo Thanh nói là cái chày đá. Kinh viết chữ trâm là chữ thông dụng.

Đoán thiết: Thiên Thương Hiệt nói: đoán là cái chày. Trịnh chú lễ ký nói: đoán là giọt sắt.

Liên trùy: tự thư gọi là cái liềm gấp. Thuyết Văn gọi là niêm. Thiên Thương Hiệt nói: cầm chiếc kềm. Văn kinh viết bộ cam nghĩa là lấy sắt kẹp vào cổ, chẳng phải nghĩa kinh, chữ trùy ở dưới đã giải thích rồi vậy.

Lại nọ: Khảo Thanh nói lại không cử động, Thuyết Văn nói là giải đãi, bộ tâm âm lại, hoặc bộ nữ viết thành chữ lại giống như chữ dưới. Quảng Nhã nói nọ là lười biếng, vận tinh gọi là giải đãi, Thuyết Văn gọi là bất kính. Yêm ô: là không vui vẻ.

Nhiệm túc: Thuyết Văn nói: như con chó thấy miếng thịt ngon tham lam không biết chán, cho nên viết bộ cam, bộ nhục bộ khuyên là chữ hội ý.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 4

(Hội Vô Biên Trang Nghiêm, quyển bốn).

Vô minh xác: tự như nói trứng chim nứt ra. Khảo Thanh nói vỏ trứng ngoài của chim. Kinh nói vỏ vô minh dụ cho căn bản vô minh và dùng tham ái bao hàm vô lượng viết sử phiền não nung nấu hữu tình mạng nghiệp luân chuyển trong đó không thể lìa khỏi hang ở vô minh như chim non ở trong vỏ trứng cho nên nêu ra để làm thí dụ.

Giáng chú: Nhĩ Nhã nói giáng là xuống. Tập Huân nói giáng là rơi xuống. Thiên Thương Hiệt viết thành khuất. Thuyết Văn và Nhĩ Nhã cũng viết bộ phụ âm giáng. Chữ chú theo Hoài Nam Tử: mưa xuân thấm nhuần đất đai, Thuyết Văn cũng nói mưa phủ trời khiến cho cây cối sinh sôi nảy nở, bộ thủy đọc lược âm phụ.

A-tự-vi-sơ: chữ A lấy thượng thanh của chữ Phạn (chữ A đầu tiên) kinh Tỳ-lô-giá-na nói: chữ A nghĩa là

môn tất cả pháp vốn không sanh mà có thể sanh tất cả chữ nghĩa ở đời.

Chữ A-đệ nhứt cú.

Hiển rõ tất cả chữ

Nhiều quanh Thế Tôn kia

Vì lấy nghĩa này

Cho nên đương đầu trong các chữ lần lượt trở xuống lại có bốn mươi chín chữ gọi chung là mẹ của tất cả văn tự, nghĩa là chữ Phạn vốn có năm mươi chữ.

Chữ hà là sau cùng: cũng là chữ Phạn. Bất thiết đáng hà âm cũng phải viết chữ giá. Giá tức là cận kinh nói: chữ A là đầu tiên, chữ hà là sau cùng. Chữ này ở cuối tự mẫu, ý Phật nêu hai tiêu chí đầu và cuối để làm pháp dụ, đoạn cuối của quyển kế có một bài châm ngôn khoảng ba bốn trang, âm tự chẳng rõ ràng cần phải dịch lại.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 5

Trọng đảm: chữ trọng cũng như chữ trùng, chữ đảm quyển trước đã giải thích Quảng Nhã nói có thể gánh vác trách nhiệm gọi là đảm, Thuyết Văn nói đảm là nâng lên, bộ thủ chữ không phải bộ mộc âm chiêm, văn kinh viết bộ mốt thành chữ chiêm là sai, vì chữ đó nghĩa là chái tranh.

Bộc lưu: Quế Uyển Châu Tự nói: nước mưa lớn hợp thành dòng gọi là bộc lưu.

Đâu suất: là tiếng Phạn, là tên đọc nhầm cửa cõi trời

dục giới. Âm chính tiếng Phạn là Đỗ Sử Đa. Đường dịch là tri túc là thân rốt sau của Bồ-tát, phần đông làm vị Thiên vương trong cõi này. Như Bồ-tát Di Lặc hiện làm Thiên vương vậy.

Đề hồ: đây là loại ván sữa, tinh chất của sữa gọi là tô, tinh chất của tô gọi là đề hồ.

Đường quyên: Khảo Thanh gọi là vút bỏ.

Giáng sát: Vương Dật chú sở từ nói: như nước thấm vào lòng đất, nghĩa là thấm đượm.

Nhuận hợp: Thượng thư Thủy nói nhuận là xuống, Quảng Nhã nói nhuận là thấm đượm Khảo Thanh gọi là hòa, Thuyết Văn nói hợp là thấm nhuận.

Khô cảo: Thuyết Văn gọi là cây khô, khô khan vậy.

Tam ma Tứ đa: là tên khác của định theo tiếng Phạn vậy. Đường dịch: đẳng dẫn, nghĩa là bình đẳng, vì có thể dẫn đến các công đức do thiên định, nên gọi là đẳng dẫn.

Sử lưu: Khảo Thanh gọi đi nhanh là sử, nước chảy mạnh là sử.

Thiên Thương Hiệt nói sử là nhanh, bộ mã âm sử.

Tiêu giảm: Khảo Thanh nói tiêu là nung chảy, hoặc tiêu là diệt hết. Thiên Thương Hiệt nói tiêu là diệt, Thuyết Văn gọi là diệt tận vậy.

Đãi đắc: Thuyết Văn gọi là tiến về phía trước.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 6

PHẨM XUẤT LY ĐÀ-LA-NI

(Trong chơn ngôn có người nghi là sai lầm nên dịch vậy)

A-di Khất-túng-di, âm chữ túng này sử kinh viết túng là sai. Bà-phệ.

Ta-thiết-nhĩ.

Tát-bà-nhã: chữ nhã tương truyền viết là chữ nhược, truyền thừa sao chép sai thành chữ nhã. Tát-phước-nhã, Đường dịch là nhất thiết trí.

Phân tích: Thuyết Văn nói tích là chẻ gỗ, bộ mộc. Khổng chú Thượng thư gọi là phân chia. Trong kinh viết bộ thủ là sai.

Hứu địa ngục hương: văn kinh viết bộ khẩu thành chữ khứ. Quán sai: vận thuyên gọi là tưới nước trên đất gọi là sai. Khảo Thanh gọi là bảy nước.

Khiếp nhược: Đỗ Lâm nói: khiếp là rất sợ. Thuyết Văn viết bộ khuyến âm chú. Chữ dưới là nhược, Khổng chú Thượng thư nói nhược là yếu đuối, lễ ký nói con trai hai mươi tuổi gọi là nhược quan. Theo Thuyết Văn là chữ hình tượng.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 7

PHẨM THANH TỊNH ĐÀ-LA-NI

Áo-phan: tương truyền sách viết là chữ việt là sai

vậy. Minh-đề.

Ngật-lợi Đọa-nạ.

Ca-lợi-đề-ca-nguyệt (là tiếng Phạn) Đường nói: Sao mỗ mỗi năm vào ngày rằm tháng chín, khi trăng mọc thì sao mỗ lặn. Cho nên lấy ngôi sao này làm tháng chín, tên ải là Ca-đề là sai vậy. Kinh dẫn vào mùa thu trăng tròn sáng trong để dụ chân ngôn diệu tịnh vậy.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 8

HỘI THỨ BA: MẬT TÍCH KIM CANG: CÓ BẢY QUYỂN.

Triệu cai: là pháp số, Hoàng đế cửu chương toán pháp số có 1, 10, v.v... gọi là một, mười, trăm, nghìn, vạn, ức triệu...

Câu tảo: Khảo Thanh nói: câu là cầu tìm, là lấy Thuyết Văn gọi là khúc khuỷu, Quảng Nhã gọi là dẫn dắt, chữ dưới là tảo. Khảo Thanh gọi là cái vòng.

Đắc ngộ: Thiên Thương Hiệt nói: ngộ là tỉnh dậy.

Ô-ác: Đỗ chú tả truyện nói ô là vẩn đục, Hàn Thi nói ô là dơ bẩn. Chữ ác, Thi truyện nói ác là dày. Tiễn nói là tưới thấm, Thuyết Văn gọi là thấm nhuần. Bộ thủy âm

ốc.

Trường thảm: Nhĩ Nhã gọi là buồn phiền, bức tức. Thuyết Văn gọi là độc, bộ tâm âm sam.

Bất huyền: Ngọc Thiên nói máy mắt là huyền. Thuyết Văn gọi là mắt lay động, bộ bào, bộ mục. Kinh viết bộ nhật thành chữ tuần là sai, rất trái ý kinh. Quyển thứ mười ở dưới nói bất thuận cũng y cứ theo đây mà giải thích.

A-tu-luân: là tiếng Phạn (tên của vị trời) chánh âm phạm là A-tổ-la. Chữ la là thượng thanh. Đọc chuyển lưỡi là A-tu-la đều là một. Có bốn loại khác, ở dưới biển hoặc ở trong các núi.

Ca-lu-la: (tiếng Phạn sai âm) chánh âm tiếng Phạn là nga lỗ, đọc chuyển lưỡi là nã. Âm cổ gọi là Ca-lâu-la. Đường gọi là loài chim cánh vàng, cũng gọi là diêu xí diểu.

Chon-đà-la: cổ gọi là khân-na-la, một loại nhạc trời, có âm thanh vi diệu, có thể làm người ca múa thì đầu ngựa thân người. Ai có thể làm ca nữ thì thân đoan chánh, có thể sánh với thiên nữ, phần nhiều là làm vợ của trời càn thất bà.

Ma-hu-lặc: cổ dịch là chất phác, cũng gọi là ma-hầu-la-già cũng là một loại nhạc thần hoặc gọi là phi nhơn, hoặc gọi là đại mãng thần, thân nó giống như thân người mà đầu rắn.

Kiên đạ hứa: (tiếng Phạn) là tên của một loại nhạc trời, là bắt thỏ, không hay, chánh âm Phạn là sản đật phược, người có tài năng khảm tấu các thứ âm nhạc vi diệu cũng có thể cùng với các chư thiên tấu nhạc, cũng

gọi là tầm hương thần. Dục hành thiên, sắc hành thiên.

Hà uế: Ngọc Thiên nói đó là vết ngọc, chữ uế nghĩa là vẩn đục. Thô cử: Tập Huấn nói thô là sơ sài, Trịnh chú lễ là nói thô kệch.

Cổ Dã Vương gọi là sơ lược.

Dững lược: Đỗ Chú tả truyện nói dững dặc là nhảy lên tiến đến là chữ hình thanh.

Bội áp: Khổng chú Thượng thư nói gấp đôi của hai trăm năm mươi là năm trăm vậy. Thuyết Văn nói bội là trái lại. Chữ áp ở dưới theo Khảo Thanh gọi là tổn, là khiêm hạ. Văn kinh viết là chữ báo thì sai vì rất trái ý kinh.

Cung lạc: Khổng chú Thượng thư gọi là cung kính.

Đạm phác: Vận Anh gọi là yên tĩnh, chữ bình thanh, kinh viết chữ đạm có bộ hỏa là sai vậy.

Nặc-đà: Quảng Nhã nói: nặc là ản, chữ đà theo Cổ Dã Vương gọi là nói dối ai cũng không tin, Thuyết Văn sung châu gọi khi là đá, là tiếng nước Lỗ ngay gọi là ha.

Đạt ngại: Thiên Thương Hiệt nói là vô trí. Chữ đạt nghĩa là trí, ngại nghĩa là ngu, dùng để so sánh, đều là chữ thượng thanh.

Cơ nhục: Khảo Thanh gọi là thịt trong lớp da. Sách nói, mở trong thịt, bộ nhục âm cơ.

Tủy não: Thuyết Văn gọi chất mỡ trong xương, văn tự tập lược nói chất tủy trong đầu.

Giới thượng: sách gọi là vạt áo.

Điệp quả: là tên của loại vải gen bố của Ân Độ, văn kinh viết chữ điệp bộ điền là sai. Chữ quả theo Cổ Dã

Vương gọi là cái bao, Thuyết Văn gọi là lỏa.

Hòa la: là tiếng Phạn, Đường dịch là oai đức.

Luy sáu: Đồ chú tả truyện nói luy là yếu. Dã chú Quốc ngữ gọi là bình. Hứa Thận chú Hoài Nam Tử gọi là gầy, Quảng Nhã gọi là rất, Thuyết Văn gọi là môn, bộ dương âm lỏa.

Thược thương: Thiên Thương Hiệt nói bình trâu, gọi là thược. Thuyết Văn cũng nói giống chữ liệu. Nay vì không cùng âm này nên không lấy.

Thư bình: bình lâu ngày gọi là thư.

Tê lai: Cổ Dã Vương gọi là cầm giữ, Thuyết Văn gọi là đem đi. Nó thuộc bộ bồi âm tề Quảng Nhã nói tê là tặng, chữ lai là gồm hai bộ nhơn.

Đắc suu: Khổng chú Thượng thư gọi là sai, thi truyện gọi là ốm khỏi.

Định quang là danh hiệu của một vị Phật trong tiền kiếp.

Thiên nhiên: Khảo Thanh gọi là đông.

Hộc nhận: là loài chim dưới nước. Xích tử: là loài chim mỏ kết.

Á âm: là một loài quạ, thân hình nhỏ mà chân và mỏ đều có màu đỏ.

Côn kê: Cổ Dã Vương nói con kê giống như hạc mà cổ lớn.

Mi lộc: Thuyết Văn nói nó thuộc loại hưu nai.

Chữ lộc theo Thuyết Văn thì giống thú này có sừng như nhạc cây, bốn chân của nó như chim, giống như cái muống cho nên viết hai bộ chủ. Chu Công thời huôm

chú nói hưu ở trên núi rừng. Cho nên tháng năm cảm được một âm thì sừng gãy. Nai ở dưới nước nơi ao đầm thuộc âm cho nên tháng mười một cảm nhận ánh dương thì sừng nó thay. Nay văn kinh viết chữ nghê là sai, vì nghê là sư tử.

Bả kiến: Chu Dịch nói bả nghĩa là chân có tật nên đi khắp khênh.

Cổ Dã Vương nói: bả là khắp khênh, hoặc viết là chữ bị.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 9

Kỳ khu: Quảng Nhã nói kỳ khu là nghiêng đổ, gập ghềnh. Tỹ Thương gọi là không an, kinh nói: lời không kỳ khu là lời uyển chuyển.

Bài thuyết: thích người vui đùa, chữ thuyết có khi gọi là thuế. Kiên ngạnh:

Tứ đà: chữ này viết nhâm.

Phú tề: Trịnh chú lễ ký nói là che vậy. Vận Anh nói tề là che đây.

Khảo Thanh gọi là che chướng.

Bất nhiêu: Khảo Thanh gọi là cùng vui đùa với nhau.

Sâu hội: Vận Anh gọi là loạn tâm rối ruột. Bộ tâm đọc lược âm quý, có âm hội là sai.

Gân cốt: Thuyết Văn gọi là sức mạnh của cơ bắp, bộ trúc, bộ nhục, bộ lực. Trong kinh viết bộ trúc là sai vậy.

Hoảng hốt: hoặc viết là chữ hoảng giống như chữ hoảng. Hoảng hốt nghĩa là tinh thần bán loạn vậy.

Lượng đặc:

Cô hữu: là chữ dùng lẫn lộn, cô là vật lẽ chẳng phải ý kinh, chánh thể là bộ mộc, kinh nói một cây cô có năm cành, vận thuyên nói cô là loại cây có nhánh tỏa xuống xung quanh. Bộ mộc âm cô.

Như chỉ chương: Không chú Thượng thư nói chỉ là đá mài nhỏ, đá mài to gọi là lệ. Chỉ là bằng đều.

Kinh cực: tả truyện nói bề cảnh kinh để cùng nhau ăn. Cố Dĩ Vương nói là cây sở (vì ngày xưa nước Sở nhiều loại cây này). Quảng Nhã nói cực là tùng, Thuyết Văn nói nó giống như cây táo nhưng nhỏ hơn và mọc từng bụi.

Uyển diên: là chữ giả tá. Nếu lấy nghĩa chữ thì trái với ý kinh. Chữ này nghĩa là tám nệm, tức là vũ diên, chiếu trúc trải trên đất. Tục gọi là tám thảm trải nền vậy.

Tông vĩ: tông nghĩa là trên cổ ngựa có một sợi lông dài. Vận Thuyên nói là ngựa, văn kinh viết bộ mao là sai, Thi truyện nói mao là tài giỏi, kén chọn chẳng phải ý kinh.

Lan thuần: Thuyết Văn nói lan là cái lan can. Vương Chú Sở Từ nói tung là lan, hoành là thuần. Thuần giống tử gọi là chữ linh, tục gọi là cái chân song.

Thâm tiệm: Thuyết Văn nói tiệm là cái hố, bộ thổ âm tạm, Khảo Thanh gọi là cái hố lớn. Vận Anh gọi là cái hào nhỏ. Ngọc Thiên nói là cái ao trong thành.

Bảo mạn: chữ bảo gồm bộ miên, bộ bồi và bộ phữ hợp lại. Chữ dưới là mạn chữ này vốn từ bộ cân gọi là mạn chữ này vốn từ bộ cân gọi là cái màng che. Văn

kinh viết bộ mịch chính là các đồ tơ lụa không có văng bông, chẳng phải là màn che vậy.

Khí quyên: đồng âm với chữ duyên.

Bảo khiết: Bì Thương nói khiết là vật đựng một đấu. Người Bắc Yên gọi cái bình to là khiết.

Đảo hương: là mật hương, người xưa nói lời chất phác cho nên gọi là đảo hương.

A-hán: Đỗ chú tả truyện nói hán là tội lỗi. Khảo Thanh gọi là tỳ vết, văn kinh viết chữ côm là sai lầm vậy.

Lâu do: cũng gọi là lâu chí đều đọc trại từ tiếng Phạn, nghĩa là trong hiền kiếp thân rốt sau của Bồ-tát sắp thành Phật. kinh tự giải rằng: lâu do đời Tấn gọi là lệ khắp tức là mật tích kim cang.

Chất phác: Khảo Thanh nói phàm vật gì chưa điều khắc gọi là phác.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 10

Gian quan: quyển hai phần cuối đã giải. Khanh nhiên: sách gọi là tiếng kim loại.

Thô hoành: Thuyết Văn viết ba bộ lộc, nay lược thành chữ này.

Tập Huấn nói hoành là ác, Thuyết Văn viết từ bộ khuyển âm quảng.

Kiên tí: kinh viết chữ này thuộc bộ hộ và bộ nguyệt là sai, Thuyết Văn viết chữ kiên là bộ nhục, là chữ tượng hình, Thuyết Văn nói tì bà là cánh tay, oản là cổ tay, trửu khuỷu tay, bộ nhục âm tì.

Tất thoan: trong là từ bộ tiết nhưng nay quen dùng chữ tất bộ nhục âm thất. Chữ thoan này là chữ thông dụng xưa nay viết bộ túc. Thuyết Văn gọi là mu bàn chân.

Da phu: âm nghĩa đã dịch đầy đủ trong phần đại bát nhả năng đoạn kim cang.

Chư nhân: Khảo Thanh nói độ sâu là nhĩn, Không chú Thượng thư nói tám thước là một nhĩn bao hàm chú luận ngữ nói bảy thước là một nhĩn. Thuyết Văn nói duỗi thẳng tay một khuỷu là một nhĩn.

Hồi viễn: chữ hồi là bộ suyển âm hồi. Văn kinh viết như chữ hướng là sai.

Từ đây trở xuống có hai mươi lăm bài chơn ngôn của chư thiên. Người xưa dịch ra Hán ngữ sai sót thánh ý, văn từ lẫn lộn thật khó đọc tụng. Nay muốn dịch lại thì thiếu thốn bản Phạn khó định rõ, tạm nương vào kinh để cho bậc hậu hiền làm chỗ y cứ.

Vu điền: Đại Đường Tây vực ký dịch là Cù Bồ-tát nước đó, Đường gọi là đất đai có nhiều lỗ hổng cho nên gọi là khoát đán. Ấn Độ gọi là Khuất đan, xưa gọi là Vu điền, đều là nhầm vậy. Theo nước này, nay thuộc thành của tứ trấn ở An tây, Vu điền là một trấn vậy. Ở trong thành nọ có một ngôi miếu thờ Tỳ Sa-môn thiên thần, gác gỗ bảy tầng, phần ở tầng trên và rất linh nghiệm. Nước ấy có núi ngư đầu, khi thiên thần đến ngự núi này thì trong núi có con suối ngọc, trong suối ngọc luôn phả ra ngọc đẹp. Quốc vương nước kia thường chọn lấy để đi sang cống nạp cho Quốc vương ở Trường an, đường sá hơn một vạn hai ngàn dặm.



NHẤT THIẾT ÂM NGHĨA KINH

*Sa-môn Tuệ Lâm tu hạnh dịch kinh thời Đại Đường
soạn.*

QUYỂN 12

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 11

Từ quyển mười một đến hết quyển ba mươi sáu gồm có hai mươi sáu quyển.

Kinh Đại Bảo Tích quyển thứ mười một. Sa-môn đời Trúc Pháp hộ đời Tây Tấn dịch.

純淑 Thuần thực: giá quý chú quốc ngữ nói thuần là chuyên, phương ngôn nói thuần là tốt đẹp. Cố Dã Vương nói thuần là đẹp. Khổng chú Thượng thư nói thuần là việc làm duy nhất, Thuyết Văn từ bộ mịch âm truân, chữ dưới là thực, là chữ thông dụng, Mao Thi truyện nói thực là hiền lành, Thuyết Văn nói thực là trong trẻo. Sách viết thực là thuận theo.

劈裂 Phách liệt: Quảng Nhã nói phách là bửa ra. Tỳ Thương gọi là mổ ra. Thuyết Văn gọi là bửa ra, bộ đạo âm tý. Chữ dưới là liệt, Quảng Nhã nói liệt là chia ra, Thuyết Văn nói liệt là bội dư. Theo nghĩa bội dư là phân đoạn màu sắc.

車釘 Xa công: Thuyết Văn gọi là cái ống ngang trong bánh xe hoặc viết chữ hồng bộ xa.

始滴 Thủy tích: văn kinh viết bộ đề âm đề, là chữ thường dùng, Thuyết Văn viết bộ thủy âm đích.

翼草 Dực thảo: Khảo Thanh gọi là vỏ lúa vẩy.

Chữ y: Quách Phác chú phương ngôn nói. Đó là áo màu đỏ.

Lỏa hình: Thuyết Văn gọi là cỡi trần, để lộ hình thể. Lưỡng nhĩ gọi là đàn. Quách Phác nói: cỡi áo để thấy hình thể. Nay đọc âm là khóa hay lỏa cũng được.

羅蔔 La bạc: là tên của một loại rau quả.

沌種 Thuần chủng: Thuyết Văn gọi là nước sữa. Người Giang nam thời nay gọi nhũ trấp gọi là chủng.

斧鉞 Phủ Diêu: Nhan Sư Cổ Chú Cấp Tục Chương nói: là cái đồ đựng nước để nấu nướng. Lớn thì gọi là phủ, nhỏ thì gọi là phúc, chữ dưới là miêu. Khảo Thanh gọi là cái ấm, cạn hơn cái chảo, Nhan Kim gọi cái ấm nước nóng có quai xách gọi là diêu.

薺往 Tê vãng: là chữ thông dụng: chánh thể là bộ tê viết thành tê, Khảo Thanh gọi là cầm đồ đưa cho người gọi là tê, bộ bồi âm tê.

彌迦 Di-ca: là tiếng Phạn, khi Phật mới thành đạo cô gái đến dâng bát sữa bò gọi là di-ca. Trung Quốc dịch không đúng.

謙恪 Khiêm khác: Khảo Thanh nói khiêm là nhường là lui, Thuyết Văn gọi là kinh bộ ngôn âm khiêm, chữ khác sách gọi là cung kính, Thuyết Văn gọi là các.

瓊琦 Khôi kỳ: hoặc viết chữ khôi bộ ngọc, bộ nhơn bốn mặt bằng nhau, Khảo Thanh nói khôi kỳ là biểu đồ rất đẹp, văn kinh viết từ chủ quán là không phải chánh

thể là tên của một người thanh niên hùng hồn mạnh dạn. Chẳng phải chữ này, chữ kỳ nay từ bộ Vương.

閔心 Ngại tâm: Khảo Thanh gọi là lấy cây chắn cửa gọi là ngại.

Thuyết Văn gọi là ngoại nhân hoặc viết là trở ngại.

欲踏 Dục tích: tích là té ngã.

曾喧 Tăng huyền: hoặc viết là tuần cũng giống như Vương Dật chú sở từ nói Thuần là ghé mắt nhìn, Thuyết Văn gọi là liếc mắt, bộ mục âm huyền, văn kinh viết bộ nhật là sai.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 12

鑒哉 Tí tai: Trịnh chú lễ ký nói: tí là suy tư giá chú quốc nói lý là đo lường, Khảo Thanh gọi là khen ngợi, thuyết pháp gọi là người chăn nuôi. Chữ dưới là tai, Cổ Dã Vương gọi là lời cuối câu. Thuyết Văn nói tai, bộ khẩu âm tai.

稽顙 Khê tạng: nó là chữ tả dụng trong Công Dương truyện, chánh thể viết bộ chỉ thủ và chữ cổ Nay viết quen là chữ khô này Chu Lễ nói y bái mà đầu sát đất, lễ ký: lễ bái mà lòng hết sức bi thương.

Phương ngôn nói tạng là ngạc. Công Dương truyện nói thêm, gọi là khô tạng. Hà Hưu nói: như bây giờ khấu đầu sát đất.

之誼 Chi nghi: Trịnh Chú chu lễ ký nói: có thể chế định sự kiện gì gọi là nghi. Khảo Thanh nói điều người

nên làm. Dật Pháp nói: khéo chế pháp mệnh, luận bàn không gấp gọi là nghi, bộ ngôn âm nghi.

諷誦 Phúng tụng: Trịnh Huyền chú lễ ký nói: xếp sách lại mà đọc gọi là phúng, tụng theo nhịp âm tiết gọi là tụng. Thanh Loại nói: những câu thơ ca ngợi công đức sâu dày. Khen tặng tướng hảo xinh gọi là trọng.

懺怕 Đảm phạt: tử hư phú nói: đảm hề tự trí, phạt hề vô vi vậy. Cố Dĩ Vương nói là lạng lẽ, Tự Thư nói đảm phạt là tâm chí trọn vẹn, đều là chữ hình thanh.

根株 Căn chu: Khảo Thanh gọi là cây chết, Thuyết Văn gọi là gốc cây, bộ mộc âm chu.

相揩 Tương khai: Quảng Nhã nói khai là lau, Thuyết Văn viết bộ thủ âm giai, Khảo Thanh gọi khai là chùi.

滑哉 Hoạt tai: Thuyết Văn nói hoạt là lạnh lợi.

之罔 Chi vông: là chữ hình thanh.

Phẫu phán: Khổng An quốc chú Thượng Thư nói phẫu là chặt phanh ra, Đỗ chú tả truyện nói chia đôi gọi là phẫu. Thuyết Văn gọi là phán, bộ đao âm thâm. Chữ dưới là phán, Mao Thi truyện nói phán là phân ra, Trịnh chú chu lễ nói phán là một nửa, Thuyết Văn gọi là bộ đao âm bán.

Hy vọng: ý luôn mong muốn.

罪釁 Tội hân: Đỗ chú tả truyện nói chân là dấu vết, là tội lỗi giá chú quốc ngữ gọi là điềm.

緝去 Quyên khứ: Quách Phác chú Phương Ngôn nói quyên là túi, bỏ, từ chữ thực và ích ghép lại.

瑕疵 Hà tỳ: Quảng Nhã nói: hà là vết nhơ, Ngọc Thiên gọi là xé, Cố Dĩ Vương nói hà là lầm lỗi. Chữ

dưới là tỳ, Không chú Thượng Thư nói tỳ là bệnh, Thuyết Văn viết từ bộ mạch âm thử.

琬緬 Uyên diên (trên đã giải thích).

瘖症 Âm á: Thuyết Văn giải thích âm là không thể nói được. Ty thường nói á là cân văn Tự Tập Lược nói: miệng không thể nói được vậy. Những từ này đều lẫn lộn không rõ ràng. Theo chữ âm là thỉnh lặng không có tiếng động. Á là có tiếng mà không nói được vì lưỡi không chuyển được vậy. Nay văn kinh viết rất nhiều chữ á bộ khẩu là sai.

Anh thủng: Thuyết Văn nói anh là bướu cổ Chữ dưới là thủng, Vận Anh nói chân bình phù, Vận Thuyên nói không đi được, Thuyết Văn nói chân bị phù thủng. Bộ nạch, bộ đồng, nay văn kinh viết chữ trọng là sai.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 13

妖魅 Yêu mị: chánh thể viết bộ thị và âm yêu, nay viết chữ yêu là bộ nữ là sai. Tả truyện nói trời trái thời gọi là tai, đất trái vật gọi là yêu, nghĩa là yêu là tai hại. Chữ mị Sơn Hải kinh nói: mị là con vật có thân người đầu đen, Thuyết Văn gọi là tinh của vật già. Bộ quỷ đọc lược âm vị.

反足鬼 Phản túc quỷ: là tên của một loại quỷ, Quát Địa Chí nói: nước Nhu Lợi ở phía đông nước Nhất Mục có một người có một tay một chân, đầu gối cong ở trên chân chú nói là một tay một chân Đông Phương Sóc gọi là vị thần, kinh khác nói: ở Tây hoang có một con thú hình nó như con hưu mặt giống người có răng như vượn

tay như gấu chân thẳng mắt to, lỗ mũi xéch ngược, chân to sức rất mạnh gọi là ác thú, đây là loại quý.

瞞咩 Vĩ hoa: Khảo Thanh nói vĩ hoa là ánh sáng rực rỡ đều là bộ nhật âm vĩ hoa.

甘任 Cam nhiệm: Chu lễ nói thiện là hai kẻ nấu ăn cho ma. Trịnh Huyền nói thiện là lời nói khéo léo. Nay thì nói vật đẹp gọi là lời khéo. Thiện Phu là chức quan trưởng coi việc nấu nướng. Khảo Thanh nói năm vị đều ngon gọi là thiện. Thuyết Văn nói là đủ ăn, bộ nhục âm thiện, văn kinh viết thực là chữ thông dụng nhưng chẳng phải chánh thể.

龔恪 Cung khác: Thượng Thư là nghiêm trang vậy. Khổng An Quốc chú nói cung là phụng sự Khảo Thanh gọi là cung kính, chí thành. Thuyết Văn gọi là cung cấp, bộ tâm âm cộng, chữ khác theo Thuyết Văn gọi là kính trọng.

魔鬼 Ma quỷ: âm trên là ma chính là độc tất của tiếng Phạn, Đường dịch là sức mạnh chính là tên khác của Ma-ba-tuần trong cõi tha hóa tự tại thiên. Loài quỷ thần này có sức mạnh lớn có thể gây ra mọi chương nạn cho người tu hạnh xuất thế nên gọi là ma-la. Vì lấy sức mạnh mà đặt tên, nay lược bỏ chữ la.

標鄴 Tiêu tự: Nhĩ Nhã nói lay động gọi là phiêu, Quách Phác nói gió mạnh thổi từ trên xuống, hoặc viết ba bộ khuyến. Chữ dưới là tu, Đỗ Dự chú tả truyện nói: tự là đông, Thuyết Văn gọi là hội.

Bôn trì: Khảo Thanh nói đó là đàn trâu chạy, hoặc viết chữ bồn là bộ đại cũng được.

Sở thâu: Khảo Thanh nói thâu là nước giao hội, là

chảy về cũng viết là sáu nghĩa là tụ hội đông đúc.

Câu dục là tiếng Phạn, là tên của trời Đế Thích, hoặc gọi là Kiều Thi La.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 14

沃曰 Ốc viết: Quảng Nhã nói: ốc là rót vào (âm tì), Khảo Thanh gọi là tằm phán, Thuyết Văn gọi là khác quán (rót).

小⁺⁺ Tiểu thảo: Dã Quỷ chú Quốc ngữ nói trạo là lay động, Quảng Nhã gọi là chấn, là động, ném vút.

難頭^{華難頭} Nan-đầu-hóa-nan-đầu: tiếng Phạn là trai tên của Long Vương, thân thể chúng xấu xí chánh âm tiếng Phạn là na nỏ chữ nan trên là tên của rồng anh. Bát-nan-nô, chữ nan thượng thanh là tên người em, chính là hai huynh đệ Nan-đà-bạt Nan-đà trong các kinh.

大溷 Đại hỗn: Thiên Thương Hiệt nói hỗn là chuồng heo, Thuyết Văn gọi hỗn là nhà xí, tức là chỗ dơ uế vậy.

飢饉 Cơ cằn: Thuyết Văn nói cơ là đói, Khảo Thanh gọi là bụng rỗng. Chữ dưới là cằn, Thuyết Văn gọi là rau không chín, mất mùa không có gạo ăn gọi là cơ không có rau ăn gọi là cằn, đều là chữ hình thanh.

Khuy khuyết:

能暢 Năng sướng: thuộc bộ thân và bộ dịch kết hợp.

訢逮 Hân đãi: Dã Quỷ chú Quốc ngữ nói hân là vui (âm lạc),

Thuyết Văn gọi là hỷ, hoặc viết như chữ hân bộ cân.

Cám sắc: Khảo Thanh nói cám là màu xanh sẫm mà

pha sắc đỏ gọi là cảm.

朱黠 Chu hiệp: Cổ Dã Vương nói: trên cổ ngựa có cộng lông dài, nay văn kinh viết chữ mao là sai vì sai với ý kinh.

Quái ngại: Giáng chế:

儻失 Trù thất: Khảo Thanh nói trừ cũng như thất, nghĩa là đây đây cùng hằng vai xứng đôi.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 15

(Tịnh Cư Thiên tử hội thứ năm hai quyển.)

Chẩn cấp: Nhĩ Nhã nói chẩn là giàu, Khảo Thanh gọi là cấp giúp, nghĩa là cấp cho người nghèo thiếu vậy.

Cầu nị: Thuyết Văn gọi là bắt thịt, bộ nhục âm nhị.

Cách tí: Mao Thi truyện nói cách là da, Khảo Thanh nói là giày không dính gót, Tử Kinh nó cách tí tức là dép da của Bà-la-môn xứ Ấn vậy.

豺狼 Sài lang: Thuyết Văn nói sài cũng thuộc họ sói, bộ trảo âm tài. Văn kinh viết bộ khuyến viết chữ sài là sai không có chữ này. Nhĩ Nhã nói: sài là chân của chó, chữ này có hai loại, loài thường dạo chơi chốn hang núi mà lớn gọi là sài lang, nhỏ gọi là sài nô. Cùng đi với loài chó săn, hưu đã bị chết rồi mà không dám ăn, chúng đợi sài lang, sài lang tới ăn rồi, thì sài nô mới dám ăn những thứ còn lại. Lỗ ký Nguyệt kinh nói: này sương giáng của tháng cuối thu sài bèn bắt thú là kẻ hầu cho mình.

Thuyết Văn nói lang là loài giống chó đầu nhọn cổ

trắng là loài dã thú, thuộc họ sài báo.

日蝕 Nhựt thực: Lý Thuần Phong Ất Kỷ Chiêm nói luận về nhật thực vẫn đúng chu kỳ khi trăng lên che khuất mặt trời, mặt trời vận hành chậm một ngày thì một tháng đi hai mươi chín vòng. Tháng dư thì nhanh thì tháng hai mươi bảy này, một vòng hai mươi chín ngày khi đuổi kịp mặt trời thì nó cùng quỹ đạo với mặt trăng, nó ở trong ánh sáng của mặt trời nên gọi nhật thực.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 16

打治 Đả trị: âm nhà Ngô là đỉnh, nay không lấy âm đó. Tập Huấn gọi là đỉnh, Quảng Nhã nói đả là đánh, Tỳ Thương gọi là bỏ ra. Đây là chữ thông dụng xưa nay, bộ thủ âm đỉnh. Chữ dưới là trị, Vận Thuyên nói trị là sửa sanh, Quế Uyển Châu Lâm nói là tà tu bỏ vậy.

淤泥 Ư nê: nghĩa là bùn xanh đọng trong ao nước.

Phược phạt: chánh thể viết bộ mộc thành chữ phác, Quế Uyển Châu Lâm nói là buộc cây trúc thả trên mặt nước gọi là phác.

白癩 Bạch lại: Khảo Thanh gọi là bệnh hủi, hoặc viết chữ lệ

喜齁 Hỷ tiêu: tiêu là cuốn lưỡi lộn lên nóc họng rồi thổi ra khiến cho hơi bật ra thành tiếng dài.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 17

(Hồi thứ năm vô lượng thọ, gồm hai quyển).

蘋澤 Tần trạch là đọc nhầm của tiếng Phạn. Hữu hiệp: là bả vai vậy.

擅美 Thiện mỹ: Vận Thuyên gọi là chuyên, hoặc viết chữ thiên đều là bộ thủ, bộ mộc là sai.

Quyên xả: Vận Anh nói là vớt bỏ. Ca-thi-ca:

法鼓 Pháp cổ: chữ cổ trong văn kinh có nhiều khởi nguồn sai lầm hoặc viết bộ bì, hoặc viết bộ dư chính là chữ nước Thục đều sai. Thuyết Văn viết chữ cổ âm chỉ nghĩa giương cờ giống trống lên.

法鼓 Pháp loa: loa là chữ thông dụng, chánh văn viết chữ luy.

Pháp tràng: chữ tràng bộ cân, là chữ chánh thể, kinh viết bộ tâm là sai.

雨大法雨 Vũ đại pháp vũ: chữ vũ trên là động từ Khảo Thanh gọi là từ trên mưa xuống, chữ vũ dưới như chữ bốn thượng thanh.

Hà đảm: Thuyết Văn đều viết hai chữ này bộ nhơn, Ngọc Thiên nói gánh vác trách nhiệm gọi là hà đảm. Nay văn kinh viết chữ hà bộ thảo, chữ đảm bộ thủ là chữ thông dụng không phải chữ chính.

Chiết nhất: Vận Thuyên nói chiết là phân chia, Thuyết Văn gọi là chẻ cây, viết đúng là bộ mộc, bộ cân, hoặc viết chữ phiến.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 18

Phong năm: Dĩ Quỳ chú quốc ngữ nói: năm là chín, Tụ Thống nói là lúa chín gọi là năm.

Phân phức: Thuyết Văn viết bộ thảo, khi cỏ mới mọc mùi thơm lan khắp, chữ phức ở dưới cũng là mùi thơm, có trong Hân Thi.

Kim tỏa: Khảo Thanh gọi là vòng tròn, Tụ Thư nói là vòng xích nối nhau.

盧蔗迦 Lô-giá-ca-bảo. Mạc-sai bảo: đều chưa rõ sắc mao, tra khảo trong bốn phạm chưa được.

Giáp giả: chánh thể viết bộ phụ chữ này nghĩa là nơi biên giới hiểm trở Ngọc Thiên gọi là chỗ không rộng rãi, kinh viết bộ khuyên là sai, chữ này chính là thói quen khuyên mã, chữ quân là trái ý kinh.

清淨 Thanh tịnh: văn tự âm nghĩa nói: nước lóng rất trong sạch, Thuyết Văn viết bộ thủy âm kinh.

浚流 Tuấn lưu: Vận Anh nói: tuần là sâu, chữ lưu Thuyết Văn viết bộ thủy âm lược ở trên có dấu chấm.

沿流 Duyên lưu: Thuyết Văn gọi là thuận dòng chảy xuống, bộ thủy âm duyên.

戩流 Trạc lưu: âm trọc, Quảng Nhã nói trạch là giặt, Nhĩ Nhã gọi là ban đầu, to lớn. Thuyết Văn gọi là sáng sủa, bộ thủy âm trạch.

Đồng túy: Tập Huấn nói túy là tụ là tập.

何濱 Hà tân: là bốn sông.

半擇迦 Bán-trạch-ca: là tiếng Phạn là loại người Nam hoàng môn hai hình.

Khả du: Thuyết Văn viết bộ ngôn hoặc bộ khẩu, viết

chữ dụ Tập Huấn gọi là tỏ rõ là thí dụ làm rõ.

Bi hồ: Quế Uyển Châu Lâm nói: Bi là hồ chứa nước nghĩa là lấy đất đắp lại thành hồ chứa. Theo Thảo Trạch là cái ao có nước gọi là bi, chữ hồ theo Thuyết Văn nói đại bi là hồ. Theo Ngô Việt thì động đình có cỏ xanh đều gọi là hồ lớn.

標式 Tiêu thức: Tập Huấn nói: tiêu là nêu, là viết, bảng sách là bảng. Thuyết Văn viết bộ mộc, hoặc viết bộ càn, chữ thức theo Thuyết Văn gọi là cách thức, là dụng.

Thuần tức: Vận Anh gọi là nháy mắt, văn kinh viết chữ thuần là chữ thông dụng, Thuyết Văn viết chữ dần khai là mắt động mấy lần, bộ mục âm dần. Theo nghĩa chữ thuần là một cái chớp mắt. Tức là một hơi thở, nghĩa là khoảnh khắc rất nhanh, Lã Thị Xuân Thu nói: muôn đời giống như một nháy mắt.

層樓 Tầng lầu Quách Chú Sơn Hải kinh nói: tầng là lớp Thuyết Văn nói tầng là tầng nhà, bộ hộ âm tầng.

Nhân nhục: Trịnh Huyền chú lễ ký nói: nhân cũng là nhục, Cố Dĩ Vương nói lấy da hổ làm nệm.

扞溺 Chấn nịch: chữ chấn là thượng thanh, là chữ thông dụng của Lệ Thư Thuyết Văn viết chánh thể là bộ thủ âm biện hoặc viết chữ đẳng, Thuyết Văn gọi là đưa lên, Đỗ Dự nói: chấn là cứu trợ phương Ngôn gọi là vớt ra khỏi vũng bùn, Quảng Nhã nói chấn là thu lấy, bộ thủ âm chấn.

疇昔 Trù tích: Nhĩ Nhã nói trừ tích là ngày xưa, Như Thuần chú lễ ký nói: gia nghiệp đời đời tương truyền gọi là trừ, Khảo Thanh gọi là túc, là chữ hình thanh.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 19

(Bất động Như Lai hội thứ sáu).

輕躁 Khinh táo: Ngọc Thiên nói: táo là động, giá chú quốc ngữ gọi là miếu, Tịnh Chú luận ngữ nói táo là bất động chẳng an, tự thư gọi là tánh nóng nảy, bộ túc âm táo.

Sở tiết: Tập Huân nói tiết là rỉ ra, là hiệt, giảm. Tỷ nào: (đã giải ở trước).

Hộ dũ: Quảng Nhã nói dũ là cửa sổ khoét giữa vách. Vận Thuyên nói: bên song cửa sổ gọi là dũ Thuyết Văn nói xuyên qua vách lấy cây làm chân song.

Lại đoạ: Khảo Thanh gọi là không nhúc nhích, Thuyết Văn gọi là giải đãi, bộ nữ âm lại, có thuyết nói nằm ăn gọi là nọa. Chữ đoạ theo Quảng Nhã nói đoạ cũng như lại, Vận Anh gọi là giải đãi, Thuyết Văn gọi là bất bình, bộ tâm âm đoạ.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 20

Kim hoàng: Quảng Nhã nói chất phép chưa luyện gọi là hoàng còn gọi là khoáng. Thuyết Văn chất đồng sắt còn nguyên gọi là hoàng, thuộc bộ mộc âm hoàng.

Chú luyện: Khảo Thanh nói: chú là nung chảy, âm dung. Thuyết Văn gọi là đúc kim loại, chữ luyện theo Vận Thuyên gọi là tôi luyện kim loại. Thuyết Văn gọi là

nung kim loại, bộ kim âm đông hoặc bộ hỏa.

Sa lịch: Thuyết Văn gọi là đá nhỏ, Khảo Thanh gọi là các thô, là đá vụn.

Nhai tế: Vận Thuyên nói: nhai là bến sông, Khảo Thanh cũng gọi là giếng nước, Khổng chú Thượng Thư nói nhai cũng như tế Thuyết Văn viết chữ nhai bên cạnh có bộ son, chữ tế theo Quảng Nhã gọi là hợp, góc, Đổ chú tả truyện nói. Khảo Thanh gọi là bờ, cỏi. Thuyết Văn gọi là hội.

Văn của chữ vạn: Phạn gọi là thất ký nhị hợp mặt tha. Đường dịch là tướng kiết tường, có thuyết nói chữ vạn bộ thảo là sai. Trang quyển thứ tám kinh Hoa Nghiêm nói đủ tướng này, nhưng cũng không phải chữ này vậy. Đúng là trên thân Như Lai có mấy chỗ có tướng đại phước đức tốt lành này.

倉廩 Thương lẫm: Chu lễ gọi là thương nhơn mang gạo vào kho, Thuyết Văn gọi là kho lúa. Bộ thực, bộ khẩu giống như hình chiếc guom. Chữ lẫm theo Thuyết Văn là từ bộ ngạch, chữ hồi.

盈儲 Doanh trữ: Quảng Nhã nói: doanh là đầy, Thuyết Văn gọi là bình đầy. Chữ trữ, Khảo Thanh gọi là tích chứa, trữ lại.

Cơ cấn: cơ là lúa không chín, cấn là rau người chín, đều là chữ hình thanh.

Vũ bào: Thuyết Văn gọi là nước mưa, bộ thủy âm bào.

Tích lịch: chữ chánh xưa nay gọi là tích lịch là sét đánh thành linh, trên hình dưới thanh.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 21

(Bị giáp trang nghiêm hội thứ bảy năm quyển.)

Tán phong: lễ ký gọi là chất lúa, Bát nhã gọi là ngoan. Nghĩa là dáng núi cao, Khảo Thanh gọi là quần thể núi nhỏ nhóm chất gỗ, Thuyết Văn viết bộ mộc âm tán, hoặc bộ sơn. Phong nghĩa là núi cao mà nhọn, ở đây viết bộ sơn trong kinh viết bộ kim cũng được.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 22

防禦 Phòng ngự: Trịnh chú chu lễ nói ngự là cấm. Đỗ Chú tả truyện gọi là cấm chỉ, Thuyết Văn gọi là đế lỗ, bộ thị âm ngự

Nghi nhiên: Khảo Thanh gọi là dáng núi đứng, chữ nhiên theo Thuyết Văn từ bộ nhục và bộ khuyến.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 23

炊然 Xuy nhiên: Nghệ Tông nói: xuy là chọt, Thiên Thương Hiệt gọi là tốt (chết), Thuyết Văn gọi là thổi lên.

悚慄 Túng lật: Tiểu Nhĩ Nhã nói: túng lật là dáng vẻ hết sức sợ hãi, đều là chữ trái hình phải thanh.

挺特 Đĩnh đặc: Quảng Nhã nói đĩnh là rút ra, Khảo Thanh gọi là trực, Thuyết Văn gọi là bạt (nhỏ lên) bộ thủ âm đĩnh. Chữ đặc theo Khảo Thanh gọi là hùng độc nhất,

Khảo Thanh gọi là con trâu đực, bộ ngư âm tự Chú dĩ:
Tập Huân nói: mưa thuận thời nên muôn vật sinh sôi.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 24

筵裔 Diên duệ: Thuyết Văn gọi là đi đường xa, chữ duệ theo Đỗ chú tả truyện nói duệ là xa, Quảng Nhã nói duệ là tứ biểu. Thuyết Văn nói duệ là gấu áo.

階砌 Giai thiết: Cô Dã Vương nói: gia là lối lên, Lưu Hi nói giai là bậc thềm, Thuyết Văn nói giai là bậc thang. Chữ thiết theo Khảo Thanh gọi là xếp chồng chất, thiết cũng như giai, chữ này bộ thạch âm thiết.

Oánh đôi: Mao Thi truyện nói cánh là uốn quanh, Vận Anh gọi là nhiều quanh, Khảo Thanh gọi là cuốn lại, bộ mịch.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 25

提塘 Đề đường: Tô làm gọi là bờ đê, Vệ Chiêu nói: chứa đất lại để làm bờ ngăn hoặc viết chữ đề bộ phụ, chữ dưới là đường. Vận Anh nói: đường là cái đê hoặc viết bộ phụ cũng được.

爲榦 Vi cán: Khảo Thanh gọi là lễ chánh, an, chất là thân cây Bồ đề, là chánh gốc.

阿呵 A A: hai chữ đồng âm, trong kinh đã rõ âm.

澄蟬 Trùng đàm: đàm là lắng trong, chữ đàm theo Khảo Thanh là chỗ nước sâu thăm thăm.

Hoa nhị: trong kinh viết chữ hoa lúa là sai, Tập Huấn nói nhị là nhụy của hoa.

Diêu duệ: là dáng gió bay. Biên phiên: là kiểu chao hiện.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 26-27

(Pháp tư thể tánh hội thứ tám hai quyển.)

Đôi phụ: Khảo Thanh gọi là đồng đất cao. Thuyết Văn gọi là gò nhỏ bộ thể âm chuy, cổ văn viết bộ phụ Chữ dưới là phụ là âm đọc của Ngô Sở. Vận Anh gọi là âm phụ, Nhĩ Nhã nói đất liền là phụ. Mao thi truyện nói: phụ là lớn, Khảo Thanh gọi là loại gò. Giá quý quốc ngữ nói phụ là sâu. Quảng Nhã nói gò không có đá gọi là phụ

𡵓 𡵓 Tranh xúc: Quảng Nhã viết tranh là thích Khảo Thanh gọi là đồng, bộ thủ âm trường. Chữ xúc theo Quảng Nhã xúc là đột xuất, Tự Thư viết chữ đề là sai, hoặc viết chữ xúc bộ ngu là chữ hội ý.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 28

(Đại thừa thập pháp hội thứ chín)

𡵓 𡵓 Giác thăng: Khảo Thanh nói giác là tiếp, chánh thể viết bộ đầu, âm cầu. Thuyết Văn gọi đầu là đong lường, chữ thăng bộ lực âm thăng.

奢麻那 Xa-lợi-da: Phạn ngữ là tên của một bộ lạc

của Bà-la-môn.

Đức Thế Tôn ở trong ấp này khát thực không được mà mang bát không trở về

遮摩那 Già-ma-na: là tên của nữ ngoại đạo tên là Tôn-đà-lợi. Vì chậu gỗ chuột cắn nên lấy đồ rịt lại rồi lấy đi, thân còn sống mà rơi vào vô gián địa ngục. Ở trong hầm ấy thấy trong thành Xá vệ.

Tỳ-lan-đa: là tên của trưởng giả thỉnh Phật an cư trưởng giả quên không biết Như Lai đến, Như Lai trong ba tháng chỉ ăn dé của ngựa.

Thổ thôi:

Thuần bị: Khổng chú Thượng Thư nói: thuần là hạnh thuần nhất, Phương Ngôn gọi là tốt, chữ bị theo Thuyết Văn gọi là đủ, bộ nhơn âm bồ nay văn kinh viết chữ bị bộ nhơn là chữ thông dụng.

Trảo chương:

Ba-ti-chuyện: tiếng Phạn, là tên của Thiên ma, tương truyền làm là ba tuần, tiếng Phạn không có chữ ba tuần. Cổ dịch là ba thuấn âm huyện, người sau viết nhầm chữ thuấn là tuần.

Qua đả: qua là đánh ngựa. Khảo Thanh gọi là đốt cây cỏ, bộ mộc âm quá. Thanh Loại gọi là chùy, chữ dưới là đả là đánh, đập, bộ thủ âm đình.

Thieu khước: Khảo Thanh nói thieu là kén chọn, có âm là thao, Vận Thuyên nói thieu là gạt ra, loại bỏ bộ thủ âm diêu.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 29

(Văn Thù Phổ Môn hội thứ mười, một quyển)

唯然 Duy nhiên: Tự Thư nói: duy là cung kính vâng dạ tên giả vâng mệnh mà nghe theo lời dạy.

聚沫 Tụ mạt: gọi là bọt nước.

常鵠 Thường hươ: lấy mũi để ngửi, văn kinh viết bộ khẩu là chữ thông dụng.

鹹酢 Hàm tác: Nhĩ Nhã nói hàm gọi là mặn, Khảo Thanh nói đó vị của nước, Thuyết Văn nói hàm là ngậm (bộ kim), văn kinh viết bộ đậu là sai, Thiên Thương Hiệt nói tác là chua. Từ bộ đậu âm tác, nay tục dùng như chữ thù tác. Văn kinh viết chữ tích theo truyện dùng như chữ toan, chữ tụ bộ nhật, hai chữ dùng lẫn lộn nhau. Thuyết văn, Ngọc Thiên, Tự Thống đều viết chữ tác bộ đậu.

细滑 Tế hoạt: Không chú Thượng Thư nói: tế là nhỏ, Thuyết Văn gọi là tinh vi, bộ mạch âm tín, văn kinh viết theo thói quen là bộ điền là sai. Chữ hoạt, Khảo Thanh gọi là mỹ, trơn. Thuyết Văn gọi là lưu loát, thuộc bộ mộc âm cốt.

興澍 Hưng chú: Trịnh Tiên Thi nói hưng là thanh, Trịnh chú Khảo Công ký nói: hưng là động, Thuyết Văn gọi hưng là khởi. Chữ chú còn âm là chú bộ Vương, Khảo Thanh nói mưa phải thời gọi là chú, bộ thủy, bộ thốn.

橐龠 Thác dược: Ngự chú Lão Tử nói: Thác dược là cái túi không đáy, tục gọi là cái túi da. Thược là ống sáo, là tên của loại nhạc cụ đều là loại chứa không khí và thoát ra thành tiếng.

捷疾 Tiệp tât: Khảo Thanh gọi là luận tiện, Thuyết Văn gọi là tiệp, bộ thủ âm tiệp.

諸冥 Chư minh: Mao Thi truyện nói minh là sâu xa. Trịnh Tiễn nói: minh là tối tăm, Thuyết Văn gọi là u tối. Nó thuộc bộ khuynh bao lại. Tiếp đó là bộ nhật và chữ lục, mỗi khi đến ngày mười sáu mặt trăng bắt đầu mờ dần đến khi tối hẳn, là chữ hội ý. Văn kinh phần nhiều viết bộ miên, chữ cụ viết thành chữ minh là sai.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 30

(Xuất hiện Quang Minh hội thứ mười một, năm
quyển.)

燈寥 Đăng liêu: Khảo Thanh nói liêu là khinh nhiều, Tự Thư nói đốt đuốc gọi là liệu, Thuyết Văn gọi là phóng hỏa, bộ hỏa âm liêu.

Hà cầu: hà là vết ngọc, cầu là dơ uế.

Chiêm-bặc-la: là một loại cây hoa của Ấn Độ.

拘律陀 Câu-luật-đà: phải nói là Ni-câu-luật kinh là lặc tụng lướt bỏ chữ ni hoặc nói là ni câu loại, hoặc nói Ni-câu-đà, là đọc lược của âm Phạn. Tầu dịch là vô tiết thọ nói giống cây ngô đồng, da không xanh không có gân nhẵn, thân cao thẳng tròn trịa.

Kiên-phúc-ca: (Phạn ngữ) là tên của loại công hoa ở Ấn Độ Đại Đường Tây vực ký nói: Ấn Độ có rất nhiều cây kiên-phúc-ca hoa của nó màu đỏ hình như bàn tay người, âm nghĩa trước hoặc gọi là A-thúc-ca. Xứ này gọi là tây-vô-ưu hoa của nó cũng màu đỏ.

優曇鉢羅 Ưu-đàm-bát-la: hoặc gọi là Ô-đàm-bát hoặc chỉ gọi là Ưu-đàm đều là tiếng Phạn.

Thi-lợi-sa: đây gọi là kiết tường, nghĩa là cây hợp hôn, tục gọi là ban đêm hoa nó khéo loại rất thơm.

阿提目多 A-đề-mục-đa: là tiếng Phạn, chính Phạn âm là tên của loại A-địa-mục-đắc-ca hoa. Ở Ấn Độ có loại cây này nhưng Trung Hoa không có.

Mục-chơn-lân-đà: là đọc trại âm Phạn. Đọc đúng là mẫu chơn lân thủ (thượng thanh) đó là tên loại cây hoa. Cũng là tên của Long Vương.

磨胃 Ma quyền: âm trên là Ma là đọc lược của âm Phạn, chính phạn âm là Ma-la, đường gọi là sức mạnh. Loại quỷ thần này có sức mạnh lớn có thể làm chướng ngại sự tu hành thập thiện nên lấy đó mà đặt tên, quyền là lưới, quyền cũng gọi là buộc, bộ võng âm quyền.

Kỳ chú: chú nghĩa là tim đèn, là chỗ dẫn dầu.

Kim sáng: bộ mộc âm dương, văn kinh viết bộ hán và bộ mộc là sai.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 31

Chú Cam Vũ: Huấn giải như văn kinh đã giải ở trước.

Chích liêu: chích là đốt lửa, kinh viết âm cũng là sai. Liêu là mỗi lửa. Trong kinh viết chữ liêu là bình, chữ này e rằng sai nghĩa kinh.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 32

拘枳羅 Câu chi la: (Phạn ngữ) là tên của loài chim, câu chi là lấy âm thanh mà đặt tên, loài chim này tính thích chỗ rừng rậm không thích ở nơi rừng cây trụi lá.

Bễ phước: sách nói bễ là da trước đùi. Thuyết Văn viết bộ cốt âm tỳ, văn kinh viết bộ nhục chữ dưới là bác. Tự Lâm nói bác là bắp tay, Văn tự tập lược nói là kiên giáp (chỗ giữa hai vai liền nhau). Thuyết Văn viết bộ cốt âm bác. Chữ bác là từ bộ bồ, bộ thốn, văn kinh viết bộ nhục để vay chữ, chẳng phải chữ này, vì rất trái với nghĩa kinh.

傭滿 Dong mãn: Vận Anh nói: dong là thẳng, Khảo Thanh gọi là trên dưới bằng nhau, Thuyết Văn viết bộ nhơn âm dung, chữ mãn là từ bộ thủy âm man, là chữ hình thanh.

足跟 Túc căn: tự thống nói căn là gót chân, chữ này là bộ túc âm căn.

紺青 Cầm thanh: cầm là màu xanh thẫm, Thuyết Văn gọi là bạch đem nhuộm màu xanh mà pha sắc đỏ bộ mịch âm cam, chữ thanh là bộ sanh và chu kết hợp nay viết chữ thanh biến thể

芬軼 Phên thức: Khảo Thanh nói là mùi thơm, Thuyết Văn nói héo cỏ mới mọc tỏa ra mùi thơm, thuộc bộ triệt âm phên, nay lệ thư viết bộ thảo.

螺文 Loa văn: là chữ thông dụng, chánh thể viết chữ luy, loài hải sản có vỏ, vết văn xoay bên trái.

窪曲 Oa khúc: Vân Thuyên nói: gọi là chỗ đất âm thấp, Thuyết Văn gọi là bộ huyết âm cao.

炳著 Bính trước: Thiên Thương Hiệt nói bính là sáng, Khảo Thanh gọi là lửa sáng, Thuyết Văn viết bộ hỏa âm bính, hoặc viết giống như chữ trứ, nghĩa là sáng.

膊傭 Bác dong: hoặc viết chữ phác, thoan, toan bốn kiểu đều là một, là xương đùi, Thuyết Văn viết bộ nhục âm chuyên, chữ chuyên là bộ thốn.

迦陀泽 Ca-lan-đà-hồng: là tiếng Phạn, tên của một loài chim, cũng là tên cái ao, cũng là tên của vườn trúc, cũng là tên của tụ lạc.

恨戾 Hận lệ: Tự Thư gọi là rất ác, bộ nhơn âm cần.

詭異 Quỷ dị: Khảo Thanh nói: quỷ là dối trá, lừa bịp, quỷ kiệt.

Cổ Dã Vương nói quỷ là kỳ lạ, hoặc viết bộ tâm.

𦰩草 Nhuyễn thảo: Thuyết Văn gọi là yếu, bộ nhị bộ đại. Văn kinh viết bộ xa là sai, tất cả sách đều không viết chữ nhuyễn có bộ xa này.

瘡疣 Sang vu: là chữ thông dụng, Khảo Thanh nói: sang là bệnh nhọt. Thuyết Văn gọi là bị thương, Cổ văn viết bộ qua. Chữ vu, Thiên Thương Hiệt nói vu là bệnh bấu, Khảo Thanh nói bấu mọc ngoài da.

阿那婆伽 A-thác-phước-ca: là tiếng Phạn là tên của đại tướng quỷ thần nơi hoang dã, hoặc gọi là yết tra bạc, tục gọi là đại tướng nguyên soái, là một trong mười sáu đại được xoa tướng.

摩那婆伽 Ma-na-bà-già: (tiếng Phạn) là tên của Long Vương cũng là tên của đại thần.

牟廬 Mâu-lư: tiếng Phạn là tên của loài trời, vị trời này anh của bốn chị em thiên nữ, đều là quyến thuộc của

chư thiên trong cõi dục.

尸棄基 Thi-khí-kỳ: (tiếng Phạn) là tên của Trì Quốc Thiên Vương ở phương Đông.

鳩槃荼 Cưu-bàn-trà: là tên của họ quỷ Thiên Vương ở phương Nam, mặt giống như quả dưa mùa đông.

毘盧擇伽 Tỳ-lô-trạch-ca: âm trạch trong kinh viết chữ thích là sai, là một trong Tứ đại thiên Vương, Thiên Vương ở phương Nam thống lãnh, như các chúng Cưu-bàn-trà ở trước.

Tam-mộ-đa: (tiếng Phạn) là thần gió, cũng là tên khác của phong thiên.

綵幔 Thái mạn: Quảng Nhã nói mạn là tấm màn là che đây, Thuyết Văn gọi là mạc, bộ cân âm man.

叢廁 Tùng xí: Khảo Thanh gọi tòng là tụ, xí theo Quảng Nhã gọi là khoảng, Thiên Thương Hiệt gọi là bể đến là chỗ tạp, bộ nghiễm âm tắc.

Thác nhữ: Khảo Thanh gọi là lẫn lộn.

瞻菩 Chiêm bồ-ca: là tên một loài hoa.

Tất-lực-ca: tiếng Phạn là tên của một loài hương.

Hoài nhâm: cổ văn viết bộ nữ thành chữ hoài, Thiên Thương Hiệt viết chữ hoài là ôm ấp. Chữ nhậm, Quảng Nhã gọi là có thai. Có âm thân hoặc chữ nhâm, Thuyết Văn gọi là bào thai, Khảo Thanh nói người phụ nữ có thai, bộ nữ âm nhậm.

醵釧 Hoàn xuyên: Nhĩ Nhã nói thịt ngon như một gọi là hoàn.

Quách Chú nói: vòng có lỗ chữ xuyên theo Vận Anh nói xuyên là vòng tay, là chữ hình thanh.

樊騰 Phàn đằng: Thuyết Văn nói phàn là dẫn đằng, theo Khảo Thanh đằng là loại dây leo tràn lan, bộ thảo âm đằng.

蠲勞 Quyên lao: Quách Phác chú Phương Ngôn nói: quyên là trừ bỏ.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYÊN 33

Đôi hận: Thuyết Văn nói: đôi là oán. Văn kinh viết chữ đôi bỏ chữ tâm.

𢇛𢇛 Chấn tế: không phản âm, lấy chữ chấn, thượng thanh, Phương Ngôn nói: chấn là cứu trợ, bộ thủ âm chấn.

Đà-la-nhi-noa-chú: chữ trong chú này chỉ lấy thanh vận, do ảnh hưởng chữ Phạn nên không tiện giải thích.

瞿羅 Ê-la: bộ mục âm ế văn kinh viết nhầm bộ dậu, thành chữ y là sai, chữ la ở dưới là âm bật của lưỡi.

Mang nang. Nhưỡng.

Nghiệt.

Những câu chơn ngôn này không phải chính Phạn bản, chỉ dịch nhờ vào bản cũ

皆挾 Giai hiệp: Khảo Thanh nói hiệp là giữ, là dấu riêng.

沍𢇛 Hổ xúc: Khảo Thanh nói tranh là cái trụ.

金柄 Kim bính: Khảo Thanh nói bính là đồ vật có chuôi cầm.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 34

補特伽羅 Bô-đặc-già-la: (tiếng Phạn) Đường dịch là pháp vô ngã.

Quảng hiêm: Khảo Thanh nói hiêm là nơi hiêm trở, gồm bộ hán, bộ phụ âm hiệp, văn kinh viết bộ khuyên là sai.

Đà-la-ni-đế-thế

喉腭 Hầu ngạc: là chữ thông dụng, chánh thể viết bộ nhục, hai bộ khẩu, âm huyên.

賈持 Tê trì: là chữ thông dụng, Cố Dã Vương nói tê cũng giống như trí, Quảng Nhã gọi là tặng, Thuyết Văn gọi là đem đi, chánh thể viết chữ tê bộ bồi âm tê.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 35

(Bồ-tát Tạng hội thứ mười hai, trước có nói về ý nghĩa nay chỉnh thêm, hai quyển)

Bạt-già-phạm: (Phạn ngữ) là danh hiệu tôn xưng của Như Lai, đây là tên hay trong các Đức Phật Địa Luận kệ nói: Tự tại xí thanh và đoan nghiêm. Gọi là kiết tường và tôn quý Như vậy lục chủng nghĩa sai biệt

Nên biết gọi chung Bạc-già-phạm. Câu văn này bao hàm nhiều nghĩa.

Người dịch kinh vì sợ không lột tả hết sự mầu nhiệm đó nên vẫn giữ nguyên chữ Phạn.

Thất-la-phiệt: (tiếng Phạn) là tên của một quốc gia ở Ấn Độ, cổ dịch là thành Xá vệ hoặc gọi là xá-bà-đề Nghĩa là nước này xuất hiện nhiều bậc nhân tài, có nhiều tài nguyên quý giá. Thiện kiến luật cũng gọi là nước giàu có, nghĩa là nước đó có rất nhiều bậc thông minh, trí tuệ xuất hiện. Trân bảo các nước đều cống nạp về nước này. Vì có nhiều tài sản quý giá nên gọi là “đa hữu”. Thời xưa có người Xá vệ ở đất này, vì thế đặt tên là Xá-vệ, nó thuộc miền Trung Ấn.

魔王 Ma Vương: Tự thư vốn không có chữ ma này. Dịch giả chuyển chữ ma thành ma-la, cổ dịch là hay làm chướng ngại người tu hành. Lại nói vì làm mất tuệ mạng, cho nên khởi kinh nói: cõi trời tha hóa dưới cõi sơ thiên có cung điện của ma ba-tuần, sắc thân và tuổi thọ của ma trội hơn các trời tha hóa tự tại. Nó thường so tài với Phật Nhiếp thuộc Nhĩ hóa thiên, Phạn ngữ gọi là Ba-tát-duyện, Đường gọi là ác dục, đa ái dục.

阿素洛 A-tổ-lạc: cựu dịch là A-tu-luân, hoặc gọi là A-tu-la đều đọc trại âm của tiếng Phạn, chánh âm là A-tổ-la chuyển lưỡi. Tào gọi là phi thiên, nó là loài có phước đức lớn nhất trong các loại quỷ thần chướng ngại phong tục ở Ấn Độ phạm các loại quỷ thần đều gọi chung là thiên. Loại này thường hay tranh giành phần hơn với chư thiên, cho nên gọi tắt là phi thiên. Khởi thế nhân bản kinh nói: loài này có bốn loại: một loại cung điện ở dưới biển, bốn phía núi Tu-di đều có mỗi cõi, phương Đông là của Tỳ-ma-chất-đa, phương Nam của dũng dục, phương Tây là của huyễn hóa, phương Bắc của La-hầu, trên cách mặt biển cả vạn du thiên na, khi

cảm tứ phong luân chuyển mang bước khiến cho ở được. Một là trụ, hai là an trụ, ba là bất đoạ, bốn là kiên cố hoặc ở trong các núi, hải đảo luôn nghe có hang A-tu-la. Các truyện ký đã nói là Bồ-tát Thanh Biện đã vào những nơi này.

Dược xoa: cừu dịch duyệt xoa hoặc gọi là dạ-xoa, hoặc gọi là dã-xoa đều đọc trại, chính là chúng của Đa-văn Thiên Vương cai trị 摩揅佗 Ma-yết-đà: hoặc gọi là Ma-kiệt-đà, hoặc gọi là Ma-kiệt-đề đều là một. Tây Vực ký nói: ở nước Trung Ấn gọi là Ba-liên-phát-áp vùng đất ấy ẩm ướt sinh sản nhiều loại lúa gạo, là lãnh thổ của vua Vô-ưu cai trị, xứ này có rất nhiều thánh tích.

鷲峰 Thửu phong: âm tựu hoặc gọi là linh thửu, hoặc gọi là thửu đầu, hoặc thửu tổ Đều tùy theo thói quen mà nói. Cổ gọi là Kỳ-xà-quật, chính là đọc lược âm tiếng Phạn, chánh gọi là hợp hai âm hột lý và đà-la. Đọc chuyển lưỡì là củ thác sơn là nơi chim thửu ở, là loại cao đài nên đặt tên là thửu đài, vì loại chim này ở trên đỉnh núi cho nên gọi là thửu phong hột.

僧伽𧑦 Tăng-già-đê: Âm tri, cực gọi là tăng-già-lê, tàu gọi là do kép, tức là đại y của chư tăng ngày nay. Dưới là cửu điều, trên là hai mươi lăm điều, chỉ lấy kỳ số chín loại sai biệt, đầy đủ như trong văn luật đã nói, Phật chế khi vào cung vua, khi vào tụ lạc, khi chiết phục ngoại đạo, khi thấy thú dữ thì phải mặc y này.

Nghiêm chỉnh: Khảo Thanh nói: chỉnh là tề, chánh lý.

Siêu đỉnh: phương Ngôn nói siêu là xa, Thiên Thương Hiệt gọi là vượt qua. Quảng Nhã gọi là băng qua,

Vương Dật chú sở từ gọi siêu là việt. Thuyết Văn gọi là khiêu. Bộ tâu âm chiêu. Chữ chiêu gồm bộ đao bộ khẩu, chữ dưới là nị, Vương Dật chú sở từ nói: nị là tron.

An-thiện-na: (tiếng Phạn) là tên của loại thuốc nhỏ mắt. Đây gọi là loại thạch được, màu xanh sẫm và pha lẫn sắc đỏ cũng giống kim tinh.

Đề thanh: là tên bảo bối, chỉ có thiên đế mới có loại ngọc xanh này, vì thế đặt tên là đế thanh.

Thiên cung: hoặc gọi là đế cung, tức là cầu vòng, tục gọi chữ hồng là giáng, thi nói đế đông và hồng nhi đều là một.

Hà uế: Ngọc Thiên nói hà là vết của ngọc, uế là không sạch sẽ.

鑄金 Chú kim: Cổ Dã Vương nói nung đồng làm đồ dùng gọi là chú Thuyết Văn gọi là nung chảy kim loại, bộ kim và chữ thọ kết hợp.

奢摩呵 Xa-ma-ha: (Phạn ngữ) Đường gọi là định hoặc gọi là tịch tịnh đều một nghĩa.

鴈行 Nhạn hành: Mao Thi truyện nói: con lớn là hồng, con nhỏ là nhạn.

Kiều-đáp-ma: (tiếng Phạn) Ngài Nghĩa Tịnh dịch là loại trâu phần, là chủng tộc cam giá hoặc gọi là loại đất bùn (nê thổ chủng) cỏ gọi là cù-đàm.

Toan-nghe-hạ: Nhĩ Nhã nói toan nghe như loài sư tử ăn thịt hổ báo. Quách Phác nói: chính là sư tử, xuất hiện ở Ấn Độ, vào thời Hán Vũ Đế vua Sơ-lặc nuôi.

Tiêm tạp: tiêm là nhỏ, chữ tạp gồm bộ y âm tập, tạp nghĩa là ác năm mây.

Kiên bác: đã giải ở trước.

Bê thoán: Thuyết Văn gọi là đùi ngoài, bên trong gọi là cổ ngoài gọi là bê, bộ nhục âm tỷ. Chữ dưới là thoan, hoặc viết là đoán, Thuyết Văn gọi là gót chân, bộ nhục âm đoan.

Võng man: Quảng Nhã gọi là căng da. Trong mười ngón tay của Như Lai có chỉ thịt nổi giống như chân thiên nga.

Song chích: hoặc gọi là tích, Thuyết Văn gọi là bàn chân. Cù-lạp-pha: (Phạn ngữ) Tầu gọi là hai bên hông.

Đạo không: Lưu Triệu chú Công Dương truyện nói: đạo là thực hành, Thuyết Văn gọi là dẫm đạp.

Khiêm hoài: Khảo Thanh gọi là nghĩ thâm, là dòm lén, Thuyết Văn gọi là ăn trộm. Từ trong hang ra, thuộc bộ huyết.

Na-du-đa: (tiếng Phạn) là danh từ pháp số của Ấn Độ, cổ gọi là Na-do-tha, kinh Hoa Nghiêm, phẩm A-tăng kỳ nói là câu chi. Câu chi là một A-du-đa, A-du-đa là một na-du-đa. Trong ba tầng pháp số đây chính là tầng lớn nhất.

Câu chi: cũng là pháp số của phương kia, phẩm A-tăng kỳ trong kinh Hoa Nghiêm nói: mười vạn là một lạc xoa, một trăm lạc xoa là một câu chi. Đây là số trung bình.

Sử lưu: Thiên Thương Hiệt nói sử là nhanh chóng. Quế Uyển Châu Tụ nói: là vội vã, bộ mã âm sử. Văn kinh viết bộ quyết là sai, chữ lưu gồm bộ thủy, bộ thốt, bộ xuyên bỏ dấu chấm thành chữ lưu.

Phiêu một: Thuyết Văn gọi phiêu là nổi, Quảng Nhã nói phiêu là tẩy, chữ một theo Đỗ chú tả truyện gọi là chìm. Thượng loại gọi là nịch, Thuyết Văn gọi là trạm.

Mạc-ma: (Phạn ngữ) Tàu gọi là tử tiết nghĩa là lông đốt của con người như bị đánh bị đập rồi chết sớm gọi là tử tiết.

Độc diễm: Thuyết Văn nói lửa đốt cháy sáng rực, Vận Anh gọi là ánh lửa.

Si cô: Thuyết Văn nói si là ngu si không có trí tuệ, Trịnh Chú chú chu lễ nói: không có mắt gọi là cô, mang mang như da trống.

Diệm ma: trong phần âm nghĩa của Đại Bát-nhã đã nói rõ.

Hồi phục: chữ hồi văn tự âm nghĩa nói: trong nước xoáy, chữ phục theo Khảo Thanh gọi là dòng nước cuộn cuộn.

Ba đào: Hứa Thúc Trọng chú Hoài Nam Tử nói: nước thủy triều vọt lên gọi là đào, Thiên Thương Hiệt nói sóng lớn gọi là đạo.

Châm trước: Vận Anh nói: châm là đam mê, Khảo Thanh gọi là ngoạn mục, đắm trước. Trước theo Quế Uyển Châu Tòng nói: trước là gần Hán Thư gọi là chí (đến) bộ thảo và chữ giả văn kinh viết bộ mục là chữ thông dụng trong sách vở.

Luy liệt: Khảo Thanh nói luy là gầy ốm, Thuyết Văn gọi là môn. Chính là chữ sáu, chữ liệt tự như nói liệt là yếu, bộ thiếu trên bộ lực là chữ hội ý vậy.

Lục xứ: theo Phạn ngữ gọi là A-đát-na. Tàu phiên là

xứ xứ nghĩa là xứ sở, là chỗ sanh ra cưu dịch là lục nhập thất. Phạn bốn là Bát-la-phiệt-xá, Tàu gọi là nhập.

Hôn mao: Thuyết Văn nói hôn là vọng, Quảng Nhã nói hôn là si mê. Chữ mao, tự thư gọi là loạn, bộ lão âm mao.

Bì hoãn: Nhĩ Nhã nói hoãn là thông thả Cổ Dã Vương nói là khoan thai, theo nghĩa bì hoãn là khoan mang (chậm rãi) bộ mịch âm viên.

Ma-nạp-bà (Phạn ngữ) hoặc gọi ma-na-bà hoặc gọi na-la-ma-nạp hoặc gọi là ma-nạp-phước-ca, hoặc gọi là na-la-ma-na, hoặc chỉ gọi là ma-nạp đều là lời đọc trại âm, cùng chung một nghĩa, Tàu gọi là nho đồng nghĩa là đồng tử.

Toát-ma: Khảo Thanh nói: tóm lấy. Quảng Nhã nói toát là cầm giữ

Bị sanh: hoặc nó ngu dị sanh, nghĩa là ngu si ám chứng không sinh vô lậu, cổ dịch là tiểu nhi biệt sinh, vì khờ như đứa trẻ hoặc nói tiểu nhi phạm phu hoặc viết anh ngu phạm phu, hoặc nói là mao đạo phạm phu, hoặc nói mao đầu phạm phu, nghĩa tuy là một nhưng cách nhau rất xa nghĩa đầu là đúng.

Chiên-trà-la: (tiếng Phạn) chính là người chủ quả ngục hoặc kẻ hốt phân dơ

Bị cương: Khảo Thanh nói: lấy cung tên bắn chim, tự thư gọi là bỏ thân ngoài đường, hình ấy giống như cây cung, chữ này bộ cung âm canh.

Ma-quyển: Khảo Thanh nói: dùng lưới giăng bắt, hoặc bó buộc, Vận Anh nói: bắt giữ, bộ võng âm quyên.

Kinh nói: ma-quyển là ngũ dục, Ma Vương do đây mà trối buộc chúng sanh.

Bất giác: nghĩa là ngủ nghỉ

Thính bất: tự thư nói thính là cho phép, thuận theo.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 36

(Phẩm thọ ký Kim tỳ-la thiên, Bồ-tát Tạng hết quyển này).

Kiên đạt phục: (Phạn ngữ) lỗ chất. Đường gọi là thưởng thức mùi hương, lấy hương để nuôi thân cũng gọi là thân hương hành, hoặc nói là xú hương, còn gọi là tầm hương thân hoặc nói ở trên núi hương, hoặc nói thân có mùi thơm lạ Có thuyết nói đó là thần âm nhạc là nghĩa dịch vậy. Cựu gọi là càn-thát-bà, cũng gọi là càn-đạp-hòa đều là âm khinh trọng bất đồng của các nước.

Yết-lộ-trà: cũng là thứ đồ không đẹp. Cựu gọi là ca-lâu-la hoặc gọi là kim sí điều.

Mạc-hô-lạc-ca: hoặc gọi là mây-hô-lạc đều đọc trại âm, Tàu gọi là đại phúc hạnh tức là thần mãng xà. Có sức thần lớn có khả năng biến thành người.

Khẩn-nại-lạc: là thần múa, thân người mà đầu ngựa hể là nữ thì như người đoan chánh khép ca múa, phần đông làm thê thiếp với Càn-thát-bà.

Ôn-bát-la-hoa: (Phạn ngữ) Đường gọi là hoa sen xanh, hoa màu xanh, là mềm rộng, dài, mùi thơm lan khắp, thế gian này không có hoặc gọi là Ưu-bát-la.

Bát-đặc-ma-hoa: hoặc gọi là bát-đầu-ma, hoặc gọi là bát-nỏ-ma, chính Phạn âm là bát-nạp-ma, Tàu dịch là hoa sen hồng, hoặc gọi là màu vàng tía.

Câu-hóa-đà: hoặc gọi câu-mễ-đà, hoặc gọi câu vật đầu, chính Phạn âm là câu-mâu-na tức là hoa sen màu đỏ thắm, có thuyết nói màu sắc như ánh lửa.

Bôn-trà-lợi-ca hoặc gọi là Phương -đà-lợi, chính Phạn âm là Bô-nô-nỏ. Lợi-da Tàu dịch là hoa sen tuyết, loại này không có ở nhân sản sinh ở ao đại long, cũng gọi là A-nâu-liên-trì.

Y hô: Nhĩ Nhã gọi là cây nhờ

Đỗ-sử-đa: (tiếng Phạn) là tên của trời Không Cự Thiên trong cõi dục giới. Cự dịch: Đâu-suất-đa hoặc gọi là Đâu Thuật hoặc gọi Đâu Sử Đa, đều đọc trại từ âm Phạn, Đường gọi là tri túc, hoặc gọi là diệu túc, phàm thánh giới địa phương nói: cõi phàm thì đa phảng dật, cõi trời thì nhiều ấm độn, cho nên gọi là tri túc, đa số các vị Bồ-tát Nhứt Sanh Bồ Xứ làm Thiên Vương ở cõi này. Tuy đầy đủ muôn hạnh và công đức thập độ nhưng vẫn chuyên rỗng tinh tấn. Luận Bà-sa và chánh pháp niệm kinh nói: cõi kia lấy mây báu làm đất, dưới cách mặt biển ba mươi hai vạn du thiên na. Bốn trăm năm ở cõi nhân gian bằng một ngày một đêm ở cõi kia, tuổi thọ bốn ngàn tuổi. Thân cao hai dặm.

Tứ châu: Nhĩ Nhã nói: có thể ở trong lãnh địa bình thường gọi là châu. Nói tứ châu trong biển cả bốn phía núi Diệu cao đều có một châu. Phía Đông gọi là Thân thắng, Nam là Thiệm bộ, Tây gọi là Ngưu hóa, Bắc gọi là Cao thắng. Thân hình và tuổi thọ trong mỗi châu đều

khác nhau, rộng như trong khởi thế câu xá đã nói:

Khắc-già-sa: (tiếng Phạn) là tên của một con sông ở Ấn Độ, thượng nguồn của con sông này xuất phát từ sông Vô nhiệt nảo, cát của nó nhuyễn mịn như bụi trần, vì không thể đếm xiết cho nên nêu ra để làm thí dụ.

Chuyên ngõa:

Lịch thạch: Khảo Thanh gọi là đá vụn, Thuyết Văn viết bộ thạch, đọc lược từ âm lạc.

Tru ngõa: tru Thuyết Văn gọi là gốc cây, chữ dưới theo Tự Thư gọi là tên khác của sát thọ.

Độc thích: Chu lễ nói thích là giết, bộ đao âm thúc.

Đổ-đơn-na: tiếng Phạn là tên của loài quý gọi là phú-đơn-na, hoặc gọi phú-đà-na, đều đọc trại chứ không đúng, Tào gọi là xú uest. Tuy thân hình nó hơi thú nhưng nó là loài cá phước báo lớn nhất trong các loài ngạ quý.

Mục-kiền-liên: (đọc nhầm tiếng Phạn) chính âm Phạn gọi là Một-hùng-nô-đắc-lạc-lạ, Đường gọi là họ Thái thúc. Tổ tiên của vị đại A-la-hán này thuộc chủng tộc Thái thực lục đậu (hái đậu xanh) lấy đó mà đặt họ

Uất-đa-la tăng già: (tiếng Phạn) là tên của ca-sa bảy điều mà chúng tăng thường đắp cũng gọi là y cắt sọc.

Tứ nhữ: Vận Anh nói tứ là buông lung.

Nhiều chuyên: Tập Huân nói: Nhiều là đùa giỡn nhiều loạn nhau, Tam thương nói: nhiều là nô đùa, là ngược.

Vi nhứt thiết: Vận Anh gọi là trợ giúp. Từ bộ trào viết thành chữ vi là đứng. Văn kinh viết chữ vi tắc.

Vi phổ: Khảo Thanh nói là làm.

Đệ đăng: Vận Anh nói đệ là thêm bằng gỗ, bực gỗ, bộ mộc, âm đệ. Chữ đăng, Quách Chú Mục Thiên tử nói đăng là cái bệ. Vận Anh nói đăng cũng như đệ, Tục Thư nói đăng là hiểm hóc, chữ này bộ phụ.

Vi kiều: Khảo Thanh nói kiều là cái cầu. Tục Thư nói kiều là cái cầu để bắt qua sông, bộ mộc âm kiều.

Lao cố: Quảng Nhã nói: lao là bền vững, Thuyết Văn nói bốn mặt đều bao bọc, Cố Dĩ Vương nói lao cũng như Cố Thuyết Văn gọi là xây chuồng nuôi trâu dê.

Quyết nhất: Mao Thi truyện nói: quyết là động, Dĩ Quỷ chú Quốc ngữ nói quyết là đi, Cố Dĩ Vương nói quyết cũng giống như kinh hải, nghĩa là mau chóng. Quảng Nhã nói quyết là đập dầm, hoặc viết là thú quyết đều giống như chữ nhất. Thuyết Văn gọi là tủng.

Xuyên triệt: Vận Anh nói: xuyên là cái hang, Thuyết Văn gọi là thông suốt, gồm bộ huyết bộ nha. Chữ triệt theo Đỗ chú tả truyện nói: triệt là thấu đạt, Thuyết Văn gọi là thông thạo, bộ xích.

Tĩnh lự: Cổ gọi là thiên định, Thuyết Văn gọi tĩnh là thăm sát, Khảo Thanh gọi là an ổn tĩnh mịch. Tập Huấn nói lự là suy nghĩ bộ tâm và âm lự

Quỹ pháp: Mao Thi truyện nói: quỹ là cạn kiệt, Khảo Thanh nói quỹ là nghèo thiếu, Thuyết Văn gọi là cái hộp, bộ phương âm quý, hoặc có khi viết thêm bộ mộc chữ pháp, Thượng Thư đại truyện nói đi đường mà không có tài sản gọi là pháp, Tả Thi truyện nói trái với chánh gọi là pháp.

Tam-ma địa: (Phạn ngữ) Đường gọi là định, hoặc gọi là đẳng trì hoặc gọi là đẳng chí đều có nghĩa là định.

Bát-la-nhã: âm bát là đọc nhầm âm Phạn, chánh Phạn âm là hợp hai chữ bát la, và chỉ nhường. Đời Đường gọi là tuệ, cổ dịch là trí tuệ, nghĩa là sáng suốt.

Tát-đỏa: (tiếng Phạn) Đường gọi là hữu tình, cổ dịch là chúng sanh.

Táo động: Trịnh Huyền chú luận ngữ nói là không an tịnh, Giả Quỳ nói: táo là nhiều nương. Mật pháp nói: thích biến động gọi là táo. Thuyết Văn nói táo là tánh vội vã, bộ túc âm táo.

Tha-na: là đọc nhầm âm Phạn, chính âm là đà-nang, Tầu dịch là thí.

Mãnh lệ: Mao Thi truyện nói: lệ là ác, Trịnh Huyền nói: phạm tội làm ác gọi là lệ. Đỗ chú tả truyện nói: lệ là mãnh, Mật Pháp nói: tàn bạo (bạo mạn) không có ai thân gọi là lệ, giết hại không còn ai gọi là lệ, văn kinh viết bộ lực là sai, Thuyết Văn viết bộ hán và chữ vạn.



NHẤT THIẾT ÂM NGHĨA KINH

Sa-môn Thích Tuệ Lâm nhà dịch kinh đời Đường soạn.

QUYỂN 13

(Âm từ quyển ba mươi bảy đến hết quyển năm mươi
lăm
gồm mười chín quyển.)

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 37

尸羅 Thi la: Đường gọi là giới, hoặc gọi là luật, hoặc gọi chung là tạng giới luật.

不怯 Bất khiếp: Cổ Dã Vương nói: khiếp là sợ khiếp, Khảo Thanh nói khiếp là nhất, Thuyết Văn viết bộ khuyển, nghĩa là rất sợ, chữ hội ý.

异唾 Di thóa: Chánh thể viết bộ tử và chữ đệ, hoặc viết chữ đồ. Vận Anh gọi là nước mũi. Trong kinh viết chữ di, Thuyết Văn viết nhầm vi trong sách chữ di và chữ đệ lẫn lộn nên có sự nhầm lẫn này, song có công dụng như nhau. Nay Ngọc Thiên, Khảo Thanh và Vận Anh đều giống. Các nhà soạn sách đều lấy âm di, Chu Dịch Túy Quái nói: than khổ khóc lóc lấy chữ đó làm chứng minh, đó cũng là nước dãi, chữ dưới là thóa, Thuyết Văn gọi là nước miếng, Khảo Thanh gọi là nước dịch trong miệng.

犛牛 Mao ngu: kinh Hải Sơn nói núi Phan hầu có giống thú hình giống như con trâu bốn ngón, chân nó mọc lông nên gọi là mao ngu. Quách Phác chú nói: lưng, chân, bụng và đuôi trâu đều có lông dài. Thuyết Văn nói dân tộc Di ở Tây Nam có sâu dài gọi mao ngu.

Ô-ba-tổ-ca: (tiếng Phạn) cổ dịch: Ưu-ba-bà-ca hoặc gọi là Ưu-bà-tắc đều đọc nhầm, Đường gọi là cận thiện nam, Luật hữu bộ gọi là cận sự nam, cũng gọi là cận túc nam là người gần gũi Tam bảo ở gần để phụng sự, hoặc gọi là thanh tín sĩ, thiện túc nam là nghĩa dịch.

鳴庖斯伽 Ô-ba-tư-ca: Đường dịch là cận thiện nữ hoặc gọi là cận sự nữ, nghĩa giống như trước đã giải, vì mang theo bộ nữ nên gọi là Tư-ca. Cổ dịch là Ưu-ba-di-ca, hoặc gọi Ưu-bà-di-ca. Cổ dịch là Ưu-ba-di-ca hoặc gọi Ưu-bà-di.

Bất ngạnh: Vận Anh nói: ngạnh là cứng cỏi. Tục viết chữ ngạnh bộ thạch cũng như chữ này.

Bất sáp: Vương Dật chú sở từ nói: sáp là khó, Quách Phác chú Phương ngôn nói sáp là rít, Thuyết Văn gọi là không trơn. Bốn bộ chỉ, viết ngược hai chữ, viết ngay hai chữ là chữ hội ý. Văn kinh chỉ viết hai bộ phận là sai, có chữ hai bộ chỉ và bộ thủy là chữ thông dụng nhưng không phải chánh thể.

Dị giải: Dị thức:

Yết-la-tần-ca: hoặc gọi A-lăng-tần-ca, Tào dịch là chim có tiếng hót rất hay.

流湧 Lưu dũng: Thuyết Văn gọi là nước chảy bộ thủy âm thốt.

Thuyết Văn viết hai bộ thủy và chữ lâm. Nay viết chữ lưu này là sai chữ dừng. Theo Cố Dã Vương nói: sóng vỗ gọi là dừng, Thuyết Văn nói dừng là vọt lên.

Hanh cán: Bát Nhã thảo mộc nói: hanh, Thuyết Văn gọi là nhánh chính. Bộ thảo âm bình. Cán, Thuyết Văn gọi là nhánh cây, bộ can và chữ ngạn, hoặc bộ mộc và bộ can, hai chữ này đều là khứ thanh, nay lấy âm trên.

Phân tích: hoặc viết bộ phiến.

Phả tri: hoặc viết chữ phả bộ hiệt. Cố Dã Vương nói: phả là không thể, là từ ngữ. Thuyết Văn gọi là lời răn dạy trong nhà.

Nhất đích: hoặc viết bộ xước.

洄復 Hồi phục: Tự Thư nói hồi phục là đáng nước xoáy.

Huỳnh hỏa: là tên côn trùng, Nhĩ Nhã viết bộ hỏa là tia lửa. Quách Phác nói loài côn trùng ban đêm bay thì dưới bụng phát ra ánh sáng. Lễ ký Nguyệt Lệnh nói: ngày đại thử cỏ rục biến thành đom đóm. Vận Anh viết chữ huỳnh ở bộ hỏa.

Đinh liệu: Chu Lễ chú nói: ở ngoài cửa gọi là hỏa chúc, trong cửa gọi là đinh liệu. Vì nó đốt lửa chiếu sáng cho mọi người. Trịnh Huyền nói: địa chúc. Bộ hỏa âm liệu.

Thiệm-bộ Nại-đà-kim: (tiếng Phạn) chữ thiệm gồm bộ bối âm chiêm, chữ nại là bộ thủ âm nại. Tiếng Phạn gọi là tên của màu vàng ròng, cổ gọi là diêm phù đàn kim. Khởi thế nhân bốn kinh nói: nước ở bờ biển của Châu thiệm bộ này có vàng ròng. Trên bờ biển có cây

thiệm bộ. Chuyển Luân Thánh Vương ra đời sai quỷ thần lấy vàng này sử dụng cho nên nhân gian thường có vàng này, nó vô cùng quý giá hơn tất cả các loại vàng khác.

Y khâm: Quách Phác chú Nhĩ Nhã nói: cổ ác, cũng gọi là vật áo.

Thuyết Văn gọi là chỗ kết khuy áo. Bộ y âm cảm.

Tô-yết-đa: tiếng Phạn, là một trong những tôn hiệu của Đức Như Lai, Tào dịch là Thiện thế, cự gọi là Tu-già-độ, cũng gọi là Tu-già-đa, lại gọi Tu-già-đà. Ở đây có ba nghĩa, một là tán đức, hai là bất hồi, ba là viên mãn, đều một.

Mục-chỉ-lân-đà: (tiếng Phạn) là tên một ngọn núi. Ngọn núi này có lớn nhỏ khác nhau. Cổ gọi là mục chơn lâm đà đều là biến chất. Chính Phạn âm là mẫu chỉ lân na, Tào gọi là thoát, ngọn núi này có rồng cũng tên này.

Nhứt sát na khoảnh, Mâu hô-đa-la khoảnh, Nhất la-bà khoảnh: khoảnh, Khảo Thanh gọi là chút ít, Tập Huân gọi là cận trong phút chốc, sát-na la-bà mâu-hô la-đa đều là danh từ thời phần của Ấn Độ. Sát-na có hai thuyết nói đến, Câu-xá luận nói một trăm hai mươi sát-na là bằng sát-na lượng hiệp, kỳ thật là vậy. Mâu-hô-la-đa hoặc gọi mô-hô-luật-đa, luận gọi là tu duệ diêm, sách nói mô là chột, đều là một tên. Các bộ luận như câu-xá, bà-sa đều nói rõ âm nghĩa này. Trong quyển ba và mười nói rất đầy đủ.

Hiển xướng: Khảo Thanh nói xướng là khai, là sáng, là lộ rõ, là đứng ở chỗ đất cao mà trông.

Thanh thúy: Khảo Thanh gọi là màu xanh ngọc, bộ vũ âm tốt.

Ca-giá-lân địa (tiếng Phạn) Đường gọi là chiếc áo mịn màng nhẹ mỏng.

Cà-sa: Khảo Thanh gọi là áo lông mà kết hoa văn, nó vốn âm của người hồ, xứ này không có, chánh dịch là áo tơ lụa.

Miên nhục: là cái nệm cỏ, bộ y. Chi bì: Y chằm: chằm là cái gói lớn, lấy vải kết thành vật mềm để ngồi dựa.

Ôn-bát-la-hoa: hoa sen xanh, cứ gọi là ưu-bát-la.

Bát-đặt-ma-hoa: hoa sen hồng hoặc gọi là hoa sen vàng.

Câu-mâu-na-hoa: hoa sen đỏ, màu đỏ thắm, màu như ánh lửa. Bôn-trà-lợi hoa: là hoa sen trắng, màu như tuyết, cứ gọi là phân-đà-lợi.

Anh phát:

A-đề-mục-đa-ca: cứ gọi là A-đề-mục-đa-gia, chánh gọi là A-địa mục đắc-ca, kỳ thật là một loại hoa thôi. Trung Quốc không có hoa này.

Chiêm-bác-ca: cứ gọi là phủ tư-ca, hoặc gọi là chiêm-ba, cũng gọi là chiêm bồ, hoặc gọi là hoa chiêm ba, đều là tiếng khác của tiếng địa phương. Đây gọi là hoa sắc vàng, Đại luận nói: cây hoa vàng, thêm cao lớn, hoa cũng rất thơm, mùi hương của nó bay theo gió rất xa.

Tô-mạt-xa: mạt, cứ gọi là Tô-ma-na, hoa của nó màu vàng trắng đỏ rất thơm, mới cao ba bốn thước thì xung quanh rễ lá xuống giống như cái lông.

Bà-sử-ca: cứ gọi là bà-sư-ca. A-bu-ca-ba Thát-la-

ca La-ni.

Đát-la-ni: các loại hoa trên đều ở xứ Ấn Độ hoa rất thơm, kinh nói sơ lược thôi. Trung Quốc không có hoa này.

Ủy-túy: Khảo Thanh gọi là buồn phiền.

Câu-chi: tiếng Phạn là tên pháp số, kinh Hoa Nghiêm nói một trăm lạc-xoa là một câu tư.

Tăng khư phần, ca-la phần, già-nô-na phần, khu ba-ma phần, ưu-ba thi thương phần, năm đoạn Phạn ngữ trên đều là danh từ pháp số, nhiều lần, rộng dần cho đến nhiều vô lượng, lấy số đó để thí dụ cho các vị tiểu nhân. Thanh văn dù có thần thông vô lượng cũng không thể bì kịp với một phần thần lực của Như Lai.

Phiêu nhiên: âm nghĩa cũ gọi là mau chóng. Quảng Nhã gọi là gió vù vù, là tiếng gió thổi lá rụng.

Phệ phong tăng-già: là danh từ chỉ cho phong tai nổi lên, sức gió mạnh này có thể hủy hoại thế gian.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 38

Tiêu thức: văn thông dụng mới: bày tỏ, ra hiệu gọi là tiêu. Thuyết Văn gọi tiêu là thức. Quế Uyển Châu Tùng nói: thức là dáng cờ bay, bộ cân âm tiêu. Văn kinh viết bộ hỏa là sai, là kiêu lửa bay vậy. Chữ dưới là thức, Quảng Nhã nói thức là cờ hiệu, sử ký nói: người cầm cờ đỏ, Khảo Thanh nói làm dấu trên đầu cờ, văn thông dụng nói: làm dấu riêng gọi là thực, Thuyết Văn là giải thích giống như Quảng Nhã, bộ cân âm thí hoặc viết chữ chí,

cũng như văn kinh viết bộ hỏa, là xí nghĩa là lửa cháy mạnh, chẳng phải nghĩa kinh.

Hiệp hẹp: Cổ Dã Vương nói: hiệp là hẹp, không rộng. Văn kinh viết bộ khuyển thành chữ hiệp là sai, chính là thói quen của chó ngựa. Chẳng phải ý kinh, chánh âm viết bộ phụ, bộ phương âm hiệp vậy, chữ liệt Khảo Thanh gọi là yếu là nhỏ, chữ hội ý.

Tuần hoàn: Quách Phác chú Nhĩ Nhã nói: tuần là theo, Khảo Thanh gọi là thuận, thiện. Quách phác lại nói tuần là bộ xước. Thuyết Văn gọi tuần là tuần hành, bộ xước âm thuận. Lại nói chữ thuận gồm bộ hán, bộ thập và bộ mục kết hợp văn kinh viết bộ nhơn là sai rất nhiều. Chữ hoàn, Quách Chú Chu lễ nói: hoàn là xoay vòng, Trịnh huyên gọi là vây quanh nhiều vòng.

Độn căn: Thiên Thương Hiệt nói, độn là ngo ngáo, như thuận chú sử ký nói: ngu độn giống như không biết phân biệt. Thanh Loại gọi là không linh lợi là chữ hình thanh.

Tam-ma bát-đề: (tiếng Phạn) Đường gọi là định hoặc gọi là đẳng chí, là mới nhập định.

Hỗn loạn: hỗn, Khảo Thanh gọi là nước chảy mạnh. Loạn, Tả truyện nói: con người phân lại đạo đức làm loạn, loạn khởi thì tai họa xảy ra, Khảo Thanh gọi là lẫn lộn, làm nghịch. Lý Tư Thư Đàm Sơn Bi viết bộ thôn, Thuyết Văn viết bộ hựu, loạn là loạn trị, bộ ất là ất trị.

Anh đoạt: kinh viết từ bộ ương viết chữ anh là sai, âm ương là không sáng, vì không phải nghĩa kinh.

Độc thích:

Hôi tênh: phương ngôn gọi từ cửa ải đi về cùng Tây Tàn Tán, đốt củi không hết gọi là tản, Thuyết Văn nói tản là đốt củi còn sót lại, tồn là bộ duệ bộ hỏa, nay viết chữ âm tận là sai.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 39

Di thích: Khảo Thanh gọi là vui vẻ, hòa hợp, thích là an lạc, thiện.

Ngạo mạn: Khảo Thanh gọi là kiêu căng, phóng đảng, hoặc viết bộ nữ.

Đồ binh: Trịnh chú lễ ký nói: đào là đi, Vương Dật chú sở từ nói đào là trốn, Thuyết Văn gọi là vong, Ngọc Thiên nói binh là chạy tứ tán, hoặc viết bộ túc.

Chư kính:

Hoàng trì: Thiên Thương Hiệt nói: thành dưới hào. Thuyết Văn gọi là thành trì, có nước gọi là trì, không có nước gọi là hoàng. Bộ phụ âm hoàng.

Ứng bế: Thiên Thương Hiệt nói ứng là giữ gìn, là chữ hình thanh, chữ bế bộ môn và chữ tài.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 40

Tản khiên: Tư Mã Mưu chú Trang Tử nói: tản là bỏ sử ký nói tản là bài trừ. Khảo Thanh nói là rơi rụng, chữ hình thanh.

Bì quyen: dã quỳ chú quốc ngữ bịnh mỗi mệ. Khảo

Thanh nói bì là rất, nộn. Chữ quyền theo Không chú Thượng thư nói: quyền là giải đãi, Cố Dã Vương gọi là ngừng.

Kiên ngật: Thượng nói: kiên là nhỏ, phương ngôn nói kiên cũng như ngật, hoặc viết bộ hồ, hoặc viết bộ liễu, hoặc viết chữ khiến bộ ngôn một bên dùng như chữ ngật. Khảo Thanh gọi là khó nói, ngưng ngịu, mới nói ra được. Văn thông thường gọi là nói không lưu loát gọi đó là kiên ngật hoặc bộ khiếm.

Động tậ: toán văn nói: đồng là mau lẹ, thông tục văn gọi là nói quá gọi là dư đồng. Khảo Thanh gọi là lời nói đùa, lời và khí đều mau lẹ, kinh viết bộ chu thành chữ đều là sai.

Trần độc: Thiên Thương Hiệt nói độc là câu uest. Quảng Nhã gọi là mông, hoặc viết bộ nữ, hoặc viết bộ xước, nghĩa đồng nhau.

Tài uest:

Khiếp đạn: hoặc viết chữ khiếp bộ khuyến. Trịnh Tiễn Thi nói: khiếp là khó, Hàn Thi nói: ố, Quảng Nhã gọi là kinh hải, Thuyết Văn gọi là rất sợ bộ tâm âm khứ.

Hoàng ly: Phương ngôn nói hoàng ly là con vàng anh. Từ Quan trung đi về phương Tây gọi là hoàng li. Tục gọi là vàng anh, hoặc nói là chim sẻ tước, Quảng Chí gọi là hoàng li lưu.

Tiếp đối: tiếp là nhanh.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỀN 41

Huyên hoa: hoặc viết huyên bộ khẩu, cổ viết hai bộ khẩu, Quảng Nhã nói huyên là tiếng chim kêu, Thanh Loại nói huyên cũng như hoa, Ngọc Thiên gọi là chí, chữ hoa cũng như huyên, cùng sách lẫn nhau.

Du siêm: đã giải ở trước, cự dịch là không phân biệt phải trái mà nói gọi là du, nói ra những lời dự tính trong lòng gọi là siêm.

Kiên sức: là chữ thông dụng, chính là bộ thủ. Trịnh Chú lễ ký nói hiệu là giả dối, vọng sức. Khảo Thanh gọi là dĩnh, là cẩn thận.

Căng phạt: Trịnh Chú Lễ ký nói: căng là tự tôn tự đại, Hề Pháp nói tự hiên gọi là căng, Thuyết Văn viết bộ mâu, nay văn kinh viết chữ linh là sai.

Quyên xa: Khảo Thanh nói quyên là bỏ, Thuyết Văn nói bộ thủ âm quyên.

Bác trực: Quảng Nhã nói bác là đánh, Vận Thuyên gọi là nắm tay, Thiên Thương Hiệt gọi là đến. Thanh Loại gọi là bắt, Thuyết Văn gọi là tổ trí, bộ thủ đọc lược âm bác, chữ chuyên, chữ phổ, chữ thốn. Văn kinh viết chữ chuyên là sai.

Chữ tục theo Cố Dã Vương nói: trực là đuổi theo, xua đuổi, Thuyết Văn gọi là đi.

Đào bính: đã giải ở trước.

Cao khiêu: tả truyện gọi là tiếng rú của loài sói, báo. Khảo Thanh gọi là tiếng kêu của loài cầm thú, Thuyết Văn gọi cao là bao, bộ khẩu âm cao, chữ khiêu, Vận Anh gọi là hô lớn.

Đồn trữ: Thiên Thương Hiệt nói đồn là chỗ ở của heo. Thuyết Văn nói đồn là nhà xí. Chữ hội ý, trữ theo Thuyết Văn là heo mọc nhiều lông, chữ hình thanh, văn kinh viết bộ khuyển là chữ thông dụng.

Vô trí mô: Thuyết Văn gọi là gân nằm trong thịt, bộ nhục âm mô.

Chi ngưỡng: Mao Thi truyện nói: chi là kinh, bộ y âm thị ngưỡng, Thuyết Văn gọi là trông ngóng, bộ chủy âm tiết.

Quan kiện: Thuyết Văn gọi là lấy cây chặn cửa bộ môn âm quan, Ngọc Thiên nói: nay gọi là các chốt cửa, chữ kiện Trịnh chú Chu Lễ nói: kiện là cái then khóa, Thuyết Văn gọi là các xuyên tai đỉnh, hoặc viết chữ kiện có bộ mộc cũng tương đương, phương ngôn nói từ cửa đi về phía đông gọi là kiện. Từ cửa đi về Tây gọi là thược.

Nật cận: Nhĩ Nhã nói nật cũng như cận, Đỗ chú tả truyện nói nật là thân, Nhĩ Nhã nói ni là cực, Khảo Thanh nói cực là số kinh.

Khôi hội: khôi là sư, hội là cắt, đều là chữ hình thanh. Linh ngữ: là tên của nhà ngục thời Chu.

Trất cốc: Trịnh chú Chu Lễ nói: ở dưới chân gọi là đất, trối ở tay gọi là cốc. Nhĩ Nhã nói cốc là thẳng. Thuyết Văn gọi trất là cái cùm chân, cho nên nói ở sát đất. Cốc là cái cùm tay, cho nên để cáo trời, đều là chữ hữu hình, tả thanh. Trịnh Huyền nói: người bị cáo nêu tên và tội lên để làm sáng tỏ.

Như cầu: sách nói cầu là quả bóng da, hoặc đi bộ hoặc cỡi ngựa lấy gậy đánh qua lại để tranh nhau, để giải trí, là chữ hình thanh, văn kinh viết chữ cùc.

Khai tịch: chữ khai là bộ bái, chữ tịch, Thuyết Văn gọi là mở cửa, bộ ty, đều là chữ hình thanh.

Kiêu cao: bộ tâm, âm kiêu, là chữ thông dụng.

Khiếp hạ: Ngọc Thiên nói: khiếp là sợ hãi, hoặc viết theo bộ khuyên, Đỗ lâm nói: vì rất sợ chó nên gọi là bộ khuyên.

Thieu nhân: Thanh Loại nói thieu là quyết (móc), Vận Anh gọi là phế bỏ, loại trừ, Thuyết Văn từ bộ thủ âm diêu.

Nguyệt túc: là tên của loại hình ngày xưa, kinh sử cùng nói khác nhau, hoặc gọi là phì, là bắt chuôi chân, hình đều là một, có người dân vượt tường leo vào cổng ăn trộm, hình phạt bị cắt chân, Khảo Thanh gọi là chặt chân, hoặc viết thêm bộ túc, Thuyết Văn viết bộ đao, bộ nguyệt.

Tần túc: quyền hai đã dịch.

A-già-lợi-da: (Phạn ngữ) Đường gọi là quỹ phạm sự hoặc gọi là giáo thọ sự, cự gọi là A-xà-lê.

U-uất: Khảo Thanh nói: quanh co, Thuyết Văn gọi là khuất, chữ hình thanh, chữ uất. Khổng chú Thượng thư nói: uất là buồn bã. Quảng Nhã gọi là u uất, Khảo Thanh gọi là suy nghĩ miên man, bộ lâm và uất kết hợp.

Biếm thối: Trịnh Chú Chu Lễ nói biếm là giảm. Hà Hưu chú Công Dương truyện gọi là tổn, Mao Thi truyện gọi là truy lạc, hoặc viết chữ ti.

Đà-na: (Phạn ngữ) Đường dịch là nhĩn nhục, hoặc gọi là an nhĩn.

Tỳ-lợi-da: Đường dịch là tinh tán hoặc gọi là dũng

tiền.

Bát-la-nhã: đọc lầm từ âm Phạn, chính âm Phạn là hợp âm của bát-la và chỉ nương, Đường gọi là tuệ hoặc trí tuệ.

Hào thiện: giá chú quốc ngữ nói hào là ngon. Mao Thi truyện nói: là hạt đậu. Tiên gọi hèm rượu. Khảo Thanh gọi là thuộc loại bánh trái. Thuyết Văn viết như chữ đậm, chữ này thuộc bộ nhục âm hào. Chữ thiện theo Trịnh Huyền nói thiện là tốt. Nay, thức ăn sang trọng gọi là thiện, Thuyết Văn viết bộ nhục.

Xa thừa:

Xa lộ: Thích Danh nói: người xưa nói âm xa như trong lời nói và việc làm là lý do đối xử với người. Chữ lệ, Thích Danh nói: lộ cương như xa, nói và thực hành ở nơi con đường.

Yêu thỉnh: Đỗ chú tả truyện nói yêu là yêu cầu, giá chú Quốc ngữ nói: yêu là cầu, Hán Thư ngữ nghĩa nói: yêu là giá, Thuyết Văn viết bộ xước.

Dững lệ: Dương Hùng Thái Huyền kinh nói: quyết chí dứt khoát gọi là dững. Hễ pháp nói: quân thân vì nhân nghĩa gọi là dững, biết sẽ chết mà không tránh né gọi là dững, Thuyết Văn gọi là dững khí, bộ lực âm dững. Chữ lệ theo Đỗ chú tả truyện nói: cùng sách tấn lẫn nhau gọi là lệ, chữ thông dụng xưa nay nói lệ là khuyến khích. Bộ lực âm lệ.

Tát phiệt nhã (âm Phạn): không đúng, chánh Phạn âm là tác phược chỉ nương. Đường dịch là nhất thiết trí, cự dịch là tát-bà-nhã.

Tủy não: Thuyết Văn gọi chất mỡ trong xương. Chữ hình thanh, não nghĩa là chất tủy trong đầu, hình tượng cũng như chữ hình thanh, bộ nhục âm não.

Đề hồ: bộ thực âm đề, kinh viết chữ hồ là sai. Đề hồ tức là chất tinh trong tô, bất luận mùa đông mùa hạ thường trong vắt không đóng rết, có thể dính vào da thịt người, hoặc viết bộ dậu thành chữ đề hồ cũng được.

Hạo xỉ: Nhĩ Nhã nói hạo là trắng, bộ tự âm cáo kinh viết bộ hạch, chữ thông dụng chữ xỉ là chữ hình thanh.

Phưởng: Khảo Thanh nói các thứ dẹt bằng tơ đông đặc mềm nhũn gọi là phưởng. Tích Nhĩ Nhã nói tích là kết. Tích luy Thuyết Văn gọi là tiếp tục, lựa sông là chữ hình thanh.

Phưởng tiền: Trịnh chú lễ nói: tiền là sợi tơ gai hoặc viết chữ tuyến.

Nhất lữ: lữ cũng như tuyến.

Đồ tâm: Trịnh Huyền Chú Mao Thi nói: tỏ vẻ ra bên ngoài gọi là đồ. Thuyết Văn gọi là vợ ghen chồng, bộ nữ âm hộ. Văn kinh viết bộ thạch là sai.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 42

Ô-ba-đà-na: (tiếng Phạn) Đường dịch là Thâm giáo sư. Cổ dịch là Hòa thượng, vốn là âm Hồ, Tàu dịch là Bác sĩ.

Trữ thủy: Đồ chú tả truyện nói trữ là chủ, chứa cất, Thuyết Văn gọi là tích bộ bồi âm trữ.

Điên cuồng: Vận Anh nói: bệnh điên, văn tự tập lược

nói cơ thể trúng gió, nhập vào tạng nên mắc bệnh, hoặc viết bộ nạch.

Ung tiết: văn Tự Tập Lược nói: bệnh nhọt, máu huyết trong người không thông gọi là ung, còn gọi là tiết, nghĩa là bị rôm sảy, Khảo Thanh gọi là tọa tiết.

Thư tiên: Tập Lược nói: bệnh lâu ngày thành ung thư. Tiên, Thuyết Văn gọi là hắc là o. Nhan Nhị nói: nay có hai loại hắc là o, lang ben.

Ác lệ: Trịnh Chú chu lễ nói: dịch khí bất hòa mà thành bệnh, Quách Phác chú Sơn Hải kinh nói: quá khốc liệt. Tự Thư gọi là bệnh phong hủi, tục viết chữ lại là sai, Thuyết Văn gọi là bệnh nan y, bộ nạch, chữ vạn. Có chỗ viết bộ hán, là chữ thông dụng nhưng không khớp nghĩa kinh.

Tẩy trạc: Mao Thi truyện nói: trạc là giặt rửa, Thuyết Văn gọi là giặt địa, bộ thủy âm trạch.

Đào sư: Tập Huấn nói đào là cái lò nung, âm diêu, nghĩa là cái lò nung vôi, ngói và các thứ đồ dùng, chính là âm đào. Khảo Thanh gọi là nặn đất làm bếp. Trong kinh viết bộ phụ, phụ là cái gì, đây là chữ dùng truyền thống.

Đình thực: Tống Trung chú Thái Huyền kinh nói đình là hòa hợp như thuần hóa, Chú Hán Thư nói: cầm lên, bộ thủ âm đình. Còn viết bộ thổ là sai, thực Không chú Thượng thư nói: đất màu mỡ gọi là thực thích danh nói đất màu vàng mà mịn gọi là thực. Thực là bùn nhuyễn, ngự chú Lão Tử cũng nói: đình là hòa, thực là đất thợ gốm trộn đất làm đồ gốm, bộ thổ âm thực.

Ngưng đích: Không chú Thượng thư nói ngưng là

thành, Trịnh chú lễ ký gọi là kiên cố. Dịch nói: sương đóng thành băng (sương phủ dày nước dưới âm độ thì ngưng tụ). Thuyết Văn gọi là nước đá, bộ băng âm nghi, chữ nghi bao gồm bộ chảy, bộ thử bộ sở. Chữ đích, Thuyết Văn gọi là giọt nước, bộ thủy âm tích.

Bào mạt: là bọt nước.

Đôn xúc: hoặc viết chữ đôn, từ hình cũng giống vậy. Thanh Loại nói đôn là đồng, Tục Thư viết bộ thủ, Thuyết Văn viết chữ khuyết bộ chi âm hưởng.

Mậu dịch: Cổ Dã Vương nói: mậu là giao dịch. Nhĩ Nhã gọi là chợ, thương trường, chỗ mua bán. Kinh viết chữ tư là sai. Thuyết Văn gọi là trao đổi hàng hóa, bộ bối âm mâu.

Phôi thành: Thuyết Văn nói phôi là ngói nung chưa chín, bộ thổ âm phủ.

Phi phế: phế là trừ bỏ.

Lạc đà: còn gọi thạc đà, sách viết chữ thạc, văn kinh viết chữ trắc là sai. Đà là tên loài gia súc của phương Bắc. Quách Phác chú kinh Sơn Hải nói trên lưng của lạc đà có cục thịt nổi, sức nó gánh một ngàn cân, một ngày đi ba mươi bảy dặm, có thể biết chỗ có nước suối. Hai chữ này đều là chữ hình thanh.

Ha hiết: hoặc viết chữ ha bộ ngôn, Chu Lễ nói: người bất bình sợ quả trách và phạt. Cổ văn viết bộ chỉ trên chữ khả. Chữ hiết, văn kinh viết chữ khát là sai, Quảng Thương nói hiết cũng như ha, Quảng Nhã gọi là phần nộ, Thuyết Văn gọi là lớn tiếng quát tháo giận dữ, bộ khẩu âm yết.

Nhất hoạch: Hoàng Quách chú Chu Lễ nói: hoạch là cái chảo kho thịt. Quảng Nhã gọi là cái vạc. Thuyết Văn gọi là cái đỉnh âm huê, bộ kim và đọc lược chữ hoạch.

Tỏa quái: Ngọc Thiên nói tỏa là chặt đứt. Quái, Quảng Nhã gọi là nan, Tự Thống gọi là thái nhỏ thịt sống, Thuyết Văn cũng vậy, bộ nhục âm hội.

Cứ giải: Thiên Thương Hiệt nói: cái cưa, Thuyết Văn gọi là cái đẽo gỗ, chữ cứ gần bộ kim âm cư. Còn chữ thương và chữ đường.

Giáp trá: Khảo Thanh nói giáp là đê (trấn) bộ thổ âm yêm. Chữ trá: hoặc viết chữ sạ, Thuyết Văn gọi là cấp bách, bộ trúc âm sạ, âm nghĩa cũ gọi là ống trúc.

Tiên trượng: Vương Ngọc nói: dùng roi da để đánh người mắc tội. Khảo Thanh gọi là noa (bắt kẻ có tội), Thuyết Văn gọi là xua đuổi, bộ cách âm tiện, Quảng Nhã nói tiên là cứng cáp, cổ văn viết bộ nhơn và chữ văn là chữ hội ý.

Mị ngôn: Khảo Thanh nói: lời nói trong giấc ngủ, văn thông tục viết: lời nói trong mộng gọi là mị, Thuyết Văn gọi là lời nói mờ.

Ngu tráng: còn gọi là trắng. Tập Huấn nói: ngu đàn gọi là tráng, Khảo Thanh nói tinh thần không sáng khoái, Thuyết Văn gọi là ngu, bộ tâm âm tráng.

Phản loạn.

Ngu ngãi: Thiên Thương Hiệt nói: không có thì gọi là ngãi, Phương ngôn gọi là lần thần.

Ngưon ngôn: âm nghĩa quyền ba trong phẩm một trăm tám mươi một của kinh Bát-nhã đã dịch.

Khu dịch: Thiên Thương Hiệt nói: đi theo sau gọi là khu, Quảng Nhã nói khu chạy vạy.

Tàu dịch: Khảo Thanh nói: tịch là một bên, là tránh là lằm lằm, bộ nhơn âm tị.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 43

Nghịch lữ: Thuyết Văn gọi là ngưỡng, bộ xước âm nghịch. Chữ trử, Dã Quỷ chú Quốc ngữ nói lữ là khác. Đỗ chú tả truyện nói nghịch lữ là quán trọ, Thuyết Văn gọi lữ là ân đội năm trăm người.

Trung yếu: Đỗ chú tả truyện nói chặt ngắn lại gọi là yếu, âm nghĩa cũ gọi không hết số gọi là yếu, Thuyết Văn gọi là ủy khuất, đầu lớn, mình cong, bộ tân, âm yếu.

Luy trái: Thuyết Văn nói luy là bệnh, bộ dương âm luy, chữ trái theo Thiên Thương Hiệt nói trái là phiền nhiều, hoặc viết.

Tiếp tuệ: Khảo Thanh nói tiếp là hiện, là nhanh chóng, tiếp cũng như tuệ, Thuyết Văn viết bộ thủ âm kiến.

Nghĩ nhiên: Tự chỉ nói: gọi là đỉnh núi cao ngất, bộ sơn âm nghi, chữ ngất chữ nghi bộ chủ âm thí.

Liêu lệ:

Bất ử: Quảng Nhã nói ử là cong, Khảo Thanh gọi là còng lưng.

Nhĩ Nhã viết chữ lữ gọi là ử lữ, bộ nhơn âm khu.

Tài ngạt: Nhĩ Nhã nói ngạt là dư, Thuyết Văn gọi là chặt cây còn sót, bộ mộc bộ dương. Văn kinh viết bộ

dương là sai hoặc bộ mộc thành chữ cổ, cây không đầu là chữ hình thanh.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 44

Bi yết: Thuyết Văn gọi là phòng ăn, Tục Thư nói khi nghẽn trong cuống hầu ăn không xuống, Vệ Hoành viết bộ thực.

Kỵ đăng: nghĩa là cái đồ ngồi nhỏ.

Hắc bác: gọi là lang lỗ, trên thân con vật có vằn đen, vằn trắng. Trọng đảm: bộ thủ âm đảm, nếu viết bộ mộc là sai.

Sơn dư: Tập Huấn nói: giống loài khỉ vượn. Sở Từ nói: chỗ ở của khỉ vượn. Thiên Thương Hiệt nói: giống như con ly có thể bắt chuột, xứ Hà tây chưa rõ thuyết này.

Viên hầu: Sơn Hải Kinh Vương nói núi ở Đường, đình có nhiều vượn trắng. Quách Phác nói: giống như loài khỉ nhưng lớn hơn, cánh tay dài và kêu rất bi ai. Còn con hầu tức là vượn, nay gọi là hầu tôn gọi là hồ tôn.

Côn trùng: côn chính là viết hai bộ trùng, văn Tục Tập Lược nói: côn Tập Huấn nói côn là tên chung của loài côn trùng. Trùng, Nhĩ Nhã nói loài có chân gọi là trùng, nay văn kinh viết tắt một bộ trùng là sai. Bất tiểu: Quảng Nhã nói: tiểu là tựa như, loại. Thuyết Văn nói xương thịt giống nhau gọi là tiểu. Lễ ký nói: người không có nhân đức gọi là bất tiểu, văn kinh viết bộ tiểu bộ nhục.

Toát ma: Vận Thuyên nói: nắm tay lại, bộ thủ âm

toát, loát. Thô hoành: đã giải ở trước.

Khí hội: Thuyết Văn nói: vài có thêu hoa văn, chữ hội, theo Khổng chú Thượng thư nói hội là năm sắc. Trịnh chú luận ngữ nói hội là hội họa, hoặc viết chữ hội.

Bất tí: là chê trách, xỉa mồi.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 45

Tha hiết: chánh thể viết chữ đà, chữ dưới là hiết, kinh viết chữ hạt là sai, âm hạt ở trước đã giải.

Văn mang: ở trước đã giải thích.

Phân đôi: Khảo Thanh nói đôi là oán mà còn giận tức.

Tiên sắc: Nhĩ Nhã nói tiên là tên của loại trúc. Quách Phác nói: giống như ống tiêu mà nhỏ có thể dùng để thả. Phương ngôn nói: từ cửa ải đi về hướng tây gọi binh là tiên. Chữ sắc ở dưới, Quảng Nhã gọi là (thuần) mâu. Ty Thương nói: mâu dài trượng tám.

Sanh nhai: nhai là bờ ruộng.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 46

Nhi huê: Ngọc Thiên nói: huê là nắm. Thuyết Văn nói huê là nhắc lên, bộ thủy âm huê, âm đồng như Khảo Thanh, chữ huê bộ triệt giống như chữ quan.

Kiêu dũng: Quảng Nhã nói kiêu là mạnh. Hứa Thúc Trọng chú Hoài Nam Tử nói: kiêu là nhanh nhẹn, Thuyết

Văn viết bộ mã âm nhiều.

Kháng cự: Khảo Thanh nói kháng là chống cự là ngăn đón, kháng là cự. Trương cường cao, Thuyết Văn gọi là cán, chữ cự Khảo Thanh gọi là hãn, chống lại bộ thủ âm cự.

Kinh địch: Quảng Nhã nói kinh là vũ, Khảo Thanh gọi là rất mạnh, Thuyết Văn gọi là lực lưỡng, bộ lực âm kinh, chữ địch đã giải ở trước.

Thân nhân: Nhĩ Nhã nói tình cha gọi là nhân, lại nói tình thân thuộc của anh em. Bạch Hổ Thông nói: người phụ nữ do chồng mà thành, cho nên gọi phu là nhân, chữ hội ý.

Đoàn vãng: Trịnh chú lễ ký nói: đoàn là giữ kỹ, vo tròn, Quảng Nhã gọi là nắm lấy, bộ thủ âm đoàn. Chữ dưới là vãng, Thanh Loại nói vãn là dẫn, héo hoặc viết chữ vãn bộ xa.

Tỏa nhục: Trịnh Chú Lễ ký nói tỏa là bẻ, Thuyết Văn gọi là dẫn dắt, bộ thủ âm tọa, chữ nhục, giá chú Quốc ngữ nói: nhục là sĩ nhục. Thuyết Văn viết bộ thốn, như thời nông dân xưa, dưới thời mất mùa bị túng quẫn trên thì bị đình đao tàn sát nên bị nhục.

Phản nhuê: Trịnh Chú Lễ ký nói: tràn đầy uất hận, Thuyết Văn gọi là muộn (buồn phiền) đầy tràn, bộ tâm âm quý, chữ muộn âm muộn, chữ phản âm bồn.

Thương khứ: (tiếng Phạn) cô dịch là sương khứ, hoặc thương khứ, hoặc viết hoài khứ đều đọc nhằm âm Phạn. Đường gọi là doanh bối (buôn bán đồ quý) hoặc vết là hà, là tên khác.

Táp thực: Khảo Thanh viết chữ tế, đưa vào miệng nếm, bộ khẩu âm táp, âm táp Thuyết Văn viết chữ tạm. Văn kinh viết chữ án, chữ này có hai âm, Ngọc Thiên phiên âm sáp, chẳng phải ý kinh, nay không lấy, chữ thực viết bộ cao, kinh viết bộ cần.

Bất hoàng, hoặc viết chữ hoàng là rộng rãi, cúp giúp ý nói không nhàn rồi.

Cưu-bàn-trà: (Phạn ngữ) tên loại quỉ, hoặc gọi cung-bàn-trà, hoặc viết cung-bàn-trà đều là một, Tàu dịch thân hình giống như đông qua (dưa đông). Loại quỉ này âm nhưỡng to lớn thường vác trên lưng để đi.

Kinh ngạc: chữ thông dụng, hoặc viết chữ ngạc không có bộ tâm, hoặc viết chữ ngạc có bộ ngôn, nghĩa là lời nói ngay thẳng. Bộ tâm âm ngạc, Thuyết Văn viết chữ ngạc hai bộ khẩu và bộ hồ.

Ô-đàm-bạt-la: (tiếng Phạn) là tên một loại hoa, cừu gọi là hoa ư-đàm-ba-la, hoặc gọi hoa ưu-đàm-bà-la, lá giống như lá lê, quả như nắm tay, vị của nó ngọt, không có hoa mà kết trái, có khi có hoa mà khó thấy được, cho nên trong kinh lấy đó làm thí dụ cho những vật gì hiếm có vậy.

Hà-la-hổ-la: cổ dịch là yết-la-hổ-la, hoặc gọi là không-la, hoặc gọi là khổng, hoặc nói là đàm, hoặc nói là hầu la, đều là tiếng Phạn gọi là chương, lấy ngày sanh để đặt tên, lại gọi là phú chương. Vì sáu năm nằm trong bụng mẹ bị bào thai che chương. Kinh nói bảy năm ở trong thai mẹ, một là do nghiệp đời trước, hai là do duyên đời này, da-du-đà-la mang thai thì Thái tử xuất gia sáu năm khổ hạnh mới chứng quả. Trong sáu năm đó

da-du buồn khổ, thân thể mỗi một không thể sanh được. Khi Thái tử thành đạo rồi da-du-đà-la vui mừng nên thân thể bình phục, mới có sức sinh con. Cho nên từ đầu đến cuối trải qua bảy năm Như Lai trở về nước bảy ngày, trước tiên là độ la-hầu-la xuất gia.

Pháp tự: Hà Hưu chú Công Dương truyện nói: tự là ăn, Bạch Hổ Thông nói tự là nối dõi. Nhĩ Nhã nói tự là tế lễ, Thi Bách Thần Miêu đều nói là tự, Thuyết Văn nói tế mùa xuân là tự, bộ thị âm tự.

Ô-cầm-ni-sa: (Phạn ngữ) là đỉnh đầu của Như Lai, cổ gọi là Ôn-cầm-ni-sa, hoặc gọi uất-cầm-ni-sa. Tàu dịch là búi tóc, theo Vô Thượng Y kinh nói: thịt trên đỉnh đầu tự nhiên nhô lên thành búi tóc.

Giải phế: Hoặc viết chữ giải là giải đãi, âm giá là sai, chữ phế theo Vận Anh nói: phế là ngừng, nghỉ, bỏ, dừng lại, bộ nghiễm, kinh viết bộ nạch là sai.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 47

Sư phó: Cổ Dã Vương nói: phó là phụ là gần gũi nhau. Thâm xét đạo cha con, vua tôi để dạy bảo gọi là phó, Thuyết Văn gọi là giúp nhau, bộ nhơn âm phủ.

Kỳ thỉnh: Trịnh Chú chu lễ nói: kỳ là cầu đảo. Mao Thi truyện nói kỳ là cầu, là báo Nhĩ Nhã gọi là bảo, Thuyết Văn viết bộ thị âm cân đọc tắt.

Quán xá: Cổ Dã Vương nói là tên của quán trọ. Chu lễ nói năm mươi dặm có một hầu, hầu là quán, trong quán có người tiếp đãi, đưa đơn, Thuyết Văn viết bộ thực

âm quan, hoặc viết chữ quán bộ xá.

Tặng cầu: Cổ Dĩ Vương nói: cất chứa của cải gọi là tàng Thuyết Văn nói tạng là thiện, bộ thân âm tụng, chữ cầu, Vận Thuyên nói: nhận của cải một cách bất chính gọi là cầu. Thuyết Văn nói lấy của cải đứt lót pháp gọi là cầu, bộ bồi âm cầu.

Tỏa cốt: Quảng Nhã nói tỏa là liên, Tục Thư nói là vòng tròn, Thuyết Văn gọi là tiếng ngọc, bộ ngọc âm tỏa.

Tiên lưu: Giá Nghi Tân Thư viết chữ này, Thuyết Văn viết chữ khiếm, là nước dãi, chữ hình thanh.

Hoặc nghiêu: Thuyết Văn viết chữ niết (cắn đứt) hoặc viết chữ giảo cũng được.

Hoặc niết: Thuyết Văn nói niết là cắn. Bộ xỉ âm khiếp.

Điều hước: Quảng Nhã nói điều là lừa dối, là cầu mong, là túi (tiếng kêu). Hước Mao Thi truyện nói hước là vui vẻ, Nhĩ Nhã gọi là đùa giỡn, Quách Phác nói vui đùa với nhau, Thuyết Văn nói hước tức là hí, đều là chữ hình thanh.

Vị khích: cái lỗ hồng trên tường, trên vách gọi là khích. Bộ phụ hai bộ tiểu ghép với một chữ viết, là chữ hội ý.

Đạm bạc: Khổng chú Thượng thư nói: đạm là an phương ngôn nói đạm là tĩnh, Thuyết Văn bộ tập và đọc lược chữ cam, chữ dưới là bạc. Quảng Nhã nói bạc là tĩnh Thuyết Văn gọi là vô vi, bộ tâm âm bạch.

Oánh sức: Vân Anh nói: mài giữa gọi là oánh, Khảo Thanh gọi là vật phát sáng. Tục dùng bộ ngọc là sai,

Thuyết Văn gọi là khí cụ, bộ kim đọc lược âm oánh.

Bảo kích: Khảo Thanh nói cái guốc gỗ, Thiên Thương Hiệt nói giày đan bằng gai. Nay dép cỏ dưới có gai, Thuyết Văn gọi là lược, bộ ký âm chi.

Thuần nùng: Quảng Nhã nói: thuần là tưới, Trịnh Chú Lễ ký nói thuần là rót, Khảo Thanh gọi là thấm nhuần, lộ ra rất nhiều, chữ nùng là chữ hình thanh.

Năng quyên: quyên là vớt bỏ.

Tồn cứ: hai chữ có nghĩa như nhau, tồn là ngồi bình chữ bát, cứ là ngồi xoạc chân ra.

Nhất đoàn: Thanh Loại nói đoàn là nắm, Khảo Thanh gọi là nắm lấy, nương cậy. Chữ chính của cỗ kim là đoàn có bộ vi.

Tốt-đỗ-ba: cỗ dịch là sỗ-đầu-bà, còn gọi là thấu-bà, hoặc gọi là suất bà, tháp bà đều đọc trại từ âm Phạn chứ không đúng. Đây chính là tháp thờ xá lợi Phật, hoặc đệ tử Phật như Thanh văn, Duyên giác và Chuyển Luân Thánh Vương khi chết được nhập tháp đều gọi là tháp. Tháp xây bằng đá hoặc bằng gạch hoặc tháp gỗ, hoặc gọi cái mã vuông, hoặc gọi là miếu đều một nghĩa mà thôi.

Cơ thích: Quảng Nhã nói cơ là can ngăn, là hỏi, Trịnh chú lễ ký nói cơ là thăm dò, Thuyết Văn gọi là chê bai, bộ ngôn âm cơ. Chữ dưới là thứ: Mao Thi truyện nói thứ là trách. Hàn Thi nói thử là sai, Quảng Nhã nói thứ là oán, là sách, thích danh gọi sách viết tên họ để trình lên vua gọi là thử Thuyết Văn nói vua giết đại phu gọi là thứ. Bộ đao âm thúc, âm thúc và chữ thích giống nhau, tựa như nói cây táo hoang có gai nhọn.

Y bạc: Vương Dật chú sở từ nói: bạc là dùng, Cố Dĩ Vương nói nay chỗ thuyền đồ bên gọi bạc.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 48

Thời phước-ca: (tiếng Phạn) Tầu dịch là, năng hoạt, hoặc nói cánh hoạt. Cổ dịch là thời bà, hoặc gọi là già-bà đều là một.

Tụy tiết: Văn Tự Tập Huân nói: bên trong bị sung mủ, còn gọi là nhọt.

Hào tố: Khảo Thanh nói: khóc lớn, tiếng thống thiết, Thuyết Văn nói bào là kêu gọi, bộ hào âm hô. Văn kinh viết chữ hiệu là chữ thông dụng. Chữ tố, là chữ thông dụng, Ngọc Thiên nói tố là kêu oan, Thuyết Văn gọi là tố cáo, bộ ngôn âm mật.

Tư súc: Khảo Thanh nói súc là tích lũy. Âm nghĩa xưa dịch là hàng hóa. Tài sản chữ đúng xưa nay sử dụng là tích tụ. Bộ hòa âm súc, có khi viết chữ súc bộ thảo.

Phương tu: Chu Lễ nói: dùng đồ ăn ngon lên cho vua gọi là tu, Trịnh Chu nói: thức ăn ngon gọi là tu. Quách Phác chú Phương ngôn nói: thức ăn chín, Thuyết Văn gọi là dâng lên bộ dương, dương là dâng lên, bộ sữ, sữ cũng là âm.

Cừ nhất: là chữ tạm dùng, chánh thể viết chữ cừ có bộ xước và chữ cầu. Mao thi nói: quân tử thảo cầu vô hiên của người quân tử. Truyện nói: cầu thất, Nhĩ Nhã gọi là thuật hợp, Quách Phác gọi là đối hợp. Thuyết Văn gọi là tụ hiểm, bộ xước âm cầu, văn kinh viết chữ cừ,

nghĩa là oán thù, cừ oán, chẳng hợp nghĩa. Chữ thất Khảo Thanh gọi là đôi, bồi. Vận Anh nói là phối hợp, Thuyết Văn nói bốn trượng là một thất, bộ phương âm thất là hợp với nghĩa trong tạng.

Khổ luân: Quách Phác chú Phương ngôn nói: luân là sợi tơ trắng, nay vùng Giang đông gọi chung là luân. Tống Trung chú Thái Huyền kinh nói: luân là luân lạc, Thuyết Văn gọi là sợi tơ màu xanh sẫm, bộ mịch âm luân.

Khương-yết-la: (Phạn ngữ) là danh từ pháp số, căn cứ Câu-xá luận: trong sáu mươi loại pháp số, có chỗ gọi căng yết la. Vì nước này cửu chương hợp lại để tính thì tương đương với một trăm vạn ức. Nếu lấy tiêu số ở nhân gian để tính thì thật là khó.

Tỳ-già-ma: là tên thuốc quý ở núi Tuyết sơn.

Đình quán: Hán vì Tàn chế mười dặm đặt một cái đình để người đi đường dừng nghỉ.

Tài xuất: Quảng Nhã nói tài là tạm, Cố Dã Vương nói chỉ có thể, không lâu.

Thôn khư: Tập Huấn nói: thôn là tự lạc, chữ chính xưa nay viết bộ mộc âm thôn. Chữ khư, Quảng Nhã nói khư là ở, phong tục thường gọi khư là hư, Chu Lễ nói khư là lư, bộ thổ âm hư.

Hoát nhiên: Quảng Nhã nói hoát là rộng không. Tự Thư nói hoát là lớn. Ngọc Thiên nói hoát là độ lượng lớn, Thuyết Văn nói hoát là chữ hình thanh, Khảo Thanh nói hoát là rộng mở, Thuyết Văn gọi là hư không, bao la, chữ đại bộ tuệ, chữ hình thanh.

Khai sách: đều là chữ thông dụng, văn kinh viết chữ

tích là sai, đã có chữ khai tức là hợp, Khảo Thanh viết chữ xích, xích là khai mở.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 49

Lỗ phác: Khảo Thanh nói: lỗ là vụng về, Quảng Nhã gọi là thông. Luận ngữ gọi là ngu độn, Thuyết Văn viết bộ ngư, bộ bạch. Chữ phác: Vương Dật chú Lão Tử nói: phác là chon chát, Khổng chú Thượng thư gọi là trì, Thuyết Văn gọi là gổ nguyên, bộ mộc âm bốc. Khảo Thanh nói: phạm vật gì chưa điêu khắc chạm trổ đều gọi là phác.

Ma-ha-nặc-già-na lực: âm xưa gọi là tên của thần sức mạnh lộ thân hình.

A-mạt-la-quả: cựu dịch đó là quả A-ma-la cũng gọi là quả A-ma-lặc, lá giống như lá táo. Hoa của nó trắng, quả nhỏ như hồ đào. Vị nó chua chua ngọt ngọt, có thể dùng làm thuốc. Trong kinh nói như quả am-ma-lặc trong tay.

Tam-ma hất-đa: Tầu dịch là đẳng dẫn, nghĩa là bình đẳng dẫn các công đức để khiến cho đệ tử chứng nhập.

Tam-ba bán-na: vừa muốn nhập định gọi là tam-ma bát-đê, đang ở trong định gọi là tam-ma bán-na, là tên khác của trước sau khi vào định.

Ca-ha-phệ-la: tiếng Phạn là danh từ thời phần.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 50

Muôn nhân: Khảo Thanh nói: mở mắt nhắm mắt là đã thay đổi, tục gọi chữ thuận, hoặc chữ huyền.

Vô nhiều: cổ văn viết chữ vô có bộ hỏa ở dưới, Khảo Thanh nói nhiều là nắm quyền, phiền não, vì việc này mà phiền việc xưa do tham muốn nên như vậy.

Thuyết Văn gọi là loạn, bộ thủ âm ma. Văn kinh viết bộ ưu là sai.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 51

Ế-mộc: ế là mắt bệnh, kinh viết bộ vũ cũng được, nhưng không phải chữ này. Khảo Thanh nói ế là che, đây chữ mạc tức là mạc của mắt.

Thủy bào: là bọt nước. Ba tiêu:

Hữu-hương: Thuyết Văn nói lấy mũi để ngửi gọi là hư.

Trù nghị: Khảo Thanh nói trù là đo, lường, nghị. Khảo Thanh gọi là thương lượng, bàn bạc.

Nột-độn: bao hàm chú Luận ngữ nói: nột là chậm chậm, Thuyết Văn gọi là nói không ra lời. Thiên Thương Hiệt nói độn là ngu đần, Thanh Loại gọi là không lanh lợi, bộ kim âm độn.

Ngạnh-sáp: Khảo Thanh nói ngạnh là cứng rắn... , bộ mộc âm canh, chữ sáp đã giải ở trước.

Quan-thực: Khảo Thanh nói quan là cách, trở ngại là đóng, Thuyết Văn nói lấy cây chắn cửa, bộ môn âm quan, chữ thực. Khảo Thanh nói thực là cái khóa,

Thuyết Văn gọi là khóa, là chốt cửa, bộ môn âm dược, chữ nẫu.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 52

Tài phần: Khảo Thanh nói tài là trồng trọt, là nguy hiểm là bắt đầu, bộ mộc âm tai.

Quý trá: Quảng Nhã nói: quý là lừa dối, quý quyết, Thuyết Văn gọi là trách. Chữ trá Tự Thư nói trá là giả dối, vọng không thật.

Doanh xung: Cố Dã Vương nói doanh là hợp tác, Thuyết Văn gọi là kinh doanh, Khảo Thanh gọi là kết giá để lợp nhà, chữ hội ý.

Chế đa: (tiếng Phạn) Tầu gọi là tụ tướng nghĩa là chất đá xây lên cao làm tướng, cự gọi là chi đề, hoặc gọi là chế đề hoặc gọi là chỉ đề, hoặc gọi là phù đồ đều phiên dịch theo Phạn ngữ. Đây chính là nơi ghi lại dấu vết Như Lai giáo hóa, mỗi nơi như vậy đặt một cái tháp, hoặc gọi là tốt-đỗ-ba.

Thao thiết: Đỗ chú tả truyện nói: tham của gọi là thao, tham ăn gọi là thiết.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 53

Sách lệ: Khảo Thanh nói: sách là roi, gậy. Tự Thư gọi là các thẻ, Thuyết Văn gọi là roi ngựa, bộ trúc âm thúc.

Lượng nạn: Phương ngôn nói làm cho nhiều người

tin gọi là lượng, Khảo Thanh nói: do niềm tin mà vươn lên, lượng là sáng suốt, Thuyết Văn gọi là tín, bộ ngôn đọc tắt âm lương.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 54

Thông duệ: Bát-nhã nói: duệ là biết, Tập Huấn gọi là thánh, tuệ.

Thuyết Văn gọi là hiểu thấu đáo.

Đề-khấp: Vận Thuyên nói đề khóc ra nước mắt. Ngạnh yết: Ni-kiện-trà thư-uế-la-bà luận (Trí luận ngoại đạo thế tục). Mê-già-phạt-sai-tất-già.

Yết-lợ-xa Bát-na: tên của kim loại, uể ra nó tương đương với bốn trăm đồng một hạt. Trong luật Nhất Thiết Hữu Bộ nói cũng giống như gọi vàng này. Viên nó tròn như đầu gang.

Tê-trì: đã giải thích.

Tạ Như Lai: Khảo Thanh nói tạ là cái chiếu của Như Lai.

Sy-trách: Quảng Nhã nói: sy là nhẹ, loạn. Thích danh gọi là si, Thanh Loại gọi là ngây ngô, Khảo Thanh gọi là xú ác, Thuyết Văn nói sy là buồn cười, tên của côn trùng, bộ trùng âm hủy. Trong kinh viết chữ sy đó là sai. Trách, Khảo Thanh gọi là trưng, cầu, kinh viết chữ trách, chính thể viết bộ bồi âm thúc.

Đạo niếp: Quảng Nhã nói đạo là đi. Lưu Triệu chú Công Dương truyện nói: thực hành Thuyết Văn gọi là dẫm đạp, bộ túc âm điều, chữ niếp gọi là xen bước,

phương ngôn gọi là leo lên, Thiên Thương Hiệt gọi là bước gần, Thuyết Văn nói dẫm xéo, bộ túc âm niếp.

Công cụ: Khảo Thanh gọi là nhanh chóng, sợ hãi. Thuyết Văn gọi là truyện, quần bách, bộ xước âm cừ.

Đà-đô: (Phạn ngữ) Đường nói pháp giới sinh ra tạp thân Như Lai, linh cốt xá lợi sinh ra từ pháp giới tánh.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 55

(xuất Thai Tạng hội thứ mười ba, gồm hai quyển, đây là quyển Thượng).

Bộ thời: giờ thân là xế chiều.

Hàm tât: sách nói nhuận, hàm là mùi vị, chữ hình thanh.

Nghĩ yêu: Tập Huấn nói: nghị lớn là nhện nước, nhỏ là phù du.

Thuyết Văn gọi là khơi, chữ hình thanh hoặc viết là nga.

Đà khẩu: là tên của loài súc vật, tục gọi là lạc đà, có thể cõng một ngàn cân.

Xa viên: chữ viên là tượng hình, âm viên.

Xa trục: hai đầu trục gắn hai cái chốt có thể chế làm bánh xe, văn Tự Tập Lược nói trục để giữ bánh xe.

Đăng duẩn: các loài mọc rậm như trúc.

Mạch mang: Thuyết Văn gọi là lúa mọc hoang, mùa thu trồng sâu, cho nên gọi là mạch.

Đa thể: thể là rơi.

Lưu dân: Thuyết Văn nói: con cháu nối dõi, dọi là dân, bộ nhục, chữ lưu âm thốt.

Ca-la-la: (Phạn ngữ) khi mới thọ thai, đó là tinh dịch của người cha.

Sanh trùng: Nhĩ Nhã nói con có chân gọi là trùng, văn kinh viết bộ trùng là sai, chữ mượn dùng, chánh âm hủy.

Cần xiêu: Quảng Nhã nói xiêu là ăn, Ty Thương nói rang lúa mạch gọi là xiêu, chánh thể viết bộ đậu, Quế Uyên Châu Sùng nói chở lương thực gọi là xiêu.

Nhuận ốc: là rót vào.

Tư mô

Trù lạc: lạc là cao sữa.

Chư pháo: Vận Thuyên nói: trên mặt mọc những nốt đỏ. Khai phẫu: Tập Huấn gọi là chia cắt.

Chưởng man: kinh viết từ chữ vạn viết thành man, chánh thể viết chữ văn bộ xa.

Kiên ngạnh Tràng mẫn

Ngẫu ti: ngó san, chữ ti gồm hai bộ mịch. Khản phưởng tuyền.

Hư lụy.

Bách cần: Thuyết Văn gọi là sức mạnh của cơ bắp.

Giao lạc: Quách Phác nói: lạc là vòng quanh, Nhĩ Nhã nói lạc là quán cuộn, luân là dây thao, chữ hình thanh.

Chi phái:

Thương khiếp: (Phạn ngữ) Đường gọi là doanh, tức

là tên nhạc cụ thái thường, giống như sừng trâu, thổi lớp thành tiếng.

Diêu sư: diêu là thợ gốm, diêu là lò nung. Mao ngư: là loại trâu của xứ Di tây nam.

Chuyên Phú tế Túc căn

Bác hữu: Thuyết Văn gọi là giáp vai, bộ nhục âm bác, văn kinh viết bộ nhục là sai.

Lặc nhị thập tứ: Thuyết Văn gọi là hai mươi bốn cái xương sườn, bộ nhục âm lục.

Xúc lâu: Thuyết Văn gọi là xương trên đỉnh đầu. Hai chữ đều bộ cốt âm thực và lâu, đều chữ hình thanh.

Bì phu: Thuyết Văn nói da người. Điều quân: quân là điều, chữ hội ý.

Lung manh

Âm á:

Luyên tích: sách nói, chân tay bị khèo.

Hữu hiệp: Thuyết Văn gọi là xương sườn, ba bộ lực, kinh viết ba bộ đao là sai.

Cách nang: cách là da, nang là cái túi.

Sàng tháp: sàng là cái giường để nằm, bộ mộc âm phiến, tháp là cái giường hẹp mà dài.

Bác ngư: Thuyết Văn gọi là bóc, lột. Quảng Nhã nói là lột da. Văn manh: Thuyết Văn nói con nhặng gọi là côn trùng cắn người, bộ dân, bộ trùng.

Trượng chùy: Quảng Nhã nói chùy là đánh, vỗ. Chữ trượng là bộ mộc, chữ chùy là bộ thủ.

Tiên thát: tiên là cái roi giục ngựa. Quảng Nhã nói thát là đánh, Thượng Thư nói không siêng năng đối với

đạo nghiệp thì lấy tay đánh.

Thỉ kê: là tên của côn trùng trong thân người. Thuyết Văn gọi là lấy lưỡi liếm thức ăn âm kê, Trịnh chú lễ ký nói: kết búi tóc.

Hữu ngạc: chữ biến thể, chính là viết chữ ngạc bộ nhục. Vận Thuyên nói: ngạc là đoạn trên nóc động gọi là ngạc.

Y đảm: đảm là mật ở nếp trong lá gan, bộ nhục âm đảm. Y chỉ: nem có lẫn xương.

Vi địch: bộ thảo và bộ hỏa kết hợp với bộ khuyển.

Y tỳ:

Thổ phúc: Thuyết Văn nói đó là tên của một giống thú, đầu nó giống như đầu con voi, vì đọc lược chữ tượng, phía sau là đuôi thỏ. Chữ phúc, Cổ Dã Vương nói: phúc bao gồm ngũ tạng, Thuyết Văn gọi là cái bụng, bộ nhục âm phúc.

Ức trúc: ức là trước ngực, trứu Khảo Thanh gọi da nhẵn. Phong gian: bệnh phong.

Thế thóa: Thuyết Văn nói: từ trong mắt chảy ra gọi là thế, chính là viết bộ tử, bộ đệ. Thóa Thuyết Văn gọi là chất dịch từ trong mộng tiết ra.

Lâm lịch: tiện khó vì bệnh khó đi cầu. Giới lại: vì bệnh phong hủi.

Ung thu: bệnh ung thư.

Huyền thích: bệnh phong hàn thấm vào trong tạng. Tri lũ: một thứ nhọt loét ở trong ngoài hậu môn.

Đàm bệnh: bệnh đờm, khí lạnh tụ trong cổ. Qua đả: soi ngựa, đánh, gõ, bộ mộc bộ thỏ.

Sở phát: thát là đánh bằng roi vọt, bộ thủ và âm đạt.

Sửu giới: Khảo Thanh nói sửu là cái cùm tay, cái cùm tay gọi là sửu, cái cùm chân gọi là giới, đều là bộ mộc.

Già tảo: Ngọc Thiên nói già là trong cổ, bộ mộc chữ tảo, Khảo Thanh gọi là xiềng xích, lấy vòng móc liên nhau, bộ kim âm tảo, văn kinh viết chữ quả là sai.

Nhị nhĩ: Vận Anh nói: nhị là cắt xéo, lỗ mũi, lỗ tai. Thuyết Văn gọi là bộ tử, bộ đao.

Nguyệt thủ: Thuyết Văn gọi nguyệt là tuyết, cắt tay chân, bộ đao âm nguyệt.

Tường tiệm: Khảo Thanh nói tường là tường thấp ngăn lại, bộ phiến, văn kinh viết bộ thổ, chữ tiệm. Vận Anh gọi là cái hầm nhỏ, xung quanh xây thành bao lại, Thuyết Văn viết bộ thổ âm tâm.



TẤT CẢ ÂM NGHĨA CỦA KINH

QUYỂN 14

Sa-môn Thích Tuệ Lâm nhà dịch kinh đời Đường biên soạn. (Từ quyển năm mươi sáu hết quyển chín mươi mốt tổng cộng ba mươi sáu quyển).

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 56

(Thai Tạng hội thứ mười bốn, hai quyển, đây là Quyển hạ).

Kiếp-tỳ-la: (tiếng Phạn) là tên của một thành phố, cứ gọi là ca-duy, hoặc gọi ca-tỳ-la, hoặc gọi là ca-tỳ-la vệ đều đọc nhầm không đúng, phải nói một cách đầy đủ “kiếp-tỳ-la-phước tốt đồ” tức là thành do vua Tịnh Phạn cai trị.

Hãn hữu: Thuyết Văn gọi là lưới đánh chim, bộ võng âm can, sách gọi là hiếm có, ít văn kinh viết bộ huyết, chữ hãn là sai.

Nhữ oản: oản là cổ tay, bộ nhục âm oản.

Quả thâm: Thuyết Văn nói bộ y âm quả, chữ thâm gồm bộ khâu, bộ hựu, văn kinh viết bộ thủ là sai.

Phóng chiêu: là cái đồ quét phân rác, Thuyết Văn viết bộ hựu, bộ cân, bộ khuynh.

Túng tặc.

Tỳ xá khư: Phạn ngữ là tên của một nữ thí chủ.

Cổ miện: Vận Anh nói: miện là trông, liếc, bộ mục chữ cái hai chữ này cùng nghĩa.

Hạt di hâu: Khảo Thanh nói: hạt là mắt mù lòa, hoặc viết chữ ha.

Sàng duy: Khảo Thanh nói duy là cái màn, Thuyết Văn nói ở một bên gọi là duy, bộ cam âm duy, có chữ bộ tâm là sai.

Phùng phủ: Thuyết Văn gọi là lấy kim khâu áo, bộ mịch âm phùng, chữ phủ cũng bộ y.

Nại-lạc-ca: tiếng Phạn là tên của một địa ngục, chữ này có nhiều

tên, nay lược nêu một hai tên. Đường gọi là bất khả ái lạc, hoặc gọi là bất khả cứu tế, hoặc nói vô hưu tức, hoặc gọi là vô gián.

Phản niệ: Thuyết Văn gọi là dẹp trừ phân nhỏ. Vận Anh nói là dơ uế, Khảo Thanh gọi là phản.

Chiêm bạt: Khảo Thanh gọi là bôn, hoặc viết bộ hiệp, lấy cái kẹp gấp đồ, văn kinh viết bộ cam âm chiêm là cái gông vào cổ. Chữ bạt, Khảo Thanh nói bạt là rút, nhỏ. Cổ Dã Vương nói: lôi ra. Quảng Nhã gọi là phát xuất, Thuyết Văn gọi là cất lên, bộ thủ, âm bạt. Thuyết Văn viết bộ khuyên âm tau.

Liệt xỉ: Vận Anh nói: liệt là quay, vặn. Bộ thủ âm niết. Liếc mục: Khảo Thanh nói liếc là dao động, gạt ra.

Dĩ cứ: đã dịch ở trước.

Li giải: Khảo Thanh nói li là cất. Tự Lâm viết chữ ly hai bộ lực, văn kinh viết chữ bì là sai, kiểm tra trong tất cả sách đều không có chữ này, chỉ có chữ li này hợp với

nghĩa kinh.

Thoán sàm: Tì Thương nói thoán là cái mâu ngắn. Chữ sàm, Khảo Thanh gọi là cái dằm, Quảng Nhã nói sàm là cây kim to, Thiên Thương Hiệt nói sàm là cái đục, Thuyết Văn nói lời văn sắc bén gọi là sàm, bộ kim.

Sáo thích: Khảo Thanh nói, sáo là cái mâu dài, thích gồm bộ đao âm thúc.

Bồng đả: chữ thông dụng, sách nói bồng là đánh gậy, chánh thể viết chữ bội, Khảo Thanh gọi là cái gậy lớn, Thuyết Văn gọi là công kích.

Thiết chùy: hoặc viết chữ chùy bộ mộc, Tập Huân nói chùy là đánh, hoặc viết chữ chùy (nện, đánh), Khảo Thanh viết chữ kích (đánh, đập) chính thể là bộ mộc âm chuy, văn kinh viết bộ kim là nhâm.

Dung đồng: nung đồng.

Thiết hoạch: Khảo Thanh nói: giống như cái vạc mà không có chân, bộ kim đọc lược âm hoạch.

Á khâu.

Ao đột: đều là chữ tượng hình trong cổ văn. Ly gian: hàng rào trồng bằng gai.

Yết-la-lam: Phạn ngữ, hoặc gọi là ca-la-la.

Bình toán: Toán là cái đồ đong rượu, văn kinh viết bộ thủ là sai, phải sửa lại bộ kim mới đúng.

Như tiết: Tập Huân nói: gỗ tiết.

Oa-tung: cái nồi hông, sách nói là cái chảo nhỏ.

Át-bộ-tha: (Phạn ngữ) đã dịch ở trước. Đao tiêu khấu: sách gọi là phòng đao.

Thiết trừ: Khảo Thanh nói cái muống là trừ.

Khâu dẫn: căn cứ theo Chu Công Thời Huấn nói: ngày lập hạ mồng năm con giun bò ra, ngày đông chí con giun rút vào lại. Nhĩ Nhã cũng gọi là cần dẫn, vùng Giang đông gọi là ca nữ.

Kiên nam:

Hài viên: Tập Huấn nói: hài là đôi giày, mẫu giống như viên. Di thảo: cắt cỏ.

Tụ mật: bọt nước gom lại. Thủy đài: rêu xanh trong nước. Xuy trưởng.

Đoạn sự.

Thác phiên: phiên là cánh cửa, cái quạt, đồ thổi lửa. Tùng tê: Thuyết Văn gọi là tỳ nhục.

Tạ dĩ: tạ là bằng cò.

Tuyên khâu: hoặc viết chữ tuyên bộ tiền.

Thiên cân: Thuyết Văn viết bộ trúc, bộ nhục bộ lực, văn kinh viết bộ thảo là sai.

Khổng khích: Thuyết Văn viết bộ phụ, bộ hạch trên bộ tiểu ở dưới, văn kinh viết bộ quả là sai.

Sai suyền: sai là chữ chánh thể, Thuyết Văn viết chữ nhị nghĩa là chênh lệch không ăn khớp, chánh thể viết chữ thù. Chữ suyền Quảng Nhã nói suyền là ngan thái, Cố Dã Vương nói: lẫn lộn không đều, Thuyết Văn gọi là trái nhau.

Sảng thất: Mao Thi truyện nói: sảng là sai, Quách chú Nhĩ Nhã: dụng tâm sai lầm không chuyên nhất. Giá chú Quốc ngữ nói sảng là nhị, Quách chú Phương ngôn gọi là lỗi lầm. Bô li, bộ đại. Văn kinh viết bộ nhơn là sai, chữ thất là bộ thủ bộ ất, ất cũng là thanh, Quảng Nhã viết

chữ thử là sai, Ngọc Thiên nói thất là khóc vậ.

Xảo tượng: Vận Thuyền nói: người khéo léo đối với công việc gọi là tượng, Thuyết Văn gọi là thợ mộc, bộ phương và bộ cân kết hợp, vật đã thành đồ dùng, là chữ hội ý.

Trần ế: Thuyết Văn nói trần là bụi bậm, bộ lộc và bộ thổ. Chữ ế, Quách chú Phương ngôn nói ế là che. Quảng Nhã gọi là chướng, Khảo Thanh gọi là đậy, Thuyết Văn viết bộ vũ âm ế.

Giai thúc: Quảng Nhã nói: giai là lau chùi, Thuyết Văn viết bộ thủ âm giai. Chữ thúc, Quách chú Nghi lễ nói thúc là sạch sẽ. Lễ ký gọi là

thanh tịnh, Thuyết Văn từ bộ thủ, âm thúc.

Yêu khoa: Khảo Thanh nói khoa là xương trên. Vận Anh nói yêu là xương dưới.

Kiên sáp: chữ sáp gồm bộ thủy, bốn bộ chỉ, chữ hai bộ chỉ là chữ hội ý, kinh viết ba bộ chỉ là sai.

Tráp tại: Khảo Thanh nói: tráp là cầm giữ, Thuyết Văn viết bộ thủ chữ sáp, văn kinh viết bộ thiên và bộ cự là sai, Thuyết Văn nói tại là tồn tại, bộ thổ và bộ tài.

Tiêm tiêu: tiêm là chữ hội ý, chữ tiêu. Thuyết Văn tiêu là cờ hiệu, Tự Thư gọi là đầu sào, chánh thể viết bộ cân âm tiêu.

Can táo: Khảo Thanh nói táo là khô, Thuyết Văn viết bộ hỏa âm táo.

Lê hắc: Khảo Thanh nói lê là đen mà hơi vàng, Thuyết Văn gọi là khuyết, chánh tự xưa nay gọi là đen, bộ hắc đọc lược âm lê.

Hoán tô: Vận Thuyền nói hoán là ảm, hoặc viết là noãn. Du bì: lên của nước.

Phong vương: là đầu của binh đao, hoặc viết chữ phong có bộ xước. Chữ vương, Tự Thư gọi là chuôi đao, ngọn lá cỏ.

Phủ lạn: Khảo Thanh nói: thịt thối, nát, bộ nhục, âm phủ, chữ lạn đã dịch.

Thôi thủ: Vận Anh nói thôi là đẩy ra, bộ thủ âm chuy, hoặc có khi viết đôi.

Luyện hoạt: Khảo Thanh nói: thịt thái từng miếng, bộ nhục âm luyện. Quảng Nhã nói: hoạt là cắt, Thuyết Văn gọi là hại, bộ đao chữ hại.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 57

Điều xa: Thuyết văn: điều là động, bộ thủ âm điều.

Cưỡng bảo: Thuyết Văn gọi cái địu con trở sau lưng, bộ y âm cường. Chữ bảo, Thiên Thương Hiệt nói bảo là cái tả, Thanh Loại nói: cái địu của trẻ.

Hủ mại:

Ngạnh khái: Vương Chú Sở Từ nói: ngạnh là ngang ngạnh, Nhĩ Nhã gọi là thẳng, Quảng Nhã gọi là lược, bộ mộc. Khái, Khảo Thanh nói khái là tiết tháo. Chu Lễ Trịnh chú nói: khái là đo lường, Nghệ Tông nói: ngạnh khái là nói tóm tắt, bộ mộc âm ký.

Triệu hí: Quảng Nhã nói triệu là nhắc lên, chân chinh. Thuyết Văn là bộ thủ âm trắc, chữ dưới là hí. Mao Thi

truyện nói: hí là đùa giỡn, Nhĩ Nhã nói hí là giỡn cợt.

Khái thấu: Thuyết Văn nói khái là ho, chữ dưới là thấu là chữ thông tục, Khảo Thanh nói khí xông ngực lên là ho, Tự Thư gọi là bệnh đàm ở cổ.

Đàm âm:

Khảo sở: là đánh đập.

Trớ tước: Quảng Nhã nói: nhấm nuốt, Thiên Thương Hiệt nói trớ là tiểu là cắn, Thuyết Văn gọi là nhai nuốt, bộ khẩu âm thả. Thanh Loại viết bộ xỉ, chữ tước. Quảng Nhã nói tước là nhấm, Tự Thư gọi là nhai.

Thấp dĩ: Khảo Thanh nói thấp là đất ướt. Thuyết Văn gọi là thấm ướt, chữ này bộ thủy, bộ ti, bộ thổ và một chữ phú. Phú là đầy đất lại nên đất ẩm ướt, chữ hội ý, kinh viết bộ nhật bộ ti là sai, thấp là âm là tên của nước ở Vũ dương đông quận.

Diên thóa: Thuyết Văn gọi là nước miếng. Chánh thể bộ thủy bộ khiếm. Chữ thóa là nước dịch trong miệng.

Âu nghịch: Thuyết Văn âu là mưa, chánh viết là âu. Hỏa chiếu: bộ nhục, chữ này là hội ý, thịt ở trong lửa.

Quyền súc: giá chú Quốc ngữ nói: súc là lùi lại, sụt lại. Tống trung chú Thái Huyền kinh nói: súc là dừng lại, Hàn Thi nói: tự xét lại mình, là chữ hình thanh.

Phong điệp: Khảo Thanh gọi là tên của loài côn trùng, làm tổ trên cây, ở dưới đất thì làm hang, có rất nhiều loại, Thuyết Văn gọi là loại có cánh và cắn người. Bộ tùng âm phùng, kinh viết chữ phong, Tư Mã Sấn chú Trang Tử nói điệp là con bướm.

Tảo sát: Thuyết Văn gọi là con muỗi cắn người, chữ

này bộ trùng âm thảo. Văn kinh viết bộ khiếm, viết tắt không thành chữ. Sát, Thuyết Văn nói côn trùng trong áo quần cắn người, bộ từng âm tân, văn kinh viết phân nửa chữ phong là sai.

Thư trùng: chánh thể viết bộ nhục âm thư, Khảo Thanh nói con vôi trong thịt muối, Thuyết Văn gọi là con nặng trong sữa thịt, bộ nhục âm thả. Văn kinh viết chữ thư gồm bộ trùng và chữ thả. Chữ trùng có ba bộ trùng: Nhĩ Nhã gọi là loại côn trùng có chân.

Ngư yết: Trôn, chánh thể viết chữ ngư, Thuyết Văn viết bộ đao, chữ tượng hình, bộ hỏa giống đuôi cá, đuôi cá giống đuôi ngựa, chột

giống như bộ hỏa, nhưng chẳng phải chữ hỏa, chữ yết, Khảo Thanh nói loại vật dưới nước.

Ngoan đà: Thuyết Văn gọi là con rùa, bộ mãnh con ngươn, chữ đà Thuyết Văn gọi là loại, giống như cá sấu mà to hơn. Bộ mãnh âm đơn, Thuyết Văn nói chữ đơn là chữ khẩu và chữ lý, tục dùng như ngoan.

Thiên diệt: Sơn Hải kinh nói: cá hoạt hình tựa như con lươn, Quách Cảnh Thuần chú Nhĩ Nhã nói: cá thiện giống như con rắn có vằn, Thuyết Văn gọi là cá, da nó có thể làm trống, là chữ hình thanh. Chữ diệt, Nhĩ Nhã nói diệt là con đĩa, Quách Chú nói con đĩa ở nước hay hút máu người.

Bạng cáp: Lã Nhị Xuân Thu nói: bạng là con trai, loài côn trùng âm, ngày rằm con trai bạng và cáp tương cảm nhau. Thuyết Văn nói hợp có ba loại đều sống ở biển, nó sống ngàn năm thì biến hóa, gọi là đồ lệ hải, con này một trăm tuổi thì biến hóa. Khôi cáp một là phục loa

là nó già biến thành cánh, bộ trùng âm hợp.

Hà mô:

Hồ hạc: hồ là loài dã can, Thuyết Văn gọi là giống thú có tài cảm dỗ, còn gọi là quỷ mị. Chữ dưới là hạc, một giống thú giống như con cầy nhưng nhỏ, tính thích ngủ. Trong kinh viết bộ khuyến, Thuyết Văn là chữ đúng thể của xưa nay, kinh và thuyết đều viết bộ hàng, chánh thể viết chữ hàng, Khảo Thanh cũng viết chữ hướng tức làm bằng cứ. Hoặc viết chữ hạc cũng được.

Điều thứu:

Khương lang: Nhĩ Nhã nói khương lang là con bọ hung, Quách Phác nói loài ăn phần, Thuyết Văn nói khương lang là chữ hình thanh.

Hạm xa: hạm là cái cầm, hoặc viết chữ hạm cũng được.

Thối túc: chánh thể viết bộ cốt, Khảo Thanh nói thối là bắp đùi.

Tự Thư gọi là bắp chân, chánh thể xưa nay viết bộ cốt âm nỏa.

Câu chuyết: Giá chú Quốc ngữ nói xuyết, Thuyết Văn gọi là nói lại, bộ mịch âm xuyết.

Thúy hiêm: Quảng Nhã nói thúy là yếu, Thuyết Văn gọi là giòn xốp dễ vỡ, bộ nhục âm tuyệt. Lại nói chữ tuyệt là bộ mịch bộ đao, bộ tiết, là chữ hội ý.

Vô sao: cây sác, bộ mộc hoặc bộ thủ.

Dữ thoan: chữ thoan theo Hứa Thúc Trạng chú Trang Tử gọi là ái ví tre. Tập huấn gọi là thương, Thuyết Văn gọi là lấy đồ chẻ trúc đan bồ ví lúa.

Thế thóa: thế là nước miếng, đều dịch ở trước.

Cường bạt: tương truyền là chữ vay mượn chứ chẳng phải chánh thể. Chữ chánh viết hạt bộ cung lại có âm là cường. Nghĩa cũng tương tự, Trịnh Huyền chú Chu Lễ nói cường là cứng rắn, khuyến hóa. Quách chú Nhĩ Nhã nói là siêng năng, Thiên Thương Hiệt nói: khỏe mạnh. Thụy Pháp nói: rộng lượng khoan thứ gọn cường, Thuyết Văn viết bộ cung bộ lực. Chữ dưới là bạt, Tục Thư nói lấy tay nắm, bạt là lấy. Nghĩa trong kinh là cứu giúp, cứu bạt, Thuyết Văn nói là bộ thủ âm bạt.

Sâm tủng: Thuyết Văn nói rừng rậm, ba bộ mộc. Chữ tủng, Khảo Thanh gọi là thượng, Trang Tử nói tủng là cao, Thuyết Văn nói bộ lập và bộ thúc, chữ hội ý.

Giới bí: Khổng chú Thượng thư nói: giới là đến, Trịnh Tiên Mao Thi nói: giới là nhà, Thuyết Văn gọi là đi không tiện, rất, bộ hộ âm du.

Tốt đồ ba: âm đồ là tiếng Phạn, tức là tháp thờ xá lợi, cự gọi là phù đồ.

Bà-la-ni-tư: tiếng Phạn là tên của một thành phố, cự gọi là Ba-la-nại.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 58

(Văn Thù Thọ ký hội thứ mười lăm ba quyển).

Tân phân: Chữ tân gồm bộ mịch bộ bối âm tân. Chữ phân, Quảng Nhã nói hoa trời rơi tán loạn.

Đạm bạc: Khổng chú Thượng thư nói: đạm là an,

Phương ngôn nói đậm là tĩnh, Thuyết Văn viết bộ tâm đọc lược âm cam, bạc theo Quảng Nhã nói bạc là an tĩnh, Thuyết Văn gọi là vô ư, bộ tâm âm bạch.

Các tê: Thuyết Văn nói tê là cầm đi, bộ bồi âm tê.

Môn khôn: Trịnh chú lễ ký nói: khôn là công thành ngoài. Thuyết Văn gọi là khuyết. Chữ khôn mà có chốt và chữ niếp là vật tuy một nhưng nhiều tên. Môn quắc là ngưỡng cửa. Môn niếp, môn thiết đều là các chốt cửa. Tục gọi môn thiết là lấy đá chặn lại.

Quả giả: chữ vay mượn, vốn là âm lửa, Cổ Dã Vương nói: cỡi đồ để trần, bộ nhơn âm quả, văn kinh viết chữ lửa cũng được, hoặc viết bộ thân cũng có nghĩa là lộ hình.

Manh cổ: Thuyết Văn nói: mắt không có đồng tử. Chữ cổ, Thuyết Văn nói mắt mù, vì có màng che, chữ man giống như da trống nên gọi là cổ, bộ mục âm cổ.

Lung hội: lung là tai không nghe, chữ hội, Khảo Thanh có nghĩa là rất điếc, bộ nhĩ âm quý. Văn kinh viết bộ mục là sai.

Bần cữ: chữ cụ Thượng thanh, Thuyết Văn gọi là nghèo túng không có của để theo lễ.

Tồi quá cửu: Khảo Thanh nói cửu là tội lỗi, phản nộ, bịnh. Trích trong văn cổ, chữ cửu là bộ bốc, bực khẩu âm cửu.

Trừng túy: Quảng Nhã nói túy là thuần. Chu Dịch nói: túy là tinh túy. Văn tự nói tinh vi, Thuyết Văn viết bộ mễ âm túy.

Triền tứ: Ngọc Thiên nói: đất trống trong chợ, chữ

tứ theo Khổng chú Thượng thư nói: tứ là vạch trần. Đồ chú tả truyện nói tứ là bày ra, bày hàng hóa ra chợ, Tự Thư gọi là cư xá. Bộ trường âm duật.

Châm chước: Dã Quỷ chú Quốc ngữ nói châm là lấy chước là đi, Thuyết Văn nói châm là cái móc câu, chữ châm gồm bộ đầu âm thậm.

Cự ty sàng: Khảo Thanh nói cự là an, chỗ nương tựa. Vận Anh gọi là dựa vào, bộ thủ âm cù, Thuyết Văn viết bộ hổ, bộ trĩ. Văn kinh viết chữ cù là nhâm. Lại nói chữ ty là từ bộ giáp bộ tả, Tự Thống nói: xưng một cách nhún nhường với người bên cạnh. Chữ sàng bộ mộc và bộ tường.

Giám triệt: Ngọc Thiên nói giám là soi, Quảng Nhã nói giám là chiếu, Khảo Thanh cũng dùng như vậy, Thuyết Văn viết bộ sách, bộ dục, bộ chi, kinh viết bộ khứ bộ viết là sai.

Khánh khái: là tiếng nói thoát ra từ cuống hầu. Tiếng nhẹ là khánh tiếng mạnh là khái.

Kỵ hô: Vận Anh nói kỵ là đến cũng có nghĩa là quở trách, bộ tả và chữ ký.

Hiêm bì: Thiên Thương Hiệt nói: cong vạy, Quảng Nhã gọi là sống chết, Thuyết Văn gọi là biện luận.

Hy vọng.

Khủng khiếp: Quảng Nhã nói khiếp là khiếp nhược, Cổ Dã Vương nói dùng sức mạnh để uy hiếp ba bộ lực, kinh viết ba bộ đao là sai.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 59

Thán tiện: Hàn Thi nói tiện là tham muốn, Khảo Thanh gọi là yêu thích, ái mộ. Thuyết Văn gọi là tham dục, bộ mỹ âm my, bộ sáu, sáu là nước súc miệng.

Súc dụng: Khảo Thanh nói: súc là tích chứa, bộ hòa âm súc, kinh viết chỉ có bộ súc.

Trọng đảm: chữ chính của cổ văn là nhất tên (cử), Thuyết Văn gọi là gánh vác, bộ thủ âm đảm.

Như tây: tên của loài thú, Nhĩ Nhã nói: con này giống như heo, Quách Phác chú nói: thân hình như trâu nước, đầu to bụng phệ chân nó có ba móng đen, nó có ba sừng, một trên đỉnh, một ở trên mũi, cái trên mũi gọi là sừng ăn, thức ăn đưa vào thì chiếc sừng nhai lại. Cũng có loại một cái sừng, kinh dụ một sừng. Thuyết Văn bộ ngư.

Lăng nghiệt: là chữ mượn dùng, bộ thủy, tên một loại nước, phải viết bộ lực mới đúng, chữ dưới là miệt, Khảo Thanh gọi là khi dễ, bộ tâm âm miệt văn kinh chỉ viết chữ miệt là sai, Thuyết Văn lại nói chữ miệt có âm là miết.

Hạp liệt: bộ phụ âm hiệp văn kinh viết bộ khuyên là sai, chữ này ở trước đã giải thích.

QUYỂN 60: không có âm nào khó.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 61

(Bồ-tát Kiến Thật Tam-muội hội thứ mười sáu, mười sáu quyển)

Ca-lô-đà-di: chánh Phạn âm: ca-dẫn-lộ-na, dẫn theo cựu gọi là ca-lưu-đà-di, là tên của một vị A-la-hán.

Thiên tải: xe chở gọi là tải, có khi đọc nhầm thành chữ tại. Ký quán:

Cức thích: Thuyết Văn viết hai chữ thúc, âm kế kinh viết hai chữ thúc là sai, chữ dưới bộ thúc bộ đao.

Ứng bình: Thiên Thương Hiệt nói: hai cái vú ở trên bộ xương Hán Thư Vệ Chiêu nói: bốn bên ngực cao lên, ở giữa thấp xuống gọi là ung. Thuyết Văn nói ung là ngực, bộ nhục âm ung, hoặc viết bộ cốt.

Dung tiêm: Khảo Thanh nói: trên dưới đều nhau, Vận Anh gọi là thẳng, Thuyết Văn gọi là ngay ngắn, bộ nhọn âm dung, kinh viết bộ nguyệt là chữ thông dụng, chữ tiêm Quảng Nhã nói tiêm là nhỏ, Thuyết Văn gọi là nhuyễn, bộ mịch hoặc viết bộ nữ, kinh viết chữ tiết là sai.

Kiểm sắc: Khảo Thanh nói sắc là cái mâu dài. Tế chư: Thuyết Văn nói tế là cơ nhuyễn.

Nguyên thấp: Nhĩ Nhã nói: chỗ trứng ướm gọi là thấp, hoặc viết chữ tập có bộ thủy.

Ông tước: chữ thông dụng, Khảo Thanh gọi là cây cỏ xum xuê.

Bảo tranh: Trịnh Chú lễ ký nói: vàng ngọc chưa thành đồ trang sức, Khảo Thanh cũng nói đồng thiết chưa tôi luyện, hoặc viết chữ khoáng. Khoáng, Thuyết Văn viết bộ kim âm cũng.

Túi vũ: Quảng Nhã nói trù là triền, dây thao Khảo Thanh gọi là buột thất, bộ mịch âm chu, hoặc viết chữ

trù của hy trừ.

Tinh cở: tinh hoặc viết chữ lăng, Nhĩ Nhã chú rằng cầm cờ đi hàng đầu, Quách Phác nói thứ cờ trên đầu có cầm lông. Đỗ chú tả truyện nói: cờ là tiêu biểu, Giá chú Quốc ngữ nói: cờ là nêu. Cố Dĩ Vương nói: hồ, người cầm cờ mao gọi là cờ đuôi trâu, cầm thẳng trên, như nay có một thứ cờ điếm. Âm mao, theo Thuyết Văn ngồi trên xe cầm cờ tiến về phía trước để dẫn đầu binh lính. Chữ cở là để nhóm họp mọi người. Chu Lễ nói có sáu thứ trống lôi lính lệ (phù văn), (công lao)...

Dịch nói: trống là cở động. Trịnh chú nói nghi lễ cử hành thì đánh trống là tuyên âm đi.

Áp thích: Thiên Thương Hiệt nói: áp là không thoải mái. Thuyết Văn gọi là bất an, chữ hình thanh. Chữ dưới là thích, Hà Hưu chú Công Dương truyện nói thích là đau. Quách Chú Luận ngữ nói nhiều ưu buồn. Thuyết Văn gọi là lo lắng sợ hãi.

Tự duyên và duyên pha: kinh viết rất nhiều chữ đục tù. Sách viết bộ nhọn là sai, mà phải viết chữ pha mới đúng.

Tiên kim: hoặc viết chữ tuyên. Thuyết Văn gọi là sợi, bộ mịch âm tiền.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 62

Đạm mỹ: Khảo Thanh gọi là ngọt, Thuyết Văn gọi là ngon, bộ thiết, bộ cam, chữ hội ý, hoặc viết chữ cảm cũng được. Mỹ, theo Thuyết Văn gọi là vị ngon, bộ

dương, bộ đại, chữ dương trong âm này. Đưa vào bếp nấu thật ngon, cho nên viết bộ dương, bộ đại là chữ hội ý.

An tiên: cái đệm lót trên yên ngựa.

Thu bí: thu là dây da trắng vào vế sau ngựa, hoặc viết chữ thu bộ mạch cũng vậy. Bí là dây cương ngựa.

Ngoa mao: Vận Thuyền nói ngoa là giày ủng, sách nói: giày của người Hồ, Mao theo Khảo Thanh gọi là cái nón đội đầu. Thuyết Văn nói trẻ em và người Man-di đội mũ này. Nay Lê Thu viết bộ cân âm mạo.

Thần quy: là loài ở dưới nước, Chu Lễ có lục quy, Nhĩ Nhã có mười quy. Đây chính là thần quy thứ nhất, Thuyết Văn nói đó là loài xương ngoài mà thịt bên trong, đây là chữ tượng hình.

Cự miết: tên của một loài vật dưới nước. Thuyết Văn viết bộ mãnh âm tế. Kinh viết phần nhiều là bộ ngư, hoặc bộ mãnh thành ngư miết là sai.

Kế tông: kế còn gọi là kết, Trịnh Huyền nói là kết tóc. Nay văn kinh gọi là thắt buộc đuôi ngựa, chữ tông theo Khảo Thanh gọi là bờm ngựa.

Xa cừ: Quảng Nhã nói xa cừ là đá quý.

Thạch phát chi đại: Khảo Thanh gọi là cái túi bộ cân, kinh viết chữ đới.

Môn khôn: Trịnh chú lễ ký nói: khôn là cái chốt cửa, Thuyết Văn viết bộ mộc.

Môn xu: Khảo Thanh nói: chỗ cánh cửa xoay. Nay gọi là bản lề cửa, cũng gọi là chuyển tắc, cự gọi là cửa cũ, e rằng nghĩa này sai. Quảng Nhã nói xu là chính. Hàn

Thi nói xu là mấu chốt, là chỗ xuất phát động cơ.

Hoàng bính: Trịnh chú chu lễ nói: bính là chỗ cấm, Giả Quỳ nói: quyền bính, Thuyết Văn nói bính là cái cán búa. Thiên Thương Hiệt nói bính là cái cột, bộ mộc âm bính.

Lô cũng: Thuyết Văn nói phết một lớp sơn mỏng lên trụ, Thiên Thương Hiệt nói: cây cột làm trụ, cũng là trên cây trụ che một cây gỗ cong, giống như người khom xuống. Nhân đó mà đặt tên.

Đoạt thành: Khảo Thanh nói thính là tai nghe. Thuyết Văn gọi là nghe.

Đương cừ: Ti Thương nói đương là bấm lỗ tai, Thích Danh gọi

là xỏ lỗ tai để đeo vàng gọi là đương. Khảo Thanh nói cừ là bánh xe, nhưng theo nghĩa của chữ này thì người Ấn Độ các bậc vua chúa và quý

tộc đều lấy vàng bạc hảo hạng đúc thành khuy đeo tai, vàng ngọc đeo vào chỗ thủng giống như bảo luân dùng các món báu đeo vào để trang điểm.

Bạt-trì: cự gọi là bà-trì đều là âm Phạn đọc nhầm. Đây chính là tên của A-tu-la vương, chính Phạn âm là phược nê, không thể dịch đúng được nên để nguyên Phạn âm, cự ghi là loài này dẫn đầu hàng A-tu-la vì đánh nhau với Đế Thích bị thất bại nên bị bắt. Vì mong được thoát nên lấy đó đặt tên.

Tri tru: Khảo Thanh nói: tri trừ cũng giống như bồi hồi hoặc viết chữ trừ trừ, Quảng Nhã nói trừ trừ là do dự. Khảo Thanh nói trừ trừ không chịu đi liền. Mao Thi

truyện nói: trù trù cũng như trịch trịch (lấn thấn) tri trù và trù trù là âm thanh trong của tiếng địa phương. Tâm nghi chưa quyết định, hai chữ đều bộ túc là chữ hình thanh.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 63

Tam-ma bát-đề: tiếng Phạn, Tào dịch là thiện định. Diệu định hoặc gọi là Tam-ma bát-đề, hoặc gọi là Tam-ma bát-đa, đều đọc nhằm âm Phạn.

Thù ngụ: Thiên Thương Hiệt nói: sắp ngủ, Thuyết Văn gọi là ngủ gục, chữ hình thanh. Mao Thi nói ngụ là tỉnh dậy, Thuyết Văn nói my là ngủ mà mớ. Văn kinh viết bộ huyết, bộ tâm là sai. Chánh thể viết bộ mịch.

Yêm túc. Câu lan:

Tầm lương: chữ tầm đã giải thích trong văn trước. Lương, người tìm cầu, hay chữ câu lan, ở trên chỉ người cầm cây gậy gỗ, Thuyết Văn nói chữ lương là bộ thủy bộ nhân bộ mộc, văn cổ là bộ thủy.

Khúc linh: Thuyết Văn nói thuần là chấn song cửa còn linh là cái chốt cửa. Tục gọi chung là móc khóa.

Mã não: là một loại đá quý thượng bảo, đứng sau ngọc, hoặc thuộc loại ngọc có vân, chữ hình thanh.

Xa cừ: cũng là một loại đá quý, màu trắng trong suốt, đứng kế ngọc trắng, chữ hình thanh.

Yên-la-bà-na: tiếng Phạn là tên gọi của một loại bạch tượng vương. Trời Đế Thích cỡi nó thì có đầy đủ thần thông tùy cơ biến hóa, theo ý của thiên chủ.

Cương không: Thuyết Văn nói cương là dây cương ngựa bộ mịch âm vương, hoặc viết bộ cách làm dây cương cũng được. Chữ không, Ty Thương gọi là dòm ngựa.

Thương học: Quách Phác chú Nhĩ Nhã nói: thương là chim quát. Thanh Loại gọi là con dong. Chữ dưới là học, còn có tên là hoàng hạc, mỗi khi cất cánh bay ngàn dặm, hoặc gọi là hồng học. Tục gọi là chim cắt. Chữ hình thanh.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 64

Chuyên chú: Khảo Thanh nói chuyên là cây rui nhà. Thuyết Văn gọi là ai. Tần gọi đó là cây rui. Chu gọi là cây ai. Tề Lỗ gọi là giác (cây xà vuông) bộ mộc âm chuyên.

Bát-trù-giam bà-la thạch: tên một loại đá quý ở trời Đao Lợi. Loại đá này trơn láng sáng bóng làm đồ trang sức ở cung trời.

Nhị Nhĩ: Không chú Thượng thư nói: nhị là cắt. Trịnh chú Chu Lễ nói: cắt lỗ mũi.

Tuần tốt: Vận Anh nói: tuần là ngựa quý. Khảo Thanh gọi là ngựa chạy nhanh, dài. Nhĩ Nhã nói tuần là mau lẹ. Quách Phác chú Mục Thiên tử truyện nói: tên gọi cho loài ngựa đẹp, Thuyết Văn có ý nói người tài giỏi, bộ mã âm tuần.

Tham sử: Thiên Thương Hiệt nói: sử là mau, Vận Anh gọi là cấp tốc, Khảo Thanh gọi là ngựa chạy nhanh,

chữ chính xưa nay viết bộ mã và bộ sử.

QUYỀN 65: Không có âm nghĩa khó để giải

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỀN 66

Kỳ lân: Thiên Thương Hiệt nói con đực gọi là kỳ, con cái gọi là lân. Thuyết Văn gọi đó là giống thú nhân từ. Thân của con lân như con trâu, đuôi nó có một sừng. Kinh nêu ra thí dụ một sừng, trong kinh viết hai chữ đều là bộ mã là hết sức sai lầm. Đó chính là loài ngựa vằn. Nay tục gọi chuy là ngựa nhiều vằn, chẳng phải là giống thú có diềm lạnh. Loại trong sách nói đến không phải chữ này, phải viết bộ lộc và chữ lận mới đúng.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỀN 67

Tự hoại: tự là đất trũng, Thuyết Văn nói hoại là hư bại. Đối trị: trị là sửa đổi, chỉnh lý.

San thực: Thuyết Văn gọi là nuốt, bộ thực âm sát.

Hào thiện: chữ thông dụng, chánh là chữ hào. Trịnh Tiên Thi nói: thịt ướp, chẳng phải lúa mà ăn gọi là hào. Cổ Dã Vương nói: quả dưa ngon. Thuyết Văn gọi là ăn bộ nhục âm hào. Chữ thiện, Trịnh Huyền nói: thiện là tốt, thiện là thức ăn ngon, là dâng hiến, Thuyết Văn gọi là ăn, bộ nhục âm thiện.

Cổ tha: tiếng thông.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 68

Ngoạt tử: Trịnh chú Chu lễ nói: nguyệt là cắt chân, căn cứ theo nhục hình cắt chân thời xưa của nước này. Người dịch kinh viết nhầm. Quyển sáu mươi tư ở trước đã viết lộn thành nhị nhĩ (cắt tai). Căn cứ theo văn này thì phải hợp với chữ nhị là loại hình xẻo lỗ tai. Sách viết mà người không phân định rõ xẻo tai cắt chân là chữ này.

Tiên đả: sách gọi là đánh, đập. Trượng thích:

Thiết hội: hội là cắt, là thái thịt.

Chùy đảo: Khảo Thanh nói chùy là đánh, cầm đập sắt ném. Chữ đảo, Khảo Thanh gọi là cái chày. Thuyết Văn gọi là lấy tay đánh, bộ thủ âm trừ.

Tha đập: tha là lần lửa, sách gọi là vấp ngã, đập. Quảng Nhã gọi là bước đi. Thuyết Văn gọi là dẫn đập.

Nghiêm tạc: nghiêm là chữ vay mượn, chính là viết chữ nghiệm.

Tạc là chua, có khi viết chữ thể (giảm).

Hỏa chích: Quảng Nhã nói chích là nướng, Hán Thư gọi là chỗ rất nóng, Thuyết Văn gọi là hầm thịt, thịt ở trong lửa.

Diêu mục: Thanh Loại nói diêu là móc, Thuyết Văn gọi là mạo (dùng da) bộ thủ âm diêu.

Mâu sáo: Vận Anh nói: sáo là binh trượng. Thuyết Văn gọi là mâu, dùng trong quân trận, dài hai trượng, chữ hình thanh. Văn kinh viết chữ mâu bộ kim là nhầm. Chánh viết chữ mâu là bộ mâu, sách đều không có hai chữ này. Chữ dưới là sáo, Khảo Thanh gọi là mâu dài,

bộ mâu âm sáo.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 69

Nghệ ngữ: Tập Huấn nói: lời nói trong lúc ngủ. Thanh Loại nói: trong lúc ngủ mê man nói bậy. Quảng Nhã nói, ngủ mà giật mình, Thuyết Văn gọi là mớ.

Mị ngộ: Hàn Thi nói: Mị là nghỉ. Ngọc Thiên nói ngủ say. Thiên Thương Hiệt nói: ngủ mà nói lời gì đó gọi là mị. Chữ ngộ ở trước đã giải.

Giao niêm: Khảo Công ký nói: có nhiều loại keo. Keo trắng của hưu, keo đỏ của ngựa, của trâu trắng, keo đen của chuột lớn, keo vàng của tê giác. Trịnh nói: các loại keo này đều nấu từ da của chúng. Cố Dĩ Vương nói: sở dĩ gọi là giao vì dùng nó dán đồ. Chữ dưới là niêm, Khảo Thanh gọi là cứng, Thiên Thương Hiệt nói niêm là dính, Thuyết Văn gọi là dính vào nhau, bộ thử âm chiêm, kinh viết bộ mễ.

Ư ác: sách gọi là vô trứng.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 70

Bất huyền: Khảo Thanh nói: huyền là nhìn, bộ mục âm tuần, kinh viết chữ tuần, sai. Có kẻ không hiểu viết âm thuận là sai, đều không đạt ý của văn này.

Vũ yêm: Khảo Thanh nói: yêm là tưới, hủ, bộ thủy âm am. Táo động: Trịnh chú Luận ngữ nói: táo là không an tịnh, động.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 71

(Bồ-tát Kiến Thật Tam-muội hội).

Tinh xú: hoặc viết là thắng, Khổng chú Thượng thư gọi tinh là tanh, Thuyết Văn gọi là thịt chó sống, bộ nhục chữ tinh.

Chi mạn: Mao Thi nói: mạn là dài, Quảng Nhã gọi là mầm sanh trưởng. Thuyết Văn nói nó thuộc giống dây sắn, bộ thảo âm man.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 72

Trị sai

Vị đãi: Nhĩ Nhã nói, đãi là đến. Tê phá: tê cũng là phá.

Chiên tủng: Khảo Thanh gọi là tâm bất an, kinh sợ, bộ tâm, âm thúc.

Phủ hoạch: phủ là cái chảo, hoạch theo Quảng Nhã nói hoạt là cái vạc, vật này có chân gọi là đỉnh, không chân gọi là chảo. Bộ kim âm hoạt.

Mâu sáo: chữ chính là mâu bộ mâu, chữ bình thanh, Khảo Công ký nói nó giống như cái mâu. Thuyết Văn nói nó dài hai trượng đặt trong quân trận. Quảng Nhã nói đồ dài trượng tám gọi là mâu.

Hỷ dĩ: Vận Anh nói hỷ là thích

Oản quật: Ty Thương nói: oán là khoét, Quảng Nhã nói quật là chặt, đục. Khảo Thanh gọi là đẻo.

Khiếm khứ: Ty Thương nói khứ là há miệng đánh hơi dài.

Không tiểu: Ngọc Thiên nói: tiểu là nhấm, Thiên Thương Hiệt nói: nhấm nuốt, phàm người gào không còn một ai, gọi là tiểu.

Lỗa hình: đã giải ở trước.

Hiệp oán: Nhĩ Nhã nói: hiệp là cắt dấu riêng. Khảo Thanh gọi là xóc vào nách, Thuyết Văn gọi cổ chấp, nghĩa là tâm luôn ôm ấp mỗi hận không nguôi, bộ thủ âm hiệp.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 73

Thâm thúy: Tự Thư nói: thâm là đi chiều sâu, Thuyết Văn viết bộ thủy âm thâm. Chữ thúy Thuyết Văn nói thúy là sâu xa, bộ huyết âm toại.

Phao mộc: bông đái, văn kinh viết chữ bào là sai, mộc là màng nhầy trong thịt, bộ nhục âm mạc.

Não cai: cọng lông trên ngón cái.

Chí khóa: chánh thể viết bộ nhục, bộ quả. Văn Tự Tập Lược nói thịt trên đầu gối. Cổ văn viết chữ lỗa. Thiên Thương Hiệt nói: hai bắp vế, Thuyết Văn gọi là đùi vế, bộ cốt âm quả.

Chí đoàn: sách nói đoàn là dọi ngón chân xuống đất và bị thương.

Dương bô: Khảo Thanh nói: Dương là kẻo mạch nha,

bô là mễ phiên, cũng gọi chữ bô bộ khẩu, nghĩa là mớm cơm trong miệng đút cho trẻ ăn. Thuyết Văn cũng viết âm bô là bữa cơm quá trưa, bộ thực âm phả.

Khổng khiêu: Khảo Thanh nói: khiêu cũng là không. Thuyết Văn gọi là lỗ hồng, cái lỗ hồng trên tường, bộ huyết.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 74

Vị soạn: chánh thể tuy viết bộ thực, chữ cổ nhưng không dùng, Mã Dung chú luận ngữ nói: soạn là ăn uống, Trịnh Huyền chú lễ nghi nói: soạn là bày ra, Quảng Nhã gọi là tiến, Thuyết Văn gọi là đủ ăn, bộ thực.

Khổ hồ: Khảo Thanh nói: hồ là quả bầu, Quách Phác chú Nhĩ Nhã nói hồ là trái khổ qua, vị đắng, có độc không thể ăn được, có thể dùng làm thuốc. Thuyết Văn gọi là bào, bộ qua âm hồ.

Câu-xà-đắc-tử cập-nhâm-bà-tử: những cây này đều là tiếng Phạn, lá nó đắng có thể nấu làm thức uống trị bệnh đau đầu, tức là loại khổ đàn ở trong sự khổ luyện của nước này.

QUYỂN 75: không có từ khó

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 76

Ma văn: Vận Anh nói: văn là lau, chùi.

Khang hội: Quách Phác chú Nhĩ Nhã nói: khang là vỏ lúa, Thuyết Văn gọi là vỏ trấu, bộ hòa âm khang, hoặc

viết bộ mễ cũng được. Hội, sách gọi là da sần sùi. Tự thống cũng nói: vỏ trấu, chữ này bộ hòa âm hội.

Đồng điệp: Khảo Thanh nói: đập dẹp, Ngọc Thiện nói đưa cho người đập dẹp thành lá. Điền Thuyết nói: vàng, bạc, đồng, thiết đều đập thành dát mỏng.

QUYỂN 77: Quyển này không có âm khó.

(Phú-Lâu-na hội thứ mười bảy, ba quyển do Ngài La Thập dịch).

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 78

Lũng lệ: trong các sách đều không thấy ai viết chữ này, mà do người dịch mượn âm để lấy ý. Tuy trong kỳ vận viết bộ tâm thành chữ này. Chữ lệ ở dưới, nghĩa thuyết nói Lũng lệ là người quật cường, dù khóc lóc cũng khó mà lay chuyển họ, hai chữ này đều bộ tâm, kinh viết bộ nhân là sai.

Hội nọa: chữ dưới là bộ thị, bộ nhơn, kinh viết bộ nhục là không thành chữ.

Tu phát: chữ này chỉ viết bộ hiệt là cái đầu và bộ sam. Thời ấy dùng chữ tu bộ thủy và bộ hiệt là sai. Chữ tu trong văn cổ hai chữ thủy âm hải. Chữ phát, Cổ Dã Vương nói phát là tóc, Thuyết Văn gọi là tóc.

Ky phi:

Đề khắp: chánh viết... Ngọc Thiên nói khóc không ra nước mắt, Thuyết Văn gọi là hào.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 79

Cổ khách: Đổ chú tả truyện nói: cổ là mua, Trịnh Huyền chú nói: ở trong thị trường, ngồi bán gọi là cổ.

Ải đạo: Quảng Nhã nói ải là hiểm trở, vôi vàng. Trịnh chú lễ ký nói: ải là hẹp hòi, bộ phù âm ích. Đổ Dự nói: chỗ đất hiểm trở không bằng.

Triền lỏa: Khảo Thanh nói: triền là nhiều quanh, câu thúc, Thuyết Văn gọi là bó buộc, dưới là lỏa, Cổ Dã Vương nói lỏa giống như cái bao, Thuyết Văn gọi là cái bọc, trên dưới đều bộ y, ở giữa là bộ quả.

Thương bàn: Khảo Thanh nói: Bị Thương, Thuyết Văn viết bộ nhận, chữ ban theo Khảo Thanh gọi là se, bộ mạch âm bàn.

Tiên sóc

Khiển tha đạt đa: tiếng Phạn gọi là tên một trong năm trăm Tỳ-kheo quyền thuộc đề-bà-đạt-đa.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 80

(Hộ quốc Bồ-tát hội mười tám, hai quyển. Tam-tạng Quật-đa dịch.)

Dung tiêm: Khảo Thanh nói: trên dưới đều nhau, Vận Anh nói: dung là thẳng, bộ nhơn âm dung, kinh viết bộ nguyệt là sai, tiêm là nhỏ bé.

Hận lệ:

Tản xuất: Trang Chu nói: tản là bỏ, rơi rớt, đuổi ra, bộ thủ âm tản, kinh viết bộ nhơn là sai.

Kịch khô:

Bất xan: Khảo Thanh nói: xan là nuốt, Thuyết Văn gọi là nhai.

Hồng hạc: hồng là loài chim bay theo bóng mặt trời. Mao Thi nói con lớn gọi là hồng, con nhỏ gọi là nhạn, đều là loài chim dưới nước, thuộc loại ngỗng, hạc trắng là chim lành, tiên nhơn cỡi nó thì sống hơn ngàn năm, lại có loại hồng hạc là loại bình thường, đều là loại màu xanh hồng, gọi là hồng hộc, thân hình như con vẹt mà nhỏ, cũng là loài chim nước.

Câu-khẩn-la: cừu gọi là câu-chỉ-la, là tên của một loại chim ở Ấn, Trung Hoa không có.

Tiêu toái: là tiêu tụy, hóc hác.

Trướng khiếp: Thiên Thương Hiệt nói: trù trướng là thất chí, Thuyết Văn nói trướng là buồn bã, Quảng Nhã nói khiếp là mạnh, Thuyết Văn gọi là bất phục, đều là chữ hình thanh.

Bì nang: là cái túi có đáy.

Gân cốt: ôm cân, bộ trúc, bộ nhục, bộ lực. Thuyết Văn gọi là sức mạnh của cơ bắp, có sách viết bộ thảo bộ nguyệt là sai.

Tuần lưu: Khảo Thanh nói: nước chảy gấp. Phiêu hồi: Thuyết Văn nói phiêu là nổi.

Tý sủng: sủng là đều, thẳng.

QUYỀN 81: không có âm khó.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 82

(Úc-Già trưởng giả hội mười chín, một quyển,
Khương Tăng Hội nhà Ngụy.)

Thường thành

Úc-già: tiếng Phạn là tên của một vị trưởng giả. Hà đảm: đảm là gánh.

Kiều thuyền: kiêu là cầu, bộ mộc.

Hồ hoa: hồ còn gọi là hươc, Quế uyển nói hoa là âm ý.

Khẩn chế: Thuyết Văn nói khẩn là dẫn, bộ huyền dưới ngư, chế theo Cổ Dã Vương chế cũng như khẩn, Thuyết Văn nói dẫn mà túy, hoặc viết chữ chế bộ thủ. Nay văn kinh viết chữ thế là sai.

Tài hồi: Khảo Thanh nói hồi là của cải, hoặc viết chữ hồi bộ nhật.

Trịch trực: trịch trực cũng như bồi bồi, không tiến không lùi.

Miêu từ: âm chính là tên của con mèo, Khảo Thanh nói một loại trùng lông nhạt, hình nó như con vật người ta nuôi để bắt chuột, Thuyết Văn viết bộ trĩ, văn kinh viết bộ khuyển.

Trách phạt: Mao Thi truyện nói: trích là trách, Quách chú Phương ngôn nói: giận trách lẫn nhau, lỗi lầm, bộ ngôn âm thích. Chữ dưới là âm phạt, bộ võng, bộ ngôn bộ thốn.

Thế đăng: Khảo Thanh nói thế là thêm, có thể leo lên, chữ đăng theo Khảo Thanh gọi là bực tam cấp.

A-luyện-nhi: tiếng Phạn, chết không đẹp. Cựu gọi là A-lan-nhã, Đường gọi là chỗ thanh tịnh.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 83

(Vô Tận Phục tạng hội hai mươi. Hai quyển,
Tam-tạng Bồ-tát Lưu Chi dịch.)

Khẩn trắc: Quảng Nhã nói khẩn là chí thành, tin chắc, bộ tâm. Trắc, Quảng Nhã gọi là xót xa, Thuyết Văn gọi là bi thống, bộ tâm âm tắc.

Tâm kiên: Chu lễ Trọng Xuân Chiêu Hậu sư nội ngoại mệnh chu nuôi tầm ở Bắc giao. Khảo Thanh gọi là loại tầm nhả tơ, Thuyết Văn gọi là kén tầm, bộ trùng âm tạm. Kiên, lễ ký nói thế phụ mất, tâm phụng luôn để tỏ bày lòng mình với chồng, tầm làm xong đem dâng kiên. Thuyết Văn gọi là áo tầm kiên, bộ mục, bộ trùng.

Tổng tập: Khảo Thanh nói: hợp lại, kết tơ lại. Thuyết Văn nói, người dệt tơ gọi là tổng, bộ mịch âm tôn.

Tài kiến: Thuyết Văn gọi là vừa thấy.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 84

Tật đồ: Thiên Thương Hiệt nói: đó là dưa vạy, Thuyết Văn gọi là lén lút.

Chế thẳng: còn có âm là xé, nay lấy âm đầu, Thuyết Văn gọi là héo, bộ thủ âm chế. Thẳng là sợi dây.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 85

*(Huyền sư Bạt-đà hội hai mươi mốt, một quyển do Ngài
Bồ-đề Lưu Chi dịch.)*

Giảo thức: Khảo Thanh nói: giảo là sơ lược, Trịnh Huyền nói: giảo là thấy, Nhĩ Nhã nói là phải nên, Quảng Nhã gọi là hiểu, hoặc viết chữ có bộ thủ.

Biển chú: Khảo Thanh nói: mưa rưới khắp gọi là chú, đọc lược âm thụ. Văn kinh viết chữ chú có bộ vũ là sai, chính là người viết nhầm. Theo vọng tưởng của mình, chữ chữ này hoàn toàn không có.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 86

*Đại thân biến, hội thứ hai mươi hai, hai quyển, Tam tạng
Bồ-tát Lưu Chi dịch.*

Niếp kiêm tỉ: Phương ngôn nói niếp là leo lên, Thuyết Văn gọi là dẫm đạp. Khảo Thanh nói đi mà không bén gót, cũng gọi là tỉ nghĩa là giầy.

QUYỂN 87: không có âm khó.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 88

Ma-ha Ca-diếp hội hai mươi ba, hai quyển, nguyệt Bà-thư-na dịch.

Nhất tiên thủy: mượn dùng, chánh thể viết bộ ngọc âm tiên. Lễ Ký nói tước, dùng chén ngọc, hạ hậu thị gọi

là tiền. Ân gọi là tiểu, Chu gọi là tước, phương ngôn nói trản là cái chén, Quách Phác cũng nói cái chén nhỏ nhất, văn kinh viết bộ dậu là sai. Tập Huấn nói: tiền là chén gạn rượu đục và rượu trong, không phải nghĩa kinh.

Đoạt thủ: Quần Thư tự yếu nói: chữ đoạt là bộ đại, âm đoạt là ý nói con chim lớn có chân, tay cầm con chim mà bị giựt mất gọi là đoạt. Văn kinh viết chữ đoạt có bộ thốn ở dưới và bộ lục ở trên là rất sai. Lại có sách viết bộ khuyên là không thành chữ.

Qua đả:

Tê trì: Khảo Thanh nói: cầm của cái đưa cho người, Thuyết Văn gọi là đưa đi, bộ bối âm tê.

Ngạt tử bào phê: đều là chữ tạm mượn, chánh thể viết bộ xỉ. Tập Huấn nói chân rằng. Lại nói há miệng thấy răng, Ngọc Thiên nói: răng khít, Khảo Thanh nói ngai tử là chó cắn lộn, răng không đều. Chữ ngai là bộ xỉ âm nhai, chữ phê bộ khẩu và bộ khuyên, Thuyết Văn gọi là chó sủa.

Tật đồ: bộ nữ âm nạch, văn trước đã giải thích, văn kinh viết một bên chữ hậu là sai. Chữ cầu là đúng, chữ hậu trong dịch là sai ý kinh.

Điên đảo: Khảo Thanh nói điên cũng như đảo, bộ nhơn âm điền, văn kinh viết chữ điên bộ sơn là sai. Sơn là đỉnh núi nên trái ý kinh.

Nhan mạo: Khảo Thanh nói mạo là dung nghi xem, hoặc viết chữ mạo bộ hiệt. Nay kinh viết bộ khuyên viết chữ lang là sai. Ngọc Thiên nói: Ngan. Thuyết Văn gọi là lang là tiếng chó tru, rất trái ý kinh.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 89

Thiết điệp: Văn kinh trước đã giải.

Dương phát: Tập Huấn nói: dòng sông, Mao Thi truyện nói bề cả mênh mông.

Huyền nại: Thuyết Văn nói kẻ làm trò tự khoe mình nơi đường sá, bộ hành âm huyền. Mai, Thuyết Văn gọi là bán, bỏ của ra, bộ xuất âm mai. Văn kinh viết bộ thổ, bộ từ, tục dụng nhầm. Chữ mai là bộ vông.

Bạch điệp: Khảo Thanh nói: áo lông, áo hoa cỏ, bộ mao âm điệp, văn kinh chỉ viết chữ điệp là sai, chữ này là vật đựng đồ.

Chiêm miến: Mao Thi truyện nói: chiêm là ngắm nhìn. Miến,

Khảo Thanh gọi là liếc.

Thê thóa: đều là nước dịch trong miệng.

Phi hữu: Thuyết Văn nói dùng mũi để ngửi gọi là hứu. Vận Anh nói: mũi ngửi hơi, bộ tỉ âm xú. Văn kinh viết bộ khâu là sai.

Di-đề-lệ: tiếng Phạn. Cô gọi là Di-lặc đều đọc lược sai. Chính Phạn âm, mỗi đất lý gọi là Từ Thị Bồ-tát.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 90

Ưu-ba-ly hội hai mươi bốn, một quyển, Bồ-đề Lưu Chi dịch.

Trắc lượng: Thuyết Văn viết chữ đồng là đúng, kinh viết bộ lý là giản lược.

Hạn hoại:

Hào không: chánh thể nói khiêu. Tập Huấn nói: tiếng gầm của hổ, bộ cửu bộ hổ.

Cao tướng: bay xa, âm trước đã dịch ở trước.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 91

(Phát Thắng Chí Lạc Hội thứ 25, hai quyển này do Bồ-đề Lưu-chi dịch.)

Văn lệ: văn là lau.

Huyền diệu: Thuyết Văn nói huyền cũng là diệu. Quảng Nhã nói huyền huyền là lửa rực sáng Giả chú Quốc Ngữ nói diệu là tỏ bày. Khảo Thanh nói nguyên rửa.

Triền hãn: Khảo Thanh nói: một thửa ruộng của người dân trong thành thị. Thương Hiệt Thiên nói, hãn là cái tường thấp. Thuyết Văn nói hãn là cái cổng làng.

Cỏ tiểu: Trịnh chú Lễ Ký nói: ky là quả trách Quảng Nhã nói. Xương kỹ: Thương Hiệt Thiên nói: xương là phường chèo. Thanh Loại nói xương là ưu. Thuyết Văn nói là lạc Khảo Thanh nói kỹ là công xảo. Tự Thư gọi là kỹ nghệ, tài năng bộ thủ.



NHẤT THIẾT ÂM NGHĨA KINH

Sa-môn Tuệ Lâm đời Đường soạn.

QUYỂN 15

(Âm Kinh Đại Bảo Tích từ quyển 92 đến 120 gồm 29 quyển).

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 92

白法羸 Bạch pháp luy: Vận Anh nói luy là gầy.

韻詮 Vận Thuyên gọi là yếu, bộ dương.

Nghị tạp:

世話 Thế thoại: Thuyết Văn nói: Bàn điều hay, Khảo Thanh nói thoại là điều hòa.

Kiều ngạo.

噪擾 Táo nhiễu: Cố Dã Vương nói: Táo là náo động, Khảo Thanh nói táo là tánh nóng nảy. Trịnh Huyền gọi là không an tịnh. Thuyết Văn nói là mau chóng, ngọc thiên viết bộ túc. Trong kinh viết chữ sâm là sai, nhiễu, Khảo Thanh gọi là nhiễu nhượng, do cái này mà phiên cái kia, bộ thủ âm nào, nay văn kinh viết chữ ưu là sai.

Cam giá.

Hận lệ là không thuận phục.

樊籠 Phiên lung: Khảo Thanh nói phân là lòng chim. Thuyết Văn gọi chữ Thửu là không đúng.

儘齧 Tẩn xích: Tư Mã Bưu chú Trang tử nói: Tẩn là vút bỏ. Sử ký nói gạt ra, chữ dưới là xích. Lưu Triệu Chú Công Dương Truyện nói, xích là chỉ lời nói. Quảng Nhã gọi là suy ra, Vương Dật chú Sở Từ nói mắng đuổi. Hứa Thúc Trọng Hoài Nam Tử nói: xích là gạt ra.

Khiển sáp: Chu Dịch nói khiển là khó nói, phương ngôn nói khiển là ăn, chữ sáp như Trọng Huấn giải đã nói ở trước.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 93

(Thiện Ký Bồ-tát Hội thứ 20.
Sáu quyển ngài La-thập dịch.)

Cách tý: Tập Huấn nói đi không bèn gót gọi là tý.

屍牀 Thí sằng: Thuyết Văn nói là đồ dùng an thân, kinh viết là sai.

澡罐 Táo quán: Vận Anh nói tác là rửa. Thuyết Văn gọi là rửa tay, bộ thủy âm hào. Nay văn kinh viết chữ sâm là sai, chữ này chẳng phải nghĩa kinh. Quán là bình đựng đầy nước sạch. Tập Huấn gọi là bình mức nước, bộ phữu âm quán, trong kinh viết bộ thủy là sai. Vì chữ này nghĩa là tưới chẳng phải nghĩa kinh.

Bút mặc: kinh viết chữ là sai. Tiệp tậ.

親判 Thân thích: Thích nghĩa là thân, gần. Văn kinh viết bộ nhân là sai.

形僂 Hình lục: Trịnh chú Chu Lễ nói: Lục là nhục. Giả chú Quốc Ngữ nói: Lục là giết, Khảo Thanh gọi là gia hình. Thuyết Văn viết bộ qua hoặc hộ đao, nay văn kinh viết bộ ti là sai.

文辭 Văn từ: Khảo Thanh nói: Nói lý bằng lời. Cổ văn viết, Thuyết

Văn giải tụng, viết bộ từ và bộ dương. Nay văn kinh viết bộ là sai.

Khổ não: Thuyết Văn nói: Não là, đau khổ, kinh văn viết chữ là sai, chẳng phải ý kinh, vọng tình của kẻ hạ ngu vọng viết như vậy.

Thiên nhãn

Đầu nhiên: trong kinh viết là sai vậy.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 94

Nhục đoàn: hoặc viết chữ, văn kinh viết chữ là sai, sũy chẳng phải nghĩa kinh.

Giả tá: Văn kinh viết chữ là sai. Vì chữ giả này là họ người. Tịch tịnh

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 95

(Thiện Thuận Bồ-tát Hội thứ 20.

Bảy quyển do Tam Tạng Lưu-chi dịch.)

Trưởng nhiên:

Thức luyện: Chẳng phải chữ luyện có bộ ngôn mà viết là, Khảo Thanh nói là lựa chọn tinh xảo hoặc viết chữ có bộ thủ. Nay văn kinh viết chữ có bộ kim, nghĩa là nung luyện đồng, vàng, sắt, chẳng phải chữ này.

Biến thái: Khảo Thanh nói, thái là không thường hằng. Tập Huấn nói là dung mạo yếu điệu, bộ tâm âm

năng.

Hồi Hóa: Khảo Thanh nói hồi là tài sản hoặc viết chữ hồi.

Tư mạn: Không chú Thượng Thư nói: Tư là tràn, Khảo Thanh nói là nhiều.

Hằng quả: (quái) đều là chữ thông thường, Khảo Thanh nói quả là treo, dùng.

Tương khiêm.

Túc đập: Là chữ thông tục, âm này là thập, nghĩa là giẫm trên đất dính là viết chữ. Khảo Thanh nói thập là nhón lên.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 96

Du yển: Khảo Thanh nói, yển là tiệc rượu, Vận Anh nói: lời nói chuyện lúc uống rượu hoặc viết chữ.

Nội ngỗ: Nghĩa là bình sành chưa nung, thấy trong văn Tự Tập Lược nói, hễ bình chưa nung mà gặp mưa thì sà ra, văn kinh dùng nghĩa chữ thúy (giòn, rã)

Thanh xí: Tự Thư nói Thanh là chuông, Khảo Thanh nói Thanh cũng là xí, bộ vi âm thanh.

Khôi hội

Như tích: Tích là phân chia, vốn từ bộ mặc và bộ phiến.

Sứ hà: Vận Anh nói sứ là nhanh gấp, bộ mã âm sứ hoặc viết chữ nay văn kinh viết chữ thành là sai, âm quyết là tên của loài ngựa, chẳng phải nghĩa kinh.

Đoàn thực: Trịnh chú Chu Lễ nói: Đoàn là tròn,

Khảo Thanh nói đoàn là nắm bắt. Mao Thi Truyện nói đoàn là hội tụ, bộ thủ âm đoàn, nay theo nghĩa đoàn thực nghĩa là các vị hòa nhau.

Đàm ẩm.

Biên lạc: Lưu Triệu Chú Công Dương Truyện nói biên là đan xen Thương Hiệt Thiên nói biên là sắp xếp. Thuyết Văn gọi là thư giản. Loại Thanh nói là lấy dây nối vật lại.

Song kích: Là chữ thông tục, chính là viết bộ Tự Thư gọi là giúp cho nhà có ánh sáng. Song ở trên tường gọi là cửa sổ, ở trong phòng gọi là song, chữ cổ tượng hình, nay lệ thư viết chung chữ song. Lại nói chung với, Khảo Thanh nói nay ở phòng có hai song thẳng, chữ hích...

七竅 Thất khiêu: Trịnh chú Lễ Ký nói: Khiêu là lỗ, Trịnh chú Chu

Lễ nói: Thuyết Văn nói khiêu là khoảng không.

Bì khóa

續籟 Hội lan: Vận Anh nói hội là thịt vữa, bộ tịch đọc lược chữ.

中泚 Trung di: Vận Anh nói, di là nước mũi.

眼眇 Nhãn si: Vận Thuyên nói si là ghen. Thuyết Văn gọi là nước dịch trong mắt.

磨瑩 Ma oánh: Vận Anh nói: mài châu ngọc, oánh là làm cho nó sáng.

慰狐狼 Ủy hồ lang: Vận Anh nói ủy là trâu nằm, Khảo Thanh gọi là cho ăn.

Khóa huyền: Khổng chú Thượng Thư nói: ngạo

nghe quá mức. Mật pháp gọi là lời hoa mỹ không thật, bộ ngôn và văn kinh viết chữ chữ thông tục là sai, chữ dưới (đã giải) thích.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 97

(Ưu-đà-diên Vương Hội thứ 29.

Một quyển do Tam Tạng Lưu-chi dịch)

Câu-diệm-di: Câu này là tiếng Phạm, không tìm chữ nghĩa. Tên của một nước thuộc Trung Ấn Độ. Lúc Phật tại thế, nước này có vua tên Ô-đà-na, Đường dịch là xuất ái, Cổ dịch là Ưu-đà-diên, hoặc Ưu-điền Vương.

Cảnh hạng: Thương Hiệt Thiên nói: Cảnh là trước cổ, hạng là ở sau cổ. Thuyết Văn gọi là cổ, đều từ bộ hiệt.

Bị ách: Ách là cái vai xe, ách là trở ngại, kinh viết chữ là chữ thông tục chánh thể phải viết bộ ho và.

Nhủ bồ: Hứa Thúc Trọng chú Hoài Nam Tử nói trong miệng mớm thức ăn cho trẻ. Khảo Thanh nói thức ăn ngậm trong miệng như chim con nó ăn, bộ khẩu âm bồ, văn kinh viết bộ thực là sai, chữ vốn âm bộ.

Mậu dịch: Nhĩ Nhã nói mậu là chợ, Cổ Dã Vương gọi là giao dịch.

Hào khiêu: Tả Truyện nói tiếng gầm của loài lang sói. Thuyết

Văn nói hào là gầm hét, khiêu, Quảng Nhã gọi là kêu, Tự Thư nói là hô, Thuyết Văn gọi là hồng.

翳荼迦 Ê-trà-ca (tiếng Phạm) một loại trùng, ăn

phân như bộ hung.

注膊 Chú bạc: Văn kinh viết chữ là sai. Tự Thư đều không có chữ này.

Diêu sư.

Thiên thế: Tiên là nước miếng, văn kinh viết chữ di là sai.

Thương lâm: chữ sử dụng lúc bấy giờ. Thuyết Văn viết chữ là thương, chữ tượng hình, chữ thập và, như cửa sổ, cửa chính trong nhà nay lệ thư thêm bộ hòa.

梗軾 Canh thức: canh: Thương Hiệt Thiên nói là vô trấu. Thuyết Văn nói là cám bộ hòa âm quảng. Khảo Thanh nói thức là ủ thóc.

顛仆 Diên phó: Tự Thư nói diên là đổ xuống, cử chân chữ hiệt, hoặc bộ nhân viết là diên đảo kinh viết hai chữ chân là sai lầm, chữ phó ở dưới, cùng âm với chữ phó bộ tảo, Khảo Thanh nói phó là nằm ngựa.

游泳 Du vịnh: Du, Khảo Thanh nói trôi theo dòng nước, bộ thủy.

Vịnh, Mao Thi Truyện nói lặn, Nhĩ Nhã nói vịnh là du. Quách Phác nói ẩn tánh dưới đáy sông, bộ thủy âm vịnh.

跳躑 Khiêu trịch: khiêu là nhảy, trịch cũng nhảy.

謊湯 Hoạch thang, (đã giải) ở đầu.

Thiệt táo: Tự Thư nói táo là cái máng ngựa.

鐵 Thiệt tủy: Vận Anh nói tủy là mỏ chim, Vận Thuyên cũng nói là mỏ chim.

Thám trác

澹喂 Đường úy: nghĩa là lửa than nóng.

銛利 Tiêm lợi:

洋獐 Dương đồng:

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 98

(Quyển này có hai hội. Diệu Tuệ Đồng Tử thứ 30.
Hằng Hà Thượng Thư 31 đều do Bồ-đề Lưu-chi dịch.)

Tự hoại: còn có âm là tử. Tự Thư gọi là tưới, thấm vậy. Xu xiêm.

Phổ hợp: Khảo Thanh nói hợp là hòa vậy. Trang hiệu: là trang sức.

Xuyên tạc: Thuyết Văn nói xuyên là thấu qua bộ nha ở dưới bộ huyết, là chữ hội ý tạc, Khảo Thanh nói đeo gổ làm đồ dùng Thuyết Văn nói là đeo gổ.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 99

(Vô Úy Bồ-tát Hội thứ 31,
hai quyển nay do ngài Phật Đà-phiên-đa dịch.)

寶屨 Bảo cước: Thuyết Văn nói cước là giày đan bằng gai, là từ chữ lý. Nay văn kinh viết bộ túc là sai.

陝劣 Hiệp liệt: Hiệp là nơi hiểm trở, bộ phụ âm hiệp, văn kinh viết bộ khuyên là dùng sai, hiệp tập là chữ nói về chó ngựa, chẳng phải nghĩa kinh.

篋麻 Bê-ma: Khảo Thanh nói Bê là tên của loại cỏ cây nó giống loài trùng trong thân trâu nên lấy đó đặt tên,

bộ thảo, nay văn kinh viết bộ trùng, đều chẳng phải chữ này.

躑躅 Trịch xúc: (đã giải) ở quyển 82.

小髮 Tiểu phát: Tụ Thư nói, cột tre thả trôi trên mặt nước.

Văn kinh viết chữ phiệt là chữ thông tục chẳng phải chánh thể.

大鮑 Đại bạc: Thuyền lớn đi trên biển gọi là bạc.

一韝 Nhất đích

女得 Nữ đắc: Văn ba đoạn sau đều viết chữ nữ đều nói là 若舐. Nhược thi: Thuyết Văn nói lấy lưỡi gắp vật, hoặc viết, đều là chữ cổ. Kinh viết chữ là sai, chưa rõ xuất xứ. Nhược hứ: (đã giải).

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 100

(Vô Cầu Thí Bồ-tát thứ 33.

Một quyển năm phẩm do Trúc Pháp Hội dịch.)

Thê phát: Thuyết Văn nói thê là râu ria, bộ tu âm đệ, lớn là râu nhỏ là ria.

眼絢 Nhãn huyền: Kiểu nháy mắt gọi là huyền.

Lũng giai.

Bác trông: Bác là bắp chân, bộ túc âm duyên. Thuyết Văn nói chữ chuyên viết bộ thốn ở dưới hoặc viết, chữ dưới là trông.

Kỳ lân: Là loài thú có điềm lành, trên đầu có sừng,

(ở trước đã giải thích).

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 101

(Công Đức bảo Hoa Bồ-tát Hội, thứ 34 và Nhập Thiện Trụ ý hội thứ 39 cùng một quyển).

射術 Xạ thuật: Xạ: Thuyết Văn nói bắn cung, tên vào thân từ tầm xa, bộ thân và thốn. Thốn là pháp độ hoặc viết bộ. Chử thuật theo Hàn Thi nói: Thuật là pháp thuật. Trịnh chú Lễ Ký nói thuật là đạo thuật kỹ nghệ. Thuyết Văn nói là đạo trong áp bộ hành âm thuật.

鬱多羅僧伽 Uất-đa-la Tăng-già: (tiếng Phạm) tên của chiếc y Tăng. Tức là y bảy điều, là chiếc y thường mặc trong ba y. Cũng gọi là thượng y thấy trong Nam Hải Ký Quy Truyện.

欄楯 Lan thuận: Thuyết Văn nói lan là lan can. Tung gọi là lan, hoành gọi là thuận.

乞匄 Khất cái: Vận Anh nói cái cũng như khất. Thuyết Văn viết trên bộ nhân dưới, người xin của cái gọi là khất cái, văn kinh viết chữ miến là trái ý kinh.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 102

(Thiện Trụ Ý Thiên Tử hội thứ 3 quyển)

剗身 Oan thân: Ngọc Thiên nói oan là khoét vạy. Thương Hiệt Thiên quyền là lấy. Quảng Nhã nói quyền,

oan đều đồng nghĩa.

割股 Cát cổ: Khổng chú Thượng Thư nói cát là cắt, Nhĩ Nhã nói lát là xé ra. Quảng Nhã nói cát là đoạn lìa, cắt đứt, chữ hình thanh. Cổ, Trịnh Tiễn Mao Thi nói: vốn là Thuyết Văn nói Cổ là đuôi vể, bộ nhục âm thù, hoặc bộ cốt.

紡流 Phương lưu: Vương Dật chú Sở Từ nói: Phương là dòng sông.

Quảng Nhã nói phương là chảy ràn rụa. Thuyết Văn gọi là mưa rào, đó là chữ hình thanh.

羈羅 Ki-la: Vương Dật chú Sở Từ nói: Ky là cái dầm đầu ngựa. Tự Thư nói: Ràng giữ. Khảo Thanh nói cái dầm đầu ngựa. Từ bộ vòng bộ cách và mã, đây là chữ hội ý. Văn kinh viết chữ là dùng sai chữ nay là trái nghĩa kinh. Hai chữ Ky-la đều bộ võng.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 103

輦軒 Liễn hiên: Chu Lễ Hoàng hậu ngồi xe năm đường liễn. Trịnh Huyền nói: Làm bánh nhẹ người ta kéo đi, chữ Hiên, Khảo Thanh nói là an xa. Đỗ Chú Tả Truyện nói là xe của Đại phu. Thuyết Văn nói là cái xe uốn hình cong hai bên có màn che.

迫迮 Bách trách.

Hôn mạo: Thuyết Văn nói mạo là già, Đỗ chú Tả Truyện gọi là loạn. Khúc Lễ nói tám mươi, chín mươi gọi là mạo, là chữ chuyển chú.

羸瘠 Luy tích: Tự Thư nói luy là yếu, gầy, chữ tích

ở dưới. Theo Hà Hưu Chú Công Dương Truyện nói: Tích là bệnh, ngôn ngữ người Tề Khảo Thanh gọi là xấu, hoặc viết bộ nhục.

离妒 Ly đồ: đồ trong kinh viết là sai.

諠猥 Huyền ôi: Huyền hoặc viết là đều đúng. Trịnh chú Lễ Ký nói: Huyền là râm rĩ, Quảng Nhã nói là tiếng chim kêu. Văn kinh viết chữ là chữ thông tục, cổ văn viết là chữ hội ý. Ôi, Quảng Nhã nói ôi là nhiều, Thương Hiệt Thiên nói ôi là tạp nhạp, Thuyết Văn gọi là tiếng chó, bộ khẩu âm úy.

有膊 HỮU bác: Văn Tự Tập Lược nói Bác là bả vai. Thuyết Văn viết bộ cốt. Văn kinh viết bộ nguyệt là sai âm bô là nem chẳng phải nghĩa kinh.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 104

鬚髮 Tu phát: Khảo Thanh nói, phát là tóc. Thuyết Văn nói là tu là lông mặt, bộ hiệt là cái đầu bộ sam giống như lông, phát là lông dài trên đầu.

世除 Thế trừ: (đã giải) thích đủ trong quyển 100.

阿蘭 A-lan-noa: là cách đọc trại của tiếng Phạm, đời Đường dịch là nơi thanh vắng cách thôn xóm năm dặm.

拂去 Phát khứ: Khảo Thanh nói phát là phủi là trừ bỏ

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYÊN 105

Bã bậu: Khảo Thanh nói bậu là cây gậy lớn, xúc khô: Thuyết Văn nói khô là đông đất. Phóng quyên: Thuyết Văn nói quyên là vớt bỏ. Văn kinh viết là chữ thông tục.

蘧告 Cừ cáo: Đồ chú Tả Truyện nói: Cừ là sợ hãi. Cô Dã Vương nói: cừ là vội vàng. Thương Hiệt Thiên gọi là nhanh chóng, Giả chú Quốc Ngữ gọi là mau lẹ. Trịnh chú Lễ Ký gọi là chết. Từ bộ cự văn kinh viết chữ xú là sai. Thuyết Văn viết bộ hồ bộ trĩ.

昔愆 Tích khiên: Khảo Thanh nói khiên là lỗi lầm. Từ bộ xích bộ tâm âm khiên. Văn kinh viết là sai.

粉馥 Phần phức: Thuyết Văn nói loại cỏ mới mọc mùi thơm tỏa khắp, bộ thảo âm phân. Văn kinh viết là sai, chính là điềm lành, chẳng phải nghĩa kinh phức, Hàn Thi nói phần phức là vẻ thơm tho, bộ hương đọc lược âm phức.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYÊN 106

A-xà-thê Vương hội, hội Đại thừa phương tiện thứ 37, ba trăm tám mươi ba quyển.

Năng quyên.

Thính hứa Phật tinh. Thính cũng là cho phép.

Đề thính nhi thính: Chữ thính là chữ thanh, nghĩa là cung kính lãnh thọ lời dạy. Ở văn sau y theo âm này không giải thích lại.

一搏食 Nhất đoàn thực: đoàn ở trước đã nói.

躋地 Tích địa: Tập Huấn nói tích là khèo cả hai chân

bộ túc âm tích, văn kinh viết bộ nhân là sai, chính là chữ, Khảo Thanh nói không dài không ngắn, cử chỉ khinh dị chẳng phải chữ tích là ngã. Thật trái với nghĩa kinh.

頓世 Đồn thế: Bộ hiệt âm đồn, đồn đình đồn, kéo lôi Vận Thuyên nói, vật kéo nằm, bộ thủ âm thế

瞿夷 Cù-di: (tiếng Phạm) không cầu chữ nghĩa là tên mẹ của La-hầu-la, hoặc nói là Da-thâu-đà-la, nay nói là Cù-di cô dịch nhân.

窟中 Quật trung: Văn tự âm nghĩa nói quật là cái thắt trong lòng đất, bộ huyết, là chữ hình thanh, hoặc viết bộ thê

Quỷ tích: Tập Huấn nói quỷ là cái hòm lớn, là cái hộp, bộ phương âm quý, chữ dưới là tích bằng xan tiếc.

所虧 Sở khuy: Khảo Thanh nói khuy là thương tổn, là rơi rụng.

Thuyết Văn gọi là khí tổn từ bộ và, kinh viết chữ hứ là không thành chữ.

祝術 Chúc thuật: Cổ Dã Vương nói: Thệ chúc chủ yếu thờ quỷ thần để cầu gia hộ. Thuyết Văn viết bộ thị bộ nhân và khẩu.

肉團 Nhục đoàn: Mao Thi Truyện nói đoàn là hội tụ Thuyết Văn nói là tròn trịa, bộ vi bên ngoài, bên trong là chữ chuyên. Văn kinh viết chữ suy là sai nghĩa kinh.

爪齒 Trảo xỉ: Vận Thuyên nói trảo là móng chân, tay. Thuyết Văn gọi là ngón. Lại nói cho tay là trảo. Văn kinh viết thêm bộ thủ là sai chính là chữ hình thanh, chữ xỉ, Thuyết Văn gọi là xương hàm trong miệng, giống hình răng, là thượng thanh.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 107

Nhân đằng khả lai. Văn kinh viết là nhằm chữ lại từ hai bộ nhân, vốn đọc lược chữ túc.

Bảng bi: Chính là từ bộ phiến viết thành. Khảo Thanh nói tám gỗ trơn láng bằng phẳng, chữ bài cũng từ bộ viết thành.

匍匐 Bồ phục: Khảo Thanh nói: Tay chống đất đứng dậy. Thuyết Văn nói đi bằng tay (bò), bộ bao, chữ hình thanh.

勇銳 Dũng duệ: Cố Dã Vương nói: Duệ là lạnh lẽo. Quảng Nhã nói duệ là bén. Thuyết Văn gọi là nhọn, bộ kim âm duyệt, chữ dũng nghĩa là sức mạnh.

右脇 Hữu hiệp: bộ nhục, ba bộ lược.

猊 獅 Đâu thuật: tiếng Phạm: Lỗ chất bất thiết, chánh Phạm âm là đồ sử đa, Đường dịch là tri túc (trước đã dịch rồi).

炔慢 Kiêu mạn: Tự Thư nói ngạo mạn không cung kính xa-nặc là tên người hầu Thái tử Tất-đạt.

犍陟 Kiên-trắc: tên của chú ngựa trắng mà Thái tử cỡi, hai chữ đó đều là tiếng Phạm.

障閼 Chương ngại: Thuyết Văn nói chương là ngăn trở, bộ phụ, chữ hình thanh. Văn kinh viết bộ áp thành là sai. Vì chữ này là tên của quận áp, lại là chữ bình thanh (chương), chữ ngại là chữ thông tục, chính là viết bộ thạch. Khảo Thanh nói ngại là ngăn ngại là dừng lại, là cự bộ Thạch âm nghi.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 108

修舍佉女 Tu-xá-khur nữ: (tiếng Phạm) là tên của cô gái chăn trâu, lúc Như Lai mới thành đạo, nàng dâng một bát sữa.

浣縵 Uyển diên, văn kinh trong quyển 9 (đã giải) thích đây đủ là loại áo múa.

Phác địa: Nghĩa là vỗ tay phải xuống đất cảnh tỉnh địa thần làm họ biết được những khổ hạnh thuở xưa của Như Lai là chân thật bất hư.

蹙煇 Xúc huyên: Khảo Thanh nói, nhắm mắt lại, phóng tầm nhìn ra xa, bộ mục âm tuần. Văn kinh viết chữ Thuấn cũng được.

洹服 Hào phục, Khảo Thanh viết chữ Tập Huấn nói hào là phỏng theo bộ nhân âm giao, văn kinh viết chữ là nhâm.

賈人 Cỗ nhân: Văn y theo sách này đọc là Cỗ. Tọa bản gọi là giả sai.

逡茅 Thoan mao: Vận Anh nói thoan là cái dùi, văn kinh ở đoạn trong quyển 6 đã dịch đủ rồi. Mà văn kinh này viết hai chữ đều sai, văn sau có chữ thoan nghĩa là cầm dùi nhọn cũng giống âm này.

刺殺 Thích sát: Khảo Thanh nói thích là đâm chém bằng dao, cũng có âm là thứ Tự Thư gọi là giết, là gây tổn thương, bộ đao âm thích, chữ sát theo Thuyết Văn gọi là tàn sát là cách thức. Từ bộ âm, văn kinh viết là nhâm.

Khư-đạt-la Thích: (tiếng Phạm) là tên của loại cây gai độc.

腳蹋 Cước đạp: Thuyết Văn nói cước là cẳng chân, từ bộ nhục âm khước, văn kinh viết chữ khứ là chữ thông tục, chữ đạp ở dưới Khảo Thanh gọi đạp: giẫm lên, bộ túc âm thập. Văn kinh viết là sai. Chẳng phải chữ đạp là giẫm lên.

木𩇛 Mộc vu: Khảo Thanh nói vu là cái chén lớn. Một là loại chén không có chân, kinh viết chữ là sai, là loại bồn rửa, ngày xưa có nữ ngoại đạo đem buộc vào bụng để phỉ báng Phật, không nên dùng loại chậu lớn để tắm rửa.

Kỳ-hoàn: (tiếng Phạm) là tên của một tỉnh xá ở Tây phương. Tiệm trung: Tiệm là cái nường nhỏ xung quanh vườn.

彰露 Chương lộ: Không chú Thượng Thư nói: Chương là tỏ rõ, Giả chú Quốc Ngữ nói là rõ rệt. Khảo Thanh gọi là hiển lộ Mao Thi Truyện gọi là biểu. Thuyết Văn viết bộ sam, là chữ hình thanh, văn kinh viết bộ áp, áp là tên truyện, chẳng phải chữ này.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 109

(Hiền Hộ Trưởng Giả Hội thứ 39)

嫩花 Nộn hoa: Khảo Thanh nói, nộn là nhỏ, yếu ớt hoặc viết.

牀榻 Sàng Thập: bộ mộc bộ tường. Thập là ghé xếp mà dài.

Thuyết Văn viết âm.

被褥 Bị nhục: Luận ngữ nói: Bị là áo ngủ dài nửa người, Khổng An Quốc nói: Nay bị là tấm mền. Cổ Dã Vương gọi là cái áo đắp, Khảo Thanh nói nhục là tấm áo bông thêu, bị nhục đều là chữ hình thanh.

倚枕 Ỡ chẩm: Theo chữ này nghĩa là dùng gấm thêu làm cho vật mềm, đặt xung quanh hoặc dựa hoặc nương vào nên gọi là Ỡ chẩm.

Hỏa hoàn bồ: Hoàn là chữ thông tục, chính là viết. Khảo Thanh nói: Hoàn là tắm rửa, dùng chân gọi là cán, bằng tay gọi là sáu, Lưu Triệu Chú Công Dương Truyện nói: Trạc gọi là xấu, bỏ đi cái xấu bản cũ gọi là cán. Văn kinh viết chữ là sai. Khảo Sát Kỷ trong Sơn Hải Kinh, Quát Địa Chí Thập Châu Ký. Thần Dị Kinh. Bác Vật Chí Bào Phác Tử v.v... đều nói Diêm Châu Phương Nam có núi Hỏa Lâm mọc cây không linh, đêm ngày lửa lớn luôn thiêu đốt, gió mạnh không thổi tắt, mưa lớn không dập nổi. Vỏ và hoa của giống cây này đều có thể làm vải, mà vải bện bằng cỏ thì thô mà được làm bằng hoa thì mịn. Lại có hỏa hoàn thú, hình nó giống như con chuột, nặng đến một trăm cân, lông dài 3, 4 tấc, màu trắng mịn như tơ, thường ở trong đồng lửa và đỏ như lửa, chốc lát chạy ra ngoài, kinh nói có cầu bản, nếu giặt bằng nước tro, cả ngày vẫn không sạch được. Nếu để vào lửa đốt thì đỏ giống như lửa, trải qua dùng chốc lát rồi lấy ra thì sạch hết bụi bặm trắng như mới, nhân đó gọi là hỏa hoàn. Bào Phác Tử nói hỏa hoàn bồ gồm ba loại vỏ cây, hoa và lông thú.

Ma trừ: Trừ là vải mịn, chữ hình thanh.

姿態 Tư thái: Tập Huấn nói: Tư là dung nghi. Tư Thư nói Tư là thù mị Thương Hiệt Thiên nói Tư là dung mạo. Thuyết Văn gọi là thái độ, bộ nữ âm thứ. Văn kinh viết bộ tâm là sai, lại là khứ thanh, chữ tứ nghĩa là phóng túng, trái với nghĩa kinh. Chữ thái, theo Lã Thị Xuân Thu nói: Thái độ tình kiến. Khảo Thanh thì gọi là ý thay đổi bất thường. Thuyết Văn nói thái là bước đi chậm rãi. Thuyết Văn đều viết bộ xước, chữ hình thanh.

或憑 Hoặc bằng: Âm bằng, bằng là khứ thanh, bằng là tựa ghé hoặc viết, kinh viết là giả tá, chẳng phải chữ này.

匹偶 Thất ngẫu: Trịnh chú Lễ Ký nói Thất là đôi. Quảng Nhã gọi là xe ngựa. Nhĩ Nhã gọi là hợp. Hoài Nam Tử nói năm thước là số đo thông thường của một người. Lấy năm thừa tám mươi lăm, tám mươi bốn thành thất. Thuyết Văn nói là bốn trượng. Chữ ngẫu, Quảng Nhã nói ngẫu là đôi là hai, là số âm. Trịnh chú Lễ Ký nói song, Giả chú Quốc Ngữ nói là một đôi. Thuyết Văn gọi là đồng nhân.

嫡婦 Đích phụ: Khảo Thanh nói, đích là chánh là trưởng là quân.

Tự Thư nói chánh vĩnh. Thuyết Văn gọi là chúc, bộ nữ âm thích.

寬墻 Khoan khoáng: Thuyết Văn nói khoan là nhà rộng bộ miên âm khoan. Mao Thi Truyện nói khoáng là hư không. Thuyết Văn nói là lớn, bộ Thổ âm quảng. Văn kinh viết bộ nhựt là nhằm.

羹臠 Canh hoắc: Nhĩ Nhã nói mai muối gọi là canh. Cô Dã Vương nói điều hòa năm vị gọi là canh, Vương

Dật chú Sở Từ nói có rau gọi là canh, không rau gọi là hoắc. Thuyết Văn viết có bộ nhục âm hoắc.

𥽿量 Canh lượng: Thanh Loại nói, loại lúa không có nhựa. Thuyết Văn nói canh là thuộc loại lúa, bộ hòa âm hàng. Văn kinh viết chữ là chữ thông tục. Chữ Lương ở dưới theo Khổng chú Thượng Thư nói cát chứa lương thực. Thuyết Văn gọi là lúa, bộ mễ âm lượng, hoặc viết đều là chữ thông tục.

塵埃 Trần ai: Trang Tử nói trần là bụi bặm. Thuyết Văn nói là đất Hành Dương, bộ lộc bộ thổ vốn là viết ba bộ lộc, là chữ cổ Nay Lệ Thư bỏ đi hai bộ lộc thêm vào bộ thổ, chữ Ai, Vương Dật chú Sở Từ nói ai cũng là bụi bặm, Thương Hiệt Thiên nói bụi bay tung mù. Thuyết Văn cũng viết là bụi bộ Thổ âm hý.

樓櫓 Lâu lô: Nhĩ Nhã nói hình bốn cạnh vuông cao gọi là đài giáp, uốn khúc gọi là lâu. Thuyết Văn gọi là nhà tầng. Đỗ chú Tả Truyện nói Lô là cây giác lớn dùng để chống đánh với địch.

填噎 Điền ế: Văn kinh viết chữ điền bộ thổ, hoặc từ bộ nhân viết chữ yết, hai chữ, đó đều sai. Thuyết Văn nói điền là bế tắc, bộ huyết âm chân. Thuyết Văn nói ế là ngọn com. Khảo Thanh nói, hơi tắt ngay cuốn hầu, bộ khẩu âm ế, hoặc viết bộ thực.

卑驛 Ty tôn: Thuyết Văn nói từ chữ giáp và chữ tả Tự Thống nói gọi giáp đứng bên trái là ty vậy, chữ hội ý. Thuyết Văn nói tôn là thuận, bộ tâm âm tôn.

不完 Bất hoàn: Thuyết Văn nói hoàn là hoàn toàn.

𢇛 𢇛 Hải vạt: Thông thương chẳng dùng chữ này, chánh thể viết chữ

韓理 Ngoa lý, ngoa là loại giày ủng, Quảng Nhã nói giáp sa, hoặc gọi là hài, đều là ngôn ngữ địa phương của người đi.

Thân súc: Hàn Thi nói súc là tự kiềm lại mình Giả chú Quốc Ngữ nói súc là lui lại. Thái Huyền Kinh nói là dừng lại. Thuyết Văn nói là co rút lại bộ mạch âm túc.

Noãn hác: là vỏ trứng.

Tý bác: Chữ chánh thể viết bộ cốt, văn kinh viết bộ nguyệt là sai.

Yêu khê: Văn kinh viết chữ chánh thể viết. Tập Huấn viết, hoặc, Vận Anh viết.

Tác kiên: Thuyết Văn nói kiên là ác tơ tằm, bộ mạch bộ trùng và miết. Văn kinh viết chữ nhĩ là không thành chữ

Tiểu táo: Là tên của loại trái cây, kinh gọi là táo tây. Thuyết Văn viết hai chữ.

Tiên-ma-phù-tri: (tiếng Phạm) Trong kinh tự chú giải tùy ngôn chân nguyệt.

Chỉ tan: Là mở trong bụng.

Tủy huyết: Thuyết Văn gọi là mở trong xương. Tư tiêu.

Lao canh: Tự Thư nói lao là kiên cố. Bộ cách chữ, văn kinh viết Hy nhụ, văn kinh viết chữ là sai.

Chỉ nhị:

Hữu trám: Trám là ngon ngọt Ông uất là rừng cây rậm rạp.

Không bị: Mao Thi Truyện nói dùng ngựa gọi là không, lại nói là dẫn bộ thủ âm không Biên ký

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 110

(Hiền Hộ trưởng giả)

崩倒 Bạng đảo: Bạng là sụp, đảo là ngã.

箭鏃 Tiễn thốc: Thuyết Văn nói tiễn là thất, vốn là tên của một loại trúc. Vì lấy loại trúc này làm mũi tên nên gọi thất là tiễn. Quảng Nhã nói thốc là cái mũi tên bịt sắt, thốc là bén.

Độc đích: Theo từ độc đích nghĩa là giọt thuốc độc. Thuyết Văn nói là giọt nước rơi. Thuyết Văn viết bộ thủy âm thích. Văn kinh viết chữ đế là sai.

Xuyên tức: Xuyên là hơi thở ra vào, Quảng Nhã nói sự vận chuyển.

Thuyết Văn nói hơi thở mạnh.

Tha-đà: (tiếng Phạm) trong kinh Tỳ Chử Giải.

Nhĩ đáng: Tỳ Thương nói xô tai. Thích Danh nói: Xô lỗ tai để đeo trang sức.

Tý xuyên: Xuyên nghĩa là lấy vàng bạc để làm vòng trang sức đeo vào tay chân. Tỳ Thư nói đeo vào chân gọi là vòng, đeo ở tay gọi là xuyên.

Oa lệ: Oa, Khảo Thanh gọi là méo miệng. Lệ là uốn khúc, con chó ra khỏi nhà hạ thân uốn lại, trong đại kinh viết chữ hệ là sai là kết, buộc sai với nghĩa kinh.

Cúc mẫn: Cúc là chữ thông tục, chính là viết chữ Tỳ Thư nói ở trong tay là cúc. Thuyết Văn nói làm hai tay đối nhau là chữ tượng hình.

Tháp tọa: Thích Danh nói cái giường hẹp mà dài.

Tương khai: Khảo Thanh nói khai là xoa.

Ký tuần mã: Quách Chú Mục Thiên Tử Truyện nói: là tên xưng tốt đẹp của loại ngựa còn gọi là nhanh chóng. Thuyết Văn gọi là ngựa hiền là chữ hình thanh.

Đao sóc: Chữ này là chữ thông tục chánh thể là cái mâu dài, là loại binh khí tinh nhuệ. Trong kinh viết chữ người cận đại tự tạo ra. Tự Thư không có chữ này.

Bang giáo: Thuyết Văn nói bang là viết, thanh loại đọc lược chữ. Ngọc Thiên nói là nhiều sắc, chữ giáo nghĩa là màu đen trắng xen nhau.

Dung đồng: là lò nung luyện kim loại. Du thạch: là một chất kim loại.

Tích liệt: Quảng Nhã nói tích là phân ra. Trịnh chú Lễ Ký nói tích là bủa ra. Cố Dã Vương nói là lấy tay vỗ kêu lên tiếng.

Lợi phủ: Tự Thư nói phủ là cái rìu. Thuyết Văn nói là cái búa bửa củi, bộ cân âm phụ Nay văn kinh viết chữ này có hai âm hình thanh và thượng thanh, Thuyết Văn nói là cỏ rom băm ngắn. Tự Thống nói cắt, Thương Hiệt Thiên nói cũng như đều chẳng phải nghĩa này y theo kinh phải viết.

Khiên văn: Thuyết Văn viết bộ mịch, bộ ngư và bộ huyền. Khảo Thanh nói văn là lôi kéo, bộ ngư và chữ miễn. Văn kinh viết bộ thủ là sai.

Oản đậu: Trong kinh không đúng chữ này nên không đáng y cứ.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 111

諛諂 Du siểm, giải thích rồi

犖瘼 Luy sáu: giải thích rồi

乞匄 Khất cái

髦牛 Mao ngư: Ở trong (đã giải)

白挑 Bạch thiêu

度量 Độ lượng

羃以 Phân dĩ: Thuyết Văn nói phân là bụi trần hoặc viết là trần ô.

Hà đảm: Thuyết Văn nói đảm là gánh vác.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 112

A-duy-việt-trí: (tiếng Phạm) Cổ dịch là chất văn, hoặc nói là A-tỳ-bạt-trí. Đường dịch là bất thối chuyển.

Tự loại.

路迦勁 Lộ-ca-da kinh: (tiếng Phạm) Hán gọi là ác luận nghị chính Phạm âm Lộ-dà-da-đề-da. Ở đây chính là thuận thế ngoại đạo tùy thuận pháp chấp trước mà phàm tình thế gian đã nói là thường là có v.v... .

Qua đả là roi ngựa.

易與 Dị dữ:

擾動 Nhiều động: Nhiều là loạn, bộ thủ âm nác.

悲嚎 Bi hào: Thuyết Văn nói hào là gầm rống, chữ hào cũng có nghĩa là khóc lớn, chữ này từ bộ khẩu âm hào, chữ là bộ bạch âm bốn, văn kinh viết chữ tự và tân là sai, chính là chữ tội trong văn cổ Chùy trung.

紹尊 Thiệu tôn: Nhĩ Nhã nói Thiệu là kế tiếp. Mật Pháp Công nói: Kế thừa địa vị của người xưa gọi là Thiệu, bộ mịch âm chiêu.

蒼蠅 Thương dăng: Chữ văn kinh viết là sai, không có chữ này, chữ băng, Phương Ngôn nói là tự buộc mình lại. Thuyết Văn nói là loài trùng có bụng lớn, bộ trùng âm mãnh.

拷掠 Khảo lược: Khảo Thanh nói: Khảo là giả, đập, Khảo Thanh nói là đánh đòn, là cướp lấy, bộ thư chữ Lương, hoặc viết.

馳騁 Trì sính: Đỗ chú Tả Truyện nói: Sính là rong ruổi. Quảng Nhã đuổi chạy. Thuyết Văn nói là thân ngay thẳng (chạy thẳng một mạch) bộ mã âm thỉnh.

逐塊 Trục, khối:

瞠塞 Ê tắc:

曾恶 Tăng ó

癰瘡 Ung sang;

除鬢 Trừ thê: Thông thương viết chữ, nghĩa là cạo tóc.

修髮 Tu phát: Thuyết Văn viết là chữ hội ý, hai chữ đều từ bộ tiêu, là chữ chuyển chú.

Xúng thử

藻没 Phiêu một: Trôi trên dòng sông.

藥囊 Dược nang: Nang là cái túi, có đáy.

坏船 Phôi thuyền: Chén sành chưa nung.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 113

Bảo Lương Hội

龔恪 Cung khác: Thuyết Văn nói cung là thành khăn, bộ tâm âm cung, Khổng chú Thượng Thư nói khác là kính cần. Thuyết Văn viết bộ tâm âm khách.

聽著 Thính trước: Thính là trên cho phép dưới. Văn sau có chữ thính phục, ngã thính v.v... y theo âm này.

Tọa lậu: Quảng Nhã nói tọa là ngắn. Vương Dật chú Sở Từ nói lậu là nhỏ, Cố Dã Vương nói lậu là xấu. Thuyết Văn gọi là chỗ đất hiểm.

Sy tiêu: Quảng Nhã nói sy là khinh, loạn. Hàn Thi nói là chí ý hòa vui, bộ trùng và kinh viết bộ là sai. Thuyết Văn viết là hý tiểu, chữ tiểu xưa nay đều nói tiểu là vui vẻ Thuyết Văn nói chữ Văn Tự Thích Yếu nói: Bộ trúc âm yêu.

Thế thóa:

離阨 Ly ách: Thuyết Văn nói ách là hạn ngại, hiểm trở Từ bộ phụ, chữ là bộ hộ và ất, nay tục viết bộ Hán và là sai. Sai nhầm đã lâu. Văn kinh phần nhiều viết bộ hoặc thành. Tự Thư gọi là giữ đầu, chẳng phải nghĩa này.

捫淚 Môn lệ: Khảo Thanh nói: Môn là sờ bắt, mò, là phui, bộ thủ âm môn. Quảng Nhã nói lệ là khóc ra nước mắt, bộ thủy âm lệ.

搏如 Tồn như: Trịnh chú Lễ Ký nói bác là chắc chắn, Khảo Thanh gọi là nắm lấy. Quảng Nhã nói là cầm. Thanh loại nói là bắt.

槽滓 Tào chỉ: Trịnh chú Lễ Ký nói tào là hèm rượu ủ trong gọi là thanh không trong là tào. Thuyết Văn gọi

là cặn rượu, bộ mẽ âm tào, Khảo Thanh nói tể là dơ uế, cặn.

門箭 Môn tráp: Là cái rương đựng kinh sách, bộ trúc âm giáp.

拘攔茶 Câu-lan-trà: là tên loài hoa ở Thiên Trúc, hoa này màu đỏ tươi sáng. Thân nó cứng cáp như gỗ đá, mùi nó hôi, dính vào không chịu nổi.

生稗 Sanh bại: tên một loại cỏ, giống lúa mà chẳng phải lúa.

穉生 Toại sinh: Vận Anh nói toại là bông lúa hoặc viết chữ Bộ sinh: Cố Dĩ Vương nói: Hậu sanh chậm trễ.

Cơ phì: Khảo Thanh nói cơ là da thịt. Tự Thư nói phì là thịt nhiều.

Sang vưu: Khảo Thanh nói. Bướu mọc ngoài da, cục thịt lồi, hoặc viết, tục xưng là Long hầu tử.

倩他 Thanh tha: Vận Anh nói: mượn công sức của người khác, nên gọi là thanh tha.

修治 Tu trị: Có khi cũng viết là

鞭打 Tiên đả: Quế Uyển Châu Lâm nói: Đánh người tội bằng roi da. Thuyết Văn nói là cái roi.

Trách phạt: Khảo Thanh nói trách cũng như phạt.

Đinh lân: căn cứ theo kinh hợp với chữ này. Nay trong kinh không viết những chữ này chưa rõ âm nó.

Phân hoàn: hoặc viết chữ như chữ hoàng, trong kinh viết chữ là sai. Thuyết Văn viết hai chữ này đều là chữ cổ, do người bấy giờ dùng ít. Ngọc Thiên nói phân là phân, dơ uế.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 114

(Bảo Lương - Quyển Hạ)

Tề cơ:

Chương lộc: có sừng gọi là nai, không có sừng gọi là chương, nai nhỏ.

Du xiêm: văn kinh phần nhiều viết là sai, âm dụ - Khứ thanh. Sáu khẩu: đều chung với Vận Anh, nghĩa là lấy nước súc miệng, bộ thủy âm tấu, tịnh điều.

Phân tảo: Là tên của y nạp, văn kinh viết chữ là tạm dùng.

Chương phong: ngăn giữ sự chướng ngại của phong địa.

Viết bạo: ánh mặt trời. Thuyết Văn viết.

Văn mạnh: Đều là loại trùng cắn người biết bay.

Mạc tử: là loại trùng biết bay ở trong phân hoàn trọc.

Thiện xuyết: Giả chú Quốc Ngữ nói xuyết là liên tiếp.

Thuyết Văn gọi là kết lại.

Thiện phùng: Thuyết Văn nói lấy kim khâu áo, bộ mịch âm phùng.

Trán: Khảo Thanh nói: áo sứt chỉ, hoặc viết bộ Thuyết Văn viết.

Kim lữ: Thuyết Văn nói lữ là rơi tơ, sợi gai.

Khinh tháo: Giả chú Quốc Ngữ nói tháo là nhiều nhưng. Cố Dĩ Vương nói là loạn động. Trịnh chú Luận Ngữ nói là không an tĩnh.

Thuyết Văn viết chữ này với bộ âm táo.

Giải đãi...

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 115

(Hội Vô Tận Giới Bồ-tát)

跋陀婆羅 Bat-đà-bà-la (tiếng Phạm) là danh hiệu của một vị Bồ-tát trong hiền kiếp. Đời Đường dịch là Hiền Hộ.

波利質多拘毘陀羅 Ba-lợi-chất-đa Câu-tỳ-đà-la: (tiếng Phạm).

Đường dịch là Viên Sanh. Theo Câu-xá Luận nói: phía Đông bắc ngoại thành Dao-lợi thiên cung có cây viên sanh, cao một trăm do-tuần, là chôn thù thắng để vua Tam Thập Tam Thiên thọ hưởng dục lạc. Hoa cây này nở hương thơm theo gió có thể bay đến hơn một trăm du-thiện-na, ngược gió còn có thể xông khắp năm mươi do-tuần, vì nhánh cây này tỏa rộng khắp.

絢林 Trừu lâm: Quảng Nhã nói trừu là đặc, Thương Hiệt Thiên nói là đồng. Thuyết Văn nói là nhiều. Bộ hòa âm chu. Còn có tên các loài hoa, mà ở nước này không dịch ra nhiều.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 116

(Hội Văn-thù-sư-lợi)

金曠 Kim khoáng: Thuyết Văn nói là nguyên chất của đồng sắt.

Chùy đả.

抱初生 Bào sơ sanh. Thuyết Văn nói là sinh khí trên nét mặt.

Theo kinh nói, bào là vỏ trời lên sắp ra hoa, kinh viết chữ, là sai.

Ánh triệt: Khảo Thanh nói triệt là nước trong thấy thấu đáy, bộ bộ và, kinh viết bộ xích chữ thanh là sai.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 117

(Bảo Kiết Bồ-tát Hội - Trúc Pháp Hộ dịch)

淳菽 Thuần thúc: (đã giải) ở trước.

逴成 Đãi thành: Vận Anh nói đãi là đến, kinh viết là sai, âm lục là đi gấp với nghĩa kinh.

那洟 Na-thuật: (tiếng Phạm) lỗ chắt, chính là nói pháp số Na-dũ-da.

瘳愈 Suru dĩ: Không chú Thượng Thư nói: Suru là bệnh khỏi.

Khảo Thanh nói: Hết bệnh gọi là dĩ.

Câu-tỏa: là danh hiệu của một vị Bồ-tát.

溥首 Phổ đầu: cũng là danh hiệu của Bồ-tát.

柔美 Nhu mỹ: Khảo Thanh nói nhu là mềm yếu, tục viết là sai.

Văn kinh viết là dùng sai trái với nghĩa kinh.

Đạt-đạp-hòa: Càn-hoạt-bà.

呵修倫 A-tu-luân: A-tu-la.

伽留羅 Ca-lưu-la: Chim cánh vàng.

摩陀羅 Ma-đà-la: Khẩn-na-la

羅睺勒 La-hầu-lặc: Ma-hầu-la-dà như tên của chư thiên. Từ khi Phật pháp được truyền sang phương Đông, trong quá trình phiên dịch, đời Tây Tấn, dịch rất vụng về

無央 Vô ương: kinh viết là sai.

寶髻 Bảo kế: Trịnh chú Nghi Lễ nói: búi tóc. Nay văn kinh viết chữ là sai.

焦冥 Tiêu minh: Thuyết Văn viết bộ bộ và kinh viết chữ là sai.

閑葭 Nhàn hạ: Tự Thư nói Hạ cũng như nhàn, bộ nhựt âm giả Khí quyển: Vận Thuyên nói quyển cũng như khí (vứt bỏ).

饑瑕 Ý hà: Khảo Thanh nói ý là tiếng kêu bi thương.

儋鉞 Đam bạc: Khảo Thanh nói đánh là đỉnh, bạc là an, túc, đều từ bộ Tâm kinh viết bộ Thủy là sai nghĩa kinh.

Tộc tánh: kinh viết bộ thủ chữ là sai.

徇徇 Tuần tuần: Vương Tiêu Chú Luận Ngữ nói, tuần là dáng cung kính. Vận Thuyên nói là thuận. Quách Chú Nhĩ Nhã nói luôn tỏ vẻ lo sợ.

不洩 Bất hào: Khảo Thanh nói: hào là học, bất chúc hoặc viết tục viết, văn kinh viết là nhâm. Hiệu là tên chức quan ủy nhung.

Tiết tiết giải: âm giả là sai.

辰著 Ý trước: y cứ theo văn kinh trước sau, đúng là chữ y, kinh nói thân tâm không có nơi nương tựa. Lại

nói không có chỗ y trước. Lại nói bất y, nay đời còn nói bất y ngôn từ, đều là sách nương vào chữ hết sức sai lầm. Thuyết Văn viết là con chó, hoàn toàn chẳng phải nghĩa này, phần nhiều do sự truyền thừa của bút tích, ít y cứ vào văn tự sách vở, lạm viết chữ này, phải sửa theo chữ mới đúng.

駛始 Sữ thủy: Vận Anh nói: Sữ là nhanh chóng, bộ mã âm sử.

乏流 Phạp lưu: phạp là trôi, hoặc viết, chữ lưu viết bộ thủy bộ và xuyên, kinh viết lược.

殃𪔐 Ương sán: Vận Anh nói sán là tội lỗi, Khảo Thanh nói sán là hiềm khích. Thuyết Văn nói là tế

創疾 Sang tật:

這起 Giá khởi: một âm là nghiệm. Tự Thư nói nghiệm là đòn.

薄𪔐 Bạc tiền: Vận Anh nói tiền là ít.

短命 Đoản mệnh: Nay văn kinh viết bộ là sai, chữ, Thuyết Văn gọi là đồ đựng lễ cúng, nhiều chỗ trong kinh đều hợp với chữ

跂行 Xí hành:

Suyển tức. Quy bá

Thao thiết: Đỗ chú Tả Truyện rằng: Tham của gọi là thao, tham ăn gọi là thiết hoặc viết chữ

Tịch giả: Thương Hiệt Thiên nói tịch là đi không nổi.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 118

榆旬 Du-tuần: đọc nhầm tiếng Phạm, không âm hay,

xưa nói là do-tuần, do-diên, hoặc nói du nhàn na, đều không đúng. Âm Phạm là du-thiện-na, Tây Vực ký chép, xa giá vua đi một ngày ba mươi dặm.

玄洞 Huyền quỳnh: Nhĩ Nhã nói quỳnh là xa.

阻邃 Trở thúy: Khảo Thanh nói trở là đá núi gập ghềnh, cũng viết là hiểm trở. Vận Anh nói thúy là sâu xa.

抄掠 Sao lược: Sao là sao chép chữ, lược là đoạt lấy.

食啗 Thực đạm: đạm là mớm thức ăn cho người. Trong kinh viết chữ là chữ thông thường không phải chánh thể.

門闥 Môn khỏn: Trịnh chú Lễ Ký viết: khỏn là cái then cửa, văn kinh viết bộ. Thuyết Văn nói là chốt cửa, trái với ý kinh.

窓嶼 Song dữ

茵蓐 Nhân nhục: Trịnh chú Lễ Ký nói nhân cũng như nhục. Ngọc thiên nói da hổ làm nên. Thuyết Văn nói lót tám chiếu trên xe. Bộ thảo âm nhân, hoặc viết bộ. Quách Phác nói nhục là da hổ. Thanh loại nói nhục là loại cỏ.

浣筵 Uyển diên: kinh nói uyển diên là loại áo gấm của vũ công. Tự Thư nói uyển diên chính là đầu đội mũ trang sức. Thật trái với nghĩa kinh, phải sửa hai chữ thành để hợp với nghĩa kinh.

粗舉 Tô cử: Trịnh chú Lễ Ký nói: Tô là to, Cố Dã Vương nói tô là sơ lược.

撮上 Toát thượng: Toát là bóc lấy.

分之 Phần chi: Tự Thư nói phần là bụi bặm.

捷辯 Tiệp biện: Khảo Thanh nói tiệp là thông mẫn

là mau lẹ

nhanh chóng, khỏe mạnh.

𠂔匹 Trừu thất: Trừu cũng là thất, bộ nhân âm thọ
văn kinh viết bộ, chữ thất lại viết bộ hai chữ đều sai.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 108

(Thắng Man Phu Nhân Hội - Đường, Lưu-chi dịch.)

Kiều-tát-la-quốc, (tiếng Phạm) không tìm chữ nghĩa
tự dịch là vô đầu chiến thành, tức vùng Trung Thiên.

𦵏𦵏 Tâm diệc: Quảng Nhã nói diệc là cuối cùng.
Thuyết Văn nói diệc là kéo tơ, pháp ngôn nói diệc là kinh,
co duỗi.

Tế ư 輸彼 Du Bỉ: Tự Thư nói du là đi xa, cũng viết.

KINH ĐẠI BẢO TÍCH QUYỂN 120

Quảng Bác Tiên Nhân Hội - Đường - Lưu-chi dịch

拘枳羅鳥 Câu-chỉ-la-điều: đã giải thoát

伽陵伽鳥 Ca-lăng-già-điều: tiếng Phạm.

林藪 Lâm-tâu: Tự Thư nói đầm cỏ Trịnh chú Lễ Ký
nói đầm không có nước gọi là tâu.

那刺佗 Na-thích-đà: Tên của một vị tiên nhân.

蓬髮 Bồng phát: Phát là rối như chữ bồng.

卻埭 Khuước lập: Thuyết Văn viết bộ tiết và chữ cóc,
văn kinh viết bộ, là chữ thông tục. Thuyết Văn nói lập là

hạt gạo.

Tồn xứ:

傾慄 Khuynh lật: lật là lo sợ. 白繩 Bạch thăng: chỉ trắng. 枯燥 Khô táo: táo là khô rom.

三拒木 Tam cự mộc: còn gọi là Tam kỳ trượng, dài chừng hai thước, một đầu như cây cọc, một đầu có ba góc, góc cạnh dài hai, ba tấc, là đạo cụ đem theo bên mình, để bình nước. Căn cứ theo các Bà-la-môn tịnh hạnh ở Ấn Độ đều tôn phụng giới hạnh Vi-đà ấy. Mỗi khi cầm bình để gột rửa thân thể lấy cái tam cự mộc này cắm vào đất chỗ không bằng mà để bình nước vào, để nó đứng vững rồi rửa tay. Những kẻ du phương học đạo ở nước ấy đem Tam kỳ mộc bình bát theo bên mình.

賒謁羅 Xa-yết-la: (đọc nhầm tiếng Phạm) chính Phạm âm là lạc Yết-la, là tên khác của Thiên Đế Thích là chủ vị đi theo tên giác chủ.

擡眉 Đài mi: Vì có Tôn giả lông mi dài che cả mắt nên lấy tay trái đỡ lên.

携持 Huê trì: Huê là chữ thông tục.

鰓漠 Giả mô: loại trùng dưới nước, thuộc họ ếch.

鴟鳥 Si điều: là loại chim cú mèo.

甘庖 Cam chá: chá là loại mía ép ra để nấu thành đường.

尼拘多 Ni-câu-đa (tiếng Phạm) là tên của loại cây ở xứ Ấn, cây này thân thẳng không có nhánh nhiều, tròn trịa dễ thương. Cách đất ba trượng có nhánh hoa nó giống như liễu, ở đời Đường không có cây này nên nói nó là liễu thì sai.

雲涵 Vân hàm: Hàm là thấm ướt, mây dày bủa khắp.

壕塹 Hào tiêm: Khảo Thanh nói có cạnh quanh thành. Tiêm là con hào dưới thành

糧寧 Lương ninh: Thuyết Văn gọi là chứa thức ăn. Đỗ chú Truyện nói ninh là cất chứa. Thuyết Văn nói ninh là tích giữ Đê phòng.

風濤 Phong đào: đào là sóng lớn.

Ngưon-đà: ngưon là con ba ba. Sơn Hải Kinh nói Giang Thủy nhiều con đà này. Quách Phác nói nó giống con thằn lằn mà dài, lớn thì có vảy, da nó có thể làm trống.

鯨兒 Kinh nhi: Thuyết Văn nói: kinh là loại cá lớn dưới biển. Hoài Nam Tử nói, cá kinh chết thì sao chổi xuất hiện. Tả Truyện nói là loại cá lớn. Hứa Thúc Trọng nói nó là ma trong loài cá. Đỗ chú Tả Truyện nói nhi cá kinh cái. Thuyết Văn gọi là đâm cá, chữ hình thanh.

作挈 Tác kiên: Thuyết Văn gọi là áo tơ tằm.

纚七日 Tài thất nhựt: Vận Thuyên nói tài là chỉ

絁繩 Côn thẳng: Mặt đen xạm gọi là thẳng. Khảo Thanh nói là vết đen trên mặt.

Yêm địa: Khảo Thanh nói là trần.

Xu lệ. Mao Thi Truyện nói xu là sắc đẹp. Thuyết Văn gọi là hảo, phương Ngôn nói vào khoảng Triệu Ngụy, Yển nói hảo là xu.

Phúc hạt: Khảo Thanh nói phúc là cái tay hoa của xe. Cổ Dã Vương nói hạt là trục xe bằng sắt. Thuyết Văn gọi âm thanh của xe chạy.

轅軛 Viên ách: Hai càng ở phía trước xe, Thuyết

Văn gọi là cái đòn xe. Trịnh Huyền chú Khảo Công Ký nói: Cái đòn xe, phương Ngôn nói giữa Sở Vệ gọi viên là chú. Kinh viết là chữ thông tục. Trịnh chú Khảo Công nói Viên: Cánh xe để trâu kéo.

Lạc thẳng:

𩑦𩑦 Độc lữ, là xương đầu của con người.

腸废 Trường phế: Tràng, Bạch Hồ Thông nói vùng chính giữa ruột non và ruột già. Thương Hiệt Thiên nói là đường ruột. Bạch Hồ Thông gọi là tinh kinh tạng (phôi).

心脾 Tâm tỳ: Tỳ là lá lách.

肝媚 Can vị:

嗙𩑦 Xi vẫn:

Táo sức: Khảo Thanh nói táo là màu sắc, là văn chương. Khảo Thanh nói sức là trang điểm là khắc họa, chỉnh sửa. Quảng Nhã gọi là dán vào. Thuyết Văn gọi là ấn loát.

眺望 Thiếu vọng. Vận Thuyên nói, thiếu là nhìn xa. Ứng Chiêu Chú Hán Thư nói thiếu cũng như vọng. Thuyết Văn gọi là lờm.

軒𩑦 Hiên hàm: Vi Chiếu Chú Hán Thư nói Hiên là xe có hình cong hình mái hiên.

Điều tụy: Đỗ chú Tả Truyện nói điều là tan thương, Giả chú Quốc Ngữ nói điều là tồi tệ. Thuyết Văn gọi là bán thương: Khảo Thanh nói tụy là ốm xấu.

𩑦𩑦 Tề phá: Khảo Thanh nói tiếng đập phá.

勘室 Khâm thất: Khảo Thanh nói khoét vách đá trên núi làm cái thất.

刹住 Sát trụ: là cột cờ

吟哨 Ngâm tiêu: Trịnh Tiễn Thi nói: Uốn lưỡi thổi ra tiếng. Hàn Thi nói: ca hát mà không có chương khúc gọi là tiêu.

燕會 Yên hội: Khảo Thanh nói, hội tiệc vui vẻ hoặc viết là tụ hội.

Háo hý.

流涎 Lưu tiên: Tiên là nước dãi.

麼掇 Ma noa: Thuyết Văn nói noa là phát cỏ lại nói là hai tay xoa chà, bộ thủ, nữ, hòa.

聳然 Tủng nhiên: Quách Chú nói, tủng là sừng sững Tự Thư gọi là lông dựng đứng bộ nhĩ âm tủng.

傭長 Dung trường: Văn kinh viết bộ thành là

谁皴 Thùy trửu: Vận Thuyên gọi là da ngăn, Thuyết Văn nói da dúm lại.

鰲嫩 Lê nộn: Khảo Thanh nói, màu đen mà hơi vàng.

𦘒毛 Nhi mao: Khảo Thanh nói, lông bên má, hoặc viết, bộ sam âm nhi.

皇毯 Hoàng thảm: Khảo Thanh gọi là bện lông thành tám thảm, xuất xứ Thổ Phiên, thanh linh.

合懽 Hợp hôn: là tên của loại cây, lá cây này về chiều tối thì tự nhiên khép lại, tới sáng mai nở ra, ngày mở đêm khép lại, cho nên gọi là hợp hôn. (402)

糴糶 Tạt nhu. Ngược lại âm ni trụ 尼冑. Theo vận Thuyên tạt giải thích rằng: Chữ nhu 糶 cũng giống như tạt 糴 nghĩa là lộn xộn, lung tung. Theo văn nói cho rằng chữ viết từ bộ mễ 米, thanh nhu 柔.

彌樓山 Di lâu sơn tức là tu di lô sơn 須彌盧山. Điều

là tiếng phạm, chuyển âm sai. Đồi Đường gọi là diệu cao sơn 妙膏山, hoặc gọi là Diệu quang sơn 妙光山.

鎮壓 Trấn áp. Ngược lại âm trên là tri cân 知斤 trong kinh văn viết trấn 鎮 này Thanh khứ là sai. Ngược lại âm dưới là ảm giáp 黯甲 hoặc là viết giáp 桺 này cũng thông.

Hô hấp 呼翕. Ngược lại âm danh áp?. 邑 theo khảo thanh cho rằng: Hơi bên trong, uống vào hoặc viết hấp 吸 này, hoặc viết hấp 歛. Đây đều thông dụng.

碼瑙 Mã nào tên của loại đá quý, âm trên là mã 馬 âm dưới là nào 惱

鞞鐺羸鼓 Bê nao loa cô. Ngược lại âm trên là Bê mê 陛迷. Âm nao 鐺. Ngược lại âm nã hào 爻拏. Âm kế là lô hòa 盧禾 trong kinh văn viết luyên 蠡戀 văn thông dụng chẳng phải là chánh thể.

幪綱 Hiên cương. Ngược lại âm trên là hương yễn 香偃. Giải thích tên gọi là. Màn xe chỗ gọi là phòng ngăn của sức nóng. Theo thanh loại cho rằng. Màn trơn không có hoa văn, che xe, màn che xe.

方整 Phương chỉnh. Ngược lại âm chỉnh lĩnh 征郢 nghĩa rằng đều nhau.

臺榭 Đài xạ. Ngược lại âm tịch dạ 夕夜. Quách phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Là bậc thềm cao trong nhà. Lại gọi là trong phòng không kín. Gọi là xạ 榭.

花朵 Hoa đóa trên là chữ hoa 花 trong kinh văn viết hoa 華 này là chẳng phải. Ngược lại âm dưới là đa quả 多果. Theo khảo thanh cho rằng: không giải thích nữa, quyền trước bên cạnh giải thích chữ thùy 垂.

Hoặc là viết chữ đóa 朵 đã giải thích rồi.

Cương lưu 綱旒:. Ngược lại âm liễu chu 柳舟. Miễn giải thích.

Trước và sau. Thùy chu gọi là lưu 璫, là loại ngọc quý. Trong kinh văn viết lưu 旒. là viết lược. Chữ viết từ bộ ngọc 玉 thanh lưu 流.

跣踏 Tiên đạp. Ngược lại âm trên là tiên điền 前田. Âm dưới là đàm nạp 談納.

墟珙 Lô cung. Ngược lại âm trên là lô 盧, âm dưới là hội dũng 會勇

繪以 Hội dĩ Âm trên là hội 會. Khổng an quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Hội là vẽ lấy năm màu sắc, gọi là Hội 繪. Trịnh Huyền chú giải sách Luận Ngữ rằng: Hội là vẽ hoặc là viết chữ hội 績 này.

因陀羅 Nhân Đà La Tiếng Phạm. Tên khác của trời đế thích.

肚不亞 Đỗ bát Á. Ngược lại âm trên là đồ hộ 陡戶. Nghĩa là cái bụng.

. Ngược lại âm dưới là ô giá 烏嫁. trong kinh văn viết tư thảo 孳草. sách cho rằng không thành chữ.

伊跋羅象 Y bạt la tượng Tiếng phạm. Tên là Tượng Vương, là vị Thiên Đế Thích. Chỗ thường nhận là có đại thần thông.

暉艷 Huy diễm. Ngược lại âm diêm yễm 閻厭 văn thường hay dùng, chữ đúng thể là từ bộ, bộ hạp ? viết thành chữ diễm 豔. Chữ hạp? viết từ bộ đại 大 đến bộ huyết 血 cân hợp 合.

Thúy thảo? 草. Ngược lại âm thuyên tuế 詮歲. Chữ viết từ bộ nhục 肉. Đến bộ tuyệt 絕. Thanh tỉnh 省.

Trong kinh văn viết từ bộ nguy 危 là chẳng phải.

旒鎖 Lưu tỏa. Ngược lại âm lảng quả 桑果.

噸妒 Tồn đồ. Ngược lại âm tỳ dân 毘民. Nghĩa là cau mày. Âm đồ 妒

. Ngược lại âm đô cố 都固. Trịnh Huyền cho rằng: sắc hại ganh tỵ gọi là đồ 妒. Chữ viết từ bộ nữ 女, đến bộ hộ 戶. Trong kinh văn viết từ bộ thạch 石 hoặc là chữ đồ 后 này là chẳng phải.

驕倨 Kiêu cứ. Ngược lại âm cư ngự 居御. Nghĩa là ngạo mạn.

惶遽 Hoảng cứ. Ngược lại âm cư ngự 渠御. Theo vận thuyên tập cho rằng: Gấp rút, cấp tốc.

颯便. Táp tiện. Ngược lại âm tam tráp 三匝. Gọi là gió mạnh, hoặc là viết táp 颯.

Ủ tụy 萎. Ngược lại âm trên là ủy vi 委為, âm dưới là tình truy 情遂.

銜啄 Hàm trác Âm trác 卓. Theo văn nói cho rằng: chữ viết từ bộ khẩu 口, đến bộ thỉ 豕. Ngược lại âm sửu duyên 緣丑. Tức là cái mỏ con chim. Trong kinh viết bộ thỉ 豕, là chẳng phải.

掉舉. Diệu cử. Ngược lại âm trên là đình diệu 亭曜. Trong kinh văn viết chữ Đào 桃 là chẳng phải. Ngược lại âm dưới là cử 舉 tự 字. Dưới là bộ thủ 手. Trong kinh viết thủ 才, cũng là chữ thủ 手 này.

歔歔 Hư hy Âm trên là hư 虛, âm dưới là hy 希. Vương Dật chú giải sở từ rằng: Dáng mạo đang khóc. Hà Hưu chú giải công dương truyện rằng: rất khổ sở buồn bã, đều là chữ tượng hình.



TẤT CẢ ÂM NGHĨA KINH

Đại đường phiên dịch kinh

Sa Môn Huệ Lâm soạn.

QUYỂN 16

Kinh Âm Đại Phương Quảng Tam giới ba quyển.
Huệ Lâm soạn.

Kinh Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác hai quyển- Huyền Ứng.

Kinh A Di Đà, hai quyển- Huyền Ứng.

Kinh Vô Lượng Thọ hai quyển. Huyền Ứng một pho sắp lên.

Kinh A các Phật Quốc, hai quyển-Huyền ứng.

Kinh Đại Thừa Thập Pháp, một quyển Huệ Lâm.

Kinh Phổ Môn phẩm, một quyển, Huyền ứng.

Kinh Phật thuyết Bào thai, một quyển. Huệ Lâm.

Kinh Văn Thù Sư Lợi Phật Độ Nghiêm tịnh, hai quyển-Huyền ứng.

Kinh Đại Thánh Văn Thù Phật sát công Đức, ba quyển.

Huệ Lâm. Một pho sắp lên.

Kinh Pháp Cảnh, hai quyển. Huyền ứng.

Kinh Úc Ca La Việt vắn, một quyển.

Kinh Huyền Sĩ Nhân Hiền, một quyển. Huyền ứng.

Kinh Quyết Định Tỳ Ni, một quyển. Huệ Lâm.

Hậu Dịch ba mươi lăm Phật danh sám Hối, một quyển. Huệ lâm.

Kinh Phát Giác Tịnh Tâm, hai quyển. Huệ Lâm.

Kinh Tu Ma Đề Nữ, một quyển. Huệ Lâm.

Kinh Tu Ma Đề Bồ-tát, một quyển.

Kinh A Các quán nữ thuật Đạt, một quyển. Huệ Lâm.

Kinh Đắc Vô Cấu nữ (Kinh Ly Cấu Thí nữ) một quyển. Huyền ứng.

Kinh Ưu Trán Vương, một quyển. Huyền ứng.

Kinh Văn Thù Sở thuyết Phật cảnh giới, một quyển.

Huệ Lâm Hai mươi ba kinh trên ba mươi bốn quyển đồng âm quyển này.

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG TAM GIỚI QUYỂN THƯỢNG

Huệ Lâm soạn.

雜穀 Tạp cốc. Ngược lại âm trên là tài hợp 才合. Âm nghĩa quyển thứ tám trước đã giải thích đầy đủ rồi. Đây nói âm dưới. Ngược lại âm dưới là công ốc 公屋. Theo chữ tóm tắt cho rằng: cốc 穀. là tích chứa nhiều loại, cốc là tên một trăm loại thực vật quy về “ngũ”, tức là năm loại: Tắc thử, đậu, mạch, ma. Thuộc về tắc 稷. đó gọi là lúa dẻo, tức là bông lúa nếp là Huệ cốc”. Thuộc về thử đó gọi là “Tán cốc”. Thuộc về đậu gọi là Giác cốc. Thuộc về mạch gọi là Mang cốc. Thuộc về va gọi là thọ cốc, cho nên gọi là ngũ cốc. Theo văn nói cho rằng: Cốc đó là một trăm vật gọi là cốc chữ viết từ bộ hòa 禾 thanh cốc 穀.

膜豹 Mạc Báo Âm trên là mạch 陌. Trong kinh Sơn Hải nói rằng: con Mạc Báo. Quách Phác cho rằng: Mạc 膜. là loài động vật có vú, giống như con Gấu, mà nhỏ hơn, lông nó màu vàng, đen sáng và rất mịn bóng, đuôi ngắn, mũi lộ ra ngoài rất dài, có thể tự cho có đuôi da dày lông ít, chân trước bốn ngón, chân sau ba ngón, sinh sống ở vùng nhiệt đới, thường hay ăn măng tre trúc. Nhĩ Nhã cho rằng: Mạc là con báo trắng. Theo văn nói cho rằng: chữ viết từ bộ trĩ 豸. Trong kinh văn phần nhiều thoát đi. Chữ mạc 膜. đây. Nay bốn tiếng phạm sửa chữa lại, nên có cộng thêm văn chuẩn cho hợp thể văn. Ngược lại âm dưới là bao mạo 包貌. Theo văn nói cho rằng là loài thú, giống như con Hồ Có đốm có vằn đen, mà lại nhỏ hơn con hồ cũng viết từ bộ trĩ 豸. âm trĩ 豸. là âm trĩ 豸. Chữ báo báo 豹. đều là chữ hình thanh.

易馬 Dương Mã. Ngược lại âm trên là tường dưỡng 祥養. Trong kinh Sơn Hải cho rằng: Ở núi Đảo qua, có rất nhiều con tê dương. Quách Phác cho rằng: Là loại thú rất lớn, có màu sắc, hoặc là xanh, hoặc là trắng, mũi của nó dài giống như mũi heo mà lớn. Răng nó dài một trượng mà nhỏ, thân nó dài năm thước. Loại thú này tánh hay ghen tỵ. Theo văn nói cho rằng: Là loại thú có vú, tuổi thọ sống ba tuổi. Chữ tượng hình.

原羆 Nguyên Hô:. Ngược lại âm trên là ngô viên 虞袁, ngữ quan hai âm, đều thông dụng Nhĩ Nhã cho rằng: con Nguyên dương, giống như con Ngô dương. Quách Phác cho rằng: nó giống như con Ngô dương mà cái sừng lớn hơn con Sơn dương. Trong kinh viết Nguyên 沅. Đây là chẳng phải. Ngược lại âm dưới là đinh hề 丁

奚. Trong Mao Thi Truyện cho rằng: con đẽ dương can dê cái. Quảng phà cho rằng: con gà trống, con Ngô dương khi được ba năm tuổi thì gọi là Hổ dương đều chữ tượng hình.

俱鵒 Cự dục.: Ngược lại âm trên là cự ngu 具. hoặc viết câu 鵒. Âm dưới là dục 欲. theo chữ cự ? 鵒. Ngược lại âm dục tự 鵒似. cái lưỡi của chim và cái mõ. Trước con mắt sừng có lông, có hai cánh có đốm trắng có tên gọi khác là hàn cao 寒皋.

鵒之羅 Câu chỉ la. Âm trên là câu 俱. Ngược lại âm dưới là kinh dĩ 經以. Câu chỉ la 俱羅 đó là tiếng Phạm. Ở tây vực gọi là tên của một loài chim. Loài chim này tiếng hót rất hay, khiến cho người ta nghe cảm thấy rất vui mừng, văn thường hay dùng gọi là loại chim hót hay.

鵒雞 Hạt kê. Ngược lại âm trên là át 曷. Trong kinh Sơn Hải cho rằng: ở núi Huy chu có rất nhiều loại chim Hạt kê này. Quách Phác cho rằng: Giống chim trĩ, mà lớn hơn, trên đầu màu xanh, có màu trên đầu tính thích đá nhau cho đến chết, cũng gọi là con dẻo kê. Chữ hình thanh.

鵒鷲 Điêu thú Âm trên là điêu 鵒. Âm dưới là tựu 就. Trong kinh âm nghĩa quyển thứ hai trước kinh đại Bát Nhã, đã giải thích đầy đủ

這沙. Giá sa Tiếng phạm Ở tây vực gọi là tên của một loài chim.

Nước này không có loại chim này.

茹食. Như thực. Ngược lại âm Như hạp 如翫. theo sách Lễ Ký cho rằng: Loài chim ăn thịt thú. Cũng gọi là như âm, nghĩa là loài chim uống máu. Loài chim này

lông nó mịn mà mềm.

Khẩu chúc ca 緊祝迦: Tiếng Phạm, tên của vật quý báu. Ngược lại âm trên là kinh dẫn 經引, âm dưới là chung lục 終錄. Xưa dịch hoặc gọi là kiên thúc ca 堅叔迦.

毘醯勒: Tỳ ế lạc hình hê 馨奚. Ở tây vực gọi tên là cây Mạc. Nay gọi là tỳ lê lạc 毘梨勒.

豫樟. Dự chương Âm dưới là chương 章. Dự chương là cây lớn.

Trong Nam Trung Dị Vật Chú cho rằng: Sinh ra đến bảy tuổi mới biết. Nếu viết chữ chuyên 船 tức là cùng loại cây long nã.

牛棘 Ngưu cước. Ngược lại âm 矜力 căng lực. Ở Tây Trúc cho rằng: Tên của loài hoa lạ Theo văn nói cho rằng: Chữ viết từ hai bộ 束 thúc. Trong kinh văn viết từ bộ 來 lai là chẳng phải.

搆牛. Cấu ngưu. Ngược lại âm 古候 cổ hậu. Nghĩa dùng tay mà vắt sữa bò. Âm loát 捋. Ngược lại âm phồn quát 繁括. Theo Mao Thi

Truyện cho rằng: Lấy tay gỡ lấy vật rất mỏng đem ra. Chữ câu loát 搆捋. Hai chữ đều từ bộ thủ 手.

花鬘. Hoa mạn. Ngược lại âm mã ban 馬班. Chữ giả tá. Ngược lại vốn là âm di nhiên 彌然. Nay mượn chữ làm Hoa mạn, chữ mạn đó là ở nước Tây Trúc dùng làm dụng cụ trang nghiêm thân. Lấy sợi chỉ xỏ qua loại thảo mộc đó là hoa đàm, dùng năm màu sắc, không cần phải hỏi người con trai, người con gái cùng nhau làm trang sức trên đầu, giống như sợi dây thào buộc con dẫu vậy.

柔栗. Nhu nhuyển. Ngược lại âm nhi viên 而袁. Trong kinh viết nhuyển ? này là chẳng phải, vẫn dưới theo đây đều chuẩn.

清冷. Thanh linh Âm dưới là lịch đình 歷丁. Thanh linh là nước trong sạch vậy. Theo văn nói chữ viết từ bộ thủy 水, thanh linh 令. Trong kinh viết từ bộ băng 冰 là chẳng phải, nếu âm chữ băng 冰 là lặc đả 勒打 là chẳng phải ý nghĩa trong kinh.

其鬚. Kỳ tu. Ngược lại âm tương du 相與. Nghĩa là loại hoa Sen, chữ viết đúng là từ bộ sam 𠂔 viết thành chữ tu 須.

巢窟. Sào quật. Ngược lại âm trên là sài hào 柴爻. Theo văn nói cho rằng: Con chim đậu trên cành cây. Chữ tượng hình. Trong kinh viết từ bộ quả 果 là chẳng phải. Ngược lại âm dưới là khôn cốt 困骨. Đồ Dữ chú giải Tả truyện rằng: Quật là đào đất làm nhà. Theo văn nói chữ viết từ bộ huyết 穴 thanh khuất 屈, cũng có từ bộ mạch là chẳng phải.

傢靜. Gia tịnh. Ngược lại âm trên là tình diệc 情亦. Chữ cổ Theo văn nói chữ viết gia ?.

馳騁. Trì sính. Ngược lại âm dưới là sỉ dĩnh 恥郢. Đồ Dữ chú giải Tả Truyện rằng: Sính là chạy nhanh. Theo văn nói giải thích rằng: Là chạy thẳng. Chữ viết từ bộ mã 馬 thanh sính ?, âm sính. Ngược lại âm thất bình 匹筭.

戲弄. Hý lộng. Ngược lại âm trên là hư ký 虛記. Theo văn nói cho rằng: Chữ viết từ bộ qua 戈 thanh hý ?, âm hý. Ngược lại âm hứa nghi 許宜. Trong kinh viết từ bộ hư 虛 là chẳng phải. Ngược lại âm dưới là lộc đồng

祿慟. Theo văn nói cho rằng: Giỡn cợt vui đùa. Chữ viết từ bộ cung 升 đến bộ ngọc 玉, âm cung 升 là âm cung 拱.

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG TAM GIỚI QUYỂN TRUNG

搗打. Qua đả. Ngược lại âm trên là trúc qua 竹瓜. Theo văn nói cho rằng: Qua là đánh nện. Chữ viết từ bộ mộc 木 quá 過. Ngược lại âm dưới là đắc lạnh 得冷. Theo văn nói cho rằng: Là đánh gõ, đánh phá.

伽鎖. Già tảo Âm trên là da 加, âm dưới là tăng quả 桑果. Ngọc Thiên cho rằng: Liên kết với nhau. Theo văn nói cho rằng: Tảo 鎖鑰 là cái khóa móc xích. Chữ viết từ bộ kim 金 thanh tảo âm tảo đồng với âm trên. Trong kinh văn viết chữ da tảo 加璫, hai chữ đều là trong sách viết sai.

生释地獄. Sanh Thích Địa ngục. Ngược lại âm trên là thư hội 雌潰. Theo Vận Anh Tập cho rằng: Là đầu nhọn của cây, văn thường hay dùng, chữ chánh thể viết là thúc 束. Quảng Nhã cho rằng: Rắn cưa nhọn, cũng viết là chữ thích 刺 này, đều đúng, hoặc là viết sách 策, cũng viết giáp ?, những chữ này đều sai, chẳng phải chánh thể Chữ viết từ bộ đao 刀 thanh sách ?.

老耄. Lão mạo. Ngược lại âm mao bao 毛抱. Theo Vận Anh Tập cho rằng: Mạo 耄 là già. Theo sách Lễ Ký cho rằng: Tám mươi, chín mươi tuổi gọi là mạo 旄. Âm mạo đồng với âm trên. Trịnh Huyền chú giải rằng: Mạo

đó là mê muội hay quên. Theo văn nói cho rằng: Chữ viết từ bộ lão 老 thanh mao 毛.

貸財. Thái tài. Ngược lại âm trên là thang lạc 湯勒. Theo Tập Huấn Truyện cho rằng: Người vay mượn gọi là thái 貸. Theo văn nói cho rằng: Người cầu xin vật. Chữ viết từ bộ bối 貝 thanh vực 弋, âm vực là âm dục 翼 này.

頰蹙. Tần xúc. Ngược lại âm trên là tỳ dân 毘寅, âm dưới là tử dục 酒育. Theo Tập Huấn Truyện cho rằng: Cau mày, mà xúc là bức bách sâu giận, nổi giận khiến nét nhăn trên trán. Theo Khảo Thanh cho rằng: Nét nhăn trên mày, nghĩa là đôi mày châu lại, dùm lại, xúc là nổi giận khiến mũi co rút lại, mắt trợn ra. Theo văn nói cho rằng: Chữ xúc 蹙, viết từ bộ thích 戚. Ngược lại âm thanh diệp 青亦. Thanh túc 足, âm trứ 皺. Ngược lại âm tắc cứu 則救. Âm ngạch 額. Ngược lại âm an khác 安葛.

販賣. Phiên mai. Ngược lại âm trên là phát vạn 發萬. Chữ thống nhất cho rằng: Dùng tiền mua bán vật quý, gọi là sớm mua tối bán.

嫉妒. Tật đồ. Âm trên là tật 疾. Ngược lại âm dưới là đô cố 都固. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Hại người hiền gọi là tật 嫉, hại sắc gọi là đồ 妒. Theo văn nói cho rằng: Người phụ nữ ghen chồng. Chữ viết đều từ bộ Nữ 女 thanh tật hộ 疾戶. Trong kinh văn viết đồ 后 viết thành chữ đồ 妬 này là chẳng phải.

貯聚. Trữ tụ. Ngược lại âm chư lữ 豬呂. Đồ Dục chú giải Tả truyện rằng: Trữ 貯 là chứa, là tàng trữ cất giấu. Theo văn nói cho rằng: Là chứa nhiều. Chữ viết từ bộ

bồi 貝 thanh trữ 宁. Ngược lại âm dưới là tùng dụ 從裕. Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: Tụ ? là gom lại. Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Tập hợp lại. Theo văn nói cho rằng: Hội hợp. Chữ viết từ bộ chúng ? thanh thủ 取, âm chúng ? là âm ngâm 吟 từ ba bộ nhơn 人.

箱篋. Tương khiếp. Ngược lại âm dưới là khiêm diệp 謙葉. Trịnh Tiễn chú giải sách Lễ Ký rằng: Khiếp 篋 là cái rương rất kín. Âm giam? là âm hàm 咸. Theo văn nói cho rằng: Tương 箱 là loại rương lớn. Kháp 慙 cũng là loại rương nhỏ bằng tre. Văn cổ viết khiếp ? này, từ bộ phương 匚, âm phương 方 thanh giáp 夾.

矛刺. Mâu thích. Ngược lại âm trên là mẫu hậu 母候. Theo văn nói cho rằng: Mâu là cây thương, dài hai trượng. Nói theo đây là dùng loại thước cổ, tức là ngày nay nói thước đó là một trượng sáu tấc. Theo chữ mâu 矛 tức là chữ tượng hình. Ngày nay gọi là cây giáo dài, hoặc gọi là ngọn mâu. Âm dưới là thử tứ 此恣. Quyền trước đã giải thích rồi.

阿練兒. A luyện nhi Tiếng Phạm. Xưa dịch là chất thô không mịn mềm, cũng gọi là A lan nhã 阿蘭若. Đồi Đường gọi là chỗ vắng lặng tịch tịnh yên tĩnh.

滓穢. Tử uế. Ngược lại âm trên là ty sử 緇史. Bì Thương lại viết tử 滓 này. Theo văn nói cho rằng: Là cặn bã rượ. Ngược lại âm dưới là ư vệ 於衛. Bác Nhã cho rằng: Loài cỏ dại mọc hoang. Chữ viết từ bộ 禾 hòa. Theo văn nói cho rằng: Chữ viết từ bộ thảo 草.

財賄. Tài hối. Ngược lại âm dưới là khôỉ 猥 陸猥.

Nhĩ Nhã cho rằng: Hối là của cải tài vật.

罵詈. Mạ ly. Ngược lại âm trên là ma giá 麻嫁. Ngược lại âm dưới là ly trĩ 理稚. Theo văn nói cho rằng: Hai chữ đều cùng nhau hỗ tương nghĩa là răn đại nhắc nhở, đều bộ võng 网, võng là giống là kẻ có tội.

椎鍾. Chùy chung. Ngược lại âm trên là lương truy 良追. Theo văn nói cho rằng: Là cái dùi đánh gỗ. Chữ viết từ bộ mộc 木 thanh trĩ 佳.

涎唾: Diên thóa. Ngược lại âm trên là tường diên 祥延. Văn thường hay dùng cũng thông dụng. Chữ chánh thể viết từ bộ thủy ？ đến bộ khiếm 欠, viết thành chữ khiếm ？. Theo văn nói cho rằng: Nước dãi trong miệng, hoặc viết từ bộ Thủy 水, viết thành chữ diên 涎, cũng là văn thông dụng thường hay dùng. Ngược lại âm dưới là thổ ngọa 土臥. Giải thích chuẩn âm trên từ bộ thủy 水 thanh thóa 垂.

視睐. Thị lai. Ngược lại âm dưới là lai đại 來岱. Còn nghi ngờ chữ này, trong truyện viết sai, nghĩa đúng hợp trong kinh viết là thuận 瞬. Ngược lại âm thủy nhuận 水潤.

濃厚. Nùng hậu. Ngược lại âm nặc long 匿龍. Theo văn nói cho rằng: Nước đầy tràn ra ngoài, hoặc viết từ bộ dậu 酉, viết thành chữ nùng 醴. Theo văn nói cho rằng: Rượu đậm đặc. Chữ tượng hình.

謫罰. Trích phạt. Ngược lại âm trên là trắc cách 陟革. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Tương trách, chê trách. Đồ Dự chú giải Tả truyện rằng: Trích là chỉ trích, khiển trách. Phương Ngôn cho rằng: Phẫn nộ giận dữ. Theo văn nói cho rằng: Là phạt, trị tội. Chữ viết từ bộ ngôn 言 đến bộ thương 商, thanh tỉnh 省. Ngược lại âm

dưới là phiền miệt 煩.

Theo văn nói cho rằng: Phạt tội, tội nhỏ thì phạt, chưa có dùng đao mà giết, nhưng cầm đao mà mắng nhiếc dọa nên gọi là phạt. Chữ viết từ bộ đao 刀 đến phạt 罰. Chữ hội ý.

關邏. Quan la. Ngược lại âm trên là cổ ngoan 古頑. Trịnh Tiên chú giải sách Lễ Ký rằng: Quan đó là cửa ải. Theo văn nói cho rằng: Lây cây gỗ ngang trần giữ cửa nhà. Quảng Nhã cho rằng: Đóng cửa lại.

Chữ viết từ bộ môn 門 thanh quan ?, âm quan đồng với âm trên. Trong kinh văn viết từ bộ khai 開 viết thành chữ khai 開 này là chẳng phải. Ngược lại âm dưới là la yểm 羅厭. Tự Thư cho rằng: La 邏 là che lại.

Theo Văn Tự Tập Lược cho rằng: Đạo chơi chỗ trần giữ đường nguy hiểm có binh khí, chuẩn bị đánh với nhau.

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG TAM GIỚI QUYỂN HẠ

阿耨利. A Kỳ Lợi Âm kỳ耨 là âm kỳ祈 này. Tiếng Phạm, gọi là chất thô cứng không mềm mại, hoặc gọi là A xà lê 阿闍梨. Đồi Đường gọi là Giáo thọ sư.

胞想. Thúy tưởng. Ngược lại âm thuyên tuế 詮歲. Quảng Nhã cho rằng: Thúy 胞 là yếu, mềm mại. Theo văn nói cho rằng: Thịt nhuyển dễ đoạn, xắt. Chữ viết từ bộ nhục 肉 đến tuyệt 絕, thanh tỉnh 省. Trong kinh văn viết từ bộ nguy 危 viết thành chữ thúy 胞 này là chẳng

phải.

捫摸. Môn mạc Âm trên là môn 門, âm dưới là mạc 莫. Theo

Mao Thi Truyện cho rằng: Chữ môn mạc đó cũng giống như lấy tay vỗ về an ủi. Chữ viết đều từ bộ thủ 手. Chữ hình thanh.

我弄. Ngã lộng Âm trên là ngã 我, viết từ bộ thủ 手 đến bộ qua 戈. Chữ hội ý. Viết từ bộ hòa 禾 đó là chẳng phải. Ngược lại âm dưới là lung đồng 籠慟. Quyền thượng trước đã giải thích đầy đủ rồi. Trong kinh viết từ bộ thủ 手 viết thành chữ biện 扞 là chẳng phải nghĩa trong kinh.

蝗蟲. Hoàng trùng. Ngược lại âm trên là hồ quang 胡光. Văn Nhĩ Nhã cho rằng: Loại châu châu ăn mầm non, mạ non, cũng gọi là minh 螟, tức là con ấu trùng, ăn lá non, gọi là đặng 螻 ăn rễ cây, gọi là mâu 螯, tức là sâu đục gốc, gọi là thường hay ăn gốc lúa, gọi là loại côn trùng. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Có bốn loại, tuy có khác nhau về tên gọi, nhưng cũng gọi là Hoàng trùng 蝗蟲. Quảng Nhã cho rằng: Trùng hoàng 螽蝗 tức là con châu châu, hình như con châu châu này trên lưng cũng có khác biệt về màu sắc, lớn, nhỏ không đồng, cho nên có tên gọi là hoàng, minh, mao, ngã 蝗螟螽蟈. Hoàng 蝗 là con châu châu, minh 螟 là con ấu trùng, mao 螽 là con sâu đục gốc lúa, ngã 蟈 là con bướm ngài. Hoàng 蝗 là âm nhất diện 一殄, âm yển 偃 là âm thị mao 侍螽. Ngược lại âm mạc hậu 莫候. Âm trung 螽 là âm chung 終, âm minh 螟 là âm minh 螟, âm ? 螯 là âm tặc 賊. Vực 蟈 là âm quắc 號. Ngược lại là âm lâu quắc 螻蟈.

不懈, Bất giải âm giới 戒. Các chữ trong sách đều không có âm giá 嫁.

礪亞. Lung á. Ngược lại âm trên là lộc đông 祿東. Âm dưới là ô giá 烏賈. Trong quyển kinh âm nghĩa trước đã giải thích đầy đủ rồi, không thuật lại nữa. Trong kinh viết từ bộ khẩu 口 viết á 啞 này là chẳng phải.

應擔. Ứng đảm. Ngược lại âm đáp cam 答甘. Quảng Nhã cho rằng: Đảm là nhắc lên, đưa lên. Văn Tự Thư cho rằng: Đảm là gánh vác, hoặc là viết đảm ? từ bộ nhơn 人 đều thông dụng. Chữ viết từ bộ thủ 手 thanh đảm ?, âm đảm là âm chiêm 占. Chữ viết từ bộ mộc 木 là chẳng phải.

離搏. Ly bác. Ngược lại âm bồ các 補各. Sách Bác Nhã ghi rằng: bác 搏 là đánh gỗ. Trịnh Huyền chú giải sách Khảo Công Ký rằng: Bác là vỗ nhịp theo âm nhạc. Ngọc Thiên cho rằng: Bác là vỗ về an ủi. Sách Thuyết Văn cho rằng: Nắm lấy sợi dây. Chữ viết từ bộ Thủ 手 đến bộ bác ?, thanh tỉnh 省. Chữ bác ? từ bộ phủ 甫, đến bộ Thốn 寸, viết bác ? này là chẳng phải.

疽惡. Thư ác. Ngược lại âm thanh dư 青余. Tư Mã Bưu chú giải sách Trang Tử rằng: Nóng nhiệt nổi lên làm mụn nhọt, không thông làm mụn ung. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Chữ viết từ bộ tật ?, thanh thư ?, âm thư ?. Ngược lại âm tử dư 子余. Chữ viết từ bộ nhật 日 dưới chữ nhất 一.

繚攏. Liêu lệ. Ngược lại âm trên là lực ô 力烏, âm dưới là liên kiết 蓮. Theo Kinh Văn ghi rằng: Quán vòng cái chân lại, cái chân

của người bẻ cong lại, không được thẳng. (Theo

phong tục của người

Trung Hoa là con gái nhà khuê các phải bó chân lại). Cũng gọi là làm như vậy không đúng. Chữ viết đều từ bộ mịch 糸. Chữ tượng hình. Âm mịch 糸 là âm mịch 覓.

聾哀. Lung ai. Ngược lại âm nhai giải 崖解. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Ai ? là ngu si. Theo Tập Huân Truyện cho rằng: Si mê. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Chữ viết từ bộ mã 馬, ai ?, thanh tỉnh 省.

勿觸. Vật xúc. Ngược lại âm vệ chúc 衛燭. Quảng Nhã cho rằng: Va chạm, xung đột. Trong Kinh văn viết từ bộ ngưu 牛, viết xúc ? cũng là văn thông dụng thường hay dùng.

輕躁. Khinh táo. Ngược lại âm dưới là tao lao 遭勞. Theo Khảo Thanh cho rằng: Tính nóng nảy, dao động, quấy nhiễu, mau chóng, đi vội vàng, hoặc là viết táo ? cũng đồng. Chữ viết từ bộ túc 足, thanh táo?.

沫拌. Muội bạn. Ngược lại âm trên là mạn bát 漫. Ngược lại âm dưới là bàn mãn 盤滿. Theo Khảo Thanh cho rằng: Lưu lại, giữ lại, dừng nghỉ Lấy đây và kia hòa trộn lại gọi là bạn 拌. Chữ viết từ bộ thủ 手, thanh bán 半.

裨囊 Bài nang. Âm trên là bại 敗. Ngược lại âm dưới là nặc lang.

諾郎. Thiên Thương Hiệt và Ngọc Thiên cho rằng: Thác nang là cáidụng cụ thổi lửa, hoặc viết từ bộ cách 革, viết bài ?, hoặc viết từ bộ khao 靠, viết thành chữ ? đều thông dụng. Trong Kinh văn viết bài 排 này là chẳng phải.

以鍛. Dĩ đoạn. Ngược lại âm đô loạn 都亂. Trịnh Tiên chú giải sách Lễ Ký rằng: Đoạn 鍛 là dùng chày để rèn thép, tôi luyện. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Là cái dùi để đánh nện. Sách Thuyết Văn cho rằng: Đúc kim loại, nhỏ, rèn luyện. Chữ viết từ bộ Kim 金, thanh đoạn 段. Chữ đoạn 段 từ bộ thù 殳, đến chữ lập 𠂔, thanh tỉnh 省. Âm toát 撮. Ngược lại âm đinh 𠂔 丁.

Trùy toàn. Ngược lại âm trên là trực truy 直追. Sách Khảo Thanh cho rằng: Quả trùy đập sắt, hoặc viết trùy ? này, cũng viết chữ trùy ? này đều thông dụng. Ngược lại âm dưới là liêm nghiêm ? 嚴. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Dùng vật kẹp lại lấy dùi khoan. Chữ viết từ bộ kim 金 đến bộ chiêm 占, thanh tỉnh 省. Trong Kinh Văn viết từ bộ cam 甘, viết thành chữ kiềm 鉗, tức là thiết già 鐵枷, là cái gông cùm xiềng xích, là chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

Xu đặc 姝特. Ngược lại âm xướng chu 昌朱. Mao Thi Truyện cho rằng: Xu 姝 là người con gái đẹp. Sách Thuyết Văn ghi chữ từ bộ nữ 女 thanh chu 朱. Ngược lại âm dưới là đằng đắc 騰得. Văn Dĩnh chú giải Hán Thư rằng: Đặc 特 là ngọn nến chiếu sáng. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Đặc là con bò đực. Chữ viết từ bộ ngưu 牛 đến bộ tự 寺, thanh tỉnh 省.

痾黠 Thông hiệt. Ngược lại âm trên là thương hồng 倉紅. Sách Thượng Thư cho rằng: Nghe gọi là thông ?, tất nhiên là nghe rất rõ ràng, rất kỹ gọi là thông. Tất nhiên là làm mưu tính, chỗ nghĩ một việc định một kế xét rõ mới thành. Trong Kinh Văn viết từ bộ Thông ? viết thành chữ Thông ?, văn thường hay dùng. Ngược lại

âm dưới là nhân bát. Theo Khảo Thanh cho rằng: Hiệt là thông minh, lanh lợi. Phương Ngôn cho rằng: Là người đứng đầu, cũng gọi là người có trí tuệ, gọi là hiệt.

Sách Thuyết Văn viết từ bộ hắc 黑 đến bộ kiết ? thanh kiết ?.

KINH VÔ LƯỢNG THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC QUYỂN THƯỢNG

Ngưu tự 牛飼, âm tự 寺. Giai Uyển Chu Tòng cho rằng: Tự 飼 là cho ăn cùng với sự nuôi dưỡng. Xưa nay chữ chánh viết từ bộ thực 食 thanh tự 司. Trong Kinh Văn viết từ bộ khẩu 口 viết thành chữ tự ? này, văn thường hay dùng là chẳng phải.

瘦短. Sáu đoản. Ngược lại âm đoan quản 端管. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Đoản 短 là thúc giục, thôi thúc. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Đoản là không dài. Chữ viết từ bộ thi 矢 thanh đậu tỉnh 豆省. Kinh Văn viết từ bộ thủ 手, viết thành chữ đoan ? này là chẳng phải, không thành chữ.

寶珥. Bảo nhĩ. Ngược lại âm như chí 如志. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Cái vòng hoa tai, bông tai, gọi là nhĩ 珥, tức là châu ngọc trang sức cho nơi tai. Sách Thuyết Văn ghi chữ viết từ bộ ngọc 玉 thanh nhĩ 耳. Âm đang ? là âm đương 當.

攬飛. Hoàn phi. Ngược lại âm trên là huyết duyên

血緣, cũng viết chữ duyên ? này, đều là chữ chánh thể. Công Dương Truyện cho rằng: Duyên ?, tức là hoàn?, tức là con châu châu. Bắt đầu sinh ra gọi là duyên ?, là ấu trùng, đến dài lớn ra gọi là hoàn ?. Lưu Tán nói rằng: Con kiến con. Đồng Trọng Thư cho rằng: Con châu châu. Theo Thanh Loại cho rằng: Cũng là con châu châu. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Loài côn trùng bò dưới đất. Chữ viết từ bộ trùng 虫 thanh hoàn ?. T 405

蠕動. Nhuyễn động. Ngược lại âm nhuận Doãn 閏尹. Cố Dã Vương cho rằng: Loài côn trùng nhỏ bò lúc nhúc. Nhuyễn 蠕 cũng giống như chữ động 動. Sách Tự Thư cho rằng: Loài côn trùng không có chân, mà đi được gọi là nhuyễn động. Sách Thuyết Văn viết từ bộ trùng 虫, thanh nhuyễn 𧈧

錠光. Đỉnh quang Âm trên là định 定.

崖底. Nhai đề. Ngược lại âm nhã giai 雅皆. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Bên vách núi cao. Chữ viết từ bộ Sơn hán 山厂. Ngược lại âm ngũ đáo 五到. Giai Thanh và Kinh Văn lại viết ngâm 岑, nghĩa là núi cao vút. Sách cho rằng sai chẳng phải.

焜煌. Hồn hoàng. Ngược lại âm trên là hồ bản 胡本, âm dưới là hoàng 皇. Sách Thuyết Văn cho rằng: Hồn hoàng là ánh sáng mặt trời chiếu rực rỡ, chói lọi. Chữ tả hình, hữu thanh.

征鉦 Chỉnh sung. Ngược lại âm trên là chi doanh 之盈. Ngược lại âm dưới là chi dung 之容. Sách Phương Ngôn cho rằng: Cuống lên vì sợ, sợ hãi quá mức. Quảng Nhã cho rằng: Vội vàng chạy Đông chạy Tây, hấp tấp, cũng là chữ hình thanh.

項很. Hạng ngân. Ngược lại âm trên là học giảng 學講, âm dưới là ngân khân 痕墾. Hai chữ đều là chữ Thượng thanh. Giả Quỷ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Ngang ngạnh, oán hận, nói là người rất là bướng bỉnh, ngang tàng khó mà quay lại gọi là hạng 項. Chữ ngân 很 từ bộ xước ? thanh cần 艮.

青廬. Thanh suu. Ngược lại âm trên là sanh cảnh 生耿. Đồ Dự chú giải Tả truyện rằng: Thanh 青 là tai họa. Giả Quỷ cho rằng: Là bệnh. Giải Thích Tên gọi là Suu thanh ? 青, giống như là bệnh ốm gây tiêu tụy.

Kinh Văn viết lược, mượn dùng chẳng phải bốn chữ.

糜盡. Mi tận. Ngược lại âm vẫn bi ? 悲. Văn thường hay dùng. Cố Dĩ Vương chú giải Kinh Dịch rằng: Mi là tán nhỏ ra. Quảng Nhã cho rằng: Hư hoại. Sách Thuyết Văn cho rằng: Mi là vụn vặt. Chữ chánh thể viết từ bộ mễ 米, viết thành chữ mi ?. Chữ hình thanh.

天拘嚙 Thiên câu tàm. Âm trên là câu 俱, âm dưới là tàng hàm

藏含. Tiếng Phạm, tên của loài hoa Trời.

Kỳ bính 其柄. Ngược lại âm binh mạng 兵. Cố Dĩ Vương cho rằng: Bính 柄 là cái gốc. Giả Quỷ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Nắm quyền. Sách Thuyết Văn cho rằng: Cành cây. Chữ viết từ bộ mộc 木 thanh bính 丙. Chữ chánh thể từ bộ bính 秉 viết thành chữ bính ? này.

Chữ hình thanh.

合樓恒. Hạp lâu hằng Âm trên là hợp 合, dưới là võng khải 罔鎧.

Tiếng Phạm. Chữ nghĩa không cầu, tên của vị Bồ Tát.

KINH VÔ LƯỢNG THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC QUYỀN HẠ

有鉉. Hữu huyền. Ngược lại âm huyền khuyên 玄犬. Vương Cường chú giải Kinh Dịch rằng: Đồ vật ngày xưa bằng kim loại gồm có ba chân, hai tai, lớn nhỏ khác nhau. Giai Uyển Chu Tòng cho rằng:

Huyền 鉉 là cái đỉnh, cái đỉnh có tai (tức là có quai hai bên).

戾亮. Lệ lượng. Ngược lại âm trên là lực kế 力計. Ngược lại âm dưới là lực trượng 力丈. Nghĩa là từ trên cao, lược xuống thấp, từ mấy, bao nhiêu, chữ của người xưa.

駛給. Sứ cấp. Ngược lại âm trên là sư sử 師史. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Sứ 駛 là chạy nhanh, phóng nhanh, ngựa phi nhanh. Chữ hình thanh. Trong Kinh Văn viết từ bộ quyết 夬 là chẳng phải nghĩa đây dùng. Ngược dưới là chữ cấp 急. Sách Thuyết Văn cho rằng: Sắp xếp, thúc giục, gấp gáp, vội vã. Chữ viết từ bộ tâm 心 thanh cấp 及.

拷跌. Khảo trật. Ngược lại âm trên là xí sư 廁師, lại là âm Thương Hà 倉何 hai âm đều thông dụng. Ngược lại âm dưới là điền hiệt 田頡.

Theo Khảo Thanh cho rằng: Tham khảo, tra xét, thấy không đồng đều. Vương Dật chú giải Sở Từ rằng: Vấp ngã không thể đứng dậy được, hết sức lực, cố gắng gượng. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Thiếu kém, nghi ngờ,

không thể thẳng thắng. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Vấp chơn té ngã ngựa. Sách Phương Ngôn cho rằng: Té ngã ngựa xuống đất gọi là trật 跌. Hai chữ đều là chữ tượng hình.

世事譊譊. Thế sự nao nao. Ngược lại âm nữ giao 女交. Nghĩa là chất chứa lời nói lao xao, lao xao tiếng học bài. Cố Dã Vương cho rằng: Chữ “nao nao” giống như tiếng la hét ồn ào. Sách Thuyết Văn cho rằng: sân giận gào thét to lên. Chữ viết từ bộ ngôn 言 thanh nao ?. Cũng cho rằng nói áp úng không thành lời.

屏營. Bình dinh. Ngược lại âm trên là tinh minh?. Ngược lại âm dưới là duy huỳnh 唯熒. Theo chữ “bình dinh” cũng giống như là bồi hồi. Quảng Nhã cho rằng: Bình dinh là rối rắm không biết xoay xử sợ hãi, cuống lên vì sợ hãi.

蹢氣. Súc khí. Ngược lại âm sữu lục 丑六. Không An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Súc ? là tích chứa. Cố Dã Vương cho rằng: Súc là gom tụ lại. Chữ hình thanh. Trong Kinh Văn có viết từ bộ tâm 心, viết thành chữ Súc ? này là chẳng phải. Âm súc. Ngược lại âm hứa lục 許六.

各勵. Các lệ. Ngược lại âm lực trệ 力滯. Quảng Nhã cho rằng:

Lệ là khuyến khích. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Gắng sức, cố sức vượt qua Bức tường ngăn chặn. Sách Thuyết Văn cho rằng: Nỗ lực, tận lực. Chữ viết từ bộ lực 力, đến chữ lệ 厲, thanh tỉnh 省. Chữ lệ 厲 từ chữ li ?, âm li. Ngược lại âm lặc giới ? 介.

抵突. Đễ đột. Ngược lại âm trên là đinh lễ 丁. Theo

sách Đại Đái Lễ ghi rằng: Chữ đề 抵 cũng giống như chữ Thôi 推 vậy, nghĩa là đẩy ra. Theo Khảo Thanh cho rằng: Chống cự Sách Thuyết Văn ghi rằng: Va chạm. Chữ viết từ bộ thủ 手 thanh đề 氏, âm đề đồng với âm trên. Ngược lại âm dưới là đồ cô 徒骷. Vương Dật chú giải Sở Từ rằng: Vượt qua, trải qua. Theo Vận Thuyên Tập cho rằng: Xung đột. Sách Thuyết Văn viết từ bộ khuyến 犬, đến bộ huyết 穴, ở trong bỗng nhiên chạy ra, con chó trong hang chạy ra ngoài. Chữ hội ý.

摠猥. Tổng ỏi. Ngược lại âm Tông đồng 宗董. Theo Khảo Thanh cho rằng: Tổng là bao gồm, đều nhau, tổng nhiếp. Kinh Văn viết tổng? này, văn thông dụng thường hay dùng. Ngược lại âm dưới là Ô hối 烏賄. Âm hối. Ngược lại âm Khôi mỗi? 每. Chữ Ỏi nghĩa là nước đục. Chữ viết từ bộ Khuyến 犬, thanh ỏi?.

洒除. Sái trừ. Ngược lại âm tiên lễ 先禮. Quảng Nhã cho rằng: Chữ sái 洒 cũng giống như chữ tẩy 洗, nghĩa đồng nhau, là tẩy rửa cho sạch sẽ. Âm ẩm 飲 là không lấy.

尙狂. Uông cuồng. Ngược lại âm uông Vương 枉王. Chữ chánh thể vốn viết Vu 尤, chữ tượng hình. Nay thông dụng cộng thêm bộ Vương 王, viết thành chữ Uông 尙, chữ hình thanh. Theo Vận Thuyên Tập cho rằng: Uông 尙 là yếu, gầy yếu. Văn thông dụng gọi là: Ngán, nhỏ gọi là uông 尙. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Bấp đùi chân bị cong lại. Văn thường hay dùng âm là điều hoàng 鳥黃. Âm này sai chẳng phải nghĩa đây dùng.

眇睽. Miến lai. Ngược lại âm miên kiến 眠見. Sách Thuyết Văn cho rằng: Miến 眇 là nhìn nghiêng. Chữ viết

từ bộ mục 目, âm miến 𠂔 đồng với âm trên. Ngược lại âm dưới là lai đại 來岱. Thiên thượng Hiệt ghi rằng: Đồng tử nhìn bên trong không đúng, nghĩa là liếc nhìn, trộm nhìn. Chữ viết từ bộ mục 目 thanh lai 來, hoặc là viết lai ? cũng đồng.

辜推. Cô xác. Ngược lại âm trên là Cô hồ 辜胡. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Chữ Cô 辜 từ bộ tân 辛 thanh cổ 古. Trong Kinh Văn viết từ bộ dương 羊, viết thành chữ Cô 辜 này là không thành chữ. Theo chữ Cô 辜 cũng giống như chữ Cố 固, nghĩa là chắc chắn. Âm dưới là giác 角, hoặc viết giao 較. Theo Khảo Thanh cho rằng: Chuyên quyền, nêu lên, dẫn ra, trị tội. Sách Hán Thư ghi rằng: Cao Hậu cho chặt đứt chân tay của Thích phu nhơn, đục khoét mắt để làm thành người lợn. Chữ viết từ bộ thủ 手 đến bộ Xác ?. Trong kinh văn viết giao 較 cũng đồng, thông dụng.

喫酒. Khiết tửu. Ngược lại âm Khinh diệc 輕亦.

Gọi là khiết cảm 喫, nghĩa ăn uống.

Chữ viết từ bộ Khẩu 口 thanh khiết 契.

魯扈. Lỗ Hồ Trên là chữ lỗ 魯. Chữ viết từ trên là chữ ngư 魚, dưới là chữ nhật 日. Ngược lại âm dưới là hồ cổ 胡古. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Hồ扈 là ngã ngựa, cũng gọi là kiêu ngạo, tự cao, tự đại, tiêu xài phung phí của cải, cũng gọi là tung hoành ngang dọc. Sách Hán Thư ghi rằng: Hồ tất 扈蹕. Là theo Xa giá của Thiên Tử gọi là Hồ, là hồng hách. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ấp 邑, Thanh hộ ?.

睢𩇑 Tuy Hê. Ngược lại âm huyết bé 血閉. Ngược lại âm dưới là húc câu 勗俱. Theo Thanh Loại cho rằng:

Tuy 睽 là nhìn nhón nhác.

Cô Dã Vương giải thích rằng: Tuy Hê là liêt nhìn rất nhanh. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Ngược nhìn. Hai chữ đều từ bộ mục 目 Thanh giai hê 佳, đều là chữ hình thanh.

艸. Cản hồng. Ngược lại âm mạc cản 莫董. Âm dưới là hồ không. Gọi là vô tri, không biết gì. Văn Thông dụng cho rằng: Lẫn lộn trong đất bùn gọi là “Cản Hồng”. Kinh Văn viết là mông không 蒙空 là chẳng phải vậy.

湔洒. Tiên sái. Ngược lại là âm tử tiên 子仙. Ngược lại âm dưới là Sái lễ ? 禮. Chữ Thống nhất cho rằng: Tiên 湔 đó gọi Tẩy hoán, gột rửa. Chữ Sái 洒 là tưới nước rửa sạch sẽ, hai chữ đều từ bộ thủy. Chữ hình thanh.

滴蹇. Tích kiên. Ngược lại âm trên là tất diệc 必亦. Theo Vận Lược Tập giải thích rằng: Què chân không đi được. Sách Thuyết Văn viết từ bộ chỉ 止, thanh tích 辟. Ngược lại âm dưới là Kiên yễn ? 偃. Sách Thuyết Văn giải thích: Kiển 蹇 cũng là thọt chân, què chân. Chữ viết từ bộ túc 足 đến bộ khiên 騫 thanh tỉnh 省.

KINH A-DI-ĐÀ QUYỀN THƯỢNG

Huyền Ứng soạn.

阿彌陀. A Di Đà Tiếng Phạm. Là tên của vị Phật. Thời Đường nói là Vô lượng quang, là ánh sáng chiếu không có lường được, phổ khắp tất cả cõi nước.

Mạc đề. Ngược lại âm trên là bồ bát 蒲, dưới là âm

đề ?. Ngược lại âm đinh lễ 丁禮. Kinh Văn viết hồ 互 là chẳng phải, không đúng.

不遘. Bất tù. Ngược lại âm nãi diệc 乃亦. Tiếng Phạm.

揭質. Yết chất. Ngược lại âm trên là cư nghịet 居孽. Tiếng Phạm.

肩悲毖 Kiên bi đề Âm trên là kiên 堅, âm ké là bi ? di 彌. Cũng là tiếng Phạm.

須瘋. Tu Phong. Ngược lại âm trên là tương du 相俞, âm dưới là phong 風. Tiếng Phạm.

羅倪. La nghe Âm dược diệc 藥亦. Tiếng Phạm, cũng gọi là nghe, nghĩa là cầu vòng.

鳩鰲. Cưu Lễ Âm lễ 禮 tiếng Phạm, âm dưới đồng.

友陀. Bạt Đà. Ngược lại âm bàn muội 盤沫. Tiếng Phạm.

扈斯. Hồ tư. Ngược lại âm hồ cổ 胡古. Đều tiếng Phạm.

滑淇 Hoạt kỳ. Ngược lại âm trên là la kỹ 羅技, âm dưới là kỳ 祇.

Tiếng Phạm.

賓侯. Tân hầu Âm hậu 候.

陀透. Đà thấu. Ngược lại âm đồ mộc 途木.

篩邪. Sư Tà Âm là sử 史. Tiếng Phạm, chữ viết từ bộ trúc 竹.

薜荔. Bệ lệ. Ngược lại âm trên là tỷ duệ 毘袂, âm dưới là Lê Đề

黎第. Tiếng Phạm. Tên của loài Ngã quí

雄傑. Hùng kiệt. Ngược lại âm yết nghịet 輒孽.

Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Đứng riêng biệt gọi là Kiệt. Sách Hoài Nam Tử ghi rằng: Trí vượt quá hơn ngàn người gọi là Kiệt. Kinh Văn viết chữ kiệt

桀 này hơi quái lạ, chẳng phải nghĩa của kinh.

乞墜. Khất cái Âm dưới là cái 蓋. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Cái? là người ăn xin. Chữ viết từ bộ vong ?, đến bộ nhơn 人. Theo chữ nhơn vong 人 đó, nghĩa là của cải tài sản bị tiêu tan hết thì phải đi ăn xin. Kinh Văn viết cái 丐 này là chẳng phải.

食纔. Thực tài. Ngược lại âm tại lai 在來. Theo Vận Thuyên Tập ghi rằng: Tài nghĩa là chẳng qua chỉ là nói suông mà thôi. Theo Khảo Thanh cho rằng: Tài là vượt qua. Chữ viết từ bộ mịch 糸 đến sàm ?. Âm sàm. Ngược lại âm sĩ hà 仕咸.

莛住 Sanh Trụ. Ngược lại âm trên là sữu canh 丑耕. Theo Khảo Thanh giải thích rằng: Là cây cột trụ để buộc bò, heo, cũng gọi là trụ cột chống đỡ. Âm trĩ ?. Ngược lại âm tịch sa 夕. Âm phương ? là âm phương 方.

迢迢 Điều điều. Ngược lại âm đồ điều 徒彫. Trong Kinh Văn viết điều 苕 này là chẳng phải. Theo Khảo Thanh cho rằng: Điều 迢 là xa xôi, xa vời vợi. Theo văn Tự Điển nói: Điều là con đường dài mà lại xa, rất xa. Chữ viết từ bộ xước (sước?) 辵, thanh triệu 召, Âm xước 辵. Ngược lại âm sữu lược 丑略.

貪饗 Tham thiết. Ngược lại âm thiên kiết 天. Đồ Dự chú giải Tả truyện rằng: Tham ăn gọi là san 餐. Mà tham của cải tài vật sam ?.

Trong kinh văn viết hao ? cũng là thông dụng, văn thường hay dùng.

KINH A-DI-ĐÀ QUYÊN HẠ

所眩 Sở Huyền. Ngược lại âm huyền quyên 玄絹. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Huyền hoặc, lại nhìn không thấy rõ, hoặc là viết huyền 炫 này. Trong Kinh văn viết từ bộ huyền 玄 viết thành chữ huyền 鉉 này là chẳng phải. Xưa âm nghĩa giải thích là nảy sinh ra quá nhiều, nên chữ huyền 鉉 chẳng phải nghĩa kinh này vậy.

祝祝 Chúc chúc. Ngược lại âm chi dục 之育. Đây tức là sách Phương Ngôn ghi khác đi, chữ chúc 祝 là chuẩn đúng. Lại giải thích cùng với ý của kinh không đồng. Nay giải thích là cần cần thủ hộ là đúng theo ý nghĩa của kinh.

Tổng đồng ? ?. Ngược lại âm trên là tổng lộng ? 弄, âm dưới là đồng lộng 同弄. Văn thông dụng ghi rằng: Nói nhiều quá gọi là Tổng đồng. Sách Toán Văn giải thích rằng: Tổng Đồng là lười biếng.

* 蔬 Thái sơ Âm trên là thái 采. Ngược lại âm dưới là thương sơ 蒼. Câu này là tiếng Phạm. Xưa dịch không phân rõ, nên cũng không đúng.

KINH VÔ LƯỢNG THỌ QUYÊN THƯỢNG

Huyền Ứng soạn.

微瀾 Vi Lan. Ngược lại âm lạc hàn 洛寒. Văn Nhĩ Nhã ghi rằng: Sóng lớn gọi là Lan 瀾, sóng nhỏ gọi là du 渝. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy?.

享兹 Hưởng Tư. Ngược lại âm hương lưỡng 香兩. Hưởng là đương thời, cũng gọi là thọ nhận. Kinh văn viết thọ ? này là dùng vào nghĩa khác. Ngược lại âm dưới là tử tư 子思.

煜龠. Dục Dục. Ngược lại âm do cức 由鞠. Ngược lại âm dưới là dục tích ? ?. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Dục 煜 là ngọn lửa rực rỡ, Dục là ngọn lửa cháy sáng chói lọi. Trong kinh văn viết dục 昱 dục? này là chẳng phải bốn chữ

該羅 Cai la. Ngược lại âm cổ lai 古來. Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Cai là chuẩn bị Sách Phương Ngôn ghi rằng: Bao gồm, bao quát.

吞噬 Thôn Phệ. Ngược lại âm nhị ngân 貳痕. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Thôn 吞 là nuốt. Ngược lại âm dưới là thời chế 時制. Vương Bật chú giải sách Chu Dịch rằng: Phệ là cắn, cũng gọi là ăn, chữ viết từ bộ khẩu 口 thanh phệ 筴.

酣 tửu 酖酒. Ngược lại âm đô hàm 都含. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Đàm là ham vui. Tự Thư cho rằng: Đàm mê, nghiện, hoặc viết ba chữ đàm 耽 đều đồng thể 糾舉 Cử cử. Ngược lại âm kinh dậu 經酉. Không An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Cử là đúng. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Cử là xem xét xác thật. Đỗ Dự chú giải Tả truyện rằng: Cử cũng là cử. T406 Chữ viết từ bộ mịch 糸, thanh cử ?. Ngược lại cư 居幽. chữ cử ? viết từ bộ thủ 手.

漢養 Hoàng Dưỡng. Ngược lại âm hồ quảng 胡廣. Ngược lại âm dưới là dương dưỡng 羊 ?. Sách Sở Từ cho rằng: Hoàng dưỡng cũng giống như hạo đẳng 浩蕩,

nghĩa là to lớn rộng thênh thang. Trong Kinh văn viết thang dạng 湯漾, cũng là thông dụng.

- Quyển sau này (Quyển hạ không có âm chữ để giải thích.

KINH A-CÁC PHẬT QUỐC QUYỂN THƯỢNG

羅閱 La duyệt. Ngược lại âm dưới là duyệt 悅. Tiếng Phạm. Xưa dịch là Thành Vương Xá, ở nước Ma Kiệt Đà.

賡隄 Trướng ky. Ngược lại âm trực lương 直良. Tự Thư cho rằng: Đông Quận gọi là quỳ lâu nên mỗi đầu gối té quỳ xuống đất gọi là Trướng, quỳ lâu. Ngược lại âm dưới là kỳ ký 其記. Âm nghệ cho rằng: quỳ lạy mà sau đó quỳ lâu quá thành ra quỳ Sách Thuyết Văn ghi rằng: Chữ viết từ bộ túc 足 thanh ky 忌.

蜎飛 Quyên phi. Ngược lại âm Ê duyên ? 緣. Mao Thi Truyện ghi rằng: Quyên là loài côn trùng, bò lúc nhúc, giống như con bọ gậy, cung quăng. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Là con châu châu mới sinh ra chưa có cánh ở trong giếng nhỏ, loài côn trùng màu đỏ Nhuyễn Động 蠕動. Ngược lại âm nhuận doãn 閏尹. Theo Khảo Thanh cho rằng: Có chân gọi là trùng 蟲, không chân gọi là nhuyễn 蠕.

Sách Thuyết Văn ghi rằng: Là loài ấu trùng nhỏ nhít. Chữ viết từ bộ trùng 虫 thanh nhuyễn 𩇛. Kinh văn viết nhuyễn 蠕 này là sai. Thiên Thương Hiệt viết ? nhuyễn này cũng đồng nghĩa.

央數 Ương số:. Ngược lại âm ước khương 約姜 Văn kinh viết Ương 鞅 thượng thanh là chẳng phải.

謗讒 Báng sàm:. Ngược lại âm Bô lãng 補浪 Đồ Dự chú giải Tả truyện rằng: Hủy báng, nói xấu, chê bai. Lại nói là nguyên rửa. Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Chê mà nói toát ra gọi là báng, mà nói tĩ mĩ sâu sắc gọi là phỉ. Lại gọi là đối với người mà nói điều xấu ác. Ngược lại âm dưới là sĩ hàm. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Sàm là lấy lời nói hủy nhục người. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Chữ viết từ bộ ngôn thanh sàm. Âm sàm. Ngược lại âm sĩ hàm.

上脗 Thượng cách. Ngược lại âm cô hạch. Theo Văn Tự Tập Lược ghi rằng: Cách là ngực bên trong. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Chữ viết từ bộ nhục, thanh cách, âm cách là âm cách. Trong Kinh văn viết từ bộ phụ viết chữ cách. Chữ cách này chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

右脅 Hữu hiệp:. Ngược lại âm hương nghiệp. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Hiệp là dưới nách. Chữ viết từ bộ nhục thanh hiệp, âm hiệp là âm hiệp, hoặc là viết hiệp này, từ ba bộ lục.

誤 Du siễm. Ngược lại âm du chu. Sách Trang Tử ghi rằng: Không chọn lựa phải quấy mà nói gọi là Du. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Chữ du cũng giống như chữ siễm. Kinh văn viết Du này là chẳng phải. Ngược lại âm dưới là sĩ nhiễm. Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: Siễm là nịnh hót. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Nịnh hót tăng bốc. Chữ viết từ bộ ngôn thanh siễm, âm siễm. Ngược lại âm sĩ chiêm. Kinh văn viết chữ siễm này, chữ siễm này là văn thông dụng

viết lược bớt bộ môn vậy, nghĩa cũng đồng vậy.

往嬈 Vãng nao:.. Ngược lại âm nô ô 奴鳥. Sách Thuyết Văn ghi rằng: nao 嬈 đó là cùng nhau làm trò cười, vui đùa bốn cột, hoặc là viết chữ nao 𪛗 này.

薜荔多 Bệ lệ đa:.. Ngược lại âm trên là bò bé 菴閉. Ngược lại âm dưới là lễ đế 禮帝, tiếng Phạn. Tên của loài ngã quỉ

礫石 Lịch thạch:.. Ngược lại âm lữ đích 呂的. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Lịch là đá vụn, sách Tự Thư viết liệu này.

綰紼 Uyên diên:.. Ngược lại âm ư viên 於遠, âm dưới là diên 延. Trong kinh văn dùng sai lầm chữ chữ chánh thể tâm bộ thảo 草 viết thành chữ uyên diên 苑. Nghĩa là loại áo dài mặc vào để ca múa.

珠璣 Chu ky:.. Ngược lại âm cư cân 居沂. Không An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: là loại hạt châu ngọc không được tròn, hạt châu méo. Sách Tự Thư cho rằng: hạt châu nhỏ. Sách Thuyết Văn cho rằng: hạt châu không được tròn. Chữ viết từ bộ ngọc 玉 thanh ky 幾.

之態 Chi thái:.. Ngược lại âm tha đại 他岱. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: tư thái phong cách. Sách Thuyết Văn ghi rằng: là thường nắm giữ ý không sửa đổi, cũng biết chữ thái này.

梯檣 Thê bệ:.. Ngược lại âm thể đề 體堤. Tỳ Thương cho rằng: 梯 là nấc thang đi lên lầu. Sách Thuyết Văn ghi rằng: bậc thềm bằng gỗ. Chữ viết từ bộ mộc 木, thanh đệ 弟. Ngược lại âm dưới là tỳ lễ 禮檣.

Trịnh chúng chú giải Chu Lễ rằng: là tám thăm trải

dưới bậc thêm. Sách Thuyết Văn viết bệ này.

疲極 Bì cực:.. Ngược lại âm bị bì 被陂. Giã Quì chú giải sách Quốc ngữ rằng: bì 疲 là lao nhọc. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: “biếng nhác. Kinh văn viết bãi 罷 là thôi nghỉ là mượn dùng. Người xưa cho rằng là chất phác, quê kệch.

KINH A-CÁC PHẬT QUỐC QUYÊN HẠ

是這 Thị giá:.. Ngược lại âm ngôn kiện 言件. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: đón tiếp, nghinh giá. Sách Thuyết Văn ghi rằng: chữ viết từ bộ xước, thanh ngôn 言. Âm xước. Ngược lại âm sữ 丑 lược.

坻彌羅 Đê-di-la:.. Ngược lại âm trên là đế hê 帝奚, tiếng Phạn.

Tên của loài cây chiên đàn.

KINH ĐẠI THỪA THẬP PHÁP

Huệ Lâm soạn.

綺語 Y ngữ:.. Ngược lại âm khi kỷ 欺紀. Theo chữ y ngữ nghĩa là lời nói hoa mỹ thêu dệt ca ngợi tán thán quá mức, thật sự không có thật.

犁耬 Lê lâu:.. Ngược lại âm lực hê 力奚. Nghĩa là dụng cụ cày ruộng tức là lưỡi cày. Ngược lại âm dưới là Lỗ Hâu 魯候. Bì Thương cho rằng: lâu là duỗi thẳng ra. Người xưa cho rằng: kéo ra mà được thẳng, dưới là loại

dụng cụ. Nay đều dùng trâu bò mà kéo. Sách Thuyết Văn ghi rằng: chữ viết từ bộ lỗi 耒 thanh lâu 婁, âm lâu. Ngược lại âm lực đối.

力對, âm văn 輓 là âm văn 晚.

貯積 Trữ tích:.. Ngược lại âm trắc lữ 陟呂. Sách Thuyết Văn cho rằng: trữ 貯 cũng giống như chữ tích 積, nghĩa là tích tụ, gom lại chứa nhóm, chữ viết từ bộ bối 貝 thanh trữ 宁.

床榻 Sàng tháp:.. Ngược lại âm trạng trang ? ?. Sách Thuyết Văn

ghi rằng: chữ viết từ bộ tường đến bộ mộc, âm tường, ngược lại âm tương dương. Ngược lại âm dưới là tham đáp. Giải thích tên gọi là sàng, là cái giường hẹp mà dài. Gọi là tháp theo sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh tháp.

枷壓 Gia áp:.. Ngược lại âm lưu giáp 甲. Sách Tự Thục cho rằng: Áp là tối tăm chật hẹp. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng viết chữ áp.

撾打 Qua đã:.. Ngược lại âm trắc qua 陟瓜. Nghĩa là trên vai, đầu gối, đánh qua đánh lại. Theo Khảo Thanh cho rằng: là đánh xưa nay chữ đúng viết tâm bộ mộc, thanh quá.

富伽羅 Phú-già-la: Tiếng Phạn. Đây dịch là số thủ thú. Số nghĩa là trong ba cõi qua lại, hoặc dịch là: Bồ-đặc-ca-la.

蚊𧈧 Văn manh:.. Ngược lại âm khuất phân, âm dưới là mạch canh. Sách Thuyết Văn ghi rằng: chữ viết tâm bộ trùng thanh manh. Kinh văn viết manh này là chẳng

phải âm trùng là âm côn.

蟒余 Mãng xà:.. Ngược lại âm trên là mạc thẳng. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: là vua rắn. Quách Phác chú giải rằng: Trong loài rắn lớn nhất gọi là mãng xà. Kinh văn viết vồng xà là chẳng phải.

KINH PHỔ MÔN PHẨM

Huyền ứng

溥首 Phổ Thủ: Âm trên phổ, chữ phổ trên từ bộ bổ đến bộ thủy, đến bộ thốn. Phổ đầu đó xưa dịch là chất phác không dịu dàng. Tức là tên của Bồ tát Văn Thù.

億垓 Úc hải:.. Ngược lại âm cải hải 改孩. Danh pháp số Ngạnh quý:.. Ngược lại âm ngũ cánh 五更. Sách Tự Thư cho rằng: tiên là roi bằng da dùng để hình phạt trong nhà lao. Theo Khảo Thanh cho rằng: chắc chắn kiên cố Lại có viết ngạnh 硬 là cứng rắn.

Văn thông dụng thường hay dùng. Theo Văn Tự Tập Lược rằng: chữ viết noãn 卯 viết thành chữ noãn. Chữ dưới là quỹ chuẩn. Nghĩa kinh hợp là chữ cương 岡. Âm nghĩa xưa là hồ lãng 胡浪, e rằng không phải, không thành chữ, các chữ trong sách đều không có chữ này. Chưa rõ chữ này xuất phát nơi sách nào. Vả lại văn bốn còn tồn tại về sau nên xét lại.

滿腠 Mãn phao: Âm trên là chữ mãn 滿, từ bộ cũng đến bộ lưỡng 兩, cũng là âm mãn 滿 đến bộ thủy khi dùng chữ. Ngược lại âm dưới là phổ bao 普包. Đây tức

là bàng quang trong bụng là dụng cụ chứa nước, phao niệu, tức là bàng quang (bọng đái), nay gọi là túi chứa hơi là vậy. Sách Thuyết Văn ghi rằng: bàng quang (tức là niệu phao 脬) chữ viết từ bộ nhục 肉 phù 孚 thanh tỉnh 省.

KINH PHẬT THUYẾT BÀO THAI

Huệ Lâm soạn.

Bào Thai: Âm trên là bao 包. Tư Mã Bưu chú giải sách Trang Tử rằng: Bào là cái áo bọc đứa con trong bụng phê xuống. Sách Hán Thư giải thích rằng: đồng bào nghĩa là cùng một bọc sinh ra, ruột thịt, gọi là bào, tức là thân thích anh em một nhà. Sách Thuyết Văn cho rằng: sinh đứa con ra ở bao gói lại. Chữ viết từ bộ nhục 肉 thanh bao 包. Ngược lại âm dưới là tha lai 他來. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: thai 胎 là cái bào thai.

Quảng Nhã cho rằng: người phụ nữ mang thai ba tháng. Chữ viết từ bộ nhục 肉 thanh đài 台.

懿沙 Ê sa:. Ngược lại âm y ký 依寄. Tiếng Phạm. Đây dịch không đúng.

Nhãn đồng tử 眼瞳子:. Ngược lại âm động đông 勤冬. Bì Thương cho rằng: hạt châu của con mắt gọi là đồng 瞳. Quảng Nhã cho rằng: hạt châu của con mắt gọi là con người. Văn thường dùng gọi là mục đồng là con mắt của người. Sách Thuyết Văn cho rằng: giải thích còn thiếu.

成醅 Thành phôi:.. Ngược lại âm phối mai 配梅. Sách Thuyết Văn cho rằng: người phụ nữ mang thai một tháng gọi là phôi. Chữ viết từ bộ nhục, bộ bất 不 thanh tỉnh 省.

Táo ngư khí 燥牛. Ngược lại âm trên là tang đao 桑到. Sách Chu Dịch ghi rằng: lửa chính là từ nơi táo 燥. Sách Thuyết Văn ghi rằng: táo là làm cho khô ráo. Chữ viết tâm bộ hỏa 火 thanh táo 梟. Âm táo đồng với âm trên. Ngược lại âm dưới là phân gian 分間. Văn thường dùng viết từ bộ khí 棄. Sách Thuyết Văn viết phân khí ? 棄 là trừ bỏ đi, quét bỏ đi phân dơ. Theo Vận Anh Tập cho rằng: phân cũng là uế dơ uế hoặc là viết hai chữ khí tượng hình. Trong kinh văn viết từ bộ thổ 土 viết thành chữ này không thành chữ

兩津 Lưỡng tân:.. Ngược lại âm tần mân 頻泯, theo Vận Thuyên Tập cho rằng: tân 臄 là cẳng từ chân đến đầu gối. Sách Thuyết Văn ghi rằng: là xương đầu gối. Chữ viết dùng là từ bộ cốt 骨 viết thành chữ tân 臄, chữ hình thanh.

樹菱 Thụ cai:.. Ngược lại âm cổ lai 古來. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: cai là rễ cây. Quách Phác cho rằng: tục dùng là rễ cây họ gọi là cai 菱. Phương Ngôn cho rằng: Đông Tề gọi rễ cây là cai 菱. Sách Thuyết Văn ghi rằng: rễ cỏ. Chữ viết từ bộ thảo 草 thanh cai 亥.

樹觚投 Thọ cô đầu:.. Ngược lại âm cổ hồ 古胡. Sách Thuyết Văn ghi rằng: chữ viết từ bộ giác 角 đến bộ qua 瓜, âm qua là. Ngược lại âm quả hoa 寡華.

躁擾 Táo nhiều:.. Ngược lại âm tảo đao 早到. Trịnh Huyền chú giải sách Luận ngữ rằng: không an tịnh. Sách

Ích Pháp cho rằng: trong lòng người dân hay biến động gọi là táo 躁. Ngọc Thiên cho rằng: táo là động. Theo sách Thuyết Văn viết chữ táo 躁 này cũng đồng nghĩa.

鍛師 Đoạn sư: Ngược lại âm đoan loạn 端亂 Khổng An Quốc chú giải. Sách Thượng Thư rằng: đoan là rèn luyện loại binh khí như cây mâu, cây giáo. Trịnh Chủng chú giải sách Lễ Ký rằng: là rèn, đập, nện. Thiên Thương Hiệt cho rằng: đẩy ra đánh. Sách Thuyết Văn cho rằng: lò đúc kim loại nhỏ. Chữ viết từ bộ kim 金 thanh đoan 暇.

髮囊 Bị nang: Ngược lại âm trên là bài bài 排拜. Sách Thuyết Văn ghi rằng: dụng cụ thổi lửa hoặc là viết từ bộ vi viết thành chữ bị. Cũng viết chữ nang đều đồng với âm trên, đồng cũng gọi là chữ nang. Sách Tự Thư giải thích rằng: là cái túi không có đáy chữ chuyên chú, âm nang là âm thác. Ngược lại âm dưới là nặc lang.

或縹 Hoặc phiêu: Ngược lại âm thất miểu 匹眇. Sách Thuyết Văn ghi rằng: tấm lụa màu trắng xanh. Chữ viết từ bộ mịch thanh phiêu.

如窯 Như diêu: Âm diêu 姚. Sách Thuyết Văn ghi rằng: diêu là lò gốm, lò nung ngói, gạch. Chữ viết từ bộ huyết đến bộ diêu, hoặc là viết đào cùng đồng nghĩa.

刮治 Quát trị: Ngược lại âm quan hoạt 關滑 văn thường hay dùng, chuyên dùng đã lâu. Nên viết lược. Sách Triện Thư viết đúng là quát này. Từ bộ quát viết thành chữ quát; Trịnh Huyền chú giải Lễ Ký rằng: quát là mài. Quảng Nhã cho rằng: là mài giảm bớt, mài lưỡi kiếm, trừ bỏ đi vật xấu ác. Sách Thuyết Văn ghi rằng: gọt cạo bỏ đi, cắt bỏ đi vết thương phần thịt thối nát. Chữ

viết từ bộ đao thanh quát chi, âm quát. Ngược lại âm hoàn quát, cùng với âm trì. Ngược lại âm tư đài. Theo Khảo Thanh cho rằng: trị lý nghĩa sửa đổi sắp xếp lại, tu sửa bồi đắp thêm vào. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh đài.

揩摩 Giai ma:.. Ngược lại âm khách giai 客皆. Theo Khảo Thanh cho rằng: ma là lau chùi, chữ viết tâm bộ thủ.

尙信 Uông tín:.. Ngược lại âm trên là uông Vương 枉王. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái cẳng bị cong, tức là thọt chân. Chữ từ tượng là vu yển. Hình là khúc chi. Văn cổ viết uông này. Nay các sách viết tĩnh lược. Ngược lại âm dưới là tẩy tế Sách Thuyết Văn ghi rằng: tơ lụa mịn, chữ viết từ bộ mịch, thanh tín, âm mịch là âm mịch. Âm tín là âm tín.

跛蹇 Bá kiển:.. Ngược lại âm trên là ba ngã 波我. Giả Quỷ chú giải sách Quốc ngữ rằng: bá là đi không có ngay ngắn, là bị thọt chân. Sách Thuyết Văn ghi rằng: chữ viết từ bộ túc, bì thanh tĩnh. Ngược lại âm dưới là tiệp yển. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ kiển cũng giống như chữ bá. Nghĩa là bị què chân, chữ viết từ bộ túc đến bộ kiển thanh tĩnh.

禿𦵏 Ngốc lậu: Âm lậu 陋. Theo Khảo Thanh cho rằng bệnh ung thư gọi là lậu, lậu ngày không giảm gọi là thư, ung thư. Chữ viết từ bộ tật thanh lậu.

舌舐 Thiệt thi:.. Ngược lại âm trên là thiện nhiệt 善熱. Sách Thuyết Văn ghi rằng: lưỡi trong miệng cho nên nói: chữ viết tâm bộ thiên đến bộ khẩu thanh thiên diệt, thành ra chữ thiệt. Ngược lại âm dưới là thực nhĩ, văn

thường hay dùng. Sách Thuyết Văn ghi rằng: thử đó là lấy lưỡi mà liếm lấy vật: chữ viết từ bộ thiệt, thanh thị viết đúng là dị, kinh văn viết từ bộ khẩu, viết thành chữ thị này là chẳng phải. Theo Khảo Thanh cho rằng: hoặc viết thử năm thể chữ này đều là chữ cổ, rút ra theo các sử sách thư tịch.

欸逆 Khái nghịch:.. Ngược lại âm khai ái 開愛. Bát Nhã cho rằng:

Khái là hắc hơi, ho, chữ viết từ bộ khiếm, thanh cai. Trong kinh văn viết từ bộ khẩu viết thành khái cũng thông dụng thường hay dùng.

癡蠢 Si hạng:.. Ngược lại âm trên là sĩ trì 恥持. Văn thường hay dùng. Chữ viết từ bộ tâm viết thành chữ si. Theo Khảo Thanh cho rằng: thằng bé con ngu ngốc, hoặc viết từ bộ kiến viết hạng, lại cũng viết hạng. Tục dùng âm trách giáng e rằng chẳng phải.

疣癰 Vưu giáng: Âm trên là vưu 尤, âm dưới là giáng 隆. Cổ Dã Vương cho rằng: bệnh trùng phong, cũng gọi là thịt thừa, tức là nốt ruồi. Chữ vưu cũng có nghĩa là khỏi bệnh, hay là nốt ruồi nổi to lên.

廬脹 Lô trưởng:.. Ngược lại âm trên là lữ trư 呂豬. Theo sách Khảo Thanh cho rằng: da ngoài trình bày, phô bày ra, người trên dùng lời truyền xuống kẻ dưới. Giải thích tên gọi là phúc là cái bụng trước gọi là lô. Sách Thuyết Văn ghi rằng: chữ viết từ bộ nhục thanh lô. Ngược lại âm dưới là trương lượng. Theo Tả Truyện ghi rằng: bụng đầy hơi nên trưởng lên, chữ viết từ bộ nhục, chữ hình thanh.

撈答 Bàng si:.. Ngược lại âm bạch manh 白盲. Cổ

Dã Vương cho rằng: bằg là đánh bằng roi. Sách Tự Thư cho rằng: là đánh. Sách Thuyết Văn viết tâm bộ thủ thanh bằg. Ngược lại âm dưới là sĩ trì. Sách Thuyết Văn cho rằng: sĩ cũng là đánh bằng roi chữ viết từ bộ trúc, thanh đài.

考掠: Khảo lược sách Tự Thư cho rằng: tra khảo đánh đập. Chữ viết từ bộ thủ thanh lược tĩnh. Sách Phương Ngôn cho rằng: âm lược cũng là thông dụng.

KINH VĂN-THÙ-SU-LỢI PHẬT ĐỘ NGHIÊM TỊNH QUYÊN THƯỢNG

恪恭 Khác cung: Văn cổ viết khác cũng đồng. Ngược lại âm khỗ các. Sách Thượng Thư cho rằng: khác là thành kính và cẩn thận nơi thiên mạng. Khổng An Quốc cho rằng: Khác là rất cung kính.

相棠 Tương đường: Âm mượn. Ngược lại âm văn canh. Chữ viết đúng nghi là bốn chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm văn hoành. Gọi là va chạm với nhau, xúc chạm.

恬惔 Điềm đạm:.. Ngược lại âm đồ bồn 徒兼. Sách Phương Ngôn cho rằng: điềm là an tĩnh, âm dưới viết đúng nghi tắc là đạm. Ngược lại âm đồ lam. Sách Hán Thư cho rằng: gọi là an tĩnh. Kinh văn viết từ bộ tâm viết thành chữ đạm. Ngược lại âm đồ cam. Nghĩa là trong lòng lo buồn, giống như đạm ưu lo lắng, chữ đoạn này

chẳng phải nghĩa đây dùng.

白著 Bạch trước: lại viết ba chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm bích mãnh. Quảng Nhã cho rằng: trắng sạch rõ ràng.

億妊 Ưc khái: văn cổ viết hai chữ khái tượng hình. Nay viết chữ khái này cũng đồng. Ngược lại âm cổ tài. Gọi là danh số phong tục thông gọi là mười ức là triệu, mười triệu là kinh, mười kinh gọi là khái, giống như con số lớn.

拜謁 Bái yết:.. Ngược lại âm ư hiết 於歇. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: yết là thỉnh cầu, cũng gọi là cáo bạch.

佻張 Chu trương: Lại viết chữ lưu 譌 cũng đồng. Ngược lại âm trắc lưu. Ngược lại âm dưới là tri lương. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Chu trương là lừa dối, đánh lừa. Quách Phác cho rằng: Chu trương là huyền hoặc, mê hoặc, khinh khi, lừa dối người. Kinh văn viết chu. Ngược lại âm chi nhu, chữ nhu là người lùn thấp bé.

開士 Khai sĩ: Tiếng Phạn, là vị Bồ tát dùng pháp khai đạo cho kẻ học đạo cho nên gọi là khai sĩ.

潭然 Đàm nhiên:.. Ngược lại âm đồ đàm 徒耽. Đàm là đầm nước sâu. Người nước Sở gọi là vực sâu là đàm, chữ viết nghi là đầm. Ngược lại âm đồ lẫm, chữ đảm nghĩa là an tĩnh vậy.

塵埃 Trần ai:.. Ngược lại âm ô lai 烏來. Thiên Thương Hiệt cho rằng: ai đó là gió cuống lốc bay bụi trần lên.

KINH VĂN-THÙ-SU-LỢI PHẬT ĐỘ NGHIÊM

TÍNH QUYỀN HẠ

交趺 Giao phu: Lại viết phụ cũng đồng. Ngược lại âm phủ vu. Tam Thương cho rằng: là cái mu bàn chân, trên gọi là giao đó nghĩa là ngồi chéo chân. Trong kinh văn phần nhiều viết cộng thêm phụ, Sơn đông gọi là giáp mu bàn chân. Trong kinh văn viết từ bộ viết giao này chẳng phải nghĩa đây dùng.

至湊 Chí thấu: Ngược lại âm thả đậu 且豆. Quảng Nhã cho rằng: rất may đến kịp, cũng gọi là cạnh tranh tiến tới.

景則 Cảnh tắc: Ngược lại âm ky ảnh 羈影. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: cảnh sắc màu xanh biếc, gọi là phúc cảnh. Theo truyện cho rằng: cảnh lớn, to lớn vĩ đại, pháp tắc.

KINH ĐẠI THÁNH VĂN THÙ PHẬT SÁT CÔNG ĐỨC QUYỀN THƯỢNG

Huệ Lâm soạn.

門閫 Môn khôn: Ngược lại âm khôn ổn 坤穩. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: cửa có giới hạn, chữ hình thanh.

嫉妒 Tật đồ: Ngược lại âm đô cố 都故. Vương Dật chú giải sách

Sở Từ rằng: hại người hiền gọi là tật. Hại sắc gọi là đồ Sách Thuyết Văn viết đều từ bộ nữ thanh tật họ cũng

có viết tâm chữ hậu viết thành chữ đồ này là chẳng phải.

裸者 Khoả giả:.. Ngược lại âm hoa ngỗ 華瓦. Mượn âm đề dùng, vốn là âm lỗ quả. Cố Dã Vương giải thích rằng: cởi áo để lộ thân trần truồng ra ngoài. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thanh quả, hoặc viết từ bộ nhơn viết thành chữ khỏa, hoặc viết tâm bộ thân viết thành chữ khỏa đều đồng nghĩa.

澄睟 Trừng túy:.. Ngược lại âm trường lăng 長陵. Sách Thuyết Văn ghi rằng: trừng là lóng trong. Ngược lại âm dưới là tuy thúy. Theo Khảo Thanh cho rằng: nhìn thẳng đúng. Ngọc Thiên cho rằng: nhìn một cách trong sáng, hòa nhã dịu dàng. Xưa nay chữ đúng viết tâm bộ mục, túy, thanh tĩnh. Âm túy là âm y. Từ âm viết âm túy. Ngược lại âm thiên miệt.

斟酌 Châm thước:.. Ngược lại âm chấp nhận. Ngược lại âm dưới là chương nhước, nghĩa là rót rượu.

披擻 Phi hoạn:.. Ngược lại âm hoàn mạn. Chí Đồ chú giải Tả Truyện rằng: hoạn là mặc áo giáp vào. Chữ hoạn sách Thuyết Văn viết tâm bộ thủ thanh hoàn.

透徹: Thấu triệt. Ngược lại âm thâu hậu. Theo Khảo Thanh cho rằng: chữ viết từ bộ tẩu viết thành chữ thấu. Ngược lại âm dưới là sĩ liệt. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: triệt là sáng suốt. Sách Thuyết Văn ghi rằng: triệt là thông suốt, chữ viết tâm bộ xước. Ngược lại âm sủu lịch, từ bộ triệt âm triệt đồng với âm trên.

慶欸 Khánh khái:.. Ngược lại âm khinh dĩnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ khánh cũng giống chữ khái. Chữ viết từ bộ ngôn thanh khánh. Ngược lại âm khô giác. Ngược lại âm dưới là khô ái. Sách Bát Nhã cho rằng:

bệnh ho, hắc hơi.

遍捫 Biến môn:.. Ngược lại âm bác kiến. Sách Tự Thư cho rằng: biến là quanh một vòng. Ngược lại âm dưới là mạc môn. Theo Mao Thi truyện cho rằng: môn là nắm giữ Theo Thanh Loại cho rằng: môn là sờ mó. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh môn.

險詖: Hiểm bị. Ngược lại âm bỉ ký 彼寄. Thiên Thương Hiệt cho rằng: bỉ là nói lời nịnh hót, tăng bóc, lừa dối. Sách Thuyết Văn cho rằng: biện luận, nịnh hót, hùa theo.

KINH ĐẠI THÁNH VĂN THÙ PHẬT SÁT CÔNG ĐỨC QUYỂN TRUNG

占吝 Chiêm lận:.. Ngược lại âm trên là chi diệm 之燄. Ngược lại âm dưới là lận chán. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: lận là tiếc. Sách Phương Ngôn ghi rằng: bọn các ông là sâu mọt loài cỏ dại trong nước thềm mà không tâm thí cho dân gọi là lận. Quách Phác chú giải rằng: keo kiệt phần nhiều là tiếc của. Sách Thuyết Văn viết từ bộ khẩu thanh văn. Trong kinh viết từ bộ tâm viết thành lận cũng thông dụng. Văn cổ viết từ bộ văn viết thành chữ lận.

準繩 Chuẩn thẳng:.. Ngược lại âm trên là giai duẩn 佳尹. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: chuẩn cũng như là bình là cân bằng: Quảng Nhã cho rằng: quân đều. Sách Thuyết Văn cho rằng: bằng cân bằng. Chữ viết

từ bộ thủy thanh chuẩn. Văn thông dụng viết từ bộ truy viết thành chữ chuẩn này là chẳng phải. Ngược lại âm dưới là thực dăng.

Ở đời vốn cho rằng: khi gần gũi thân cận nhưng cũng phải có sợi dây chuẩn mực làm cự ly đo. Tống Trung cho rằng: là tôi thân của vua Thuấn. Sách Thượng Thư cho rằng: sợi dây quân lấy để ngăn ngừa sai lầm lừa dối, phong cách của người, chẳng phải tâm của người theo Sư sai lầm sao? Lại gọi là sợ dây theo cây mà chẳng thẳng chính là người quân tử, rèn luyện mà trở thành thánh nhơn. Theo chữ thẳng đó là lấy sợi dây để đo cân bằng, thẳng. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: sợi dây làm hàng rào ngăn chặn, cẩn thận. Sách Thuyết Văn ghi rằng: sợi dây to, chữ viết từ bộ mịch đến bộ mãnh thanh tĩnh.

媿恥 Quý sĩ: Ngược lại âm trên là quỹ vị 軌位. Đồ Dụ chú giải Tả Truyện rằng: tầm quý, là hổ thẹn. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: quý cũng giống như chữ sỉ, nghĩa là xấu hổ. Sách Thuyết Văn cũng đồng với Tả Truyện rằng: chữ viết tâm bộ nữ thanh quý hoặc là viết từ bộ tâm, viết thành chữ quý cũng thông dụng. Ngược lại âm dưới là si lý. Sách Tự Thư cho rằng: sỉ mắc cỡ. Theo Khảo Thanh cho rằng: xấu hổ tâm thẹn. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhục nhã. Chữ viết từ bộ tâm thanh nhĩ, cũng có viết từ bộ chỉ viết thành chữ sỉ văn thông dụng cho rằng không đúng thể.

捶打 Chùy đả: Ngược lại âm truy hoa. Sách Thuyết Văn cho rằng: chùy là lấy cây gậy đánh, chữ viết từ bộ thủ thanh thù.

輕懷 Khinh miệt: Ngược lại âm miên kiết 眠結

Theo Mao Thi Truyện cho rằng: chữ miệt cũng giống như chữ khinh. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: trừ bỏ đi. Lại gọi là diệt, sách Thuyết Văn cho rằng: khinh dễ, xem thường, coi nhẹ. Chữ viết từ bộ tâm, thanh miệt.

窠睹波 Tót-đỗ-ba:.. Ngược lại âm tôn cốt 孫骨 Phạn ngữ. Thời Đường nói rằng: chỗ hiển ra cao tốt, cũng gọi là phương phần, tức là nơi an trí Xá lợi. Hoặc gọi là tháp bà 塔婆, hoặc gọi là trâu bà 偷婆. Cũng gọi là tô trâu bà 蘇偷婆, đều sai, nói lược vậy.

補特伽羅 Bỏ-đặc-già-la: tiếng Phạn. Đời Đường gọi là số thủ thú tức là pháp số.

惚遽 Tổng cứ:.. Ngược lại âm cư ngự 渠御. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: cứ là gấp rút, vội vàng, mau chóng. Cũng gọi là khốn khổ, bức bách, làm khốn khổ Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ xước, thanh cứ âm cứ là âm cự, âm quân. Ngược lại âm quân vẫn.

遷易 Thiên dịch:.. Ngược lại âm thất tiên 七仙. Mao Thi Truyện cho rằng: thiên là chuyển đổi, lại gọi là biến đổi, viết đúng là thiên. Ngược lại âm dưới là dương ích 羊益. Không An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: dịch là đổi.

KINH ĐẠI THÁNH VĂN THÙ PHẬT SÁT CÔNG ĐỨC QUYỂN HẠ

纔發 Tài phát:.. Ngược lại âm tại lai 在來. Theo

Khảo Thanh cho rằng: tài là tạm thời vừa mới. Ngược lại âm dưới là phiên mật. Quảng Nhã cho rằng: phát ra phát đi.

頗虎迦 Pha-hổ-ca: Tiếng Phạn, tên của vật quý.

仰藥羅 Ngưỡng-nghiệt-la: Tiếng Phạn, danh số. Ngược lại âm ngư liệt.

泯末羅 Mẫn-mạt-la: Xưa dịch là tần-sa-la 頻婆羅, cũng là danh số. Ngược lại âm di nhần. Âm mạt. Ngược lại âm ma bát.

阿瞿婆 A-khái-bà:. Ngược lại âm sơ lục 初六, cũng gọi là danh số.

KINH PHÁP KÍNH QUYÊN THUỢNG

Huyền Ứng.

聞物國 Văn vật quốc: Gọi là Xá vệ quốc. Trong kinh Thập Nhị Du nói rằng: vô vật nghĩa là không có cõi nước quốc gia.

胜氏樹 Thắng thị thọ: gọi là rừng Kỳ đà, hoặc gọi là kỳ hoàn, đều sai. Nói cho đúng là tích đa.

憍薩羅國 Kiền-tát-la Quốc: con của vua nước Ba Tư.

除瞿 Trừ cần:. Ngược lại âm cần cận 勤斬. Trong kinh xưa hoặc nói là trừ sĩ trừ nữ Cũng nói là cần sĩ cần nữ Nay gọi là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Ni. Theo tiếng Phạn gọi Tỳ-kheo đây là người Khất sĩ tức là cũng trừ bỏ sự đói khát, đồng nghĩa gọi là trừ có sáu: tình, cơ đoạn, tham,

dục, nhiễm. Lấy pháp lành cần tu, tức là nói là Cần tu sĩ. Cần tu sĩ nữ vậy.

多惡 Đa ác:.. Ngược lại âm A-các 阿各. Gọi là quá ác. Kinh văn viết ác này, hoặc viết ác đều chẳng phải vậy.

除剔 Trừ thích:.. Ngược lại âm tha lịch 他歷. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: cạo bỏ râu tóc, vất bỏ chữ đúng viết là thích. Văn cổ viết thích.

汝迺 Nhữ nãi:.. Ngược lại âm nô cải. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: nãi là nãi tức là của ông, anh, chữ nãi. Theo Thanh loại giải thích: là sinh ra sách Thuyết Văn cho rằng: trở lại.

樂法 Lạc pháp:.. Ngược lại âm ngũ giáo 五教. Ái dục gọi là lạc vui.

Trong kinh văn viết chữ lạc này là chẳng phải.

昆弟 Côn đệ:.. Ngược lại âm cô hồn 孤魂. Sách Nhĩ Nhã cho rằng:

côn là anh lớn. Sách Thuyết Văn giải thích rằng: người nước Chu gọi anh là côn.

磋切 Tha thiết:.. Ngược lại âm thất hà 七何. Chữ viết đúng là tha.

Sách Luận ngữ gọi là cốt, là thiết trượng, là lão luyện. Nói cốt, thiết trượng tha. Tức là mài dũa cho sắt bén, tức là người đòi lấy thành khí học vấn, người tu sĩ lấy thành đạo làm sự nghiệp.

KINH PHÁP KÍNH QUYỂN HẠ

蟆子 Mạc tử: Âm trên là mạc 莫. Theo chữ mạc 蟆 là con muỗi. Ở Sơn nam phần nhiều gọi đây là loại côn trùng cắn đốt người để lại dấu vết, biết bay, chúng tụ hợp dưới bóng mát bóng tối, thường cắn nơi tay có nhiều vết sẹo lớn.

Phi du:.. Ngược lại âm giáp chu 珠. Sách Thuyết Văn ghi rằng: du là cái bụng phệ xuống mấp, có mỡ Lại gọi du cũng là cái bụng. Chữ viết từ bộ nhục.

煨燬 Hà cụ:.. Ngược lại âm cổ hà 古霞. Sách Tự Thư cho rằng: hà cũng giống như cụ vậy. Chữ đúng viết là ca, cũng viết là gia. Ngược lại âm dưới là câu phước. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: cụ giống như loài khi mà lại lớn hơn, lông của nó màu xanh đen, thường hay chụp nắm bắt người, nhìn liếc. Sách Thuyết Văn ghi rằng: là con khi cái. Trong kinh viết da phù là chẳng phải.

尤贅 Vưu chuế:.. Ngược lại âm hữu lưu 有流. Quảng Nhã cho rằng: vưu là bị sưng lên, phù lên. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: là bệnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: bệnh bấu chữ viết từ bộ nhục thanh vưu, hoặc là viết vưu này cũng đồng. Ngược lại âm dưới là chi nhuế Sách Bát Nhã ghi rằng: chuế cũng giống như chữ vưu. Bệnh bấu nhỏ gọi vưu, bệnh bấu lớn gọi là chuế Trong kinh văn viết vưu suyễn là chẳng phải vậy.

玷缺 Điểm khuyết:.. Ngược lại âm đinh nghịet 丁簞. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Điểm cũng giống như khuyết. Chữ viết từ bộ ngọc đến bộ chiêm. Ngược lại âm dưới là khuyển duyệt. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: khuyết là thiếu là viên ngọc có tí vết. Sách Thuyết Văn ghi rằng:

chữ viết từ bộ thủy viết thành chữ khuyết, cũng là văn thông dụng. Chữ viết từ bộ ngọc viết thành chữ khuyết, âm khuyết. Ngược lại là âm cổ huyết chẳng phải nghĩa đây dùng.

墜文 Truy văn:.. Ngược lại âm trực lệ 直淚. Sách Thuyết Văn ghi rằng: truy là rơi xuống rớt xuống bùn nhơ. Trong kinh văn viết quật là chẳng phải vậy. (T408)

刺得 Thứ đắc:.. Ngược lại âm thư dự 舒預. Theo chữ thứ cũng giống như chữ ký. Nghĩa là hy vọng được. Trong kinh văn viết từ bộ ngôn viết thành chữ thứ. Ngược lại âm chi nặc chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

KINH ÚC-CA-LA VIỆT VẤN BỒ TÁT HẠNH

強項 Cường hạng:.. Ngược lại âm hồ giảng 胡講. Theo chữ hạng đó gọi là người ngang bướng, cứng cỏi khó mà quay đầu trở lại. Trong kinh Vô lượng Thanh Tịnh Giác nói rằng: loại người hạng cường là ngu si vậy. Kinh Đại Phẩm viết: là loại người Tăng thượng mạn. Nghĩa này cũng là một vậy.

主麀 Chủ lộc:.. Ngược lại âm chu nhũ 朱乳. Trong kinh Sơn Hải nói rằng: ở núi Hình phần có con thú này, giống như con hươu. Trịnh Tiễn chú giải rằng: loại thú này giống như nai mà lớn hơn nai, cái đuôi nó có thể làm chổi quét được.

郁迦 Úc-ca: đây dịch là uy đức.

譚 Trêu hoa: Nay viết điệu 啍 cũng đồng. Ngược lại

âm trúc bao.

Sách Bát Nhã giải thích rằng: trêu là lời bốn cột vui đùa, pha trò. Chữ hoa còn nghi nên viết chữ thoại. Ngược lại âm hồ khoái 胡快. Sách Bát Nhã ghi rằng: thoại 話 là lời nói hài hước, làm trò vui cười. Sách Thuyết Văn ghi rằng: là lời nói hay.

牽拽 Khiên duệ: Ngược lại âm đạo kiên 遣肩. Quảng Nhã ghi rằng: khiên là dẫn dắt. Sách Thuyết Văn ghi rằng: dẫn đi tới phía trước. Chữ viết từ bộ miên đến bộ ngư, thanh huyền, giống như là dắt trâu bò, hươu đi vậy. Âm dưới lại viết duệ cũng đồng. Ngược lại âm dĩ thể. Tự Lâm cho rằng: duệ là kéo lôi vật nằm. Sách Bát Nhã ghi rằng: cùng nhau dẫn dắt lôi kéo, hoặc viết chữ duệ này âm miên. Ngược lại âm quý dinh.

財賄 Tài hồi: Văn cổ viết hồi này cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm hồ tội. Sách Nhĩ Nhã ghi rằng: hồi cũng là tài. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: vàng ngọc gọi là hóa, vải vóc gọi là tài.

躑躅 Trịnh xúc: hoặc viết chữ trích này cũng đồng. Ngược lại âm trình diệp. Âm dưới hoặc viết chữ xúc này. Ngược lại âm trực lục. Tự Lâm cho rằng cái chân đứng dùng dằng không chịu tiến tới. Quảng Nhã cho rằng: chân chừ, trù trù.

KINH HUYỀN SĨ NHÂN HIỀN

Huyền Ứng soạn

陀婆羅 Bạt-đa-bà-la: Trong kinh viết ba thể chữ bạt

đều đồng nghĩa. Ngược lại âm bàn mạt. Đây dịch là hiền nhân, hoặc gọi là hiền hộ, hoặc là lân cận với bậc thánh.

普徽 Phổ huy:.. Ngược lại âm hồ quy. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: huy là tốt đẹp, sách Thượng Thư cho rằng: Vương Tư có huy hiệu là ngũ điển, cũng gọi là mỹ hiệu, huy hiệu đẹp.

瓶瑛 Bình Anh:.. Ngược lại âm ô canh. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Anh là cái bình có cổ dài, hoặc gọi là đảm. Ngược lại âm cam, hoặc là viết anh này mà cũng viết chữ anh này đều đồng.

自隹 Tự vĩ: Sách toán văn viết chữ vĩ này cũng đồng. Ngược lại âm vu quý. Theo Tả Truyện cho rằng: phạm năm điều sai lầm. Đỗ Dư chú giải rằng: vĩ là đúng phải.

KINH QUYẾT ĐỊNH TỶ NI

Huệ Lâm soạn

友陀婆羅 Bạt-đà-bà-la: Tên của vị Bồ tát. Đời Đường gọi là Bồ tát tên Hiền Hộ Nam-mô Hiện Vô Ngu Phật. Đây là danh hiệu Phật chuẩn Phạn âm. Bản hợp là chưa xem xét lại, bản dịch viết đây là tên riêng không có tương đương.

一搏 Nhất bác:.. Ngược lại âm đoạn loan. Sách Bát Nhã cho rằng: dùng tay nắm vật khiến cho không vượt ra. Sách Thuyết Văn ghi rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh chuyên. Kinh văn viết sủy là chẳng phải.

逮無 Đãi vô:.. Ngược lại âm đồ đãi. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: đãi là đến kịp. Sách Thuyết Văn ghi rằng: chữ viết từ bộ xước thanh đãi, âm đãi là âm đệ

矛塑 Mâu sóc:.. Ngược lại âm mạc hậu. Âm dưới là song tróc.

Quảng Nhã cho rằng: cũng là chữ mâu là một loại binh khí thời xưa có cán dài mũi nhọn, gọi là cây mâu hoặc là cây giáo. Chữ viết bộ mâu thanh tiêu.

捲誘 Quyển dụ:.. Ngược lại âm diên viên. Ngược lại âm dưới là dĩ hữu. Trịnh Chú chú giải sách Lễ Ký rằng: dụ là dẫn dắt. Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ rằng: dạy dỗ Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư và sách Nhĩ Nhã rằng: trải qua. Sách Thuyết Văn hoặc viết dụ.

HẬU DỊCH TAM THẬP NGŨ PHẬT DANH SÁM HỐI

Huệ Lâm soạn.

懺悔 Sám hối. Ngược lại âm trên là sách hãm. Theo sách Tập Huấn cho rằng: tự bày ra lỗi của mình. Sách Vận Anh cho rằng: tự bày ra là hối lỗi. Chữ viết từ bộ tâm sám thanh tĩnh. Văn thường hay dùng viết từ bộ tiết viết thành chữ sám này là chẳng phải, âm sám. Ngược lại âm tinh liêm. Từ hai bộ như đến bộ cử đến bộ qua.

Bất không kiến như lai 不空見如來: Xưa chú giải rằng: hiện vô ngu Phật là sai lầm.

遊戲 Du hý:.. Ngược lại âm hy hy 希義. Theo sách Tập Huấn giải thích rằng: nhàn nhã dạo chơi. Sách Thuyết Văn cho rằng: biến khắp trong ba quân. Chữ viết từ bộ thanh hý. Âm hy. Ngược lại âm hứa nghi.

卑栗蹉 Ty lật tha:.. Ngược lại âm thượng hà 倉何. Tiếng Phạn gọi là người tà kiến không tin chánh pháp. Xưa dịch là đi lệ xa, cũng không đúng tương đương sai lược.

補羯娑 Bô-yết-sa: Tiếng Phạn cũng gọi là người làm nghiệp ác.

一搏 Nhất bác:.. Ngược lại âm đoạn lạc 段樂. Sách Tập Huấn ghi rằng: bác là đẩy tới dùng tay đánh. Khiến người ta phải chịu. Chữ viết từ bộ thủ thanh truyền, hoặc là viết đoàn cũng là thông dụng.

KINH PHÁT GIÁC ĐỊNH TÂM QUYỀN THƯỢNG

Huệ Lâm soạn.

談話 Đàm thoại:.. Ngược lại âm đạm cam 言甘. Cổ Dã Vương giải thích rằng: đàm là bàn luận. Quảng Nhã cho rằng: bốn cột, chọc gheo. Ngược lại âm dưới là hồ khoái. Sách Bác ghi rằng: thoại nói lời hài hước vui cười. Sách Thuyết Văn cho rằng lời nói hay. Sách Tự Thư ghi rằng: viết từ bộ thoại này. Trữ văn viết chữ hội cũng đồng nghĩa.

捫淚 Môn lệ:.. Ngược lại âm mạc bôn 莫. Theo

Thanh Loại cho rằng: môn là sở mó. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: môn là nắm giữ. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh môn.

迭相 Diệt tương:.. Ngược lại âm điền kết 田結. Đồ Dự chú giải Tả

Truyện rằng: diệt là nhiều lần, càng thêm. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: thay đổi, thay phiên nhau.

毀咎 Hủy tử:.. Ngược lại âm huy ủy 暉委. Sách Nhĩ Nhã cho rằng:

hư hoại. Sách Khảo Thanh viết hủy này. Ngược lại âm dưới là tư thử. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: tử đó là lấy lời nói hủy nhục người. Sách Thuyết Văn cho rằng: mắng nhiếc quyền trước và sau, không nói ra đó đều viết chữ tử này, đều đồng nghĩa.

嬉戲 Hy hý:.. Ngược lại âm hỷ kỳ Thiên Thương Hiệt giải thích rằng: hy hý là cười đùa. Sách Thuyết Văn ghi rằng: là vui. Sách Thuyết Văn viết chữ nô nghĩa là trêu đùa. Ngược lại âm dưới là hy nghĩa. Sách Nhĩ Nhã ghi rằng: hý là làm trò hài hước. Sách Thuyết Văn giải thích là nhân nhã vui chơi, chữ viết từ bộ qua thanh hý. Âm lý. Ngược lại âm hứa nghi.

犀牛 Tê ngư:.. Ngược lại âm tẩy kê. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: tê giống như con trâu nước, đầu giống con heo, bụng to, chân nhỏ, chân có ba ngón màu sắc đen, có hai sừng, một sừng ở đỉnh đầu, một sừng ở nơi mũi, gọi là ăn thịt. Tê giác con không thích bùn đất mà lại thích ăn loại cỏ gai. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngư đến bộ vĩ.

KINH PHÁT GIÁC ĐỊNH TÂM QUYỀN HẠ

莖稈 Hành căn:.. Ngược lại âm hộ canh 戶耕, âm dưới là cổ can. Tả

Truyện viết chữ căn này. Nghĩa là thân nhánh của cây lúa.

創炮 Sang pháo:.. Ngược lại âm sở sương 楚霜. Nay vẫn thông dụng viết chữ sang, sách Thuyết Văn viết sanh này. Văn cổ viết sang này, văn cổ viết sang. Ngược lại âm dưới bồ nhi. Sách Thuyết Văn ghi rằng: pháo là trên mặt nóng nhiệt mọc mọc nộm, cũng gọi là nốt phỏng trên da. Chữ viết từ bộ bì thành bao, hoặc viết pháo. Nay kinh vẫn viết pháo này là chẳng phải.

籠罩 Lung tráo:.. Ngược lại âm lô hồng 盧紅. Sách Trang Tử cho rằng: lung là cái lồng chim. Sách Thuyết Văn viết từ bộ trúc thanh long. Ngược lại âm dưới là trào giáo. Sách Thuyết Văn ghi rằng: trúc là cái nôm bắt cá, gọi khác là sát.

Chữ viết từ bộ võng thanh trác.

財購 Tài cầu:.. Ngược lại âm cổ hầu 古候. Sách Thuyết Văn ghi rằng: cầu là mua chuộc đem về, từ bộ bồi thanh cầu. Cầu cũng là âm cổ hầu.

KINH TU-MA-ĐỀ NỮ

Huệ Lâm soạn.

信擣 Tín đảo:.. Ngược lại âm tây kế 西計. Ngược lại

âm dưới là đao lão. Khảo Thanh cho rằng đao là đập giả, đâm. Sách Thuyết Văn ghi rằng: dùng tay mà đẩy ra, chữ viết từ bộ thủ thanh đao, hoặc viết đao. Cổ văn viết xuân đao.

𠂔妙 Nhuyễn diệu:.. Ngược lại âm nhi sung 而 viết đúng là nhuyễn, hoặc viết nhuyễn. Trong kinh văn viết từ bộ thạch viết nhuyễn này là chẳng phải.

𠂔詔 Du siễm:.. Ngược lại âm dương chu 羊朱. Sách Trang Tử cho rằng: không chọn lựa phải quấy mà nói gọi là du. Ngược lại âm dưới là sữ nhiễm. Nói lời nịnh hót trái với lẽ phải gọi là siễm. Hà Hưu chú giải Công Dương truyện rằng: siễm là nịnh hót nói tăng bốc lên. Sách Thuyết Văn ghi rằng: cũng là nịnh hót nói hòa theo. Kinh văn viết siễm này cũng thông dụng thường hay dùng.

KINH TU-MA-ĐỀ BỒ-TÁT QUYỂN 1

Huệ Lâm soạn.

羅閱祇 La-duyet-kỳ: âm trên là duyet, tiếng Phạn.

優迦 Ưu-ca: Tiếng Phạn, tên của vị trưởng giả cũng gọi là Úc-già.

多陀竭 Đa-đa-kiệt: Tiếng Phạn gọi là chất phác thô kệch không bóng loáng. Chánh Phạn âm gọi là Đát-tha-nghiệt-đa 怛他藥多.

Đời Đường dịch là Như Lai.

拘文花 Câu văn hoa: Cũng gọi là câu-mâu-đa 拘牟

那.

Xưa cũng gọi là câu vật đầu hoa, tiếng Phạn.

滿朶 Mãn cúc.: Ngược lại âm cung lục 弓六. Theo Khảo Thanh cho rằng: cúc là giữ lấy. Sách Thuyết Văn ghi rằng: cong ngón tay lại bệ lấy vật, bung lấy vật. Xưa viết là cửa, nay thông dụng viết là cúc. Kinh văn viết chữ cúc này.

埤助 Bì trợ.: Ngược lại âm ty di 婢彌. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: bì tăng thêm dày. Lại gọi là có ích. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: bù thêm vào, lại cũng gọi là hỗ trợ giúp sức. Sách Thuyết Văn cho rằng: tăng thêm vào. Chữ viết từ bộ thổ thanh bi. Kinh văn viết bì này cũng thông dụng.

KINH TU-MA-ĐỀ BỒ-TÁT QUYỂN 2

缺減 Khuyết giảm.: Ngược lại âm khuyên duyệt 犬悅. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: khuyết là tổn giảm. Sách Thuyết Văn ghi rằng: chữ viết từ bộ phữ đến bộ quyết, thanh tĩnh hoặc viết từ bộ thủy viết khuyết, khuyết này cũng thông dụng. Ngược lại âm dưới là giáp trăm. Sách Thuyết Văn ghi rằng: giảm là tổn thất hao hụt, chữ viết từ bộ thủy thanh hành.

搗致 Oanh trí.: Ngược lại âm hô hoảnh 呼泓 dựa theo chữ giải thích thì chữ oanh cũng giống như chữ quang, rộng lớn, tiếng nổ ầm ầm.

探識 Thám thức.: Ngược lại âm tha cam 他甘. Sách Thuyết Văn ghi rằng: thám là chữ thăm dò, lấy ý thăm

dò người khác, chữ viết từ bộ thủ

別時 Biệt thời:. Ngược lại âm bỉ liệt 彼列. Kinh văn viết từ bộ thảo viết thành chữ biệt là chẳng phải vậy.

漚和 Âu hòa:. Ngược lại âm ô hậu 烏候. Âm dưới là hòa 和, tiếng Phạn, tên của vị Bồ tát.

KINH A-XÀ QUÁN VƯƠNG NỮ THUẬT ĐẠT BỒ-TÁT

Huệ Lâm soạn.

五旬 Ngũ tuần: Hoặc là nói là huyền đi ngược nước. Chữ tuần đó Đường Huyền Trang nói ngũ tức là năm thần thông.

因堤 Nhân Đề:. Ngược lại âm đinh lê 丁. Tiếng Phạn, tên của vị Bồ-tát.

澧越 Lễ việt:. Ngược lại âm lự để 力底. Trong kinh hoặc nói li việt, đều đồng một nghĩa.

干蔗 Can giá: Trong kinh hoặc viết can gián cũng đồng. Ngược lại âm dưới là chi dạ văn thông dụng thường hay dùng. Ở Kinh Châu có cây can gián, hoặc nói là cam giá 甘蔗 đều đồng một vật là loại cây mía. Trong kinh văn viết từ bộ xước viết thành chữ giá này là chẳng phải vậy.

蠱狐 Cổ cô:. Ngược lại âm trên là dư giả 餘者, cũng viết chữ dã.

Sách Thuyết Văn ghi rằng: Dã cô là con yêu thú, cũng gọi là quỷ có chỗ nhận rằng có đức, trong thần sắc

của nó hòa nhau nhỏ trước lớn sau. Sau khi chết thì đầu nó đứt lìa ra gọi là thú dã can.

KINH ĐẮC VÔ CẦU NỮ (KINH LY CẦU THÍ NỮ)

Huệ Lâm soạn.

遞共 Đệ cộng:.. Ngược lại âm đề lễ 提禮. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: đệ là đưa đi. Quách Phác cho rằng: dễ dàng tiện lợi. Theo Khảo Thanh cho rằng: thay thế, chuyển. Sách Thuyết Văn ghi rằng: chữ viết từ bộ xước đến bộ đệ. Kinh văn viết đệ này văn thường hay dùng là sai lầm. Ngược lại âm đồ tư.

符瓦 Phù ngỗa:.. Ngược lại âm đồ cổ 徒古. Sách Bát Nhã cho rằng: ngỗa là cái bình. Bì Thương giải thích rằng: là cái bình lớn.

Sách Thuyết Văn ghi rằng: chữ viết từ bộ ngỗa thanh thổ, âm vĩ. Ngược lại âm đề lễ.

解奏 Giải tấu:.. Ngược lại âm cổ mại 古賣. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: giải là tháo gỡ trừ bỏ đi. Quảng Nhã cho rằng: giải tán. Sách Thuyết Văn cho rằng: phán ra, chữ viết từ bộ giác đến bộ đao, đến bộ ngư. Ngược lại âm là tắc hậu. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: tấu là tiến vào. Lại nữa văn trên theo chữ giải tấu đó là đi dã ngoại cúng tế thần

鹿埵 Lộc chuyên:.. Ngược lại âm dưới là hạng nhuyển 𨾏. Sách Thuyết Văn cho rằng: bắt chân, hoặc

viết là yên phi. Ngược lại âm phì vị.

從輿 Tùg dư:.. Ngược lại âm dư nhữ 余絮. Quảng Nhã cho rằng: dư là nhắc lên đưa lên. Sách Bát Nhã cho rằng: khiên kiêu bằng cây đòn. Sách Thuyết Văn viết từ bộ xa thanh dư. Trong kinh văn viết cử, cũng là thông dụng.

危脆 Nguy thúy:.. Ngược lại âm thất tuế 七歲. Quảng Nhã cho rằng: thúy là yếu mềm, yếu gầy. Sách Thuyết Văn cho rằng: ít mềm mại, giòn dễ gãy. Chữ viết từ bộ nhục đến bộ sắc, tuyệt. Trong kinh văn viết chữ thúy này là văn thường hay dùng.

一瓢 Nhất biểu:.. Ngược lại âm tỷ diêu 毘遙. Sách Phương Ngôn

cho rằng: biểu là tên của cái bầu đựng nước. Theo Khảo Thanh cho rằng: biểu là trái bầu. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ qua thanh biểu.

KINH ƯU ĐIỀN VƯƠNG

Huyền Ứng soạn.

皮韜 Bì thao:.. Ngược lại âm thổ lao 吐勞. Theo Tả Truyện cho rằng: lấy cái vui mà làm lo buồn. Đỗ Dự cho rằng: thao là cất chứa. Sách Thuyết Văn cho rằng: là cái bao kiếm.

避從 Ty tùg:.. Ngược lại âm tỷ xích 脾尺. Hàn Thi truyện cho rằng: hoặc là viết tích 辟. Bốn phương đều tránh khỏi, trừ bỏ đi, cũng gọi là đi theo.

不計 Bất kế:.. Ngược lại âm cư nghệ 居詣, gọi là tính toán. Sách Quốc ngữ cho rằng: tính mưu kế thành mà sau đó mới hành động. Giả Quỷ cho rằng: mưu kế. Trong kinh văn viết hệ là chẳng phải thể.

侏侏 Côn thuận: Lại viết cô thuận này hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm hồ bốn. Ngược lại âm đồ tồn. Gọi là loại không thông. Văn thông dụng cho rằng: lớn mà không có hình dáng gọi là côn thuận.

荏其 Trì kỳ:.. Ngược lại âm trừ mai 除致. Theo chữ trì là mong muốn cho việc được nhanh chóng. Chữ trì cũng giống như chữ vọng, là hy vọng mong chờ. Kinh văn viết ấu trĩ, nghĩa là non nớt trẻ con, chữ trĩ là chẳng phải.

鴆毒 Trâm độc:.. Ngược lại âm trừ cấm 除禁. Trong kinh Sơn Hải ghi rằng: phạm người nữ cũng có chất độc giết người giống như loại chim này vậy, loại chim trâm này lông nó rất độc, phần nhiều trên núi. Quách Phác cho rằng: giống chim trâm lớn như con điều hâu, lông đỏ, mỏ dài, cổ cũng dài, thường hay ăn loài rắn, lông của nó mà ngâm với rượu tức là uống vào chấm dứt cuộc đời liền (tức là chết liền).

仆僵 Phó cương:.. Ngược lại âm bồ lạc 菴勒. Ngược lại âm dưới là cư lương. Sách Thuyết Văn ghi rằng: phó là đón ngã, cũng gọi là che phía trước tức là té ngã ngựa phía trước, cũng gọi là vấp chân té ngã ngựa.

身冒 Thân mao:.. Ngược lại âm mao báo 毛報 nghĩa là che đây, thô sơ. Theo chữ mong cũng giống chữ hạ, là nhận chịu ơn huệ. Sách Hán Thư cho rằng: nghe thâu trên Thượng Đế

KINH VĂN THÙ SƯ LỢI

SỞ THUYẾT BÁT TƯ NGHÌ PHẬT CẢNH GIỚI QUYỀN THƯỢNG

Huệ Lâm soạn.

貪瞋癡: Tham sân si. Ngược lại âm xướng trên. Sách Khảo Thanh cho rằng: sân là nổi giận. Sách Thuyết Văn cho rằng: trương con mắt nhìn oán hận. chữ hình thanh. Ngược lại âm dưới là sĩ tri. Sách Khảo Thanh cho rằng: không có trí huệ, chữ viết từ bộ tật.

酸鹹 Toan hàm:.. Ngược lại âm trên là tô 蘇端. Sách Khảo Thanh cho rằng: chữ toan cũng giống chữ thố: nghĩa là một giấm chua, mà cũng chỉ sự ghen tuông. Ngược lại âm dưới là hãm giam. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: hàm là khổ Quách Phác chú giải rằng: khổ tức đại hàm là nước mặn. Sách Thuyết Văn viết từ bộ lỗ

粗淺 Thô thiên:.. Ngược lại âm thương hồ 倉胡, chữ viết là thô.

. Ngược lại âm dưới là thất tiên 七剪.

射師 Xạ sư:.. Ngược lại âm thực dạ 食夜. Sách Thuyết Văn ghi rằng: xạ là cây cung nỏ phát ra từ nơi thân, mà trong đó đi rất xa. Chữ viết bộ thân, đến bộ thốn. Chữ thốn đó là pháp độ cũng là từ nơi tay người, hoặc là viết từ bộ thỉ viết thành chữ thỉ này cũng thông dụng.

特鍾 Đặc chung:.. Ngược lại âm đường lạc 唐勒. Ngược lại âm dưới là chúc long 燭龍. Trong kinh nói

rằng: đặc chung là thương xót nhớ nghĩ sâu xa.

怨讎 Oán thù:. Ngược lại âm ư viên 於袁. Sách Khảo Thanh giải thích rằng: oán cừu với nhau. Thiên Thương Hiệt giải thích: oán hận lâu đời, tội lỗi. Sách Thuyết Văn ghi rằng: oán trách, oán giận. Chữ viết từ bộ tâm thanh oán. Ngược lại âm dưới là thọ lưu. Trịnh Tiên chú giải Mao Thi Truyện rằng: thù là ghét thù ghét căm giận Cố Dĩ Vương cho rằng: gọi là oán giận, không hài lòng, buồn giận, lại gọi là cừu thù. Sách Tập Huấn cho rằng: nên cởi mở lấy chánh pháp mà cởi mở khi oán thù gặp nhau. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn thanh thù, âm thù đồng với âm trên.

控弦 Không huyền:. Ngược lại âm không công 空貢.

Mao Thi Truyện cho rằng: không là dẫn ra, dẫn dây cung gọi là không. Huyền là vuron dây cung lên để bắn. Sách Thuyết Văn ghi rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh không.

巧捷 Xảo tiệp:. Ngược lại âm tiềm nghiệp 潛業. Sách Giai Uyển chu Tòng cho rằng: tiệp là thắng hơn. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: là trí huệ khéo léo. Sách Bát Nhã giải thích rằng: là mau chóng. Sách Thuyết Văn ghi rằng: chữ viết từ bộ thủ đến bộ tiệp.

色泡 Phù phao:. Ngược lại âm dưới là phổ bao 普包. Sách khảo Thanh cho rằng: bọt nước nổi trên mặt nước.

彫 Điêu song:. Ngược lại âm trên là đa nhiêu 多堯. Ngược lại âm dưới là sở song 楚雙. Quảng Nhã cho rằng: song là cửa sổ. Sách Vận

Thuyên cho rằng: đúng một bên cửa sổ gọi là dĩ.

Sách Thuyết Văn ghi rằng: cửa sổ khoét trên vách tường, ở ngoài cửa gọi là song. Văn cổ viết song.

拴櫺 Toàn lô:.. Ngược lại âm tạc loan 昨巒. Thiên Thương Hiệt giải thích: toàn là gom lại. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: gom tụ lại. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc, đến bộ tán. Ngược lại âm dưới là lộc phu 鹿夫. Sách Thuyết Văn ghi rằng: đòn kê nằm trên cây cột, theo kiến trúc nhà cổ, âm xuyên. Ngược lại âm khiên kiến 牽見.

疊棋 Điệp kỳ:.. Ngược lại âm đồ hiệp 徒協. Cô Dã Vương cho rằng: chữ điệp cũng giống như chữ luy 累, nghĩa là trói buộc. Tống Trung chú giải kinh Thái Huyền rằng: chứa nhóm. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: trùng lập nhiều lần, nhiều tầng. Sách Thuyết Văn viết từ bộ tinh 晶, đến bộ 宜 Dương Hùng giải thích rằng: người xưa định tội từ ba ngày, mới quyết định đem ra xử đoán tội nhân. Cho nên từ ba ngày vua mới đem ra hành quyết, lấy ba ngày là quá nhiều, cho nên sửa đổi lại làm ba bộ điền 田.

磊砢 Lôi kha:.. Ngược lại âm lôi tội 雷. Ngược lại âm dưới là lạc khả 勒可. Sách Thuyết Văn ghi rằng: lôi kha là rất nhiều đá.

柔兕 Nhu nhuyển:.. Ngược lại âm nhi sung 而. Kinh văn viết nhuyển này cũng thông dụng văn thường hay dùng.

觸嬈 Xúc nhiều:.. Ngược lại âm xung chúc 衝燭. Âm dưới là nô điều 奴鳥. Sách Thuyết Văn ghi rằng: nhiều là cùng nhau làm trò vui đùa giải trí, hoặc viết niều là chọc ghẹo nhau.

KINH VĂN THÙ SƯ LỢI

SỞ THUYẾT BÁT TƯ NGHÌ PHẬT CẢNH GIỚI QUYỀN HẠ

Kinh Phật Cảnh Giới – quyền hạ

儔黨 Trù Đảng:.. Ngược lại âm trực lưu 直留. Sách Văn Âm Tập Lược cho rằng: trù là cô đơn. Quảng Nhã cho rằng: dựa, nương dựa theo. Ngược lại âm dưới là đương lãng 當朗. Khổng An Quốc chú giải sách.

Luận ngữ rằng: đẳng loại. Trịnh Huyền chú giải sách Luận ngữ rằng: gần gũi thân thiết. Sách Thuyết Văn viết từ bộ hắc 黑, thanh thượng 尚.

瑕垢 Hà cầu:.. Ngược lại âm hạ da 夏加. Quảng Nhã cho rằng: hà là viên ngọc bị dơ uest. Ngược lại âm dưới là cổ hậu 古后.

淤泥 Ứ nê:.. Ngược lại âm ư cứ 於據. Cổ Dã Vương cho rằng: nay trong nước có bùn là ứ 淤.

Sách Thuyết Văn cho rằng: cặn bã Âm đoạn 澱. Ngược lại âm điền luyện 田練.



NHẤT THIẾT ÂM NGHĨA KINH

Đại Đường phiên dịch kinh Sa môn

– Huệ Lâm soạn.

QUYỂN 17

Kinh Âm Như Huyền Tam muội – hai quyển – Huệ Lâm soạn.

Kinh Thiện Trụ Ý Thiên Tử – ba quyển – Huệ Lâm soạn.

Kinh Thái Tử Loát Hộ – một quyển – Huệ Lâm soạn.

Kinh Thái Tử Hòa Hưu – một quyển – Huệ Lâm soạn.

Kinh Đại thừa Hiền Thức – hai quyển – Huệ Lâm soạn.

Kinh Huệ Thượng Bồ tát Văn Đại Thiện Quyền – hai quyển Huyền Ứng soạn.

Kinh Đại thừa Phương Đẳng Chiếu Huệ – một quyển – Huệ Lâm soạn.

Kinh Di Lặc Bồ tát Sở Văn Bồn Nguyên – một quyển – Huệ Lâm soạn.

Kinh Phật Di Nhật Ma Ni Bảo – một quyển – Huyền Ứng soạn.

Kinh Thắng Man Sư Tử Hồng Nhứt Thừa Đại Phương Tiện, Phương Quảng – một quyển – Huyền Ứng

soạn.

Kinh Tỳ-da-sa Vấn – hai quyển – Huyền Ứng soạn.

Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập - ba mươi quyển -
Huyền Ứng soạn

Đại Tập Nhứt Tạng Phần – mười quyển – Huyền
Ứng soạn.

Đại Tập Nguyệt Tạng Phần – mười quyển – Huyền
Ứng soạn.

Bên phải mười lăm kinh trên – sáu mươi quyển.

KINH ÂM NHƯ HUYỄN TAM-MUỘI QUYỂN THƯỢNG

Huệ Lâm soạn.

德鎧 Đức Khải:. Ngược lại âm khai đại 開代. Sách
Khảo Thanh cho rằng: khải là mũ trụ dùng khi ra trận.
Sách Văn Tự Tập Lược cho rằng: dùng kim loại làm da
che thân gọi là khải 鎧. Sách Thuyết Văn ghi rằng: là áo
giáp. Chữ viết từ bộ kim 金, đến bộ khải 愷, thanh tỉnh
省.

宴居 Yên cư:. Ngược lại âm yên kiến 煙見. Trịnh
Huyền chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: yên 宴 là nhàn nhã.
Sách Thuyết Văn cho rằng: yên là an, cũng gọi là tịnh.
Chữ viết từ bộ mịch, thanh yên. Kinh văn viết yên 燕
này, người xưa mượn âm dùng. Nghĩa cũng thông dụng.

愚戇 Ngu tráng:. Ngược lại âm trác hàng 卓降. Sách
Khảo Thanh cho rằng: tinh thần không sáng khoái. Sách
Hoài Nam Tử cho rằng: theo Quản Trọng nhìn Bá Di thì

gọi là trắng vậy, là tính thẳng thắn, cương trực nóng nảy. Sách Thuyết Văn ghi rằng: trắng là ngu muội. Chữ viết từ bộ tâm thanh trắng, âm trắng là âm cống 貢.

悌 抵 Đễ đột:.. Ngược lại âm trên là đình thể 丁禮. Sách Chiến Quốc sách ghi rằng: đễ 抵 là xúc chạm, va chạm. Sách Thuyết Văn ghi rằng: điều hòa, đồng nhau. Chữ viết từ bộ ngu, thanh đễ 氏, âm đễ đồng với âm trên. Ngược lại âm dưới là đồ cốt. Quảng Nhã cho rằng: đột là xung đột với nhau. Theo sách văn Tự Dũ Thuyết cho rằng: chữ viết từ bộ thủ 手, thanh đột 突

Kinh văn viết đột này cũng thông dụng.

恭 恪 Cung khác:.. Ngược lại âm Khang các 康各. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: khác là cung kính, thành kính. Sách Thuyết Văn viết từ bộ khách đến bộ tâm viết thành chữ khác là chữ cổ, hoặc là viết khác. Xưa nay chữ viết đúng là tự bộ tâm 心, thanh các 各.

懽 怕 Đạm phạ:.. Ngược lại âm trên là đàm cảm 談敢. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: đạm là yên tĩnh, điềm tĩnh. Quảng Nhã cho rằng: thản nhiên. Sách Thuyết Văn cho rằng: an nhiên, chữ viết từ bộ tâm, thanh đảm. Ngược lại âm dưới là phổ bá. Quảng Nhã cho rằng: phạ là an tịnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: không lo nghĩ. Chữ viết từ bộ thanh bạch. Kinh văn viết bá là chẳng phải vậy.

Ngu ai 愚駭:.. Ngược lại âm nhai giải 崖解. Chữ thượng thanh.

Thiên Thương Hiệt cho rằng: ai là không biết, Bì Thương cho rằng: là ngu ngốc. Sách Thuyết Văn cho rằng: con ngựa đi có sức mạnh lực lưỡng. Chữ viết bộ

mã thanh ai. Âm ngật. Ngược lại âm thổ ngật.

千妊 Thiên khái:.. Ngược lại âm cải hài 改孩. Toán kinh nói rằng: mười vạn gọi là ức, mười ức gọi là triệu, mười triệu gọi là kinh, mười kinh khái; danh pháp số Xưa nay chữ đúng cho rằng: con số lớn, chữ viết từ bộ nữ thanh khái. Kinh văn viết từ bộ thổ là dùng sai vậy.

汲引 Cáp dẫn:.. Ngược lại âm trên là kim cấp 金岌. Quảng Nhã cho rằng: cấp là lấy nước, mức nước. Sách Thuyết Văn ghi rằng: chữ cấp cũng giống như chữ dẫn. Nghĩa là dẫn nước, lấy nước. Chữ viết từ bộ thủy thanh cấp.

以槌 Dĩ quá:.. Ngược lại âm trên là trắc qua 陟瓜. Sách Khảo Thanh cho rằng quá là đánh, gõ, dùng chày đánh nện. Theo Thanh Loại cho rằng: dùng chày đập. Xưa nay Chánh Tự ghi rằng: chữ viết từ bộ mộc thanh quá. Sách Thuyết Văn viết từ bộ trúc viết thành chữ quá là chữ cổ.

傀琦 Quỷ kỳ:.. Ngược lại âm trên là cổ huỳnh 古廻. Sách Tập Huấn ghi rằng: là sức mạnh vĩ đại. Sách Giai Uyên Chu Tông cho rằng: đầy đủ. Chữ quỷ kỳ đó là viên ngọc đẹp. Sách Thuyết Văn ghi rằng: to lớn vĩ đại.

Chữ viết từ bộ nhơn 人 đến bộ quỷ 鬼, thanh tỉnh 省. Trong kinh văn viết từ bộ ngọc viết thành chữ quỷ 瑰, là chẳng phải nghĩa đầy đủ vậy. Ngược lại âm dưới là kỳ 奇. Bì Thương cho rằng: quỷ là to lớn kỳ lạ tráng kiện, khôi ngô. Chánh Tự xưa nay viết từ bộ ngọc 玉 thanh kỳ 奇.

姿豔 Tư diễm:.. Ngược lại âm thị tư 姊私. Sách Tự Thư cho rằng: tư dáng vẻ, dung mạo. Thiên Thương Hiệt

cho rằng: dung mạo xinh đẹp.

Sách Thuyết Văn cho rằng: thể cách đáng vẽ. Chữ viết từ bộ nữ thanh tư 次. Ngược lại âm dưới là quán chiêm 鹽瞻.

Sách Văn Tự TậpLược cho rằng: diễm là nhan sắc đẹp.

Sách Thuyết Văn cho rằng: tốt tươi, lâu dài.

Chữ viết từ bộ hạp. Văn kinh viết từ bộ sắc viết thành chữ diễm này cũng là văn thường hay dùng. Âm hạp là âm hợp 合, từ bộ đại 大 đến bộ huyết 血.

兜術天 Đâu thuật thiên: đây là tiếng Phạn nói sai, lược.

Chánh Phạn âm gọi là 睹史多天 Đỗ-sử đa thiên. Đường Huyền Trang giải thích rằng: Tri Túc Thiên vị vua trời này đã nhiều lần, nhất sanh bổ xứ làm Bồ tát.

馳騁 Trì sính:.. Ngược lại âm trực tri 直知. Ngược lại âm dưới là sắc đỉnh 郢. Cố Dã Vương cho rằng: trì là chạy. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: chữ sính cũng giống như chữ trì. Quảng Nhã cho rằng: trì sính đều chạy mau. Sách Thuyết Văn đều viết từ bộ mã 馬 n, viết thành chữ trì 馳, thanh tỉnh 省, âm sính. Ngược lại âm thất đỉnh 匹丁 thanh sính 粵.

疇匹 Trù thất:.. Ngược lại âm trực lưu 直留. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: trù là các loại, các thứ Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: bốn người gọi là trù, hai người gọi là thất, chữ viết từ bộ điền 田, thanh trù 壽.

妍好 Xu hảo:.. Ngược lại âm trên là xương chu 昌朱.

Mao Thi Truyện cho rằng: xu 妍 là người con gái đẹp. Sách Phương Ngôn cho rằng: con khỉ mặt người. Giữa thời đại nước Ngụy, Yển gọi người con gái đẹp là xu 妍. Sách Thuyết Văn cũng đồng với sách Phương Ngôn, chữ viết từ bộ nữ 女 thanh chu 朱.

床榻 Sàng thác:.. Ngược lại âm trên là trạng trang 狀莊. Ngược lại âm dưới là thổ hợp 吐合. Giải thích tên gọi là sàng 床, nghĩa là cái giường hẹp mà dài. Gọi là thác 榻. Sách Thuyết Văn ghi rằng: chữ viết từ bộ mộc 木 thanh thác, âm thác đồng với âm trên.

棚閣 Bằng các:.. Ngược lại âm tự minh 白萌. Quảng Nhã cho rằng: bằng cũng giống như chữ các. Sách Thuyết Văn cho rằng: quán trọ, khách sạn.

蠲除 Quyên trừ:.. Ngược lại âm quyết huyền 決玄. Không An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: quyên là sạch, thanh khiết. Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: quyên cũng giống như là trừ là tẩy trừ sạch sẽ Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ xúc 蜀, thanh ích 益. Chữ hội ý bộ trùng ở trong, ích 益 đúng là chữ ích 益.

稽顙 Khê tâng:.. Ngược lại âm khô lễ 溪禮. Mượn chữ dùng. Không

An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: khê là cái đầu, đầu sát tận đất, cúi đầu sát đất. Trịnh Tiễn chú giải sách Chu Lễ rằng: cúi đầu sát đất để mà lạy, lễ bái. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ 首, thanh mẫu văn cổ viết đúng thể là khê thủ Trong kinh văn viết chữ khê vốn là âm kê, theo tương truyền mượn dùng lâu ngày thành quen vậy. Ngược lại âm dưới là tâng lang. sách Phương

Ngôn cho rằng: tảng là cái trán. Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: chữ khê tảng nghĩa là đập đầu sát đất lễ bái.

老耄 Lão mạo:.. Ngược lại âm dưới là mạc báo 莫. Theo Vận Anh Tập cho rằng: chữ mạo cũng giống như chữ lão. Đỗ Dự chú giải tả Truyện rằng: mạo là loạn. Sách Lễ Ký cho rằng: tám mươi tuổi chín mươi tuổi gọi là mạo. Trịnh Huyền chú giải rằng: mạo cũng giống như mê muội, hay quên. Cổ văn viết chữ mao. Sách Thuyết Văn viết từ bộ lão đến chữ cao thanh tĩnh. Nay văn thông dụng viết từ bộ lão.

女釐 Cao ly:.. Ngược lại âm trên là tạng cao 號高. Âm dưới là lực tri 力知. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: hào là cái lông nhỏ dài mà nhọn bén rất cứng. Theo kinh Cửu Chương Toán nói rằng: phàm là trọng lượng để đo lường, đầu tiên là hốt 忽, mười hốt là ty, mười ty là hào, mười hào là ly. Hai chữ đều từ bộ mao. Chữ hình thanh.

KINH ÂM NHƯ HUYỄN TAM-MUỘI QUYÊN HẠ

悒悒 Áp áp:.. Ngược lại âm trên là thai lai. Ngược lại âm dưới là ngã cái. Sách Khảo Thanh cho rằng: thai ngại 怡礙 là ngu si. Quách

Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: đàn độn ngu ngốc. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nhơn thanh đài, chữ ngại từ bộ thạch thanh nghi. Kinh văn viết thái ngại đó là mượn âm để dùng.

損耗 Tôn hao:.. Ngược lại âm hồ đáo 呼到 Thiên Thương Hiệt ghi rằng: hao là đồ vật bị bể chảy ra nên hao. Sách Vận Thuyên cho rằng: giảm bớt. Sách Thuyết Văn cho rằng: thuộc giống lúa dẻo. Chữ viết từ bộ hòa, thanh mao.

狂悖 Cuồng bội:.. Ngược lại âm khuông Vương 劬王. Ngược lại âm dưới là bộ một. Cố Dã Vương cho rằng: cuồng là ngu si đần độn, một con người vạm vỡ lực lưỡng mà không biết luân lý. Khổng An Quốc chú giải sách Luận ngữ rằng: cuồng vọng, dối gạt, xúc chạm, va chạm. Trịnh Huyền chú giải Lễ Ký rằng: bội là phản nghịch. Quảng Nhã cho rằng: bội là loạn sách. Thuyết Văn viết từ bộ khuyển thanh Vương. Chữ bội từ bộ tâm thanh bội, âm bội là âm bối.

所漂 Sở phiêu:.. Ngược lại âm thất diêu 匹遙 Cố Dã Vương cho rằng: chữ phiêu cũng giống như chữ lưu, nghĩa là trôi nổi trên mặt nước. Sách Thuyết Văn ghi rằng: phiêu cũng là nổi trên mặt nước. Chữ viết từ bộ thủy thanh phiêu. Kinh văn viết chữ phiêu này là sai. Âm phiêu. Ngược lại âm tất diêu.

弘雅 Hoảng nhã. Ngược lại âm trên là hồ hoảng 胡肱. Trịnh Tiên chú giải Mao Thi Truyện rằng: chữ hoảng cũng giống như chữ quảng. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: hoảng cũng là to lớn. Sách Thuyết Văn viết từ bộ cung, thanh tư âm tư. Ngược lại âm cổ hoảng.

霑汚 Triêm-ô:.. Ngược lại âm triếp liêm 輒廉. Sách không thể cho rằng thấm ướt. Quảng Nhã cho rằng: triêm là ngâm vào nước. Cố Dã Vương cho rằng: chữ triêm cũng giống như nhu nghĩa là thấm ướt. Sách Thuyết Văn

ghi rằng: chữ viết từ bộ vũ thanh triêm. Kinh văn viết triêm này cũng là văn thường hay dùng.

霍然 Hoắc nhiên:.. Ngược lại âm hoang quách 荒郭. Sách Khảo Thanh cho rằng: nhanh chóng. Cố Dĩ Vương cho rằng: bỗng nhiên vụt đến. Sách Thuyết Văn viết hoắc, hoặc là viết hoắc này. Kinh văn viết chữ hoắc này là chẳng phải.

矛戟 Mâu kích:.. Ngược lại âm mạc hậu 莫. Ngược lại âm dưới là kinh nghịch 京逆. Sách Thuyết Văn ghi rằng: mâu là loại cây giáo dài hai trượng, làm nơi phía trước kinh xa, hoặc viết cao là cây lau. Sách Phương Ngôn cho rằng: nay trong cây kích có mũi nhọn, gọi là cây hùng kích. Sách Thuyết Văn ghi rằng: chữ mâu là tượng hình, của chữ kích, nghĩa từ cái cán của cây mâu, vót nhọn. Chữ viết từ bộ qua, âm cán. Ngược lại âm cổ đàn.

痛蚌 Thống dương:.. Ngược lại âm dưới là dương chưởng 羊掌.

Quảng Nhã cho rằng: trên da rất ngứa. Sách Khảo Thanh cho rằng: hơi đau. Sách Lễ Ký viết chữ dương này gọi là dương là không có cảm giác là con bọ chết cắn lúc sáng sớm. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: trên da có bệnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: con bọ chết cắn ngứa. Chữ viết từ bộ trùng, thanh dương.

班宣 Ban tuyên:.. Ngược lại âm trên là bát loan 八蠻. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: ban bố trải khắp. Lại nói rằng kế tiếp Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: ban cho tước vị. Sách Phương Ngôn cho rằng: xếp hàng. Sách Thuyết Văn cho rằng: phân định viên ngọc tốt, chữ

viết từ bộ đao là phân ban, cùng với âm ngoan đồng.

煌煌 Hoàng hoàng:.. Ngược lại âm hoǎng quang 晃光. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: hoàng hoàng là sáng tỏ. Thiên Thương Hiệt cho rằng: ánh sáng. Sách Thuyết Văn cho rằng: ánh sáng chói lọi. Chữ viết từ bộ hỏa thanh hoàng.

亙然 Hằng nhiên:.. Ngược lại âm kha đặng 柯鄧. Sách Phương Ngôn cho rằng: hằng là đến tột cùng. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: hằng là biến khắp. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: dẫn dắt mau chóng, vượt qua thông suốt. Chữ viết từ bộ nhị đến bộ chu. Nay viết chữ hằng cũng là thông dụng thường hay dùng.

鮮薄 Tiên bạc:.. Ngược lại âm tiên tiên 仙剪. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: tiên là ít, hiếm có. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: cũng là hiếm thấy, ít có. Chữ viết từ bộ thậm. Chữ Chánh Thể là từ bộ thị đến bộ thiếu, viết thành chữ tiên, hoặc viết từ bộ ngư đến bộ dương viết thành chữ tiên. Âm nghĩa đều đồng nhau. Ngược lại âm dưới là bàng bạc. Thiên Thương Hiệt cho rằng: bạc là nhỏ. Giải thích tên gọi là vật thô sơ. Quảng Nhã cho rằng: xuyên suốt qua. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thảo, thanh bạc.

報償 Báo thương:.. Ngược lại âm thương lượng 商亮. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: chữ thương cũng giống như chữ báo. Quảng Nhã cho rằng: đáp lại, báo đáp. Sách Thuyết Văn ghi rằng: trở lại, còn lại, hãy còn. Chữ viết từ bộ nhơn thanh thường.

擣香 Đao hương:.. Ngược lại âm đao lão 刀老. Theo Thanh Loại cho rằng: đập đất, nên đất cho cứng. Theo

Khảo Thanh cho rằng: bỏ vào cối giã. Sách Thuyết Văn ghi rằng: tay nắm chày mà đập, nện. Chữ viết từ bộ thủ 手 thanh đảo 壽.

僥倖 Kiêu hãnh:.. Ngược lại âm trên là kiêu nhiều 皎堯. Ngược lại âm dưới là hành cảnh 行耿. Sách Khảo Thanh cho rằng: kiêu là chẳng phải phân mà cầu mong. Sách Lỗ Ký cho rằng: hy vọng. Sách Tế Ung Độc Đoạn cho rằng: ngăn ngừa thân ái yêu mến, thân đó gọi nắm giữ. Sách Lễ Ký Khổng Tử nói rằng: kẻ tiểu nhân làm việc mạo hiểm lấy sự kiêu ngạo làm nơi bảo thủ Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ tâm thanh kiêu âm kiêu là âm sái, hoặc viết từ bộ xước viết thành chữ kiêu. Trong kinh văn viết từ bộ nhơn viết thành chữ kiêu văn thường hay dùng là chẳng phải bốn chữ đúng. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: chữ hãnh từ bộ nhơn thanh hãnh hoặc viết từ bộ nữ viết thành chữ hãnh, hoặc là viết hãnh này cũng thông dụng.

KINH THIÊN TRỤ Ý THIÊN TỬ QUYỀN THUỜNG

Huệ Lâm soạn.

皆樂 Giai Lạc:.. Ngược lại âm ngũ giáo 五教. Sách Khảo Thanh cho rằng: nguyện.

坑澗 Khanh giản:.. Ngược lại âm khách canh 客耕. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: khanh 坑 là gò đất lớn, đất hoang. Trịnh Tiên chú giải sách Lễ Ký rằng: khanh là ao

nước, hồ sâu. Thiên Thương Hiệt cho rằng: vực sâu, cũng gọi là cái hầm. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thổ thanh khanh. Âm khanh là âm cang. Ngược lại âm dưới là gian án. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: khe nước nhỏ trên núi gọi là giản. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh gian.

Phụ cửu:.. Ngược lại âm trên là đô hồi 都回. Ngược lại âm dưới là phù vụ. Theo sách Thanh Loại cho rằng: phụ là đồng đất nhỏ Sách Thuyết Văn ghi rằng: cũng là ụ đất nhỏ Sách Nhĩ Nhã cho rằng: đất cao bằng phẳng gọi là phụ Quảng Nhã cho rằng: đồng đất không có đá gọi là phụ. Sách Thuyết Văn cho rằng: đều là chữ tượng hình. Kinh văn viết chữ phụ này, lại cũng viết chữ phụ này đều là văn thông dụng thường hay dùng.

黠慧 Hiệt huệ:.. Ngược lại âm nhân bát 閑八. Sách Phương Ngôn cho rằng: chữ hiệt 黠 cũng giống như chữ huệ 慧. Sách Khảo Thanh cho rằng: lạnh lợi, thông minh. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hắc 黑 thanh kiết 吉. Ngược lại âm dưới là huynh giai 煒桂.

輦輿 Liễn dư:.. Ngược lại âm trên là lực triển 力展. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: trong hậu cung của vua, vua ngồi xe kéo từ từ đi ra khỏi cung. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: xe kéo có người kéo gọi là liễn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ phụ đến bộ xa, chữ xa trong chữ phụ dẫn trước. Âm phụ là âm bán. Ngược lại âm dưới là dư chư. Theo Tả Truyện cho rằng: là việc gánh vác trách nhiệm của những kẻ sĩ và tôi thân đối với vua, cũng gọi là dư luận. Đỗ Dự chú giải rằng: dư là số đông, đám đông. Tô Lâm chú giải Hán Thư rằng:

dur là cây đòn xe, khiên kiệu xe đi, ý nói dur là xe kéo. Sách Thuyết Văn chữ viết từ bộ xa đến bộ dư. Thanh âm dữ là âm dư

稱稱 Xung xúng:.. Ngược lại âm trên là xỉ chứng 齒證. Ngược lại âm dưới là xỉ chung. Chữ trên là khứ thanh, chữ dưới là bình thanh. Quảng Nhã cho rằng: xung là đo lường cân lường. Sách Thuyết Văn cho rằng: cân nhắc, tuyển chọn quan lại ngày xưa. Chữ viết từ bộ hòa 禾 thanh xung. Kinh văn viết bình 秤 là văn thường hay dùng.

擲杖處 Trịch trượng xứ:.. Ngược lại âm trên là trình kích 呈戟.

Quảng Nhã cho rằng: là cứu giúp. Sách Thuyết Văn cho rằng: là ném, chữ viết từ bộ thủ 手 thanh trịnh 鄭.

覺寤 Giác ngộ:.. Ngược lại âm trên là giác 角, âm dưới là ngũ 五, cố 故. Sách Bát Nhã cho rằng: giác là biết. Theo Mao Thi Truyện cho

rằng: ngộ cũng là giác. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: ngũ mà vẫn biết nói ra gọi ra gọi là ngộ Sách Thuyết Văn viết ngộ thanh tĩnh, thanh ngộ. Trong kinh văn viết từ bộ huyết viết thành chữ ngộ là chẳng phải vậy.

KINH THIÊN TRỤ Ý THIÊN TỬ QUYỂN TRUNG

柱杖 Trụ trượng:.. Ngược lại âm trên là chu lâu 誅縷. Sách Thuyết Văn cho rằng: là cây cột chống đỡ. Chữ viết từ bộ mộc thanh chủ Sách Khảo Thanh cho rằng:

chữ chủ là lấy một điểm làm âm cùng với âm trên đồng.

跳故 Khiêu cố:.. Ngược lại âm thích diêu 逌遙. Trịnh Tiễn chú giải sách Lễ Ký rằng: Khiêu là cái chân bước không kịp. Thiên Thương Hiệt cho rằng: chân bước thông suốt. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ túc thanh thanh khiêu.

恥媿 Sĩ quý:.. Ngược lại âm quĩ vị 鬼位. Đỗ Dư chú giải sách Tả Truyện rằng: quĩ là hổ thẹn, xấu hổ. Sách Bát Nhã cho rằng: chữ quý cũng giống như chữ sĩ là hổ thẹn. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nữ thanh quĩ. Kinh văn viết từ bộ tâm, viết thành chữ quĩ này cũng thông dụng, hoặc là viết chữ quý này cũng viết chữ quĩ này cũng thông dụng; hoặc là viết chữ quĩ này cũng viết chữ quý đều chẳng phải.

娛樂 Ngô lạc:.. Ngược lại âm trên là ngô câu 遇俱. Đỗ Dư chú giải

Tả Truyện rằng: ngô cũng là lạc. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nữ thanh ngô. Ngược lại âm dưới là ngũ giáo.

戲樂 Hý lạc:.. Ngược lại âm trên là hy ký 希寄. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: hý là làm trò hài hước. Quách Phác chú giải rằng: gọi là làm trò đùa cợt, tiếng nói riu rít. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ qua thanh hý. Trong kinh văn viết từ hý viết thành chữ hý này là chẳng phải. Ngược lại âm dưới là lạc hy, là âm hy.

嫉妒 Tật đồ:.. Ngược lại âm trên là tàn tất. Ngược lại âm dưới là đô cố. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: hai người liền gọi là tật, hai sắc gọi là đồ Sách Thuyết Văn ghi rằng: chữ viết từ bộ nữ thanh hộ âm hộ. Có từ bộ thạch đến bộ hậu đều là chẳng phải vậy.

不²缺²戒² Bất thuyết giới:.. Ngược lại âm khuyên duyệt 犬悅. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: khuyết là hao tổn. Sách Thuyết Văn cho rằng chữ viết từ bộ phữu thanh quyết. Trong kinh văn viết từ bộ thùy 垂 viết thành chữ khuyết 缺 cũng thông dụng.

羸²劣² Luy liệt:.. Ngược lại âm trên là lực truy 力追. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: luy là bệnh gây yếu. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: ốm yếu suy nhược. Sách Thuyết Văn ghi rằng: là mỗi mệt. Chữ viết từ bộ dương thanh luy âm luy. Ngược lại âm lực quả

遞²互² Đệ hồ:.. Ngược lại âm trên là đề lễ 提禮. Trịnh Huyền chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: đệ là thay phiên nhau. Sách Khảo Thanh cho rằng: thay thế. Sách Thuyết Văn cho rằng: chuyển đổi. Chữ viết từ bộ xước thành đệ âm xước. Ngược lại âm sửu lược, âm đệ. Ngược lại âm thiên y. Trong kinh văn viết chữ đệ này cũng là văn thông dụng thường hay dùng chẳng phải.

無²秉²作² Vô bình tác:.. Ngược lại âm bình vĩnh 兵永. Mao Thi Truyện cho rằng: bình là nắm giữ cũng là coi giữ Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: giữ lấy thi hành, cầm bắt Quảng Nhã cho rằng: cầm nắm, trợ giúp, coi sóc lo liệu. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hựu đến bộ hòa. Chữ hội ý tuy nắm giữ một bông lúa gọi là bình.

KINH THIÊN TRỤ Ý THIÊN TỬ

QUYỂN HẠ

糞埽 Phân tảo: Âm trên là phân vấn 分問. Sách Tập Huấn cho rằng: tảo trừ quét dọn sạch sẽ vật dơ uế dưới đất gọi phân. Sách Thuyết Văn ghi rằng: trừ bỏ. Chữ viết từ bộ cũng, nghĩa là hai tay đẩy ra dọn dẹp phân dơ gọi là phân. Hứa Thúc Trọng cho rằng: giống như hạt gạo mà chẳng phải hạt gạo vẫn cổ viết chữ thi Hai chữ thập, âm tảo, âm thôi. Ngược lại âm thổ lôi, âm khí. Ngược lại âm bán mạn, hoặc viết từ bộ thổ đến bộ khí viết chữ khí này là chữ cổ Cũng viết chữ hoặc là viết phân. Kinh văn viết từ bộ dị hoặc là viết từ bộ hắc viết thành chữ phân đều là chẳng phải. Ngược lại âm dưới là tảng đáo. Quảng Nhã cho rằng: tảo là quét dọn trừ bỏ. Chữ viết từ bộ thổ trừu thanh tĩnh, hoặc là viết từ bộ thủ viết thành chữ tảo cũng là chữ thượng thanh, âm trữu. Ngược lại âm chu tửu.

抖擻 Đầu tẩu: Ngược lại âm trên là đắc cửu 得. Âm dưới là tảng hậu 桑厚. Sách Khảo Thanh cho rằng: đầu tẩu là người hăng hái phấn chấn. Sách Thuyết Văn cho rằng: hát tung lên, rũ bụi trên chiếc áo. Chữ viết từ bộ thủ thanh đầu. Âm Phạn gọi là đồ-ba, hoặc gọi là đầu-đa. Đường Huyền Trang cho rằng: đầu-tẩu là Sa môn Thích Tử hành hạnh viễn ly, ít muốn biết đủ, không tham, không chấp trước, không vướng mắc nơi thân thông trang sức, hành hạnh khổ kinh văn viết giản là chọn lựa là chẳng phải, chữ viết từ bộ thủ, chữ hình thanh.

檬钝 Mong độn: Ngược lại âm trên là mong không. Sách Khảo Thanh cho rằng: mong cũng như là người không có trí huệ chữ viết từ bộ tâm thanh mong. Chữ

mong từ bộ bội, đến bộ thi. Kinh văn viết mong hoặc là viết mong đều là văn thường hay dùng. Ngược lại âm dưới là đồ đốn. Như Thuần chú giải sách Sử Ký rằng: chữ thuần cũng giống như chữ ngoan. Độn là người không có sắc bén không có tư chất thông minh. Thiên Thương Hiệt cho rằng: độn tức là ngu si. Theo Thanh Loại cho rằng: độn là không có nhạy bén. Sách Thuyết Văn viết từ bộ kim thanh độn, âm động. Ngược lại âm đồ hồn.

刀塊 Dao khối:. Ngược lại âm khô ngoại. Sách Khảo Thanh cho rằng: đồng đất, hoặc là viết khối này là chữ cổ, âm cũng đồng đất cao, âm bức là âm bị bức.

KINH THÁI TỬ LOÁT HỘ

Huyền Ứng soạn.

刷護. Loát hộ:. Ngược lại âm huyền bát. Sách không thể cho rằng: loét ? là cạo. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: loét là chà sạch. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ đao loét thanh tĩnh. Âm loét đồng với âm trên, âm thuyên. Ngược lại âm loét quan.

羅閱 La duyệt:. Ngược lại âm duyên tuyết.

頰頰 Hải giáp:. Ngược lại âm dưới là kiêm diệp. Cổ Dã Vương cho rằng: bên mặt dưới mắt trước lỗ tai tức là gò má. Sách Thuyết Văn viết từ bộ giáp thanh hiệt.

蟻飛 Nghi phi:. Ngược lại âm trên là nghi ỷ Sách Nhĩ Nhã cho rằng: lớn thì gọi là con phù du, nhỏ gọi là

con kiến. Loại kiến này chẳng phải là một lại có nhiều tên gọi khác nhau. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ trùng, thanh nghị, hoặc là viết khái này.

蠕動 Nhuyễn động: Uyên duẩn: Kinh Sơn Hải cho rằng: ở trên núi nơi chỗ ẩm ướt loại côn trùng màu đỏ ở trên cây gọi tên là nhuyễn. Sách Trang Tử nói rằng: nhuyễn là loài côn trùng bò lúc nhúc. Sách Thuyết Văn cũng đồng với sách Trang Tử, chữ viết từ bộ trùng, thanh nhuyễn.

囉駝 La-đà:.. Ngược lại âm thang lạc. Âm dưới là đạt-hà. Tên là hồ súc. Nay gọi là lạc đà vậy. Kinh Sơn Hải nói rằng: hiệu là sơn đa lạc đà. Cổ Dã Vương cho rằng: cái túi thịt của con lạc đà có thể cõng nặng mà đi rất xa. Quách Phác chú giải rằng: đi ba trăm dặm có thể biết chỗ có nước suối. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: ở đất Hồ có nuôi rất nhiều con lạc đà. Chữ viết đều từ bộ mã. Thác đà đều là thanh, chữ thác từ chữ thác nay tỉnh lược âm thác. Ngược lại âm hồn khôn, âm thác là âm thác.

KINH THÁI TỬ HÒA HỮU

Huệ Lâm soạn.

儼蓋 Tản cái: âm đình tảng. Cổ Dã Vương giải thích rằng: tản tức là câu. Sách Hán Thư cho rằng: khi trời mưa lớn, cầm vươn ra mà che. Tản cái tức là cây dù che mưa. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mịch

thanh tán. Ngược lại âm dưới là cai hại, sách Thuyết Văn cho rằng khô chữ viết bộ thảo, thanh hạp, âm hạp là âm hợp. Chữ viết từ bộ đại đến bộ huyết. Kinh văn viết từ bộ dương viết thành chữ cái là văn thường hay dùng.

蜎飛 Quyên phi: âm trên là huyết duyên. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: con bọ gậy, là loài ấu trùng bò lúc nhúc. Cũng là loài ấu trùng của giống bướm, ngài. Sách Thuyết Văn viết từ bộ trùng thanh quyên âm quyên. Ngược lại âm nhất quyên.

諷誦 Phúng tụng: âm trên là phu phong. Âm dưới là từ dụng.

Quyên trước trong kinh Bảo Tích đã giải thích đầy đủ rồi.

囉𦣻 La lô: âm trên là lực qua. Ngược lại âm dưới là lực tru. Sách Thuyết Văn cho rằng: là tức là con lừa đực, con ngựa cái sinh ra. Lại gọi là giống như con ngựa mà tai nó dài hơn, hai chữ đều từ bộ mã đều là thanh luy lô.

KINH ĐẠI THỪA HIỂN THỨC QUYÊN THƯỢNG

Huệ Lâm soạn.

醒悟 Tỉnh ngộ: âm tỉnh đình. Sách Khảo Thanh cho rằng: hết say. Cổ Dã Vương cho rằng: trừ bỏ cái say. Sách Quốc ngữ cho rằng: tỉnh mà vui mừng. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ dậu, thanh tỉnh. Ngược lại âm dưới là ngữ cố

轟鬱 Oanh Uất: âm trên là hồ mạnh. Sách Sử Ký cho rằng: tiếng nổ đoành đoành, âm âm, oanh oanh như ở số đông trong ba quân. Thiên Thương Hiệt giải thích rằng: tiếng nổ đoành đoành của đạn bắn ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiếng la hét của đám quân xa. Chữ viết từ ba bộ xa cũng viết oan oanh hoành, ba chữ tượng thanh. Ngược lại âm dưới huy húc. Sách Nhĩ Nhã cho rằng chữ uất cũng giống như chữ Hỷ. Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: Đại tráng sĩ sức mạnh phi thường. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây ở trong rừng mọc um tùm, chữ viết từ bộ lâm uất, thanh tĩnh.

鸛禡 Chiên nhục: âm chi nhiên. Ngược lại âm dưới là như chúc.

Nghĩa là loại mền bằng lông len.

繒其 Tăng kỳ: âm trên là tình dang. Ngược lại âm dưới khứ ỷ Bốn chữ trên đây văn trước đã giải thích rồi.

犄枕 Ỡ chẩm: âm trên là y hỷ. Ngược lại âm dưới là chương nhậm.

Gọi là tơ lụa có màu sắc dùng làm cái gối chuyên mền, vật dùng làm cho người quý phái dựa hai bên phải và trái là cái gối dựa.

惟莫 Duy Mạc: Âm trên là vi, âm dưới là mạc, hai chữ đều từ bộ can.

攬欄 Hoán lan: âm trên là hoan quán. Ngược lại âm dưới là lạc thả.

Hoán lan cũng giống như ánh sáng ngọn lửa rực rỡ chói lọi.

Anh sức: âm trên là y doanh. Sách Thuyết Văn viết

anh này tức là người phụ nữ hiển lộ vật trang sức cho đẹp. Chữ viết từ hai bộ bồi. Kinh văn viết từ bộ y viết thành chữ anh. Sách Tự Thư cho rằng không vò chữ này, chẳng phải chữ. Ngược lại âm dưới là thặng chức. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: sức đó là biểu lộ tình cảm. Sách Thuyết viết sức từ bộ cân thanh thức. Một gọi là tượng trưng cho trang nhã, đẹp của người phụ nữ. Kinh văn viết từ bộ thị viết thành chữ sức là chẳng phải. Âm loát. Ngược lại âm sương quát, âm tượng là âm tượng.

衮襪 Huyền lệ: Âm trên là huyền quyên. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: huyền là cái áo màu đen. Sách Khảo Thanh cho rằng: huyền đẹp. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: cái áo dài để mặc cho xác chết gọi là huyền. Cái áo sợi dây buộc lại, chữ viết từ bộ y thanh huyền.

嫺婉 Nhân uyên: Ngược lại âm uy viên. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: uyên là theo. Chữ uyên cũng giống như là hâm mộ Sách Thuyết Văn cho rằng: hòa thuận, nhin nhượng. Chữ viết từ bộ nữ thanh uyên.

間碘 Gian điền: Âm điền, hoặc là khứ thanh cũng thông dụng.

Sách Giai Uyển Chu Tòng cho rằng: đồ trang sức của phụ nữ hình hoa bằng kim loại, trên có khảm vàng. Sách Văn Tự Tập Lược cho rằng: đồ trang sức mạ vàng của phụ nữ để đội trên đầu. Sách Khảo Thanh cho rằng: lấy cái vòng báu để trang sức, chữ hình thanh.

飊颺 Diêu dương: Âm trên là diêu. Sách Khảo Thanh cho rằng: gió làm rung động vật, gió cuốn bay đi,

vật lay động. Ngược lại âm dưới là dương. Sách Tập Huấn cho rằng: cũng là gió trốc lên, tung lên, bay lên đều là chữ hình thanh. Âm phong là âm phù.

峒舶 Đồng bạc:.. Ngược lại âm bàn mạt. Sách chữ cổ là không có chữ bạc này. Thời gần đây mới có xuất hiện. Thống Tự cho rằng: tên của loại nhạc cụ, giống như là cái bình có miệng nhỏ, đối với nhau mà đánh gõ. Sách Khảo Thanh cho rằng: giống như là cái điệp tử chồng chất lên nhiều miếng, trên lưng có mũi, lấy hai cái miệng mà đánh gõ ra tiếng, là sự hòa chung đây mà làm nhạc vui. Chữ hình thanh, âm bạc đồng với âm trên.

躡囂 Thoan hiêu:.. Ngược lại âm trên là hương biểu. Trong kinh Đại Bát Nhã âm nghĩa quyển trước đã giải thích đầy đủ rồi. Cũng viết là huyền. Trong kinh văn viết từ bộ khẩu viết thành chữ huyền này là văn thường hay dùng. Ngược lại âm dưới là hương yêu. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: hiêu là gây ồn ào. Tiếng ồn chỗ đông người. Quảng Nhã cho rằng: hiêu hiêu là hình dung từ Sách Thuyết Văn cho rằng: tiếng phát ra từ loại nhạc cụ Chữ viết từ bộ hiệt thanh khí âm khí là âm trang lập, văn cổ viết từ hai bộ khẩu, viết thành chữ hiêu.

鮮葩 Tiên ba:.. Ngược lại âm bạch ba. Sách Thuyết Văn cho rằng: ba là loại hoa của cây cỏ hoặc viết là ba. Sách Hán Thư viết chữ ba này là tĩnh lược. Chữ hình thanh.

昭磧 Chiêu tích:.. Ngược lại âm chiến nhiệt. Sách Khảo Thanh cho rằng: ánh sáng mặt trời làm sáng tỏ. Cũng viết chữ tích. Sách Thuyết Văn giải thích: sáng rõ ràng, nổi oan ức được làm rõ ràng, sáng tỏ Chữ viết từ

bộ nhựt thanh tích.

峻擡 Tuấn tri: Ngược lại âm trên là điều tuần. Khảo Thanh cho rằng: ở trên núi cao gọi là tuần, viết đúng là chữ tuần này, hoặc viết từ bộ nhơn. Ngược lại âm dưới là trì lý. Sách Khảo Thanh cho rằng: núi đứng riêng cao sừng sững. Sách Ngọc Thiên cho rằng: dùng chân lại núi phía trước, âm trừ là âm trừ

樓櫓 Lô lô: Âm trên là lô, âm dưới là lô. Theo chữ lô đó vách tường thành trên cao gọi chiến lô, là để ngăn chặn giặc. Đồ Dụ chú giải Tả Truyện rằng: Lô đó là cây thuần lớn, nay gọi là chiến cách vậy, chữ hình thanh.

寶輅 Bảo lộ: âm lô cổ Sách Sử Ký cho rằng: lộ là chiếc xe có người kéo. Sách Tự Thư cho rằng: có người đẩy. Sách Thuyết Văn cho rằng: là chiếc xe có cái linh ở phía trước có cây đòn khiên. Lộ cũng là loại xe quý báu. Âm thôi. Ngược lại âm sĩ lô.

剖泝 Phẫu tích: âm trên là phổ hiệu. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: phẫu là mổ phá ra. Đồ Dụ chú giải Tả Truyện rằng: phân ở trong ra, phanh ra. Sách Thuyết Văn viết từ bộ đao thanh phẫu, âm phẫu. Ngược lại âm khẩu luân. Ngược lại âm dưới là tinh diệc. Khổng Anh Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: tích cũng là phân ra. Sách Thuyết Văn cho rằng dùng cây đập phá ra, chữ hội ý hoặc là viết chữ tích này văn thông dụng thường hay dùng.

屣履 Tỉ Lý: Ngược lại âm trên là sư tử, âm dưới là lý. Văn trước đã giải thích đầy đủ rồi.

視瞬 Thị thuần: Âm thuần.

𪔐𪔐 Khiếu huyết.: Ngược lại âm khinh điều. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: khiếu là cái lỗ. Trịnh Tiễn chú giải sách Chu Lễ rằng: Dương Khiếu có bảy, âm khiếu có hai. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ huyết, thanh âm khiếu là âm khiêu.

肩膊 Kiên bác.: Ngược lại âm bồ mạc. Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ rằng: bộ xương, âm cách là âm cách tức là bộ xương đùi, cũng là xương cánh tay. Sách Thuyết Văn ghi rằng: ở giữa giáp xương vai. Chữ viết từ bộ cốt đến bộ bác, thanh tĩnh.

譚譚 Đàm hước.: Ngược lại âm dưới là hư ngược. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: đàm là nói chuyện tiêu vui cười pha trò hài hước. Quách Phác chú giải rằng: cùng nhau làm trò hài, khéo nói hài mà không có ác ý. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn thanh hước.

𪔐𪔐 Sáp thuẩn.: Ngược lại âm sở giáp. Ngược lại âm tợ sung. Cố Dã Vương cho rằng: mỏ chim đang mổ thức ăn. Sách Sử ký cho rằng: mụn nhọt hút mủ ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: từ bộ khẩu thanh duẩn. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: sáp thuẩn hai chữ đều từ bộ khẩu thanh sáp duẩn.

作繭 Tác kiên.: Ngược lại âm kiên hiển. Sách Khảo Thanh cho rằng: là cái kén của con tằm. Sách Lễ ký cho rằng: ở đời người phụ nữ bình thường nuôi tằm kéo kén dệt lụa nuôi chồng. Sách Thuyết Văn cho rằng: kéo tơ tằm dệt áo, chữ viết từ bộ mịch đến bộ trùng đến bộ miên âm miên là âm miên.

纏菓 Triền quả.: Ngược lại âm qua khuyến. Cố Dã Vương cho rằng: chữ quả cũng giống như chữ bao. Sách

Thuyết Văn cho rằng: gói lại quán chặt, cột chặt chữ viết từ bộ y thanh quả.

或甜 Hoặc điềm:.. Ngược lại là âm thiểm điềm. Sách Gia Ngữ nói rằng: mỗ ra mà ăn chất ngọt ngào như là mật ong. Quảng Nhã cho rằng: điềm là ngọt. Sách Thuyết Văn nói rằng: là ngon. Chữ viết từ bộ thiết, thanh cam.

KINH ĐẠI THỪA HIỂN THỨC QUYÊN HẠ

刪液 San dịch:.. Ngược lại âm trên là tô quán. Quảng Nhã, Thương Hiệt cho rằng: chất mỡ. Sách Tự Lâm cho rằng: cũng là mỡ. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ nhục san thanh tĩnh.

堅哽 Kiên cánh:.. Ngược lại âm ngạch cánh. Sách Khảo Thanh cho rằng: kiên là bền chắc. Sách Giai Uyển Chu Tòng cho rằng: cánh là kiên cố lâu bền. Xưa nay Chánh Tự cho rằng chữ viết từ bộ cách thanh cánh.

及臍 Cật nhị:.. Ngược lại âm ni trí. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: nhị là có nhiều chất béo. Sách Thuyết Văn cho rằng là chất mỡ. Chữ viết từ bộ nhục, thanh nhị.

植之 Thực chi:.. Ngược lại là âm thừa chúc. Không An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: thực là đặt bày, sắp xếp. Sách Phương Ngôn cho rằng: trồng cây, dựng đứng thẳng. Lại sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mộc thanh trực.

蚊蟊 Văn nhuê:.. Ngược lại âm trên là vật phân.

Ngược lại âm dưới nhu nhuệ. Cố Dĩ Vương cho rằng: là loài ấu trùng nó hay vào ở trong rượu. Sách Thuyết Văn cho rằng: nước Tần gọi là nhuế tức là con bọ mắc, muỗi kim. Lại nói rằng nó bay tới cắn chích người rồi bay đi. chữ viết từ bộ trùng văn. nhuế, đều là thanh nhuế đồng với âm trên.

捲擻 Quyển súc:.. Ngược lại âm trên là cự viên. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: quyển là súc cuộn cuốn tròn vật lại. Theo Hàn Thi Ngoại Truyện cho rằng: rút thanh kiếm lại, co rút lại. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh quyển. Ngược lại âm dưới là sở lục. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mạch thanh túc.

寶璫 Bảo đang:.. Ngược lại âm huân lang. Giải thích tên gọi là cái vòng châu ngọc đeo nơi tai gọi là đang. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngọc thanh đang.

炫煥 Huyền hoán:.. Ngược lại âm trên là huyền quyen. Quảng Nhã cho rằng: huyền là sáng. Bi Thương cho rằng: ánh sáng chiếu. Sách Thuyết Văn cho rằng: huyền cũng giống như chữ hoán, nghĩa sáng rực rỡ, chữ viết từ bộ hỏa thanh huyền.

鑪恫 Dung đồng:.. Ngược lại âm đồ dung. Sách Hán Thư cho rằng: khuôn đúc kim loại, giống như lò luyện kim làm cho nóng chảy ra, có chỗ cũng gọi là chú. Âm nghĩa gọi là đúc tiền. Sách Thuyết Văn viết từ bộ kim thanh dung.

掬中 Cúc trung:.. Ngược lại âm cung lục. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: trong tay bưng đầy đủ gọi là cúc. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: cúc là bưng trong tay. Sách Thuyết Văn cho rằng chữ viết từ bộ mễ thanh

bao, âm bao là âm bao. Tự Thư cho rằng: chữ viết đúng là chữ cục này. Kinh văn viết từ bộ thủ viết thành chữ cục này cũng là văn thường hay dùng.

爆裂 bộc liệt:.. Ngược lại âm trên là bao nhi. Quảng Nhã cho rằng: chữ bộc cũng giống như chữ nhiệt. Sách Khảo Thanh cho rằng: thiêu đốt củi tre phát ra tiếng nổ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hỏa thanh bộc. Ngược lại âm dưới là liên triết. Quảng Nhã cho rằng: liệt phân ra mức ra. Cố Dã Vương cho rằng: liệt cũng giống như chữ tích, nghĩa là phá ra. Sách Thuyết Văn viết từ bộ y thanh liệt, hoặc là viết chữ liệt. Kinh văn viết từ bộ lực viết thành chữ liệt là chữ lệ chữ lệ cũng giống như chữ cường, chữ này chẳng phải nghĩa của kinh.

斬截 Trảm tiết:.. Ngược lại âm tiền sức. Trịnh Tiên chú giải Mao Thi Truyện rằng: là cắt, xén gọt bớt cho bằng đều nhau. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiết là đoạn ra, chữ viết từ bộ qua thanh tước. Trong kinh văn viết từ bộ thổ, viết thành chữ tiết này là văn thường hay dùng.

齧屑 Khiết thân:.. Ngược lại âm nghiên kiết. Sách Lễ Ký cho rằng: không có xương để cắn. Sách Thuyết Văn ghi rằng: khiết là cắn. Chữ viết từ bộ xỉ thanh kiếp. Âm kiếp. Ngược lại là âm khan kiết.

罽索 Quyên tác:.. Ngược lại âm quyên sung. Theo Thanh Loại cho rằng: quyên là giăng lưới bắt. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: giăng lưới bắt thỏ. Chữ viết từ thanh võng, hoặc là viết từ bộ mịch viết thành chữ quyên âm quyên. Ngược lại âm nhuế duyên, cũng viết từ bộ khẩu.

貯而 Trữ nhi:.. Ngược lại là âm tru lữ. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: trữ là cái kho cất chứa đồ vật. Có

Dã Vương cho rằng: trử là chỗ chứa rất nhiều đồ vật, đầy đủ Sách Thuyết Văn cho rằng: trử là cất chứa. Chữ viết từ bộ bối thanh trử, âm là âm chữ 韋廬 Vi lô:. Ngược lại âm vi quĩ Theo Mao Thi Truyện cho rằng: cây lau gọi vi. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây lau lớn, chữ viết từ bộ thảo, thanh vĩ. Ngược lại âm dưới là lữ tru. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: lô là cái nhà. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nghiễm thanh lô.

KINH HUỆ THƯỢNG BỒ-TÁT VĂN ĐẠI THIÊN HUYỀN QUYỂN THƯỢNG

Huyền Ứng soạn.

振于 Chân vu: cổ văn viết hai chữ chân tượng hình cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm chư dẫn. Sách Tiểu Nhi Thất ghi rằng: chân là cứu giúp. Sách Thuyết Văn cho rằng: chân là nâng lên, đưa lên, cũng gọi là đi lên, chữ viết từ bộ thủ.

蟾及 Thiềm cập: Theo Thanh Loại cho rằng hoặc là viết chữ thiềm này cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm thời diệm. Theo Thanh Loại cho rằng: thiềm là trợ giúp. Sách Tự Thư cho rằng: thiềm là đầy đủ gọi là chung quanh đều đầy đủ.

過闕 Quá khuyết: Tam Thương cho rằng: cổ văn viết chữ khuyết này cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm khô huyệt. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Tất cả mọi việc đều xong xuôi kết thúc gọi là khuyết. Khuyết cũng gọi là

dừng lại nghỉ ngơi. Kết cuộc sau dung.

雨濟 Vũ tế: âm tử nghệ. Văn thông dụng cho rằng: mưa đã tạnh, đã dứt gọi là tế. Nay người ở Nam dương gọi mưa dừng là tích.

殫盡 Đàn tận: âm đa an. Sách Thượng Thư cho rằng: cỏ hết sức lực. Văn Tổ chú giải rằng: đàn tận là hết sạch. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ngạt, âm ngạt. Ngược lại âm ngũ cát.

Lụy tiết: âm lực truy. Ngược lại âm dưới là tức diệt. Lụy đó nghĩa là phiên lụy. Tiết nghĩa là câu thúc tội nhân lại, là lấy dây trói lại.

摧拉 Tồi lạp: hoặc là viết tồi cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm lực đáp. Quảng Nhã cho rằng: tồi là bỏ ra, phá ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: lạp là bại, thất bại, bẻ gãy.

蔭庇 Âm tí: Lại viết ngược, cũng đồng. Ngược lại âm ư cảm.

. Ngược lại âm dưới là tất lợi. Chữ âm nghĩa là che đậy cỏ. Tí là tự che đậy thêm. Sách Thuyết Văn cho rằng: tự che đậy.

堪偕 Kham giai:.. Ngược lại âm cổ hài. Mao Thi Truyện cho rằng: cùng sống với con cho đến già. Mao Thi Truyện cũng cho rằng: đều cùng, sức mạnh đều nhau.

迄今 Hât kim:.. Ngược lại âm hư khát. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: hât là đến.

Tứ định: Âm định. Lại cũng là âm điện. Theo sách Thanh Loại cho rằng: là loại nôi đồng có chân gọi là đình không có chân gọi là đăng.

KINH HUỆ THƯỢNG BỒ-TÁT VĂN ĐẠI THIÊN HUYỀN QUYỂN HẠ

半粒 Bán lập: Âm lập. Văn thông dụng cho rằng: là loại ngũ cốc gọi là lập, đậu gọi là tạo, âm tạo. Ngược lại âm bức cấp, kinh văn viết tạo này là chẳng phải vậy.

KINH ĐẠI THỪA PHƯƠNG ĐĂNG CHIẾU HUỆ

Huệ Lâm soạn.

逮敎 Đãi giáo:.. Ngược lại âm đường nại. Sách Khảo Thanh cho rằng: kịp đến trước. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: theo thói quen đến chỗ giàu sang mà hôi. Sách Thuyết Văn viết từ bộ xước, Âm xước. Ngược lại âm sủ lược. Thanh đãi, âm đãi. Ngược lại âm đại nội.

儵於 Du ư:.. Ngược lại âm dương chu. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: du là vượt qua Quảng Nhã cho rằng: du là vượt qua sông lớn. Sách Thuyết Văn cũng cho rằng: vượt qua. Chữ viết từ bộ túc thanh du.

善權 Thiện quyền:.. Ngược lại âm viễn viên. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: nắm quyền bính trong tay, cũng gọi là bằng. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: quyền là quả cân, chữ viết từ bộ thủ thanh quyền, âm quyền là âm hoàn.

KINH DI-LẶC BỒ-TÁT SỞ VẤN BỒN NGUYỆN

Huệ Lâm soạn.

牛齒 Ngưu xỉ:. Ngược lại âm thủy chi. Sách Nhĩ Thất cho rằng: xỉ ngưu là nhai. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhổ ra mà nhai lại. Chữ viết từ bộ xỉ thanh đài.

如嚙 Như hạc:. Ngược lại âm hàn khác là loại mãnh điều. Kinh Sơn Hải cho rằng: ở trên núi Thuy chư có rất nhiều chim hạc. Quách Phác chú giải rằng: giống như chim trĩ mà lớn hơn, lông màu xanh đều có lông sừng cứng. Tính thích đá nhau cho đến chết mới dừng, trên có lông đen. Sách Hán Thư cho rằng: âm nghĩa gọi là chim hạc. Có thể lấy lông đuôi của nó làm mũ đội cho các võ sĩ làm tượng trưng cho sức mạnh. Sách Thuyết Văn viết từ bộ điều thanh hạc.

Tủy não:. Ngược lại âm trên là tuy chủ. Sách Khảo Thanh cho rằng: chất mỡ trong xương. Xưa nay Chánh Tự hoặc là viết từ bộ cốt đến bộ tùy, thanh tĩnh.

Qua phốc:. Ngược lại âm trên là trúc qua. Ngược lại âm dưới là khổ bóc. Quảng Nhã cho rằng: phốc là đánh. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh phốc, âm phốc là âm bóc.

KINH PHẬT DI NHẬT MA NI BẢO

Huyền Ứng soạn.

傲𧇗 Kiêu ký: Lại viết chữ kiêu này. Sách Thuyết Văn lại viết chữ kiêu này đều đồng. Ngược lại là âm cô nhiều. Nghĩa là nhiều là hy vọng khác đi, hy vọng hoàn tất, xong việc.

天晴 Thiên tình: Lại viết chữ tình sinh, hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm tật doanh. Nghĩa là trời mưa đã tạnh. Trong kinh văn viết là chẳng phải thể chữ

蟲虫 Đố trùng:.. Ngược lại âm đình cổ Sách Thuyết Văn cho rằng: con một trong gỗ đục khoét khúc gỗ giống như con một trắng nó ăn xuyên qua các đồ vật của người phá cho hư hoại.

譁名 Hoa danh:.. Ngược lại âm hồ qua. Gọi là nói âm ý lời nói huyền ảo, nói là hết làm ồn, âm nao. Ngược lại âm nả giao.

遊 Du thi:.. Ngược lại là âm dĩ chu. Không lựa chọn phải quấy mà nói gọi là du. Ngược lại âm dưới là đại khả. Sách Toán Văn cho rằng: người ở Sung châu lấy sự lừa dối, dương dương tự đắc gọi là tha. Âm tha là âm thang hòa, cũng là trốn tránh.

Tích dịch:.. Ngược lại âm thất diệc. Trốn tránh nơi hẻo lánh. Cũng gọi là lạ hiếm thấy, quái lạ.

KINH MA DIỄN BẢO NGHIÊM

Huệ Lâm soạn.

調疑 Điều nghi:.. Ngược lại âm tình hý. Thiên

Thương Hiệt cho rằng: nghi là khinh khi. Quảng Nhã cho rằng: điều nghi. Cố Dã Vương cho rằng: là tiếng nói riu rít, lú lo. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn thanh nghi, âm trù là âm trắc giao.

絞人 Giảo nhơn:. Ngược lại âm giao xảo. Sách Khảo Thanh cho rằng: buộc cuộn tròn lại. Sách Sử Ký ghi rằng: lấy vải buộc mũ dây tua mũ, sợi tơ để buộc xử giáo người. Sách Thuyết Văn cho rằng: sợi dây ngũ sắc, chữ viết từ bộ mịch thanh giao.

剌除 Thích trừ:. Ngược lại âm đình lịch. Theo Thanh Loại cho rằng: thích là vất bỏ cởi ra. Lại gọi là cạo tóc cạo bỏ râu tóc. Theo văn Tự Điển nói chữ viết từ bộ đao thanh dịch.

誼計 Nghị kế:. Ngược lại âm nghi kỷ. Trịnh Huyền chú giải sách

Lễ Ký rằng: nghị là chế ra các việc thích nghi. Sách Ích Pháp cho rằng: điều con người không có mau chóng gọi là nghị. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn thanh nghi, hoặc là viết chữ nghi này, ý nghĩa cũng thông dụng.

KINH THẮNG MAN SỰ TỬ HỒNG NHẤT THỪA ĐẠI PHƯƠNG TIỆN PHƯƠNG QUẢNG

Huyền Ứng soạn.

尒炎 Nhĩ viêm: Chánh Tự viết là diêm. Ngược lại âm dĩ thiêm. Tiếng Phạn, đây dịch là sở tri, chỗ biết.

莫利 Mạc lợi:. Ngược lại âm mạc bát. Theo sách Tây

vức ghi. Đây dịch là nhân như thế nào, mà được quả báo như thế ấy.

阿歛阇 A-du-xà:. Ngược lại âm qua chu. Đây dịch là không thể đánh nước kia.

KINH TỖ-DA-SA VẤN QUYỂN THƯỢNG

Huyền Ứng soạn.

訓狐 Huán ha: Người ở Quảng tây gọi là huán hầu. Ở Sơn đông gọi là huán cô tức là con chim tu hú, cũng gọi là chim câu khách, ban ngày núp trong bụi rậm, ban đêm thì đi ăn, cho rằng giống chim quái lạ. Kinh văn viết tận hồ là chẳng thể vậy.

訃蠅 Can dăng:. Ngược lại âm cô hãn. Ngược lại âm dưới là dữ chứng. Văn thông dụng cho rằng: trên mặt có nổi nốt đen gọi là can dăng, là điểm đen, Quảng Nhã cho rằng: mặt đen. Kinh văn viết can dăng này là chẳng phải.

KINH TỖ-DA-SA VẤN QUYỂN HẠ

兇鷹 Hung ưng: Lại viết chữ ưng này cũng đồng. Ngược lại âm ư ngưng. Sách Thuyết Văn cho rằng là ngực, gọi xương phần trên của vú.

Ủy điều:. Ngược lại âm ư nguy. Ngược lại âm dưới là ư ngôn. Loại dây leo có gai. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây thuốc lá, mọc chẳng chịt um tùm. Quảng Nhã cho rằng: rất tươi tốt.

耳嚙 Nhĩ cự: Loại vòng ngọc đeo tai. Kinh văn viết hoàn, là tên của loại ngọc.

纖長· Tiêm trường:.. Ngược lại âm tưởng liêm, nói tiêm tức là nhỏ bé mịn, rất nhỏ li ti gọi là tiêm. Kinh văn viết chữ tiêm. Ngược lại sở hàm tức liêm, hai âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: tay cầm nắm giữ lấy, cầm một tay gọi là bả. Kinh văn viết chữ phỉ chữ này chẳng phải nghĩa đây dùng, cận tự vậy.

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐĂNG ĐẠI TẬP QUYỂN 1

Huyền Ứng soạn.

(Ở đây chỉ có 29 quyển)

降注 Giáng chú:.. Ngược lại âm chi dụ Sách Thuyết Văn cho rằng: chú là tưới, đất có nước mặn, có muối. Trong kinh văn viết từ bộ vũ viết thành chữ chú này là chẳng phải.

靨人 Yểm nhơn:.. Ngược lại âm ư nhiễm. Tên của loài quỷ. Tiếng Phạn gọi là ô tô mạn. Đây dịch là chữ yểm là uyển, cũng gọi là yểm miên, nghĩa là bên trong không may mắn tốt đẹp. Thiên Thương Hiệt cho rằng: tay đè ấn tâm của người hợp gọi là yểm. Chữ viết từ bộ Hán âm Hán. Ngược lại âm hồ cán. Thanh âm của người Sơn đông là ư diệp.

- Quyển 2, 3, trước không có âm.

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐĂNG ĐẠI TẬP QUYỂN 4

迦𑖑𑖦 Ca-lăng-tần-già: Trong kinh hoặc là viết Ca-lăng-tần-già; hoặc gọi là da-lan-già, hoặc gọi là yết-la-tần-ca, hoặc nói là tỳ-già. Đều là Phạn âm, chuyển đọc sai. Chữ ca-lăng đó là tốt, chữ tùy đó gọi là âm thanh hay, là con chim hót rất hay.

命命 Mạng mạng: Tiếng Phạn nói đó ba điều. Đây dịch là con chim mạng mạng.

Lương hữu: Ngược lại âm lực trương, gọi là lương tức thiện, mà lương cũng gọi là hiền. Ngược lại âm dưới là cổ văn viết là hữu hữu hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm vu cứu. Tâm Tự cho rằng hữu là trợ giúp.

Đa-già-la-lương: Đây dịch là căn bản, cội gốc mùi hương, gọi là ma la bát hương. Đây dịch cửu điệp hương, nhũu để hoa để. Ngược lại âm trực thi, đây dịch là hoa tương ưng.

- Quyển 5, trước không có âm.

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐĂNG ĐẠI TẬP QUYỂN 6

七卓 Thất trác: Ngược lại âm tri giác. Gọi là trác việt: là siêu việt, lỗi lạc, cao siêu. Giải thích tên gọi là nhắc cao lên tức là chân nhắc cao lên có chỗ cao siêu, lỗi lạc vậy.

庭燎 Đình liệu: Ngược lại âm đao điều. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: liệu là cây nêu ở trước cửa, cũng gọi là cây đuốc, ở bên trong cổng gọi đình là sân. Cây nêu chỗ chiếu sáng, giống như là sáng rõ ràng.

Trong kinh văn viết định liệu, hai chữ tượng hình, lại viết định đều chẳng phải vậy.

摩夷 Ma-di: Gọi đúng là ma-đát-ly-ca. Đây gọi là bồn mẫu, là giác bồn, cho nên lấy tên vậy thôi.

- Quyền 7, trước không có âm.

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐĂNG ĐẠI TẬP QUYỂN 8

不肖 Bất tiêu: Ngược lại âm tiên diêu. Sách tiểu Nhĩ Nhã cho rằng: bất tiêu là không giống, gọi là không giống như trước gọi là bất tiêu, gọi là loại quá ác. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nhục thanh tiêu.

Vỹ hoa: Ngược lại âm tử quỹ Âm dưới là vi liệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: vĩ là ánh sáng đỏ rực. Sách Phương Ngôn cho rằng: rất khô ráo. Kinh văn viết chữ vĩ hoa là chẳng phải thể chữ vậy. (T413).

耐磨 Nại-ma: Ngược lại âm nô đại, gọi là có thể kham nhận chịu.

Cô Dã Vương cho rằng: nại giống như có thể. Thiên Thương Hiệt cho rằng: nại là nhẫn nhịn.

穿押 Xuyên áp: Ngược lại âm cổ giáp. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: áp là bổ thêm vào. Gọi là áp là đè xuống câu thúc, ép. Trong kinh viết giáp này là chẳng phải.

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐĂNG ĐẠI TẬP QUYỂN 9

援助 Viện trợ: Ngược lại âm vu quyền. Gọi là dựa vào sự cứu giúp. Nên nói là viện trợ nâng đỡ lên cứu giúp người thiếu thốn, khổ gặp lúc khổ ngặt.

窯師 Diêu sư: Ngược lại âm dư chiêu. Sách Thuyết

Văn cho rằng: điều là lò gốm, nung đốt gạch ngói. Văn thông dụng cho rằng: lò gốm gọi là điều.

- Quyển 10 không có âm giải thích.

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐĂNG ĐẠI TẬP QUYỂN 11

村同 Thôn đồng:.. Ngược lại âm đồ côn. Tự Thư cho rằng: chữ đồng cũng giống như chữ thốn. Quảng Nhã cho rằng: đồng là nơi tụ tập đông đảo. Ngược lại âm tường câu.

Ma-nạp: Hoặc gọi là ma-nạp-bà, hoặc gọi là ma-na-bà, hoặc gọi

là na-la-ma-na, đều là tiếng Phạn, chuyên đọc sai vậy. Đây dịch là Mâu thiếu tịnh hạnh, cũng gọi là người vậy.

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐĂNG ĐẠI TẬP QUYỂN 12

輜锥 Truy trùy:.. Ngược lại âm trực truy. Trong kinh hoặc là viết truy trì. Theo bốn tiếng Phạn gọi là tý-thác-truy-trĩ Chữ trùy trĩ là dùng cái chày mà đánh, hoặc gọi là đàn, hoặc gọi là đồng. Đây người phiên dịch không đúng, giống như kia không có lấy đá mà ném vào chuông được, cho nên chữ trùy trĩ lẫn lộn với nhau, lấy làm sai vậy đã lâu rồi.

羅差 La-sai: hoặc nói là lạc-sa, là sai. Nên gọi lạc-xoa. Đây dịch là màu sắc, hoặc gọi là sắc trà.

Kêu-xà-da: đây dịch là trùng y, gọi là dùng bông tơ

tầm hoang dã mà làm y đắp mặc, nên gọi là câu xá. Đây gọi tạng, gọi là chứa trong con tầm, trong cái kén. Đây tức là hoang dã, tầm hoang dã.

趨走 Xu-tẩu: Lại viết xu này cũng đồng nghĩa. Ngược lại là âm xúc du. Giải thích tên: đi mau gọi là xu, chạy nhanh gọi là tẩu.

圍廁 Thanh xí: Ngược lại âm thất anh. Quảng Nhã cho rằng: thanh là cái chuồng heo, nhà xí (nhà vệ sinh) đều là tên riêng của nhà xí.

瓊異 Khôi dị: Lại viết chữ hai chữ khôi đều đồng nghĩa. Ngược lại là âm cổ huýnh. Nghĩa đẹp kỳ lạ gọi là. Quảng Nhã cho rằng: viên ngọc to lớn lạ lùng.

禦之 Ngự chi: văn cổ viết ngự, cũng đồng. Ngược lại âm ngư cử nghĩa là cản ngăn. Theo Tả Truyện: cũng gọi dừng lại ngăn lại. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: ngăn cấm.

娑咩 Sa-mị: Ngược lại âm di nhĩ.

喽洺 Lôu minh: Ngược lại âm lạc khẩu. Ngược lại âm dưới là nô định.

婆娑 Bà-đề: Ngược lại âm đình lễ. La-đề: Ngược lại âm tiên lễ.

婆鯨 Bà-tri: Ngược lại âm trực tri.

- Quyển 13, 14, trước không có âm đề giải thích.

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐĂNG ĐẠI TẬP QUYỂN 15

劫波育 Kiếp ba dục: Hoặc nói kiếp bồi đó là sai, nói cho đúng là ca-ba-la tên là cao xương, là loại lông len có thể lấy làm vải. Ở nước Kế Tân lấy phía Nam, lớn đó trở

thành cây đại thọ, lấy phía Bắc hình trạng nhỏ, như là đất có cỏ có ngũ cốc, mỗi lấy ra như là cây liễu, cây bông, mà lấy tơ có thể dệt làm vải. Âm. Ngược lại âm nữ trâm.

𢀓積 Lâu tích:.. Ngược lại âm lực cự, lâu là cong lại. Ngược lại âm dưới là bì mịch. Tích nghĩa là què chân không có thể đi được, chữ viết từ bộ chỉ

跛蹇 Bả kiển: Lại viết bả cũng đồng. Ngược lại âm bồ ngã. Ngược lại âm dưới là cư miễn. Sách Tự Tâm cho rằng: Bả kiển: là thọt chân đi không có ngay được.

攪面 Oa diện:.. Ngược lại âm nhất qua. Quảng Nhã cho rằng: oa là chỗ thấp trũng. Kinh văn viết. Ngược lại âm nhất hồ chữ ô nghĩa là cái ao hồ, chẳng phải nghĩa đây dùng.

櫨𣎵 Lô bạc:.. Ngược lại âm lai đô. Ngược lại âm dưới là bình bích. Sách Thuyết Văn cho rằng: bạc lô là cây cột trụ trên xà nhà. Tam Thương cho rằng: cây cột trên xà nhà. Tam Thương cho rằng: cây cột vuông ở trên. Người ở Sơn đông, Giang nam đều gọi là cây đà ngang. Chỗ mộng bộ phận được đục đẽo ráp vào lỗ, mộng tròn lỗ vuông, ý nói không ăn khớp với nhau. Âm nhuế. Ngược lại âm cổ hê

貽懌 Di dịch: cổ văn viết di, cũng đồng. Ngược lại âm vực chi.

. Ngược lại âm dưới là dĩ ích. Sách Nhĩ Thất cho rằng: di dịch là vui vẻ, đẹp lòng. Trong kinh văn viết là tân dịch, chữ dịch đây chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

𦣻領` Giám lĩnh: văn cổ viết giam cũng đồng. Ngược lại âm công sam. Sách Phương Ngôn cho rằng: giám sát, cũng gọi là xem duyệt xét. Kinh văn viết giám là chẳng

phải nghĩa đây cùng.

𢶏𢶏 Quản hạt: Ngược lại âm cổ hoãn, dưới lại viết vũ hạt hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm hồ hạt. Sách Phương Ngôn ghi rằng: mở cánh cửa bên qua bên tây gọi là quản, cũng gọi là hạt, gọi là chốt đầu trụ xe, lấy chốt gài đầu trụ xe. Kinh văn viết từ bộ trúc viết thành chữ quản là chẳng phải thế vậy.

韃𢶏 Thu dẫn: Lại viết thi trĩ hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm trực nhẫn. Gọi là sợi dây cột mũi trâu.

旒幢 Lưu tràng: Sách Tự Thư viết chữ lưu này cũng đồng. Ngược lại âm lữ chu. Gọi là loại cờ có cắm lông chim ở đầu cần, mà người đi sứ ngày xưa thường cầm theo để tỏ ý tôn kính. Cờ của vua có mười hai tua, cờ của các chư hầu có chín tua.

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẰNG ĐẠI TẬP QUYỂN 16

𢶏𢶏 Tiều quý: văn cổ viết chữ quý này cũng đồng. Ngược lại âm kỳ quý. Sách Tự Lâm cho rằng: quý là tim đập mạnh vì sợ hãi. Sách Thuyết Văn cho rằng: hơi thở không định.

蚩𢶏 Xi tiểu: Ngược lại âm xích chi. Sách Thiên Thương Hiệt cho rằng: khinh nhờn, xem thường. Kinh văn viết từ bộ khẩu viết thành chữ xi là chẳng phải thở.

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐĂNG ĐẠI TẬP QUYỂN 17

郁鳩 Úc-cưu:.. Ngược lại âm ư lục. 鳩鵲 Cưu-ly:..
Ngược lại âm lục tri.

脛期 Ủy-kỳ:.. Ngược lại âm ư phí. 曬婆 Sái-bà:..
Ngược lại âm lục tri.

- Quyển 18, 19, trước không có âm.

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐĂNG ĐẠI TẬP QUYỂN 20

唏洩 Hy địch:.. Ngược lại âm hồ kỷ

喽梨 Lâu lê:.. Ngược lại âm lục khẩu. Kinh văn viết
lâu là chẳng phải.

斫愀 Chúc thu:.. Ngược lại âm tử do.

畢伽 Tát-già:.. Ngược lại âm tư thất. Kinh văn viết
tát, là chẳng phải thể

Đề thương:.. Ngược lại âm nhi dương.

Tát-đà:.. Ngược lại âm đồ đa. Kinh văn viết đà này là
chẳng phải.

茂阨 Mậu-đà:.. Ngược lại âm thổ hồ Trong kinh văn
viết đà là chẳng phải.

遯奔 Độn bồn: Nay lại viết độn lộc, hai chữ tượng
hình. Ngược lại âm đồ đốn. Độn nghĩa là chạy trốn.
Quảng Nhã cho rằng: độn là trốn tránh lánh nạn.

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐĂNG ĐẠI TẬP QUYỂN 21

刀戟 Dao kích:.. Ngược lại âm cự nghịch. Sách Tự

Lâm cho rằng: kích là có cán dài sáu thước loại binh khí ngày xưa.

确蓋 Xác tận:.. Ngược lại âm khô giác. Sách Mạnh Tử cho rằng:

xác là cái tháp mỏng nổi trên đất. Nay cũng lấy đây làm thí dụ Xác là bệnh ốm gầy. Ngược lại âm khô giác. Văn thông dụng gọi là vật cứng chắc bền gọi là xác. Nay lấy đây đề chỉ nghĩa trên.

奎星 Khuê tinh:.. Ngược lại âm khẩu thôi. 婁星 Lâu tinh:.. Ngược lại âm lực hậu. 昂星 Ngang tinh:.. Ngược lại âm vong bào.

Chủy tinh:.. Ngược lại âm tử di. Âm Ngô lại là túy duy. Âm Tần là tham tinh, là trên đầu có ba ngôi sao nhỏ.

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐĂNG ĐẠI TẬP QUYỂN 22

嘻淖 Hy địch:.. Ngược lại âm hư cơ. Cứu chu:.. Ngược lại âm trúc lưu.

婆柁 Bà thị:.. Ngược lại âm xương thị

阤阤 Đà đà:.. Ngược lại âm thử hề

淫婆 Dâm bà:.. Ngược lại âm dĩ châm. Trong kinh văn viết dâm, là chẳng phải vậy.

至酖 Chí Đam:.. Ngược lại âm hồ đăm. Trong kinh văn hàm là chẳng phải.

比他 Tỷ tha:.. Ngược lại âm bì mỹ.

薜荔 Bê lệ:.. Ngược lại âm bỏ tế Âm dưới là lực ké Nói cho đúng là bế lệ đa. Đây dịch là tổ phụ, hoặc nói là nga quý, là trong loài nga quý rất kém.

尼旒 Ni triêu:.. Ngược lại âm đồ đao (T414).

籃廁 Lam xí:.. Ngược lại âm ư lục.

酤男 Đà nam: Hoặc là viết hai chữ nam tượng hình cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm nữ hàm.

將那 Tướng na:.. Ngược lại âm sửu thượng. Trong kinh văn viết từ bộ khẩu viết thành chữ trưởng là chẳng phải vậy.

兵革 Binh cách:.. Ngược lại âm cổ hoạch. Việc trong quân lữ gọi là: binh cách cũng gọi là binh khí, có nhiều phức tạp lộn xộn, da dầy bao kiếm v.v...

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐĂNG ĐẠI TẬP QUYỂN 23

桌桌 Trác trác:.. Ngược lại âm trắc giác.

兜仇 Đâu cừu:.. Ngược lại âm đô hậu. Ngược lại âm dưới cự ngu.

羅昇 La-di:.. Ngược lại âm thi tử.

薛扶 Bệ phù:.. Ngược lại âm thất duẩn.

Du nam:.. Ngược lại âm ư lục.

伽恨 Già hận:.. Ngược lại âm lực thượng.

𡗗 la:.. Ngược lại âm đình hề. Kinh văn viết cần là chẳng phải.

Diên thực:.. Ngược lại âm thi diên. Âm dưới là thời lực. Diên là đất mềm dùng đem hòa trộn trong nước. Thực là đất sét, chỉ vùng hoang vắng xa xôi, nơi làm đồ gốm.

- Quyển 24, 25, trước không có âm giải thích.

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP QUYỂN 26

手探 Thủ thám:.. Ngược lại âm tha hàm. Sách Thuyết Văn ghi rằng: dùng tay từ xa để lấy tin tức gọi là thám.

苓禋 Linh sính:.. Ngược lại âm lĩnh đình. Âm dưới là thất đình, Tam Thương cho rằng: linh sính cũng như chữ liên hệ nghĩa là cô độc không nơi nương tựa.

- Quyển 27, không có âm giải thích.

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP QUYỂN 28

貽襄 Di nhương:.. Ngược lại âm việc chi, âm dưới là nhi dương.

Hãm khứ:.. Ngược lại âm ư lục. Âm dưới là khương giá. Kinh văn viết từ bộ đậu viết thành chữ hãm này là chẳng phải.

榘磨 Ôt ma:.. Ngược lại âm nhất ngọt.

勸比 Duệ tỷ:.. Ngược lại âm cự mục.

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP QUYỂN 29

迦睇 Ca-đê:.. Ngược lại âm tha đệ Một âm nữa là đồ kê Dựa theo chữ hé mắt mắt nhìn gọi là đệ

霖雨 Lâm vũ:.. Ngược lại âm lực kim, nghĩa là mưa dầm từ ba ngày sắp lên gọi là lâm.

係心 Hệ tâm: Văn cổ viết là hệ kế Hai chữ tượng hình, cũng đồng. Ngược lại âm khê nghệ nghĩa là nối kết lại, buộc, bó lại, cột chặt lại.

KINH ĐẠI TẬP NHỰT TẠNG PHẦN QUYỂN 1

Huyền Ứng soạn.

僧伽藍 Tăng-già-lam: Xưa dịch là thôn. Đây gọi là sai. Nói đúng là Tăng-già-la-ma. Cũng gọi là chúng viên, nghĩa là nơi tăng chúng ở

生挑 Sanh thiêu:.. Ngược lại âm tha nhiều. Theo Thanh Loại cho rằng: thiêu là gánh, chọn lựa. Cũng gọi là dùng tay cầm nắm giữ lấy vật, âm quyết. Ngược lại âm ô huyết.

俱蘭吒花 Câu-lan-trá hoa: Hoặc nói là câu-lan-trà hoa. Đây dịch là hoa có màu sắc hồng.

KINH ĐẠI TẬP NHỰT TẠNG PHẦN QUYỂN 2

逋沙 Bô-sa:.. Ngược lại âm thị ngũ. Lại cũng viết bồ-câu-sa, hoặc nói là phú-lưu-sa đều sai. Nói cho đúng là phú-lô-sa. Đây gọi là Sĩ phu, hoặc nói là Đại phu. Trong kinh luận viết là bồ là sai vậy.

仉必 Tỷ-tát:.. Ngược lại âm thất thị. 羅磨 La-ma:.. Ngược lại là âm ngô-khả. 羅迷 La-mê:.. Ngược lại âm ngô-hạ. 復哆 Phục-đa:.. Ngược lại âm đô-ngã. 級跛 Cấp-bả:.. Ngược lại âm tô-hợp. 娑誰 Sa-thùy:.. Ngược lại âm

vu-cừu.

咽覷 Yên hiên:: Ngược lại âm nhân hiên.

鉢多 Bát-đa:: Ngược lại âm đồ-khả. 撥斤 Bát-cân:: Ngược lại âm lực khả.

波异 Ba-di:: Ngược lại âm thị hề. 三妈 Tam mụ:: Ngược lại âm vong cô.

庠价 Chí giới:: Ngược lại âm sĩ nhất, âm dưới là hồ giới.

惡期 Ác-kỳ:: Ngược lại âm cư-khỉ

摔俚 Tót-chu:: Ngược lại âm tảng một.

诘婁 Hổ-lâu:: Ngược lại âm nhất vũ, âm dưới là lặc khấu.

Y-la:: Ngược lại âm lực-ca. Hệ-tỳ:: Ngược lại âm bình đệ.

KINH ĐẠI TẬP NHỰT TẠNG PHẦN QUYỂN 3

Yêm-câu:: Ngược lại âm ô-cấm. Si-đề:: Ngược lại âm sung-chi. Na-đề:: Ngược lại âm tha-lệ

Tần-bà-nhân: Theo kinh Phật bốn hành nói là tần-bà-la. Đây dịch là số đương thập thế

Bôi-bi:: Ngược lại âm bồ khấu, bồ lai, hai âm. A-nhẫn:: Ngược lại âm nữ chần.

Bệ diệt:: Ngược lại âm phò tất. Âm dưới là đồ kiết.

Gian quỹ:: Ngược lại âm cư mỹ. Quảng Nhã cho rằng: quỹ là kẻ trộm. Theo Tả Truyện cho rằng: ở trong lầy gọi là gian, ở ngoài lầy gọi là quỹ.

KINH ĐẠI TẬP NHỰT TẠNG PHẦN QUYỂN 4

𧈧𧈧 Lâu hàm: Lại viết lâu cũng đồng. Ngược lại âm lục hậu. Bì Thương cho rằng: lâu là xương đầu. Ngược lại âm dưới là hồ cảm. Sách Phương Ngôn cho rằng: hàm là xương gò má, xương hàm.

腥臊 Tinh tao: Lại viết chữ tinh cũng đồng. Ngược lại âm tiên đình. Dưới lại viết táo cũng đồng. Ngược lại là âm thừa lao, văn thông dung cho rằng: mùi tanh của cá gọi là tinh, mùi tanh của thú gọi là tao, âm giả là âm da. Tinh tao hai chữ đều từ bộ nhục. Trong kinh văn viết từ bộ nguyệt đó là người viết sách viết sai lầm.

KINH ĐẠI TẬP NHỰT TẠNG PHẦN QUYỂN 5

縲晰 Luy tích: văn cổ viết chữ dục cũng đồng. Ngược lại âm tài diệc. Sách Thuyết Văn ghi rằng: tích là gầy ốm cũng gọi là mỏng manh.

Dăng thư:.. Ngược lại âm thất dư. Tam Thương cho rằng: con ruồi con nhặng rút rĩa trong thịt gọi là thư tức là con giòi. Trong văn kinh viết từ bộ trùng viết thành chữ thú. Ngược lại âm tử dư Con giòi, con nhặng, con kiến, con rít. Lại viết chữ thư này lâu ngày thành ung. Hai chữ tượng hình đều chẳng phải nghĩa của kinh vậy.

得臠 Đắc hoắc:.. Ngược lại là âm hồ các. Dương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: nấu canh có rau gọi là canh, không có rau gọi là hoắc tức là canh thịt.

蔔擠 Bặc tê:.. Ngược lại âm trên là bằng bắc. Ngược lại âm dưới là từ tây. Lại viết chữ tê này cũng đồng. Đây thuộc về loại nước tương, xì dầu, tương giấm, chỗ gọi là hòa với gia vị rất nhỏ gọi là tô, bao gồm các loại thực vật. Nay ở Trung Quốc đều gọi là tê là gia vị Ở Giang nam nói tóm tắt là thực vật.

昔票 Tích phiêu:.. Ngược lại là âm tương truyền lực thậm hai âm.

Nói cho đúng là cây cột chống đỡ trong nhà gọi là đông cũng gọi là lương, là cây cột chính giữa nhà, hoặc nói là cực là cây đòn dông, đòn tay chính giữa nóc nhà.

梗住 Canh trụ:.. Ngược lại âm trên là lặc canh. Cũng là âm sĩ mạnh. Nay gọi là cây cột phụ cây xuyên nhà. Trong kinh viết chữ trường là chẳng phải thể

任振 Nhậm chấn:.. Ngược lại là âm thư lân. Người phụ nữ mang thai gọi là chấn. Sách Hán Thư Mạnh Khang cho rằng: âm chấn tức là thân. Nay phần nhiều lấy chữ chấn viết thành chữ thân cả hai chữ đều thông dụng.

KINH ĐẠI TẬP NHỰT TẠNG PHẦN QUYỂN 6

凍愒 Đông yết: Lại viết hai chữ yết tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm ư hiết. Gọi là bị thương nhiệt, phiền muộn mà chết.

石撈 Thạch liệu:.. Ngược lại âm lực điều. Liêu là ném quăng. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ sào, tương với chữ kích là đánh gõ.

KINH ĐẠI TẬP NHỰT TẠNG PHẦN QUYỂN 7

刪刪 San san:.. Ngược lại là âm sở gian. Tên của Long Vương. Dựa theo chữ và thanh loại cho rằng: san định.

拌中 Biện trung:.. Ngược lại âm, bỏ định, ty biện hai âm. Quảng

Nhã cho rằng: chuồng heo, nhà xí (nhà vệ sinh).

乳哺 Nhữ bộ:.. Ngược lại âm bồ lộ Tục Lâm cho rằng: bộ là bú nhai

thức ăn. Cũng gọi là nhai thức ăn trong miệng.

不憚 Bất đạn:.. Ngược lại âm đồ thả. Mao Thi Truyện cho rằng: lễ

nào dám phóng túng, nên chăm chú vào một chỗ nên e dè cẩn thận gặp việc khó, cũng gọi là sợ sệt.

KINH ĐẠI TẬP NHỰT TẠNG PHẦN QUYỂN 8

Nhơn yểm:.. Ngược lại âm ô nghiệt. Nốt ruồi đen. Sách Thuyết Văn cho rằng: nốt đen bên trong.

翌軫 Dực chân:.. Ngược lại âm di chức. Âm dưới là chi nhân. Ở phương Bắc gọi là túc, túc là sao túc. Chữ vực cũng gọi là vực là cánh chim.

嗟訐 Ta kiết:.. Ngược lại tô kê, tạng nga hai âm. Đây là thiên hỏa, họ Ta-kiết-lợi-đa-tà-ni.

拓地 Thác địa: văn cổ viết can thác. Hai chữ tượng

hình. Nay viết là thác cũng đồng. Ngược lại âm tha các, nghĩa là khai thác đất đai.

剛毅 Cương nghị: Ngược lại âm ngư ký. Sách Thuyết Văn cho rằng: nghị là có quyết định, cương quyết. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: là đích xác, hết lòng, quả quyết, gọi là nghị

親暱 Thân nặc: Lại viết chữ nặc này, cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm nữ lật. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: thân cận, gần gũi. Lại gọi là quá thân mật, thân mật cũng giống như thân cận nhiều lần.

秒綆 Sao cảnh: Văn cổ viết ngao, tiên, thủ trâu bốn chữ tượng hình. Nay người dân chính xác thực là muốn hong khô dưới ánh nắng mặt trời, hoặc là ráng cho khô. Cổ văn viết chữ này cảm thấy rất kỳ lạ. Viết chữ yên này cũng đồng. Ngược lại âm sơ giáo. Sách Phương Ngôn cho rằng: rang nướng sào, dưới lửa làm cho khô. Âm luân. Ngược lại âm bì bức.

愼儆 Thận cảnh: Văn cổ viết chữ cảnh cảnh. Hai chữ tượng hình đều đồng. Ngược lại là âm cư ảnh. Gọi là răn bảo, trách phạt đối với người có lỗi, cũng gọi là cảnh phòng thận trọng. Quảng Nhã cho rằng: cảnh giác, không an.

嘲戲 Trào lý: Lại cũng viết là trù, cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm trúc bao. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: trù là đùa cợt, chọc ghẹo, cùng nhau bốn cợt làm trò đùa vui.

KINH ĐẠI TẬP NHỰT TẠNG PHẦN QUYỂN 9

蜎飛 Quyên phi:.. Ngược lại âm ư toàn. Sách Tự Lâm cho rằng: loài côn trùng, bò lúc nhúc, hoặc là viết mân. Ngược lại là âm hô toàn, loài côn trùng biết bay.

桁械 Hành giới:.. Ngược lại âm hồ lang. Ngược lại âm dưới là hồ giới. Văn thông dụng cho rằng: câu thúc người có tội lại gọi là hành giới. Nghĩa là cột xuyên qua cây, cộng thêm chân vào gọi là cùm chân, cây cùm lớn gọi là hành.

他屨 Tha di: Âm thị. Ngược lại âm thị di. Dựa theo chữ sách Nhĩ Thất cho rằng: di là chỗ nương dựa.

謹 Cần cần:.. Ngược lại âm tích cốt. Quảng Nhã cho rằng: là chuyên cần, siêng năng Bì Thương cho rằng: là sức mạnh, gắng sức lực.

喫趕 Khiết cảm:.. Ngược lại âm khẩu tích, gọi là cắn thức ăn, nhai thức ăn mà ăn.

KINH ĐẠI TẬP NHỰT TẠNG PHẦN QUYỂN 10

壘身 Đàm thân: Theo Thanh Loại viết chữ hai chữ đàm, tượng hình. Giải thích chữ cổ văn cổ viết chích hoán, cũng hai chữ tượng hình. Nay lại viết chữ đàm cũng đồng. Ngược lại âm tường liêm. Văn thông dụng giải thích rằng: lấy nước sôi nhỏ bỏ đi cái lông gọi là đàm. Kinh văn viết hãm. Theo sách Thuyết Văn cho rằng các âm trên đầu là âm dư thiêm. Lại là âm dương chiêm, gọi là phóng hỏa đốt cháy, âm hãm là chẳng phải nghĩa trong kinh dùng vậy.

嗽於 Thấu ư: Lại viết thấu này đồng. Ngược lại âm sơn giác. Gọi là hầu huấn nghĩa là súc miệng, ho. Kinh văn viết từ bộ khẩu viết chữ thấu này là văn thường hay dùng.

刀𠂔 Dao trâm: Lại viết chữ khâm khâm hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm tru kim gọi là cái chày đá đập sắt thép.

珞𠂔 Lạc khẩu:.. Ngược lại âm lực các. Gọi là người nấu nướng, giữ giắt các vật gọi là lạc.

Trong kinh văn viết lạc. Ngược lại âm thức chúc là chẳng phải nghĩa của kinh dùng vậy.

KINH ĐẠI TẬP NGUYỆT TẠNG PHẦN QUYỂN 1

Huyền Ứng soạn.

La đề:.. Ngược lại âm ô lễ Lại viết chữ hề dựa theo chữ nghĩa Quảng Nhã cho rằng: ứng thanh.

Trường xúc: Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ đường trụ là cây cột chống đỡ. Ngược lại âm trụ canh. Theo chữ tóm tắt viết chữ trường. Ngược lại âm trường canh, gọi trường va chạm, xúc chạm. Lại gọi là trong lòng lân lân cảm xúc, âm xúc. Ngược lại là âm nữ xung.

KINH ĐẠI TẬP NGUYỆT TẠNG PHẦN QUYỂN 2

Tề cô: Nay ở trong Thanh Lạc có loại trống này. Mặt trống rất phẳng bằng, cho nên gọi là tề cô

劍鼓 Kiếm cổ: Ngược lại âm lực chiêm. Gọi là lấy ngói làm da bịt hai mặt trống, dùng cây gậy đánh, gõ. Trong kinh văn viết hợp, nghĩa là cái chậu lớn.

矛躡 Mâu toàn: Lại viết hai chữ mâu tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm mạc hậu. Sách Thuyết Văn ghi rằng: cây mâu dài hai trượng, làm nơi binh xa quân lính đánh giặc. Ngược lại âm dưới là thất loạn. Quảng Nhã cho rằng: toàn gọi là cây thương kích nhỏ hơn cây mâu. Nay ở Giang nam lấy làm thấm nước mài đá cho bén, người thợ dùng làm rèn thép, âm diên là âm dăng, âm hề. Ngược lại là âm khẩu hề Trong kinh văn viết hề này là chẳng phải thể vậy.

咀佞 Tha ninh: Ngược lại là âm thất dư. Gọi là thư nghĩa ghen ty

. Ngược lại âm dưới là nô định. Gọi là ninh hót nói lời mê hoặc không chân thật. Chữ viết từ bộ nữ đến bộ nhân. Sách Luận ngữ cho rằng: là người ác, gian ninh, nghĩa đây tức là từ bộ nữ. Theo Tả Truyện cho rằng: là người cô quả cô đơn không có vợ không thể làm việc cha, anh được, nghĩa đây tức là từ bộ nhơn.

登祚 Đăng tộ: Ngược lại âm tổ cố. Tộ tức địa vị, phước lộc, cũng gọi là phúc lành, điều may mắn tốt lành.

狡猾 Giảo hoạt: Ngược lại âm cổ ảo. Ngược lại âm dưới là hồ quát. Sách Phương Ngôn cho rằng: phàm là đứa trẻ nhỏ mà có nhiều nghịch ngợm. Gọi là giảo hoạt, hoạt cũng gọi là loạn. Tam Thương cho rằng: thông minh mà ác xấu ác.

Phật nhưng: Lại viết hai chữ nhưng tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm nhi lãng. Quảng Nhã cho rằng:

nhưng là nhiều lớp. Là nguyên nhân là chính vì vậy.

KINH ĐẠI TẬP NGUYỆT TẠNG PHẦN QUYỂN 3

塵瞋 Trần ế: Cổ văn viết chữ ế này cũng đồng. Ngược lại âm ư kế Sách Nhĩ Nhã cho rằng: trời âm u mờ mịt, tối lơ mờ Giải thích tên gọi là đó cũng gọi là bị ngăn che. Cũng gọi là không có sáng sửa sạch sẽ

怨讎 Oán thù: Ngược lại âm thị chu. Tam Thương cho rằng: tình cờ gặp nhau gọi là thù. Thù là đối địch với nhau. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: thù nhiều kiếp.

鼯鼠 Đông thử: Trạ văn viết chữ đông cũng đồng. Ngược lại âm chi cung. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: đông cũng giống như thử nghĩa là con chuột. Sách Thuyết Văn cho rằng: tức là con văn báo, giống chuột. Kinh văn viết trung, âm chung, tên của loài côn trùng là chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

訓狐 Huân cô: Ngược lại âm dưới là hộ cô, tức là loài chim tu hú, tên khác nữa là con chim cú mèo. Bình văn viết huân hồ là chẳng phải thể vậy.

土梟 Thổ kiều: Ngược lại âm cổ điều là con chim có tiếng kêu quái ác. Sách Thuyết Văn cho rằng: là loài chim bắt hiếu, vì giống chim này ăn thịt mẹ nên gọi là bắt hiếu. Kinh văn viết thổ điều, hoặc là viết ngốc điều là chẳng phải vậy.

痿茂 Ủy mậu: Ngược lại âm ư vị Thiên Thương Hiệt ghi rằng: ủy là loài cây cỏ mọc sum suê. Ủy cũng gọi mậu bị che kín rậm rạp.

期尅 Kỳ khắc:.. Ngược lại âm cự tắc. Âm dưới là khâu lặc. Nói là lúc đương thời, tất nhiên vậy. Kinh văn viết là kỳ là chẳng phải.

KINH ĐẠI TẬP NGUYỆT TẠNG PHẦN QUYỂN 4

蕃息 Phiên tức:.. Ngược lại âm phụ viên. Phiên tức là âm ướt sanh sôi nảy nở ra rất nhiều, tràn đầy tắc nghẽn. Nay ở Trung Quốc gọi là sanh nở không ngừng con đàn cháu đống. Ngược lại là âm thất vạn. Đồng thời sanh sôi nảy nở cũng viết chữ nhậm này.

KINH ĐẠI TẬP NGUYỆT TẠNG PHẦN QUYỂN 5

羅陞 La bệ:.. Ngược lại âm phổ nghệ

Hệ cán:.. Ngược lại âm hồ kế, âm dưới là công danh.

海島 Hải đảo: Văn cổ viết đảo này cũng đồng. Ngược lại âm, đô đạo, đô giao hai âm. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Ở trong biển mà có cái núi mọc lên có thể nương dựa dừng nghỉ gọi là đảo. Giải thích tên gọi là đảo, là người có thể chạy đến nơi này, cũng nói rằng nơi đảo có rất nhiều chim, nhân vật đến vui thú cùng với chim vậy.

迦利 Ca-lợi: Hoặc tên là Ca-lợi Vương. Trong luận hoặc là viết già-lam-phù, nói cho đúng là yết-lợi-Vương. Đây dịch là Hích Trách Vương (vua thích gây chiến tranh đánh nhau).

KINH ĐẠI TẬP NGUYỆT TẠNG PHẦN QUYỂN 6

佉伽 Khư-già: Lại viết khát già, đều sai. Nói cho đúng là yết-già. Đây dịch là con bò lang lỗ là con bò có nhiều đám lông khác nhau. Âm yết. Ngược lại là âm khư yết.

裡訶 Lý ha: Lại viết chữ lý này cũng đồng. Ngược lại âm tức lý.

Tên là Thiên đồng nữ, đồng nữ ở cõi trời.

疲灤 Bì lạc: . Ngược lại là âm tân bì. Ngược lại âm dưới là phổ mặt là ao lớn lạc là tên của một con sông ở tỉnh Sơn đông Trung Quốc, cũng là tên của một con sông ở U châu Trung Quốc, tên của sông ở tỉnh Hà bắc điện. Âm điện là điện, nay thông dụng cũng gọi là tên của con sông vậy. Kinh văn viết bạc là ao hồ. Đây là mượn âm, chẳng phải thể.

KINH ĐẠI TẬP NGUYỆT TẠNG PHẦN QUYỂN 7

純淨 Thuần tịnh: . Ngược lại âm thời quân gọi là chuyên nhất, không có khó khăn. Sách Phương Ngôn cho rằng: thuần là tốt đẹp, là rộng lớn. Kinh văn viết thuần này. Sách Thuyết Văn cho rằng: rót rượ. Lại viết thuần nông: là chất phác, hiền lành thật thà. Nghĩa là chữ thuần này vẫn là một nghĩa.

尸托 Thi thác: Lại viết thác xà hai chữ tượng hình đồng. Ngược lại lạc giá tên là Càn-thát-bà. Ngược lại là âm việc chu vực cứu hai âm. đây gọi là tên của loài rồng.

瞞懼 Bǎng cụ:. Ngược lại âm mặc quang.

慳伽 Không già:. Ngược lại âm, vong hội, hoặc hòa hai âm.

憇婆 Diêm bà:. Ngược lại âm cửu nghiêm.

里河 Lý hà:. Ngược lại âm tức lý.

黥罰 Y-càn:. Ngược lại âm nhất hê

謫罰 Trích phạt:. Ngược lại âm đô cách. Văn thông dụng cho rằng: phạt tội gọi là trích. Lâm Tự cho rằng: tội lỗi đáng quở trách. Sách Thuyết Văn cho rằng: tội nhỏ gọi là phạt, phạt cũng gọi là chiết phục cho chữa bỏ vậy.

KINH ĐẠI TẬP NGUYỆT TẠNG PHẦN QUYỂN 8

婆速 Bà tốc:. Ngược lại âm tạng hậu, tạng cốc, hai âm. Dựa theo chữ gọi là tưới nước cho cỏ cây mọc sanh tốt gọi là tốc.

瞿瞿 Lô lô:. Ngược lại âm lục hồi. Sách Chu Lễ cho rằng: lô lô là loại trống để cúng tế thần. Trịnh Huyền cho rằng: lô lô có tám mặt trống vậy.

KINH ĐẠI TẬP NGUYỆT TẠNG PHẦN QUYỂN 9

闔辟 Hạp bệ:. Ngược lại âm thị giám. Ngược lại âm dưới là bò mê, tên của nước.

鱣善 Thiện thiện:. Ngược lại âm thời chiến. Sách Hán Thư cho rằng: vốn tên nước là Lô Xà. Bởi vì tương

truyền rằng: ông vua nước này chém đầu con mình, về sau lại dựng nước lấy tên là thiện thiện. Lại lấy quốc hiệu là Ô Kỳ, gọi là nước Nam Dương rồi sau đó mở mang ra ngoài rất rộng lớn.

Di-la:.. Ngược lại âm Ô-hề. Tên của vua A-tu-la.

KINH ĐẠI TẬP NGUYỆT TẠNG PHẦN QUYỂN 10

Giá đạt:.. Ngược lại âm Lai hạt. Tên của nước. Dựa theo chữ sách Vận Tập cho rằng: tự đạt, nói không đúng.

日蕤 Nhựt hồng:.. Ngược lại âm hồ công. Âm theo Giang đông là phùng. Sách Nhĩ Nhã âm nghĩa rằng: nổi lên hai đường màu sắc rất đẹp, gọi là hùng hùng gọi là hồng, đó là âm hùng hùng là điện chớp tên đới đông, tức là cầu vòng.

皮鷁 Bì nghịch:.. Ngược lại âm bì mỹ. Ngược lại âm dưới là sĩ cách.

Sách Nhĩ Nhã cho rằng: bì là hủy hoại nghịch là nứt ra. Quảng Nhã cho rằng: nghịch là phân ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thổ đến nghịch, âm xích.



NHẤT THIẾT ÂM NGHĨA KINH

*Đời Đường phiên dịch kinh
Sa môn Huệ Lâm soạn.*

QUYỂN 18

KINH ĐẠI THỪA TẬP ĐỊA TẠNG THẬP LUÂN, ÂM BIỆN TỰA

(Từ quyển thứ nhất đến quyển thứ mười.)

旭照 Húc chiếu:.. Ngược lại âm trên là hứa ngục. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Húc là mặt trời mới bắt đầu mọc. Sách Thuyết Văn cho rằng: Húc là sáng rõ ràng, mặt trời mới mọc ánh rõ ràng. Chữ viết từ bộ nhựt thanh cửu.

原隰 Nguyên thấp:.. Ngược lại âm trên là nguy viên. Âm dưới là tầm lập. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: nơi đất cao bằng phẳng gọi là nguyên, âm dưới là thấp, gọi là thấp theo Công Dương Truyện cho rằng: đất dưới bằng phẳng gọi thấp. Sách Thuyết Văn cho rằng: dưới dốc núi thấp, chữ viết từ bộ phụ thanh thấp, âm thấp. Ngược lại là âm tha đáp.

發軫 Phát chân:.. Ngược lại âm trên là phương miệt. Theo sách

Khảo Thanh cho rằng: phát động, khởi lên, đưa lên,

phát đi. Theo sách Thuyết Văn cho rằng: mũi tên phát ra từ cây cung, nghe tiếng mũi tên bay vù vù. Âm thù. Ngược lại âm phổ mặt. Ngược lại âm dưới là chi nhẫn. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: chẵn là chuyển đi, lấy nghĩa là chiếc xe bắt đầu lăn bánh, tức là phân ra, chia ra, vệt bánh xe lăn. Chữ viết từ bộ điền viết thành chữ chẵn. Sách Sở Từ cho rằng: điền ruộng đất ấp một ngàn. Chẵn Vương Dật chú giải rằng: chẵn là đường trong ruộng đất phân ra từng thửa ruộng. Trong bài tựa văn bao hàm hai ý nghĩa, cho nên nêu lên hai ý trong bài văn này, nghĩa theo văn nói cho rằng: những đường phân chia ranh giới của bờ ruộng, là chữ tượng hình, cũng là chữ hội ý.

分達 Phân quỳ:.. Ngược lại âm quỹ vi. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: giao lộ có chín đường thông đạt tới gọi là quỳ. Quách Phác chú giải rằng: giao lộ có bốn đường thông ra lại có bên cạnh con đường thông nữa gọi là quỳ. Theo Tả Truyện cho rằng: cùng với đại lộ lớn mà không cùng với con đường nhỏ giống như trên lưng con rùa những đường nứt có văn vẩy.

普洽 Phổ hiệp:.. Ngược lại âm hàm giáp. Thiên Thương Hiệt cho rằng: hiệp là thấu suốt. Sách Thuyết Văn cho rằng: hiệp là thấm ướt.

醴化 Thuần hóa:.. Ngược lại âm thuận luận. Gọi khác là vạn vật được thuần hóa. Văn thường hay dùng viết thuần này. Tam Thương cho rằng: thuần là thật thà chất phác, mộc mạc, nồng đặc, đậm. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: thuần túy sách Thuyết Văn cho rằng: thuần túy không xen tạp. Theo văn tự điền nói rằng:

không rót rượu, thuần mỹ tốt đẹp. Chữ viết từ bộ dậu thanh thuần. Âm thuần đồng với âm trên, âm túy. Ngược lại âm tuy túy.

澆風 Kiêu phong:.. Ngược lại âm kiêu nhiều. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: không thuần hậu bạc béo, mỏng manh.

Trầm cổ: Âm cổ, hoặc là viết cổ. Sách Lễ Ký cho rằng: thân có tật bệnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: bệnh lâu ngày gọi là cổ, chữ viết từ bộ tật thanh cổ

沉遠 Tầm viễn:.. Ngược lại âm tĩnh cảm, chữ khứ thanh. Lại cũng viết thâm. Cố Dĩ Vương cho rằng: tầm là thấm ướt từ từ gọi khác đi tầm là câu dài. Vương Dật chú giải sách sở từ rằng: hơi một chút, hơi hơi, cũng gọi là thời gian lâu dài chìm xuống nước từ từ. Văn Tự Điển cho rằng: tầm cũng gọi là dẫn từ từ, tưới nước ươm cây. Chữ viết từ bộ thủy, đến xâm thanh tĩnh.

陶坏器 Đào phôi khí:.. Ngược lại âm trên là đường lao. Quảng Nhã cho rằng: đào, phân hóa, hoặc là viết chữ đào. Lại là âm điều cũng thông dụng chữ hội ý. Ngược lại âm dưới là phổ bội. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngói gạch chưa có nung trong lò gọi là phôi, chữ viết từ bộ thổ đến bộ bôi, thanh tĩnh.

饒石田 Ốc thạch điền:.. Ngược lại âm Ô cốc. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: ốc là màu mỡ phì nhiêu tốt đẹp. Sách Thuyết Văn cho rằng: tưới nước vào ruộng. Chữ viết từ bộ thủy thanh yêu.

譜弟 Phổ đệ: hoặc là viết chữ phổ này cũng đồng. Ngược lại âm bù cổ Giải thích tên gọi là phổ là truyền ra khắp. Văn Tự Điển nói rằng: xếp hàng cúi đầu để nghe

ban truyền, phổ biến ra hiệu lệnh, bản luận, xem thấy sự việc để nói ra cho mọi người biết. Chữ viết từ bộ ngôn thanh phổ.

失魄 Thất phách: Trên là chữ thất. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ đến bộ ất. Nay sách Dịch Thư viết biến thể Vì thư viết vội nên chữ thất này. Ngược lại âm dưới là phổ bách. Theo Tả Truyện cho rằng: tâm tinh thần sáng khoái, thoải mái trong sáng gọi là hồn phách, tinh của dương là hồn, chất âm là phách. Gọi khác là tinh khí là vật theo hồn làm biến hóa. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: phách là hình. Sách Thượng Thư cho rằng: tái sinh là phách. Khổng An Quốc chú giải rằng: phách khi chết sinh ra sáng suốt. Lại gọi là bắt đầu sinh ra phách, từ một tháng sáu mươi ngày. Theo văn Tự Điển nói rằng: phách là thần thuộc âm, phách bị bức bách đó là do con người. Cố Dã Vương cho rằng: phách đó gọi là hình của mặt trăng, không có chỗ nương tựa tối tăm, mờ mịt. Sách Thuyết Văn cho rằng: mặt trăng bắt đầu mọc phách mới hiển lộ, bởi vì mặt trăng lớn ngày thứ hai, thân vì mặt trăng nhỏ ngày thứ ba. Văn cổ viết phách. Xưa nay Chánh Tự viết hồn phách hai chữ đều từ bộ quỷ chữ hình thanh.

淪滯 Luân trệ:.. Ngược lại âm trên là luật quân. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: luân là chìm. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: nước dưới sông sạch gọi luân. Sách Thuyết Văn cho rằng: nước sóng sóng nước là luân. Chữ viết từ bộ thủy thanh lâm, âm luân đồng với âm trên.

鍼石 Châm thạch:.. Ngược lại âm trên là châm nhâm.

Theo chữ châm đó là người thầy thuốc dùng kim để châm cứu và ngải để cứu trong Đông y. Cũng không thể khiến sai sót một hào ly nào mất. Thạch đó là chỗ để phục nhũ như là thạch dược. Phục là vốn cầu cho năm tháng dài ra, có lợi ích cho tuổi thọ. Nếu đem dùng nghĩ sẽ mất chỗ độ lượng mà sanh ra ưu não buồn rầu bộc phát mãi về sau vậy.

纖毫 Tiêm hào:.. Ngược lại âm trên là tương diêm. Quảng Nhã cho rằng: tiêm là rất nhỏ Sách Phương Ngôn cho rằng: nhỏ nhít như sợi lông, hào tức là một phần của sợi lông.

易乎 Dịch hồ: Âm trên là di địa. Âm dưới là hồ. Chữ chánh thể.

属有 Chúc hữu:.. Ngược lại âm chung nhục. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: chúc là hiểu biết, cũng gọi là phó thác. Sách Thuyết Văn cho rằng: chúc là liên hệ Trong bài tựa kinh đó là tự vui mừng vâng theo Tam Tạng dự phần trong pháp hội. Dịch kinh đây có thể phó thác riêng huệ mạng liên hệ pháp viên dung, hòa theo đèn chiếu sáng mà chưa tỏ ngộ.

學架 Học giá:.. Ngược lại âm ngỗ giác. Theo Khảo Thanh cho rằng: đặt để tập theo, hiểu biết. Không An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: dạy học. Cố Dã Vương cho rằng: Người thọ nhận sự dạy dỗ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chỗ trên bày ra thí cho dưới chỗ có hiệu quả. Chữ học này là văn cổ. Nghĩa là chỗ nghe mà được giác ngộ. Chỗ nghe theo giáo pháp. Sự chỉ dạy mà được giác ngộ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ học là từ bộ phộc thanh học. Nay viết chữ học từ bộ nhất tới bộ miên

âm miên là âm mịch âm là hiểu biết, từ học này là tỉnh lược bớt đi bộ phộc đến bộ cửu, đến bộ mịch thanh tử chữ chuyển chú, cũng là chữ hội ý. Âm dưới là chữ giá. Ngược lại là âm da nhạ

溟滓 Minh bột:.. Ngược lại âm trên mịch bình. Sách Tập Huấn cho rằng: minh là mờ tối, u ám. Minh bột là tên riêng của biển lớn, chữ viết từ bộ thủy, chữ hình thanh.

以索亡侏 Dĩ tác vong chu:.. Ngược lại là âm sở cách. Sách văn thường hay dùng. Viết đúng là chữ tác này. Sách Phương Ngôn cho rằng: tác là lấy mượn âm chữ vốn là âm tăng lạc. Nay không dùng nữa. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây cỏ có cọng có lá, có thể lấy làm dây to, cho nên từ bộ mạt. Ngược lại là âm phổ mạt. Chữ từ bộ mịch, chữ tượng hình. Nay theo lệ sách thông dụng viết chữ tác này biến thể của sách vậy.

Đạo Long cung:.. Ngược lại âm trên là đường đao. Sách Thuyết Văn cho rằng: đạo là đâm đập lên. Chữ viết từ bộ túc thanh đạo.

Cánh phúc:.. Ngược lại âm phòng phúc. Theo Hàn Thi Truyện cho rằng mùi hương.

Tam Lượng:.. Ngược lại âm lượng trượng nghĩa đây là thân cận với đời. Trước đã lập ra tam lượng: hiện lượng, tỷ lượng đến giáo lượng, gọi là trần na. Về sau đến giáo lượng nhiếp vào trong tỷ lượng nên chỉ lập ra nhị lượng.

仿以 Phảng dĩ:.. Ngược lại âm phương vông. Tên của người soạn tựa kinh, tức là Đại Đường Tam Tạng Pháp sư Huyền Trang, âm dưới là tên người phiên dịch kinh:

là Đại Đức Pháp sư Tăng Phảng. Tự nói ra là khi soạn bài tựa cho dịch kinh vậy.

反魂 Phản hồn: Sách Thập Châu Ký ghi rằng: Ở trong biển Tụ-oa Châu, trên châu này có cây đại thọ. Nó giống như cây phong của nước này, mùi thơm bay xa trăm ngàn dặm. Tên là phản hồn, chặt cây này xuống lấy trong cây ra có ngọc đục trong ngọc đem đốt lấy chất nước tinh dầu, lại dùng lửa nhỏ đem hơi cho nóng cháy đen khiến cho thành những hoàn nhỏ, có tên hỏa vụ tinh hương; cũng có tên hoắc tinh hoàn, cũng có tên là phản sanh hương, cũng có tên là nhơn điều tinh, cũng có tên là kiếp tử hương. Phàm có năm tên, mùi hương này đốt lên hơi nghe rất xa. Thây chết nằm dưới đất nghe mùi hương này cũng sống dậy mạng kéo dài đến ba năm. Vua Vũ Đế an định ở trong cung may mắn nghe được mùi hương này ở Tây Vực, Vương Nguyệt Chi cũng theo con đường tìm tới, loài thú khi nghe mùi phản hồn hương, loài hai chân bốn chân cũng đều tụ tập tới, cảm thấy thần hồn ngây ngất, loài mãnh thú, người huỳnh sắc, rất nhỏ cũng uy phục trăm tà vọng lượng cũng đều say mê, vua nghe thân hành đến thử cảm thấy có hiệu nghiệm và cảm thấy nhẹ nhàng, và sau đó rất lâu không mất mùi hương này, và cũng khiến cho người và loài thú v.v... không biết chỗ tiềm ẩn mà quay về với Tây Vực.

染翰 Nhiễm hàn: Ngược lại âm hàn ngạn hoặc từ bộ mao viết thành chữ hàn. Theo sách Khảo Thanh cho rằng: cái lông nhỏ của con thú, có thể chế ra làm cây bút cho nên gọi là hàn. Sách Chu Lượng nói rằng: hàn văn, như có màu sắc của lông con gà nói văn chương kỳ diệu

sáng sửa, mà cây bút có thể là làm cây cầu bắt ngang để đưa người sĩ tử đến đài danh vọng. Xưa nói rằng gọi cây bút là đảo hàm.

𢆉抵 Tháo kỳ:.. Ngược lại âm thảo đao. Sách Thuyết Văn cho rằng: tháo là cầm nắm giữ, hoặc viết là chữ tháo này là chữ cổ

𢆉泗 Trù tứ:.. Ngược lại âm trụ lưu. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: trụ là phát ra. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: hai người là trụ, trụ cũng là thất nghĩa là “ai”. Ngược lại âm dưới là thị tư Sách Nhĩ Nhã cho rằng: tú là mưu tính. Sách Thuyết Văn cho rằng: mưu sự gọi là tứ, chữ hình thanh.

伉談 Kháng đàm:.. Ngược lại âm trên là khang lãg. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: kháng là cung kính, cũng gọi là một cặp vợ chồng. Sách Giai Uyển Chu Tòng cho rằng: đối địch, sách Luận ngữ cho rằng: kháng là đàm luận.

熒暉 Huỳnh huy:.. Ngược lại âm trên là huệ cao. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: huỳnh là con đom đóm, tức là chiếu sáng. Quách Phác chú giải rằng: con đom đóm bay vào ban đêm và dưới bụng cho ánh sáng. Sách Lễ Ký cho rằng: loài côn trùng hóa sanh trong cỏ mục là con đom đóm. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: chữ viết từ bộ trùng đến bộ huỳnh thanh tĩnh.

KINH ĐẠI THỪA TẬP ĐỊA TẠNG THẬP LUÂN

QUYỂN 1

祛羅帝耶山 Khur-la-đế-da-son:.. Ngược lại âm trên là khương-già. Tiếng Phạn, tên của núi, hoặc dịch là Luy lâm sơn, Thập bảo sơn (núi Luy lâm, núi Thập bảo) cũng là một tên núi, cũng gọi là núi Thất kim, nhiều lần tiếp cận với núi Tu-di. Cao đến bốn vạn du thiên na, quả núi có ánh sáng có mùi thơm, có các vị tiên nhơn ở đây. Núi này có các vị tiên tu tập pháp làm chấn động sáu sát, làm phép huyền ảo.

毖薊 Bí sô:.. Ngược lại âm trên là tỳ lực. Âm dưới sở câu. Nay lấy chữ này là sai. Âm Phạm không cầu chữ nghĩa, tiếng Phạn gọi là Bí sô. Đường Huyền Trang dịch. Khất sĩ cũng là tên có thể phá, phá giống như là hủy bỏ, phá đây có nhiều nghĩa, hoặc là phá ác nghiệp, hoặc là phá phiền não. Đây dịch không đúng, cho nên còn tồn tại trong Phạm ngữ vậy. (T417).

Đại vũ hương vũ: Trên là chữ vũ khứ thanh. Ngược lại âm vu cú, dưới là chữ vũ thượng thanh. Ngược lại âm vu cự Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ vũ là chữ tượng hình.

三界 Tam giới:.. Ngược lại âm giai giới. Hoặc là trong sách viết chữ giới này giải thích dùng một loại. Tiếng Phạn gọi là đất tần (hai âm hợp lại chuyển lưỡi đọc). Lộ (dẫn) chỉ (hai âm hợp lại). Đường Huyền Trang dịch là: tam giới tức là dục giới, sắc giới thuộc trên cõi trời, dưới tuần tự tổng có hai mươi tám tầng chư thiên, hoặc là nương theo đất, núi, hoặc nương theo hư không, tùy theo nghiệp mà trụ ở. Hết kiếp ba ngàn đại thiên, trăm ức Tu-di thiết vi, tận cùng trên có đánh minh không,

tận cùng dưới là có phong luân không giới. Tổng gọi chung Sa-ha. Xưa dịch là thế giới Ta-bà vậy.

浮泡 Phù bào:.. Ngược lại âm phổ bao. Sách Phương Ngôn cho rằng: bào là pha chế nhiều loại. Lời nói của người thuộc lưu vực sông Hoài. Quách Phác chú giải rằng: bào là nước thủy triều dâng cao, là lụt lớn, lũ lụt tràn về. Phù là bọt nước nổi trên mặt nước.

歔然 Huất nhiên:.. Ngược lại âm huân tiết. Thiên Thương Hiệt cho rằng: bỗng nhiên nổi lên âm thốt. Ngược lại âm thương nột. Sách Tây Kinh Phú cho rằng: Huất là nhìn thấy phía sau lưng. Bách Tông cho rằng: bỗng nhiên, thốt nhiên.

增彊 Tăng cương:.. Ngược lại âm cự lương. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: cương là gánh vác đảm nhiệm. Quách Phác cho rằng: cương là tốt đẹp, cùng với vật tương đương. Chữ viết từ bộ cung, thanh cương.

帝釋 Đế Thích: Tam Tạng Pháp sư Huyền Trang giải thích rằng: đế là nơi đời Đường thích là tiếng Phạn âm là lạc-yết-la đường. Đây là lời phiên dịch mà nghĩa dịch xưa là dũng mãnh quyết định. Văn xưa dịch lược nên nói rằng: Đế thích. Nay theo bản dịch xưa, cho nên haibản xưa và nay đồng nêu lên.

以頌 Dĩ tụng:.. Ngược lại âm từ tụng. Trịnh Huyền chú giải sách lược Chu Lễ rằng: tụng là đọc có âm điệu, tiếp nhịp, dung hòa theo điệu, nhịp điệu. Sách Khảo Thanh cho rằng: tụng đó là khen ngợi, ca ngợi công đức hiện tại, dùng lời tao nhã, từ trong sáng mạnh mẽ Tinh thần trong sáng, hình dung ca ngợi công đức của thần minh, cho nên gọi là tụng.

不測 Bất trắc:.. Ngược lại âm sở trắc. Sách Lễ Ký cho rằng: không lường được những việc chưa đến. Trịnh Huyền cho rằng: trắc là ý đo lường, hoặc là trong kinh văn viết, sai chữ viết bộ tâm viết thành chữ trắc này là chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

大劫 Đại kiếp:.. Ngược lại là âm kiểm nghiệp tiếng Phạn. Đường Huyền Trang giải thích rằng: Thời gian dài không giới hạn thán năm vậy.

盛貯 Thanh trữ: Âm trên là thành. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: chứa đựng đồ vật gọi là thanh. Ngược lại âm dưới là trương lữ. Sách Thuyết Văn cho rằng: trữ là tích chứa. Chữ viết từ bộ bồi thanh thử.

車乘 Xa thừa:.. Ngược lại âm thừa chứng. Quảng Nhã cho rằng: thừa là cỗ xe chở Trịnh Huyền chú giải rằng: bốn con ngựa là một cỗ xe gọi là thừa, gọi là hai cặp song song với nhau. Xưa hiệu là xe tứ mã (là bốn con ngựa).

所憑 Sở bằng:.. Ngược lại âm bị bằng. Sách Chu Lễ nói rằng là chiếc ghế dựa của vua. Sách Thuyết Văn cho rằng: bàn chỗ dựa vào sân hận nổi giận, tức giận. Kinh văn lấy chữ nô mãn. Nghĩa là tức giận tràn đầy (tức chết đi được).

船撥 Thuyền bát:.. Ngược lại âm phiên miết. Sách Phương Ngôn cho rằng: cái bè làm bằng tre gọi là bài. Bài cũng gọi là cái bè. Cái bè đó giữa nước Tần, và Tấn gọi thông dụng với nhau. Vương Dật Chú giải sách Sở Từ rằng: bện trúc làm bè gỗ trên mặt nước gọi là bè gỗ, người nước Sở gọi là bài, âm bài. Ngược lại là âm bại mai. tức là cái bè, hai chữ phù phù âm thông dụng đều

đồng nhau. Ngược lại là âm phương du, cũng gọi là cái bè qua sông. Trong kinh văn viết phạt là cái bè cũng là văn thông dụng thường hay dùng. Chữ chánh thể từ bộ mộc thanh phát.

如塹 Như tiệm:.. Ngược lại thiếp diễm. Quảng Nhã cho rằng: tiệm là cái hào bao quanh thành, cũng gọi là cái hồ sâu. Sách Ngọc Thiên cho rằng: cái ao bao quanh thành. Sách Chu Lễ gọi là không có ống rãnh là cái hào, bao quanh để giữ được thành là vậy. Cũng gọi là Thành Hoàng. Tên của vị thần, ban đầu trong mỗi thành đều có đền thờ gọi là miếu Thần Hoàng.

清令 Thanh lệnh:.. Ngược lại âm lịch đình. Vương Dật Chú giải sách Sở Từ rằng: lệnh sạch, là mát mẻ Cổ Dã Vương cho rằng: lệnh là ý giải ngộ tự nhiên. Trong kinh văn viết từ bộ băng là chẳng phải.

貧匱 Bàn Quỹ:.. Ngược lại âm quỳ vị. Trịnh Huyền Chú giải sách Lễ Ký rằng: Quỹ là thiếu thốn. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: quỹ là hết sạch. Sách Thuyết Văn cho rằng: không còn của cải, chữ viết từ bộ phương âm phương thanh quý.

稼穡 Giá sắc:.. Ngược lại âm trên là da nhạ. Ngược lại âm dưới là sắc lực. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: không có cây lúa thì không có lúa để mà gặt. Theo Mao Thi Truyện cũng cho rằng: trồng lúa cũng gọi là giá. Thu hoạch gọi là sắc. Sách Thuyết Văn viết từ bộ hòa, thanh sắc, cũng viết từ bộ lai thanh mẫu bộ lai đó là mẫu mà gọi là chứa, cho nên người làm ruộng gọi là sắc phu.

水激 Thủy kích:.. Ngược lại âm kinh diệc. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: là cảm kích. Sách Trang

Tử chú giải rằng: kích là nước bắn lên, rót nước. Tư Mã Bưu cho rằng: nước chảy ẩn dưới gọi là kích. Sách Thuyết Văn cho rằng: nước bị ngăn cản bởi vật gì. Quảng Nhã cho rằng: nước chảy mau có những làn sóng nhỏ. Chữ tượng hình.

硝釋 Tiêu Thích: Âm trên là tiêu. Cố Dã Vương cho rằng: tiêu tán. Sách Sở Từ cho rằng: giảm bớt, hủy hoại. Sách Thuyết Văn cho rằng: nung kim loại chảy ra, chữ tượng hình.

悚懼 Túng cụ:.. Ngược lại âm trên là lật dững. Âm dưới là cụ. TỰ THƯ cho rằng: Túng cụ là khi chiến trận đánh nhau run sợ sợ hãi. Tam Tạng Pháp sư Huyền Trang giải thích rằng: ý của Phạm văn là lấy cái tâm hoảng sợ nên lông dựng đứng lên gọi là cụ.

儼然 Nghiêm nhiên:.. Ngược lại âm trên là ngư liễm. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: nghiêm là cung kính, khom người đánh lễ gọi là nghiêm. Nghiêm cũng như là suy nghĩ Trịnh Huyền cho rằng: thương xót tự tôn, tự khoe, có sức mạnh, người ngồi suy tư khoe, có sức mạnh, người ngồi suy tư dung mạo nghiêm thiên là nghĩa đây vậy.

Thủ Lăng Già-na: tiếng Phạm. Đường Huyền Trang dịch là: kiên hạnh, là sức mạnh.

三麻地 Tam ma địa: Đường Huyền Trang gọi là đẳng trì, là giữ lấy các vật, cũng gọi định.

溪閒 Khê gian:.. Ngược lại là âm khinh kê. Ngược lại âm dưới là gian cánh. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: nước chảy dưới sông, gọi là khô, nước chảy trong khe núi hẹp gọi là gian đều là chữ tượng hình.

𡵓𡵓 Cầu hác:.. Ngược lại âm trên là cô hậu. Trịnh Huyền chú giải Sách Lễ rằng: cầu là đường dẫn nước thông ra sông. Gọi là cống rộng bốn thước, sâu bốn thước, gọi là cầu. Ngược lại âm dưới là ha các. Trịnh Tiễn chú giải sách Lễ Ký rằng: hác là khe, hang, hóc, vực. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Hác lang trống rỗng. Quách Phác chú giải rằng: gọi là hồ sâu, cái hào bao quanh, cũng gọi là vùng đất hoang vu. Sách Thuyết Văn cho rằng: hác cầu là cống rãnh dẫn nước. Chữ viết bộ hác đến bộ thổ.

古匱 Cô độc:.. Ngược lại âm trên là cô Lại cũng là âm dã. Nay lấy âm trên là cô. Sách Tự Lâm cho rằng: trong bụng có trùng. Loại trùng gây bệnh hại người. Chữ viết từ bộ mãnh đến bộ trùng. Chữ hội ý.

災橫 Tai hoành:.. Ngược lại âm trên là tể lai. Theo Tả Truyện cho rằng: khi mà trời phản trở lại gọi là tai. Bạch Hổ Thông cho rằng: tai là nói làm thương tổn. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ xuyên, mà chữ xuyên này có nghĩa là hại. Chữ viết bộ nhất đến bộ ung đến bộ xuyên hoặc là viết từ bộ hỏa viết tai. Kinh văn viết tai cũng là văn thông dụng thường hay dùng.

𡵓𡵓 Nữ giới:.. Ngược lại âm trên là lặc liễu, hoặc là viết nữ này. Ngược lại âm dưới là hài giới. Năm vật trong tay gọi là nữ. Trong chân gọi giới. Giới là cái cùm, gông cùm, cùm chân gọi là giới. Cho nên chất là nơi đất. Cốc đó là cùm nơi tay, cũng là giới là chỗ gọi là bảo với trời lấy đây mà nói thì nữ không ắt nơi tay, mà giới không ắt biến khắp nơi chân, chữ nữ giới. Chất cốc, già tảo. Gọi chung là gông cùm xiềng xích trói buộc theo lời

nói thông dụng. Âm chất là âm chất, âm cốc là âm cốc từ bộ cáo.

伽鐸 Già tảo: Âm trên là da, âm dưới là tạng quả. Theo văn Tự Tập Lược cho rằng: cổ bị đeo cái gông, nên khiến cho không được tự tại. Sách Lâm Tự cho rằng: Tảo là liên hoàn với nhau. Theo văn Tự Tập Lược cho rằng: liên kết thành một vòng tròn. Câu thúc thân lại bó buộc thân lại. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ kim thanh tảo.

儼繫 Liễm hệ: Ngược lại âm trên là cảm nghiệm. Giải thích tên gọi là liễm là cảm ngăn. Ngược lại âm dưới là kinh duệ. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lê rằng: hệ là nối kết lại. Chữ viết từ bộ mịch. Chữ tượng hình.

鞭箠 Tiên thác: Ngược lại âm trên là tất miên. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiên là đánh, chữ viết từ bộ cách, thanh tiện, văn cổ viết tiên. Ngược lại âm dưới là khô hạt. Quảng Nhã cho rằng: thác là đánh. Sách Chu Lễ cho rằng: đánh trị tội những người giải đãi, ngã mạn, kiêu mạn, lười biếng. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh đạt. Văn cổ viết thác cứ kiểm. Sách Thuyết Văn cho rằng chữ thác từ bộ xước thanh thác. Âm thác đồng với âm trên.

羸𢀓 Luy chuyết: Ngược lại âm chuyển liệt. Theo Thanh Loại cho rằng: chuyết là lo lắng, chuyết gọi là hơi ngắn.

暢滴 Sướng trích: Ngược lại âm lai lượng. Quảng Nhã cho rằng: Sướng là thông suốt đạt tới giác ngộ. Sách Khảo Thanh cho rằng: trong đông vạn vật còn hàm ẩn trốn cho nên gọi là sương. Sướng cũng gọi là thông suốt. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: sương là ý tốt là người

thiện. Chữ viết từ bộ thân thanh dương, âm dương.

癲狂 Diên cuồng:.. Ngược lại âm điên niên. Quảng Nhã cho rằng: điên cũng giống như là cuồng. Theo Thanh Loại cho rằng: là mắc bệnh phong, hoặc viết chữ điên này cũng thông dụng, cũng đồng.

崖岸 Nhai ngạn:.. Ngược lại âm trên là ngũ giai. Sách Thuyết Uyển cho rằng: bên vách núi cao hiểm trở gọi là nhai. Sách Thuyết Văn cho rằng: bên vách núi cao, chữ viết từ bộ nhai. Ngược lại là âm ngũ hạt. Thanh giai. Ngược lại âm dưới là ngã cán. Bên vách núi cao vút lại có vực sâu gọi là ngạn. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: từng lớp là nhai ngạn. Quách Phác chú giải rằng: hai vách núi liên kết lại là ngạn.

顛墜 Diên trụy:.. Ngược lại âm đình kiên. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: điên cũng giống như chữ trụy vậy. Nghĩa là đổ ngã ập xuống. Hoặc là viết từ bộ nhơn viết thành chữ điên. Ngược lại âm dưới là trường loại. Sách Thuyết Văn cho rằng: từ trên cao rơi xuống.

Tốt xá giá quý: Đường Huyền Trang giải thích rằng: loại quỷ ăn máu thịt. Tức là loại quỷ La sát.

布單那 Bô-đơn-na: Đường Huyền Trang giải thích rằng: Loài quỷ quái làm ra tai nạn, hoặc là cùng với người, sùng bái loài súc sanh.

Cưu-bàn-trà: Trong kinh hoặc là viết bàn trà, là chuyển thanh. Đường Huyền Trang dịch là: loài quỷ Đông Qua nói rằng cái mặt giống như trái bí đao hoặc là cái bụng của nó giống như trái bí đao.

Yết-trà-bồ-đản-na quỷ: âm trá. Ngược lại là âm trích da. Đường Huyền Trang nói rằng: kêu là con quỷ nó làm

thao tác tai họa quái vị. Âm thao. Ngược là âm tảng đão.

Hấp tinh khí: trong kinh văn hoặc là có viết hấp. Ngược lại âm hư cấp. Sách Thuyết Văn nói rằng: hấp là hút nhập vào trong hơi thở nghĩa là hít vào.

Yêm đảo:.. Ngược lại âm đảo lão. Tự Lâm cho rằng: đảo đó là báo cáo việc cầu phước. Quảng Nhã cho rằng: đảo đó là lời tạ ơn, chữ viết từ bộ thị âm thị là kỳ

Căn tu:.. Ngược lại âm tương du hoặc là viết chữ tu này.

Áo-xà-ha-lạc quỷ: Đường Huyền Trang nói rằng: là con quỷ hấp tinh khí.

Diêm ma Vương:.. Ngược lại âm trên là diêm nhiễm. Đường Huyền Trang cho rằng: hoặc gọi là khả bố úy cũng tên là thâm nặng tịnh tức hoặc nói là: bình đẳng kế sau đó là kinh Địa Tạng Bồ tát Đà-la-ni, trong bốn kinh vốn là xưa dịch, hoặc là có âm không tương đương chính xác, dùng chữ khác lạ Nay tự thọ trì bốn tiếng Phạn, bởi vì sửa chữa âm nghĩa phải dựa bốn văn. Lại dịch theo tiên đoán, bản Phạn văn đó xin mời, xem lại chữa giáo chính, trước và sau hai bản dịch mới biết xác thật chân mật nghĩa, nên nói rằng như vậy.

Nang mạc: dẫn đến la. Chữ la lấy thượng thanh, bao gồm chuyển lưỡi đọc tức là hải vậy. Đát nang, hai âm hợp. Đát la, hai âm hợp da- dẫn tới chữ dã một âm. Na-mạc-a, khứ - dẫn ly dã. Hai âm hợp, chữ ly trên chuyển lưỡi đọc thanh hai âm. ngật sử hai âm hợp để. Ngược lại âm đình dị. Nghiệt bà, khứ - dẫn. Dã tâm, tam mao - dẫn địa tát đát phước, hợp ba âm - dẫn dã. Ma hạ - dẫn tá-đát-phước tam hợp - dẫn dã, ngũ ma-hạ - dẫn ca - dẫn lỗ

nỉ. Ngược lại âm nặc chỉnh. Văn sau đồng ca - dẫn dã, lục đất nhĩ dã. Hai âm hợp lại tha, khứ - dẫn. Thất ngật tham, hai âm hợp. Ngược lại âm dưới sở cầm, chữ chánh thể viết từ bộ sam. Hưu, cửu A, khứ - dẫn ca - dẫn xá ngật tham, hai âm hợp mưu, thập phước ca-la-ngật tham, hai âm hợp, thập nhất (mười một) ám ma. Ngược lại âm mạc khả la-ngật tham hai âm hợp. Mưu (mười hai). Phệ. Ngược lại âm phì phế - dẫn. La-ngật tháp, nhị hợp mưu (mười ba). Phước-nhật-la, nhị hợp ngật tham, nhị hợp, mưu (mười bốn). Lộ - dẫn ca-ngật-tham, nhị hợp, mưu (mười lăm). Đạm ma, âm mũi. ngật tham, nhị hợp mưu (mười sáu). Tát-đễ-dã, nhị hợp ma, âm mũi ngật tham, nhị hợp mưu (mười bảy). Tát-đễ dã, nhị hợp mưu (mười tám). A, thượng minh. Ngược lại âm minh dật, âm dưới đồng, đễ-dã, nhị hợp (mười chín). Nhĩ dật, nhị hợp, hạ - dẫn la, chuyển lưỡi đọc thượng thanh, ngật tham, nhị hợp (hai mươi) (T418). Nhĩ dã, nhị hợp, mưu (hai mươi một). Ngật sái, nhị hợp ma, âm mũi, ngật tham, nhị hợp mưu (hai mươi hai). Ô- bả-xá-ma-ngật-tham, nhị hợp, mưu (hai mươi ba). Năng-dã năng-ngật, tham, nhị hợp, mưu (hai mươi bốn). Bát-la, nhị hợp, chỉ phương, nhị hợp dẫn, tam, khứ thanh. Mẫ-đễ. Ngược lại âm đỉnh dĩ, dẫn la, chuyển lưỡi đọc nã âm mũi. Tham, nhị hợp, mưu (hai mươi lăm). Ngật sái, nhị hợp, mưu (hai mươi sáu). Vĩ thất dần, ly dã, nhị hợp, ngật tham, nhị hợp, mưu (hai mươi bảy). xá - dẫn sa đóa, nhị hợp, phước tham nhị hợp. mưu (hai mươi tám). Nhĩ dã, nhị hợp, A, khứ - dẫn tố lai. Ngược lại âm trích giai (hai mươi chín). Ma tứ. Ngược lại âm hình dị âm dưới đồng lê - dẫn (ba mươi). Na-mễ-

xả-mê (ba mươi mốt). Nhị hợp, tổng (ba mươi hai). Tác-ngật-la, nhị hợp ma âm mũi, tử. Ngược lại âm tinh dĩ văn dưới đồng, địch, chuyển lưỡi đọc (ba mươi ba). Ngật sử, nhị hợp. Địch tứ địch (ba mươi bốn). Già la, nhị hợp sa-ma-la bát-la, nhị hợp. Bệ (ba mươi lăm). Tứ địch, dẫn bát-la, nhị hợp bệ (ba mươi sáu). Bát la, nhị hợp tát. Ngược lại âm tán lạt, la miết, chuyển lưỡi đọc đa, thượng thanh ninh (ba mươi bảy). Bà la tả tả tả tả (ba mươi tám). Tứ lê nhĩ lê (ba mươi chín). Yết tha thác khiết (bốn mươi) thác khủ. Ngược lại âm tụ vu lô thác địch, chuyển lưỡi đọc (bốn mươi mốt). Âm mũi, dẫn trái. Ngược lại âm trạch giới, đôn. Ngược lại âm đa cố, dẫn trái (bốn mươi hai), cự lê nhĩ lê (bốn mươi ba). Ảnh cự tử đóa, dẫn (bốn mươi bốn). A thượng thanh lý nghi. Ngược lại âm mịt dĩ lị (bốn mươi lăm). Bả-la-dẫn nghi lý (bốn mươi sáu). Cự-trá-chiêm-ma-lê (bốn mươi bảy). Nông. Ngược lại âm nhược giảng, văn dưới đồng nghe nung nghe (bốn mươi tám). Nông, dẫn ngu. Ngược lại âm ngu cự lê (bốn mươi chín). hộ lỗ hộ lỗ hộ lỗ (năm mươi). Cự lỗ thốt đồ nhị hợp nhĩ địch (năm mươi mốt). Nhĩ lị đệ (năm mươi hai). Nhĩ lị trái. Ngược lại âm trạch mại (năm mươi ba). Bàn nả thượng thanh, đà (năm mươi tư). Hạ la tư lợi (năm mươi lăm). Hộ lỗ, hộ lỗ hộ lỗ, chuyển lưỡi đọc lô (năm mươi sáu). Tát-phước - dẫn la-tha nhị hợp, vĩ thú - dẫn đà minh sa phước, nhị hợp, dẫn hạ - dẫn (năm mươi bảy). Ca-ly-du - dẫn phát-vĩ-thú, dẫn đà-minh sa-phước, hai âm hợp – dẫn, hạ - dẫn (năm mươi tám).

Lỗ-sái-ma, âm mũi nặc vĩ thú - dẫn. Đà ninh sa phước – nhị hợp dẫn hạ dẫn (năm mươi chín). Ca-lỗ-sa-

ma-hạ – dẫn - nạp-bộ hai âm hợp – dẫn, đa (sáu mươi).
 Vĩ thú – dẫn đà ninh (sáu mươi một). Ca-lỗ- sa-áo-nhạ.
 Ngược lại âm tàn hoàn, vĩ thú – dẫn (sáu mươi hai). Đà-
 ninh- sa-phước, hai âm hợp – dẫn hạ (sáu mươi ba). Tát
 phước – dẫn. La-tha, nhị hợp, bả-lị-bố – dẫn la-ni-sa-
 phước, nhị hợp dẫn - hạ – dẫn (sáu mươi tư). Tát-phước-
 tát-tả (sáu mươi lăm). Tam, khứ dẫn bá – dẫn. Mã-ninh-
 sa-phước, nhị hợp dẫn, dẫn (sáu mươi sáu). Tát-phước-
 đất-tha, khứ thanh – dẫn. Nga-đa (sáu mươi bảy). địa sát
 sĩ nhị hợp đế-sa-phước nhị hợp – dẫn. Hạ – dẫn (sáu
 mươi tám). Tát phước mạo – dẫn tát-đất-phước, nhị hợp
 (sáu mươi chín). Địa-sắc-sĩ nhị hợp đa (bảy mươi). A
 thượng thanh, nỗ, âm mũi. mộ – dẫn nhĩ. Ngược lại âm
 nề-dĩ. đế-sa phước, nhị hợp – dẫn hạ dẫn (bảy mươi một
 câu thần chú).

馳騁 Trì sinh. Ngược lại âm dưới là lại dĩnh. Tả
 Truyện cho rằng: trì là mặt trái và phải. Đỗ Dự cho rằng:
 trì là chạy, Quảng Nhã cho rằng: sinh là phi nhanh, ngựa
 phi nhanh.

Kinh được:.. Ngược lại âm dương quân. Sách Nhĩ
 Nhã cho rằng: được là vụt qua mau chóng. Quách Phác
 cho rằng: vội vàng mau lẹ, Quảng Nhã cho rằng: được
 là nhảy qua.

KINH ĐẠI THỪA TẬP ĐỊA TẠNG THẬP LUÂN QUYỂN 2

劬勞 Cù lao:.. Ngược lại âm trên là cụ ngu. Sách

Khảo Thanh cho rằng: cần cù, siêng năng. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: cù cũng giống như chữ lao. Chữ viết từ bộ lực thanh ai. Ngược lại âm dưới là lão đao. Sách Chu Lễ cho rằng: làm công việc gọi là lao. Sách Tục Thư cho rằng: lao là mỗi một. Sách Thuyết Văn cho rằng: dùng sức lực đó là lao. Chữ viết từ bộ lực đến bộ lao. Thanh tĩnh.

Duy nhiên:.. Ngược lại âm trên là duy quý. Sách Lễ Ký cho rằng: cha gọi đến không đáp là nặc, mà các bậc tiên sinh gọi đến cũng không đáp là nặc (tức vâng, ư) mà phải đứng dậy đáp là duy. Trịnh Huyền chú giải rằng: duy là từ cung kính, còn nặc thì là chậm chạp mà coi thường. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ khẩu thanh duy.

乘馭 Thừa ngự:.. Ngược lại âm ngự cứ Sách Thượng Thư cho rằng: giống như hủ tổ điều khiển chiếc xe sáu con ngựa. Cố Dĩ Vương cho rằng: gọi là chỉ huy điều khiển con ngựa. Sách Chu Lễ cho rằng: nắm giữ tám cán đao, theo lệnh vua, điều khiển quân, một gọi là tước, hai gọi là lộc, ba gọi là dữ, bốn gọi là trí, năm gọi là sanh, sáu gọi là đoạt, bảy gọi là phé Tám gọi là chu. Sáu nghề thứ tự gọi là điều khiển. Sách Thuyết Văn cho rằng: làm nghề điều khiển. Sách Thuyết Văn cho rằng: làm nghề điều khiển ngựa, chữ ngự này là văn cổ, cũng viết chữ ngự này, từ bộ xước đến bộ ngự. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ mã thanh xoa, chữ hội ý, âm ngự. Ngược lại âm tinh dạ, Âm xước. Ngược lại âm sửu xích.

欺凌 Khi lăng:.. Ngược lại âm lực trùng. Sách Ngọc Thiên cho rằng: xâm phạm khinh nhờn. Sách Thuyết

Văn cho rằng: viết chữ lằng là vượt qua, chữ viết từ bộ truy, thanh lục, văn cổ viết chữ lục.

誣罔 Vu vông: . Ngược lại âm trên là vũ phu. Đỗ Dự chú giải Tả truyện rằng: là khinh khi nói bậy. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: không phải là pháp của Tiên Vương. Gọi là đưa lên cộng thêm tội để giết chết kẻ tội đồ gọi là vu. Lại cũng gọi là lấy ác làm thiện gọi là vu. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: vu là nói dối, lại gọi là nơi việc không tin, gọi vu. Sách Thuyết Văn cho rằng: nói thêm vào, chữ viết từ bộ ngôn, thanh vu. Ngược lại âm dưới là vũ mang. Sách Luận ngữ cho rằng: Người quân tử có thể khinh khi nhưng không thể lừa dối dung hòa với con ngựa được. Lại chú giải rằng: không thể nói dối, vu không được. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: vông là không có. Sách Thuyết Văn cho rằng: vông là lưới vong đang vào nhau, chữ viết từ bộ mịch âm mịch là âm mịch.

Kiều loạn: . Ngược lại âm khương yêu cũng viết từ bộ thủ viết thành chữ kiêu, kiêu là lừa dối không chân thật, nói lời lừa dối gạt không chân thật, nói lời lừa dối gạt gẫm người khác. Âm dưới văn cổ viết chữ loạn này.

籌策 Trù sách: . Ngược lại âm trên là trường lưu. Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ rằng: Trù là tính toán. Trịnh Tiễn chú giải sách Lễ Ký rằng: trù là cái mũi tên. Sách Sử Ký cho rằng: mượn trước thẻ tre làm sự trù tính cho vua, cũng gọi là vận dụng kế sách mưu kế cũng gọi là bện tre làm màng sáo. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ trúc. Thanh trù. Ngược lại âm dưới là sở cách hoặc là viết chữ sách này. Theo Thanh Loại cho rằng:

sách là mưu tính kế sách. Trịnh Huyền cho rằng: cái thẻ tre, cũng gọi là bàn toán. Sách Phương Ngôn cho rằng: giữa triệu đại bắc yển, nước Tiên Liệt, gọi là những hạt châu bằng gỗ nhỏ tròn làm bàn toán để tính, dùng làm phép tính toán. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: sách là tính toán. Tự Thư cho rằng: sách là mưu tính kế sách. Khổng Tử cho rằng: tiên liệu dự tính trước bày ra mưu kế hoặc là viết chữ sách này. Chữ viết từ bộ thủ Sách Thuyết Văn viết từ bộ trúc, đến bộ thúc âm thúc là âm thử tư, âm giáp là âm giáp này, cũng từ bộ trúc.

稟性 Bẩm tính:.. Ngược lại âm trên là bỉ cảm. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: bẩm là thọ nhận. Quảng Nhã cho rằng: bẩm cùng nhau. Sách Thuyết Văn cho rằng: ban tặng ngũ cốc, chữ viết từ bộ hòa tâm hanh bẩm, âm bẩm. Ngược lại âm lục cảm.

嫡子 Đích tử:.. Ngược lại âm trên là đình lịch. Sách Tự Thư cho rằng: đích là vợ chánh. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: đích là con trưởng. Công Dương Truyện cho rằng: đích là con của phu nhân, gọi là đích tôn, không phải chữ đích này vậy.

珥瑱 Nhĩ đang: Âm trên là nhĩ âm dưới là đáng. Giải thích tên gọi là hạt châu xuyên qua tai gọi là đang. Chữ tượng hình.

Tăng cái:.. Ngược lại âm trên tăng đán hoặc viết tăng chữ cổ dùng đồng với chữ tăng, tức cây dù che mưa. Chữ viết từ bộ mịch đến bộ nhục, thanh lâm.

Khấu kích:.. Ngược lại âm trên là khang cầu. Quảng Nhã cho rằng: là nắm giữ trong tay. Ngược lại âm dưới là kinh diệc. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: khấu

là đánh, gõ.

San hô: Ngược lại âm trên là tảng an, âm dưới là hồ. Tên vật báu, vật báu này sản xuất nước ngoài, trong biển lớn màu đỏ trong suốt, hình nó giống như sừng con nai, có nhánh tỏa ra, có cựa, lớn cao hơn một thước, nhỏ đó cao khoảng mấy tấc, tên gọi là cây san hô, hoặc là cắt ra lấy làm những hạt châu nhỏ.

Lưu ly: Âm trên là lưu, âm dưới là ly. Vật báu màu xanh, cũng có giả có thật. Thật đó khó được, giả đó sản xuất ở nước ngoài, tức là nước này luyện đá nhuộm làm năm màu sắc.

羯烙伽獠馱 Yết-lạc-ca tôn-đa: Đường Huyền Trang nói rằng: thành tựu tốt đẹp là trong hiền kiếp. Ban đầu là Phật xuất thế

Ca-diệp-ba: Đường Huyền Trang dịch là đại âm quang là trong hiền kiếp, tên của vị Phật thứ ba gọi là Ca-nhiếp.

羯諾伽侖尼 Yết-nặc-ca Mâu-ni: Đường Huyền Trang nói là: kim tịch tịnh, là trong tiền kiếp, vị Phật thứ hai tên là Câu-na-hàm.

奢麻他 Xa-ma-tha: Đường Huyền Trang gọi là chỉ, tức là dừng lại.

毘鉢舍那 Tỳ-bát-xá-na: Đường Huyền Trang tịch là quán, tức là quán sát.

Di-lê-đa: Ngược lại âm trên là biên kiết, âm kế là lệ chữ này hoặc là chuyển lưỡi đọc. Tiếng Phạn tên là loài quỉ, tên là ngã quỉ.

Liêu tá: Ngược lại âm trên là lịch biểu. Trăm người

đồng làm quan gọi là liêu.

A-kíp-ma: Âm kíp. Ngược lại âm kiêm nghiệp. Tiếng Phạn, Đường Huyền Trang gọi là truyền giáo.

A-tỳ-đạt-ma: tiếng Phạn, tên của bộ luận. Đường Huyền Trang cho rằng: trong bộ luận này nói rất rộng, cũng gọi tên là thắng thuyết, hoặc gọi là dị thuyết.

軌範 Quĩ phạm:.. Ngược lại âm trên là quy chương. Quĩ là cái trục xe, phạm là pháp tắc, văn trước đều đã giải thích đầy đủ rồi.

𠂔簿 Tiên bạc:.. Ngược lại âm trên là tương diễn, hoặc là viết tiên này. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: xem xét, sửa chữa chỗ còn thiếu sót.

緡恤 Chẩn tuất:.. Ngược lại âm chi dẫn. Cứu giúp người nghèo, người bị tai ương. Đỗ Dự cho rằng: phân phát của cứu giúp. Ngược lại âm dưới là tuần duật. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: chẩn tuất là lo lắng thương xót cứu giúp cho người nghèo.

謫罰 Trích phạt:.. Ngược lại âm trên là trá cách. Tam Thương cho rằng: khiến trách. Sách Phương Ngôn cho rằng: giận dữ, Quách Phác cho rằng: oán trách. Ngược lại âm dưới là phiên miệt, chữ viết từ bộ đao đến chữ ngôn, chữ hội ý.

Lương lệ: trên là hận, âm dưới là cán lệ Sách Thuyết Văn cho rằng: cán gọi là không nghe theo. Sách Ích pháp cho rằng: không sám hối lỗi trước gọi là lệ. Chữ viết từ bộ hộ tranh khuyến, chữ hội ý.

驅儘 Khu tận:.. Ngược lại âm bi ấn. Tư Mã Bưu chú giải sách Trang

Tử rằng: tần là trừ bỏ đi. Sách Sử Ký cho rằng: cùng nhau bài trừ, đuổi đi là vậy, chữ viết từ bộ thủ thanh tân.

折湊 Chiết phục:.. Ngược lại âm trên là chương nhiệt. Âm dưới là phục chữ viết từ bộ khuyên đến bộ nhơn, chữ hội ý.

嘉餚 Gia hào: Âm hào, văn thường hay dùng. Chữ Chánh Thể viết là hào. Giả Quỷ chú giải sách Quốc ngữ rằng: hào là loại thịt ướp. Cố Dĩ Vương cho rằng: phàm là chẳng phải loại ngũ cốc, mà ăn được gọi là hào. Gọi là đậu, thật ra là loại thịt ướp muối, hoặc là dưa muối. Ướp thịt, để nhiều ngày không hư Khảo Thanh cho rằng: thuộc loại, thịt phơi khô dưa muối phơi khô, thịt bày ra mỡ ra ướp đậu. Sách Thuyết Văn cho rằng: có chất đậm, chữ viết từ bộ nhục thanh hào.

猜貳 Sai nhị:.. Ngược lại âm trên là thương lai. Quảng Nhã cho rằng: sai là lo sợ Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: sai đoán ra, suy đoán, nghi ngờ. Sách Phương Ngôn cho rằng: hận, chữ viết từ bộ khuyên chữ hình thanh. Ngược lại âm dưới là nhị. Theo Tả Truyện cho rằng: làm quan mà không dám nói gọi là nhị. Đỗ dự chú giải rằng: nhị là làm trái lệnh. Theo sách Khảo Thanh cho rằng: cũng gọi là nghi ngờ Chữ viết từ bộ nhị đến bộ bối thanh nhị. Văn cổ viết chữ nhị này.

疇賜 Trù tứ: Âm trên là trực lưu. Trong bài tựa âm nghĩa trước đã giải thích rồi.

瑜伽 Du-già:.. Ngược lại âm trên là du chu. Tiếng Phạn. Đường Huyền Trang giải thích là tương ưng. Đây tức là nghĩa thứ nhất, lại còn có nghĩa nữa còn trong bản tiếng Phạn.

耽染 Đam nhiễm:.. Ngược lại âm trên là đáp hàm. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ đúng hợp nên viết chữ đam. Sách Thượng Thư cho rằng: chạy theo vui thú, ham thích vui. Khổng An Quốc chú giải rằng: quá vui thích gọi đam. Mao Thi Truyện cho rằng: Than ôi! Người con gái không cùng với kẻ sĩ đam mê. Văn thường hay dùng viết từ bộ thân viết thành chữ đam. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nữ thanh kham.

戍羅 Thú-la:.. Ngược lại âm du chú. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: thú là trấn giữ, ngăn chặn. Quách Phác chú giải rằng: chữ thú là chỗ ngăn chặn kẻ trộm, kẻ giặc cướp. Sách Thuyết Văn cho rằng: phòng thủ biên cương. Chữ viết từ bộ nhơn đến bộ qua. Ngược lại âm dưới là lạc-hạ. Sách Khảo Thanh cho rằng: la là ngăn trở che đi tuần binh, ngăn kẻ phản nghịch vậy.

舍羅 Xá-la: tiếng Phạn. Đường Huyền Trang giải thích là cái lưới của con chim.

Phữ soạn: Âm trên là phữ là chánh thể âm dưới là soạn. Khổng An Quốc chú giải sách Quốc ngữ rằng: soạn là thức ăn uống ngon.

大坑 Đại khanh:.. Ngược lại âm khở canh. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: khanh là gò đất cao lớn, đất hoang. Thiên Thương Hiệt cho rằng: là hào bao quanh, cái hầm lớn, chữ viết từ bộ thổ thanh kháng.

Hoặc thôi:.. Ngược lại âm tha lời. Sách Thuyết Văn cho rằng: xô, đẩy ra.

Tán buộ:.. Ngược lại âm trên là tạng tán. Ngược lại âm dưới bồn muộ. Văn thông dụng cho rằng: rác bụi gọi là buộ, hoặc là viết buộ này dùng cũng đồng. Sách

Thuyết Văn cho rằng: bụi trần, chữ viết từ bộ thổ thanh phân.

婬慾 Dâm dục:.. Ngược lại âm trên dữ châm, chữ tóm tắt cho rằng: buông thả phóng túng. Quảng Nhã cho rằng: Làm trò vui, buông thả bừa bãi. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: dạo chơi vui đùa sách Thuyết Đồng với Thông Tự cho rằng: chữ viết từ bộ nữ thanh dâm, âm dâm đồng với âm trên, từ bộ trảo đến bộ nhậm. Trong kinh văn viết từ bộ thủy viết thành chữ dâm này là chẳng phải. Ngược lại âm dưới là dung túc. Sách Khảo Thanh cho rằng: là tình cảm chỗ đưa đến ham thích. Chữ viết từ bộ tâm.

悲河 Bi hà:.. Ngược lại âm trên là bỉ bì. Trịnh Huyền cho rằng: chỗ chứa nước gọi là bi. Chữ viết từ bộ phụ thanh bì, âm phụ là âm phụ Trì chiều:.. Ngược lại âm chi nhiều. Sách Thuyết Văn nói rằng: chiều là tên gọi khác của cái ao vậy.

𦣻 𦣻:.. Ngược lại âm trên là khảm liễm. Âm dưới là trang sở.

𦣻 𦣻 Đầu thoán:.. Ngược lại là âm thương loạn. Sách Quảng Nhã cho rằng: Thảm là ỉn nấu, bỏ trốn. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: thoán, che giấu, ngấm bên trong. Sách văn tự điển nói rằng: che khuất, chữ viết từ bộ huyết đến bộ thoán. Chữ hội ý.

乳哺 Nhũ bộ:.. Ngược lại âm bồ mộ. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: bú sữa ngậm trong miệng, mà dạo chơi. Hứa Thúc Trọng chú giải rằng: cho ăn, nhai thức ăn trong miệng, đưa trẻ nhai thức ăn trong miệng. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhai nghiền ngấm, chữ viết từ bộ

khâu thanh bộ.

按摩 An-ma:.. Ngược lại âm trên là an thả Chử ma nghĩa là lấy, nắm giữ Thanh khứ Phàm là con người tay chân tự co duỗi, tự xoa bóp, trừ bỏ đi sự lao nhọc phiền muộn gọi là dẫn tới con đường tự do mà đi. Nếu để cho người khác cầm nắm ấn xuống thân thể của mình, hoặc là chà xát, hoặc là nắn bóp, tức gọi là xoa bóp đó là còn bị ràng buộc vậy.

棲泊 Thê bạc:.. Ngược lại âm trên là tiên hê Sách Nhĩ Nhã cho rằng: thê tức là dừng lại nghỉ ngơi, lưu lại. Quảng Nhã cho rằng: lưu lại nghỉ ngơi, cũng gọi là ở trong rừng cây. Chử đúng viết từ bộ thê, đến bộ mộc, viết thành chữ thê. Trong kinh văn viết từ bộ Á, viết thành chữ thê là văn thường hay dùng. Sách Thuyết Văn cho rằng: con chim ở trong ổ, chữ tượng hình viết thê. Văn cổ ghi là chữ Á. Tức mặt trời đã ngã về hướng Tây cho nên con chim dừng lại đậu trên cây nghỉ ngơi. Cũng cho rằng từ đó mà có chữ đông và chữ tây. Ngược lại âm dưới là bàng mạc. Sách Sở Từ cho rằng: giống như con chim từ đất Lãng dương đến dừng lại uống chút nước rồi bay gọi là thê bạc. Vương Dật chú giải rằng: bạc cũng giống như là dừng nghỉ. Nước ngưng chảy gọi là bạc.

遞相 Đệ tương:.. Ngược lại âm trên là đề lễ Sách Khảo Thanh cho rằng: đệ là thay thế Sách Nhĩ Nhã cho rằng: đệ là thay phiên nhau. Sách Thuyết Văn cho rằng: đệ là thay đổi, hoặc là viết đệ này là văn thường hay dùng.

捶楚 Chùy sở:.. Ngược lại âm giai nghiệt. Sách Quốc ngữ cho rằng: sai khiến đánh đập bằng roi. Sách Thuyết Văn cho rằng: dùng cây gậy mà đánh, gõ. Chử viết từ bộ

thủ thanh thù, hoặc là viết từ bộ mộc cũng thông dụng, hoặc là viết từ chữ trích, nghĩa là chọn lựa, ngắt, hái bẻ. Ngược lại âm dưới là sơ sở. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Sở là tên của loại cây. Chữ viết từ bộ lâm thanh sơ, âm sơ lại là âm sơ âm sở.

令囹 Linh ngữ:.. Ngược lại âm trên là lịch đình. Ngược lại âm dưới là ngư cử. Là tên của nhà tù nhà lao ngục. Sách Chu Lễ nói rằng: bắt đầu từ đời vua thứ ba là đã có nhà lao ngục. Giải thích tên gọi là linh đó là thống lãnh. Ngữ là chế ngự ngăn ngừa. Gọi là thống lãnh người tù tội, ngăn cấm người tù nhân. Sách Thuyết Văn cho rằng: linh là nhà lao tù. ngữ là cầm giữ, chữ ngoài là tượng hình, bên trong là hình thanh.

U chấp:.. Ngược lại âm trên là ầu do. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng. U là tối tăm, không sáng suốt. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: nhỏ vi tế, sâu xa. Sách Thuyết Văn cho rằng: u là ần nấu. Chữ viết từ bộ son trong dữ. U âm u đồng với âm trên. Từ hai chữ yêu, âm yêu. Ngược lại là âm y diêu. Ngược lại âm dưới là trâm lập. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: chấp là bó buộc cái chân lại. Theo Cốc Lương Truyện cho rằng: hai chân không cùng bước qua được gọi là bị bó buộc. Chánh Tự xưa nay viết từ bộ mịch, thanh chấp.

Âu kích:.. Ngược lại âm trên là ầu khẩu. Sách Sử Ký ghi rằng: Ngạc nhiên muốn đánh gõ. Sách Hán Thư ghi rằng: quan tàn bạo, đánh đập đến trọng thương. Quan Thị Lang, sách Thuyết Văn ghi rằng: đánh đập bằng chày, bằng gậy. Chữ viết từ bộ chi thanh ầu. Ngược lại âm dưới là kinh diệc. Cố Dã Vương cho rằng: cũng

giống như là đánh đập. Sách Trang Tử ghi rằng: đánh mà còn giữ lại con đường. Tư Mã Bưu cho rằng: cần phải đánh dạy bảo. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ chi đến bộ thủ, thanh kích, âm kích đồng với âm trên.

Đam miện:.. Ngược lại âm miên biến. Sách Khảo Thanh cho rằng: say sưa trong men rượu. Sách Thượng Thư ghi rằng: vui với men rượu phóng đảng. Khổng An Quốc chú giải rằng: chìm đắm trong sự say rượu, làm cho con người gây nhiều tội lỗi quá mức độ.

Kết phần:.. Ngược lại âm phân vận. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Phần là tức giận tràn đầy căm phẫn, âm phần là âm phần.

Đồng tệ:.. Ngược lại âm trên là đôn độn. Sách Khảo Thanh cho rằng: khó khăn cùng khổ khốn đốn cùng cực. Sách Thuyết Văn cho rằng: đầu cúi xuống sát đất, chữ viết từ bộ hiệt, thanh đốn. Trong kinh văn viết chữ đốn này là văn thường hay dùng, hoặc là viết chữ đốn này. Ngược lại âm dưới là tỳ duệ Sách Khảo Thanh cho rằng: hư hoại, kém, liệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: bù đắp, một gọi là cái áo đã rách. Chữ viết từ bộ tệ âm tệ. Ngược lại âm tứ duệ Trong kinh văn viết chữ tệ này là văn thường hay dùng.

Danh dự: Âm dự. Sách Khảo Thanh cho rằng: danh xưng tốt đẹp. Sách Thuyết Văn cho rằng: danh xưng. Chữ viết từ bộ ngôn thanh dĩ.

Khóa Vương:.. Ngược lại âm khoa hóa. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: khóa cũng giống như là đoạn ra vậy. Sách Khảo Thanh cho rằng: lui lại ngồi xuống. Sách Thuyết Văn cho rằng: vượt qua chữ viết từ bộ túc

thanh khóa âm khóa. Ngược lại âm khẩu quả từ bộ đại, đến bộ vu viết thành chữ khóa này là chẳng phải. Ngược lại âm khô hộ Khóa này nghĩa là ngồi xồm chẳng phải nghĩa trong kinh. Ngược lại dưới là chữ Vương, thanh khứ Sách Thuyết Văn ghi rằng: trong thiên hạ còn có chỗ để quay về, qua lại, dạo đi trong thiên hạ.

Hằng cùng:.. Ngược lại âm trên là cang đặng. Theo sách Khảo Thanh cho rằng: hằng là xa xôi. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: hằng là biến khắp. Sách Phương Ngôn cho rằng: còn mãi lâu dài, hoặc là viết từ bộ mộc viết thành chữ hằng này. Sách Thuyết Văn viết từ hai bộ nhựt viết thành chữ hằng. Thời nay có chỗ không dùng hằng này là chữ cổ. Sách Dĩnh Thư viết bộ nhựt, đến bộ nhị.

Viên cập:.. Ngược lại âm viên nguyên. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: viên là nói rằng, bèn, rồi. Sách Khảo Thanh cho rằng: đôi với, nơi đó là lời nói phát ra, nói thẳng. Sách Thuyết Văn cho rằng: dẫn dắt, chữ viết từ bộ trảo thanh vu. Âm biểu. Ngược lại âm phi biểu. Ngược lại âm dưới là chữ cập. Sách Thuyết Văn cho rằng: cập là đến kịp lúc, chữ viết từ bộ nhơn đến bộ liễu, văn cổ viết chữ cập này.

A-nhuợc-đa: Âm nhuợc. Ngược lại âm nhi giả tiếng Phạn. Đường Huyền Trang nói là giải thoát, cởi mở ra.

Kiều-trần-na: Cũng là tiếng Phạn, là họ của một vị Tỳ-kheo. Nếu giải thích ra là rất sáng sủa, rục rở tốt đẹp. Cũng gọi là đức tánh tốt đẹp. Cũng gọi là họ Thiên che trùm hết tất cả Dòng họ tộc cao quý, đức tánh hợp nhãn. Vì vậy mà lấy tên, Đức Phật đầu tiên ra đời độ cho hàng

Thánh đệ tử

Tô-bạc-đà-la: Tiếng Phạn. Tên của một vị A-la-hán. Đường Huyền Trang gọi là Thiện Hiền, là Đức Phật trong đời sau cùng, độ cho hàng Thánh đệ tử, tức là trong kinh Niết-bàn có nói là ông Tu-bạc-đà-la vậy.

Tô-thích-đa: cũng là tên của một vị A-la-hán. Đường Huyền Trang gọi là Thiện Lạc, cũng là trong giáo pháp của Đức Phật di chúc lại cho hàng Thánh đệ tử. Tức là trong Đại Tập Nguyệt Tạng kinh, ông Thúc-đa-la vậy.

Minh hải: . Ngược lại âm mịch bình. Sách Bốc Châu ghi rằng: núi Bồng lai đối diện biển lớn, ở phía đông bắc, bao xung quanh vách núi năm ngàn dặm. Ngoài ra các núi khác có biển Viên hải bao quanh núi.

Nước trong biển viên hải có màu sắc rất đen, gọi là Minh hải, nước trong biển vọt lên không trung. Chơn kinh và Nam Hoa chơn kinh đều nói rằng: ở cuối cùng phía bắc có biển Minh hải, có các ao Thiên trì, cũng có các loại chim tên điều thú, cánh của nó che phủ bầu trời giống như là mây. Như có các núi lớn để phò trợ, mà trên chín vạn dặm. Sau này ở hướng Nam sẽ có thêm một cái biển tên là Minh hải.

KINH ĐẠI THỪA TẬP ĐỊA TẠNG THẬP LUÂN QUYỂN 3

Nghi trệ: . Ngược lại âm trực lệ Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: là nghi hoặc, trệ là lưu lại ngưng trệ. Sách Khảo Thanh cho rằng: chìm đắm ngưng lại. Giả

Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: trệ là lâu. Sách Thuyết Văn ghi rằng: trệ là ngưng đọng lại, chữ hình thanh.

Khinh táo:.. Ngược lại âm tao cáo. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: táo là quấy nhiễu. Trịnh Huyền chú giải sách Luận ngữ rằng: táo là không an tĩnh, dời đổi gọi là táo, là người từ bỏ sự tốt lành nhiều người bạn tốt, để chuốc lấy phiền muộn đau khổ Sách Thuyết Văn viết chữ táo này từ bộ tảo. Chánh Tự xưa nay viết từ bộ túc thanh táo.

Diễm sắc: Âm trên là diêm. Sách Phương Ngôn cho rằng: diêm là đẹp. Giữa nước Tần và Tấn thì gọi là màu sắc đẹp rực rỡ gọi là diêm. Sách Thuyết Văn cho rằng: diêm là tốt đẹp lâu dài. Trong kinh văn viết từ bộ khứ viết thành chữ diêm cũng là chữ thường hay dùng.

Ốt-đạt-lạc-ca: tiếng Phạn. Đường Huyền Trang nói rằng: hùng kiệt là người tài giỏi, tức là trong kinh nói ông Uất-đầu-lam-phát là vậy.

A-la-trà: Đường Huyền Trang nói là tự diên cự. Trong kinh nói là A-lan-ca-lan là nơi tịch tịnh, yên lặng.

Đễ-sa:.. Ngược lại âm đình dĩ hoặc gọi là bổ-sa. Đường Huyền Trang gọi là quỷ túc, tức là ngày sinh của con người. Túc đây tức là mãi cho tới ngày sinh. Ở nước Tây Vực lấy ngày 28 ghi là ngày túc. Nhưng vì chỗ Thánh đến nên gọi là túc, vì vậy mà lấy làm cái tên. Trong kinh xưa nói rằng: chất số.

Cụ-ba-lý-ca: Đường Huyền Trang nói rằng: bán chủ Xưa dịch câu ca lợi là sai vậy.

Đề-bà-đạt-đa: Đường Huyền Trang nói là « thiện thọ ».

Phi phiến:.. Ngược lại âm bì bi. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Ở trên lưng gọi phi. Đọc cũng không đồng, âm bì là khứ thanh.

Hủ bại:.. Ngược lại âm phò bộ Sách Khảo Thanh cho rằng: thịt lần lần thối rửa. Quảng Nhã cho rằng: hủ là mùi hôi thối. Sách Thuyết Văn cho rằng: đã chín nhừ, chữ viết từ bộ nhục thanh phủ, hoặc tự bộ mộc viết thành chữ hủ.

Ngưu xạ:.. Ngược lại âm tha dạ Trong kinh Sơn hải nói rằng: ở trên núi Thúy có rất nhiều con xạ hương. Quách Phác chú giải rằng: giống như con hươu mà đều có mùi thơm. Trong Ngưu Tự Kinh nói rằng: con xạ hương sữa của nó làm thuốc trị bệnh rất hay.

Cổ khách:.. Ngược lại âm trên là công ngộ. Đi mua bán gọi là lái buôn, cũng gọi là nhà buôn. Hoặc viết chữ cổ này.

Thieu thủ:.. Ngược lại âm trên là thể điều. Theo Thanh Loại cho rằng: thiếu quyết nhất ra, chọn lựa. Ngược lại âm uyên quyết, chữ viết từ bộ thủ, thanh thieu.

Mạc-đạt-na quả: tiếng Phạn. Ở nước Tây Vực gọi là tên của loại quả Nước này không có loại trái này, nó lớn giống như trái tân na, người ta ăn quả này vào khiến cho say sưa phiền muộn, cũng tên là người ăn quả say. Loại quả này có thể chế ra các loại thuốc rất hay.

Đảo sư:.. Ngược lại âm trên là đương lão. Quảng Nhã cho rằng: đảo là giả đập. Sách Thuyết Văn cho rằng: đảo là nện cho cứng. Âm dưới là chữ sư đồng với chữ trong sách gọi là sư-la, là dụng cụ giống như cái sàng, cái nia làm bằng trúc để đựng thuốc đem ra phơi nắng, chữ viết

từ bộ trúc thanh sur.

Chiêm-bác-ca hoa: Xưa dịch là chiêm bắc. Loài hoa này màu sắc đỏ, hương thơm ngào ngạt, mùi thơm rất lâu, giống như loại nước hoa lâu ngày.

Thiết bác:.. Ngược lại âm đoạn nghiệt, hoặc là viết chữ đoàn này. Theo Khảo Thanh cho rằng: bác là bắt lấy, nắm lấy. Theo sách Thuyết Văn cuộn tròn lại. Âm viên là âm viên chữ viết từ bộ thủ thanh truyền.

Duyên tích:.. Ngược lại âm duyệt truyền. Ngược lại âm dưới là tiên lịch. Theo sách Chu Lễ cho rằng: duyên là chất kim loại, hóa chất chì, khai thác ở tỉnh Dương châu. Trịnh Huyền chú giải rằng: tích loại que hàn, một loại hợp chất chì và thiếc dùng trong hàn xì. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: tích là dẫn chì hàn. Quách Phác cho rằng: loại chì màu trắng. Nay người ta gọi là bạch chì. Theo chữ duyên tích cùng với bạch lập, ba vật thể này hòa lẫn với nhau gọi là cái tên khác, kỳ thật không phải là

một. Tích là loại màu sắc xanh đen. Lập là màu rất trắng. duyên là màu vàng và trắng, chỗ dùng không đồng nhau. Sách Thuyết Văn cho rằng: duyên là xanh vàng óng ánh. Giữa tích và duyên hòa lẫn với nhau đủ có ánh sáng khác biệt vậy. (T420)

Thành biện:.. Ngược lại âm bành mạn. Sách Khảo Công Ký ghi rằng: trang sức đủ mầu mới lấy ra phân biệt người dân dùng làm khí cụ Trịnh Huyền chú giải rằng: biện là đầy đủ Sách Thuyết Văn cho rằng: phân ra, phán đoán chữ viết từ bộ lực thanh biện.

Hủy mộc:.. Ngược lại âm trên là huy quý. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: là tên chung của một trăm

loại cỏ. Sách Phương Ngôn cho rằng: giữa nước Ngô Dương và Hải Đại gọi loại cỏ là hủ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ ba chữ trung.

Tề quan:.. Ngược lại âm tai tại. Sách Chu Lễ ghi rằng: Thiên Quan gọi là Thái Tề. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Tề đó là người giết heo giết gia súc. Chủ trì bá quan. Trịnh Tiên chú giải sách Lễ Nghi rằng: Tề là có tư chủ chánh giáo. Theo sách Khảo Thanh cho rằng: là to lớn, có quyền sửa sang sắp xếp lại, chế ra các luật pháp, đoạn trừ những tệ nạn xấu. Văn cỏ viết tề này.

Thô quảng:.. Ngược lại âm cỏ mãnh. Sách Nhĩ Nhã ghi rằng: quảng là cường bạo. Sách Thuyết Văn ghi rằng: quảng là con chó hung tợn không thể đến gần được. Trong kinh dịch là lấy ý nói là từ bỏ thô tháo, cường bạo. Giống như con chó hung hãn không thể đến gần được vậy.

Liễm vấn:.. Ngược lại âm trên là kiểm nghiêm. Quảng Nhã cho rằng: liễm là khảo xét, xem xét. Thiên Thương Hiệt cho rằng: liễm là phương pháp để độ, lấy ý nghĩa là dựa vào giáp pháp chỉ dạy, hỏi tội khiến cho hợp phương pháp để độ Sách Nhĩ Nhã cho rằng: liễm là đồng đều. Quách Phác chú giải rằng: mô phạm phương cách đồng nhau. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh liễm.

Ma-đát-ly-ca: tiếng Phạn. Đường Huyền Trang cho rằng: bốn mẫu cũng gọi là luận.

Dung túng:.. Ngược lại âm túc dụng. Sách Khảo Thanh cho rằng: túng là thông thả, chậm chạp, thoải mái, phóng túng, loạn, buông thả. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: buông thả. Sách Thuyết Văn viết từ bộ túng

thanh mạch.

Yến mạch:.. Ngược lại âm trên là yến kiến. Theo chữ “yến mạch” đó là mạch mà chẳng phải lúa mạch, cái mần của nó rất yếu ớt mà không có thật, cũng giống như cây lúa có hạt nhỏ, là loại lúa ma mọc hoang có hạt rất nhỏ. Sách Thuyết Văn viết từ bộ điều thanh yến.

Kỳ huệ:.. Ngược lại âm tùy túy. Tức là trước đã giải thích chữ yến mạch, là loại bông lúa ma, chữ hình thanh.

Tiền bát:.. Ngược lại âm trên là tiên diễn. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: tiền là cây kéo, cắt bỏ Đỗ Dư chú giải Tả Truyện rằng: là hết sạch. Sách Thuyết Văn viết từ bộ đao thanh tiền. Ngược lại âm dưới là biện bát. Quảng Nhã cho rằng: bát là ra khỏi. Sách Thuyết Văn cho rằng: bát là nhỏ lên, cắt lên, đề bát, chữ viết từ bộ thủ thanh bát.

KINH ĐẠI THỪA TẬP ĐỊA TẠNG THẬP LUÂN QUYỂN 4

Pha ma:.. Ngược lại âm phá ma. Sách Tự Thư cho rằng: pha giống như là có thể, hoặc gọi là không có thể. Cũng viết chữ pha này.

Sa môn: tiếng Phạn nói là sai. Chánh Phạn âm gọi là thất-la-mạt-nã. Đường Huyền Trang cho rằng: siêng năng, cầu khẩn.

Thương cô:.. Ngược lại âm trên là thức dương. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: đi buôn bán gọi là thương. Sách Khảo Công ký ghi rằng: tìm mua vật trân

quí khắp bốn phương gọi là thương. Trịnh Huyền chú giải rằng: gọi là người khách buôn bán, nên gọi là thương buôn, thương khách. Sách Thuyết Văn ghi rằng: chữ viết từ bộ bồi đến bộ thương, thanh tĩnh, âm phiên. Ngược lại âm phiên dương. Ngược lại âm dưới là công ngũ. Trong kinh văn viết chữ cổ là văn thường hay dùng. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: ở một chỗ bán ra gọi là cổ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: cổ là cái chợ. Trịnh Huyền chú giải rằng: ngồi bán ra các vật quý hiếm vật thường đặc tiền, rẽ tiền gọi là cổ. Âm nghĩa sách Hán Thư cho rằng: bán ra thì đặc mua vào để cầu lợi, có âm là da nhĩ, đó là chẳng phải.

Phệ lưu ly: tiếng Phạn. Tên của báu vật có màu sắc xanh. Trong kinh viết phật lưu ly, âm phật là âm phật này không đúng.

Ca-giá: âm dưới là sắc giả Tên của báu vật giả xấu tệ chẳng phải đồ thật, tên của loại ngọc.

Kiên ngạo:.. Ngược lại âm trên là kiêu kiêu. Sách Khảo Thanh cho rằng: khinh thường, kiêu căng. Quảng Nhã cho rằng: ngạo mạn. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: ngạo mạn nên gọi là kiêu. Chữ hình thanh. Ngược lại âm dưới là ngã cáo. Sách Khảo Thanh cho rằng: ngạo mạn, xem thường, phóng đảng, buông lung, hoặc viết từ bộ nữ viết thành chữ ngạo. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: khinh nhờn, ngạo mạn gọi là ngạo, chữ viết từ bộ nhơn, thanh ao.

Khôi tẩn:.. Ngược lại âm tịch dẫn. Lâm Tự giải thích rằng: đốt lửa cháy hết còn dư lại tro tàn, hoặc là viết chữ tẩn này cũng đồng nghĩa.

Phàm ôi:.. Ngược lại âm ô hồi. Sách Khảo Thanh cho rằng: bày chớ cần người. Giải thích như vậy không đúng, là tràn ngập là nhiều. Quảng Nhã cho rằng: ôi là đông nhiều. Thiên Thương Hiệt cho rằng: ôi là phiền muộn. Sách Thuyết Văn viết từ bộ khuyến đến bộ ôi, thanh tĩnh, âm hồi. Ngược lại âm khô mỗi.

Tân truất:.. Ngược lại âm tân tần. Sách Vận Anh giải thích rằng: tân là lôi kéo ra. Sách Khảo Thanh cho rằng: bỏ đi, trừ bỏ đi, rơi rụng. Chữ viết từ bộ thủ thanh tân. Ngược lại âm dưới là bổng luật. Quảng Nhã cho rằng: truất là đuổi đi. giải thích Chánh Tự xưa nay cho rằng: biếm xuống, dìm xuống. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: xưa cũ rồi không dùng nữa. Phạm Ninh Tập giải thích rằng: Truất là thối lui. Sách Thuyết Văn cho rằng: truất là biếm xuống, chữ viết từ bộ hắc thanh xuất, hoặc là viết chữ truất này, âm xuân. Ngược lại là âm lạc luân.

Tốt-đỗ-ba: tiếng Phạn, gọi là tháp Cao thẳng. Sách Phương Ngôn cho rằng: giữa nước U Yên gọi là phàm vật ở trên cao, mà cao lớn đó gọi là phần một được xây cao gọi là tháp.

Ca-xà quốc: tiếng Phạn. Đường Huyền Trang nói là loại cỏ lau. Niết-tiên:.. Ngược lại âm niệm điệp. Sách Khảo Thanh cho rằng:

niết là nắn, nặn ra. Sách Thuyết Văn viết chữ thủ này. Ngược lại âm nải thiệp. Lại giải thích rằng: thủ là thấp hương niệm hương, chữ viết từ bộ thủ thanh thủ, âm thủ chữ cổ viết thủ này.

Thị siêm:.. Ngược lại âm siêm diêm. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: siêm là đồng nhau. Trịnh Huyền chú

giải sách Lễ Ký rằng: nhìn trộm. Chánh Tự xưa nay viết từ bộ kiến thanh chiêm.

Loan cung:.. Ngược lại âm oản quan. Sách Khảo Thanh cho rằng: nắm dây cung. Thiên Thương Hiệt giải thích rằng: dẫn sợi dây cung, vươn dây cung ra. Sách Thuyết Văn ghi rằng: căng dây cung chuẩn bị bắn mũi tên. Chữ viết từ bộ cung đến bộ loan thanh tĩnh.

Xạ trung:.. Ngược lại âm trên là xà dạ lại là âm thạch hạ, âm dưới là âm thạch hạ, âm dưới là trung khứ thanh.

Hiệu cú:.. Ngược lại âm trên hiệu cao sách Nhĩ Nhã cho rằng: hiệu là tiếng chim hót. Sách Khảo Thanh cho rằng: tiếng khóc lớn, âm thanh có bệnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: gọi to. Chữ viết từ bộ hồ thanh hiệu. Trong kinh văn viết chữ hiệu này là sai. Ngược lại âm dưới là không cầu. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: cú là mắng nhiếc, hoặc là viết không cú ngư cầu; bốn chữ cũng thông dụng đều là thượng thanh. Ngược lại âm hồ cầu. Theo các chữ trong sách đều giải thích rằng: tiếng chim hót. Ý trong kinh cũng bao gồm hai nghĩa: cú là mắng nhiếc, cũng gọi là không phòng ngừa, từ chữ cú nghĩa là đứng vậy.

Cánh ế:.. Ngược lại âm trên là cánh hạnh. Theo sách Tập Huân giải thích rằng: cánh cũng giống chữ ế Nghĩa là nghẹn. Sách Thuyết Văn nói rằng: bị bế tắc là chỗ cái lưỡi bị ngăn chặn bị nghẹn, từ bộ khẩu thanh cánh, hoặc là viết từ bộ cốt viết thành chữ cánh, nghĩa là ăn xương mắc cổ họng, lấy hết hơi để phun ra, trong cổ họng bị mắc xương. Ngược lại âm dưới là yên kết. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: trong lòng giống như bị nghẹn lại.

Trong truyện cũng cho rằng: tùy theo sự ưu phiền lo nghĩ không dừng nghỉ. Sách Thuyết Văn cho rằng: ăn cơm bị nghẹn. Chữ viết từ bộ khẩu thanh ế. Trong kinh văn cũng có viết từ bộ nhân viết thành chữ yết là chẳng phải.

Ứng tốc tháp: Ngược lại âm đàm đáp. Sách Thuyết Văn cho rằng: tháp là dẫm đạp lên, chữ viết từ bộ túc, thanh tháp. Âm tháp là âm tháp.

Vô hà: Ngược lại âm hà giá. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: hà là nhàn nhã rảnh rang, an tịnh. Trong kinh xưa dịch là có tám việc không nhàn hoặc gọi là tám điều khó đều là một nghĩa, chữ viết từ bộ nhựt thanh hà.

Bát-giá-la: Ngược lại âm trên là bán an. Tiếng Phạn gọi là bát-giá. Đường Huyền Trang cho rằng: tên ngũ số, cũng tên là la, là chấp đây là tên danh xưng tốt đẹp của vua một nước. Nói rằng vua nước kia tính nhiều từ ái, khi người có phạm tội chết bị gia hình, mà không chịu giết, bắt buộc trói lại năm vóc tay chân đầu, đưa vào trong rừng hoang dã mà chúc phúc tốt lành cho người. Bởi vậy mà có quốc hiệu “Bát-giá-la”

Khuru khoáng: Ngược lại âm khổ hoảng. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Khoáng là khoảng đất hoang trống rỗng, đồng trống, hoang dã bãi tha ma. Theo sách Tập Huấn cho rằng: khoảng đất rộng lớn. Sách Thuyết Văn cho rằng: hố sâu, mộ huyết, khoảng đất trống. Chữ viết từ bộ thổ thanh quảng.

Yết-lam-già: Ngược lại âm trên kiển-yết, tiếng Phạn. Đường Huyền Trang cho rằng: phục cang cường xứ, không cầu chữ nghĩa đại danh.

Ninh ninh phát: Âm trên là tranh. Ngược lại âm dưới

là phiên hành. Chánh Tự xưa nay và văn Tự Điển nói rằng: đều là tranh Ninh Phát nghĩa là râu tóc mọc loạn, hai chữ đều từ bộ tiêu, chữ hình thanh. Sách Thuyết Văn đều viết từ bộ thảo.

Sở lai:.. Ngược lại âm lai đại. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: lai là của cải tài vật đem hiến tặng. Sách Thượng Thư cho rằng: cho tài sản rất lớn. Sách Nhĩ Nhã Khổng An Quốc chú giải rằng: lai là ban tặng cho nhau. Chữ viết từ bộ bồi thanh lai.

Khôi quái:.. Ngược lại âm trên là khôi hồi. Ngược lại âm dưới là cổ ngoại. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: khôi là tướng soái, thống lãnh đứng đầu, cũng gọi là sức mạnh to lớn. Sách Tập Huấn cho rằng: quái là cắt bỏ, cũng gọi là người đồ tể băm thịt nhỏ

Dục phúc:.. Ngược lại âm lung giáo. Sách Khảo Thanh cho rằng: chụp bắt lấy ném xuống đất. Sách Thuyết Văn cho rằng: theo thứ tự lần lượt. Chữ từ bộ thủ thanh phúc, âm ai. Ngược là âm nhất khái.

Quy phục:.. Ngược lại âm quỳ vị. Gọi là quỳ lại, quỳ cũng là lạy.

Nghĩa là cong hai chân lại quỳ sát đất gọi là quỳ

Vấn túc:.. Ngược lại âm trên là văn phần Quảng Nhã cho rằng: vấn là lau chùi hoặc cũng có viết sai. Chữ sách viết là môn. Giải thích chữ này đồng với chữ môn mạc, nghĩa là sờ mó vậy.

Hỷ ngạc:.. Ngược lại âm ngũ các, văn thường hay dùng. Sách Khảo Thanh cho rằng: kinh ngạc, sách Vận Thuyên cho rằng: sợ hãi. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ dính thể viết từ bộ tinh viết thành chữ ngạc, từ bộ tâm,

đến hai bộ khẩu đến chữ tinh ngạc cũng đều thanh diệc. Trong kinh văn viết từ cái là chẳng phải vậy.

Áp đầu:.. Ngược lại âm lưu giáp. Quảng Nhã cho rằng: áp là đè nén, ép. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: áp là nan tre. Sách Thuyết Văn cho rằng: hư hoại. Chữ viết từ bộ thổ, thanh yểm.

KINH ĐẠI THỪA TẬP ĐỊA TẠNG THẬP LUÂN QUYỂN 5

Trầm luân:.. Ngược lại âm là trường lâm. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: trầm là chìm đắm vậy. Sách Tự Thư cho rằng: chìm dưới nước gọi là trầm. Sách Thuyết Văn cho rằng: nước đục dơ. Trong Phạn văn bao hàm hai ý nghĩa. Lấy chữ trầm nghĩa chìm, lấy chữ luân, nghĩa

chuyển đổi, cho nên chữ dưới trong văn kinh cho rằng: luân chuyển trong ngũ thú, chìm đắm trong sông sanh tử, là nghĩa này vậy. Cho nên chữ luân viết từ bộ xa là bánh xe lăn.

Khẩu địch:.. Ngược lại âm trên là khẩu cấu. Quảng Nhã cho rằng: khẩu là cướp đoạt. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: cả bọn đi đánh phá cướp bóc gọi khẩu. Theo Tả Truyện cho rằng: binh lính làm nội loạn bên trong bên ngoài gọi là khẩu. Sách Thuyết Văn cho rằng: là một đám đông cướp bóc. Chữ viết từ bộ chi đến bộ hoàn, âm hoàn đương luận là làm xong mọi việc, cũng có nghĩa kết tụ nhóm lại, cũng gọi là khẩu cướp

bóc, hoàn cũng là thanh.

Khản dương:.. Ngược lại âm trên là không yên, cũng viết chữ khản. Theo Tả Truyện cho rằng: mùa đông không có ánh nắng mặt trời đi qua. Đỗ Dự chú giải rằng: khản là đã qua đi qua, cũng gọi là mùa đông âm áp. Văn cổ viết bốn chữ khản này đều xuất phát từ chữ khản. Sách hoẵng quan viết từ bộ tâm thanh khản, chữ khản từ bộ vu, hoặc viết từ bộ tinh.

Kháng hản:.. Ngược lại âm khang lãng. Sách Thuyết Văn cho rằng: kháng là dùng lửa hơi sấy cho khô. Sách Khảo Thanh cho rằng: dùng đất làm cái giường hẹp dùng lửa hơi cho ấm gọi là kháng, chữ viết từ bộ hỏa thanh kháng, hoặc viết từ kháng này cũng đồng.

Sương bạo:.. Ngược lại âm lung mạc. Sách Tập Huấn cho rằng: mưa đá gọi là bạo.

Giai phiêu:.. Ngược lại âm thất diêu. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: phiêu là cũng giống như thổi hơi bay. Quảng Nhã cho rằng: phiêu là che đậy, nổi lên mặt nước. Sách Thuyết Văn cho rằng: nổi trên mặt nước rất nhẹ, chữ viết từ bộ thủy, thanh phiêu, âm phiêu đồng với âm trên, âm tệ. Ngược lại âm thiên miệt.

HỘ QUỐC BẤT THỐI LUÂN TÂM ĐÀ-LA-NI GIẢI THÍCH KINH

Đát-nê-dã: Hai âm hợp lại, tha, khứ dẫn – mộ Mẫu-nê-mạo – dẫn địch – chuyên lưỡi đọc – hai. Mẫu mã yết

lạp bẻ hai âm hợp – ba. Mẫ-nễ-ngật-ly, hai âm hợp đà-duệ – bốn. Mẫ-nễ-lỗ-hạ-phê. Ngược lại âm tỳ-dật tát. Ngược lại âm tán-lặc đỉnh – năm. Mẫ-na khác lật-nại, hai âm hợp – sáu mẫ-nễ-nghiệp-mễ – bảy. Thúc-ngật-la, hai âm hợp bác-ngật-sái – hai âm hợp – tám. Bát-la xả-bác-ngật-sái – hai âm hợp – chín. Phê-la-bác-ngật-sái – hai âm hợp – mười. Là chuyển lưỡi đọc, ngột-sái, hai âm hợp ngột-ly, hai âm hợp đế – mười một. Đô-la-nã-ngật-ly, hai âm hợp tả địch, hai âm hợp bát-đát-la – hai âm hợp. lạc-ngật-sái – hai âm hợp ngột-ly – hai âm hợp đế – mười ba. Khứu-khứ-nã, âm mũi nhĩ lê – mười bốn. Ám-phước-khất-xoa, hai âm hợp tát-dỉnh – mười lăm. A-nỗ, âm mũi hạ-nghi-ly-phê – mười sáu – dẫn. Mẫ-nễ-bát-nạp-minh – hai âm hợp sa-phước – hai âm hợp – dẫn hạ dẫn – mười bảy.

Á dương:.. Ngược lại âm âm lưu giả. Bì Thương giải thích rằng: á là âm không nói được. Theo chữ á đó là tuy có tiếng mà nói không nên lời, lưỡi không chuyển động được, cũng gọi là chuyển cái lưỡi. (T421)

Tráng ngu:.. Ngược lại âm trắc giáng: Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: mới sinh ra mà đã ngu si, hôn ám rồi. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngu. Chữ viết từ bộ tâm thanh tráng. Trong kinh văn viết từ chữ cửu viết thành chữ tráp này là sai. Ngược lại âm sửu giáng. Giải thích nghĩa tuy đồng là ngu, nhưng giữa văn ngữ nghĩa cũng không ổn, mà cũng không lấy làm sửa đổi. Từ chữ chuyển đọc, giảng thuyết đó cần phải xem xét lại mà biết vậy.

Sử lưu:.. Ngược lại âm trên là sư sự Theo sách Vận

Anh cho rằng: rất nhanh, cấp tốc. Sách Khảo Thanh cho rằng: trúc mọc nhanh, rất nhanh, phóng nhanh. Chánh Tự xưa nay viết từ bộ quyết viết thành chữ quyết âm quyết là chẳng phải nghĩa khác lạ, nghĩa của kinh văn vậy.

Giáng trưởng:.. Ngược lại âm trên là phổ bang. Ngược lại âm dưới là trương lượng. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: giáng trưởng là trong bụng rất đầy. Sách Tự Uyên ghi rằng: đã thối rửa bụng sưng căng lên, phình lên. Chữ viết đều từ bộ nhục, chữ hình thanh.

Lạn xú:.. Ngược lại âm trên là lan thả. Ngược lại âm dưới là xương chú. Sách Thuyết Văn ghi rằng: loài cầm thú chạy mà biết được dấu tích là nhờ ngửi được mùi này, mà biết đường về đó là con chó. Chữ viết từ bộ khuyến đến bộ tự, chữ tự tức là văn cổ viết chữ hội ý.

Giao ngoạn:.. Ngược lại âm ngũ quán. Sách Thuyết Văn ghi rằng: ngoạn là thói quen.

KINH ĐẠI THỪA TẬP ĐỊA TẠNG THẬP LUÂN QUYỂN 6

Tủy não:.. Ngược lại âm trên là tuy thử. Ngược lại âm dưới là song đảo. Âm nghĩa quyển thứ mười bảy trước. Trong kinh Di Lạc sở vấn đã giải thích rồi.

Hung bột: Âm trên là hung. Sách Khảo Thanh cho rằng: hung ác, dọa nạt, đe dọa. Chữ viết từ bộ nhơn ở trong chữ hung dưới là chữ tượng hình. Ngược lại âm dưới là bồn một. Sách Khảo Thanh cho rằng: bột là sức

manh to lớn, hoặc là viết từ bộ viết thành chữ bộ âm bột, cũng là sức mạnh bạo ác. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn viết thành chữ bột chữ bột này giống như là loại văn cổ viết chữ bột này. Sách Luận ngữ cho rằng: giống như là sắc bột yếu ớt. Chữ viết từ bộ tử đến bộ thị âm thị. Ngược lại âm phì vị

Thảm lệ:.. Ngược lại âm trên là thương cảm. Sách Khảo Thanh cho rằng: thảm là cảm xúc, buồn thảm. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: thảm là buồn lo âu. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: ưu thảm buồn bã lo lắng. Mao Thi Truyện cũng cho rằng: thảm sâu cũng giống như lo lo buồn buồn. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: buồn thương sâu hận của người hiền. Sách Thuyết Văn cho rằng: độc hại, chữ viết từ bộ tâm thanh thảm.

Hoặc lâm:.. Ngược lại âm lam đảm. Đỗ Dữ chú giải Tả Truyện rằng: lâm là mất vậy.

Khẩn thiết:.. Ngược lại âm trên là dục ngân. Theo sách Lễ Ký ghi rằng: cúi đầu mà sau đó mới lạy, chỉ rất thành khẩn. Quảng Nhã cho rằng: khẩn là thành thật. Theo văn Tự Điển nói rằng: khẩn thiết, tha thiết, hoặc là viết chữ khẩn từ bộ thanh khẩn âm khẩn. Ngược lại âm khôn ần từ bộ thỉ thanh cần.

Cự năng:.. Ngược lại âm cự ngự Thống Tự cho rằng: chưa biết mà nghi thuộc từ ngữ nghi vấn. Nói rằng sao có thể đó, cùng với từ khả năng; nghĩa là tại sao? Ý nói tại sao? Chữ hình thanh.

Hãm đoạn:.. Ngược lại âm trên hàm lam. Quảng Nhã cho rằng: hãm là từ trên cao rơi xuống, sa vào. Cố Dã Vương cho rằng ngã xuống, rời vào hố sâu. Vương Dật

chú giải sách Sở Từ rằng: rơi xuống chìm vào trong bùn. Sách Thuyết Văn cho rằng: truy lạc, sa đọa. Chữ viết từ bộ phụ thanh hãm. Chữ hãm trên từ nhọn dưới từ bộ cửu, chữ tượng hình. Ngược lại âm dưới là đoàn loạn. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: đoạn tuyệt, cắt đứt lìa. Sách Chu Dịch cho rằng: đoạn cây để làm chày. Sách Thuyết Văn cho rằng: đoạn cây trồng chữ viết từ bộ cân thanh đoạn. Văn cổ cho rằng chữ tuyệt đó là nay theo lệ sách lấy bèn có 𠂔 có hiện nên viết chữ đoạn là vậy.

Anh triền: . Ngược lại âm trên là ích doanh. Sách Hán Thư cho rằng: là thành cổ thủ Âm nghĩa ghi rằng: tự bao vây lấy thành. Thay thế cho hợp nghĩa viết là uynh triền. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: uynh triền là bao vây, bao vòng tròn lại. Nay kinh văn viết từ bộ nữ, viết thành chữ anh, nghĩa là đưa bé gái, đưa trẻ con, chẳng phải nghĩa này vậy.

Tỏa xú: . Ngược lại âm trên ràng lỏa. Quảng Nhã cho rằng: tỏa là ngắn. Sách Khảo Thanh cho rằng: tỏa là thấp lùn. Sách Thuyết Văn cho rằng: làm lỗi, Chánh Tự xưa nay đúng thể chữ là viết tỏa này. Sách Tập Huấn cho rằng: ngắn, chữ viết từ bộ thỉ thanh tọa. Trong kinh văn viết tỏa này tuy văn thường hay dùng là chữ cổ. Ngược lại âm dưới là trùu trửu. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: xú là xấu ác. Theo chữ xú là không đoan nghiêm, tướng mạo xấu, không có đoan chánh. Sách Thuyết Văn cho rằng: có thể là ác. Chữ viết từ bộ quĩ thanh dậu, âm ải. Ngược lại âm anh giải, âm thái. Ngược lại âm trang giải, âm trùu. Ngược lại âm xỉ chu. Văn cổ giải thích chữ tọa

viết từ chữ từng âm từng một gọi là: theo lưu lại. Chữ viết tĩnh lược.

Chuyết nốt:.. Ngược lại âm trên chuyên duyệt. Ngược lại âm dưới nô cốt. Bao hàm chú giải sách Luận ngữ rằng: nốt là trì trệ chậm chạp. Có câu: người quân tử muốn thủng thẳng về lời nói mà nhanh chóng về việc làm.

Sâm lậu:.. Ngược lại âm trên là tham cầm. Quảng Nhã cho rằng: sâm thấm ướt hết. Tư Mã Bưu chú giải sách Tương Như Phong Thần Tụng rằng: ẩm ướt mềm nhũn. Sách Thuyết Văn cho rằng: nước chảy xuống ướt sũng hết, chữ hình thanh. Ngược lại âm dưới là lâu đậu. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: lậu là thấm rỉ dột xuyên qua. Cổ Dã Vương cho rằng: lậu cũng giống như là chữ tiết, nghĩa là thấm ướt, thoát ra, mát mát. Sách Thuyết Văn cho rằng: ống đồng dụng cụ chứa nước đã rỉ sét, nước chảy thoát ra, để phân thời gian đêm ngày, cộng làm một trăm khắc. Sách Chu Lễ cho rằng: dùng làm như vậy nắm giữ lấy thời gian cho bá tánh. Chữ hình thanh, hoặc là viết chữ lậu này, chữ tượng hình, chữ lậu này là nghĩa nhà bị dột mưa.

Hội huyết:.. Ngược lại âm tuy lôi. Sách Vân Anh cho rằng: hội là rót xuống. Sách Khảo Thanh cho rằng: vật bị rơi xuống thấp, quái lạ, không ngay thẳng. Quảng Nhã cho rằng: hư hoại, hoặc là viết từ bộ thổ viết thành chữ hội. Trong kinh văn viết từ chữ bộ hiệt viết thành chữ đòi là chẳng phải. Chữ đòi này là nghĩa đầu trục không có tóc gọi là đòi, đây chẳng phải nghĩa của kinh văn.

Phiếm ư:.. Ngược lại âm trên là phương phạm. Giả

Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: phiếm là nổi lên mặt nước. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủy thanh phạt. Trong kinh văn hoặc có viết chữ phiếm này, cũng thông dụng là văn thường hay dùng.

Manh cổ: Âm dưới là cổ Giải thích tên gọi là: con mắt bị mù, hổ mắt bằng phẳng giống như da mặt trống, bởi vậy cho nên gọi là cổ là mù.

Thạch điền: Theo Tả Truyện cho rằng: giống như nước Tề thu hoạch ruộng đá không có chỗ dùng. Đỗ Dự chú giải rằng: thạch điền là ruộng đá không có thể cấy được.

Dinh nậu: Ngược lại âm trên là tình cao. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: dinh là nơi trú đóng của quân đội, cũng gọi là sắp xếp. Ngược lại âm dưới là nô đậu. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: nậu là cây cuốc, hoặc là viết từ bộ kim viết thành chữ nậu, văn thường hay dùng là chẳng phải.

Ung khí: Ngược lại âm trên là ô công. Tục Thư cho rằng: ung là cái chai đồ đựng chứa, cái hủ lớn.

Bi trắc: Ngược lại âm sở lực. Sách Khảo Thanh cho rằng: trắc là xót xa buồn ngủi, thương cảm, đau khổ. Sách Mạnh Tử cho rằng: nếu trong lòng không có trắc ẩn thì không phải là người vậy. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: đến chia xẻ đau khổ. Sách Thuyết Văn viết từ bộ tâm, thanh tắc, hoặc là viết trắc này là chữ cổ.

KINH ĐẠI THỪA TẬP ĐỊA TẠNG THẬP LUÂN

QUYỂN 7

Thảm độc:.. Ngược lại âm sở cảm. Chữ mượn âm. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: thảm là hiểu ra, tỉnh ra, ghét bỏ. Sách Khảo Thanh cho rằng: thảm là rất buồn. Sách Thuyết Văn cho rằng: thảm cũng giống như chữ độc, độc hại. Chữ viết từ bộ tâm thanh tham. Trong kinh văn viết từ bộ thạch, viết thành chữ sâm này, nghĩa là sỏi đá. Chữ thảm chẳng phải nghĩa này.

Tài đắc:.. Ngược lại âm tại lai. Sách Khảo Thanh cho rằng: tài là vừa mới, hoặc là viết chữ tài các văn sử sách cũng viết chữ tài này là mượn dùng. Chánh Tự xưa nay hoặc là viết từ bộ mạch đến bộ tài, âm tài. Ngược lại âm sủ lược, từ bộ thổ âm thổ. Ngược lại âm thổ cổ

Ha sát:.. Ngược lại âm trên là kiên ca. Sách Khảo Thanh cho rằng:

ha là lớn tiếng, quát mắng, giận dữ tra hỏi, trách mắng. Văn cổ viết từ bộ chỉ đến bộ khẩu viết thành chữ ha. Trong kinh văn viết ha là văn thường hay dùng. Ngược lại âm dưới là sĩ lật. Sách Lễ Ký ghi rằng: trước mặt khách phải tôn trọng không la mắng chớ. Theo văn Tự Điển cho rằng: chữ viết từ bộ khẩu thanh thất.

Nhai quĩ:.. Ngược lại âm trên là điều la. Sách Khảo Thanh cho rằng: bến nước ven bờ. Ngược lại âm nhĩ giai. Theo sách Tập Huấn cho rằng: ven bờ vách núi hiểm trở, hoặc là viết chữ nhai này. Chánh Tự xưa nay cho rằng: bên sườn núi. Chữ viết từ bộ hán thanh giai, âm hán là âm hản. Ngược lại âm dưới là quý quý. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: quý là đánh giá, phán đoán. Âm độ. Ngược lại âm đường lộ. Độ cũng gọi lượng, lượng xét,

đo lường mức độ. Sách Thuyết Văn cho rằng: xem xét đánh giá. Chữ viết từ bộ thủ thanh quỳ, chữ quỳ dưới là chữ thiên.

Thiệt cấm:.. Ngược lại âm cầm cấm. Sách Vận Anh cho rằng: cấm là miệng mở không ra. Sách Vận Thuyên cho rằng: miệng lấp bấp không mở miệng nói được. Hoặc viết từ bộ kim viết thành chữ ngậm, hoặc viết từ bộ ngư viết thành chữ ngậm đều là, cái lưỡi của con trâu không noi được đây là chữ lưỡi sai sót chẳng phải nghĩa của kinh văn.

Tỳ-bát-thi: Hoặc gọi là tỳ bà thi, tiếng Phạn. Tên của vị Phật trong tiền kiếp. Đường Huyền Trang gọi là thắng quán. Hoặc gọi là huy bát thi.

Tỳ-nhiếp-phù: Đây cũng là tiếng Phạn, cũng là tên của vị Phật trong kiếp trang nghiêm. Đường Huyền Trang gọi là năng biến hiện. Xưa dịch là: Tỳ-xá-phù.

Yết-lạc-ca-tôn-đa Như Lai xưa gọi là Câu-lưu-tôn, đều là tiếng Phạn, chuyển ngữ sai, đúng Phạn âm gọi là yết cú thôn na.

Khinh tiểu: Hoặc viết tiếu. Giải thích nghĩa cũng đồng. Ngược lại âm tề diệu. Thiên Thương Hiệt giải thích rằng: tiếu là trách chê trách. Sách Thuyết Văn ghi rằng: rắc rối phiền nhiễu, chữ viết từ bộ ngôn thanh tiếu.

Bức hiếp:.. Ngược lại âm khảm nghiệp. Sách Thượng Thư cho rằng: dùng sức mạnh tiêu diệt sào huyệt của bọn cướp, bắt kẻ cầm đầu mà trị tội. Cổ Dã Vương cho rằng: lấy uy lực để mà dọa nạt đe dọa. Lưu Triệu chú giải Công Dương Truyện rằng: lo sợ sợ sệt, bức bách. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: lo sợ cướp bóc. Quảng Nhã

cho rằng: khiếp sợ. Theo sách Thanh Loại cho rằng: phụ cận. Sách Vận Thuyên Tập cho rằng: gần Vận Anh Tập cho rằng: gấp gáp, vội vàng. Chánh Tự xưa nay viết từ bộ tâm thanh hiếp. Trong kinh văn phần nhiều viết đơn giản là hiếp, nghĩa là hai bên trong sườn, đây là chẳng phải nghĩa của kinh. Lại viết từ ba bộ đến bộ nguyệt là chẳng phải, không thành chữ, viết đúng là từ ba bộ lực đến bộ nhục.

Đã bỗng:.. Ngược lại âm bạch hạng. Trong kinh viết từ bộ phụng viết thành chữ bỗng, văn thường hay dùng là chẳng phải.

Lô chí Như Lai: tiếng Phạn. Tên của vị Phật. Xưa dịch là lâu chí. Đường Huyền Trang gọi là: ái lạc, tức là trong hiền kiếp. Vị Phật thứ một ngàn sau kiếp mạt sẽ thành Phật, tức là nay gọi là “chấp kim cang thân” là vậy, cũng có tên là Mật tích kim cang.

KINH ĐẠI THỪA TẬP ĐỊA TẠNG THẬP LUÂN QUYỂN 8

Xa lộ:.. Ngược lại âm trên là cử ngư chữ tượng hình. Âm dưới là lộ. Sách Chu Lễ cho rằng: vua có năm loại xe, xe ngọc, xe vàng, xe tượng, xe cách, xe mộc. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: xe lớn, xe ngọc đều là loại xe cúng tế trời. Sách Thuyết Văn cho rằng: chiếc xe có gắn cái chuông phía trước có cây trụ ngang. Chữ viết từ bộ xa đến bộ lộ thanh tĩnh.

Thổ khối: Văn cổ viết chữ khối này. Chữ tượng hình.

Ngược lại âm khổ ngoại. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: đôi cỏ xanh, âm cách. Ngược lại âm phi lực, nghĩa là hòn đất.

Sở nhuyễn:.. Ngược lại âm ni triển. Sách Vận Thuyên cho rằng: bánh xe lăn nghiền nát, âm lịch là âm lịch là chiếc xe nghiền cán lên dầm lên. Các sử sách âm nhuyễn là âm nhuyễn, viết là nhu nhuyễn, nghĩa dùng người khéo léo, đầy đủ. Nay không dùng âm này. Sách Thuyết Văn cũng cho rằng: nhuyễn là xe nghiền nát, chữ viết từ bộ xa thanh cập âm cập. Trong kinh văn phần nhiều viết từ bộ triển, viết thành chữ triển này là chẳng phải, âm triển là âm triển. Văn Ngọc Thiên cho rằng: trong tự có tám điều giải thích đều chẳng phải. Trong nghĩa kinh giải thích rằng: triển là chuyển, nghĩa là lần lần từ từ chuyển là chuyển, nghĩa là lần lần từ từ chuyển, sắp bày, tin theo, thoải mái, thông thả, duỗi thẳng, từng lớp, khó, thành thật, các nghĩa này đều chẳng phải ý của kinh. Nay lại không lấy nghĩa này, cần phải sửa đổi chỗ còn thiếu sót.

Đầu xé:.. Ngược lại âm trên là đậu lâu. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện

rằng: đầu là ném quăng. Sách Thuyết Văn cho rằng: khêu ra, trích ra. Chữ viết từ bộ thủ thanh thù, âm thù là âm thù. Ngược lại âm dưới là xiên thực. Sách Vận Anh cho rằng: xé là lôi kéo. Tự Kinh Bĩ cho rằng: dẫn, kéo. Sách Chu Dịch cho rằng: thấy người dẫn dắt lôi kéo bày bò đi qua. Chánh Tự xưa nay hoặc là viết khiết, cũng viết chữ xé. Ngược lại âm xung thế. Dẫn đi tung hoành ngang dọc gọi là xé chữ viết từ bộ thủ thanh xé hoặc là viết chí đến chữ nhiệt, âm bĩ ngược lại âm sửu liệt.

Hồng thanh:.. Ngược lại âm hô cầu, văn thường hay

dùng. Chữ đúng viết từ bộ ngu viết thành chữ hồng. Văn cổ viết hồng. Sách Khảo Thanh cho rằng: hồng là tiếng rống, gầm thét lớn, đó là tiếng của con hổ, con bò v.v... nó gầm thét. Tiếng chó sủa gọi là phệ. Tiếng ngựa hí gọi là tư, tê. Tiếng chim hót gọi là hào. Các loại tiếng đó, Quảng Nhã cho rằng: tiếng kêu lớn. Theo chữ hồng nghĩa là kêu gọi. Chánh Tự xưa nay, viết là ngu là tiếng kêu của con gấu. Chữ viết từ bộ đều là chữ hình thanh.

Thù kháng:.. Ngược lại âm trên là thọ lưu, hoặc viết chữ thù này giải nghĩa phần nhiều cũng không đồng. Quách Phác cho rằng: chữ thù thông với gọi là cùng nhau báo đáp, không phải riêng người chủ rót rượu mời khách uống, mà người khách cũng có thể rót rượu mời người chủ nên gọi là "thù tạc" là qua lại. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: thù là đối địch với nhau. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: ngang nhau, bằng nhau. Chữ viết từ bộ dậu. Thanh châu, thù là chữ hội ý. Ngược lại âm dưới là khổ lãng. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: kháng là chống lại kẻ địch, đương đầu với nhau. Tử Hạ cho rằng: chống cự quyết liệt. Sách Tập Huấn cho rằng: phòng ngự Giả Quỳnh chú giải sách Quốc ngữ rằng: cầu cứu. Sách Thuyết Văn cho rằng: nắm cái cán. Chữ viết từ bộ thủ thanh kháng. Trong kinh văn viết từ bộ nhơn viết thành chữ kháng này cũng thông dụng.

Uất chung:.. Ngược lại âm hy luận. Bì Thương giải thích rằng: Uất là khói tỏa bay ra. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: uất hơi, hơi bị nghẹt, hơi nóng bốc ra. (T422) Theo Mao Thi Truyện cho rằng: uất là tích chứa. Trịnh Huyền chú giải sách Khảo Công Ký rằng: uất uất không thoải mái.

Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Uất là bị ngưng trệ. Quảng Nhã cho rằng: u uất trong lòng. Sách Thuyết Văn cho rằng: là một loại cỏ thơm, tên gọi là uất kim hương, hòa hợp với các lá thuốc khác, nấu lấy nước ngâm với rượu, có thể làm thuốc an thần. Chữ viết từ bộ cửu, âm cửu ngược lại âm cung lục, âm mạch là âm mạch đến âm phữu, ngược lại âm bất cầu, đến âm quan đến âm dương, âm sam là âm sam là loại áo lông cừu mặc trang sức. Trong kinh văn phần nhiều viết từ bộ lâm đến bộ cần đến bộ thốn viết thành chữ uất là chẳng phải, không nói đến chỗ sai mất lâu đời. Ngược lại âm dưới là chức lãg. Sách Khảo Thanh cho rằng: chung là bốc hơi lên, hun cho nóng, cũng là bụi trần. Sách Thuyết Văn cho rằng: đốt lửa hun khí bốc lên. Chữ viết từ bộ thảo thanh chung hoặc là viết chữ này cũng đồng.

Thê đăng:.. Ngược lại âm trên là thê đề. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: Thê là bậc thần, nấc thang trình tự tiến bộ. Sách Thuyết Văn cho rằng: nấc thang bằng gỗ, chữ viết từ bộ mộc thanh đệ. Ngược lại âm dưới là đăng đặng. Hoặc là viết chữ đăng là bước đi, bước lên từng bậc thang cấp trên con đường đạo.

Kinh Thập Luận - quyển thứ mười.

Táo nhiễu:.. Ngược lại âm trên là tao áo. Sách Vận Anh cho rằng: táo là động. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: cũng là quấy nhiễu. Trịnh Huyền chú giải sách Luận ngữ rằng: không yên tĩnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng viết chữ táo này, từ bộ tảo thanh táo. Trong kinh văn viết từ bộ túc. Chữ hình thanh, ngược lại âm dưới là nhi chiều. Trong kinh Đại Bảo Tích, âm nghĩa

trước quyền thứ một trăm mười hai đã giải thích rồi.

Y hộ: . Ngược lại âm hồ cổ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: hộ là nương dựa vào. Theo Hàn Thi Truyện cho rằng: không có cha nương dựa vào đâu? Chỉ biết nương dựa vào người mẹ. Chữ hình thanh, cũng là thượng thanh.

Lận tích: . Ngược lại âm lân trần, âm dưới là tích.

Trạc dĩ: . Ngược lại âm trên là tràng giác. Quảng Nhã cho rằng: trạc là tẩy rửa. Sách Thuyết Văn cho rằng: giặt giũ, chữ viết từ bộ thủy thanh trạc âm thác.

Lại-da: tiếng Phạn, nghĩa là tên của thức thứ tám. Đường Huyền Trang cho rằng: Tàng thức có thể bao hàm chứa chấp giữ lấy các chủng tử thiện ác, cho nên tên là tàng thức, cũng tên là Lương Tịnh Thức, hoặc gọi là A-đà-na-thức. Thức này rất nghiêm mật. Kinh nói rằng: thức A-đà-na rất vi tế, chứa tất cả hạt giống thiện ác, giống như dòng nước chảy mạnh cuống ta theo hàng phàm phu, không phải mở diễn biến, mà lo sợ kia phân biệt chấp làm ngã của ta.

Tầm lạn: . Ngược lại âm trên là tinh nhậm. Chữ khứ thanh. Theo Vận Anh Tập cho rằng: tầm là ngâm nước sạch, dần dần chìm xuống nước. Sách Thuyết Văn cho rằng: xưa gọi là lỗi lằm. Chánh Tự xưa nay viết từ bộ thủy thanh sâm, âm sâm ngược lại âm thất dâm, hoặc là từ bộ miên viết thành chữ tầm. Ngược lại âm dưới là lan thả. Sách Tập Huấn cho rằng: đốt lửa cháy quá nóng gọi là lạn, sáng rực. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hỏa.

Yên nhiên: . Ngược lại âm yên kiến. Sách Khảo Thanh cho rằng: yên là an ổn. Sách Vận Thuyên cho rằng:

nằm ngửa nghỉ ngơi, hoặc là mượn âm. Ngược lại âm ư luyện, thuận theo tục ngữ, nghĩa là an nghỉ.

Sương dịch:.. Ngược lại âm doanh ích. Sách Thuyết Văn cho rằng: nước dãi, nước miếng, chỉ chung các chất nước trong người như máu, nước dãi, mồ hôi, nước mắt v.v...

Ngang tinh:.. Ngược lại âm mao bào. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: tên của một ngôi sao ở hướng Tây. Quảng Nhã cho rằng: ngang, đó gọi là loại cò có cắm lông của con ly ngư. Theo chữ ngang đó nghĩa là tên của ngôi sao ở hướng tây, gọi là bạch hổ tinh. Chánh là đương ở hướng Tây, cho nên trong sách lục nhận thức có quẻ gọi là âm dương gọi là con hổ nhìn, có cú ngược nằm xuống khác nhau. Sách Chiêm Truyện nói rằng: cũng khác với ngày nay dùng là sai. Văn thường hay dùng lấy ra chọn lựa gọi ngang là tiếng Phạn cho rằng: "Sao-yết-đề-ca" gọi là ngày 15 tháng 09. Tháng này tôi gọi là sao Túc, cho nên từ ngày 16 tháng 08 về sau đến ngày 15 tháng 09 này. Tháng giêng gọi là cộng thêm một tháng. Người xưa nói là tiếng Phạn chuyển ngữ có sai, dịch lược bớt. Nay trong luật tứ phần, ngũ phần, các bộ văn luật lấy ngày 16 tháng 07 nước này cộng thêm tháng là sai. Lấy thêm một tháng này thì quá sớm, người dịch luật sai lầm, trong truyện cũng có thói quen sai lầm nên ngày an cư kiết hạ quá nhanh.

NHẤT THIẾT ÂM NGHĨA KINH

Đại Đường Phiên Dịch Kinh Sa môn

– Huệ Lâm soạn.

QUYỂN 19

Kinh Âm Đại Phương quảng Thập Luân – tám quyển – Huệ Lâm.

Kinh Đại Tập Tu Di Tạng – hai quyển – Huệ Lâm

Kinh Đại Tập Đại Hư Không Tạng – tám quyển – Huệ Lâm

Kinh Hư Không Dựng Bồ tát – hai quyển – Huyền Ứng.

Kinh Hư Không Tạng Bồ tát – một quyển – Huyền Ứng.

Kinh Hư Không Tạng Bồ tát Thần Chú – một quyển – Huyền Ứng.

Kinh Hư Không Tạng Bồ tát Văn Trì – một quyển – Huệ Lâm.

Kinh Quán Hư Không Tạng Bồ tát – một quyển – Huệ Lâm.

Kinh Hư Không Tạng Bồ tát Ván Thất Phật – một quyển – Huệ Lâm.

Kinh Bồ tát Niệm Phật Tam muội – sáu quyển – Huyền Ứng.

Kinh Phương Đăng Niệm Phật Tam muội – mười quyển – Huệ Lâm.

Kinh Bát Chu Tam muội – ba quyển – Huệ Lâm.

Kinh Đại Tập Hiền Hộ – năm quyển – Huệ Lâm.

Kinh Vô Ngôn Đồng Tử – hai quyển – Huyền Ứng.

Kinh Đại Tập Thí Dụ Vương – hai quyển – Huệ Lâm.

Kinh Đại Bi – tám quyển – Huệ Lâm.

Kinh A-sai-mạt – bảy quyển – Huệ Lâm.

Kinh Bảo Nữ Sở Vấn – ba quyển – Huệ Lâm.

Kinh Vô Tận Ý Bồ tát – sáu quyển – Huệ Lâm.

Kinh Tự Tại Vương Bồ tát – hai quyển – Huyền Ứng.

Kinh Phán Tấn Vương Sở Vấn – hai quyển – Huyền Ứng.

Bên phải là hai mươi một kinh bảy mươi một quyển.

KINH ÂM ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG THẬP LUÂN QUYỂN 1

Huệ Lâm soạn.

Tuần lưu.: Ngược lại âm tuần tuần. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: tuần là cống rảnh. Quảng Nhã cho rằng: đầy tràn ra ngoài. Sách Tập Huấn cho rằng: nước chảy mạnh sách Thuyết Văn cho rằng: nước tuôn ra, bắn ra, thoát ra. Chữ viết từ bộ đến bộ tuần thanh tĩnh. Hoặc là viết chữ tuần này, cũng viết chữ tuần này cũng đồng.

Sử lưu.: Ngược lại âm sử lợi Thiên Thương Hiệt giải thích rằng: nước chảy mau. Sách Khảo Thanh cho rằng: quá mau. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mã thanh sử

Chân cấp:.. Ngược lại âm chơn nhần, chơn nhận, hai âm. Tóm lại cũng thông dụng. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: chân là giàu có. Quách Phác chú giải rằng: giàu có của cải cứu giúp. Sách Khảo Thanh cho rằng: đem của ra cứu giúp, cho, cứu tế người nghèo. Sách Vận Thuyên cho rằng: ban tặng, hoặc viết chữ chân này, chữ tượng hình.

A-ba-ma-la: tiếng Phạn đọc sai, lược bớt, không đúng. Đúng Phạn âm gọi là A-bà-bà-ma - hai âm hợp lại. Tổng gọi tên của quỷ Hàm-ngược-la.

Ký biệt:.. Ngược lại âm bỉ liệt, là việc của Đức Phật tuần tự thọ ký cho các hàng đệ tử.

KINH ÂM ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG THẬP LUÂN QUYỂN 2

Đang hoàn: Âm trên là đang. Bông tai. Ngược lại âm dưới là hoàn. Vận Anh Tập cho rằng: loại ngọc bội, tức là cái khuyên tai, hình như giống cái vòng tròn của bánh xe. Tức báu vật để trang sức nơi tai.

Hoàn xuyên: Âm trên là hoàn, nghĩa là vòng xuyên đeo nơi tay, hoặc là lấy răng của con voi làm cái vòng, hoặc là lấy bảy báu làm như là đồng, hoặc là dùng kim, ngân, vàng bạc làm các vòng xuyên. Ngược lại âm dưới là xuyên huệ. Xuyên cũng gọi là cái vòng, đều vật báu dùng làm trang sức đeo nơi tay.

Trí mật:.. Ngược lại trì lợi. Sách Khảo Thanh cho rằng: vẽ lên bức họa trắng rất tỉ mỉ tinh mật. Trịnh Huyền

chú giải sách Lễ Ký rằng: chữ trí cũng giống như chữ mật, tinh tế kỹ càng. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: sợi dây tơ nhỏ mịn gọi là trí. Quách Phác chú giải rằng: dùng dây tơ lụa nhỏ viền tay áo rất đẹp, tỉ mỉ, sợi tơ trắng mịn, chữ hình thanh.

Thôi sơn:.. Ngược lại âm tha lợi. Sách Khảo Thanh cho rằng: thôi là đẩy ra trừ bỏ đi. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ đến bộ chuy, thanh tĩnh.

Dục áp: âm giáp. Sách Tập Huấn cho rằng: trấn áp, đè xuống.

Chữ hội ý.

KINH ÂM ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG THẬP LUÂN QUYỂN 3

Tam-ma-bạt-đề: Tiếng Phạn hoặc gọi là Tam-ma-bạt-đề. Đường Huyền Trang cho rằng: tên gọi khác nhau của từng bước đến với định tâm.

Hào thiện:.. Ngược lại âm trên là hiệu giao, văn thường hay dùng viết đúng là chữ hào này. Theo sách Vận Thuyên cho rằng: hào là thịt bằm chín để khô. Sách Khảo Thanh cho rằng: thuộc loại quả phơi khô. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: cái thớt, cái mâm để tam sinh (bò, heo, dê) lúc cúng tế. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: mâm cúng tế rất linh đình thịnh soạn. Trịnh Huyền chú giải rằng: thức ăn ngon, thịnh soạn. Sách Thuyết Văn cho rằng: cho ăn. Chữ viết từ bộ nhục thanh hào. Âm dưới là thiện. Văn thường hay dùng, viết đúng là

chữ thiện này. Cổ Dã Vương cho rằng: nay vật gì đẹp gọi là chân thiện. Sách Vận Anh cho rằng: giết con vật lấy thịt. Sách Thuyết Văn cho rằng: thức ăn đầy đủ, chữ viết từ bộ nhục thanh thiện.

Xạ hương: . Ngược lại âm thời dạ. Quách Phác chú giải kinh Sơn hải rằng: loài thú tên xạ hương, giống như con hoẵng, mà nó ở sâu trong núi hiểm trở, dưới bụng nó có cái túi, trong miệng nói có răng bằng đều, trong túi này có mùi thơm, không có răng thì không có mùi thơm. Trong kinh văn viết hương này là chẳng phải vậy.

Cổ khách: âm trên là cổ. Trịnh Tiễn chú giải sách Chu Lễ rằng: bán các vật gọi là mãi. Ở một chỗ bán gọi là cổ. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: ngồi mua đi bán lại. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: cổ là mua bán các vật quý, rẽ tiền. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: cổ là chợ. Bạch hổ thông cho rằng: cổ là bền chắc, giữ lấy vật chắc chắn đợi người dân đến bán cầu lấy lợi. Chánh Tự xưa nay cho rằng: ngồi mua

bán tiêu thụ các vật. Chữ viết từ bộ bồi, thanh cổ, âm cổ là âm cổ. Sách Thuyết Văn cho rằng, chữ cổ là người tự có bệnh ung tể, giống như bên phải, bên trái che dấu hình thể của mình. Trong kinh văn viết hộ là chẳng phải.

Đảo sư: . Ngược lại âm trên đảo lão. Sách Vận Anh cho rằng: đảo là xây dựng thiết lập. Xưa viết đảo, văn thường hay dùng viết đảo này là chẳng phải. Ngược lại âm dưới là sư trạch. Lại âm sở mại. Sách Vận Anh cho rằng: sư là lưới võng. Sách Khảo Thanh cho rằng: dụng cụ làm bằng trúc dùng đựng thuốc. Chữ viết từ bộ trúc thanh sư.

Cứ mạch:.. Ngược lại âm cụ can. Sách Vận Anh cho rằng: cứ mạch là loại cỏ. Tức là loại cỏ mọc um tùm. Chữ viết từ bộ thảo thanh cứ, hoặc là viết chữ cứ này cũng thông dụng.

Bại hựu:.. Ngược lại âm trên là bài mãi. Đỗ Dữ chú giải tả truyện rằng: cỏ giống như lúa ma mà chẳng phải lúa ma. Âm dưới là dậu. Mao Thi Truyện cho rằng: hựu giống như cây lúa mà chẳng phải lúa, đợi đến chà vỏ ra mới biết là khác. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ hình thanh. (T423)

Toại ký:.. Ngược lại âm tùy túy. Sách Vận Anh cho rằng: bông lúa theo Mao Thi Truyện cho rằng: bông lúa tươi tốt. Thống Tự cho rằng: bông lúa mạch tươi tốt sum suê, hoặc là viết huệ, cũng viết toại. Vệ Hoảng viết huệ, cũng viết toại. Vệ Hoảng viết toại. Phan Cung viết quyền thứ tư chữ toại này đều thông dụng.

Điền tuấn:.. Ngược lại âm tôn tuấn. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: xưa người dạy dân làm ruộng gọi là tuấn. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: tuấn là người làm ruộng, quan trông coi ruộng đất chữ hình thanh.

Vãn tiền:.. Ngược lại âm vạn phản, dẫn dây cung bắn, chữ viết từ bộ thủ.

Tháp bĩ:.. Ngược lại âm đàm hạp, nghĩa là dẫm đạp lên.

Kha-lam-trùng-gian: tiếng Phạn. Đông nhiều quá thành loạn, nơi phân mộ.

Dục-phốc: lộc mạc. Sách Vận Anh cho rằng: hai tay đánh ném xuống đất gọi là phốc.

Thỉ-tức:.. Ngược lại âm thời nhĩ. Sách Vận Thuyên cho rằng: dùng lưỡi liếm lấy vật. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thiết thanh thị, hoặc là viết, lại viết năm thể chữ thỉ này đều là người xưa tùy theo tự ý mà viết vậy.

Bổng lộc:.. Ngược lại âm trên là phùng dụng. Sách Khảo Thanh

cho rằng: bổng là tiền lương, vâng lệnh. Chánh Tự xưa nay viết từ bộ nhơn thanh phụng, chữ phụng sách Thuyết Văn cho rằng: từ bộ phong đến bộ thủ. Nay theo lệ sách viết sai, lược bớt âm phong là âm phong.

- *Quyển 4 không có âm để giải thích*

KINH ÂM ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG THẬP LUÂN QUYỂN 5

Biên truyền:.. Ngược lại âm trên là tất miên, âm dưới là truyện.

Cước thúc:.. Ngược lại âm trên là cạnh ức. Ngược lại âm dưới là thử tích. Trên là thuộc loại nhị chủng, thuộc tà kiến ngoại đạo.

Tróc lã mã nhất mao. Ngược lại âm lạc cảm. Trong biển lớn có nước tên La Sát. Nước La Sát kia, quỷ rất đông, thường ăn thịt sát hại sinh mạng con người. Bồ tát vì có lòng từ bi lớn, hóa làm thiên mã bay đến nước kia để cứu độ con người kia thoát khỏi cảnh bị sát hại ăn thịt, việc này thuật đầy đủ trong kinh Phật bốn hạnh tập, và trong kinh Chánh Pháp Niệm v.v... đều đồng nói. Đây

chỉ nói sơ lược vậy.

KINH ÂM ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG THẬP LUÂN QUYỂN 6

Thiết cầm:. Ngược lại âm cầm cầm. Âm nghĩa trước đây trong kinh Địa Tạng Thập Luân đã giải thích đầy đủ rồi. Trong đây không lập lại nữa vậy.

KINH ÂM ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG THẬP LUÂN QUYỂN 7

Triển đoạn:. Ngược lại âm nữ triển cũng trong âm nghĩa trước đã giải thích đầy đủ rồi. Âm dưới đoạn, đoạn tức là cắt đứt lìa đoạn tuyệt. Triển trừ: Cũng là âm nữ triển. Tư Mã Bưu chú giải Trang Tử rằng: triển là đạp lên. Quảng Nhã cho rằng: bước đi, đạp lên, cũng với chữ triển trước nghĩa thông dụng cho nên không nói lại nữa.

- *Quyển 8, văn không khác có thể giải thích.*

KINH ĐẠI TẬP TU DI TẠNG QUYỂN THƯỢNG

Huệ Lâm soạn.

Văn manh:. Ngược lại âm trên là vật phân. Ngược

lại âm dưới mãnh canh. Sách Khảo Thanh cho rằng: tên của loài côn trùng. Theo Thanh Loại cho rằng: manh giống như con ruồi mà lớn hơn. Sách Thuyết Văn cho rằng: văn manh là ruồi muỗi chích người, loại côn trùng biết bay. Văn hoặc từ bộ trùng viết thành chữ văn. Lại viết văn, hoặc viết văn đều là chữ cổ. Chữ manh từ bộ trùng thanh manh. Trong kinh văn viết manh văn thường hay dùng cũng thông dụng lưu hanh lâu rồi vậy, nên khó mà sửa đổi âm côn là âm côn.

Hoàng trùng: . Ngược lại âm trên là độ quang. Sách Khảo Thanh cho rằng: loài côn trùng ăn bông lúa. Sách Lễ Ký cho rằng: hoàng là loài châu chấu sâu bọ gây tai hại cho mùa màng. Thiên Thương Hiệt cho rằng: hoàng là loài châu chấu sinh sản rất nhiều. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ trùng thanh hoàng. Ngược lại âm dưới trực dung. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: có chân gọi là trùng, không chân gọi là trĩ, loại côn trùng không có chân. Sách Thuyết Văn viết bộ trùng từ ba bộ trùng âm trùng. Ngược lại âm huy quý, âm trung là âm chung âm trĩ là âm trĩ.

Hiểm khoáng: . Ngược lại âm trên là khảm liễm. Sách Khảo Thanh cho rằng: hiểm trở, nguy hiểm, chữ viết từ bộ phụ thanh hiểm. Ngược lại âm dưới là khổ hoảng. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: khoảng đất trống, nơi đồng hoang. Thiên Thương Hiệt cho rằng: nơi hoang dã, bãi tha ma. Quảng Nhã cho rằng: rộng lớn chữ viết từ bộ thổ thanh quảng, cũng có viết từ bộ nhựt cũng thông dụng.

Ông úy: . Ngược lại âm trên ốc không. Ngược lại âm

dưới vĩ luật. Thiên Thương Hiệt cho rằng: Ông là cây cỏ mọc xanh tốt xum xuê. Chánh Tự xưa nay đều viết từ bộ thảo. Ông ủy đều là thanh vậ.

Quảng hiệp:.. Ngược lại âm hàm giáp Cổ Dã Vương cho rằng: Hiệp là khe núi, vùng đất hẹp giữa hai ngọn núi Chánh Tự xưa nay viết từ bộ phụ thanh hiệp. Ngược lại âm kiêm hiệp, hoặc là viết thiên là địa danh ở vùng đất gọi là Thiểm tây Trung Quốc, dùng chữ sai lầm. Trong kinh viết từ bộ khuyên viết thành chữ hiệp cũng sai dùng chẳng phải bốn chữ này.

Nhập nhứt đậu quái:.. Ngược lại âm khẩu ngoại. Lâm Tự cho rằng: quái là một cây thô cứng, chắc chắn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hòa thanh hội.

Thô quảng: hồ mãnh. Theo chữ quảng đó cũng giống như tính hung ác dữ dằn. Sách Thuyết Văn cho rằng: con chó hung tợn, dữ dằn, không có thể đến gần được, chữ viết từ bộ khuyên thanh quảng.

Tao ế:.. Ngược lại âm trên tảng đáo. Ngược lại âm dưới khai kê.

Câu chú Đà-la-ni.

Tai bạo:.. Ngược lại lợi. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: khí dương làm khí âm bức bách làm cho ngưng trệ cho nên làm ra mưa đá. Sách Thuyết Văn cho rằng: mưa tuyết, chữ viết từ bộ vũ thanh bao chữ tai. Trong kinh văn viết tai này cũng là văn thông dụng thường hay dùng.

Đề chế:.. Ngược lại âm dưới là xương chế. Bi khảm:..

Ngược lại âm kham lâm.

Kiên tha: Tiếng Phạn kiên tha. Xưa dịch là chất phác. Chánh Phạn âm gọi là hiền đà cũng là câu chú chơn ngôn.

Tỳ mê kỷ: Âm dưới là khi, cũng là tiếng Phạn, không đúng âm.

KINH ĐẠI TẬP TU DI TẠNG QUYỂN HẠ

Khiết độc:.. Ngược lại âm nghiên kiệt. Sách Lễ Ký cho rằng: không được nhai xương. Sách Thuyết Văn cho rằng: cắn nhai trong miệng, chữ viết từ bộ xỉ thanh kiệt, âm kiệt. Ngược lại âm khan sách.

Diêm bộ sư:.. Ngược lại âm trên là thời diệm, âm dưới là sử chơn câu trong chữ.

Khê cốc:.. Ngược lại âm khái kê. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: nước chảy bắn lên gọi Khê. Sách Thuyết Văn cho rằng: khe nước trên núi không có chỗ thông chảy gọi là khe chữ viết từ bộ cốc thanh kê.

Lạo dật:.. Ngược lại âm lao đảo. Sách Khảo Thanh cho rằng: nước mưa rơi xuống tràn ngập lụt. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: lạo là nước chảy cuộn cuộn. Theo sách Lễ ký cho rằng: nước mưa, chữ viết từ bộ thủy thanh liệu. Phạn âm. Ngược lại âm lực chiêu.

Bê ma dầu:.. Ngược lại âm trên bế mê. Sách Khảo Thanh cho rằng: bê ma tên của loại thuốc, giống như hạt trang chuế dài như mỏ con chó, cho nên gọi là tên, hoặc là viết bê Trong kinh viết từ bộ đậu viết thành chữ bê này. Sách Thuyết Văn cho rằng: hạt đậu lưu. Đây chẳng

phải nghĩa của kinh vậy.

Ái quyền:.. Ngược lại âm quyết hiển. Theo Thanh Loại cho rằng: giăng lưới để bắt. Sách Khảo Thanh cho rằng: lấy dây bắt. Văn Tự Điển nói chữ viết từ bộ võng thanh quyền hoặc là viết chữ quyền này nghĩa cũng đồng.

Chất đồn:.. Ngược lại âm tri lợi. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: chất đồn giống như vấp té ngã ngửa. Quảng Nhã cho rằng: chất là đập lên. Sách Thuyết Văn viết từ bộ túc thanh chất, hoặc là viết từ bộ chuyên viết thành chuyên, âm chuyên.

KINH ĐẠI TẬP ĐẠI HƯ KHÔNG TẠNG QUYỂN

1

*Chùa Hưng Thiện, Tam Tạng Bất Không dịch Sa môn
Huệ Lâm soạn.*

Bất yêm:.. Ngược lại âm nhất sái. Sách Khảo Thanh cho rằng: yêm là mệt mỏi, buồn khổ. Sách Thuyết Văn viết từ bộ hán thanh yêm, âm hán là âm hạn. Chữ yêm từ bộ cam đến bộ nhục, đến bộ khuyến có nghĩa là con chó thấy thịt ngọt không bao giờ nhàm chán.

Phấn tán:.. Ngược lại âm trên là phân vấn. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: phấn lay động. Quảng Nhã cho rằng: phấn chấn, thư thái. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: vật có nhiều sức mạnh phấn tán, hưng phấn lên, cho nên cho rằng tên gọi vậy. Sách Thuyết Văn cho rằng: trắc nghĩa là giống như bay lên. Chữ viết từ bộ chuy trong chữ điền, chữ chuy ngược lại

âm nhưng duy chuy gọi là con chim mở bộ lông cánh ra tự bay lên. Cho nên chữ phần từ bộ duy.

Tô-mê-lô-son: Tiếng Phạn. Đường Huyền Trang cho rằng: núi Diệu cao, hoặc gọi là núi Diệu quang, lại cũng gọi là núi Tu-di. Cũng là tiếng Phạn đều tên của một quả núi.

Dũng xuất:.. Ngược lại âm trên là dung thũng. Lưu Triệu chú giải Công Dương Truyện rằng: nước bắn vọt lên. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh dũng âm dũng đồng với âm trên. Trong kinh văn viết từ bộ túc viết thành chữ dũng này, nghĩa là vượt lên chẳng phải nghĩa của kinh.

Trụ đối diện niệm. Xưa dịch kinh ý trong tiếng Phạn. Tên Bát Chu Tam muội hoặc dịch là: chư Phật thành tựu hiện tiền, lời nói này của chư Phật nhanh chóng tương ưng, tức là trong khoảnh sát na, giây phút ngắn, nhập vào thần thông hiện tiền thắng định, dùng trong Phạn văn gọi là khéo léo, có thể bao quát nhiều nghĩa. Quốc độ này khó là người phiên dịch kinh không đủ, hoặc gọi là thần thông Tam muội, hoặc gọi là nhất hạnh Tam muội, mỗi mỗi nghĩa đều gọi là phần ít vậy.

Vô hạnh thần thông: âm hành là âm hạnh canh. Tên gọi khác nghĩa là không trói buộc, không nhanh chóng mà mau chóng, không đi mà tới. Tức là nghĩa này vậy.

Tam-ma-bát-đề: tiếng Phạn. Đường Huyền Trang dịch là đẳng chí, tức là tên khác của định vậy.

Duy nhiên:.. Ngược lại âm trên là di quý. Chữ mượn âm, sách Điền Lễ cho rằng: duy là ứng từ. Thiên Thương Hiệt cho rằng: duy là cung kính tất cả.

Ni-dạ-ma-vị: Tiếng Phạn gọi là cỗi của Bồ tát Bất Thối Chuyển.

KINH ĐẠI TẬP ĐẠI HƯ KHÔNG TẠNG QUYỂN
2

Môn khỏn:.. Ngược lại âm khỏ bôn. Trịnh Tiên chú giải sách Lễ Ký rằng: giới hạn của cửa, cửa hẹp. Chánh Tự xưa nay viết từ bộ môn thanh khỏn.

Ô-đà-nam: Tiếng Phạn. Đường Huyền Trang gọi là câu kê hoặc là dấu chân để lại.

Bạo lưu:.. Ngược lại âm trên bồ vị. Sách Giai Uyển Chu Tòng cho rằng: nước mưa rơi xuống tụ hợp lại bạo lưu. Sách Thuyết Văn cho rằng: đột nhiên mưa đến nhanh chóng, chữ viết từ bộ thủy đến bộ bạo thanh bạo. Âm thốt. Ngược lại âm thôn nột.

KINH ĐẠI TẬP ĐẠI HƯ KHÔNG TẠNG QUYỂN
3

Vô ế:.. Ngược lại âm ư kế Sách Phương Ngôn cho rằng: ế là ngăn dầy. Sách Vận Anh cho rằng: ngăn che. Quảng Nhã cho rằng: bị chướng ngại. Sách Thuyết Văn cho rằng: dầy lên phủ lên. Chữ viết từ bộ vũ thanh y, âm ế đồng với âm trên.

KINH ĐẠI TẬP ĐẠI HƯ KHÔNG TẠNG QUYỂN

4

Ca-chỉ-lật-na-miên: cũng gọi là ca-chân-lân-đề. Tên loài chim ca thuy. Thân của nó nhỏ, lông mềm mại, chẳng phải loại lông thường, lông rất nhẹ tốt đẹp, giống như bông tơ lụa, mỏng có thể lấy làm áo hoặc làm màn xe giá cho vua Chuyển Luân Thánh Vương ngự giá. Đây là loại trang phục. Nay tuy có chim này, nhưng chẳng phải loại chim kia. Lông của nó thô xấu, không thể dùng làm bông sợi.

Phân phúc:.. Ngược lại âm trên phương văn. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: phân là loại cỏ thơm. Sách Phương Ngôn cho rằng: hòa với mùi thơm. Quách Phác chú giải rằng: hòa điệu theo mùi thơm gọi là phân hương cỏ thơm. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thảo thanh phân. Ngược lại âm dưới là bằng mục. Theo Hàn Thi Truyện cho rằng: phúc là hương thơm. Chánh Tự xưa nay viết tự hương thanh phục âm phúc đồng với âm trên.

Pha tri ca: Tiếng Phạn. Tên của vật báu. Đây người phiên dịch không đúng. Gọi là loại nước rất tinh khiết, sách trong suốt sáng lấp lánh, không có chút cấu bẩn, có bốn màu sắc khác nhau, màu xanh, hoặc màu hồng, hoặc màu tím khác biệt, đây là vật quý của thần linh. (T424).

Bàn quỹ:.. Ngược lại âm quỳ vị. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: quỹ phạt, thiếu thốn. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: quỹ là cạn kiệt hết sạch. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ phương thanh quý, âm phương là âm phương. Trong kinh văn viết từ bộ thực viết thành chữ quỹ, nghĩa khác biệt chẳng nghĩa của

kinh văn vậy.

Khoả hình:.. Ngược lại âm tân ngỏ, chữ mượn âm. Cố Dĩ Vương cho rằng: khoá cởi áo ra để lộ cánh tay trần, vốn âm hư quả. Nay không lấy âm này.

Anh chư tật bệnh:.. Ngược lại âm trên là y doanh. Sách Vận Thuyên cho rằng: Anh là gặp gỡ, trói buộc. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ nữ, thanh anh, âm anh đồng với âm trên. Trong kinh văn viết từ bộ tật là chẳng phải.

Nại-lạc-ca: Tiếng Phạn. Ngược lại âm trên nô cát, tên của địa ngục.

Song dữ:.. Ngược lại âm sở song. Sách Khảo Công Ký cho rằng: cửa sổ khoét trên tường gọi là đủ, cửa sổ khoét trong nhà gọi là song. Sách Thuyết Văn cho rằng chữ tượng hình. Viết bộ võng hựu viết song.

Văn thường hay dùng viết từ bộ phiên viết thành chữ dữ. Trong kinh văn viết từ bộ huyết đều chẳng phải chánh thể.

Mâu kích:.. Ngược lại âm trên là mạc hậu. Sách Khảo Thanh cho rằng: viết đúng là chữ mâu, là loại cây giáo cán dài, chữ tượng hình. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây giáo dài một trượng hai thước, dùng làm binh xa đánh giặc hoặc là viết mâu này, lại viết mâu này. Trong kinh văn viết chữ mâu là văn thường hay dùng. Ngược lại âm dưới là song thúc. Quảng Nhã cho rằng: cây kích cũng giống cây mâu. Chánh Tự xưa nay cho rằng: cây kích dài một trượng tám thước. Chữ viết từ bộ mâu thanh tiêu. Trong kinh văn viết từ bộ mộc viết thành chữ kích. Văn thường hay dùng là chẳng phải.

KINH ĐẠI TẬP ĐẠI HƯ KHÔNG TẠNG QUYỂN

5

Bất huyển.: Ngược lại âm huyển quyền. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: huyển là nhìn. Cố Dĩ Vương cho rằng: ngày nay người ta liếc mắt cùng nhau ra mặt hiệu gọi là huyển. Sách Thuyết Văn cho rằng: con mắt dao động. Chữ viết từ bộ mục thanh huyển, âm huyển đồng với âm trên.

Câu trả.: Ngược lại âm trên câu hậu. Quảng Nhã cho rằng: Câu là móc lấy ra dẫn ra. Ngược lại âm dưới là tảng quả Sách Khảo Thanh cho rằng: tỏa liên kết vòng tròn sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết đều từ bộ kim đều thanh câu tỏa. Đồng với âm trên.

Hoàn bỉ.: Ngược lại âm trên là hoàn mạn. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: hoàn là xuyên suốt qua. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ đến bộ hoàn thanh tĩnh.

KINH ĐẠI TẬP ĐẠI HƯ KHÔNG TẠNG QUYỂN

6

Kiều cưỡng.: Ngược lại âm trên kiêu yêu. Sách Tập Huấn cho rằng: kiêu là dối trá, lừa dối. Cố Dĩ Vương cho rằng: giả danh xưng gọi là kiêu. Sách Thuyết Văn cho rằng: kiêu là chuyên quyền. Chữ viết từ

bộ thi thanh kiêu. Chữ kiêu từ bộ yêu. Nay văn

thường hay dùng, từ bên phải viết chữ kiều này là sai vậy.

KINH ĐẠI TẬP ĐẠI HƯ KHÔNG TẠNG QUYỂN 7

Bất thuyết:.. Ngược lại âm khuyên duyệt. Thiên Thương Hiệt cho rằng: khuyết là hao tổn, tổn giảm. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ phữ đến bộ quyết thanh tĩnh. Âm phữ. Ngược lại âm phủ cầu.

Táo động:.. Ngược lại âm tao áo. Cố Dã Vương cho rằng: táo cũng giống như chữ động. Trịnh Huyền chú giải sách Luận Ngữ rằng: táo đó là không yên tĩnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ túc thanh táo âm táo. Ngược lại âm tao đảo.

Tích vi:.. Ngược lại âm tinh tích. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: phân tích. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh cân.

Nhất trích:.. Ngược lại âm đình lịch. Sách Thuyết Văn cho rằng: giọt nước nhỏ xuống gọi là trích. Chữ viết từ bộ thủy thanh thí. Hoặc là viết từ trích này. Trong kinh văn viết từ bộ đế viết thành chữ đế. Ngược lại âm đình kế Đế nghĩa là dòng nước chảy xuống chẳng phải nghĩa của kinh. E rằng người viết sai lầm vậy.

Khổng khích:.. Ngược lại âm ngự nghịch. Quảng Nhã cho rằng: khích là khe nước. Sách Thuyết Văn cho rằng: trên vách tường có lỗ hỏ nhỏ đường nước nhỏ. Chữ viết từ bộ phụ thanh khích chữ khích từ hai bộ tiểu kẹp lại bộ

bạch. Trong kinh văn viết từ bộ sàu viết thành chữ khích này là chẳng phải.

KINH ĐẠI TẬP ĐẠI HƯ KHÔNG TẠNG QUYỂN 8

Nhiễm hiệt:.. Ngược lại âm trên nhi diễm. Sách Chuyên Nhã cho rằng: nhiễm ô, dơ, nước đục. Sách Khảo Thanh cho rằng: nhiễm trước. Sách Thuyết Văn cho rằng: lấy vải tơ lụa nhuộm thành màu sắc đậm, chữ viết từ bộ thủy thanh nhiễm. Ngược lại âm dưới là hiền kiết. Sách

Văn Tự Tập Lược cho rằng: buộc lại, quán lại rồi đem nhuộm xong mở ra làm đường viền có vân, có sọc. Chánh Tự xưa nay viết từ bộ mịch thanh hiệt.

Đồng bộc:.. Ngược lại âm trên là đồ hồng. Ngược lại âm dưới là bồ bốc. Sách Khảo Thanh cho rằng: đồng là người đầy tớ trai, dùng để sai khiến. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ đồng cũng giống như chữ bộc là người đầy tớ, chữ bộc là theo cũng gọi là đồ đệ. Nghĩa là người làm việc công gọi là thần sĩ làm việc trong nhà gọi là bộc. Chữ viết đều từ bộ nhơn, đều thanh đồng bộc, âm bộc là âm bốc.

Mậu dịch:.. Ngược lại âm mạc hậu. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: mua bán. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: là cái chợ Sách Thuyết Văn cho rằng: dịch là trao đổi tài vật cũng gọi là mậu. Chữ viết từ bộ bồi thanh mậu. Trong kinh văn viết mậu. Văn thường hay dùng âm mậu là âm

khẩu.

Lưu thoán:.. Ngược lại âm thôn loạn. Cổ Dã Vương cho rằng: thoán cũng giống như là bỏ trốn. Sách Thuyết Văn cho rằng: ản trốn, ản núp. Chữ viết từ bộ thủ thanh huyệt.

Khẩn-ca-la:.. Ngược lại âm kinh dẫn. Nhị-mạt-la:.. Ngược lại âm kinh dẫn.

A-xúc-bà: Âm xúc. Ngược lại âm cát lục. Ba câu trên đây đều là tiếng Phạn. Gọi là pháp số

Tùng lật:.. Ngược lại âm trên là lật dững. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: tung là sợ hãi. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: lo sợ sợ hãi. Ngược lại âm dưới là lân thất. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: sợ run, lo sợ, hoảng sợ, buồn bã. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: kính cẩn. Sách Thuyết Văn cho rằng: đều từ bộ tâm đều là thanh tung lật.

KINH HƯ KHÔNG DỤNG BỒ TÁT QUYÊN THƯỢNG

Huyền Ứng soạn.

Không dụng: Văn cổ viết dăng, cũng đồng. Ngược lại âm dục chứng. Theo chữ bao hàm thật gọi là dụng. Dụng tức là mang bào thai, đưa con trong bụng.

Cương thạch:.. Ngược lại âm cư lương. Đất biến làm đá, giống như màu xanh vẩy. Văn thông dụng cho rằng: đất có nhiều đá nhỏ Cũng gọi là đá vụn, sỏi.

Bảo tuyến: Văn cổ viết tiền cũng đồng. Ngược lại âm tư tiện.

Sách Thuyết Văn cho rằng: tuyến là sợi chỉ để may áo.

Vi huệ: Lại viết chữ huệ hai thể hình đều đồng. Ngược lại âm tư duệ. Sách Thuyết Văn cho rằng: ấu trùng tơ tằm trắng nhỏ, vải mịn. Phàm vải mịn mà thưa đó gọi là huệ

Tê ngư:.. Ngược lại âm tiên hề Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: hình như giống con trâu nước, bụng to lớn, chân có ba móng màu đen, hai sừng, thích ăn cỏ non, cũng có một sừng vậy.

Thành hoàng:.. Ngược lại âm hồ quang hào bao quanh thành, không có nước gọi là hoàng.

KINH HƯ KHÔNG DỤNG BỒ TÁT QUYỂN HẠ

Bôi đại: Lại viết bôi này cũng đồng. Ngược lại âm bồ bôi. Cùng nhau làm trái. Ngược lại. Cố Dĩ Vương cho rằng: bôi gọi là xả bỏ tướng làm trái lại phản nghịch. Quảng Nhã cho rằng: bôi là phía sau lưng.

- *Quyển sau (quyển hạ không có âm để giải thích*

KINH HƯ KHÔNG TẠNG BỒ TÁT

Huyền Ứng soạn.

Trùng tê:.. Ngược lại âm tổ kế. Sách Thuyết Văn cho

rằng: mưa tạnh gọi là tề. Tề cũng giống như bầu trời quang đãng.

Mao đới:.. Ngược lại âm như chí. Văn thông dụng cho rằng: sợi lông dùng làm trang sức gọi là mao. Giống như trang sức cán đao.

Bạc kiềm:.. Ngược lại âm bồ bắc. Ngược lại âm dưới là cự diêm. Cổ lậu:.. Ngược lại âm cự khi

Đô địch:.. Ngược lại âm trên là đô ngã.

KINH HƯ KHÔNG TẠNG BỒ-TÁT THẦN CHÚ

Huyền Ứng soạn.

Tát-bà:.. Ngược lại âm bồ-hà bồ-hà hai âm, dựa theo chữ bà gọi trắng phau.

Lưu mâu.

KINH HƯ KHÔNG TẠNG BỒ TÁT NĂNG MÃN CHƯ NGUYỆN CẦU VĂN TRÌ PHÁP

Huệ Lâm soạn.

Kháp tu:.. Ngược lại âm trên là khổ giáp. Ngược lại âm dưới dật du.

Quán tẩy:.. Ngược lại âm trên quan hoán. Cố Dĩ Vương cho rằng:

tắm rửa giặt giũ đều gọi là quán. Sách Thuyết Văn cho rằng: tắm, rửa tay. Chữ viết từ bộ cửu bộ thủy đến bộ mẫn.

KINH QUÁN HƯ KHÔNG TẠNG BỒ TÁT

Huệ Lâm soạn.

Khuru-tân:. Ngược lại âm tất tấn. Tư Mã Bru chú giải sách Trang Tử rằng: tấn là phé bỏ đi. Chánh Tự xưa nay cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh tân. Trong kinh văn viết từ bộ nhơn viết thành chữ tấn chữ thông dụng.

Thanh xí:. Ngược lại âm trên là thất tinh. Ngược lại âm dưới trắc sự Giải thích tên gọi là xé hoặc gọi là hôn, là nhà vệ sinh, chuồng heo. Sách Thuyết Văn cho rằng: hôn cũng là nhà xí, mà xí cũng là thanh, hai chữ đều đồng nghĩa là nơi nhơ nhớp, nhà xi. Chữ thanh viết từ bộ vi thanh thanh. Chữ xí viết từ bộ nghiêm thanh tắc, âm vi là âm vi âm hôn. Ngược lại âm hôn ỏn, âm nghiêm là âm nghiêm.

KINH HƯ KHÔNG TẠNG BỒ-TÁT VĂN THẤT PHẬT ĐÀ-LA-NI CHÚ

Huệ Lâm soạn.

Tiền kiết:. Ngược lại âm trên là tiên tiền. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiền là sợi chỉ khâu, hoặc là viết chữ tuyến. Trong kinh văn viết chữ đình là chẳng phải vậy.

Chủ luyến:. Ngược lại âm trên thị chi. Sách Phương Ngôn cho rằng: chủ là cái thìa cũng gọi là chủy này.

Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ chủ thanh thị. Trong kinh văn viết từ bộ mộc viết thành chữ thị sách Khảo Thanh cho rằng: mài trên đá, là cây thanh của ngang, chẳng phải nghĩa của kinh văn. Ngược lại âm dưới là cổ Quảng Nhã cho rằng: luyện là tuôn ra, thoát ra. Thiên Thương Hiệt cho rằng: cởi bỏ giữ lấy. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ đầu thanh luyện. Kinh văn viết từ bộ thủ viết thành chữ quyền, là âm quyền, chẳng phải nghĩa của kinh, âm luyện. Ngược lại âm lực chuyên.

Kết bì:.. Ngược lại âm kiên xỉ Sách Thuyết Văn cho rằng: kết cảnh. Loại cỏ thân dùng làm thuốc, tên của loại cỏ thuốc. Chữ viết từ bộ mộc thanh kết âm cảnh. Ngược lại âm cổ hạnh.

Hài ngẫu:.. Ngược lại âm trên hộ giai. Không An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: hài hòa, hòa hợp. Trình Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: cũng là hòa hợp. Sách Thuyết Văn cho rằng: hợp theo. Chữ viết từ bộ ngôn thanh giai. Ngược lại âm dưới là ngũ khẩu. Bác Nhã cho rằng: ngẫu cũng giống như là một đôi. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: một đôi vợ chồng. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ lỗi, thanh ngẫu, âm lỗi. Ngược lại âm lôi đối.

Đồng hàm:.. Ngược lại âm dưới là hạn thâm. Quảng Nhã cho rằng: cây kim châm vào. Cổ Dã Vương cho rằng: hàm chỗ gọi là bó buộc ngăn chặn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chỗ gọi là may vá. Chữ viết từ bộ kim thanh hàm, hoặc là viết hàm cũng viết chữ châm thích, âm thích là âm thích, nghĩa là cây kim châm, hoặc là cây

kim vá may.

KINH PHẬT THUYẾT BỒ-TÁT NIỆM PHẬT TAM MUỘI QUYỂN 1

Huyền Ứng soạn.

Thích nhĩ:. Ngược lại âm trên là lô khác. Ngược lại âm dưới là trắc gia. Tiếng Phạn. Tên của vị Thanh văn đệ tử Phật.

Trụ dẫn:. Ngược lại âm trên trừ hự. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: trụ tức là đời sau. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: trụ dẫn là con cháu nối dõi, thừa kế. Sách Thuyết Văn cho rằng: thừa kế Chữ viết từ bộ nhục đến thanh do. Ngược lại âm dưới dần chần. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: dẫn cũng giống như chữ tự nghĩa là thừa kế, nối tiếp theo sự nghiệp tổ tiên. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: dẫn là thừa kế Sách Thuyết Văn cho rằng: dẫn đó gọi là con cháu cùng nhau thừa kế, tiếp tục. Chữ viết từ bộ nhục đến bộ bát đó cũng giống như con trưởng, cũng giống như lớp lớp nối theo sau.

KINH PHẬT THUYẾT BỒ-TÁT NIỆM PHẬT TAM MUỘI QUYỂN 2

Phân vân:. Ngược lại âm trên nhất lân. Ngược lại âm dưới là vu căn, gọi là nguyên khí, nghĩa là nguyên khí mù昧, trời đất hòa nhập chưa có phân ra. (T425)

Đình lưu:.. Ngược lại âm dịch kinh. Bì Thương cho rằng: nước không chảy gọi là đình.

Phái biệt:.. Ngược lại âm phổ mại. Sách Thuyết Văn cho rằng: dòng nước chảy quanh co khác biệt. Quảng Nhã cho rằng: nước tự phân ra mà chảy.

KINH PHẬT THUYẾT BỒ-TÁT NIỆM PHẬT TAM MUỘI QUYỂN 3

Phân vệ: Đây nói là sai. Nói cho đúng là tân trà dạ. Đây dịch là đoàn người ăn xin. Gọi là đi khát thực.

Kinh kỳ: hoặc viết chữ tư cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm cự y.

Sách Chu Lễ cho rằng: vuông một ngàn dặm gọi là đất của vua, của quốc gia, vùng đất của vua cai trị vùng gần kinh thành, đất có giới hạn.

Chiếp phục:.. Ngược lại âm đồ hiệp sách Nhĩ Nhã cho rằng: chiếp là sợ hãi. Quách Phác cho rằng: tức là lo sợ sợ hãi, kinh phục, âm nhiếp. Ngược lại âm chi thiệp.

KINH PHẬT THUYẾT BỒ-TÁT NIỆM PHẬT TAM MUỘI QUYỂN 4

Truy hận:.. Ngược lại âm dư loại. Sách Khảo Thanh cho rằng: truy là oán giận. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: oán. Sách Thuyết Văn cùng với sách Nhĩ Nhã đều cho rằng đồng nghĩa oán giận, chữ viết từ bộ tâm thanh đối.

Đoàn thực:.. Ngược lại âm đồ quan. Cổ Dã Vương cho rằng: Đoàn đó là khiến cho cùng nhau hòa hợp. Sách Lễ Ký cho rằng: không thể đoàn nhất. Sách văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh chuyên.

KINH PHẬT THUYẾT BỒ-TÁT NIỆM PHẬT TAM MUỘI QUYỂN 5

Sang vu:.. Ngược lại âm hữu cầu. Sách Khảo Thanh cho rằng: vu là bệnh. Gọi là nút ruồi trên da. Chánh Tự xưa nay cũng gọi là bệnh, chữ viết từ bộ tật thanh vu, hoặc viết từ bộ nhục, viết thành chữ vu. Âm phúc lại ngày nay không lấy âm này.

Trần buộn:.. Ngược lại âm bồn vẩn. Sách Khảo Thanh cho rằng: buộn là bụi trần nhơ nhớp bay đến. Sách Giai Uyển Chu Tòng cũng cho rằng: buộn là bụi trần, sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thổ thanh phân.

KINH PHẬT THUYẾT BỒ-TÁT NIỆM PHẬT TAM MUỘI QUYỂN 6

Dần khoách:.. Ngược lại âm du nhuận. Sách Lã Thị Xuân Thu cho rằng: vắn đời cũng giống như một nháy mắt. Sách Thuyết Văn cho rằng: con mắt mở ra nháy mắt nhiều lần. Chữ viết từ bộ mục thanh dân, hoặc là viết thuận. Trong kinh văn viết huyển là chẳng phải nghĩa của kinh.

Quật tĩnh:.. Ngược lại âm quần vật. Cố Dã Vương cho rằng: quật nghĩa là khai phá đất. Quảng Nhã cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh khuất.

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐĂNG ĐẠI TẬP BỒ TÁT NIỆM PHẬT TAM MUỘI QUYỂN 1

Huệ Lâm soạn.

Mi tranh:.. Ngược lại âm mi bi gọi là sà ngang gác trên cửa. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mộc thanh. Ngược lại âm dưới là thác canh. Quách Phác cho rằng: tranh là cột hai bên cổng. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: cây cột gác trên cửa hẹp gần bên ao nước. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh trường âm khôn. Ngược lại âm bi ôn.

Xu hạp:.. Ngược lại âm là xúc chu Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: cánh cửa nhà. Gọi là cái then cửa cái chốt giữ cửa, gài cửa đó để làm chắc chắn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chốt cửa. Chữ viết từ bộ mộc thanh xu. Ngược lại âm dưới là hàm lạp. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: gọi là hạp tức cánh cửa, phân cửa. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: dùng cây gỗ làm cánh cửa gọi là hạp, dùng trúc bên làm cánh cửa gọi là phân. Sách Thuyết Văn cho rằng: hạp là cánh cửa riêng biệt. Chữ viết từ bộ môn thanh hạp.

Xí chơn:.. Ngược lại âm đồ kiên. Thiên Thương Hiệt cho rằng: chơn là tắc nghẽn. Sách Thuyết Văn cho rằng:

nghĩa cũng đồng Thương Hiệt giải thích. Chữ viết từ bộ huyệt, thanh chơn.

Khôi vĩ: cũng viết chữ khôi. Ngược lại âm cổ hồi. Tư Mã Bưu chú giải sách Trang Tử rằng: quý là đẹp, đầy đủ. Ngược lại âm dưới là vi quý Bì Thương cho rằng: vĩ đại lớn lao. Sách Thuyết Văn cho rằng: hai chữ rất lạ đều từ bộ nhơn đều thanh quý vĩ. Trong kinh văn viết từ bộ ngọc viết thành chữ khôi vĩ cũng thông dụng.

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẰNG ĐẠI TẬP BỒ TÁT NIỆM PHẬT TAM MUỘI QUYỂN 2

Đình truyện:.. Ngược lại âm đồ đình. Ngược lại âm dưới là trực luyến. Đời nhà Hán nhân vì Tần Vương cho thiết lập, mười dặm một cái ngôi đình, gọi là Đình Lưu, nghĩa là quan tuần đi đến trao đổi văn thư nghỉ lại đình này.

Tiêm tân:.. Ngược lại âm trên là tiếp quán. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: giữa nước Ngô, Sở gọi dập tắt lửa là tiêm. Ngược lại âm dưới là tợ tân. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: đốt lửa cháy còn dư lại tro tàn gọi là tân. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: gọi là đốt gỗ còn dư lại tro. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết đều từ bộ hỏa đều là thanh tiêm duật. Bỏn kinh viết từ chữ tiêm, viết thành chữ là chẳng phải. Từ chữ tận viết thành chữ tân là văn thông dụng thường hay dùng.

- *Quyển thứ ba, trước không có âm.*

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐĂNG ĐẠI TẬP BỒ TÁT NIỆM PHẬT TAM MUỘI QUYỂN 4

Vô kiến: Ngược lại âm cư triển. Sách Phương Ngôn cho rằng: kiến là nói thẳng. Sách Sở Từ cho rằng: nói không có thông lợi, gọi là kiến, nghĩa là nói ngọng. Chánh Tự xưa nay viết từ bộ ngôn đến chữ kiến thanh tĩnh. Cũng viết chữ kiến này.

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐĂNG ĐẠI TẬP BỒ TÁT NIỆM PHẬT TAM MUỘI QUYỂN 5

Tê phá: Lại viết chữ tê này cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm tiên hê. Thiên Thương Hiệt cho rằng: tê là bệnh nói giọng yếu ớt. Đông Tê gọi là giọng khàn khàn gọi là. Theo Thanh Loại cho rằng: bệnh đau nhức. Chánh Tự xưa nay viết từ bộ khẩu, thanh lê. Lại viết tê này nghĩa đều đồng.

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐĂNG ĐẠI TẬP BỒ TÁT NIỆM PHẬT TAM MUỘI QUYỂN 6

Môn nghiệt: Lại viết chữ nghiệt này, cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm ngư liệt. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: thanh gờ cấm thẳng giữa công tức là chặn cửa lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ môn. Thanh nghiệt, âm nghiệt đồng với âm trên.

Ti dịch:.. Ngược lại âm tân di. Sách Tự Thư cho rằng: ti dịch là người đầy tớ nô bộc, cũng gọi là người thấp hèn. Chánh Tự xưa nay cho rằng: là người sinh sống ở vùng đất xa xôi hẻo lánh làm nghề nô bộc, làm người sai khiến. Chữ viết từ bộ nghiễm thanh tư.

- *Quyển thứ ba, trước không có âm.*

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐĂNG ĐẠI TẬP BỒ TÁT NIỆM PHẬT TAM MUỘI QUYỂN 8

Pháp triệu:.. Ngược lại âm đồ đao. Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ rằng: Triệu cũng giống như chữ cổ nghĩa là cái trống, nhưng mà nhỏ hơn, giữ hai oán đong đưa, lắc lư. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ cách thanh triệu. Viết đúng là triệu, cũng viết ba thể chữ triệu đều đồng nghĩa. Sách trụ văn viết triệu này.

Mạn đà:.. Ngược lại âm mạc bàn. Theo Kinh Văn nói rằng: tên cái

ao của cõi trời Đao Lợi. Đây là tiếng Phạn. Nhưng theo âm này không cầu chữ nghĩa. Nếu theo chữ tức là nể mạn chữ quái lạ không phải nghĩa kinh.

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐĂNG ĐẠI TẬP BỒ TÁT NIỆM PHẬT TAM MUỘI QUYỂN 9

Cai nghiệt:.. Ngược lại âm khẩu giới. Quảng Nhã cho rằng: lửa cháy hừng hực. Chánh Tự xưa nay nghĩa cũng đồng. Chữ viết từ bộ hỏa thanh khác.

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐĂNG ĐẠI TẬP BỒ TÁT NIỆM PHẬT TAM MUỘI QUYỂN 10

Niêm ô: Lại viết chữ niem cũng đồng. Ngược lại âm nữ chiêm. Sách Tự Thư cho rằng: niem là chất keo dính vào. Sách Thuyết Văn cho rằng: cùng nhau Vương mắc. Chữ viết từ bộ thủ thanh chiêm, âm niem là âm hồ

Thương lẫm: viết đúng là chữ lẫm. Ngược lại âm lực thậm. Sách Thuyết Văn cho rằng: lẫm là cái kho chứa thóc cứu tế Trong Tông miếu có nhiều kho chứa lúa gạo để cứu tế Vua nói rằng: Trẫm lấy thóc từ trong kho ra cứu tế dân nghèo cho nên gọi là lẫm. Chữ viết từ bộ nhập đến hồi. Trông giống như cái nhà có cửa phen gọi là lẫm, hoặc là viết từ bộ hán, bộ hòa viết thành chữ lẫm, cũng đồng với bốn kinh.

Âm tử: Ngược lại âm dưới là sư tử. Gọi là ngọc ấn của vua. Tử là làm tin cũng gọi là thần khí. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thổ viết thành chữ tử. Nay viết từ bộ ngọc viết thành chữ tử

KINH BÁT CHÚ TAM MUỘI QUYỂN THƯỢNG

Huệ Lâm Tân soạn.

Khả mậu: Ngược lại âm mạc hậu. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: mậu dịch mua bán trao đổi. Sách Vận Anh cho rằng: trao đổi hàng hóa. sách Thuyết Văn cho

rằng: trao đổi tài vật. Chữ viết từ bộ bồi thanh mậu. Văn cổ viết chữ mậu. Trong kinh văn viết chữ mậu này là chẳng phải.

Hoa thuyết:.. Ngược lại âm trên là hoa. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: hoa là nói ồn ào huyên náo. Sách Khảo Thanh cho rằng: làm âm ỉ Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ngôn thanh hoa. Trong kinh viết từ bộ khẩu là chẳng phải.

Du siêm:.. Ngược lại âm trên du chu. Sách Trang Tử cho rằng: không lựa chọn phải quấy mà nói gọi là du. Thiên Thương Hiệt cho rằng: siêm là nịnh hót theo ý của người. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: du cũng giống như siêm. Chữ viết từ bộ ngôn thanh du. Trong kinh viết chữ du này là chẳng phải. Ngược lại âm dưới là sừ nhiêm. Gọi khác đi là người quân tử giao kết trên không nịnh hót, giao kết dưới không trêu đùa bốn cột. Hà Hựu cho rằng: siêm là nịnh hót. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: siêm gọi là nghiêng mình lấy từ dưới. Sách Trang Tử cho rằng: hy vọng ý mong cầu mà nói lời siêm nịnh. Thời nay dùng theo lệ sách viết lược bớt. Triện văn viết đúng thể từ chữ siêm này viết thành chữ siêm. Nay theo viết lược bớt.

Tứ ngưng:.. Ngược lại âm ngộ câu. Sách Vận Thuyên cho rằng: trong góc này. Sách Khảo Thanh chẳng thể: bốn góc gọi là ngưng. Sách Thuyết Văn cho rằng: gót chân chữ viết từ bộ phụ thanh ngưng. Trong kinh văn viết từ bộ sơn viết thành chữ ngưng, chỗ hiểm yếu chân núi, cũng gọi là nơi mặt trời mọc. Sách Thượng Thư cho rằng: ngưng là cái hóc nơi mặt trời mọc.

KINH BÁT CHU TAM MUỘI QUYỂN TRUNG

Khinh dị: Lại viết chữ dị nay. Nay viết chữ dị này cũng đồng. Ngược lại âm dĩ cổ. Thiên Thương Hiệt cho rằng: dị khinh thường ngạo mạn, cũng gọi là bình dị, đơn giản.

Hạc áp:.. Ngược lại âm hồ khác. Loài chim này giống như chim trĩ, lớn hơn, tính nó thích đánh nhau đến chết mới thôi, cho nên các võ sĩ đội mũ trên đầu có gắn lông chim trĩ này để lấy làm tượng trưng. Kinh Sơn Hải cho rằng: ở núi Huy chưa có nhiều chim hạc, người ta lấy cái lông chim này cắm trên đầu cũng xuất ra bộ tộc, đảng phái. Ngược lại âm dưới là áp, là loại gia súc nuôi, con vịt lội dưới nước.

Báng san:.. Ngược lại âm sở gian. Thiên Thương Hiệt cho rằng: san là chê bai. Sách Luận ngữ cho rằng: kẻ ác ở hạng thấp hèn mà chê bai người trên. San báng là lời nói chê bai hủy nhục kẻ khác, chữ viết đều từ bộ ngôn.

Giao long: tiếng Phạn gọi là cung Tỳ-la, có con càn gọi là giao long. Bể chứa con gọi là rồng mẹ. Giao long gọi là rồng con, con rồng này hình trạng nó giống như con cái đuôi con rùa, da của nó có hạt châu tròn. Quách Phác chú giải kinh Sơn Hải rằng: giao giống như con rắn mà lại có bốn chân nhỏ, đầu nhỏ cổ có màu trắng anh lớn, mười năm mới đẻ trứng, một cái trứng lớn như một - hai học, khi nở con ra có thể có thần lực nuốt cả con người.

Da quặc: Âm trên lại viết hà. Ngược lại âm cô² hà. Ngược lại âm dưới là cư phước. Gọi là con khỉ mẹ to lớn, khéo vỗ chụp người thích liếc ngó.

KINH BÁT CHU TAM MUỘI QUYÊN HẠ

Quyên phi: Ngược lại âm nhuế duyên. Mao Thi Truyện cho rằng: quyên là loài côn trùng nhỏ nhất, thuộc loại con phù du.

Noãn động: Ngược lại âm trên là văn doãn. Thông Tự cho rằng: noãn là loài côn trùng bò lúc nhúc, có chân gọi là côn trùng, không chân gọi là noãn. Quảng Nhã viết noãn hoặc là viết noãn. Sách Thuyết Văn cho rằng: động là nhung nhúc. Chữ viết từ bộ trùng thanh nhuyển.

Quĩ vi: Ngược lại âm trên quỳ vị. Sách Vận Anh cho rằng: dâng thức ăn cho người trên, biếu tặng thức ăn, hoặc là viết từ bộ quĩ viết thành chữ quĩ đều là chữ hình thanh.

Câu-lợi: tiếng Phạn, tức là các kinh đều gọi là câu-tri, danh pháp số. Đây gọi là hàng trăm hàng vạn.

Na-thuật: cũng là tiếng Phạn, hoặc gọi là na-do-ta, hoặc gọi là na-du-đa. Đây gọi là trăm ngàn vạn.

Du-tuần: cũng là tiếng Phạn hoặc gọi là do-tuần, hoặc gọi là do-diên hoặc gọi là du-xà-na. Đứng Phạm âm gọi là du-thiện-na. Từ xưa quân của Thanh Vương đi một ngày lộ trình, lấy toán pháp mà tính tức ba mươi dặm. (T426)

Cơ nhục: Ngược lại âm trên cư nghi tức là cơ thể

bấp thậ.

KINH ĐẠI TẬP HIỀN HỘ BỒ-TÁT QUYỂN 1

Huệ Lâm soạn.

Hiền lộ: Trong các kinh, hoặc ở trong Phạm ngữ, đều gọi tên là Bát-đà-bà-la. Tức là vị Phật đương thời trong thành Vương Xá. Có vị trưởng giả tên là Hiền hộ vị Bồ tát trong hàng bạch y. Tức là ở trong hiền kiếp, đương lai ngàn vị Phật, vị Phật thứ nhất thừa hỏi Phật nói kinh này.

Nhất đoàn:.. Ngược lại âm đoạn lạc. Sách Bát Nhã cho rằng: tay nắm lấy khiến dẫn dắt nhau đi. sách Khảo Công ký ghi rằng: hoặc là viết đoàn nghĩa là đoàn viên.

Táo thích:.. Ngược lại âm trên là tao táo. Sách Luận ngữ cho rằng: táo là không yên tĩnh. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: táo là lo buồn. Sách Vận Thuyên cho rằng: vội vàng, tính nóng nảy. Sách Tập Huấn cho rằng: động tâm. Chữ viết từ bộ túc thanh táo âm táo. Ngược lại âm tảng đảo. Ngược lại âm dưới là thanh diệc. Quảng Nhã cho rằng: thích là lo buồn ưu tư suy nghĩ hoặc là viết chữ thích. Chánh Tự xưa nay viết từ bộ thanh thích. Sách Thuyết Văn cho rằng: lại nói chữ thích viết từ bộ viết âm viết là âm viết từ bộ tổng thanh tĩnh.

KINH ĐẠI TẬP HIỀN HỘ BỒ-TÁT QUYỂN 2

Ngoan ngại:.. Ngược lại âm trên là ngũ quan. Tả Truyện cho rằng: tâm không có phép tắc nghĩa đức trong kinh gọi là ngoan. Văn cổ viết chữ ngoan. Quảng Nhã

cho rằng: ngoan là đàn độn chữ tượng hình. Ngược lại âm dưới là nhai giải. Thiên Thương Hiệt cho rằng: ngu độn không biết gì hết. Sách Phương Ngôn cho rằng: bệnh phong, ngu si, hoặc là viết. Giải thích dùng cũng đồng như trên. Sách Thuyết Văn cho rằng: con ngựa ngu si đàn độn, chỉ biết kéo xe, chữ viết từ bộ mã, thanh ai.

"Máu từ chối không trở về tìm nữa.

Hãy xin người tha thứ lỗi lầm nhau" (T426)

Ngận tặc: Ngược lại âm trên ngận khản. Sách Khảo Thanh cho rằng: ngận tức là rất hận. Sách Vận Thuyên cho rằng: ngận là đến. Chánh Tự xưa nay viết từ bộ xích thanh cần. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ cần viết từ bộ mục đến bộ chủ. Nay theo lệ sách nhân viết bộ thảo viết lược, âm xích. Ngược lại âm sửu xích, âm khản. Ngược lại âm khổ bốn. Ngược lại âm dưới là tỳ duệ. Sách Khảo Thanh cho rằng: tặc là hư hoại, xấu tặc, giống như cái áo đã rách nát bại hoại.

Xi tiểu: Ngược lại âm trên là chủy chi, chữ viết từ bộ trùng thanh xi chữ cổ. Ngược lại âm dưới tiểu diệ, chữ viết từ bộ trúc đến bộ yêu đến bộ khẩu đó văn thường hay dùng.

Khu biệt: Ngược lại âm khúc câu. Sách Khảo Thanh cho rằng: giới hạn của khu vực. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: năm mươi nhà gọi là một khu. Quách Phác chú giải rằng: 25 là số, số 25 là khu, mà dùng chú giải sách Luận ngữ rằng: giống như cây cỏ các loại khác biệt nhau. Sách Thuyết Văn cho rằng: theo phẩm loại khác biệt nhau. Chữ viết từ bộ phương âm phương là âm ản yên. Ngược lại âm trên là hề đệ.

KINH ĐẠI TẬP HIỀN HỘ BỒ-TÁT QUYỂN 3

Lô năng: Lại viết bồ bài hai thể hình cũng đồng. Ngược lại âm bạch ung. Gọi là ống thiết trong nhà dùng để thổi lửa khiến cho lửa cháy lên.

Tư tuần:.. Ngược lại âm tư tôn. Tuần là hỏi. Tả Truyện cho rằng: hỏi thăm, khéo hay hỏi thăm thân mật là tuần. Khéo hay hỏi thăm đường đạo là tử. Đỗ Dự chú giải rằng: tuần là hỏi thăm bà con thân thích.

Ngập Đa: đây là tên con của người Cư sĩ. Theo chữ. Ngược lại âm ngư cập.

Khiếp tứ:.. Ngược lại âm kiêm diệp. Ngược lại âm dưới tư sử Sách Thuyết Văn cho rằng: cái rương đựng quần áo dụng cụ gọi là tử Sách Lễ Ký cho rằng: cái tre nhỏ cũng đồng. Lại Trịnh Huyền chú giải rằng: đều là dụng cụ đựng thức ăn, tròn gọi là đan, vuông gọi là tứ âm đan là âm đan.

KINH ĐẠI TẬP HIỀN HỘ BỒ-TÁT QUYỂN 4

Anh thủy:.. Ngược lại âm ư canh. Sách Phương Ngôn cho rằng: cái bình miệng nhỏ mà bụng lại to.

Tán trợ:.. Ngược lại âm tử đán. Tán trợ giúp, cũng gọi là tôn trọng khen ngợi.

Khanh tương: Lại viết thân. Ngược lại âm khổ canh, âm dưới lại viết thương thương hai chữ tượng hình cũng

đồng. Ngược lại âm thất dương. Quảng Nhã cho rằng: "Kham tương đều là tiếng vàng ngọc khua leng keng, lanh canh, boong boong". Chữ hình hình thanh.

- *Quyển 5: Văn không khác, chữ khó âm có giải thích.*

KINH VÔ NGÔN ĐỒNG TỬ QUYỀN THƯỢNG

Huyền Ứng soạn.

Vĩ vĩ: Ngược lại âm vi phỉ vĩ vĩ cũng giống như vi vi, nghĩa là gắng sức mà tiến lên.

KINH VÔ NGÔN ĐỒNG TỬ QUYỀN HẠ

Nhằm nhược: Lại viết chữ nhằm ngày cũng đồng. Ngược lại âm nhi thậm. Loại cây cỏ có thân hình mềm mại. Quảng Nhã cho rằng: nhằm là mềm yếu, cũng gọi là ôn nhu chữ dưới viết đúng nghi là nhược, là mềm yếu.

KINH ĐẠI TẬP THÍ DỤ VƯƠNG QUYỀN THƯỢNG

Huệ Lâm soạn.

Lại đọa: Ngược lại âm trên lan tổ. Ngược lại âm dưới đồ ngọa. Sách Đông Quán Hán Ký cho rằng: lại đọa đó là riêng không thấy sự lao nhọc. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: đọa là giải đãi, biếng nhác. Sách Thuyết Văn cho rằng: Lại cũng là giải đãi, biếng nhác. Chữ viết từ bộ nữ thanh lại, hoặc là viết chữ lại nay. Chữ đọa là không cung kính chữ viết từ bộ tâm,

thanh đọa âm đọa đồng với âm trên hoặc là viết chữ đọa này, lại viết chữ đọa này đồng với quyền hạ.

Khải giáp:.. Ngược lại âm khai cái. Sách Văn Tự Tập Lược cho rằng: lấy kim loại làm áo giáp che thân gọi là khải. Sách Thuyết Văn cho rằng: khải cũng là áo giáp. Chữ viết từ bộ kim thanh khải âm khải là âm khởi.

Phiêu tướng:.. Ngược lại âm thất phiêu. Cố Dã Vương cho rằng: Phiêu cũng giống như trôi chảy. Sách Thuyết Văn cho rằng: nổi bong bênh trên mặt nước, chữ viết từ bộ thủy, thanh phiêu, âm phiêu. Ngược lại âm tất diêu.

KINH ĐẠI TẬP THÍ DỤ VƯƠNG QUYỀN HẠ

Nhược can đông:.. Ngược lại âm động đông. Sách Thuyết Văn cho rằng: chặt ống tre, chữ viết từ bộ trúc thanh đông.

Khanh khảm:.. Ngược lại âm trên là khác canh. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: là cái hàm, hồ sâu. Thiên Thương Hiệt cho rằng: cái hang, hốc, khe, nước sâu, tràn ngập. Ngược lại âm dưới khổ cảm. Sách Chu Dịch cho rằng: khảm là chỗ trũng. Sách Thuyết Văn cho rằng: đều từ bộ thổ thanh khanh, khảm âm khanh. Ngược lại âm khanh lãnh.

Khuyết nhai:.. Ngược lại âm khuyển duyệt. Thiên Thương Hiệt cho rằng: khuyết là hao tổn, tổn giảm. Ngược lại âm dưới là nhã giai. Sách Khảo Thanh cho rằng: khe vách núi, bên bờ sườn núi. Sách Thuyết Văn

cho rằng: chữ khuyết viết từ bộ phữu thanh quyết, chữ nhai, từ bộ ngũ thanh giai.

Cức thúc:.. Ngược lại âm trên là căn ức. Sách Phương Ngôn cho rằng: cức là cây cỏ có gai. Người giữa sông Hoài gọi là cỏ gai. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: cức là cây táo chua. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây táo nhỏ mọc sum xuê. Chữ viết từ hai bộ thúc. Trong kinh văn viết đều từ bộ một bộ thúc là sai. Ngược lại âm dưới là thư tứ. Cổ Dã Vương cho rằng: da cây bên ngoài có gai nhọn rất bén. Sách Thuyết Văn cho rằng: giống như cây có lá nhọn. Trong bốn kinh viết từ bộ đao viết thành chữ lạt là sai lầm, nghĩa chữ lạt là cắt vỡ vết thương ra, đây chẳng phải nghĩa kinh vậy.

Dục chú:.. Ngược lại âm chu thú. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: mưa đúng thời tiết vạn vật nào trên mặt đất mà không sinh trưởng tươi tốt sinh sôi nảy nở. Sách Thuyết Văn cho rằng: mưa đúng thời tiết, cho nên nước mưa rót vào vạn vật xanh tốt. Chữ viết từ bộ thanh chú, âm chú là âm chú.

Cân cốt tủy:.. Ngược lại âm trên là cần hân. Sách Thuyết Văn cho rằng: cân là sức mạnh của bắp thịt. Chữ viết từ bộ nhục, bộ trúc. Trúc là loại thực vật có nhiều gân xương. Theo bộ lực, lực là giống như nhiều gân xương là có nhiều sức mạnh. Trong kinh viết từ bộ thảo đến bộ giác, viết thành chữ cân là chẳng phải vậy. Ngược lại âm dưới là tuy thúc. Sách Thuyết Văn viết chữ tủy này cho rằng: chất mỡ trong xương. Chữ viết từ bộ cốt đến bộ tùy thanh tĩnh. Chữ viết đúng thể là từ chữ tùy viết thành chữ tủy, âm tủy. Ngược lại âm hứa quy.

Ly ngư: Lại cũng viết mao, âm. Lại cũng âm mao. Trong kinh Sơn Hải nói rằng: ở núi Phiên hầu có loài thú, hình trạng của nó giống như con trâu, cao bốn thước, có mọc lông gọi là con ly ngư là loài bò có lông đuôi rất dài. Quách Phác chú giải rằng: trên lưng, đầu gối đều có lông dài. Sách Thuyết Văn cho rằng: ở Tây Nam Di có loài bò có lông dài chữ viết từ bộ ngư, thanh ly âm ly. Ngược lại âm lực chi, lại cũng viết chữ mao này.

Thieu nhân: Ngược lại âm thiếu diêu. Theo Thanh Loại cho rằng: thieu là nhặt ra, chọn lựa ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh triệu âm quyết, ngược lại âm quyền huyết.

Mạt đoàn: Âm trên là mạt. Cổ Dã Vương cho rằng: mạt gọi là bọt nước nổi trên mặt nước. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủy thanh mạt. Ngược lại âm dưới là đoàn. Quyển trước kinh Hư Không Tạng Bồ tát vấn Phật - quyển thứ tư đã giải thích rồi.

Thủy bào: Ngược lại âm phổ bao. Sách Khảo Thanh cho rằng: bào là bong bóng nổi lên mặt nước. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh bao.

KINH ĐẠI AI QUYỂN 1

Huệ Lâm soạn.

Khai vị: Ngược lại âm vi dĩ. Sách Quốc ngữ cho rằng: vi là cái cửa, mà cùng với Giả Quỷ giải thích rằng: vi là cửa mở, sự mở mang. Chữ tịch giống như là mở ra. Chánh Tự xưa nay viết từ bộ môn thanh vi.

Điền trì: Ngược lại âm thiên điền. Sách Tập Huấn cho rằng: điền là vắn đục. Lại gọi là dơ uế cầu bản nước đục, âm miễn. Ngược lại âm niên điền.

Đình liệu: Ngược lại âm dưới là lịch điều. Sách Lễ Ký cho rằng: việc lớn của quốc gia, cùng đốt đuốc trước sân cháy sáng cả vùng. Trịnh Chúng cho rằng: liệu là đốt đuốc. Lấy cây, cỏ gai để ngoài cửa làm cây đuốc lớn. Để ở bên trong cửa gọi là cây nến trong sân nhà, đều cho rằng chiếu, giống như là sáng ban ngày. Lại gọi là cây đuốc trước cửa cháy lan ra đất. Trong kinh văn viết từ bộ kim, viết thành chữ đình là chẳng phải. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: đình là thuộc về cây cuốc. Quảng Nhã cho rằng: đình là cái lưỡi cày, tức là nông cụ, nghĩa này rất quái lạ chẳng phải ý nghĩa của kinh văn vậy.

KINH ĐẠI AI QUYỂN 2

Ngộ mi: Âm trên là ngộ. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: ngộ là tỉnh dậy. Thiên Thương Hiệt cho rằng: trong khi ngủ có nói chuyện mà biết gọi là ngộ. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết từ chữ ngộ thanh tĩnh. Ngược lại âm dưới là di tí. Cố Dã Vương cho rằng: nghỉ ngơi, ngủ ngủ rất say. Sách Thuyết Văn cho rằng: nằm nghỉ Chữ mi viết tĩnh lược, thanh vị.

Khôi dị: Ngược lại âm trên cổ hồi. Bì Thương cho rằng: khôi là viên ngọc đẹp lạ quý hiếm. Sách Khảo Thanh cho rằng: viên ngọc lớn mà đẹp. Sách Thuyết Văn

cho rằng: chữ viết từ bộ y thanh khô. Trong kinh văn viết từ bộ quý viết thành chữ hội là chẳng phải.

Ngu trảng:.. Ngược lại âm dưới là trác giáng. Sách Huấn Toán cho rằng: tinh thần phiền muộn, buồn bực không thoải mái. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: theo vị quan trung trực nhìn Bá Di là thẳng thắn, cương trực. Sách viết từ bộ tâm đến bộ bồi âm trảng. Ngược lại anh giáng, âm mang. Ngược lại âm mang hạng.

Đạm phạ:.. Ngược lại âm trên là đạm. Ngược lại âm dưới là phổ bá. Trong kinh nói rằng: lo lắng nơi chơn cảnh, mà sợ sệt nơi điềm tĩnh. Trong kinh viết từ bộ thủy là chẳng phải.

Hà thử: Âm trên là hà, âm dưới từ Cường khái:.. Ngược lại âm trên khương lượng. Ngược lại âm dưới khổ cải. Gọi là tiếng khóc lớn, khái là tiếng than thở, viết đúng khương khái. Trong kinh viết cường khái là sách viết sai, không thành chữ.

Chất ngại:.. Ngược lại âm trên là trác lợi. Cổ Dã Vương cho rằng: chất là bị vấp ngã. Quảng Nhã cho rằng: hư hoại cũng gọi là vấp té ngã nhào. Chữ viết từ bộ túc thanh chất.

KINH ĐẠI AI QUYỂN 3

Cấp cấp: Âm cấp. Sách Lễ Ký cho rằng: cấp cấp nghĩa là giống như có chỗ đuổi theo mà không kịp. Cổ Dã Vương đuổi theo mà không kịp. Cổ Dã Vương cho rằng: chữ cấp cấp giống như chữ cấp cấp này, nghĩa là

tình hình gấp gáp nguy ngập. Sách Thuyết Văn cho rằng: cấp là đi vội vàng, gấp vội. Chữ viết từ bộ xích thanh cấp, hoặc là viết từ bộ nhơn viết thành chữ cấp âm cấp. Sách Khảo Thanh cho rằng: bị trói buộc nơi tâm, hứng thú nơi việc. Trong kinh văn viết từ bộ thủy viết thành chữ cấp này là sách viết sai.

Tham san:.. Ngược lại âm dưới là thiên kiết. Sách Khảo Thanh cho rằng: tham ăn gọi là san.

Hoảng hốt:.. Ngược lại âm trên hoang quảng. Âm dưới là hốt. Trong kinh văn viết từ hoang viết thành chữ hoang này là chẳng phải.

Tích liệt: Âm trên là bách. Lại âm nam mịch. Gọi là vùng tay đắm ngục.

KINH ĐẠI AI QUYỂN 4

Noãn liệt:.. Ngược lại âm trên là nô loạn. Sách Khảo Thanh cho rằng: noãn là khiếp sợ khiếp nhược. Chữ viết từ bộ tâm thanh noãn, hoặc là viết từ bộ viết thành chữ noãn cũng đồng nghĩa. (T427)

Hằng nhơn:.. Ngược lại âm cương đặng. Sách Tập Huấn cho rằng: hằng là quá xa. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: hằng là biến khắp. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mộc viết thành chữ hằng, nghĩa chữ hằng là càng mạnh mẽ Thời nay dùng chữ hằng này, vốn là văn cổ, chữ hằng này theo sách Thuyết Văn cho rằng: trên dưới mỗi mỗi đều là chữ nhất, hằng chữ chỉ ý.

KINH ĐẠI AI QUYÊN 5

Hạo xú: Hai chữ đều đồng. Ngược lại âm hào lão. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: hạo là mặt trời mới mọc sáng. Sách Thuyết Văn cho rằng: mặt trời mới mọc nhô lên, chữ viết từ bộ nhựt thanh cáo, hoặc là viết từ bộ bạch viết thành chữ hạo. Dưới là chữ xú. Sách Khảo Thanh cho rằng: nguyên khí không có màu sắc, không có mùi vị, gọi là ban ngày. Sách Thuyết Văn cho rằng: quay về ngày Đại nhựt. Chữ viết từ bộ đại. Văn cổ viết khừu này. Ngày nay dùng theo gọi là một ngày. Văn thường hay dùng.

Lung lệ:.. Ngược lại âm trên cung đồng. Âm dưới là lệ, theo chữ "lung lệ". Đó là cang cường cứng rồi khó giáo hóa.

Cung khác: Âm trên là chữ cung. Từ bộ tâm thanh cung. Âm dưới chữ khác, ngược lại âm khang các. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: khác là cung kính. Văn cổ viết từ bộ khác viết thành chữ khác cũng là chữ tượng hình, cũng là chữ hội ý.

Trùng nghị:.. Ngược lại âm dưới là nghị ỷ. Hoặc là viết chữ khai. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: khai là con kiến càng, con kiến càng lớn, chữ này không định thể, trước các nhà Nho tùy ý viết, hoặc từ bộ trùng viết thành chữ nghị. Lại cũng viết chữ ngã.

Lân thương:.. Ngược lại âm luyện điền. Sách Tập Huấn cho rằng: lân thương xót. Sách Khảo Thanh cho rằng: ai là đau xót, thương xót.

Văn thường hay dùng viết chữ lân này. Trong kinh văn viết từ bộ mễ viết thành chữ lân này là chẳng phải, sách viết sai, không thành chữ.

KINH ĐẠI AI QUYỂN 6

Phiếm lưu:.. Ngược lại âm trên là phù phạm. Sách Khảo Thanh cho rằng: phiếm phạm. Sách Khảo Thanh cho rằng: phiếm là nổi trên mặt nước, hoặc là viết chữ phiếm. Sách Thuyết Văn cho rằng: phiếm này là bọt bong bóng nước. Chữ viết từ bộ thủy thanh thanh phạt.

Xuy sanh:.. Ngược lại âm thanh kinh. Tên của loại nhạc khí. Ở đời vốn gọi là viện, viết là sanh nghĩa thân giống như phụng hoàng, đúng là âm điệu cung nguyệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: vật sanh cho nên giống loài vật thông suốt được mà sanh, cho nên gọi là sanh, lớn đó là mười chín ống trúc, nhỏ đó là mười ba ống trúc ghép lại. Trong kinh văn viết sanh này là chẳng phải vậy.

Ôn thủ:.. Ngược lại âm ôn muộn. Sách Thuyết Văn cho rằng: ôn là chìm xuống. Chữ viết từ bộ thủ đến bộ ôn thanh tĩnh.

Chiêm đường: Âm trên là chiêm. Tên của loại cây thơm hương thọ. Ở vùng Quảng châu có loại cây này đốt lá có mùi rất thơm.

KINH ĐẠI AI QUYỂN 7

Ngu ngai:.. Ngược lại âm nhai giải. Trong quyển thứ

hai trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Thiên trá:.. Ngược lại âm tri giá. Lửa cháy có tiếng nổ lớn.

Lữ kỳ:.. Ngược lại âm lặc chư. Sách Khảo Thanh cho rằng: sừ là bày tỏ thoải mái, khai mở ra. Sách Vận Thuyên cho rằng: phân tán, chữ viết từ bộ thủ thanh lữ

Đãi đắc: Thái nại. Sách Tập Huấn cho rằng: đãi là đến kịp lúc.

Trong kinh viết chữ đãi này là chẳng phải nghĩa kinh.

KINH ĐẠI AI QUYỀN 8

Bằng các:.. Ngược lại âm trên là bạch manh. Sách Khảo Thanh cho rằng: bằng là quán trọ Sách Thuyết Văn cho rằng chữ viết từ bộ mộc thanh bằng. Kinh văn viết từ bộ bình viết thành chữ bình là chẳng phải.

Cường bá:.. Ngược lại âm ba mạ. Sách Thuyết Văn cho rằng: mặt trăng bắt đầu mọc, tức là ngày rằm ánh sáng mặt trăng tròn đầy tỏa ra. Sách Tập Huấn cho rằng: Người đứng đầu tức là vua. Thống Tự cho rằng: lâu dài. Chữ viết từ bộ nguyệt thanh bá. Văn cổ viết chữ bà này là chẳng phải.

KINH A-SAI-MẠT QUYỀN 1

Huệ Lâm soạn.

A-sai-mạt: Tiếng Phạn. Đây dịch không hết ý, là tên

của vị Bồ tát.

Hạo hạo hạo hạo: Kinh này và kinh trước “Đại Ai Đằng”. Đều là

Tây Tấn Trúc Pháp Hộ dịch. Từ nghĩa lý chất phác vụng về, lời không dịu dàng. Hạo hạo là sách viết trùng lặp đó, nghĩa là vô lượng vô biên không ngăn mé, không thể nghĩ lường sự rộng lớn vô biên.

Quặc liệt:.. Ngược lại âm oanh hiệu. Âm dưới là liệt. Đây cũng là văn thường hay dùng lời còn bàn bạc nghĩa hủy hoại.

Thánh triết:.. Ngược lại âm triển liệt hoặc là viết chữ triết này nghĩa là trí huệ, cũng là chữ cổ

Trích mặc:.. Ngược lại âm đình lịch. Bao quả: Âm quả, từ bộ y thanh quả.

KINH A-SAI-MẠT QUYỂN 2

Đề đột:.. Ngược lại âm đình lễ, hoặc là viết từ bộ ngư viết thành

chữ đề. Ngược lại âm dưới độn nột. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ huyết đến bộ khuyên, chữ hội ý.

Hào soạn:.. Ngược lại âm trên là hiệu giao. Âm dưới là soạn. Văn trước đã giải thích đầy đủ rồi.

Bất tồn cứ:.. Ngược lại âm cự ngư, gọi là cấp tốc nhanh chóng.

KINH A-SAI-MẠT QUYỀN 3

Điền phạt: Ngược lại âm đình gian. Ngược lại âm dưới là phổ bá. Thô cử đô bác: Ngược lại âm trên là thương hồ. Văn thường hay dùng, viết đúng từ ba bộ lộc. Chữ thô cử đó là nói tóm lược. Âm bác. Ngược lại âm bang giác. Quảng Nhã cho rằng: bác là sáng rõ. Trịnh Huyền chú giải sách Khảo Công Ký rằng: bác là thấy, nhìn thấy. Sách

Hán Thư cho rằng: bác là biết một dễ dàng, rõ ràng.

KINH A-SAI-MẠT QUYỀN 4

Ma-ha: Ngược lại âm mặc khả. Sách Tam Thương cho rằng: Ma là nhỏ bé, cũng gọi là rất nhỏ. Gọi là loài côn trùng nhỏ bé. Trong kinh văn có viết thái thái là chẳng phải.

Hung thụ: Văn cổ viết từ bộ đậu viết thành chữ thực. Ngược lại âm thù chủ. Gọi là thằng nhỏ, cũng gọi là người hèn mọn hung tợn.

Chu trương: viết đúng hợp là chữ trù trương: Ngược lại âm trương lưu. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: trù trương là nói dối, lừa dối, đánh lừa, cũng gọi là làm cho mê hoặc. Trong kinh viết chu âm chu là chu nhu tức là người lùn, thấp kém. Lại âm dưới viết trương. Ngược lại âm lạc lương, trương này nghĩa là cuồng điên chẳng phải nghĩa của kinh.

Thản nhiên: Ngược lại âm tha đản. Sách Thuyết Văn cho rằng: thản là an. Quảng Nhã cho rằng: thản là

bằng phẳng. Trong kinh văn viết thảo là chẳng phải.

Quyển luyến:.. Ngược lại âm cư viện. Ngược lại âm dưới là lực quyển. Nghĩa chữ quyển luyến đó là cố nhìn theo không muốn rời xa.

Trong kinh văn viết chữ quện này là chẳng phải.

Phân ra:.. Ngược lại âm phổ hóa. Sách Thuyết Văn cho rằng phân là loại cỏ thơm. Ba là hoa của cây cỏ. Theo Thanh Loại cho rằng: lấy hoa rất nhiều.

Đại du:.. Ngược lại âm dư chu. Sách Phương Ngôn cho rằng: nước Đông Tề gọi là du là gần sát bên, cũng gọi là cứng cõi mạnh mẽ, như thế thuận theo mưu tính.

- *Quyển 5 không có âm để giải thích*

KINH A-SAI-MẠT QUYỂN 6

Nhũ bộ:.. Ngược lại âm bồ mộ. Chỗ gọi là nhai thức ăn trong miệng rồi nhổ ra gọi là bộ. Tức là bú, chữ viết từ bộ khẩu thanh bồ.

Thống dưỡng:.. Ngược lại âm dương chương, hoặc là viết từ bộ trùng viết thành chữ dương tức là bệnh ngứa. Trong kinh văn viết chữ dưỡng này là chẳng phải.

KINH A-SAI-MẠT QUYỂN 7

Dụ thuật:.. Ngược lại âm trên do thủ âm dưới tuần luật. Dụ thuật là lần lần dạy bảo, dẫn dắt, cùng nhau khuyên bảo. Trong kinh văn viết ưu tuất là chẳng phải

nghĩa của kinh.

Thôn lạc: văn thường hay dùng viết chữ lạc này cũng đồng. Ngược lại âm lực các. Quảng Nhã cho rằng: chỗ ở yên ổn, người đông chỗ ở gọi là thôn.

KINH BẢO NỮ SỞ VẤN QUYỀN THƯỢNG

Huệ Lâm soạn.

Hầu lương:.. Ngược lại âm hồ cầu. Sách Khảo Thanh cho rằng: hầu là cơm khô. Trong kinh văn viết từ bộ mễ viết thành chữ hầu, là không thành chữ, chẳng phải nghĩa.

KINH BẢO NỮ SỞ VẤN QUYỀN TRUNG

Thảng tạng:.. Ngược lại âm thang lang. Sách Tập Huấn cho rằng: là cái kho chứa của cải.

KINH BẢO NỮ SỞ VẤN QUYỀN HẠ

Cúc mẫn:.. Ngược lại âm cung lục. Cúc là nuôi dưỡng, thương yêu, dạy bảo, âm mẫn. Ngược lại âm mỹ vẫn, mẫn là thương xót, thống khổ.

Dật dật:.. Ngược lại âm sở lân. Sách Thuyết Văn cho rằng: dật dật là chạy tới chạy lui, cũng gọi là tề chỉnh.

Hoàn siễm. Ngược lại âm hồ gian. Sách Thuyết Văn

cho rằng: nhàn nhã, cũng gọi là yên tịnh. Nay đều viết chữ nhàn này.

KINH VÔ TẬN Ý BỒ-TÁT QUYỂN 1

Huệ Lâm soạn.

Bất thuận:.. Ngược lại âm thủy nhuận, nghĩa là chớp mắt, nháy mắt. Trong kinh văn viết từ bộ huyển đến bộ mục viết thành chữ huyển là chẳng phải.

Liên miên: Âm trên là liên, nghĩa là tương tục không gián đoạn.

KINH VÔ TẬN Ý BỒ-TÁT QUYỂN 2

Tỳ diện:.. Ngược lại âm phổ mẽ. Sách Thuyết Văn cho rằng: bì là nghiêng đầu. Kinh văn viết từ bộ nhơn viết thành chữ tỳ là chẳng phải.

Liệu trích:.. Ngược lại âm liệu điệu, gọi là quăng ném ra xa.

Bất ỷ: Âm y, người xưa dùng chữ quái lạ, đúng với nghĩa của kinh là chuẩn hợp là viết chữ y là nương tựa.

Hải đảo:.. Ngược lại âm đạo lão, sóng lớn trong biển gọi là đảo.

Khứu tương:.. Ngược lại âm hương cứu. (T428) Sách Thuyết Văn cho rằng: Dùng mũi chính là để ngửi gọi là khứu. Trong kinh văn viết từ bộ khẩu viết thành chữ khứu là chẳng phải.

Thấp tương:.. Ngược lại âm thâm nhập. Sách Thuyết

Văn cho rằng: âm u ầm thấp. Chữ viết từ bộ thủy, một gọi là bị che khuất, vùng đất bị che khuất là lại có nước, cho nên ầm ướt. Trong kinh văn viết thấp này là chẳng phải.

- *Quyển 3: không có âm giải thích.*

KINH VÔ TẬN Ý BỒ-TÁT QUYỂN 4

Khuyến đốc: Văn thường hay dùng viết đúng là chữ đốc. Ngược lại âm đông lộc. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: đốc là giám sát, xem xét là đúng. Cũng gọi là nhiếp chánh. Chức quan nhiếp chánh. Sách Phương Ngôn cho rằng: đốc lý, giám sát.

Khuy năn:.. Ngược lại âm trên là quy vi. Sách Thuyết Văn cho rằng: hao tổn khí. Sách Khảo Thanh cho rằng: bị rơi xuống, thương tổn. Ngược lại âm dưới là nô giản. Sách Khảo Thanh cho rằng: năn là đỏ mặt vì hổ thẹn, xấu hổ, mắc cỡ hoặc là viết chữ năn này, chữ hội ý.

Quyển 5, 6: hai quyển văn âm không khác.

KINH TỰ TẠI VƯƠNG BỒ-TÁT QUYỂN THƯỢNG

Huyền Ứng soạn.

Quán giáp:.. Ngược lại âm trên là cổ loạn. Thiên Thương Hiệt cho rằng: quán là xuyên suốt qua. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ vô âm quan. Âm

dưới là giáp. Sách Phương Ngôn cho rằng: xưa gọi là mũi tên nhỏ mà dài. Trong hồ có hai lỗ, đó gọi là áo giáp. Quách Phác chú giải rằng: áo giáp có mũi tên đục làm hai lỗ trống. Chánh Tự xưa nay viết từ bộ kim thanh giáp.

Nhất cục hoa:.. Ngược lại âm cung lục. Sách Thuyết Văn cho rằng: cục là tóm lấy gom lấy. Lại cũng gọi là tay cong lại bung lấy vật, xưa viết chữ cục này hoặc là viết cục, cũng viết chữ cục. Lại cũng viết chữ cửu đều thông dụng.

Khứu giả:.. Ngược lại âm hứa cứu. Sách Thuyết Văn cho rằng: dùng mũi chính là để ngửi gọi là khứu. Chữ viết từ bộ ty thanh xú. Văn cổ viết khứu này. Trong kinh văn viết từ bộ khẩu viết chữ khứu văn thường hay dùng.

- *Quyển hạ – không có chữ có thể giải thích.*

KINH PHẤN TÂN VƯƠNG BỒ-TÁT SỞ VĂN QUYỀN THƯỢNG

Huyền Ứng soạn.

Bồ hách:.. Ngược lại âm hồ giá. Trịnh Huyền chú giải Mao Thi Truyện rằng: gọi là dọa nạt người ở cách xa. Bì Thương cho rằng: đáng mạo giận dữ Sách Phương Ngôn cho rằng: giận nhau, tranh nhau. Chánh Tự xưa nay từ bộ tiết thanh hách, âm hích. Ngược lại âm hồ kích.

Thỉ niệu: Chánh Tự viết từ bộ thi thanh thỉ Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ niệu từ bộ vĩ đến bộ thủy. Văn thường hay dùng viết niệu này, nghĩa là nước tiểu, đi tiểu.

- Quyên hạ – không có chữ để giải thích.



NHẤT THIẾT ÂM NGHĨ KINH

*Đời Đường phiên dịch kinh,
Sa môn Huệ Lâm soạn âm.*

QUYỂN 20

Kinh Âm Bảo Trinh Đà-la-ni – mười quyển – Huệ Lâm
soạn.

Kinh Đại Phương quảng Phật Hoa Nghiêm – sáu mươi
quyển trước

Dịch Kinh – Huyền Ứng.

TỰA KINH BẢO TRINH ĐÀ-LA-NI

Huệ Lâm soạn.

Đê dịch:.. Ngược lại âm trên là để hê. Sách Lễ Ký cho rằng: Người ở Ngũ phương. Lời nói không thông ưa muốn không đồng, để đạt đến lời nói chí muốn ưa thích cho thông, nên phải dịch ra ngôn ngữ cho họ hiểu. Cho nên gọi họ là bộ tộc Đê. Trịnh Huyền chú giải rằng: đều là người thế gian tên của bộ tộc. Dựa theo chủng loại tiếng nói của bộ tộc Nhĩ Đê có thể biết. Quảng Nhã cho rằng: dịch ra tiếng nói ngôn ngữ của bộ tộc Đê. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ cách thanh thị.

Nãi thánh: Âm trên là nãi. Theo Hàn Thi Truyện cho rằng: nãi là lớn. Theo Thanh Loại cho rằng: nãi là đến. Sách Thuyết Văn cho rằng: nãi là văn cổ. Chữ viết từ bộ

xước thanh nãi, nãi văn cổ là chữ nãi này.

Yêm đôn: Ngược lại âm trên là yễm. Sách Thượng Thư cho rằng: là vua che trùm hết tất cả có bốn biển làm thiên hạ. Khổng An Quốc cho rằng: chữ yễm này cũng đồng. Sách Phương Ngôn cho rằng: che giấu, lấy tự mình ẩn nấp mà người phương Đông nói rằng: lấy làm che giấu. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng là giấu kín, chạy trốn. Hoặc là viết chữ yễm này, giải thích nghĩa cũng đồng. Sách Thuyết Văn cho rằng: che giấu. Chữ viết từ bộ thủ thanh yễm, âm yễm đồng với âm trên. Ngược lại âm dưới là đôn khôn. Cổ Dã Vương cho rằng: là doanh xá của quân lữ ở. Sách Thuyết Văn cho rằng: thủ hạ là thủ đôn, chữ viết từ chỉ thanh đôn, âm đôn, ngược lại âm đột luận.

Bát thành: Ngược lại âm hoạch manh. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: hoành là sợi chỉ viền mỗi, cũng gọi là phép tắc kỷ cương. Cổ Dã Vương cho rằng: bát hoành gọi là bát cực. Chánh Tự xưa nay viết từ bộ mịch thanh hoành, âm hoành đồng với âm trên.

Hàn hải: Ngược lại âm trên là hàn can. Theo sách Quát Địa Chí cho rằng: tên của biển nhỏ, ở phía Tây Bắc vùng lưu sa Đại tích, đồng với vùng Tây Bắc La Đột Khuất, hơn trăm dặm đi về phía Nam Trường An năm triệu ba trăm ngàn dặm, Tần Thủy Hoàng xây Vạn Lý Trường Thành. Trong kinh nói đây là biển Đông Nam Hải, phía Tây Trường Hằng, có những kẻ thấp hèn, người ăn xin ở đó, cũng có rất nhiều con sông Tất lãng, sông Kim hà v.v... nước chảy vào phía Bắc Đình, có biển Hàn hải trần thủ. Đây là tên của biển.

Đê phong: Ngược lại âm đê nỉ. Như Thuần chú giải sách Hán Thư rằng: một bên gọi là đê; đê bật lên gọi là phong sách Vi Chiếu cho rằng: chứa nhiều đất đai là phong cho giới hạn. Sách Thuyết Văn cho rằng: là phân chia ranh giới. Chữ viết từ bộ phụ đến bộ thị thanh tĩnh. Dưới là chữ phong. Sách Thuyết Văn cho rằng: đất của chư hầu, công hầu, vương trăm dặm. Chữ viết từ bộ thổ viết thành chữ phong là chữ cổ. Chữ phong ngày nay viết từ trùng lặp hai bộ thổ đến bộ thổ đến bộ phong, âm phong là âm phong.

Long đình: Sách Huyền Trung Ký ghi rằng: ở phía Bắc Kinh có địa danh Chúc Long gọi là Long Đình.

Phụng huyết: Sách Huyền Trung Ký ghi rằng: ở trong biển Nam Hải. Có núi Đan huyết. Chỗ chim phụng hoàng đậu, thuộc đất Như Hải Ô.

Trị chủng: Âm trên là lý. Ngược lại âm dưới là ghi rằng: Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: chủng là gót chân nối tiếp theo. Sách Thuyết Văn cho rằng: chủng là đuổi theo. Một gọi là dáng điệu qua lại, chữ viết từ bộ túc, thanh chủng hoặc là viết từ bộ chỉ viết thành chữ chủng cũng thông dụng.

Huyền hồ: Ngược lại âm hồ cổ. Tên của nước ngày xưa, cùng sau đời nhà Hạ đồng họ, phong cho giữ gìn phò trì bên phải. Nay thuộc kinh đô huyện Triệu Ngạc. Sách Hán Thư cho rằng: khi sáng lập nhà Hạ cũng có cùng với nước Hồ đánh nhau, vùng hoang dã biên giới thuộc tỉnh Ô cam. Nay vẫn còn thấy hang di tích của nước Hồ, Đình cam, gọi là khai sáng là chỗ tiêu diệt. Gọi là con sông phát xuất từ huyện Tang thực, tỉnh Hồ nam

Trung Quốc, chảy vào hồ Động đình. Sách Thuyết Văn giải thích nghĩa cũng đồng, chữ viết từ bộ ấp thanh hộ, hoặc là viết chữ hồ này cũng đồng.

Chuyên hoảng:.. Ngược lại âm trên là chung vô. Sách Khảo Thanh cho rằng: chuyên là bố khắp, khai mở. Chữ chánh thể. Sách Thuyết Văn: tuyên bố khắp chữ viết từ bộ thôn thanh bồ. Ngược lại âm dưới là hồ hoảng. Sách Thuyết Văn cho rằng: hoảng là rộng lớn chữ viết từ bộ cung thanh hoảng âm hoảng là âm hoảng.

Bất đạn:.. Ngược lại âm đạt hàn. Theo sách Vận Anh cho rằng: đạn là kiêng sợ, sợ hãi. Sách Thuyết Văn cho rằng: kiêng kỵ, chữ viết từ bộ tâm thanh đạn.

Ký hồ:.. Ngược lại âm trên là kỳ ký. Sách Khảo Thanh cho rằng: đến cho kịp, hết sức, cuối cùng. sách Thuyết Văn cho rằng: ký là cùng với. Chữ viết từ bộ tả thanh ký. Trong kinh văn viết từ bộ thủy, viết thành chữ ký nghĩa là nước mờ hôi chảy ra, chẳng phải nghĩa của kinh. Viên mậu:.. Ngược lại âm trên là viễn nguyên. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: viên là từ đối với, là, rồi, thì. Sách Thuyết Văn cho rằng: viên là dẫn dắt. Chữ viết từ bộ viên thanh vu, âm viên, ngược lại âm phi viễn. Âm dưới là mộ, Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: mậu là gắng sức. Sách Thuyết Văn cho rằng: mậu là nhiều phong phú.

Chữ viết từ bộ tâm thanh mậu, âm mậu đồng với âm trên, hoặc là viết từ bộ thảo viết thành chữ mậu, giải thích dùng cũng đồng nghĩa.

Suru dương:.. Ngược lại âm trên là tương lưu. Đỗ Dự chú Tả Truyện rằng: suru là tìm kiếm ẩn náu. Sách Luận

ngữ cho rằng: người ấy không biết ở đâu mà tìm kiếm. Khổng An Quốc chú giải rằng: suu là ẩn trốn. Sách Phương Ngôn cho rằng: tìm cầu, chính là ở trong nhà mà còn tìm cầu ở đâu gọi là suu. Tục Thư cho rằng: tìm kiếm. Sách Thuyết Văn cho rằng: có quá nhiều ý, chữ viết từ bộ thủ thanh suu. Cũng viết chữ suu. Suu ngược lại âm tạng câu. Nay văn thường hay dùng, phần nhiều viết từ bộ cửu viết thành chữ suu. Nay theo lệ sách viết biến thể chẳng phải chánh thể. Ngược lại âm dưới là dưỡng chương. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: dương là đưa lên, nhắc lên. Trịnh Tiên chú giải Mao Thi Truyện rằng: nước bắn lên. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: khoát lên mình. Sách Thuyết Văn cho rằng: bay lên. Chữ viết từ bộ thủ thanh dương. Chữ dương từ bộ tả đến bộ vật âm đường đồng với âm trên. Trong kinh văn viết từ bộ phộc viết thành chữ dương chữ cổ, âm phộc. Ngược lại âm phổ bốc, nay văn viết tỉnh lược.

KINH BẢO TRINH ĐÀ-LA-NI QUYỂN 1

Di duyệt:.. Ngược lại âm trên là dĩ chi. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: di duyệt là vui vẻ vừa lòng. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: di là vui vẻ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ tâm thanh di. Ngược lại âm dưới là duyên quyết.

Lệ thanh:.. Ngược lại âm lực trệ. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: lệ là mạnh mẽ. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: lệ là mạnh mẽ dữ dội. Sách Nhĩ Nhã cho

rằng: lệ là làm, khích lệ. Quảng Nhã cho rằng: chữ viết từ bộ hán thanh vạn âm hán là âm hản. Kinh văn viết từ bộ nghiêm viết thành chữ lệ, là chẳng phải vậy.

Tuần hiểm:.. Ngược lại âm trên là tuần tuấn. Khổng An Quốc của giải sách Thượng Thư rằng: tuần là núi cao lớn. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: tuần là núi dài. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ tuần là viết tuần cho rằng: núi cao hiểm trở, chữ viết bộ sơn thanh tuấn. Sách Thượng Thư viết chữ tuần này, cũng viết chữ tuần này cũng viết chữ tuần. Nay trong kinh văn viết chữ tuần này. Chánh Tự xưa nay cho rằng: chữ tuần này, nhưng vì viết lược bớt. Âm tuần, ngược lại âm thất tuần. Ngược lại âm dưới là hiệp nghiêm. Sách Chu Dịch cho rằng: vùng đất có núi sông hiểm trở đồi núi chập chùng. Cổ Dã Vương cho rằng: hiểm cũng giống như là trở. Nghĩa ngăn chướng ngại. Sách Thuyết Văn cho rằng: hiểm là khó khăn chữ viết từ bộ phụ thanh hiểm. Trong kinh viết bộ sơn viết thành chữ hiểm này là chẳng phải.

Xuyên khuyết:.. Ngược lại âm khuyển duyệt. Thiên Thương Hiệt cho rằng: khuyết là hao tổn, có chỗ hở, khe hở. Sách Thuyết Văn cho rằng: khuyết là đồ đựng bị vỡ. Chữ viết từ bộ phữ thanh quyết cũng viết chữ khuyết này.

Thông duệ:.. Ngược lại âm quan huệ. Đã giải thích nghĩa trong kinh Kim Quang Minh tối thắng vương. Quyền thứ sáu đã giải đầy đủ rồi.

Vấn tán:.. Ngược lại âm tân tán. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: tán là hỏi thăm tin tức. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: dùng cánh chim để bay đến

lấy tin tức. Lưu Bệ cho rằng: hỏi thăm thành thật gọi là tấn. Sách Thuyết Văn cho rằng: hỏi thăm. Chữ viết từ bộ ngôn thanh tấn.

Ngạo mạn nai:.. Ngược lại âm trên ngao cáo. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: ngạo mạn là không thân thiện. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: ngạo là không cung kính. Quảng Nhã cho rằng:

ngạo mạn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết bộ nhơn thanh ngao. Trong bốn kinh viết từ bộ tâm viết thành chữ ngạo là sai lầm ở trong. Ngược lại âm biến biện. Cố Dã Vương cho rằng: mạn là khác hơn khinh thường. Sách Thuyết Văn cho rằng: mạn là tính tình không sợ. Chữ viết từ bộ tâm thanh mạn, âm mạn là âm vạn. Ngược lại âm dưới là nãi đại. Cố Dã Vương cho rằng: nãi cũng giống như có thể có khả năng. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ nãi là chữ cổ, viết từ bộ sam đến bộ nhi. Lại gọi là hoặc viết từ bộ thốn viết thành chữ nãi, cho rằng các pháp đều nhấn nãi chịu đựng có thể vượt qua, cho nên viết từ bộ thốn.

Mặc nhiên:.. Ngược lại âm mang bắc. Cố Dã Vương cho rằng: mặc là không nói ra. Sách Ung Chiêu cho rằng: mặc mặc là buồn buồn bất đắc chí. Chí không toại ý, không vừa lòng. Chánh Tự xưa nay viết từ bộ khẩu thanh mặc, cũng viết chữ mặc này. Sách Khảo Thanh cho rằng: viết chữ mặc này, nghĩa là mặc mặc nghĩa là chí không toại, hoặc là viết chữ mặc này nghĩa cũng đồng.

Kỹ nữ:.. Ngược lại âm ký ỹ. Thiên Thương Hiệt cho rằng: kỹ là người phụ nữ đẹp. Sách Khảo Thanh cho rằng: người phụ nữ đi làm trò vui. Sách Thuyết Văn cho rằng:

chữ viết từ bộ nữ thanh kỹ. Văn sau giải thích kỹ là vui v.v... đều đồng.

Hý lạc:.. Ngược lại âm hy ý. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: hý là nhàn nhã vui vẻ đi du hý. Quảng Nhã cho rằng: hý là vui vẻ hả hê, thí cho. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ qua thanh hý. Âm hý là âm hy. Ngược lại âm dưới là âm lang các.

Đảm trong đảm:.. Ngược lại âm trên là thiêm lam. Quảng Nhã cho rằng: đảm là gánh vác. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh đảm. Dưới là chữ đảm khứ thanh, cũng từ bộ thủ âm đảm là âm chiêm.

Huyền thuật:.. Ngược lại âm trên là hoàn mạn. Ngược lại âm dưới là thần luật. Sách Trang Tử cho rằng: thần luật. Sách Trang Tử cho rằng: trong tâm thuật ra hình tướng. Trịnh Huyền cho rằng: thuật giống như nghệ, tức là nghệ thuật. Theo Hàn Thi Truyện cho rằng: thuật là phương pháp. Sách Thuyết Văn cho rằng: con đường trong thôn ấp. Chữ viết từ bộ hành thanh thuật, âm thuật ngược lại âm trình luật.

Thụy ứng:.. Ngược lại âm trên là thùy loại. Cổ Dã Vương cho rằng: là vua có nhiều đức nên cảm ứng đến càn khôn lấy đức tin cảm ứng đến trời đất. Thiên Thương Hiệt cho rằng: thụy ứng là điềm tốt lành. Sách Thuyết Văn cho rằng: thụy là lấy ngọc làm tin, chữ viết từ bộ ngọc thanh đoan, âm đoan là âm đoan. (T429)

Tỳ lam:.. Ngược lại âm lăm hàm, tiếng Phạn. Gió thổi mãnh liệt, gió lớn.

Bạc vũ:.. Ngược lại âm bồ mao. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: gió thổi mây tụ lại thành ra mưa như

thác nước đổ. Sách Thuyết Văn cho rằng: mưa quá mau chữ viết từ bộ thủy thanh bộc. Bồn kinh viết bạo, nghĩa khơi phô là bạo.

Qua sàm:.. Ngược lại âm trên là trúc qua. Tự Thư cho rằng: qua là đánh gỗ. Theo Thanh Loại cho rằng: vật va nhau, chạm, đâm vào đánh nhau. Ngụy Chí cho rằng: chặt đốn gãy chân của người. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ trúc viết thành chữ trúc cho rằng: tận là hết vậy. Ngược lại âm dưới là sĩ hàm. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: khắc vào bắp chân, da cơ bắp, vết thương ngoài da bị chảy máu. Bì Thương cho rằng: cây kim loại châm vào đầu. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây quá nhọn bén, chữ viết từ bộ kim thanh sàm. Âm sàm đồng với âm trên.

Nguyệt sam:.. Ngược lại âm sam tạc. Chánh Tự xưa nay cho rằng: sam là cái phẳng có lưỡi lớn. Chữ viết từ bộ kim thanh tam, âm sam là âm sam.

Khúc liêu:.. Ngược lại âm liêu túc. Quảng Nhã cho rằng: liêu nhận lấy sắp xếp chỉnh lý. Theo nghĩa kinh, chữ khúc liêu hợp nghĩa dụng cụ khiêu chiến, chẳng phải nghĩa thủ lý. Kiểm lại các chữ trong sách đều đồng đều cùng với nghĩa trong kinh ý nghĩa quái lạ. Gọi đây là loại binh khí ngày xưa giống như cây gươm, cây kích, tợ như cây mâu mà lưỡi cong lại như cây thương vậy.

Đoản sóc:.. Ngược lại âm song tróc. Quảng Nhã cho rằng: sóc là cây giáo dài. Sách Thuyết Văn cho rằng: Chữ viết từ bộ mâu thanh tiêu. Bồn kinh viết từ bộ một viết thành chữ sóc là tên của loại cây, chẳng phải loại binh khí văn sau quyển thứ tư, giải thích trong bộ cũng

đồng.

Ế ám:.. Ngược lại âm trên là. Quảng Nhã cho rằng: ế là bị chướng ngại che lấp. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ vũ đến bộ y âm ế đồng với âm trên.

KINH BẢO TRINH ĐÀ-LA-NI QUYỂN 2

Vô khan:.. Ngược lại âm lạc nhàn. Bì Thương cho rằng: khan là

chọn lọc. Chánh Tự xưa nay nghĩa cũng đồng: là yêu tiếc tài của, khó mà cho ra, gọi là keo kiệt, bòn xén. Chữ viết từ bộ cách thanh khan. Bồn kinh viết từ bộ tâm viết thành chữ khan là văn thường hay dùng, âm khan cũng đồng âm lân là âm lận.

Phân tề:.. Ngược lại âm trên là phản vắn. Cổ Dã Vương cho rằng: phân cũng giống như là giới hạn. Sách Thuyết Văn cho rằng: phân biệt. Chữ viết từ bộ bát đến bộ đao. Ngược lại âm dưới là tề cương. Tự Thư cho rằng: tề là phân đoạn ra. Chánh Tự xưa nay viết từ bộ đao thanh tề. Bồn kinh viết tề là hòa điệu bằng nhau vậy.

Tịch tịnh:.. Ngược lại âm trên là tình lịch. Sách Phương Ngôn cho rằng: tịch là an tĩnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: tịch là chỗ không có tiếng người. Chữ viết từ bộ miên thanh lịch. Âm miên là âm miên. Âm tịch là âm tịch. Trong kinh văn viết chữ tịch là văn thông dụng cũng viết chữ tịch này.

Tân phân:.. Ngược lại âm trên là thất tân. Ngược lại âm dưới là phù vắn, chữ và nghĩa. Phần hai bên của chữ

Hán đều đã giải thích nơi kinh Kim Quang Minh Tối Thắng Vương. Quyển thứ bảy.

Tỷ Ân: Ngược lại âm trên là tư thủ. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: tỷ là ân. Ứng Chiếu chú giải sách Hán Thư rằng: tỷ là ngọc làm tin. Sách Tể Ung Độc đoán cho rằng: ân của vua, lấy ngọc thời xưa tự làm tôn ty. Vua Tần Thủy Hoàng về sau giữ lại riêng cho vua. Sách Thuyết Văn cho rằng: chỉ có vua dùng ấn này. Chữ viết từ bộ thổ thanh nhĩ. Nay truyền thừa viết từ bộ ngọc viết thành chữ tỷ. Ngược lại âm dưới là nhân tấn. Thiên Thương Hiệt cho rằng: ấn chương. Sách Hán Thư cho rằng: các vua chư hầu dùng ấn hoàng kim. Sách Thuyết Văn cho rằng: ấn là người giữ quyền chấp chính, chỗ giữ làm tin, chữ viết từ bộ trảo đến bộ tiết âm tiết là âm tiết.

Đấu tranh: Ngược lại âm trên là đấu đậu. Thiên Thương Hiệt cho rằng: tranh đấu đó là binh tướng chiến đấu công kích. Sách Luận ngữ cho rằng: khí huyết căng cứng mới ngăn được tranh đấu. Sách Thuyết Văn cho rằng: đấu là hai bên gặp nhau. Chữ viết từ bộ đấu đến bộ đoạn thanh đoạn. Cũng viết từ bộ đấu đến đậu viết thành chữ đấu, âm đấu đồng với âm trên, âm đoạn là âm trắc.

Mẫu chỉ: Ngược lại âm trên là mâu hậu. Thiên Thương Hiệt cho rằng: mẫu là vị tướng dùng ngón tay để ra lệnh. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: mẫu là ngón tay cái lớn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh mẫu. Bốn kinh viết từ bộ mộc viết thành chữ mẫu là chẳng phải.

Đào thoán: Ngược lại âm xâm loạn. Cổ Dã Vương cho rằng: Thoán cũng giống như chữ đào. Quảng Nhã

cho rằng: thoán là che giấu. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: thoán là che đậy. Sách Thuyết Văn cho rằng: thoán là ẩn nấp. Chữ viết từ bộ thử ở trong bộ huyết âm tích ngược lại âm thô loan.

Manh minh:.. Ngược lại âm trên là mạch canh. Sách Thuyết Văn cho rằng: con mắt không có con ngươi. Chữ viết từ bộ mục đến bộ manh manh cũng là thanh. Ngược lại âm dưới là mạch bình. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: minh là mờ tối. Sách Thuyết Văn cho rằng: minh là u tối. Chữ viết từ bộ nhựt đến bộ lục âm mạch. Thanh hậu.

KINH BẢO TRINH ĐÀ-LA-NI QUYỂN 3

Áp hận:.. Ngược lại âm cấp. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Uất hận nên trên mặt lộ vẻ buồn rầu. Thiên Thương Hiệt giải thích rằng: áp là đáng điệu buồn buồn không thoải mái. Sách Thuyết Văn cho rằng: áp là không an, chữ viết từ bộ tâm thanh áp. Ngược lại âm dưới là ngân cần. Thiên Thương Hiệt cho rằng: hận là oán. Cổ Dã Vương cho rằng: Ý không sáng khoái gọi là hận, chữ viết từ bộ tâm thanh cần.

Âm tế:.. Ngược lại âm ty duệ. Đã giải thích đầy đủ rồi trong kinh Kim Quang Minh Tội Thắng Vương. Trong kinh vốn viết chữ tế này là chẳng phải.

San-nhĩ-nhi-ca: âm nhĩ là âm nĩ-dĩ, âm nhị ngược lại âm di-tỳ, tiếng Phạn. Tên của cõi trời.

Tần thích:.. Ngược lại âm trên tần tân. Cổ Dã Vương

cho rằng: Tần thích là cau mày nhăn nhó buồn rầu không vui. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ty thanh tần. Bốn kinh viết từ bộ khẩu viết thành chữ tần đó là chẳng phải. Ngược lại âm dưới là tửu dục. Sách Phương Ngôn cho rằng: tiếng thở than, then thùng, hổ then. Sách Bát Nhã cho rằng: xấu hổ. Chánh Tự xưa nay viết từ bộ khẩu thanh thích, cũng viết chữ thích lô. Nghĩa là bày ra, lộ ra. Trong bốn kinh viết từ bộ nhơn viết thành chữ thích này là chẳng phải.

Nhu âm:.. Ngược lại âm như chu. Mao Thi Truyện cho rằng: áo da cừ non mềm mại nhu nhuyễn gọi là nhu, cũng gọi là thấm ướt, trơn

mịn, theo chuẩn nghĩa của hợp hợp là viết từ bộ nhơn viết thành chữ nhu này. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhu là mềm mại, viết từ bộ nhơn âm nhu nhược âm tu.

Đao thẳng:.. Ngược lại âm thương loạn, văn thường hay dùng và sách Quảng Nhã cho rằng: gọi là ném. Tự Thư cho rằng: ném cây giáo ra xa. Chánh Tự xưa nay viết từ bộ mâu thanh tán, cũng viết chữ tán. Bốn kinh viết từ bộ thủ đến bộ tán cũng viết thẳng này là chẳng phải.

Tức toái:.. Ngược lại âm tô hội. Quảng Nhã cho rằng: toái là đập vỡ vụn ra hư hoại, rời rạc tán vụn. Sách Thuyết Văn cho rằng: toái là cháo nhừ, chữ viết từ bộ thạch thanh túy.

Hoàn giáp: Âm trên là hoạn. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: hoàn là xuyên suốt qua. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: hoàn là áo giáp. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ đến chữ hoàn thanh tĩnh.

Phân phúc:.. Ngược lại âm dưới là bằng mục. Theo Hàn Thi truyện cho rằng: mùi thơm, âm nghĩa giải thích quyền thứ mười bảy đã giải thích rồi.

Lôi bao:.. Ngược lại âm lung giác. Bạch Hồ Thông cho rằng: nói là bạo tức là mưa đá. Hợp khí âm chuyên tinh kết đọng lại hợp làm ra mưa đá. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: khí dương làm mưa, khí âm khởi lên áp bức làm ngưng đọng lại mà làm ra mưa đá. Sách Thuyết Văn cho rằng: bạo là mưa đá, chữ viết từ bộ vũ thanh bao.

Nhất trích:.. Ngược lại âm đình lịch. Cố Dã Vương cho rằng: trích là giọt nước nhỏ xuống. Sách Thuyết Văn cho rằng: búng giọt nước bắn ra, chữ viết từ bộ thủy trích. Bốn kinh viết chữ trích là sai lầm.

Bào viêm:.. Ngược lại âm trên là phổ bao. Quảng Nhã cho rằng: bào là nước chảy. Sách Thuyết Văn cho rằng: tên nước. Theo trong kinh văn viết huyển bào viêm, tức là loại bong bóng nổi trên mặt mưa mà sinh ra, khi gặp gió thì diệt mất, văn thường hay dùng gọi là bong bóng nước, nói là tánh động vô thường, giả huyển như bọt nước, con người sống ở trên đời có sanh tức phải có diệt, không thể chắc chắn lâu dài giống như loại bong bóng, bọt nước này vậy. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh bao. Chữ dưới là viêm là khen ngợi cùng với chữ diễm cũng đồng.

Trữ lượng:.. Ngược lại âm trên là điều liễu. Sách Thuyết Văn cho rằng: Trữ là khuỷu tay. Chữ viết từ bộ nhục đến bộ thốn. Thốn nghĩa là tác tay tác miệng, âm dưới là lượng.

Hội thị:.. Ngược lại âm trên là hoài nội. Sách Thuyết Văn cho rằng: hội là rối loạn. Chữ viết từ bộ tâm thanh hội. Ngược lại âm dưới là minh hiệu. Tự Thư cho rằng: thị cũng là tạp loạn. Văn Tự Điển cho rằng: hỗn tạp, lo buồn, không yên tĩnh là người ở chỗ gần chợ, chữ hội ý. Trong bốn kinh viết chữ bính là chẳng phải.

Tường điệp:.. Ngược lại âm trên là tương dương. Ngược lại âm dưới là điềm điệp. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: người con gái đứng bên vách tường. Sách Thuyết Văn cho rằng: người con gái dựa trên vách tường thành. Chữ viết từ bộ thổ thanh điệp, âm viên ngược là âm viên.

Lâu lỗ:.. Ngược lại âm dưới là lô cổ. Giải thích tên gọi là lỗ, tức là lộ ra ngoài. Trên nóc nhà không che nên lộ ra ngoài. Cho nên run sợ chống đỡ. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây thuần dùng để chống đỡ binh khí ngày xưa. Chữ viết từ bộ mộc thanh lỗ, cũng viết chữ lỗ này đồng nghĩa.

Dục trích:.. Ngược lại âm tương cách. Thiên Thương Hiệt cho rằng: trích là nắm lấy giữ lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: trích là hái quả trên cây xuống. Nghĩa thật một gọi là dùng ngón tay bới móc chỉ gần. Chữ viết từ bộ thủ thanh trích. Trong kinh văn viết chữ trích này, cũng viết chữ trích, ngược lại âm trình kích.

Cao khốc:.. Ngược lại âm trên là hiệu cao. Sách Thuyết Văn cho rằng: cao là tiếng gầm rống, tiếng tru. Chữ viết từ bộ thanh cao chữ cao, từ chữ bạch thanh phong âm phong là âm tao. Trong bốn kinh viết cao này là văn thường hay dùng.

Bi áo:.. Ngược lại âm ô lão. Sách Khảo Thanh cho rằng: áo là buồn rầu thông khổ, oán hận. Đã giải thích kinh Kim Quang kinh Tối Thắng Vương rồi.

KINH BẢO TRINH ĐÀ-LA-NI QUYỂN 4

Chiến lật: ngược lại âm lân thất Quách Phác cho rằng: chiến lật là lo buồn. Sách Thượng Thư cho rằng: lo sợ nguy hiểm. Sách Trang Tử cho rằng: Chấn động run rẩy. Văn Tự Điển cho rằng: chữ viết từ bộ tâm thanh lật.

Hủy Tử:.. Ngược lại âm tứ thử. Hàn Thi truyện cho rằng: tử là đáng mạo không thiện. Quách Phác cho rằng: lãng nhục người hiền, thay thế

kẻ gian, trộm cướp đốt cháy hừng hực. Các chữ trong sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ huyền viết thành chữ tử, nghĩa cũng đồng chữ huyền là âm huyền. Bốn kinh viết từ bộ khẩu viết thành chữ tử, văn thông dụng thường hay dùng.

Nguyện thính:.. Ngược lại âm thể kinh. Không An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: thính là nghe giám sát phải, trái. Sách Thuyết Văn cho rằng: nghe lời dạy bảo. Chữ viết từ bộ đức, bộ nhĩ thanh nhậm, chữ là chữ đức xưa, âm nhậm là âm nguyện.

Tích cùng:.. Ngược lại âm trên là tỳ diệc. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: tích là vỡ tim. Quách Phác cho rằng: tích là đám ngực. Hiếu Kinh cho rằng: đám ngực khóc than nước mắt chứa đầy cả thùng. Chánh Tự xưa nay cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh tích. Bốn kinh viết

từ bộ túc viết thành chữ tích này là sai lầm. Ngược lại âm dưới là dung chủng. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: đồ đựng chứa gọi là dũng. Giống như mộ của Nho Tử. Cổ Dã Vương cho rằng: dũng là đôn chơn té ngã nhào xuống đất. Sách Thuyết Văn cho rằng: dũng là nhảy vọt lên, chữ viết từ bộ túc thanh dũng âm đồng với âm trên. Đồ đựng chứa, cũng gọi là từ bộ túc xưa, viết cũng thông dụng.

Sô-ma:.. Ngược lại âm sở câu, tiếng Phạn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ Khảo Thanh xô. Bồn kinh viết chữ sô này là văn thường hay dùng.

Tăng thái:.. Ngược lại âm trên là tường dăng. Sách Thuyết Văn cho rằng: là mảnh lụa thừa màu trắng. Chữ viết từ bộ mịch thanh tăng. Ngược lại âm dưới là thương tể. Sách Thượng Thư cho rằng: lấy năm màu sắc bóng láng hòa trộn với năm màu dẹt thành mảnh lụa. Sách Khảo Công Ký ghi rằng: năm màu hòa trộn gọi thái. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mịch thanh thái.

Y dược:.. Ngược lại âm trên là ỷ kỳ. Sách Thuyết Văn cho rằng: y là người thầy thuốc trị bệnh, chữ viết từ bộ dậu thanh y, hoặc là viết từ bộ vu viết thành chữ y cũng thông dụng, văn thường hay dùng âm y là âm y này.

Ỗ cốc:.. Ngược lại âm trên là khi ỷ. Sách Thuyết Văn cho rằng: ỷ là tấm vải lụa có vân, có sọc. Chữ viết từ bộ mịch thanh ký. Ngược lại âm dưới là hồng lộc. Sách Chiến Quốc sách ghi rằng: lo sợ mất nước, yêu quý hơn dân không giống như yêu tiếc mảnh lụa. Sách Thuyết Văn cho rằng: dùng sợi dây buộc chặt rồi đem nhuộm

xong mở ra là mảnh lụa có vân có sọc. Chữ viết từ bộ mượn thanh cổ. Ngược lại âm không giác âm phước, ngược lại âm trang quyền.

Nhĩ đang: Âm dưới là đang. Bì Thương cho rằng: đang là lỗ tai đầy đủ. Giải thích tên gọi là xỏ xuyên qua tai cho hạt châu vào gọi là đang, gọi là vật báu trang sức nơi tai gọi là khuyên tai. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ngọc thanh đang.

Hoàn xuyên:.. Ngược lại âm trên là hoạt loan. Trịnh Huyền chú giải sách Đồng Lễ rằng: Hoàn là cái vòng tròn. Quảng Nhã cho rằng: đoàn thể. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ngọc đến chữ hoàn, thanh tĩnh. Ngược lại âm dưới là xuyên luyến. Sách Vận Anh cho rằng: xuyên là cái vòng đeo tay. Tục truyền sách Hán Thư ghi rằng: Tôn Trình Đẳng lập Thuận làm vua, vua mới ban tặng cho Trình Đẳng xe, ngựa, vàng, xuyên vậy. Chánh Tự xưa nay viết từ bộ kim thanh xuyên. Bồn kinh viết từ bộ ngọc viết thành chữ xuyên này là sai.

Bồ hoạch:.. Ngược lại âm hồ cổ. Sách Khảo Thanh cho rằng: bồ hạch là ban rải ra rất nhiều. Sách Thuyết Văn cho rằng: nước chảy từ mái nhà xuống. Chữ viết từ bộ thủy thanh hoạch, âm hoạch ngược lại âm ô nhược.

Lăng nghiêm:.. Ngược lại âm trên là lạc hăng, tiếng Phạn. Đường Huyền Trang cho rằng: rất sâu xa.

Hữu yễm:.. Ngược lại âm y diễm, tục tự dùng sai chữ. Chữ viết đúng thể từ bộ hắc viết thành chữ yễm. Sách Tập Huấn cho rằng: phàm nốt ruồi đen đỏ có màu sắc như hạt châu, có màu đỏ đỏ trên là có tướng phước đức kiết tường. Có màu đen đỏ là tướng thấp hèn chỗ che

giấu trong áo thì tốt hiển lộ hoặc là không tốt.

Quyền hạ:.. Ngược lại âm quỳ viên. Chẳng phải bốn chữ dùng sai. Chữ đúng thể từ bộ hiệt, viết thành chữ quyền. Sách Khảo Thanh cho rằng: quyền trên mặt xương gò má, dưới con mắt, phía trước tai vậy. Chánh Tự xưa nay cho rằng: quyền là xương gò má, chữ viết từ bộ hiệt thanh quyền âm quyền là âm quỳ cũng đều tên khác của âm quyền vậy. (T430)

Hữu tỳ:.. Ngược lại âm tự từ. Lưu Hoàn cho rằng: viên ngọc có tỳ vết nhỏ. Sách Thuyết Văn cho rằng: tỳ bệnh tật nhỏ. Chữ viết từ bộ tật thanh thử âm tật. Ngược lại âm nữ cách. Văn sau giải thích nốt ruồi đen trên mặt v.v... chữ cũng đồng nghĩa.

Chủy tinh:.. Ngược lại âm trên là túy duy. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: cái mỏ con chim non. Cũng gọi là doanh thất đông bích. Quách Phác cho rằng: doanh thất và đông bích là bốn chòm sao giống như mỏ con chim non. Bởi vậy cho rằng cái tên. Chánh Tự xưa nay cho rằng: chữ viết từ bộ giác thanh thử.

Nhất trách thủ:.. Ngược lại âm trang cách. Quảng Nhã cho rằng: trách là trương ra, mở ra. Chánh Tự xưa nay cho rằng: chữ viết từ bộ thạch thanh trách. Bốn kinh viết từ bộ túc viết thành chữ trách này là chẳng phải.

Tiểu vu:.. Ngược lại âm hữu cầu. Bì Thương cho rằng: vu là bệnh trên da kết lại giống như là nốt ruồi. Sách Trang Tử cho rằng: gân trên mặt thịt dư thừa. Trong kinh Sơn Hải cho rằng: các thú trợ giúp có loại cá hoạt có thể ăn được gọi là vu, hoặc là viết ưu. Nay văn thường hay dùng gọi là hàu. Sách Thuyết Văn cho rằng:

viết chữ vuu gọi là thịt dư thừa. Chữ viết từ bộ nhục thanh vuu. Cũng viết từ bộ tật viết thành chữ vuu này. Trong bốn kinh viết vuu này là chẳng phải.

Khoả dĩ hạ:.. Ngược lại âm trên là khoa hóa. Sách Thuyết Văn cho rằng: khoá là xương đùi trên, chữ viết từ bộ cốt thanh quả. Bốn kinh viết từ túc viết thành chữ khoa này nghĩa là chân bước qua nhảy vượt qua. Chẳng phải nghĩa chữ khoá là xương đùi, âm bể. Ngược lại âm tỳ mẽ. Âm thuyên ngược lại âm tiết hoa, hoặc là viết chữ khoá này.

Thệ sắc trá:.. Ngược lại âm chiết giá. Tiếng Phạn. Tên của ngôi sao. Đường Huyền Trang gọi là sao tâm tinh.

Bể nội:.. Ngược lại âm trên là chước mẽ. Sách Lễ Ký cho rằng: Ở dưới không có ép xương đùi. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ bể gọi là đùi ngoài chữ viết từ bộ cốt thanh tỳ. Bốn kinh viết chữ bể văn thường hay dùng, âm bể ngược lại âm bệ mê.

Đoan thượng:.. Ngược lại âm là đoan nhuyển. Sách Thuyết Văn cho rằng: đoan là bắp chân, ruột già. Chữ viết từ bộ nhục thanh đoan. Bốn kinh viết từ bộ tỳ viết thành chữ tỳ này chẳng phải, hoặc là viết đoan thì cũng thông âm đoan là âm đoan.

A-thấp-tỳ-nhị:.. Ngược lại âm trên là thi thập. Ngược lại âm dưới là ni thực, tiếng Phạn.

Ngư miết:.. Ngược lại âm tiên diệt. Sách Chu Lễ cho rằng: miết là con ba ba xương ngoài mà thịt bên trong. Sách Lã Thị Xuân Thu cho rằng: con ba ba nó tròn mà có sáu ngón chân có hạt châu. Sách Thuyết Văn cho rằng:

con ba ba ăn loại côn trùng, hoặc là ăn cá, sống vùng nước cạn. Chữ viết từ bộ mãnh thanh miết. Sách Tự Thư viết chữ miết này. Bốn kinh viết từ bộ ngư viết thành chữ miết này. Bốn kinh viết từ bộ ngư viết thành chữ miết, cũng là văn thường hay dùng âm tẹ là âm tẹ am mãnh, ngược lại âm manh cảnh.

Lưu phiêu:.. Ngược lại âm thất diêu. Cổ Dã Vương cho rằng: phiêu cũng giống như lưu. Sách Thuyết Văn viết chữ phiêu, nghĩa là nổi trên

mặt nước. Chữ viết từ bộ phiêu viết thành chữ phiêu này là chẳng phải.

Khô hạc: Âm hạc, nghĩa đã giải thích. Trong kinh Kim Quang Minh Tối Thắng Vương phẩm trường lưu thủy.

KINH BẢO TRINH ĐÀ-LA-NI QUYỂN 5

Môn quắc:.. Ngược lại âm vu hức. Khổng An Quốc chú giải Quốc ngữ rằng: quắc là giới hạn của ngưỡng cửa. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ môn thanh hoặc.

Mạc-hồ-luật-đa: Âm trên là mộ, âm giữa là hồ cố. Tiếng Phạn gọi là phân thời gian.

Hoặc thụ:.. Ngược lại âm thù nhũ. Cổ Dã Vương cho rằng: chữ thụ viết đúng là từ bộ dậu. Sách Thuyết Văn cho rằng: thụ là đứng thẳng, chữ viết bộ khan thanh dậu. Bốn kinh viết từ bộ lập, viết thành chữ thụ, văn thường hay dùng, âm khan ngược lại âm khẩu gian.

Sái nhuận:.. Ngược lại âm trên là thúc hạ. Sách Sở Từ cho rằng: phui sạch bụi phơi cho khô nước mưa. Sách Khảo Thanh cho rằng: phơi khô rãi nước. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ sái cũng giống như can. Nghĩa là phơi hong cho khô, chữ viết từ bộ thủy thanh lệ, âm tán là âm tín.

Văn trụ:.. Ngược lại âm trên là văn. Theo Thanh Loại cho rằng: văn là lôi kéo dẫn dắt. Sách Thuyết Văn cho rằng: văn là kéo chiếc xe. Chữ viết từ bộ xa thanh văn. Bốn kinh viết từ bộ thủ viết thành chữ văn cũng thông dụng. Văn sau giải thích chữ văn động đều đồng như đây giải thích.

Cầu khanh:.. Ngược lại âm trên cầu hậu. Sách Khảo Công Lý cho rằng: giữa cái giếng rộng bốn thước, sâu bốn thước, gọi là cầu. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: thửa ruộng mười phu hai lân có cái rãnh nước, chỗ làm cho thông ra sông. Sách Thuyết Văn cho rằng: rãnh nước làm thông ra. Chữ viết từ bộ thủy thanh cầu. Bốn kinh viết từ bộ thổ viết thành chữ cầu là chẳng phải âm cầu cũng đồng. Ngược lại âm dưới là khách canh. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: khanh là cái hầm lớn. Thiên Thương Hiệt cho rằng: khanh là cái hang, bị rơi vào trong cái hang. Chánh Tự xưa nay viết từ bộ phu thanh khanh. Bốn kinh viết từ bộ

thổ viết thành chữ khanh, cũng thông dụng, âm khanh là âm khanh.

Bạo lưu:.. Ngược lại âm trên là bao báo. Sách Khảo Thanh cho rằng: bạo là đột nhiên mưa. Sách Văn Tự Điển nói rằng: nước các con sông lớn nhỏ đều dâng cao

chảy xiết. Chữ viết từ bộ thủy thanh bao. Chữ bạo sách Thuyết Văn cho rằng: từ bộ nhựt đến bộ xuất đến bộ phong đến chữ nô. Bốn kinh viết chữ bạo này là văn thường hay dùng, âm nô. Ngược lại âm câu bệ, âm thảo, ngược lại âm đao.

Kiên ngạch:.. Ngược lại âm ngạch hạnh. Quảng Nhã cho rằng: ngạch kiên là bền chắc. Tự Thư cho rằng: nhà lao. Chữ viết từ bộ cánh thanh cánh. Khảo Thanh cho rằng viết chữ ngạch này cũng đồng bốn kinh viết từ bộ ngang viết chữ ngạch đúng chữ cổ.

KINH BẢO TRINH ĐÀ-LA-NI QUYỂN 6

Quỹ ngôn:.. Ngược lại âm trên là qui hủy. Cổ Dã Vương cho rằng: quỹ là dối trá, quỹ quyết, mưu gạt, giống như là kỳ quái. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: Tô Tần lấy một năm quỹ kế để tạo một niềm tin. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ngôn thanh nguy.

Thô quáng:.. Ngược lại âm trên là Thương ô. Cổ Dã Vương cho rằng: thô là không tốt. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: thô cũng giống như sơ, sơ sai, thô sơ. Quảng Nhã cho rằng: lớn. Sách Thuyết Văn cho rằng viết chữ thô, gọi là vượt đi quá xa, từ ba bộ lộc là chữ đúng. Ngược lại âm dưới là quang mãnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: quáng là thóc lúa, có gai nhọn lúa mì, chữ viết từ bộ hòa thanh quáng.

Việt phủ:.. Ngược lại âm trên là viên nguyệt. Cổ Dã Vương cho rằng: người xưa lấy dùng cái búa lớn để giết

người. Tư pháp đòi nhà Hạ dùng cái búa đen, nhà Ân dùng cái trắng, nhà Chu dùng cây gậy vàng, nói cái búa đó. Sách Thuyết Văn cho rằng viết từ bộ mâu. Lại cho rằng cái búa lớn, cũng viết từ bộ quyết thanh qua. Bồn kinh viết từ bộ kim viết thành chữ việt, chữ thời nay cũng thông dụng.

Hôn muộn:.. Ngược lại âm trên là hốt ôn. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: hôn loạn, lẫn lộn. Trịnh Tiên chú giải Mao Thi Truyện rằng: hôn là người không biết chi hết. Sách Thuyết Văn cho rằng: hôn là không hiểu rõ, chữ viết từ bộ tâm thanh hôn, âm liệu là âm liêu.

Xú lạn:.. Ngược lại âm trên là xương chú. Sách Thuyết Văn cho rằng: loài cầm thú chạy đi xa ngửi dấu chân mà biết đường trở về nhà đó là loài chó. Chữ viết từ bộ đến bộ tự, tự là chữ cổ. Nay viết chữ tự, chữ tượng hình. Nay vẫn thường dùng viết từ bộ tử viết thành chữ tự là chẳng phải. Ngược lại âm dưới là lan hạn. Sách Phương Ngôn cho rằng: lửa nấu chín như gọi là lạn. Sách Thuyết Văn cho rằng: lạn là chín nát như, chữ viết từ bộ hỏa thanh lan. Bồn kinh viết từ bộ nhục viết thành chữ lạn là sách viết sai.

Buộn thân:.. Ngược lại âm trên là phân muộn. Trong kinh Kim Quang Minh Tối Thắng Vương, đã giải thích nghĩa xong rồi.

Chu dương:.. Ngược lại âm chưởng hạnh. Sách Khảo Thanh cho rằng: đáng diêu sợ hãi, cũng gọi là lo sợ. Sách Thuyết Văn nói là không có chữ chứng này.

Khuyến lệ:.. Ngược lại âm lực chế. Sách Quốc ngữ

cho rằng: vua khuyến khích các Nho sĩ. Cố Dĩ Vương cho rằng: chữ cũng giống như chữ miễn nghĩa cố gắng hết sức. Chánh Tự xưa nay từ bộ lực thanh lệ.

KINH BẢO TRINH ĐÀ-LA-NI QUYỂN 7

Kháng hạn:.. Ngược lại âm trên là kang lảng. Sách Chu Dịch cho rằng: kháng là con rồng có chữ hồi là không may, Vương Bửu Dung chú giải rằng: kháng gọi là rất quá. Sách Thuyết Văn cho rằng: từ bộ đại nay lược chữ còn lại phần đầu, chữ tượng hình. Bốn kinh viết kháng văn thường hay dùng.

Thủy lao:.. Ngược lại âm lão hiệu. Bì Thương cho rằng: lão là chìm xuống. Sách Khảo Thanh cho rằng: nước ngập ruộng lúa non. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủy thanh lao.

Tạm thuận:.. Ngược lại âm trên là tạm lam. Giả Quỷ chú giải sách Quốc ngữ rằng: tạm là hoàn tất, tạm xong. Sách Thuyết Văn cho rằng: tạm là không lâu chữ viết từ bộ nhựt thanh trảm. Ngược lại âm dưới là luân nhuận. Sách Trang Tử cho rằng: suốt ngày nhìn mà con mắt không có nháy. Sách Lã Thị Xuân Thu cho rằng: muôn đời cũng như một cái nháy mắt. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ thuận gọi là mở mắt nháy. Chữ viết từ bộ mục thanh dần. Bốn kinh viết chữ thuận này cũng thông dụng văn thường hay dùng.

Cù lao:.. Ngược lại âm kỳ vu. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: cù lao là bệnh. Theo Hàn Thi Truyện cho rằng:

cù vất vả nhọc nhằn nhiều lần. Chánh Tự xưa nay viết từ bộ lực thanh cú. Ngược lại âm dưới là lão đao. Giả Quỷ chú giải sách Quốc ngữ rằng: là mệt mỏi. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: là bệnh, làm việc siêng năng lao động vất vả. Sách Thuyết Văn cho rằng: lao là quá mệt mỏi, bệnh nặng. Chữ viết từ bộ lực đến bộ dinh lược bớt chữ dinh từ chữ diêm âm diêm, âm mịch, ngược lại âm quý dinh, là người dùng sức lực để làm lao động.

Thương giác:.. Ngược lại âm giao hiếu. Sách Lễ Ký Nguyệt Lệnh cho rằng: trọng thu có đào cái hầm cát chứa vật báu. Sách Thuyết Văn cho rằng: cáo là cái hầm đào sâu dưới đất để cát chứa đồ vật, chữ viết từ bộ huyết thanh cát.

Can giá:.. Ngược lại âm giá xá. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: giá là cây mỏ quạ. Ở kinh đô nước Thục gọi là giặc cướp, có chỗ gọi là cây mía. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ Khảo Thanh giá.

Thương lẫm:.. Ngược lại âm lập cảm. Sách Chu Lễ cho rằng: lẫm là vị quan trông coi chính kho thóc lúa. Trịnh Huyền chú giải rằng: kho chứa gạo gọi là lẫm. Sách Chu Lễ cho rằng: triều đại vua Thuấn có lẫm kho gạo, cũng có trường học ở làng của Ngu Thị. Vua Ngu Thuấn rất hiếu thuận nên khiến cho mùa màng thanh mẫn. Lúa thóc đầy kho. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết đúng là chữ lẫm là kho chứa lúa có chỗ để trợ giúp, hoặc là tông miếu kho gạo chứa đầy, làm cái kho rất rộng chất chứa lúa đầy tới mặt lẫm. Gọi là lẫm, chữ viết từ bộ nhập đến chữ hồi, giống như trong cái nhà lớn có nhiều cửa sổ chữ viết từ bộ nghiễm viết thành chữ lẫm. Bốn kinh

viết lẫm này là chẳng phải.

Thuần nùng:.. Ngược lại âm trên là thuận luận. Sách Chu Dịch cho rằng: thuần là chất tinh túy. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: thuần là loại rượu mạnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: thuần là rượu không có pha nhạc. Chữ viết từ bộ dậu thanh thuần. Bốn kinh viết từ bộ thủy, viết chữ thuần này là sạch, chẳng phải nghĩa chữ thuần nùng. Ngược lại âm dưới là nữ long. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: là chất cam thúy béo đậm đặc. Sách Thuyết Văn cho rằng: nùng là rất dày đặc, nùng hậu. Chữ viết từ bộ dậu thanh nông. Bốn kinh viết từ bộ thủy viết thành chữ nùng là nghĩa lộ ra ngoài rất nhiều, cũng chẳng phải nghĩa chữ thuần nùng vậy.

KINH BẢO TRINH ĐÀ-LA-NI QUYỂN 8

Yểm đồ:.. Ngược lại là âm cô ngữ. Trong kinh Kim Quang Minh Tối Thắng Vương đã giải thích nghĩa rồi.

Trữ khí:.. Ngược lại âm trên là chữ lữ. Cổ Dã Vương cho rằng: trữ là đồ đựng chứa. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: trữ là dụng cụ để chứa. Sách Thuyết Văn cho rằng: chứa. Chữ viết từ bộ bồi thanh trữ.

Đỉnh đài:.. Ngược lại âm đương ái. Sách Tục Thư cho rằng: ở trên đầu gọi là đội, mang, cũng gọi là đưa lên đầu. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: hân hoan vâng mệnh đội tràng hoa trên đầu. Lưu Hy cho rằng: người đội tràng hoa ngẩng lên đầu mà nhìn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ dị thanh tai, âm tai

là âm tai.

Tán hịch:.. Ngược lại âm hình kích. Cố Dĩ Vương cho rằng: hịch là lời văn kêu gọi ngày xưa, có tội là trách phạt, hoặc là làm môi giới, mà viết ra cho người ta hiểu. Thí dụ như xưa sách viết lời hịch của trăm họ. Hán Thư cho rằng: có thể truyền lời hịch ra ngàn dặm, định là như vậy. Giải thích tên gọi là hịch đó gọi khuyến khích các vị quan cấp dưới, nghinh tiếp văn thư lời hịch của cấp trên. Hoặc là viết vào cây trượng hoặc viết vào thẻ tre dài chừng một thước hai tấc. Chỗ viết nhỏ hơn, gọi là văn thư kêu gọi để truyền đi. sách Thuyết Văn cho rằng: thẻ tre viết hịch dài hai thước. Chữ viết từ bộ hòa thanh kích. Trong bốn kinh viết chữ hịch này là văn thường hay dùng âm kích là âm kích.

KINH BẢO TRINH ĐÀ-LA-NI QUYỂN 9

Gian giáo:.. Ngược lại âm trên là giản nhan. Trong kinh Kim Quang Minh Tối Thắng Vương đã giải thích nghĩa đầy đủ rồi. Ngược lại âm dưới là giao giáo. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: giáo hoạt, đối trá, xảo trá. Sách Thuyết Văn viết từ bộ khuyến, thanh giao.

Tứ cầu:.. Ngược lại âm ty thứ. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: đồng cũng giống như theo dõi xem xét, nhìn ngó. Cố Dĩ Vương cho rằng: tứ cũng giống như hầu hạ phục dịch. Sách Phương Ngôn cho rằng: nhìn ngó từ sông ở phía bắc giám sát đến tận cùng gọi là tứ, Thế Tôn cho rằng: hai người cùng nhau hầu hạ, phục dịch

cho nhau. Chánh

Tự xưa nay viết từ bộ nhờn thanh tư.

Não súc:.. Ngược lại âm sở lục. Theo sách Hàn Thi Truyện cho rằng: súc liễm, co rút lại, thu lại. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: súc là thối lui. Tống Trung chú giải kinh Đại Huyền rằng: súc là dừng lại. Sách Thuyết Văn cho rằng: súc là loạn, chữ viết từ bộ mịch thanh túc.

Quyện súc:.. Ngược lại âm trên là quỳ viên. Bì Thương cho rằng: quyện là chân cong lại không có thẳng. Chánh Tự xưa nay cho rằng: chữ viết từ bộ túc thanh quyiễn. Trong bốn kinh viết từ bộ thủ viết thành chữ quyện, nghĩa lấy thế dùng sức mạnh chẳng phải nghĩa của chữ quyện súc vậy.

Dũng phát:.. Ngược lại âm trên là dung tủng. Lưu Triệu cho rằng: dũng là trào ra. Cổ Dã Vương cho rằng: sóng nước trào dâng lên. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủy thanh dũng, âm đồng với âm trên. Ngược lại âm dưới là phi vị. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: nước trăm sông dâng trào lên. Cổ Dã Vương cho rằng: phát là sóng nước dâng trào, giống như nước sôi. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết tâm bộ thủy thanh phát.

KINH BẢO TRINH ĐÀ-LA-NI QUYỂN 10

Nhĩ hầu:.. Ngược lại âm trên là nhị ty. Ngược lại âm dưới là hậu câu. Sách Hán Thư gọi là con khỉ chịu ơn. Sách Thuyết Văn cho rằng: loài vượn. Loại cầm thú này

rất có nhiều nghĩa. Trong kinh Kim Quang Minh đã giải thích rồi, âm ưu ngược lại âm nô đao. (1431)

Tiên giới:.. Ngược lại âm trên là tiên tiển. Theo Tả Truyện cho rằng: trên da không có lông gọi là tiên giới. Tự Thư cho rằng: tiên là loại bệnh phong ngứa. Sách Thuyết Văn cho rằng: mụn ghẻ khô. Chữ viết từ bộ tật thanh tiên. Ngược lại âm dưới giai mãi. Sách Chu Lễ cho rằng: vào mùa hè có chứng bệnh ghẻ lở. Sách Thuyết Văn cho rằng: bệnh ghẻ hoành hành. Chữ viết từ bộ tật thanh giới, âm giới cùng với âm giới này cũng đồng.

Khái thấu:.. Ngược lại âm trên là khai ái. Sách Nguyệt Lĩnh cho rằng: trong nước có nhiều bệnh phong ho. Cổ Dã Vương cho rằng: khái cũng giống như chữ thấu, nghĩa là bệnh ho. Sách Thuyết Văn cho rằng:

khái là cái hơi đi ngược, chữ viết từ bộ khiếm thanh khái. Ngược lại âm dưới là tô tấu. Sách Chu Lễ cho rằng: mùa đông có chứng bệnh ho. Sách Khảo Thanh cho rằng: hơi đi ngược lên hết hầu. Chánh Tự xưa nay viết từ bộ khẩu, thanh thấu âm thấu đồng với âm trên.

Hy di:.. Ngược lại âm trên là hỷ kỳ. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: là ánh lửa chiếu sáng rõ ràng. Theo Hàn Thi truyện cho rằng: hy là cung kính. Không An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: hy là tốt đẹp. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hỏa thanh hy, âm hy đồng với âm trên. Ngược lại âm dưới là dĩ chi. Trong quyển thứ nhất đã giải thích nghĩa rồi.

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM QUYỂN 1

Huyền Ứng soạn âm.

(Trước đã dịch sáu mươi quyển)

Ma-kiệt-đề: hoặc là gọi ma-kiệt-đà, cũng nói là mặc-kệ-đà. Lại cũng viết là ma-già-đà, đều là Phạn âm chuyển đọc sai. Nói cho đúng là ma-yết-đà. Đây dịch là nước Thiện Thắng, hoặc gọi là nước không nào hại, hoặc nói là tên ma-già-tinh. Đây nói là không có xấu ác, trụ mười hai ngày. Đà đó là chỗ nơi ở. Tên là nước, chỗ ở không có việc xấu ác. Cũng tên là "Tinh xứ quốc" âm yết ngược lại âm cự yết.

Hoa mạn: tiếng Phạn nói ma-la. Đây dịch là mạn âm. theo nước Tây Thiên Trúc kết hoa làm mạn sư, phần nhiều dùng hoa tô mạn na, kết làm tràng hoa làm trang sức, không cần phải nói dù cho nam nữ sang hèn đều lấy hoa này dùng làm trang nghiêm đội trên đầu, hoặc mang trên người, cho rằng làm trang sức đẹp. Trong các kinh có nói đến hoa mạn xứ thiên, hoa báu mạn v.v... cũng đồng như đây đã nói. Thể chữ từ âm tiêu, ngược lại là âm sở vi, âm biên, là âm biên ngược lại âm di nhiên. Trong kinh văn viết biên là chẳng phải thể chữ.

Du-ma: Tự Thư cho rằng: viết chữ du này cũng đồng:.. Ngược lại âm du-câu. Lâm Tự cho rằng: du là vượt qua. Quảng Nhã cho rằng: đo lường. Nói rằng: ma-ni đó là sai. Nói cho đúng là mặc-ni. Gọi là tên chung của hạt châu báu vậy.

Quái ngại: sách Văn Tự Tập Lược viết: chữ quái

cũng đồng, ngược lại âm hồ quái. Gọi là lưới vông làm trở ngại. Dưới văn cổ viết chu ngại này cũng đồng, ngược lại âm ngữ đại. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngại là dừng lại. Lại cũng viết chữ ngại này. Quách Phác cho rằng: chữ ngại này là văn cổ. Sách Thuyết Văn cho rằng: ngại này là bên ngoài đóng cửa. Trong kinh văn ngại ngược lại âm đô lạc. Theo sách Vệ Hoảng, Định Chiêu là văn cổ. Tự Thư cho rằng: chữ ngại được hai thể chữ đồng thể. Sách Thuyết Văn cho rằng: lấy được cả hai thể chữ. Sách Thượng Thư ghi rằng: Ngải Cao Tông nằm mộng nó là chẳng phải nghĩa này.

Lô-xá-na: hoặc gọi là lô-giá-na, hoặc gọi là lô chiết. Đây dịch là chiếu sáng, cũng gọi là biến chiếu, chiếu khắp nơi. Lấy Phật Báo Thân tịnh sắc mà biến khắp pháp giới, cho nên gọi là đèn nhật nguyệt chiếu sáng khắp tất cả chỗ nên gọi là lô-xá-na là nghĩa này vậy.

Hồi phục: Lại cũng viết hồi phục nay hai chữ tượng hình cũng

đồng. Ngược lại âm hồ hoài phò phúc, hai âm. Thiên Thương Hiệt cho rằng: hồi là nước chảy xiết, phúc là nơi nước sâu.

Si cổ: Ngược lại âm công hộ. Tam Thương cho rằng: không có con mắt gọi là cổ. Giải thích tên gọi là cổ đó con mắt nhắm lại như ngủ. Nhưng mà con mắt bằng phẳng như da trống nên gọi người mù.

Đao sát: Lại viết chữ sát này cũng đồng âm sát. Tiếng Phạn nói là thiện-đa-la. Đây dịch là điền thổ. Trong kinh hoặc nói là quốc, hoặc gọi là thổ đó đều đồng một nghĩa hoặc viết là sát độ đó còn giữ lại hai âm. Tức

là Sát-đế-lợi, lợi tên người chủ giữ điền ruộng, cũng vậy. Theo chữ sát trong sách không có chữ này. Tức là chữ lợi viết lược âm lợi ngược lại âm nhất tên là phù đồ. Sát đó là sai, nên nói lạc sắc để âm lạc ngược lại âm lực hạt. Đây dịch là can nhơn. Lấy tên là chư đại là sát chữ. Lấy nghĩa là an Phật tháp đồng nghĩa thổ điền, cho nên gọi sát. Lấy theo tên nước Tây Trúc kia tháp can đầu an xá lợi vậy.

Thư hoại:.. Ngược lại âm tài dữ. Tam Thương cho rằng: thư là từ hư hoại. Trong kinh văn viết trở ngược lại âm trắc lữ. Gọi là dụng cụ đồ chứa đựng. Một gọi là sắp bày nhục cơ, chữ trở chẳng phải nghĩa đây dùng.

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM QUYỂN 2

An trĩ: Chữ cổ. Văn cổ viết trĩ, nay viết chữ trĩ cũng đồng. Ngược lại âm trực nhĩ. Quảng Nhã cho rằng: trĩ là dừng lại. Cũng gọi là bình, đình tức nhiên là riêng đứng sừng sững, cao sừng sững.

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM QUYỂN 3

Lan thuần: Lại cũng viết chữ lan này cũng đồng ngược lại âm lực hàn. Ngược lại âm dưới là thực duẩn. Sách Thuyết Văn cho rằng: lan can song cửa. Văn thông dụng gọi là chuồng nuôi thú, gọi là thuần đó. Vương Dật

chú giải sách Sở Từ rằng: thanh gác dọc gọi là hạm. Thanh gác ngang gọi là thuần. Sách Gian Từ cho rằng: thành lan can an trí trên

cung điện dùng để trang sức cũng gọi là ngăn ngừa trên cao rơi xuống. Nay nói là câu lan, móc lan can nối nhau vậy.

Quần nhau: Văn cổ viết chữ manh này cũng đồng. Ngược lại âm mạch canh, gọi là manh nha, nảy mầm. Quảng Nhã cho rằng: bắt đầu nảy mầm. Theo chữ manh đó có nghĩa là mờ tối, nói rộng ra là người không biết gì.

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM QUYỂN 4

Hoán Minh: Tự Thư cho rằng: cũng viết chữ hoán này cũng đồng. Ngược lại âm hô hoán. Chữ hoán gọi là sáng suốt cũng gọi là quang minh.

Kỳ phan: . Ngược lại âm cực kỳ. Giải thích tên gọi là: hùng hổ kéo đến gọi là kỳ, là quân tướng kéo cò râm rộ đến. Giống như là con mãnh hổ. Cùng với các chữ kỳ kỳ văn sau giải thích.

Hài nhã: . Ngược lại âm hô giai. Gọi là hài hòa, cũng gọi là nhàn nhã, chứa âm thanh hòa nhã.

Liêu quán: . Ngược lại âm lực nhiều. Lại viết chữ hai thể chữ cũng đồng. Thiên Thương Hiệt cho rằng: liêu là cửa sổ nhỏ để nhìn ra. Trong kinh văn viết từ bộ thủ viết thành chữ liêu, hoặc viết từ bộ mộc viết thành chữ liêu hai thể chữ tượng hình này chẳng phải nghĩa đây dùng

vậy.

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM QUYỂN 5

Chúng hữu:. Ngược lại âm vu cứu. Trong kinh xưa phần nhiều nói là chúng hữu đó nghĩa là có nhiều phúc. Nay phần nhiều nói là Thế Tôn, đó là chỗ tôn kính của đời. Đây phải tùy theo nghĩa mà gọi vậy.

Cừu đối:. Ngược lại âm cự ngư, cừu là oán. Sách Tam Thương cho rằng: oán cừu gặp nhau gọi là cừu, cũng gọi là vợ chồng. Quảng Nhã cho rằng: cừu là ác.

Phần độc:. Ngược lại âm phò phân. Sách Phương Ngôn cho rằng:

phần giận tràn ngập, cũng gọi là khí giận bốc lên tràn ngập, cũng gọi là tình cảm dâng cao.

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM QUYỂN 6

Kinh hã:. Ngược lại âm hồ giới. Thiên Thương Hiệt cho rằng: hã cũng giống như chữ kinh. Quảng Nhã cho rằng: là sợ hãi nhảy chồm lên.

Danh át: Văn cổ viết chữ át này cũng đồng. Ngược lại âm an khác. Thiên Thương Hiệt giải thích rằng: át là che lấp, dừng lại, lẩn át.

Ế mục: Sách Vận Anh tập viết chữ ế này cũng đồng. Ngược lại âm ư kế. Gọi là con mắt bị bệnh. Sách Thuyết

Văn cho rằng: con mắt bị bệnh nên sanh ra che mờ. Trong kinh văn viết có viết chữ này nghĩa là bóng râm, mà có gió gọi là ế chung, chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

Cô quỳnh: văn cổ viết chữ quỳnh lão, hai thể hình đều đồng. Ngược lại âm cự doanh. Không cha gọi là cô, không con gọi là độc, không anh em gọi là quỳnh. Quỳnh là đơn độc, quỳnh quỳnh là có chỗ nương nhờ, chữ viết từ bộ tán đến quỳnh. Thanh tĩnh âm tán ngược lại âm tuy nhuận.

Tỳ-lam:.. Ngược lại âm lực hàm, hoặc là viết tỳ-lam, hoặc gọi là phệ-lam, hoặc viết là tùy-lam, hoặc nói là toàn lam, đều là tiếng Phạn, chuyển đọc. Đây dịch là gió dữ dội, cuồng phong nổi dậy.

Lung hội: Văn cổ viết chữ hai chữ hội tượng hình cũng đồng. Nay lại viết chữ hội này lại cũng viết chữ hội cũng đồng. Ngược lại âm ngư khoái. Sách Quốc ngữ cho rằng: hội là không có thể nghe được tiếng. Giả Quỳ cho rằng: khi sinh ra đã là không nghe được gọi là hội tức là điếc. Cũng gọi là người ngu muội không biết gì gọi là hội. Trong kinh văn viết từ bộ nhục viết thành chữ hội, ngược lại âm hồ đối, chữ hội nghĩa là mập béo phì, chẳng phải nghĩa của kinh vậy.

Phệ chư:.. Ngược lại âm thời chế. Tam Thương cho rằng: phệ là cắn. Tự Lâm cho rằng: phệ là ăn, âm đàm ngược lại là âm đồ cảm.

Địch uế:.. Ngược lại âm đồ đích. Sách Thuyết Văn cho rằng: địch là rượu, cũng gọi là trừ bỏ, gọi là dùng rượu tẩy trừ đi cấu uế.

Quán chương:.. Ngược lại âm công viện. Sách

Thuyết Văn cho rằng: quán là rửa tay. Cũng gọi là tắm rửa, giặt giũ đồ vật đều gọi là quán. Thể chữ từ bộ thủ, bộ cửu, bộ thủy đến bộ mãnh. Âm cửu ngược lại âm cư lục. Trong kinh văn lại viết từ bộ thủy viết thành chữ quán này là chẳng phải.

Phát chỉ: Âm chỉ. Tự Lâm cho rằng: chỉ là ngón chân. Giải thích tên gọi là: bước tới một bước dừng một bước. Vậy nên gọi là tên vậy.

Viên phó: Ngược lại âm bồ bồ hai âm. Thiên Thương Hiệt giải thích văn cổ cho rằng: vườn trồng cây gọi là viên, vườn trồng rau quả gọi là phó.

Ai mạo: Thể chữ viết ai này cũng đồng. Ngược lại âm sở quy. Sách Thuyết Văn cho rằng: suy giảm, cũng gọi là hao tổn. Sách Lễ Ký cho rằng: bắt đầu năm mươi tuổi là suy giảm, giải đãi, trì trệ. Dưới là văn cổ, chữ hào mạo hai chữ tượng hình. Nay viết chữ hao cũng đồng, ngược lại âm mạc báo. Tám mươi tuổi gọi là hào mạo, là mê muội lắm cảm hay quên, cũng gọi là loạn.

Giáp trụ: Văn cổ viết chữ trụ cũng đồng. Ngược lại âm trừ cứu. Quảng Nhã cho rằng: là mũ trụ dùng khi ra trận đánh giặc. Trung Quốc gọi đây là đê mâu, người Giang nam dùng. Đây là âm đê, đê mâu, ngược lại âm mạc hậu.

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM QUYỂN 7

Bát phạm: Tám loại Phạm âm. Trong kinh An Thập

Trụ đoạn kết nói rằng: một là âm bất nam, hai là âm bất nữ, ba là âm bất cường, bốn là âm bất huyền, năm là âm bất thanh, sáu là âm bất trọc, bảy là âm bất hùng, tám là âm bất thư.

Bác tông:.. Ngược lại âm tử tinh. Tổng là thói quen. Tam Thương giải thích rằng: tông là sửa chữa lỗi sai, sợi chỉ ngang cũng gọi là sợi chỉ viền mối, đầu mối của sợi chỉ.

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM QUYỂN 8

Cản bán: Văn cổ viết hai chữ cản tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm cự ản. Cản là liệt kém, cản cũng giống chữ tiện là thấp hèn.

Đỉnh quang:.. Ngược lại âm đình kính. Lại cũng là âm điện, tức đốt đèn cho Phật.

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM QUYỂN 9

Hồn trọc:.. Ngược lại âm hậu côn, hậu côn, hồn nghĩa là loạn. Một gọi là ao nước bắn, âm ô ngược lại âm nhất hồ.

Cổ miến:.. Ngược lại âm miên kiến. Sách Thuyết Văn cho rằng: liếc nhìn nghiêng. Sách Phương Ngôn cho rằng: giữa Tần và Tấn ngó liếc với nhau gọi là miến.

- Quyển 10, 11, hai quyển trên đều không có âm đề

giải thích.

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM QUYỂN 12

Huệ thí: Ngược lại âm hồ giai. Sách Chu Lễ cho rằng: thí là người chịu ơn. Trịnh Huyền cho rằng: được ban cho y thực vật báu gọi là chịu ơn huệ. Sách Mạnh Tử cho rằng: phân chia cho người tài vật gọi là ơn huệ.

Bần lũ: Ngược lại âm huyên cú. Thiên Thương Hiệt cho rằng: không có tài vật gọi là bần, không có tài vật không có dự bị lễ nghi gọi là lũ. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: lũ là không có lễ nghi. Tục Thư cho rằng: lũ là không tất cả, nghèo nàn, lam lũ.

Phước già: Trong kinh luận hoặc viết là phu-già-la, hoặc viết phú-trì-già-da. Xưa nên dịch là bồ-trì-già-la. Đây dịch là số thủ thú.

Thị hộ: Văn cổ viết là hy cũng đồng. Ngược lại âm thời chỉ. Ngược lại âm dưới là hồ cổ. Gọi là cật thế mạnh. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: là chỗ nương nhờ.

Yêu diễm: lại viết chữ yêu này cũng đồng. Ngược lại âm ư kiêu. Tam Thương cho rằng: là yêu tinh. Dưới lại viết chữ diễm này cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm dư thiềm, diễm là đẹp. Sách Phương Ngôn cho rằng: giữa Tần và Tấn gọi là đẹp, sắc đẹp là diễm. (T432).

NGHIÊM QUYỀN 13

Ma-thố:. Ngược lại âm nô hầu. Đúng Phạn âm gọi là ma-nô-mạt-da. Đây dịch là ý sanh thân. Nói rằng các chư thiên từ ma hóa sanh ra.

Bất tuần:.. Ngược lại âm tuần tuấn. Sách Thượng Thư cho rằng: tuần là mưu đồ tài sắc chẳng kể mạng sống. Lại chú giải rằng: tuần là mong cầu, cũng gọi là ham danh, không kể đến mạng sống.

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM QUYỀN 14

Lục thân: Sách Hán Thư cho rằng: tôn thờ lục thân. Ứng Triệu cho rằng: lục thân đó là cha mẹ, anh em, vợ con, Thiên Thương Hiệt cho rằng: thân là chỗ nương nhờ, tương thân, tương ái cùng nhau.

Vũ mạn:.. Ngược lại âm vong bỏ: Quảng Nhã cho rằng: vũ là khinh thường. Sách Thuyết Văn cho rằng: vũ là làm cho thương tổn.

Đệ tương:.. Ngược lại âm đồ lễ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: đệ là thay phiên nhau cũng gọi là trao đổi qua lại với nhau, âm diệt, ngược lại âm đồ kiết.

Chân soạn: lại viết soạn này cũng đồng. Ngược lại âm sĩ truyền.

Sách Thuyết Văn cho rằng: soạn là thức ăn uống đầy đủ.

Lão mại:.. Ngược lại âm mạc giới. Sách Thuyết Văn cho rằng: mại là đi xa. Quảng Nhã cho rằng: mại là đi xa

trở về.

- Quyển 15 không có chữ cần phải giải thích.

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM QUYỂN 16

Ôc tiêu:.. Ngược lại âm ô mộc. Ca Diên cho rằng: ôc tiêu đó là sự sống chết không có giới hạn. Theo Quách Phác chú giải sách Giang Phú rằng: ngoài biển Đông lớn có nguồn nước là chỗ phun nước trào dâng lên không ngừng nghỉ.

- Quyển 17 không có âm chữ giải thích.

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM QUYỂN 18

Tương thấu:.. Ngược lại âm khốc hậu. Sách Luận Ngữ cho rằng: dùng gậy mà đánh trên cẳng của người. Lại chú giải rằng: khâu là đánh gõ.

Lục lưu:.. Ngược lại âm lục chu. Văn thông dụng cho rằng: có một khối u gọi là lưu. Tam Thương cho rằng: lưu là mặt sung nhỏ, cái đuôi tức là không có khối u. Trong kinh văn viết chữ lưu là chẳng phải, âm diệt ngược lại âm đồ kiết.

Hoặc di:.. Ngược lại âm dư quý. Quảng Nhã cho rằng: di là giao cho, cũng gọi là dâng thức ăn, tặng cho của cải. Trong kinh văn viết từ bộ bồi, viết thành chữ di.

Quan văn:.. Ngược lại âm mi biện. Thế Bồn cho rằng:

Hoàng đế viết chữ văn này gọi là đại phu, dùng đội trên mũ.

Tiêu nha:.. Ngược lại âm tiêu ể. Thiên Thương Hiệt cho rằng: tiêu là nhai trong miệng. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiêu là nhai, chữ viết từ bộ khẩu thanh tiêu.

- Quyền thứ mười chín, không có âm để giải thích.

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM QUYỀN 20

Thất nhẫn:.. Ngược lại âm như chấn. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhẫn gọi là cánh tay duỗi ra là một thước. Sách Luận ngữ cho rằng: trên vách tường của Phu tử có khắc nhiều chữ nhẫn. Bao hàm chú giải rằng: bảy thước gọi là một nhẫn. Nay đều viết chữ nhẫn này.

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM QUYỀN 21

Thiên đầu:.. Ngược lại âm thị chiến. Âm Phạn gọi là thiên đầu, hoặc gọi là thiện đô. Đây dịch là chúng sanh.

- Quyền 22, 23, 24, 25 bốn quyền trước đều không có chữ khó nên không dùng âm giải thích.

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA

NGHIÊM QUYỀN 26

Lung hạm:.. Ngược lại âm lực đông. Ngược lại âm dưới hồ cảm.

Tam Thương cho rằng: lang là cái chuồng nuôi gia súc.

Môn mạc:.. Ngược lại âm mạc bồn, mạc bồn. Chữ môn cũng giống như chữ mạc, gọi là cầm lấy nắm giữ.

Thiêm giai:.. Ngược lại âm thả liêm. Thiêm là bao hàm. Sách Tiểu Nhĩ Thất cho rằng: thiêm là đồng đều, đồng ý.

Thuần thân: Văn cổ viết chữ thuần này cũng đồng. Ngược lại âm tợ tuần. Tam Thương cho rằng: thuần là biến khắp, thuần cũng gọi là tuần, trải qua tuần tra.

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM QUYỀN 27

Cổ độc:.. Ngược lại âm công hộ. Sách Thuyết Văn cho rằng: cổ là trong bụng có chất độc, gọi là loài côn trùng có chất độc. Trong kinh văn viết từ bộ trùng viết chữ cổ này, âm cổ. Ngược lại âm hồ cổ gọi là lâu cổ con đẻ mèn. Huệ cổ một loại côn trùng có hại, giống như con ve. Chữ cổ này chẳng phải nghĩa trong kinh vậy.

Ký quán: Âm trên là ký, âm dưới là quán. Sách Thuyết Văn cho rằng: ký quán là tưới nước.

Nê lạo: Âm lão. Sách Thuyết Văn cho rằng: nước mưa, gọi là nước mưa đọng lại làm cho tràn ngập dơ ứ.

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM QUYỀN 28

Mật tích: Nên biết ba đời chư Phật đều chứa công đức sâu dày. Theo bốn tiếng Phạn thì không có nghĩa chữ tích này, nên dùng chữ thị tích nghĩa là thần thông. Người dịch nghĩa kinh đều gọi là tên vậy.

Nhuyễn trung: Ngược lại âm nhi sung, tiếng Phạn gọi là vượt sự chìm đắm. Đây gọi là nhuyễn. Tam Thương cho rằng: nhuyễn là mềm mại dịu dàng, mềm yếu.

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM QUYỀN 29

Bào thai: Ngược lại âm bồ giao. Sách Thuyết Văn cho rằng: bào là đứa con ở trong bào thai. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: đang nuôi dưỡng bào thai.

Khả lê: Ngược lại âm thi tả. Ứng Triệu cho rằng: khả địa la. Đây dịch là khả là chỗ đất trồng. Địa là phá thai, gọi là phá núi hư không.

Do càn: Ngược lại âm cự yên. Kinh Hỏa Luận viết kiền đà la sơn.

Đây dịch là do kiền, đó là song đà la ni, gọi là núi Song trì.

- Quyển 30, 31, 32 ba quyển trước đều không có chữ khó và âm tương đối có thể giải thích.

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM QUYỂN 33

Huyền hoặc: văn cổ viết hai chữ huyền tượng hình đều đồng nghĩa. Ngược lại âm hậu biến. Tư Lâm cho rằng: huyền là loạn. Sách Hán Thư cho rằng: chỉ thấy một màu đen, âm lê ngược lại âm điều chi. Sách Thiện Quốc cho rằng: huyền là theo, cũng gọi là huyền hóa âm can, ngược lại âm cư ngôn.

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM QUYỂN 34

Ngân ngược:.. Ngược lại âm ngư cân. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái lợi răng. Chữ ngược lại cũng viết nghịch hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm ngũ các, gọi là nướu răng, lợi răng, trên dưới đều thịt. Tóm lại hai chữ ngân ngược là tranh cãi nhau nên để lộ lợi răng ra ngoài.

Y-ni-diên: Hoặc gọi là yên-ni-diên đều sai. Nói cho đúng là lệ-ni-diện. Đây tên là lộc vương, âm yên, ngược lại âm ô hiền, âm lệ ngược lại âm ô hề.

- Quyển 35, 36 hai quyển trên đều không có chữ khó và không có âm có thể giải thích.

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM QUYỀN 37

Lưỡng tịch:.. Ngược lại âm bề diệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: tịch mở cánh cửa. Trong kinh văn có viết chữ tích. Ngược lại âm thất xích. Chữ tích này nghĩa trốn tránh nơi hẻo lánh. Lại cũng viết chữ tích này, ngược lại âm tỳ diệt. Chữ tích này là phương pháp, sửa chữa. Chữ tích này chẳng phải nghĩa của kinh.

- Quyền 38, 39 hai quyền đều không có âm khó, có thể giải thích.

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM QUYỀN 40

Tịch thảo: ngược lại âm thứ dạ. Theo chữ tịch cũng giống như chữ tiên. Giải thích tên gọi là tiên tịch đó là loại cỏ cho thú vật ăn, cũng gọi là ruộng tự thân cày cấy.

Hoặc cấp:.. Ngược lại âm ký cấp. Sách Lễ Ký cho rằng: cấp là thứ bậc, thêm sách Tả Truyện cho rằng: chém đầu hai mươi hai cấp bậc quan. Theo sách Sư đoàn cho rằng: chém đầu một người để ban tặng chức tước thăng lên một cấp bậc. Bởi vậy cho rằng: chém đầu một tên cướp để được thăng lên một cấp vậy.

- Quyền 41, 42 hai quyền đều không có âm khó, có thể giải thích.

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA

NGHIÊM QUYỀN 43

Tội hán:.. Ngược lại âm hy chán. Gọi là hán tức gây tội, cũng là hiềm khích tranh chấp, cũng gọi là viên ngọc có tỳ vết. Chữ viết từ bộ đậu thanh phân.

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM QUYỀN 44

Chú pháp:.. Ngược lại âm chu thú. Lại cũng là âm chỉ cú, gọi là mưa thuận mùa, đúng thời tiết, nên trăm loại ngũ cốc đều đơm nhuần, sanh trưởng tươi tốt.

Bái thự:.. Ngược lại âm thời dự. Gọi là chức vị, cũng gọi là sắp bày cung kính ngôi vị.

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM QUYỀN 45

Đạt sản:.. Ngược lại âm sai cần. Theo luận Tôn Bà Tu Mật cũng viết chữ thiện sản. Đây dịch là tài thí. Lại giải thích rằng pháp bố thí, tên gọi là đạt sản, là con đường dẫn đến phúc đức, cũng gọi là đạt. Lại nước Tây Vực ghi rằng: nói cho đúng là đạt sản nã. Hoặc nói là "Đà khí ni" nghĩa dùng tay mặt để thọ nhận vật thí của người khác là ý nói sanh ra phước đức cho nên theo đây mà gọi tên vậy.

- Quyền 46, 47 hai quyền trên đều không có âm để giải thích.

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM QUYỀN 48

Trì chiêu:.. Ngược lại âm chi nhiều. Sách Thuyết Văn cho rằng: chiêu là cái ao. Tiếng Phạn gọi là hạ-la-đà-niếp, nói là cái ao nước.

- Quyền 49 không có âm để giải thích.

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM QUYỀN 50

Thuyền bạch: Âm bạch. Bì Thương cho rằng: bạch là chiếc thuyền lớn, dài hai mươi trượng có thể chở sáu-bảy trăm người vậy.

Môn khôn: Lại viết khôn này cũng đồng. Ngược lại âm bốn. Tam Thương cho rằng: khô là cái cửa có giới hạn.

Tây-a:.. Ngược lại âm ư-hà. Theo Hàn Thi Truyện cho rằng: khúc kinh gọi là A, gọi là khe núi, chỗ ranh giới, giới hạn, chỗ hẹp.

Chu-la: tiếng Phạn. Đây dịch là vật báu nhỏ, gọi là kiết-do-la. Ứng Triệu gọi là: chi do hoàn bảo. Đây dịch là anh-lạc-di-kha-la. Ứng Triệu gọi là di-kha-la. Đây gọi là sợi dây thắt lưng bằng vàng.

Chu tiếp: Dịch nói: Cây có đầu nhọn của Hoàng đế gọi là tiếp, chữ thông tục. Văn nói mái chèo. Thích Danh nói tiếp là tiệp, rẽ nước để tàu chạy nhanh.

Nghi tự: Nhĩ Nhã nói nghi là biến khắp. Thuyết Văn

nói tự là thứ lớp.

- Quyển 51-52, 53 ba quyển trên không có chữ khó.

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM QUYỂN 54

Bang hạ: Sách cổ hoặc viết là, Nhĩ Nhã nói bang là biến phú.

Nham ngạc: Thuyết Văn nói nham là ngọn núi, cũng gọi là hiểm yếu. Ngạc nghĩa là núi trùng trùng điệp điệp, hình núi xếp như mái ngói.

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM QUYỂN 55

Linh ngữ: là tên nhà tù, Chu Lễ Tam Vương mới có nhà ngục. Quảng Nhã, Hạ nói là Hạ Đài Ân là Dạng. Chu nói Linh Ngữ đều là tên khác của tù ngục.

Bảng si: Tự Thư nói bảng là chèo thuyền. Si là đánh bằng roi.

Lưu di: Cũng gọi là các linh phong Tỳ-ni, hoặc gọi là lam. Ở đây gọi là giải thoát xứ, cũng gọi là đoạn, diệt, chánh gọi là lạnh phản vị. Hán gọi lam tức là tên Thủ Ty thời Thượng cổ nhân đó gọi là Viên-phạm-na, đây gọi là rừng.

Cù-di: hoặc gọi là Kiêu-đàm-di chính gọi là Kiêu-đạp-di, Hán gọi là Minh nữ.

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM QUYỂN 56

Văn diệt: Thanh Loại nói: văn là chìm hết, tiêu sạch.
 Tăng khoáng: Thuyết Văn gọi hội là lựa thêu.
 Uyên đính: Nước lặng đứng gọi là đính.
 - Quyển 57 Không có từ khó.

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM QUYỂN 58

Tuyên sanh: Tuyên là bày, văn kinh viết âm hoàn là dây thao đỏ, chẳng phải ý kinh.
 Ma-già-la-ngư: Cũng gọi là ma-kiệt-ngư, chính là nói Ma-già-la-ngư. Hán gọi là cá kình.
 Vô ách:
 - Quyển 59 - 60 Không có âm khó.

